

TRUNG PHONG TAM THỜI
HỆ NIỆM PHÁP SỰ
TOÀN TẬP GIẢNG KÝ
Quyển Hạ

中峰三時繫念法事
全集講記
卷下
(越語譯本)

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
淨空老法師講述
寶光寺弟子如和越譯

DẪN NHẬP

Lần đầu tiên mặt nhân được biết đến Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm là vào năm 2001 trong kỳ Phật Thất mùa Đông tại Tịnh Tông Học Hội Dallas. Do không biết tiếng Quan Thoại nên chúng tôi không nghe ra các âm thanh tụng niệm để theo kịp khóa niệm; nhờ đó, chúng tôi có dịp thông thả đọc từng trang Tam Thời Hệ Niệm và nhận thấy đây là một tác phẩm vô cùng quý giá cho Tịnh nghiệp hành nhân.

Thoạt nhìn, dễ hiểu lầm đây chỉ là một thứ khóa tụng nhằm hồi hướng cho các vong linh sau khi Phật thất viên mãn. Thế nhưng, càng đọc kỹ, càng thấy mỗi một lời khai thị trong bản pháp sư khoa nghi này đúng là kim chỉ nam cho người tu Tịnh Độ. Càng đọc, chúng tôi càng nhận thấy tư tưởng của Trung Phong quốc sư qua những lời khai thị hoàn toàn nhất quán với tư tưởng của lịch đại tổ sư Tịnh tông. Dường như, trong các trước tác, ngài Ngẫu Ích chịu ảnh hưởng của ngài Trung Phong rất nhiều, nhưng do kiến văn thô lậu, hữu hạn, chúng tôi không dám đoán chắc điều này. So với tác phẩm Tịnh Độ Sám Nguyện của ngài Tuân Thức, ý nghĩa, văn chương, khai thị, thứ tự tác pháp của Tam Thời Hệ Niệm đều vượt trội. Nhất là trong pháp sư này, đối tượng quy kính hoàn toàn chuyên nhất nơi Tây Phương Tam Thánh, không lẽ bái quá nhiều danh hiệu thập phương chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Tăng như trong Tịnh Độ Sám Nguyện, khiến tư tưởng “*nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng phát nguyện vãng sanh*” của Tịnh tông càng được củng cố mạnh mẽ, người hành trì cũng dễ chú tâm hơn.

Đã từ lâu mặt nhân mang tâm nguyện phiên âm, chuyển ngữ pháp sư khoa nghi này, nhưng đành bó tay vì văn chương của ngài Trung Phong quá cô đọng, hầu như không cách nào gượng dịch được. May mắn sao! Mùa Thu năm nay (2004), chúng tôi tìm được bản Giảng Ký về khoa nghi pháp sư này của lão pháp sư Tịnh Không trên trang nhà Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Xin trân trọng diễn nôm, với tâm nguyện giúp cho những hành nhân Tịnh tông có thêm tài liệu làm kim chỉ nam hòng củng cố chí thú nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng vãng sanh. Chúng tôi hoàn toàn tâm đắc lời Hòa Thượng Tịnh Không khai thị: Ngoài năm kinh một luận Tịnh Độ, mỗi hành nhân Tịnh Độ nên thường đọc đi đọc lại pháp sư này, tùy văn nhập quán để phần nào thể hội ý chỉ “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; để từ đó, sự lý viên dung, sự sự vô ngại, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật.

Dưới mỗi câu trong chánh văn trong pháp sư khoa nghi, chúng tôi

tạm dịch thành đôi dòng tiếng Việt để phô bày phần nào huyền nghĩa của chánh văn. Vì sức học quá hạn hẹp, thiếu hẳn văn tài, lời văn vụng về, thô kệch, què quặt, không thông suốt, chúng tôi không dám gọi đây là bản dịch, mà chỉ gọi là “bản chuyển ngữ”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi tự tiện đánh số chia khoa mục và đặt tiêu đề. Do nguyên cảo là một bản ghi chép trung thực lời Hòa Thượng giảng trong nhiều ngày, nên có những đoạn được Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại đôi ba lần. Khi chuyển ngữ, chúng tôi vẫn giữ nguyên như thế, không tinh lược, ngõ hầu người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Hòa Thượng.

Trong khi đang dịch nháp bài giảng này, chúng tôi thấy có những vị thiện tri thức khác cũng đang dịch băng giảng, nên chúng tôi đã bỏ dở, không làm nữa, nhưng rồi nuôi tiếc, nên đành chuyển ngữ tiếp cho đến khi hoàn thành cảo bản vào cuối năm 2005. Do nghĩ bản chuyển ngữ này là việc làm dư thừa, coi như một tài liệu chỉ dành riêng cho chính mình học hiểu Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, chúng tôi giữ nguyên hình thức mộc mạc, trúc trắc của nó để đăng tải trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải (niemphat.net), vì nghĩ sẽ chẳng ai bận tâm đọc nó sau khi đã có băng giảng được lưu hành. Cho tới cuối năm 2010, trong một cuộc điện đàm, sư huynh Đức Phong đã có nhã ý muốn ấn hành bài giảng này để giúp cho những đồng tu cao tuổi, khó thể đọc lâu trên Internet, có thể thuận tiện tra cứu khi cần thiết, dễ dàng đánh dấu chương nào, phần nào cần thiết để đọc đi đọc lại từng phần lời giảng, suy ngẫm hòng thấu hiểu để thực hành hạnh “tùy văn nhập quán” như lão pháp sư Tịnh Không đã ân cần chỉ dạy. Vâng lời từ huấn của sư huynh Đức Phong, chúng tôi tu chỉnh, điều chỉnh cách chấm câu chưa hợp lý, ghi thêm chánh văn tiếng Hán, diễn nôm một số từ ngữ Hán Việt không phổ biến, cũng như nhuận sắc cho lời văn đỡ thô vụng, què kệch hơn, cũng như sửa lỗi chánh tả. Dầu đã cố gắng hết sức, nhưng tài cùn, trí cạn, thiếu hẳn sự tu trì, kiến thức chấp vá, lơ mơ, chắc chắn sẽ có những sai sót không thể nào tha thứ được trong bản chuyển ngữ ngô nghê này, ngưỡng mong các liên hữu xa gần sẽ rộng lòng từ bi lân mẫn chỉ giáo, phủ chính.

Nếu việc làm liệu lĩnh này của chúng tôi có công đức nào thì xin hồi hướng công đức ấy lên bổn sư thượng Giải hạ Thắng, trụ trì chùa Bửu Quang quận 7, Sài Gòn, chư tổ sư hoàng truyền Tịnh tông Việt Nam và Trung Hoa, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, tông thân quyến thuộc, cũng như các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong luôn

nâng đỡ, khuyến khích chúng tôi mỗi khi “chân chùn, gối mỏi, ngã lòng, lười nhác”. Nguyên do công đức này, tất cả Tịnh nghiệp hành nhân trong cõi Sa Bà này và mười phương thế giới đều cùng được viên thành chí nguyện, cùng hội ngộ nơi Tây Phương Cực Lạc; tất cả chúng sanh trong mười phương nghiệp đạo đều thoát chốn u đồ, đồng sanh Tịnh Độ.

Trọng Đông năm 2010, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Quyển Hạ 中峰三時繫念法事全集講記卷下

淨空老法師主講

地點：澳州淨宗學會

寶光字弟子如和譯

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 31

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tây Phương trong phần Sáu Phương Chư Phật, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Như thị đẳng Hàng hà sa số chư Phật các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Hàng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các nơi

hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Trong đoạn này, đức Thế Tôn nêu danh hiệu của bảy vị Phật trong các thế giới ở phương Tây. Quý vị thấy trong hai phần trên đều là năm vị Phật, ở chỗ này đột nhiên lại kể tên bảy vị Phật. Trong pháp hội Di Đà, con số Bảy tượng trưng cho viên mãn, như trong phần trước chúng ta đã thấy “*thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, thất trùng lan thuẫn*” (bảy tầng lưới màn, bảy tầng hàng cây, bảy tầng lan can). “*Bảy*” ở đây không phải là con số mà hoàn toàn nhằm biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn. Con số Bảy biểu thị viên mãn vì bốn phương, trên, dưới, thêm vào chính giữa thì sẽ là viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm dùng con số Mười để biểu thị viên mãn, Mười là con số, từ một đến mười, đó là con số viên mãn. Từ mười đến một trăm, từ một trăm đến một ngàn đều nhằm biểu thị sự viên mãn. Kinh Di Đà dùng số Bảy để biểu thị viên mãn; chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ có bảy, có mười sáu, có hai mươi một, có hai trăm mười ức đều nhằm biểu thị sự viên mãn, đều chẳng thể hiểu chúng chỉ là những con số. Thế giới Cực Lạc ở phương Tây, cho nên liệt kê danh hiệu bảy vị Phật ở phương Tây.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật có phải là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Cũng có thể nói như vậy! Nhưng như trong phần trên đã nói, phương Tây có Hằng hà sa số chư Phật, trong số hết thấy chư Phật, có rất nhiều vị Phật đồng danh đồng hiệu. Dầu đồng danh đồng hiệu, nhưng Vô Lượng Thọ Phật của Tây Phương Cực Lạc thế giới được đặc biệt tôn kính, là do ý nghĩa nào? Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi, thế giới Cực Lạc không phải là một thế giới bình thường, mà là thế giới như thế nào? Giống như hết thấy chư Phật lập một ngôi trường ở đó, ngôi trường ấy là trường học của Phật, Bồ Tát. Hết thấy chư Phật giống như gia trưởng (người chủ trong gia đình), hết thấy chúng sanh giống như con cái; con cái muốn thành Phật, thành tựu trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn thì phải đến đó học. Vì thế, lập ra một ngôi trường như vậy!

A Di Đà Phật làm hiệu trưởng của ngôi trường ấy, Quán Âm và Thế Chí giống như chủ nhiệm giáo vụ, chủ nhiệm huấn đạo. Vị hiệu trưởng ấy được hết thấy các gia trưởng tôn kính. Chắc từ tỷ dụ này quý vị hiểu rõ vì sao không một vị Phật nào lại chẳng tôn kính, tán thán A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật có tôn trọng thì đệ tử chư Phật mới tôn trọng;

gia trưởng có tôn trọng thì con cái mới tôn trọng. Vì thế, chư Phật (gia trưởng) phải đứng ra nêu gương, dẫn Phật Phật đạo đồng, các vị Phật hoàn toàn bình đẳng, không có sai biệt, nhưng để biểu thị pháp, để giáo hóa chúng sanh nên hết thầy chư Phật đặc biệt tôn kính vị hiệu trưởng ấy. Đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong đoạn này, kinh văn liệt kê bảy đức Phật để biểu thị sự viên mãn.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Chúng ta thấy Vô Lượng Thọ là thọ mạng vô lượng. Thọ là một loại phước báo, người Hoa thường nói “*ngũ phước lâm môn*” (năm thứ phước vào cửa), phước bậc nhất trong năm phước là Thọ. Từ xưa, tổ sư đại đức khi giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ, nói đức bậc nhất (đức tánh to lớn nhất) của Tây Phương Tịnh Độ là gì? Thọ mạng trường cửu! Có thọ mạng trường cửu thì chúng ta tu hành chứng quả mới không khó; chẳng hạn như nói theo kinh này, phạm phu từ Sơ Phát Tâm đến khi tu thành Phật quả phải trải vô lượng kiếp; hàng Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo tu cho đến khi viên mãn Phật quả phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp. Những con số ấy đều là con số thiên văn, không cách nào tính toán được! Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng lần vô lượng thọ, hãy nên giảng như thế nào?

Nên biết “*vô lượng*” là một đơn vị số đếm của cổ Ấn Độ; kể từ A-tăng-kỳ trở đi là mười con số lớn cuối cùng. A-tăng-kỳ là con số lớn nhất đầu tiên [trong mười số ấy]. Mười con số lớn này không tính theo lối gấp mười mà tính theo lối nhân gấp bội. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, tính theo cách như thế! Do vậy, Vô Lượng Thọ vẫn còn là có hạn lượng, nhưng số lượng ấy không quan trọng! Nếu cứ tính là một Vô Lượng thôi thì thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, nhưng để thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ! Thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, vậy thì ba A-tăng-kỳ có thấm vào đâu! Giống như người sống được một trăm tuổi, để thành tựu tu hành chứng quả, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, phải cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày thôi! Thọ mạng một trăm năm, ba ngày thấm vào đâu? Chẳng phải là quyết định thành Phật ư?

Thành Phật đúng là vô lượng không hạn lượng, thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng, mà là vô lượng không hạn lượng. Do vậy, ta có thể nói phạm ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thọ mạng vô lượng không hạn lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng. Vì sao? Do họ đều có thể trong một thời gian rất ngắn

(dựa trên thọ mạng của họ để so sánh) chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề, rớt ráo Phật quả, đó là phẩm đức bậc nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới! Bất cứ thế giới nào khác đều không có chuyện này. Chỉ dựa vào một điều này thôi, nếu chúng ta thực sự thấu hiểu rõ ràng sẽ chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị chẳng muốn sanh về đó là lầm lạc quá rồi! Như vậy, trong danh hiệu này có phước báo, có phước, có thọ, phước vô lượng, thọ vô lượng. Như tôi vừa mới nói đó, vô lượng ở đây thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng.

Vị Phật thứ hai là Vô Lượng Tướng Phật. Tướng là tướng hảo, biểu thị phú quý. Người thế gian chúng ta thường nói người nào đó có “phước tướng”, [tức là người ấy có] tướng giàu có, tướng cao quý. “*Quý*” là có địa vị cao cả trong xã hội như quốc vương, đại thần có quý tướng. Giàu là của cải dư dật. Vô Lượng Tướng Phật là vừa tôn quý lại vừa giàu có, vô lượng vô biên phước đức và của cải.

Vị Phật thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật. Tràng (幢) tiêu biểu cho những gì cao cả, rõ ràng, cao hiển. Tràng có nghĩa là được hết thấy đại chúng tôn kính, đức cao, chúng ta thường nói là “*đức cao vọng trọng*”, [tức là] đức cao, trí cao, danh cao, nay ta nói là mức độ nổi danh rộng khắp; không ai chẳng ca ngợi. Quý vị thấy đó, cả ba điều sau đây đức Phật đều hội đủ: Thọ mạng, phú quý, cao hiển (tài nghệ cao), không gì chẳng cao; những điều ấy đều nhằm biểu thị quả báo. Quả báo do đâu mà có? Quả nhất định phải có nhân; vì thế, ba đức Phật tiếp theo đại diện cho nhân hạnh.

Đại Quang Phật: Quang là quang minh trí huệ, Ngài đại diện cho Trí; bởi lẽ phước thọ, phú quý, cao hiển đều do trí huệ sanh ra.

Đại Minh Phật: “*Minh*” là chiếu sáng, tức là đại trí khởi tác dụng. Tác dụng ấy gồm có Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng. Ở phần trên đã nói đến phước báo, phú quý, cao hiển; cao hiển là Tự Thọ Dụng, đồng thời cũng là tác dụng giáo hóa chúng sanh; không có đại trí, đại đức, đại năng như thế, làm sao có thể giáo hóa chúng sanh? Chính mình phải có những thành tựu thù thắng như thế thì mới có năng lực giúp cho người khác thành tựu, trí huệ khởi tác dụng là như vậy! Y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều là do trí huệ của A Di Đà Phật khởi tác dụng. Phạm đại chúng từ mười phương thế giới vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là do tịnh nghiệp của họ khởi tác dụng. Do tịnh nghiệp đã tu của người vãng sanh tương ứng với nguyện hạnh của A Di Đà Phật nên chiêu cảm được [như vậy]. Trong phân khai thị của Hệ Niệm Pháp Sư

này, thiên sư Trung Phong đã giảng rất rõ ràng.

Bảo Tướng Phật biểu thị sự tôn thắng. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: “*Phật hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo*” (Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ đạt được thân Kim Cang Na La Diên, Kim Cang Na La Diên (Vajra-nārāyana) là thân kim cang. Kim Cang Lực Sĩ¹ thân thể cứng chắc, không ai sánh bằng. Thân thể Phật giống như vậy đó. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thế giới phương khác không thể sánh bằng, điều thù thắng nhất là gì? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, đức năng, phước báo của chính mình tự hào gần bằng với A Di Đà Phật. Mười phương thế giới chắc chắn chẳng có việc như vậy, [ở Cực Lạc] hưởng phước của A Di Đà Phật mà! Thật là chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, Bảo Tướng Phật biểu thị sự tôn thắng. Nếu quan sát kỹ sáu đức Phật này thì trí huệ, thọ mạng, phước đức, tức những điều hết thảy chúng sanh mong cầu, các Ngài đều trọn đủ, lại còn rốt ráo viên mãn, không thiếu khuyết chút nào.

“*Vô phước chẳng thể độ sanh, thành Phật rồi, trăm kiếp tu phước*”. Nếu quý vị không có phước báo, quý vị chẳng thể độ sanh. Vì sao? Dù có trí huệ, có năng lực, nhưng tướng mạo không tốt, người ta vừa nhìn bèn nghĩ: “*Gã này không có phước báo!*”, đánh mất tín tâm đối với quý vị. Thuyết pháp cho họ nghe, họ bèn hoài nghi, chẳng thể tin nhận phụng hành. Vì thế, Bồ Tát thành Phật, phải dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên môn tu phước báo, tu tướng hảo! Trong nhà Phật thường nói là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ngàn ngữ thường nói “*tướng tùy tâm chuyển*”. Phải dùng cả một thời gian dài như thế để tu điều gì? Tu cái tâm thuần thiện thuần tịnh, cái hạnh thuần thiện thuần tịnh. Tâm hạnh thuần thiện thuần tịnh, sẽ cảm được tướng hảo, quang minh. Tướng Phật đúng là viên mãn, ai trông thấy cũng đều yêu mến. Tướng hảo tiếp dẫn chúng sanh, chúng sanh thích thấy, bằng lòng đi

¹ Kim Cang Lực Sĩ là thần hộ pháp của Phật giáo. Vị này thường được coi là hóa thân của Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapani). Kim Cang Lực Sĩ là danh xưng chung để chỉ các vị thần hộ pháp tay cầm Kim Cang Xử bảo vệ Phật pháp như Kim Cang Mật Tích (Guhyapāda-Vajra), Na La Diên Kim Cang, Chấp Kim Cang Thần (Vajradhara, còn dịch là Trì Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Dạ Xoa, Đại Lực Kim Cang Thần, Kim Cang Lực Quỷ Thần) v.v... Theo sách Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24: “*Na La, cõi này dịch là Nhân (con người), Diên cõi này dịch là Bốn Sanh. Na La Diên là Nhân Bốn Sanh (sanh ra con người), tức là Phạm Vương vậy*”. Như vậy, Na La Diên là danh xưng khác của Phạm Vương.

theo, bằng lòng học theo, bằng lòng nghe giảng dạy, y giáo phụng hành.

Nói thật ra, công phu tu hành của quý vị đắc lực hay không, quý vị có bao nhiêu công phu không thể lừa người khác chút xíu nào, vì sao? Vì đều thể hiện trên tướng hảo của quý vị! Ngạn ngữ Trung Quốc đã nói về việc này rất có lý như sau: “Một người trước khi tròn bốn mươi tuổi, mạng tướng chịu ảnh hưởng của tiên thiên², tức là chịu ảnh hưởng của nghiệp báo trong đời quá khứ. Từ bốn mươi tuổi trở đi, chịu ảnh hưởng của hậu thiên; nói cách khác, chính mình phải chịu trách nhiệm”. Khởi tâm động niệm, hết thủy hành vi trong bốn mươi năm sẽ biến đổi tướng mạo trang nghiêm. Bởi thế, người nào đến tuổi già, tướng mạo đoan nghiêm thì nhất định phải là người tốt, tu phước, tu cả đời. Tướng chuyên theo tâm, mạng chuyên theo tâm. Thân thể và thể chất của chúng ta cũng chuyển theo tâm!

Qua thí nghiệm kết tinh nước, tiên sinh Giang Bồn Thắng đã chứng minh điều này, chứng minh những điều được nói trong kinh Đại Thừa: Vũ trụ sống động! Chính ngay trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện, hết thủy nhân quả, vi trần, thế giới, do tâm mà thành Thế). Ấy là do tâm hiện, thức biến, là bản năng (năng lực sẵn có) của tâm. Năng lực ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vĩnh hằng. Bản năng ấy là gì vậy? Bản năng là có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết; trong phần khai thị của Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong gọi [bản năng ấy] là “*tâm linh tri*”.

Nói về Tâm, Ngài cũng giảng ba thứ. Thứ nhất là Nhục Đoàn Tâm, tức là trái tim trong thân thể chúng ta. Đó là trái tim thịt, chỉ là một cơ quan mà thôi, không có tác dụng gì lớn lao cho lắm [ngoài việc duy trì sự sống]. Thứ hai là Duyên Lự Tâm, nghĩa là mọi người chúng ta có khả năng suy nghĩ, tưởng tượng, phân biệt thị - phi, thiện - ác, cũng như mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều thuộc về cái tâm này. Trong Phật pháp, tâm ấy được gọi là Thức. Thức là sở biến (cái được biến hiện), nó có thể biến, duy thức sở biến, Duyên Lự Tâm là sở biến. Cảnh giới ấy hiện tướng, [chủ thể có khả năng] hiện tướng là chân tâm. Chân tâm được gọi là “*linh tri tâm*”, [tức là cái tâm có khả năng] linh minh

² Tiên thiên: Những gì được bẩm sanh, tức là điều kiện về thân thể được hình thành từ lúc bắt đầu mang thai cho đến khi được sinh ra. Hậu thiên là những biến đổi về thân thể do cách nuôi dưỡng và chăm sóc.

giác tri. Chữ “*linh*” bao hàm cả ba chữ kia (tức “minh, giác, tri”); kinh Lăng Nghiêm nói bốn chữ, chữ “*linh*” bao gồm kiến, văn, giác (thấy, nghe, cảm nhận). Linh là như vậy đó! Sau “*linh*” còn có một chữ “*tri*” nữa, “*linh tri*” là “*kiến - văn - giác - tri*”.

Từ thực nghiệm khoa học, phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý tưởng con người, tùy theo trạng huống ý tưởng con người mà nước biến hóa bất đồng, đây chẳng phải là như kinh Phật thường nói “*cảnh chuyển theo tâm*” hay sao? Thế gian xem tướng đoán mạng cũng thường nói “*tướng chuyển theo tâm*”, thật vậy đó! Mạng chuyển theo tâm, Phong Thủy cũng chuyển theo tâm. Phong Thủy là hoàn cảnh chúng ta đang sống; vì thế, các nhà Phong Thủy thường nói: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước sống nơi đất có phước, đất tốt lành thì người có phước ở). Vấn đề là chính mình phải tu phước. Tự mình tu phước thì bất luận sống tại nơi nào, Phong Thủy nơi đó sẽ tự nhiên biến đổi, hoàn toàn giống như hiện tượng nước kết tinh. Thí nghiệm khoa học chứng minh những đạo lý và những sự tướng đã được nói trong kinh Phật. Đối với điều này chúng ta tin sâu không nghi.

Cái hay của việc học Phật là chuyển được cảnh giới. Chúng tôi thường nói: Chuyển cảnh giới thì chuyện đầu tiên là chuyển thân thể. Thân thể chúng ta vốn chẳng khỏe mạnh mà chuyển thành khỏe mạnh, thọ mạng vốn không dài chuyển thành trường thọ. Tình trạng thông thường là từ sáu mươi tuổi trở đi, con người dần dần suy lão, khí quan dần dần lão hóa. Người học Phật có khả năng giảm chậm sự lão hóa khí quan; vốn sáu mươi tuổi bị lão hóa nhưng phải đến năm tám mươi tuổi vẫn chưa bị lão hóa, tai nghe mắt thấy rõ ràng, mắt không lòa, tai không điếc, da dẻ không nhăn nheo; đó là công phu niệm Phật, công phu tu hành của quý vị! Vì vậy, công phu tu hành nhìn ở chỗ này. Nếu cảnh giới nơi cái thân mình không chuyển được, há quý vị còn có thể chuyển được cảnh giới bên ngoài ư? Đầu tiên là phải chuyển cảnh giới nơi cái thân mình. Cái đầu tiên phải chuyển nơi thân là về mặt. Nói cách khác, quý vị học Phật mười năm, hai mươi năm, hãy xét kỹ xem quý vị có đoan nghiêm và an tường như Phật hay chẳng?

Vị Phật cuối cùng, tức vị Phật thứ bảy ở Tây Phương là Tịnh Quang Phật, Ngài “*biểu thị pháp tu phước căn bản*”. Quý vị thấy: Ở phần trên nói đến tu huệ, còn ở đây là tu phước! Tây Phương Cực Lạc thế giới tu phước, phương Nam tu huệ, phương Tây tu phước. “*Phải tu ba nghiệp thanh tịnh quang minh, thành mãn đại phước*”. “*Thành*” là

thành tựu, “mãn” là viên mãn. Vì vậy, quý vị thấy phương pháp tu phước là “tịnh”, “quang”, thuần tịnh! Thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, đại phước báo!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, có một câu dạy chúng ta: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết tất cả khổ thế gian). Pháp ấy thù thắng. Pháp gì vậy? Chúng ta phải nghe cho kỹ, phải học cho khéo. Phật dạy: “*Thường niệm thiện pháp*”, tức là tâm thiện, “*tư duy thiện pháp*” tức suy nghĩ thiện, “*quán sát thiện pháp*” tức hành vi thiện. Sau đó lại nói: “*Bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (Chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Câu này rất quan trọng! Nay chúng ta tu hành, tu hành thành tựu không rõ ràng, không có gì chuyên biến rõ rệt, là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị tu bị xen tạp. Điều thiện quý vị tu bị xen tạp bất thiện, tâm xen tạp bất thiện, niệm xen tạp bất thiện, hành vi cũng xen tạp bất thiện. Vì thế, hiệu quả không rõ ràng, không trừ nghiệp chướng được, nguyên nhân là do đây.

Phỏng theo cách đức Thế Tôn thuyết pháp, chúng tôi bảo mọi người: Tâm chúng ta “*thường niệm pháp thanh tịnh, tư duy tịnh pháp, quán sát tịnh pháp*”. Vì thế, trong những năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng thuần thiện thuần tịnh, “*bất dung hào phân bất tịnh hiệp tạp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (chẳng dung mảy may bất tịnh xen tạp, chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Đó chính là Tịnh Quang Phật! Tâm chúng ta thanh tịnh, hiền lành, tư tưởng thanh tịnh, hiền lành, hành vi thanh tịnh, hiền lành, hoàn toàn tương ứng với Tịnh Độ, vô lượng trí huệ phước đức bèn hiện tiền. Trí huệ, phước đức hiện tiền, quý vị sẽ biết rõ ràng, rành mạch.

Người thực sự học Phật chẳng sanh bệnh. Thời đầu Dân Quốc, vị giảng kinh thuyết pháp nổi tiếng nhất là lão pháp sư Đệ Nhàn (Ngài giảng kinh thuyết pháp nổi danh nhất thời ấy), có một thời kỳ Ngài bị bệnh. Chuyện này đồn đến tai pháp sư Ân Quang. Pháp sư Ân Quang liền gởi một lá thư: “*Ông là pháp sư giảng kinh thuyết pháp, làm sao có thể sanh bệnh được?*” Lời tỏ Ân Quang rất hữu lý, bệnh là gì? Bệnh là nghiệp bất thiện, nếu tâm địa thực sự thuần thiện thuần tịnh, làm sao sanh bệnh được? Tâm thanh tịnh quyết định chẳng nhiễm virus, tâm từ bi chắc chắn có thể hóa giải virus. Vì thế, ai tâm địa thanh tịnh từ bi sẽ chẳng sanh bệnh; nói cách khác, thân quý vị thường có bệnh chứng tỏ tâm quý vị không thanh tịnh, không từ bi. Nếu tâm địa thực sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, mỗi tế bào nơi thân quyết định rất bình ổn,

những tế bào trong thân rất tự nhiên giữ đúng trật tự, cho nên thân thể con người khỏe mạnh.

Bệnh là gì? Bệnh là những tế bào trong thân thể không ổn định khiến bệnh tật sanh ra. Vì sao chúng không được ổn định? Vì sao chúng bị loạn trật tự? Ất phải có nguyên nhân. Đức Phật đã nói nguyên nhân là ba độc phiền não khởi tác dụng, ba độc là tham - sân - si. Như vậy, tham - sân - si là virus bên trong chúng ta; bên trong đã có virus thì virus bên ngoài mới có thể cảm nhiễm được, trong ngoài giao cảm! Nếu bên trong không có tham - sân - si, không có virus, dẫu virus bên ngoài tàn hại cũng chẳng thể cảm nhiễm quý vị được. Vì sao? Vì quý vị mạnh khỏe, không có điều kiện cảm nhiễm, các bác sĩ hiện thời cũng nói như thế, họ gọi đó là “sức khỏe tâm lý”. Tâm lý khỏe mạnh, không có tham - sân - si thì mới là khỏe mạnh thực sự. Không đoạn tham - sân - si thì tâm chẳng khỏe mạnh. Tịnh Quang Phật hay lắm! Để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phương pháp tu hành này rất quan trọng, nó là pháp môn tu phước. Ở phần trên, chúng ta đã thấy trong phần tu huệ, “*vô lượng tinh tấn*”, tức tinh tấn tu huệ. “*Tịnh Quang*” là tu phước. Lại xem tiếp đoạn phương Bắc, chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

Xá Lợi Phát! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Xá Lợi Phát! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.*)

Quý vị thấy đức Thế Tôn thuyết pháp hết sức có ý nghĩa; đến

phương Bắc lại nói năm vị Phật, cho thấy việc nêu lên bảy vị Phật [ở phương Tây] là đặc thù. Trong mọi lúc thông thường thì đều là năm vị Phật. “*Phương Bắc kể đại lược năm vị Phật biểu thị sự hóa tha*”. Phần trên là thành tựu trí huệ và phước đức của chính mình; có trí huệ, có phước đức thì mới có thể giáo hóa chúng sanh. “*Phước huệ đầy đủ, lấy độ sanh làm sự nghiệp*”. Trong thế gian này, chư Phật, Bồ Tát làm những việc gì? Người sống trong thế gian chẳng thể không làm chuyện gì, cả một đời này không có chuyện gì hết, vậy là hưởng phước rồi. Hưởng phước nhưng không tu phước thì phước báo ấy sẽ bị hưởng hết, hưởng hết rồi thì không còn phước nữa! Không có phước, nhưng trong A Lại Da Thức chắc chắn vẫn còn có nghiệp bất thiện. Những nghiệp bất thiện ấy sẽ đem lại khổ báo cho quý vị. Hưởng phước xong, hưởng thiện phước xong, nỗi khổ bất thiện sẽ hiện tiền. Bởi lẽ người sống trong thế gian chẳng thể không có việc này việc nọ, chẳng thể không làm này làm nọ.

Do vậy, chư Phật xuất hiện trong thế gian, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian phải có sự nghiệp. Sự nghiệp của chư Phật chẳng giống với những nghề nghiệp thông thường trong thế gian, mà là gì? Nghề nghiệp của Ngài là “*sư đạo*” (đạo làm thầy). Chư Phật Như Lai xuất hiện trong thế gian, nhất định phải xuất hiện dưới thân phận một vị thầy. Còn Bồ Tát không nhất định, Bồ Tát có thể xuất hiện làm các ngành nghề. Trong phẩm Phổ Môn, chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, mọi người đều biết. Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Phật, Bồ Tát thị hiện thành năm mươi ba vị thiện tri thức, nam, nữ, già, trẻ, làm các nghề nghiệp. Nếu mang thân Phật thì chắc chắn là thầy, chẳng thể theo đuổi các nghề nghiệp khác. Phật pháp là “*sư đạo*”, mang thân phận ông thầy thì chắc chắn hằng ngày phải dạy học.

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Từ năm ba mươi tuổi, Ngài biểu diễn tu hành chứng quả, chứng đắc quả Phật Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi thành Phật, bắt đầu giáo hóa chúng sanh, bắt đầu giảng kinh, thuyết pháp. Tám mươi tuổi viên tịch, giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Tám mươi tuổi viên tịch là vì người Hoa tính theo tuổi ta, nếu theo cách tính tuổi của người ngoại quốc thì Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch năm bảy mươi chín tuổi. Giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm; nay gọi giảng kinh, thuyết pháp là “*lên lớp*”, tức là dạy học! Lên lớp dạy học suốt bốn mươi chín năm, không nghỉ ngày nào, không có ngày nào nghỉ xả hơi, không hề có! Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều dạy học, từ trước đến nay chưa từng gián đoạn;

nay chúng ta gọi là “*cơ hội giáo dục*”. Bất luận ở chỗ nào, bất luận gặp được ai, hoặc là đức Phật chủ động gọi ai đó đến mà giảng, hoặc người nào đó hướng về đức Phật nêu câu hỏi thỉnh giáo, đức Phật bèn vì người ấy giải đáp.

Đức Phật lên lớp không có phòng học cố định, thỉnh chúng không cố định. Kinh nói “*một ngàn hai trăm năm mươi lăm người*”, đó là Thường Tùy Chúng. Đức Phật đi đến đâu, những học trò ấy theo Ngài đến đó. Bọn họ cũng buông hết thầy thế gian xuống, chuyên môn theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Vì thế, kinh thường liệt kê đại chúng. Liệt kê đại chúng cũng nhằm biểu thị pháp. Ở đây, lần này chúng tôi giới thiệu rất đơn giản, không giảng cặn kẽ như khi giảng kinh Di Đà, [đại chúng] biểu thị pháp. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, nói thật ra, đều là những học trò kiệt xuất, đều là những học sinh có sở trường, đức Phật dùng bọn họ để biểu thị pháp, hiển thị trong cuộc sống thường nhật, lúc lên lớp dạy học, từng chuyện nhỏ nhặt, vụn vặt đều chân thật chẳng dối, học vắn chân thật, đức hạnh chân thật!

Phạm vi giảng dạy của đức Phật hết sức rộng lớn, không giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ dạy con người, chẳng dạy cho thiên địa quỷ thần, chỉ hy vọng con người làm người cho trọn vẹn là được rồi! Phạm vi dạy dỗ của đức Phật rất lớn, bao gồm cả những chiều không gian sai khác như khoa học ngày nay đã đề cập. Phạm vi hết sức rộng lớn; vì thế, đức Phật giảng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, kinh Đại Thừa thường nói như vậy. Kinh Hoa Nghiêm chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, nói đến pháp giới trùng trùng vô tận, khoa học ngày nay đang nghiên cứu theo phương hướng này. Chúng tôi mong mỗi sẽ có những thành quả nghiên cứu, những thành quả ấy nhất định sẽ tương ứng với những điều được giảng trong kinh Hoa Nghiêm.

Sở dĩ đức Phật lấy độ sanh làm sự nghiệp; ngày nay chúng ta gọi “*độ sanh*” là “*giáo dục xã hội*”. Đức Phật theo đuổi sự nghiệp giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nay ta gọi là một nghề. Thế nhưng Phật dạy học không thu học phí, Ngài không có trường học cố định, hết thầy chúng sanh đều là đối tượng giáo hóa của Ngài, thực sự đáng gọi là “*đại học*”. Nam, nữ, già, trẻ, đủ các ngành nghề. Trái ngược với họ, đức Phật trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Hiện thời học vị tối cao là “*tiến sĩ*”, [tạm nói theo thuật ngữ hiện thời], đức Phật là vị tiến sĩ danh xưng với thực. Tiến sĩ thuộc các trường học trong thế gian không hiểu biết rộng rãi, họ chỉ nghiên cứu một bộ phận, vượt ra ngoài bộ phận ấy họ chẳng biết! Có thể nói là

“*cách hành như cách sơn*”³. Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là quảng bác, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể.

Lược nêu tên năm vị Phật, vị thứ nhất là Diệm Kiên Phật. Kiên (肩) là cái vai, Diệm (熾) là ngọn lửa, ngọn lửa biểu thị trí huệ. Con người chúng ta có hai vai, dùng Diệm Kiên để biểu thị Quyền Trí và Thật Trí. Vì thế, “*sau khi phước huệ trọn đủ, liền dùng hai trí Quyền và Thật để gánh vác gia nghiệp của Như Lai, lợi ích chúng sanh*”. Như Lai là Phật quả rốt ráo, thành Phật rồi thì bốn phận sự nghiệp của Ngài được gọi là “*gia nghiệp*”. Sự nghiệp bốn phận của Ngài là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nền giáo dục ấy bao gồm những điều như hiện nay gọi là “*giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội*”, thấy đều bao gồm trong ấy. Đúng là đại học vấn.

Ngài làm như thế nào để giúp đỡ giáo dục gia đình? Học trò tại gia rất nhiều, xuất gia ít. Đối với học trò tại gia, đức Phật dạy họ sống ở nhà thì phải học tập luân lý, đạo đức như thế nào, đối xử hòa thuận với người trong nhà ra sao, trọn hết bốn phận của chính mình. Cha mẹ thương yêu, trong ngũ luân thập nghĩa⁴ đã nói: “*Phụ tử hữu thân, phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, quân thần hữu nghĩa, bằng hữu hữu tín*” (Cha con thương yêu, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, vua tôi có nghĩa, bạn bè giữ chữ tín). Đây chính là giáo dục gia đình. Giáo dục trong nhà trường nhằm dạy quý vị học làm vị thầy tốt như thế nào, học làm đấng học trò ngoan như thế nào. Chẳng phải kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung đã giảng rất rõ ràng ư? Đức Phật thường nói như thế. Giáo dục xã hội không cần phải nói nữa! Bất luận đến nơi đâu, bất luận gặp ai, chẳng phân quốc gia nào, chẳng phân chủng tộc nào, chẳng phân tôn giáo nào, chẳng phân văn hóa nào, chỉ cần quý vị đến học, đức Phật đều vui vẻ dạy dỗ. Lợi ích hết thảy chúng sanh bằng hai trí Quyền và Thật.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi!

³ “*Cách hành như cách sơn*” là một thành ngữ, hàm ý: Không phải là người chuyên môn trong một nghề nghiệp sẽ cảm thấy xa lạ đối với nghề nghiệp ấy giống như thuộc vào một thế giới khác, hoặc bị ngăn cách, che lấp bởi một rặng núi to, không thể thấy được những chuyện trong lãnh vực ấy.

⁴ Ngũ Luân là năm mối quan hệ chính yếu trong xã hội, tức cha con, vua tôi, anh em, vợ chồng, bè bạn. Do trong năm mối quan hệ này, mỗi mối quan hệ đều có quan hệ song phương nên mỗi mối quan hệ đều bao gồm hai ý nghĩa, vì thế mới nói là ngũ luân thập nghĩa. Câu nói trên đây trích từ thiên Đăng Văn Công trong sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương Bắc lược nêu năm đức Phật. Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật, biểu thị sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, tức sứ mạng hoằng pháp lợi sanh. Công tác ấy được thực hiện như thế nào? Phần ý nghĩa biểu pháp của bốn vị Phật tiếp theo đó nhằm chỉ dạy chúng ta [cách thực hiện].

Tôi Thắng Âm Phật, *“biểu thị dùng âm thanh làm Phật sự, diễn nói kinh này, khuyên dạy niệm Phật, chính là âm thanh tối thắng”*. Nói như vậy là thuần dựa theo pháp môn Tịnh Độ để nói. Nếu giảng theo nghĩa rộng thì *“thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”* (chân giáo thể phương này, thanh tịnh tại nghe tiếng); đây chính là như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, suốt bốn mươi chín năm ngày ngày thuyết pháp dạy học. Những âm thanh do đức Phật thốt ra đều là Tối Thắng Âm, âm thanh ấy tối thắng vì giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Quý vị phải nhớ kỹ, khuyên dạy một chúng sanh đoạn ác tu thiện, chẳng đọa tam đồ, đời sau vẫn có thể tiếp tục hưởng phước báo trời người thì âm thanh ấy là âm thanh thù thắng, rất thù thắng. Không như trong xã hội hiện thời, quý vị nghĩ xem: Trong xã hội hiện thời, mắt thấy tai nghe những âm thanh gì vậy? Âm thanh tam đồ! Đúng là chỉ sợ quý vị chẳng đọa tam đồ!

Âm thanh thuyết pháp của đức Phật là âm thanh thanh tịnh. Âm thanh thù thắng khuyên con người đoạn ác tu thiện, khuyên con người chớ đọa tam đồ. Âm thanh ấy tối thắng, âm thanh tối thắng là âm thanh giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, đó chính là âm thanh tối thắng! Đem Tịnh tông so với Đại Thừa thì âm thanh của Tịnh tông là thù thắng nhất; Đại Thừa chẳng thể sánh bằng! Vì sao? Phá mê khai ngộ, quý vị chẳng thấy trong một đời mà có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, thành Tổ! Chuyện ấy các pháp khác không làm được, nhưng Tịnh tông có thể làm được. Tịnh tông dạy quý vị niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Vì thế, nó thù thắng khôn sánh. Đặc biệt là *“diễn nói kinh này”*, kinh này thông với kinh Vô Lượng Thọ, chẳng những thông với kinh Vô Lượng Thọ mà còn thông với kinh Hoa Nghiêm. Cô đức nói kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà là cùng một bộ kinh, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản, còn kinh A Di Đà là Tiểu Bản, không sai chút nào!

Kinh A Di Đà Tiểu Bản này là lược thuyết, tức là giới thiệu đại lược. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất tường tận, giới thiệu mọi phương diện của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Hoa Nghiêm giảng rộng,

giảng cụ thể nhất, thuyết minh tường tận nhất. Vì thế, ba bộ kinh này chỉ là một bộ. “*Diễn nói kinh này*”, nói theo nghĩa rộng, chính là diễn nói kinh diễn vãng sanh Tịnh Độ, “*khuyên người niệm Phật là âm thanh thù thắng nhất*”. Đó chính là hoằng pháp lợi sanh, thực sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, đảm đương sự nghiệp chẳng thể nghĩ bàn.

Vị Phật tiếp theo là Nan Trở Phật, “*biểu thị hoằng hộ chánh pháp, dùng mãnh tinh tấn, chẳng sợ tà ma, ngoại đạo và hết thầy chướng nạn*”. Trở (沮) là phá hoại, Nan Trở là rất khó phá hoại. “*Hoằng hộ*”: Hoằng pháp và hộ pháp là một Thể, hoằng pháp và hộ pháp công đức như nhau; thậm chí công đức hộ pháp còn cao hơn hoằng pháp. Người hoằng pháp, có thể nói là chẳng dễ dàng, rất khó có; thế nhưng hộ pháp càng khó hơn! Nếu không có người hộ pháp mạnh mẽ, người hoằng pháp dù giỏi nhưng không có ai hộ trì, sẽ không có cơ hội hoằng dương Phật pháp. Nói cách khác, dù thầy thực sự giỏi, có học vấn, có đức hạnh, lại có phương pháp giảng dạy rất tốt, nhưng không ai dùng đến, không có trường nào mời, đúng là “không đất dụng võ”. Trường học chính là hộ pháp của ông thầy.

Nếu nay quý vị học thành tựu rồi, quý vị đúng là một nhân tài hoằng pháp tốt, nhưng không đạo tràng nào mời quý vị. Chủ nhân của đạo tràng, trụ trì, đương gia, chấp sự đều là nhân tài hộ pháp, bọn họ phải hộ trì quý vị, mời quý vị trụ trong đạo tràng ấy giảng kinh, thuyết pháp, mọi việc đều chiếu cố rất chu đáo, chẳng để quý vị không phải lo lắng chút gì, cứ chuyên làm công việc giảng kinh, thuyết pháp, hết thầy sự vụ thuộc phương diện thường trụ bọn họ đều chia nhau gánh vác. Hoằng pháp và hộ pháp phải phối hợp mật thiết thì Phật pháp mới hưng vượng. Nếu không có hộ pháp, quý vị giảng kinh, thuyết pháp ở đó, người ta không thích thú gì. Vì sao không thích thú? Anh giảng được, tôi không thể giảng. Tín đồ thường đến nghe anh, tôn kính anh, không tôn kính tôi, [do vậy] thường hay ghen ghét chướng ngại [người hoằng pháp]. Người ta chướng ngại mình, trọn chẳng cho mình có cơ hội giảng kinh hoằng pháp, hỏng rồi! Đó là gì vậy? Kẻ ấy thiếu trí huệ, chẳng hiểu đạo lý này, cũng chẳng hiểu nhân quả.

Người làm hiệu trưởng không cần phải giảng kinh, thuyết pháp, không cần phải lên lớp dạy học như giáo viên, không cần thiết! Học trò nghe vị thầy giỏi giảng, học thành công thì công đức bậc nhất quy về ai? Hiệu trưởng! Hiệu trưởng vì chúng ta mời vị thầy giỏi như thế, thầy do chính hiệu trưởng mời về, quyền mời thầy nằm trong tay hiệu trưởng. Bởi thế, chăm sóc trường cho tốt đẹp thì học trò thành tựu nhiều, công

lao không do giáo viên, mà do hiệu trưởng. Hiệu trưởng có huệ nhãn nhận biết ông thầy tốt, có năng lực mời mọc giáo sư tốt. Bởi thế, công đức hộ pháp cao hơn hoằng pháp, hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là hiệu trưởng. Hiệu trưởng có quyền lực mời mọc, cũng có quyền lực bãi chức: “Tôi không cần đến anh nữa!” Ông ta có quyền lực ấy. Người hoằng pháp chỉ nghe theo lệnh: “Ông mời tôi, tôi nỗ lực dạy dỗ; ông không cần tôi nữa, tôi đành ra đi thôi!”

Nhất định phải hiểu đạo lý ấy, thành tựu của đạo tràng là có được nhân tài. Đạo tràng không xuất hiện nhân tài tức là thất bại hoàn toàn. Sanh ra những nhân tài như thế nào? Có sanh ra được nhân tài hay không? Mấu chốt nằm ở người trụ trì, hay vị thường trụ, hoặc vị chấp sự chủ chốt. Vị chấp sự chủ chốt là những người có quyền lực trong đạo tràng ấy như Trụ Trì, Đương Gia, Thủ Tòa, Duy Na. Đấy đều là những người có quyền lực nhất trong đạo tràng ấy; [thành tựu của đạo tràng] chính là thành tựu của họ. Do vậy đạo tràng hưng hay suy, trách nhiệm đặt trên thân mấy người đó. Nhân tài hoằng pháp không chịu trách nhiệm, họ không có quyền, không làm chủ, họ phải nghe theo lời sai phái, nghe lệnh chỉ huy. Bởi vậy, người hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là người thực sự có quyền lực.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, đối với người xuất gia, đức Phật yêu cầu mọi sự đều là công tác hoằng pháp, giao phó công tác hộ pháp cho quốc vương, đại thần, thỉnh những người ấy đến hộ trì. Bọn họ lập đạo tràng, lễ thỉnh pháp sư đến giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị giảng hay, pháp duyên thù thắng thì tiếp tục lễ thỉnh hàng năm. Vì thế, pháp sư nhất định phải tu dưỡng đạo đức, học vấn, và ngôn hạnh của chính mình hầu nêu gương tốt nhất cho đại chúng trong xã hội. Vì sao? Nếu pháp sư không tu tập tốt đẹp, năm sau người ta không thỉnh nữa. Thậm chí giảng xong một bộ kinh này, bộ kinh tiếp theo người ta không mời giảng nữa. Chẳng nghiêm túc, chẳng khéo học không được! Bởi vậy, giáo viên và chức viên (người có chức vụ trong trường) có quan hệ mật thiết, hoằng hộ chánh pháp như thế mới không bị phá hoại. Nhất là hộ pháp, trọng yếu lắm! Hộ pháp phải chánh trực, phải có huệ nhãn.

Đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, con người không phải là thánh hiền, có ai không phạm lầm lỗi! Pháp sư giảng kinh chẳng phải là thánh nhân, còn là phàm phu, chắc chắn có lầm lỗi! Người ngoài nắm lấy những lỗi lầm ấy để công kích, đồn đãi, sanh sự, hủy báng, tạo đủ mọi áp lực với người hộ pháp. Nếu người hộ pháp không có trí huệ, không có nghị lực, nghe những kẻ đó bàn ra tán vào sẽ hiểu lầm pháp sư giảng

kinh, khai trừ vị pháp sư giảng kinh ấy. Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, không phải là ít; vì thế, hoàng pháp và hộ pháp đều không phải là chuyện dễ. Thế nhưng hiện thời lại có một con đường, con đường gì vậy? Tức là mạng Internet và truyền thông vệ tinh. Tuy vậy, vẫn phải có người hộ pháp có sức lực lui tới chủ trì chánh nghĩa, mời mọc các đại đức, pháp sư, trưởng giả, cư sĩ vì hết thầy chúng sanh giảng kinh thuyết pháp.

Đạo tràng không cần phải lớn lắm, có một studio nhỏ là được rồi. Mỗi ngày ở đó dùng máy chiếu phim, nhờ khoa học kỹ thuật để phát hình ảnh và âm thanh đi khắp thế giới, chúng sanh có duyên sẽ thích thú nghe, bất luận ở chỗ nào cũng đều có thể thu được. Khoa học kỹ thuật thông tin đại chúng ngày càng tiên bộ, tôi thường bảo các đồng học, đại khái năm năm sau là chuyện rất có khả năng, năm năm sau nhất định các băng thông (digital bandwidth) rộng gấp mấy lần hiện thời, rất có thể mạng Internet sẽ thay thế truyền hình. Giá thành của truyền hình vệ tinh mắc, giá thành của mạng Internet rất thấp, lại rất thuận tiện. Trong tương lai những máy móc thu phát rất có thể sẽ giống như điện thoại di động (cell phone) hiện thời, màn huỳnh quang nơi điện thoại cầm tay được nói rộng hơn một chút; bất luận khi nào, dù đang du hành cũng nhìn thấy được, đều có thể nghe được.

Trước kia, chúng tôi nói [truyền hình] vệ tinh là đem giảng đường giảng kinh thuyết pháp đến tận nhà quý vị, quý vị ở nhà mở máy truyền hình (TV) lên là thấy. Nay tiên bộ hơn, chẳng những đưa đến tận nhà mà còn đưa đến tận tay, quý vị nói có phải là tiện lợi quá hay chẳng? Trước kia đâu có như thế, trước kia không có ai tưởng tượng việc này, nay dần dần thực sự thực hiện được, giá thành không cao, hiệu quả rất lớn. Bởi thế, người phát tâm hoàng pháp phải tích cực, phải nỗ lực, phải học tập cách đối diện trước máy quay phim để giảng kinh thuyết pháp trong studio, khiến cho Phật pháp được phục hưng theo phương hướng ấy. Lòng tôi mong mỗi mỗi vị pháp sư giảng kinh đều có một trạm phát hình, tương lai chúng ta có thể phát đi suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ trên mạng Internet. Mỗi một cá nhân chuyên đổ công sức nơi một, hai bộ kinh, không cần quá nhiều, thỉnh chúng có thể chọn lựa. Họ thích học bộ kinh nào cũng như thích nghe quý vị giảng diễn, họ sẽ hằng ngày nghe, tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nan Trở Phật là như vậy đấy!

Hoàng hộ lại sợ bị ma tà, ngoại đạo chướng nạn, từ xưa đến nay, trong nước, ngoài nước đều không tránh khỏi chuyện này, suốt cả đời bản thân chúng tôi phải gặp không ít lần! Đụng chuyện, chúng tôi không

tranh, mau chóng thoái nhượng. Mau chóng thoái nhượng như vậy khiến cho chướng nạn giảm ít. Nói chung, phải nhớ kỹ, phải thường suy tưởng: “Chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không đối lập với bất cứ một chúng sanh nào”, phải nhớ thật kỹ điểm này. Sở dĩ Phật, Bồ Tát được gọi là Nhân Giả, tức là người nhân từ, bậc nhân từ không đối địch ai. Thế nào là Nhân Giả? Không có địch nhân. Đây là nhân từ thực sự. Nếu có kẻ đối lập, có oan gia đối đầu thì chẳng phải là người nhân từ. Người nhân từ vĩnh viễn không có oan gia đối đầu, lúc oan gia đối đầu đến tìm, ta phải nhường nhịn họ, tuyệt đối không đối lập với họ, quyết định không nóng giận, quyết định không báo thù. Người như vậy chính là Bồ Tát, là người giác ngộ.

Người không giác ngộ mới có tâm sân khuê, mới có ý niệm báo thù. Người giác ngộ quyết định không có! Vì thế, lúc cảnh giới hiện tiền, sẽ thấy quý vị là giác ngộ hay vẫn còn mê hoặc. Trong cuộc sống thường ngày, trong những sự việc nhỏ nhặt mình gặp phải, phải rèn luyện từ những chuyện nhỏ nhặt. Rèn luyện như thế nào? Đối với nghịch cảnh, chuyện chẳng vừa lòng, chuyện không như ý, không có tâm nóng giận, không mang tâm oán hận, không tâm báo thù, phải rèn luyện công phu ấy. Khi nghịch cảnh lớn lao hiện tiền, tâm địa quý vị tự nhiên rất thanh nhiên, dùng trí huệ để xử trí, chẳng làm việc theo cảm tình thì quý vị mới không bị hết thầy ma chướng gây chướng nạn.

Vị Phật thứ tư, Nhật Sanh Phật. Nhật là mặt trời, biểu thị trí huệ. Bởi thế, “*Nhật Sanh Phật biểu thị tướng giáo học tăng trưởng, huệ nhật tự - tha sáng rực giữa trời, chánh pháp tồn tại lâu dài, phước lợi trời - người*”. Vì vậy, giảng kinh, dạy học lòng phải rộng rang! Học tập nhất định phải hiểu phương pháp, người trên dạy dỗ chúng ta như thế nào, ta học thành như vậy rồi, ta phải biết dạy người khác như thế nào? Đòi đòi truyền cho nhau. Trước kia, thầy Lý dạy chúng tôi, thường thường khuyến khích chúng tôi: Từ cổ đến nay, những người sơ học phát tâm giảng kinh rất nhiều, đến cuối cùng, thành tựu e rằng chỉ được một, hai hay hai ba người mà thôi. Vì nguyên nhân gì? Thoái chuyển, thoái tâm! Gặp phải khó khăn chẳng thể đột phá. Nguyên nhân phổ biến nhất khiến ta gặp phải khó khăn là gì? Tâm háo thắng quá mạnh, tâm mong giỏi giang quá mạnh, đây là nguyên nhân gây thất bại bậc nhất trong việc học kinh giáo. Mười người thất bại, đại khái là chín người vì nguyên nhân này, tâm mong giỏi giang quá mạnh, hy vọng giỏi hơn người khác.

Vì thế, thầy Lý dạy chúng tôi: Từ cổ đến nay, người thành công phải ngồi yên đứng vững, giữ lấy câu giáo huấn lời vàng lẽ ngọc của cô

nhân: “*Đản cầu vô quá, bất cầu hữu công*” (Chỉ cầu không có lỗi, chẳng cầu có công). Quý vị giữ được hai câu ấy thì rất có thể thành công. Bởi lẽ, chỉ mong lên tòa giảng, giảng không sai lầm, không cầu giảng hay, không cầu giảng có hiệu quả, thường xuyên phản tỉnh, thường sửa lỗi. Muốn giảng giỏi thì nói chung phải mười năm, hai mươi năm, trong một thời gian dài như vậy ngày ngày sửa lỗi, ngày ngày phản tỉnh, tích lũy công đức mười năm, hai mươi năm, đương nhiên sẽ giảng rất hay. Đây chẳng phải là chuyện trong một thời gian ngắn, chỉ mấy tháng là đã giảng giỏi, hoặc một, hai năm bèn giảng giỏi, không có chuyện ấy đâu! Những bậc tổ sư đại đức xưa nay, thông Tông thông Giáo, không vị nào chẳng huân tu lâu dài mà thành công!

Đầu là thiên tài, nghĩa là “*nghe một, ngộ cả ngàn*” như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên tông, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho, vẫn phải như thế nào? Tuổi còn trẻ quá, phải đến ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, gần như là đến bốn mươi tuổi mới lộ diện. Hai mươi bốn tuổi được truyền y bát, ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, quý vị cứ nghĩ đi, bốn mươi tuổi mới xuất hiện, mà Ngài là bậc thiên tài đó nghe! Cũng chẳng thể cứ hễ làm được là ra mặt liền, sẽ làm không được đâu! Vì thế, tâm kiên nghị, nhẫn nại là bí quyết thành công, thành tựu càng lớn thì càng phải có tâm nhẫn nại. Người không có tánh nhẫn nại, đừng nói pháp xuất thế gian, ngay cả pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, kinh Kim Cang nói rất hay, “*nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn*” (hết thấy pháp được thành do Nhẫn), quý vị có thể nhẫn nại! Tuân thủ quy củ của thầy, thầy dạy quý vị như thế nào thì cứ thật thà làm theo.

Tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, tôi học bất cứ gì so với đồng học quả thật đều nhanh hơn, tôi có sức hiểu biết, tôi có năng lực ghi nhớ, nhưng thầy Lý vẫn hạn chế tôi: Bốn mươi tuổi trở đi mới được ra ngoài giảng kinh. Trước khi bốn mươi tuổi phải luyện tập giảng ở nhà, không cần ra ngoài. Bên ngoài có người mời cũng không đi, tôi tuân thủ quy củ ấy mười năm. Nếu tôi giống những người khác tâm mong giỏi giang quá mạnh, chẳng tuân thủ quy củ của thầy Lý, rất có thể tôi đã sớm bị đào thải rồi. Về thành tựu thế gian hay xuất thế gian thường có câu nói rất hay: “*Người chắt phác, người tuân thủ quy củ, những người như vậy được thành tựu*”. Không thật thà, không tuân thủ quy củ, ngày ngày cứ nghĩ chuyện huê dạng, thọ mạng sẽ không lâu! Chẳng những bị người khác ghen ghét, còn bị quỷ thần ghen ghét; nói cách khác, thân hộ pháp ít, còn những ác quỷ, la-sát rất nhiều. Họ đều tìm đến gây phiền phức,

chương ngại rất nhiều, đều ở quanh bên cạnh, làm sao có thể làm cho tốt được cơ chứ?

Bởi thế, con người chó nên có tâm ghen ghét, phải thường mong người khác giỏi hơn mình. Người khác giỏi hơn mình thì mình có phước. Giảng kinh, thuyết pháp, hoằng hộ chánh pháp đều là tu phước, ai sẽ hưởng phước? Đại chúng thanh tịnh hưởng phước, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật là hưởng phước đấy! Tôi rất thích mỗi ngày được nghe kinh, niệm Phật, chuyện gì cũng không cần hỏi đến, quý vị nói xem: Có phải là cuộc sống rất tốt đẹp hay chẳng? Thế nhưng tôi không có phước báo ấy, không ai giảng cho tôi nghe. Nếu hiện thời có một người có thể giảng kinh cho tôi nghe mỗi ngày, tôi sẽ hằng ngày cúi lạy người đó, hằng ngày cảm tạ, thật đó, không giả đâu! Tôi phải cảm tạ người ấy cúng dường pháp, cảm tạ tài cúng dường của những vị đại đức hộ pháp, lấy thành quả tu hành của chính mình để báo đáp.

Vị Phật cuối cùng là Võng Minh Phật, *“biểu thị phương pháp hoằng nguyện độ sanh, dùng vô lượng pháp môn (như những mắt lưới) cứu độ chúng sanh”*. Hoằng dương và hộ trì chánh pháp phải có hoằng nguyện như thế, phải có tâm lượng như thế, phải có trách nhiệm như thế thì Phật pháp mới hưng thịnh. Một đạo tràng giảng kinh thuyết pháp không phải chỉ có một vị pháp sư, nay chúng ta lập mười phòng học, chúng tôi hy vọng có mười vị pháp sư, chúng tôi hy vọng có mười môn, hai mươi môn học; nhưng học sinh chẳng thể cái gì cũng học hết được, không thể được! Học sinh tối đa chỉ học hai môn. Trước kia, ở Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi như thế; tối đa chỉ có thể học đồng thời hai môn, nhất định chẳng được học ba môn! Thầy nói học ba môn chẳng thể thành tựu. Tốt nhất là như thế nào? Tốt nhất là học một môn sẽ mau có thành tựu. Theo một vị thầy học một bộ kinh, học cho kỹ bộ kinh ấy, tốt nghiệp xong, quý vị mới có thể học bộ thứ hai.

Thế nào là tốt nghiệp? Nhất định phải được vị thầy gật đầu: “Người học được rồi”. Ngay chính bản thân tôi, trước kia ở Đài Trung, thầy Lý không hạn chế, nhưng chính chúng tôi tự hạn chế mình, học xong một bộ kinh, nhất định phải giảng mười lần, lên đài giảng! Thầy Lý dạy chúng tôi chỉ giảng một lượt, lần thứ hai là học sinh giảng cho thầy nghe, thầy giúp chúng tôi sửa cho đúng. Từ đó về sau, lần thứ ba, lần thứ tư, cho đến lần thứ mười, đều là thầy ngồi ở dưới nghe, học sinh giảng trên tòa. Giảng xong mười lần, thầy gật đầu: “Được rồi!”, thì mới coi là tốt nghiệp môn học ấy. Phương pháp dạy học chúng tôi dùng hiện nay tuân theo phương pháp ấy. Thầy hằng ngày nghe giảng, hằng ngày giúp

trò sửa cho đúng, ngày ngày giúp quý vị giải quyết vấn đề, giúp quý vị nâng cao cảnh giới.

Một bộ kinh học mùi biến xong, lại xem xét đức hạnh, định lực của quý vị. Quý vị có định lực sẽ chẳng bị danh văn lợi dưỡng bên ngoài lay động thì mới có thể ra giảng kinh được. Nếu ra giảng kinh, vừa tiếp xúc danh văn, lợi dưỡng bên ngoài tham - sân - si - mạn, ngay lập tức bị đọa lạc là xong. Trong tình huống ấy, chắc chắn không được đi. Đạo tràng có thể bảo vệ quý vị, quý vị ra ngoài không có ai bảo vệ, không chống chọi nổi dụ hoặc sẽ bị đọa lạc. Đọa lạc rồi quay đầu rất khó.

Võng Minh Phật là trong đạo tràng có nhiều nhân tài hoằng pháp, nhiều khoa mục. Vì thế, Phật giáo giống như một trường Đại Học, mỗi một vị thủ tòa hòa thượng là thầy giáo, mỗi thầy giáo đều có sở trường chuyên môn, thâm nhập một môn. Quý vị muốn học một bộ kinh luận nào, cứ theo học với vị đó, vị thầy ấy nhất định rất nghiêm túc dạy quý vị, thành tựu cho quý vị. Thầy trò hợp đạo, người dạy, kẻ học cùng tăng trưởng. Làm công tác hoằng pháp rồi nghỉ hưu thì làm công tác hộ pháp, cũng có nghĩa là đảm nhiệm chấp sự thường trụ, vì đại chúng phục vụ. Lúc tôi mới học Phật, tôi có ý nghĩ như sau: Trước năm bốn mươi tuổi học tập, hoằng pháp cũng thuộc về học tập. Từ năm bốn mươi đến sáu mươi tuổi, suốt cả hai mươi năm phải làm thường trụ phục vụ, đảm nhiệm công tác. Sau sáu mươi tuổi bèn nghỉ hưu, từ khước mọi công tác thường trụ, từ khước để làm gì? Chuyên môn giảng kinh dạy học, không phải bận tâm lo công việc.

Đối với hoằng pháp lẫn hộ pháp, tự mình đều có kinh nghiệm khá phong phú, biết phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp như thế nào, biết chăm sóc nhân tài hoằng pháp ra sao, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, có kinh nghiệm thực tế. Nếu trong đạo tràng người hoằng pháp càng nhiều, chúng tôi cũng càng mở nhiều pháp môn. Phương châm của chúng tôi là *“nhất định phải tuân thủ cách thức thâm nhập một môn, trường thời huân tu”* của cổ đức. Mỗi vị thầy chuyên dốc công sức nơi một môn, thời gian tối thiểu phải là mười năm. Mười năm chuyên dốc công phu nơi một môn thì sẽ thành tựu, chẳng thể học quá nhiều, quá tạp. Thông một môn, hết thầy đều thông; dẫu thông hết thầy môn, vẫn cứ chuyên hoằng một môn, vì sao? Nêu gương cho hậu học. Con người hiện thời không biết lợi ích của việc chuyên tu, nên nhất định phải làm gương cho họ thấy, khiến cho họ hiểu rõ, khiến họ hoan hỷ, họ sẽ có thể thành tựu. Lại xem tiếp phần Hạ phương, chúng tôi cũng đọc đoạn kinh văn nói về Hạ phương một lượt:

Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。名光佛。達磨佛。法幢佛。持法佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Đến đây là một đoạn. Phương dưới có tên sáu vị Phật, không giống như phần trên, trong đoạn trên là năm vị Phật, ở đây sáu vị. Đương nhiên những con số đều có ý nghĩa, chắc chắn không phải là ngẫu nhiên, chắc chắn không nêu tùy tiện. Con số ấy “*biểu thị đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh*”; đây là nói về pháp Đại Thừa! Dùng sáu vị Phật để biểu thị pháp, tượng trưng cho sáu Ba La Mật của Đại Thừa. Phương Bắc biểu thị sự hóa tha, khởi đầu! Giống như vị pháp sư học kinh giáo, đại khái là từ mười năm đến hai mươi năm đầu, đều thuộc vào giai đoạn này. Sau hai mươi năm dạy dỗ, giảng kinh giáo, có thể nói là lúc ấy đã mở mang trí huệ, dần dần cũng có thể khế nhập tam-muội. Người ấy có định lực, có trí huệ, có kinh nghiệm, có thể mở rộng sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, “*đại hạnh giáo hóa phổ độ chúng sanh*”, người ấy đã có thể ứng phó được.

Trong những đức hiệu của chư Phật, vị thứ nhất là Sư Tử Phật. Sư Tử là tỷ dụ, “*sánh ví sự thuyết pháp của Phật, biểu thị pháp vương tử thay Phật hoằng pháp, giống như Phật, chẳng hai*”. Bởi lẽ, người hoằng pháp ở đây không phải là sơ học, mà là pháp sư hoằng pháp thành thực, trong nhà Phật gọi là bậc Thượng Tọa. Hoằng pháp trọn mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, trọn ba mươi năm là Thượng Tọa. Theo như tập tục của chúng ta, tức tập tục trong nhà Phật mà nói, thì địa

vị ấy (được biểu thị bằng sáu vị Phật ở phương Hạ) là Thượng Tọa. Thượng Tọa là người thực hiện sự nghiệp giảng kinh hoàng pháp ba mươi năm, phải nhớ như vậy. Suốt ba mươi năm phải hằng ngày dạy dỗ thì mới xứng [danh xưng Thượng Tọa]!

Cả năm chỉ giảng một hai tuần hoặc một tháng thì không tính, vì không phải là giáo viên. Có trường học nào mà thầy chỉ lên lớp một tháng mỗi năm hay chẳng? Dạy một hai tuần thôi ư? Không có trường nào như thế cả! Giáo viên của những trường chánh quy phải dạy học hằng ngày, giáo sư Đại Học mỗi tuần tối thiểu phải lên lớp một lần hai tiếng hoặc ba tiếng, mỗi một tuần như thế chẳng thể gián đoạn, trường học như thế đó! Trong Phật pháp không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh mỗi ngày, suốt bốn mươi chín năm không gián đoạn. Ngày ngày giảng, mỗi năm giảng không gián đoạn, đủ ba mươi năm mới thực sự là Thượng Tọa. Tuyệt đối chẳng thể một ngày nóng, mười ngày lạnh mà tính là Thượng Tọa đâu nhé!

Năm vị Phật ở phương Bắc tượng trưng cho ba mươi năm đầu, sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho ba mươi năm sau. “*Đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh*”. Đức hạnh, trí huệ, học vấn, kinh nghiệm, kỹ xảo giáo hóa chúng sanh của quý vị đều thành thực; lúc đó có thể nói là “*pháp duyên thù thắng, hiện sư tử hống*”. Sư tử hống tượng trưng cho đức Phật thuyết pháp. Pháp vương tử thay Phật thuyết pháp, nên ta nói là “*giống như Phật, chẳng hai*”. Quý vị không giảng làm kinh giáo, bất luận quý vị nói cạn hay sâu, nói dài, nói ngắn, nhất định khế cơ, khế lý. Trên là khế hợp lý được chúng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng được độ. Đó là bản lãnh của Phật, quý vị cũng phải học theo. Quý vị hãy suy nghĩ: Tự hành, hóa tha, năm dài tháng chầy thành thực, chẳng phải là háo cường háo thắng trong một thời gian ngắn mà hòng thành tựu! Không có đạo lý ấy đâu nhé! Bởi thế, đối với một điểm này, quý vị nhất định phải cảm kích người hộ pháp.

Sở dĩ tôi cảm kích Hàn Quán Trưởng là vì bà ta giúp tôi suốt cả ba mươi năm. Ba mươi năm giúp cho tôi có cơ hội hằng ngày lên đài giảng. Mỗi ngày đều có cơ hội lên đài giảng, đó mới chính là chân chánh hộ pháp. Do đó, chúng tôi cảm kích, chúng tôi được thành tựu như thế này. Nếu không có ba mươi năm ngày ngày giảng kinh, dễ hòng thành tựu ư? Ba mươi năm, đúng là như người ta thường nói “bà ta giúp tôi lên bậc Thượng Tọa rồi bèn tịch”. Chúng tôi vĩnh viễn ghi nhớ, vĩnh viễn ôm lòng báo ân, dùng cách nào để báo ân? Dùng thành tích của chính mình

để báo đáp; ngoài cách ấy ra, không có cách gì báo đáp được.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 32

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương dưới, vị Phật thứ hai trong sáu vị Phật ở phương dưới.

Danh Văn Phật.

名聞佛。

“Danh xưng (tức danh hiệu của Ngài) vang khắp mười phương, biểu thị Ngài là con mắt của trời người, giống như Quán Âm, Phổ Hiền, các vị tổ sư trong nhà Phật”. Phương dưới nêu tên sáu vị Phật nhằm biểu thị nền giáo dục của đức Phật thịnh hành trong thế gian, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, cầu sanh về Tịnh Độ. Vì sao phá mê khai ngộ phải cầu sanh về Tịnh Độ? Có đạo lý đấy! Có thực sự giác ngộ thì mới cầu sanh về Tịnh Độ. Nói cách khác, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, dẫu công phu giỏi đến mấy, đắc tam-muội, minh tâm kiến tánh, nhưng nếu không cầu sanh về Tịnh Độ, quý vị chẳng thực sự triệt ngộ. Người thực sự triệt để giác ngộ, không ai chẳng cầu sanh về Tịnh Độ!

Quý vị thấy bậc Địa Thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên) trong kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, thực sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Đầu - cuối: Đầu là bậc Sơ Địa, cuối là Đẳng Giác, tổng cộng mười một địa vị. Trong mười một địa vị ấy, không vị nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không vị nào chẳng cầu sanh về Tịnh Độ. Văn Thủ, Phổ Hiền nêu gương! Hai vị thượng thủ trong hội Hoa Nghiêm bày đầu, phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ! Do đây biết rằng: Chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ, không ai chẳng phát tâm cầu sanh về Tịnh Độ!

Danh Văn Phật đương nhiên không ngoại lệ. Ở đây, danh hiệu Phật này tượng trưng cho con mắt của trời - người. Thiên - nhân tượng trưng cho ba đường lành trong lục đạo, có huệ nhãn, có khả năng phân biệt đúng - sai, tà - chánh, lợi - hại. Trong các pháp thế gian và xuất thế gian, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, thù thắng không gì sánh bằng, sao không tuyển chọn pháp môn này? Quán Âm Bồ

Tát là vị thượng thủ Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thượng thủ Bồ Tát trong pháp hội của Tỳ Lô Giá Na Phật nơi thế giới Hoa Tạng, các tổ sư đại đức trong nhà Phật phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ rất nhiều. Danh hiệu mấy vị Phật [trong phương dưới] này đều là [biểu thị] Phật pháp thịnh hành trong thế gian, hiển thị tình trạng hưng vượng. Vị Phật thứ ba là:

Danh Quang Phật.

名光佛。

“*Biểu thị đại trí tùy duyên, pháp âm xa nghe, có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Trong đức hiệu của Phật có một chữ Danh nhằm bao hàm mật nghĩa! Mật nghĩa ấy chính là dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, quyết định vãng sanh. Quang biểu thị trí huệ. Vì thế, danh hiệu này biểu thị trí huệ viên mãn, hằng thuận chúng sanh, ứng theo căn cơ mà ban bố giáo pháp; “*Tùy*” là tùy thuận chúng sanh. [*“Tùy duyên”*] là tùy thuận căn tánh, tùy lòng chúng sanh ưa thích, tùy thuận phương thức sinh sống hiện tại của chúng sanh mà vì họ diễn nói. Bởi thế, Phật giáo hóa chúng sanh hết sức sống động, tùy thời, tùy chỗ mà biến hóa, điều này rất giống với việc dạy học trong thế gian. Ví như một đứa trẻ, tùy theo độ tuổi của nó, tuổi của nó lớn hơn thì trí huệ và kinh nghiệm cũng tăng trưởng theo. Thầy dạy nó nhất định phải tùy theo độ tuổi, tùy theo trí huệ, tùy theo kinh nghiệm của nó mà không ngừng điều chỉnh tài liệu giảng dạy và phương pháp dạy dỗ. Tuyệt đối chẳng thể dạy nó bằng một khóa trình hễ đã soạn thành thì bất biến, không phải như vậy!

Dẫu cho việc dạy học thời cổ, đúng là từ nhỏ (lúc mới sáu bảy tuổi) liền dạy nó đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, đến năm bảy tám mươi tuổi tóc râu bạc trắng vẫn đọc Tứ Thư Ngũ Kinh, tài liệu giảng dạy không thay đổi; nhưng quý vị phải hiểu: Trong phương pháp dạy học, đối với việc giải thích, thấu hiểu, vận dụng tài liệu giảng dạy, đúng là theo từng độ tuổi mà thay đổi. Kinh điển Phật giáo cũng giống như thế. Từ lúc quý vị mới học Phật dạy quý vị đọc kinh, cho đến một trăm tuổi vẫn là đọc một bản kinh đó, nhưng có thể nói là quý vị lãnh hội sai khác, mỗi năm không giống nhau, mỗi tháng khác nhau. Đem những ý nghĩa do quý vị đã thấu hiểu từ kinh sách áp dụng vào cuộc sống thực tại, áp dụng vào công việc, áp dụng trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, dẫn dắt chúng sanh phá mê khai ngộ trong đời này, lìa khổ, được vui. Chẳng những dẫn

dắt một đời mà lại còn dấn dặt đời đời kiếp kiếp trong mai sau, kinh điển chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, phải biết tùy cơ diễn nói!

“*Pháp âm xa nghe*”: Phàm phu chúng ta chẳng dễ gì hiểu nổi chuyện “*pháp âm xa nghe*” này. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta có thể dùng kỹ thuật khoa học để chuyển tải hình ảnh và âm thanh thành sóng điện từ (electromagnetic wave). Người ở phương xa thu được sóng điện từ ấy, lại chuyển nó thành hình ảnh và âm thanh, nên sẽ thấy được, nghe được. Nay nhờ máy truyền hình, máy phát thanh (radio), mạng Internet nên hình ảnh và âm thanh đều có thể thấy được. Pháp âm xa nghe đấy! Nhưng thật ra, chúng ta mê mất tự tánh nên tác dụng đức năng trong tự tánh chẳng hiện tiền, bởi thế, các nhà khoa học dùng máy móc, dùng khí cụ (dụng cụ) để hỗ trợ chuyển biến. Chứ trên thực tế, kinh Phật dạy chúng ta, không cần phải nhờ vào bất cứ máy móc nào, tự bản thân chúng ta sẵn có năng lực. Sắc tướng, âm thanh, ý niệm và tạo tác của chúng ta trong khoảng sát-na tự hồ đồng thời trọn khắp hư không pháp giới. Chúng ta phải hiểu đạo lý và chân tướng sự thật này. Nếu sự thấy - nghe - hay - biết của chúng ta chẳng trọn khắp hư không pháp giới, quý vị hãy nghĩ xem, lẽ nào chúng ta lại có thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát?

Tâm tánh của Phật và Bồ Tát trọn khắp hư không, pháp giới, tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, nói theo mặt tâm tánh thì không hai, không khác, tự - tha bất nhị; chẳng những chúng sanh và Phật không hai, mà chúng sanh và hết thảy hữu tình, vô tình chúng sanh cũng không hai! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta hãy chú tâm thấu hiểu và quán sát sẽ thấy vũ trụ là một Thể, đã là một Thể thì nhất định chẳng thể chia cắt! Nay nói từ cái thân người của chúng ta đây thì tất cả hết thảy khí quan và các tế bào trên thân người đều là một Thể, nhưng cái một Thể ấy lại có thể chia cắt, hiện tại có thể dùng “thủ thuật ngoại khoa” (giải phẫu) để chia cắt. Vũ trụ một Thể là Pháp Thân, Pháp Thân chẳng thể chia cắt. Bởi vậy, nếu muốn tỷ dụ thì nói thật ra, chẳng có một vật nào có thể dùng để sánh ví cho thích hợp; tỷ dụ chỉ có thể mượn tượng, tương tự; chắc chắn không có cách nào sánh ví cho thật hợp được.

Như vậy, thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới, do chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên năng lực ấy bị chướng ngại, chứ năng lực ấy không hề bị hoại mất. Khi nào quý vị trừ được chướng ngại ấy, năng lực sẽ khôi phục hiện tiền. Nói “khôi phục” cũng không thích đáng! Khôi phục là phải mất đi rồi có lại được

thì mới gọi là khôi phục; chứ về căn bản, năng lực ấy không hề bị mất đi, chỉ là bị chướng ngại mà thôi! Dầu bị chướng ngại, năng lực vẫn khởi tác dụng y như cũ, chẳng qua nó khởi tác dụng nhưng chúng ta không cảm nhận được. Chướng ngại là như vậy đó, chướng ngại sự cảm nhận của chính chúng ta là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa thể buông xuống được! Nói chung, phải hiểu rõ: Quả thật pháp âm có thể xa nghe.

“*Có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Đây là âm thanh thù thắng, phần trên gọi là “âm thanh tối thù thắng” (Tối Thắng Âm). Thế nhưng, nói thật ra, mê hay ngộ là do chính mình. Người hiểu và kẻ không hiểu khác biệt rất lớn; bởi vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn và Giáo Hạ nhà Phật thường trắc nghiệm học trò: “Người hiểu ư?” Câu hỏi này có ý nghĩa rất sâu xa, sâu rộng vô tận. “Người hiểu ư?”, nếu quả thật hiểu, phàm tất cả tướng đều là Thật Tướng; tất cả âm thanh đều là Phật âm, hiểu là như vậy đó! Hiểu là giác ngộ. Nếu như mê thì cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn sẽ được gọi là “*sáu trần*”!

Trần (塵) là gì? Trần là bất giác, Trần là mê hoặc, Trần là ô nhiễm, đó gọi là “*sáu trần*”. Sau khi giác ngộ thì không gọi là sáu trần nữa mà gọi là “*sáu tánh*”, mắt thấy Sắc Tánh, chứ không phải là Sắc Trần. Như vậy, chưa hiểu thì mắt thấy Sắc Trần, tai nghe Thanh Trần; còn nếu giác ngộ thì mắt thấy Sắc Tánh, tai nghe Thanh Tánh, thấy - nghe - hay - biết đều là tánh, minh tâm kiến tánh! Căn tánh Năng Kiến (chủ thể nhận biết) của sáu căn và sáu tánh (tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu tánh) của cảnh giới Sở Kiến (bị nhận biết), Năng - Sở là một không hai. Vì thế, ông Âu Dương Cánh Vô nói: “*Phật pháp không phải là triết học!*” Trong triết học, Năng và Sở là hai; trong Phật pháp, Năng và Sở là một, không hai. Ý nghĩa này rất sâu!

Tánh Thấy và Sắc Tánh là một tánh. Quý vị thường nghe nói đến Phật Tánh và Pháp Tánh, ở đây, quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng: Mắt thấy Sắc, căn tánh của mắt là Phật Tánh; còn sắc tánh của sắc tướng được quý vị thấy đó thì là Pháp Tánh. Nếu như mê thì [tác dụng nhận biết của nhãn] căn chẳng được gọi là Căn Tánh, mà gọi là Nhãn Thức, những gì ở bên ngoài được thấy bởi Nhãn Thức sẽ gọi là Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh. Mê một thì mê hết thấy, mê nơi chính mình nên cũng mê nơi cảnh giới bên ngoài. Mê nơi chính mình là chuyển Tánh Thấy thành Nhãn Thức, đó là mê vậy! Tánh Thấy bị chuyển thành Nhãn Thức thì cảnh giới bên ngoài cũng bị chuyển theo, y báo chuyển theo chánh báo; Sắc

Tánh bên ngoài bị chuyển thành Sắc Trần, cảnh chuyển theo tâm mà! Từ chỗ này, ta có thể hiểu hết sức rõ ràng thế nào là Phật tánh, thế nào là Pháp Tánh? Phật Tánh có thể biến, có giác và mê; Pháp Tánh thì không, Pháp Tánh chuyển theo Phật Tánh. Phật Tánh là chánh báo, Pháp Tánh là y báo; y báo hoàn toàn chuyển theo chánh báo.

Chánh báo giác ngộ thì chính là như Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch; Sư giảng rất hay: “*Bỏ Thức dùng Căn*”. Bỏ Thức dùng Căn là chuyển Thức thành Trí, Pháp Tướng Tông gọi [bỏ Thức dùng Căn] là “*chuyển Thức thành Trí*”. “*Chuyển*” thì có chuyển trên mặt Nhân và chuyển nơi mặt Quả. Trong tám thức thì thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển nơi Nhân, năm thức đầu và thức thứ tám chuyển nơi Quả. Quý vị hiểu rõ thì sẽ biết chúng ta phải dụng công như thế nào. Năng lực mạnh nhất của thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt, năng lực mạnh nhất của thức thứ bảy tức Mạt Na Thức là chấp trước. Vậy thì chúng ta phải chuyển chúng bằng cách nào? Không chấp trước hết thấy pháp thế gian hay xuất thế gian, không chấp trước là chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Không phân biệt hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian nữa; không phân biệt sẽ chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Phải chuyển từ chỗ ấy. Đối với thức thứ tám và năm thức trước, quý vị không cần phải bận tâm, hai thứ đó sẽ chuyển theo. Thức thứ tám và năm thức trước thấy đều bị chuyển cả, liên đới chuyển theo.

Người tu hành bất luận tu học một pháp môn nào, trong kinh Phật thường nói là “*tác quán*”. Danh từ “*Chỉ Quán*” chỉ chung cả tám vạn bốn ngàn pháp môn, kể cả pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật. Trong nhà Phật, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, danh từ ấy (tức Chỉ Quán) là nguyên tắc chỉ đạo tổng quát, là tổng cương lĩnh. Chẳng hạn như chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có phải là tu Chỉ Quán hay không? Phải! Lúc niệm một câu A Di Đà Phật, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có, buông ý niệm xuống chính là Chỉ; một câu Phật hiệu rõ ràng, minh bạch là Quán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn nói Trì Danh Niệm Phật là “*thậm thâm thượng diệu Thiên*”, Thiên chính là Chỉ Quán. Vì sao nói niệm Phật không phải là Tu Thiên? Đúng là đang tu Thiên ấy chứ, đã thế, lại còn tu Thượng Thượng Thâm Diệu Thiên, rất ít ai biết!

Chỉ (止) là gì? Là dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho chúng ngừng dứt. Trong giáo pháp Đại Thừa, Chỉ thường được gọi

là tam-muội, tâm địa vĩnh viễn giữ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là Chi! Quán (觀) là cảnh giới bên ngoài rõ ràng, minh bạch; trong - ngoài đều rõ ràng; trong là căn tánh của sáu căn, ngoài là Pháp Tánh. Minh tâm kiến tánh! Minh tâm là năng kiến, chân tâm; Kiến tánh: Không một pháp nào chẳng do tánh biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm thức là Pháp Tánh. Vì thế, đạt đến cảnh giới này, những cảnh giới mà sáu căn đối ứng và tiếp xúc chỉ là Pháp Tánh mà thôi! Giống như cô đúc thường ví von: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Vàng ròng chế làm ngàn vạn món đồ vật, lấp lánh chói mắt để mình đến ngắm nghía, thưởng thức. Quý vị nhìn xong, thấy chúng là gì? Chỉ là hoàng kim mà thôi! Ngoài hoàng kim ra, không có gì khác hết.

Vì vậy, người thực sự minh tâm kiến tánh thấy núi, sông, đại địa, hư không, pháp giới, hết thấy chúng sanh, nếu quý vị hỏi người ấy thấy gì ư? Những gì họ thấy là một tánh; giống như những thứ lấp lánh chói mắt ta thấy toàn là vàng ròng, khắp tất cả là vàng ròng! Trừ hoàng kim ra, không còn có gì khác. Lúc kiến tánh, ngoại trừ Pháp Tánh ra, cái gì cũng không có! Pháp Tánh là thanh tịnh, Pháp Tánh là bình đẳng, Pháp Tánh không sanh diệt, Pháp Tánh không đến đi: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra từ nơi nào, diệt tận ngay nơi đó), “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (tùy theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ). Quý vị thấy mấy câu kinh Lăng Nghiêm giảng rất rõ ràng. Chân tướng của vũ trụ vạn hữu đây! Phá mê khai ngộ rồi sẽ lìa khổ được vui, tất cả hết thấy khổ đều chẳng có; chẳng bị hết thấy khổ, đó chính là lạc!

Trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn cho biết vì sao thế giới ấy gọi là Cực Lạc? Đức Phật giảng rất hay, chúng sanh trong thế giới ấy không có các nỗi khổ, không phải chịu khổ, nên gọi là Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta khổ nhiều vui ít, vui cũng là khổ, chẳng phải là chân lạc! Vì thế, đức Phật nói Vui là Hoại Khổ, không khổ không vui là Hành Khổ; nói cách khác, nỗi khổ bao trùm mọi trạng huống cuộc sống của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Bọn họ đang chịu khổ, tam giới đều khổ. Thế giới Cực Lạc không khổ, chẳng có Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ; vì thế, gọi là Cực Lạc. Chúng ta hiểu rõ, hiểu thông suốt, hiểu rành rẽ ý nghĩa thâm diệu ấy thì sẽ chết lòng trọn ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đã thế, còn khuyên người khác. Bất cứ chương nạn nào cũng chẳng chương ngại quý vị được! Vì sao? Thực sự hiểu rõ, hiểu minh bạch chân tướng của sự thật. Danh Quang Phật là như vậy đó. Tiếp theo là vị Phật:

Đạt Ma Phật.

達磨佛。

Đạt Ma (Dharma) là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp. Chúng ta nói Phật - Pháp - Tăng: Phật Đà (Buddha), Đạt Ma (Dharma), Tăng Già (Sangha) đều là dịch âm tiếng Phạn, bởi thế, Đạt Ma được dịch là Pháp, “*biểu thị đại pháp được truyền thừa từ chính đức Phật*”. Pháp môn ấy sâu rộng vô tận, không pháp nào có thể sánh bằng. Quý vị học đại pháp ấy từ đâu? Ta học từ thầy, thầy là ai? Thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương nhiên, chúng ta được thừa hưởng từ từng đời tổ sư truyền xuống nên chúng ta mới biết. Tuy là tổ sư dạy cho chúng ta, nhưng kinh chúng ta đọc ở đây là do chính miệng Như Lai nói ra, tổ sư đại đức lại giới thiệu cho mình. Chúng ta mở kinh ra chính là được truyền thừa trực tiếp từ đức Phật.

Huống chi Thích Ca Mâu Ni Phật trước khi nhập Niết Bàn dạy chúng ta Tứ Y Pháp (bốn phép nương tựa). Phật không còn trong thế gian, chúng ta phải nương tựa vào đâu? Đức Phật rất từ bi, chỉ dạy chúng ta Tứ Y Pháp:

1) Thứ nhất là “*y pháp, bất y nhân*” (nương vào pháp, chứ không nương theo người). Pháp là gì? Pháp là kinh điển. Nương theo Pháp, Pháp do đức Phật nói, trực tiếp nương theo lời Phật giảng. Quý vị thầy đó, thực sự phi phạm! Chúng ta là truyền nhân trực tiếp của Thích Ca Như Lai. Đặc biệt là Tịnh Độ tông, Tịnh Độ tông không có tổ sư, tổ sư Tịnh Độ tông do đâu mà có? Do người đời sau đặc biệt tôn kính những vị tu Tịnh Độ ấy, xưng tụng các Ngài là tổ sư. Bởi thế, tổ sư Tịnh Độ tông khác với tổ sư các tông phái khác. Hết thầy tông phái khác là một thầy truyền cho một trò, vì thế có nhiều đời. Tịnh Độ tông không có, Tịnh Độ tông là dân tuyển, chẳng phải là một người truyền cho một người: Sơ Tổ không truyền cho Nhị Tổ, Nhị Tổ cũng chẳng truyền cho Tam Tổ. Người đời sau công nhận thành tựu của vị ấy: Đối với sự tu trì Tịnh Độ, đối với việc hoằng dương Tịnh Độ tông, Ngài có công hiến đặc biệt thù thắng, bèn tôn Ngài làm tổ sư. Bởi thế, cho đến nay, Tịnh Độ tông chỉ có mười ba đời, tức là chỉ có mười ba vị. “*Y pháp bất y nhân*”, trực tiếp truyền thừa.

Chúng ta trực tiếp truyền thừa giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, ba kinh một luận của Tịnh Độ tông, sau này, tổ sư đại đức thêm vào hai loại, nay là năm kinh một luận, đủ rồi, đó là trực tiếp truyền thừa! Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, quả thật trong Tịnh Độ tông không

có Tổ Sư truyền cho nhau từng đời, chúng ta chớ hiểu lầm. Vì sao? Mỗi một người tu Tịnh Độ đều là trực tiếp truyền thừa, thật chẳng thể nghĩ bàn! Ai nấy đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, là đích truyền! Bởi thế, pháp môn này được hết thầy chư Phật khen ngợi, hết thầy Bồ Tát, thiện thần ủng hộ, chẳng phải là không có lý! “*Kham làm khuôn phép cho chúng sanh*”, được truyền thừa từ chính đức Phật, kham làm khuôn phép cho chúng sanh, làm mô phạm cho hết thầy chúng sanh, “*tức là Tứ Y Pháp trong nhà Phật vậy*”. Chúng tôi cũng nêu Tứ Y Pháp ở đây, “*y pháp bất y nhân*”.

2) Thứ hai, “*y nghĩa bất y ngữ*” (nuông theo nghĩa chứ không nương theo lời nói). Hiện thời có rất nhiều người phê bình bản hội tập, họ không hiểu câu này trong pháp Tứ Y. Nếu hiểu được câu này, vấn đề sẽ được giải quyết ngay. Cốt sao ý nghĩa của Phật minh bạch, lời lẽ nhiều thêm một câu hay bớt đi một câu, nói sâu, nói cạn, nói dài, nói ngắn cũng không ăn nhằm gì. Chỉ cần đúng ý nghĩa là được rồi! Nêu ra pháp Tứ Y này, đức Phật biết rõ ràng minh bạch rằng trong tương lai kinh giáo lưu thông đến mười phương, ngôn ngữ, văn tự tại mỗi địa phương khác nhau, nhất định phải thông qua phiên dịch. Phiên dịch rồi, những bản dịch ấy có được đại chúng tin tưởng hay không thì dùng pháp Tứ Y này để luận. Bản dịch không có vấn đề: Hễ ý nghĩa đúng thì ngôn ngữ bất đồng cũng không sao hết! Ý nghĩa phải đúng! “*Y nghĩa bất y ngữ*”.

Bản hội tập là [tập hợp những ý quan trọng được] tuyển chọn từ năm bản dịch gốc, chúng ta đem bản hội tập đối chiếu với những bản dịch gốc, không sai ý nghĩa, y nghĩa bất y ngữ, chúng ta thấy tin tưởng được, có thể sử dụng được. Nếu phản đối tức là không hiểu Tứ Y Pháp. Nói thật ra, hiện nay có rất nhiều người nghi hoặc những bản phiên dịch không đáng tin, nhất định phải dựa vào nguyên bản Phạn văn. Theo như chúng tôi biết về kinh điển nguyên bản bằng Phạn văn thì lúc đức Phật còn tại thế, không dùng văn tự để ghi chép. Sau khi đức Phật diệt độ, ngài A Nan nhắc lại, đại chúng ghi chép. Rốt cuộc là đáng tin tưởng hay không? Nếu thực sự tìm lấy bản gốc tin tưởng được, thì không phải do người thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật ghi chép lại sẽ không được. Từ miệng người này truyền sang người khác, ai nấy đều hoài nghi, sẽ trở thành vấn đề nghiêm trọng. Tất cả hết thầy kinh, ngay cả nguyên bản Phạn văn cũng bị phết mấy dấu hỏi, như vậy là quý vị sẽ không đạt được lợi ích thù thắng!

3) Thứ ba, “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*” (nuông theo kinh

liễu nghĩa, không nương vào kinh không liễu nghĩa). Liễu nghĩa là gì? Bất liễu nghĩa là gì? Ở đây, tôi chỉ ra nguyên tắc cho quý vị: Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa mỗi người mỗi khác. Khế cơ và khế lý thì là liễu nghĩa; khế lý không khế cơ là bất liễu nghĩa. Khế cơ mà không khế lý cũng là bất liễu nghĩa. Liễu nghĩa nếu giảng đến rốt ráo là nếu chúng ta nương vào pháp môn này để tu học, trong một đời chúng ta có thể khai ngộ, có thể chứng quả, có thể vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, thì đối với ta, pháp môn ấy là liễu nghĩa! Rốt ráo liễu nghĩa thì phải giúp cho chúng ta trong một đời này chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo. Đây chính là liễu nghĩa bậc nhất trong các liễu nghĩa. Ngàn kinh vạn luận bày trước mặt quý vị, chính quý vị chọn lựa, pháp môn nào, bộ kinh nào đối với chúng ta là rốt ráo liễu nghĩa? Chính là bộ kinh nào, pháp môn nào mà chúng ta y theo đó, trong một đời này sẽ chắc chắn thành tựu Phật quả viên mãn. Quý vị hãy suy nghĩ, trừ kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ ra, muốn trong một đời sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo là chuyện không thể được. Nói cách khác, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là liễu nghĩa rốt ráo!

Kinh Di Đà từ xưa đến nay có hai bản dịch, La Thập đại sư dịch ý, đó chính là bản dịch chúng ta đang đọc tụng. Bản dịch của ngài Huyền Trang là dịch thẳng. Hai loại bản dịch như vậy. Nay chúng tôi đều in cả hai bản dịch, quý vị có thể tham khảo, có thể so sánh. Từ cổ đến nay, tổ sư đại đức, rất nhiều người học Phật đều chọn lấy bản dịch của ngài La Thập, quả thật đây là bản dịch hay. Còn như kinh Vô Lượng Thọ, từ mục lục Đại Tạng Kinh, chúng ta thấy thời cổ kinh này được phiên dịch đến mười hai lần. Từ đời Hậu Hán đến Nam Tống, trong vòng tám trăm năm, tổng cộng mười hai lần phiên dịch, nhưng có những bản đã bị thất truyền, tức là có bảy bản trong số ấy bị thất truyền, nay chỉ còn lưu truyền năm bản, chúng ta gọi là “năm bản dịch gốc”(ngũ chủng nguyên dịch).

Đối chiếu những bản ấy thấy sự khác biệt rất lớn, vì thế, dựa trên tình hình này cổ đức nhận định: Nhất định Thích Ca Mâu Ni Phật phải giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần, chứ không phải chỉ một lần. Nếu chỉ một lần, cùng một bản gốc đầu được nhiều người dịch đến đâu đi nữa thì chỉ đại đồng tiểu dị, không thể nào sai biệt quá lớn như thế được! Rõ ràng nhất là phần phát nguyện của A Di Đà Phật, quý vị thấy đó, trong năm bản dịch, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai bản ghi hai mươi bốn nguyện, một bản ghi ba mươi sáu nguyện, sai biệt rất lớn như thế. Nếu chỉ là một bản gốc (tức nguyên bản tiếng Phạn) thì chẳng thể có dị

biệt lớn như vậy được. Vì vậy, từ ba loại sai biệt ấy, cổ đức phán đoán đương thời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ tối thiểu ba lần. Chúng ta không được đọc những bản thất truyền, nhưng nói chung kinh này phải được giảng từ ba lần trở lên! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh chưa bao giờ giảng trùng lặp, thế nhưng kinh Vô Lượng Thọ lão nhân gia giảng tối thiểu ba lần, nên bộ kinh này rất đáng được coi trọng!

Do vậy, hội tập là chuyện cần thiết! Người hội tập sớm nhất là ông Vương Long Thư, người đời Tống. Bản hội tập của ông Vương Long Thư mang tên Đại A Di Đà Kinh, đã được lưu trong Càn Long Đại Tạng Kinh, tức là đã nhập tạng rồi. Trong tác phẩm chú giải A Di Đà Kinh là A Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư có trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ, quá nửa những đoạn kinh Vô Lượng Thọ được Ngài trích dẫn lấy từ bản hội tập của ông Vương Long Thư. Do đây ta biết, bản hội tập của ông Vương Long Thư đã được tổ sư khẳng định! Tổ sư chẳng trích dẫn từ bản dịch gốc mà dùng bản hội tập là có lý. Nếu nay chúng ta hoài nghi bản hội tập thì là sai lầm quá sức, chính là không hiểu được pháp Tứ Y!

4) Pháp cuối cùng trong Tứ Y Pháp là “*y trí bất y thức*”. Đây chính là điều chúng ta hiện đang nói: Chẳng riêng việc học Phật mà ngay cả trong xử sự, đãi người, tiếp vật bình thường, cũng phải dựa theo Lý Trí, chẳng được làm việc theo tình cảm. Nay ta gọi Thức là “dùng cảm tình để xử sự”. Xử sự theo cảm xúc thường mắc sai lầm, quý vị phải dựa vào Lý Trí, học Phật lại càng phải làm như thế. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Phải dùng trí huệ để phán đoán, chọn lựa, chẳng thể xử sự theo cảm tình. Xử sự theo cảm tình sẽ tạo thành sai lầm.

Ở đây, chúng tôi có chú thích một câu như sau: “*Pháp sư Khuy Cơ soạn Thông Tán Sớ để làm gương cho mạt thế*”. Làm gương như thế nào? Chính là “*y trí bất y thức*”. Khuy Cơ đại sư là đồ đệ của Huyền Trang đại sư, Ngài soạn Thông Tán Sớ để chú giải kinh A Di Đà, nhưng không dùng bản dịch của thầy mình. Nói theo lẽ thường, bản dịch của thầy mình khá lắm, lẽ ra, ta phải dùng bản dịch của thầy mình để soạn chú giải. Ngài lại không làm như vậy, mà dùng bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Như vậy có phải là bất kính đối với thầy hay chẳng? Không phải! Bản dịch của ngài La Thập rất hay, đã được lưu truyền rộng rãi toàn quốc, có gì phải dùng bản dịch của thầy mình, rất ít người đọc đến bản dịch ấy. Khi Ngài chú giải kinh này, dù là tình thầy trò, vẫn chẳng thể nhiều loạn sự thấy nghe của người tu hành. Ngài chọn dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập, thầy Ngài là Huyền Trang đại sư cũng không trách móc, không nói: “Người phản

thầy nghịch đạo!” Không hề có! Huyền Trang đại sư có nhã lượng như vậy, Khuy Cơ đại sư làm như vậy khá lắm. Đó chính là “*y trí bất y thức*”, nương theo lý trí chứ không dùng cảm tình. Thầy trò họ nêu gương cho chúng ta.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ năm trong đoạn thứ sáu của phần Mười Phương Phật.

Pháp Tràng Phật.

法幢佛。

“*Biểu thị vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp, dựng tràng pháp, lập tông chỉ, giáo hóa thịnh hành, phước độ chúng sanh*”. Đó là ý nghĩa của danh hiệu này. Tràng (dhvaja) là một loại cờ xí, chúng ta thường nói là “*tiêu chí*” (biểu hiệu). Tràng có hình tròn, hơi giống bình nén khí ở phi trường, hơi giống hình dạng ấy. Tại Trung Quốc và Nhật Bản, chúng ta vẫn thường thấy những cái tràng tại các tự viện lớn.

Thời cổ, khi chùa chiền giảng kinh, thuyết pháp, nay chúng ta gọi là “lên lớp”, làm thế nào để thông tri cho người khác biết mà đến nghe, đến cùng học tập? Phật pháp là đạo thầy trò, người Hoa hết sức coi trọng và tôn kính thầy. Bởi vậy “*chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (chỉ nghe nói có kẻ tới xin học, chứ chưa nghe nói thầy phải đi tới chỗ trò để dạy). Học là cầu học, quý vị phải đến chỗ thầy để cầu học, chứ thầy không phải đến dạy cho mình. Thầy hết sức khiêm hư, trọn chẳng dám chèo kéo quý vị, nay ta nói “*chiêu sinh*”, chứ xưa kia không dám bảo là chiêu sinh. Nói “*chiêu sinh*” là rất cuồng vọng, anh có đức hạnh gì mà dám dạy người khác, người càng đạo đức lại càng khiêm hư. Làm cách nào đây? Bèn dùng tràng phan, dùng phương pháp ấy để thông báo cho mọi người biết: Bữa nay trong đạo tràng của chúng tôi có giảng kinh, dạy học, chúng tôi treo tràng trên cột cờ. Mọi người xa gần trông thấy cột cờ của đạo tràng có treo cái tràng hình tròn, liền biết hôm nay pháp sư sẽ giảng kinh, thuyết pháp, người thích nghe kinh sẽ tự đến. Vì thế, không chiêu sinh, mà là thông tri, quý vị thích thì đến, không thích thì thôi. Dùng phương pháp ấy, hoàn toàn tự động, khiêm hư mà!

Trong thời đại hiện nay lại khác hẳn, trong thời đại hiện tại đã bước vào giai đoạn kỹ thuật cao, chúng ta không dùng tràng nữa, vì với khoảng cách rất gần dùng tràng thì được, chứ với khoảng cách xa thì không có hiệu quả. Nay chúng ta đem thời gian, băng tần [của đài truyền hình hay đài phát thanh] giảng kinh in ra như quảng cáo để giới thiệu cùng hết thầy đại chúng, khiến cho mọi người đều biết. Nếu quý vị thích nghe kinh, thích nghe kinh gì, vào lúc nào, ở làn sóng nào thì đến lúc đó quý vị tự mở lên, hoàn toàn có cùng ý nghĩa với tràng phan.

Vì thế, giới thiệu cho người khác nghe kinh, nay có thể không cần phải gởi tặng kinh sách, băng thâu hình, băng thâu âm, đều không cần đến nữa, tốt nhất là in những tấm cạc (card), to bằng tấm danh thiếp, in những thông tin [giảng kinh] trên đó, tặng cho bạn bè thân thiết và người quen biết. Họ thích nghe thì dựa theo những thông tin đó, vào lúc nào, trên làn sóng nào, họ đều có thể thâu được, hoặc là nối vào Internet, hoặc là xem truyền hình, truyền hình vệ tinh. Vậy là tốt! Những việc ấy có cùng ý nghĩa như treo tràng phan, giới thiệu người khác nghe kinh nghe pháp. Treo phan thì quá nửa là pháp hội, thông tri nếu quý vị có thời gian thì đến cùng tu. Pháp hội cộng tu dùng phan; pháp hội giảng kinh dùng tràng, gọi là “pháp tràng”.

Đạy học, giảng kinh là “*vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp*”, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, đúng là Phật pháp bằng lòng như khói trên mặt biển, pháp môn nhiều như thế, kinh điển ngàn ấy, ta học pháp môn nào đây? Pháp môn nào thích hợp cho mình? Bởi thế, bản thân pháp sư có kinh nghiệm tu hành và giảng dạy, có thể giúp mọi người chọn lựa pháp môn, nêu ra những phương pháp tu học cho người ấy tham khảo. Đó là “*làm con mắt pháp*”, giúp mọi người chọn lựa pháp môn. Chuyện này cần phải có trí huệ, nhất là pháp sư truyền pháp. Truyền pháp là giảng kinh, thuyết pháp, truyền đạo, trong các tôn giáo khác thường gọi là “nhà truyền giáo”. Người ấy nhất định phải hiểu thực trạng xã hội, con người thường suy nghĩ những gì? Nói năng những gì? Làm những gì? Phải chú tâm quan sát! Có như vậy quý vị mới dạy học, mới thuyết pháp khế cơ, những gì quý vị đề xuất đều khớp với những nhu cầu bức thiết của người ta, có như vậy người ta mới hoan hỷ, mới bằng lòng học tập.

Hiện tại xã hội động loạn, nhu cầu bức thiết nhất của con người là xã hội an định, thế giới hòa bình, con người đối xử hòa thuận với nhau, hợp tác cùng nhau, đây chính là nhu cầu bức thiết trong hiện tại. Khóa trình dạy học của chúng ta phải lấy những điều ấy làm trung tâm, trọng

điểm. Đối với mỗi cá nhân, sự lợi - hại, được - mất của người ấy quan trọng hơn bất cứ gì khác. Những chuyện lợi - hại, được - mất, nói chung, chẳng ngoài ba loại: Thứ nhất là cầu giàu có, thăng quan, phát tài; thứ hai là cầu trường thọ, mạnh khỏe, sống lâu. Những điều ấy đều là nhu cầu bức thiết. Từ hai nhu cầu này, chúng ta nêu ra khóa trình thứ ba là trí huệ, cầu trí huệ. Vì sao? Quý vị muốn thăng quan, phát tài, muốn cầu sống lâu, khỏe mạnh, đều cần phải có trí huệ, không có trí huệ sẽ chẳng thể làm được!

Theo thứ tự của nền giáo học nhà Phật, trí huệ được xếp vào hàng đầu. Con người hiện thời xếp trí huệ xuống cuối, cái họ mong muốn đầu tiên là phát tài, kế tiếp là mạnh khỏe, sống lâu, diên đảo như thế đó! Trong sự giáo học và tu hành của Phật pháp, điều đầu tiên là trí huệ, phải cầu trí huệ. Thứ hai là mạnh khỏe sống lâu, phát tài là chuyện cuối cùng, không đáng coi là quan trọng. Có trí huệ thì vấn đề nào chẳng thể giải quyết được! Vì thế, từ đầu đến cuối, sở cầu của Phật pháp là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu nói theo cách bây giờ thì là “trí huệ viên mãn rốt ráo”. Phật pháp là phương pháp trí huệ, Phật học là học vấn trí huệ, phá mê khai ngộ mà! Đó là Phật pháp. Chữ Phật là tiếng Phạn, có nghĩa là trí huệ, là giác ngộ; vì thế, theo mặt chữ dịch ra thì Phật pháp là phương pháp trí huệ, là phương pháp giác ngộ. Quý vị mới thực sự có năng lực, có trí huệ vì hết thấy chúng sanh chọn lựa phương pháp tốt nhất khiến cho họ học được không khó khăn, lại còn đạt được lợi ích thù thắng.

Câu thứ hai: “*Dụng pháp tràng, lập tông chỉ*”. Nói như bây giờ, “dụng pháp tràng” là tạo lập đạo tràng. Đạo tràng trong hiện thời chẳng thể không tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy. Lão nhân gia dạy chúng ta, từ thế kỷ hai mươi trở đi, đạo tràng theo quy mô nhỏ; thời đại đã khác với thời quân chủ, xã hội nông nghiệp trước kia. Vì thế, đạo tràng không thể giống như trước được. Đạo tràng hiện tại phải có quy mô nhỏ, tổ sư dạy chúng ta: Chúng thường trụ lấy hai mươi người làm giới hạn, chẳng được vượt quá hai mươi người, tự mình lo liệu cuộc sống của chính mình. Đạo tràng quy mô nhỏ không cần phải hóa duyên, người thực sự tu hành sẽ được cúng dường, cuộc sống thanh bần một chút là tốt. Vì sao? Cuộc sống thanh bần sẽ kích phát đạo tâm, khiến cho quý vị chẳng lưu luyến thế gian này, không tham ái, không lưu luyến, tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ khẩn thiết.

Đạo tràng xây cho to, giàu có, choáng lộn, nguy nga thì con người không có đạo tâm. Vì sao? Khởi tham - sân - si, tham luyến hoàn cảnh

ấy, không muốn vãng sanh, tâm phan duyên bèn sanh khởi, đều là chướng đạo! Tổ sư suy nghĩ rất hợp lý. Đạo tràng nhỏ, vài người chí đồng đạo hợp cùng nhau tu hành, tốt quá! Chẳng làm pháp hội, quyết định chẳng làm kinh sám Phật sự, thuần túy là đạo tràng niệm Phật. Tổ dạy không thu đồ đệ, không truyền giới, không làm pháp hội, ngay cả kinh cũng không cần giảng, thật thà niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, hai mươi người cùng tu một chỗ. Nay chúng tôi quan sát tình hình xã hội trong hiện tại, nhận thấy cách nghĩ của tổ sư tuyệt đối chính xác; nhưng trong tình hình xã hội hiện tại, phải nghe kinh! Vì sao? Không nghe kinh, quý vị sẽ không hiểu lý. Không hiểu lý thì niệm Phật là tu mù luyện đui! Trong thời đại xưa kia thì được, chứ trong thời đại hiện thời chẳng được! Chúng ta phải hiểu rõ tình trạng hiện tại để tuân thủ nguyên tắc do tổ sư đã chỉ dạy.

Hiện tại, cái đạo tràng nhỏ này của chúng ta phải nghe kinh, một ngày tối thiểu là nghe kinh hai giờ, có thể dùng thời gian còn lại để niệm Phật. Mỗi ngày nghe kinh chớ để gián đoạn! Nghe kinh không những khiến quý vị hiểu rõ lý, mà mỗi ngày nghe giáo huấn của Phật, sẽ kiên định tín nguyện của chính mình, hóa giải những phiền não, vọng tưởng, tập khí. Nghe kinh sẽ hóa giải [những thứ ấy] dễ dàng, giải hạnh tương ứng. Nếu là sơ học, phiền não tập khí nặng nề, tốt nhất là mỗi ngày nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, niệm Phật trong Niệm Phật Đường mười hai tiếng đồng hồ. Tu như vậy không ai chẳng thành công, thực sự thực hành mà! Đạo tràng ấy chắc chắn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

Còn như hoàng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh thì dùng Internet, dùng truyền hình vệ tinh; vì thế, trong đạo tràng nhỏ này lập thêm một studio [để thu phát những buổi giảng kinh] là đủ. Đó là đối ngoại hoàng pháp. Đối ngoại hoàng pháp tự nhiên có người, bản thân chúng ta không cần bận tâm, chúng ta chỉ cần đem bài giảng (tức là giảng kinh nội bộ mỗi ngày hai hay bốn tiếng đồng hồ) thu âm hay thu hình lại, có những tín đồ rất nhiệt tâm, để cho họ truyền bá là được rồi, chẳng cần phải bận tâm chút nào. Tốt nhất là ít tiếp xúc ngoại cảnh, càng ít càng tốt, tâm chúng ta an định. Đương nhiên sẽ có những cư sĩ nhiệt tâm hộ trì đạo tràng nhỏ ấy, chuyện lưu thông Phật pháp để cho họ làm. Như vậy, thân tâm hoàn toàn yên định, vậy là tốt! “*Dựng pháp tràng*” chính là lập đạo tràng.

“*Lập tông chỉ*”, tông chỉ là cương lĩnh và phương châm tu hành. Như pháp sư Ấn Quang đã dạy chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đây

chính là “*lập tông chi*”. Đạo tràng này của chúng ta chuyên tu Tịnh tông, chẳng xen tạp các pháp môn khác, thuần túy là tịnh nghiệp đạo tràng. Những kinh luận được học tập ở đây chỉ là năm kinh một luận, đó là khoa mục chủ tu, không cần phải mở rộng ra bên ngoài. Nay chúng tôi kiến lập học viện tại đây, học viện đương nhiên phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cũng dùng phương pháp ấy, giải và hạnh cùng tiến. Theo lộ trình, chúng ta cũng dùng phương pháp này, thực sự làm!

Thế nhưng, trong xã hội hiện tại, mỗi cá nhân đều chăm chút cái thân của chính mình, tự tư tự lợi, thậm chí vong ân phụ nghĩa, không có tâm từ bi, không có sự lễ kính chư Phật như trong mười nguyện Phổ Hiền, không có tâm lễ kính. Nhằm báo ân thí chủ, chúng tôi cũng mở lớp Phật học ngắn hạn. Một năm bốn quý chúng tôi mở bốn lần, mỗi khóa học ngắn hạn kéo dài bảy mươi ngày, tức mười Phật thất để các đồng học chúng ta có cơ hội luyện tập giảng kinh, dạy học; đồng thời để cho các thí chủ đàn-việt hộ trì có thể trông thấy thành tích tu học của chúng ta tại nơi đây. Chúng ta phải dùng thành tích để báo đáp ân thí chủ, khiến cho họ cùng sống với chúng ta hai tháng, đến xem thành quả giải hạnh của chúng ta có đáng cho họ tiếp tục hộ trì hay không. Nếu sau khi xem xét, họ rất không vừa ý, từ đó về sau họ không đến hộ trì nữa, như vậy là chính xác, là đúng. Tông chỉ phải rõ ràng.

“*Giáo hóa thịnh hành*”, ở đây quý vị làm tốt, chỗ khác có người phỏng theo, mong rằng đạo tràng quy mô nhỏ thực sự tu Tịnh nghiệp này các nơi đều có. đều có những vị pháp sư hoặc là trưởng giả, cư sĩ tốt đẹp đến lãnh đạo. Số người quả thật không cần nhiều, đầy mới là “*phước độ chúng sanh*”. Vị Phật cuối cùng là:

Trì Pháp Phật.

持法佛。

Đây là vị Phật thứ sáu, Trì Pháp, “*biểu thị tự - tha y giáo tu hành thật chứng, Phật pháp từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn*”. “Trì” là gìn giữ, là thọ trì. Chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của Như Lai, vĩnh viễn gìn giữ, y giáo phụng hành, đó là Trì Pháp. Ở đây, đức Phật làm gương cho chúng ta. Chúng ta mong mỏi hết thảy chúng sanh có duyên cùng Phật, đều có thể “*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. Y giáo phụng hành thì chính mình phải tự làm trước, tự mình không làm được lại mong người khác làm thì đó là chuyện không thể được! Chư Phật

Như Lai, tổ sư đại đức, thậm chí bậc thánh hiền, quân tử trong thế gian trong thời cổ đều là tự mình làm được rồi mới khuyên người khác, sau đó mới dạy dỗ người khác. Đó là trình tự nhất định, tự mình phải làm trước, tự mình đạt được lợi ích, bất luận tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh đều không do dự, không hoài nghi, vì sao? Tự mình làm được là đã trải qua thực chứng: Pháp môn này không sai, tôi thực sự hưởng lợi ích; khi ấy khuyên người, người ta mới tin.

Như vậy, hoằng pháp có hai giai đoạn: Trước hết, để khuyến cáo mọi người thì chính mình phải có đức hạnh, phải có tiếng tăm, rồi mới giáo hóa chúng sanh. Đến khi nào khuyên dạy trở thành chỉ dạy? Trong phần trên chúng tôi đã nói rồi, phải là Thượng Tọa mới có tư cách giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi dùng thí dụ giảng kinh để luận về Thượng Tọa: Quý vị phải lên đài giảng kinh trọn ba mươi năm. Mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, ba mươi năm là Thượng Tọa. Nói cách khác, chưa đủ ba mươi năm thì chỉ khuyên dạy. Đủ ba mươi năm thì đại khái niên kỷ của chính mình cũng không chênh lệch mấy. Hai mươi tuổi ra giảng kinh, giảng đến ba mươi năm là năm mươi tuổi. Xưa kia, người ta thấy người như vậy bèn gọi là “lão pháp sư” vì đã năm mươi tuổi rồi, bởi thế, lúc đó có thể chỉ dạy. Đều là chính bản thân phải làm trước. Quý vị muốn dạy người khác, mà chính mình không làm, làm sao dạy được ai?

Có lần, tôi qua Đài Loan, đầu thời gian chỉ vồn vẹn năm ngày, tôi được gặp gỡ nhiều đồng tu. Có vài vị đồng tu bảo tôi: Chúng con ở nhà dạy con cái, con còn nhỏ dạy chúng đọc sách *Đệ Tử Quy*. Trẻ nhỏ đọc xong, hỏi cha mẹ: “Ba mẹ chưa làm được như vậy!” Cha mẹ chúng nó không biết nói sao, [trẻ nhỏ bắt bẻ]: “Ba mẹ chưa làm được, sao kêu con làm?” Giáo dục thời cổ, cha mẹ thực sự làm được, kêu con học tập, con cái ngoan ngoãn học, không nghi ngờ gì. Nay khó lắm! Vì sao? Làm thân cha mẹ, lúc nhỏ không có người dạy, nay mới thấy những điều [dạy trong sách *Đệ Tử Quy*] tốt đẹp, muốn dạy con cái của chính mình, nhưng tự mình chưa thể làm được, tự mình không thể lấy thân mình làm gương, giáo dục gia đình thật chẳng dễ! Muốn dạy con cái phải lấy chính thân mình làm gương. Trường học cũng thế, thầy dạy học trò, thầy phải lấy chính thân mình làm gương thì mới dạy tốt được. Nếu chính mình chẳng thể làm gương, làm sao dạy học sinh cho được?

Cùng một đạo lý đó, người lãnh đạo quốc gia, xã hội, nếu chẳng thể dùng thân mình làm gương, làm sao quý vị giáo hóa toàn dân trong nước? Làm sao giáo hóa dân trong cả một thành phố? Quý vị làm thị

trường, tức là làm vua, làm cha mẹ, làm thầy! Quý vị phải là tấm gương tốt nhất cho đô thị, cho khu vực, cho quốc gia ấy. Trước kia, quả thật là như vậy. Nếu quý vị là người lãnh đạo một nước mà vua không ra vua (vua là người lãnh đạo một nước), chẳng giống như một người lãnh đạo quốc gia, nhân dân sẽ bị khổ. Nhân dân bị khổ sẽ không cam lòng, sẽ lật đổ chánh quyền, sẽ làm cách mạng.

Do vậy, trước kia, khi giảng kinh ở Tân Gia Ba, lúc ấy tôi vẫn chưa ở lâu dài tại Tân Gia Ba, mỗi năm qua đó một tháng, giảng kinh một tháng. Pháp sư Diễn Bồi đối với tôi hết sức tốt, có lần Ngài mời tôi dùng cơm tại đạo tràng của Ngài, hỏi tôi một câu:

- Pháp sư Tịnh Không ! Ông tán thành quân chủ hay tán thành dân chủ?

Tôi thưa:

- Tôi tán thành quân chủ.

Ngài hỏi:

- Tại sao?

Tôi nói:

- Quân chủ tốt hơn dân chủ.

Ngài nói:

- Đầu óc ông cổ hủ quá, không hợp thời!

Tôi nói:

- Tôi không bận tâm hợp thời hay không hợp thời, tôi chỉ dùng sự luận sự: Điểm tốt của quân chủ là gì? Đế vương muốn đời này truyền cho đời kia, muốn con cháu đều làm hoàng đế, điều ấy đâu là có lòng riêng tư, nhưng chỉ cần đối xử tốt với nhân dân là được rồi! Vì thế, vua phải bồi dưỡng những người kế vị đất nước, thực sự dụng tâm! Mời những vị học giả đức cao trọng vọng bậc nhất trong toàn quốc, phẩm đức, học vấn, tài nghệ đều bậc nhất làm thầy dạy thái tử, vương tử. Đây đều là những người thừa kế quốc gia xã hội trong tương lai, bọn họ phải hưởng sự giáo dục tốt nhất. Bởi thế, khi họ nối ngôi chẳng đến nỗi đại loạn vì nhận sự giáo dục của thánh hiền, đọc sách hiểu lý! Nếu họ không tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, không tuân thủ pháp tắc tổ tông đã lập, [tuân theo] điển chế và pháp lệnh do tổ tông đã lập, họ muốn phá hoại, không tuân thủ sẽ khó thể giữ nổi chánh quyền, sẽ bị người khác nổi lên lật đổ, thay đổi triều đại. Vì thế, kẻ làm đế vương chẳng thể không lo lắng, dè dặt thì mới hòng giữ được ngôi.

Những hoàng đế cuối cùng, nói trắng ra, là kẻ trái nghịch lời thầy giáo huấn, trái nghịch lời cha mẹ răn dạy. Đến khi họ nắm quyền, làm

xăng, làm bậy, tham cầu hưởng thụ, mặc kệ nhân dân sống chết, lập tức bị người ta lật đổ! Chúng ta có thể thấy những chuyện này từ lịch sử Trung Quốc. Còn những người lãnh đạo do dân bầu lên có phải là người được hưởng sự giáo dục tối hảo hay không, rất khó nói! Họ có phải là người có trách nhiệm, thực sự thương yêu trăm họ, quan tâm trăm họ, vì trăm họ giải trừ khổ nạn, khiến cho trăm họ được thực sự hưởng hạnh phúc mỹ mãn, rất khó xác định! Vì sao? Nhiệm kỳ hữu hạn, nói thật ra, cảm giác trách nhiệm không bằng đế vương.

Quý vị hãy khéo chú tâm, chú ý quan sát, thể hội: Dẫu chế độ quân chủ có khuyết điểm, nhưng so với chế độ dân chủ thì ít khuyết điểm hơn. Nói trên phương diện giáo dục, thời đại quân chủ hết sức coi trọng giáo dục. Rất nhiều chế độ hết sức tốt, ngăn ngừa những cái nhỏ nhặt, chặm dứt những cái sẽ lần lần xảy ra. Quý vị thấy trong lịch sử Trung Quốc, bậc đế vương thực sự có trách nhiệm rất nhiều, kẻ không trách nhiệm cực ít. Ai vậy? Những vua chúa cuối trào. Những vua chúa mất nước là kẻ vô trách nhiệm, bởi thế, họ bị kẻ khác diệt trừ rất nhanh. Quý vị phải nhìn vào những vị vua mở nước, đừng nhìn vào những vua cuối trào; nhìn vào những vị vua khai quốc, nhìn vào những thời kỳ triều đại cường thịnh, sẽ thấy khác hẳn.

Tu học, giáo học Phật pháp, từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn nhất; bởi thế, Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Hình thức là nhằm để giáo hóa chúng sanh, đương nhiên cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất lại chính là thực chất. Nếu quý vị không thật tu, chỉ tu hình thức thì hình thức chẳng thể lợi ích xã hội, chẳng thể lợi ích chúng sanh, nhất định phải chân tu! Chân tu chính là phải y giáo phụng hành! Trong những khóa giảng, chúng tôi thường khuyến khích, cổ vũ các đồng học: Người chân tu phải buông xuống những thành kiến của chính mình, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, phải tùy thuận những điều được giảng dạy trong kinh luận. Kinh luận chính là giáo huấn của Phật, Bồ Tát, phải hoàn toàn thực hiện những giáo huấn trong kinh luận, biến chúng thành hành vi sinh hoạt của chính mình trong thực tế, đó gọi là chân tu!

Vừa khởi lên một ý niệm, phải nghĩ trong kinh giáo đức Phật có chấp thuận ý niệm ấy hay không. Ý niệm được Phật hứa khả chắc chắn là thiện niệm, nhất định lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, ý niệm ấy tốt. Nếu đức Phật không hứa khả thì ý niệm ấy nhất định là tự tư, tự lợi, nhất định là tổn người, lợi mình. Chẳng được khởi ý niệm “tổn người, lợi mình”, vì đó là tạo nghiệp. Thực sự dốc công phu nơi khởi tâm động

niệm, đó là tu từ căn bản. Ngôn ngữ, tạo tác thời thời khắc khắc đều phải nghĩ đến những gì kinh luận đã giáo huấn. Vì sao phải dạy quý vị thực hiện khóa sáng và khóa tối?

Về thực chất, dụng ý của khóa sáng là nhằm cảnh tỉnh chính mình, ngày hôm nay mình phải tuân thủ lời Phật, Bồ Tát giáo huấn, không được trái nghịch. Khóa tối để phản tỉnh, lúc ấy phải nghiêm túc phản tỉnh những tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của chính mình trong ngày hôm nay có trái nghịch giáo huấn của Phật, Bồ Tát hay không? Hễ có trái nghịch phải gấp sám hối, phải sửa lỗi, ngày mai chẳng dám trái phạm nữa. Những tư tưởng, hành vi hoàn toàn tương ứng giáo huấn của Phật, Bồ Tát thì ngày mai phải tiếp tục giữ gìn, đừng để mất đi. Đó là thực sự thực hiện công khóa sáng tối, đây mới là chân chánh tu hành! Khóa tụng sáng tối không phải là hình thức, đọc cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát không cần nghe! Chính là niệm cho tự mình nghe đấy! Phải hiểu đạo lý mà Trì Pháp Phật đã dạy cho chúng ta ở đây. Lại xem tiếp thượng phương Phật, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật.

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật).

Ở phương trên, đức Thế Tôn nêu tên mười vị Phật. Trong phần trên, ở phương Tây chúng ta thấy kể tên bảy vị Phật, con số Bảy biểu thị viên mãn, con số Mười cũng biểu thị sự viên mãn; kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười để biểu pháp. Ở chỗ này, trong bút ký⁵ ghi: “*Phương trên nêu đại lược mười danh hiệu Phật, biểu thị giác hạnh viên mãn, một đời*

⁵ Bút ký ở đây chính là cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo của hòa thượng Tịnh Không.

thành Phật”. Mọi thứ đều biểu thị pháp môn này. Đoạn kinh văn này có ý nghĩa rất sâu, nhà Phật gọi là “mật nghĩa”. Mật ở đây không phải là bí mật, mà có nghĩa là ý nghĩa sâu kín, rất sâu. Những đồng học chúng ta học Đại Thừa hãy nên thấu hiểu! Ý nghĩa ấy thực sự rất rõ ràng giống như kinh Hoa Nghiêm vậy, chẳng khác gì cả! Nhằm biểu thị ý nghĩa ấy! Nếu quý vị chú tâm quan sát danh hiệu mười vị Phật này, thấu hiểu những danh hiệu ấy thì ý nghĩa của những danh hiệu ấy lại càng rành rành.

Chúng ta hãy xem vị Phật đầu tiên, Phạm Âm Phật. “Phạm” (梵) nghĩa là thanh tịnh, “Âm” là âm thanh. Đây chính là chư Phật thị hiện giáo hóa chúng sanh trong thế giới Sa Bà này. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà căn tai nhạy bén nhất. Văn Thủ Bồ Tát vì chúng ta chọn lựa pháp viên thông, [đã nói]: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Giáo thể thực sự của phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Giúp đỡ hết thảy chúng sanh bằng phương cách nào? Bằng dạy dỗ, bằng thuyết pháp. Âm thanh ấy là âm thanh thanh tịnh, từ chỗ nào mà thấy là thanh tịnh? “*Xả Tứ Tướng, Tứ Kiến, thuyết pháp thanh tịnh, không nhiễm trước*”. Đây là chân chánh phát tâm giống như chư Phật, Bồ Tát, đến trong thế giới này, thừa nguyện tái lai. Lúc chúng ta đến đây là phàm phu, mê hoặc, điên đảo, nhưng sau hai mươi, ba mươi năm học tập, un đúc, cũng có thể chuyển phàm thành thánh.

Người thượng căn thì mười năm là chuyển được, chuyển phàm thành thánh, thực sự làm được! Bắt đầu từ đâu? Kinh Kim Cang dạy: Phá Tứ Tướng, phá Tứ Kiến. Tứ Tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tứ Kiến chính là điều được nửa phần sau kinh Kim Cang nói đến, tức Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến. Vì thế, chúng tôi thường khuyên lơn đồng học: Chúng ta tu hành phải dốc công nơi đâu? Phá Tứ Tướng! Phá Tứ Tướng bằng cách nào? Buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, đó chính là phương pháp thực tế để phá Tứ Tướng. Trong sinh hoạt thường nhật hằng ngày phải làm như vậy, nghiêm túc thực hiện, người căn tánh thượng đẳng thì mười năm sẽ chuyển phàm thành thánh. Vì sao? Tứ Tướng, Tứ Kiến đã phá rồi, trong Đại Thừa, quý vị tối thiểu là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo; trong Tiểu Thừa phải là quả Tu Đà Hoàn, thực sự thành tựu. Đó là bậc thượng căn. Trung căn thì hai mươi năm, hạ căn ba mươi năm sẽ chuyển phàm thành thánh.

Lúc ấy, quý vị thuyết pháp đương nhiên thanh tịnh, vô ngã mà!

Khởi tâm động niệm đều vì hết thấy chúng sanh, họ được lợi ích chứ không phải mình lợi ích, niệm niệm xả kỷ vì người khác, không nhiễm trước mảy may. Nhiễm trước là gì? Tự tư, tự lợi là nhiễm trước, [nếu thấy] chúng ta có chỗ nào tốt đẹp há? Nhiễm trước mất rồi! Không có ta đâu nhé!

Bởi thế, lúc chúng ta đến đây, tức lúc chúng ta đến đầu thai trong thế giới này là do nghiệp lực mà đến. Học Phật rồi sẽ chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Cái thân nghiệp lực đã chết, cái thân hiện tại là thân nguyện lực. Thân nguyện lực [của chúng ta] không khác gì chư Phật, Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Nay sống trong thế gian này là vì hết thấy chúng sanh khổ nạn, chẳng phải vì tự mình. Nếu vì mình thì sẽ vãng sanh bất cứ lúc nào, chuyện của chính mình đã làm xong rồi. Kinh luận thường nói: “*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*” (Việc làm đã xong, không còn phải chịu lấy thân sau), “*bất thọ hậu hữu*” là vĩnh viễn không bị đọa trong luân hồi, công việc của chính mình đã giải quyết ổn thỏa. Thân thể này vẫn trụ trong thế gian để làm gì? Há chẳng phải rất bất tịnh, rất kém minh bạch ư? Vì chúng sanh, vì Phật pháp, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì rộng độ chúng sanh, vì những lẽ như vậy chứ nào phải vì chính mình; thực sự chuyển được rồi! Hễ còn tự tư tự lợi là chưa chuyển được. Phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch điều này.

Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 33

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp danh hiệu của vị Phật thứ hai trong mười đức Phật ở thượng phương thế giới.

Tú Vương Phật.

宿王佛。

“*Biểu thị pháp của Đại Thừa Bồ Tát là đường tắt vô thượng đạo*”. Tú (宿) là tinh tú, “*tú vương*” (vua của các tinh tú) nghĩa là tinh tú lớn nhất trong các ngôi sao. Đây đều là y theo pháp thế gian để luận, hoàn toàn là dựa trên điều mắt chúng ta thấy được, theo cảm quan chúng ta thì nó lớn nhất. Lớn nhất trong những ngôi sao trên trời là mặt trăng (theo con mắt chúng ta nhìn), không ngôi sao nào lớn bằng mặt trăng cả! Trên thực tế, mặt trăng có phải là ngôi sao lớn nhất hay không? Chuyện ấy

chúng tôi không bàn đến, chỉ nói theo cảm quan của chúng ta mà thôi. Nay chúng ta ngẩng đầu nhìn hư không, thấy mặt trăng lớn nhất. Điều đó tượng trưng cho Đại Thừa Bồ Tát đạo, Đại Thừa Bồ Tát đạo cũng thù thắng bất đồng. Đương nhiên, Đại Thừa nhất định phải vượt trội Tiểu Thừa. Nếu so trong các pháp Đại Thừa thì sẽ có pháp là đường tắt, dễ dàng thành tựu. Do đó, nói pháp môn có khó, dễ. Đường tắt là đường gần. Tiểu Thừa xa xôi, quanh co, chẳng thể thành Vô Thượng Bồ Đề. So giữa Tiểu Thừa với Đại Thừa thì Đại Thừa là đường gần; Tiểu Thừa giống các ngôi sao, Đại Thừa giống mặt trăng, quang minh đương nhiên sáng hơn nhiều, dùng ý nghĩa đó.

Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu: Cả mười Phật hiệu này đều biểu thị Phật pháp viên mãn. Quý vị thấy đó, đức Phật đầu tiên là Phạm Âm Phật; nói cách khác, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, âm thanh thuyết pháp đều là phạm âm. Vì sao? Tiểu Thừa Sơ Quả phá Tứ Tướng, không chấp tướng nữa; nói cách khác, vô ngã, không vì mình là sự chứng đắc của Sơ Quả. Đây là nhập vào hàng thánh nhân, dự vào dòng Thánh, không còn là phàm phu nữa. Nói cách khác, phàm phu chẳng rời khỏi tự tư, tự lợi, vẫn chưa quên Ngã! Niệm niệm đều là niệm tham chấp, không quên Ngã được! Tiểu Thừa Sơ Quả đã quên Ngã, vô ngã, là bậc thánh nhân, phàm và thánh sai biệt ở chỗ này. Nói cách khác, “*hữu ngã*” là phàm phu, “*vô ngã*” là thánh nhân, phân biệt đơn giản như vậy. Phàm và thánh sai khác ở chỗ này!

Lục đạo phàm phu lên đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, chưa phá Tứ Tướng; bởi thế, chẳng thể sánh bằng Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo mới thực sự thanh tịnh, không nhiễm trước. Đây chính là căn bản của việc học tập Phật pháp. Phạm Âm Phật tượng trưng cho sự tự hành hóa tha, không gì chẳng thanh tịnh, không nhiễm trước. Tú Vương Phật tượng trưng cho Đại Thừa, Đại Thừa là đường tắt vô thượng đạo, là con đường gần. Phật hiệu thứ ba là:

Hương Thượng Phật.

香上佛。

“*Biểu thị hạnh pháp mà Lục Tổ Thiên tông đã dạy trong chương Truyền Hương Sám Hối, là đường tắt nhất trong các đường tắt*”. Vì sao dùng chữ Hương Thượng? Trong Lục Tổ Đàn Kinh có phẩm Truyền Hương Sám Hối, hương được giảng trong phẩm ấy là Ngũ Phần Pháp Thân Hương: Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát

Hương, và Giải Thoát Tri Kiến Hương, năm phần Pháp Thân Hương. Như vậy, Hương Thượng Phật tượng trưng cho Thiên tông. Trong Đại Thừa, Thiên tông lại là đường tắt của Đại Thừa, cho nên là “*đường tắt nhất trong các đường tắt*”. Đường đã gần lại còn có đường gần hơn! Nói cách khác, chọn lựa pháp môn cho chúng ta, pháp môn nào tốt? Đại Thừa hay hơn Tiểu Thừa, nhưng Thiên tông lại thù thắng nhất trong Đại Thừa. Xin xem tiếp vị Phật thứ tư:

Hương Quang Phật.

香光佛。

“*Biểu thị pháp môn Niệm Phật của Tịnh tông*”. Vì sao nói Hương Quang đại diện cho pháp môn này? Trong kinh Lăng Nghiêm có nói Hương Quang Trang Nghiêm; vì thế, khi thấy hai chữ Hương Quang, quý vị phải biết nó tượng trưng cho Tịnh Độ tông. Chúng tôi thấy cũng có lúc các chùa miếu dùng chữ Hương Quang làm tên, như Hương Quang Tự, Hương Quang Đường, Hương Quang Thất, Hương Quang Trang Nghiêm. Chỉ cần thấy chữ Hương Quang thì nơi ấy nhất định phải tu Tịnh Độ. Đó là từ kinh Lăng Nghiêm mà có, tu Tịnh Độ [thì dùng chữ ấy vậy]. “*Kinh Lăng Nghiêm nói Hương Quang Trang Nghiêm là đường càng tắt hơn nữa trong những con đường tắt nhất*”. Thiên tông là đường tắt nhất trong các đường tắt, Tịnh Độ lại là con đường tắt hơn con đường tắt nhất ấy. Nói cách khác, nó là con đường gần nhất trong những con đường rất gần, thẳng chông nhất, ổn thỏa nhất, thích đáng nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất; thành tựu lại thù thắng khôn sánh. Bởi thế, pháp môn Tịnh Độ cũng gọi là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các đường tắt, ý nghĩa là ở chỗ này.

Quý vị thấy ở đây, danh hiệu Phật nhằm ngầm dạy chúng ta chọn lựa như thế nào. Ba danh hiệu Phật này rất có ý vị, chúng ta phải chọn lựa pháp môn nào? Chọn pháp Đại Thừa, Thiên tông hay Tịnh tông? Thiên tông khó hơn Tịnh Độ. Cổ đức nói pháp môn Tịnh Độ “*vạn tu, vạn nhân khừ*” (vạn người tu, vạn người về); chẳng sót một ai. Thế nhưng tu học pháp môn này nhất định phải hiểu đạo lý, phương pháp, cảnh giới; kinh điển Tịnh tông chỉ nhằm giảng giải ba chuyện trên. Chúng ta hiểu đạo lý Tịnh Độ, biết phương pháp tu học Tịnh Độ, biết cảnh giới quả báo Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, rõ ràng, rành rẽ, chẳng tu mù, luyện đui.

Lại xem tiếp vị Phật thứ năm:

Đại Diệm Kiên Phật.

大毖肩佛。

Ở phần trên, chúng ta đã thấy có Diệm Kiên Phật, ở đây là Đại Diệm Kiên Phật. Vị Phật này biểu thị ý nghĩa: “*Trao pháp tối thượng một đời thành Phật cho con người*”. Chúng ta muốn giúp đỡ người khác, chẳng được tiếc pháp, phải giới thiệu pháp môn vô thượng cho người khác, khiến họ trong một đời này sẽ thành tựu viên mãn Phật Quả. “*Do vậy, tổ sư của Tịnh tông được tôn xưng là đại sư*”. Danh xưng “*đại sư*” dùng để tôn xưng đức Phật, trong nhà Phật chỉ có chư Phật Như Lai mới được xưng là “*đại sư*”. Quý vị thấy Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, ta gọi Quán Âm Bồ Tát là Quán Âm đại sĩ, không gọi là đại sư, vì sao? Ngài không phải là Phật, chẳng thể không hiểu điều này.

Chúng ta là phàm phu, là hạng xuất gia tầm thường, nếu xưng “*đại sư*” là hết sức quá phận. Người khác gọi mình là đại sư còn tạm chấp nhận được, chứ chính mình quyết định chẳng được tự xưng, không có lẽ ấy đâu! Tổ sư Tịnh tông cũng chẳng tự xưng là đại sư, mà do hậu nhân xưng tụng. Lúc các Ngài còn tại thế, như Ấn Quang đại sư lúc còn sống, quý vị thấy những bộ Văn Sao được lưu thông trước kia nhằm lúc tổ sư còn sống, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không phải là đại sư mà là Pháp Sư Văn Sao. Sau khi lão nhân gia viên tịch, vãng sanh rồi, hậu nhân tôn Ngài làm vị Tổ thứ mười ba của Tịnh tông, nên mới gọi là đại sư. Lúc Ngài còn sống, không ai gọi Ngài là đại sư cả; tự Ngài cũng chẳng dám xưng là đại sư, do hậu nhân xưng tụng mà thôi!

Trong lịch sử, mọi người gọi các vị tổ sư Tịnh Độ tông là đại sư, vì sao? Là do pháp môn này. Các vị dùng pháp môn này tiếp dẫn chúng sanh, sánh với chư Phật Như Lai không hai, không khác. Chư Phật Như Lai dùng phương pháp nào để chỉ dạy chúng sanh thành Phật ngay trong một đời, thành vô thượng đạo? Chính là phương pháp này. Nay các vị pháp sư trong Tịnh tông cũng dùng phương pháp này, không khác gì phương pháp chư Phật Như Lai đã dùng, do vậy, được xưng tụng là đại sư. Tổ sư tông Hoa Nghiêm chẳng xưng là đại sư, tổ sư tông Thiên Thai cũng chẳng xưng là đại sư. Thời cổ làm thầy của hoàng đế cũng không xưng là đại sư, mà xưng là “*quốc sư*”. Tổ sư các tông phái thì gọi là tổ sư, không gọi là đại sư, mà là tổ sư đời thứ mấy. Thanh Lương đại sư là do hậu nhân chúng ta tôn xưng; Ngài là tổ sư đời thứ tư của tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), ngài Tông Mật là tổ sư đời thứ năm, nên [hai Ngài được] gọi là Tứ Tổ, Ngũ Tổ, không gọi là đại sư. Chỉ mình [tổ sư của]

Tịnh Độ tông xưng là đại sư. Từ chỗ này chúng ta hiểu rõ: Pháp môn Tịnh Độ thù thắng, không khác gì chư Phật đích thân dạy dỗ, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là Đại Diệm Kiên Phật. Xin xem tiếp vị Phật thứ sáu:

Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật.
雜色寶華嚴身佛。

Danh hiệu vị Phật này tượng trưng cho kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Tựa đề của kinh Hoa Nghiêm nếu dịch thẳng từ tiếng Phạn là *Đại Phương Quảng Phật Đà Tạp Hoa Trang Nghiêm Kinh*, dịch từng chữ là như vậy. Người Hoa thích đơn giản, bỏ bớt chữ Đà trong Phật Đà, bỏ bớt chữ Tạp trong Tạp Hoa, tinh lược chữ Trang trong Trang Nghiêm; vì thế dịch *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Quý vị thấy Tạp Sắc Bảo Hoa Trang Nghiêm Phật có phải là biểu thị Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hay không?

Đức Phật này “*biểu thị một đời viên mãn, chỉ có kinh Hoa Nghiêm giảng tường tận, nhất là nó chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rốt ráo, phải nên suy nghĩ sâu xa, hãy nên lấy Thiện Tài làm thầy*”. Đây là lấy một bộ kinh lớn để làm chứng, một đời viên mãn thành Phật thì Thiện Tài đồng tử là đại diện, có thể nói Ngài nổi tiếng nhất trong nhà Phật. Thiện Tài đồng tử không sanh lần thứ hai, một đời thành tựu, một đời viên mãn, “*nhất là kinh Hoa Nghiêm chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rốt ráo*”, dùng kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Kinh Hoa Nghiêm dạy một đời chứng đắc viên mãn rốt ráo như thế nào? Bằng pháp môn Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử sau khi đắc Căn Bản Trí – quý vị phải hiểu rõ: Đắc Căn Bản Trí, nhà Thiền gọi là “đại triệt đại ngộ”, minh tâm kiến tánh là đắc Căn Bản Trí. Sau khi đắc Căn Bản Trí, vị thầy dạy Thiện Tài đồng tử ra ngoài tham học. Tham học nhằm ý gì? Tham học để thành tựu Hậu Đắc Trí, nhằm thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Năm mươi ba lần tham học là vì vậy đó!

Vị thiện tri thức tham phỏng đầu tiên rất quan trọng, pháp thế gian hay xuất thế gian đều theo ý nghĩa này, tức là “*tiên nhập vi chủ*” (pháp nào theo học đầu tiên thì pháp ấy là chánh yếu), vị thầy đầu tiên hết sức quan trọng! Theo bản Bát Thập Hoa Nghiêm, vị thầy đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân, bản Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Cát

Tường Vân và Đức Vân là một người, Cát Tường chính là Đức, [kinh được] hai người phiên dịch nên [danh hiệu của vị thiện tri thức này được] dịch khác nhau, nguyên bản là một. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn nào? Ngài tu cái pháp nay chúng ta gọi là Ban Châu Tam Muội. Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn ấy, Thiện Tài đồng tử đến tham học với Ngài, hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn vì Thiện Tài giảng hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Hai mươi một không phải là con số, chúng ta phải hiểu hai mươi một theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Mật tông, hai mươi một tượng trưng cho viên mãn. Hoa Nghiêm là căn bản của toàn bộ Phật pháp, nhà Phật gọi là “*căn bản pháp luân*”. Nói theo thuật ngữ của người hiện thời thì gọi là “*Phật học khái luận*”. Hết thầy những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm chẳng ra ngoài kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm bao gồm toàn bộ căn bản Phật pháp, bởi thế, nó được gọi là “*pháp luân viên mãn*”.

Ngài Cát Tường Vân thị hiện pháp môn Niệm Phật này chẳng thể nghĩ bàn! Thiện Tài học được pháp này. Chúng ta hãy chú tâm quan sát kỹ, thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đều tu pháp môn Niệm Phật, kinh Hoa Nghiêm đã chứng thực rõ ràng như vậy. Đến vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, tức vị thiện tri thức thứ năm mươi ba (tỳ-kheo Cát Tường Vân là vị thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thiện tri thức cuối cùng), Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử “*mười đại nguyện vương dân về Cực Lạc*”. [Từ sự kiện toàn bộ quá trình tham học] mở đầu dạy pháp môn niệm Phật, tới hậu “*dẫn về Cực Lạc*”, chúng ta hoàn toàn hiểu rõ: Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Pháp môn Niệm Phật. Từ đầu đến cuối đều tu pháp môn Niệm Phật. Quý vị thấy trong khi tham phỏng, có thể nói pháp môn nào Ngài cũng tiếp xúc, cũng thông đạt, nhưng tự mình vẫn tu pháp môn Niệm Phật, nhất định chẳng bị ảnh hưởng, nhất định chẳng thay đổi. Năm mươi ba lần tham học bao hàm ý nghĩa ấy. Nếu không hiểu điều này thì năm mươi ba lần tham học coi như trắng tay.

Cứ mỗi lần tham phỏng một vị thiện tri thức thì trong khoa phán của Thanh Lương đại sư, Ngài phán định phần cuối của mỗi đoạn kinh văn ấy là “*luyên đức lễ từ*” (luyên mộ đức hạnh, lễ kính, tạ từ). Nên hiểu bốn chữ ấy như thế nào? “*Luyên đức*” là cảm tạ thiện tri thức dạy dỗ, thiện tri thức vì con diễn nói khiến cho con hiểu rõ ràng mọi điều. “*Lễ từ*” có nghĩa là gì? Lễ là cung cung kính kính, “*từ*” là không học pháp

môn ấy, vẫn chỉ học pháp Niệm Phật của chính mình. Con rất cảm kích, Ngài dạy con, con đều hiểu rõ, thấu hiểu nên trí huệ mở mang. “*Lẽ từ*” là như như bất động, tự mình thường trụ trong Niệm Phật tam-muội thì mới một đời thành tựu được! Một đời thành tựu phải nhờ vào “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. Điều này chứng thực pháp môn Niệm Phật là rất ráo chỉ quy.

Vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ tông là ai? Phổ Hiền Bồ Tát là vị tổ sư thứ nhất. Trong hội Hoa Nghiêm “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, quý vị nói Ngài không phải là vị tổ sư thứ nhất thì ai là tổ sư đời thứ nhất? Thế nhưng chúng tôi đọc cuốn Tịnh Tu Tiếp Yếu của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thấy Ngài viết như thế này: “*Tịnh tông Sơ Tổ Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát*”; câu này quả thật lay tỉnh tôi. Không sai! Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát là người chuyên tu Tịnh Độ sớm nhất. Như vậy, Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh tông Sơ Tổ, là pháp giới tổ sư; trọn khắp pháp giới hư không giới, Đại Thế Chí Bồ Tát là người tu Tịnh Độ đầu tiên, là Sơ Tổ của trọn khắp pháp giới. Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, kinh giảng đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, trong hội thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát “*dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. Vì vậy, Ngài là Sơ Tổ của thế giới Sa Bà.

Sơ Tổ Tịnh tông Trung Quốc là Huệ Viễn đại sư. Vào thời đại Đông Tấn, ngài dựng liên xã tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, tập hợp những người chí đồng đạo hợp gồm một trăm hai mươi ba người chuyên tu Tịnh nghiệp. Do chuyên tu tịnh nghiệp tại Lô Sơn, Ngài trở thành người khởi phát Tịnh tông đầu tiên tại Trung Quốc, nên ta gọi Ngài là Sơ Tổ. Vì vậy khi nói đến Sơ Tổ, chúng ta phải hỏi vị Tổ Sư nào? Sơ Tổ của thế giới Sa Bà hay Sơ Tổ cả pháp giới hay là Sơ Tổ của Trung Quốc? Trước kia, chúng tôi ở Mỹ, cũng đến các nơi thành lập Tịnh Tông Học Hội. Trước kia, ở Mỹ Quốc và Gia Nã Đại có hơn hai mươi Tịnh Tông Học Hội, nay tôi không biết còn được bao nhiêu. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trêu: “*Pháp sư Tịnh Không! Ông là Sơ Tổ của Tịnh Tông Mỹ Quốc*”. Như vậy, Sơ Tổ tùy thuộc địa phương nào, khu vực nào, ai là người đầu tiên đề xướng niệm Phật.

Cuối cùng là “*phải nên suy nghĩ sâu xa*”. Chúng ta phải nghĩ cho chín, pháp môn rất nhiều, tám vạn bốn ngàn vô lượng pháp môn, chúng ta tuyển chọn như thế nào? Học theo Thiện Tài, “*lấy Thiện Tài làm thầy là được*”. Thiện Tài chọn pháp môn Niệm Phật, trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Ngài thành công, Ngài thực sự vãng sanh. Vị Phật thứ bảy

là:

Sa La Thu Vương Phật.

娑羅樹王佛。

“*Biểu thị viên chứng kiên cố rốt ráo, làm đại pháp vương, Mật - Tịnh bất nhị*”. Sa La Thu Vương Phật tượng trưng cho Mật tông, Mật Pháp gọi là “rốt ráo kiên cố”. Bởi thế, vị Phật này biểu thị sự chứng đắc Mật pháp kiên cố rốt ráo, là đại pháp vương, hiển thị Mật và Tịnh bất nhị. Ấy là vì Đại Thừa Phật pháp ở Trung Quốc được chia thành tám tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông phái, nên Phật giáo Trung Quốc có tất cả mười tông phái. Trong mười tông phái này, bất luận tu học pháp môn nào, kết cuộc chỉ là ba môn, tức ba môn Giác, Chánh, Tịnh. Như Tánh tông, Thiên tông thuộc về Giác Môn: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Mọi tông của Giáo Hạ thuộc về Chánh Môn: Chánh tri, chánh kiến. Tịnh tông và Mật tông thuộc vào Tịnh Môn: Tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, Mật và Tịnh thuộc cùng một loại, dầu cùng một loại nhưng Mật khó, Tịnh dễ, rất dễ dàng phân biệt khó - dễ!

Tịnh Độ tông giảng thân tâm thanh tịnh, xa lìa ô nhiễm, giữ gìn thanh tịnh, vậy là còn dễ! Thanh tịnh trong Mật tông còn thù thắng hơn Tịnh tông, vì sao? Chẳng lìa nhiễm ô, ở trong nhiễm nhưng chẳng nhiễm, cao lắm! Đương nhiên là khó! Vì thế, Mật tông chẳng dễ gì thành tựu, nhưng đều là tu tâm thanh tịnh. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là bậc kim cương a-xà-lê trong Mật tông, chúng ta thường gọi [kim cương a-xà-lê] là Thượng Sư⁶. Lão nhân gia tối hậu niệm Phật vãng sanh, chẳng dùng đến Mật pháp. Trong thời gian tối hậu, mỗi ngày Ngài niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu cầu sanh Tịnh Độ. Cụ Hoàng bảo tôi (lúc tôi sang Bắc Kinh thăm cụ, cụ bảo tôi), hơn bốn mươi năm sau ngày Trung Quốc được “giải phóng”⁷ (lúc ấy vẫn chưa đến năm mươi năm, mới hơn bốn

⁶ Thượng Sư là dịch nghĩa chữ Guru trong tiếng Phạn. Đôi khi còn dịch là Đạo Sư, Đại Sĩ. Chữ Guru ban đầu chỉ có nghĩa là bậc thầy, chuyên gia đầy kinh nghiệm về một lãnh vực nào đó. Trong Ấn Độ Giáo và đạo Sikh, chữ Guru thường được chỉ những bậc hành giả đạt kinh nghiệm tâm linh cao, thực chứng. Riêng trong Phật giáo Tây Tạng, chữ Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Liên Hoa Sanh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tổ Phật giáo Tây Tạng.

⁷ Chữ “giải phóng” ở đây chỉ thời điểm Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, tức là khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục, chánh phủ Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập ngày

mười năm), Trung Quốc có mười ba ức người [học Mật tông], người học Mật tông trong hơn bốn mươi năm ấy nhiều dường ấy, có bao nhiêu người thành tựu? Cụ bảo tôi chỉ có sáu người! Rồi lại bảo tôi: “*Từ rày về sau, học Mật tông chẳng thể thành tựu, chỉ có cách tu Tịnh Độ*”. Trong ô nhiễm không bị ô nhiễm, công phu ấy cao lắm! Có mấy ai có thể thành tựu?

Tu học trong Mật tông chẳng lìa ngũ dục, lục trần, ngày ngày ở trong ngũ dục, lục trần, chẳng bị tiêm nhiễm mảy may, phải có bản lãnh ấy, phải có công phu ấy. Không như Tịnh Độ tông, Tịnh Độ tông tách lìa ngũ dục, lục trần, tu tâm thanh tịnh. Bởi thế, luận về đẳng cấp, Mật tông là thanh tịnh thượng thừa, thượng thượng thừa. Chúng ta tu Tịnh Độ tông tâm địa thanh tịnh là trung hạ, trung hạ thừa, chẳng bằng Mật tông. Vì thế, chúng ta phải tôn kính Mật pháp, tự biết chính mình không có năng lực tu học, nên cứ tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi gặp A Di Đà Phật, phương pháp tu hành, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao, như vậy là chính xác, không sai một chút nào. Vì sao Tịnh - Mật bất nhị? Vì đều là tu tâm thanh tịnh.

Ba vị Phật kế đó tương ứng với ba vị ở phương Đông. Trong sáu phương Phật, trước hết chúng ta thấy tại phương Đông có các vị Phật tượng trưng cho pháp, biểu thị ba thân: “*A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật*”; trong đây chúng ta thấy đều dùng chữ Tu Di: Tu Di Tướng, Đại Tu Di, Tu Di Quang là vì sao? Đây chính là điều người học Phật chúng ta mong cầu. Phải chúng đắc Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; ấy là Phật Quả rốt ráo. Đền phương trên, chúng ta trông thấy:

Bảo Hoa Đức Phật.

寶華德佛。

“*Biểu thị Báo Thân viên mãn*”. Báo Thân viên mãn là thân trí huệ viên mãn, tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền.

Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật.

見一切義佛。

Mồng Một tháng Mười năm 1949. Như vậy, hòa thượng Tịnh Không sang thăm cụ Hoàng là vào năm 1989.

“*Biểu thị ngàn trăm ức hóa thân, ngũ nhân viên minh, ứng khắp các căn cơ*”. Đây là Ứng Hóa Thân, ngàn trăm ức Hóa Thân! Trong chín pháp giới, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Cảm ứng đạo giao quyết định chẳng sai chạy, có cảm bèn lập tức có ứng, quyết định chẳng thể nói là không ứng. Ở phần trên, tôi đã nói về đạo lý cảm ứng đạo giao rồi, Cảm có bốn loại lớn, Ứng cũng có bốn loại lớn: Hiển Cảm Hiển Ứng, Hiển Cảm Minh Ứng, Minh Cảm Hiển Ứng, Minh Cảm Minh Ứng, những hiện tượng cảm ứng đạo giao chẳng ngoài bốn loại lớn này. Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có năng lực, nhưng Như Lai cảm ứng vô điều kiện, trọn khắp chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, ứng hiện trọn khắp!

Bồ Tát và A La Hán có lúc phải có duyên phận, nhà Phật thường nói “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Bồ Tát và chúng sanh có duyên phận bèn ứng, nếu không có duyên phận với chúng sanh ấy sẽ chẳng ứng. Vì sao? Lúc Ngài đến, chúng sanh hoàn toàn không vui thích, Ngài rất muốn giúp người ấy, nhưng kẻ ấy không ưa Ngài, chẳng tiếp nhận Ngài, Ngài không đến. Phật khác hẳn, Phật là vô điều kiện, nhưng sự ứng hiện của Phật như vừa mới nói, có hiển ứng (ứng hiện rõ ràng) và minh ứng (ứng hiện ngầm). Minh (冥) là thâm che chở, ban ơn cho quý vị mà quý vị chẳng nhận biết; Hiển (顯) là rất rõ ràng, quý vị có thể cảm nhận được. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, vị Phật này tượng trưng cho Ứng Hóa Thân. Vị Phật sau cùng:

Như Tu Di Sơn Phật.

如須彌山佛。

Tu Di xuất hiện, “*biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, làm Lý Thể cho hết thảy các pháp*”. Như Tu Di Sơn Phật; ba thân ấy là một, “*viên chứng một thể ba thân*”, ba thân là một nhưng ba, ba nhưng một, từ trí huệ mà nói thì là Báo Thân, từ Lý Thể mà nói thì là Pháp Thân, từ tác dụng mà nói thì là Ứng Hóa Thân; chứng đắc viên mãn một Thể ba thân. Quý vị thấy ba vị Phật này tương ứng với phương Đông, thấu triệt từ đầu đến cuối. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kể đó:

“*Trên đây đã nêu đại lược danh hiệu của các vị Phật, hàm ý rất sâu, ngầm dạy cho người niệm Phật tông chỉ trọng yếu trong lịch trình tu tập từ sơ phát tâm cho đến viên mãn Bồ Đề, như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể không biết*”. Phật là trí huệ viên mãn rốt ráo, phương pháp dạy học cao minh đến cùng tột, trong

kinh Phật thường nói là “*phương tiện thiện xảo*”, bốn chữ này chúng ta chẳng dễ gì lãnh hội nổi. Quý vị chú tâm quan sát mới hòng hiểu được Ngài hiển thị phương tiện thiện xảo như thế nào.

Quý vị thấy đó, đức Phật nêu lên những danh hiệu ấy, những danh hiệu ấy đều nhằm dạy chúng ta nên tu học như thế nào. Phương Đông là căn bản tu học, dạy cho quý vị pháp căn bản. Phương Nam là tu huệ. Phương Tây là tu phước. Phương Bắc là phải phước huệ đều đã có cơ sở rồi mới bắt đầu giáo hóa chúng sanh, phương Bắc là bắt đầu giáo hóa. Dạy học giúp tăng trưởng, quý vị muốn nâng cao cảnh giới của chính mình, muốn chứng đắc quả vị cao hơn mà quý vị không dùng phương pháp dạy học sẽ rất khó khăn. Bồ Tát không vị nào chẳng dạy học, không có vị nào chẳng phục vụ hết thảy chúng sanh. Vì hết thảy chúng sanh phục vụ là tu phước, dạy học là tu huệ, phước huệ song tu. Do vậy, thành Phật được gọi là Nhị Túc Tôn. Có huệ mà không có phước thì chẳng thể độ chúng sanh; có phước không huệ cũng chẳng thể độ chúng sanh. Phương Bắc là bắt đầu, rồi đến phương Hạ, phương Thượng. Sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho pháp môn Lục Độ của Đại Thừa Bồ Tát. Cuối cùng, phương trên là rốt ráo viên mãn.

Quý vị thấy trình tự này, theo thứ tự thuận, mỗi một giai đoạn học một pháp môn nào, dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát để biểu thị pháp ấy; vì thế, những ý nghĩa này rất sâu. “*Ngâm dạy người niệm Phật*”, chúng ta phải hiểu được mật nghĩa này. Thật đấy, đức Phật giảng kinh thuyết pháp “*ý tại ngôn ngoại*” (ý nằm ngoài lời), chúng ta phải lãnh hội, phải thấu hiểu được. Đây chính là những điều tổ sư đại đức trước kia thường giảng, quý vị hiểu chẳng? Quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có thấu hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Có hiểu như vậy rồi, quý vị mới biết phải nên tu học như thế nào.

Pháp thế gian và xuất thế gian, tôi thường nói chỉ có người có trí huệ mới hòng nắm chắc cơ hội, mới thành công. Pháp thế gian như vậy mà Phật pháp cũng như vậy. Cơ hội ở trước mắt mà quý vị bỏ lỡ, bỏ lỡ lần này không biết đời nào kiếp nào mới có thể gặp gỡ. Phàm ai thành công thì chẳng có gì khác cả, phải nhận biết cơ hội, nắm ngay lấy cơ hội, người ấy sẽ thành công. Giống như người kinh doanh trong thế gian thường nói đến “*cơ hội kinh doanh*” hay “*cơ duyên thương nghiệp*”, tức là cơ hội kiếm tiền, phải nhận thấy [cơ hội ấy] rất chuẩn xác, phải nắm ngay lấy, đầu tư vào đó, thực sự kiếm lợi. Cơ hội trước mắt mà để lỡ, không nắm lấy; Phật pháp cũng như vậy, phải nhận biết cơ duyên tu phước, tu huệ.

Bậc đại thánh đại hiền thế gian hay xuất thế gian không có gì khác cả, các Ngài không có lòng riêng tư, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, nhà Phật gọi là “*độ sanh*”. Độ sanh nghĩa là gì? Độ sanh nay gọi là phục vụ, phục vụ hết thấy chúng sanh vô điều kiện, có thể bỏ mình vì người, đây là đại từ đại bi. Đây gọi là tâm đại Bồ Đề. Người không chịu bỏ mình vì người, thủy chung không thể thành tựu. Quý vị nói mình niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng sanh có khổ nạn hy vọng mình giúp đỡ mà một chút cũng không chịu làm, trong tâm nghĩ như thế nào? Đợi đến khi tôi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, tôi học thành sẽ trở lại giúp quý vị, rõ ràng là hiện tại đủ sức giúp người, lại không chịu giúp, đợi về Tây Phương Cực Lạc thế giới học thành rồi mới giúp thì sẽ chẳng thể sanh về thế giới Cực Lạc được!

Thế nào mới là “đến Cực Lạc thế giới học thành rồi mới quay về”? Nay thấy chúng sanh khổ sở, nhưng chính mình thực sự không có năng lực giúp đỡ, mình cần phải sang Tây Phương Cực Lạc thế giới học lấy bản lãnh, vậy là đúng! Còn nếu nay quý vị có năng lực, nhưng không chịu làm, chính là trái nghịch bốn nguyện A Di Đà Phật. Có một phần năng lực thì giúp đỡ một phần, có hai phần năng lực bèn giúp hai phần, công đức viên mãn. Cửa ải khó khăn nhất của hết thấy chúng sanh học Phật là gì? Tiến thì ít, lui thì nhiều. Đừng nói bọn người sơ phát tâm chúng ta gặp phải cảnh duyên bất thuận liền lập tức ngã lòng, Tiểu Thừa cũng ngã lòng. Tứ Quả A La Hán ứng hóa trong thế gian này, thấy chúng sanh khó độ đều ngã lòng, hướng chi lữ phàm phu sát đất chúng ta, phiền não tập khí chưa đoạn được phần nào, rất dễ thoái đọa, vừa lui sụt bèn đọa lạc. Đó là điều khẳng định!

Sách Liễu Phàm Tứ Huấn nói về tình hình khi ấy rất hay, lúc ấy nếu gặp được vị thiện tri thức chân chánh cảnh tỉnh mình, nâng đỡ mình, giúp đỡ mình, kinh Kim Cang gọi chuyện đó là “*thiện hộ niệm chư Bồ Tát*” (khéo hộ niệm các Bồ Tát), Như Lai giáo huấn: Các đại Bồ Tát thường phải chiếu cố các tiểu Bồ Tát. Tiểu Bồ Tát rất dễ thoái chuyển, rất dễ đọa lạc, lúc họ gặp phải thoái duyên [các đại Bồ Tát] phải gấp giúp đỡ họ. Chẳng dễ dàng gì, chúng ta cứ nghĩ xem: Trong một đời ta có thể gặp được vị thiện tri thức thực sự hay không? Gặp được thiện tri thức thực sự là phước báo lớn lắm mới có thể giữ cho quý vị không bị thoái chuyển. Chướng duyên đâu đâu cũng có, chướng duyên do đâu mà có? Vô lượng kiếp tạo tác nghiệp chướng, nay chúng đều khởi hiện trên con đường Bồ Đề, chẳng thể không biết điều này.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn thứ chín:

“*Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị thâm thiên, tổng tại u duyên, duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo khai, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động túc chủng, năng linh ma chướng nan giá, năng linh thể tánh khai phát, chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng, nhược thể xuất thế, tất bất khả tư nghị dã*” (Phật độ sanh, chúng sanh nhận sự giáo hóa (thọ hóa), khó - dễ, cạn - sâu trong khoảng ấy nói chung là do duyên. Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng, đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi khiến cho [người được hóa độ] hoan hỷ tín nhập, khiến cho xúc động túc chủng, khiến cho ma chướng khó ngăn trở, khiến cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa, kết chắc duyên chủng. Dù là thể pháp hay xuất thế pháp thay đều chẳng thể nghĩ bàn). Ý nghĩa của đoạn này rất sâu, đó chính là lời đại sư Ngẫu Ích đã viết trong sách Yếu Giải, đặc biệt là người phát tâm theo đuổi công cuộc hoằng pháp và người làm nhiệm vụ hộ pháp không thể chẳng hiểu đạo lý này. Nếu không hiểu đạo lý này, trên con đường tự hành hóa tha chúng ta không thể tránh khỏi ngã lòng, đó là hiện tượng tất nhiên. Phật độ chúng sanh, “*độ*” là giáo hóa, chỉ dạy chúng sanh. Chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật. Chữ “*hóa*” ý nghĩa rất sâu, chúng tôi thường nói là “*tiếp nhận giáo huấn*”. Nói “*tiếp nhận giáo huấn*” chỉ là nói một bên, không viên mãn. Dạy rồi thì sao? Dạy rồi, quý vị có học hay chẳng? Quý vị không chịu học thì sự giáo huấn ấy không thành tựu, không có thành tích.

“*Hóa*” (化) là có thành tích, có biến đổi khí chất, thực sự có thành tựu và thành tích. Cổ nhân nói “*độc thư chí tại biến hóa khí chất*” (đọc sách hòng biến đổi khí chất), phải có chuyển biến, chuyển biến là biến hóa, chuyển ác thành thiện! Thực sự chuyển được! Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, đầy đủ là thành tích dạy học được hiển lộ cụ thể. Có thể chuyển phàm thành thánh, hóa phàm thành thánh chính là thành tích tốt nhất, là thành tích viên mãn. Có thể chuyển mê thành ngộ là thành tích bậc nhì. Có thể dạy cho chúng sanh chuyển ác thành thiện là thành tích bậc ba. Giống như cổ nhân Trung Quốc dùng cách đánh số Giáp, Ất, Bính... thì chuyển phàm thành thánh là hạng Giáp, chuyển mê thành ngộ là hạng Ất, chuyển ác thành thiện là hạng Bính v.v... Trong chữ Hóa có những ý nghĩa như thế đó, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, chắc chắn biến hóa! Mức độ thấp nhất là chuyển ác thành thiện, thực sự khởi biến hóa.

“Kỳ gian nan dị thâm thiên, tổng tại u duyên” (Trong ấy, khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên). Duyên: Chẳng riêng gì Phật pháp nói đến duyên, mà pháp thế gian cũng nói đến duyên. Rất nhiều người không biết ý nghĩa này, học trò theo học với thầy phải có duyên. Duyên từ đâu mà có? Học trò tôn trọng thầy, yêu thích vị thầy ấy, thầy cũng yêu mến trò, thầy trò ấy có duyên rất sâu. Duyên sâu như thế nào? Học trò nghe lời, thầy khéo dạy, do vì trò tôn trọng thầy, thực sự tôn trọng, tôn trọng như thế nào? Ý giáo phụng hành. Thầy dạy rồi mà nếu ta không làm được, tự cảm thấy mình phụ lòng thầy. Đây là sức thúc đẩy của duyên. Thầy cũng như vậy, học trò thực sự chịu học, nếu thầy không dạy cho giỏi, thầy cảm thấy sai trái đối với học trò.

Trước kia, tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý thường dạy tôi, toàn là những lời cổ nhân đã nói: Học trò đối với thầy có mười phần thành kính, theo học với thầy; nếu thầy chỉ dạy chín phần, còn thiếu một phần là có lỗi với học trò. Nếu học trò chỉ tôn kính thầy năm phần, thầy chẳng thể dạy trò đến sáu phần, vì sao? Dạy sáu phần là nhiều hơn một phần, trò chẳng thể hấp thụ. Nó chẳng thể tiếp nhận, đúng là lãng phí hơi sức! Trong Văn Sao, Ân Quang đại sư có nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Do vậy, thầy dạy học quyết định phải có học trò mười phần thành kính, những gì thầy giảng đều phơi bày trọn vẹn, không giữ lại một tí nào. Nếu tâm thành kính chưa đủ thì quý vị có được mấy phần thành kính sẽ lãnh hội được mấy phần. Nếu không có tâm thành kính, sẽ chẳng đạt được phần [lợi ích] nào hết! Điều đó cũng không sao! Vì sao? Quý vị thuộc loại dự thính, cũng tính là có duyên, tốt lắm! Bởi lẽ, thông thường quý vị hướng về thầy thỉnh giáo, thầy chẳng thể dạy quý vị, nay trong giảng đường có học trò mười phần thành kính, thầy bèn giảng những pháp tinh túy, mình có thể nghe ké bên cạnh. Nghe được bao nhiêu thầy không chịu trách nhiệm.

Do vậy, đức Phật thuyết pháp (đây là những chuyện chúng ta thường thấy trong kinh điển, nhưng chúng ta đọc mà không hiểu, đến khi tổ sư chú giải mới chỉ ra), bậc đương cơ khi ấy là người mười phần thành kính, đức Phật đối với người ấy nói pháp đó, những kẻ khác là bàng thính (nghe ké). Như đức Thế Tôn giảng kinh Hoa Nghiêm, đương cơ của kinh Hoa Nghiêm là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức Pháp Thân Bồ Tát; Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác là bàng thính, Phật chẳng giảng cho những người ấy, nhưng gặp được duyên thì cũng coi như không uổng, gieo được chủng tử vào A Lại Da Thức. Do

vậy, “*tổng tại u duyên*” (nói chung là do duyên).

“*Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm*” (Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng), một đời tôi gặp được ba vị thầy, đúng là ân đức sâu rộng. Chúng ta làm học trò tôn trọng, kính yêu thầy, đối với học trò như vậy, thầy chăm chút trò không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm, chúng ta cảm kích ân thầy dạy bảo. Dùng gì để tỏ lòng cảm kích? Y giáo phụng hành, ta thường nói là đem công đức do chính mình tu học, công đức hoằng pháp lợi sanh, công đức hộ pháp hồi hương về thầy, báo ân thầy. Khi xưa, thầy dạy ta chẳng uổng công, chúng ta tiếp nối huệ mạng của Phật, giống như chạy đua tiếp sức, thầy giao cây gậy cho ta, ta nhất định phải hoàn thành. Rồi ta lại giao cho người khác tiếp sức. Người tiếp sức là ai? Là người đối với Phật, đối với Pháp, đối với thầy có tâm thành kính. Không có thành kính thì quý vị chẳng nắm được cây gậy ấy. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều là một lòng Thành, một lòng Kính. “*Bát Thành vô vật*” (không có lòng Thành chẳng ra gì), dầu như thế nào cũng không đáng bàn đến nữa! Vì vậy, phải có thành kính, có ân đức.

“*Chủng chủng giáo khai*” (đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi), Giáo (教) là giáo hội (教誨: dạy dỗ); Khải (啟) là khai phát (啟發: khơi mở, khơi gợi). “*Năng linh hoan hỷ tín nhập*” (Có thể khiến cho vui thích tin nhập), học trò thực sự có lòng chân thành, cung kính, tôn sư trọng đạo, nghe lời thầy dạy bảo bèn hoan hỷ, tin tưởng, không ngờ vực, sẽ có thể khế nhập. “*Nhập*” (入) có nghĩa là giải ngộ, chứng ngộ, hiểu được, hành được, chứng được, đó là “*nhập*”. Đó là học trò dễ dạy. Ta thường nói là đưa học trò “*có ngộ tánh*”, vừa nói liền hiểu, hiểu rõ ràng. Kẻ căn tánh kém cõi hơn, khó lắm! Quý vị có giảng cho nó, nó cũng không hiểu, cứ vẫn tùy thuận tập khí phiền não, không quay đầu lại, hạng người như vậy nhiều lắm! Thực sự nghe rồi tin tưởng, hiểu biết, lại y giáo phụng hành, thực sự ra, trong ngàn vạn người chưa được một kẻ!

Trên thực tế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, nhưng chưa bao giờ đề cập đến chuyện này, chúng tôi thường nói “*hiếu học*”, quan trọng nhất là chữ “*hiếu*”, “*hiếu*” (好) là ưa thích! Con người chỉ cần hiếu học thì sẽ nhất định gặp được vị thiện tri thức thực sự, vì sao? Cảm ứng! Hiếu học là năng cảm, sẽ cảm động được chư Phật, cảm động thiện tri thức. “*Hiếu*” chắc chắn sẽ y giáo phụng hành, quý vị chịu học, tin được, hiểu được, nhưng làm chưa được thì chưa phải là hiếu học, chưa đủ điểm đạt chữ Hiếu, chưa đạt tiêu chuẩn. Thực sự “*hiếu*” thì nhất định y giáo phụng hành, nhất định làm được.

Duyên quan trọng lắm! Cùng một đạo lý ấy, mười phương thế giới

chư Phật rất nhiều, vì sao chúng ta lại khăng khăng niệm A Di Đà Phật? Vì sao không niệm đức Phật khác? A Di Đà Phật có duyên với ta, ta yêu mến Ngài, Ngài cũng yêu thích ta, có duyên đấy! Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Sao biết là có duyên? Vừa tiếp xúc kinh điển Tịnh Độ bèn hoan hỷ, đó là có duyên. Vừa nghe liền hiểu, hiểu rồi lại thực sự chịu làm, y giáo phụng hành, từ những điều đó mà thấy. Thay bằng bộ kinh khác thì cũng có thể tin tưởng, cũng rất hoan hỷ. Có lúc rất nhiều chỗ mình không hiểu, phải đi hỏi người khác, nghe người khác giảng tợ hồ người ta cũng không hiểu rõ ràng, không có cách nào y giáo phụng hành; hoặc hiểu nhưng hành chẳng dễ, khó lắm. Pháp môn này dễ dàng, thẳng chớng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng lại thành công viên mãn, bởi thế có duyên!

Trong hàng Bồ Tát cũng có rất nhiều Bồ Tát, lại khăng khăng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là vì nguyên nhân nào? Quán Thế Âm Bồ Tát có duyên với người thế giới Sa Bà. Bởi thế ngôn ngữ Trung Quốc thường nói: “*Gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật*” (Nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật). Di Đà, Quán Âm tợ hồ đặc biệt hữu duyên với người Hoa, duyên phận lại rất sâu, đạo lý là như vậy. Mười phương chư Phật cũng đều biết, đại khái Di Đà, Quán Âm chẳng những có duyên với chúng ta ở nơi đây mà mười phương chúng sanh đều có duyên phận rất sâu xa với hai Ngài. Do vậy, chư Phật Như Lai tuyên dương, chư Phật Như Lai khuyên ta phát tâm học theo Di Đà và Quán Âm. Quả thật, mấy câu tiếp theo đó quả thật đã giải thích hết sức rõ ràng về hiệu quả của cái duyên sâu xa.

“*Năng linh xúc động tức chủng*” (có thể dấy động những chủng tử xa xưa), “*tức chủng*” là chủng tử thiện căn trong đời quá khứ. Thiện tri thức, thầy dạy dỗ khiến cho những chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức bị động chạm; nói cách khác, sự học tập của quý vị tiếp nối sự học tập trong quá khứ, duyên ấy tốt lắm! Tiếp nối sự học tập trong quá khứ, sự học tập ấy vốn bị gián đoạn; vì sao bị đoạn? Mê khi cách âm, chúng ta là thân nghiệp báo, lúc đầu thai quên mất chủng tử thiện căn trong đời trước; dẫu có, nhưng không khởi hiện hành, không khởi tác dụng. Thiện tri thức chỉ dạy không ngừng, hoát nhiên khai ngộ. Ngộ có nguyên nhân là do trong đời quá khứ đã từng tu học rồi. Thầy là Tăng Thượng Duyên.

“*Năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở), thật đấy! Trên đường Bồ Đề, quý vị muốn tu hành, muốn hóa độ chúng sanh, luôn bị ma chướng ngăn trở. Nếu có thiện tri thức chỉ dạy, ma cảnh ấy sẽ hóa giải. Hóa giải như thế nào? Vì quý vị có trí

huệ, nhớ kỹ lời dạy của thiện tri thức, không hoài nghi, không mê hoặc. Ma chướng có thuận cảnh và nghịch cảnh, nếu quý vị có trí huệ, có huệ nhãn, quý vị sẽ thấy được. Thuận cảnh là gì? Mọi chuyện đều rất như ý, khiến quý vị khởi tham ái. Phải biết tham ái là phiền não, là một trong ba độc. Trong tình cảnh ấy, quý vị khởi tham ái không phải là chuyện tốt, ma chướng hiện tiền. Quý vị có trí huệ thì ma chướng không thể chướng ngại, quý vị có thể đối phó hết sức giỏi. Biết ơn, báo ơn, cảm ơn, cung kính đức, sẽ chẳng sanh phiền não. Phiền não là tham ái, chẳng sanh tâm tham, không ngu si.

Nếu ma chướng là nghịch cảnh thì nghịch cảnh sẽ như thế nào? Khiến cho quý vị nóng giận, sanh ghen ghét, ý niệm bất thiện sanh khởi. Quý vị phải nhận biết rõ ràng. Nếu quý vị có trí huệ, sẽ chuyển nghịch cảnh thành thuận cảnh, chẳng những nó không thể chướng ngại quý vị mà có lúc còn nâng cao [cảnh giới của] quý vị lên nữa. Bởi thế, cổ đức dạy cho chúng ta một câu thành thực: “*Bồ Đề đạo thượng, vô Phật diệt vô ma*” (Trên đường Bồ Đề không có Phật mà cũng không có ma). Đúng như vậy đó! Phật và ma từ đâu có? Một niệm giác thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới Phật; một niệm mê thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới ma. Thừa thật cùng quý vị, quả thật không có Phật lẫn ma, ma và Phật chỉ do tự tánh biến hiện. Đây chẳng phải là điều kinh Phật thường nói đó ư? Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm tưởng của ta giác chứ không mê thì hết thấy pháp đều là Phật pháp. Tâm tưởng của ta mê hoặc, điên đảo, mê chứ không giác thì hết thấy pháp đều là ma chướng. Bởi thế, Phật và ma chỉ là cảnh giới do ý niệm của chính mình biến hiện.

Trong thời gian gần đây, ai nấy đều thấy những thí nghiệm kết tinh nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, từ những tỷ dụ ấy, quý vị có thể hiểu: Chúng ta dùng thiện tâm, một niệm thiện, tâm yêu thương, tâm cảm tạ thì quý vị thấy nước sẽ kết tinh đẹp đẽ dường ấy. Nếu chúng ta dùng ác niệm, tâm thái rất bất hảo đối với nước thì nước sẽ kết tinh hết sức khó coi. Nước không tốt cũng không xấu, xấu hay tốt là do tâm ta, do ý niệm của chúng ta, nước chuyển biến theo tâm niệm của chính chúng ta.

Vì thế, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Cảnh duyên vô hảo xú*” (cảnh duyên không tốt, xấu). “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất. “*Duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Cũng có thể nói là hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự đều không có Phật mà cũng không có ma. Phật tượng trưng cho cái tốt, ma đại diện cho cái xấu, không tốt xấu. “*Hảo xú tại u tâm*” (xấu hay tốt do tâm), do chính cái

tâm của chúng ta, do ý niệm của mình! Giống như nước, nước chẳng tốt hay xấu. Chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, nó sẽ biến thành rất đẹp đẽ. Chúng ta dùng ác tâm đối đãi nó, nó biến thành xấu xa. Bản thân nước quả thật không tốt hay xấu. Quý vị phải hiểu đạo lý này: Tổ sư dạy chúng ta hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự là bình đẳng, thực sự thanh tịnh, bình đẳng, chỉ do tâm hiện. Chúng ta thấy tốt hay xấu là do thức của chính mình biến hiện. Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hoàn cảnh bên ngoài biến hiện thuận theo tâm niệm.

Trong Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong đã giảng: “*Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ là phương này, phương này là Tịnh Độ). Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà của chúng ta không hai, không khác! Không khác gì nhau! Vì sao trên mặt Sự lại có sai biệt quá lớn như thế? Tâm con người không giống nhau. Tâm của người thế giới Cực Lạc là tâm thiện, nên núi, sông, đại địa, hữu tình, vô tình đều biến thành tốt lành phi thường. Người trên địa cầu này tâm bất thiện, tự tư, tự lợi, tham-sân-si-mạn. Vì thế, hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa đều biến thành đời ác ngũ trược. Nếu có thể lìa khỏi cái tâm niệm của người đang sống nơi đây thì Cực Lạc và Sa Bà bình đẳng, một tí tí sai khác cũng chẳng có! Sai biệt bất đồng là do tâm hạnh của cư dân [trong hai thế giới] khác nhau. Chúng ta muốn biến quả địa cầu này thành thế giới Cực Lạc thì trên lý luận chẳng khó gì, chỉ cần cư dân sống trên địa cầu này có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể phá mê khai ngộ thì hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa tất đều biến thành thế giới Cực Lạc, vô lượng các thứ báu trang nghiêm. Lý như thế, Sự cũng như thế. Do vậy, chân thiện tri thức có thể giúp đỡ mình, đúng là “*năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở).

Những vị thầy của tôi, ba vị thầy của tôi đều vãng sanh cả rồi. Thầy Lý mất sau cùng, cũng đã cách đây mười hai năm rồi. Trong mười hai năm ấy chúng tôi đã trải qua không ít ma chướng, nhưng đều có thể vượt qua rất thuận lợi. Đó là vì nguyên nhân nào? Vì chúng tôi nhớ kỹ những lời thầy dạy trước kia; lúc gặp phải chướng nạn, chúng tôi biết hóa giải như thế nào, chẳng bị ngăn trở, quấy nhiễu ra sao, làm sao nâng cao cảnh giới của chính mình, làm sao nâng cao, kế tục việc tự hành hoằng pháp chẳng đến nỗi gián đoạn giữa chừng, đều là do thầy dạy dỗ. Nếu thầy không chỉ dạy chúng tôi, quả thật chúng tôi không có năng lực đối phó ma chướng. Vì sao? Chắc chắn sẽ cùng ma chướng kinh chống, nhất định sẽ nóng giận, mắc sai lầm. Oan gia nên cõi không nên buộc, kéo kết oán cùng người. Nay chúng ta đã hiểu phương pháp, gặp phải

oán đối, từ nội tâm có thể hóa giải oán kết, từ đó đôi bên cùng được lợi ích, chẳng kết oán hận.

“*Năng linh thể tánh khai phát*” (Có thể khiến cho thể tánh khai phát), câu này nói về mọi người chúng ta, giúp cho ta được khai ngộ, nhà Thiền gọi “*thể tánh khai phát*” là “*minh tâm kiến tánh*”. “*Khai*” là khai ngộ, “*phát*” là thấy rõ, Tịnh tông gọi là “*nhất tâm bất loạn*”; thể tánh khai phát chính là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền, là cảnh giới đại khai viên giải trong Giáo Hạ. Chỉ là ba pháp môn bất đồng, phương pháp tu học bất đồng, mà nói ra danh từ thuật ngữ khác biệt, chứ thật ra chỉ là một cảnh giới. Vì vậy, Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, là đại khai viên giải, ở đây gọi là “*thể tánh khai phát*”. Trong Phật pháp gọi bản thể của vũ trụ vạn hữu là Phật Tánh và Pháp Tánh; nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi chung là Thể Tánh, quý vị hiểu rõ, tức là khai phát vậy.

Chuyện này rất khó hiểu, cũng rất khó giảng rõ. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở. Nếu quý vị hiểu rõ, sẽ giúp ích rất lớn cho việc tu học, lợi ích lớn nhất chính là câu nói ở phần trên: “*Năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở). Quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề, tinh tấn không lùi, không chướng ngại. Phật Tánh: Phật Tánh là gì? Bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của sáu căn là Phật Tánh, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết, đó là bản năng. Bản năng là Phật tánh. Pháp Tánh là gì? Sáu căn tiếp xúc với những đối tượng bên ngoài là Pháp Tánh. Chúng ta dùng tánh Thấy để thấy sắc tướng bên ngoài, thì cái sắc tướng bên ngoài ấy là Pháp Tánh.

Tổ sư đại đức thường nói cái niệm thứ nhất chính là chánh niệm! Niệm thứ nhất không khác không hai với niệm của chư Phật Như Lai. Vì thế, quý vị là Phật, Như Như Phật; thế nhưng vấn đề nằm ở đâu? Cái niệm thứ hai là phiền toái rồi, bị đọa lạc, chẳng thể duy trì cái niệm thứ nhất. Do cái niệm thứ nhất không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, chúng vẫn chưa khởi lên. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, vừa khởi tâm động niệm bèn rơi vào ý thức, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh bị biến thành ý thức, biến thành tám thức, hỏng rồi, đọa lạc phạm phu rồi. Hễ đọa lạc bèn tự nhiên khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là A Lại Da Thức. Phân biệt là thức thứ sáu: Ý Thức. Chấp trước là Mạt Na, phải biết như thế. Trong Tự Tánh không có những thứ ấy. Tự Tánh, Chân Tâm, trong Chân Tâm

không có những thứ đó. Những thứ đó là nhiễm ô, những thứ ấy gọi là Bất Giác. Có những thứ ấy, quý vị sẽ chẳng giác, nhà Phật gọi quý vị là phàm phu. Quý vị không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì Phật pháp gọi quý vị là thánh nhân, gọi là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này!

Phật, Bồ Tát vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất, tuyệt đối chẳng rớt vào niệm thứ hai, bởi thế gọi là “*nhất tâm bất loạn*”. Chúng ta có nhất tâm, nhưng cái nhất tâm ấy hết sức nhanh chóng, lập tức rớt vào hai, ba, bốn, lập tức đọa lạc. Đọa lạc rồi thì mắt ta thấy bèn thành Nhãn Thức thấy Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh; Nhĩ Thức nghe Thanh Trần. Đó là cảnh giới phàm phu. Tâm hạnh như vậy sẽ luân hồi trong lục đạo, biến Nhất Chân pháp giới thành lục đạo luân hồi. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ sự thật chân tướng. Thực sự hiểu được, thực sự hiểu rõ thì lục đạo và chín pháp giới há có chướng ngại? Vì sao không chướng ngại? Vì nó là hư huyền, không thật.

Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), lục đạo, mười pháp giới là mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong ấy, chỉ cần quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm thì quý vị vẫn trụ trong Nhất Chân pháp giới. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, phàm phu chúng ta luân hồi trong lục đạo, trụ trong đời ác ngũ trược, còn các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới, không tiêm nhiễm mảy may. Các Ngài hòa quang đồng trần với chúng ta, cùng ăn uống vui chơi hết như ta, cùng chuyện vãn giống như ta, nhưng hai cảnh giới bất đồng, một đàng giác, một đàng mê. Người giác trụ trong Nhất Chân pháp giới, kẻ mê trụ trong đời ác ngũ trược do chính mình biến hiện, khác hẳn nhau! Sai khác ở chỗ này!

Thân cận bạn lành thì Phật là bạn lành bậc nhất, chúng ta phải thân cận A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở nơi đâu? Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật. Nếu chúng ta đọc không hiểu, không nhận biết, ắt phải có người giới thiệu, người giới thiệu là ai? Tổ sư, đại đức chú giải chính là người giới thiệu. Quý vị thấy kinh A Di Đà có ba người giới thiệu tốt nhất: Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư và U Khê đại sư, ba vị giới thiệu rất hay! Đó là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư và Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Nay đang nhằm lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm có hai người giới thiệu: Thanh Lương đại sư và trưởng giả Lý Thông Huyền. Chúng ta dựa theo chú giải của hai vị

này để học tập. Như vậy, không có những vị thực sự hữu tu hữu học, những vị khế nhập cảnh giới ấy dẫn dắt chúng ta, ta sẽ khó lòng lãnh hội những ý nghĩa thực sự rất sâu trong kinh điển, rất khó khế nhập. Đối với chúng ta, những chú giải ấy quan trọng lắm.

Xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ coi bộ Sớ Sao của ngài Thanh Lương, bộ Hợp Luận của Lý trưởng giả (tức ngài Táo Bá Lý Thông Huyền) là quốc bảo của văn hóa Trung Quốc, tôn trọng không gì sánh bằng. Vì thế, cụ có thể khế nhập. Chưa có vị xuất gia hay tại gia đại đức cư sĩ giảng giải cho cụ cả! Chưa từng tiếp xúc các đại đức nhà Phật, cụ hoàn toàn tự đọc kinh ở nhà. Làm sao cụ có thể đọc hiểu? Không có chi khác, thành kính mà thôi! Phương pháp cụ đã dùng sau này thầy Lý đem dạy chúng tôi: “Chí thành cảm thông!” Phương tiên sinh quả thật chí thành cảm thông, không ai giảng giải, cũng không có ai để bàn bạc, không ai cùng học tập, không hề, chỉ có mỗi một mình! Chúng tôi thấy cụ thành tựu, thấy cụ dạy trong trường. Lúc ấy, không có máy thân hình, chỉ có máy thân âm. Từ băng thân âm, học trò ghi lại lời lão nhân gia giảng giải chĩnh đốn thành văn tự, nay chỗ nào cũng lưu thông, chẳng thể nghĩ bàn. Phần sau nói:

“*Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch*” (Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa), câu này rất quan trọng. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Lý Thể. Ở phần trên nói đến thể tánh, thể tánh chính là Pháp Thân. Chư Phật, Như Lai do đâu mà có? Chúng sanh có cảm, Pháp Thân có ứng. Pháp thân ứng như thế nào? Pháp Thân hiện tướng ứng hóa. Pháp Thân vốn không tướng, nhưng có thể hiện tướng, hiện tướng chính là thân Ứng Hóa của chư Phật; giống như ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ là thân Ứng Hóa. Chúng sanh có cảm, Pháp Thân bèn ứng. Pháp Thân là một, chỗ nào có cảm, bèn ứng chỗ đó. Thân ứng hóa vô lượng vô biên, ngàn trăm ức hóa thân. Trăm ngàn ức vẫn là con số có thể tính toán được, chứ trên thực tế, không thể tính được số. “Trăm ngàn ức” chỉ là hình dung, chỉ mang ý nghĩa biểu thị vô lượng vô biên, chỗ nào chúng sanh có cảm bèn lập tức ứng [nơi đó].

Nên dùng thân nào để độ chúng sanh, bèn hiện thân đó. Vì thế ở đây bảo là: “*Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch*”. Câu này bao gồm cả các Bồ Tát, các Bồ Tát cũng giống như vậy. Chẳng những bao gồm Bồ Tát, mà còn gồm cả Thanh Văn, bao gồm Duyên Giác, bao gồm già, trẻ, trai, gái các ngành nghề trong thế gian. Chẳng phải ai nấy đã từng đọc phẩm Phổ Môn rồi ư? Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thấy ba mươi hai ứng thân trong phẩm Phổ

Môn chỉ là nêu thí dụ, chia những thân phận ứng hiện thành ba mươi hai loại, trong mỗi một loại lại có vô lượng vô biên thân, thấy đều là “*Pháp Thân thù tích*”.

“*Cố kết duyên chủng*” (kết chắc duyên chủng). “Cố” (固) là kiên cố, vì sao? “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Kinh luận nhà Phật thường nói điều này. Như vậy, chúng ta và hết thầy chư Phật đều có duyên, cũng có duyên với hết thầy Bồ Tát. Đối với hết thầy chúng sanh cũng đều có duyên giống như vậy. Hiện thời gọi “duyên” là “quan hệ”; hiện nay không gọi là “duyên” mà gọi là “quan hệ”. Chúng ta có quan hệ với Phật, có quan hệ với Bồ Tát, có quan hệ với Thanh Văn, Duyên Giác, quan hệ hết sức mật thiết với hết thầy chúng sanh, há có thể nói là không quan hệ được ư? “*Nhược thế xuất thế*” (Dù là thế gian hay xuất thế gian), thế gian là chín pháp giới chúng sanh; xuất thế là tứ thánh, “*tất bất khả tư nghị dã*” (thầy đều chẳng thể nghĩ bàn). Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, không giả. Không một chúng sanh nào chẳng hữu duyên với ta, chẳng những hữu tình chúng sanh có duyên với ta, mà vô tình chúng sanh cũng đều chẳng ngoại lệ.

Kinh Hoa Nghiêm nói “*tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (hữu tình và vô tình, đều viên thành Chung Trí). Hữu tình lẫn vô tình đều chẳng ngoại lệ; nhưng sao lại nói kẻ này có duyên với ta, kẻ kia vô duyên? Đều là hữu duyên cả, nhưng trong duyên lại có thân và sơ. Ví như người cùng một nhà, cha con một nhà thân thiết nhất, chúng ta thường nói là thân thiết bậc nhất, có duyên mật thiết nhất. Thứ hai là huynh đệ, anh em, chị em, anh chị em cùng một bọc là thân thiết bậc nhì, đến đời thứ ba là con cháu ruột và cháu họ là mối thân thiết bậc ba. Như vậy là có thân và sơ khác nhau. Hết thầy đều có quan hệ, nhưng thân hay sơ khác nhau. Có thể dùng pháp thế gian để so sánh với Phật pháp, Phật pháp cũng giống như vậy. Ta và hết thầy chư Phật Như Lai đều hữu duyên, đó là chuyện thật, không giả đâu! Nhưng trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, đã thường lai vãng với một vị Phật nào đó, thường xuyên thân cận là có duyên với vị ấy, khác hẳn cái duyên đối với những vị Phật khác. Duyên do là như vậy.

Trong vòng bầu bạn, chúng ta thường qua lại với những ai thì tình cảm đối với những người ấy khác với những người khác. Có như vậy, quý vị mới thực sự hiểu vì sao nhà Phật thường nói “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên), mới thực sự hiểu được

đạo lý này. Nói thật ra, ai mà không có duyên? Đều có duyên hết. Phật chẳng độ kẻ vô duyên là vì duyên ấy quá ít, quá mỏng. Duyên sâu, duyên dày thì gặp mặt bèn sanh lòng vui thích, chúng ta gọi là “rất hợp duyên”. Đó là vì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ thường chung đặng, hoặc thường làm người một nhà, hoặc thường làm bạn bè tốt, thường là đồng tham đạo hữu, duyên ấy rất sâu, rất dễ dung hòa. Hai bên có thể tạo dựng mối quan hệ tin tưởng, tôn trọng, tin cậy, nương tựa lẫn nhau, duyên sâu là như vậy đó! Phải hiểu đạo lý này, chứ không phải là thực sự chẳng có duyên. Núi, sông, đại địa, thực vật, khoáng vật thủy đều có duyên.

Nếu quý vị bảo là không có duyên thì nước kia vì sao quý vị dùng cái tâm yêu thương đối với nó, nó liền kết tinh như một đóa hoa rất đẹp, vì sao nó lại có thể kết tinh như thế? Từ chỗ này, quý vị mới vỡ lẽ: Hữu duyên! Dùng ý niệm bất hảo đối với nó, nó hiện ra xấu xí. Đó là duyên. Nếu bảo là không có duyên làm sao giảng cho thông? Duyên ấy chính là gì? Thể tánh. Một thể tánh, nơi vô tình chúng sanh, nước là vô tình thì thể tánh ấy được gọi là Pháp Tánh, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi gộp lại là “*thể tánh*”. Do vậy, pháp thể gian và xuất thể gian đều chẳng thể nghĩ bàn.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 34

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn cuối cùng của phần Sáu Phương Phật:

“Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, cố nhất niệm, nhất thiết niệm, niệm nhất Phật, tức niệm nhất thiết Phật. Cực Lạc thị pháp giới tạng độ, cố nhất sanh, nhất thiết sanh, sanh Cực Lạc nhất độ, tức sanh nhất thiết chư Phật quốc độ dã” (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, vì thể niệm một là niệm hết thấy, niệm một vị Phật chính là niệm hết thấy Phật. Cực Lạc là pháp giới tạng độ, vì thể sanh về một là sanh hết thấy, sanh về một cõi Cực Lạc chính là sanh về cõi nước của hết thấy chư Phật). Tiểu đoạn này là lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, nói rất hay, phá trừ triệt để mọi nghi vấn đối với thể giới Cực Lạc. Vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Vì sao phải sanh về thể giới Cực Lạc? Từ trước đến nay chưa có ai giảng rõ ràng, minh bạch được như vậy. Mười phương chư Phật rất nhiều, vì sao chỉ niệm mình A Di Đà Phật? Do câu nói này bèn minh bạch. Mười phương Tịnh Độ cũng rất nhiều, sao lại chỉ riêng sanh về Cực Lạc Tịnh

Độ? Lời giải đáp của Ngẫu Ích đại sư rất hay: “*Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân*”. Trong kinh Đại Thừa thường nói đến Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ; Pháp Giới Tạng Thân chính là Pháp Tánh Thân, đây chính tên gốc của Pháp Thân Phật!

Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) cũng là tên gốc của Pháp Thân. Nếu dịch ý nghĩa của danh hiệu ấy sang tiếng Hán thì Tỳ Lô Giá Na chính là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp mọi nơi). A Di Đà Phật nếu dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng, hết thảy đều vô lượng: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Con người hiện tại cầu vô lượng của cải, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo, cái gì cũng đều là vô lượng, sự vô lượng ấy trọn khắp hết thảy mọi chỗ! Bởi thế, Tỳ Lô Giá Na và A Di Đà Phật đều là đức hiệu của Pháp Giới Tạng Thân; niệm một Phật hiệu này là niệm tất cả hết thảy Phật hiệu, nhất định phải biết điều này! Tỳ Lô Giá Na chỉ là “trọn hết thảy mọi nơi”, cái gì “trọn hết thảy mọi nơi”? Nội dung của chữ A Di Đà rất phong phú, đã phô bày rõ những ý nghĩa ấy. Những danh hiệu chư Phật khác chỉ là Báo Thân hay Ứng Hóa Thân của Pháp Giới Tạng Thân. Mười phương cõi nước khác đều là Thật Báo Độ, là Phương Tiện Độ, là Đồng Cư Độ. Tạng Thân là Pháp Tánh Thân, Tạng độ là Pháp Tánh Độ, tức Thường Tịch Quang Độ. Do vậy, niệm một danh hiệu Phật này là niệm tất cả hết thảy Phật!

Giống như hiện nay chúng ta là quốc gia dân chủ, trước kia là thời đại đế vương; chúng ta nói đến danh hiệu Tổng Thống là nói đến tất cả văn võ bá quan trong một nước, vì Tổng Thống là bậc nhất. Niệm danh hiệu của những vị Phật, Bồ Tát khác giống như gọi tên bộ trưởng, tỉnh trưởng, huyện thị trưởng, ý nghĩa là như vậy đó. Thế giới Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ, giống như nói đến tên một quốc gia; [như nói] Trung Quốc thì tất cả hết thảy những tỉnh, huyện, thành phố của Trung Quốc há chẳng đều được tính gộp trong ấy hay sao? Niệm danh hiệu những cõi Phật khác giống như niệm tên một tỉnh, niệm tên một thành phố, như chúng ta nói đến Bắc Kinh, nói đến Thượng Hải, nói đến Giang Tô, chỉ là một địa khu, chứ không phải là toàn quốc.

Như vậy, nói đến thế giới Cực Lạc giống như nói về toàn thể, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thảy chư Phật, không vị Phật nào lại chẳng vô lượng thọ, vô lượng giác ngộ, vô lượng đức năng, vô lượng trí huệ, vô lượng tướng hảo, mọi đức Phật đều là như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, dạy chúng ta nhất định phải sanh về Cực Lạc Tịnh Độ. Đạo lý là ở chỗ này, đúng là “*nhất niệm, nhất thiết niệm; nhất sanh, nhất thiết sanh*” (niệm một là niệm hết thảy, sanh về

một là sanh về hết thảy). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh về hết thảy các cõi Phật. Phải là người đại thiện căn, đại phước đức mới hòng làm được!

Thế nào là đại thiện căn, đại phước đức? Đối với pháp môn này, nếu ai có thể tin tưởng, có thể nhận hiểu, thực sự chịu thực hành thì người như vậy chính là đại thiện căn, đại phước đức. Gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [pháp môn này] cho chúng ta, lại gặp được rất nhiều thiện tri thức đem pháp môn này giới thiệu cho mình, đây chính là đại nhân duyên mà trong một đời này chúng ta được gặp gỡ! Gặp gỡ rồi lại có thể tin tưởng, hiểu biết, có thể thực hành, thực sự chẳng dễ dàng! Đây chính là kinh nghiệm của bản thân tôi. Tôi học Phật từ phương diện triết học, chứ không phải từ mặt tôn giáo, theo đuổi Phật giáo trên phương diện học thuật. Sau khi theo đuổi, mới dần dần nhận ra rất nhiều cái hay của Phật pháp, Phật pháp rộng lớn mênh mông, tinh túy, sâu thẳm, sanh khởi lòng ngưỡng mộ vô hạn; do vậy, mới nghiêm túc học tập!

Phật pháp có nội dung thật phong phú, Tịnh Độ chỉ là một loại. Bởi lẽ, nói thật ra, tu học Tịnh Độ rất dễ dàng, rất đơn giản nên chúng tôi coi thường, không xem trọng. Mục tiêu của chúng tôi là kinh to luận lớn. Tôi đã thừa cùng với quý vị rất nhiều lần, cuối cùng tôi quay đầu chuyên tu Tịnh Độ là nhờ đọc những bộ kinh to luận lớn như kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm mới biết Tịnh Độ thù thắng. Đặc biệt là thầy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử đến cuối cùng, đến cuối kinh Hoa Nghiêm, các Ngài đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, tôi mới thức tỉnh, chú ý đến Tịnh Độ, [thắc mắc]: Vì sao những vị ấy lại đều cầu sanh Tịnh Độ? Họ đều là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; do vậy, tôi mới thực sự lưu ý, đọc tụng, nghiên cứu, học tập. Càng thâm nhập càng biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lạ gì [trong kinh này], đức Thế Tôn bốn lượt khuyên dạy, mười phương chư Phật tán thán. Đến tác phẩm Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư mới nói ra chuyện tiền nhân chưa hề nói: “*Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, Cực Lạc thị Pháp Giới Tạng Độ*” (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ). Đây mới chính là thực sự giải bày trọn vẹn triệt để khiến cho chúng tôi đối với pháp môn này không còn tí ti nghi hoặc nào nữa!

Đồng thời, chúng tôi cũng hiểu rõ: Nay vẫn có kẻ ngờ vực, vẫn chẳng thể chết lòng sát đất học tập, không khác gì tôi trước kia. Ba bốn mươi năm trước, đối với pháp môn này chúng tôi đã chẳng từng trải qua

giai đoạn ấy hay sao? Bởi vậy, tu học Phật pháp, ta nay phải hết sức quan sát, thọ mạng rất quan trọng! Phải trường thọ thì quý vị mới có thể học được. Nếu thọ mạng ngắn ngủi, chưa nhận biết thì đã chết mất rồi, hoặc là vừa mới nhận ra, chưa kịp tu hành thì thọ mạng đã hết, thật đáng tiếc! Do chỗ này, chúng tôi cũng đặc biệt đề cao Tây Phương Cực Lạc thế giới; cô nhân nói cái đức thứ nhất (tức là chuyện tốt thứ nhất) chính là vô lượng thọ! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng vĩnh viễn! Thực sự vô lượng, chẳng phải là vô lượng hữu hạn, mà thực sự vô lượng! Sanh về bất cứ đâu cũng là vô lượng hữu hạn, nhưng nhất định phải thành Phật, thành Phật rồi thì sẽ vô lượng một cách vô lượng.

Do vậy, chúng ta có thể nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vô lượng thọ là thật chứ không phải giả, quả thật là vô lượng một cách vô lượng. Trong một đời này, chúng ta gặp được cơ hội như thế này, có thể nói là rất nhiều may mắn! Chỉ những người hiểu biết rõ ràng mới chịu triệt để buông xuống hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, chuyên học pháp môn này, chuyên tu pháp môn này! Quyết định phải thành tựu ngay nơi một môn này thì cái đời này mới có ý nghĩa, có giá trị, không uổng phí! Do vậy, đoạn văn này hết sức quan trọng. Đoạn lớn Sáu Phương Phật chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Tiếp theo là đoạn thứ năm: “*Cái lợi của tín nguyện trì danh*”.

6.4.2. Cái Lợi Của Tín - Nguyện - Trì Danh

Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phát! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。

(*Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh Được Hết Thầy Chư Phật Hộ Niệm?*)

Đây là câu hỏi, đoạn sau là câu trả lời:

Xá Lợi Phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển v A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸

佛名者。是諸善男子善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(*Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*)

Đến đây là một đoạn, cuối cùng lại có một câu khuyên dụ chúng ta.

Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.

是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

(*Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông đều phải nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói.*)

Đây là đoạn kinh văn lớn thuộc phần sau cùng; chúng tôi cũng chia ra thành mấy hạng mục nhỏ, chia thành mười mục nhỏ để học tập. Thứ nhất là “*khuyến tín Phật thuyết, văn kinh thọ trì, văn chư Phật danh*” (khuyến tin lời Phật, nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu chư Phật). Ở chỗ này, lại phải giải thích từ ngữ “*chư Phật danh*”. “*Chư Phật danh*” không có nghĩa là [danh hiệu của] hết thấy chư Phật trong mười phương ba đời, mà “*chư Phật danh*” là gì? Chính là A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! A Di Đà Phật chính là tên của hết thấy chư Phật.

Ở phần sau đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật có nói như sau: “*Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức*” (Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật), thì chữ “*chư Phật*” ấy chính là A Di Đà Phật. “*Bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức*” (các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta) thì “*các vị Phật ấy*” cũng là A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật, A Di Đà cũng xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật. Không riêng gì A Di Đà Phật xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật, mà mười phương ba đời hết thấy chư Phật khen ngợi lẫn nhau, đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thế, khen ngợi A Di Đà Phật và cũng xưng tán mười phương hết thấy Phật; nhưng chữ “*chư Phật danh*” chủ yếu chỉ A Di Đà Phật, vì A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân! Danh hiệu ấy là danh hiệu của hết

thầy chư Phật, chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa này! Tín nguyện kiên định do chỗ này mà sanh!

“*Văn kinh thọ trì*” (nghe kinh thọ trì), nghe đến kinh A Di Đà, quý vị có thể tiếp nhận, quý vị có thể gìn giữ chẳng bỏ mất, đúng là “*niệm tư tại tư*” (niệm ở đâu, nghĩ ở đây), chuyện tốt là gì? “*Vị chư Phật chi sở hộ niệm*” (được chư Phật hộ niệm). Trong số chư Phật, vị thứ nhất chính là A Di Đà Phật hộ niệm quý vị. Thứ hai là mười phương ba đời tất cả hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Niệm một danh hiệu Phật là tất cả danh hiệu Phật đều niệm, không sót một vị nào! Quý vị niệm những danh hiệu khác, chẳng thể bao quát viên mãn như vậy được! Nhất quyết phải hiểu đạo lý này.

Mười phương vô lượng vô biên thế giới, hết thầy chúng sanh có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ trong ấy, không một ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy trong thế giới Hoa Tạng, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát và bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ; bốn mươi một địa vị ấy chính là bốn mươi một tầng cấp, bao gồm hết thầy tất cả Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, không sót một vị nào! Địa vị thấp nhất trong thế giới Hoa Tạng là Sơ Trụ Bồ Tát, đó là Viên Giáo, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo, cao nhất là Đẳng Giác Bồ Tát, [Phổ Hiền Bồ Tát] khuyên dạy những vị ấy đều niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi thấy cảnh giới như vậy mới hoảng nhiên đại ngộ, nguyên lai Phật pháp đến cuối cùng nhắm vào chuyện này, nên tôi bèn thực sự hiểu rõ, minh bạch, có sao không chết lòng sát đất quy y Tịnh Độ!

Thế nhưng nhân duyên không đủ, sẽ không gặp được pháp môn này, không gặp được những vị thiện tri thức chỉ dạy tỉ mỉ cho mình. Nếu chúng ta vẫn còn hoài nghi, vẫn do dự, vẫn chẳng bằng lòng tin tưởng, chẳng bằng lòng tiếp nhận là vì sao? Kinh bảo là vì thiện căn, phước đức, nhân duyên ít ỏi! Kinh dạy rất rõ ràng: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đặc biệt sâu dày! Chúng ta có biết thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình có sâu dày hay chẳng? Không biết! Dù hiện tại không biết, dần dần cũng sẽ biết. Dần dần sẽ biết như thế nào? Chúng ta đối với pháp này sanh lòng tin, chúng ta rất vui lòng vãng sanh thì sẽ biết là chính mình thiện căn sâu dày, vốn không ít gì! Nếu không ít, vì sao lúc tiếp xúc lại gặp khó khăn đến thế? Là vì trong vô lượng kiếp chúng ta bị

phiền não, tập khí chướng ngại, che lấp. Hễ có thiện tri thức dẫn dắt, chúng ta sẽ rất nhanh chóng trừ khử được chướng ngại ấy, tín tâm, nguyện tâm sẽ sanh khởi. Điều này thuộc về nhân duyên.

Đúng là như kinh này đã dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy*”; quý vị có thiện căn và phước đức rất sâu, nhưng không có nhân duyên dẫn dắt và khơi gợi quý vị, dù có thiện căn và phước đức rất sâu, chúng cũng chẳng thể hiện tiền. Vì sao? Bị danh văn, lợi dưỡng trong thế tục, bị ngũ dục, lục trần chướng ngại, mê man trong đó. Do vậy, bậc chân thiện tri thức cảnh tỉnh quý vị một chút, quý vị bèn hoảng nhiên đại ngộ, đầy ắp lòng tin vào bản thân, trong một đời này, quyết định được vãng sanh, quyết định có thể thân cận A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, hết thấy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Nay chúng ta gọi sự hộ niệm ấy là “*quan hoài*” (quan tâm lo lắng). “*Hộ*” (護) có nghĩa là che chở, giúp đỡ, quan tâm. Lợi ích là “*giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*” (đều được chẳng thoái chuyển nơi Đại Bồ Đề). Lợi ích này rất lớn, ai nấy đều được chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề Tâm! Vô Thượng Bồ Đề Tâm chính là những điều trong mấy năm gần đây chúng tôi thường đề cao: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Nó chính là chân tâm, Phật tánh của chính mình, chúng ta vốn sẵn có.

Hiện tại, cái sẵn có ấy tự hồ không có, thật ra, nó không mất đi, chỉ là bị tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần chướng ngại. Chúng ta không buông những chướng ngại ấy xuống được, cho nên chân tâm của chính mình chẳng thể hiện tiền. Phải biết tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, cái tâm tham cầu hưởng thụ hết thấy chính là vọng tâm, chứ không phải là chân tâm. Những thứ đó chướng ngại chân tâm của chúng ta. Bởi thế, chỉ cần buông chướng ngại xuống, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống thì chân tâm của chúng ta bèn hiện tiền. Chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng phước báo. Hoàn cảnh thọ dụng của chân tâm là thế giới Cực Lạc, tức thế giới Hoa Tạng.

Hoa Tạng và Cực Lạc ở tại đâu? Ở ngay trước mắt; chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ thấy được, sẽ thọ dụng được. Quý vị không chịu buông xuống thì Hoa Tạng sẽ thuận theo vọng niệm của quý vị biến thành uế độ, biến thành đời ác ngũ trược. Chuyện này trong hiện tại đã nghiệm nhiên bị khoa học phát hiện, đây là chuyện tốt. Họ vừa mới phát hiện cái khởi đầu, thế nhưng khởi đầu này

rất hay, khiến cho những người đã tu Tịnh Độ chúng ta tín tâm mười phần trọn đủ! Vì sao? Đã được khoa học chứng minh. Chứng minh điều gì? Chứng minh “tướng chuyển theo tâm”, thân thể và thể chất chuyển theo tâm, hoàn cảnh sống chuyển theo tâm. Chân tâm của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, tướng mạo của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, thân thể chúng ta thuần thiện thuần tịnh, hoàn cảnh sống thuần thiện thuần tịnh, đó là thật, chứ không phải giả. Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng, kinh Hoa Nghiêm giảng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; kinh Lăng Nghiêm nói: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Các pháp được sanh chỉ do tâm hiện, hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế), chẳng thể nghĩ bàn! Khoa học đã nghiệm nhiên chứng minh được điều ấy, phát hiện được như vậy, kinh Phật giảng rất thấu triệt đường ấy!

“*Giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*” (đều được bất thoái Đại Bồ Đề). Có thể nói là Đại Bồ Đề dẫn xuất vô lượng trí huệ, chúng sẵn có trong bồn tánh của quý vị, chứ không đến từ bên ngoài, chính mình vốn sẵn có. Trong tâm tánh của chính mình, vốn sẵn có vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng, vô lượng vô biên phước báo. Do vậy, đức Phật khuyên dạy lần thứ ba nhằm khuyên chúng ta phải tin tưởng. “*Tín Thế Tôn thuyết*” (tin lời đức Thế Tôn nói), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta nghe kinh này, chúng ta phải tin tưởng lời đức Thế Tôn nói, phải tin tưởng “*lời chư Phật nói*”. Kinh Vô Lượng Thọ có không ít đoạn kinh văn do chính A Di Đà Phật nói, mười phương chư Phật Như Lai vì chúng ta chứng minh, khuyên dạy chúng ta phải tin tưởng, phải tin lời chư Phật. Lại xem tiếp một tiểu đoạn nữa.

“*Thử kinh độc hiển*” (riêng mình kinh này hiển thị), tức là Phật Thuyết A Di Đà Kinh không dài, nhưng quý báu nhất trong hết thấy các kinh. Tại Trung Quốc, trong số những kinh điển Phật giáo, tuy kinh Kim Cang và Tâm Kinh rất nổi tiếng, nhưng chẳng ai không biết đó là do ảnh hưởng của Thiền tông; chứ xét trên thực tế, quý vị thử xét xem người tu hành thực sự dùng pháp môn nào? Kinh Di Đà là bậc nhất. Không riêng gì Tịnh Độ tông, bất luận tông phái nào, quý vị cứ xem Thiền Môn Nhật Tụng, xem sách khóa tụng của nhiều tông phái, khóa tối đều niệm A Di Đà Kinh, đều niệm A Di Đà Phật. Gần như chẳng phân tông phái, hễ là người học Phật, học theo Đại Thừa thì không ai chẳng niệm kinh Di Đà, không ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Đó chính là “*thử kinh độc hiển*”.

“*Vô thượng tâm yếu, năng niệm chi tâm tánh, Đệ Nhất Nghĩa Đế, bản nguyên Lý Thế*” (vô thượng tâm yếu, cái tâm tánh năng niệm, Đệ

Nhất Nghĩa Đế, cội nguồn lý thể), chúng ta phải hiểu những điều này. Học Tịnh Độ mà không biết những nghĩa lý tinh vi, tinh túy của Tịnh Độ thì làm sao có thể thành tựu ngay trong một đời? “*Tâm Yếu*” như Tánh tông hay Thiên tông thường nói thì: Tâm là chân tâm, là những tinh hoa trong chân tâm, Yếu là khẩn yếu. Đã thế lại còn thêm hai chữ Vô Thượng, tức là không còn gì cao hơn được nữa. Vô Thượng Tâm Yếu là gì? Chính là cái tâm tánh năng niệm của chính mình, trong kinh này gọi [“*vô thượng tâm yếu*”] là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn là chữ La Thập đại sư dùng để dịch, nguyên bản Phạn văn không gọi là “*nhất tâm bất loạn*”, quý vị xem bản dịch của ngài Huyền Trang sẽ thấy, Huyền Trang đại sư dịch thẳng, dịch là “*nhất tâm hệ niệm*”. La Thập đại sư dịch là “*nhất tâm bất loạn*”, dịch rất khéo!

Nhất tâm bất loạn là được A Di Đà Phật gia trì, lúc được A Di Đà Phật hộ niệm bèn đạt nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là quả, là thành tựu; còn công phu là nhất tâm hệ niệm, có nghĩa là trong tâm chúng ta, trong cuộc sống thường ngày từ sáng đến tối, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, không bận tâm đến bất cứ gì khác, không có bất cứ tạp niệm gì, không có vọng tưởng gì, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Vô thượng tâm yếu ấy, cái tâm tánh năng niệm ấy chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế, là cội nguồn Lý Thể. Nếu quý vị thực sự “*phản bản hoàn nguyên*” (trở về nguồn cội) thì công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Trong đây lại có lời giải thích:

“*Chư Phật danh tự, tức chỉ sở niệm A Di Đà Phật*” (Từ ngữ “danh hiệu của chư Phật” chỉ đức A Di Đà Phật được niệm). Như vậy A Di Đà Phật là danh hiệu của chư Phật. Rất ít người biết được điều này, từ xưa đến nay cũng rất ít vị cổ đức giảng như vậy. Bởi thế, cách giảng này của Ngẫu Ích đại sư được Ấn Quang đại sư khen ngợi, chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, Ngài tán thán sách *Yếu Giải*: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai, chú giải kinh A Di Đà lần nữa, cũng không thể hay hơn được*”. Tuyệt diệu! Tán thán như vậy tức là coi Ngẫu Ích đại sư như A Di Đà Phật tái lai. Thế nhưng từ đầu đến cuối Ngẫu Ích đại sư không hiển lộ thân phận, chúng ta nghĩ xem: Đại Thế Chí Bồ Tát khen ngợi Ngẫu Ích đại sư như thế, chúng tôi cho rằng, nếu Ngẫu Ích đại sư không phải là A Di Đà Phật tái lai thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, dễ đâu được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế!

Có người đã hoài nghi lời tán thán ấy, chúng tôi đã từng gặp qua. Có người tới hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Ấn Quang đại sư tán thán

như vậy chẳng phải là quá mức một chút hay không?” Tôi đáp: “Lão nhân gia tán thán như thế rất thích đáng, không quá lộ chút nào”. Đúng là như kinh Kim Cang đã nói: Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ. “*Như ngữ*” là lời Ngài tán thán hoàn toàn phù hợp sự thật, quyết chẳng quá mức. Như vậy, kinh này nói đến “*chư Phật*” đều là chỉ A Di Đà Phật.

“*Viên mãn cứu cánh vạn đức*” (rốt ráo viên mãn vạn đức); đây chính là một trong ba điều hiển thị độc đáo của kinh này: Vô thượng tâm yếu chính là cái chân tâm niệm Phật của chúng ta, phải dùng chân tâm để niệm. Lúc mới học thì chân tâm ấy chính là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lúc niệm đến khế nhập cảnh giới thì cái tâm nhất niệm niệm Phật đã thành thực rồi, tách rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng những lúc niệm Phật không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà trong cuộc sống hằng ngày, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật cũng chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lúc đó chính là cảnh giới gì vậy? Chính là nhất tâm bất loạn, công phu niệm Phật đã đạt được nhất tâm rồi!

Nếu vẫn chưa đạt được nhất tâm, mà lúc niệm Phật quý vị có thể thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó chính là “*công phu thành phiền*”. Công phu thành phiền là nhất tâm bất loạn ở mức nông cạn nhất, thế nhưng chắc chắn quý vị sẽ được vãng sanh, tợ hồ sổ thông hành về Tây Phương Cực Lạc đã nắm chắc trong tay, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đạt được nhất tâm bất loạn, bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cao hơn nữa, đạt đến Lý Nhất Tâm. Lý Nhất Tâm là ly niệm, Sự Nhất Tâm là ly tướng. Kinh Kim Cang nói lia bốn tướng: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Đó chính là Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu quý vị không có ý niệm, không ngã kiến, không nhân kiến, không chúng sanh kiến, không thọ giả kiến thì là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nếu chúng ta tự hỏi trong một đời này mình có thể đạt đến cảnh giới ấy hay không? Tôi xin trả lời: “Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là chính quý vị có chịu dụng công hay không?” Chuyện ấy chẳng phải cầu nơi ai khác! Cổ thánh tiên hiền nói rất hay: “*Nhân sinh tại thế, cầu nhân nan, thăng thiên nan*” (Người sống trong cõi đời, cầu cạnh người khác khó khăn như lên trời). Chuyện phải cầu cạnh người khác khó khăn lắm, người ta không đáp ứng mình làm gì được đây? Chuyện này chỉ cầu nơi chính mình, đừng cầu nơi ai khác! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống

hay không, có buông tự tư, tự lợi xuống được hay không? Có chịu buông danh văn, lợi dưỡng xuống hay không? Có chịu buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống hay không? Có chịu buông tham, sân, si, mạn xuống hay không? Chúng tôi thường khuyến khích đồng học, chỉ cần quý vị buông xuống được thì sẽ nhập cảnh giới, quý vị sẽ khế nhập. Quý vị không buông xuống thì không có cách gì hết, Phật, Bồ Tát cũng không giúp được. Phật, Bồ Tát chỉ có thể dạy chúng ta nguyên lý, nguyên tắc và phương pháp; ngoài ra, không giúp cách nào được nữa. Bởi thế, tự mình phải buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi lại càng buông xuống triệt để, tự nhiên bèn khế nhập cảnh giới!

Nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh*”, chúng ta có thể minh tâm kiến tánh hay không? Được chứ! Đạt đến minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ, đạt đến cảnh giới này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kiến tánh bèn trọn chẳng chấp tướng, chấp tướng là chưa kiến tánh! Kiến tánh là như vậy đó. Tự chúng ta có nhận biết được chính mình kiến tánh hay không? Biết chứ! Biết rất rõ ràng, minh bạch. Hễ quý vị còn chấp tướng, chấp tướng là phân biệt, chấp trước (chấp tướng là phân biệt, chấp trước) thì quý vị vẫn chưa kiến tánh. Người kiến tánh nhất định chẳng chấp tướng; trong cuộc sống thường ngày, người kiến tánh chắc chắn tùy duyên. Kẻ chưa kiến tánh chắc chắn sẽ phan duyên, khác hẳn! Người kiến tánh được đại tự tại, người chưa kiến tánh không tự tại. Cũng có thể nói là người ấy còn vướng mắc; hễ còn vướng mắc là còn chướng ngại, không được đại tự tại!

Một bộ kinh A Di Đà này, một câu A Di Đà này so với phương pháp tham Thiền dễ hơn nhiều, đạt đến cảnh giới tối cao của tham Thiền là minh tâm kiến tánh bằng phương pháp này dễ dàng hơn phương pháp của Tông môn rất nhiều. Nếu quý vị thực sự muốn học, tôi có thể đưa ra kinh nghiệm năm mươi năm tu học của chính mình cho quý vị tham khảo. Tôi thực sự đặc lực là nhờ lời chỉ dạy của Chương Gia đại sư. Năm mươi năm trước, tôi vừa gặp mặt lão nhân gia lần đầu, Ngài dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, bố thí*”. Căn cơ học Phật của tôi là lời khai thị của lão nhân gia trong lần đầu tiên gặp mặt ấy. Năm mươi năm thọ trì lời răn dạy, y giáo phụng hành, tôi là kẻ căn tánh trung hạ, dần dần được nâng cao, cảnh giới được nâng cao. Tôi chẳng phải là kẻ thượng căn lợi trí; thượng căn lợi trí là kẻ nghe một hiểu cả ngàn, tôi không được như vậy, tôi phải nâng cao từng bước từng bước một, giống như Không lão phu tử đã nói về việc nâng cao cảnh giới: “*Tam thập nhi*

lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập tùng tâm sở dục bất du cử” (Ba mươi tuổi sở học vững vàng, bốn mươi tuổi không lầm lẫn vì bị ngoại cảnh dao động, năm mươi tuổi biết mạng trời, sáu mươi tuổi nghe người khác nói liền thấu hiểu tâm ý, bảy mươi tuổi thuận theo những mong muốn trong lòng mà thực hiện không trái vượt quy củ)⁸. Quả thật là tôi nâng cao cảnh giới giống như vậy đó. Đúng là cứ mỗi mười năm lại nâng cao một mức lớn hơn.

Do vậy, con người chẳng thể không tu trường thọ, tu trường thọ bằng cách nào? Nói thật ra, trường thọ vẫn là do thầy chỉ dạy, ân đức của thầy lớn lao. Thầy dạy tôi tu ba thứ bổ thí, tu Tài Bổ Thí được của cải, tức là cuộc sống vật chất không thiếu thốn. Chúng tôi không cầu giàu có; dư dật, cầu giàu có thì sao? Cầu giàu có, dư dật dễ bị đọa lạc. Đây chính là một cửa ải: Lúc cuộc sống vật chất quá phong phú sẽ không mong vĩnh sanh, chẳng biết nỗi khổ luân hồi. Quý vị thầy thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài xuất thân là vương tử, vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ cuộc sống vinh hoa, phú quý, đi khất thực, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, làm gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nhất định chẳng tham cầu hưởng thụ thế gian, vĩnh viễn gìn giữ trí huệ cao độ, tỉnh giác cao độ, chẳng để đọa lạc! Thật giống như bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: *“Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân”* (qua rừng trăm hoa nở, mầu lá chẳng dính thân); học được bản lãnh ấy sẽ vĩnh viễn sống trong cảnh giới thanh lương tự tại, sung sướng lắm! Niềm sung sướng ấy người khác không thể biết được, Không phu tử đã nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệp duyệt hồ”* (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), niềm vui ấy chính là pháp hỷ sung mãn.

“Viên mãn cứu cánh vạn đức” (viên mãn vạn đức rốt ráo), trong đây lại có mấy câu, *“trí cứu cánh chứng Bát Nhã đức”* (trí rốt ráo chứng

⁸ Câu này trích từ thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của cụ Lý Bình Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giảng rõ: *“Lập là sở học thành lập, tức là học vấn có căn cơ vững vàng, có thể nhận biết đúng sai ngay lập tức. Hoặc là nghi hoặc, tức là năm 40 tuổi đã không bị ngoại cảnh làm dao động, biết xử sự quyền biến. Tri thiên mạng là thấu hiểu cùng tận Lý trong vũ trụ, xử sự thuận theo lẽ trời, tròn hết trách nhiệm của chính mình. ‘Nhĩ thuận’ là nghe lời người khác nói liền thấu hiểu tâm ý của người đó”*. Các nhà chú giải đều công nhận đây là Không Tử tự thuật cảnh giới tiên bộ từ từ của chính mình trong quá trình tu dưỡng, hoàn thiện bản thân, chứ không phải là một khuôn mẫu chung cho mọi người. Thậm chí có người do không hiểu kỹ, không đọc chú giải của cổ nhân, tự tiện diễn giải *“tam thập nhi lập”* là năm 30 tuổi phải lập gia đình, hoặc 30 tuổi phải có sự nghiệp vững vàng, xuyên tạc ý của thánh nhân quá sức!

Bát Nhã đức). Trí huệ viên mãn, trí huệ là căn bản của hết thấy các đức, trí huệ là bản thể của chân tâm, chúng ta thường nói là “tâm tánh”, trí huệ chính là bản thể của tâm tánh. Bởi thế, trí có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong kinh giáo, trong lời giảng kinh thuyết pháp của tổ sư, hoặc là trong chú sớ, thường nói đến “*linh tri*”, tâm đấy! Ví như trong lời khai thị của thiền sư Trung Phong có nhắc đến ba thứ tâm: Nhục đoàn tâm (trái tim thịt), duyên lự tâm và linh tri tâm. Bát Nhã là linh tri tâm. Hết thấy các pháp do Tâm mà thành thể; do đó, quý vị phải hiểu: Hết thấy pháp đều có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết.

Bởi vậy, từ việc kết tinh nước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã chứng minh nước có linh tri, nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, biết được ý tưởng của chúng ta. Chúng ta dùng thiện ý thì nó kết tinh hết sức đẹp, chúng ta có ác ý thì nó lập tức biến hiện hết sức xấu xí. Không chỉ nước như vậy, kinh Phật đã nói: Tất cả hết thấy vạn vật không gì chẳng như vậy, tức là bùn, cát, đá, kể cả hư không, hư không cũng là do tâm mà thành Thể; do vậy, chúng đều có công năng phát xuất từ bản tánh. Công năng phát xuất từ bản tánh là thấy, nghe, hay, biết, thấy đều trọn đủ. Vì thế, khoa học hiện tại hay lắm! Tuy đã thí nghiệm thấy được điều đó nơi nước, nhưng chúng ta phải mở rộng thí nghiệm, tất cả hết thấy vạn vật đều nên thí nghiệm nhằm chứng tỏ chúng đều có thể thấy, nghe, hay, biết, nhưng ý niệm ấy lại không có gần hay xa.

Bọn họ đã làm thí nghiệm như sau: Dem một bình nước đặt trên cái bàn làm việc ở sở, thông báo cho hơn năm trăm hội viên, trên toàn xứ Nhật Bản ở mọi nơi khác nhau, cùng một thời gian, dùng ý niệm thiện, dùng tưởng tượng, tưởng mình chúc phước cái bình nước ấy: “Người rất trong sạch, người rất thanh khiết, người hết sức đẹp đẽ!” Ba bốn phút sau, nước ấy kết tinh hết sức đẹp đẽ, nó nhận lấy lời chúc phước của mọi nơi, chứng tỏ ý niệm không có gần hay xa. Bọn họ cho đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, trong Phật pháp chúng ta đã biết rồi, vì nguyên nhân gì vậy? Là do tâm mà thành Thể. Nó có thể cảm nhận, có thể nghe, có thể biết, nó có thấy - nghe - hay - biết!

“*Đoạn cứu cánh, chứng Giải Thoát đức*” (đoạn rớt ráo, chứng Giải Thoát đức). “*Đoạn*” (斷) là đoạn vọng tưởng, đoạn phân biệt, đoạn chấp trước. Chỉ cần đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ buông xuống được. Giải thoát là tự tại, quý vị được đại tự tại. Sự tự tại ấy chẳng thể nghĩ bàn! Tự tại như thế nào? Năng lực được khôi phục,

chúng ta thường gọi [năng lực ấy] là “*thần thông*”: Quý vị có thể thấy trọn khắp hư không pháp giới, cũng nghe được như vậy, năng lực của sáu căn được khôi phục viên mãn. Nhà Phật gọi đó là “sáu món thần thông”, người hiện tại gọi là “năng lực đặc dị”. Đây chính là năng lực sẵn có của chính mình, nào có đặc dị (đặc biệt, lạ lùng) chi đâu! Chỉ cần quý vị buông xuống được; quý vị buông xuống một phần, năng lực khôi phục một phần, buông mười phần sẽ khôi phục mười phần.

“*Tâm tánh cứu cánh, chứng Pháp Thân đức, tam đức viên mãn, vạn đức tất cụ*” (Tâm tánh rốt ráo, chứng Pháp Thân đức, ba đức viên mãn, vạn đức ắt đầy đủ). Đây chính là những điểm độc đáo được hiển thị bởi bộ kinh này. Nếu chúng ta có huệ nhãn, có linh tri, quý vị thấy, thấu hiểu, và khế nhập; đừng nghĩ bộ kinh này quá nhỏ! Nội dung của kinh này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ là giải nói tường tận mà thôi. Bởi thế, cổ nhân nói ba bộ kinh này chỉ là một bộ, một tức là ba, ba tức là một.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn thứ ba ở phần sau:

“*Đại Bản vân: Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tàng khâm phụng chư Như Lai, cố đắc nhân duyên văn thử nghĩa*” (Kinh Đại Bản nói: - Nếu trước kia chẳng tu phước huệ thì chẳng được nghe chánh pháp này. Do đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai, nên mới có nhân duyên được nghe nghĩa này). Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà được giảng giải tường tận; cho nên mới gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tiểu Bản giản lược, tiện thọ trì, tiện đọc tụng, tiện tu hành; thế nhưng người tu hành pháp môn Tịnh tông chẳng thể không đọc Đại Bản. Vì sao? Quý vị đọc Đại Bản, sẽ có thể hóa giải rất nhiều nghi lự. Còn như để thọ trì thì chúng ta phải áp dụng những giáo nghĩa trong kinh vào thực tế, đương nhiên là càng đơn giản càng hay. Do vậy, Tiểu Bản là cương yếu của Đại Bản, là cương lĩnh của Đại Bản.

Nhất là trong phần trước, Ngẫu Ích đại sư đã nói “*thử kinh độc hiển*” (điểm hiển thị độc đáo của kinh này), hết thấy kinh đều không nói đến ba chuyện đặc sắc như trong kinh này, chuyện thứ nhất là “*vô thượng tâm yếu*”, chuyện thứ hai là “*danh hiệu của chư Phật*” chính là

A Di Đà Phật, chuyện thứ ba là “*rốt ráo viên mãn vạn đức*”, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, Pháp Thân viên mãn, giải thoát viên mãn, không có gì chẳng viên mãn! Kinh này thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nếu quý vị muốn hiểu rõ tường tận hơn nữa, còn có kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, giảng những sự việc ấy hết sức chi ly, hết sức minh bạch, hết sức thấu triệt. Vì thế, cổ đức lại nói kinh Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản, A Di Đà kinh là Hoa Nghiêm tiểu bản. Ba bộ kinh này cùng giảng một sự việc, chỉ là kinh này giảng đơn giản, kinh kia giảng chi tiết. Bởi vậy, quý vị muốn hiểu rõ tường tận thì hãy đọc kinh Hoa Nghiêm, muốn áp dụng trong cuộc sống thường ngày thì dùng kinh A Di Đà. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành Phật Thuyết A Di Đà Kinh, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, ở đây chúng tôi dẫn mấy câu trong Đại Bản, tức mấy câu trong bài kệ đầu tiên, nếu quý vị thực sự hiểu được, quý vị sẽ tiếc quý một đời này, đời này chúng ta may mắn lắm.

“*Nhược bất vãng tích tu phước huệ*” (nếu trước kia không tu phước huệ), giả sử đời đời kiếp kiếp trong quá khứ không tu phước, tu huệ, tức là như kinh Di Đà đã nói: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Nhiều thiện căn (thiện căn là huệ), nhiều phước đức; do đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp tu phước, tu huệ nên nhiều thiện căn, nhiều phước đức “*u thử chánh pháp bất năng vãn*” (chẳng thể nghe chánh pháp này), chánh pháp ở đây là Tịnh tông, tức pháp môn Tịnh Độ, quý vị sẽ không được nghe. Dầu được nghe cũng như thế nào? Nghe xong chẳng tin tưởng, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể tiếp nhận, đối với pháp môn này nầy sanh rất nhiều nghi vấn, tự cây thông minh!

Trong hai câu tiếp theo, “*dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai*” (đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai), nghĩa là sao? Đây chính là nhân duyên, trong đời quá khứ có duyên cùng Phật, từng học Phật pháp, từng y giáo phụng hành, vì sao không thành công? Nguyên nhân không thành công là vì vẫn chưa buông xuống được! Đối với danh lợi thế gian này chưa buông xuống được, vẫn còn tham ái, tài sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, vẫn còn chấp trước. Vì thế, tuy thân cận chư Như Lai (chữ “*Như Lai*” này bao gồm cả các Bồ Tát, các thiện tri thức) mà chẳng thể thành công. Dầu không thành tựu, nhưng nhân duyên vẫn còn, trong một đời này lại được gặp gỡ. Gặp gỡ rồi, thời tiết, nhân duyên bất đồng.

Như chính bản thân tôi là một thí dụ rất rõ rệt! Năm hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Nếu cụ giới thiệu nhằm đúng mười năm trước đó, ắt tôi chẳng thể tiếp nhận, đâu gặp Phương tiên sinh cũng uống, tôi cũng chẳng tin tưởng cụ. Do có thời tiết, nhân duyên, được chư Phật hộ niệm, Phật, Bồ Tát ngầm bảo hộ mình, khi nào duyên chín muồi? Lúc nào quý vị có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng thì thiện tri thức sẽ đến.

Thậm chí có rất nhiều người thiện căn, phước đức rất sâu, nhưng suốt đời mê man trong ngũ dục lục trần, phải đến khi lâm chung [thiện căn và phước đức] mới phát hiện, lúc lâm chung mới tin tưởng. Giống như khi xưa chúng tôi ở Washington DC, Hoa Kỳ, tiên sinh Châu Quảng Đại cả một đời chẳng tin bất cứ một tôn giáo nào, khi ấy có dạy ông ta cũng không tin. Con người ông ta hết sức trung hậu, là người tốt, đầu làm ăn buôn bán bên đó nhưng nhiệt tâm làm sự nghiệp công ích, chịu làm sự nghiệp phước thiện xã hội, chịu giúp đỡ người khác, nhưng không tin tưởng bất cứ tôn giáo nào. Ba ngày trước khi lâm chung, do vì bác sĩ đã hết cách chữa trị, người nhà không biết làm sao, đúng là “*bệnh ngặt vái tứ phương*”, bà vợ ông ta quen biết những đồng học thuộc Tịnh Tông Học Hội chúng ta, thường gặp gỡ nhau khi mua thức ăn ngoài chợ. Khi ấy, bà nghĩ đến những vị đồng học ấy, hỏi họ học Phật có cách gì cứu ông ta hay không?

Khi ấy, Tịnh Tông Học Hội bèn phái một vài vị đồng học đến khuyên ông ta niệm Phật, ông ta vừa nghe bèn hoan hỷ. Khi ấy, Cung cư sĩ (tức cư sĩ Cung Chân Hoa) khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thế giới này rất khổ, có gì đáng lưu luyến cơ chứ? Ông ta vừa nghe bèn giác ngộ, gọi cả nhà: “Tất cả vợ con đừng bi ai, đừng bận lòng vì ta, ai nấy hãy niệm Phật, hãy giúp ta niệm Phật!” Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn, ra đi hiện tướng lành hy hữu. Có người thấy Phật đứng trên nóc nhà tiếp dẫn ông ta vãng sanh! Quý vị coi đó: Lúc lâm chung, nhân duyên của ông ta chín muồi, đúng là “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong nhà Phật chẳng bỏ một ai), mỗi người nhân duyên khác biệt!

Do vậy, chúng ta chớ khinh thường người không học Phật và người không niệm Phật. Chớ nên coi thường! Vì sao? Chúng ta là phạm phu, chẳng biết lúc nào nhân duyên của người ấy sẽ chín muồi, cũng chẳng biết thiện căn trong đời quá khứ của người ấy như thế nào, biết đâu một hai ngày trước khi lâm chung, nhân duyên của người ấy thành thực, phạm vị vãng sanh còn cao hơn chúng ta nữa kia, chúng ta đâu có bằng được họ! Chuyện này đâu phải là không có! Vì thế, người học Phật

thời thời khắc khắc phải biết tôn trọng hết thầy chúng sanh, chẳng dám khinh thị một chúng sanh nào, vậy là chính xác. Phải nên coi họ giống như chư Phật Như Lai, dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, bình đẳng đối đãi hết thầy chúng sanh, hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh! Hết thầy vạn vật có Pháp Tánh! Nếu quý vị thấy chúng sanh có Phật Tánh, thấy vạn vật có Pháp Tánh thì chúc mừng quý vị, quý vị chẳng phải là phạm phu nữa, mà đã minh tâm kiến tánh, đã là Pháp Thân Bồ Tát. Giáo pháp Đại Thừa nhằm dạy chúng ta chuyện sau đây: *“Tôn trọng hết thầy chúng sanh, hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí”*.

Do vậy, hiện thời bản thân chúng ta cũng vô cùng may mắn, chúng ta có phần nơi bốn câu kệ này, trong đời quá khứ, quả thật đã tu phước, tu huệ, trong đời quá khứ quả thật đã có duyên cùng Phật. Chúng ta vừa tiếp xúc, gặp được thiện tri thức vừa phân tích, vừa giải nói cho chúng ta, đúng là có đạo lý, chúng ta bèn tin tưởng. Chúng ta cũng hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập, cảnh giới mỗi năm quả thật ngày càng nâng cao, trong một đời này pháp hỷ sung mãn, hoan hỷ khôn sánh, không ưu lự, không phiền não, không vướng mắc, từ nội tâm hóa giải hết thầy sự trái nghịch. Trước hết, phải cầu cho tâm tánh được hòa thuận thì thân thể sẽ khỏe mạnh.

Lúc tôi giảng kinh cũng thường giảng vì sao thân thể con người không được mạnh khỏe? Là do nội bộ những tế bào và khí quan phát sanh xung đột. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Gia hòa, vạn sự hưng”*. Nói trên phương diện nhỏ hơn là thân thể chúng ta thì đối với tất cả khí quan và tế bào trong thân thể phải đối đãi bình đẳng, đối xử hòa mục với nhau thì thân thể sẽ khỏe mạnh! Nếu các khí quan bên trong chúng ta đối chọi nhau, hai bên không hợp tác sẽ đổ bệnh, không mạnh khỏe! Duyên do là như vậy. Ai gây nên đối chọi? Thưa cùng quý vị, phiền não gây nên đối chọi! Vì thế, cổ nhân nói một câu hết sức hợp lý: *“Ưu năng sử nhân lão”* (lo buồn khiến con người già xọm). Con người nếu sống trong ưu lự, bận tâm quá nhiều, rất dễ lão hóa. Ai có thể buông xuống hết thầy, chuyện gì cũng chẳng ghim vào lòng thì người ấy lão hóa rất chậm, cũng có thể nói là chẳng dễ gì suy lão.

Năm hai mươi sáu tuổi tôi mới bắt đầu học Phật, năm ba mươi tuổi mới được biết thầy Lý; lúc đó Lý lão cư sĩ đã sáu mươi chín tuổi, tôi gặp mặt thầy, ngỡ thầy nhiều lắm là bốn mươi tuổi, chẳng ngờ thầy đã là ông lão gần bảy mươi! Nói cách khác, người bảy mươi tuổi trông như người mới bốn mươi, chẳng dễ gì suy lão, tinh thần, thể lực hết như người mới ba mươi, bốn mươi tuổi. Điều này gây ấn tượng giáo huấn rất

manh cho chúng tôi, khiến chúng tôi chẳng thể không bội phục. Cụ mắt chưa mờ, tai chưa điếc. Có lúc dạy chúng tôi học Cổ Văn, gặp phải chữ hay từ ngữ hiếm lạ, phải cầm tự điển Từ Hải tra. Tìm trong Từ Hải, những chữ ấy rất nhỏ, nhỏ hơn những chữ in trên báo rất nhiều, thầy Lý nói: “Đem lại đây, tôi đọc cho các anh nghe”. Cụ lại không đeo kính, đọc không sai một chữ nào, nhãn lực tốt, bảy mươi tuổi mà con mắt như người mới ba, bốn mươi tuổi; rất đáng cho chúng ta học tập. Như vậy, chẳng những lão nhân gia ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ) mà còn thân giáo (dạy bằng cách lấy những hành vi cử chỉ làm gương)! Hơn chín mươi tuổi vẫn không cần ai săn sóc, tự mình lo liệu cho mình.

Lúc ấy, lũ chúng tôi hầu như không ai chẳng nói thầy nhất định phải sống đến một trăm hai mươi tuổi, một trăm ba mươi tuổi, quý vị thấy thân thể cụ [manh khỏe] như thế đó! Thế nhưng cụ đã đi trước, nguyên nhân mất theo cụ nói là vì trúng độc từ thức ăn! Hai lần bị trúng độc từ thực phẩm, gây tổn hại rất lớn cho thân thể, chứ cụ không có bệnh gì khác. Vì thế, cụ dặn dò tôi: “Ăn gì cũng phải chú tâm cẩn thận, phải chú ý đến vấn đề vệ sinh”. Cụ bảo tôi rất nhiều lần: “Ngàn vạn lần chẳng được ăn những gì bán ngoài quán”. Cụ dạy rất có lý, những thứ bán ngoài quán ăn rất ngon, nhưng không hợp vệ sinh, quý vị cứ xuống bếp sẽ thấy. Ăn uống phải đơn giản, cốt sao đủ dinh dưỡng, chớ coi trọng màu sắc, hương vị quá sức. Ăn uống đơn giản, tâm địa thanh tịnh, ít vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị ít tiêu hao năng lượng.

Do vậy, người tu hành trong quá khứ ngày ăn một bữa, thầy Lý cả đời ngày ăn một bữa. Cụ mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nhưng sức làm việc của cụ bằng sức của năm người bình thường chúng ta. Cụ mỗi ngày ăn một bữa, lại ăn rất ít, thế là đủ rồi. Nguyên nhân nào? Ít vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước, nên tiêu hao rất ít. Tôi ở cùng một chỗ với cụ, học theo cụ! Tôi cũng học ngày ăn một bữa, tôi làm như vậy được năm năm. Tôi ăn như vậy đến tháng thứ tám mới thưa với cụ, tôi nói:

- Thưa thầy! Con cũng ngày ăn một bữa.
- Bao lâu rồi?
- Tám tháng ạ!
- Thấy sao?
- Rất tốt ạ! Tinh thần, thể lực vẫn bình thường.

Cụ vỗ bàn:

- Nên giữ vĩnh viễn như vậy! Tốt lắm đó! Suốt cả đời chúng ta không phải cạnh người khác, sống đơn giản, thâm nhập rất ít chúng ta cũng sống tự tại, thâm nhập dư dật thì đem giúp chúng sanh khổ nạn.

Lão nhân gia dạy tôi như vậy đó! Sau này, đến Đài Bắc giảng kinh, gặp Hàn Quán Trưởng, Hàn Quán Trưởng nói: “Không được! Thầy ngày ăn một bữa không được đâu! Chúng tôi không dám lo cho thầy, lỡ thân thể thầy không khỏe, bị bệnh, chúng tôi đảm đương sao nổi!” Do vậy, bà ta nhất định buộc tôi phải ăn ba bữa. Tốt thôi! Ba bữa thì ba bữa, nhưng ăn ba bữa vẫn chỉ bằng ăn một bữa. Vì vậy, cho đến tận bây giờ, quý vị đều biết tôi ăn gì cũng ăn rất ít. Năm xưa ở Mỹ, mỗi bữa cơm, món chính là cơm hoặc mì, quý vị thấy tôi (người Mỹ hoặc người Tây phương thường dùng đĩa), mỗi bữa ăn chỉ gồm hai vá cơm. Mỗi vá gần đầy một chén nhỏ, hai vá cơm, rau nhiều hơn cơm, ăn không nhiều! Sáng ăn, tối không ăn, dầu không ăn vẫn rất mạnh khỏe, không ăn cũng được. Mọi người ép tôi ăn, tôi ăn một chút, nhất định chẳng ăn lật vật. Quý vị muốn giữ cho thân thể khỏe mạnh thì phải biết đạo lý này, trọn chẳng được ăn lật vật!

Ở đây, quan trọng nhất là nếu tâm địa thanh tịnh, quý vị sẽ tiêu hao ít năng lượng. Nếu quý vị vọng tưởng nhiều, tạp niệm lắm, một ngày ăn ba bữa cũng không đủ. Bổ sung năng lượng không đủ, vẫn phải ăn điểm tâm mới bổ sung năng lượng được. Vì vậy, chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, không phải ai cũng có thể tùy tiện học theo. Giống như xe hơi ngày nay vậy, xe hơi rất phổ biến, có loại hao xăng, có loại tốn ít xăng. Xe hao xăng không đủ xăng sẽ không chạy được, bởi thế, nhất định phải bổ sung năng lượng. Quý vị là loại xe hao xăng thì mỗi ngày phải ăn nhiều bữa. Quý vị thấy người khác ăn một bữa, chỉ dành hâm mộ, không thể học theo, học không được, nhất định phải hiểu đạo lý này! Thân thể con người là một cỗ máy, thực phẩm là năng lượng bổ sung. Năng lượng tiêu hao thì chín mươi lăm phần trăm tiêu hao vào vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, tập khí, tiêu hao vào đó. Trên thực tế, lao tâm lẫn lao lực đều không nhiều!

Như vậy, người tu hành hiểu được đạo lý này, tâm địa thanh tịnh, mỗi ngày chỉ cần bổ sung năng lượng một chút là đủ. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật nói La Hán bảy ngày ăn một lần, tức là tiêu hao năng lượng hết sức ít, chẳng trở ngại việc làm chút nào. Bích Chi Phật tâm càng thanh tịnh hơn nữa, nửa tháng ăn một bữa, chúng tôi thấy trong kinh nói như vậy. Điều đó nói lên điều gì? Chúng ta gọi đó là công phu định lực (định công), công phu định lực là mức độ thanh tịnh của cái tâm. Tâm càng thanh tịnh, tiêu hao năng lượng càng ít. Như vậy, theo bài kệ trong kinh Đại Bản, chúng ta rất may mắn, hai câu đầu nói về thiện căn, phước đức, hai câu sau luận về nhân duyên. Chúng ta thiện

căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, thế thì nay có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc quý vị có tinh tấn hay không. Thiện căn duy nhất trong Đại Thừa là tinh tấn!

Chướng ngại lớn nhất đối với tinh tấn là phiền não, tập khí; bởi thế, quý vị phải buông xuống. Phiền não chướng ngại căn bản là tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi thường kính khuyên các đồng học, nếu thực sự buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị sẽ phá được cửa ải thứ nhất, sẽ đi trên con đường Bồ Đề. Nếu không buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị học Phật chỉ ở ngoài cửa, vẫn không bước vào cửa được! Mười sáu chữ ấy là cái cửa lớn. Sau khi bước vào cái cửa lớn ấy sẽ khác hẳn, cảnh giới khác hẳn, sau đây quý vị mới có thể đăng đường, nhập thất. Nếu luận theo ba bậc và chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ thì vào cửa là Phạm Thánh Đồng Cư Độ; tiến hơn nữa, đăng đường là Phương Tiện Hữu Dur Độ, nhập thất là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta có thể nhập thất hay không? Câu trả lời của tôi là khẳng định, nhưng tự mình phải dụng công, không ngừng buông xuống.

Vì vậy, tôi cảm tạ Chương Gia đại sư, niệm niệm chẳng quên ân đức của lão nhân gia. Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi sáu chữ, tuyệt diệu thật! Hết thấy Bồ Tát thành Phật, từ sơ phát tâm đến địa vị Như Lai, tu những gì? Không có chi khác cả, chính là thấy thấu suốt - buông xuống, buông xuống - thấy thấu suốt. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau, hoàn thiện nhau, buông xuống giúp thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp cho buông xuống. Áp dụng vào hành động là bố thí. Trong ba thứ bố thí thì Tài Bố Thí được tướng hảo (về quả, Tài Bố Thí được tướng hảo), Pháp Bố Thí được trí huệ, Vô Úy Thí được trường thọ. Ba thứ quả báo do chính mình tu. Ba thứ bố thí này quyết định không cùng tận, ba thứ quả báo vô lượng vô biên, mà cũng không có cùng tận. Đạt đến quả vị Như Lai mới thực sự là viên mãn. Do vậy, Đăng Giác Bồ Tát vẫn phải tu ba thứ bố thí, tu Tài Bố Thí, tu Pháp Bố Thí, tu Vô Úy Bố Thí. Trong hạnh môn, một pháp bố thí là viên mãn.

Tuy Bồ Tát nói đến Lục Ba La Mật, nhưng nói thật ra, sáu Ba La Mật chỉ là bố thí. Quý vị cứ nghĩ đi: Trì Giới Ba La Mật và Nhẫn Nhục Ba La Mật là Vô Úy Bố Thí; Tinh Tấn Ba La Mật, Thiên Định Ba La Mật và Bát Nhã Ba La Mật là Pháp Bố Thí. Trong Bố Thí [Ba La Mật] có Tài [Bố Thí], năm thứ Ba La Mật sau mở ra Pháp Bố Thí và Vô Úy Bố Thí. Nói gộp lại là hai chữ “bố thí”. Quý vị thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, sẽ tự nhiên chịu tu, sẽ chịu làm. Do bình thường chúng ta

không hiểu đạo lý sau đây: Phiền não của phàm phu là keo kiệt, nhỏ nhen, chẳng chịu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, tự tư, tự lợi. Chẳng những không chịu giúp đỡ người khác, mà còn nghĩ cách đoạt lấy vật của người khác về tay mình, đúng là tổn người, lợi mình, tổn phước, chứ không phải là tu phước. Tổn phước là phước báo đang có trong mạng mình lại bị tổn thất ở một mức độ lớn. Đó là vì mê hoặc, vô tri, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, người ấy chẳng biết càng bố thí nhiều, đến cuối cùng phước báo lớn đến đâu? Trọn pháp giới hư không giới.

Hoàn cảnh cư trụ của chúng ta là thế giới Hoa Tạng, là thế giới Cực Lạc, những người chăm nom chúng ta là chư Phật, Bồ Tát, là Thanh Văn, Duyên Giác, còn chúng sanh khổ nạn là ai? Là chúng sanh trong chín pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới chính là phước điền của chúng ta; chúng ta trồng phước, chúng ta giúp đỡ họ, chúng sanh trong chín pháp giới là đối tượng để ta bố thí. Trên cúng chư Phật, Bồ Tát, dưới thì hết thấy chúng sanh thì quý vị mới đạt được phước báo viên mãn, trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn, trong Đại Thừa Phật pháp gọi là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, tu thành tựu như vậy! Lại xem tiếp tiểu đoạn thứ ba.

“Chiêm Sát kinh vân: Tạt loạn cầu tâm, tụy tụng ngã danh, nhi bất vị văn. Dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích. Nhược đảo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhân, nãi văn thập phương Phật danh” (Kinh Chiêm Sát nói: “Tâm như tạt loạn, dầu tụng tên ta nhưng chẳng được nghe [tên ta] vì chẳng thể sanh tín giải quyết định, chỉ đạt được thiện báo thế gian, không đạt được lợi ích sâu màu rộng lớn. Nếu đạt đến Nhất Hạnh tam-muội sẽ thành hạnh tâm vi diệu rộng lớn, gọi là đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn được nghe danh hiệu của mười phương chư Phật). Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có một đoạn giảng rất hay, kinh Chiêm Sát là kinh giảng về Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có ba bộ kinh, nay [ngoài bộ kinh được] mọi người thường đọc tụng là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, còn có kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, bộ thứ ba là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh. [Ba bộ này] gọi là Địa Tạng Tam Kinh. Trong kinh Chiêm Sát có một đoạn giảng về việc trì danh niệm Phật, nhưng là niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Hiện thời người tu pháp môn Địa Tạng cũng không ít, tôi đã gặp rất nhiều.

Đoạn này hết sức quan trọng, *“tâm như tạt loạn”* nghĩa là tâm

không chân thành, vọng niệm rất nhiều, chuyện vương gan bận ruột quá nhiều, đó là tâm như tạp loạn. Quý vị không buông tham - sân - si - mạn xuống được, không buông danh văn, lợi dưỡng xuống được, không buông ngũ dục, lục trần xuống được, không buông tự tư, tự lợi xuống được, đó là tâm như tạp loạn. Tâm như vậy dù có niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, “*nhi bất vị văn*” (nhưng chẳng được nghe tên ta). Cái nghe (Văn) ở đây là Văn Huệ, [người có tâm tạp loạn như bản đầu xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nghe tên Ngài, nhưng cái “nghe” ấy] không phải là trí huệ, không phải là chân tu. Vì sao vậy? Là vì “*bất năng sanh quyết định tín giải*” (chẳng thể sanh tín giải quyết định). Nói cách khác, quý vị không tin, không nguyện, lòng tin không chân thật, như cổ nhân nói là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm như nước trong giọt sương), lòng tin không kiên cố, tín tâm không chân thật.

Đầu niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát, “*đản hoạch thể gian thiện báo*” (chỉ đạt được thiện báo thể gian), tốt lành cái miệng mà thôi! “*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hậu lung diệc uổng nhiên*” (miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uổng công thôi). Cổ đức đã nói hai câu ấy. Nói “*rách toạc cổ họng*” uổng công là vì sao? Vì quý vị chẳng thể vãng sanh! Uổng công! Thế nhưng có phước báo thể gian là điều chắc chắn! Niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ đạt được phước báo thể gian, nhưng không thoát khỏi tam giới, không thoát luân hồi, chẳng thể vãng sanh. Như vậy, quý vị chỉ đạt được sự tốt đẹp như vậy thôi. Một đời này liễu sanh tử, thoát luân hồi, xuất tam giới, vẫn chắc chắn không đạt được! Vì thế, “*bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích*” (chẳng đạt được lợi ích sâu màu rộng lớn), vấn đề là ở chỗ này! Lợi ích sâu màu rộng lớn là liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo, đó là lợi ích sâu màu rộng lớn. Tâm như tạp loạn sẽ không đạt được lợi ích ấy, chỉ có thể đạt được phước báo thể gian.

“*Nhược đảo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm*” (Nếu đạt được Nhất Hạnh Tam Muội sẽ thành hạnh tâm rộng lớn vi diệu), Nhất Hạnh tam-muội là gì? Dưới đây lại giải thích. Cổ đức Trung Quốc dạy người ta “*thâm nhập một môn*”. Pháp thể gian cũng không ngoại lệ! Nói đến chuyện đi học, thời cổ thầy dạy trò đọc sách, khóa trình là một môn, chẳng giống với trường học hiện thời. Trường học hiện thời bày ra quá nhiều lớp, lớp thứ nhất thầy Giáp đến dạy, lớp thứ hai lại đổi thầy khác, thầy Ất đến dạy, khóa trình (nội dung môn học) khác nhau. Cổ nhân Trung Quốc không làm như thế, ngày xưa chỉ có một thầy. Thầy ở trường tư chỉ có một vị, lúc dạy học chỉ là một môn

học. Học xong môn ấy mới được học môn thứ hai, quyết định chẳng được học hai môn cùng lúc. Vì sao? Loạn, liền không đạt được hiệu quả. Nhất Hạnh tam-muội trong nhà Phật rất giống như vậy. Do vậy, quý vị chỉ có thể học một bộ kinh.

Lúc chúng tôi học kinh giáo với thầy Lý, lão nhân gia dạy chúng tôi bằng phương pháp xưa lưu truyền từ cô, tức là học một bộ kinh. Học hiểu một bộ mới được phép học bộ thứ hai. Thế nào là học hiểu? Phải lên đài giảng, lão nhân gia ngồi dưới nghe, nghe đến khi lão nhân gia gật đầu: “Anh [giảng] không sai lầm”, thì mới tính là học xong bộ kinh ấy. Nói cách khác, quý vị không lên đài giảng một lần thì cụ không thừa nhận, không đồng ý: “Anh vẫn chưa học xong bộ kinh ấy, vẫn phải tiếp tục học; chẳng cho phép anh được học bộ thứ hai”.

Vì thế, tôi ở Đài Trung mười năm, trong mười năm học năm bộ kinh. Nói thật ra, năm bộ kinh đó học nửa năm là xong, thông thường một học kỳ ở Phật Học Viện đã học xong. Yêu cầu của thầy chúng tôi là phải giảng được thì mới là thực sự hiểu được, giảng cho thầy nghe coi như khảo thí. Chúng tôi không có văn tự, không thi viết, cũng không thi vấn đáp. Cứ đem kinh ấy giảng cho thầy nghe một lượt, thầy nghe vừa ý gật đầu là quý vị đã học hoàn tất bộ kinh ấy, mới được chọn bộ kinh thứ hai. Điều này giống như Nhất Hạnh tam-muội, tức là chuyên tâm, “*thâm nhập một môn, trường thời huân tu*” thì quý vị mới hòng thành tựu “*hạnh tâm vi diệu rộng lớn*”.

“*Hạnh tâm vi diệu rộng lớn*”, quý vị nhìn vào văn tự cũng hiểu được ý nghĩa: Tâm lượng rộng mở, trí huệ hiện tiền, trí huệ vi diệu, tâm lượng rộng lớn. Trong Đại Thừa Phật pháp, Phật, Bồ Tát thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Khi mẫu thân của Hồ cư sĩ vãng sanh, tôi có viết mấy chữ gởi cho bà ta: “*Tịnh tâm biến pháp giới*”, “*tịnh*” (淨) là thanh tịnh, tâm thanh tịnh trọn khắp pháp giới, tâm tịnh trọn khắp pháp giới. “*Thiện ý mãn Sa Bà*”: Thiện niệm, thiện hạnh của chúng ta phải đầy khắp thế giới Sa Bà. Thực sự làm được như vậy! Bà Hồ bảo tôi: “Mẹ con cả đời thích giúp đỡ người khác”. Tốt lắm! Thiện ý phải tràn ngập cõi Sa Bà. Quan trọng nhất là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh phải trọn khắp pháp giới, “*tâm thanh tịnh trọn pháp giới*” là huệ, trí huệ viên mãn, “*thiện ý đầy Sa Bà*” là phước báo, phước huệ song tu. Đây chính là “*tâm hạnh vi diệu rộng lớn*”.

“*Danh đắc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn), không thực sự đạt được, chỉ gần giống với Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thực sự đạt được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì trong Đại

Thừa phải là từ Thất Địa trở lên. Thất Địa Bồ Tát là Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Cửu Địa Bồ Tát là Thượng Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, cao lắm! Chỉ “tương tự” cũng đã khá khả quan, tâm định rồi, đối với hết thấy pháp không phân biệt, không chấp trước, đó là “tương tự”. Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự thì vọng tưởng gần như đã đoạn hết. Lúc “tương tự” thì vọng tưởng vẫn còn, những vọng tưởng ấy bọn phàm phu ta không có cách gì nhận biết được, chúng rất vi tế, phải đạt đến Thất Địa Bồ Tát mới biết! Công phu định lực ấy sâu đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng được.

Nay chúng tôi thấy rất nhiều vị giáo sư Đại Học trong giới học thuật rất có hứng thú đối với những công năng đặc dị và những sự kiện từ những chiều không gian bất đồng (chúng ta gọi là “*linh giới*”), người nghiên cứu rất nhiều. Thế nhưng chúng ta biết rất rõ ràng, những cảnh giới đó còn chưa bén gót cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn, nhưng cũng có chỗ hay, nói chung là mở rộng tâm lượng chính mình, mở rộng tâm mắt, vượt ngoài khoa học, vượt ngoài triết học, đó là một hiện tượng tốt, kể như là đột phá cả khoa học lẫn triết học. Những thành tựu của họ mới chỉ là tiếp xúc ở vòng ngoài, ngay cả cảnh giới [thấp nhất] là cảnh giới của bậc Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, họ còn chưa nhận biết được.

Cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn là không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng; trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy, [bậc Tu Đà Hoàn] đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới. Những kẻ có công năng đặc dị biểu diễn rất nhiều cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhưng họ chưa đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tâm địa họ chỉ thanh tịnh hơn mọi phàm nhân một chút. Đúng như Ấn Quang đại sư thường nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*”. Điều này bọn phàm nhân chúng ta có thể làm được. Chúng ta có mấy phần chân thành, quả thật sẽ được mấy phần công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng những công đức lợi ích ấy là tương tự, chưa phải là chân thật.

Thế nào là “tương tự?” Tương tự có nghĩa là tuy đạt được, nhưng cũng dễ dàng bị mất đi; còn thực sự đạt thì sau khi đạt được, sẽ không bị mất đi. Do vậy, tuy Tu Đà Hoàn là Tiểu Thừa Sơ Quả, họ rất phi phàm, họ đạt Vị Bất Thoái. Họ đạt được Vị Bất Thoái, nhưng địa vị ấy không bị mất đi. Những chúng sanh trong tam giới lục đạo dù đạt được rồi lại bị mất đi, không có cách gì thoát ly luân hồi, chẳng thể liễu sanh tử. Tuổi

thọ hết, xả thân rồi lại thọ sanh, quên sạch những chuyện đời trước, bị mê khi cách âm, bị mất đi, không thể gìn giữ vĩnh viễn. Bạc Tu Đà Hoàn có năng lực ấy, Ngài có thể gìn giữ [những gì đã tu chứng] nên bảy lần sanh vào cõi trời hay nhân gian, quyết định chẳng đọa trong tam đồ, bởi thế, gọi là Vị Bất Thoái!

Thăng cho đến khi chứng đắc quả A La Hán, A La Hán lại nâng cao lên thành Bồ Tát. Bồ Tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, quyết định chẳng lui xuống thành Tiểu Thừa, vĩnh viễn gìn giữ được (nói theo cách người hiện tại) lòng hy sinh phụng hiến đối với hết thầy chúng sanh khổ nạn, dầu phải bỏ thân mạng của chính mình cũng không tiếc. Do vậy, thế gian lẫn xuất thế gian không ai chẳng tán thán: “Có thể bỏ mình vì người!” Tiểu Thừa không như vậy! Tiểu Thừa không có tâm lượng lớn lao như thế, Tiểu Thừa coi trọng tự tu cho chính mình, vì họ cảm thấy chúng sanh rất khó độ: Ta có hảo ý giúp đỡ họ, họ lại dùng ác ý đối đãi mình! Do vậy, người Tiểu Thừa bị ngã lòng vì điều này. Người Tiểu Thừa giáo hóa người khác: Tôi dùng thiện ý đối với anh, anh dùng thiện ý đáp lại, bèn rất hoan hỷ dạy dỗ. Nếu quý vị không tiếp nhận, có ác ý đối với họ, họ bèn thoái chuyển, cũng như chẳng muốn gặp mặt quý vị nữa.

Không như Đại Thừa Bồ Tát, Đại Thừa Bồ Tát có tâm lượng từ bi sâu nặng. Chúng sanh có ác ý đối với họ, họ vẫn dùng thiện ý đáp trả; ắt có ngày nào đó, chúng sanh sẽ quay đầu, sẽ giác ngộ, Bồ Tát có tâm nhẫn nại chờ đợi, nhất định chẳng buông bỏ. Vì thế, Đại Thừa Bồ Tát đáng được mọi người tôn kính, đáng quý lắm! Bồ Tát ở mức độ cao hơn nữa bèn nhập cảnh giới của Phật, gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát nhập cảnh giới của Phật, thực sự thông đạt và hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh; lúc ấy, thực sự có thể nói là chỉ sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não. Nhân vật đại biểu bậc nhất cho Trung Quốc là Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền tông. Quý vị thấy đó, lúc Lục Tổ nói: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”, chính là Ngài đã nhập cảnh giới của Phật, là Pháp Thân Bồ Tát! Tôi thiếu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới không sanh phiền não nữa. Không sanh phiền não chắc chắn không sanh chấp trước, chắc chắn không sanh phân biệt. Thực sự đoạn được những chấp trước, phân biệt đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật thuộc thế gian lẫn xuất thế gian thì mới nhập được cảnh giới này. Huệ Năng đại sư đúng là bậc tái lai, chẳng phải là phạm nhân. Vì sao? Mới hai mươi bốn tuổi đã nhập được cảnh giới này!

Chúng ta thấy trong những tổ sư, đại đức các đời; có những vị ba,

bốn mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người năm, sáu mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người bảy, tám mươi tuổi mới nhập cảnh giới này. Căn tánh, phước đức, nhân duyên mỗi người khác biệt. Trong Tông Môn cũng có một công án rất nổi tiếng: “*Triệu Châu bát thập do hành cước*”, [nghĩa là] ngài Triệu Châu tám mươi tuổi vẫn còn đi khắp nơi tầm sư phỏng đạo. Vì sao? Chưa nhập cảnh giới. Chưa nhập cảnh giới thì vẫn phải nghiêm túc nỗ lực tu học, đúng là phải tham học. Nhập cảnh giới rồi thì không cần nữa, đã khế nhập cảnh giới rồi; nếu chưa nhập cảnh giới thì phải tham học. Đây chính là chỗ khó khăn trong việc tu học Phật pháp; do vậy, tổ sư, đại đức, Phật, Bồ Tát mới khuyên chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, thành tựu dễ dàng. Đạo lý là đây!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 35

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp phần trước. Phần trước giảng phần nói về kinh Chiêm Sát có một đoạn, câu cuối cùng là: “*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đức Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, nãi văn thập phương Phật danh*” (Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành tựu tâm hạnh vi diệu rộng lớn, gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn nghe danh hiệu của mười phương Phật). Câu này có ý nói: Nhất Hạnh tam-muội chính là danh hiệu của mười phương chư Phật. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những câu nói này của Ngẫu Ích đại sư. Thế nào là Nhất Hạnh tam-muội? Tiếp theo đây, chúng tôi giải thích đơn giản:

“*Nhất Hạnh tam-muội*” chính là Niệm Phật tam-muội, nó còn gọi là Nhất Tướng tam-muội. Trong tương lai, nếu quý vị thấy những danh từ sau đây trong kinh luận: Nhất Hạnh tam-muội, Nhất Tướng tam-muội thì phải biết đó đều là Niệm Phật tam-muội. Nhất Hạnh: Một hạnh là hết thấy hạnh, một tướng là hết thấy tướng, đều luận về Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Chuyên niệm A Di Đà Phật nhất tâm bất loạn! Nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Không riêng gì pháp xuất thế, mà pháp thế gian cũng không ra ngoài lệ ấy. Nói đến thành tựu thì quan trọng nhất chính là “*một môn thâm nhập*”, tinh tấn không lười biếng, trường thời huân tu, không ai chẳng thành tựu!

Trong pháp xuất thế gian, pháp môn Niệm Phật thù thắng khôn sánh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một*

dạ chuyên niệm”. Một dạ chuyên niệm chính là Nhất Hạnh tam-muội, hay Nhất Tướng tam-muội, kinh Di Đà gọi nó là “*nhất tâm bất loạn*”, thành tựu của nó chính là “*tâm hạnh vi diệu rộng lớn*”, tiêu chuẩn niệm Phật vốn là như thế. Do vậy, không phát Bồ Đề tâm. Trong sách Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Bồ Đề tâm rất hay: Nó chính là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Lòng tin ấy chắc chắn không hoài nghi, nguyện thiết tha là nguyện vọng khẩn thiết, chỉ có nguyện vọng ấy, mọi nguyện cầu khác đều buông bỏ hết! Không cầu danh văn, lợi dưỡng, không cầu sanh lên trời, không cầu phước báo, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ cầu thân cận A Di Đà Phật. Tín nguyện ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, lại còn thêm “*một dạ chuyên niệm*”. Một dạ chuyên niệm là đúng, quý vị thấy đó: Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh đều đầy đủ. Tiêu chuẩn Niệm Phật vốn là như thế! Lại xem tiếp đoạn dưới:

“*Phật độ chúng sanh, bất giản oán thân, hằng vô bì quyện*” (Phật độ chúng sanh, không phân biệt oán - thân, luôn không mệt mỏi). Đối với Phật, nhất định chẳng được dùng phàm tình để suy lường. Khi chúng ta chưa tiếp xúc Phật pháp, không nhận biết Phật, Bồ Tát, không hiểu rõ, không khỏi nầy sanh những sự hiểu lầm. Lại còn nghe theo, tin tưởng những lời ngoa truyền, chê người khác mê tín, chê người khác [sùng bái] ngẫu tượng⁹, hữu ý hay vô ý khinh miệt người khác, thậm chí lãng nhục, phá hoại, [tưởng là] phá trừ mê tín! Tội lỗi rất sâu, vậy thì Phật, Bồ Tát có trách móc hay chăng? Có vấn đề người như vậy hay chăng? Đó là suy nghĩ của phàm phu. Chúng ta hiểu lầm rồi, chúng ta thấy cũng sai bét rồi! Phật, Bồ Tát chắc chắn không thấy ân hay oán, luôn luôn chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi đối với hết thảy chúng sanh.

Quý vị có muốn giết hại các Ngài (đương nhiên Phật, Bồ Tát không ở trong đời, làm sao giết hại được? Hiện tại chỉ là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quý vị mang lòng nóng giận, mang ác niệm hủy phá thì cũng giống như là sát hại Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát vẫn không trách móc quý vị! Chỉ cần một niệm quay đầu. Một niệm quay đầu chính là thực sự sám hối, biết lỗi trước của mình. Trước kia, do vô tri nên gây chuyện sai trái, nay con hồi đầu, nương tựa đức Phật, con thực sự tin tưởng, con nguyện sanh về Tịnh Độ thì Phật, Bồ Tát vẫn đoái hoài, chứ không ghét bỏ! Bởi thế, các Ngài không phân biệt là oan gia đối đầu hay người thân yêu. Không phân biệt như thế, không chấp trước như thế, một mực chân thành, bình đẳng, yêu thương, che chở chúng sanh. Chỉ cần

⁹ Ngẫu tượng: Những tượng có hình dáng người, thần thánh được làm bằng gỗ, đất, kim loại v.v... và được con người sùng bái, thờ cúng.

quý vị chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát đều vui vẻ giúp đỡ, thành tựu cho quý vị, nâng đỡ quý vị, hy vọng trong một đời này, quý vị sẽ vượt thoát luân hồi lục đạo, vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ (luân hồi là biển khổ), vãng sanh thế giới Cực Lạc, thù thắng khôn sánh! Phật, Bồ Tát hộ niệm chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh vĩnh viễn không mệt mỏi. Như mọi người chúng ta hay nói, các Ngài có tinh thần cao, thể lực tốt.

Trong mười phương thế giới, chúng sanh vô lượng vô biên, chỉ cần khởi tâm động niệm cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ, Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân, cảm ứng đạo giao. Phật, Bồ Tát có năng lực ấy, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc cũng có năng lực ấy, có thể hóa thân. Đây chính là thần thông, tức Thần Túc Thông. Một thân có thể biến ra vô lượng vô biên thân, chỗ nào có cầu, chúng ta bèn phân thân, biến một thân sang đó. Cái thân biến hiện ấy lại có thể biến hóa tùy theo ý niệm của chúng sanh. Vì thế, biến ra rất nhiều thân không giống nhau. Quý vị đã đọc phẩm Phổ Môn, ắt biết Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, tức là ba mươi hai thứ thân phận bất đồng, mỗi một loại thân cũng không giống nhau. Đây không phải là Phật, Bồ Tát có ý nghĩ, có phân biệt, có chấp trước đâu nhé! Phật, Bồ Tát không phân biệt, không chấp trước, mà là hiện tướng tùy theo ý niệm của chúng sanh. Đây chính là do chúng sanh duy thức sở biến, nguyên do là như vậy.

Giống như tiên sĩ Giang Bôn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta làm thí nghiệm suốt tám chín năm. Mỗi ngày dùng kính hiển vi quan sát, từ trước đến giờ chưa hề có hai mẫu nước kết tinh hoàn toàn giống hệt nhau. Như thế là thế nào? Từ trước đến nay chưa bao giờ có hai ý niệm tương đồng! Ý niệm của chúng ta sanh diệt trong từng sát-na, mỗi một niệm đều chẳng giống nhau. Chúng ta nói “giống nhau” thì “giống nhau” là gì? Là tương tự! Tuyệt đối chẳng hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, cảnh giới biến hiện bởi ý niệm không có cảnh nào giống nhau. Nếu hiểu đạo lý và sự thật ấy thì sẽ tùy loại hóa thân, tùy tâm ứng lượng (tùy theo tâm của đối tượng được giáo hóa mà ứng với khả năng tiếp nhận của người ấy), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao các Ngài chẳng cảm thấy mệt mỏi? Vì không chấp tướng. Chư Phật, Bồ Tát không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, ai mệt nhọc đây? Vì sao chúng ta làm việc cảm thấy mệt mỏi? Vì chấp trước có ngã, chấp trước cái thân này là ta, công việc nhiều quá bèn cảm thấy mệt mỏi. Phật, Bồ Tát không chấp trước thân này là ta, thân là gì? Thân là cỗ máy. Nay nhân loại phát minh ra máy móc, sử dụng máy móc rất phổ biến, máy

móc không biết mệt mỏi. Máy móc đơn giản nhất chính là cái đồng hồ; quý vị thấy cái đồng hồ chạy suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ngừng. Nay đồng hồ chạy bằng pin, đến khi hết pin mới ngừng. Gắn pin mới vào lại chạy tiếp, vĩnh viễn không mệt mỏi, đạo lý là như vậy đấy!

Thân thể của Phật, Bồ Tát giống như cái đồng hồ, vì hết thầy chúng sanh phục vụ nhất định không mệt mỏi. Nếu các Ngài chấp trước thân này là ta, ắt sẽ mệt mỏi. Các Ngài không chấp trước thân này là ta, hóa ra vô lượng vô biên thân, đều vì hết thầy chúng sanh phục vụ. Chỉ cần chúng sanh cần đến, Ngài bèn hiện thân, bèn đến phục vụ. Đúng là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Chẳng những không chấp tướng, mà ngay cả ý niệm cũng không dính mắc, vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến, không phân biệt. Vô Tướng là không chấp trước. Các Ngài không phân biệt, không chấp trước, cho nên vĩnh viễn không mệt, không nhọc. Ba câu này vạch trần sự nghiệp độ sanh của Phật. Đoạn kế tiếp giảng về cảm ứng.

“*Cầu văn Phật danh, Phật tát hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng*” (Chỉ cần nghe tên Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng). Trong đoạn này, chúng ta thấy chữ Cầu (筭), nếu nói theo văn Bạch Thoại là “*chỉ yếu*” (只要: chỉ cần). Chỉ cần quý vị nghe được danh hiệu Phật, chỉ cần quý vị thấy được tượng Phật, bất luận là hình vẽ hay là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, chỉ cần quý vị trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật đã là có duyên cùng Phật, Phật sẽ hộ niệm quý vị. Kinh Phật nói “*hộ niệm*”, dân gian thường nói là “*bảo hộ*”, nghĩa là Phật che chở, ban phước, người thế gian gọi là “*quan hoài*” (quan tâm, nhớ nghĩ), Phật, Bồ Tát quan hoài quý vị. Quý vị từng trông thấy hình tượng Ngài, từng được nghe danh hiệu Ngài, “*bất luận hữu tâm, vô tâm*”, vô tâm là ngẫu nhiên, cũng bất luận tin hay chẳng tin. Có những người, nhất là những người tin vào tôn giáo khác, trông thấy tượng Phật, nghe đến danh hiệu Phật, chắc chắn không tin tưởng, thậm chí còn hủy báng, nói là mê tín. Anh chê là mê tín, nhưng Phật vẫn bảo hộ anh, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, “*giai thành duyên chủng*” (đều thành duyên chủng). Chúng ta chẳng thể không biết điều này, vô ý kết duyên cùng Phật, chuyện này rất nhiều!

Do đây biết rằng: Phật kết duyên với chúng sanh, nói thật ra, rộng lớn chẳng hề có bờ mé. Thế nhưng để Phật kết duyên với chúng sanh thì cũng cần phải tạo Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh. Có rất nhiều

người trông thấy tượng Phật là do vì lẽ nào? Đương nhiên là phải có người tạo tượng Phật cho người khác thấy. Nếu ở chỗ này không có người tạo một bức tượng Phật thì người ở đây từ trước đến nay chưa hề trông thấy tượng Phật. Do vậy, những hàng đệ tử Phật chúng ta có nghĩa vụ tạo tượng Phật! Hiện tại ở Trung Quốc, ở ngoại quốc có rất nhiều chỗ dựng tượng Phật lớn; chúng ta phải biết, dựng những tượng lớn ấy có công đức ở chỗ nào? Công đức là như ở đây nói: “*Câu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng*” (Chỉ cần nghe danh hiệu Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng), tạo Tăng Thượng Duyên cho hết thảy chúng sanh!

Đặc biệt là những nơi du lịch, văn cảnh, những nơi có người mỗi ngày từ các nơi, các quốc gia đến thăm viếng ngoạn cảnh, bất luận tin hay không tin, họ trông thấy tượng Phật, nghe có người niệm Phật ở đó, nghe được danh hiệu Phật thì họ sẽ có duyên với Phật. Đúng như câu nói: “*Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (Vừa thoáng qua tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Khi nào duyên chín muồi sẽ đắc độ. Thế nào là chín muồi? Có thể tin, có thể nguyện, có thể y giáo phụng hành, đó là chín muồi. Nay duyên phận giữa ta và Phật chín muồi, chẳng phải là ngẫu nhiên; nhiều đời, nhiều kiếp thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, cũng là có khi tin, có khi không tin, hữu tâm, vô ý, trong quá khứ chúng ta là như vậy đó. Trong một đời này, duyên chín muồi, cho nên trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, bèn thực sự tin tưởng, thực sự hiểu rõ, hoan hỷ học theo đức Phật. Chúng ta xem tiếp mấy câu cuối cùng.

“*Phật từ bất khả tư nghị, danh hiệu công đức bất khả tư nghị, đích thị nan tín chi pháp*” (Lòng Từ của Phật chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, đích thực là pháp khó tin). Ở đây nói lên ba điều:

1) Lòng từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn, bọn lục đạo chúng sanh ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Phật từ bi, khoan dung, tha thứ, rộng rãi, bao dung chẳng thể nghĩ bàn!

2) Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn: Quý vị thấy đó, hết thảy chúng sanh bất luận hữu ý hay vô ý, tin hay không tin, nghe đến danh hiệu Phật, bèn được Phật hộ niệm, có duyên với Phật. Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn!

3) Câu cuối cùng: [Pháp này] xác thực là pháp khó tin.

Trong một đời này, chúng ta hiểu rõ, thấu suốt, cho nên đem Phật

pháp giới thiêu cùng hết thầy chúng sanh. Dùng cách thức nào? Dùng cách niệm danh hiệu Phật. Nay khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng máy niệm Phật chạy pin (battery), thu tiếng niệm A Di Đà Phật vào “tinh phiến” (IC)¹⁰. Cái máy niệm Phật ấy niệm Phật suốt hai mươi bốn tiếng không mệt mỏi. Tiếng niệm Phật phát ra, chỉ cần có người nghe được, bất kể người ấy tin hay không tin, bất luận hữu tâm hay vô tâm, thầy đều gieo chủng tử Phật, thầy đều có duyên với Phật.

Nhất là trong năm nay, đài truyền hình Hoa Tạng của chúng ta ra mắt từ ngày Nguyên Đán, giảng kinh, niệm Phật hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Mỗi đoạn kinh văn giảng xong, lại niệm Phật hai mươi phút, phát ra toàn thế giới. Những ai có duyên? Người tiếp thu hay xem nghe là người có duyên. Mỗi một khi tiếp thu, người xem nghe tự mình xem, người bên cạnh cũng vô ý hay hữu ý, ngẫu nhiên nghe được, đều tạo thành chủng tử Phật, gieo chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, công đức vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn nói kinh này là pháp khó tin. Trong tập sách Tịnh Ngữ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “*Nan tín, nan tín, chân nan tín*” (Khó tin, khó tin, thật khó tin!), dùng cả ba chữ Nan. Khó tin mà chúng ta có thể tin tưởng được, thật hết sức đáng quý. Lại xem tiếp đoạn dưới.

“*Văn kinh, thọ trì, bất cần chư Phật hộ niệm, nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái, niệm niệm thú hương Phật quả diệu giác dã*” (Nghe kinh, thọ trì, không chỉ được chư Phật hộ niệm, mà ai nấy còn đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái, niệm niệm hưởng đến Phật quả diệu giác). Câu này nói đến cái hay của việc nghe kinh thọ trì, niệm Phật, lợi ích cũng chẳng thể nghĩ bàn. “*Nghe kinh*” là nghe bộ kinh này. Từ cổ đến nay, kinh Di Đà được rất nhiều người giảng, vì sao? Vì công đức lợi ích thù thắng khôn sánh; không chỉ pháp sư xuất gia, những pháp sư giảng kinh cả đời chưa chắc đã giảng những kinh khác, nhưng kinh A Di Đà nhất định phải giảng. Chẳng cần biết là pháp sư thuộc tông hay phái nào, hễ là pháp sư giảng kinh, chắc chắn trong đời vị đó phải từng giảng kinh Di Đà. Nếu quý vị hỏi vị ấy có duyên cùng Tịnh Độ hay không? Đương nhiên là kết duyên! Chẳng những kết duyên, mà giảng kinh này

¹⁰ “Tinh phiến” (chip, microchip): Chip là những linh kiện điện tử, gọi đầy đủ là “tập thành điện lộ” (IC, Integrated Circuit, đôi khi dịch nôm na là “vi mạch tích hợp”, hay “mạch tích hợp” tuy nghe hơi kỳ kỳ), có kích thước rất nhỏ gồm các mạch điện kết hợp các linh kiện bán dẫn (như transistor), và linh kiện điện tử thụ động như điện trở, điện dung khí (capacitor, ta thường gọi là “tụ điện”) được chế tạo bằng chất bán dẫn (semiconducting material) như chất silicon chẳng hạn.

còn là kết duyên rất sâu. Dầu một đời này chẳng nghĩ đến chuyện vãng sanh, ngày nào đó duyên chín muồi, chắc chắn sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, đó là đạo lý nhất định!

Những pháp sư chuyên tu Tịnh Độ, nhất định cả đời không chỉ giảng kinh Di Đà một lần. Trong quá khứ, lão cư sĩ Lý Bình Nam giảng kinh thuyết pháp tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm, trong ba mươi tám năm ấy cụ giảng kinh Di Đà sáu lần. Mười mấy năm qua, kể từ sau khi thầy Lý vãng sanh, các đồng học trong ngoài nước xin tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi giảng hơn mười lần. Lần giảng thứ mười một gần đây nhất là giảng tại Tân Gia Ba; lần này, chúng tôi không bị thời gian hạn chế, cứ mỗi lần về Tân Gia Ba tôi lại tiếp tục giảng, cho nên giảng rất tường tận, so ra giảng kỹ càng hơn những lần trước. Tôi cũng đã giảng kinh Di Đà mấy lượt, tôi giảng Yếu Giải rồi giảng Sớ Sao, [đem những tác phẩm ấy] giảng bằng văn Bạch Thoại. Mỗi một lượt cảm nhận khác nhau, cứ mỗi lần lại [có ấn tượng] sâu đậm hơn lần trước, cảnh giới hoàn toàn chẳng tương đồng.

Cuốn Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo này được giảng trong khóa giảng đại chuyên Phật học. Do vì thời gian nghe kinh của các học sinh bị hạn chế nên bản báo cáo ấy giảng mấy ngày là xong? Bảy ngày! Mỗi ngày giảng hai tiếng. Giảng xong trong mười bốn tiếng đồng hồ! Lần này, ở đây chúng tôi cũng dùng bản Báo Cáo cũ như lần trước, nhưng giảng tường tận, không quá tường tận, chỉ là so với lần giảng trong khóa Đại Chuyên tỉ mỉ hơn một chút, tốn không ít thời gian, nhiều hơn mười bốn giờ. Như vậy, “*nghe kinh, thọ trì*”, chúng ta hữu duyên nghe được bộ kinh này, nghe xong sanh tâm hoan hỷ, lại có thể tiếp nhận, tiếp nhận những phương pháp, lý luận, cảnh giới được giảng trong kinh, hay lắm! Chúng tỏ quý vị thiện căn, phước đức đã chín muồi nên quý vị có thể tiếp nhận, có thể duy trì.

“*Trì*” là gì? Nay ta gọi “*trì*” là áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình, áp dụng vào công việc của chính mình, vào cách xử sự, đối người, tiếp vật. Bộ kinh này có tác dụng đối với tư tưởng, kiến giải, hành vi của chúng ta, đó gọi là Thọ Trì, là nhập vào cảnh giới của kinh A Di Đà. Bất kể quý vị nhập sâu hay cạn, thời gian dài hay ngắn, đều được chư Phật hộ niệm. Ý nghĩa của chữ “*chư Phật*” phải được hiểu nước đôi, ở phần trên chúng tôi đã nói rồi, kinh nói “*chư Phật*” là chỉ A Di Đà Phật. A Di Đà Phật đã hộ niệm quý vị thì mười phương chư Phật không vị nào chẳng hộ niệm quý vị. Vì sao? Mỗi một vị Phật đều tôn kính A Di Đà Phật, tôn trọng A Di Đà Phật, khen ngợi A Di Đà Phật,

nên đệ tử của A Di Đà Phật được hưởng lây! Bất luận đến thế giới của đức Phật nào, vị Phật nào trông thấy đệ tử của A Di Đà Phật cũng đặc biệt tiếp đãi, ai nấy cùng có tâm lòng này, tâm cùng một lý này. Không chỉ là được chư Phật hộ niệm, phần sau lại còn cho biết cái điều tốt lành lớn lao hơn nữa:

“*Nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái*” (Ai nấy đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái), nhưng ở đây, phải có điều kiện. Điều kiện chính là phải đầy đủ “*lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, một dạ chuyên niệm*”. Nay quý vị chưa vãng sanh, vẫn còn ở trong thế gian này, dẫu ở trong thế gian này, nhưng tự mình đã chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái mà chính mình không biết! Tuy chính mình không biết, nhưng quả thật đã thành tựu. Vì sao? Vì quý vị nhất định vãng sanh. Vãng sanh Cực Lạc thế giới là quý vị viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì vậy, chỉ cần quý vị nhất định được vãng sanh ngay trong một đời này thì khác nào quý vị đã viên chứng ba thứ Bất Thoái ngay trong hiện tại! Ý nghĩa là như vậy đó.

Ba thứ Bất Thoái này chẳng dễ gì đạt được, nhất là viên chứng! “*Viên*” hết sức khó được! Nếu nói quý vị chứng ba thứ Bất Thoái thì Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo đã chứng được, nhưng không viên. Địa vị nào mới có thể gọi là Viên? Luận trên sự thật, Đẳng Giác Bồ Tát mới là Viên. Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Thật là pháp khó tin! Nếu quý vị nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút, mở rộng điều kiện một chút thì Tịch Diệt Nhẫn là Viên. Hạ Phẩm Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, Đẳng Giác là Trung Phẩm Tịch Diệt Nhẫn, nơi quả địa Như Lai là Thượng Phẩm Tịch Diệt Nhẫn. Như vậy, viên chứng ba thứ Bất Thoái thì địa vị thấp nhất phải là Thập Địa Bồ Tát, rất cao! Đây là ta đã nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút rồi! Nếu hỏi còn có thể nói rộng thêm chút nữa hay không? Nếu nói rộng chút nữa thì không phải là viên chứng thực sự, chỉ là tiếp cận viên chứng, đã mấp mé viên chứng, là hạng Bồ Tát nào vậy? Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Chứng đắc Vô Sanh Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn là hết thấy pháp bất sanh bất diệt, thuộc những địa vị nào? Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa!

Do vậy, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu sanh trong Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cũng có thể nói A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái, điều kiện rộng rãi hơn. A Duy Việt Trí Bồ Tát là từ Thất Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu

Địa, từ Thất Địa trở lên có thể nói là “viên chứng”, nhưng thực sự viên chứng thì là Đẳng Giác Bồ Tát, Thất Địa rất gần với viên chứng. Không dễ đâu! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng vô biên các cõi Phật đều không có [chuyện này]. Chỉ có niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thành tựu như thế.

Chúng ta biết: Mười phương hết thầy chư Phật Như Lai không vị nào chẳng giảng Tịnh Độ Tam Kinh, không vị nào chẳng giảng Hoa Nghiêm; nghĩa là kinh Hoa Nghiêm và Tịnh Độ Tam Kinh là giáo học căn bản để hết thầy chư Phật độ chúng sanh, ai nấy đều phải giảng. Giống như môn học căn bản, môn học bắt buộc phải học trong nhà trường, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác là những môn học nhiệm ý (elective courses), còn đây là căn bản pháp luân. Thành tựu trong một đời thì chỉ có mỗi mình pháp môn này, lại thành tựu thật cao, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, thực sự là pháp khó tin! “*Niệm niệm thú hướng Phật quả diệu giác dã*” (niệm niệm hướng đến Phật quả diệu giác). Đó chính là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Phương hướng và mục tiêu để tinh tấn là Vô Thượng Phật Quả, tức Diệu Giác, cao hơn Đẳng Giác. Diệu Giác là Phật quả rốt ráo viên mãn. Trực tiếp hướng đến mục tiêu này, chứ không phải là theo từng giai đoạn địa vị Bồ Tát mà tiến dần lên, không phải vậy! Đây thực sự là đạo thành Phật danh xứng với thật, trong ấy không có tướng trạng cong queo, không vòng vèo, ngoắt ngoéo.

Danh hiệu của quả Diệu Giác, trong kinh điển chúng ta thường đọc thấy là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, quả thật rất dễ phiên dịch sang tiếng Hán, vì sao không phiên dịch? Vì tôn trọng danh hiệu này nên không dịch, chứ chẳng phải là không thể dịch được. Chúng ta đặc biệt tôn trọng danh hiệu này, bởi lẽ, nó chính là quả đức tối hậu mà mọi người học Phật đều mong đạt được. Chúng ta học Phật vì lẽ gì? Nhằm cầu cái gì? Chính là cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu dịch sang tiếng Hán, A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, Tam Miệu dịch là Chánh Đẳng. Tam dịch là Chánh, Bồ Đề dịch là Giác; bởi thế, dịch toàn bộ sang tiếng Hán thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói thật ra, nếu tách danh hiệu ấy ra để luận thì có ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là Chánh Giác; giai đoạn thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác; giai đoạn thứ ba là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu quý vị thực sự đạt được thì danh hiệu liền biến đổi.

Có thể nói danh hiệu ấy chính là học vị (degree) trong nền giáo dục của đức Phật. Theo tiêu chuẩn học vị thì học vị thấp nhất là A La

Hán, giống như trong các trường Đại Học hiện tại, học vị thấp nhất gọi là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), A La Hán tương đương với Học Sĩ. Học vị thứ hai là Bồ Tát, giống như Thạc Sĩ (Cao Học, Master), học vị thứ ba là Phật, giống như Tiến Sĩ (PhD). Như vậy, ba danh hiệu trên (tức Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) là ba danh hiệu học vị, chúng ta phải hiểu như vậy. Có thể thăng lên từng cấp: A La Hán thăng lên một cấp là Bồ Tát. Bồ Tát lại thăng lên một cấp thành Phật; Phật là học vị cao nhất. Phải tu những pháp gì mới đạt được những học vị ấy? Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là phương pháp, chính là đường lối, cái được mình tu để hồng đạt đến đều là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nếu quả thật quý vị tu thành Chánh Giác thì chính là thành A La Hán. Ở chỗ này, cũng có rất nhiều người hỏi tôi: “Người thế gian chúng ta có ai giác ngộ hay không? Khoa học gia có được tính là giác hay chẳng? Triết học gia có được coi là giác hay không? Trong thế gian vẫn có rất nhiều thánh hiền có trí huệ, có đạo đức, có tính là giác hay không?” Tính chứ! Coi họ là giác, nhưng có thể gọi là A La Hán hay chẳng? Không thể! Vì sao? Tiêu chuẩn của nhà Phật là phải có Chánh. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Đoạn sạch phiền não! Phiền não là gì? Danh từ nhà Phật gọi phiền não là Thân Kiến: Coi thân thể này là ta, đó là cách nhìn lầm lạc, thân thể không phải là ta, thân thể là gì? Thân thể là cái được sở hữu bởi ta, giống như y phục, y phục không phải là ta, ta sở hữu nó mà thôi!

Lục đạo chúng sanh đều chấp thân thể là Ngã, lầm rồi! Đây không phải là Chánh Giác. Do quý vị vẫn còn chấp trước thân thể là ta, còn chấp tham - sân - si - mạn là ta, không buông những thứ ấy xuống được, thị - phi, nhân - ngã không buông xuống được; tham - sân - si không buông xuống được; ngũ dục, lục trần không buông xuống được, dù giác cũng chẳng thể gọi là Chánh Giác. Người chánh giác buông hết những thứ ấy xuống, chẳng còn chấp trước thân là ta, quyết định chẳng chấp trước danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, quyết định không có những thứ ấy. Giác phù hợp với tiêu chuẩn nhà Phật thì Phật gọi là Chánh Giác; người như vậy có danh hiệu là A La Hán. Người đạt Chánh Giác sẽ vượt thoát luân hồi trong lục đạo, vượt thoát luân hồi rồi lại phải trở vào lục đạo, đây là thừa nguyện tái lai, trọn chẳng phải là thân nghiệp báo, Ngài trở về làm gì? Vị ấy đến độ chúng sanh, đến giáo hóa chúng sanh, hoàn toàn giống hết chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo. Thuận theo tâm niệm của chúng sanh bèn biến hóa những thân, sắc

tướng bất đồng. Đó là học vị đầu tiên.

Học vị thứ hai lại vượt lên một cấp, nâng lên thành Bồ Tát, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, cao lắm. Chánh Đẳng: Đẳng là gì? Đẳng (等: ngang bằng) với Phật, nhưng chưa phải là Phật. Rất gần với Phật, gần như Phật, chưa phải là Phật, cao hơn A La Hán nên thêm chữ Chánh Đẳng vào trước Chánh Giác.

Học vị tối cao chính là Phật Đà. Điều thành tựu của đức Phật chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến đỉnh điểm, không gì cao hơn nữa. Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến rốt ráo viên mãn, nên thêm chữ Vô Thượng, Vô Thượng là Phật quả! Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Bồ Tát. A La Hán và Bích Chi Phật đều là Chánh Giác, trong nhà Phật gọi họ là Tiểu Thừa, hoặc còn gọi là Nhị Thừa. Phải hiểu ý nghĩa nội hàm của những danh từ thuật ngữ ấy, nếu không hiểu sẽ đi chệch ra ngoài. Sau rốt, chúng ta hãy xem điều cuối cùng:

“Văn danh công đức, như thử siêu thắng, Thế Tôn cập thập phương chư Phật, đồng sở tuyên thuyết, bất khả tín hồ” (Công đức nghe danh hiệu siêu thắng như thế, do Thế Tôn và mười phương chư Phật cùng tuyên nói, chẳng đáng tin ư?). Nghe được một câu danh hiệu A Di Đà Phật, công đức lợi ích quá lớn, chính mình không có cách gì tưởng tượng được nổi! Nếu không do chư Phật, tổ sư đại đức giảng giải cho ta, ta làm sao hiểu được? Ta thường cho là danh hiệu A Di Đà Phật nghe đã quen tai, há lại hiếm lạ, phi thường đến mức như thế ư? Nói thật ra, danh hiệu ấy *“như thử siêu thắng”* (siêu thắng như thế đó). Siêu (超) là siêu việt, Thắng (勝) là thù thắng. Bất luận quý vị tin hay không tin, bất luận hữu ý hay vô ý, đều đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức; nói theo cách bây giờ là “đã ghi ấn tượng vào óc”, người thế gian nói như vậy đó. Quý vị đã có ấn tượng, ấn tượng ấy vĩnh viễn chẳng mất đi, khi nào duyên chín muồi, lúc ấy sẽ thực sự đạt được lợi ích chân thật, sẽ hiện tiền.

Duyên chín muồi thì gặp được thiện tri thức, gặp được đồng học tốt đến chỉ dạy quý vị, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, giúp quý vị tu hành đúng lý, đúng pháp, trong một đời này bèn thành công, vĩnh viễn thoát luân hồi, chúng thân Kim Cang bất hoại, chúng vô lượng thọ, chúng vô lượng quang (“vô lượng quang” là vô lượng trí huệ), sẽ chúng đắc được như thế. Do vậy, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật đều khuyên chúng ta, đều tuyên thuyết, há có thể nào chẳng ư? Chẳng thể không tin!

Bây giờ hết giờ rồi!

6.4.3. Chư Phật Khuyến Nguyên Lưu Thông

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp đoạn lớn cuối cùng của kinh A Di Đà “*khuyến nguyên khuyến hành lưu thông*”. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, u bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ!

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

(Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh trong cõi nước của A Di Đà Phật, thì những người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với cõi nước ấy hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh.

Vì thế, này Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin tưởng, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy).

Đoạn này là khuyến nguyện, tức “*khuyến nguyện lưu thông*”. Chúng ta đọc kinh văn đến chỗ này, vẫn phải chia thành mấy tiểu đoạn để học tập. Tiểu đoạn thứ nhất là “*khuyến nguyện vãng sanh*”. “*Dĩ phát nguyện*” là đã vãng sanh rồi, “*kim phát nguyện*” là hiện tại, hiện tại phát nguyện, hiện tại niệm Phật nhất định được vãng sanh Tịnh Độ. “*Đương phát nguyện*” là nói đến vị lai; sau này những ai có duyên phận gặp được pháp môn này, gặp được kinh điển này, thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, trong tương lai họ phát nguyện, nhất định được vãng sanh. Đây chính là quá khứ, hiện tại, vị lai: “*Dĩ phát nguyện*” là quá khứ, “*kim phát nguyện*” là hiện tại, “*đương phát nguyện*” là vị lai, “*giai đắc bất thoái Bồ Đề*” (đều được bất thoái Bồ Đề); bởi lẽ “*đã phát nguyện*” là đã vãng sanh, “*nay phát nguyện*” là hiện tại vãng sanh, “*sẽ phát nguyện*”

là tương lai vãng sanh. “*Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện*” (Nếu có lòng tin tưởng, hãy nên phát nguyện): Trong kinh này đức Phật khuyên chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ!

“*Tín nguyện vãng sanh, chánh hiển sở phát chi nguyện vô hư dã*” (Tín nguyện vãng sanh, chính là nhằm chỉ rõ nguyện đã phát không hư huyền). Người phát ra nguyện ấy nhất định thực hiện, nhất định chẳng để nguyện ấy trở thành chuyện xuôi. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Được vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định*”. Quý vị có tin, có nguyện thì mới được vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị cao hay thấp, chúng ta biết trong kinh nói đến ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ; đại sư bảo chúng ta: “*Phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn*”. Chúng ta dùng lời lão nhân gia khai thị để luận định những thân nghiệp báo trong lục đạo. Đức Phật dạy trong lục đạo, xả thân thọ sanh có Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Dẫn Nghiệp hướng dẫn quý vị đầu thai trong một đường nào đó, chúng ta cũng coi Tây Phương Cực Lạc thế giới như một đường. Hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tín - Nguyện. Tín Nguyện là Dẫn Nghiệp, niệm Phật là Mãn Nghiệp. Mãn Nghiệp là sau khi sanh vào chỗ nào đó, quý vị sẽ được hưởng phước báo và lợi ích khác biệt nhau. Có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm khác nhau là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Do đây biết rằng: Niệm Phật rất quan trọng, quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị muốn vãng sanh trong phẩm vị cao thì phải chăm chỉ niệm Phật, chớ nên lãng phí thời gian, chẳng được lãng phí tinh thần, phải tranh thủ đại phước báo Tây Phương Cực Lạc thế giới, nâng cao phẩm vị. Thế nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới và mười phương thế giới chư Phật thật ra chẳng khác nhau. Mười phương thế giới đặc biệt là trong lục đạo như chúng ta, phước báo sai khác rất lớn! Phú quý và bần tiện sai khác nhau thật lớn; vậy mà Tây Phương thế giới tợ hồ không sai biệt. Vì sao?

Chúng tôi lại dùng tỷ dụ để diễn tả: Nếu Mãn Nghiệp của quý vị, tức là công phu niệm Phật thật tốt, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, hoa nở thấy Phật, đạt đến địa vị A Duy Việt Trí Bồ Tát, quý vị thực sự đạt được, đó là do chính mình tu được; còn những người khác không tu thành công như vậy thì sao? Chỉ cần có tín nguyện, công phu niệm Phật rất cạn, có thể là chỉ niệm Phật mấy ngày, thậm chí như trong lời nguyện thứ mười tám đã nói: “*Lâm*

mạng chung thời, niệm thập thanh Phật hiệu” (Lúc lâm chung niệm mười tiếng Phật hiệu), thậm chí còn chưa niệm được mười tiếng, chỉ niệm một, hai tiếng, công phu niệm Phật rất mỏng, người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Thế nhưng sự hưởng thụ trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ thể hiện trí huệ, tướng hảo, quang minh, thần thông tợ hồ không khác Bồ Tát trong cõi Thật Báo, chuyện này là như thế nào vậy?

Trong đây có đạo lý: Chính là do bồn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chứ không phải do chính người ấy tu được! Giống như tôi đã từng nói: Chúng ta có một người bạn phú quý, bản thân mình rất nghèo, cái gì cũng không có, đến nhà người ta làm khách, sống trong nhà đẹp của người ta, ra khỏi cửa cũng có xe, ăn uống, sinh hoạt giống hết người ta, hưởng thụ đều giống hết, người ta có phước mà! Chúng ta hưởng phước của chủ nhân, chứ không phải do phước báo của chính mình. Ra khỏi cửa cũng có xe, xe không phải của mình, toàn là phước báo của người, ta hưởng, nhưng chúng ta hoàn toàn không có quyền sở hữu. Sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều giống như vậy. Mãn Nghiệp của chính mình không đủ, nhưng có đủ Dẫn Nghiệp để sanh về thế giới Cực Lạc thì phước báo, trí huệ, phước đức được hưởng hết thảy đều chẳng khác với A Di Đà Phật cho mấy, tợ hồ bình đẳng với các Bồ Tát thuộc cõi Thật Báo Trang Nghiêm. [Phước báo của] Bồ Tát trong cõi Thật Báo là do tự tu mà được, còn [phước báo trong] cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư là do Phật gia trì, thảy đều hưởng phước báo của A Di Đà Phật. Duyên do là như vậy đó!

Một mặt hưởng phước của A Di Đà Phật, một mặt chính mình vẫn phải tu phước huệ, trọn chẳng thể ở mãi trong cõi Đồng Cư, chẳng thể ở mãi nơi cõi Phương Tiện. Tự mình phải nâng cao, vì thế, ở nơi đó phải tu học, tu học để đạt đến cõi Thật Báo là do chính mình tự tu thành. Chính mình không tu thành cũng chẳng sao, hưởng phước của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có vô lượng vô biên phước báo cúng dường đại chúng, có phước cho mọi người cùng hưởng, chẳng riêng một ai hưởng, từ bi đến cùng cực. Bởi thế, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Trong hết thảy thế giới chư Phật không đâu được như vậy, tự bản thân quý vị chẳng thể đạt đến cảnh giới có loại thần thông, phước báo như vậy; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, A Di Đà Phật gia trì, dầu chính mình không tu cũng được hưởng, cũng có thần thông, cũng có phước báo. Ngẫu Ích đại sư giảng là do tín nguyện và trì

danh, còn chúng tôi giảng là Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp, quý vị phải hiểu cho kỹ. Đoạn tiếp theo:

“*Bốn kinh tam khuyến phát nguyện*” (kinh này ba lần khuyến phát nguyện). Chúng ta hãy xem kỹ một lượt. Lần trước chúng tôi giảng Hệ Niệm, phần giảng kinh A Di Đà trong đó chỉ giới thiệu rất giản lược, không nói tường tận; nhưng khi xem kỹ, kinh này đúng ra bốn lần khuyến chúng ta hãy nên phát nguyện vãng sanh. Lần thứ nhất, là “*chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy*” (chúng sanh nghe được, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), rồi đến “*sở dĩ giả hà? Đắc dữ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (vì có sao vậy? Được cùng các thượng thiện nhân ở cùng một chỗ). Đây chính là lần thứ nhất khuyến nên phát nguyện. Lần thứ hai thì chúng tôi cũng đã nói qua: Chính là đoạn Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, “*ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh về cõi ấy*” (ta thấy điều lợi ấy, nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, sanh về cõi ấy). Đó là lần thứ hai. Lần thứ ba nằm trong ngay đoạn kinh văn chúng tôi vừa đọc trong giờ giảng trước: “*Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết*” (Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin tưởng lời ta và lời chư Phật đã nói). Đó là lần thứ ba. Lần thứ tư là: “*Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh về cõi ấy*” (Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy), bốn lần khuyến! Một rồi ba, ba rồi bốn.

Ở đây, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại phiền bốn lượt khuyến cáo. Chúng ta đọc kinh văn, nghe giảng giải, nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đúng là cô phụ Phật ân. Ở chỗ này, chúng tôi cũng viết mấy câu: “*Thích Ca bi tâm đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại trùng lặp, bốn lượt khuyến dụ. Nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chính là cô phụ ơn Phật quá đáng!*” Ở chỗ giống như thế này, nhất định phải chú tâm thấu hiểu ân sâu của Phật, thấu hiểu tâm ý của Phật.

Phát nguyện thì phải phát như thế nào? Cổ đức thường khuyến chúng ta: “*Nguyện phải y theo Tứ Hoằng Thệ*”. Ai nấy đều biết Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tức là bốn điều nguyện tổng quát của chư Phật, Bồ Tát. Ngay cả bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, bốn mươi tám nguyện ấy quy nạp lại sẽ chẳng ra ngoài bốn hoằng thệ nguyện. Bốn hoằng thệ nguyện mở rộng ra chính là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi

tám nguyện quy nạp lại thành ra bốn hoằng thệ nguyện.

Nguyện thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Nói thật ra, trong bốn nguyện, nguyện thứ nhất này trọng yếu nhất, nó là chánh nguyện, ba nguyện kia đều nhằm hoàn thành nguyện này. Khắp pháp giới hư không giới, trong hết thảy các cõi Phật, nhiều cõi có lục đạo, những cõi không có lục đạo rất ít. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có lục đạo, rất hiếm! Xem kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất nhiều thế giới thực sự có lục đạo, có chín pháp giới rất nhiều. Những cõi không có lục đạo, không có chín pháp giới, thuần nhất thanh tịnh như thế giới Cực Lạc chỉ là thiểu số, không phải là không có, nhưng không nhiều.

“*Độ*” (度) là giúp đỡ, nói theo cách bây giờ thì “*hộ niệm*” là quan hoài, chiếu cố, giúp đỡ, chữ Độ bao gồm nhiều ý nghĩa như vậy. Hãy hỏi chính mình có phát được cái nguyện ấy hay không? Có thời thời, khắc khắc, niệm niệm nghĩ giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn hay không? Nếu quả thật trong mỗi niệm đều mang ý niệm ấy thì quý vị đã thực sự phát nguyện. Mình yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, quan hoài hết thảy chúng sanh, chiếu cố hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, tận tâm, tận lực chẳng phân biệt chúng sanh thuộc chủng loại nào, thuộc tộc loại nào trong chín pháp giới, người cũng được, trời cũng được, quỷ cũng được, quái cũng được, yêu cũng được, ma cũng được, súc sanh cũng được, địa ngục cũng được, quan hoài hết tất cả, chiếu cố hết tất cả, giúp đỡ hết tất cả! Chỉ cần ta có thể giúp đỡ họ chỗ nào, ta trông thấy, ta nghe thấy, nhất định sẽ đưa tay giúp đỡ, thực sự có thể bỏ mình vì người.

Tâm nguyện của ta là như thế. Nếu không đủ năng lực, giúp người còn được, giúp súc sanh đạo có khi mình còn làm được, còn quý thân mình không trông thấy, thiên thần mình lại càng không thấy, làm sao giúp họ được? Tâm, nguyện thấu suốt! Quý vị muốn giúp đỡ chúng sanh trong chín pháp giới thì phải hội đủ điều kiện. Hội đủ điều kiện gì? Qua lại giao tiếp với họ, phải hội đủ điều kiện ấy. Những nhà khoa học trong hiện tại gọi điều kiện ấy là “những chiều không gian khác nhau”. Quý vị muốn đột phá những chiều không gian khác nhau để có năng lực giao tiếp với chúng sanh trong chín pháp giới ư? Phải đoạn phiền não!

Do vậy, điều nguyện thứ hai là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Vì sao? Bản năng (những năng lực sẵn có trong tự tánh) của chúng ta bị phiền não che lấp, chỉ cần không còn phiền não nữa, bản năng sẽ hiện tiền. Người ta thường gọi bản năng là “thần thông”. Mắt chúng ta thấy vượt khỏi những chiều không gian không bị chướng ngại,

thấy được thiên thân, thấy được quỷ thân, thấy được địa ngục, thấy được hết thảy chúng sanh trong những chiều không gian bất đồng. Chúng ta có thể nghe được, thấy được, và cũng có thể thực sự giúp đỡ họ, bởi lẽ, đoạn phiền não sẽ khôi phục bản năng. Đoạn phiền não là tam-muội, là Thiên Định. Thiên Định hiện thân thông, phiền não không có, tâm địa thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh ấy, trí huệ, đức năng, tướng hảo thấy đều hiện tiền, đó chính là thần thông.

Như vậy, thần thông không có gì là kỳ quái cả, ai nấy đều có, chỉ là hiện thời thần thông của mình chưa hiện tiền vì phiền não quá nặng, phiền não gây chướng ngại. Thần thông là cái hết thảy chúng sanh vốn có, ai nấy đều bình đẳng, [thần thông] to như nhau, trọn chẳng thể nói thần thông của người này to, thần thông của người kia nhỏ, không hề có! To như nhau cả! Lớn, nhỏ sai khác là do đâu phát sanh? Là do phiền não nhiều hay ít mà phát sanh [hiện tượng thần thông sai khác ấy]. Phiền não nhiều, thần thông rất nhỏ; phiền não nhẹ đi, thần thông sẽ lớn hơn. Đoạn sạch phiền não thì năng lực thần thông chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Bởi lẽ, thần thông là bản năng, không phải do tu mà có, không do học mà đạt, vốn đã sẵn đủ trong tự tánh của quý vị. Phải hiểu rõ, phải thấu đáo điều này!

Thần thông, đức năng khôi phục thì tướng hảo cũng khôi phục. Nếu chúng ta không có trí huệ là không xong; không có trí huệ [thì khả năng] giúp người rất hữu hạn. Do vậy vẫn phải học: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, học pháp môn nhằm khai trí huệ. Phiền não đoạn sạch rồi, nhà Phật nói là Căn Bản Trí hiện tiền, lúc nó khởi tác dụng thì gọi là Căn Bản Trí. Tiếp xúc vô lượng vô biên chúng sanh, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, bèn khai trí huệ, đó gọi là Hậu Đắc Trí. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” chính là thành tựu Hậu Đắc Trí. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức. Ở chỗ thầy mình là Văn Thù Bồ Tát, trong pháp hội của thầy, Thiện Tài đã thành tựu hai điều nguyện đầu: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, Ngài đã phát được nguyện ấy; “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”, Ngài đã làm được điều ấy. Do vậy, Ngài đã đạt Căn Bản Trí. Đạt được hai điều ấy rồi, thầy bèn dạy Ngài đi tham học, giống như bảo Ngài ra thi thố, ra lãn mình vào xã hội, đi tham phỏng rất nhiều thiện tri thức để thành tựu Hậu Đắc Trí.

Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết, nếu không tham học làm sao đạt được Hậu Đắc Trí? Căn Bản Trí không cần tham học cũng đạt được, còn Hậu Đắc Trí thì chẳng thể như vậy! Không có Hậu Đắc Trí, chẳng

thể giáo hóa chúng sanh! Vì sao? Căn Bản Trí khế lý, Hậu Đắc Trí khế cơ. Nếu quý vị không có Hậu Đắc Trí sẽ khế lý nhưng chẳng khế cơ, chẳng độ chúng sanh được, không có cách gì giúp đỡ họ. Khế cơ nhưng không khế lý cũng chẳng độ được chúng sanh. Đức Phật dạy chúng ta phải vừa khế cơ vừa khế lý, nên tham học rất quan trọng. Tham học là “quảng học, đa văn” (học rộng nghe nhiều). Trong năm mươi ba lần tham học, chúng ta thấy đối tượng tham phỏng của Thiện Tài gồm già, trẻ, trai, gái, đủ mọi ngành nghề, có quốc vương, đại thần, có hạng bình dân, lại còn nhiều nhà tôn giáo như Bà La Môn, như ngoại đạo Biên Hành, không ai chẳng tiếp cận, nên thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Đó mới thực sự là giúp đỡ, lợi ích hết thảy chúng sanh, Ngài có năng lực như thế.

Vì vậy, học Phật, sau khi Căn Bản Trí hiện tiền, phải nhớ kỹ là quý vị phải tham học! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy đó, trước khi thị hiện thành Phật dưới cội Bồ Đề, Ngài cũng tham học khắp Ấn Độ. Tham học xong trở về, dưới cội Bồ Đề thị hiện đại triết đại ngộ, thành tựu Phật đạo. Đây chính là thệ nguyện cuối cùng trong bốn Hoằng Thệ Nguyện: “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Như vậy, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành chính là phải thành tựu hai điều kiện trước đó là phiền não vô tận thệ nguyện đoạn và pháp môn viên mãn rồi mới có thể thành tựu Phật đạo. Nếu quý vị chỉ đoạn hết phân biệt, nhưng không chịu học pháp môn, chẳng chịu tiếp xúc chúng sanh trong chín pháp giới thì vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo. Phải hiểu đạo lý này! Có những đồng học giữ quan niệm sai lầm, cho rằng học Phật chỉ là thật thà học Phật, nhất định chẳng được qua lại với những kẻ không học Phật, càng chẳng được qua lại với những tôn giáo khác. Như vậy sẽ vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo, vĩnh viễn không có cách nào độ sanh, chẳng thể rộng độ chúng sanh. Phật pháp sống động, không phải đã thành rồi bèn bất biến!

Lúc mới học, thầy quy định những quy củ hết sức nghiêm khắc, là vì sao? Nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, Giới Luật nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị đạt tâm thanh tịnh, giúp quý vị mở mang Căn Bản Trí. Quý vị định rồi, do Giới đắc Định, đã đạt được Định rồi, Định là gì? Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động, ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động, thực sự thành tựu tam-muội. Sau khi thành tựu thì phải tham học, “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Ai thực sự đạt được “*ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động*” thì không pháp môn nào chẳng phải là Phật pháp. Pháp Đại Thừa thường nói: “*Pháp nào*

chẳng phải là Phật pháp?”

Phật, Bồ Tát là Phật pháp, yêu ma quỷ quái cũng là Phật pháp. Nghĩa là sao? Nay quý vị phải hiểu hai chữ “Phật pháp” nghĩa là gì. Phật là giác, giác chứ không mê. Quý vị ở trong mười pháp giới, nga quỷ, địa ngục, súc sanh, mà quý vị giác chứ không mê thì địa ngục, nga quỷ, súc sanh há chẳng phải luôn luôn là Phật pháp ư? Nếu quý vị không giác, mê chứ không giác, thì ngày ngày ở cùng một nơi với Phật, Bồ Tát, cũng vẫn là pháp thế gian, vẫn chẳng phải là Phật pháp. Vì sao? Vì quý vị mê chứ không giác, bất giác! Tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh, quý vị làm chuyện mê - tà - nhiễm, không phải là giác - chánh - tịnh. Giác - chánh - tịnh là Phật pháp, mê - tà - nhiễm là pháp thế gian, là pháp chúng sanh. Nói khó nghe hơn một chút là pháp luân hồi, không phải là Phật pháp!

Quả thật, chúng tôi thấy có những người học Phật không ít năm, mê nơi Phật pháp, mê chứ không giác, hết sức đáng tiếc! Do vậy, giáo học thế gian lẫn giáo học nhà Phật đều nói phải câu “ngộ tánh”, Phật pháp hết sức coi trọng điều này, pháp thế gian cũng thế. Trung Quốc thời cổ, dạy học tại các trường tư, quý vị thấy thầy giáo phải quan sát học trò, biết đứa nào có ngộ tánh. Có ngộ tánh thì căn tánh ấy viên dung, tương lai sẽ rất hữu dụng! Đối với xã hội, đối với quốc gia, đối với chúng sanh sẽ có công hiến rất lớn. Người không ngộ tánh khổ hơn, chẳng thể phát huy, những gì họ học trở thành chết cứng, người đọc sách thường gọi là “kẻ cuồng sách”. Dẫu kẻ ấy là người tốt, có quy củ, nhưng kẻ ấy không hấp thụ được những gì đã học, không tiêu hóa được, không biến thành dưỡng chất được! Không tiêu được sẽ tích trong bụng, biến thành bệnh.

“Ngộ” là tiêu hóa, nhà Phật thường nói “*tiêu quy tự tánh*” nghĩa là hoàn toàn tiêu hóa, trở về tự tánh, tự tánh có vạn đức vạn năng. Vì thế, thành tựu đức hạnh, Căn Bản Trí hiện tiền thì phải nhớ kỹ: Pháp môn vô lượng thế nguyện học! Pháp môn bao gồm những tôn giáo bất đồng, tộc loại bất đồng, học thuật bất đồng khắp pháp giới hư không giới, quý vị đều phải tiếp xúc hết tất cả, không thứ nào chẳng biết, giống hết như đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Trong cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật, không có ai đến hỏi câu nào, đem bất cứ nghi nan tạp chứng nào đến hỏi mà Ngài không biết, đó là học rộng nghe nhiều. Ngài đã từng thấy, từng học qua rồi!

Phát bốn nguyện này, quý vị thấy đó: Đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh, thành tựu Căn Bản Trí; học pháp môn thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”; cuối cùng, thị hiện

thành Phật đạo, vì sao? Chỉ có thành Phật đạo, là địa vị Phật thì mới có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu không, thuộc địa vị Bồ Tát thì quý vị chỉ có thể độ những hạng thấp hơn, chẳng thể độ những địa vị cao, chẳng thể độ những người cùng hàng với mình. Vì vậy thành Phật nhằm phổ độ, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, thực hiện viên mãn cái nguyện ấy.

Do vậy, những bạn đồng tu thuộc học viện chúng ta muốn phát tâm hoằng pháp độ sanh trong tương lai, chúng sanh vô biên thế nguyện độ thì quý vị hãy suy nghĩ: Phải đoạn phiền não, phải học pháp môn. Thứ tự của việc đoạn phiền não, học pháp môn chúng tôi vừa mới giảng, quý vị phải nhớ nhé: Trước hết, đoạn phiền não, chứ không phải là học pháp môn trước, mà trước hết là phải đoạn phiền não. Nay buộc quý vị học một bộ kinh, học một bộ luận, quý vị phải chuyên đồ công nơi bộ kinh hay luận ấy để làm gì vậy? Để giúp quý vị đoạn phiền não. Do vậy, phải thâm nhập một bộ kinh hay luận. Quý vị phải hiểu đây là phương pháp do chư tổ truyền cho nhau, chúng tôi vẫn dùng phương pháp cổ xưa, vì phương pháp này đáng tin cậy. Mấy ngàn năm qua, người khai ngộ, chúng quả, vãng sanh, tu hành có thành tựu, bất luận tại gia hay xuất gia đều nhờ phương pháp cũ kỹ này. Như vậy, phương pháp xưa cũ, nhưng vẫn đáng tin cậy, chúng tôi chẳng thể nêu cách mới, lập dị được. Dạy làm chúng sanh tội lỗi không nhẹ, chính mình làm lạc còn có thể tha thứ, chứ làm lạc chúng sanh không thể tha được. Do vậy, chúng tôi vẫn theo lối cũ, sử dụng quy củ, biện pháp xưa. Một bộ kinh, một bộ luận giúp quý vị đoạn phiền não, định tâm, thâm nhiếp tâm. Nếu chúng ta không học tập kinh giáo, sẽ suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung ắt tạo nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, quyết định chẳng thể thoát khỏi luân hồi trong lục đạo.

Như vậy, hiện tại chúng ta phải nghĩ như thế nào? Nghĩ đến một bộ kinh, ta học bộ kinh ấy, ngày ngày nghĩ đến nó, không nghĩ chi khác. Hết thầy đều buông xuống, chuyên tâm suy nghĩ những ý nghĩa trong kinh ấy, quý vị sẽ dễ dàng nhiếp tâm, nhiếp trọn sáu căn! Tịnh niệm tiếp nối, tịnh niệm của chúng ta là suy nghĩ nghĩa lý trong kinh, như thế vọng niệm dần dần giảm thiểu, tam-muội hiện tiền. Chúng ta học kinh Di Đà liền nhập Di Đà tam-muội, học kinh Vô Lượng Thọ bèn nhập Vô Lượng Thọ tam-muội, đó là “*nhất tâm bất loạn*” như kinh Di Đà đã nói. Tam-muội có cạn, sâu: Cạn là công phu thành phiền, sâu là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu chứng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn rồi thì ngay lập tức tiến nhập khóa trình kế tiếp, khóa trình ấy là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chưa đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì chưa được, vẫn phải “*một*

môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì Căn Bản Trí hiện tiền. Căn Bản Trí hiện tiền sẽ lập tức triển khai tu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là *“pháp môn vô lượng thế nguyện học”*.

Ngày nay chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ *“nguyện nương vào bốn Hoàng Thế”*, hai nguyện đầu *“chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn”* là chán nhàm Sa Bà. *“Pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”*: Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ hoàn thành hai nguyện ấy, trong thế gian này ta chưa làm được. Trong thế gian này, chúng ta chỉ có thể phát nguyện độ chúng sanh, nhưng năng lực độ sanh rất nhỏ bé; bởi thế, nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc. Cầu sanh thế giới Cực Lạc mới có thể thực sự đoạn sạch phiền não, mới có thể hoàn toàn học pháp môn; sau đó, mới thả chiếc bè Từ, trở vào chín pháp giới, độ hết thấy chúng sanh. Thả chiếc bè Từ chính là Pháp Thân Bồ Tát, cao hơn La Hán, cao hơn Quyền Tiểu Bồ Tát nhiều lắm. Huống chi lại được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, lúc ấy, vào chín pháp giới độ chúng sanh, không khác gì chư Phật Như Lai. Phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vì đạo lý này.

“Có đắc bất thoái chuyển ư Đại Bồ Đề” (Vì thế, được bất thoái chuyển nơi đại Bồ Đề). Như vậy, trong mười phương thế giới, độ hết thấy chúng sanh nhằm giúp cho chúng ta mau chóng thành tựu Phật quả rốt ráo viên mãn, chúng ta chẳng thể không biết điều này. Lại xem tiếp đoạn kế, chính là đoạn khuyến nguyện cuối cùng:

“Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm, hà sĩ Sa Bà báo tận, chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngọc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiệp phi Sa Bà thế giới nội nhân dã” (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm, nào đợi Sa Bà báo tận, chỉ là hiện nay tín nguyện trì danh, búp sen sáng ngời, đài vàng hiện bóng, đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa). Trong mấy câu này, chúng ta thấy điều quan trọng trước nhất là *“tương ứng”*, khó nhất cũng là một câu tương ứng! Thế nào là tương ứng? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, thường khuyên các đồng học, thực sự tương ứng chúng ta làm chưa được! Vì sao? Thực sự tương ứng thì phải kiến tánh, có như vậy mới thực sự tương ứng. Chưa kiến tánh chỉ có thể tương tự tương ứng. *“Tương tự tương ứng”* là như thế nào? Chúng tôi thường nói: *“Tâm đồng Phật tâm, nguyện đồng Phật nguyện, ngôn đồng Phật ngôn, hạnh đồng Phật hạnh”*. Đó chính là

tương ứng. Thực hiện như thế nào? Cách thực hiện chính là câu cuối cùng trong mỗi bộ kinh “*tín thọ phụng hành*” (tin nhận, vâng làm). Cuối mỗi bộ kinh đều có bốn chữ ấy, đó là tương ứng.

Trong kinh, đức Phật giảng những đạo lý, phương pháp, cảnh giới, phải thực sự tin, không hoài nghi tí ti nào! Thực sự phát nguyện, thực sự mong mỗi sanh về thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, thực sự mong được bái A Di Đà Phật làm thầy, hằng ngày nghe Ngài dạy dỗ. Có rất nhiều đồng học than: “Tôi đúng là như thế đó, nhưng không có chút tin tức gì!” Không sai! Tôi cũng biết quý vị thực sự có mong ước ấy, nhưng tâm quý vị chưa thật. Vì sao nói là tâm chưa thật? Quý vị có tâm chân thành hay không? Có tâm thanh tịnh hay không? Có tâm bình đẳng hay không? Có tâm chánh giác hay không? Có tâm từ bi hay không? Cho nên trong cuộc sống thường ngày phải vun vén cái tâm ấy, tâm như vậy là chân tâm. Chân tâm vốn có đủ năm đặc tánh:

a) Chân thành: Quyết định không hư ngụy; đối người, đối sự, đối vật quyết định không hư ngụy.

b) Quyết định không sanh nhiễm ô là thanh tịnh.

c) Quyết định không có cao thấp. Không có cao thấp là bình đẳng.

d) Quyết định không mê. Không mê là chánh giác.

e) Quyết định không tự tư. Không tự tư mới là từ bi.

Như vậy, chúng ta niệm Phật không linh là vì đâu? Vì không tương ứng!

Do đó, cổ nhân thường nói: “*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng uổng công thôi). Nếu quý vị dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không chỉ niệm Phật, niệm kinh bằng cái tâm ấy, mà trong xử sự bình thường, đối người, đối vật đều bằng cái tâm ấy. Chẳng được đối với Phật bằng chân tâm, còn đối với người khác bèn dùng vọng tâm. Đây chẳng phải hạ người có chân tâm, té ra kẻ ấy vẫn dùng vọng tâm đối với Phật, vì sao? Có phân biệt, có chấp trước, nên không bình đẳng. Khó! Điều này khó lắm!

Do vậy, chúng ta phải thực sự thấy thấu suốt, thấy thấu suốt là gì? Quý vị phải thực sự hiểu rõ chân tướng của sự thật, rồi mới thực sự buông xuống. Buông xuống sự hư giả, chân thành hiện tiền; buông xuống hết thấy những nhiễm ô, thanh tịnh hiện tiền, buông xuống kiêu căng, ngạo mạn, bình đẳng hiện tiền; buông xuống ngu mê, chánh giác hiện tiền; buông xuống tự tư, tự lợi, từ bi hiện tiền. Lúc ấy, quý vị niệm Phật thì một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm

niệm sanh, bất cứ đường nào thông sang Cực Lạc đều thông suốt, vô ngại, quả thật tâm tâm tương ứng với Phật Di Đà, tâm là tâm Phật, nguyện là nguyện Phật, hạnh là hạnh Phật, ngôn ngữ là ngôn ngữ Phật, quý vị nghĩ coi: Quý vị được vãng sanh hay không? Thực sự nắm chắc! Bởi thế, phải hiểu như thế nào là tương ứng, thế nào là không tương ứng! Chẳng thể sai lầm chút xíu nào!

Do lẽ này, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp, những người cùng tu với nhau không được quá hai mươi người, chuyên lấy niệm Phật làm chánh, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, chẳng làm pháp hội, không hóa duyên, không quyên góp, không làm kinh sám Phật sự, không truyền giới, không thâm đồ đệ, một mực chất phác niệm Phật, ngay cả kinh cũng không giảng. Như tôi đã nói, những điều khác tôi đều tuân thủ lời Tổ Sư răn dạy, nhưng cần phải giảng kinh. Tổ Sư dạy không cần giảng kinh, trước kia thì được; xã hội, lòng người thuần hậu, thiện nhiều, ác ít, ai nấy đều hiếu thuận, tôn sư; dạy họ niệm Phật, họ sẽ thật thà niệm Phật, nên có thể thành tựu!

Nay thì không thể, xã hội hiện tại ác nhiều, thiện ít, chúng ta nghi lự trùng trùng, lại còn tà tri tà thuyết lúc nào cũng có thể tiếp xúc, luôn luôn phá hoại tín tâm của chính mình, chướng ngại nguyện vọng của chính mình; bởi thế, chẳng thể không giảng kinh. Mục đích giảng kinh không có chi khác cả: “*Đoạn nghi, sanh tín, kiên định tín nguyện*”, chỉ như thế mà thôi! Kinh không cần giảng nhiều, giảng kinh Tịnh Độ là được rồi, học một hai loại là đủ, chắc chắn có thành tựu. Như vậy, giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta tương ứng, chứ không có mục đích nào khác, đoạn nghi, sanh tín, niệm niệm tương ứng thì mục đích giảng kinh của chúng tôi đã đạt.

A! Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 36

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ năm trong phần “*Khuyến nguyện, khuyến hạnh lưu thông*”:

“*Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh*” (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh). Hai câu này trong phần trên đã giảng rồi. Thực sự tương ứng thì bọn phàm phu chúng ta làm chưa được, ắt nhất định phải là đã đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tức là đã thành bậc Pháp Thân đại sĩ

như trong hội Hoa Nghiêm đã nói thì mới niệm niệm tương ứng. Ấy là “*niệm niệm lưu nhập biến Tát Bà Nhã, cũng là niệm niệm tương ứng với tư tánh*”, đây mới thực sự là một niệm tương ứng một niệm sanh, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. So với tiêu chuẩn ấy, tiêu chuẩn cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta thấp hơn một chút, nhưng nhất niệm rất trọng yếu. Trong nhất niệm, không có tạp niệm, thực sự không hoài nghi, không xen tạp, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp niệm Phật hoàn toàn giống như phương pháp của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị rồi.

Quan trọng nhất là tâm tánh của năng niệm (cái tâm niệm Phật) phải là chân tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải dùng cái chân tâm ấy, nhất định chớ nên dùng vọng tâm. Trong xã hội ngày nay, hầu toàn bộ người đời đều dùng vọng tâm, họ dùng vọng tâm hư vọng đối với ta, ta vẫn phải dùng tâm chân thành đối xử với họ. Vì sao? Vọng tâm là tâm luân hồi, chúng ta biết người dùng vọng tâm chẳng thể ra khỏi luân hồi. Nay chúng ta cầu sao chẳng bị luân hồi nữa; nếu dùng cái tâm luân hồi niệm Phật thì vẫn bị luân hồi, phải hiểu đạo lý này! Chúng ta không muốn luân hồi nữa, hy vọng một đời này vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh Cực Lạc thì phải dùng chân tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không thể lìa tâm ấy trong khoảnh khắc! Đối với người, sự, vật trong thế gian và xuất thế gian, đối với hết thảy các pháp đều phải dùng cái tâm ấy, đó là một niệm tương ứng một niệm sanh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh. Dùng cái tâm ấy sẽ chẳng luân hồi trong sáu nẻo. Từ trong cái tâm ấy, sanh khởi lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, thật thà niệm Phật.

“*Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm*” (diệu tâm, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm) nhất tâm xưng niệm là Diệu Nhân, nhất tâm bất loạn là Diệu Quả. Muốn đạt được nhất tâm, quý vị nhất định phải buông xuống vạn duyên. Trong quá khứ, đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói ra rả: “*Buông thân tâm thế giới xuống*”. Không buông thân tâm thế giới xuống, chẳng thể đạt nhất tâm! Quý vị không có cái nhân nhất tâm xưng niệm, đương nhiên chẳng đạt được cái quả nhất tâm bất loạn! Do vậy, nhân và quả đều diệu. Nhất tâm rất trọng yếu; người biết tu ắt hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật chân tướng, trong tâm quả thật không vương mắc mảy may, một chút vương vấn cũng không có. Trong cuộc sống

thường ngày, họ tùy duyên, tùy duyên mà sống, đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, đối đãi bình đẳng, may mắn “*quái ngại*” cũng không có. “*Quái*” (罫) là “*khiên quái*” (牽罫: mắc mứu, nắm niu), “*Ngại*” (礙) là chướng ngại. Điều buông xuống hết, nhân quả đều tương ứng.

Tiếp đó, đại sư Ngẫu Ích giảng mấy câu rất hay: “*Hà sĩ Sa Bà báo tận*” (nào đợi Sa Bà báo tận), “*sĩ*” (俟) là chờ đợi, [“*hà sĩ Sa Bà báo tận*” nghĩa là] cần gì phải chờ đợi đến khi thọ mạng trong thế giới Sa Bà này hết rồi mới được vãng sanh? Chỉ cần nhân chân thật, quả chân thật, thì sanh ngay trong hiện tại! “*Chỉ kim tín nguyện trì danh*” (chỉ nay tín nguyện trì danh): Chỉ cần trong hiện tại có thể tin, có thể nguyện, nhất tâm xưng danh, thì quang minh và màu sắc của đóa sen trong ao bầy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới ngày càng tươi sáng. Dầu chúng ta chưa mất, nhưng hoa sen trong ao ở bên ấy do diệu nhân, diệu quả của chúng ta sẽ ngày ngày tăng trưởng, quang minh, màu sắc đẹp đẽ. Trong hoa sen “*kim đài ảnh hiện*” (đài vàng hiện bóng) sao gọi là hiện bóng? Phải biết hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ bên ngoài có thể nhìn thấu bên trong, trông thấy đài vàng bên trong ấy, đó là chỗ sanh về, là chỗ ở của mình, là chỗ tu hành chứng quả trong tương lai.

“*Tiên phi Sa Bà giới nội nhân dã*” (Đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa), đó là lời thật, là chân tướng sự thật. Bởi lẽ, chỉ cần chúng ta thực sự tu nhân, tương lai nhất định chứng đắc diệu quả. Nay chúng ta đã báo danh, ghi sổ tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như di dân, đã cầm được sổ thông hành rồi, lúc nào ra đi cũng được. Dầu chưa đi, nhưng có thể nói chính mình đã là cư dân của thế giới Cực Lạc, mình đã cầm được sổ thông hành về thế giới Cực Lạc. Trọn chẳng phải là sanh về nơi ấy rồi mới là cư dân, cầm sổ thông hành cũng là cư dân.

Pháp môn này “*cực viên, cực đốn, nan tư, nan nghị, duy hữu đại trí, phương năng đế tín*” (cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó bàn, chỉ có bậc đại trí mới hòng tin tưởng chắc thật). Pháp môn này cực viên, tức là viên mãn đến cùng cực, đúng là tìm chẳng được may mắn khuyết hãm nào. “*Đốn*” (頓) là nhanh chóng, tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp nào thành tựu nhanh chóng như thế cả, chỉ có mình pháp môn này. Bởi vậy, cổ đức gọi pháp này là “*môn du đại đạo*”, chữ Môn chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, “*môn du đại đạo*” tức là một con đường lớn thành Phật ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, là con đường tắt để thành Phật. “*Nan tư, nan nghị*” (khó nghĩ, khó bàn), “*tư*” (思) là tư duy, suy nghĩ; không cách gì suy nghĩ, tưởng tượng được, “*ng nghị*” (議) là nghị

luận, không cách gì nghị luận (bàn bạc) được. Ai có thể tin tưởng được? Bậc đầy đủ thiện căn, phước đức, đại thiện căn, đại phước đức mới hòng tin tưởng được; không phải là bậc đại thiện căn, đại phước đức sẽ rất khó tin tưởng.

Như vậy, nay chúng ta hữu duyên được tiếp xúc pháp môn này, được thấy pháp môn này, nghe pháp môn này, có thể tin, có thể nguyện, hoan hỷ y giáo phụng hành thì ta chính là người như Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây: Ta chính là người của thế giới Cực Lạc, đời này chắc chắn vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị không thể vắng sanh là vì không buông những vướng mắc nơi đây xuống được, những thứ đó chướng ngại quý vị. Quý vị có vướng mắc, có chướng ngại, thân tâm thế giới hết thấy vạn duyên quý vị không buông xuống được!

Chướng ngại rất nhiều, rất phức tạp, đối với thế tục, nặng nhất là Tình. Tình chướng ngại quý vị. Đối với xuất thế gian thì Pháp cũng chướng ngại quý vị. Bởi vậy, trong kinh Bát Nhã đức Phật giảng rất khéo: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?*” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Tác dụng của pháp là gì? Kinh Kim Cang giảng: “*Như phiệt dụ giả*” (Ví như cái thuyền). Tỷ dụ ấy có nghĩa là để vượt sông thì phải dùng đến thuyền, pháp giống như cái thuyền giúp mình vượt sông. Đã đến bờ bên kia thì không cần đến cái thuyền ấy nữa, bởi thế nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?*” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Nếu quý vị còn lưu luyện pháp ấy, bỏ không được, sẽ biến thành chướng ngại. Giống như quý vị ngồi thuyền vượt sông, rất quý cái thuyền, chẳng muốn bỏ thuyền thì không lên bờ kia được. Quý vị phải bỏ cái thuyền ấy mới bước lên được bờ kia, bởi thế, nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?*” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Chúng ta chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc nói theo hiện thời là năm kinh một luận, đó là pháp; thông đạt pháp rồi, hiểu rõ pháp rồi, ta có cần đến pháp ấy nữa hay không? Pháp đã biến thành tâm hạnh của chính mình, tức là tương ứng. Đến lúc ấy, đừng lưu luyện những kinh giáo ấy nữa!

Sau khi đã nhập cảnh giới Tịnh Độ, Liên Trì đại sư bảo: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ), tức là buông Tam Tạng mười hai bộ kinh xuống. “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dĩ biệt nhân hành*” (Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), vô lượng vô biên pháp môn cũng buông xuống, tự mình chất phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phương hướng, đường lối, mục tiêu của Ngài thấy đều đạt được. Chúng

ta tinh tấn nỗ lực đi trên con đường ấy ắt sẽ đến nơi, nhưng chúng ta cứ ngó trước trông sau, vẫn còn vướng bận nhiều ngàn ấy, nên không đi trọn. Bởi thế, sau khi nhập cảnh giới này, nhập cảnh giới là thực sự thông đạt, thực sự hiểu rõ, thực sự giác ngộ, pháp thế gian lần xuất thế gian thấy đều buông xuống, cuối cùng là một câu danh hiệu. Một câu Di Đà niệm đến cùng cực chính là thực sự tương ứng, một niệm tương ứng, một niệm sanh, niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Đó là đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thực sự. “*Đế tín*”, “*Đế*” (諦) là chân thật, là hiểu rõ. “*Đế tín*” là không mê tín, mà là chân tín. Phần Khuyến Nguyện thuộc phần Lưu Thông giảng đến đây thôi. Trong phần Lưu Thông, phần Khuyến Tín là Sáu Phương Chư Phật, đến đây là hết phần Khuyến Nguyện. Tiếp theo là phần Khuyến Hành của phần Lưu Thông.

6.4.4. Chư Phật Khuyến Hành Lưu Thông

Chúng ta xem kinh văn, trước hết, đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức.

舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。

(Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật).

“*Chư Phật*” được nói ở đây, quý vị phải nhớ kỹ, chính là A Di Đà Phật. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dạy chúng ta, “*chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, “*công đức chẳng thể nghĩ bàn*”.

Bỉ chư Phật đấng.

彼諸佛等。

(Các đấng Phật ấy).

“*Bỉ chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, chữ “*đấng*” chỉ sáu phương Phật đã nói ở phần trên, sáu phương chính là mười phương. A Di Đà Phật và mười phương hết thấy chư Phật. Câu này có ý nghĩa như vậy.

Diệc xưng tán ngã.

亦稱讚我。

(Cũng khen ngợi ta).

“Ngã” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Chư Phật (A Di Đà Phật và chư Phật) cũng “khen ngợi ta”.

Bất khả tư nghị công đức.

不可思議功德。

(Công đức chẳng thể nghĩ bàn)

Họ cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, ta có công đức chẳng thể nghĩ bàn gì? Đoạn sau sẽ cho biết.

Nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự!”

而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。

(Mà nói thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được chuyện hy hữu rất khó”).

Đó chính là công đức chẳng thể nghĩ bàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, chuyện gì là chuyện hy hữu rất khó?

Năng w Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược trung, đấng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.

能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生。說是一切世間難信之法。

(Có thể ở trong cõi nước Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp hết thảy thế gian khó tin này).

Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói, Ngài bảo Xá Lợi Phát:

Xá Lợi Phát! Đương tri ngã w ngũ trược ác thế, hành thử nan sự.

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。

(*Này Xá Lợi Phất! Hãy biết ta trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó khăn này*).

Thế nào là “*chuyện khó*”?:

1) Thứ nhất là niệm Phật thành Phật.

2) Thứ hai là vì chúng sanh nói pháp môn này.

Đại sư Ngẫu Ích đã giảng cho chúng ta biết vì đâu Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật? Đại sư nói: Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Đó là niệm Phật thành Phật. Vì sao biết niệm Phật thành Phật? Trong đoạn kinh này, Ngài ở trong “*đời ác ngũ trược*”.

Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

得阿耨多羅三藐三菩提。

(*Đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*).

Đây chính là thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài dùng cách niệm Phật, niệm Phật thành Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, phần Khuyến Hạnh Lưu Thông cũng chẳng thể nghĩ bàn! Thích Ca Mâu Ni Phật hiện thân thuyết pháp, nêu gương cho chúng ta thấy, chẳng dùng ngôn ngữ khuyên dạy chúng ta, mà dùng hành động biểu diễn cho chúng ta thấy. Đây chính là đoạn “*chư Phật cùng khen ngợi Thích Ca, trong đời trược chứng quả độ sanh*”. Chúng ta vừa đọc đến đoạn kinh văn này bèn tin nhận phụng hành ngay!

Chư Phật khen [Phật Thích Ca] là “*năng vi thậm nan hy hữu*” (có thể làm được chuyện hy hữu rất khó), khen Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược, làm được hai sự nghiệp vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn, sự nghiệp hy hữu. Trong thế giới Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược, đại sự hy hữu thứ nhất là “*chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, thật phi phàm! Sự nghiệp lớn lao thứ hai là “*vi chúng sanh thuyết thử nan tín chi pháp*” (vì chúng sanh nói pháp khó tin này). Tiếp đó, nói: “*Vị trược thế chúng sanh thuyết*” (Vì chúng sanh đời trược mà nói), đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng khó hơn trước nhiều. Nói Tiệm pháp còn dễ, chứ giảng Đốn pháp khó lắm! Vì sao? Mọi người không tin tưởng, chẳng dễ dàng tiếp nhận. Vì sao nói Tiệm pháp lại dễ? Tiệm pháp hợp với lý luận tư tưởng của con người hiện thời, họ thấy rất hợp lý. Đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chứng quả Tu Đà Hoàn, rồi đoạn tám mươi một phẩm Tư Hoặc chứng quả A La Hán,

mọi người đều tin tưởng. Chỉ niệm mỗi một câu danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể vượt ngang ra khỏi tam giới, vãng sanh bất thoái thành Phật, người ta nghe xong bảo: “Há có chuyện dễ dàng như vậy được ư?” Đâm ra chẳng thể tin tưởng!

Nói “*đur đôn pháp do dị, Tịnh Độ hoành siêu đôn pháp vu nan*” (các Đôn pháp khác còn dễ, Tịnh Độ hoành siêu là Đôn pháp khó nhất). Các Đôn pháp khác như Thiên tông, quả thật trong xã hội hiện thời không đã phá Thiên tông, thích tịnh tọa. Phong khí Thiên và Mật ở Mỹ quốc rất thịnh, chứ Tịnh Độ không ai nói cả! Khi xưa, chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc, có một sinh viên học ban tiến sĩ người Mỹ là sinh viên thuộc loại trao đổi (exchanged student) thuộc Đại Học Đài Loan, nghiên cứu Triết Học tại Đại Học Đài Loan. Đề tài nghiên cứu của cô ta là kinh Hoa Nghiêm, bởi thế, có những đồng học giới thiệu cô đến gặp tôi. Cô ta yêu cầu được nghe kinh Hoa Nghiêm, cô này độ chừng ba mươi mấy tuổi, là nữ sinh viên, nói được tiếng Hoa. Tôi rất bội phục, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đương nhiên cô nghe được. Sau đó, cô xin phép Quán Trưởng cho ở lại Đồ Thư Quán; Quán Trưởng cũng rất vui vẻ, cho cô được ở lại Đồ Thư Quán. Hình như cô ở lại Đồ Thư Quán mấy tháng. Cô ta yêu cầu tôi: “Bạch pháp sư! Ngài nên qua Mỹ quốc hoằng dương Tịnh Độ”. Cô ta nói: “Pháp sư khác đến nước Mỹ hoằng dương Tịnh Độ hết sức khó khăn, nhưng thầy qua đó hoằng dương Tịnh Độ thì được!” Do vậy, sau này tôi sang Mỹ, lời khuyên thỉnh của cô ấy cũng là một nhân tố quan trọng.

Chánh thức từ Mỹ quốc trở về mời tôi qua đó hoằng dương Tịnh Độ chính là các đồng học thuộc Đại Chuyên Giảng Tòa: Từ Quang đại chuyên giảng đường, Trung Quốc Phật Giáo Hội đại chuyên giảng tòa. Những đồng học ấy trong quá khứ từng tham gia Đại Chuyên Giảng Tòa, đương thời tại Mỹ quốc có khoảng hơn ba trăm người, sống rải rác tại các thành phố. Điều rất hiếm có là bọn họ đều liên lạc, hy vọng tôi sang Mỹ. Gặp được nhân duyên tốt là nhằm lúc Vạn Quốc Đạo Đức Hội của Trung Quốc mở đại hội đại biểu thế giới tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles), Hàn Quán Trưởng là ủy viên của họ. Hàn Quán Trưởng giới thiệu tôi với vị hội trưởng, mời tôi làm cố vấn cho họ. Có duyên phận như vậy, tôi liền xin thông hành sang Mỹ, đó là lần đầu tôi sang Mỹ, nhằm năm 1982.

Đến Mỹ rồi, đồng học đều hay tin, từ các tiểu bang đến gặp, duyên phận được kết từ đó. Từ đây trở đi, mỗi năm tôi thiếu sang Mỹ giảng một tháng, có lúc qua hai lần. Pháp khó tin mà! Tôi hiểu rõ tình hình

Phật giáo nước Mỹ, hai năm đầu tôi đến các nơi thuộc nước Mỹ làm công tác hoằng pháp, tôi giảng Thiên, tôi giảng Mật, giảng Pháp Tướng Duy Thức, thỉnh thoảng nhắc đến Tịnh Độ, chứ không lấy Tịnh Độ làm chủ. Hai năm đầu sử dụng phương thức ấy! Mọi người rất vui vẻ tiếp xúc với tôi. Lúc qua giảng lần thứ ba, tôi giảng Tịnh Độ. Lúc ấy, khéo sao tôi vừa giảng xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, khi ấy chưa có băng thâu hình, chỉ có băng thâu âm, thâu âm vào băng cassette, toàn bộ băng thâu âm cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao chúng tôi có mang theo một bộ. Trước lúc giảng kinh, tôi bày bộ băng thâu âm trước giảng đài, tổng cộng hình như nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mỗi cuốn là chín mươi phút, nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, một bộ A Di Đà Kinh bày ra đấy.

Tôi bắt đầu giới thiệu Tịnh Độ, mọi người vừa trông thấy những thứ được bày ra bèn hỏi: “Thứ gì vậy?” “A Di Đà Kinh đấy!” “Nhiều đến thế sao?” Kinh A Di Đà chỉ một cuốn mỏng tanh, mỗi ngày chúng tôi giảng mỗi lần một tiếng rưỡi, giảng mất ba trăm ba mươi ba lần, gần hết một năm. Mọi người lúc trông thấy như thế tâm bèn ổn định, cảm thấy rất kinh ngạc: “Kinh Di Đà bé tí tẹo như vậy, làm sao giảng một lần lại mất nhiều thời gian ngần ấy?” Làm như vậy mới khiến họ sanh tín tâm! Thật không dễ dàng, từ trước đến giờ họ chưa để Tịnh Độ vào mắt!

Chúng tôi dùng phương thức ấy để đem Tịnh tông đến Mỹ quốc làm cho mọi người chẳng dám khinh thường, thực sự là pháp khó tin. Do họ thích Thiên, thích Mật, tôi cũng đều có thể giảng hết, khẩu đầu Thiên mà! Tôi cũng hiểu Mật về mặt thường thức, vị thầy đầu tiên của tôi, Chương Gia đại sư, là thượng sư của Mật tông, tôi thường ở bên Ngài nghe rất nhiều, pháp môn này thực sự chẳng dễ dàng!

“*Tịnh Độ hoành siêu, đốn tu đốn chứng*”. Vì sao nói là “*đốn tu, đốn chứng?*” Một niệm tương ứng, một niệm sanh, không phải là đốn tu, đốn chứng hay sao? Một niệm tương ứng một niệm Phật là chân tướng sự thật của đốn tu đốn chứng. Đốn là nhanh chóng, không có từng giai đoạn, không mất một thời gian dài, Đốn đến mức độ nào? Kinh Di Đà dạy: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày bèn thành công! Vì sao có người tu Tịnh Độ cả bao nhiêu năm, không có tin tức gì cả, tợ hồ chẳng giống như kinh nói bảy ngày thành công, chẳng khỏi khiến người ta hoài nghi! Thế nhưng quý vị thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hoặc trong Vãng Sanh Truyện ghi chép, thời xưa có những người thành tựu trong vòng bảy ngày hay không? Có! Thí dụ rõ ràng, rành rẽ nhất chính là pháp sư Oánh Kha đời Tống, niệm Phật ba ngày bèn niệm được A Di Đà Phật hiện đến. Quả nhiên ba ngày sau Sư vãng

sanh, giống hệt như kinh nói.

Cư sĩ Châu Quảng Đại vãng sanh là chuyện mới mười mấy năm trước thôi, không xa xôi chi! Tôi ở Mỹ quốc, ông ta cũng niệm Phật ba ngày, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày ông ta bèn đi. Mầu chót là đâu? Vẫn là như kinh nói: “*Thiện căn, phước đức, nhân duyên*”. Chúng ta niệm Phật niệm suốt mười mấy năm, niệm mấy chục năm, không có tin tức chi hết, chẳng phải kinh không linh mà vì tự mình nghiệp chướng quá nặng, vướng mắc quá nhiều! Vì chúng ta tu học không đúng lý, không đúng pháp, bởi vậy, cảm ứng không có cách chi hiển hiện được! Nếu quý vị có thể buông hết thảy vướng mắc xuống, tu hành đúng lý, đúng pháp. “Đúng lý, đúng pháp” là phải thông đạt, phải hiểu rõ kinh giáo. Liên Trì đại sư cũng thường nói: Nếu đối với những ý nghĩa trong kinh điển, chúng ta không có trình độ hiểu biết, nhận thức kha khá, thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trong tâm ta sẽ không phát khởi được, sẽ sanh ra những chướng ngại!

Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh Di Đà không phải là chuyện dễ. Quý vị thấy đó, với cuốn Sớ Sao mà pháp sư Cổ Đức còn soạn bản Sớ Sao Diễn Nghĩa. Ngài Cổ Đức là thị giả của Liên Trì đại sư, là đệ tử truyền pháp của Liên Trì đại sư. Nói thật ra, Di Đà Kinh Sớ Sao chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh rút gọn, quả thật đáng xưng tụng là “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn, tinh vi, sâu xa), thực sự dẫn dắt người ta dự vào chỗ thù thắng. Cuốn Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư có thể nói là tinh hoa của cuốn Sớ Sao, rất nhiều đoạn tiền nhân chưa nói đến, Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta vạch trần ra.

Như “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*” chẳng hạn. Đối với chuyện phát Bồ Đề tâm, chúng tôi thường nghi hoặc: Những ông già bà cả trong làng quê không biết chữ, từ trước đến giờ chưa hề nghe kinh, Bồ Đề tâm là cái gì chưa hề biết đến, nhưng họ niệm Phật có thể đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, biết trước lúc mất, thực sự vãng sanh. Chúng tôi thường suy nghĩ: “Rốt cuộc họ có phát Bồ Đề tâm hay không?” Lúc tôi mới học Phật rất hoài nghi, họ không phát tâm Bồ Đề, chỉ niệm Phật xuống, sao vẫn có thể vãng sanh? Cứ ôm mãi niềm nghi ấy, đến khi đọc Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư mới hoảng nhiên khai ngộ.

Trong Yếu Giải giảng: “*Chân tín thiết nguyện tự thị Vô Thượng Bồ Đề tâm*” (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm), chúng tôi mới hiểu ra. Các bà cụ không hiểu Bồ Đề tâm là gì, nhưng họ có lòng tin chân thành, có nguyện thiết tha, tín nguyện chân thành, không mảy may nghi ngờ, đó vốn là Vô Thượng Bồ Đề tâm!

Càng suy nghĩ lời Ngẫu Ích đại sư càng cảm thấy có lý. Chúng tôi mới biết: Những ông già, bà cả thiếu hiểu biết, thiếu văn hóa trong làng quê ấy niệm A Di Đà Phật thầm hợp đạo mâu. Tuy tự mình không biết, nhưng họ quả thật đã hội đủ điều kiện vãng sanh như A Di Đà Phật đã nói; họ thực sự đầy đủ, bởi lẽ, họ chẳng có một mảy may vướng mắc nào! Ngẫu Ích đại sư đã giải đáp cho chúng tôi nghi vấn ấy.

Chữ “*chư Phật*” cũng do Ngẫu Ích đại sư giảng ra, “*chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, trước kia không ai giảng như vậy cả. Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiền nhân cũng chưa hề nói như vậy. Ngẫu Ích đại sư giảng như vậy, chúng tôi xem kỹ lại kinh văn, đúng là như vậy! Từ trước đến nay, đọc kinh văn lơ mơ, không chú ý đến điểm này. Ngài nói ra, chúng tôi coi kỹ lại, thấy không sai! Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật là niệm A Di Đà Phật bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Bởi thế, ở đây nói: “*Thuyết thử vô tà cù lao tu chứng, đản trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan dã*” (Nêu lên phương tiện bậc nhất không cần nhờ đến sự tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái càng là sự khó nhất trong những sự khó). Do vậy, pháp môn này quan trọng nhất là Tín, cơ sở của lòng tin ấy là trí huệ. Nếu không có trí huệ chân thật, không có đại trí huệ, quý vị sẽ chẳng thể tin tưởng! Dầu có trí huệ, nhưng trí huệ không đủ lớn, thì tín tâm chẳng được viên mãn.

Ở đây lại có một câu, những câu này đều do đại sư Ngẫu Ích viết trong Yếu Giải: “*Diệu quán dĩ tự bất dị*” (chính bản thân phép quán mâu nhiệm đã chẳng dễ). “*Diệu quán*” là mười sáu phép quán, tức những phương pháp tu hành được giảng trong Quán Kinh, không dễ dàng! Nói đến cách đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không cần phải nhọc nhằn khổ sở tu học mà có thể thành công thì “*đản trì danh hiệu*” (chỉ trì danh hiệu), quá sức đơn giản! “*Vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện*” (vãng sanh bất thoái, phương tiện bậc nhất), đúng vậy! Trong vô lượng pháp môn không có pháp nào sánh bằng pháp này, quá đơn giản, quá dễ dàng. Ai ai cũng tu được, vấn đề là tin hay không, có nguyện hay không, có thể buông xuống vạn duyên hay không, có thể buông hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian xuống hay không?

Nếu ta muốn học, “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, thì học ở đâu? Về thế giới Cực Lạc mà học! Chưa đến thế giới Cực Lạc thì đối với hết thấy pháp môn khác, ta đều không nhìn đến. Vì sao? Ta biết những

pháp môn ấy quá khó, ta không có năng lực, ta không có thời gian. Đến thế giới Cực Lạc, ta có vô lượng thọ, trí huệ của ta cũng đã mở mang, có chư Phật Như Lai chỉ dạy mình, có rất nhiều Đẳng Giác Bồ Tát đến giúp chúng ta học, dễ dàng thành tựu! Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, bốn lần lận! Bởi thế, chuyện khó nhất trong các chuyện khó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được, nên chư Phật khen ngợi Ngài.

Ngày nay, chúng ta tuân theo lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, y giáo phụng hành, chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta làm được thì thử hỏi chư Phật Như Lai chẳng tán thán ư? Tán thán giống hệt như vậy! Phải biết vãng sanh Tịnh Độ chính là được chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Không sai! Hiện tại chưa chứng đắc, nhưng khẳng định là nhất định sẽ chứng đắc! Vì thế, trước khi quý vị nắm chắc, đã khẳng định quý vị chắc chắn sẽ nắm được, hiện tại gần như đã nắm được rồi. Pháp môn này viên chứng ba thứ Bất Thoái mà! Những chuyện như vậy đều là pháp khó tin cả!

Trong đoạn văn tiếp theo: “*Y trì danh pháp môn thích ngũ trước ác thế*” (nuông vào pháp môn trì danh để giải thích ngũ trước ác thế), chúng tôi giải thích chữ “*ngũ trước ác thế*”.

1) Thứ nhất là Kiếp Trước, Kiếp (劫) là thời gian. Chúng ta giải thích là “thời đại không tốt”, thời kỳ bất thường, hết sức bất bình thường, thời đại này không bình thường. “*Trước*” (濁) là nhiễm ô (như bản), như bản nghiêm trọng. Nay chúng tôi gọi Trước là như bản, ắt mọi người đều hiểu hết sức rõ ràng. Trước hết, chúng ta hãy nghĩ đến hoàn cảnh sinh thái (ecological environment) trên địa cầu bị phá hoại, do con người gây ra. Nước bị ô nhiễm, không gian bị ô nhiễm, xú dưỡng tầng (tầng ozone) bị phá hoại chính là không gian bị ô nhiễm.

Ngoài ra, trên địa cầu, phi cơ, tàu thuyền, xe hơi, công xưởng phun những làn khói độc tản mát trong không trung nên không gian bị nhiễm độc. Các nhà khoa học hiện đang hết sức lo ngại, bởi lẽ, nồng độ của khối khí độc ấy trong không trung nay đã hết sức lớn, gần như tới mức bão hòa. Đến một ngày nào đó chẳng thể chứa thêm nữa, lúc nó rót xuống đất, địa cầu sẽ chết sạch, rất có thể như vậy. Bởi thế, nói đến ngày tận thế thì có người nói đây cũng là một nhân tố. Sợ rằng một ngày nào đó, lượng khí tồn trữ trong không trung rất lớn, e rằng chúng sẽ rơi xuống. Trên mặt đất càng ô nhiễm nghiêm trọng hơn, động vật, thực vật đều bị ô nhiễm. Lại còn tinh thần của chúng ta cũng ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, sinh lý ô nhiễm. Đây là Kiếp Trước! Kể từ khi có sử sách đến

nay, chưa lúc nào ô nhiễm nghiêm trọng như trong thời đại hiện tại!
Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*y trì danh pháp môn, thích ngũ trước ác thế*” (nương theo pháp môn Trì Danh, giải thích ngũ trước ác thế).

1) Thứ nhất là Kiếp Trước. “*Phi đới nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ*” (Không có hạnh đới nghiệp vượt ngang ra khỏi tam giới, ắt chẳng thể đắc độ). Vì sao gọi là Kiếp Trước? Trong phần trên, tôi đã thừa cùng quý vị rồi. Trong thời đại ô nhiễm nghiêm trọng này, phàm phu tu hành trong lục đạo chẳng thể không bị ảnh hưởng, bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh, nên không thể đạt được tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, đương nhiên quý vị chẳng bình đẳng, chẳng chân thành, chánh giác, từ bi thấy đều không có! Con người hiện tại vừa nghe những lời này đều hiểu rõ, sức dụ hoặc của hoàn cảnh so với quá khứ không biết đã tăng thêm gấp bao nhiêu lần, đáng sợ hết sức! Bởi vậy, tổ sư nói ngoại trừ pháp môn đới nghiệp hoành siêu này ra, bất cứ pháp môn nào cũng không có cách nào thành tựu. Vì sao? Bất cứ pháp môn nào cũng đều phải tiêu nghiệp, đều phải đoạn phiền não, trong thời đại này rất khó [thực hiện được].

Do vậy, người thực sự phát tâm tu hành, vì sao phải ở trong núi sâu không dấu chân người lui tới? Tâm hạnh và cuộc sống của họ hoàn toàn trở về với tự nhiên, điều ấy rất có lý. Đại khái là không muốn bị ô nhiễm ảnh hưởng thì phải tránh né. Chúng tôi thường khuyến khích mọi người cũng như khuyên các đồng học đang tu Tịnh tông: Hiện nay ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là những phương tiện truyền thông, chúng ta nên buông xuống, không xem báo chí, không đọc tạp chí, không nghe radio, không xem truyền hình, cũng không xem Internet, chúng ta mới có thể giữ được tâm thanh tịnh, cố hết sức ít tiếp xúc với bên ngoài. Dẫu không sống trong núi sâu mà trong hoàn cảnh sống nhỏ nhoi nơi đô thị cũng tự động cách tuyệt với bên ngoài, giữ gìn thân tâm của chính mình thanh tịnh. Mỗi ngày trừ việc niệm Phật ra, bèn tụng kinh, nghiên cứu giáo pháp, vậy là tốt! Có thể giữ được thân tâm của chính mình thanh tịnh, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Quý vị phải có nghị lực, phải có hăng tâm, phải có trí huệ mới thực sự làm được.

Do vậy, chúng tôi kỳ vọng sâu xa, những nhà truyền giáo thuộc các tôn giáo trên toàn thế giới đều có một mạng lưới chuyên môn và bằng tân vệ tinh; chúng ta muốn học kinh giáo nào để đoạn nghi sanh tín thì chúng ta chuyên môn tiếp nhận bằng tân ấy, giống như lên lớp ngay tại nhà vậy, như vậy là tốt! Vì sao mỗi pháp sư phải cần một bằng tân riêng? Một bằng tân có nhiều pháp sư cùng hoằng pháp, há không được sao? Để giảng thông thường thì được, còn đối với người chuyên tu mà nói thì sẽ gặp khó khăn. Người chuyên tu nhất định phải thâm nhập một môn! Phải có thời gian kha khá mới khế nhập cảnh giới, mới thực sự đạt được lợi ích. Vì thế, chính mỗi pháp sư phải có một bằng tân riêng, kẻ làm học sinh chúng ta có thể chọn lựa, muốn học pháp môn nào, muốn thân cận vị pháp sư nào thì sẽ biết chắc vị pháp sư ấy, biết chắc pháp môn ấy, bám rễ nơi pháp môn ấy, có như vậy mới hòng thành tựu! Rễ sâu gốc chắc!

Đặc tam-muội nơi một môn, mở mang trí huệ; mở mang trí huệ rồi mới có thể học rộng, nghe nhiều, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Thời gian rất dài, các tổ sư đại đức Trung Quốc thời cổ hạn định thời gian ấy là năm năm, tối thiểu là năm năm, tâm quý vị sẽ định! Trên thực tế, trong hoàn cảnh chúng ta hiện giờ, năm năm thật ra không đủ! Tôi theo thầy Lý, thầy Lý yêu cầu tôi trong năm năm chuyên nghe một mình thầy giảng thôi, nhất định không được tiếp xúc một vị thiện tri thức nào khác, thầy chịu trách nhiệm. [Áp dụng] phương pháp ấy độ chừng ba bốn tháng sẽ thấy hiệu quả hiện tiền, hiệu quả rất hiển nhiên, tâm dần dần định lại, trí huệ mở mang, cảm giác chính mình có năng lực làm được những việc khác.

Thầy Lý yêu cầu tôi giữ như vậy năm năm; xong năm năm, tôi lại xin thầy Lý cho giữ thêm năm năm nữa, thầy mỉm cười gật đầu. Tôi tuân thủ lời giáo huấn của lão nhân gia đến mười năm, thân cận một vị thiện tri thức, nghe một người giảng dạy, chỉ đạo. Mười năm ấy quả thật bám chắc cội rễ, [giúp cho tôi] có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, lợi - hại, được - mất. Lúc đó, học rộng nghe nhiều, ai cũng tiếp xúc được, pháp môn nào cũng lạm dụng được, chỉ giúp cho mình, chứ không tổn hại, chẳng thấy lạ, nghĩ khác, tiếp xúc bất cứ ai, tiếp xúc bất cứ pháp môn nào đều biết quay đầu, biết trở lại, chẳng bị cảnh giới mê hoặc. Do vậy, đối với mình, cảnh giới không thể làm tổn hại, chẳng bị lay động bởi nó, nó tăng trưởng định lực cho ta, tăng trưởng trí huệ. Đó là học rộng nghe nhiều, có tư cách tham học.

Phương pháp dạy học từ xa (viễn trình giáo học - telecourses) trên

đài truyền hình cũng giống như thế, tự mình phải học với một vị thầy, học một pháp môn, đặc định, đặc huệ nơi pháp môn ấy. Trí huệ mở mang rồi thì bất cứ pháp sư giảng kinh hay cư sĩ giảng kinh nào mình cũng đều có thể nghe, tuyệt đối tăng trưởng tam-muội, tăng trưởng trí huệ của mình, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không tạo ra những tác dụng trái nghịch. Thế nhưng trước khi đắc Định Huệ thì khó lắm! Quyết định chẳng được la cà pháp khác, la cà thì nghe pháp này thấy hay, pháp kia cũng tuyệt, cái này cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, khiến cho sự học tập của mình bị tán loạn, đáng sợ lắm!

Bởi thế, sự giáo huấn tại Phật Học Viện rất khó thành tựu, đạo lý là ở chỗ này, vì nhiều thứ quá khiến cho học sinh phân tâm, tinh thần ý chí không thể tập trung. Những gì học viên học tập chỉ là Phật học thường thức, còn Giới - Định - Huệ như trong Phật pháp đã nói, chắc chắn kẻ ấy không đạt được. Nếu muốn đạt được Tam Học Giới - Định - Huệ thì phải thâm nhập một môn, trường thời huân tu, mới hòng đạt được. Giới - Định - Huệ thực sự hữu dụng, thực sự giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới, còn Phật học thường thức sẽ không thể. Trong cuộc sống thường ngày, phiền não tập khí vẫn cứ làm chủ tể y như cũ; nói cách khác, quý vị vẫn là một gã phàm phu sanh tử trong lục đạo, chẳng được thọ dụng nơi Phật pháp! Bởi thế, mới nói “*tất bất năng độ*” (ắt chẳng thể độ được), đạo lý là đây! Đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng phải nhận biết hoàn cảnh rõ ràng.

2) Thứ hai là Kiến Trược. Trược (濁) là nhiễm ô, Kiến (見) là kiến giải. Kiến giải của chúng ta bị ô nhiễm [thì gọi là Kiến Trược]. “*Ngũ Lợi Sử tăng thịnh, phi bất giả phương tiện chi hạnh, tất bất năng độ*” (Ngũ Lợi Sử tăng mạnh, nếu không nhờ vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được). Nhất định phải dựa vào phương tiện, tức là phương pháp thích đáng nhất (Tiện là tiện nghi, Phương là phương pháp. Phương Tiện là phương pháp thích đáng nhất) thì mới được, mới hòng được độ! Ngũ Lợi Sử là gì? Nói tổng quát, Ngũ Lợi Sử là Kiến Hoặc. Trong Đại Thừa thường nói đến Kiến Tư phiền não, Ngũ Lợi Sử là Kiến phiền não, tức kiến giải làm lạc. Vì sao gọi là Lợi Sử? Đây là tỷ dụ. Thời cổ, nha môn là cơ cấu tư pháp của chánh phủ, giống như đơn vị tư pháp hoặc đơn vị hình cảnh hiện tại, kẻ nào phạm tội bèn phái người đi bắt về, người ấy bị sai sử. Lợi (利) là rất nhạy bén. Năm thứ kiến giải làm lạc ấy giống như (nói theo cách bây giờ cho mọi người dễ hiểu) năm đội hình cảnh vây quanh thân quý vị, thời thời khắc khắc giám sát quý vị, bắt quý vị bất cứ lúc nào, ý nghĩa là như vậy. Đây là tỷ dụ, ý nói bị kiến giải mê hoặc.

Ngũ là năm điều.

a) Điều thứ nhất là Thân Kiến: “*Thân Kiến. Bất ngộ Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường*” (Thân Kiến: Chẳng hiểu là Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường). Không ngộ là mê, chẳng biết thân này rốt cuộc là gì, chấp trước cái thân này là chính mình, chấp trước nghiêm trọng, vì nó mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Thân ấy đâu phải là Ngã, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: Rốt cuộc thân này là gì? Chỉ là cái ta có mà thôi, giống như y phục là thứ ta có, nhưng chẳng phải là ta, ta nên để nó phục vụ mình mới là chính xác, mới là Phật, Bồ Tát, mới là không mê. Nếu ta phục vụ nó thì là sai mất rồi! Nếu như nói y phục không phải là ta, y phục phải phục vụ ta thì ta không thể ngày ngày phục vụ nó. Ta ngày ngày phục vụ nó thì nó trở thành chủ nhân, ta thành đầy tớ, chẳng phải là điên đảo hay sao? Vì thế, trong kinh đức Phật thường nói hết thấy chúng sanh điên đảo tán loạn, điên đảo ở chỗ nào? Điên đảo ở ngay chỗ này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật.

Vậy thì cái gì là Ngã? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường giảng tâm tánh là Ngã, nói như vậy là đúng! Tâm tánh có thể biến, có thể hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hư không, pháp giới, nhất thiết chúng sanh, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (Hư không, pháp giới, hết thấy chúng sanh chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Như vậy, tánh thức là Ngã, chứ thân không phải là Ngã. Thân do Ngã hiện ra, do Ngã biến ra, lẽ ra nó phải phục vụ ta mới là chính xác, ta chớ nên phục vụ nó. Ta là chủ nhân, nó là đầy tớ, là nô bộc tùy thân, nó phải tận trung với ta, sao ta lại mê hoặc điên đảo đến nỗi nó trở thành chủ nhân! Do vậy, đây là kiến giải lầm lạc thứ nhất.

Thân thật ra là gì? “*Tứ Đại giả hợp*”. Tứ Đại là vật chất, thân do vật chất tổng hợp lại. Nay ta biết thân con người do rất nhiều khí quan tổng hợp thành giống như một cỗ máy do các bộ phận tổng hợp thành. Mỗi một khí quan lại do các tế bào hợp thành. Lại đem tế bào phân tích thì tế bào do rất nhiều phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, nguyên tử do nguyên tử hạch (nuclear) và các điện tử (electron) hợp thành, điện tử lại do các lạp tử (lepton) hợp thành. Cứ phân tích dần dần, sẽ thấy do rất nhiều điều kiện, vật chất tổng hợp thành, nhưng cái được hợp thành lại “*hư huyền vô thường*”, những thứ được tổng hợp này sanh diệt trong từng sát-na. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy chúng ta cách nhìn chính xác: Những hiện tượng ấy, từ thân thể cho đến núi, sông, đại địa bên ngoài, “*nhất thiết pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”. Mộng,

huyền, bọt, bóng hư huyền, vô thường, “*như lộ, diệt như điện, ung tác như thị quán*” (như sương cũng như chớp, phải nên quán như vậy). Đó là chánh giác của chư Phật, Bồ Tát, chính xác không sai lầm điểm nào, giác ngộ rồi mà! Vì thế, nó là công cụ, nó không phải là ta, mà là cái được ta sở hữu. Quan niệm lầm lạc thứ nhất là như vậy đây!

Khi nào ta sẽ sửa đổi được quan niệm lầm lạc ấy? Khi tuyệt đối chẳng cho thân này là ta nữa. Sau khi sửa đúng quan niệm ấy, lợi ích rất lớn! Vì sao? Đối với đời người, thống khổ lớn nhất là sanh - lão - bệnh - tử, quý vị xem nhẹ, Ngã đâu có sanh - lão - bệnh - tử! Sanh - lão - bệnh - tử là cái ta sở hữu, nó có sanh - lão - bệnh - tử, giống như y phục là cái được ta sở hữu, y phục dùng lâu ngày phải bị hư rách, không được yêu thích nữa, không cần nữa, bèn bỏ đi, thay cái mới. Hiểu thân thể giống như y phục, dùng một thời gian lâu, bộ máy lão hóa, không còn hữu dụng lắm, bỏ đi, đổi cái khác, đó gọi là sanh tử tự tại! Không đau khổ một chút nào! Đối với những thứ cũ mèm phải vứt bỏ đi, không lưu luyến chút nào. Trong nhà quý vị, những đồ đạc cũ dùng hư nát rồi, vứt vào thùng rác, quý vị có lưu luyến hay không? Cách nhìn của người giác ngộ đối với thân thể này cũng như vậy, đó là cách nhìn chính xác.

Những phẩm vật chính bản thân ta có, ta phải yêu tiếc chúng, phải tiếc phước, phải khéo sử dụng, chớ lãng phí. Hiện thời không có mấy ai hiểu đạo lý này, người hiện tại chỉ biết hưởng phước, không biết tiếc phước, không biết tu phước. Phước báo do đâu mà có? Do tu trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ tu phước báo lớn, đời này thời gian hưởng phước dài lâu. Nếu trong đời quá khứ tu phước báo không lớn như vậy, thời gian hưởng phước sẽ hữu hạn, hoặc là hưởng mười năm, hoặc hưởng hai mươi năm, hoặc hưởng đến ba mươi năm, hoặc là bốn mươi năm rồi không còn nữa. Nói cách khác, bốn mươi, năm mươi năm sau kể ấy hưởng hết phước, cuộc sống khốn khổ, hãm trong khốn khổ. Người ấy chẳng cam tâm hứng chịu nỗi khổ ấy, họ không hiểu chân tướng sự thật, bèn làm chuyện gì?

Tạo nghiệp chướng, phải nghĩ cách chiếm đoạt tài sản của người khác để chính mình thụ hưởng. Đoạt lấy! Do vậy, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đời vị lai mắc quả báo tam đồ! Thật ra, họ chiếm đoạt được cũng là vì trong mạng họ có, nếu trong mạng không có, dù có đoạt cũng không đoạt được! Đó là chân tướng sự thật, chỉ có người học Phật chân chánh mới thông đạt, hiểu rõ. Do vậy, người thực sự giác ngộ sẽ biết tu phước, chứ không hưởng phước. Dầu có phước báo, nhưng đem phước báo cúng dường cho người khác hưởng, nên phước báo vẫn còn, đã thế

lại còn tăng trưởng, giống như gửi tiền vào ngân hàng lại còn có tiền lời! Tự mình không dùng, để cho người khác dùng, lại có lời, đạo lý tương đồng.

Có phước không hưởng, thân thể mình có thể chịu khổ một chút, khổ một chút sẽ chẳng lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng khẩn thiết. Nếu chính mình phước báo quá lớn, hưởng thụ quá nhiều. Như vậy là khá quá, rất tốt, người ấy bỏ mặc, không nhìn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, không tách lia khỏi thế gian này được, luồng uổng đời này, không vãng sanh được! Do vậy, đầu Thích Ca Mâu Ni Phật không tán thành tu khổ hạnh, Ngài phản đối sự khổ hạnh vô ích, nhưng lại tán thán người tu khổ hạnh. Tu khổ hạnh hay ở chỗ nào? Không lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng tăng thêm, càng lớn mạnh, đúng là có cái lợi. Có phước bèn để cho người khác hưởng, kết duyên cùng chúng sanh là chuyện tốt! Tương lai khi chính mình thành Phật, pháp duyên hết sức thù thắng. Do vậy, phải biết bản thân mình có phước báo thì hãy nên biết bớt ra một chút để kết duyên với người khác.

Quý vị đọc sách Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm sau khi đã hiểu rồi, cuộc sống trong nhà ông rất tiết kiệm. Mùa Đông may áo bông cho trẻ nhỏ, trong nhà có bông sợi, bà vợ ông bán bông sợi đi, mua bông gòn. Bông sợi mắc, bông gòn rẻ, dùng bông gòn dòn áo bông có thể may được nhiều hơn, con mình có áo mặc, lại còn có thể đem cho người khác mặc, tâm ấy tốt quá! Đó là tiếc phước! Tiên sinh Liễu Phàm nghe vợ nói như vậy, bảo: “Ta không sợ con cái chẳng có phước báo!” Đó là tu phước cho con, thêm phước cho con. Chúng ta đọc cuốn sách ấy phải hiểu rõ đạo lý, phải thực sự ngộ, chẳng thể đọc xuôi!

Nhất là kẻ xuất gia chúng ta, đến độ tuổi như tôi, bao năm hoằng pháp dạy học, tích lũy được một chút phước báo, người cúng dường rất nhiều, tôi không hưởng thụ! Tôi nhường cho mọi người hưởng thụ, tôi vẫn sống đời thanh bần, vì sao? Tôi sống cuộc đời như vậy đã quen, sống rất thoải mái. Mỗi ngày ăn uống một chút là đủ rồi, bao nhiêu năm từ trước tới nay tôi chưa hề cảm thấy đói đến nỗi phải ăn món gì. Vì vậy, mỗi lần tôi vào phòng ăn phải ăn thứ gì cũng đều rất đau khổ, không đói mà! Mọi người ăn, tôi cũng ăn một chút, không ăn được không? Được! Một ngày không ăn gì rất bình thường, tinh thần thể lực vẫn vậy, không thay đổi tí xíu nào! Hai ba ngày không ăn tôi chưa từng thử qua, nhưng một ngày không ăn gì, có lúc đúng là không muốn ăn gì hết. Tâm địa càng thanh tịnh, càng ít tiêu hao năng lượng! Mấy chục năm qua đều

sống như vậy, sống cuộc đời rất bình ôn!

Đừng nghĩ mình phước báo hiện tiền, chúng ta bèn có thể nâng cao mức sống, làm rồi, không được đâu! Lúc có phước báo ấy, hãy để người khác hưởng một chút. Thân thể khỏe mạnh, thanh tịnh, từ bi, ăn uống càng ít càng tốt, nhất định không được ăn vặt. Thứ tôi thường uống là nước đun sôi, trà pha nhạt, những loại nước quả ép tôi tuyệt đối không nhúng môi. Cuộc sống như thế là khỏe mạnh nhất, là phương thức sinh hoạt vật chất tốt nhất. Y phục cốt sao giữ ấm, không cần phải bằng chất liệu tốt, không cần phải hoa lệ, không cần! Càng không được ganh đua cùng người khác, ganh đua là sai lầm lớn lao! Hoàn cảnh cư trụ ưu nhã là tốt, cũng không cần phải to, sẵn sóc cho dễ. Mọi người cùng hoan hỷ học đạo, tu đạo! Đây là chuyện chánh của chúng ta. Như vậy, phải phá Thân Kiến, biết nó là giả, không thật.

Bảo dưỡng thân thể thì thanh tịnh là quan trọng nhất, chớ có phiền não. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Buồn rầu khiến con người già xạm). Trong lòng có vướng mắc không buông xuống được, có ưu lự, có phiền não thì bộ máy bị tổn hoại, hiệu dụng của bộ máy ấy giảm thấp. Vì vậy, phải giữ lòng thanh tịnh, chân thành, từ bi, hiền lành. Dùng cái tâm ấy để đối đãi thân thể mình, chẳng ưu lự, chẳng phiền não, sao cho tâm thường sanh hoan hỷ. Thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, thiền duyệt làm thức ăn, kinh Đại Thừa thường nói như thế. Đây là dưỡng chất tốt nhất, khỏe khoắn nhất, chẳng hề có mảy may tác dụng phụ. Phải hiểu đạo dưỡng thân, thân là công cụ, thân chẳng phải là Ngã.

b) Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) ở đây là hai bên. “*Bát ngộ kiến giải ký thiên, thất hồ Trung Đạo*” (kiến giải do chẳng ngộ nên thiên lệch, đánh mất Trung Đạo). Lệch về một phía trong hai bên, không phải là Trung Đạo, người hiện tại gọi là “tương đối”, tương đối là hai bên. Trong quan niệm của chúng ta, quý vị thấy con người quả thật sống trong Biên Kiến, sống trong không gian tương đối. Đã có dài thì đối nghịch của dài là ngắn, đối nghịch của xa là gần, đối nghịch của lớn là nhỏ, không gì chẳng tương đối. Đây chẳng phải là chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng sự thật là pháp môn Bất Nhị. Phật pháp thường nói đến pháp môn Bất Nhị. Ai nhập pháp môn Bất Nhị? Ai minh tâm kiến tánh thì nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, Nhất Chân pháp giới là pháp môn Bất Nhị. Nếu quý vị vẫn còn có ý niệm đối lập thì chẳng nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, quý vị không ra khỏi mười pháp giới; quý vị thoát khỏi lục đạo nhưng không ra khỏi

mười pháp giới. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân, nhập pháp môn Bất Nhị! Trong quan niệm của họ, chắc chắn không có sự đối lập.

Sự đối lập rõ rệt nhất của người thế gian chúng ta là tôi - bạn, tôi và bạn đối lập nhau, rắc rối xảy ra liền. Đối lập sẽ phát sanh xung đột! Xung đột rồi bèn có đấu tranh, nên mới có chiến tranh. Sở dĩ người nhập pháp môn Bất Nhị thì mới gọi là thánh nhân là vì người ấy thực sự giác ngộ, không còn tương tự nữa! Trong Phật pháp gọi người ấy là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy, đối lập không phải là chuyện tốt! Toàn là nẩy sanh từ quan niệm lầm lạc, nhà Phật thường nói “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thảy pháp từ tâm tướng sanh). Đây là vọng tưởng, không phải sự thật, trong sự thật không có đối lập. Câu này hết sức khó hiểu, vì sao trong sự thật lại không đối lập? Lúc chúng ta không phân biệt thì vẫn là đối lập, có dài - ngắn, có xa - gần! Ta không phân biệt, không chấp trước pháp nào thì vẫn còn có dài - ngắn, vẫn còn có xa - gần! Do vậy, chúng ta rất khó thể hiểu nổi lời Phật dạy!

Nhưng trong hiện tại các nhà khoa học đã giúp ích chúng ta rất nhiều. Gần đây, khoa học gia đã phát hiện thực sự không có đối lập. Vì sao? Họ phát hiện thời gian và không gian không thật. Trong một điều kiện nào đó, không gian và thời gian bằng zéro, hiện tượng đối lập không còn nữa! Không gian bằng zéro là không còn xa - gần, thời gian bằng zéro là không có quá khứ, hiện tại, vị lai, đây là những thứ tương đối khó hóa giải nhất. Thời gian và không gian chẳng đối lập thì hết thảy những thứ đối lập khác đều dễ dàng hóa giải, không còn đối lập nữa.

Đối lập sanh từ vọng tưởng, chấp trước của chúng ta; những vọng tưởng, chấp trước vi tế bản thân chúng ta không biết được, tập khí mà! Vì vậy, không hay không biết. Những vọng tưởng, chấp trước thô, rõ rệt chúng ta biết rất rõ, nhưng những thứ vi tế chúng ta không biết. Do vậy, theo kinh Phật, hiểu rõ triệt để chân tướng của sự thật phải là Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa Bồ Tát mới thấy được những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức. Chúng quá vi tế, mắt thịt của chúng ta không có cách gì thấy được. Do vậy không ngộ, không ngộ thì mê, kiến giải lệch lạc! Đối với vũ trụ, nhân sinh, hết thảy người, sự, vật đều thấy sai lạc! “*Thất hồ Trung Đạo*” (đánh mất Trung Đạo), không giống với bậc chân chánh giác ngộ, bậc thực sự giác ngộ biết, thấy Trung Đạo, chẳng thiên lệch, chẳng tà vạy. Đó là kiến giải thực sự chính xác.

c) Thứ ba là Kiến Thủ Kiến. “*Phi quả kế quả*” (Không phải Quả coi là Quả). Kiến Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc trên mặt Quả, không phải

là quả báo chân chánh [mà tưởng là quả báo chân chánh]. “*Kế*” (計) là gì? Kế là “*cho là*”. Tự mình suy tính cho nó thực sự là quả báo. “*Bất ngộ hữu lậu giới trung, chung phi cứu cánh*” (Chẳng ngộ trong hữu lậu giới trọn không phải là rốt ráo). Giảng về điều này, đức Phật thường lấy thiên đạo làm thí dụ. Cõi trời không phải là quả báo chân chánh. Có rất nhiều người tưởng cõi trời là hằng sống, lên được cõi trời ắt bất sanh bất diệt. Hiểu vậy là sai lầm. Cõi trời có thọ mạng, thọ mạng của họ dài hơn thọ mạng của chúng ta, dài nhất là cõi trời Phi Tướng Phi Tướng Thiên trong tầng trời Vô Sắc. Thọ mạng dài ngàn nào? Phật bảo là tám vạn đại kiếp. Quý vị nhất định phải hiểu thế giới này, chúng ta thường gọi là thế giới Sa Bà, mỗi một lần thế giới thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. [Mỗi một giai đoạn trong bốn giai đoạn] thành - trụ - hoại - không là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Thế giới một lần thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. Thế giới này thành - trụ - hoại - không bao nhiêu lần? Tám vạn lần. Thời gian ấy rất dài!

Tuy thời gian dài như vậy, nhưng nếu luận về thời gian dài vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài! Bởi lẽ, khi hết tám vạn đại kiếp thì thọ mạng phải chấm dứt, cho nên chẳng phải là rốt ráo! Chẳng phải là quả báo rốt ráo, quý vị lại tưởng là quả báo rốt ráo, lầm rồi! Thứ kiến giải ấy gọi là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải là quả mà coi là quả. Bởi lẽ, người ta không liễu giải, không ngộ nên không biết. “*Hữu lậu giới trung*” (trong hữu lậu giới), lục đạo là hữu lậu, “*lậu*” (漏) là phiền não. Phiền não, tập khí chưa đoạn thì ở trong lục đạo! Công phu định lực của quý vị sâu thì chỉ có thể khuất phục phiền não, chứ phiền não trọn chẳng chuyển thành Bồ Đề, cũng có nghĩa là không thực sự đoạn phiền não, chỉ đè nén nó không cho khởi tác dụng mà thôi! Vì vậy, ở trong lục đạo là chẳng rốt ráo! Lại thưa cùng quý vị, chín pháp giới cũng chẳng phải là rốt ráo. Nói chín pháp giới chính là nói mười pháp giới, mười pháp giới không rốt ráo! Chỗ nào mới là rốt ráo? Nhất Chân pháp giới là rốt ráo!

Do vậy, tu học Phật pháp, chẳng cần biết là tông nào, phái nào, Tịnh Độ tông cũng không nằm ngoài lệ ấy! Nhất định phải chứng đắc minh tâm kiến tánh, đừng tưởng Tịnh Độ tông là có thể chẳng cần tới minh tâm kiến tánh, đời nghiệp vãng sanh, không phải vậy! Đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải chứng “*minh tâm kiến tánh*”, đó mới là thành tựu thực sự! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tu, vẫn phải học! Không ngừng tinh tấn, không ngừng nâng cao, từ Phạm Thánh Đồng Cư Độ tiến lên Phương Tiện Hữu Dư Độ, từ Phương Tiện Hữu Dư Độ tiến lên Thật Báo Trang Nghiêm Độ,

vậy là quý vị thực sự kiến tánh! Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, phải biết: Trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện hoa chưa nở! Cõi Thật Báo hoa mới nở. Vì thế, về nơi đó ngày ngày vẫn phải tu, hằng ngày vẫn phải học.

Dầu hoa chưa nở, nhưng hoa ấy rất lớn, hoa và hư không pháp giới không khác. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới có thể lãnh hội đại lược như sau: Trong vi trần có thể giới, vi trần không lớn, thế giới không nhỏ. Quý vị hiểu hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen không phóng đại, thế giới không rút nhỏ, nhưng quý vị cảm thấy thế giới trong hoa sen chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài. Bởi vậy, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Trong hoa chẳng những có Tây Phương Tam Thánh, mà còn có mười phương chư Phật, Bồ Tát. Chẳng những có mười phương chư Phật, Bồ Tát, mà trong hoa còn có vô lượng vô biên thế giới. Trong mỗi một đóa hoa của mỗi người vãng sanh đều như thế. Thật ra, Tây Phương thế giới là như vậy, mà thế giới này của chúng ta có lúc nào chẳng như vậy? Cái khác là người ở Tây Phương thế giới là giác chứ không mê, chúng sanh trong thế giới này mê chứ không giác, khác nhau ở chỗ này, trừ điều ấy ra, không có gì khác cả!

d) Thứ tư là Giới Thủ Kiến, “*phi nhân kế nhân*” (không phải nhân mà tưởng là nhân). Giới Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc nơi nhân. Như vậy, nói thật ra, hai Kiến Hoặc (Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến) này là luận theo nhân quả. Giới Thủ Kiến là nhìn lầm nơi nhân, chẳng phải là nhân mà coi là nhân. “*Bát ngộ chung sa tác phạn, trần kiếp nan thành*” (Chẳng biết là nấu cát thành cơm, trải trần kiếp (kiếp số nhiều như vi trần) khó thể thành): Phần sau đó, nêu ra một tỷ dụ. Quý vị muốn nấu cơm, nhân của cơm là gì? Nhân của cơm là gạo tẻ, quý vị lấy gạo nấu cơm thì rất dễ dàng nấu thành cơm. Nếu lấy bùn cát nấu, mong nó biến thành cơm (“*trần kiếp*” ý nói thời gian rất dài), cứ coi một vi trần là một kiếp [thì dù nấu trong số kiếp nhiều bằng số vi trần] cũng không thể nấu cát thành cơm được. Vì sao? Nó không phải là nhân! Tỷ dụ đơn giản này chắc mọi người dễ hiểu. Lại bảo cùng quý vị, chúng ta muốn phát tài thì phát tài là quả báo, quý vị cầu tài. Dùng phương pháp gì để cầu tài? Hiện tại trong thế gian này có rất nhiều phương pháp, hoàn toàn không phải là cái nhân thực sự để phát tài, quý vị hoàn toàn sai lầm, cái nhân thực sự của phát tài là gì?

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phải thực hiện tài bố thí. Tài bố thí là cái nhân thực sự. Quý vị không chịu tu tài bố thí, keo kiệt, hẹp hòi,

ngày ngày vất kiệt trí não tính toán muôn biến của cải của người khác thành của mình, tức là ngày ngày động não tổn người lợi mình, vậy thì làm sao có thể phát tài cho được? Cái nhân sai lầm, vĩnh viễn chẳng được giàu có. Nghĩ đủ cách làm người khác phải lo lắng, hãm hại người khác, lừa dối người khác! Có lừa được thì vẫn là trong số mạng của mình sẵn có, nhưng sự giàu có trong mạng mình bị hao hụt. Bị chiết khấu thì khi mình hưởng hết sẽ không còn nữa! Người thực sự hiểu thì bố thí, càng thí càng nhiều, về sau quý vị của cải vô lượng vô biên, do như vậy mà có. Người thế gian mấy ai hiểu được cái nhân thực sự, hiểu cái quả thực sự. Chỉ có người chân chánh giác ngộ mới hiểu, kẻ mê hoặc điên đảo không hiểu! Khởi tâm động niệm, hết thầy hành vi luôn phạm sai lầm rất nghiêm trọng, lẽ đâu không khổ? Khổ là do chính mình chuốc lấy, không ai gây cho mình cả.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 37

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*y trì danh pháp môn thích Ngũ Trược Ác Thế*” (nương theo pháp môn trì danh để giải thích Ngũ Trược Ác Thế). Trong phần trên, chúng tôi đã giảng đến Ngũ Lợi Sử của Kiến Trược, đã giới thiệu về Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, hôm nay chúng ta xét đến điều sau cùng: Tà Kiến.

“*Bát¹¹ vô nhân quả, nghi ngộ chúng sanh, đọa nhập thâm khanh*” (Bài bác, cho rằng không có nhân quả, làm chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, rớt vào hầm sâu). Chúng ta phải chú tâm lãnh hội mấy câu nói này của Ngẫu Ích đại sư. Tà Kiến là gì? Trừ bốn loại kiến giải sai lầm lớn đã nói trong phần trên, tất cả hết thầy những kiến giải lầm lạc đều gộp vào loại này; phạm vi của loại này rất lớn, rất rộng. Nghiêm trọng nhất trong mọi kiến giải lầm lạc là không tin vào nhân quả báo ứng. Nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không).

Pháp thế gian và Phật pháp đều được kiến lập trên cơ sở nhân quả, đó là chân lý. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, đó là định luật tự nhiên, chắc chắn không có cách nào thay đổi hay biến đổi định luật tự nhiên. Các nhà khoa học hiện thời rất thông minh, họ muốn biến đổi tự nhiên,

¹¹ Bát (撥) có nghĩa là bài bác.

cũng đã làm được không ít chuyện. Nay họ nghiên cứu cơ cấu của động vật và thực vật, nhiều nhất là thực vật, biến đổi để đạt được giống tốt. Chúng ta thấy rất nhiều loại cây ăn quả, đúng là qua sự cải thiện của sức người, những loại ấy tăng trưởng rất to, rất ưa nhìn. Chẳng hạn như các loài táo, xoài, chúng ta thấy chúng đã được cải thiện giống loại (cải biến gene), nhưng sau khi cải thiện thì sao? Trái nghịch nguyên tắc tự nhiên, quả thật, nó tăng trưởng rất to, rất ưa nhìn, nhưng phẩm vị trước kia của giống ấy không còn nữa.

Bởi vậy, loại xoài rất lớn đã được cải biến gene, đem so với những quả thuộc loại thổ sanh thổ trưởng¹², chưa từng cải biến gene, thì loại sau không được dễ coi bằng, nhỏ xíu, nhưng mùi vị khác hẳn. Những thứ thực vật tùy thuận tự nhiên quả thật bổ dưỡng, có lợi đối với con người. Những thứ đã biến đổi gene, con người ăn vào trọn chẳng tốt lành gì, nhưng hiện tại con người vẫn chưa biết. Vì sao mấy năm qua dường như xuất hiện rất nhiều chứng bệnh kỳ quái? Có người hỏi tôi, tôi bèn tùy thuận lời cổ nhân nói để trả lời. Cổ nhân dạy chúng ta: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*”. Chẳng phải là do ăn những thứ đã được biến đổi gene nên mới sanh ra rất nhiều thứ bệnh chưa từng gặp hay chẳng? Quý vị thay đổi nguyên tắc tự nhiên, quy luật tự nhiên sẽ đáp trả bằng những tai nạn dữ dằn.

Nay ai nấy đều biết cây cối rừng rậm đóng vai trò cân bằng sinh thái trên địa cầu, tạo sự an toàn cho nhân loại, nó ngăn ngừa lụt lội. Hiện tại con người đã nhận biết: Chặt phá rừng rậm bừa bãi, phá hoại vành đai bảo vệ đất nước, khi nước lũ tràn dâng sẽ hình thành thủy tai. Trong quá khứ có thủy tai, nhưng không dữ dội, không xảy ra nhiều như thế, mà có thể chế ngự được một phần! Như vậy, quý vị muốn biến đổi sinh thái tự nhiên, muốn khống chế sinh thái tự nhiên, nhưng thiên nhiên bèn phản ứng lại, quý vị chịu đựng không nổi!

Do vậy, cổ thánh tiên hiền, thánh nhân tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc dạy chúng ta phải tùy thuận tự nhiên. Tùy thuận tự nhiên là khỏe nhất. Căn bản nhất là thân thể của chúng ta từ lúc sanh ra khỏi bụng mẹ vốn tự nhiên; con người hiện tại cũng muốn thay đổi nó! Thường thấy nhất là đi làm đẹp, đi sửa sắc đẹp, không chịu tùy thuận tự nhiên, cứ muốn thay đổi tự nhiên. Chúng tôi biết rất nhiều trường hợp sau khi sửa sắc đẹp bị những di chứng không thể tưởng tượng nổi, mang lầy rất nhiều đau khổ, rút ngắn tuổi thọ. Đó là gì vậy? Đó là quý vị phải trả giá

¹² Sanh trưởng tự nhiên, không qua đột biến gene, cũng không dùng hóa chất, phân bón hóa học để kích thích tăng trưởng.

cho việc phá hoại tự nhiên. Chán ghét tướng mạo, thể chất của mình không tốt đẹp thì có phương pháp để cải biến, dùng phương pháp nào vậy? Vẫn là tùy thuận tự nhiên để biến đổi, như vậy mới là chính xác!

Tướng mạo và thân thể của chúng ta do cha mẹ mà có, cha mẹ ban cho chúng ta cái Duyên, tức Tăng Thượng Duyên, còn Nhân là gì? Nhân là nghiệp lực của chính mình, [nghiệp lực gồm] Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Quan trọng nhất là Mãn Nghiệp, tức là những nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ. Tạo nghiệp bất thiện thì tướng mạo không đẹp, thể chất không tốt. Cải biến bằng cách nào? Phải tùy thuận pháp tắc tự nhiên để thay đổi mới là đúng; chẳng cần phải dùng đến sức người, cứ tùy thuận tự nhiên. Nay chúng ta đã hiểu đạo lý tự nhiên, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều nói: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Chúng ta muốn được tướng hảo thì phải chuyển biến bằng cách nào? Tâm tốt lành. Tướng chuyển theo tâm, tâm tốt, tướng bèn tốt. Tâm hồn khỏe mạnh, thể chất khỏe mạnh, thân thể khỏe mạnh theo. Đó là tùy thuận pháp tắc tự nhiên để cải biến, rất hợp lý!

Đạo của thánh hiền và đạo của Phật, Bồ Tát không có gì khác, đều nhằm giúp chúng ta cải thiện hoàn cảnh sống, cải thiện tướng mạo, cải thiện thể chất. Cải thiện hoàn cảnh sống quyết chẳng được dùng những hành vi do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của con người để thay đổi, phải hoàn toàn tùy thuận quy luật và đạo lý tự nhiên. Nhà Phật thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa nhà Phật, hữu cầu tất ứng). Cầu phú quý được phú quý, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ, cầu thành Phật bèn có thể được thành Phật, cầu sanh lên trời bèn có thể được lên trời, có cầu ắt ứng! Hoàn toàn tùy thuận quy luật tự nhiên, theo thuật ngữ nhà Phật thì là “*tùy thuận tánh đức*”. Tùy thuận tự tánh, tùy thuận pháp tánh thì may mắn hậu di chứng¹³ đều không có. Như vậy, chúng ta phải làm sao chuyển Tà Kiến thành Chánh Kiến, đó là học Phật.

Đức Phật đã chuyển trọn năm thứ Kiến ấy, nên chúng ta xưng tụng Ngài là bậc Chánh Tri Chánh Kiến; công phu của A La Hán là Chánh Giác. Do vậy, trong sự giáo dục của bậc đại thánh đại hiền thế gian hay xuất thế gian, trước hết phải dạy chúng ta nhận thức đạo lý nhân quả, phải hiểu rõ sự thật chân tướng của nhân quả báo ứng. Chúng ta mong cầu cái quả tốt thì phải biết tu cái nhân tốt: Gieo thiện nhân, đạt được thiện quả. Gây tạo ác nhân mà mong cầu thiện quả là trái nghịch

¹³ Hậu di chứng: Những hậu quả bất lợi nảy sinh sau đó.

quy luật tự nhiên, chắc chắn là sai lầm! “*Nghi ngộ chúng sanh*” (làm chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc). Đây là thực tế. Trong xã hội hiện tại, chúng ta thấy chúng sanh gây tạo chuyện bất thiện, tai nạn hung hiểm xảy ra liên miên không ngừng, ngày càng dữ dội hơn. “*Đọa nhập thâm khanh*” (Rớt xuống hầm sâu): Chữ “hầm sâu” chỉ quả báo trong tương lai, ví cho ba ác đạo. Tiến vào ba ác đạo dễ, thoát ra rất khó. Lại xem tiếp Phiền Não Trược là món trược thứ ba trong Ngũ Trược.

3) Phiền Não Trược: “*Ngũ Độn Sử tăng thịnh, phi tức phạm tâm thị Phật tâm chi hạnh (vô thủ, vô xả), tất bất năng độ*” (Ngũ Độn Sử tăng trưởng mạnh mẽ, không dùng cái hạnh ‘phạm tâm tức là Phật tâm’ (không lấy, không bỏ) ắt chẳng thể độ được). Ở phần trên đã giải thích ý nghĩa chữ Sử. Kiến Hoặc gọi là Lợi Sử vì chúng rất mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng dễ đoạn. Độn Sử rất mềm mại, không ương ngạnh, mạnh mẽ, sắc bén như thế, nhưng rất khó đoạn, nên mới nói “*dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng*”, phiền não mà! Phiền não nhiễm ô. Năm thứ Độn Sử này nêu nói theo ngôn ngữ hiện thời là “cách suy nghĩ lầm lạc”, chúng được gọi là Tư Hoặc. Năm thứ Lợi Sử ở phần trên là cách nhìn lầm lạc, nhìn vũ trụ, cuộc sống, hết thấy sự vật và con người bằng cái nhìn lầm lạc; còn Ngũ Độn Sử là suy nghĩ sai lầm, tư tưởng sai lầm vậy.

Do kiến giải và tư tưởng của quý vị lầm lạc, nên hành vi và ngôn ngữ của quý vị đương nhiên cũng sai trái. Ngôn ngữ và hành vi là tạo nghiệp (nghiệp gây tạo nơi thân và miệng), tư tưởng lầm lạc là Ý nghiệp. Ý nghiệp nhất định liên đới ngôn ngữ và hành vi; do vậy, thân - ngữ - ý nghiệp của quý vị đều tạo nghiệp, đều tạo tác bất thiện, làm sao quý vị cảm được quả báo tốt lành cho được! Vì thế, trong hoàn cảnh ấy, chúng ta muốn giải thoát, muốn vượt thoát sanh tử luân hồi, ở đây đại sư dạy chúng ta: “*Phi tức phạm tâm thị Phật tâm chi hạnh*” (Không dùng cái hạnh ‘phạm tâm tức là Phật tâm’). Ý nghĩa rất rõ ràng: Phải chuyển cái tâm phạm phu thành Phật tâm, Phật tâm tự tại, Phật tâm không lấy - bỏ, không có được - mất, Phật tâm tùy duyên, không phan duyên. Nếu chúng ta học được như vậy thì trong một đời này cuộc sống sẽ thực sự hạnh phúc, thực sự mỹ mãn.

Trong năm điều (Ngũ Độn Sử) thuộc Phiền Não Trược, thứ nhất là Tham, tức là xan tham (keo kiệt, tham lam). “*Bất năng khán phá, bất liễu nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Chẳng thể thấy thấu suốt, chẳng hiểu rõ hết thấy pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng). Tham là gốc bệnh của lục đạo chúng sanh trong chín pháp giới. Lục đạo chúng sanh tham đắm danh văn, lợi dưỡng, tham tài, sắc, ăn uống, danh

vọng, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, họ tham những thứ ấy. Trong bốn pháp giới cũng có tham, họ tham những gì? Tham Phật pháp. Nghĩa là họ đã phá được Ngã Chấp, nhưng vẫn còn Pháp Chấp; Pháp Chấp là chấp trước nơi pháp. Như vậy là chưa liễu giải chân tướng sự thật của vũ trụ vạn hữu. Nếu thực sự thông đạt hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu, xan tham bèn đoạn, không còn nữa! Kinh Hoa Nghiêm giảng chân tướng của vũ trụ vạn hữu rất thấu triệt, rất rõ ràng. Đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta sẽ dần dần hiểu rõ những sự việc này.

Hai câu tiếp theo, chúng tôi trích dẫn kinh Kim Cang: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Kinh Kim Cang nói như vậy. Giảng hai câu này cho thật thỏa đáng thì không những chẳng dễ, mà còn phải giải thích hết sức tỉ mỉ. Ở đây, chúng tôi chỉ nói đơn giản thế này: Pháp hữu vi là gì? Nói đơn giản nhất, đó là những pháp có sanh có diệt. Có sanh có diệt thì gọi là pháp hữu vi; bất sanh bất diệt thì gọi là pháp vô vi. Trong thế giới theo cảm nhận của chúng ta, quý vị nghĩ xem có thứ gì không sanh diệt? Động vật có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật (chúng ta nói tới tinh cầu) có thành - trụ - hoại - không. Nói chung, trong cảnh giới được tiếp xúc bởi lục căn, không có thứ gì chẳng phải là pháp sanh diệt.

Hữu sanh hữu diệt thì gọi là pháp hữu vi. Trong thế giới theo cảm quan của chúng ta, chỉ có một thứ chúng ta thấy rất rõ chẳng hiện tượng sanh diệt là hư không. Ngàn vạn năm trước hư không vẫn như vậy, ngàn vạn năm sau có lẽ cũng vẫn vậy. E rằng chỉ có mình hư không bất biến, ngoài hư không ra, không có gì bất biến cả. Những hiện tượng trong hư không cũng thiên biến vạn hóa, cũng là pháp sanh diệt! Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, đức Phật dạy: Những pháp ấy giống như mộng, huyễn, bọt, bóng, biến hóa không ngừng trong từng sát-na.

Cái gì thực sự bất biến? Năng Biến thực sự bất biến, phải biết hết thấy pháp hữu vi là cái được biến hóa (Sở Biến). Năng Biến là gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm dạy Năng Biến (chủ thể có công năng biến hóa) chính là tâm tánh. “*Chư pháp sở sanh*” (các pháp được sanh ra), chữ “*chư pháp*” bao gồm cả hư không, “*duy tâm sở hiện*” (chỉ là do tâm hiện), Tâm có thể hiện, Thức có thể biến. Tánh Thức có thể sanh, có thể biến, nhưng nó bất biến (bổn tánh bất biến), hết thấy vạn pháp đều do bổn tánh biến hiện ra. Nếu chúng ta hiểu rõ, thấu suốt chuyện này thì nhà Phật gọi đó là “minh tâm kiến tánh”, tham - sân - si - mạn đều đoạn sạch hết, quyết định chẳng sanh, hiểu rõ chân tướng sự thật. Trước khi hiểu rõ,

chắc chắn không thể đoạn hết được. Dầu quý vị dụng công tu hành mong đoạn trừ, thì có thể nói là “ngó sen dù gãy, tơ vẫn còn nối liền”, không dứt sạch được!

Do vậy, nếu quý vị có một công phu định lực kha khá sẽ chuyển được Kiến Trược. [Muốn đoạn] Phiền Não Trược nhất định phải mở mang trí huệ, tức là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*” mới hòng đoạn sạch. Do vậy, đoạn Tư Hoặc khó hơn đoạn Kiến Hoặc!

Kinh Hoa Nghiêm có một bài kệ như sau:

*Pháp tánh biến tại nhất thiết xứ,
Nhất thiết chúng sanh cập quốc độ,
Tam thế tất tại vô hữu dư,
Diệc vô hình tướng nhi khả đắc.
(Pháp tánh trọn khắp tất cả chỗ,
Hết thấy chúng sanh và cõi nước,
Ba đời thấy đều không còn sót.
Cũng không hình tướng để hòng được!)*

Bài kệ này chúng tôi đã giảng qua rồi. Nếu chúng ta thực sự biết rõ hết thấy các pháp là nhất niệm tự tánh, biết hết thấy chúng sanh đều là bạn lành đời trước, có cùng một Phật Tánh thì gọi là “*nhập Phật tri kiến*”. Đó gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, đó là “*kiến tánh thành Phật*”; phiền não, tập khí lẫn căn cội của nó đều bị chuyển biến. Vì vậy, tu hành là tu điều gì? Tôi phải nói thông tục cho mọi người thật dễ hiểu, quý vị sẽ hiểu rất dễ dàng: Tu để sửa đổi nghèo khó thành phú quý, tu để sửa đổi ngu si thành thông minh, trí huệ; tu để sửa đổi bệnh khổ thành mạnh khỏe, trường thọ. Quý vị hiểu điều này chớ? Đúng vậy, nguyên do quả thật là như vậy, quý vị phải thực sự hiểu rõ. Cái học vấn này quý vị có cần học hay không? Có muốn thực hiện phương pháp này hay không? Nếu quý vị làm được, sẽ có đại lợi ích.

Chúng ta muốn được giàu có, muốn được vô lượng vô biên của cải giống như chư Phật, Bồ Tát thì có được hay không? Phật, Bồ Tát trả lời khẳng định: “Quý vị vốn đã có sẵn! Của cải vô lượng vô biên trọn khắp hư không pháp giới”. Vì sao nay lại biến thành bần cùng như vậy? Là do quý vị đánh mất tự tánh “có thể hiện, có thể biến”, cho nên mới biến thành đáng thương như vậy. Chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát thấy quý vị rất giàu có, gia tài vạn ức! Nay quý vị bần cùng như kẻ ăn mày, thật đáng thương! Câu nói “*thật đáng thương*” ý vị rất sâu! Quý vị

chẳng thực sự lâm vào cảnh bần cùng đến mức như thế. Nếu quý vị thực sự lâm vào hoàn cảnh bần cùng như vậy, Phật, Bồ Tát sẽ chẳng thể thốt ra câu ấy. Quý vị gia tài vạn ức, nay phải ôm bát đi xin cơm, há chẳng phải là kẻ đáng thương, hồ đồ đến mức ấy hay sao? Vạn ức gia tài ở đâu vậy? Ở nơi tánh đức, tự tánh.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường giảng tự tánh có vô lượng trí huệ, trí huệ rốt ráo viên mãn, đức năng rốt ráo viên mãn, tướng hảo rốt ráo viên mãn, không khác gì chư Phật, Bồ Tát! Kinh Tịnh Độ nói đến A Di Đà Phật, kinh Hoa Nghiêm nói đến Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hết thấy chúng sanh hoàn toàn giống hết các Ngài, không sai khác tí ti nào! Hoàn cảnh sanh sống, nhà cửa của chúng ta là ở đâu? Trong Hoa Tạng, trong Cực Lạc. Hoa Tạng, Cực Lạc chính là nhà của chúng ta. Nay chúng ta cũng chẳng lìa khỏi nhà, chỉ là do mê nên không biết cái nhà của chính mình, không biết chính mình giàu có, cho nên mới khởi tham - sân - si - mạn.

Do mê muội, chúng ta mới mong cuộc sống giàu có, dư dật một chút, sống hạnh phúc một chút, nhưng nay chúng ta không có cách gì mình tâm kiên tánh, chưa giác ngộ, thì phải làm cách nào đây? Đức Phật dạy chúng ta “hành”! Quý vị phải khéo tu, Tu Đức tương ứng với Tánh Đức thì điều mong cầu sẽ hiện tiền. Ta muốn cầu giàu có thì cái nhân của giàu có là phải biết bỏ ra của cải. Quý vị phải nhớ kỹ nguyên tắc chung ấy. “Bỏ, được”, danh từ ấy chính là lời Phật dạy. Mọi người trong thế gian cũng đều nói: “Anh có bỏ ra được không?” Thật ra, Bỏ chính là nhân, Được là quả. Xả tài đắc tài, xả phước đắc phước. Xả chính là bố thí.

Nếu chúng ta muốn giàu có, hãy tu Tài Bố Thí. Muốn được thông minh, trí huệ, hãy tu Pháp Bố Thí. Muốn được mạnh khỏe, trường thọ, hãy tu Vô Úy Bố Thí. Vô Úy Bố Thí là cứu khổ, cứu nạn, thấy hết thấy chúng sanh khổ nạn, ta toàn tâm, toàn lực giúp đỡ. Làm như vậy thì quả báo là mạnh khỏe, trường thọ. Những gì đức Phật dạy trong kinh điển, nếu chúng ta có thể lãnh hội, thấu hiểu, có thể áp dụng vào những hành vi trong cuộc sống, thường ghi nhớ những lời giáo huấn ấy của đức Phật, niệm niệm không quên, hễ gặp cơ hội bèn nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Tài phải tán, tán ắt có tụ, tụ rồi lại phải tán. Tụ, tán vĩnh viễn tuần hoàn, vĩnh viễn chuyển biến. Càng tụ nhiều, lại càng tán nhiều, vĩnh viễn không dứt như thế, tương ứng với Tánh Đức, Tánh Đức sẵn có trong tự tánh sẽ hiện tiền. Đạo lý là như vậy.

Điều thứ hai trong Phiền Não Trược là sân khuê. “*Bất năng nhẫn*

nhục, bất liễu nhất niệm sân tâm khởi, hỏa thiêu công đức lâm” (Không thể nhẫn nhục, không hiểu một niệm sân tâm dấy lên sẽ đốt trụi rừng công đức). Trong kinh luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: Tham - Sân - Si gọi là ba độc phiền não. Lúc tôi giảng kinh cũng thường nói: Ba thứ này là virus nghiêm trọng nhất, bên trong có tam độc thì virus bên ngoài mới cảm nhiễm được. Nếu bên trong không có tam độc, dầu virus bên ngoài nghiêm trọng đến đâu cũng không thể cảm nhiễm. Phải hiểu đạo lý này! Đó là chân tướng sự thật. Đức Phật lại dạy chúng ta: Xan tham (keo kiệt, tham lam) là nghiệp nhân của nạ quý đạo, xan tham đọa nạ quý, sân khuê đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Ba hạnh nghiệp này là nghiệp nhân căn bản của ba ác đạo. Cũng có thể nói: Ba ác đạo có rất nhiều điều kiện, nhưng điều kiện hàng đầu, điều kiện quan trọng nhất chính là ba thứ này. Nếu chúng ta dẹp trừ được ba thứ độc trong tâm này, chắc chắn không đọa tam đồ.

Sân khuê nặng nề nhất, cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu”* (không nhẫn được chuyện nhỏ, ắt hư chuyện lớn). Sự việc thế gian hay xuất thế gian, chuyện lớn phải nhẫn nại lớn, chuyện nhỏ phải nhẫn nại nhỏ. Người nào không thể nhẫn được, sẽ chẳng thể thành tựu pháp thế gian hay xuất thế gian nào cả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát những nhân vật quanh ta, ai có lòng nhẫn nại rất lớn, có thể nhẫn nhục, người ấy sẽ có thành tựu lớn lao. Ai cái gì cũng không thể nhẫn được, chúng ta biết kẻ đó chẳng thể thành tựu pháp thế gian hay xuất thế gian nào. Vì sao? Kẻ ấy không có tâm nhẫn nại! Ta thường nói là “không chịu đựng nổi khảo nghiệm, rất khó thành tựu!” Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dạy một câu: *“Nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn”* (Hết thảy pháp thành tựu bởi Nhẫn). Chúng ta muốn hoàn thành công việc thì phải dùng người, dùng người rất trọng yếu! Dùng người mà muốn quan sát xem có thể trọng dụng kẻ đó được hay không thì hãy nhìn vào ba chữ tham - sân - si. Nếu người ấy không tham, không sân, không si, người ấy đáng trọng dụng. Nếu người ấy xan tham không đoan, tâm sân khuê rất nặng, chẳng thể nhẫn nhục, chẳng thể trọng dụng con người như vậy được! Nếu trọng dụng, nhất định sẽ làm hỏng việc, làm lỡ việc. Biết người, khéo dùng người, đó là Đại Học vấn đấy!

Không thể nhẫn nhục là vì không hiểu rõ lời đức Phật đã dạy: *“Nhất niệm sân tâm khởi, hỏa thiêu công đức lâm”* (Một niệm sân tâm khởi, đốt trụi rừng công đức). Do vì công đức chẳng dễ tu, chúng tôi thường nêu lên câu nói này rất nhiều lần. Trong mười mấy năm qua, trên

giảng dài tôi thường cảnh tỉnh các đồng học: Nhất định không được sân khuê! Có sân khuê thì người khác bị tổn hại rất ít, chính mình bị thiệt hại quá lớn. Vì sao? Khiến cho toàn bộ công đức chính mình đã tu bị hủy hoại sạch. Kinh Phật tỷ dụ: Công đức của quý vị đã tu giống như chính quý vị trồng một cánh rừng. Quý vị thấy đó: Nếu muốn gầy dựng một khu rừng, phải dùng bao nhiêu tâm huyết, tốn bao nhiêu thời gian vun quén cho mầm cây lớn trở thành cây to. Một cuộc đất trở thành rừng rậm há dễ dàng ư? Nhưng chỉ cần một mối lửa đủ để thiêu trụi toàn bộ cánh rừng ấy!

Những chuyện như vậy nay chúng ta thường nghe tin tức ở địa phương này nọ lửa lớn cháy núi, rừng rậm cả trăm ngàn năm bị lửa đốt sạch. Đức Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ, chúng ta tu công đức không dễ dàng, vừa nổi máu nóng, công đức mất sạch. Công đức là gì? Công đức là Giới - Định - Huệ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Giới - Định - Huệ là công đức. Vừa nổi nóng, Giới - Định - Huệ đều không còn nữa, mất sạch. Người tu hành sợ nhất là nóng giận, công phu cũng rèn luyện ở chỗ này: Thuận cảnh chẳng khởi tham luyến, nghịch cảnh chẳng khởi sân khuê. Thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều có thể giữ được cái tâm bình thường thì người ấy công đức thành tựu.

Kinh Duy Ma nói: “*Bình thường tâm thị đạo*” (Tâm bình thường là đạo), không phải là tiểu đạo mà là đại đạo! Chúng tôi gọi đó là “tâm thanh tịnh, bình đẳng”. Quý vị hãy nghĩ xem: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. “Tham - sân - si - mạn - nghi” năm chữ ấy phạm phải một chữ nào thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều không còn; một chữ cũng không được phạm! Chúng tôi thường gọi năm điều ấy là chân tâm, là đại Bồ Đề tâm, phải thường gìn giữ! Ta niệm niệm đều là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, quyết định tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là chân tâm của ta. Nay ta mê mất chân tâm, nay muốn khôi phục chân tâm của chính mình, muốn khôi phục thì phải niệm đầu nghĩ đáy, niệm niệm không quên, niệm niệm không rời. Bất luận trong cảnh giới nào cũng có thể giữ được chân tâm, giữ được sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, luôn đề cao cảnh giác.

Người mới vừa học Phật, vừa mới dựng công, nói chung thời gian giác ít, thời gian mê nhiều. Cổ nhân nói rất hay: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm là mê! Không sợ mê nổi lên, chỉ sợ giác (nhận biết) quá chậm! Chẳng hạn như

khi ta gặp phải thuận cảnh thiện duyên, trong tâm vừa hoan hỷ bèn lập tức giác ngộ: Hoan hỷ thì được, nhưng không thể tham luyến! Biết “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), niệm câu ấy mấy lượt. Kinh Kim Cang còn có câu “*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), niệm mấy câu ấy tâm bèn bình, hoan hỷ thì được, chẳng được tham luyến. Gặp phải nghịch cảnh, ác duyên, tâm sân khuê sanh khởi, cũng phải ngay lập tức niệm: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Tâm bình khí hòa thì quý vị mới giữ gìn được cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, mới hồng gìn giữ được! Giữ gìn được thì sẽ là Phật, Bồ Tát. Không thể giữ gìn, để tham - sân - si, mạn, nghi sanh khởi trong tâm thì là phạm phu.

Tham - sân - si, mạn, nghi là căn bản của lục đạo; lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do những thứ này biến hiện, tức là tham - sân - si, mạn, nghi biến hiện lục đạo luân hồi. Nếu chuyển được tham - sân - si, mạn, nghi, chuyển thành chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì lục đạo không còn nữa, quý vị đã vượt thoát lục đạo. Không những vượt thoát lục đạo mà còn vượt thoát mười pháp giới, đi về đâu? Đi về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Hoa Tạng, đến Nhất Chân pháp giới rồi!

Quý vị phải hiểu: Công đức của chính mình tu học được, bất cứ ai cũng không thể phá hoại, vậy thì ai có thể phá hoại? Chính quý vị tự phá hoại! Do vậy, ma vương, ngoại đạo trông thấy quý vị tu công tích đức, chúng phá hoại quý vị bằng cách nào? Biến hiện đủ mọi cảnh giới để dụ hoặc khiến quý vị khởi tâm tham, khởi tâm sân khuê, khác nào chúng nó ở bên cạnh nhìn quý vị nổi nóng: “Tốt lắm! Cháy nhanh lắm! Công đức của nhà người cháy sạch hết rồi!” Quý vị bị mắc lõm, tự mình đốt mình, chứ chúng nó không có cách gì cả! Như vậy, đối với thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, chúng ta phải có trí huệ để đối đãi bằng lý trí, nhất định không được xử sự theo cảm tình, hành động theo cảm tình là bị mắc lừa rất nặng.

Tham - sân - si là nhân, tam đồ là quả báo. Quý vị tạo cái nhân ấy thì tương lai sẽ đọa tam ác đạo, nhất định chẳng được mắc lừa. Trong kinh giáo, đức Phật dạy chúng ta: Mấu chốt là chính mình phải biết chuyển biến. Kinh Lăng Nghiêm dạy rất hay: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (nếu có thể chuyển được vật thì giống như Như Lai). Lời này để nói với ai vậy? Nói với Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân Bồ Tát hiểu rõ, chứ lục đạo chúng sanh không hiểu. Vì thế, Pháp Thân Bồ Tát có thể chuyển được cảnh giới, chuyển bất thiện thành thiện, chuyển

niêm ô thành thanh tịnh, đều tương ứng với Tánh Đức, hay vậy đó! Chúng ta học được bản lãnh ấy, sẽ không sanh sân khuê nữa!

Việc này rất khó, nhất là oan gia đối đầu, kẻ đó thường hủy báng mình, lăng nhục mình, phá hoại mình, ta trông thấy kẻ ấy, nghe đến tên kẻ ấy, bèn nổi nóng, chúng ta thường nói đó là “chuyện thường tình của con người”. Thế nhưng Phật, Bồ Tát khác với chúng ta; Phật, Bồ Tát trông thấy kẻ khác bày đủ mọi cách, nhưng nghe đến danh hiệu của họ hoặc nghe lời họ hủy báng, các Ngài chẳng những không nổi nóng, lại còn sanh tâm cảm kích. Do vì nguyên có nào? Có sao lại sanh tâm cảm kích? Kẻ ấy có tốt gì với mình đâu cơ chứ? Phật, Bồ Tát bảo: “Kẻ ấy tiêu nghiệp chướng thay cho ta! Mỗi một chúng sanh chúng ta trong vô lượng kiếp đã luân hồi sanh tử trong lục đạo, tạo không biết bao nhiêu tội nghiệp. Người ấy tiêu nghiệp chướng cho ta, ta cung cung kính kính cảm kích người ấy, không nẩy sanh chút tâm sân khuê nào”. Đó là gì? Phải là bậc giác ngộ, bậc minh bạch mới có thể làm như vậy được; còn người mê hoặc, người không giác ngộ sẽ không thể làm nổi. Do vậy, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, nghịch duyên đều là thiện tri thức, đều giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, giúp chúng ta thành Phật đạo.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp điều thứ ba trong Phiền Nã Trược là Si: “*Bất năng minh giác*” (chẳng thể minh giác), “*minh*” là minh bạch, “*giác*” là giác ngộ. “*Bất liễu chư hành vô thường, tất cánh không tịch*” (chẳng hiểu các hành vô thường, rốt ráo không tịch). “*Si*” là ngu si, nói thông thường là không có năng lực hiểu rõ vũ trụ vạn hữu là chân hay giả. Thế nào là chân? Thế nào là giả? Thế nào là tà? Thế nào là chánh? Thế nào là đúng? Thế nào là sai? Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thế nào là lợi? Thế nào là hại? Chẳng thể phân biệt, chẳng thể hiểu rõ, đó là ngu si. Ngu si tạo thành tổn hại rất nặng nề. Vì sao? Vì luôn luôn sai lầm, coi giả là thật, tưởng thật là giả.

Chúng tôi nêu một thí dụ rõ ràng nhất: Giáo huấn của cổ thánh tiên hiền là thật, là chánh, là lành, là lợi; kẻ ấy hiểu lầm, cho giáo huấn của cổ thánh tiên hiền là giả, nhằm phục vụ đế vương chuyên chế thuở xưa kia, là lừa dối chúng sanh, chẳng tốt lành gì cho hiện tại, không có lợi ích gì, cho nên phủ định, vứt bỏ, [thái độ và cách nghĩ ấy] tạo thành

tai nạn trọng đại cho xã hội ngày nay, nhưng họ không biết căn nguyên tai nạn là đâu? Quy kết về cội nguồn thì chính là Si, không có trí huệ thực sự! Làm sao để có thể chuyển ngu si thành trí huệ? Chuyển được là Phật, Bồ Tát, không chuyển được thì là phàm phu! Si là căn bản của hết thảy ác nghiệp, vì thế, đức Phật gọi tham - sân - si là ba độc phiền não, ba thứ ấy chính là đại căn bản của hết thảy sự bất thiện. Chuyển được ba thứ ấy thành ba thiện căn “không tham, không sân, không si”; đức Phật dạy hết thảy thiện pháp thế gian đều do ba thiện căn “không tham, không sân, không si” sanh ra.

Chúng ta học Phật không thể vượt thoát thế gian thì tối thiểu phải biết tu ba thiện căn. Vì sao? Trong lục đạo, nhất định chẳng đọa trong tam ác đạo! Người thường tu ba thiện căn nhất định sanh vào thiên đạo, bởi lẽ, nhân gian không có phước báo lớn lao như thế, phải lên trời hưởng phước. Nếu đem phước báo ấy hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, sẽ chắc chắn được vãng sanh, vì sao? Kẻ ấy là thiện nhân, Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi các thượng thiện nhân cùng nhóm họp, người ấy tâm lành, tư duy lành, hành vi lành, nhất định được sanh. Ở đây, câu nói sau đây của Ngẫu Ích đại sư có ý nghĩa rất sâu xa: “*Bất liễu chư hành vô thường, tất cánh không tịch*” (Chẳng hiểu các hành vô thường, rốt ráo không tịch). Nói cách khác, người ấy thực sự hiểu rõ: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Tư tưởng của người ấy là trí huệ, kiến giải là trí huệ, ngôn hạnh là trí huệ, tất nhiên phát sanh trí huệ, trước hết là không tham, nhất định không si, đó là điều khẳng định!

Loại phiền não lớn thứ tư là Mạn. Mạn (慢) là ngạo mạn. Quý vị phải nhớ kỹ: Mạn là phiền não căn bản, là phiền não rất nghiêm trọng, quyết định chẳng được coi thường, chẳng thể bỏ qua, nó là chướng ngại nghiêm trọng trong việc tu hành chứng quả. Quý vị hãy suy nghĩ vì sao trong Phật pháp phải hằng ngày tu hành lễ kính; nguyện đầu tiên trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”? Chúng ta vào Phật đường, vì sao trước hết phải đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát lễ ba lạy? Làm như vậy để làm gì? Nhằm tu đoạn trừ ngạo mạn. Dùng đánh đầu của chúng ta lễ dưới hai chân Phật nhằm chiết phục sự ngạo mạn của chính mình. Sự giáo học ấy rất tiếc ít người hiểu được ý nghĩa thực sự, chỉ cung kính Phật, chứ không cung kính người, đối với hết thảy vạn vật lại càng không biết cung kính, như vậy là gì? Là không biết lễ Phật!

Cổ nhân có tỷ dụ sau đây: Người không biết tu lễ Phật, ngày ngày

lễ Phật như cái chày giã gạo thời cổ, quả thật giống như cái chày cứ nhắc lên, đập xuống, không có mảy may ý nghĩa gì cả! Phật pháp đúng là từng giọt, từng điểm, từng phía, từng mặt đều là giáo học, là giáo dục! Dạy quý vị đối với Phật hết sức cung kính như thế thì ứng dụng trong cuộc sống, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, chúng ta phải cung kính và lễ kính giống hệt như đối với chư Phật Như Lai, có ý nghĩa như thế ấy! Nhằm nhổ trừ tận gốc phiền não ngạo mạn (ngạo mạn là phiền não căn bản), thực sự học được một môn công khóa này thì sẽ thực sự đắc lực. Ngày nào đó, đối với hết thầy người, hết thầy vật, hết thầy sự, quý vị đều có thể khiêm hư, đều nhún nhường thì đã tốt nghiệp công khóa ấy. Quý vị thấy Thích Ca Như Lai, những vị đại Bồ Tát, các vị Pháp Thân Bồ Tát, có vị nào còn tập khí ngạo mạn hay chẳng? Có vị nào tự cho mình là đúng hay chẳng? Không hề có!

Qua kinh điển, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đối với kẻ bần cùng, già bệnh, ăn xin, Ngài đều lễ kính, đều tôn trọng, đều quan hoài, đều chiếu cố, không hề có mảy may thái độ khinh mạn. Thấy như vậy xong, lại nghĩ chúng ta thường ngày xử sự, đãi người, tiếp vật, [hễ thấy] tự mình có tí tẹo hay ho gì bèn học theo quan niệm làm lạc của người thế gian, “*cảm thấy rất đáng kiêu ngạo*”. Đó là quan niệm của lục đạo. Quan niệm của những kẻ nào trong lục đạo? Quan niệm của yêu ma quỷ quái, chứ bậc thánh hiền, quân tử trong lục đạo không hề có quan niệm ấy, các vị biết khiêm hư, biết tôn kính người khác. Ngạo mạn, không để ai vào mắt, coi thường người khác, tự cho mình là đúng, đấy là ma đạo, chứ nào phải Phật đạo hay Bồ Tát đạo! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát không có quan niệm ấy, mà thì có, yêu ma quỷ quái tự cho mình là đúng. Bởi vậy, chính mình phải thường tự quán sát ta đang đi theo con đường nào? Nếu trong tâm mình có năm thứ kiến giải làm lạc, năm thứ tư tưởng sai lầm thì chúng ta đang đi trên con đường luân hồi, chứ không phải là Phật đạo, không phải là Bồ Tát đạo! Ngay cả trong Thanh Văn đạo cũng đã đoạn những quan niệm ấy.

Đoạn được năm thứ kiến giải làm lạc trước (tức Ngũ Lợi Sử) bèn chứng quả Tu Đà Hoàn; đoạn được năm thứ phiền não sau (tức Ngũ Độn Sử) thì chứng quả A La Hán, năm điều ấy là tư tưởng sai lầm. Do vậy, biết rằng: Phải sửa đổi kiến giải, tư tưởng sao cho không còn làm lạc. Không còn làm lạc nữa thì sẽ vượt thoát lục đạo. Đối với quý vị, những chiều không gian khác nhau trong lục đạo không còn nữa vì quý vị đã vượt thoát rồi. Do vậy, chúng ta phải thường xuyên phản tỉnh, phải quán

chiều xem bản thân mình có những kiến giải lầm lạc, có những tư tưởng lầm lạc như vậy hay không? Nếu vẫn còn, dù hằng ngày niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh!

Vì sao? Tuy nói vãng sanh là đời nghiệp vãng sanh, nhưng cô đức thường nói: “*Mang theo nghiệp cũ, chẳng tạo nghiệp mới*”, nay chúng ta vẫn có những thứ đó, sẽ không đời nghiệp được, sẽ chẳng thể vãng sanh. Trong quá khứ có thì được, mang đi theo được! Cô nhân thường khuyến khích chúng ta: “*Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chớ lại tạo họa mới*”. Đó là ý nghiệp! Trong tâm khởi lên cách nhìn sai lầm, cách nghĩ sai lạc, đó là ý nghiệp, ý tạo nghiệp đấy! Trong thân - khẩu - ý nghiệp, ý nghiệp nghiêm trọng nhất, sức nó mạnh mẽ nhất, chúng ta chẳng thể không biết, chẳng thể không hạ công phu nơi đó.

Con trai Thích Ca Mâu Ni Phật là tôn giả La Hầu La xuất gia từ nhỏ. Trong Tăng đoàn, có lẽ Ngài là tiểu sa-di nhỏ tuổi nhất. Mọi người thấy Ngài hằng ngày chơi đùa bên ngoài, đức Phật biết Ngài tu mật hạnh. Gọi là “*mật hạnh*” vì người ta không thấy Ngài biểu hiện ra ngoài, dụng công trong tâm. Chúng ta học Đại Thừa, nhất là học Tịnh Độ, học Hoa Nghiêm, hằng ngày nói Phật tánh bình đẳng, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh bình đẳng. Do vậy, đối với bất cứ chúng sanh nào (“*chúng sanh*” nói ở đây là hữu tình chúng sanh, nay chúng ta gọi là “*động vật*”) phải tôn trọng, phải quan hoài, phải hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, chẳng thể đối xử bằng ác niệm, chẳng thể dùng hành vi ác để đối đãi, nhất định phải biết đối xử hòa thuận.

Sự hòa thuận phát xuất từ nội tâm, hòa là tánh đức, tự tánh vốn là hòa mục, vì sao không hòa? Là vì quý vị nhiễm phiền não tập khí, nhiễm trước tự tư, tự lợi nghiêm trọng, ngộ nhận người khác gây tổn hại đến quyền lợi của chính mình, ta cùng người bất hòa, hiểu lầm hết sức nghiêm trọng. Phải biết tánh đức là bình đẳng, ai có thể tổn hại lợi ích của quý vị? Không hề, không có ai cả! Ai tổn hại lợi ích của mình? Bản thân mình có quan niệm sai lầm, tư tưởng sai lầm, nên lợi ích của chính mình bị tổn hại, chứ bên ngoài quả thật không có. Nếu nghĩ người khác làm tổn hại mình thì quý vị đúng là kẻ oan uổng. Chính quý vị tạo tội nghiệp nghiêm trọng, tự chướng ngại lợi ích của chính mình. Đạo lý này rất sâu, người hiện tại thực sự không có nhiều người biết đến. Trước kia, người biết lý này không ít, bậc hiền thánh dạy, người già cả dạy, cha mẹ dạy, thầy dạy, có người chỉ dạy mình, nay không có ai dạy cả!

Trong vòng vũ trụ, mọi thứ tác động lẫn nhau, nhất định không có ngoại duyên có thể gây chướng ngại, nhất định phải hiểu đạo lý này! Hễ

nghĩ người bên ngoài có thể chướng ngại mình thì chắc chắn là cách nghĩ, cách nhìn lầm lạc. Nếu người ngoài có thể chướng ngại mình thì đương nhiên người ngoài cũng có thể thành tựu mình. A! Phật, Bồ Tát là người ngoài, Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, ắt các Ngài thành tựu mình, mình đâu cần phải tu hành nữa! Nếu Phật không đến giúp ta thì Ngài không từ bi, đã trái nghịch bốn nguyên. Muốn liễu giải chân tướng sự thật thì hãy nhìn vào hội Lăng Nghiêm: A Nan là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong tám người anh em họ của Ngài, Thích Ca Mâu Ni Phật là người lớn nhất, tức đại ca, A Nan là em nhỏ nhất, đức Phật cũng yêu mến A Nan nhất. A Nan gặp phải nạn Ma Đăng Già nữ mới hiểu đức Phật có giúp Ngài được hay không? Không thể! Đúng là cha con trèo núi mỗi người phải tự nỗ lực, ai ăn nấy no, chuyện này người khác không thể làm thay được!

Như vậy, trong đời này, nếu quý vị nói người khác hại mình, không có chuyện đó đâu. Người mê ắt cũng gât đầu: “Kẻ đó hại anh, có lỗi với anh!” Người giác ngộ cười cợt: “Ai hại quý vị đâu? Tự mình hại mình!” Sao tự mình lại hại mình? Quý vị thường nghĩ kẻ nào đó hại mình, quý vị sẽ thực sự bị kẻ ấy hại. Thật ra, kẻ ấy trọn chẳng hại quý vị, chỉ là chính mình nẩy sanh hiểu lầm, chính mình có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy hại mình lắm lắm! Người giác ngộ không như vậy, người ta dựng chuyện hủy báng mình, hủy nhục mình, hãm hại mình, mình đã giác ngộ, đã minh bạch, bèn chuyển biến ý niệm, cảm tạ kẻ ấy, anh tiêu nghiệp chướng cho tôi, tặng phước huệ cho tôi, nâng cao cảnh giới cho tôi. Người giác ngộ là như vậy đấy! Quý vị thấy một đấng giác, một đấng mê, sai biệt lớn dường ấy. Những ngoại duyên bên ngoài tùy thuộc cách nhìn, cách nghĩ, cách làm của quý vị như thế nào; nếu quý vị thấy lầm, nghĩ lầm, làm sai, quý vị sẽ bị tổn hại, chính mình tổn hại mình. Nếu cách thấy chính xác, cách nghĩ chính xác, cách làm chính xác, sẽ tự mình nâng cao cảnh giới của chính mình.

Như vậy, ngoại duyên đều là thiện duyên; tự mình nghĩ sai, thấy sai, làm sai, ngoại duyên bèn thành ác duyên; chứ thật ra, duyên bên ngoài không có thiện hay ác. Ngẫu Ích đại sư nói một câu không sai chút nào: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (Cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu vốn do tâm), đúng là nói ra chân tướng sự thật, nói rất rõ ràng. Do vậy, ngạo mạn là đại phiền não, khiêm hạ là đại công đức; hãy nên khiêm hư, hãy nên nhún nhường, khiêm tốn trước mặt người khác. Thường học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, thường học theo Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử đối với người khác khiêm hư, quý vị thấy các

học trò của Ngài, rất nhiều học trò của Ngài cùng nêu nhận xét về thầy mình. Họ cùng nhất trí công nhận thầy có năm đức, năm thứ đức hạnh ấy mọi người không có. Sách Luận Ngữ ghi là “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*” (ôn hòa, thiện lương, cung kính, tiết kiệm, nhường nhịn).

Phu Tử ôn hòa, thiện lương, cung kính, đối với bất cứ người hay sự vật nào, Khổng lão phu tử cũng đều cung kính. Ngài tiết kiệm, nhường nhịn, không hề có mảy may thái độ kiêu mạn nào. Lúc nào, chỗ nào, Ngài cũng cảm thấy mình không bằng người khác, tự mình học không đủ, khiêm hư, nhường nhịn. Biết Phật tánh của hết thầy chúng sanh là bình đẳng thì ý niệm ngạo mạn tự nhiên không còn, đây chính là như đức Phật thường giảng trong kinh Đại Thừa: “*Nhất thiết chúng sanh giai vi ngã quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật*” (Hết thầy chúng sanh đều là cha mẹ ta trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai). Nghĩ đến điều này, tâm cung kính bèn sanh khởi, chân tâm lễ kính chư Phật bèn sanh khởi. Quả thật, trong thế gian này, chúng ta chẳng chỉ có một đời, một kiếp, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Chúng ta cùng hết thầy chúng sanh đều có liên quan, có quan hệ mật thiết, dầu trong đời này không biết nhau, nhưng nhiều đời nhiều kiếp trước chắc cũng là người một nhà.

Tại phương Tây cũng có không ít nghiên cứu khoa học, quá nửa là trong thế kỷ này, nghiên cứu đời trước, đời này; phong trào nghiên cứu về sự luân hồi ở phương Tây đang được bắt đầu. Chúng tôi thấy rất nhiều báo cáo khẳng định con người quả thật có đời trước, chứng minh lời Phật dạy là chính xác, không phải là vọng ngữ. Trong tương lai, những chúng sanh ấy đều là chư Phật vị lai. Vì sao? Họ có Phật tánh. Chúng ta biết những chúng sanh ấy bao gồm cả muỗi, kiến, những loài động vật nhỏ nhoi ấy đều là cha mẹ ta trong quá khứ, đều là vị lai chư Phật; chúng ta thấy được như vậy thì cái tâm ngạo mạn không còn nữa. Đó là thực sự tu hành!

Chữ cuối cùng là Nghi, tức ngờ vực. “*Bất năng quyết đoán, bất liễu thị thiện tắc khả thân, thị đạo tắc khả tán*” (Chẳng thể quyết đoán, chẳng hiểu sự lành có thể thân cận, chẳng hiểu đạo có thể noi theo). Kinh Đại Thừa nói Nghi là chướng ngại lớn nhất trên con đường Bồ Tát. Nghi là gì? Ngờ vực lời thánh nhân răn dạy, quả thật là đại chướng ngại, bỏ lỡ cơ hội trong đời này. Đoạn nghi sanh tín! Phá nghi bằng cách nào? Bằng trí huệ! Trí huệ chẳng mở mang thì không có cách gì phá trừ nghi hoặc. Có như vậy rồi thì quý vị mới có năng lực quyết đoán, thân cận thiện pháp, thân cận thánh hiền, mới hồng đạt lợi ích, thành tựu đạo đức của chính mình, thành tựu học vấn của bản thân, nâng cao được cảnh

giới của chính mình.

Sự việc sung sướng nhất trong một đời người là thân cận thiện pháp, thân cận thánh hiền, niềm sung sướng này trong xã hội hiện tại càng ngày càng hiếm, vì sao? Người đọc sách thánh hiền không còn. Trong xã hội hiện tại, người đọc sách thánh hiền bị người đời nhìn như thế nào? Kẻ cô hủ, không hợp thời, không thiết thực! Do mọi người đều nhìn mình bằng con mắt khác lạ, những kẻ cô hủ cũng cảm thấy cảm khái muôn ngàn.

Biết thế gian biến huyền vô thường, hết thầy biến huyền đều là duy thức sở biến. Thức là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta chú tâm quan sát cách họ nghĩ, cách họ phân biệt, cách họ chấp trước là chánh diện hay nghịch diện, có tương ứng với quy luật tự nhiên hay không. Kinh Phật gọi quy luật tự nhiên là “*tánh đức*”, Nho gia gọi là “*bổn thiện*”. Sách Đại Học giảng là “*minh đức, tân dân, chỉ u chí thiện*”. Tương ứng với những điều đó, thế giới này sẽ tốt đẹp; trái nghịch những điều đó thì thế giới này tất nhiên có tai nạn dữ dội. Cát - hung, họa - phúc phát xuất từ sự khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của đại chúng trong xã hội; thấy được rõ ràng, minh bạch [điều này] thì là bậc trí giả, là người có trí huệ.

Chịu phát tâm giúp hết thầy đại chúng phá mê khai ngộ, người như vậy được gọi là Nhân Giả (bậc có lòng nhân), thực sự nhân từ, biết điều không thể làm được mà vẫn làm. Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế, Khổng lão phu tử cũng là người như thế. Từ lịch sử, chúng ta có thể thấy, nhìn từ thời đại của Phật Thích Ca, Khổng Tử trở đi mãi cho đến ngày nay, trong ba ngàn năm, mực độ luân lý đạo đức không ngừng hạ xuống, chưa hề được nâng lên. Lúc tại thế, Khổng lão phu tử đã hết sức cảm thán. Luân lý đạo đức của con người trong xã hội thời ấy, nếu đem so với thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang, kém hơn một mức độ rất lớn. Thế nhưng nếu nhìn từ thời đại Khổng lão phu tử cho đến hiện thời, có thể nói là chìm đến tận đáy. Đến tận đáy nghĩa là sao? Hoàn toàn không còn gì nữa!

Trong thế giới ngày nay, nói thật ra, toàn bộ xã hội khởi tâm động niệm quả thật là tham - sân - si, mạn, nghi một trăm phần trăm. Trong thời đại thượng cổ, vào thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang, lòng người trong cả xã hội không có tham - sân - si, mạn, nghi. Tâm con người thời ấy như thế nào? Vô tham, vô sân, vô si, vô mạn, vô nghi, một trăm phần trăm là thiện căn. Ngày nay, một trăm phần trăm là Tam Độc, nói gộp lại là Ngũ Độc. Thời gian này bất quá là bốn hay năm ngàn năm, vào thời

đại trước bốn hay năm ngàn năm ấy, nếu chúng ta dùng con số năm để tính toán, tức là dùng năm thiện căn [để luận định] thì tâm của toàn bộ đại chúng trong xã hội [thời ấy] đều giữ năm thiện căn. Năm ngàn năm sau, tức hiện thời, đại chúng trong xã hội toàn là ngũ độc!

Hiện tại không có khả năng phân biệt thiện - ác, không có năng lực phân biệt chánh - tà, quý vị nói phải làm cách nào đây? Làm chuyện tốt, không những người ta chẳng cảm kích, trái lại còn oán hận, còn muốn tổn hại mình. Nên làm hay không? Vẫn cứ phải làm, chẳng thể không làm! Chúng ta làm, chúng ta biết mình tu được một chút phước, chẳng hưởng trong thế gian này, thế gian này không có phước. Sẽ hưởng ở đâu? Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hưởng phước trong thiên đạo. Người thực sự minh bạch, người thực sự giác ngộ biết thiên đạo không phải là rốt ráo, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, lấy “đoạn ác, tu thiện” để làm tư lương tu Tịnh Độ. Người khác đối với mình bất thiện, ta dùng sự chí thiện đối đãi họ; người khác dùng hư nguy đối với mình, mình dùng lòng chân thành đối với họ, ai đi đường nấy! Quý vị hỏi: “Tôi vì sao phải làm như vậy” ư? Ta đi theo đường Bồ Đề, ta đi theo con đường Bồ Tát, người ta đi theo đường lục đạo, ai đi đường nấy. Tiêu chuẩn của mỗi một con đường khác nhau, ta chẳng thể bỏ tiêu chuẩn của mình. Nếu ta bỏ tiêu chuẩn của mình là hỏng. Đoạn này chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Lại xem tiếp điều thứ tư là Chúng Sanh Trược.

4) “*Kiến Tư sở cảm, thô tộ Ngũ Ấm hòa hợp, giả danh chúng sanh, phi hân yếm chi hạnh, tất bất năng độ*” (Do Kiến - Tư cảm lấy năm ấm thô xấu hòa hợp, giả gọi là chúng sanh, không có hạnh ưa [cõi Cực Lạc] chán [ghét Sa Bà], ắt chẳng thể độ được). Danh từ “*chúng sanh*” vốn có nghĩa là các hiện tượng do các duyên hòa hợp lại mà sanh khởi, nên gọi là chúng sanh. Trong kinh Phật thường gọi chúng ta là “*chúng sanh*”, cách xưng hô này hay lắm. Vì sao? Từ cách xưng hô, chúng ta được cảnh tỉnh, khiến chúng ta hiểu được chân tướng sự thật. Thân thể của chúng ta là hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, nói trắng ra là không phải thật. Các duyên hòa hợp thì hiện tượng này tồn tại; nếu các duyên phân tán, hiện tượng ấy không còn tồn tại nữa. Chớ nên coi đó là thật, coi là thật thì tức là sai rồi!

Hiện tượng này do đâu mà có? Câu đầu tiên giảng rất hay: “*Kiến Tư sở cảm*” (Do Kiến - Tư cảm lấy), Kiến - Tư chính là duy thức sở biến, cũng là như trong giáo pháp Đại Thừa đức Phật thường dạy: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thầy pháp từ tâm tướng mà sanh).

Thân thể của chúng ta cũng sanh từ tâm tưởng, Kiến Tư là tâm tưởng, chính là Thức biến. Hết thấy các pháp đều sanh từ tâm tưởng, đây là chân tướng của sự thật trong vũ trụ. Một lời của Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói toạc chân tướng của sự thật trong vũ trụ, khiến cho chúng ta hiểu rõ, tỉnh ngộ. Do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, hiện thành tướng, chẳng thể nói là có, cũng chẳng thể nói là không. Nếu nói là không, rõ ràng hiện tượng tồn tại, quý vị thấy - nghe - hay - biết, quý vị có thể cảm nhận, tiếp xúc được! Nếu nói là có, nó “*sanh ra từ đâu, sẽ diệt tận nơi đó*”, sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm không ngừng. Vì thế, chẳng thể nói là không, cũng chẳng thể nói là có; quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Thô tộ Ngũ Âm hòa hợp*” (Năm Âm thô xấu hòa hợp), năm Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trước hết, chúng tôi giải thích Ngũ Âm một cách đơn giản, rồi sau đó mới giảng câu “*giả danh chúng sanh*” (giả gọi là chúng sanh). Âm (陰) có nghĩa là che đậy, che đậy thứ gì? Chương ngại tánh của chính mình, cũng là duy tâm sở hiện, chương ngại tâm tánh. Ngũ Âm chương ngại tâm tánh của chúng ta; chúng ta mê nơi năm âm này, chẳng hiểu rõ chân tướng của năm thứ này, khiến cho chúng ta sanh ra những cách nhìn sai lầm và cách nghĩ sai lầm đối với hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Vì vậy, gọi là Âm.

Âm thứ nhất trong Ngũ Âm là Sắc. Nói theo cách bây giờ, Sắc là vật chất. Tứ Đại Địa - Thủy - Hỏa - Phong là vật chất. Vật chất có bốn đặc tánh lớn, chắc chắn không thể tách rời bốn tánh chất này. Đặc tánh của nó là địa, thủy, hỏa, phong. Bốn chữ này đều là tỷ dụ, đều là hình dung từ. Địa là loại vật thể chúng ta có thể thấy được, có thể sờ được, nó có thể rất nhỏ đến nỗi nhức nhối không thể thấy được. Đức Phật nói thiên nhãn của A La Hán có thể thấy được vi trần. Vi trần vẫn chưa phải là nhỏ nhất, có những thứ còn nhỏ hơn vi trần nữa, tức Sắc Tụ Cự Vi và Cự Vi Vi, đó là những thứ nhỏ nhất. A La Hán không thấy được Cự Vi Vi, ai mới có thể thấy? Bát Địa Bồ Tát trông thấy được. Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa, thấy được Cự Vi Vi. Cự Vi Vi là căn nguyên của vật chất, tất cả hết thấy vật chất đều do nó tổ hợp thành. Như vậy nó là cái nhỏ nhất của vật chất.

Khoa học hiện tại đã phát hiện, cũng nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Nhà khoa học dùng phương pháp phân tích, đem vật chất tách thành phân tử. Tách phân tử ra thấy phân tử do nguyên tử hợp thành. Lại phân tích nguyên tử thì nguyên tử do nguyên tử hạch (nuclear, hạt nhân nguyên tử) và điện tử hợp lại. Điện tử vẫn còn có thể chia nhỏ, nó do lap

tử hợp thành. Lạ tử vẫn còn phân ra được, kinh Phật gọi đó là Cực Vi Vi. Khoa học hiện tại đã phát hiện được điều này hay chưa? Còn chưa được! Khoa học gia biết có vật chất rất nhỏ, nhưng kính hiển vi hiện thời vẫn chưa nhìn thấy. Chúng ta phải đợi đến khi khoa học tiến hơn nữa, mới biết họ có phát hiện được Cực Vi Vi như kinh Phật nói hay không!

Từ những báo cáo khoa học mới nhất, chúng ta thấy các nhà khoa học luận về “*nguyên điểm*” (điểm khởi thủy) của vũ trụ. Chúng ta có thể giả thiết là một sợi tóc (sợi tóc không thô như thế, chúng ta giả thiết là một sợi tóc), cắt ngang sợi tóc, mặt cắt ngang của sợi tóc có hình tròn, mặt cắt ngang này là hình tròn thẳng góc với chiều dọc sợi tóc. Nơi mặt cắt thẳng góc ấy, xếp liên tiếp những vi trần Cực Vi Vi, xếp được bao nhiêu? Nơi thiết diện cắt ngang của một sợi tóc xếp các vi trần khít nhau, được một trăm vạn ức ức ức (ba chữ ức), điều này kính hiển vi hiện thời chưa thấy được. Nơi mặt cắt ngang thẳng góc của một sợi tóc có thể xếp được một trăm vạn ức ức ức những hạt vi trần bé tí như thế, không có cách gì thấy được. Hiện tại các nhà khoa học chỉ phát hiện được điều này trên lý luận.

Mỗi một hạt bé xíu như thế có bốn hiện tượng: Địa là vật chất, Thủy là độ âm, Hỏa là độ nóng. Khoa học hiện tại nói đến những vật tích điện âm hay điện dương. Thủy là âm điện, Hỏa là dương điện. Phong là động, không ngừng lặng. Tất cả hết thảy hiện tượng vật chất đều là động; nếu không động, sẽ không tồn tại. Đây cũng là điều được phát hiện bởi các nhà khoa học hiện thời. Họ nói thế giới không có vật chất. Vật chất là gì? Vật chất là một loại hiện tượng chấn động. Cách giải thích này rất có lý, tương ứng với những điều kinh Phật đã giảng. Do từ chấn động sanh ra hiện tượng, nên vật chất có bốn đặc tánh!

Thế nhưng vật chất cũng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, quyết định chẳng tách rời cái tâm. Đặc chất (characteristics, đặc tánh) của tâm cũng có Tứ Đại; vật có Tứ Đại, tâm cũng có Tứ Đại. Tứ Đại của tâm là gì? Thấy - nghe - hay - biết là những đặc tánh của nó. Vật chất dù nhỏ cũng chẳng bị mất đặc tánh của nó, nơi vật chất [đặc tánh ấy được] gọi là Pháp Tánh, nơi động vật gọi là Phật Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, chứ không phải hai, chỉ là một tánh, hoàn toàn tương đồng. Tánh là Tâm, tức chân tâm. Chân tâm và bốn tánh có cùng một ý nghĩa. Có khi ta gọi nó là tâm tánh; do tâm tánh hiện ra, vật chất do tâm tánh biến hiện. Nó biến thành vật chất. Vật chất có bốn đặc tánh lớn là địa, thủy, hỏa, phong.

Như vậy, đối với cái được gọi là vật chất, chúng ta nhận biết rõ

ràng! Vật chất rốt cuộc là gì? Từ cái nhỏ nhất (Cực Vi Vi) có thể hợp thành lập tử, hợp thành điện tử, thành nguyên tử, thành phân tử, rồi lại hợp thành hết thấy vạn vật. Tất cả những gì sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc, hết thấy hiện tượng vật chất, hết thấy động vật, thực vật, khoáng vật, cho đến hư không đều thuộc vào hiện tượng vật chất. Phải liễu giải chân tướng của nó là gì, quý vị mới chẳng bị nó mê hoặc. Đối với hiện tượng vật chất, quý vị chẳng khởi tham - sân - si, mạn, nghi, nếu hiểu rõ [thì những phiền não ấy] sẽ không khởi. Không hiểu rõ, nhất định khởi tham - sân - si, mạn, nghi, tánh thức có thể hiện có thể biến của quý vị liền bị chướng ngại. Đó gọi là Âm, Sắc Âm là như vậy đó!

A! Bây giờ đã đến giờ rồi.

Tập 38

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc Âm tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi, Sắc là vật chất, chúng ta phải có nhận thức chính xác đối với nó.

Nay tôi nói đến Thọ trong Thọ - Tưởng - Hành - Thức. Thọ là năm thức đầu, tức là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân “*lãnh nạp ngũ cảnh*” (lãnh nạp năm cảnh); nói như bây giờ thì là [năm giác quan] tiếp nhận cảnh giới bên ngoài. Mắt tiếp nhận Sắc bên ngoài, tai tiếp nhận âm thanh bên ngoài, mũi tiếp nhận mùi bên ngoài, lưỡi tiếp nhận vị bên ngoài, thân tiếp nhận mát, ấm, lạnh, nóng. Đó là Thọ, tức là [năm Căn] lãnh nạp năm cảnh. Đó là nói về tác dụng của Thọ, tức là như nay ta nói “cảm thụ, hưởng thụ” đều gộp trong chữ Thọ này. Pháp Tướng Tông giảng Thọ bao gồm năm thức đầu (tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức).

Tưởng là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Ý Thức có thể “*phân biệt, kế độ*” (phân biệt, tính toán, so đo). Thiền sư Trung Phong vì chúng ta khai thị có nói đến ba thứ tâm, thì Duyên Lự Tâm chính là Ý Thức, tức thức thứ sáu, duyên lự, phan duyên. Cái tâm nào có thể tư duy, có thể tưởng tượng thì thuộc vào thức thứ sáu. Những gì có năng lực phân biệt, có năng lực so lường, tính toán đều thuộc vào phân biệt, trong Ngũ Âm chúng thuộc vào Tưởng. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh*” (hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng). Công năng của thức thứ sáu rất lớn!

Hành là thức thứ bảy, “*hằng thẩm tư lường*” (luôn xem xét, suy lường), vì sao gọi là Hành? Vì nó không gián đoạn, niệm niệm không

gián đoạn, chấp trước kiên cố. Thẩm (審) là xem xét, Hằng (恆) là thường hằng, từ trước đến giờ không gián đoạn. Quan trọng nhất ở đây là chấp trước Ngã. Ngã có hai thứ, thứ nhất là Nhân Ngã, thứ hai là Pháp Ngã. Chấp trước kiên cố, đó là sai lầm. Trên thực tế, không hề có Ngã; Nhân Ngã lẫn Pháp Ngã đều không có.

Cái cuối cùng là Thức, chữ Thức ở đây chỉ thức thứ tám, “*chấp trì bất hoại*”. Thức thứ tám là A Lại Da Thức, thức thứ bảy là Mạt Na Thức, năm thức đầu là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức và Thân Thức. Đây là dựa theo tám thức của Pháp Tướng để nói. Chúng ta thường gọi thức thứ tám là “*án tượng*”. Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài tạo thành *án tượng*. Quý vị thấy một người nào đó, nghe âm nhạc diễn tấu một lần, quý vị có thể nhớ được, có thể hồi tưởng được sự việc đã qua, vì sao vẫn có thể nhớ lại được? Đó là vì *án tượng* đã ghi vào trong thức thứ tám. Thức thứ tám giống như nay ta gọi là kho lẫm, là nhà chứa lương, hay kho tài liệu, hoặc phòng tàng trữ hồ sơ. Tất cả hết thảy *án tượng* được ghi nhận bởi sáu thức đều tồn trữ nơi đây, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chấp trì (gìn giữ) không hoại. Không chỉ là những gì chúng ta thấy - nghe - hay - biết trong một đời được chứa trong ấy, không bị mất đi, mà tất cả những *án tượng* trong đời quá khứ, ngay cả trong vô lượng kiếp trước đều tồn trữ trong đó.

Chuyện này có thể chứng minh bằng thuật thôi miên của phương Tây. Chúng tôi từng xem một bản báo cáo: Có một người được thôi miên đến một mức độ rất sâu, có thể nói những chuyện vượt khỏi một đời này, nói đến đời trước, đời trước đó nữa, rồi đời trước đó nữa, tổng cộng gần đến tám mươi bốn đời. Những chuyện thuộc tám mươi bốn đời trước đều có thể nói ra hết, tính ra thời gian là hơn bốn ngàn năm. Ông ta có thể nói trạng huống cuộc sống thời đó, ông ta tên gọi là gì, sống ở chỗ nào, tiếp xúc những ai, hỏi ông ta thời ấy sử dụng những loại tiền nào, ông ta đều nói được, quyết chẳng phải là dối người, quyết không bịa đặt. Điều này chứng minh những chủng tử hàm tàng trong A Lại Da Thức quả thật bất diệt. Chúng ta biết thôi miên hữu hạn, nhưng nói được đến tám mươi mấy đời trước quả thật chẳng dễ dàng.

Phật pháp nói Thiên Định có thể đột phá giới hạn, Thiên Định rất sâu! Như Thiên Định của A La Hán có thể biết được năm trăm đời, năm trăm đời trong quá khứ, lại còn biết năm trăm đời trong vị lai, A La Hán có năng lực như vậy. Năng lực của Bồ Tát càng lớn hơn; còn quả địa Như Lai thì biết tột cùng quá khứ vô lượng kiếp, vô lượng kiếp vị lai,

thấy đều rõ ràng, thấy đều hiểu rõ. Vì sao? Nay chúng tôi hiểu đạo lý này rất rõ, là vì sau khi kiến tánh, ta thường gọi là “minh tâm kiến tánh”, hàng Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo sau khi kiến tánh, liền nhập Nhất Chân pháp giới, nhập pháp môn Bất Nhị, thời gian và không gian bằng zéro. Vô lượng kiếp trước đều bày trước mặt. Do đây biết rằng: Những thứ đựng trong cái kho tàng A Lại Da Thức này hết sức phong phú! Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng nói: *“Nếu những chủng tử, tức những ấn tượng, trong A Lại Da Thức giả sử có vật chất, dù là vật chất hết sức nhỏ bé thì cùng tận cõi hư không cũng chẳng thể chứa hết”*, may là chúng không phải là vật chất.

Nơi những Bồ Tát thuộc địa vị sâu, kiến tánh cũng có sâu hay cạn sai khác. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Bồ Tát đều minh tâm kiến tánh, nhưng sự kiến tánh có sâu - cạn, rộng - hẹp khác nhau. Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa có thể thấy được những chủng tử tập khí chứa trong A Lại Da Thức của người khác, giống như những gì chứa trong kho tài liệu, kho hồ sơ lưu trữ của anh, tôi có thể lấy ra coi, có thể tùy ý lấy ra coi. Không chỉ biết [chủng tử tập khí] của chính mình, mà còn biết [chủng tử tập khí] của hết thấy chúng sanh không chướng ngại. Quý vị thấy người được thối miên bằng phương pháp thối miên có thể rút ra những thứ trong kho hồ sơ tư liệu của chính mình, nhưng không có cách nào lấy từ kho của người khác. Thiền Định rất sâu có thể thấy được những tập khí chủng tử chứa trong A Lại Da Thức của hết thấy chúng sanh. Bởi thế, Phật độ chúng sanh thuận tiện là vì lẽ gì? Ngài hiểu rất rõ căn tánh của chúng sanh, đời đời kiếp kiếp quá khứ của người ta, không điều gì Phật chẳng biết.

Thọ, Tướng, Hành, Thức thuộc về Tâm pháp. Đơn giản nhất, Phật pháp chia hết thấy pháp thành hai loại lớn: Một là Tâm pháp, hai là Sắc pháp. Khoa học hiện tại cũng phân loại như vậy, họ chia thành vật chất và tinh thần. Vật chất là Sắc pháp, tinh thần là Tâm pháp. Nhà Phật giảng Sắc pháp và Tâm pháp là một, chứ không phải hai. Những nhà khoa học, triết gia thế gian đều chia chúng thành hai, dường như vật chất không phải là tinh thần, tinh thần không phải là vật chất, đều độc lập. Thật ra, đức Phật nói chúng không độc lập, là một, chứ không phải hai. Tâm pháp là cái có thể sanh, có thể biến; Sắc pháp là cái được sanh, cái được biến. Năng - Sở là một, không phải hai. Do vậy, tiên sinh Âu Dương Cán Vô nói: *“Phật pháp không phải là triết học, chẳng phải là tôn giáo”*. Trong triết học, Năng - Sở (chủ thể và khách thể) tách rời nhau, Năng không phải là Sở, Sở không phải là Năng. Phật pháp cũng

nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở thống nhất. Nói nghiêm ngặt, tinh thần và vật chất quyết định chẳng tách rời nhau, vì sao? Vật chất có pháp tánh; đặc sắc của pháp tánh là như trong phần trên đã nói, nó cũng có tứ đại, tức bốn đặc tánh lớn là thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, hết thảy vật chất đều có thấy - nghe - hay - biết, khoa học hiện đại chỉ mới vừa phát hiện điều này!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng nghiên cứu nước kết tinh, phát hiện ban đầu là vật chất cũng thấy, nghe, hay, biết; nhưng trong kinh Phật đã nói [điều ấy], nói từ lâu rồi, đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước. Kinh Hoa Nghiêm (tức là một bộ kinh Phật giảng đầu tiên), “*nhất thiết chư pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (hết thảy các pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Giảng sớm nhất như vậy. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật lại giảng rất rõ: “*Chư pháp sở sanh duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện; hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Như vậy là càng giảng rõ hơn nữa! Thể của tâm là tánh, trong Phật pháp thường gọi là Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật có Pháp Tánh; ngay cả hư không, Thể của hư không là Pháp Tánh. Pháp Tánh có thấy - nghe - hay - biết; trong phần Khai Thị ở đây, Trung Phong đại sư gọi là “*linh tri tâm*”, kinh Đại Thừa gọi linh tri tâm là Phật Tánh hay Pháp Tánh. Bốn đặc tánh lớn [của Pháp Tánh] là thấy - nghe - hay - biết.

Nay chúng ta làm thí nghiệm trên những thực vật, chú tâm quan sát, thấy đúng vậy! Chúng ta dùng thiện ý đối với thực vật, mỗi ngày ba lượt, mỗi lượt ba phút là đủ. Đối với nó nói: “Ngươi mọc rất khá, ta rất thích ngươi, rất cảm ơn ngươi” thì loại thực vật ấy mọc càng ngày càng đẹp. Như với chậu Bồn Tài (Bonsai) của tôi, thí nghiệm thấy rất rõ. Với một chậu khác, nếu quý vị dùng ác ý đối với nó, nói: “Tao rất chán ghét mày, mày càng mọc càng xấu, tao không ưa mày”. Một, hai tuần sau, nó gần như héo khô, rất rõ ràng. Từ thí nghiệm này thấy rõ cây thực sự hiểu được ý nghĩ của con người.

Hiện tại rất nhiều người bắt chước làm thí nghiệm này, chưa thí nghiệm nào thất bại, chứng minh thực vật có Pháp Tánh, thực sự có thấy, nghe, hay, biết. Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Vì sao? Thể của nó là Pháp Tánh. Pháp Tánh có bốn đặc sắc, như trong Sắc pháp có Địa, Thủy, Hỏa, Phong là bốn đặc tánh. Hiện tại, chúng ta vẫn chưa có cách gì thí nghiệm trên khoáng vật, đất, bùn, cát, đá, chúng ta đang xem xét phải làm cách nào để quan sát chúng cũng có đặc tánh thấy - nghe - hay - biết; nhưng những điều Phật pháp đã giảng chúng ta

có thể hiểu được. Kinh Hoa Nghiêm nói “*tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (hữu tình và vô tình, cùng viên mãn Chung Trí). Vấn đề ấy, chúng ta đã giải quyết xong, không còn ngờ vực nữa. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp sanh từ tâm tướng), “*cảnh tùy tâm chuyển*” (cảnh chuyển theo tâm); những vấn đề này chẳng phải đã được chứng minh rồi ư? Đó là thuyết minh hết sức quan trọng.

Nếu chúng ta hiểu rõ, thực sự hiểu, chúng ta sẽ hoàn toàn làm chủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của mình. Thứ nhất, chúng ta có thể làm chủ được gì? Có thể không già, có thể không bệnh, có thể không chết, thực sự làm chủ được! Kinh luận giảng rất nhiều về sanh tử. Sanh tử là một chuyển biến, chuyển biến trên nhân quả, quyết định không có chết. Vì sao? Pháp Tánh của quý vị bất sanh, bất diệt. Pháp tướng do Pháp Tánh biến ra, thân thể là tướng, toàn thể hết thấy hiện tượng trong vũ trụ là tướng. Tướng có sanh - diệt, Tánh không sanh - diệt. Thông đạt chân tướng sự thật này, ý niệm sợ hãi đối với sanh - lão - bệnh - tử hoàn toàn tiêu diệt, không còn sợ hãi! Chúng là cái do ta biến ra.

Năng Biến (chủ thể có công năng biến hóa) là ta, thực sự là ta, cái được biến (Sở Biến) không phải là ta, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa này. Sở Biến là cái bị ta biến ra, há phải là ta ư? Ta là Năng Biến, Năng Biến là ta. Như vậy, Năng Biến là Linh Trí Tâm, vọng tâm là Sở Biến, đâu phải là ta. Như vậy nói đến tám thức thì tám thức không phải là ta, tám thức ấy là tác dụng của tâm, nhưng những tác dụng ấy là những tác dụng sai lầm, không phải là tác dụng chính xác. Mê thì gọi là Tám Thức, giác ngộ rồi không gọi là Tám Thức nữa mà gọi là Tứ Trí. Tứ Trí chính là tác dụng chính xác.

Do vậy, hiện tại chúng ta hết sức thô, hết sức bất hảo, có thể nói là “*thô ác Ngũ Ấm hòa hợp*” (năm Ấm thô ác hòa hợp). Cái thân hiện tại của chúng ta là thân tướng do sắc thân và sắc tâm hòa hợp, “*giả danh chúng sanh*” (giả gọi là chúng sanh), do các duyên hòa hợp mà sanh. Vật chất là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nhưng chúng sanh trong lục đạo, từ vô lượng kiếp đến nay đều chấp trước cái thân này là chính mình, luôn chấp trước Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm của mình, lầm lạc quá! Do vậy, từ đó khởi Hoặc, tạo nghiệp, chịu quả báo luân hồi, đời đời kiếp kiếp không ngoi đầu ra nổi, không thoát khỏi luân hồi lục đạo.

Ở đây, đại sư bảo chúng ta: “*Phi hân yếm chi hạnh, tất bất năng đợ*” (Nếu không có hạnh ưa - chán, ắt chẳng thể đợ được). Ưa - Chán là nói về Tịnh Độ, chỉ có hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chán là

lục đạo luân hồi, chán lìa lục đạo luân hồi trong Sa Bà thì mới có thể độ được! Phương pháp của Tịnh Độ tông đối với chúng ta hết sức có ích, bởi lẽ, pháp môn này như trong phần trên chúng ta đã xét thấy: Pháp môn này thuận tiện, đơn giản, dễ dàng. Pháp môn này là hoành xuất, không phải là thụ xuất (vượt thoát theo chiều dọc). Hoành xuất là luận theo Kiếp Trược; thuận tiện là luận theo Kiên Trược; chuyên tâm phàm thành tâm Phật là luận trên Phiền Não Trược; chán lìa lục đạo luân hồi, hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới là đối với Chúng Sanh Trược mà luận. Lại xem tiếp điều sau là Mạng Trược.

5) “*Nhân quả tịnh liệt, thọ mạng đoản xúc, phi bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh, tất bất năng độ*” (Nhân lẫn quả cùng kém, thọ mạng ngắn ngủi. Không có hạnh chẳng tốn [thời gian tu tập] nhiều kiếp, không nhọc nhằn siêng khổ, ắt không thể độ được). Chữ Mạng (命) chỉ thọ mạng, tức quý vị được cái thân này, trong một đời này, quý vị duy trì được thời gian bao lâu? Tuyệt đại đa số là năm, sáu chục năm bèn mất. Người mất vào tuổi năm, sáu chục rất nhiều. Chết lúc mười mấy tuổi, hai mươi tuổi cũng không ít. Đỗ Phủ là người đời Đường, có một câu thơ như sau: “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*” (Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm), người thời Đường nói như vậy đó.

Nhân: Thọ mạng của chúng ta có được là do nghiệp nhân đã tạo trong đời quá khứ, thọ mạng đạt được trong đời này là quả báo [của nghiệp nhân ấy]. Trong kinh Phật giảng rất rõ ràng nghiệp nhân của khỏe mạnh sống lâu là Vô Úy Bố Thí. Quý vị có tâm từ bi, mạnh mẽ cứu khổ cứu nạn, tâm địa hiền lành, làm nhiều thiện nghiệp thì mới được sống lâu, khỏe mạnh. Tự tư, tự lợi, tổn người, lợi mình, thọ mạng sẽ ngắn ngủi, nói theo pháp thế gian của Trung Quốc là “tồn phước”, tức phước báo của quý vị bị sút mẻ, giống như bị chiết khấu vậy, tức là bị cắt bớt. Quý vị vốn có thể sống đến một trăm tuổi, nay chỉ có thể sống tới sáu bảy chục tuổi, tồn phước mà! Nếu có thể bỏ mình vì người, niệm niệm nghĩ đến chúng sanh khổ nạn trong xã hội, hành động nào cũng có thể bỏ mình vì người, ắt thọ mạng luôn được tăng trưởng, kéo dài tuổi thọ, diên niên ích thọ. Thọ mạng dài lâu không phải để hưởng phước mà để làm gì? Để phục vụ hết thảy chúng sanh. Đó là lý do nói “*nhân quả đều kém!*” Phải vì hết thảy chúng sanh phục vụ [thì “nhân và quả mới đều không kém cõi”].

Trong thế gian này, mấy ai có thể sống đến trăm tuổi? Rất ít! Chúng ta muốn trong một đời tu hành chúng quả, ắt cần phải “*bất phí thời kiếp*” (không tốn thời gian nhiều kiếp), có thể tu thành công trong

thời gian ngắn, đã thế lại còn phải sao nữa? “*Bất lao cần khổ*” (không nhọc nhằn siêng khổ), phải dễ tu nữa kia! Vì sao? Người bần khổ trong thế gian nhiều, kẻ phú quý ít. Người bần cùng hằng ngày bận bịu kiếm sống, không có nhiều thời gian rảnh rỗi, bởi thế, họ chỉ có thể dành chút thời gian rảnh rỗi để tu hành, có như vậy thì mới được! Với pháp môn như vậy, họ mới có thể thành tựu.

Tịnh tông phù hợp những điều kiện này. Đối với người bận bịu quá sức, trong quá khứ tổ sư còn dạy pháp Thập Niệm: Sáng sớm thức dậy, trong nhà có tượng Phật thì đối trước tượng Phật lễ ba lạy, chấp tay, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi. Trong một hơi Phật hiệu nhiều ít không quan trọng, không ăn nhằm gì cả, một hơi là một niệm, niệm đủ mười hơi. Người hơi dài có thể niệm được hai mươi, ba mươi tiếng Phật hiệu. Tôi có thể niệm chừng hai mươi tiếng trong một hơi. Thân thể hơi yếu, khí ngắn hơn một chút, thì một hơi niệm được khoảng sáu, bảy tiếng cũng không sao, đó là “một niệm”. Sáng sớm niệm mười niệm, tối trước khi ngủ niệm mười niệm. Đó là pháp Thập Niệm.

Trước kia, cách nay cũng không ít năm, cũng phải gần mười năm, tôi giảng kinh tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur). Hình như lúc ấy đến giảng kinh lần đầu tại Cát Long Ba, dạy mọi người pháp Thập Niệm. Pháp Thập Niệm của tôi đơn giản, Thập Niệm là niệm mười câu Phật hiệu, khác với cách tổ sư dạy, hết sức đơn giản, tốn một phút thôi: “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*” là xong. Thật đấy, nhất tâm, không xen tạp, không hoài nghi. Muốn không xen tạp thì một ngày niệm chín lần. Sáng sớm thức dậy niệm một lần, tối đi ngủ niệm một lần, đó là hai lần. Ba bữa cơm niệm ba lần, trước khi ăn cơm chấp tay, chúng ta không cần phải niệm chú Cúng Dường, cứ niệm A Di Đà Phật, niệm mười tiếng, tức mười câu. Lúc làm việc, lúc vào làm niệm một lần, trước lúc làm việc niệm một lần, ra nghỉ trưa niệm lần nữa, sau bữa cơm trưa trở vào làm việc niệm một lần, ra về niệm lần nữa, tổng cộng chín lần. Chỉ cần mỗi ngày làm, không thiếu lần nào, mỗi lần chỉ mất một phút, chẳng tốn thời gian mà rất có hiệu quả!

Sau khi tôi đề xướng, có rất nhiều người tu theo phương pháp ấy, gọi điện thoại cho tôi hoặc viết thư cho biết rất hiệu quả. Vì sao? Phù hợp với giáo huấn của Tịnh tông, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Mười tiếng Phật hiệu ấy không gián đoạn, vì trong một thời gian ngắn ngủi, quý vị không thể có vọng niệm, trong mười câu A Di Đà

Phật không xen tạp vọng niệm. Còn như bình thường niệm Phật, niệm tàn một cây hương, niệm một tiếng đồng hồ, hoặc niệm nửa tiếng, rất khó tránh khỏi bị xen tạp. Mười câu của tôi không xen tạp, thực sự làm được! Do vậy, người tu học theo phương pháp này đạt được hiệu quả rất tốt. Phương pháp này từng được cổ động tại rất nhiều địa phương: Mỹ quốc, Gia Nã Đại... Dù cho quý vị có khóa tối, khóa sáng bình thường, cũng nên dùng cách Thập Niệm này để trợ tu, cũng hết sức tốt đẹp. Nếu như công việc vô cùng bận rộn thì dùng phương pháp này làm Chánh Tu. Đó là “*bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh*” (cái hạnh chẳng lãng phí thời gian nhiều kiếp, không nhọc nhằn, siêng khổ). Ngẫu Ích đại sư đã đem đạo lý vì sao Tịnh tông lại có thể vượt thoát việt sanh tử luân hồi trong thời Ngũ Trược giảng rõ ra.

Chúng ta lại xem kinh văn, phần trên chúng tôi đã đọc rồi, thấy đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: Chư Phật tán thán Bổn Sư, trong thế giới Sa Bà, trong Ngũ Trược, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì chúng sanh nói pháp hết thấy khó tin này. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Xá Lợi Phát! Đương tri ngũ u ngũ trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan!

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間說此難信之法。是為甚難。

(*Này Xá Lợi Phát! Nên biết ta trong đời ác Ngũ Trược, làm chuyện khó này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó!*).

Phần trên là chư Phật tán thán đức Thế Tôn, còn trong đoạn này, đức Thế Tôn tự nói. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo Thích Ca Mâu Ni Phật do tu pháp môn nào mà thành Phật? Do niệm Phật mà thành Phật, niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, kinh nào nói như vậy? Chính đoạn kinh văn này nói như thế! Đức Phật bảo Xá Lợi Phát, há chẳng phải là bảo với chúng ta ư? Các người hãy nên biết, ta (ta là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng) “*ngũ u ngũ trược ác thế, hành thử nan sự*” (ta trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó này), chuyện khó ấy chính là niệm Phật. Niệm Phật là pháp khó tin, niệm Phật thành Phật. Ngài niệm A Di Đà Phật, cho nên “*đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”, nói theo cách người thế tục chúng ta thường nói là “*đắc đạo*”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam

Bồ Đề là Phật đạo, là Vô Thượng Phật đạo. Thích Ca Mâu Ni Phật đắc thành Phật đạo là do tu pháp môn Niệm Phật, Ngài tu pháp môn Niệm Phật trong đời ác Ngũ Trược.

Lại “*vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp*” (vì hết thầy thế gian nói pháp khó tin này), “hết thầy thế gian” chính là chín pháp giới, vì chúng sanh trong chín pháp giới mà nói pháp khó tin này, tức là pháp “niệm Phật thành Phật”, “*thị vi thậm nan*” (thật là rất khó). Rất khó! Đúng là rất khó tin! Bởi thế, thực sự tin được pháp môn này, ở phần trên kinh đã nói rất kỹ: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Quý vị có thể tin được pháp này, có thể hiểu rõ pháp này, có thể tu hành pháp này, chứng tỏ trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp, quý vị đã trồng nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nên trong đời này gặp được duyên phật, nhân duyên tốt đẹp, bèn thành tựu. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, hề thiếu một điều sẽ không thể thành tựu. Đây đủ cả ba điều này chẳng phải là chuyện dễ dàng. A! Bây giờ chúng ta xem đến phần sau lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, tức đoạn thứ tám:

“*Có nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư u ngũ trược ác thế, sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp*” (Vì thế một tiếng A Di Đà Phật chính là pháp đề Bổn Sư Thích Ca chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác ngũ trược), chúng ta vừa học đến đoạn này. “*Kim dĩ thử quả giác toàn thể*” (Nay dùng toàn thể quả giác ấy), “*nay*” là hiện tại, Thích Ca Mâu Ni Phật đem toàn bộ Vô Thượng Bồ Đề do chính mình chứng đắc trao cho chúng sanh trong đời ác Ngũ Trược, thật không dễ dàng! “*Nãi chư Phật sở hành chi cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã*” (đó chính là cảnh giới sở hành của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo tận cùng, chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể cậy vào tự lực mà hòng tin hiểu nổi). Từ chỗ này, chúng ta bèn lãnh hội: [Pháp môn Niệm Phật] khó, thực sự khó! Trong sách Tịnh Ngữ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói pháp môn này “*nan tín, nan tín, chân nan tín*”. Người niệm Phật rất nhiều, vì sao không thể thành tựu? Do không tin. Sao biết người ta không tin? Vì kẻ ấy xen tạp, niệm Phật xen tạp vọng tưởng vào đó. Vì nguyên nhân nào? Do không tin! Thực sự tin sẽ không xen tạp, vì sao? Thực sự tin thì thế pháp, thế duyên, Phật pháp đều buông xuống hết, quyết định không xen tạp, rất dễ thành công.

Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng

ta thấy hầu như người thực sự tin, nguyện thiết tha đều buông cả thể pháp lẫn xuất thế gian xuống được, nhanh thì từ ba tháng đến nửa năm, chậm là hai năm, ba năm bèn thành công, có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự có thể sanh về đó, biết trước lúc mất, thực sự vãng sanh. Do vậy, trước đây từng có người hỏi tôi, không chỉ một người, họ hỏi: “Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, trong Vãng Sanh Truyện, người niệm Phật vãng sanh đại đa số không quá ba năm, có phải là từ khi họ bắt đầu niệm Phật, thọ mạng [chỉ còn] ba năm là hết hay chẳng?” Tôi bảo mọi người: Chẳng thể xảo hợp như vậy được, trong thiên hạ há có chuyện xảo hợp ấy? Mỗi người niệm Phật ba năm bèn mất, tôi nói không có khả năng xảo hợp như vậy được, trên thực tế thì sao? [Niệm Phật] ba năm thành tựu thì thọ mạng vẫn còn đó, do họ không cần đến nên đi trước, tôi tin rằng những người như vậy rất nhiều.

Trường hợp rõ ràng nhất là sư Oánh Kha đời Tống. Sư thực sự dũng mãnh, tinh tấn, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo sư: “Thọ mạng ông hãy còn mười năm. Đợi mười năm nữa, thọ mạng của ông hết, ta lại đến tiếp dẫn ông”. Sư không cần: “Mười năm tuổi thọ con không cần, con muốn theo Ngài ngay bây giờ”. A Di Đà Phật đáp ứng: “Tốt! Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ba ngày sau quả nhiên sư vãng sanh. Như vậy, quý vị phải hiểu người có năng lực ra đi là thực sự niệm Phật thành công, công phu gì vậy? Nói thật ra, không khó lắm đâu, công phu thành phiền đầy thôi! Vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Rất nhiều người đạt đến cảnh giới này, đi được, đối với thế giới này không còn tham luyến, thực sự buông xuống được! Phải nói như vậy mới hợp lý.

Chúng ta biết nếu công phu đạt đến trình độ này, quý vị nghĩ xem, quý vị có bằng lòng đi hay không? Có còn bằng lòng chịu khổ trong thế gian này hay không? Đâu có ai đàn như thế! Thực sự thành tựu công phu, có thể đi được mà vẫn không đi, chỉ có một lý do: Ta và chúng sanh ở nơi này vẫn còn có duyên, ta còn muốn mang theo mấy người nữa cùng đi. Ta không gấp đi, ta ở lại đây vài năm nữa hòng mang theo những người ấy đi. Quý vị hãy nghĩ xem, trừ điều kiện ấy ra, há còn điều kiện nào khác khiến mình ở lại? Không có! Do nguyên nhân như vậy mà ở lại thế gian này, chính là như tôi thường nói: “*Thừa nguyện tái lai*” (Nuơng theo bốn nguyện để trở lại). Vấn đề nơi cái thân nghiệp báo của người ấy đã giải quyết xong, quả thật vãng sanh lúc nào cũng được, vẫn chưa đi vì còn phải giúp chúng sanh hữu duyên. Tức là trong thế gian này vẫn có những người có thể tin lời người ấy khuyên dạy, có thể hiểu

biết, có thể hành, những kẻ ấy có thể vãng sanh. Người [có thể vãng sanh mà ở lại thế gian này] chẳng vì bản thân mà vì chúng sanh.

Trong Phật pháp thường nói: “*Vì tiếp nối huệ mạng của Phật, vì rộng độ chúng sanh*”; còn chuyện của bản thân thì giống như kinh điển đã nói: “*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*” (Việc làm đã xong, không thọ thân sau). Chuyện của bản thân đã giải quyết ổn thỏa, thích đáng, có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. “*Hậu hữu*” là gì? Là luân hồi, quyết định chẳng còn luân hồi trong lục đạo. Cảnh giới như vậy, sanh tử đã giải quyết xong, không có gì không buông xuống được. Chúng ta học Phật, nói thật ra, tối thiểu phải học được bản lãnh ấy mới không uổng một đời này. Bản lãnh ấy không khó, vì công phu ấy chẳng phải là rất sâu. Nếu muốn đạt Sự nhất tâm bất loạn hay Lý nhất tâm bất loạn thì đúng là không dễ, nhưng công phu thành phiền không khó. Khó nhất ở chỗ nào? Khó nhất ở chỗ buông xuống.

Tôi thường khuyến khích các đồng tu: Quý vị phải thực sự làm được, đừng nghĩ đến lục đạo luân hồi nữa. Trước hết, phải buông tự tư tự lợi xuống, chớ nên có ý niệm ấy. Phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống. Có lúc có thể dùng danh văn, lợi dưỡng làm trợ duyên để hoằng dương Phật pháp. Nếu nó giúp ích cho việc hoằng pháp lợi sanh, có cơ duyên ấy, chúng ta cũng đừng từ chối. Vì sao? Nó có thể phụ giúp. Không có cơ duyên ấy thì trọn chẳng mong cầu, nhất định chớ nên phan duyên. Nếu có duyên phận ấy, danh văn, lợi dưỡng bèn đưa đến, tự mình phải suy nghĩ: Đối với việc hoằng pháp lợi sanh, nếu nó không giúp ích gì thì không cần đến nó. Nếu nó có ích cho việc hoằng pháp lợi sanh, có thể phụ trợ thì có thể dùng nó, không tham luyến! Nói cách khác, chính bản thân mình không cần tới nó. Quyết định chẳng được tham chấp hưởng thụ ngũ dục, lục trần; hễ tham chấp hưởng thụ ngũ dục lục trần, lập tức bị đọa lạc, đọa lạc rất nhanh! Hiện tại chúng ta đang sống trong một xã hội thường được gọi là một quốc gia đã mở mang, đã phát triển, cuộc sống của mọi người dân đều khá giàu có, người học Phật chúng ta nên tùy duyên. Trong tùy duyên phải biết tiết kiệm, thứ gì cũng phải biết mền tiếc, tiếc phước đấy!

Hôm qua, tôi ở khách sạn (nhà nghỉ dành cho khách) số 61, trông thấy cái máy lọc nước, những cái chậu rửa chén, mọi người dùng xong không chịu tiện tay lau rửa sạch sẽ. Đó là yêu tiếc vật lực. Quý vị thấy trong phòng vệ sinh của tôi, cái vòi nước dùng đã lâu năm rồi, quý vị cứ xem đi, vẫn còn mới, là vì nguyên nhân nào? Dùng xong, trên mặt nó bám nước, dùng khăn khô lau đi, giữ nó như mới hoài. Do vậy, tôi dùng

thứ gì, có thể dùng được hai mươi năm, quý vị dùng tối đa mười năm là hư. Tiện tay lau chùi sạch sẽ gọi là tiết phước! Việc nhẹ nhàng dễ làm, nhưng mọi người không dưỡng thành tập quán, từ nhỏ đã quen lãng phí, dường như người trong nhà cũng không dạy quý vị.

Có liên quan đây! Tôi xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, cho nên đối với thứ gì cũng biết yêu tiếc, từ nhỏ đã dưỡng thành thói quen tuyệt đối không lãng phí. Y phục, quả thật mặc đến khi không thể mặc được nữa mới thay cái mới, thay một bộ. Còn mặc được, cứ mặc tiếp, cốt sao sạch sẽ, cốt sao chỉnh tề. Chúng ta tiếp kiến khách khứa cũng nên như vậy, đó là bổn phận của người xuất gia, bất luận dùng vật dụng gì, như cái bàn, cái ghế, đều phải lau chùi sạch sẽ, giữ cho nó hoàn hảo. Như vậy, từng chút từng chút một dưỡng thành thói quen tiết phước, dưỡng thành thói quen tiết kiệm.

Tham - sân - si - mạn nhất định phải đoạn. Mười sáu chữ này tôi thường khuyên các đồng học. Có mười sáu chữ ấy, quý vị niệm Phật chưa chắc được vãng sanh; mười sáu chữ ấy phải đổi đi, phải đoạn đi thì vãng sanh mới nắm chắc.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn thứ tám, chúng tôi đọc đoạn văn ấy một lượt:

“Cổ nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư u ngũ trước ác thế sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trước thế chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cửu giới tự lực sở năng tín giải dã” (Vì thế một tiếng A Di Đà Phật chính là pháp để Bổn Sư Thích Ca đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác Ngũ Trước. Vì thế, nay đem toàn thể Quả Giác này trao cho chúng sanh trong đời Trước, mà cảnh giới sở hành của chư Phật ấy chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo tận cùng, chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể cậy vào tự lực của chính mình mà hòng tin hiệu được!)

Mấy câu cuối lại cần phải giảng. Đạo lý “niệm Phật thành Phật” không khó hiểu. Chư Phật Như Lai, các tổ sư Bồ Tát đều thường nói: *“Tự tánh vốn sẵn là Phật, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, vốn sẵn là Phật”*. Hiện tại lại phát tâm niệm Phật, vốn sẵn là Phật, thừa cùng quý vị, là “duy tâm sở hiện”. Nay biến thành phàm phu là vì “duy thức

sở biến”. Phàm phu nay giác ngộ, lại muốn niệm Phật, niệm Phật thì do duy tâm nên phàm phu lại biến thành Phật. Như vậy, quý vị vốn đã thành Phật sẵn, nay lại niệm Phật, há có đạo lý không thành Phật? Nếu dùng Tịnh Độ Tông để luận thì “*tâm này là Phật*”, tức quý vị vốn sẵn là Phật, nay quý vị niệm Phật, “*tâm này làm Phật*”, tâm này là Phật mà tâm này lại làm Phật, há lẽ chẳng thành Phật ư? Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thành Phật, đạo lý là như vậy!

Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, há chẳng nói “*hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh*” đó sao? Quý vị niệm cái gì bèn thành cái đó. Như vậy, quý vị niệm Bồ Tát sẽ thành Bồ Tát, niệm La Hán sẽ thành La Hán. Quý vị niệm trời sẽ sanh lên trời, niệm “nhân” tương lai vĩnh viễn không mất thân người. Nhân (仁) là gì? Nhân là nhân từ, luân thường đạo đức là nhân, quý vị không bị mất thân người. Quý vị niệm niệm là tâm tham, niệm niệm là tham thì sẽ làm nạ quý. Tham là nghiệp nhân của đường nạ quý. Quý vị niệm niệm là sân khuể, sân khuể là nghiệp nhân của địa ngục, quả báo là vào địa ngục. Niệm niệm ngu si, ngu si là nghiệp nhân của súc sanh. Như vậy, mười pháp giới do đâu mà có? Mười pháp giới từ tâm tưởng sanh, quý vị nghĩ cái gì liền hiện pháp giới như thế ấy. Chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, có sao chúng ta không nghĩ đến Phật? Như vậy, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả! Công đức bậc nhất trong mười pháp giới, quý vị phải hiểu rõ ràng.

Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, niệm A Di Đà Phật chúng Vô Thượng Phật Quả. Nay lão nhân gia đem phương pháp ấy, phương pháp ấy là pháp bậc nhất để tu hành chứng quả, truyền trao cho chúng ta là những chúng sanh trong đời Trược, vấn đề là chúng ta có phước báo, thiện căn, phước đức hay không. Nếu quả thật có thiện căn, có phước đức, nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật khuyến cáo bèn tin tưởng, không hoài nghi, được đức Thế Tôn làm cho cảm động, triệt để hồi đầu, thực sự quay đầu lại, y giáo phụng hành, trong một đời này, lẽ nào quý vị chẳng thành Phật ư? Niệm vừa chuyển đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa! Quý vị chỉ còn đợi ngày vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là thành tựu thực sự, chân thật thành tựu vậy!

Như vậy, trong ba câu sau cùng, đại sư nói rất hay: Đây là cảnh giới sở hành của chư Phật, hết thấy chư Phật do đâu mà thành Phật? Không vị Phật nào chẳng do niệm Phật mà thành Phật! Nếu các Ngài không niệm Phật, làm sao thành Phật được? Mười pháp giới sanh từ tâm

tưởng, chỉ có nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thành Phật! Như vậy, Lý và Sự này “*duy Phật dữ Phật năng cứu tận*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo cùng tận), rốt ráo triệt để hiểu rõ phải là Như Lai quả địa. Nếu đối với chư Phật Như Lai chúng ta có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, há chúng ta chẳng nhập Phật tri kiến ư? Thật đấy, chuyện này nhất định sẽ được oai thần của chư Phật gia trì, được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, được hết thấy chư Phật Như Lai viên mãn rốt ráo gia trì. “*Phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã*” (Chẳng phải cậy vào tự lực của chúng sanh trong chín pháp giới mà hồng tin hiểu được.) Đây là pháp khó tin, chúng sanh thuộc chín pháp giới nếu cậy vào tự lực để tin hiểu, dường như không thể hiểu nổi. Vì thế, quý vị có thể tin, có thể hiểu là do Phật lực gia trì, tự lực cảm, Phật lực ứng, cảm ứng đạo giao!

Ngày nay có rất nhiều đồng học chúng ta, vẫn chẳng thể chết sạch ý niệm mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất tu pháp môn này, vọng tưởng, tạp niệm vẫn rất nhiều, là vì nguyên nhân nào? Nguyên nhân là vì ít thiện căn, ít phước đức, tuy gặp được duyên, nhưng như thế nào? Không thể hoàn toàn tin tưởng, chẳng thể buông xuống vạn duyên, chứng tỏ thiện căn, phước đức không đủ! Thiện căn, phước đức không đủ, có thể bỏ túc. Bỏ túc là duyên, quý vị có gặp được thiện tri thức chân chánh giảng kinh luận Tịnh Tông cho quý vị hay không? Như đem kinh Di Đà giảng giải tỉ mỉ, như tôi đã nói, đem những cuốn Sớ Sao của Liên Trì đại sư, cuốn Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, cuốn Viên Trung Sao của U Khê đại sư giảng kỹ [cho quý vị nghe] một lượt thì cái duyên ấy chẳng thể nghĩ bàn! Duyên ấy có thể nâng cao thiện căn, phước đức của quý vị, bỏ túc những chỗ thiếu nơi thiện căn, phước đức của chính mình. Quý vị nghe xong, bèn bị cảm động, thực sự có thể buông xuống vạn duyên, nhất tâm xưng niệm bèn thành công. Không gặp được thiện tri thức, khổ rồi, sách của Liên Trì đại sư có sẵn đó, sách của Ngẫu Ích đại sư cũng có sẵn đó, nhưng đọc không hiểu, cũng uổng thôi!

Hiện tại, có người ngay cả loại văn Văn Ngôn tương đối rõ ràng, không sâu xa lắm mà còn đọc không được thì còn có cách nào chẳng? Thời kỳ Mật Pháp còn được chín ngàn năm, đến tối hậu của thời Mật Pháp, hết thấy kinh đều diệt tận, tối hậu đức Thế Tôn lưu lại kinh này một trăm năm. Khẳng định kinh được lưu lại ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ và A Di Đà Kinh, tức là Đại Bản và Tiểu Bản diệt sau cùng. Đến cuối cùng, những kinh này cũng diệt, vẫn còn một câu Phật hiệu A Di Đà Phật lưu truyền trong thế gian. Có người niệm được một tiếng, nghe

thấu một tiếng, đều trông thiện căn. Hy hữu khó gặp! Quả thật, nếu chẳng được Phật lực gia trì, chúng ta chẳng có năng lực y giáo phụng hành. Lại xem tiếp đoạn dưới.

“*Tín nguyện trì danh nhất hạnh*” (Một hạnh tín nguyện trì danh), tín nguyện trì danh chính là đầy đủ ba điều kiện của pháp môn Tịnh tông. Chân tín, nguyện thiết, ta không có mong mỏi gì khác, chỉ mong sanh về Tịnh Độ, chỉ mong thân cận Di Đà, trừ nguyện vọng đó ra, nguyện vọng gì cũng không có. Một cái nguyện ấy đã đầy đủ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Theo như Ngẫu Ích đại sư đã giảng trong sách Yếu Giải, tín và nguyện ấy thực sự là đại Bồ Đề tâm, quyết định được sanh vào Tịnh Độ. Quý vị trì danh thì trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị của chính mình cao hay thấp hoàn toàn do công phu trì danh sâu hay cạn. Quý vị cật lực niệm Phật, vì lẽ gì? Nhằm nâng cao phẩm sen, chứ không vì gì khác. Công phu thực sự thành thực, nắm chắc vãng sanh. Nói cách khác, lúc nào quý vị cũng có thể ra đi được, không có một tí chướng ngại gì. Lại chú tâm quan sát trong thế gian này còn ai có duyên phận hay không. Nếu có duyên phận, chẳng nóng lòng ra đi, mà mong mang thêm mấy người nữa. Chú tâm quan sát thấy không có duyên phận, bèn an tâm ra đi.

Trong Vãng Sanh Truyện thời cận đại, chúng ta thấy đồ đệ của lão hòa thượng Đê Nhân là pháp sư Đàm Hư, cụ Đàm kể cho chúng ta nghe rất nhiều chuyện. Xưa kia tại chùa Cực Lạc ở Cấp Nhĩ Tân (Harbin), pháp sư Tu Vô công phu niệm Phật chín muồi, thấy không ai có duyên phận [với Sư]. Sư sống trong đạo tràng, do vì tự mình chưa từng đi học, không biết chữ, làm việc nặng trong đạo tràng. Tuy Sư công phu niệm Phật chín muồi, nghĩ không ai tôn trọng mình, không ai tin tưởng mình, chỉ có tự mình ra đi, công phu vừa chín muồi liền lập tức ra đi. Đi rồi, mọi người mới tin tưởng, mới khâm phục, khen ngợi Sư. Nếu Sư không mất, không ai coi trọng Sư. Do vậy, Sư công phu đã thành tựu, bèn phải ra đi. Nếu trong cuộc sống quý vị tu dưỡng đạo đức, thành tựu học vấn, có rất nhiều người tôn trọng, tin tưởng, quý vị nói ra họ chịu tiếp nhận, thì khi công phu thành thực, quý vị chẳng thể đi. Là vì trong thế gian này, có không ít người có duyên cùng quý vị. Có duyên thì chẳng thể đi; vô duyên thì lập tức ra đi. Như vậy, người công phu thành thực trụ thế lâu dài, chẳng do ý mình mà hoàn toàn vì duyên phận. Hữu duyên bèn trụ, duyên hết bèn đi, đó là “*thừa nguyện tái lai*”.

Như vậy, câu này rất trọng yếu, tín nguyện trì danh, phương pháp tu hành này “*bất thiệp thi vi, viên chuyển Ngũ Trược*” (không cần phải

tao tác, chuyên trọn vẹn Ngũ Trược). Phạm vi của hai chữ “*thi vi*” rộng rãi vô cùng. Hết thấy hành vi thế gian, xuất thế gian đều có thể buông xuống, cũng có thể nói, pháp môn Niệm Phật này có cần các pháp môn khác hỗ trợ hay không? Không cần! Pháp thế gian hay xuất thế gian đều không cần đến, thấy đều buông xuống. “*Viên chuyển Ngũ Trược*”, phần trên tôi đã nói rồi, chỉ cần có lòng tin mới có thể vào cửa, phải có lòng tin thực sự. Quý vị có lòng tin hay không thì từ trong cuộc sống thường nhật của quý vị sẽ có thể thấy ngay. Vì sao? Quả thật là tin tưởng chân thật thì sẽ buông xuống vạn duyên. Còn có gì chưa buông xuống được, còn có phân biệt, còn có chấp trước thì lòng tin chưa có cội rễ, chẳng phải là lòng tin chân thật. Chẳng thể nói là kẻ ấy không tin, cũng chẳng thể nói là có lòng tin. Vì sao không buông xuống được? Vì có nghi lự; nói cách khác, nghi tình đối với pháp môn này chưa đoạn, nên trong tín nguyện có xen tạp. Những xen tạp ấy là chướng ngại nghiêm trọng cho việc tu học pháp môn này, chướng ngại công phu chẳng thể thành phước, không chắc được vãng sanh!

Trong tình hình đó, làm cách nào để giúp đỡ kẻ ấy? Nghe kinh, học giáo. Nghe kinh là chuyên nghe kinh sách Tịnh tông. Kinh sách Tịnh tông gồm sáu loại, tức “năm kinh, một luận”. Hoặc là chuyên nghe kinh A Di Đà, hoặc là chuyên nghe kinh Vô Lượng Thọ, như vậy mới được. Cứ nghe nhiều lần, phải nghe bao nhiêu lần? Nghe đến khi quý vị thực sự tin tưởng, nghi hoặc, nghi tình thực sự đoạn, vạn duyên buông xuống, lúc ấy mới có thể không nghe nữa. Một câu Phật hiệu niệm đến cùng cực là được, đó gọi là “*chân tín*”. Quý vị phải hiểu mục đích của việc nghiên cứu giáo pháp là đoạn nghi sanh tín. Phải đầy đủ tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, thực sự có thành tựu.

“*Phi tư nghị sở hành cảnh giới*” (cảnh giới sở hành chẳng thể nghĩ bàn), “*phi tư nghị*” là “*bất khả tư nghị*”. Vì sao nói “*chẳng thể nghĩ bàn*”? Phần trên đã nói rồi, cảnh giới này là cảnh giới sở hành của chư Phật, niệm Phật thành Phật là cảnh giới sở hành của chư Phật. Chúng sanh trong chín pháp giới ai niệm Phật người ấy thành Phật, đó là chẳng thể nghĩ bàn! Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu niệm Phật, không một ai chẳng thành Phật, đời sau thành tựu Phật pháp, đều là hoành siêu. Do vậy, loại Phật pháp này được gọi là pháp khó tin.

“*Thiết phi Bốn Sư lai nhập ác thế, thị đắc Bồ Đề, dĩ đại trí, đại bi, kiến thử, hành thử, thuyết thử, chúng sanh hà do bất thử dã tai*” (Nếu không phải là đức Bốn Sư vào trong đời ác, thị hiện đắc Bồ Đề, dùng đại trí, đại bi, thấy điều này, hành điều này, nói điều này, chúng sanh do đâu

mà được bảm thọ pháp này vậy?) Chuyện này mấy ai biết? Đừng nói là những người nghiên cứu Phật pháp không biết, nói thật ra, người tu học Tịnh Độ, tại gia hay xuất gia, lại có được mấy người biết? Thực sự là họ không biết, bởi thế, công phu chẳng thể thành tựu, công phu chẳng thể thành phiền, trong một đời này chẳng thể vãng sanh. Nếu thực sự hiểu, không một ai sẽ chẳng thành tựu trong đời này. Quý vị thực sự hiểu, quý vị sẽ cảm ân! Đây là giả thiết, nếu đức Thích Ca Mâu Ni Phật (Bổn Sư là Thích Ca Mâu Ni Phật) không thị hiện trong thế gian này, nhằm đúng đời ngũ trược ác thế này, ở trong thế gian này biểu diễn niệm Phật thành Phật, “*thị hiện đắc Bồ Đề*”, tức là vì chúng ta biểu diễn niệm Phật thành Phật; trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta “*vì người diễn nói*”, Thích Ca Mâu Ni Phật tự thực hiện. Phật vì chúng ta biểu diễn, vì chúng ta nói rõ Ngài tu học pháp môn này. Pháp môn này là Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, chúng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như vậy.

“*Dĩ đại trí*” (dùng đại trí), trí huệ viên mãn rốt ráo, tâm từ bi triệt để, thấy trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này thành tựu nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, thành tựu cao nhất, không gì sánh bằng. Một đời viên mãn thành tựu, chẳng cần đợi đến đời thứ hai, một niệm, mười niệm đều có thể thành công. Mấu chốt ở nơi đây là quý vị phải thực sự hiểu được đạo lý này, triệt để liễu giải phương pháp chẳng thể nghĩ bàn. Có thể thực sự buông xuống được! Tôi thường nhắc đến mười sáu chữ, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, một câu Phật hiệu niệm đến cùng tột, không có một ai chẳng thành công, không một ai chẳng vãng sanh.

Dù là vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Ngẫu Ích đại sư bảo cũng là chẳng thể nghĩ bàn! Bởi lẽ, Tây Phương Tịnh Độ là pháp giới bình đẳng, sanh vào cõi Đồng Cư là sanh vào cõi Thật Báo, là sanh vào cõi Thường Tịch Quang! Sanh vào một là sanh vào hết thảy, mười phương các cõi Phật không tìm được cõi nào giống như vậy. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, hằng ngày nghe A Di Đà Phật răn dạy, hằng ngày cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc những vị đại Bồ Tát như thế, nắm tay cùng đi. Mọi người sống cùng một chỗ, học tập cùng một chỗ, tìm đâu ra được hoàn cảnh ấy! Thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật thấy những lợi ích ấy, tự bản thân Ngài làm được. Ngài nói: “*Ngã kiến thử lợi*” (ta

thấy sự lợi ích ấy), nhưng nếu chính Ngài không làm, ắt chúng ta hoài nghi. Thực sự thấy lợi ích ấy thì nhất định phải làm; nếu không làm, ông nói lợi ích tốt đẹp dường ấy, tôi nghe rồi cười hì hì, không dám tin tưởng! Thực sự làm, thực sự nói!

Bởi vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp môn Tịnh Độ rất nhiều lần trong suốt bốn mươi chín năm, chuyên giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Cổ đức bảo kinh Vô Lượng Thọ không chỉ giảng một lần, mà kinh Vô Lượng Thọ tối thiểu phải giảng ba lần. Trong hiện tại, chúng ta thấy có năm bản dịch gốc, chú ý xem kỹ từng bản thì thấy nguyên bản của những bản dịch chắc chắn không thể chỉ là một. Nếu là cùng một bản thì khi phiên dịch ra, dù người phiên dịch khác nhau thì cũng chỉ đại đồng tiểu dị, không thể sai biệt nhiều như vậy. Năm bản dịch gốc khác biệt nhau rất nhiều; rõ ràng nhất là số lượng các nguyện khác nhau. Trong năm bản ấy, hai bản nêu bốn mươi tám nguyện, hai bản nêu hai mươi bốn nguyện, một bản nêu ba mươi sáu nguyện. Nếu quý vị bảo là cùng từ một bản Phạn Văn dịch ra thì không thể có sai biệt như vậy được, chắc chắn không phải là một bản. Do vậy, cổ nhân nói tối thiểu phải có ba thứ nguyên bản, tức là có ba thứ bản gốc bất đồng. Nói cách khác, đức Thế Tôn diễn giảng ba lần khác nhau.

Trong số đó lại còn có bảy bản dịch bị thất truyền, bảy bản dịch có khác nhau hay không, ta không biết. Vì vậy, khẳng định Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên thuyết kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần, cả một đời giảng kinh của lão nhân gia chưa từng có hiện tượng ấy. Nhiều lần tuyên nói, ắt phải hết sức trọng yếu! Đó là nhằm “*thuyết thử*” (nói điều này). Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật không vì chúng ta nêu gương, nhiều lần tuyên thuyết, khuyên dạy, “*chúng sanh hà do bả thử*” (chúng sanh nhờ vào đâu [để lãnh nhận] pháp này), tức là chúng sanh nhờ vào đâu để tu học pháp môn này? Cái để chúng ta nhờ cậy chính là gì? “*Bả*” (稟) là nhờ vào, nhờ vào cái gì? Nhờ vào Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn lượt xót lòng buốt họng tuyên nói khuyên dạy, chắc chắn không giả. Đó là đức Phật thực sự đại từ đại bi lưu lộ!

Hiểu đến mức độ này, quý vị mới thực sự cảm ơn! Cảm ơn thì dùng cách nào để báo đáp? Y giáo phụng hành! Trong một đời này, y theo pháp môn này được sanh về Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà mới là báo đáp đại ân của Thích Ca Mâu Ni Phật, mới hồng báo đáp ân đức của mười phương chư Phật khen ngợi trong pháp hội này. Mười phương Phật khen ngợi khiến cho tín tâm của chúng ta được thành tựu, đoạn trừ

nghi hoặc cho chúng ta. Lại xem tiếp đoạn kể.

“*Nhược bất thâm tri kỳ thâm nan, tương vị cánh hữu biệt pháp khả xuất Ngũ Trược*” (Nếu chẳng biết sâu xa là rất khó, sẽ nói còn có pháp khác để thoát Ngũ Trược). Nếu quý vị không biết (“*tri*” ở đây là biết sâu xa, không phải là biết nông cạn) thì khó lắm! Chuyện gì khó? Vượt thoát lục đạo luân hồi thật khó! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp nào cũng phải đoạn phiền não, phải đoạn Kiến Tư phiền não, trong phần trên gọi [Kiến Tư phiền não] là Ngũ Trược. Nói thật ra, cái nhân của Ngũ Trược là Kiến Trược và Phiền Não Trược, ba thứ kia là quả báo, nhân lẫn quả đều trược. Ai có năng lực đoạn Kiến Tư phiền não? Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, bởi lẽ, lục đạo luân hồi do Kiến Tư phiền não biến hiện.

Lúc tôi mới học Phật, hâm mộ kinh giáo, đặc biệt thích kinh giáo. Sau khi thâm nhập một chút mới biết là thực sự khó. Nhân duyên dốc lòng nơi Tịnh Độ vẫn là nhờ vào kinh giáo, tôi đã thưa cùng quý vị nhiều lần. Tôi giảng Lăng Nghiêm bèn phát hiện trong hai mươi lăm pháp Viên Thông, pháp do Quán Âm và Thế Chí thị hiện đúng là môn viên thông đặc biệt. Quán Âm và Thế Chí thuộc vào Tây Phương Tam Thánh trong pháp môn Tịnh Độ, pháp môn được các Ngài chỉ dạy trong hội Lăng Nghiêm là pháp môn đặc biệt, ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Cuối kinh Hoa Nghiêm, “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, hai vị đại sĩ Văn Thù và Phổ Hiền phát nguyện nói kệ cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhờ thế tôi mới phục, mới buông bỏ nghi hoặc. Vì sao? Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí là những vị trong tâm chúng tôi kính ngưỡng, ngưỡng mộ nhất. Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì tôi còn gì để nói nữa, phải làm theo thôi! Chết sạch lòng mong ngóng, chup giật, so đo, khiêm hư sát đất, không còn nghi hoặc nữa!

Về kinh giáo, tôi cũng đã kể cùng quý vị nhiều lần, sau khi tôi hiểu rõ, kinh giáo cũng buông xuống. Hiện thời vẫn còn giảng nhiều kinh điển là vì thế tục nhân tình, quá nhiều người khái thỉnh, tôi suy nghĩ: Nếu không giảng sẽ có lỗi. Vì vậy, bỏ chút thời gian giúp đỡ hậu học, dụng ý là như vậy. Nếu thực sự chỉ vì chính mình, thì tôi đã từng thưa cùng quý vị rồi đó, tôi chỉ giảng một bộ kinh, bộ nào vậy? A Di Đà Kinh Yếu Giải. Bộ này tôi được lợi ích lớn nhất, tôi ưa thích A Di Đà Kinh Yếu Giải nhất! Một bộ ấy là đủ rồi, há còn phải làm gì khác? Liên Trì đại sư nói: “*Tam Tạng mười hai bộ kinh dành cho người khác ngộ*”. Bao nhiêu năm qua, tôi thâm thập các sách vở thế gian và xuất thế gian

không ít, nay bày đây trong phòng học của chúng ta. Tôi có muốn đọc những sách ấy nữa hay không? Không! Tôi chưa từng mong đọc nhiều sách như thế. Vì sao lại phải thân thật nhiều như vậy? Sợ chúng bị thất truyền. Thế giới hiện nay nhằm thời loạn, tìm được một chỗ an toàn để tàng trữ, lưu lại cho hậu nhân, dụng ý của tôi là như vậy.

Bởi vậy, chỉ cần là người thích đọc sách, tìm đến đây, tôi đều hoan hỷ, tôi đều cúng dường, tôi vui lòng thành tựu người ấy. Ở chỗ tôi đây, sách vở Nho, Thích, Đạo đều có, nhưng sách vở Đạo Gia khá ít, hiện thời người học cũng không nhiều, học Phật và Nho nhiều hơn. Các bạn đồng học nếu hiểu dụng tâm của tôi, hiểu rõ sự tu học của tôi sẽ thấy tôi “*một môn thâm nhập*”. Tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, lần giảng này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một. Vì sao phải giảng kinh này? Vì được hai người phó thác. Người thứ nhất là thầy tôi, tức lão cư sĩ Lý Bình Nam, cụ đem bản [hội tập] này giao cho tôi, muốn tôi hoằng dương, lưu truyền rộng rãi. Vị thứ hai là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ phó thác, bản này cả thế giới không có ai giảng, thuở ấy chỉ có cụ giảng, trong nước (Trung Hoa Đại Lục) chỉ có cụ giảng, ở ngoại quốc chỉ có mình tôi giảng. Hiện tại, dần dần người học tập kinh Vô Lượng Thọ, người giảng giải kinh Vô Lượng Thọ nhiều hơn. Người xuất gia lần tại gia, không ít người đều giảng, đó là chuyện tốt! Lần giảng thứ mười một này là giảng chi tiết, tường tận, ngõ hầu lưu lại tài liệu tham khảo cho các đồng học đang học tập kinh Vô Lượng Thọ. Nếu trong tương lai vẫn còn có sức, vẫn còn sống, tôi nhất định chuyên giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, đi khắp nơi giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải để kết duyên cùng đại chúng. Như vậy, chúng ta phải hiểu muốn đoạn phiền não, thoát tam giới, khó lắm, rất khó! Không có phương pháp thứ hai nào mà hồng thành tựu. Tiếp theo, Tổ nêu tỷ dụ:

“*Hỏa trạch chi trung, hý luận phân nhiên*” (Trong nhà lửa, hý luận tung bưng). Hôm nay chúng tôi đọc đến hai câu này, cảm khái rất sâu. “*Tam giới hỏa trạch*” (nhà lửa ba cõi) là câu nói của đức Phật trong kinh Pháp Hoa. Khi xưa tôi đọc Pháp Hoa, đọc đến câu này, cảm xúc không sâu đậm. Nay nhìn vào xã hội hiện tại, đúng là nhà lửa! Tai nạn dồn dập, có thể nói là người sống trên địa cầu này, có mấy ai thân tâm an ổn? Tợ hồ tìm chẳng được một ai! Quý vị hãy đi hỏi: “Ông có cảm thấy an toàn hay chẳng?” Người ta sẽ đáp: “Không cảm thấy an toàn!” Trong một đời, bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, bất luận sống tại một địa phương nào, đều không có cảm giác an toàn! Quý vị nói có phải đáng sợ hay không? “*Hý luận tung bưng*”, hý luận là tà tri tà kiến, ngày nay quá

rõ ràng. Quý vị thấy truyền hình phát đi những gì? Nội dung của báo chí, tạp chí là gì? Trên Internet đăng tải những gì? Hý luận tung bừa!

“*Duy thâm tri kỳ thậm nan*” (Chỉ có ai biết sâu xa điều này rất khó), chỉ có những ai thực sự biết sâu sắc chuyện này, tức là biết liễu sanh tử thoát tam giới rất khó thì sau đấy mới “*tử tận thâm tâm*” (chết sạch cái tâm tham nóng), buông hết thầy pháp môn xuống, “*bảo thủ nhất hạnh*” (quý báu một hạnh này), một hạnh ấy là gì? Một hạnh “tín nguyện trì danh”. Tín nguyện trì danh nương theo kinh điển đơn giản nhất, đáng tin cậy nhất là ba bộ sách:

- Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh: Nay ta chọn bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chủ yếu là giúp chúng ta sanh khởi tín tâm, giúp chúng ta phát nguyện, rồi mới tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ.

- Ngoài ra còn có hai bộ, A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải.

Ba bộ sách này chỉ cần hành theo một bộ bèn thành công, chết sạch cái tâm mong nóng, khiêm hư sát đất [y giáo phụng hành]. Có thể học cả ba bộ ấy, rất tốt! Chúng hỗ trợ, thành tựu lẫn nhau, khiến quý vị càng hiểu sâu thêm, càng thấu triệt. Nếu không có thời gian, không có nhiều tinh lực thì chỉ học một bản là được rồi!

“*Tử tận thâm tâm*” (chết sạch tấm lòng tham nóng), câu này rất trọng yếu, quý trọng một hạnh này. Thế nào là “*thâm tâm*” (cái tâm trộm cắp, ở đây tạm dịch là “cái lòng tham nóng”)? Thâm tâm là cái tâm chụp giựt cơ hội: Có phải là còn có pháp môn nào tốt hơn hay không? Có phải là còn có pháp nào nhanh chóng hơn hay không? Tổ sư đại đức bảo chúng ta: Không hề có, chỉ có mỗi một môn này! “*Thử Bốn Sư sở dĩ cực khẩu thuyết kỳ thậm nan, nhi thâm chúc ngã đẳng đương tri dã*” (Do vậy, Bốn Sư phải hết lời nói đây là pháp rất khó, dạn dò sâu xa, chúng ta phải biết như vậy). Đức Thế Tôn quả thật ở trong thế gian này “vì hết thầy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó”, một lần nữa, đức Phật lại bảo cùng chúng ta pháp này rất khó, chúng ta phải biết. Biết điều gì? Biết lục đạo luân hồi, ngũ trược ác thế rất khó vượt thoát. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nhắc nhở chúng ta “*Ngũ Trược nan siêu*” (khó thể vượt thoát Ngũ Trược).

Thứ nhất là Kiếp Trược, “*quyết định vị thời sở vi, vị khổ sở bức*” (quyết định bị thời kiếp vây hãm, bị sự khổ bức bách). “*Quyết định*” nghĩa là khẳng định, đây là nói về Kiếp Trược, hiện nay đang là thời đại nào? Thời đại hiện tại có thể nói là kể từ khi có lịch sử đến nay, chưa bao giờ có thời đại nào ô nhiễm nghiêm trọng đến thế, ai có năng lực

không bị ô nhiễm trong thời đại ô nhiễm lớn lao này? Không thể nào! Tà tri, tà kiến, ngũ dục, lục trần dục hoặc tội bậc! Quý vị có thể không bị dục hoặc hay chăng? Chỉ cần quý vị bị dục hoặc, quý vị nhất định bị sự khổ bức bách, không có cách nào lia khổ được vui! Nay quý vị tưởng là hưởng thụ một chút, có chút vui sướng nhỏ nhoi, nhưng sự vui ấy là gì? Chúng tôi thường nói nó là ma túy, là uống thuốc độc, không phải là sự vui chân chánh, đáng hoàng. Quý vị hưởng một chút vui, nay ở trong thế gian hưởng niềm vui ngũ dục lục trần thì phải trả giá bao nhiêu?

“*Kiến Trược: Quyết định vị tà trí sở triền, tà sư sở hoặc*” (Kiến Trược: Quyết định bị tà trí trôi buộc, bị tà sư mê hoặc). Đây là nói về kiến giải. Kiến giải bị nhuốm bản, chẳng rời khỏi tà tri tà kiến, chẳng tách khỏi tà sư thuyết pháp, nhất định sẽ bị ảnh hưởng.

Thứ ba, “*Phiền Nã Trược: Quyết định vị tham dục sở hãm, ác nghiệp sở thích*” (Phiền Nã Trược: Quyết định bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp chích đốt¹⁴). Nay chúng ta gọi Kiến Trược là cuộc sống tinh thần. Phiền Nã Trược là coi trọng cuộc sống vật chất, không có cách nào buông được sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chắc chắn phải cạnh tranh với hết thảy mọi người trong thế gian, cạnh tranh là khổ. Quý vị hy vọng được hưởng ngũ dục, lục trần tốt hơn thì sẽ tạo ác nghiệp. Quý vị vẫn không hiểu phương pháp, tạo ác nghiệp ắt phải chịu ác báo.

“*Chúng Sanh Trược: Quyết định an u uế liệt, bất năng đồng giác, phân phi*” (Chúng Sanh Trược: Quyết định ở yên trong nhơ bẩn, hèn kém, chẳng thể hiểu thấu suốt, bay cao). Quyết định ở yên trong đời ác ngũ trược, quý vị cứ ở trong ấy không biết giác ngộ, không thể mạnh mẽ vĩnh viễn thoát ly sáu nẻo luân hồi.

Điều cuối cùng là “*Mạng Trược: Quyết định vị vô thường sở thốn, thạch hỏa, điển quang, thổ thủ bất cập*” (Mạng Trược: Quyết định bị vô thường nuốt chửng, như ánh lửa xẹt từ đá, như ánh chớp, trở tay không kịp). Vô thường là gì? Vô thường là chết! Quý vị không cách gì tránh được cái chết, lúc cái chết xảy đến, trở tay không kịp, có hối cũng không kịp. Lúc ấy biết là sai đã quá muộn. Huống chi rất ít người lúc sắp chết biết mình lầm, ít lắm! Đến khi nào biết mình đã lầm? Đến lúc tự mình đọa lạc tam đồ, mới biết mình thực sự lầm lạc.

Nay đã hết giờ rồi!

¹⁴ Thích (螫): Côn trùng như ong kiến châm đốt thì gọi là Thích. Ở đây, phiền nã khiến con người ta đau đớn, bứt rứt, vật vã như bị ong đâm kiến đốt nên mới dùng chữ Thích để tỷ dụ.

Tập 39

Chư vị đồng học!

Hôm nay chúng ta xem đến đoạn cuối cùng của kinh văn này:

Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phát cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

(Phật nói kinh này xong, Xá Lợi Phát và các tỳ-kheo, hết thầy thế gian, trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ mà lui).

Đây là đoạn cuối cùng của kinh này, đoạn này nói thính chúng nghe kinh đạt được lợi ích, chính là đoạn tổng kết của cả bản kinh. Chúng tôi đặt tiêu đề cho đoạn này là “đại chúng đắc ích, kết khuyến”.

“Văn Phật sở thuyết” (nghe lời Phật dạy), ý nói: Đức Phật giới thiệu kinh này đã hoàn tất, bọn họ được lợi ích. Nói chung, lợi ích gồm bốn loại:

1) Thứ nhất là hoan hỷ: “*Thân tâm di duyệt, tâm khai ý giải*” (Thân tâm vui sướng, tâm khai ý giải). Thật ra, không có cách nào hình dung sự hoan hỷ này! Trong các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, pháp này thực sự khó gặp gỡ. Trong một đời này, có thể vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Không chỉ như vậy, mà còn đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: “*Năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (có thể lìa hết thầy nỗi khổ thế gian). So với kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh này càng thù thắng hơn! Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo giảng về tự lực cảm động Phật, Bồ Tát gia trì; còn kinh này dạy chúng ta chấp trì danh hiệu nếu viên mãn bèn được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đồng thời được mười phương hết thầy chư Phật Như Lai hộ niệm, không có pháp môn nào thù thắng như thế! Chúng ta nghe thấy, sao không hoan hỷ? Nếu chú tâm quán sát, tư duy, sẽ thấy mọi pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào sánh bằng được niềm hoan hỷ ấy.

“*Thân tâm di duyệt*” (thân tâm vui sướng) tức là pháp hỷ sung mãn, niềm hoan hỷ ấy từ tự tánh lưu lộ. Đây là nói về quả, do nguyên nhân nào mà quý vị có được pháp hỷ thù thắng như vậy? Do “*tâm khai ý*

giải”. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*mao tắc đốn khai*” (cái nút bấc được mở ra nhanh chóng, ý nói: Đột nhiên minh bạch), còn nhanh gì bằng! Nếu nay ta dùng cái nút bấc (cork) để làm tỷ dụ, từ vô thì kiếp đến nay giống như cái nút bấc đậy chặt, chưa hề có cách mở ra, nay nghe Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói pháp môn này, [cái nút bấc ấy] bèn nhanh chóng bật tung ra. Quý vị nghĩ xem, điều này có ý nghĩa gì? Đồng thời lại phải nghiêm túc phản tỉnh, chúng ta nghe kinh này xong, có thực sự tâm khai ý giải hay không? Nếu quả nhiên tâm khai ý giải, chắc chắn quý vị buông xuống vọng duyên, chắc chắn cũng lập tức bỏ ngay vọng tưởng, phân biệt, khai ngộ nhanh bèn buông bỏ nhanh, bỏ nhanh nên khai ngộ nhanh. Nếu vẫn không buông xuống được thì cái nút chai của quý vị vẫn chưa mở được! Dầu đã đượm một chút hơi ấm¹⁵, cái nút ấy vẫn không nhúc nhích chút nào! Nói theo Phật pháp là nghiệp chướng của quý vị trì kéo quá nặng!

Có cứu được hay chẳng? Thiện Đạo đại sư nói: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung do gặp duyên khác nhau). Duyên phải cấy vào chính mình. Duyên gì? Nghe nhiều. Nay quý vị đã nghe kinh này một lần thì nghe lần nữa, nghe thêm lần nữa. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy được nghĩa). Hiện tại, quý vị muốn nghe một ngàn lần sẽ không khó! Trước kia, không dễ gì, ai chịu giảng cho quý vị nghe đây? Nay chúng ta có băng âm, băng hình, quý vị muốn nghe cả ngàn lần thực sự chẳng khó. Như mấy năm trước đây, lão cư sĩ Trần Quang Biệt ở Tân Gia Ba một ngày nghe suốt tám tiếng, thật giống như thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh thuyết pháp. Lúc Phật tại thế, mỗi ngày giảng kinh hai thời, hai thời bằng với tám tiếng đồng hồ hiện thời. Tám tiếng đồng hồ giảng kinh, nghe kinh; tám tiếng đồng hồ niệm Phật. Nếu quý vị thực sự làm được như vậy, làm chừng mười năm, hai mươi năm, những thiện căn chứa đựng trong A Lại Da Thức của quý vị không đủ sẽ đều được bổ sung đầy đủ hết. Chắc chắn quý vị đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên viên mãn, chúng tôi tin là không những quý vị vãng sanh mà còn là vãng sanh bậc thượng. Vì sao? Thực sự tâm khai ý giải!

Tôi đã thừa cùng quý vị rất nhiều lần, tôi là kẻ căn tánh trung hạ. Thầy khuyên tôi tu pháp môn này, tôi vẫn rất hoài nghi, hoài nghi suốt nhiều năm, rất khó tiếp nhận. Đúng là như kinh này nói, pháp này khó

¹⁵ Đây là dùng cách mở nút chai bằng cách hơi nóng cổ chai để làm tỷ dụ. Nghe pháp môn này mà không buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được thì cũng giống như nút chai bị hơi chưa đủ nóng, nút chai không bung ra được!

tin. Một đời này, thiện căn, phước đức, nhân duyên được bổ sung đầy đủ. Bổ sung đầy đủ bằng cách nào? Ngày ngày giảng kinh. Ngày ngày thân cận Phật, Bồ Tát, năm mươi hai năm! Năm mươi hai năm, cả một thời gian như thế để bổ sung cho đủ! Không có thời gian dài như vậy, ắt không xong! Vì thế, học Phật, từ kinh nghiệm cả một đời tôi nhận ra, nếu quý vị muốn thực sự thành tựu, nói thật ra, trong thời kỳ Mật Pháp, thiện căn, phước đức, nhân duyên thực sự không nhiều, chẳng đạt được những tiêu chuẩn như kinh đã nói. Tiêu chuẩn theo kinh dạy là “*bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Nói cách khác, phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, lời ấy nói vô cùng hợp lý. Trong một đời này, gặp được pháp Tịnh Độ, có thể vãng sanh hay không, có thể nâng cao phẩm vị hay không thì lời khai thị này là mấu chốt!

Người đọc kinh Di Đà, người tu Tịnh Độ, thậm chí người giảng kinh Di Đà có xem trọng câu nói ấy hay không? Mấu chốt nằm trong câu nói ấy! Phải biến ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên của bản thân chúng ta thành nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên thì vấn đề được giải quyết. Chuyển biến như thế nào? Ngày ngày thực hiện, nắm chắc không bỏ. Đương nhiên, lúc mới học, chưa buông vạn duyên xuống được. Nếu thực sự làm được, làm trong mười năm, hai mươi năm, nếu đạt đến tâm khai ý giải thì hết thấy vạn duyên không kêu quý vị bỏ xuống, quý vị cũng tự nhiên buông xuống, đâu cần ai phải khuyên! Vì sao? Giống như chúng ta đi đường xa, tay cầm túi xách quá nặng, những thứ lặt vặt tạp nhạp chứa trong túi xách ấy đều trở thành vô dụng, đều có thể vứt đi hết. Đến khi tâm khai ý giải, ta có còn phải làm gì nữa hay không? Thấy đều bỏ sạch rồi! Tự nhiên buông xuống được, thân tâm vui sướng.

Do vậy, khi giảng kinh tôi cũng thường nói: Mọi người học Phật vì sao công phu chẳng thể tiến bộ? Là vì quý vị không có pháp hỷ, tôi cũng thường nêu tỷ dụ: Quý vị không nếm được pháp vị. Giống như ăn uống trong thế gian, quý vị không thường thức được mùi vị. Đã nếm được hương vị ấy, bất cứ vị nào trên cõi trời hay trong nhân gian cũng không thể sánh bằng vị này. Do vậy, tự nhiên quý vị bỏ được, bỏ sạch sành sanh. Sách Di Đà Kinh Yếu Giải là vô thượng pháp bảo! Lời Ấn Quang đại sư không quá mức chút nào cả! Tôi hoàn toàn đồng ý với lời tán thán của lão pháp sư.

2) Có hoan hỷ thì mới có thể “*tin nhận*”; như vậy, hiện thời nói

“*tin nhận*”, thật ra, rất miên cưỡng. Vì sao? Vì tâm hoan hỷ chưa sanh khởi. Tâm hoan hỷ thực sự sanh khởi sẽ thực sự tin tưởng, thực sự tiếp nhận. “*Hào vô nghi nhị, lãnh nạp bất vong*” (không nghi ngờ mảy may, lãnh nhận chẳng quên). Đoạn sạch nghi hoặc, sanh tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định; đã có tín tâm thì nguyện tâm nhân đó bèn sanh khởi, ta còn nghĩ gì nữa không? Mục tiêu và phương hướng chỉ có một, ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, ta nghĩ đến A Di Đà Phật. Trong vũ trụ, rất nhiều cõi Phật, ta chỉ cầu thế giới Cực Lạc. Chư Phật Như Lai rất nhiều, ta chỉ cầu thân cận A Di Đà Phật. Ta rất thanh tịnh, rất minh bạch, thân cận A Di Đà Phật là thân cận hết thấy chư Phật Như Lai, kinh giảng rất rõ ràng!

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: “*Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, tịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (Chúng sanh cõi ấy thường vào sáng sớm, mỗi người dùng lẵng hoa đựng những thứ hoa màu nhiệm, cúng dường mười vạn ức Phật ở các phương khác). Đối với câu này, trong chú giải của các vị đại sư như Liên Trì và Ngẫu Ích đều nói “*mười vạn ức*” không phải là con số mà nhằm biểu thị pháp. Vì sao biểu thị pháp lại dùng chữ “*mười vạn ức*”? Có hai nghĩa. Vì khoảng cách giữa Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà là mười vạn ức cõi Phật nên đặc biệt dùng câu này để thuyết minh: Đến Tây Phương Cực Lạc rồi có thể thường trở về thế giới Sa Bà, hằng ngày đều có thể trở về được, có ý nghĩa như vậy. Ý nghĩa thực sự là vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương, hằng ngày quý vị đều có thể đến được những nơi ấy. Do vậy, trong bản chú giải của Ngẫu Ích đại sư, ở phần trên chúng ta đã đọc rồi đó, có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh về hết thấy thế giới của chư Phật, thấy A Di Đà Phật là thấy hết thấy chư Phật Như Lai, chúng ta phải hiểu đạo lý này, trong các pháp môn khác không có đạo lý ấy. Thực sự sanh khởi tín tâm, sanh khởi nguyện tâm. “*Thọ*” (受) là hành, y giáo phụng hành. Như vậy, ý nghĩa của hai chữ “*tín thọ*” (信受) là tín nguyện trì danh, trọn đủ ba tư lương!

Bằng một hội này, không biết đức Phật đã độ bao nhiêu chúng sanh! Thích Ca Mâu Ni Phật một đời thị hiện, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, hội nào độ chúng sanh nhiều nhất? Một hội Di Đà độ chúng sanh nhiều nhất, độ chúng sanh triệt để nhất, viên mãn nhất, rốt ráo nhất! Chúng ta phải hiểu như vậy! Hội Hoa Nghiêm nhằm độ Pháp Thân đại sĩ, chứ không độ kẻ bình phàm, chúng sanh trong chín pháp giới không có năng lực tham dự pháp hội Hoa Nghiêm của đức Thế Tôn.

Vì sao? Pháp hội Hoa Nghiêm được giảng trong Định, vì thế, pháp Tiểu Thừa không thừa nhận [kinh Hoa Nghiêm]. Pháp Tiểu Thừa cho rằng đức Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp lần đầu tiên tại Lộc Dã Uyển độ năm tỳ-kheo, khởi đầu từ đó. Dưới cội Bồ Đề, [đức Phật] ngồi nhập Định, bọn họ không biết điều này, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, nhập Định mười bốn ngày tuyên giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, người nghe là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta cũng thấy trong kinh ấy có nhiều nhân chúng, thiên chúng, quỷ thần chúng, chẳng phải là rất nhiều [loại thánh chúng] đó sao? Những vị ấy là ai? Họ đều là Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong lục đạo, không thực sự là phàm phu. Do vậy, quý vị thấy thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần thảo mộc chính là chư Phật Như Lai hay Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn! Phàm phu không có cách gì tham dự pháp hội này!

Nếu quý vị chú tâm quán sát pháp hội ấy sẽ thấy mâu nhiệm đến cùng cực! Cuối kinh, Văn Thù, Phổ Hiền “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”; do vậy, hội Hoa Nghiêm nhằm độ Pháp Thân đại sĩ vãng sanh Cực Lạc. Bởi thế, quý vị hiểu kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ nhằm độ chúng sanh trong chín pháp giới, tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Đại sự nhân duyên “độ chúng sanh thành Phật đạo” của Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương tam thế hết thấy chư Phật Như Lai đến đây viên mãn rốt ráo. Hết thấy những kinh luận khác đều là đức Phật đại từ đại bi đối với những ai mà nói? Đối với những kẻ ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên mà nói. Vì sao? Họ chẳng thể thành tựu trong một đời, họ chẳng thể tiếp nhận pháp môn này. Do vậy, đức Phật từ bi, quý vị thích tiếp nhận pháp môn nào, đức Phật liền vì quý vị giảng pháp môn ấy. “*Tùy chúng sanh tâm, ứng khả tri lượng*” (thuận lòng chúng sanh, ứng theo khả năng hiểu biết của họ). Rốt ráo viên mãn là hai bộ kinh này.

Chúng ta học Phật, hằng ngày nghiên cứu kinh giáo, nếu đối với mật nghĩa, đối với ý nghĩa này của Thích Ca Mâu Ni Phật mà không thể nhìn ra, tức là học uống công. Như vậy, hàng hậu học chúng ta là kẻ làm học trò, phải bắt chước thầy, hiểu được ý thầy, hiểu phương tiện thiện xảo của thầy, chúng ta phải biết làm như thế nào đối với chúng sanh đông đảo trong xã hội hiện tại. Chúng ta phải làm sao để giúp đỡ họ? Phải làm thế nào để thành tựu họ? Giúp đỡ họ, thành tựu họ thì hãy nhớ kỹ: Trước hết chính mình phải thành tựu, tối thiểu là chính mình phải trọn đủ hoan hỷ và tín thọ. Nếu quý vị không hoan hỷ, tín thọ, làm sao

có thể giúp người khác hoan hỷ, tín thọ cho được?

3) “*Tác lễ*” nhằm biểu lộ lòng cảm ơn, “*cảm đại ân đức*”. Cảm ơn tuyệt đối chẳng thể chỉ biểu đạt bằng ngôn ngữ, mà phải có hành động, hành động là “*đầu thân quy mạng*” (gieo thân quy mạng). Toàn thể thân tâm quy y A Di Đà Phật, quy y Tịnh Độ, chẳng những hết một đời này, mà đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không rời A Di Đà Phật, vĩnh viễn chẳng lìa Tịnh Độ. Đó là thực sự cảm ân! Giúp đỡ A Di Đà Phật, giúp đỡ hết thầy chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. Trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường dạy chúng ta phương thức phổ độ: “*Thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người khác*”. Đặc biệt xem trọng *Diễn*. “*Diễn*” (演) là biểu diễn, là làm gương cho người khác thấy, người khác trông thấy ắt cảm động. Nếu người khác không cảm động là do quý vị làm chưa tốt, tâm không đủ chân thành, chí thành cảm thông mà! Vì sao người khác không cảm động? Do quý vị không đủ thành ý. Nếu thành ý trọn đủ, tự nhiên sẽ cảm động. Cổ nhân nói thật chính xác, nói thật đúng: “*Tinh thành sở chí, kim thạch vị khai*” (Lòng tinh thành đến cùng cực, vàng đá còn phải nứt). Vàng, đá là khoáng vật, không phải là thực vật; quý vị chân thành đến mức cùng cực thì ngay cả đá cũng phải cảm động.

Trong nhà Phật chúng ta có một công án: “*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*” (ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá phải gập đầu), đó là một ví dụ về chuyện “*kim thạch vị khai*”, có thể như vậy được hay không? Nay chúng ta đã biết, chuyện này chắc chắn có thể xảy ra. Vì sao? Thực vật và khoáng vật có Pháp Tánh, đặc chất của pháp tánh là có linh tri, hay có thể nói là thấy - nghe - hay - biết. Chẳng qua sự thấy - nghe - hay - biết của chúng hết sức chậm chạp, quý vị tinh thành đến cùng cực thì cũng cảm động được chúng, chúng cũng sanh ra những đáp ứng thuận theo tâm ý của quý vị. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng nghiên cứu nước kết tinh, nước cũng là khoáng vật, đem so với đá, chúng ta cảm thấy rất rõ nước nhạy bén, đá chậm chạp. Bùn, cát, đá đem so với nước sẽ chậm hơn nhiều lắm. Do đó, quán sát nước dưới kính hiển vi, thấy nó phản ứng rất nhanh, rất rõ rệt. Cùng một đạo lý ấy, chúng ta tin rằng: Đối với bùn, cát, đá nếu chân thành đến cùng cực thì chúng cũng phản ứng rất nhanh, rất rõ ràng, y báo chuyển theo chánh báo mà!

Thế nhưng hữu tình chúng sanh lại có cái phiền, phiền phức ở chỗ nào? Nghiệp chướng! Họ có nghiệp chướng rất sâu, có lúc còn khó khăn hơn đá nữa. Quý vị giảng kinh, đá cứng còn có thể gập đầu, chứ con người không gập đầu. Kẻ ấy đã nhiễm phải tà tri tà kiến, so ra khó hóa độ hơn tảng đá. Độ tảng đá còn dễ, độ một kẻ tối tăm, ương ngạnh, không

nhánh, tà tri, tà kiến khó lắm! Nói chung, hễ có tâm chân thành, tôn thời gian dài thì không một ai chẳng thể cảm hóa. Như vậy, tự độ, độ người, điều kiện tiên quyết là phải khẳng định: Hết thấy hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, hết thấy vô tình chúng sanh đều có Pháp tánh. Nho gia bảo “*con người tánh vốn lành*”, đây là khái niệm cơ bản, khẳng định hết thấy chúng sanh tánh thiện, bản tánh là chí thiện.

Như Mạnh Tử giảng về tánh thiện, Tuân Tử giảng tánh ác; khi xưa, tôi ở Hương Cảng, đài truyền hình Á Thị ở Hương Cảng đến phỏng vấn tôi. Người phỏng vấn hình như là tiên sinh Hà Thủ Tín. Ông ta nêu câu hỏi như thế này:

- Cổ nhân bảo “*con người tánh vốn ác*”, thấy trong xã hội này, tâm con người trên thế giới là ác, không thiện, trong xã hội này làm sao tìm được những người lành? Dẫu ta hành thiện, người ta đều hoài nghi ta đang ấp ủ ý định gì? Đại khái là mang lòng bất hảo.

Tôi bảo ông ta:

- Mạnh Tử bảo là tánh thiện, Tuân Tử bảo là tánh ác, không phải là bản tánh, mà là tánh gì? Tập tánh! Đó là “*cận châu giả xích, cận mực giả hắc*” (gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen), tập tánh đấy! Tập tánh có thiện và ác, bản tánh không có. Không có thiện - ác thì mới là chân thiện, mới là chí thiện. Vì sao? Có thiện, có ác là rớt vào hai, là rớt trong hai - ba.

Chân Như bản tánh gọi là Nhất Chân, trong Nhất Chân không có đối lập. Thiện - ác là đối lập, không có thiện - ác, không có sanh - tử, không có xa - gần, không có lớn - nhỏ, không có Bồ Đề, Niết Bàn, tất cả hết thấy đối lập đều không tồn tại. Đó là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn có thể chứng, nói theo nhà Phật là “*có thể hiện, có thể biến*”, Nhất Chân pháp giới là cái được hiện, cái được biến. Khi nào quý vị sẽ nhập Nhất Chân pháp giới? Khi nào quý vị dùng phương pháp Niệm Phật thực sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn, Nhất Chân pháp giới sẽ hiện tiền. Nhất Chân pháp giới ở tại đâu? Như trên đã nói, khi quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì chính là nó đấy!

Quý vị hãy suy nghĩ, một câu A Di Đà Phật quả thật là đức hiệu của Nhất Chân pháp giới. Do vậy, cảm ơn thì phải biểu hiện bằng hành động, chứ không phải là miệng nói xuống. Trong xã hội hiện thời, mọi người quên sạch luân lý đạo đức, không ai nhắc đến. Bởi thế, xã hội động loạn, nhân tâm bất an, chúng ta thường nói: “*Không có cảm giác an toàn*”. Thực sự an toàn là phải ngộ từ giáo huấn của bậc thánh hiền, như trong phần trên đã nói: “*Thân tâm di duyệt, tâm khai ý giải*” (Thân tâm

vui sướng, tâm khai ý giải), từ nơi ấy mà được, đó là thật, không phải giả.

4) “*Nhi khứ*” (mà đi), làm lễ mà đi. Đi không phải là hết chuyện, đi làm gì? Đi y giáo phụng hành. Do đó, “*y giáo tu trì, nhất vãng bất thoái*” (theo lời dạy tu trì, một mực không lùi bước), đó là “*nhi khứ*”. Quý vị thấy mấy câu sau cùng: “*Hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ*”, ý nghĩa rất phong phú. Tuyệt đối chẳng phải như người hiện tại chúng ta đi nghe kinh, nghe xong, làm lễ lui ra, ra khỏi rồi bèn làm gì? Ra khỏi cửa bèn suy nghĩ lung tung, làm càn, làm bậy, quên tuốt luốt những điều mới được nghe nơi giảng đường. Thực sự nghe hiểu, thực sự nghe thấu triệt, sẽ đoạn nghi sanh tín, khai phát nguyện tâm. Mọi người làm lễ là cảm ân, thân tâm quy nhất; “*nhi khứ*” là đi “*thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói*”, thực sự làm! Cuối cùng, chúng tôi dẫn mấy câu trong tác phẩm giảng nghĩa cuốn A Di Đà Kinh của pháp sư Viên Anh Yếu Giải, cuối sách Sư viết mấy câu cổ vũ chúng ta:

“*Tùng kim nhật khởi, thế gian danh lợi, phao khứ, phiết khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ*” (Từ nay trở đi, danh lợi thế gian vứt đi, bỏ đi, chớ đi theo con đường nào khác nữa). Ngài nói năm câu, đây là câu thứ nhất. Danh lợi trong thế gian là giả, không thật. Tham chấp danh lợi thế gian, cái tâm ấy là tâm luân hồi, quý vị khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác là nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi là mê hoặc, nghiệp luân hồi là nghiệp bất thiện, quả báo là luân hồi trong lục đạo. Người thực sự hiểu rõ, giác ngộ, phải buông xuống những thứ ấy. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, hưởng thụ ngũ dục, lục trần phải buông xuống, trong cuộc sống thường ngày bèn tùy duyên, quyết định không được so đo. Người ta cho gì ăn nấy, ăn ngon rất tốt, ăn dở cũng xong; từ đây, cái tâm phân biệt xấu - tốt đã đoạn, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền.

Nhưng phải nhớ kỹ, nếu chúng ta cúng dường người khác, phải tận tâm tận lực chọn cái tốt nhất, vì sao? Nhằm thể hiện lòng cung kính. Khi tiếp nhận vật của người khác cho, quyết định không có tâm phân biệt, thành tựu đức của chính mình. Cúng dường người khác là thành tựu phước báo của chính mình, tu phước báo cho chính mình. Do vậy, niệm niệm nghĩ thật viên mãn cho người khác, không cần nghĩ đến mình. Tự mình tiếp nhận người khác cúng dường, quyết định không có tâm phân biệt. Chúng ta tu hành ở chỗ này! Cái gì cũng đều mong cầu thì quý vị không thể ra khỏi lục đạo luân hồi. Thực sự lìa khỏi lục đạo luân hồi thì trong cuộc sống thường ngày, nhất định chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không có những thứ bất hảo

như thế, mọi thứ đều tốt. Có như vậy mới hồng dương được cái tâm thanh tịnh cho chính mình, dưỡng lòng từ bi của chính mình.

Nhiếp thọ hết thầy chúng sanh thì phải nhớ kỹ, “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đức Phật dạy chúng ta Tứ Nhiếp Pháp. Vậy thì vì sao đạo tràng phải trang nghiêm dường ấy? Chẳng phải để tự mình thọ dụng, điều này rất quan trọng. Nay đạo tràng trang nghiêm để chính mình thọ dụng, chứ không phải để người khác thọ dụng, là sai rồi! Quý vị thấy thời cổ, các tự viện, từng lâm xây cất choáng lộn, huy hoàng, rồi lại nhìn vào liêu phòng của người xuất gia, nhìn rồi sẽ hiểu, họ vẫn thực sự tu hành. Ngay cả vị phương trượng hòa thượng, cái phòng Ngài ở được gọi là Phương Trượng. Phương Trượng to bao nhiêu? Vuông vức mỗi bề một trượng. Trong ấy chỉ có thể kê được một cái giường nhỏ, đặt một cái tủ nhỏ, kê một cái bàn nhỏ là chật ních. Đúng là Phương Trượng! Phòng của các vị chấp sự rất nhỏ, đại chúng cùng ở gian nhà chung (quảng đơn). Những kiến trúc lộng lẫy, huy hoàng để mọi người đến lễ bái, đến tham học, khiến cho người khác sanh lòng hoan hỷ, nhằm cúng dường đại chúng, chứ không phải để cung phụng chính mình. Vì chúng sanh như thế nào? Vì chính mình thì sao? Chính mình không mong cầu hưởng thụ, làm như vậy nhằm biểu diễn cho chúng sanh thấy, đó là người tu hành chân chánh, cuộc sống vật chất hết thầy đều đơn giản!

Đối đãi người khác thì phải tận tâm tận lực. Pháp thứ nhất trong Tứ Nhiếp Pháp là Bố Thí. Sự bố thí ấy chúng tôi thường giảng là mời khách nhiều, biếu tặng nhiều, cúng dường nhiều. “*Ái ngữ*” là thực sự quan hoài, thành tâm thành ý quan hoài. “*Lợi hành*”: Hết thầy hành vi của ta đối với chúng sanh nhất định là hữu lợi vô hại, có như vậy thì mới có thể nhiếp thọ hết thầy chúng sanh. Đối với bản thân, đối với yêu cầu của chính mình thì phải đơn giản, khắc khổ, tương ứng với pháp, đối với thế gian này không lưu luyến. Đối với người khác thì trọng hậu, khiến cho người khác sau khi cảm nhận, họ có thể cảm ân, họ cũng có thể quy y Tam Bảo, gieo thân quy mạng. Ý nghĩa là đây, đó là tiếp dẫn chúng sanh. Tự hành như thế nào? Hóa tha như thế nào? Đức Phật đều đã nêu gương cho chúng ta thấy. Điều đầu tiên là phải bỏ danh văn, lợi dưỡng.

Điều thứ hai là “*tùng kim nhật khởi, nhất thiết Hoặc nghiệp, hưu khứ, hiết khứ, thiết mạc tẩu hương kỳ tha lộ khứ*” (từ nay trở đi, hết thầy hoặc nghiệp phải ngưng đi, dứt đi, chớ đi theo con đường nào khác nữa). “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc. Tham - sân - si - mạn - nghi trong tâm là mê hoặc; danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần bên ngoài đều là mê hoặc.

Mê mất cái tâm, mê mất cái trí, chẳng thể tách rời những thứ ấy! Tôi thường khuyến khích các đồng học, ngày nay bản thân tôi có chút thành tựu, đặc lực là nhờ sự giáo huấn của thầy, tức Chương Gia đại sư dạy dỗ. Lão nhân gia dạy tôi buông xuống, thấy thấu suốt, buông xuống tự tư, tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông xuống tham - sân - si - mạn, tôi thực sự làm nên mới có một chút thành tựu như vậy. Làm được nhưng chưa đủ, mỗi ngày vẫn cứ phải tích cực nỗ lực thực hiện. Nay tôi rất có tín tâm, rất nắm chắc, tiến bộ hết sức nhanh chóng.

Trong tu học Phật pháp, sự tiến bộ ban đầu rất chậm, đặc biệt là trong mười năm đầu, bởi có thể nói là giống như quý vị phải chiến đấu với tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hết sức cực nhọc. Nếu quý vị quả thật khắc phục được thì sau đây sẽ thuận buồm xuôi gió, mười năm đầu quả thật là mấu chốt. Nếu quý vị duyên không rất thù thắng, phiền não tập khí quá nặng, thời gian mười năm sẽ không đủ, tâm chưa định được, nói chung phải hai mươi năm, ba mươi năm. Nhưng quý vị phải nhớ: Dầu cho ba mươi năm đi nữa, so với vô lượng kiếp luân hồi vẫn là quá ngắn, ba mươi năm ấy qua nhanh lắm. Sau đây dần dần trở thành tự nhiên, tự nhiên buông xuống, may mắn miễn cưỡng cũng không có, như vậy quý vị bèn tự tại.

Thế nhưng nhân duyên đầu tiên là quý vị có thành tựu nơi mấu chốt ấy hay không. Nhân duyên ấy là ở nơi thầy. Đối với thầy, quý vị có lòng tin thực sự hay không? Đây là mấu chốt bậc nhất. Tôi tôn kính thầy, tin tưởng thầy, thầy dạy tôi những gì tôi thực sự làm theo, đó là cái ải đầu tiên. Nếu như hoài nghi thầy, quý vị sẽ không có cách gì hết. Đừng nói là ba mươi năm, ba trăm năm quý vị cũng không thể tiến bộ được.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp lời khai thị sau cùng của pháp sư Viên Anh. Ngài nói năm câu, câu thứ nhất là “*tùng kim nhật khởi, thế gian danh lợi, phao khứ, phiết khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ*” (từ nay trở đi, danh lợi thế gian vứt đi, bỏ đi, chớ đi theo đường nào khác nữa). Câu thứ hai là “*tùng kim nhật khởi, nhất thiết Hoặc nghiệp, hựu khứ, hiết khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ*” (từ nay trở đi, hết thảy Hoặc nghiệp phải ngưng đi, dứt đi, chớ đi theo đường nào khác nữa).

Hai câu này quả thật bọn chúng ta tu hành, học Phật, đặc biệt là

cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo sanh tử luân hồi, không thể không nỗ lực học tập. Bởi lẽ, [những điều được nói trong hai câu ấy] chính là chướng ngại căn bản đối với hết thảy thành tựu và sự vắng sanh Tịnh Độ của chúng ta. Nếu không thể đột phá những chướng ngại ấy thì trong một đời này, bất luận nỗ lực tu học như thế nào đi nữa, chỉ là gieo một chút thiện căn trong A Lại Da Thức, trở thành tư lương để đắc độ trong tương lai, chứ trong một đời này, chắc chắn không thể thọ dụng được! Do vậy, nếu muốn thành tựu thì đối với đạo lý này, đối với chân tướng sự thật này, chẳng thể không triệt để hiểu rõ. Triệt để hiểu rõ thì gọi là “*khán phá*” (thấy thấu suốt), thực sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống, mới có thể đạt được tâm thanh tịnh, không nhiễm trước mảy may, đó chính là công phu chân thật của các đồng học Tịnh tông chúng ta.

Những năm gần đây, chúng ta đã nắm được cương lĩnh tu tập. Chúng ta tu tâm thì phải lấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi làm mục tiêu. Nói cách khác, chúng ta phải chuyển hư ngụy thành chân thật. Phật tâm chân thật, phàm tâm hư giả. Chẳng được dùng cái tâm hư giả, không được dùng nó! Đừng sợ thua thiệt, đừng sợ bị lừa, đừng sợ khổ, đừng sợ khó, đừng sợ chết, chúng ta chỉ cầu sanh về thế giới Cực Lạc, chỉ mong mỗi thân cận A Di Đà Phật thì phải dùng cái tâm chân thành. Phải chuyên hết thảy phân biệt, chấp trước thành tâm thanh tịnh, buông xuống hết thảy nhiễm ô. Nhiễm ô là [nhiễm ô nơi] Ý, đặc biệt là thức thứ bảy, tức Mạt Na, nhiễm ô Ý [nặng nề nhất]. Hãy chuyển cái tâm nhiễm ô thành tâm thanh tịnh, chuyển cái tâm kiêu căng ngạo mạn thành tâm bình đẳng. Ngã mạn là phiền não rất nghiêm trọng.

Chúng ta thấy ở phần trên đã nói đến Phiền Não Trược. Đức Thế Tôn quy nạp phiền não thành năm loại căn bản: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tham và Sân là nhiễm ô, Mạn là kiêu căng ngạo mạn, tự cho mình là đúng, trong mắt không người. Đây đều là những thứ chướng đạo nghiêm trọng. Phải chuyên ngạo mạn thành bình đẳng, chuyển ngu si thành trí huệ, chánh giác là trí huệ. Quý vị thấy chẳng phải mọi thứ đều bị chuyển hay sao? Chuyển nghi hoặc thành chân thành, chuyển tự tư tự lợi thành đại từ đại bi, đó gọi là tu tập công phu thực sự! Chuyên trong cuộc sống thường nhật, chuyên trong công việc, chuyên trong xử sự, đãi người, tiếp vật.

Người khác đối đãi với mình bằng hư ngụy, bằng nhiễm ô, bằng cao - thấp, bằng tự tư tự lợi, ta không đối xử với họ như thế. Nhất định ta phải dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi để đối đãi

họ, ta nhất định phải giống như Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đối xử với chúng sanh như thế nào? Rồi chúng ta nghĩ xem chúng sanh đối với Phật, Bồ Tát như thế nào? Đối với Phật, Bồ Tát, chúng sanh còn lừa dối thì đối với ta còn gì để nói nữa! Ngay cả Phật, Bồ Tát mà họ còn dối gạt, họ kiêu căng ngạo mạn đối với Phật, Bồ Tát thì đối với ta họ coi ra chi! Thế nhưng chúng ta hãy suy nghĩ, Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh như thế nào? Điều này rất quan trọng. Nay chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát, chớ học theo phàm phu, sẽ chuyển biến một trăm tám mươi độ, chúng ta hoàn tất ngay trong một đời này, một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi trong lục đạo. Bọn họ vẫn cứ luân hồi trong lục đạo, ta không như vậy, ta muốn hoành siêu, muốn vượt thoát. Thực sự thấy thấu suốt lục đạo luân hồi, vỡ tuồng ấy đã diễn từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, đủ rồi, không diễn nữa! Vì vậy, buông xuống vạn duyên, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng buông xuống. Thân tâm quy mạng Tịnh Độ, quy mạng Phật Di Đà, như vậy là đúng!

Thông đạt, hiểu rõ pháp thế gian và xuất thế gian, tức là thấy thấu suốt. Không nhiễm trước may mắn là buông xuống. Hết thấy Hoặc nghiệp (những chuyện điên đảo mê hoặc) chúng ta đều hiểu rõ. Hiểu rõ là thông suốt, là huệ. Chẳng thể không tiếp xúc, nhưng tiếp xúc rồi vẫn như như bất động, có thể nói là như vậy. Chắc chắn chẳng khởi tham - sân - si - mạn - nghi, tiếp xúc xong, niệm niệm đều có thể tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đó là Bồ Tát đạo, là con đường thành Phật. Chúng ta đi theo con đường thành Phật, ngàn vạn phần chẳng được bận lòng đến người khác, chẳng cần suy tưởng đến người khác¹⁶. Hễ nghĩ bèn đọa lạc. Chẳng cần bàn luận chuyện người khác, hễ bàn luận bèn tạo nghiệp!

Đối với người thiện căn, phước đức, nhân duyên thì có thể cùng họ trò chuyện, chúng tôi gọi là đối thoại, cổ vũ lẫn nhau. Đối với những kẻ chẳng thể tiếp nhận, thành kiến quá sâu, phiền não tập khí quá nặng thì chấp tay hoan hỷ. Họ nói với mình, nói nhiều đến đâu đi nữa, ta vẫn giữ thái độ cung kính lắng nghe, trong tâm thâm niệm A Di Đà Phật, mong Phật, Bồ Tát dùng thần lực đại từ đại bi gia trì người ấy, mong

¹⁶ Xin đừng hiểu lầm ý của Hòa Thượng trong đoạn này: Đừng hiểu là Hòa Thượng dạy chúng ta vô cảm, không quan tâm tới người khác, mặc kệ người khác sống chết không cần biết đến. Nói “*đừng quan tâm tới người khác, chẳng cần suy tưởng đến người khác*” có nghĩa là đừng lo tìm kiếm, suy xét khuyết điểm của người khác, điều khiển người khác theo ý kiến của riêng mình v.v... Nói chung là phải phá được Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến và Thọ Giả Kiến.

mỗi người ấy sớm có ngày giác ngộ, sớm ngày quay đầu. Chúng ta đạo đức, trí huệ, năng lực không đủ, không có cách gì độ người ấy được, chúng ta cầu Phật lực gia trì, chúng ta có thể làm được chuyện này.

Câu thứ ba: “*Tùng kim nhật khởi, nhất thanh A Di Đà Phật tử tâm niệm khứ, tu khứ, thiết mặc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ*” (Từ ngày nay trở đi, một tiếng A Di Đà Phật hãy chết sạch tâm lòng [mong ngóng, chụp giựt] mà niệm đi, tu đi, chớ đừng đi theo con đường nào khác nữa). Hai câu trên đây được kiến lập trên Tín và Nguyện. Đã có Tín, Nguyện thì Hạnh rất quan trọng. Trong pháp môn này, Hạnh là chấp trì danh hiệu, mục đích là nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo. Nhất tâm bất loạn bèn nhập cảnh giới Phật.

Trước kia, chúng tôi giảng kinh Di Đà, đã nhiều lần bảo cùng quý vị, nhất tâm là năng chứng, Nhất Chân là sở chứng. Nếu chúng ta muốn chứng được Nhất Chân pháp giới thì quý vị phải biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. Thật Báo Trang Nghiêm độ của hết thầy chư Phật đều là Nhất Chân pháp giới. Làm thế nào để chứng đắc? Nhất tâm bèn chứng đắc. Tu nhất tâm từ đâu? Tu nhất tâm trong cuộc sống thường nhật. Thế nào là nhất tâm? Trong hết thầy cảnh duyên (cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là quan hệ giữa con người với nhau), không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lúc ấy gọi là “*nhất tâm*”. Vừa khởi tâm động niệm thì cổ nhân nói đã rớt vào hai - ba, không còn là nhất tâm nữa. “Hai, ba” có nghĩa là gì? Hai là phân biệt và chấp trước, tức là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Hai là hai ý. Thức thứ bảy là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức; đó là hai ý. Ba là gì? Ba là hai thức trên đây, thêm vào A Lại Da Thức thành ba. Tam tâm nhị ý đấy! Tam tâm là thức thứ tám, thức thứ bảy và thức thứ sáu, gọi chung là “tam tâm”. Nhị ý là thức thứ bảy và thức thứ sáu. Quý vị vừa động một niệm bèn rớt vào hai, ba. Nói cách khác, từ chân tâm bèn lập tức rớt vào vọng tâm.

Nếu trong hết thầy cảnh duyên, hết thầy pháp thế gian hay xuất thế gian, quý vị đều có thể gìn giữ chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị sẽ vĩnh viễn giữ được nhất tâm. Ai không có nhất tâm? Ai này đều có nhất tâm, cổ đại đức nói rất hay: “*Niệm thứ nhất là nhất tâm, niệm thứ hai bèn rớt vào hai, ba*”. Do vì quý vị không giữ được cái niệm thứ nhất ấy, dù có, nhưng không giữ được, mà rất nhanh chóng rớt vào hai, ba. Do vậy, [tâm của] quý vị bèn là vọng tâm, để phiền não tập khí làm chủ. Trong A Lại Da Thức là những chủng tử tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay, chủng tử

gặp duyên bèn hiện hành. Duyên từ đâu mà có? Do năm thức đầu (Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v...) tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đó là duyên. Vừa tiếp xúc, thức thứ sáu bèn dấy lên vọng tưởng, thức thứ bảy là hư vọng chấp trước bèn lập tức sanh khởi. Đó là ranh giới giữa phàm và thánh; thánh nhân chẳng có gì khác, các Ngài có thể giữ được cái niệm thứ nhất, vĩnh viễn để cái niệm thứ nhất làm chủ, tám thức, năm mươi một Tâm Sở chẳng làm chủ. Đó là chư Phật Như Lai, chúng ta phải học theo, học được bản lãnh ấy thì mới thực sự được thọ dụng.

Thuận hay nghịch đều là Tăng Thượng Duyên, trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát giảng: “*Thuận nghịch giai phương tiện*” (Thuận hay nghịch đều là phương tiện). Câu nói này không sai một tí nào, đối với người thực sự có trí huệ, thuận cảnh hay nghịch cảnh không gì chẳng phải là phương tiện thiện xảo để thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu cơ duyên thù thắng cho hết thảy chúng sanh. Thuận hay nghịch đều là phương tiện. Thế nhưng, nếu không phải là người đã đạt nhất tâm thì thuận hay nghịch đều là tạo nghiệp. Trong thuận cảnh khởi tham si, nơi nghịch cảnh khởi sân khúe, không gì chẳng tạo nghiệp. Do đây biết đúng là như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên vô hảo xấu, hảo xấu tại u tâm*” (cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu chỉ do tâm). Tâm thiện thì hết thảy cảnh giới đều thiện; thuận hay nghịch đều là thiện. Tâm bất thiện, hết thảy cảnh giới thuận hay nghịch đều bất thiện, cảnh chuyển theo tâm mà! Đó là chân lý, phải thông đạt, phải thấu hiểu đạo lý này!

Vậy thì chúng ta tu bằng cách nào? Phật, Bồ Tát dạy chúng ta một câu A Di Đà Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật ấy như thế nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài bèn khởi tâm động niệm, cổ nhân thường nói: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm ấy vừa khởi bèn lập tức “*A Di Đà Phật*” để đánh tan cái niệm ấy đi. Câu A Di Đà Phật này là giác, dùng một câu chánh giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác này để đánh tan hết thảy vọng niệm. Một câu A Di Đà Phật vốn tốt lành, khởi tâm động niệm đều là tập tánh, đó là bản tánh. Dùng bản tánh để hoàn toàn không chế tập tánh, đó là có công phu, công phu thực sự! Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều biết dùng công phu này, đều có thể giữ vững chánh giác, đều có thể giữ không lui sụt.

Bình thường, Phật, Bồ Tát dạy quý vị niệm một câu A Di Đà Phật trong từng niệm, các Ngài dạy chúng ta đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn. “Không gián đoạn” có rất nhiều cách giải thích. Đối với

kẻ sơ học chúng ta, một câu Phật hiệu phải miên miên mật mật, chẳng được gián đoạn. Vì sao? Vừa gián đoạn, vọng tưởng liền khởi lên, tập khí phiền não bèn trùm lấp. Không gián đoạn nhằm không chế tập khí phiền não, chẳng cho nó khởi hiện hành. Nhất định phải nhớ kỹ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là tu tập nhất tâm. Tô sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta “*nhất tâm xưng niệm*”, quý vị phải hiểu thế nào là nhất tâm. Còn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, chấp trước thì đó là vọng tâm. Quý vị vọng tâm niệm Phật thì chẳng phải là niệm Phật. Trong bản dịch của Huyền Trang đại sư có nói đến điều này, nhưng Ngài không dịch là “*nhất tâm bất loạn*” mà là “*nhất tâm hệ niệm*”.

Quý vị hãy suy nghĩ: Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta niệm Phật như thế nào? Trừ A Di Đà Phật ra, trừ thế giới Cực Lạc ra, cái gì cũng không nghĩ đến. Phương pháp đơn giản nhất là ngay cả thế giới Cực Lạc cũng không nghĩ đến, chuyên tưởng A Di Đà Phật. Vì sao? Thấy A Di Đà Phật không phải là sanh về thế giới Cực Lạc hay sao? Nghĩ đến thế giới Cực Lạc vẫn còn là phiền phức lắm! Mười Sáu Phép Quán là nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Trong bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ Liên Cư, phẩm thứ bốn mươi tám là tưởng thế giới Cực Lạc, giảng về thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị vẫn quán tưởng, tức là tưởng thế giới Cực Lạc, đâu có thuận tiện bằng một câu A Di Đà Phật? Người thực sự thông minh, ngay cả thế giới Cực Lạc cũng không nghĩ đến, chuyên tưởng A Di Đà Phật, chuyên niệm A Di Đà Phật, lẽ đâu không thành tựu? A Di Đà Phật là chỗ chân chánh cho thân và tâm của chúng ta quy mạng. Vì thế, mới bảo chúng ta: “*Tử tâm niệm khứ, tu khứ*” (Chết lòng niệm đi, tu đi!) Tu là tu chúng, tất cả vọng tưởng thầy đều buông xuống, đó là Tu.

Một câu A Di Đà Phật phải khéo niệm, cốt sao phải đạt đến tiêu chuẩn của Đại Thế Chí Bồ Tát: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đó chính là bí quyết dụng công thành tựu của Đại Thế Chí Bồ Tát lão nhân gia chỉ dạy chúng ta. Ý nghĩa của “*nhiếp trọn sáu căn*” không phải là buộc quý vị mắt không nhìn, tai không nghe, không có nghĩa như vậy; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, lưỡi vẫn nếm, nhưng nhất định không giữ lại ấn tượng! Cũng có nghĩa là quyết định không vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quyết định không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Dẫu cho nhìn khắp tất cả, nghe khắp tất cả, nhưng quả thật chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm, chẳng có động

niệm. Niệm niệm A Di Đà Phật miên miên mật mật, chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng mảy may. Người minh tâm kiến tánh trong Tông Môn thường nói Cảnh giới ấy là “*bách hoa tùng trung quá, phiền diệp bất triêm thân*” (qua rừng trăm hoa nở, mầu lá chẳng dính thân), cảnh giới như vậy đây! Họ dùng phương pháp tham cứu đạt đến cảnh giới này, Tịnh tông dùng Niệm Phật, dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để đạt đến cảnh giới này. Trong tâm quả thật chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có. Chẳng thể nghĩ bàn! Đó mới đúng là “*một câu A Di Đà Phật hãy chết lòng niệm đi, tu đi*”.

Thế nào là “*chết lòng*”? Đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, hết thảy người, sự, vật, chẳng còn bận tâm, chẳng còn khởi tâm, không động niệm, đó là cõi lòng thực sự chết rồi. Chẳng phải là cảnh giới không tồn tại, cũng không phải là chẳng tiếp xúc cảnh giới, mà là cảnh giới nhất định chẳng phương ngại tâm mình, cũng nhất định chẳng bị nó lôi kéo mà khởi vọng tâm, quý vị vĩnh viễn dùng chân tâm, người như vậy mới là biết niệm! Tông Môn thường nói là “*biết chăng?*” Tịnh tông chúng ta cũng có thể nói là “*quý vị biết cái gì?*” Quý vị có biết niệm hay không? Nếu biết niệm thì tuyệt lắm! Cao hơn Thiền nhiều! Đó là thực tại quý vị phải tin tưởng. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trì danh niệm Phật là thượng thượng thâm diệu Thiền, quý vị phải thực sự hiểu được câu nói này của Thích Ca Mâu Ni Phật. Câu tiếp theo, đại sư dạy chúng ta:

“*Tùng kim nhật khởi, cầu sanh Cực Lạc ngũ thanh Tịnh Độ khứ, thiết mạc tau hương kỳ tha lộ khứ*” (Từ nay trở đi, hãy cầu sanh cõi Cực Lạc có năm điều thanh tịnh, chớ đi theo đường nào khác nữa). Chúng ta phải đi theo con đường nào? Con đường lớn dẫn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Con đường lớn ấy được gọi là “*cõi có năm điều thanh tịnh*”. Sư dùng danh từ ấy để đối ứng với “*ngũ trước ác thế*” của thế gian này, Sư gọi cõi kia là “*ngũ thanh tịnh độ*”. Vì sao? Ở bên này là Kiếp Trước, tức là thời đại không tốt; trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật mới thành Phật mười kiếp, Phật và tất cả nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Đã vô lượng thọ mà thế giới ấy mới thành tựu mười kiếp, tức là nhằm thời đại quá tốt đẹp. Chúng ta ở trong Kiếp Trước, còn bọn họ là Kiếp Thanh, thanh tịnh.

Chúng sanh tại nơi này có Kiến Trước, tà tri, tà kiến, mê hoặc, điên đảo, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là chánh tri, chánh kiến. Trong thế gian của chúng ta, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng,

kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư Phật Như Lai thuyết pháp, số lượng ấy dù có dùng số cát sông Hằng để tỷ dụ cũng không có cách gì sánh ví được, [chư Phật thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] nhiều như số vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới. Số cát trong sông Hằng làm sao có thể sánh ví được? Kiến giải thanh tịnh mà! Chúng ta ở đây phiền não, tập khí rất nặng; chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày nghe kinh, nghe pháp, cúng dường chư Phật, cúng dường hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Quý vị hãy nghĩ đi: Người bên đó dùng nói chi nhiều, phước huệ họ tu trong một ngày ước chừng bằng với phước huệ chúng ta phải tu trong vô lượng kiếp. Họ tu xong trong một ngày. Bọn chúng ta ở đây có phiền não, còn bên thế giới của người ta, ai cũng có trí huệ, chuyển tám thức thành bốn trí, chuyển phiền não thành Bồ Đề, đó là thế giới có năm thứ thanh tịnh.

Trong thế gian này có Chúng Sanh Trược, sao gọi là Chúng Sanh Trược? Là vì cư dân trong thế gian này kiến giải, tư tưởng thác loạn, hết thầy chúng sanh vô tình lẫn hữu tình đều bị nhiễm ô, biến Nhất Chân pháp giới thành thế gian trược ác. Trái lại, con người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn hạnh thiện, nên cảm được thế giới Cực Lạc, chứ không là ngũ trược ác thế. Trong thế gian này, chúng sanh thọ mạng rất ngắn; người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm hoi, từ sáu mươi tuổi trở lên đã thuộc lớp tuổi vãn niên rồi!

Tôi nhớ lúc cầu học tại Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi Cổ Văn, giảng đến bài Thu Thanh Phú (bài phú Tiếng Thu), cảm thán bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông biến hóa, đời người cũng có bốn thời: Trước năm hai mươi tuổi là mùa Xuân, hai mươi đến bốn mươi là mùa Hạ của đời người, từ bốn mươi đến sáu mươi là mùa Thu của đời người, sáu mươi tuổi trở đi là mùa Đông. Thầy giảng thiên văn chương ấy, cảm khái vô hạn. Người thế gian muốn sống qua được mùa Đông lạnh lẽo, thì ba mùa Xuân, Hạ, Thu phải chuẩn bị sẵn; nhưng có mấy ai biết cách sống qua tuổi già? Người thế gian mê hoặc điên đảo nhiều, thanh xuân trẻ khỏe hưởng phước, quên sạch chuyện tuổi bóng xế. Lúc tuổi già xộc tới, dầu hối cũng không kịp; không biết tu phước, tích đức lúc trẻ khỏe.

Giáo dục Trung Quốc thời cổ rất coi trọng vấn đề này. Thanh thiếu niên chú trọng giáo dục đạo đức, đó là bám chắc rễ trước khi tròn hai mươi. Từ hai mươi đến bốn mươi bèn phục vụ xã hội, tạo phước. Từ bốn mươi đến sáu mươi, bồi dưỡng người kế tục. Sáu mươi tuổi trở đi lui về hưu, hưởng phước! Như vậy là biết cách sống qua mùa Đông. Đây

chính là giáo dục tư tưởng, hoàn toàn khác với người Tây phương; người Tây phương diên đảo. Trong một đời người, lúc nào mới hưởng phước? Tuổi nhi đồng. Vì thế, mọi người tại ngoại quốc thường nói: “*Tuổi nhi đồng là thiên đường. Tuổi trung niên là chiến trường, tuổi già là phần mộ*”. Nói nghe sao bi ai quá đỗi! Không như tư tưởng Trung Quốc. Tư tưởng, lý luận của Trung Quốc khác hẳn bọn họ. Tuổi thanh thiếu niên rất cay đắng thì mới phát phần, nỗ lực học tập, theo kịp bước tiến của xã hội, vì xã hội tạo phước. Tuổi già hưởng phước, tuổi già không phải là mồ chôn, tuổi già là hưởng phước. Trong tư tưởng của người ngoại quốc, phước báo hưởng hết trong mười mấy năm trẻ trung, phước báo cả đời đã hưởng xong, họ lại không biết tu phước, tuổi già sao không rất khổ?

Chúng ta thấy điều tốt đầu tiên của Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ! Vô lượng thọ ấy chẳng phải là vô lượng có số lượng, mà thực sự là vô lượng một cách vô lượng. Chuyện này là như thế nào? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, quyết định trong một đời chúng đắc viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề là thực sự vô lượng thọ, không giả đâu, vì sao? Đừng nói đến Vô Thượng Bồ Đề, chỉ nói đến Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân, trong cảnh giới này không còn sanh diệt nữa. Sanh diệt không còn tức là bất sanh bất tử, Phật pháp gọi đó là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt là vô lượng thọ thực sự! Đó là mục tiêu tu hành chân chánh của Phật pháp Đại Thừa.

Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán cũng chứng đắc Niết Bàn, nhưng Niết Bàn của họ không phải là thật. Nói theo cách thông thường, các Ngài chỉ đạt tương tự Niết Bàn, không phải chân thật Niết Bàn. Các vị ấy chưa kiến tánh, cho nên Phật gọi [cảnh giới Niết Bàn của Tiểu Thừa] là “*thiên chân Niết Bàn*”. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát mới chứng đắc Niết Bàn chân chánh, tức đại Niết Bàn. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo đã chứng đắc, nhưng không viên mãn, muốn viên mãn phải thuộc vào Như Lai quả địa, đây mới là chứng đắc đại Niết Bàn viên mãn rốt ráo. Cái hay nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là vô lượng thọ, mà còn là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, thật phi phàm, thật khó tin! Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chứng được ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, nói thật ra, bậc thực sự viên chứng là Đẳng Giác Bồ Tát. Chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn một chút, không cần phải nâng cao như thế thì viên chứng ba thứ Bất Thoái

trong kinh thường gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí thuộc đẳng cấp nào? Từ Thất Địa trở lên, được oai thần và bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, chứ không phải do chính mình thực sự có năng lực chứng đắc.

Dù được Phật gia trì, chính mình vẫn phải nghiêm túc tu học. Tu học thì công phu của mỗi người tiến triển khác nhau. Có người tiến bộ nhanh chóng, có người tiến bộ chậm chạp hơn, nhưng người ấy chắc chắn không thoái chuyển. Mức học tập tiến bộ có nhanh, có chậm, thật đấy. Kẻ nhanh thì sớm có ngày tự mình thực sự chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái. Dù chưa chứng đắc, nhưng được A Di Đà Phật gia trì, nên thọ dụng, trí huệ, đức năng cũng chẳng khác gì lắm. Chuyện thù thắng này mười phương các thế giới Phật thầy đều không có.

Như vậy, ở đây đại sư khuyến khích chúng ta, từ ngày nay trở đi, nhất định phát nguyện cầu sanh cõi nước Tây Phương Cực Lạc có năm thứ thanh tịnh, chúng ta phải lấy đó làm tông chỉ tu học cho bản thân. Điều cuối cùng vô cùng trọng yếu, nhất định tiến đến Phật quả viên mãn rốt ráo, đây cũng là câu cuối cùng trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện: “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”, quý vị mới thực sự đạt được viên mãn rốt ráo, chúng được Phật quả viên mãn rốt ráo.

Do vậy, “*tùng kim nhật khởi, tạt thú A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ*” (từ ngày nay trở đi, nhanh chóng tiến đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chớ đi theo đường nào khác nữa). Con đường khác là gì? Là danh văn lợi dưỡng thế gian. Phải tranh giành những phẩm hàm gì, phải tranh giành những địa vị gì, phải tranh giành những quyền lợi gì, làm hết! Chúng ta hãy chú tâm suy tưởng, chú tâm quán sát: Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương gì cho chúng ta? Ngài là vương tử, lẽ đương nhiên sẽ kế thừa ngôi vua. Ngôi vua cũng không cần, đức Phật đã biểu diễn cho chúng ta thấy, chúng ta còn phải giành làm gì nữa đây? Nay chúng ta muốn giành lấy một địa vị, nếu nghĩ đến Thích Ca Mâu Ni Phật ở bên cạnh chúng ta, Ngài sẽ nghĩ như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta như thế nào? Đức Phật không cần! Không cần danh, không cần cái danh đế vương, cũng không cần địa vị đế vương, cũng không cần quyền lợi của đế vương, mọi thứ đều buông bỏ hết, cũng chẳng hưởng thụ phú quý. Những hưởng thụ vật chất trong cuộc sống đế vương Ngài đều bỏ hết, bỏ sạch sành sanh.

Ngài là kẻ bình dân, thân phận gì cũng không có, chức tước gì cũng không có, được người khác tôn kính, mọi người gọi Ngài là Thế Tôn. Thế Tôn nghĩa là gì? Nói như bây giờ, đặc biệt rất thông dụng tại

Trung Quốc là tôn kính. Nếu nói theo cách bây giờ là “đức Thích Ca Mâu Ni Phật tôn kính”. Đức Phật là thánh nhân. Người Trung Quốc gọi là “thánh nhân”, người Ấn Độ gọi là Phật, Phật có nghĩa là người có trí huệ, có đạo đức, bậc giác ngộ. Đối với danh hiệu của Ngài, chúng ta thêm vào chữ “tôn kính”, bậc thánh nhân Thích Ca Mâu Ni tôn kính, hoặc là Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Giác Giả, đối với bậc giác ngộ, xưng hô như vậy đó!

Những việc suốt một đời lão nhân gia thực hiện, chúng ta phải học tập: Đó là giáo học. Chính mình phải ngày ngày không ngừng học tập, mỗi ngày không ngừng dạy người khác. Do vậy, nếu quý vị chú tâm quan sát, dùng thuật ngữ hiện tại để nói về Ngài thì cả một đời Ngài theo đuổi sự nghiệp giáo dục. Nếu dùng thuật ngữ hiện tại để mô tả Ngài thì đức Phật là một nhà giáo dục đa nguyên văn hóa. Những hành động suốt đời Ngài là thực hiện công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, bởi lẽ, Ngài dạy học không thu học phí, không tiếp nhận cúng dường, mỗi ngày sống đơn giản nhất, cầm bát khát thực, ngày ngày ra ngoài khát thực. Ôm bát đi xin, ai cho gì ăn nấy, quyết định không phân biệt, mà đều là tâm cảm kích. Quý vị cúng dường một bát cơm rất ngon, Ngài rất cảm kích, cảm ân; quý vị cúng dường cơm không dễ nuốt, Ngài vẫn bình đẳng cảm ơn. Vì sao? Người cúng dường đã tận tâm. Mỗi cá nhân giàu hay nghèo khác nhau, trạng huống sinh hoạt khác nhau, đến xin ở chỗ nghèo cùng, họ ăn những thứ rất dở, họ cúng dường cho quý vị những thứ tốt nhất rồi đó. Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát đều bình đẳng cảm ơn.

Chúng ta học Phật, học Phật chính là học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, học theo tấm lòng của Ngài, học hỏi cuộc đời của Ngài, học theo cách Ngài đãi người tiếp vật, học tập cách Ngài từ bi giáo hóa hết thấy chúng sanh. Đức Phật biết chuyện trọng yếu nhất trong việc từ bi tế thế là giúp cho chúng sanh giác ngộ, phá mê khai ngộ, có như vậy mới thực sự lìa khổ được vui. Vui do đâu mà có? Vui do giác ngộ mà có. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc mà có. Chỉ có phá mê khai ngộ mới thực sự lìa khổ được vui. Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, cả đời giúp người khác, giúp người khác lìa khổ được vui. Ngài giảng về nhân để giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, để rồi chính họ lìa khổ được vui.

A! Kinh A Di Đà trong Hệ Niệm Pháp Sự chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Đoạn sau là Vãng Sanh Chú, bài chú Vãng Sanh này chúng tôi cũng cần phải giảng. Phải có nhận thức, phải hiểu rõ bài chú ấy.

A! Bây giờ hết giờ rồi.

Tập 40

7. Chú Vãng Sanh

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần sau kinh Di Đà có Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni. Câu này phải đọc như thế này “*Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni*”, thường gọi là chú Vãng Sanh. Thông thường tụng kinh Di Đà xong, mọi người thường niệm ba biến hoặc bảy biến chú Vãng Sanh. Nếu chiếu theo truyện ký ghi chép thì phải niệm hai mươi một biến, ba lần bảy là hai mươi một biến, kinh truyện nói như vậy. Con người hiện tại thích giản lược, hai mươi một biến giản lược thành bảy biến, nay bảy biến giản thành ba biến.

Chúng tôi dựa theo lời giải thích của Liên Trì đại sư trong Sớ Sao để giới thiệu khái lược ý nghĩa bài chú này. Đại sư giải thích ý nghĩa bài chú này như sau: “*Dĩ chú phụ kinh*” (đem chú ghép thêm vào kinh), kinh Di Đà vốn không có chú này, do chú này cũng nói về việc vãng sanh, nên tổ sư đại đức đem bài chú này (bài chú này không dài) ghép vào sau kinh. “*Dĩ chú phụ kinh, kinh đắc chú nhi di hiển*” (đem chú ghép thêm vào kinh, kinh có thêm chú càng rõ ràng). Chữ “*kinh*” ở đây là kinh A Di Đà, được bài chú Vãng Sanh ghép thêm đằng sau thì kinh ấy càng thêm rõ rệt. Chú là mật chú, hiển mật viên dung, thể hiện ý nghĩa: Kinh là hiển thuyết, chú là mật thuyết. Nói “*dĩ kinh tiên chú*” (kinh được đặt trước chú), kinh đặt ở đằng trước, chú đặt ở sau, “*chú đắc kinh nhi dĩ linh*” (chú được kinh [giảng rõ] càng linh), chú là chú của kinh, kinh là kinh của chú. Chú này có ý nghĩa gì? Ý nghĩa của bài chú đều nằm gọn trong kinh, kinh là hiển thuyết, chú là mật thuyết, “*giao tương vi dụng*” (dùng lẫn cho nhau), kinh và chú hỗ trợ nhau, thành toàn lẫn nhau. “*Ứng kết thích dã*” [nghĩa là] hãy nên giải thích như vậy!

Trước hết, hãy nói về xuất xứ của bài chú này. “*Thử chú tường kiến Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện*” (Chú này thấy [ghi chép] tường tận trong Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện). Đây là xuất xứ của bài chú này, chú được chép trong Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện. Sách nói: “*Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh*” (trì chú này, diệt tội vãng sanh). Ý nghĩa

này rất hy hữu, trong Hiền giáo chúng ta nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là “đời nghiệp vãng sanh”, chú này lại có thể diệt tội vãng sanh, há chẳng phải là viên mãn hơn kinh ư? Do vậy, quả thật có người không niệm kinh Di Đà, chuyên trì chú Vãng Sanh. Trì chú có được linh nghiệm hay không? Trước kia, tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có một vị cư sĩ bảo ông ta hoàn toàn tuân theo những gì Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện đã nói, niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn biến. Ông ta niệm đủ ba mươi vạn biến, không thấy có cảm ứng, đến hỏi tôi. Ông ta nói: “Thưa pháp sư! Chú này không linh!” Thật ra, chẳng phải chú không linh! Cùng một đạo lý, như trong phần trước chúng tôi đã nói về kinh, quý vị có hiểu hay không? Chú cũng giống như vậy đó, quý vị có hiểu hay không? Nếu không hiểu thì chỉ là học khẩu ngữ, khó lòng lắm!

Chú linh như thế nào? Nói thật ra, từ cổ đến nay thần chú không được giải thích. Người Ấn Độ nghe cũng không hiểu, bởi nó chẳng phải là tiếng Phạn. Trước kia, thầy Lý từng bảo tôi thầy đã từng học Mật, học suốt tám năm. Thầy bảo: Quá nửa thần chú là ngôn ngữ của lục đạo. Khi Phật giảng kinh, thuyết pháp, thần linh trong lục đạo đều đến nghe, đại khái thính chúng [trong lục đạo] còn nhiều hơn loài người chúng ta. Chúng ta mắt thịt không thấy họ, chứ Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có thể thấy được họ. Phải biết đạo tràng giảng kinh của Phật, ngoại trừ thiên long bát bộ ra, quỷ thần trong sáu nẻo đều thực sự đến nghe kinh. Họ đều có năng lực nghe hiểu những ý nghĩa trong lời thuyết pháp của đức Phật. Đúng là như kinh Đại Thừa thường nói: *“Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”* (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu) Như vậy, âm thanh thuyết pháp của Phật là Viên Âm, tức là âm thanh viên mãn, bất luận loài chúng sanh nào đến nghe Phật thuyết pháp đều hiểu được, tựa hồ như nghe Phật đang nói bằng chính ngôn ngữ của loài mình. Đó là thần lực chẳng thể nghĩ bàn!

Sau khi giảng xong một bộ kinh, thông thường đức Phật dùng những ngôn ngữ của thính chúng để nói mấy câu. Mấy câu ấy hết sức thân thiết, dùng ngôn ngữ của chính họ để nói, cũng là lòng từ bi lưu lộ, thân thiết từ bi. Chúng ta thấu hiểu sâu xa, đối với thần linh trong lục đạo đến nghe, đức Phật cũng dùng ngôn ngữ của họ để nói mấy câu, nhất định khiến cho họ hết sức hào hứng, hết sức hoan hỷ. Đó là lý do mật chú chỉ có âm thanh chứ không thể giảng giải ý nghĩa. Đa số ý nghĩa của chú là những ý nghĩa đã được tuyên nói trong kinh, đương nhiên đức Phật cũng chẳng thể nói tỉ mỉ, chỉ nói mấy câu trọng yếu mà thôi. Thầy

Lý dạy tôi: Do vậy, chúng ta cung cung kính kính niệm thần chú là được rồi, thế nhưng chúng ta niệm lại sợ gì? Sợ rằng tiếng niệm không chuẩn xác, [niệm không chuẩn xác vẫn] chẳng sao cả! Âm thanh không chuẩn xác, quý thân cũng lượng thứ. Đương nhiên, đức Phật niệm sẽ chuẩn xác nhất; sau đức Phật, người thực sự niệm chuẩn xác không nhiều. Cốt sao tâm chân thành, như thường nói: “*Hễ thành ắt linh*”, chân thành ắt cảm ứng. Đó là một loại thần chú.

Trong Đại Tạng Kinh còn có một loại chú ngữ ta không thể gọi là thần chú được, nó cũng không mang ý nghĩa ấy. Chú ngữ thuộc loại nào vậy? Loại trị bệnh. Trị bệnh thì không phải là thần chú; đối tượng của những chú ấy không phải để nói cho quý thân nghe, mà nhắm vào căn bệnh. Đại khái là huyết đạo bế tắc, đức Phật biết bộ phận nào bị bế tắc không thông suốt nên bệnh tật phát sanh. Đức Phật đem âm thanh dạy cho quý vị, dạy quý vị niệm, niệm những câu chữ ấy, âm thanh lớn hay nhỏ đều đã khảo cứu. Dùng âm thanh để chấn động những bộ vị bế tắc; do chấn động, sự bế tắc bị tiêu trừ, kinh mạch thông suốt. Do vậy, trong kinh điển cũng có rất nhiều chú ngữ trị bệnh, nhưng ngày nay còn linh hay không? Hiện thời, thực sự không linh. Là vì loại chú ngữ ấy nhất định phải được khẩu truyền. Chúng ta dựa theo kinh ấy, thấy bệnh như thế bèn niệm chú ấy không thấy linh nghiệm chút nào hết. Chẳng phải chú ấy không linh, mà là vì chúng ta không biết niệm, chúng ta không biết cách phát âm. Phát âm phải chính xác, âm lượng phải rất chuẩn thì mới thực sự thấu đến bộ vị ấy.

Đây có thể gọi là phương pháp trị bệnh cao minh nhất, chẳng cần phải châm cứu. Châm cứu vẫn cần phải đâm kim. Cách này không cần, dùng âm thanh trị bệnh là phương pháp cao minh nhất; cách này đã thất truyền. Dù Đại Tạng Kinh vẫn có [ghi chép], nhưng quả thật không linh là vì tiếng niệm của chúng ta không chuẩn, mà cũng không biết âm lượng lớn hay nhỏ. Trong thế gian này cũng có rất nhiều thổ dân, tổ tổ tương truyền, rất có thể vẫn còn giữ được phương pháp này, nhưng hiện tại chúng ta rất ít thấy. Điều này thực sự có lý, chứ không phải vô lý, những chú ngữ ấy không có ý nghĩa gì hết. Điều này thuộc về kiến thức thông thường, chúng ta phải hiểu như thế. Nếu trong tương lai, có ai phát hiện, người ấy dùng âm thanh chữa bệnh sẽ hiểu được đạo lý này. Lúc đức Thế Tôn còn tại thế thường dùng phương pháp này. Đại khái ở Trung Quốc, đến đời Đường vẫn còn phương pháp dùng các chú ngữ để trị bệnh này, rất có hiệu quả. Hơn một ngàn năm sau, loại chú ngữ này bị thất truyền, hết sức đáng tiếc!

Ở đây, Liên Trì đại sư nói: “*Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh, cố dĩ Bạt Nghiệp Chương Sanh Tịnh Độ chi danh*” (Người trì chú này diệt tội vãng sanh, nên đặt tên là Bạt Trừ Nghiệp Chương Sanh Về Tịnh Độ). Bài chú này có danh xưng là Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni. Đà La Ni có nghĩa là Tổng Trì.

Sau lời Sớ có lời Sao, Sao nhằm giải thích Sớ, Sớ để giải thích kinh, tức là lại có phần chú giải những lời chú giải [kinh]. Chúng tôi cũng không cần phải đọc hết, chỉ nhắc đến những phần trọng yếu. Nói đến nghiệp chương thì thông thường, nghiệp chương gồm ba loại lớn: Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. Nhà Phật thường nói “*nguyện tiêu tam chương trừ phiền não, nguyện đắc trí huệ chân minh liễu*”; ba chương vừa nói ấy chính là những chương vừa được liệt kê ở đây: Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, và Báo Chương.

Vì sao không nói dẹp trừ Phiền Não Chương và Báo Chương? Trong ba chương vì sao chỉ nhắc đến mình Nghiệp Chương? Đối với Nghiệp Chương thì Phiền Não Chương là nhân của Nghiệp Chương, Báo Chương là quả của Nghiệp Chương. Nói thật ra, những thứ nhân quả báo ứng đều lần lượt làm nhân quả lẫn nhau. Phiền Não Chương là nhân, Nghiệp Chương là quả. Do vì phiền não, quý vị bèn tạo nghiệp, Nghiệp Chương là nhân, Báo Chương là quả. Nói như vậy chắc quý vị hiểu rõ. Do vì phiền não, quý vị mới tạo nghiệp. Nếu không có phiền não, làm sao quý vị tạo nghiệp được? Phiền não là gì? Tham - sân - si - mạn, trong phần trên gọi là Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Quý vị có Kiến Tư phiền não nên mới tạo nghiệp; tạo nghiệp rồi, nhất định có quả báo. Ác nghiệp thì quả báo là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục; thiện nghiệp thì quả báo là thiện quả nhân thiên. Như vậy, lục đạo luân hồi thuộc về quả báo. Lục đạo luân hồi vì đâu mà có? Do khởi Hoặc tạo nghiệp nên mới biến hiện ra như thế. Đại sư cũng giải thích rất khéo: “*Nghiệp tất hữu nhân, nghiệp tất chiêu quả*” (Nghiệp ắt có nhân, nghiệp ắt chiêu lấy quả). Vì thế, có thể nói là Phiền Não Chương và Báo Chương được bao gồm trong Nghiệp Chương.

Ở đây, đại sư cũng nói mấy câu rất hay: “*Trừ chương, quý trừ kỳ bốn. Như căn tuyệt bất sanh nha. Nha bất sanh, tắc chi, diệp, hoa, quả, tất bất sanh cố*” (Trừ chương quý ở chỗ trừ tận gốc. Nếu rễ tuyệt sẽ chẳng nảy mầm. Mầm chẳng sanh thì cành, lá, hoa, quả đều chẳng thể sanh được). Ý nghĩa này hay lắm, chúng ta phải hiểu. Cổ đức thường chỉ dạy người học tu hành là tu từ đâu? Tu từ căn bản, ý nghĩa như vậy. Căn bản là gì? Căn bản là khởi tâm động niệm. Cách tu hành cao minh nhất

là ý niệm vừa khởi, lập tức “*chiếu trụ*”. Chiếu trụ là gì? Biết rõ ràng mình bạch ý niệm này của mình là thiện hay ác. Ý niệm là thiện, thiện là lợi ích hết thảy chúng sanh, điều thiện ấy chính là ý niệm tốt, phải làm cho nó tăng trưởng. Nếu ý niệm ấy là ác niệm, lập tức phát hiện, ngay lập tức dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế nó. Đó là tu từ căn bản.

Do vậy, quý vị phải biết: Pháp môn Tịnh Độ là tu từ căn bản, so với bất cứ pháp môn nào cũng đều dễ dàng hơn. Do vì pháp môn này là đề khởi chánh niệm, chánh niệm là một câu Phật hiệu, vô cùng dễ dàng, vô cùng đơn giản. Ý niệm vừa khởi bèn A Di Đà Phật, đưa về A Di Đà Phật. Niệm thứ nhất vừa khởi, niệm thứ hai bèn chuyển. Nếu quý vị thực sự niệm Phật như thế, công phu sẽ đắc lực! Lợi căn thì ba tháng hay nửa năm sẽ có hiệu quả rất tốt. Độn căn thì ước chừng ba năm hay năm năm sẽ thấy hiệu quả. Quan trọng nhất là trì cho thường hằng, phải giác ngộ nhanh, đừng để vọng niệm tiếp tục tăng trưởng. Đây là điều chúng tôi thường giảng, phải thường đẩy lên sự cảnh giác cao độ, quán chiếu kín nhiệm, đây mới là chân chánh dụng công!

Liên Trì đại sư nói: “*Kim thử chú trì chi, tắc phiền não bất khởi, thị bạt nghiệp chướng căn bản dã*” (Nay trì chú này thì phiền não không khởi, đó là dẹp trừ cội rễ của nghiệp chướng vậy). Cội rễ của nghiệp chướng là phiền não, suốt ngày từ sáng đến tối niệm chú Vãng Sanh, thân - miệng - ý đều chuyên chú vào chú ngữ (tổng cộng gồm mười bốn câu), niệm đâu chú tâm vào đó khiến cho phiền não bị khuất phục. Đến lúc công phu đắc lực, dù không niệm phiền não vẫn chẳng khởi hiện, bèn đạt được công phu thành phiến. Dùng phương pháp trì chú để đạt công phu thành phiến.

Tiếp theo đó, [đại sư] giảng những câu được ghi trong Bất Tư Nghị Thân Lục Truyện: “*Như Truyện ngôn: Nhật dạ các trì tam thất biến, diệt Ngũ Nghịch, báng pháp đặng tội, thị dã*” (Như Truyện nói: Ngày đêm mỗi thời đều trì hai mươi một biến, diệt các tội như Ngũ Nghịch, báng pháp v.v...) Nói “*ngày đêm*” không có nghĩa là buổi sáng niệm hai mươi một biến, buổi tối niệm hai mươi một biến. Nếu quý vị hiểu như vậy là đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi. Ấn Độ thời cổ, ngày gồm ba thời, đêm gồm ba thời, trong mỗi một thời niệm hai mươi một biến. Nói cách khác là ngày đêm sáu thời. Thật ra, cũng không có gì nhiều, mỗi thời niệm hai mươi một biến, ngày đêm phải niệm sáu lần, tổng cộng niệm sáu lần, phương pháp tu hành là như vậy.

Thời cổ, chúng sanh thiện căn sâu dày, hiểu luân lý, đạo đức, đều có mức tu dưỡng khá khá, phương pháp tu trì này có hiệu quả. Trong thế

giới hiện tại thì rất khó, bên trong có phiền não tập khí nghiêm trọng, bên ngoài có sức dụ dỗ mê hoặc to lớn. Công phu hiện tại phải là trong mười hai thời không được gián đoạn trong từng sát-na. Vì sao? Hễ gián đoạn, phiền não tập khí bèn hiện tiền, đây là chuyện rất khó khăn! Đại sư lại nói: “*Luân hồi Sa Bà, giai do nghiệp chướng. Nghiệp chướng ký không, uế độ chủng diệt, tùy nguyện vãng sanh, cố đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ*” (luân hồi trong Sa Bà đều vì nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã không thì chủng tử của uế độ diệt, tùy nguyện vãng sanh, nên được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Ý nghĩa này rất hay.

Tiếp đây, lại có mấy câu nhằm giải thích chữ Tổng Trì. Chúng ta thường nói đến Tổng Trì rất nhiều. “*Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa*” (Gồm chung hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa), đó là ý nghĩa của chữ Tổng Trì. Tổng Trì tiếng Phạn là Đà La Ni (Dhāranī), là tên gọi khác của Chú. “*Truyện danh Bát Tư Nghị Thần Lực giả, tức kinh danh Bát Tư Nghị Công Đức dã*” (Truyện mang tên là Bát Tư Nghị Thần Lực, tức là bản kinh mang tên Bát Tư Nghị Công Đức). Hợp kinh và chú lại để xét thì: “*Trì chú, trì danh, tức đắc vãng sanh, cố đồng danh Bát Tư Nghị*” (Trì chú, trì danh bèn được vãng sanh, nên cùng gọi là Bát Tư Nghị). Đây là ý nghĩa lớn lao của việc ghép đem Vãng Sanh Chú vào sau kinh, đại sư đã giảng cho chúng ta biết đại ý.

Câu tiếp đó nói về người phiên dịch chú Vãng Sanh: “*Tổng Nguyên Gia Thiên Trúc Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La dịch*”. Giảng kinh nhất định phải giới thiệu người phiên dịch. Bởi lẽ, Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang, từ Tây Vực truyền đến Trung Quốc. Sau khi được truyền đến Trung Quốc phải qua phiên dịch mới thành kinh điển bằng Hoa văn. Nhất định phải ghi chép niên đại phiên dịch, tên người phiên dịch ở đầu kinh, nhằm chứng thực kinh điển này quả thật do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, từ nguyên văn tiếng Phạn dịch ra hồng thủ tín cùng tín đồ ở Đông phương. Do vậy, phần danh đề [của một bản kinh] rất quan trọng.

Nhà Tống được đề cập ở đây chính là nhà Lưu Tống¹⁷ thuộc thời Nam Bắc Triều, Nguyên Gia là niên hiệu, tức những năm cuối của niên

¹⁷ Lưu Tống (353-422) là triều đại đầu tiên của thời Nam Bắc Triều, do Lưu Dụ lập ra. Gọi Lưu Tống để phân biệt với nhà Tống (960-1279) của Triệu Khuông Dẫn sau này. Lưu Dụ xuất thân là tướng lãnh. Nhân khi nhà Đông Tấn suy vi, tướng Hoàn Huyền khởi binh soán ngôi, Lưu Dụ cùng Lưu Nghị dấy binh dưới danh nghĩa Cần Vương, tiêu diệt Hoàn Huyền. Cuối cùng, Lưu Dụ diệt Lưu Nghị, triệt hạ các tông thất của nhà Tấn như Tư Mã Hưu Chi, Tư Mã Sở Chi v.v... ép Tấn Cung Đế nhường

hiệu Nguyên Gia thời Tống Văn Đế (424-453). Thiên Trúc¹⁸ nay gọi là Ấn Độ. Vì sao gọi là Tây Vực? Vào thời ấy, từ Trung Quốc sang Ấn Độ, quá nửa là theo đường Tây Vực¹⁹, vượt qua Thông Lĩnh (cao nguyên Pamir) đi về Nam, phía dưới đó là Ấn Độ. Do vậy, ta thường gọi [Ấn Độ] là Tây phương. Nay giao thông thuận tiện hơn, chúng ta biết rất rõ vị trí của Ấn Độ. Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra)²⁰ là vị pháp sư người

ngôi, lập ra nhà Tống. Tống Văn Đế là vua thứ ba, thời kỳ niên hiệu Nguyên Gia (424-453) được coi là thời đại hoàng kim của nhà Lưu Tống. Tống Văn Đế chăm việc nước, phát triển văn hóa, giáo dục, chinh đồn tăng đoàn, chú trọng kỷ cương nhà Phật.

¹⁸ Thiên Trúc: Theo các nhà khảo cứu, chữ Thiên Trúc là biến âm của chữ Thân Độc (Sindhu, tên cổ của lưu vực sông Indus). Tài liệu sớm nhất đề cập đến Ấn Độ là sách Sử Ký của Tư Mã Thiên. Các sách sau đó như Sơn Hải Kinh, Hậu Hán Thư v.v... còn phiên âm thành Thiên Độc, Hiền Đâu. Lý do là vì thời cổ, các âm Thiên, Thân, Hiền đọc gần giống nhau. Trúc, Độc, và Đâu âm gần giống nhau. Chữ Sindhu bị người Ba Tư đọc trại thành Hindu, và người Hy Lạp đọc trại lần nữa thành Indu và người Ấn Độ cũng chấp nhận cách đọc này. Ngài Huyền Trang là người đầu tiên đã phiên âm chữ Indu thành Ấn Độ.

¹⁹ Tây Vực là từ ngữ phiếm chỉ các quốc gia cổ ở phía Tây Trung Hoa cho đến Bắc Ấn Độ, nằm dọc theo Thiên Sơn, tính từ hai cửa ải Ngọc Môn Quan và Dương Quan của Trung Hoa. Các quốc gia này chủ yếu nằm trong vùng trũng Tarim (Tháp Lý Mộc), Turfan (Thổ Lỗ Phồn), và Dzungaria (Chuẩn Cát Nhĩ). Con Đường Tơ Lụa (Silk Road) nổi tiếng đi qua các nước này. Những quốc gia Tây Vực thường được sử Trung Hoa nhắc tới là Thiện Thiện (Lâu Lan, quốc gia này nổi tiếng với nàng Trại Ba công chúa trong truyện Ngũ Hồ Bình Tây. Nước này nằm ở phía Đông Bắc sa mạc Lop), Tiểu Uyển, Vu Điền, Cừ Lặc, Quy Tư, Sớ Lặc (những nước này nằm trong khu vực Tân Cương hiện thời), Cao Xương (Qarahoja, thuộc vùng Turfan)...

²⁰ Cầu Na Bạt Đà La (394-468), còn dịch nghĩa là Công Đức Hiền, người xứ Trung Thiên Trúc (Ấn Độ) là một dịch giả nổi tiếng, thuộc dòng Bà La Môn. Do đọc Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận, Ngài bèn quy hướng Phật pháp, nghiên cứu Đại Thừa, tinh thông giáo nghĩa Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Do tích cực xiển dương Đại Thừa, người đương thời gọi Ngài bằng mỹ hiệu Ma Ha Diễn. Ngài đến Quảng Châu, Trung Hoa vào năm Nguyên Gia 12 (435). Tống Văn Đế phái người đón Ngài về kinh đô Kiến Khang, vừa hoằng pháp vừa dịch kinh. Những dịch phẩm chủ yếu của Ngài là Tạp A Hàm Kinh, Lăng Già Kinh, Đại Pháp Cổ Kinh, Tương Tục Giải Thoát Kinh, Thắng Man Sư Tử Hồng Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh. Do dịch kinh Lăng Già, Ngài được coi là sáng tổ Lăng Già Tông, tổ Bồ Đề Đạt Ma là học trò của vị này. Lăng Già Tông còn gọi là Nam Thiên Trúc Nhất Thừa Tông, hoặc Nam Tông, là một tông phái Phật giáo tại Trung Hoa chuyên nghiên cứu kinh Lăng Già. Tông này thuộc học phái chuyên nghiên cứu Như Lai Tạng trong Duy Thức, và thường được coi là tiền thân của Thiên tông, chỉ thịnh hành ở phương Bắc Trung Hoa trong thời Nam Bắc Triều. Lăng Già Tông này chủ trương tu hạnh Đầu Đà, tu

Ấn Độ. Tam Tạng: Chúng ta thường nói là “*học lịch*”, giống như “*học vị*” hiện thời. Ngài tinh thông Tam Tạng. Tam Tạng pháp sư mới có tư cách phiên dịch kinh điển, phải thông đạt Tam Tạng. Nếu không thông đạt Tam Tạng, chẳng thể theo đuổi công tác phiên dịch; quý vị phải có học lịch (học vấn rộng khắp).

Cầu Na Bạt Đà La là tên hiệu của vị pháp sư dịch kinh. Đồng thời với Ngài có một vị pháp sư cũng là người Ấn Độ, tên họ rất giống, tức ngài Cầu Na Bạt Ma (Gunavarman). Có khi [kinh sách] ghi [tên ngài Cầu Na Bạt Đà La] là Cầu Na Bạt Đà, không có chữ La ở sau, âm thanh tựa tựa Cầu Na Bạt Ma. Do vậy, rốt cuộc bài chú Vãng Sanh này do vị nào phiên dịch vẫn là điều tồn nghi. Thế nhưng cả hai vị đều là người Ấn Độ, sống cùng thời đại, khẳng định Vãng Sanh Chú quả thật đã được phiên dịch từ kinh điển Phạn Văn, ta có thể khẳng định điều này. Tiếp sau đây là chú ngữ, tôi đọc một lượt rồi xem tiếp những lời giảng giải của Liên Trì đại sư. Chú ngữ gồm mười bốn câu:

Nam mô a di đa bà dạ, dá tha già đa dạ, dá địa dạ tha: A di rị đô bà tỳ, a di rị đá, tất đam bà tỳ, a di rị đá, tỳ ca lan đế. A di rị đá, tỳ ca lan đá. Già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha.

南無阿彌多婆夜。哆他伽跢夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌利哆。毗迦蘭諦。阿彌利哆。毗迦蘭哆。伽彌膩。伽伽那。枳多迦隸。娑婆訶。

Ba hàng tiếp theo đó là những lời trích từ truyện, tức là những câu trích từ Bát Tư Nghị Thần Lục Truyện. “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng tụng thử chú giả, A Di Đà Phật, thường trụ kỳ danh, nhật dạ ủng hộ, vô linh oán gia nhi đắc kỳ tiện, hiện thế thường đắc an ổn, lâm mạng chung thời, nhậm vận vãng sanh*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể tụng chú này thì A Di Đà Phật thường ở trên đánh đầu người ấy, ngày đêm ủng hộ, chẳng để cho oán gia có dịp thuận tiện [làm hại], đời hiện tại được an ổn. Lúc mạng chung, tùy ý vãng sanh). Đoạn kinh văn này nêu lên thật rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh A Di Đà và bài chú này. Thế nhưng khi đọc kinh, chúng ta thường không lưu ý đến những chữ then chốt trong kinh. Vì thế, chúng ta hay nói “đọc kinh không linh”, ta chiếu theo kinh điển tu học dường như không đạt được

tập Thiên Quán. Sau này, giáo nghĩa của Lăng Già Tông bị thay thế bởi Thiên tông do ngài Bồ Đề Đạt Ma đề xướng.

hiệu quả như kinh đã nói. Người nói như vậy không biết kinh luôn đặt ra những điều kiện rõ ràng! Quý vị thấy đó: “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chứ không nói “*nhược hữu nam tử, nữ nhân*” (nếu có kẻ trai, người gái), không hề nói như vậy! Trước đó phải có chữ Thiện. Thử hỏi: Chúng ta đã hội đủ tiêu chuẩn Thiện hay chưa? Nếu hội đủ tiêu chuẩn Thiện, chiếu theo phương pháp này tu học, chắc chắn có hiệu quả. Đây là những điều chúng tôi thường cảnh tỉnh các đồng học trong những buổi giảng, chớ nên coi thường!

Tiêu chuẩn của Thiện là gì? Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật đã nói ra những tiêu chuẩn của Thiện. Trong đoạn kinh nào vậy? Mọi người đều biết rất rành là “*Tịnh nghiệp tam phước*”. Đó chính là tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân. Điều thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp*” (Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp). Đó là điều thiện của nhân - thiên, tức tiểu thiện. Chúng ta có trọn đủ hay không? Nếu trọn đủ bốn câu này thì quý vị chính là thiện nam tử, thiện nữ nhân như kinh đã nói. Nếu không trọn đủ bốn câu này, quý vị chỉ là nam tử, nữ nhân, chẳng thể thêm vào chữ Thiện được! Thế nhưng quý vị phải hiểu: Quý vị đạt được điều kiện này, bèn chiếu theo phương pháp tu hành, thì có được cảm ứng thù thắng gì hay chăng? Chưa chắc! Do nguyên do nào? Vì kinh này là kinh Đại Thừa, không phải kinh Tiểu Thừa. Câu thứ nhất ấy chỉ là thiện pháp thuộc nhân thiên, chưa phải là thiện của Đại Thừa. Tu nhân thiên tiểu quả thì được, vì đã đạt tiêu chuẩn!

Điều thứ hai trong Tịnh nghiệp tam phước là “*Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi). Ngoài bốn câu trên, thêm ba câu này vào thành bảy câu. Làm được bảy câu này mới là điều thiện của Nhị Thừa. Học Thanh Văn, học Duyên Giác, trong kinh điển Tiểu Thừa thường nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị phải làm được cả bảy câu này. Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại Thừa, Vãng Sanh Chú cũng là kinh Đại Thừa, nên quý vị còn phải làm được điều sau đây nữa. Điều sau đây chính là Đại Thừa thiện: “*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*” (Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả). Tổng cộng là mười một câu, mười một câu này là căn bản của mọi căn bản. Làm được hết mười một câu này thì chính là Đại Thừa thiện. Như vậy chữ Thiện là then chốt, thiện nam tử, thiện nữ nhân đầy đủ Tịnh nghiệp tam phước. Quý vị

có đủ cơ sở ấy thì được, quý vị “*năng tụng thử chú, A Di Đà Phật, thường trụ kỳ đảnh, nhật dạ ủng hộ*” (có thể tụng chú này, A Di Đà Phật thường ở trên đảnh đầu, ngày đêm ủng hộ). Quý vị tu thành tựu Tịnh nghiệp tam phước, rồi lại tu pháp môn này, quý vị sẽ thấy có hiệu quả hay là không!

Tuy vậy, như tôi đã kể cùng quý vị, trước kia, tại Đài Bắc tôi đã từng gặp một vị cư sĩ niệm chú Vãng Sanh đến ba mươi vạn biến mà không có hiệu quả, do nguyên nhân gì vậy? Ông ta không có Tịnh nghiệp tam phước! Ông ta chỉ là “nam tử, nữ nhân”, không có chữ Thiện này. Bởi thế, niệm xong ba mươi vạn biến không có hiệu quả. Vì tuổi ông ta đã cao, cũng có thân phận kha khá, khi đó chúng tôi tuổi trẻ, chẳng tiện nói. Xử sự, đãi người, tiếp vật, lời lẽ phải có chừng mực. Điều gì nên nói thì phải coi người ta có tiếp nhận được hay không, mới có thể cùng người bàn luận. Người ta không thể tiếp nhận, không cần phải nói, cứ chấp tay hoan hỷ. Trong xã hội, ông ta có thân phận, có địa vị, cũng có tài nghệ văn chương, thường đứng là vác mặt lên trời, chẳng có mấy ai được ông ta coi trọng. Những điều ấy đều là chướng ngại, đều là nghiệp chướng của ông ta.

Do vậy biết rằng: Tu hành chẳng thể không biết căn bản, căn bản chính là “thiện”. Trước hết, chúng ta phải đạt được tiêu chuẩn Thiện theo nhãn quan của đức Phật, chúng ta phải tự nỗ lực đạt được! Sau đấy, y giáo phụng hành thì mới có hiệu quả. “*A Di Đà Phật thường trụ kỳ đảnh*” (A Di Đà Phật thường ở trên đảnh đầu) chính là A Di Đà Thế Tôn hộ niệm. Oán thân trái chủ toan chướng ngại quý vị tu hành, chướng ngại quý vị vãng sanh, nhưng có Phật lực, có hộ pháp thân bảo vệ, che chở quý vị, chúng không có dịp nào thuận tiện [gây rối]. “*Hiện thế thường đắc an ổn*” (trong đời hiện tại thường được an ổn), nghĩa là sống trong thế gian này, quý vị được Phật hộ niệm, được long thiên thiện thân ủng hộ, nên tai nạn, chuyện bất tường chẳng dễ gì gặp phải. Lúc lâm chung, “*nhập vãng vãng sanh*” (tùy ý vãng sanh), “*nhập vãng*” nghĩa là tự tại.

Đoạn kinh văn này thuyết minh công đức của thần chú, giảng rất tường tận. Ba câu đầu có thể phiên dịch, bởi lẽ chúng không phải là chú ngữ. Câu thứ nhất “*nam mô a di đa bà dạ*” là niệm Nam-mô A Di Đà Phật. A-di-đa-bà (Amitabha) là A Di Đà, đọc theo Phạm âm Ấn Độ là A-di-đa-bà-dạ (Amitabhaya); nay chúng ta tinh lược thành A Di Đà Phật. A Di Đà chứ không có chữ Phật, trong câu trên không có chữ Phật. Câu kế đó, “*đá tha già đa dạ*” (tathagataya), dịch là Như Lai. Như vậy, niệm

toàn bộ hai câu này, thì “*nam mô a di đà bà da, đá tha già đa dạ*” chính là A Di Đà Như Lai, trước đó có chữ Nam Mô, tức Nam Mô A Di Đà Như Lai. Có thể dịch nghĩa theo cách đọc hiện thời như vậy, nên hai câu này có thể phiên dịch được. Câu “*đá địa dạ tha*” (tadiyatha) cũng dịch nghĩa được, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*tức thuyết chú viết*” (liên nói chú rằng), có nghĩa như vậy. Những câu tiếp đó mới là chú, từ chữ “*a di rị đô bà tỳ*” (amrtodbhave) trở xuống gồm mười một câu; mười một câu ấy là chú ngữ. Những chú ngữ này từ xưa đến nay không phiên dịch, chỉ có ba câu đầu là có thể dịch.

Trong lời chú giải, Liên Trì đại sư giảng: “*Thần chú từng cổ bất phiên, lược hữu ngữ ý*” (Thần chú từ xưa đã chẳng phiên dịch, đại lược có năm ý). Năm ý ấy chính là năm quy định trong thể lệ dịch kinh:

1) Ý nghĩa thứ nhất là giống như đế vương thời cổ, đế vương có những ý chỉ bí mật, chẳng thể tùy tiện tuyên truyền. Quý vị nhận được [chiếu chỉ] cứ y giáo phụng hành là được rồi, cứ chiếu theo đó mà làm, chẳng cần phải hỏi han.

2) Ý thứ hai: Hoặc trong một câu có quá nhiều ý nghĩa, như Tiên Đà Bà²¹ mang nhiều nghĩa nên không phiên. Bởi lẽ không tìm được thành ngữ hoặc từ ngữ Trung Quốc tương tự, nên bèn phiên âm kèm theo giải thích.

3) Ba là ở Trung Quốc không có, đại sư nêu thí dụ như Diêm Phù Đề (Jambudvīpa). Trong kinh chúng thường thấy chữ sau: Am Ma La quả (Amarapuspaka), Trung Quốc từ trước đến nay chưa hề có, hoặc Hung Cừ²² trong Ngũ Tân (năm thứ cay hôi), Trung Quốc cũng không

²¹ Tiên Đà Bà (saindhava): Vốn là một loại muối sản xuất ở Ấn Độ, sau được dùng để chỉ bốn sản vật nổi tiếng là: Muối, ly, nước và ngựa. Trong kinh Niết Bàn, từ ngữ này dùng để tỷ dụ mật ngữ của Như Lai sâu xa khó hiểu. Giống như quốc vương đòi Tiên Đà Bà, đại thần thông minh sẽ tùy theo hoàn cảnh mà biết vua muốn đi chơi thì đem ngựa đến, vua đang ăn mà đòi Tiên Đà Bà thì dâng muối v.v... Từ đây, Tông môn có từ ngữ “*tiên đà khách*” để chỉ người học có khả năng lãnh hội mau chóng pháp cơ nơi thầy, tổ (theo Huệ Quang tự điển).

²² Hung Cừ (hingu, devil's dung) còn gọi là A Ngụy, A Ngu, Cáp Tích Ni, Vân Đài v.v... là một loại gia vị, có tên khoa học là *Ferula Assafoetida*. Hung Cừ có mùi rất nồng giống mùi hẹ, nhưng rất khó chịu khi chưa nấu. Do đó, khi chưa sử dụng, Hung Cừ phải được bỏ trong lọ đậy kín để khỏi làm các thứ khác bị nhiễm mùi. Ở Ấn Độ, loại cây này mọc phổ biến nhất tại vùng Jammu và thường được các tín đồ đạo Jain và giáo phái thờ thần Vishnu của Ấn Độ giáo ăn thay cho hành, tỏi. Ta thường dịch chữ này thành củ nén (hay nén?), nhưng loại củ nén ở Việt Nam mùi thanh nhẹ hơn tỏi rất nhiều, không nồng gắt như Hung Cừ.

có. Nhưng hiện tại giao thông phát đạt, hàng hóa lưu thông dễ dàng, Am Ma La quả là trái gì vậy? Người Đài Loan gọi nó là trái Ba Lạc (trái xoài)²³. Trước kia, lão hòa thượng Đạo Nguyên (Ngài là vị pháp sư giảng kinh tại Đài Loan) đi triều bái Ấn Độ. Do Ngài thường giảng kinh, thường giảng trái Am Ma La ở Trung Quốc không có, rốt cuộc vẫn không biết là trái gì. Lần ấy, Ngài đến Ấn Độ, hỏi người Ấn Độ: “Trái Am Ma La là trái gì? Xin đem đến cho tôi xem!” Rốt cuộc họ đem lại, nhận ra trái ấy Đài Loan cũng có, nhưng ở Trung Quốc đại lục không có. Đó là một loại. Hưng Cừ là một loại trong Ngũ Tân, chính là thứ gì vậy? Nay chúng tôi biết nó là một loại hành tây; ở Trung Quốc không có. Như vậy, những thứ giống như vậy không có cách nào phiên dịch được, chỉ còn cách phiên âm.

4) Thứ tư, thuận theo lời cổ không phiên. Thời cổ dịch kinh, những chữ, những câu đã được dịch âm, ai nấy đều biết nên không cần thay đổi. Hãy nêu một thí dụ: A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nói thật ra, cũng là do tôn trọng cổ nhân, do tôn trọng nên không phiên dịch.

5) Thế nhưng điều thứ năm cũng mang ý nghĩa tôn trọng: “*Hoặc tôn trọng, phi Đường ngôn khả đối, như Bát Nhã cổ*” (Hoặc do tôn trọng, chứ chẳng phải không thể dịch sang tiếng Hán, như chữ Bát Nhã chẳng hạn). Nói thật ra, Bát Nhã cũng có thể dịch thành trí huệ. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nhưng danh từ Pháp Tướng trong kinh luận hết sức nhiều, chúng ta đọc đã quá quen, như vậy chúng thuộc về loại từ ngữ được tôn trọng. Nhất là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đã là người học Phật thì bất luận Tiểu Thừa hay Đại Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, chúng ta học Phật nhằm mong mỗi điều gì? Chính là mong đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bát Nhã không dịch nghĩa, cũng có lý đôi chút. Bởi lẽ, trí huệ Bát Nhã chẳng phải là trí huệ theo quan niệm thông thường, không giống với khái niệm trí huệ thông thường!

Thần chú thường không phiên dịch, nhưng có khi nào được phiên hay không? Có chứ! Ngay cả năm hội thần chú Lăng Nghiêm cũng được phiên dịch. Đời Thanh, pháp sư Quán Đảnh đem toàn bộ bài chú ấy dịch ra. Đó chỉ là thiểu số, tất nhiên đa số tôn trọng thể lệ dịch kinh của cổ nhân, nên cũng không cần phải phiên dịch ra. Không phiên dịch ra thì được tôn trọng. Dịch ra rồi, ý niệm tôn trọng không còn nữa.

²³ Đúng ra Ba Lạc là trái ổi, ở đây chúng tôi dịch Ba Lạc là trái xoài để thuận theo nghĩa chính xác của trái Am Ma La. Trong nguyên ngữ Sankrit, Amarapuspaka có tên khoa học là *Mangifera Indica*, tức là trái xoài.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần giảng giải về Vãng Sanh Chú của Liên Trì đại sư.

Lời Sớ viết: “*Kinh chú tương liên, chánh Hiền Mật viên thông nghĩa*” (Kinh và chú liên quan, chính là ý nghĩa Hiền Mật viên thông). Sau kinh Di Đà, ghép thêm chú Vãng Sanh, nói thật ra, ý nghĩa thực sự là Hiền Giáo và Mật Giáo dung hợp thành một Thể. Đó là ý nghĩa chân chánh. Trong phần Sao viết: “*Tường trần bỉ quốc*” (trình bày rõ cõi ấy), cõi ấy chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*y chánh trang nghiêm, Tín Hạnh Nguyện môn*” (y báo và chánh báo trang nghiêm, Tín Hạnh Nguyện môn). Tín - Nguyện - Hạnh: Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải hội đủ ba điều kiện này. “*Như kinh sở minh, thị chi vị Hiền*” (như kinh đã giảng rõ, đó gọi là Hiền), nghĩa là chỉ dạy rõ ràng cho chúng ta. Sách Yêu Giải của Ngẫu Ích đại sư thật là khó có. Ngài chia cả bản kinh thành ba phần: Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần. Trong ba phần, mỗi một phần lại chia thành ba phần, tức ba đoạn lớn, mỗi một đoạn dùng Tín - Nguyện - Hạnh để phân định. Tự Phần gồm ba đoạn Tín - Nguyện - Hạnh, Chánh Tông phần cũng gồm ba đoạn Tín - Nguyện - Hạnh, phần Lưu Thông lại có Khuyến Tín - Khuyến Nguyện - Khuyến Hạnh. Ba phần đều chẳng lìa Tín - Nguyện - Hạnh, khai thị hết sức rõ ràng. Đó gọi là Hiền.

Tiếp đó, lời Sao viết: “*Tuân Phật bí sắc, dẫn trì thử chú, tức đắc vãng sanh, thị chi vị Mật*” (Tuân lời sắc truyền bí mật của Phật, chỉ trì chú này liền được vãng sanh, đó gọi là Mật). Tuân theo lời Phật răn dạy, quý vị chuyên trì Vãng Sanh Chú, tốt lắm, cũng được vãng sanh. Chú ngữ không có ý nghĩa gì vì là mật thuyết. Vậy Hiền và Mật liên quan với nhau như thế nào? “*Hiền giả, hiển thử Mật dã. Mật giả, hiển thử Hiền dã*” (Hiền là nhằm hiển cái Mật này, còn Mật nhằm kín nhiệm cái Hiền ấy), cho thấy mối quan hệ giữa Hiền và Mật là một, không hai. Một đẳng là hiển thuyết, một đẳng là mật thuyết; ở phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị rồi. Vì sao sau khi đức Phật hiển thuyết, lại phải mật thuyết? Chủ yếu là nói với chúng sanh trong chín pháp giới, dùng ngôn ngữ của bọn họ để nói. Chú không phải là tiếng Phạn nên người Ấn Độ cũng không hiểu.

Ở đây, đại sư bảo cùng chúng ta: “*Kiên trì tắc song mỹ tất cụ*” (Kiên trì thì cả hai đều cùng được tốt đẹp trọn vẹn), ý nói Hiền, Mật đều trì. Chẳng hạn như khi tụng kinh, tụng kinh Di Đà xong bèn niệm ba biến chú Vãng Sanh, đó là thông lệ trong hiện tại. Tốt nhất là niệm bảy biến, niệm bảy biến chú Vãng Sanh chính là Hiền Mật cùng tu. Nếu như chỉ “*đơn cử diệc giao nhiếp bất di, cố viết Viên Thông*” (chỉ trì một thứ thì cũng dung nhiếp lẫn nhau không sót, nên bảo là Viên Thông). “*Đơn cử*” nghĩa là chỉ niệm kinh không niệm chú, có được hay không? Được chứ! Mật nằm trong Hiền; chỉ trì chú mà không niệm kinh thì cũng được, vì Hiền nằm trong Mật. Vì thế gọi là Viên Thông. Viên là viên mãn, Thông là thông đạt, không chướng ngại. Nói như vậy, rốt cuộc chúng ta nên tu cách nào? Liên Trì đại sư rất từ bi, lời khai thị tiếp theo đó hết sức trọng yếu:

“*Tuy vân giao nhiếp, nhi chuyên trì danh hiệu do thắng trì chú, diệc thắng dư chú, diệc thắng nhất thiết chư dư công đức*” (Dẫu nói là giao nhiếp, nhưng chuyên trì danh hiệu vẫn hơn trì chú, cũng tốt hơn trì các chú khác, cũng thù thắng hơn hết thảy các công đức khác). Đoạn khai thị này hết sức tinh vi đẹp đẽ: Chớ có nghe nói Hiền - Mật dung nhiếp lẫn nhau như trên đây rồi Hiền pháp lẫn Mật pháp, pháp nào cũng đều tu hết. Lợi ích chân chánh là thâm nhập một môn. Tu pháp nào? Cổ nhân thường nói: “*Niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật*”. Câu nói ấy rất có lý, hoàn toàn tương ứng với đoạn khai thị này của Liên Trì đại sư. Kinh dài quá, chẳng dễ gì nhiếp tâm! Chú ngắn hơn, dễ nhiếp tâm hơn, nhưng một câu danh hiệu lại ngắn hơn nữa, càng dễ nhiếp tâm hơn nữa!

Chân chánh tu hành dụng công, nhiếp tâm là bậc nhất. Bởi lẽ, mục đích tu hành của quý vị là gì? Mục đích là nhất tâm bất loạn. Bất luận tu pháp môn nào, tổng cương lĩnh, tổng mục tiêu là nhất tâm bất loạn. Bất luận Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, Đại Thừa hay Tiểu Thừa thì tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, tổng phương hướng, tổng mục tiêu đều là muốn đạt đến nhất tâm bất loạn. Dùng phương pháp nào sẽ khiến cho chúng ta nhanh chóng đạt được nhất tâm bất loạn? Niệm Phật là phương pháp thù thắng nhất. Do vậy, ở đây đại sư bảo chúng ta: “*Chuyên trì danh hiệu do thắng trì chú*” (Chuyên trì danh hiệu còn hay hơn trì chú), hơn hẳn trì chú. Trì chú ở đây ý nói trì Vãng Sanh Chú. Thù thắng hơn những chú khác! Trong tất cả hết thảy chú ngữ thì Phật hiệu luôn thù thắng vượt trội, không những vượt trội mật chú mà còn vượt trội cả Hiền Giáo. Hiền Giáo [nghĩa là nói] tu hết thảy các pháp

công đức khác đều không bằng trì danh. Tiếp đó, lại có lời thuyết minh tỉ mỉ trong phần Sao về lời Sớ:

“*Thiên tán trì danh dã*” (Riêng khen ngợi trì danh). Ở đây, đại sư giảng ba câu. Câu thứ nhất là “*thắng bốn chú giả*” (thù thắng hơn bốn chú), “*bốn chú*” chính là Vãng Sanh Chú. Trì danh thù thắng hơn trì chú Vãng Sanh. Vì sao? “*Dĩ chú vân: Tụng tam thập vạn biến, tắc kiến A Di Đà Phật*” (Do chú nói: ‘Tụng ba mươi vạn biến sẽ thấy A Di Đà Phật’). Quý vị phải nhớ kỹ, phải đủ ba mươi vạn biến mới được thấy A Di Đà Phật; còn trì danh thì “*trì danh, tắc nhất nhật nhất tâm, tức Phật hiện tiền cố*” (trì danh thì một ngày nhất tâm, Phật bèn hiện tiền). Vãng Sanh Chú tụng đủ ba mươi vạn biến, chắc chắn không thể làm xong trong một ngày. Dầu niệm nhanh cũng không được, không có cách gì niệm xong [ba mươi vạn biến] trong một ngày. Thế nhưng Phật hiệu chỉ cần quý vị nhất tâm hệ niệm một ngày, ắt có cảm ứng, Phật bèn hiện tiền. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha niệm Phật ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật bèn hiện tiền. Năm năm trước, khi Hàn Quán Trưởng vãng sanh, chúng tôi trợ niệm bên cạnh bà, bà ta hai lần thấy A Di Đà Phật hiện tiền, một lần thấy Liên Trì hải hội. So với trì chú [thì niệm Phật] dễ dàng hơn, dễ đắc nhất tâm!

“*Hựu chú vân: Trú dạ lục thời, các tụng tam thất*” (Chú còn nói: Ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi một biến). “*Tam thất*” (ba lần bảy) là hai mươi một biến. Ngày đêm sáu thời, mỗi một thời đều phải niệm hai mươi một biến, “*năng diệt Ngũ Nghịch đặng tội, nhi trì danh, tắc chí tâm niệm Phật nhất thanh, tức diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội cố*” (có thể diệt tội Ngũ Nghịch; nhưng trì danh thì chí tâm niệm Phật một tiếng, liền diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử). Quý vị hãy so sánh kỹ càng giữa kinh và chú, sẽ hiểu: Quả thật trì danh thù thắng hơn trì chú.

Câu thứ hai: “*Thắng dư chú giả*” (thù thắng hơn các chú khác), “*dư chú*” là những chú khác, tức là tất cả hết thầy thần chú trong Đại Tạng Kinh, kể cả năm hội thần chú Lăng Nghiêm. Một câu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, mọi người chớ nên coi thường. Quá dễ dàng nên bèn coi thường, không biết vãng sanh là thù thắng. “*Chuyên trì danh hiệu, tức đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú*” (Chuyên trì danh hiệu chính là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là chú không gì sánh bằng). Mấy câu này Liên Trì đại sư mượn từ Bát Nhã Tâm Kinh để dùng. Một câu Phật hiệu quả thật là đại thần chú, do nó vượt trội hết thầy các chú. Vì sao? “*Dĩ thập niệm tiện*

đắc vãng sanh, nhất sanh tiện đắc Bất Thoái, oai linh bất trắc, tư danh đại thần, dư khả lệ tri cố” (Do mười niệm liền được vãng sanh, vừa sanh về cõi ấy liền được Bất Thoái, oai linh khôn dò; do vậy, gọi là “đại thần”. Các điều khác cứ phỏng theo đây ắt sẽ biết). Giải thích một điều là đủ. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám: “*Lâm chung mười niệm hay một niệm bèn được vãng sanh*”, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Thần chú nào có được năng lực như thế? Chẳng có chú nào! Tìm không ra! Bởi vậy, một câu A Di Đà Phật đúng là danh phù hợp thực, “*đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú*”, chẳng sai chút nào. Tiếp đó lại có một câu vấn đáp giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín.

“*Vấn: Chuẩn Đề công đức, chí quảng, chí đại, như hà dẫn trì Phật danh, nhi năng thắng bi*” (Hỏi: Chú Chuẩn Đề công đức rất rộng, rất lớn, có sao chỉ trì danh hiệu Phật lại có thể vượt trội chú ấy được). Quý vị thường đọc Liễu Phàm Tứ Huân, thấy trong sách ấy nói thiên sư Vân Cốc dạy ông Viên Liễu Phàm trì chú Chuẩn Đề. Tiên sinh Viên Liễu Phàm hằng ngày trì chú Chuẩn Đề, ai nấy đều biết chú Chuẩn Đề vô cùng linh nghiệm, công đức niệm chú Chuẩn Đề rất lớn; vì sao niệm một câu A Di Đà Phật lại có thể vượt trội, thù thắng hơn được? Liên Trì đại sư giải đáp cho chúng ta: “*Chuẩn Đề thị nhân địa Bồ Tát, Di Đà quả vị Như Lai*” (Chuẩn Đề là Bồ Tát còn đang thuộc địa vị tu nhân, Di Đà là quả vị Như Lai), khác nhau! Trong Mật giáo, Chuẩn Đề Bồ Tát chính là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Trì Chuẩn Đề ký hữu thần công, niệm Di Đà ninh vô diệu ứng?*” (Trì chú Chuẩn Đề đã có công năng thần diệu, há niệm Di Đà lại chẳng có cảm ứng màu nhiệm ư?) Cảm ứng đương nhiên rất rõ rệt.

“*Thị cố kinh vân: Trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh hiệu*” (Vì thế kinh nói: Trì danh hiệu sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát), quý vị hãy nghĩ xem, kinh [Pháp Hoa] nói như vậy đó. Đức Phật dạy: [Trì niệm] danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, “*bất như nhất xưng Quán Thế Âm Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng*” (chẳng bằng xưng một tiếng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, phước ấy giống hệt nhau). Phước báo niệm một tiếng “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” và phước báo của người trì danh hiệu sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát bằng nhau. Chuẩn Đề đã là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên trì chú Chuẩn Đề giống như trì danh hiệu Quán Âm. Tiếp đó, sách lại viết: “*Hựu vân: Trì vô lượng vô số Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, bất như*

nhất xưng Địa Tạng Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng” (Lại nói: Trì vô lượng vô số danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng bằng xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát một tiếng, hai phước báo ấy như nhau). Ngài Địa Tạng có công đức to lớn! Vì sao? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, trước khi Di Lặc Phật xuất thế, trong khoảng thời gian dài như thế, ai sẽ thay Phật hóa độ chúng sanh? Địa Tạng Bồ Tát! Do vậy, trong khoảng thời gian trống rỗng ấy (tức thời gian không có Phật xuất thế), Địa Tạng Bồ Tát thay mặt đức Phật. Quý vị đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên phải hiểu điều này. Hiện tại, người tu pháp môn Địa Tạng rất nhiều, người niệm Địa Tạng Bồ Tát rất nhiều, nhưng phải hiểu: Công đức niệm Địa Tạng Bồ Tát không bằng công đức niệm A Di Đà Phật! Tiếp đó, [sách Sớ Sao] lại viết: “*Huống Như Lai hồ?*” (huống hồ là [xưng niệm danh hiệu] Như Lai ư?) Như Lai là Quả Địa!

Chúng ta biết Địa Tạng Bồ Tát thật ra đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nhưng Ngài chẳng muốn ở địa vị Phật, cứ muốn ở trong địa vị Bồ Tát, vĩnh viễn làm Bồ Tát, “*địa ngục bất không, thệ bất thành Phật*” (địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật). Không biết bao nhiêu đồ đệ của Ngài đã thành Phật, từ phẩm Tụ của kinh Địa Tạng quý vị đã có thể thấy rồi đó. Đây là luận định về việc niệm danh hiệu A Di Đà Phật vượt trời [công đức trì tụng] hết thảy các thần chú vậy.

Câu thứ ba là “*diệc thắng chư dư công đức giả*” (cũng thù thắng hơn các công đức khác). Đối với Hiền Giáo, quý vị tu hết thảy các pháp công đức không bằng niệm Phật, công đức niệm Phật thù thắng bậc nhất, thù thắng khôn sánh. “*Lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhi chuyên trì danh hiệu, tắc chủng chủng công đức, nhiếp vô bất tận, dĩ bất xuất nhất tâm cố, như tiền văn trung quảng thuyết*” (Lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhưng chuyên trì danh hiệu thì mọi thứ công đức sẽ được thấu nhiếp bất tận, vì [các thứ công đức ấy] chẳng ra khỏi nhất tâm, như đã giảng trong những đoạn văn trước). Ở đây, chữ “*đoạn văn trước*” chỉ [đoạn văn giảng về nhất tâm trong] sách Sớ Sao. Trong Di Đà Sớ Sao đã luận về điều này rất nhiều. Công đức niệm Phật thực sự lớn lao đến như thế ư? Nhưng trong quan niệm của người thế gian, họ lại chẳng nghĩ như vậy. Quý vị thấy đó: Nếu trên thế giới này có tai nạn, có người bỏ tiền bỏ sức để giúp đỡ nạn nhân thì mọi người đều khen ngợi công đức ấy rất lớn lao; còn quý vị ở bên cạnh, chuyện gì cũng không lý đến, niệm mấy câu A Di Đà Phật, công đức này có thể vượt trời công đức trên đây ư? Người thế gian khó thể tin tưởng nổi, nên gọi là “*pháp khó tin*”.

Nay chúng ta mới hiểu được một chút: Bỏ tiền bỏ sức cứu tế tai

nạn chỉ là cứu người nhất thời; xung niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật, nếu người ta nghe được, vừa lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chúng tử ấy gieo vào A Lại Da Thức, trong tương lai gặp duyên, chúng tử ấy hiện hành, người ấy có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Quý vị hãy so sánh xem công đức nào lớn hơn? Tuy vậy, bỏ tiền ra sức là chuyện cứu tế tai nạn ngay trước mắt, quý vị thấy được; còn niệm Phật là chuyện tương lai, quý vị không thấy được, nhưng chúng tử ấy quý hơn bất cứ thứ gì khác!

Thuyết pháp như vậy người minh bạch ắt hiểu, nhưng người mê không giác hoàn toàn chẳng thể tiếp nhận, họ không hiểu. Dù không hiểu, nhưng một câu A Di Đà Phật từ nhĩ căn lọt vào A Lại Da Thức, đến lúc nào người ấy mới cảm ơn quý vị? Đến khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy mới thực sự giác ngộ: “Vô lượng kiếp trước, ông niệm một câu A Di Đà Phật ban cho tôi [chúng tử], nên ngày nay tôi mới có thể sanh vào thế giới Cực Lạc”. Người ấy bèn nảy sanh tâm cảm kích, mới biết công đức lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn, hết thấy những sự từ thiện cứu tế nhất định chẳng thể sánh bằng được. Do vậy, lúc đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài vì chúng ta thị hiện: Suốt bốn mươi chín năm giảng kinh, thuyết pháp, chứ không làm gì khác. Nay chúng ta mới hiểu: Ngài làm như vậy chính là sự nghiệp từ thiện cứu tế bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian, không một ai có thể sánh bằng Ngài!

Tiếp đó, Liên Trì đại sư đau lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta: “*Nguyện tịnh nghiệp đệ tử, chuyên kỳ tín, bất nhị kỳ tâm*” (Nguyện tịnh nghiệp đệ tử lòng tin chuyên nhất, chẳng sanh hai tâm). Ở đây, Liên Trì đại sư mong chúng ta là những đệ tử đang tu Tịnh nghiệp của đức Phật hãy chuyên tâm, chớ có tam tâm, nhị ý! Tam tâm nhị ý thì hết sức đáng tiếc, quý vị bỏ lỡ cơ duyên, chẳng thể thành tựu trong một đời này! Rồi Ngài lại dẫn kinh để chứng minh: “*Như kinh vân: Thiết hữu nhất pháp, quá u Niết Bàn, diệc bất sở nguyện*” (Như kinh dạy: “Đã có một pháp cao hơn Niết Bàn thì cũng chẳng muốn [nghe, tu tập theo]”). Nói thật ra, lời khuyên dạy trong tử dụ trên đây chẳng ngoài những gì đã dạy trong chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, nhất là trong bản chú giải của Thiện Đạo đại sư. Trước đây, chúng tôi đã đọc qua, giảng qua, đặc biệt là chương Thượng Phẩm Thượng Sanh đã giảng rồi. Không có bất cứ pháp nào có thể vượt trôi pháp này.

Sau đó, lại nói: “*Thiền tông tri thức, hữu giáo nhân đản trì thoại*”

đầu, nhất thiết bất tác” (Bậc tri thức Thiên tông có vị dạy người chỉ trì câu thoại đầu, hết thầy [những hạnh khác] đều không làm). Câu thoại đầu nào vậy? “*Tham niệm Phật thị thù*” (tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”), vẫn thuộc về pháp môn Niệm Phật, đây là một phương pháp Niệm Phật riêng biệt. Niệm A Di Đà Phật, niệm mấy câu A Di Đà Phật xong, lại hỏi “*người niệm Phật là ai?*” Đó là phương pháp niệm Phật trong nhà Thiên. “*Cố tri nguyên nghiệp dư môn giả*” (Nên biết họ vốn tu các pháp môn khác), “*nguyên nghiệp*” nghĩa là họ vốn tu học các pháp môn khác, “*thượng đương cải tu niệm Phật*” (rời đổi pháp họ vốn tôn sùng thành tu niệm Phật). Đây là tổ sư đại đức thường khuyên người, các Ngài tự lấy thân mình làm gương. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đại triết đại ngộ nơi Thiên, quay đầu chuyên tu Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ tông. Bậc đại đức trong Tông Môn làm gương cho chúng ta, khuyên dạy người học Thiên kiêm tu Tịnh Độ. Trong Tứ Liệu Giản, Ngài nói rất hay: “*Hữu Thiên, hữu Tịnh Độ*” (có Thiên có Tịnh Độ), tức Thiên Tịnh song tu, “*do như đời giác hồ*” (khác nào cọp mọc sừng). Lại còn nói: “*Vô Thiên, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ*” (Không Thiên, có Tịnh Độ, vạn người tu, vạn về). Quý vị hãy nhìn thấu suốt ý nghĩa thực sự nơi câu nói của Ngài. Không Thiên, có Tịnh Độ, vạn người tu, vạn người về, tức là khuyên người tu Thiên nếu Tu Thiên chẳng thể thành tựu, hãy quay đầu tu Tịnh Độ. Tu Tịnh Độ sẽ có thể thành tựu.

Người tu những tông phái khác, như trong tông Thiên Thai, Trí Giả đại sư niệm Phật vãng sanh. Do vậy, tổ sư tông Thiên Thai từ đây về sau mãi cho đến thời cận đại, pháp sư Đế Nhân niệm Phật vãng sanh, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Bảo Tịnh đều là những vị tổ sư cận đại của tông Thiên Thai, đều niệm Phật vãng sanh. Trong những vị đại đức cư sĩ, chắc quý vị đã biết, cư sĩ Giang Vị Nông, cư sĩ Châu Chỉ Am, “*giáo tông Bát Nhã, hạnh tại Di Đà*” (dạy bảo thì đề cao Bát Nhã, nhưng hạnh tại Di Đà). Những vị tu hành thuộc các tông phái khác, cuối cùng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta chẳng thể không biết điều này. “*Hà hướng nguyên niệm Phật nhân*” (Hướng hồ người vốn niệm Phật), chúng ta vốn là kẻ niệm Phật, “*nãi biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng*” (há lại thay đổi cái mình tuân giữ, tôn sùng pháp khác): Chúng ta thay đổi pháp Niệm Phật của chính mình, đi tu học pháp môn khác. “*Tâm hoài nhị lộ, chí bất quy nhất, vân hà tam-muội, nhi đắc thành tựu?*” (lòng ôm ấp hai đường lối, chí không quy nhất, làm sao thành tựu tam muội cho được?) Đây là lời cảm thán hết mực của Liên Trì đại sư.

Chúng ta đọc đến đoạn văn này, nghe câu nói ấy, phải nghiêm túc phản tỉnh: Chúng ta có thực sự tu hay chẳng? Đừng hỏi ai khác, phải hỏi chính mình. Chúng ta có tam tâm nhị ý hay chẳng? Vẫn nghĩ học pháp môn khác ư! Công phu cạn nhất trong Niệm Phật tam-muội là công phu thành phiền, vì sao chúng ta chưa đạt được? Có phải là như Liên Trì đại sư đã nói ở đây hay chẳng? “*Biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng*” (Thay đổi cái mình tuân giữ, tôn sùng pháp khác), hâm mộ pháp môn khác, hướng về pháp môn khác, “*tâm hoài nhị lộ*” (lòng ôm ấp hai đường lối). Tuy chẳng bằng lòng buông bỏ Tịnh Độ, nhưng vẫn muốn học pháp môn khác, vì thế “*chỉ không quy nhất*”, phương hướng và mục tiêu không nhất trí, như vậy thì ngay cả công phu thành phiền cũng không đạt được, sẽ bị rắc rối như thế này:

“*Trục chí vô thường, không vô sở hoạch*” (Kịp đến khi vô thường, rỗng tuếch, chẳng đạt được gì). Đến lúc vô thường, vô thường là mạng chung, vô thường xảy đến; nói cách khác, lúc quý vị sắp chết, không thành tựu một điều nào cả. “*Võng tư kỷ quá, phản khởi phi báng, ô hô mậu tai*” (Chẳng nghĩ tới lỗi của mình, lại ngược ngạo báng bỏ! Ôi chao! Làm lạc thay!) Quý vị chẳng biết phản tỉnh lỗi lầm của chính mình, cho rằng lời Phật, Bồ Tát nói không linh, ấy là báng Phật. Báng Phật, báng Pháp là tội A Tỳ địa ngục, đúng là kết thành tội lỗi quá lớn lao, khiến cho người mắt sáng cảm thán không ngớt, trách nhiệm ấy chính mình phải gánh lấy. Kinh không có lầm lỗi, pháp môn không sai lầm, mà do chính mình phạm lỗi, không biết đạo lý thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. Đoạn cuối cùng là Xưng Lý.

Trong bản chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư, mỗi một tiết (một phân đoạn giải thích) đều quy về tự tánh, trong Giáo Hạ cũng thường nói “*tiêu quy tự tánh*”, mỗi đoạn như vậy hết sức tinh vi, đẹp đẽ, ngay cả phần giải thích chú Vãng Sanh cũng không ngoại lệ. “*Xưng Lý tắc tự tánh không, thị bạt nghiệp chướng nghĩa, tự tánh hữu, thị đà la ni nghĩa, tự tánh bất hữu bất không, thị sanh Tịnh Độ nghĩa*” (Xét theo Lý thì Tự Tánh Không là ý nghĩa của Dẹp Trừ Chướng, Tự Tánh Có là ý nghĩa của Đà La Ni, Tự Tánh Chẳng Có Chẳng Không là ý nghĩa của Sanh Về Tịnh Độ). Đoạn này hoàn toàn tiêu quy tự tánh và trí huệ chân thật. Chúng ta xem lời giải thích trong phần Sao, đâu không chỉ vồn vện ba câu như thế, nhưng vẫn rất khó lãnh hội.

Trong phần chú giải, [lời Sao] viết: “*Mịch tâm liễu bất khả đắc, nhất thiết nghiệp chướng, thù vi căn bản*” (Tìm tâm trọn chẳng thể được, trong hết thảy nghiệp chướng cái gì là căn bản?). “*Tìm tâm trọn*

chẳng thể được” là chuyện trong Thiên tông. Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc truyền pháp, không có người, tìm không ra người để truyền pháp, không ai nhận biết Ngài. Lão nhân gia thật từ bi, nếu như bọn chúng ta ắt sẽ nói: “Nơi đây không có pháp duyên, không có pháp duyên thì ra đi, còn ở đây làm chi?” Ngài cứ đợi ở đó, đợi không ít năm, đợi một người là Huệ Khả. Thiên tông nói Tổ nhìn vách chín năm mới gặp được Huệ Khả.

Huệ Khả tìm đến thỉnh giáo, Đạt Ma Tổ Sư cũng chẳng đếm xỉa tới. Lúc ấy nhằm mùa Đông tuyết rơi, Huệ Khả đứng ngoài cửa, tuyết ngập đến gối; từ chỗ này, chúng ta có thể tưởng tượng Ngài đứng lâu đến chừng nào. Trời đổ tuyết rất lớn, tuyết ngập đến gối, Huệ Khả thấy Đạt Ma Tổ Sư vẫn chẳng ngó ngang đến mình; trước kia người xuất gia đều mang theo giới đao²⁴, Ngài bèn rút giới đao chặt phăng cánh tay của chính mình, chặt đứt một cánh tay cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma tổ sư thấy thế, mới mở miệng: “Ngươi đến đây làm gì?” Huệ Khả chặt tay cúng dường mà Đạt Ma tổ sư chỉ hỏi: “Rốt cuộc, ngươi đến đây làm gì?” Huệ Khả thưa: “Con cầu đại sư an tâm cho con!” Tâm không yên. Đạt Ma Tổ Sư xòe tay ra: “*Ngươi lấy cái tâm ra đây, ta sẽ thay ngươi an nó*”. Nay quý vị thấy rất nhiều bức tượng tạc hình Đạt Ma Tổ Sư giơ một tay ra, đó chính là lúc Tổ bảo Huệ Khả: “*Lấy cái tâm ngươi ra đây, ta sẽ thay ngươi an cho*”.

Nhờ câu nói này, Huệ Khả hồi quang phản chiếu, “*Nay ngươi đem cái tâm đưa ra, ta sẽ thay ngươi an nó*”. Hồi quang phản chiếu nơi câu nói này, tìm không được tâm, Ngài bèn nói: “Con trọn chẳng tìm được cái tâm”. Ngài muốn con tìm cái tâm, con không biết cái tâm nằm đâu, Đạt Ma Tổ Sư bèn nói tiếp: “*Ta đã an cái tâm cho ngươi rồi*”. Ta đã thay ngươi an cái tâm, an định rồi, tìm tâm trọn chẳng thể được! Nhờ câu nói ấy, Huệ Khả đại triệt đại ngộ. Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc chẳng uổng công, có truyền nhân rồi. Huệ Khả đại triệt, đại ngộ, minh tâm, kiến tánh, trở thành Tổ thứ hai của Thiên tông Trung Quốc! Tâm chân

²⁴ Giới đao (sastraka) là một trong 18 vật dụng tùy thân của tỳ-kheo. Do loại dao này được phép cất giữ theo giới luật nên gọi là giới đao. Theo Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tập Sự quyển 3 chép, lúc đức Phật ngự tại thành Thất La Phiệt, có tỳ-kheo muốn may y, phải dùng tay xé vải, khiến vải bị rách mà may y không được nên Phật mới cho phép dùng dao. Nhóm Lục Quân tỳ-kheo thừa cơ dùng các chất báu trang trí cán dao, nên đức Phật quy định dao phải bằng sắt, dài sáu ngón tay, hình cong như cánh quạ. Giới đao dùng để cạo tóc hoặc để cắt vải, xén y khi cần may vá. Dùng làm với cái gọi là Giới Đao là một món binh khí công kênh của tăng nhân Thiếu Lâm Tự sử dụng sau này.

thành câu pháp. Ấn Quang đại sư nói: “Mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, Huệ Khả quả thật mười phần chân thành, nên mới có thể khai ngộ. Ngày nay chúng ta nghe những câu trao đổi giữa Đạt Ma Tổ Sư và Tổ Huệ Khả không thể khai ngộ; mà sao Huệ Khả đại sư lại khai ngộ? Vì Ngài chân thành, thành ắt linh, thành bèn cảm thông. Chúng ta không có thành ý, không có thành tâm, có nghe như thế nào, nhìn như thế nào đi nữa, vẫn chẳng thể giác ngộ!

Tìm tâm trọn chẳng thể được! Trong kinh Phật, chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài A Nan tìm tâm. Tâm nằm ở đâu? Ngài A Nan nói bảy chỗ đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật bác bỏ: “Đúng là ngươi chưa biết cái tâm nằm đâu!” Rốt cuộc tâm nằm ở đâu? Khấp hư không pháp giới, không chỗ nào chẳng tồn tại, quý vị chẳng thể nói tâm ở một chỗ nào. Hễ nói nó ở một chỗ nào là sai rồi! Không chỗ nào nó chẳng hiện hữu, không lúc nào nó chẳng tồn tại. Vì sao? Hư không, pháp giới do tâm mà thành Thế. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất minh bạch như thế này: “Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế” (Các pháp được sanh chỉ do tâm hiện, hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành Thế). Tâm ở đâu? Không lúc nào, không chỗ nào nó chẳng tồn tại. Nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, không tương đối, mà cũng chẳng tuyệt đối, ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt.

Đặc tánh của tâm là linh tri, trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ ràng: “Linh tri tâm”. Tâm sẵn đủ linh minh giác tri, cũng có thể nói rõ ràng hơn một chút là nó đầy đủ khả năng thấy - nghe - hay - biết. Thấy - nghe - hay - biết là bản tánh, thấy - nghe - hay - biết là chân tâm, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, chẳng phải có, chẳng phải không, tất cả hết thấy vạn sự, vạn vật, kể cả hư không [đều thấy - nghe - hay - biết]. Vì vậy, quý vị phải thực sự hiểu rõ, quý vị hỏi tâm ở chỗ nào ư? Tùy tiện chọn lấy một pháp, có pháp nào chẳng phải là tâm ư? Cái gì cũng đều có thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, hiểu được chân tướng sự thật này “hết thấy nghiệp chướng, gì là căn bản?”, đúng là dẹp trừ nghiệp chướng tận cội rễ. Chân tâm bản tánh cái gì cũng không có, sạch sẽ, không vướng mắc mảy may.

“Tức tâm vô sở bất cụ, nhất thiết công đức, hà phát tổng trì” (Cái tâm này không gì chẳng đủ, hết thấy công đức không gì chẳng tổng trì). Chân tâm đầy đủ trí huệ Bát Nhã viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Đó chính là ý nghĩa của chữ Tổng Trì. “Đương tổng trì

nhi bất lập tiêm trần, hữu thị tức không chi hữu, vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp, không thị tức hữu chi không” (Dầu tổng trì nhưng chẳng lập mầm trần, Hữu chính là Tức Không chi Hữu (cái Có chính là Không); không có căn bản mà sanh ra vạn pháp, Không chính là Tức Hữu Chi Không (cái Không chính là Có). Ý nghĩa hai câu này rất sâu, rất khó hiểu! Thế nhưng khoa học ngày nay đã phát hiện, bảo cho chúng ta biết một chuyện: Các khoa học gia phát hiện Hữu do đâu mà có? Hữu do Vô biến hiện ra, vô trung sanh hữu (trong không sanh ra có), Hữu lại quy về Vô. Phát hiện ấy giống với những điều đã dạy trong kinh Phật.

Tổng Trì là có tướng. Có tướng, nhưng cái Có ấy là huyền có, sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm chẳng ngừng. Chúng ta trông thấy sắc tướng ấy, hết thấy hiện tướng (tướng được biến hiện ra) đều là tương tục tướng (tướng tiếp nối). Kinh Kim Cang dạy: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ, diệt như điện”* (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; như sương, cũng như chớp). Sương là tương tiếp nối, *“chớp”* ngụ ý sanh diệt trong từng sát-na. Kinh Lăng Nghiêm có câu: *“Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”* (Sanh ra từ chỗ nào, diệt tận ngay nơi ấy), tốc độ rất nhanh, chúng ta nhìn không ra. Đây là đối với câu hỏi về Không và Có mà nói ra chân tướng của Có và Không. *“Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp”* (Không có căn bản mà sanh ra vạn pháp), tức là Không có thể sanh ra Có, Hữu từ Vô mà sanh ra. Mấy câu tiếp theo giảng về nghĩa lý Trung Đạo.

“Tức Hữu tức bất không, tức không tức bất hữu, bất không bất hữu, duy thị nhất tâm, bất diệt nhất tâm, thị danh Tịnh Độ” (Hữu chính là bất Không, Không chính là bất Hữu, chẳng Có chẳng Không, chỉ là nhất tâm, chẳng vượt khỏi nhất tâm, nên gọi là Tịnh Độ). Chân Tịnh Độ! Vốn đã sống trong Tịnh Độ, Tịnh Độ ở đâu vậy? Tịnh Độ ở ngay trước mặt, vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Có thấy được hay không? Thấy được Tịnh Độ thì thấy Pháp Tánh, hiểu rõ pháp tướng. Tánh và Tướng là một không hai. Tướng là Có, Tánh là Không. Tánh - Tướng nhất như (là một, đồng nhất), Tánh - Tướng bất nhị. *“Chẳng Có, chẳng Không”*: Chẳng Không là Tướng, tướng mộng, huyễn, bọt bóng. Chẳng Có là Tánh, là Pháp Tánh. Tánh cũng vậy, Tướng cũng vậy, đều là nhất tâm, Tánh và Tướng là một, không phải hai. Vì sao không phải là hai? Bởi từ Tánh biến hiện những tướng ấy, tướng ấy chỉ do tâm hiện. Bản năng, đặc tánh nơi tự tánh của chúng vĩnh viễn bất biến, tức là thấy - nghe - hay - biết. Vì thế, hết thấy vạn sự vạn vật linh tri, sống động, linh minh giác tri, chẳng chết cứng.

Ba ngàn năm trước, Phật pháp đã nói ra chân tướng sự thật này, đến nay các nhà khoa học mới phát hiện, nhưng vẫn hiểu biết chưa viên mãn, vẫn mới chỉ biết được một chút xíu như thế đó, chỉ là từ lý luận suy diễn rằng có khả năng là như vậy, nhưng hiện thời họ vẫn chưa có cách nào chứng thực. Vì thế, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản rất hy hữu. Ông ta đã dùng nước để chứng minh sự thật ấy. Hy vọng khi ông ta đến thăm, chúng tôi sẽ cung cấp cho ông ta một thông tin: “Vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có đủ khả năng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, chứ không riêng gì nước” để ông ta làm thí nghiệm thêm. Bọn họ rất kinh ngạc, lầy làm lạ, chứ trong nhà Phật chúng ta không kinh ngạc tí nào, mà cũng chẳng sững sờ tí xíu nào, vì sao? Vốn sẵn là như vậy. Kinh đã dạy rõ ràng, minh bạch.

Thôi được! Giới thiệu Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni đến đây thôi!

Tập 41

Chư vị đồng học!

Mở đầu Hệ Niệm Pháp Sự là Hương Tán, tiếp đó là tụng kinh, tức là tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Theo sau tụng kinh là niệm chú, “*Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni*”, niệm chú ba lần. Rồi đến phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Mở đầu phần khai thị lại niệm ba lần:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Trước lúc tụng kinh, niệm ba lần Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát. Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát và Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát ở đây có sai khác gì chẳng? Nếu không sai khác, sao không dùng Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát? Vì sao không dùng thống nhất? Đã xưng tán hai cách, đương nhiên ý nghĩa khác nhau. Dù có thể nói là ý nghĩa tương đồng, nhưng cũng có thể nói là có chút sai khác, đại đồng tiểu dị. Nói Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát thì là hải hội rộng lớn, có thể bao trùm khắp pháp giới hư không giới mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, hết thầy chư Phật Như Lai đều ở trong ấy tuyên nói pháp môn Trì Danh Niệm Phật vãng sanh thành Phật. Chúng ta có thể nói: Liên Trì Hải Hội bao gồm trọn khắp hư không pháp giới, rất lớn lao!

Mỗi một người niệm Phật đều thuộc trong Liên Trì Hải Hội, thậm chí trong xã hội hiện thời, những kẻ phản đối niệm Phật, bài xích người niệm Phật, hủy báng người niệm Phật, thậm chí những kẻ phát tâm muốn tiêu diệt pháp môn Niệm Phật cũng đều thuộc trong Liên Trì Hải Hội. Nguyên nhân gì vậy? Danh hiệu A Di Đà Phật vừa lọt qua tai vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Nay kẻ ấy bài xích là vì mê hoặc, sau khi chịu quả báo xong, nhân duyên chín muồi, vẫn là vì chúng tử A Di Đà Phật trong A Lại Da Thức của kẻ ấy chín muồi! Nói cách khác, nhất định vãng sanh Cực Lạc. Sợ nhất là gì? Sợ nhất là trong một đời này quý vị hoàn toàn không có duyên phận nghe đến, đó mới thực sự là khổ. Nghe rồi phản đối không sợ! Tạo ác nghiệp cũng không sợ! Thiện căn ấy (tức là thiện căn được nghe danh hiệu A Di Đà Phật) là chúng tử kim cang, vĩnh viễn bất hoại. Do vậy, pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, Liên Trì Hải Hội.

Ở đây nói Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát, không thêm chữ Hải Hội, ta có thể nghĩ [Liên Trì Hội] là bản độ (cõi chính, tức chỉ riêng mình cõi Cực Lạc) Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ không phải là trọn khắp pháp giới hư không giới. Nếu trọn khắp hư không giới pháp giới, ta phải thêm chữ Hải Hội thành Liên Trì Hải Hội. Như vậy, giống nhau và khác nhau, sai biệt ở chỗ này. Ở đây là nói riêng về thế giới Cực Lạc.

Bồ Tát: Những vị thuộc Địa Tiên (chưa chứng nhập địa vị từ Sơ Địa trở lên) đều gọi là Bồ Tát. Hạ Hạ Phẩm vãng sanh là những người đời nghiệp vãng sanh, phiền não tập khí dầu một phẩm cũng chưa đoạn, vẫn là Bồ Tát. Là hạng Bồ Tát nào vậy? Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín! Pháp môn này là Đại Thừa Viên Giáo, chí viên, chí đốn. Trong quá khứ, tổ sư đại đức nói pháp này ngang bằng Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đây chẳng phải là tuyệt diệu ư? Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo nhất định phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, còn người đời nghiệp vãng sanh chúng ta một phẩm trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc cũng chưa đoạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, thật chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: Người đời nghiệp vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể gọi là Bồ Tát, vì sao? Vì kẻ ấy chưa đoạn một phẩm Hoặc nào, nhưng cũng chẳng thể nói kẻ ấy là phàm phu. Vì sao? Kẻ ấy cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư nói thân phận của người Tây Phương Cực Lạc thế giới rất lạ lùng, hết thấy đều không phải, mà hết thấy đều là phải, là thân phận chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta nói miễn cưỡng thì: Do kẻ ấy chưa phá một phẩm phiền

nào nào, ta có thể bảo kẻ ấy là Trương Tự Vị Bồ Tát, chưa phải là Bồ Tát thật, chỉ tương tự. Rất giống Bồ Tát, nhưng lại chẳng phải là Bồ Tát, Phạm Thánh Đồng Cư Độ mà! Chưa đoạn một phẩm phiền não nào!

Đương nhiên sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi thì có cần đoạn phiền não hay chẳng? Phải đoạn chứ! Phải đoạn sạch sành sanh mới có thể viên thành Phật đạo. Như vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để tu hành, nơi đó là hoàn cảnh tu hành thù thắng nhất. Chúng ta tu hành ở thế giới này có người, có sự, có vật khuấy nhiễu. Hoàn cảnh tu hành và tu học của tiền nhân thù thắng hơn chúng ta. Bao nhiêu người tu hành tìm lấy một hoàn cảnh thanh tịnh, u nhã, dựng một cái lều tranh nhỏ, mấy chục năm không xuống núi, rất dễ thành tựu. Thế nhưng rốt cuộc người thành tựu vẫn là thiểu số, vì nguyên nhân nào? Tâm địa thanh tịnh, họ đạt được điều kiện ấy; nhưng thầy giỏi và đồng tham đạo hữu cũng chẳng dễ gì gặp được. Vì thế, phải tầm sư phỏng đạo, phải đi tham học khắp nơi. Nghi hoặc hoàn toàn đoạn trừ, thực sự giác ngộ, hiểu rõ, lại tìm một hoàn cảnh u tịnh để dưỡng đạo, xa lìa hết thảy cảnh duyên. Trụ trong núi sâu hiểm dấu chân người lui tới để dưỡng đạo.

Chúng ta thấy tổ sư đại đức bất luận tông phái nào trong các đời được thành tựu [là do thân tâm thanh tịnh], ngay cả Tịnh Độ tông cũng không ngoại lệ. Vào thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư dựng Niệm Phật Đường đầu tiên ở Lô Sơn, một trăm hai mươi ba người lấy Hồ Khê làm giới hạn, chẳng ra ngoài giới tuyến ấy, thân tâm thanh tịnh, nên ai nấy đều có thành tựu. Hoàn cảnh hiện thời khó khăn lắm, dấu quý vị ở trong núi thẳm, nhưng hiện thời giao thông thuận tiện, khách khứa vẫn rất nhiều. Khách đến thăm, quý vị chẳng thể không tiếp đãi. Tiếp đãi, xã giao quá nhiều, thị phi xảy ra, cái hay của họ Trương, cái dở của họ Lý chẳng thể không nghe, những thứ ấy không gì chẳng phải là nhiễm ô. Nếu chính mình chẳng cam lòng chịu tịch tịch, lại gắn truyền hình Internet (online TV) chi đó thì phiền phức càng lớn hơn nữa, dấu ở trong núi thẳm vẫn không thoát ly xã hội bên ngoài.

Vì thế, tu hành trong hiện tại, luận về hoàn cảnh, thật rất kém xưa kia, nhưng hiện thời cơ hội nghe kinh, cơ hội đồng tham đạo hữu cùng tu học so thuận tiện hơn xưa. Đó là do giao thông và truyền thông thuận tiện, nhanh chóng, khoa học kỹ thuật tiên bộ. Như vậy, xưa kia và hiện nay đều có những điểm thuận lợi lẫn tệ hại. Làm thế nào để giữ điều lợi, bỏ điều tệ? Đó là trí huệ, là phương tiện thiện xảo. Ngày nay chúng tôi chọn ở nơi này vì đây là một thành phố nhỏ của Úc Châu, cư dân chỉ có tám vạn người, từ Bồ Lý Tư Bản (Brisbane) lái xe đến đây mất hai tiếng

đồng hồ. Bản thân tôi vẫn ở chốn làng quê, nói chung là mong xa lìa phiền phức, mong mỗi thân tâm thanh tịnh, có nhiều thời gian đọc kinh, niệm Phật. Mỗi ngày chúng tôi ở tại studio phát hình bốn tiếng đồng hồ để báo ân: Trên báo ân chư Phật, ân tổ sư đại đức, ân hộ pháp, dưới báo ân hết thầy chúng sanh. Cuộc sống càng đơn thuần càng tốt.

Tại nơi đây, những bậc hiền giả, hiền đạt trong xã hội, những lãnh tụ tôn giáo đều hết sức quan tâm đến những tai nạn trong thế gian, cầu nguyện thế giới hòa bình, các sắc dân khác nhau, các nền văn hóa khác nhau đều đối xử hòa thuận với nhau. Mọi người luôn mở rộng tâm lượng, bao dung, tôn trọng lẫn nhau, đối xử bình đẳng, đối xử hòa thuận. Đây là một chuyện tốt, đúng là đường lối để tiêu tai tránh nạn. Bọn họ đến tìm tôi, mời tôi tham dự. Chuyện này là chuyện vì nghĩa chẳng thể chối từ, tôi phải tận hết sức giúp đỡ họ thành tựu thiện nguyện. Thế nhưng đối với việc thanh tu của chính mình vẫn là bị phiền nhiễu, tốt đẹp đôi bề chẳng dễ!

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là tốt nhất, vì sao? Có khả năng phân thân, đó mới thực sự là đúng. Đừng nói tốt đẹp đôi bề, mà vạn bề đều tốt đẹp. Bất cứ chuyện gì cũng có thể tham dự, phân thân là xong! Một thân có thể biến thành vô lượng thân đến tham dự những chuyện tốt đẹp của hết thầy chúng sanh, bản thân ta vẫn trụ trong thế giới Cực Lạc y như cũ, ở trước mặt A Di Đà Phật, không hề tách rời. Tự hành hóa tha thầy đều thực hiện viên mãn, đó không phải là chuyện lý tưởng mà là sự thật. Nếu quý vị biết sự thật ấy thì quý vị mới thực sự phát nguyện, gấp rút cầu sanh Tịnh Độ hồng môn hoan hỷ nguyện chân thật của chính mình. “Ma Ha Tát” là đại Bồ Tát, đã chứng địa vị Bồ Tát. “Bồ Tát” là Tam Hiền Bồ Tát. Mười địa vị thuộc Thập Tín đều gộp trong Tam Hiền, ngay cả địa vị tương tự như chúng ta (vẫn chưa thể tính là địa vị Sơ Tín, mới là Tương Tự mà thôi) đều được tính gộp vào đây. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong thế giới Cực Lạc.

8. Khai Thị

Tiếp theo đây, trước phần khai thị của đại sư, chúng ta hãy đọc một bài kệ như sau:

***Thế giới hà duyên xưng Cực Lạc?
Chỉ nhân chúng khổ bất năng xâm,
Đạo nhân nhược yếu tầm quy lộ,***

Đản hướng trần trung liễu tự tâm!

世界何緣稱極樂。

只因眾苦不能侵。

道人若要尋歸路。

但向塵中了自心。

(Tạm dịch:

Thế giới duyên gì tên Cực Lạc?

Chỉ vì các khổ chẳng hề xâm,

Nẻo về nếu muốn tìm cho được,

Hãy đối trần lao tự hiểu tâm).

Chúng ta biết thiền sư Trung Phong là Pháp Thân Bồ Tát, chứ không phải là kẻ tầm thường, cũng có thể nói Ngài quả thực là bậc minh tâm kiến tánh. Hễ minh tâm kiến tánh thì mức độ thấp nhất sẽ là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, đó là mức độ thấp nhất. Ngài là bậc Đồng Sanh Tánh với chư Phật Như Lai, chứ không phải là Dị Sanh Tánh. Cũng có thể nói là trong cuộc sống thường ngày, Ngài dùng bốn trí Bồ Đề, chứ không dùng tám Thức, năm mươi một Tâm Sở. Chúng ta dùng tám Thức, năm mươi một Tâm Sở, còn Ngài dùng bốn trí Bồ Đề. Do đâu biết được điều ấy? Từ lời khai thị này mà biết. Nếu chưa kiến tánh, Ngài chẳng thể nói được những câu như vậy.

Hai câu đầu dễ hiểu, không khó lắm. Vì sao? Đọc kinh Di Đà nhuần nhuyễn rồi, quý vị hiểu ngay. Thế giới kia vì sao gọi là thế giới Cực Lạc? Trong kinh Di Đà, chẳng phải Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo rất rõ ràng cùng tôn giả Xá Lợi Phất đó ư? “*Bi độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các điều vui, nên tên là Cực Lạc). Chẳng phải là giải đáp rất rõ ràng hay sao? Vì thế, hai câu đầu trong bài kệ không có vấn đề gì, chúng ta cũng có thể nói được như vậy.

Nhưng hai câu kệ sau chúng ta không thể nói được, nhất là câu cuối cùng. “*Đạo nhân nhược yếu tâm quy lộ*” (đạo nhân nếu muốn tìm đường trở về), “*đạo nhân*” là người tu hành, “*quy lộ*” là đường nào? Là con đường thành Phật. Con đường này không dễ, tìm ở đâu đây? Nay chúng ta nói chúng ta đã tìm ra, chúng ta tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, chính là con đường thành Phật, không sai, mọi người chúng ta đều có thể nói như thế; nhưng thiền sư Trung Phong không nói như vậy,

Ngài bảo: “*Đản hướng trần trung liễu tự tâm*” (Chỉ hướng vào trong trần lao mà liễu ngộ tự tâm), người bình phàm chẳng thể nói như vậy được. Nếu là chúng ta ắt sẽ nói: “*Đạo nhân nhược yếu tầm quy lộ, tín nguyện trì danh câu vãng sanh*”, nhất định chúng ta sẽ nói như vậy, chúng ta chẳng thể nói “*đản hướng trần trung liễu tự tâm*”.

Người kiến tánh rất ráo minh tâm kiến tánh, khác với phàm phu thuộc chín pháp giới. “*Trần*” (塵) là trần lao, nay chúng ta gọi là hoàn cảnh sinh hoạt hiện thực, “*liễu*” (了) là minh liễu (hiểu thấu suốt), “*tự tâm*” là tâm tánh của chính mình. Như vậy một câu này có thiên vị rất sâu. Nói cách khác, “*liễu tự tâm*” là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vị Phật này là “*Phân Chứng Vị Phật*” (Phật thuộc địa vị Phân Chứng), không phải là địa vị tương tự. Bốn thánh pháp giới là địa vị tương tự, Thiên Thai đại sư gọi [các địa vị] đó là “*Tương Tự Tức Phật*”, còn minh tâm kiến tánh là thật, là “*Phân Chứng Tức Phật*”. Trong lục đạo luân hồi mà tu hành giới giang, chưa đoạn được Kiến Tư phiền não, thì gọi là “*Quán Hạnh Tức Phật*”, chưa đoạn phiền não. Đoạn được phiền não, đoạn được Kiến Tư Phiền Não thì gọi là Tương Tự Tức Phật. Đó là Tương Tự Tức Phật của Tứ Thánh Pháp Giới; còn Nhất Chân pháp giới là Phân Chứng Tức Phật. Minh tâm kiến tánh đạt đến Nhất Chân pháp giới, chẳng những vượt thoát lục đạo, mà còn vượt khỏi mười pháp giới. Thiên sư biết rằng: Nhất định phải cầu minh tâm kiến tánh trong cuộc sống thường nhật, nếu nói theo cách thuyết pháp của Bát Nhã thì là “*hiểu thấu Thật Tướng của các pháp*”. Hiểu thấu Thật Tướng của các pháp là minh tâm kiến tánh. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ mà quý vị thông đạt, hiểu thấu, không còn nghi hoặc, thì quý vị đã đạt đến Nhất Chân pháp giới; đó là “*quy lộ*” (đường về).

Như vậy, học Phật theo Đại Thừa Phật pháp, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, mặc kệ phương pháp sai biệt, mặc kệ [những pháp môn ấy] dựa theo những kinh giáo khác nhau, phương hướng, đường lối và mục tiêu vẫn hoàn toàn tương đồng, là gì vậy? Là minh tâm kiến tánh. Thiên cũng thế, Giáo cũng thế, Mật cũng thế, Tịnh cũng thế! Tịnh Độ của chúng ta cũng là minh tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh, Giáo Hạ gọi [minh tâm kiến tánh] là đại khai viên giải. Như vậy, với bài kệ mở đầu này, quý vị thấy Ngài đã giải bày hết cả ra, không giấu diếm mảy may, đem kinh nghiệm tu hành chứng quả của chính mình phô bày trọn vẹn.

Hai câu kệ đầu khuyên chúng ta tu Tịnh Độ, thế giới ấy không có các sự khổ. Không có các sự khổ chính là cực lạc (rất vui). Trong kinh

Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy chúng ta: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly Nhị Thừa thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lia được hết thủy nổi khổ thế gian). Pháp ấy là “*thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp*”. Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, muốn thực sự đạt được tâm lành, tư tưởng lành, quán hạnh lành chẳng phải là chuyện dễ, khó lắm! Thế nhưng nếu quý vị thực sự phát tâm tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn thoát khỏi hết thủy các khổ, so với tu mười thiện đạo dễ hơn nhiều. Tu viên mãn mười thiện nghiệp đạo bèn thành Phật, trong những buổi giảng chúng tôi đã nhiều lần giảng cặn kẽ. Lại xem đoạn văn kế tiếp đó:

Tâm tâm tức Phật.

心心即佛。

(Chân tâm và vọng tâm đều là Phật).

Câu này là thuyết pháp, hai câu sau đó tỷ dụ:

Đề hồ, tô, lạc, hàm tự nhũ sanh.

醍醐酥酪。咸自乳生。

(Đề hồ, tô, lạc đều sanh từ sữa)

Đề hồ, tô, lạc đều là những chế phẩm từ sữa. Nay chúng ta nói những chế phẩm của sữa đều tinh luyện từ sữa, càng luyện càng thù thắng. Như vậy, từ sữa luyện thành Lạc, từ Lạc luyện thành Tô, Tô lại luyện kỹ hơn thành Đề Hồ. Đề Hồ là chế phẩm tinh hoa của sữa, vị nó ngon lành nhất. Nhà Phật thường dùng Đề Hồ để tỷ dụ Phật, Bồ Tát, hoặc tỷ dụ cảnh giới thù thắng nhất. Đề Hồ thực sự ra chính là gì vậy? Hiện tại có hay không? Có chứ! Rất bình thường, nó là thực phẩm ngon nhất trong cuộc sống thường ngày.

Lúc chúng tôi mới học Phật, lão hòa thượng Đạo Nguyên có lần theo phái đoàn sang Ấn Độ triều bái thánh địa, qua Ấn Độ ngắm cảnh, du lịch, thăm viếng. Do Ngài là pháp sư giảng kinh, kinh thường nhắc đến Đề Hồ, nhắc đến Am Ma La quả, Ngài đều không thể giảng rõ Đề Hồ là gì? Quả Am Ma La là quả gì? Đến Ấn Độ, Ngài đặc biệt tìm người Ấn Độ hỏi: “Hãy đem Đề Hồ cho tôi coi, đem trái Am Ma La cho tôi xem”. Người ta đem trái Am Ma La đến, hóa ra là trái Ba Lạc (trái xoài). Ngài vừa thấy bèn cười, Đài Loan cũng có, rất nhiều nữa cơ! Đề Hồ là

gì? Họ đem lại, nó vốn cũng rất bình thường, đều là thứ mình thường ăn. Hiện tại gọi là phó-mát²⁵ (fromage, cheese), người ngoại quốc gọi là “phó-mát”, kinh Phật gọi là ĐỀ HỒ. Đến lúc đó, Ngài mới hiểu rõ, sau này giảng kinh thường kể cho chúng tôi nghe. Trước kia vì sao không có cách nào phiên dịch được? Vì Trung Quốc không có, Trung Quốc không có loại thực phẩm ấy. Do đây biết rằng, ba ngàn năm trước Ấn Độ đã chế luyện được một loại thức ăn ngon như thế.

“*Tâm tâm tức Phật*”, vì sao Ngài dùng đến hai chữ Tâm? Một chữ Tâm không được hay sao mà phải dùng đến hai chữ Tâm? Dùng hai chữ nhất định phải có hai ý nghĩa, nhưng ý nghĩa gì vậy? Chúng tôi hiểu là chân tâm và vọng tâm. Quả thật chân tâm là Phật, mà vọng tâm cũng là Phật. Có như vậy đức Phật mới nói hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật. Hết thấy chúng sanh hiện đang dùng vọng tâm, vọng tâm do đâu mà có? Vọng tâm vẫn là chân tâm bị mê, chân tâm khi bị mê thì gọi là vọng tâm. Như vậy, cái Thể của vọng tâm là chân tâm. Lìa khỏi chân thì vọng do đâu mà có? Chân và vọng không hai, chân và vọng là một. Do vậy, tỷ dụ này rất hay, dùng ĐỀ HỒ tỷ dụ chân tâm; lấy Tô và Lạc ví với vọng tâm. Tất cả những thứ này đều do sữa chế luyện thành, không thứ gì rời khỏi sữa, đều là chế phẩm của sữa. Chân và vọng bất nhị.

Nếu từ chỗ này, quý vị thực sự giác ngộ toàn thể vũ trụ là một, không hai, thì quý vị thực sự khai ngộ. Chân - vọng bất nhị, mê - ngộ bất nhị, thánh - phàm bất nhị, sanh - tử bất nhị, phiền não - Bồ Đề bất nhị, đó là nhất tâm! Nhất tâm bất loạn. Là cảnh giới nào? Là cảnh giới Nhất Chân pháp giới. Ở nơi đâu? Ngay trong hiện tiền. Nếu quý vị không nhập Bất Nhị, sẽ không thấy được. Nói cách khác, quý vị không đắc nhất tâm sẽ không thấy Nhất Chân, vẫn thuộc trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là mê không giác. Lời khai thị của đại sư “mở cửa thấy núi”, ngay câu đầu tiên đã hiển thị chân tướng vũ trụ nhân sinh cho quý vị thấy. Vấn đề là quý vị có hiểu hay không, hiểu được hay không vậy? Câu thứ hai nhắc lại ý nghĩa này:

Phật Phật duy tâm.

佛佛惟心。

²⁵ Trong nguyên văn, hòa thượng nói ĐỀ HỒ là Sa Lạp (沙拉), Sa Lạp là cách người Hoa phiên âm chữ Salad. Chúng tôi đoán Hòa Thượng nói đến các loại sốt (dressing) để ăn salad thường chế từ cheese. Hơn nữa, theo các sách vở khác, ĐỀ HỒ chính là cheese nên chúng tôi vẫn dịch theo cách này thay vì ghi đúng như nguyên văn lời Hòa Thượng nói.

Ở trên là “*tâm tâm tức Phật*”, còn ở đây là “*Phật Phật duy tâm*”, nói đến hai chữ Phật. Hai chữ Phật cũng có ý nghĩa, có thể hiểu là hết thấy chư Phật, hoặc kim Phật (Phật hiện tại) và cổ Phật (Phật quá khứ). Hai chữ “*Phật Phật*” tượng trưng cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Phật là gì? Phật chính là tâm, tâm chính là Phật. Tâm này là chân tâm, ai chẳng có chân tâm? Ai nấy đều có chân tâm, chân tâm ở đâu? Chân tâm ở ngay trước mặt, từ trước đến nay quý vị chưa hề rời khỏi chân tâm. Không riêng gì quý vị có chân tâm, mà hết thấy hữu tình chúng sanh, nay chúng ta gọi là động vật, tất cả động vật đều có chân tâm. Không riêng gì động vật có chân tâm, mà thực vật, khoáng vật, cho đến hư không [đều có chân tâm]. Vì sao? Chân tâm là bản thể của hết thấy các pháp, Thể là chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Pháp Tánh biến tại nhất thiết xứ*” (Pháp Tánh trọn khắp hết thấy các nơi); hết thấy các nơi bao gồm cả hư không. Rời khỏi Pháp Tánh thì hư không từ đâu mà có? Hư không do Pháp Tánh biến hiện ra, hư không thuộc về Tướng Phần. Các nhà khoa học cận đại đã dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật, họ nói không gian và thời gian chẳng thật. Dưới một điều kiện nào đó, không gian và thời gian bằng zéro, không còn nữa! Không có thời gian, không có không gian, không gian cũng là từ “*vô trung sanh hữu*” biến hiện ra. Đây chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với những điều đã nói trong kinh Hoa Nghiêm hay sao? “*Pháp Tánh biến tại nhất thiết xứ, nhất thiết chúng sanh cập quốc độ, tam thế tất tại vô hữu dư*” (Pháp Tánh trọn khắp hết thấy nơi, hết thấy chúng sanh và cõi nước, ba đời đều bao gồm trong ấy chẳng còn sót), hết thấy chúng sanh và cõi nước là không gian, ba đời là thời gian, “*diệc vô hình tướng nhi khả đắc*” (cũng không có hình tướng để có thể đạt được). Đây chính là như kinh Bát Nhã đã giảng: Hết thấy các pháp (kể cả hư không), chân tướng của chúng là gì? Chân tướng là vô sở hữu, là rốt ráo không, là bất khả đắc. Nói ra chân tướng sự thật như vậy. “*Phật Phật duy tâm*” là câu thuyết pháp, hai câu tiếp đó là tỷ dụ:

Thoa, xuyên, bình, bàn, tận từng kim xuất.

釵釧瓶盤。盡從金出。

(Thoa, xuyên, bình, mâm đều chế từ vàng).

Dùng Vàng để ví cho tự tánh, lấy những món bằng vàng [để tỷ dụ]: Thoa làm bằng vàng, Xuyên (vòng đeo tay) cũng làm bằng vàng, bình và mâm là những vật dụng trong cuộc sống thường ngày, đều do

hoàng kim chế ra. Dù các đồ vật khác nhau, cách sử dụng cũng sai khác, nhưng thể tánh của chúng là một, không hai. Kim Phật và cỏ Phật chẳng rời tự tánh. Hai câu này giảng về quan hệ, tánh chất của Tánh và Tướng rất rõ ràng, minh bạch. Nếu hoàn toàn thông đạt hai câu này thì chính là Pháp Thân Bồ Tát, quý vị sống trong thế gian này, tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh, sinh hoạt, xử sự, đãi người, tiếp vật chắc chắn khác với mọi phàm nhân, vì sao? Quý vị đang sống như Phật, Bồ Tát, đang hành Bồ Tát đạo, quả thật đã nêu tấm gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh: Cuộc sống của bậc giác ngộ, hành vi của bậc giác ngộ. Đây là đoạn thứ nhất của lời khai thị, nêu lên tổng nguyên tắc và tổng cương lĩnh. Hãy xem tiếp đoạn dưới, Ngài dạy chúng ta như thế nào:

Thập vạn ức trình, Đông Tây bất cách.

十萬億程。東西不隔。

(Đường xa mười ức cõi Phật, Đông Tây há đâu xa cách)

“*Thập vạn ức trình*” do chính kinh Di Đà nói ra. Ở phương Tây của thế giới Sa Bà, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật có một thế giới là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. “*Thập vạn ức trình*” là nói về khoảng cách, tức mười vạn ức cõi Phật. Mỗi một cõi Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Quý vị nghĩ xem cái khoảng cách mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới to lớn lắm! Một câu “*Đông Tây bất cách*” đã nói lên điều gì? Không có khoảng cách về mặt không gian, xa - gần bất nhị, trong khoảng khảy ngón tay, trong một sát-na bèn đến được.

Nhị lục thời nội.

二六時內。

(Trong mười hai thời).

Đây là nói về thời gian. Nói “*mười hai thời*” là theo cách nói của người Hoa, người Ấn Độ chỉ nói “*đêm ngày sáu thời*”, người Hoa nói mười hai thời. “*Nhị lục*” tức là mười hai “*thời thần*”. Thời xưa người Hoa tính giờ giấc bằng Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Đó là mười hai thời thần. Dùng cách tính thời gian này cho mãi đến cuối đời Thanh, lúc Dân Quốc thành lập mới không sử dụng nữa, mà dùng theo cách tính hai mươi bốn giờ của Tây phương, cho nên [mỗi một giờ trong hai mươi bốn giờ] gọi là “*tiểu thời*”. Vì sao gọi là “*tiểu thời*”? Vì nhỏ hơn cách tính giờ [theo lối “*thời thần*”] của người

Hoa. Một giờ của Trung Quốc [theo lối cổ] bằng hai giờ hiện thời, cho nên gọi là “nhị tiêu thời”. Nguồn gốc của chữ “tiêu thời” là như vậy. Giờ Ấn Độ so với giờ Trung Quốc còn lớn hơn nữa, một giờ Ấn Độ bằng hai giờ Trung Quốc, nói theo giờ giấc hiện thời là bốn tiếng đồng hồ. Vì thế, trong kinh thường nói “*nhị thời giảng kinh*” thì có nghĩa là bằng với tám tiếng đồng hồ hiện thời.

Qua kinh điển, chúng ta biết lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Tăng đoàn mỗi ngày học tập tám tiếng đồng hồ. Hết sức quan trọng, đây là thị hiện cho chúng ta thấy. Vì sao ngày nay chúng ta công phu không đắc lực? Không đắc lực cũng không bận lòng, cứ ngày ngày khởi vọng tưởng, niệm niệm đều tạo nghiệp, thật là đáng sợ! Làm thế nào để xa lìa vọng tưởng, không còn tạo nghiệp nữa? Đức Phật thị hiện cho chúng ta thấy chỉ có một phương pháp, lên lớp. Giảng kinh, nghe kinh, lên lớp mỗi ngày tám tiếng đồng hồ, hằng ngày không gián đoạn. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện như vậy suốt bốn mươi chín năm, mỗi ngày lên lớp tám tiếng. Như vậy mới lìa vọng tưởng. Xa lìa vọng tưởng thì thân khẩu chẳng tạo nghiệp, có thể khôi phục bình thường. Hành vi sinh hoạt bình thường, đúng mức thì là Phật, Bồ Tát, đó gọi là học Phật chân chánh, thực sự được thọ dụng nơi Phật pháp, chúng ta phải hiểu rõ!

Như vậy, không đọc kinh, không nghe kinh, há có được chẳng? Phật giáo ngày nay suy đồi là vì tứ chúng tại gia và xuất gia không nghe kinh, không chịu học tập. Hễ không nghe kinh, không học tập, nhất định quý vị sẽ tùy thuận tập khí phiền não của chính mình. Tùy thuận tập khí phiền não của chính mình thì sinh hoạt cũng vậy, làm việc cũng vậy, đãi người, tiếp vật cũng vậy, không gì là chẳng tạo nghiệp. Đúng là như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị nghiệp*” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp). Đáng sợ quá! Nghĩ mình tạo nghiệp nhất định có quả báo, chẳng thể nói tạo nghiệp rồi thôi. Ở những phần trên, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng, Hoặc - Nghiệp - Khổ. Trong ba chương, Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương thì Báo là khổ báo trong tam đồ, quý vị có biết hay chẳng?

Thưa cùng quý vị! Quý vị nghe như vậy dường như cảm động, nhưng thời gian cảm động ngắn ngủi lắm. Độ mấy giây thôi, lại y chang như cũ, phiền não tập khí lại hiện hành. Vì nguyên nhân gì vậy? Là vì sức lực của phiền não tập khí quá lớn mạnh, năng lực tu học Phật pháp của chúng ta quá mỏng yếu, chống cự không nổi! Chống cự không nổi thì làm cách nào? Đức Phật dạy chúng ta: Thâm nhập một môn, trường

thời huân tu. Nếu quý vị làm được, hiểu được câu ấy thì không chế phiền não tập khí của chính mình có mất nhiều thời gian hay chẳng? Thường là từ ba năm đến năm năm, tiêu chuẩn thời cổ là từ ba năm đến năm năm. Hiện tại thì ba năm, năm năm không đủ, vì sao? Phiền não tập khí bên trong quá nặng, sức dẫn dụ bên ngoài quá mạnh. Vì thế, hiện tại chúng ta sống trong thế giới này, hằng ngày đọc kinh, hằng ngày nghe kinh, hằng ngày giảng kinh, từ ba mươi năm đến năm mươi năm, đó là kinh nghiệm của tôi. Tôi học Phật đến nay là năm mươi hai năm rồi, tôi mới có thể không chế được, tôi mới chẳng bị xã hội dụ hoặc. Ngày ngày phải hành, không hành không được!

Nói cách khác, trong thời đại này, không những là thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ phải sâu dày, nếu quý vị muốn thành tựu thì điều kiện đầu tiên là thọ mạng! Nếu quý vị không có thọ mạng dài lâu như thế, công phu tu hành còn chưa đủ, thọ mạng đã hết rồi! Thọ mạng hết bèn luân hồi, hễ luân hồi thì sẽ mê khi cách âm. Dầu tu hành khá lắm, đời sau lại được làm thân người thì đã quên sạch sành sanh những gì ta tu trong đời trước, phải làm lại hết thảy từ đầu, rất đáng sợ! Bắt đầu lại từ đầu, chẳng đảm bảo không bị dụ dỗ, mê hoặc. Nhưng trong xã hội này, từ lịch sử chúng ta thấy diễn biến ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng, thói đời ngày càng tệ, đời sau kém hẳn đời trước. Do vậy, biện pháp đáng tin cậy nhất là trong một đời này nhất định sanh về Tịnh Độ, quyết định chẳng luân hồi nữa. Hai câu nói trên của đại sư dạy chúng ta việc ấy.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem đoạn văn tiếp theo:

Thập vạn ức trình, Đông Tây bất cách, nhị lục thời nội, phàm thánh đồng đồ.

十萬億程。東西不隔。二六時內。凡聖同途。

(Đường xa mười vạn ức, Đông Tây chẳng cách ngăn. Trong mười hai thời, phàm thánh cùng là một đường).

“Thập vạn ức trình” là xa - gần bất nhị. “Nhị lục thời nội” là nói về thời gian, quá khứ - vị lai bất nhị. “Phàm Thánh đồng đồ” thuyết

minh cảnh giới Nhất Chân, nhất tâm có thể chứng, có thể hiện, có thể biến, có thể chứng. Nói chung, chẳng lìa nhất tâm bất loạn. Nhất tâm rất quan trọng. Đoạn văn tiếp theo là:

Đê đầu hiệp chưởng bạch ngọc hào, tinh minh nhật lệ.

低頭合掌白玉毫。星明日麗。

(Cúi đầu chấp tay trước tướng bạch ngọc hào, sao sáng ngời, mặt trời rạng rỡ).

Câu này thể hiện sự lễ kính. Nguyên thứ nhất trong mười đại nguyện vương Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”. Nguyên thứ hai là “*xưng tán Như Lai*”. Trong câu “*đê đầu hiệp chưởng bạch ngọc hào*” thì Bạch Ngọc Hào là một trong ba mươi hai tướng của Như Lai, tức là tướng Bạch Hào giữa hai chân mày. Chữ “*bạch ngọc hào*” chỉ cho tướng ấy. Chúng ta đọc kinh điển thấy kinh nói đến và ghi chép tướng ấy rất nhiều, tướng Bạch Hào của Phật phóng quang, trong quang minh hóa Phật phổ độ chúng sanh, nhằm biểu thị lễ kính, dạy chúng ta phải thường giữ lòng lễ kính: Đối với hết thầy chúng sanh, hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật phải thường biết lễ kính. Trong “*lễ kính chư Phật*” thì chư Phật bao gồm cả hữu tình lẫn vô tình như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Vì sao? Vô tình có Pháp Tánh, hữu tình có Phật Tánh. Phần trên đã nói “*tâm tâm tức Phật*” và “*Phật Phật duy tâm*”. “*Phật Phật*” bao gồm ba đời hết thầy chư Phật, bao gồm hữu tình lẫn vô tình. Như vậy chẳng thể rời bỏ cái tâm lễ kính dầu chỉ khoảnh khắc.

“*Tinh minh nhật lệ*” là Thiên cơ, phải hiểu như thế nào? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Nói “*tinh minh nhật lệ*” để sánh ví với nhất tâm. Có nhất tâm thì mới thực sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác lễ kính, trong ấy chắc chắn chẳng vọng tưởng, chấp trước mây may, không khởi tâm động niệm, không có vọng tưởng, chấp trước. Câu tiếp theo là tán thán:

Ca vịnh tán dương tử kim dung.

歌詠讚揚紫金容。

(Ca ngâm khen ngợi dung nhan vàng ròng).

Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy thân tướng Phật là “*tử ma chân kim sắc*” (màu vàng ròng rực tía được giới mài sáng bóng). Trong phần lễ kính ở trên chỉ nhắc đến tướng Bạch Hào phóng quang

trong ba mươi hai tướng, còn ở đây xung tán toàn thân Phật. “Ca vịnh tán thán”: Ở đây chúng ta dùng phạm bá, kệ tán [để tán tụng].

Đình chân lôi oanh.

霆震雷轟。

(Sét động, sấm rền).

Tán thán ất có âm thanh, lễ kính không có âm thanh. Tán thán có âm thanh thì âm thanh ấy như chúng ta thường nói là “rền vang thấu trời thăm”, nên dùng chữ “đình chân lôi oanh” để hình dung. “Đình chân” là sấm nổ thành linh, ngàn ngữ có câu: “Tán lôi bất cập yểm nhĩ” (sấm nổ chẳng kịp bưng tai). Vì sao? Vì khoảng cách quá gần. Vừa thấy chớp lòa thì ngay lập tức đã có âm thanh, khoảng cách quá gần, âm thanh vô cùng vang động, nổ ra không kịp bịt tai. Bốn chữ “đình chân lôi oanh” dùng để hình dung điều này. Chúng ta thường nói âm thanh tán thán ca vịnh vang rền thấu trời thăm cũng nhằm ngụ ý gần giống như vậy. Tán Phật mà! Quý vị phải biết: Tán Phật là khen ngợi tánh đức. Do vì hết thấy chẳng rời tự tánh, tự tánh Như Như Phật. Tán A Di Đà Phật là tán thán tự tánh Di Đà.

Các vị đồng học tu học Phật, vì sao đã lâu mà quý vị chẳng nhập cảnh giới, chẳng được hưởng lợi ích chân thật từ Phật pháp? Chớ nói chi nhiều, lợi ích tí tẹo quý vị cũng không đạt được, nguyên nhân là do đâu? Nguyên nhân là do không buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được! Phân chia mình - người! Nói cách khác, quý vị thường rớt vào hai ba, không quy nhất. Lúc nào quý vị có thể quy nhất thì sẽ hưởng lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

Quy nhất? Nhất là gì? Nhất tâm bất loạn đấy! Bất luận tu pháp môn nào, chúng tôi thường nói: Phương tiện không giống nhau, phương pháp khác nhau, nhưng tu cái gì? Đều là tu nhất tâm. Trong Thiên tông gọi nhất tâm là minh tâm kiến tánh, trong Giáo Hạ gọi nó là đại khai viên giải, trong Tịnh Độ tông của chúng ta gọi nó là nhất tâm bất loạn. Như vậy thì mới thực sự thọ dụng được. Nhà Thiên nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi mới thọ dụng. Lúc chưa ngộ, quý vị là phạm phu, không sống trong cảnh giới Phật, ngộ rồi bèn khác hẳn. Quý vị phải biết chúng ta niệm Phật quyết định phải nhắm đến mục tiêu gì? Quyết định phải nhất tâm bất loạn.

Muốn đạt được nhất tâm bất loạn mà không thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì nhất tâm bất loạn sẽ vĩnh viễn bị

chương ngại. Nói cách khác, nhất tâm bất loạn là điều mà tự tánh vốn sẵn có, tự tánh vốn sẵn nhất tâm bất loạn. Quý vị mê mất nhất tâm, mê mất tự tánh, nên sáu căn mới khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đối với cảnh duyên sáu trần, quên mất nhất tâm bất loạn sẵn có, mê mất rồi! Đây là chân tướng sự thật. Đại sư đau lòng rất miệng chỉ dạy chúng ta, không có gì khác cả, Ngài bảo chúng ta hãy quay đầu, bảo chúng ta hãy buông phân biệt, chấp trước xuống, quay về nhất tâm. Lại xem đoạn văn tiếp theo:

Thanh lương nguyệt hê hữu thủy giai hàm.

清涼月兮有水皆含。

(Mặt trăng trong mát, hễ chỗ nào có nước đều hiện bóng).

“Thanh lương nguyệt” tỷ dụ Phật Tánh. Người đời thường nói “thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt” (nước ngàn con sông hiện bóng ngàn mặt trăng). Ở đây đại sư dùng mặt trăng trong mát để sánh ví Phật Tánh, dùng bóng trăng hiện trong nước để ví cái được hiện, cái được biến. Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện. Cái có thể hiện (năng hiện) là vàng trắng trên không, vàng trắng ấy là thật, vì thật nên được ví với Phật tánh. Bóng trăng in trong nước là cái được hiện (sở hiện), cái được biến (sở biến), ví như pháp tướng. Trong pháp tướng có tánh, chẳng rời khỏi chân tánh, không có chân tánh thì há có pháp tướng ư? Căn nguyên của pháp tướng là tự tánh, câu này khiến cho chúng ta liễu giải chân tướng sự thật.

Công đức vân nhi vô sơn bất đới.

功德雲而無山不戴。

(Mây công đức không núi nào chẳng phủ).

Tự tánh vốn sẵn đủ công đức, công đức chẳng đến từ bên ngoài. Điều này tỷ dụ Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là cùng một tánh. Núi cao có mây mù, mây mù từ hang núi bốc lên, dần dần bay lên cao thì gọi là mây, lúc còn ở trên mặt đất thì gọi là “vụ khí” (sương mù). Ở thành phố nhỏ Đồ Văn Ba (Toowoomba) chúng ta thường thấy chuyện này. Chúng ta lái xe trên đường thường thấy sương mù rất dày. Lúc sương mù quá dày, chúng ta chỉ thấy được rất gần, nên phải lái xe rất chậm. Có lúc chúng tôi thấy sương mù phủ kín mặt đất, trông như nhà cửa, cây cối đang ở trong mây vậy. Cảnh tượng ấy những kẻ ở trong núi

như chúng tôi thường thấy.

Kinh Phật dùng “mây” để tỷ dụ rất nhiều thứ. Mây biểu thị điều gì? Chẳng phải có, chẳng phải không. Nhìn từ xa thấy mây có từng đám một, [dường như] là có; nhìn gần bên chẳng thấy gì. Điều này cho thấy tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ như mộng, huyễn, bọt, bóng. Mộng, huyễn, bọt, bóng giống như mây, chẳng thể nói là không có, nhưng cũng chẳng thể nói là có. Tướng có, thể không, sự có, lý không, đều thuyết minh chân tướng của vạn vật trong vũ trụ; nhờ vậy quý vị mới thấy thấu suốt thế gian. Chẳng những thấy thấu suốt thế gian, mà còn thấy thấu suốt xuất thế gian. Lại xem tiếp đoạn kế tiếp của phần khai thị.

Hương tượng độ hà, nhất cử hồng danh siêu nhị tử.

香象渡河。一舉洪名超二死。

(Hương tượng vượt sông, vừa niệm hồng danh bèn thoát khỏi Phần Đoạn Sanh Tử và Biến Dịch Sanh Tử).

“Hương tượng”²⁶ tỷ dụ người tu hành. “Độ hà” (vượt sông), sông tượng trưng cho bờ bên này và bờ bên kia. Bờ bên này là thế giới Sa Bà, bờ kia là thế giới Cực Lạc. Người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rất giống với Hương Tượng, thật khó có! Trong một đời này, người ấy quả thật giác ngộ triệt để, không có năng lực đoạn phiền não, nhưng người ấy biết cầu sanh Tịnh Độ, biết thân cận Di Đà, biết tu bằng phương pháp tín nguyện trì danh

“*Nhất cử hồng danh*”, [nhờ niệm] sáu chữ hồng danh Nam-mô A Di Đà Phật bèn vượt thoát “*nhị tử*”. Nhị tử là gì? Chính là Phần Đoạn Sanh Tử trong lục đạo và Biến Dịch Sanh Tử trong bốn thánh pháp giới. Chẳng những vượt khỏi lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. “*Nhất cử hồng danh*”: “Cử” (舉) có ý nghĩa giống như Xung; Cử, Xung (稱), Dương (揚) có cùng một ý nghĩa. Một tiếng Nam-mô A Di Đà Phật bèn vượt thoát lục đạo tam giới, vượt thoát mười pháp giới, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Tín nguyện trì danh là Công, vượt thoát mười pháp

²⁶ Hương Tượng (Gandhahastin): Theo luận Đại Tỳ Bà Sa, hương tượng là con voi đực trong thời kỳ động dục, nách nó tỏa mùi thơm hăng nồng nên gọi là “hương tượng”; sức nó mạnh bằng mười con voi thường. Trong kinh Niết Bàn có từ ngữ “*hương tượng độ hà*”: Thỏ, ngựa, hương tượng cùng vượt sông. Thỏ qua sông thì nổi, ngựa qua sông ngập nửa thân, còn hương tượng chân đạp đến tận đáy sông. Kinh luận dùng hình ảnh này để tỷ dụ sự chứng đắc sâu hay cạn khi nghe giáo pháp.

giới vãng sanh Tịnh Độ là Đức.

Thiền sư Trung Phong thị hiện làm bậc đại đức đại triết đại ngộ trong nhà Thiền, nhưng chỗ Ngài quy túc là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Người như vậy niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chúng ta biết rõ sẽ sanh vào cõi nào trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Thật Bảo Trang Nghiêm Độ, chứ không thuộc Đồng Cư Độ, mà cũng chẳng thuộc vào cõi Hữu Dư. Thế nhưng Tây Phương thế giới rất thù thắng, chúng ta vô cùng tin tưởng, chúng ta đời nghiệp vãng sanh đâu chưa đoạn một phẩm phiền não nào, đương nhiên sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ; sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ có gặp được Trung Phong quốc sư hay chẳng? Được chứ! Chắc chắn không thành vấn đề! Vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới bốn cõi cùng ở một chỗ, sanh về một là sanh về hết thảy. Chẳng những gặp Trung Phong quốc sư mà còn gặp được ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, gặp Trí Giả đại sư, gặp được Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lạc Bồ Tát, đó là những vị Đẳng Giác Bồ Tát. Thấy được mười phương tam thế hết thảy chư Phật Như Lai, đứng là “sanh về một là sanh về hết thảy”. Thấy A Di Đà Phật là thấy hết thảy chư Phật, Bồ Tát. Chẳng thể nghĩ bàn!

Ca Lãng xuất xác, thiên xưng gia hiệu áp quần âm.

迦陵出殼。千稱嘉號壓群音。

(Chim Ca Lãng ra khỏi vỏ trứng, niệm danh hiệu tốt lành ngàn lần vượt trội các âm thanh khác).

Ca Lãng chính là chim Ca Lãng Tàn Già tại Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Di Đà. Mấy loài chim ấy ở thế giới này đều có, nên đức Thế Tôn nêu tượng trưng mấy loại. Đức Phật bảo chúng ta: Chim Cộng Mạng, Ca Lãng Tàn Già ở Tuyết Sơn cũng có. Tuyết Sơn chính là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya). Chúng ta biết đức Phật giảng sanh tại nước Ca Tỳ La Vệ. Nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu) nay là Nê Bạc Nhĩ (Nepal), ở phía Nam núi Hỷ Mã Lạp Nhã, không xa núi này cho lắm. Vì thế, những người sống nơi đó đều biết loài chim này tiếng hót hết sức thanh tao. Chim là loài noãn sanh (sanh bằng trứng). Loài chim này lúc chưa nở, còn ở trong trứng đã cất tiếng hót, âm thanh rất vi diệu. Đương nhiên, khi nó đã phá vỡ vỏ trứng, cất tiếng hót thì âm thanh của mọi loài chim khác đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy mới bảo là “*thiên xưng gia hiệu*”. “*Gia hiệu*” chính là xưng A Di Đà Phật, cũng tức là lục tự hồng danh. “*Áp quần âm*” nghĩa

là khắp pháp giới hư không giới, âm thanh mâu nhiệm (tức âm thanh cực kỳ vi diệu) chính là Nam Mô A Di Đà Phật, âm thanh ấy là diệu âm.

Nay có người tranh luận, rốt cuộc chúng ta phải niệm là Omītuofuo hay là niệm Amitufo?²⁷ Chúng tôi gặp rất nhiều người, mỗi một địa phương Trung Quốc đều có phương ngôn. Đúng là sáu chữ ấy, về mặt chữ viết thì thông nhất, nhưng mỗi địa phương đọc một kiểu khác nhau. Lấy cách nào làm tiêu chuẩn? Luận theo Phật pháp, tiêu chuẩn thực sự là thành tâm, tâm chân thành chính là tiêu chuẩn. Tâm chân thành cảm thì Phật bèn ứng. Như vậy, bất luận là phương ngôn nào, cốt sao trong tâm quý vị niệm câu Phật hiệu này, tâm niệm Phật của quý vị tương ứng với A Di Đà Phật thì âm thanh ấy chính là diệu âm.

Chúng ta thấy chuyện này hiện nay đã được các nhà khoa học chứng minh. Từ chuyện nước kết tinh chúng ta thấy họ dùng mấy loại văn tự khác nhau để viết chữ Ái (yêu), viết chữ Ái bằng tiếng Hán, bằng tiếng Anh, bằng tiếng Đức, viết bằng mấy loại văn tự, đưa cho nước xem. Đựng nước trong cái bình pha lê nhỏ, lấy chữ đã viết dán trên bình. Một tiếng đồng hồ sau, quan sát nước kết tinh đều thấy hết sức xinh đẹp. Dùng ý tương phản (họ cũng làm thí nghiệm), chúng tôi thấy họ viết chữ “hỗn đản”²⁸, cũng viết bằng rất nhiều thứ tiếng khác nhau. Một tiếng đồng hồ sau, nhìn vào sự kết tinh của nước thấy xuất hiện những kết tinh hết sức xấu xí.

Do đây biết rằng: Bất luận dùng văn tự nào; nói cách khác, lúc nghe, không cần biết là phương ngôn nào, chỉ cần quý vị biểu lộ lòng yêu thương thực sự thì nước phản ứng bằng cách kết tinh đẹp đẽ. Điều này cho thấy nước có Pháp Tánh, bản năng của tánh là có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Vì vậy, ngôn ngữ hay phù hiệu khác nhau không quan trọng, ý nghĩa tương đồng [mới quan trọng]. Đúng là như trong Tứ Y Pháp, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Y nghĩa, bất y ngữ*” (nuơng vào ý nghĩa, đừng dựa vào lời nói). Chúng ta cũng có thể nói là “*y nghĩa, bất y văn tự*”, mọi thứ văn tự không có ảnh hưởng gì, dùng văn tự của quốc gia nào cũng không quan trọng, cốt sao ý nghĩa

²⁷ Đây chỉ là chuyện quan tâm của người Hoa, người Việt chúng ta luôn đọc là A. Điều này cũng giống như hiện thời người Việt đang tranh luận phải đọc A Di Đà là A Mi Đà, thậm chí bất kính khi cho rằng các vị tổ sư, đại đức dịch kinh từ trước đến nay đã “đọc ngọng” chữ Mi thành Di!

²⁸ Chữ “hỗn đản” (渾蛋) là một từ ngữ để chửi rửa kẻ hồ đồ, chẳng hiểu biết, ngốc nghếch, trong một số vùng, nó còn có ý nghĩa nhục mạ rất nặng: Con hoang, ty tiện, ác ôn, côn đồ v.v...

tương đồng thì Pháp Tánh nhất định phản ứng giống nhau.

Thí nghiệm trên đây đã chứng tỏ “*nhất cử hồng danh siêu nhị tử*”, “*thiên xưng gia hiệu áp quần âm*” đã được khoa học chứng minh. Quan trọng nhất là thành ý, bởi thế, không nhất định phải niệm là A hay O, không quan tâm đến điều đó, không cần phân biệt, chấp trước. Hễ phân biệt bèn chấp trước, mức độ thành ý bị kém hẳn đi. Không phân biệt sẽ không chấp trước, thành ý của quý vị bèn viên mãn. Phải hiểu đạo lý này. Câu tiếp theo:

Hạ tình duy thôn dĩ nan tư, nhất niệm hồi quang nhi dị vãng.

下情唯忖以難思。一念回光而易往。

(Dùng tình thức để suy nghĩ sẽ khó hiểu thấu, một niệm hồi quang ắt dễ về).

Hai câu này ý nói niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là đạo dễ hành. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, pháp này dễ dàng nhất. Dù phương pháp dễ dàng, nhưng lý rất sâu. Trong kinh đức Phật bảo đạo lý y cứ của pháp môn này “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Chỉ có Như Lai quả địa mới hiểu rành rẽ, mới hiểu rõ; Đẳng Giác Bồ Tát vẫn như nhìn trăng qua một lớp sa. Đây là tỷ dụ, vào ban đêm, nhìn mặt trăng qua một lớp sa rất mỏng, sợi sa rất mịn, dù giống như pha lê ngày nay, nhưng vẫn là còn cách một lớp. Như Lai không có tí xíu chướng ngại nào, không có vật gì cách trở. Quý vị muốn hiểu được đạo lý này thì đạo lý ấy rất sâu, nhưng phương pháp dễ dàng.

“*Nhất niệm hồi quang*” là như ta thường nói “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu lại là đã đến bờ). Chỉ cần quý vị tiếp nhận lời Phật, Bồ Tát răn dạy, y giáo phụng hành là được, rất dễ dàng đạt được thành tựu! Quý vị muốn hỏi đến đạo lý ư? Tốt nhất là về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật, hướng về Phật thỉnh giáo là dễ nhất. Còn ở đây muốn hiểu rành rẽ đạo lý thì không ai có thể giảng rành rẽ được. Dù có giảng rành rẽ, quý vị vẫn không hiểu. Vì sao? Đó không phải là cảnh giới của chúng ta, mà là cảnh giới thuộc quả địa Như Lai. Thế nhưng trong hai câu cuối, thiền sư Trung Phong vẫn chỉ điểm một chút:

Cứu cánh bất cư tâm ngoại, phân minh chỉ tại mục tiền!

究竟不居心外。分明祇在目前。

(Rốt ráo nào phải ngoài tâm, phân minh chỉ ở ngay trước mắt).

Hai câu này Thiên ý rất sâu. Niệm Phật vãng sanh, thấy Phật chứng quả, “*cứu cánh bất cư tâm ngoại*” (rót ráo chẳng ở ngoài tâm). A Di Đà Phật, tự tánh Di Đà, Tây Phương Tịnh Độ, duy tâm Tịnh Độ đều do tâm tánh của chính mình biến hiện. Vì thế, chẳng ở ngoài tâm. “*Phân minh chỉ tại mục tiền*” (phân minh chỉ ở ngay trước mắt), bản thể của hết thấy các pháp trước mắt là tâm tánh. Vì thế, các nhà Pháp Tướng Duy Thức tông thường nói đến “duy thức”. Trong vũ trụ chỉ có duy thức, trừ thức ra, cái gì cũng đều không có. Thức là gì? Là năng biến (chủ thể có khả năng biến), còn hết thấy các pháp là sở biến (cái được biến ra bởi Thức). Quý vị phải nắm lấy cái Năng Biến, đừng bận tâm đến Sở Biến, đừng phân biệt, chấp trước nữa, hãy triệt để buông xuống.

Thế nhưng Thức vẫn chưa phải là Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa là gì? Đệ Nhất Nghĩa là Tánh. Tuy vậy, Tánh và Thức là một, chẳng phải hai. Giác ngộ thì gọi là Tánh, bất giác thì gọi là Thức. Tánh và Thức quả thật là một, không hai, chỉ vì giác và bất giác nên nói thành hai danh từ. Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, cái được hiện là Nhất Chân pháp giới, cái được biến là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Quả thật là một, chứ không phải hai.

“*Phân minh chỉ tại mục tiền*”, mười pháp giới ở ngay trước mắt, Nhất Chân pháp giới cũng ở ngay trước mắt. Vì sao chúng ta không thể nhận biết? Là vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Đó là như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, đản dĩ vọng tưởng, chấp trước, bất năng chứng đắc*” (Hết thấy chúng sanh đều có đức tướng, trí huệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Thật đáng tiếc! Nói cách khác, nếu quý vị nghe hiểu câu nói này của Phật, chỉ cần quý vị buông được vọng tưởng, chấp trước, phân biệt xuống thì sẽ đúng như thiên sư Trung Phong đã nói: “*Phân minh chỉ tại mục tiền*”.

Hai câu “*cứu cánh bất cư tâm ngoại, phân minh chỉ tại mục tiền*” (rót ráo nào ở ngoài tâm, phân minh chỉ ngay trước mắt) là cảnh giới của thiên sư Trung Phong. Nói cách khác, đó là cảnh giới của bậc kiến tánh, là cảnh giới của người đại khai viên giải, là cảnh giới của người niệm Phật đạt Lý nhất tâm bất loạn. Hễ công phu của quý vị đạt đến trình độ ấy, cảnh giới ấy sẽ là cảnh giới của chính quý vị; công phu chưa tới, cảnh giới ấy chẳng hề bị mất đi, chỉ là mình mê nên không giác. Đó là Thật Tướng của các pháp. Trung Phong đại sư khai thị đến đây thôi; đoạn kế tiếp là Ngài muốn khảo nghiệm công phu của chúng ta.

Thẩm như thị.

審如是。

(Xét kỹ như thế).

“Thẩm” (審) là dò xét kỹ càng, là quan sát kỹ lưỡng, là tư duy, quan sát tỉ mỉ. “Như thị” là như Thật Tướng của các pháp đã nói ở phần trên, kể cả chân tướng sự thật của chuyện tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ của chúng ta.

Tức kim chúng đẳng.

即今眾等。

(Vây nay đại chúng).

Lại hỏi đại chúng, tức đại chúng hiện tiền chúng ta.

Hệ niệm Di Đà.

繫念彌陀。

Chữ Niệm là “kim tâm” (cái tâm hiện thời) [ghép lại]. Trong cái tâm hiện tại của chúng ta quả thật có Di Đà. Chúng ta thường gọi Hệ (繫: buộc chặt) là dính mắc, trong tâm vương vấn, vương vấn nơi chuyện gì? Vương vấn A Di Đà Phật. Trong tâm không vương vấn chi khác, chỉ vương vấn A Di Đà Phật, trong tâm quả thật có A Di Đà Phật nên gọi là “hệ niệm”. Hệ niệm như thế nào mới có cảm ứng? Có cảm ứng rất rõ ràng thì gọi là nhất tâm, tức nhất tâm hệ niệm. Nói cách khác, trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có, nhất tâm hệ niệm, đó là niệm Phật chân thật.

Niệm Phật chẳng phải ở cửa miệng, phải niệm trong tâm. Bởi thế, cổ đức thường dạy chúng ta: Chữ Niệm trong Niệm Phật chẳng thể thêm vào chữ Khẩu, thêm chữ Khẩu vào sẽ biến thành “miệng có, tâm không”. Không thể thêm chữ Khẩu, hãy dùng chữ Niệm (không có bộ Khẩu). Chữ Niệm ấy cho thấy trong tâm thực sự có Phật, chẳng được niệm xuyên ngoài miệng. Trong tâm quả thật có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật, cái gì cũng chẳng để vào lòng. Đó là nhất tâm hệ niệm, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Hiện tại Tam Thời Hệ Niệm của chúng ta là chuyên tu pháp môn này.

Tam thời Phật sự.

三時佛事。

“*Phật sự*” có ý nghĩa gốc là sự việc để tu Giác chứ không Mê. Phật là giác chứ không mê; nay chúng ta đang học tập chuyện giác chứ không mê này nên gọi là “*Phật sự*”. Như vậy, pháp sư Tam Thời Hệ Niệm thoát nhìn dường như để độ vong nhân, nhưng trên thực tế, kẻ còn lẫn người mất cùng được lợi lạc. Kinh Địa Tạng giảng rất rành rẽ, người chết được hưởng một phần bảy lợi ích, chính bản thân người tu chúng ta được hưởng sáu phần bảy, chúng ta đạt được lợi ích viên mãn. Vong nhân được hưởng chút phần lợi ích gì? Là được cảnh tỉnh. Nếu họ hoảng nhiên đại ngộ, cùng chúng ta học tập thì họ sẽ đạt được lợi ích viên mãn. Nếu họ vẫn mơ mơ màng màng, nay chúng ta lay tỉnh họ, lôi kéo họ; họ vẫn không giác ngộ, chủng tử đã gieo trong A Lại Da Thức không thể phát khởi trong hiện tiền, thì đó gọi là “*chỉ được hưởng một phần bảy lợi ích*”. Lý và Sự của chuyện này chúng ta đều phải nên hiểu rõ, phải minh bạch. Nay trong ba thời chuyên tu, chúng ta đang tu thời thứ nhất của ba thời.

Chỉ như bất thiệp chứng tu, thân môn thọ ký nhất cú, như hà cử dương? .

只如不涉證修。親蒙授記一句。如何舉揚。

(Nhưng nếu không lạm dự cả tu lẫn chứng, giải thích câu nói “*đích thân được Phật thọ ký*” như thế nào đây?)

Đây là câu nói của nhà Thiên, nay chúng ta chắt phác niệm Phật, nhất tâm hệ niệm, chúng ta chẳng dính dáng đến việc chứng quả lần phương pháp tu, các pháp khác ta đều không can dự đến, vậy thì phải hỏi: “*Thân môn thọ ký nhất cú*” (câu nói: ‘*Đích thân được Phật thọ ký*’), A Di Đà Phật đích thân thọ ký cho chúng ta, phải giảng câu này như thế nào? “*Như hà cử dương*”: Nói theo cách bây giờ, [*như hà cử dương*] là giải thích như thế nào, hoặc là phải được hiểu như thế nào. Thông thường sau khi câu hỏi được nêu ra, nhất định [vị pháp sư chủ trì pháp sư Tam Thời Hệ Niệm] phải trầm mặc một hai phút để mọi người đều ngưng lặng. Tịnh cực quang thông (tịnh đến mức cùng cực sẽ sáng tỏ), mọi người tịnh rồi, tịnh sẽ sanh huệ, khi ấy chỉ một câu bèn có thể cảnh tỉnh quý vị khiến cho quý vị từ đó ngộ nhập. Tông Môn gọi đó là “*Thiên cơ*”. Ngài Trung Phong là thiên sư mà! Như vậy, trong Pháp Sư

này quả thật có Thiên, có Tịnh. Ngài nói hai câu kệ:

***Phong ngâm thụ thụ thiên ban nhạc, hương tâm trì trì tứ sắc
hoa.***

風吟樹樹千般樂。香浸池池四色華。

(Gió luôn cây tấu ngàn muôn nhạc, ao bốn màu sen tỏa ngát hương).

Quý vị có hiểu hai câu này hay không? Quý vị không biết là quý vị không thể hỏi ý nghĩa của hai câu này, vì sao? Vì đây là Thiên cơ. Nếu quý vị hiểu thì sẽ do hai câu này bèn đại triệt đại ngộ. Không hiểu cứ việc nói là không hiểu. Không hiểu thì “*A Di Đà Phật thân kim sắc*” ở phần sau cứ chất phác niệm đi! Ý nghĩa được diễn tả trong hai câu này, chúng tôi thực sự không hiểu ý nghĩa. Tôi vừa mới nói đó thôi, Thiên cơ mà! Nhìn từ mặt ngoài thì câu đầu tiên diễn tả hàng cây bảy báu nơi trong Tây Phương thế giới.

“*Phong ngâm thụ thụ thiên ban nhạc*”: Trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới, gió lùa qua cây báu, cành, lá, hoa, quả của cây báu gió vừa lay bèn va chạm nhau, giống như những cái “phong linh” (wind chimes) hiện thời, âm thanh rất mỹ diệu. Những cái phong linh chúng ta dùng hiện thời quá nửa làm bằng đồng, cũng có cái làm từ những phiến mỏng bằng pha lê hay thủy tinh, âm thanh hết sức thanh tao. Gió rung cây báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn phát ra âm thanh thuyết pháp, muốn nghe âm thanh nào đều được nghe âm thanh ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Muốn nghe kinh gì, gió, nước đều thuyết pháp, sáu trần thuyết pháp, đó là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

Thật ra, trong thế giới này sáu trần có thuyết pháp hay không? Cũng thuyết pháp, cũng biểu thị pháp, tiếc là chúng ta không hiểu. Nếu chúng ta thực sự hiểu, ắt sẽ lãnh hội: Tam thế hết thảy chư Phật, Bồ Tát vốn chẳng rời chúng ta một bước, đều hiện diện vì chúng ta thuyết pháp, không pháp nào chẳng nói. Pháp ấy có tên chung là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mở rộng ra thành vô lượng vô biên Phật pháp. Đúng là vi trần nói, cõi nước nói, Phật nói, Bồ Tát nói, sơn hà đại địa, cây cối hoa quả không lúc nào chẳng thuyết pháp. Chỉ vì chúng ta mê quá sâu, không nhận biết được. Mấy năm qua, đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu được một chút sự tình, mới biết hết thảy hữu tình và vô tình đều biểu thị pháp, hoặc thuyết pháp. Chúng ta chỉ mới hiểu được chút ít sự việc như vậy.

Đến khi nào chúng ta mới có thể tiếp nhận thông điệp ấy? Đến khi nào quý vị nhất tâm bất loạn sẽ lãnh nhận được, cảm nhận được, quý vị bèn thấy đạo, nghe đạo, nếm đạo, ngửi đạo. Đạo ấy chẳng phải là cái đạo để đạt được, nó là vô thượng đại đạo, thấy đạo, nghe đạo, nếm đạo, ngửi đạo. Lúc ấy, quý vị mới hiểu nơi đây vốn là thế giới Hoa Tạng, vốn là Cực Lạc. Trong pháp hội này, qua những lời khai thị đơn giản ngắn ngủi, thiền sư Trung Phong đã nhắc đến những ý nghĩa đó.

“*Hương tâm trì trì*”: “*Trì trì*” là ao bảy báu, nước tám công đức. “*Tứ sắc hoa*”: Kinh Di Đà nói hoa sen có bốn màu. Bốn màu ở đây là bốn nguyên sắc (màu gốc), bốn sắc dung hợp lại sẽ thành vô lượng vô biên màu sắc, đẹp đẽ khôn ngần. Đó là ý nghĩa trên mặt văn tự của hai câu này, còn mật nghĩa rất sâu trong ấy quý vị phải tự lãnh hội, ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xứ diệt.

Nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây mà thôi!

Tập 42

9. Kệ Tán Phật

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Tán Phật Kệ²⁹. Hệ Niệm Pháp Sư chia thành ba thời, trong ba thời đều có phần Niệm Phật, tức là lấy tụng kinh, niệm Phật làm chánh, trong ấy xen vào những phần khai thị để thời thời khắc khắc cảnh tỉnh. Tám câu kệ tán Phật này chúng ta thường hay đọc, mọi

²⁹ Theo Ấn Quang đại sư, bài Tán Phật Kệ này do Anh pháp sư tức ngài Đức Tạng Trạch Anh soạn ra (xin xem lá thư 52 trong Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 1, tức lá thư thứ 4 gởi cho ông Đinh Phước Bảo). Ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống, người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tên tự là Uẩn Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chi Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bát Nhị Môn Luận, Kim Cang Bể Luận, do vậy Sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ huyền áo của Tịnh tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, Sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh Độ và thường nhắc đại chúng siêng tu Tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là Đồng Giang pháp sư hay Đồng Giang Anh pháp sư chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoàn Thụ Nhị Xuất, Khuyến Tu Tịnh Độ Tụng...

người đều niệm rất quen, ý nghĩa rất rõ ràng. Chúng tôi giới thiệu đại lược như sau:

***A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.***

阿彌陀佛身金色。

相好光明無等倫。

*(A Di Đà Phật thân vàng ròng,
Tướng tốt quang minh khôn sánh ví).*

Chúng tôi giảng hai câu này. Câu thứ nhất tán thán thân tướng của A Di Đà Phật, thân chân tử ma kim sắc (thân có màu như vàng ròng màu tía được giới mài sáng bóng), thân xinh đẹp. Tán Phật chính là tán chính mình, bởi lẽ mỗi người niệm Phật chúng ta sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể và tướng hảo của chúng ta giống hệt đức A Di Đà Phật. Do vậy, thế giới Cực Lạc là thế giới thực sự bình đẳng, quý vị có thể thấy được điều này từ bốn mươi tám nguyện. A Di Đà Phật phát đại nguyện: Chúng sanh trong cõi nước của Ngài nếu chẳng giống hệt Phật, Ngài sẽ chẳng thành Phật. Nay Ngài đã thành Phật mười kiếp, chúng tôi nguyện ấy đã được thỏa, nguyện nào cũng viên mãn, đều thành hiện thực. Do vậy, chúng ta không còn mảy may nghi ngờ gì nữa: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể và tướng hảo nhất định phải giống với Phật. Vì thế, thấy tướng hảo của Phật chính là thấy tướng hảo của chúng ta trong tương lai khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đọc bài tán tụng này có động tâm hay chẳng? Động tâm nghĩa là phát nguyện, phải vãng sanh, phải sanh về cõi nước ấy.

Câu thứ hai: “*Tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”, chẳng phải như trong thế gian này chúng ta thường nói ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Trong kinh Phật cũng thường nói: Thân ấy (tức thân ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo) là Liệt Ứng Thân (thân ứng hiện ở mức độ thấp kém). Con người trong thế giới Sa Bà của chúng ta đây, nay gọi là người trên địa cầu, cho rằng ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo là quý tướng trong thế gian, tức là tướng phú quý, tướng phước đức, thực sự viên mãn rất ráo, nên đức Phật thị hiện như thế đó, chứ tướng hảo thực sự [nơi báo thân của Phật], người thế gian chúng ta không thể nào tưởng tượng được nổi. Trong kinh đức Phật dạy: Báo thân của Như Lai có vô lượng tướng, chứ không phải chỉ là ba mươi hai tướng. Mỗi tướng có vô lượng hảo, chứ không phải chỉ có tám mươi

tùy hình hảo. Tướng và tùy hình hảo đều vô lượng vô tận.

“*Tướng hảo*” là quả báo do chính mình tu hành viên mãn. Chúng ta có thể nói “*quang minh*” là quả báo tiếp dẫn và giáo hóa chúng sanh, nhân viên quả mãn. “*Vô đẳng luân*” là không có gì bằng, không có ai có thể sánh bằng được. Những ai vậy? Hết thầy Bồ Tát, những người kém hơn Bồ Tát đừng nói làm chi, ngay cả Pháp Thân Bồ Tát, Địa Thượng Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng Phật. Như vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới thật chẳng thể nghĩ bàn!

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di.

白毫宛轉五須彌。

(Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào).

Bạch Hào là hai sợi lông trắng giữa hai mày đức Phật. Đức Phật nói tướng Bạch Hào có tám cạnh, chính giữa trống rỗng, trong suốt. Hai sợi Bạch Hào ấy rất dài, cuộn tròn lại, trông giống như một viên minh châu trên trán giữa hai chân mày. Bạch Hào không phải là minh châu, mà là hai sợi lông màu trắng cuộn tròn lại, là một trong ba mươi hai tướng, nhưng ba mươi hai tướng thế gian chẳng thể sánh bằng được. Bạch Hào cuộn lại lớn đến chừng nào? To bằng năm quả núi Tu Di, quý vị nghĩ xem thân tướng Phật rất to lớn! Tu Di là quả núi cao nhất trong thế giới Sa Bà. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Địa cầu này gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là một tiểu tinh cầu ở quanh núi Tu Di. Núi Tu Di không ở trên địa cầu, rất nhiều người nghĩ núi Tu Di chính là núi Hỷ Mã Lạp Nhã tức ngọn núi cao nhất trên địa cầu này. Nếu chỉ là núi Hỷ Mã Lạp Nhã thì Bạch Hào to bằng năm quả núi Hỷ Mã Lạp Nhã là cũng đã phi thường rồi! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật đầu to tối thiểu cũng bằng quả địa cầu thì thân tướng của Ngài lớn đến chừng nào? Chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta không có cách gì tưởng tượng được!

Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, mặt trời, mặt trăng xoay quanh núi Tu Di; nay chúng ta biết mặt trời, mặt trăng không xoay quanh núi Hỷ Mã Lạp Nhã. Chúng xoay quanh đâu? Xoay quanh hệ Ngân Hà, khoa học hiện tại nói rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Do đây biết rằng trên thực tế, một hệ Ngân Hà chính là một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật. Núi Tu Di ở đâu? Ở ngay chính giữa Ngân Hà, lớn cỡ nào? Nói thật ra, phải lớn gấp rất nhiều lần so với Thái Dương Hệ. Tướng Bạch Hào của Phật lớn như thế đó. Chúng ta nghĩ xem đầu đức Phật lớn cỡ nào? Tối thiểu phải lớn bằng một hệ Ngân Hà. Thân tướng

như vậy thì quý vị làm sao tưởng tượng được nổi!

Cám³⁰ mục trùng thanh tứ đại hải.

紺目澄清四大海。

(Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc).

Đây là nói về mắt đức Phật. Mắt Phật lớn cỡ nào? Giống như biển cả, to như biển. Đây là tỷ dụ để chúng ta từ đó hiểu thân tướng của đức Phật vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn, rồi thì sẽ tưởng tượng Tây Phương Cực Lạc thế giới lớn lao đến độ nào. Người trong thế giới Cực Lạc đều cao lớn như vậy, số người trong thế giới ấy không có cách gì tính toán được. Trong kinh điển, đức Thế Tôn chỉ giới thiệu một hạng người là A La Hán mà đã không có cách gì tính toán được, chỉ có thể nói là “*dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (dùng vô lượng vô biên A Tăng Kỳ để nói), vô lượng vô biên A-tăng-kỳ! “*chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị*” (các vị Bồ Tát cũng giống như thế). Ngoài các vị Bồ Tát còn có chúng trời người trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ từ mười phương thế giới sanh về, không biết là bao nhiêu. Vậy thì thế giới ấy phải bao lớn? Không thể nghĩ bàn!

Nếu đem địa cầu đặt trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thấy gì hết. Địa cầu còn chẳng thấy, huống gì người trên địa cầu? Đại khái chúng ta biến thành vi sinh vật, e rằng kính hiển vi cao cấp còn chưa nhìn thấy được, con người quá nhỏ bé. Thế nhưng trong kinh điển Đại Thừa, Phật thường dạy chúng ta: Trong tâm tánh không có lớn hay nhỏ; trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, đó là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm bảo không có lớn hay nhỏ. Vì vậy, trong vi trần có thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát thường vào trong đó. Thế giới trong vi trần không nhỏ, chúng ta cảm nhận thế giới ấy giống hệt như đại vũ trụ vậy, không khác gì hết. Vi trần không nở to ra, thế giới cũng không rút nhỏ lại.

Một vi trần có phải là một thế giới? Không chỉ như vậy. Vô lượng vô biên thế giới ở trong một vi trần, chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy chúng ta chân tướng sự

³⁰ “Cám” là màu xanh biếc có pha ánh hồng. Từ điển Từ Hải giảng: “*Thâm thanh lý thấu hồng đích nhất chủng nhan sắc, tục xưng thiên thanh*” (Một loại màu xanh đậm ánh sắc đỏ, thường gọi là màu thiên thanh).

thật: Thế giới trùng trùng vô tận, không lớn hay nhỏ. Vì sao lại có hiện tượng ấy? Kinh Phật thường nói: Pháp vốn là như vậy (pháp nhĩ như thị), vốn sẵn là như thế đó. Chẳng có lý do gì cả, vốn sẵn là như thế, Pháp Tánh là như thế. Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta không nhằm mục đích nào khác, chỉ nhằm khiến cho chúng ta minh tâm kiến tánh, khế nhập cảnh giới này. Đó là đại viên mãn. Như vậy, tám câu kệ chúng ta thường niệm này nói lên cảnh giới thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

***Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.***

光中化佛無數億。

化菩薩眾亦無邊。

*(Trong quang minh hóa vô số Phật,
Hóa các Bồ Tát cũng vô biên).*

Hai câu kệ này nói về quang minh. Hai câu trước tán dương tướng hảo. “Bạch hào, cam mục” đều là tướng hảo, nêu một hai tướng hảo đại diện. Trong quang minh cũng chỉ nêu tượng trưng. “*Quang trung hóa Phật vô số ức*”: Một Phật chính là hết thầy Phật, hết thầy Phật chính là một Phật. Nếu quý vị quả thật hiểu được đạo lý này, sẽ không hoài nghi: Phật nhiều đến như thế, sao ta chỉ thân cận một mình A Di Đà Phật, không thân cận các vị Phật khác? Danh hiệu Phật nhiều như thế, sao lại chỉ khăng khăng niệm A Di Đà Phật, không niệm những đức Phật khác? Nghi vấn ấy không còn nữa! Vì sao? Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều không hai. Vì sao không niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật. Vì sao không niệm các đức Phật khác? Hết thầy các đức Phật khác đều dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta phải thuận theo. Thuận theo chính là hiếu thuận, thuận theo là tôn sư.

Tuân theo lời thầy răn dạy nhất định có điều hay, hay như thế nào? Bây giờ không cần phải hỏi, đến thế giới Cực Lạc rồi, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Thật giống như ví dụ ba cỗ xe trong kinh Pháp Hoa vậy, ba cỗ xe tỳ dụ điều gì? Phù hợp căn cơ. Kinh Pháp Hoa ví thế giới Sa Bà như một căn nhà đang bốc cháy, đức Phật như một vị đại trưởng giả, tất cả hết thầy chúng sanh trong thế giới này là con cái của Ngài. Căn nhà đột nhiên bốc cháy, trẻ thơ không hay biết vẫn cứ chơi giỡn trong ấy, kêu chạy ra không chịu ra. Lúc đó, người làm cha biết những thứ mà con thơ yêu thích, ham mến: “Ngoài cửa cha bày rất nhiều đồ

chơi, có xe dê, xe nai, xe ngựa. Ra khỏi cửa, tụi con thích chơi món gì thì chơi món ấy”. Con thơ nghe nói, như ong vỡ tổ xông ra. Ra khỏi nhà rồi, không có xe dê, cũng chẳng có xe nai, chỉ có xe ngựa. Xe ngựa gọi là đại bạch ngưu xa (“*đại bạch ngưu xa*” là xe ngựa), ví như Đại Thừa. Ra khỏi nhà lửa rồi đều ban cho Đại Thừa, đều đãi ngộ bình đẳng. Đó mới là thực sự sanh tâm đại hoan hỷ, ban cho quý vị thứ tốt đẹp nhất.

Vì thế, trong quang minh của A Di Đà Phật, bạch hào phóng quang, “*quang trung hóa Phật vô số ức*”, “*hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*”. Biến hóa để làm gì? Đến mười phương thế giới phổ độ chúng sanh. Những vị Phật, những vị Bồ Tát ấy ở trong mười phương thế giới, nên dùng thân gì để độ bèn hiện ra thân ấy. Như quý vị thường niệm phẩm Phổ Môn; phẩm Phổ Môn nói Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hiện ba mươi hai thân, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ bèn hiện thân Bồ Tát. Nên dùng thân Thanh Văn để độ bèn hiện thân Thanh Văn. Nên dùng thân tể quan để độ bèn hiện thân tể quan. Nên dùng thân đồng nam, đồng nữ (trẻ trai, trẻ gái) để độ bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ. Thân tướng nào Ngài cũng hiện được, ở đâu vậy? Chính ngay trong xã hội chúng ta đây.

Từ sáng đến tối chúng ta tiếp xúc rất nhiều người, không thể nói xác quyết trong số ấy ai là Phật, Bồ Tát thị hiện. Chúng ta phàm phu mắt thịt không nhận biết, các Ngài cũng chẳng hé lộ thân phận, chúng ta làm sao biết được? Trên thực tế, họ do A Di Đà Phật biến hóa ra, họ chính là A Di Đà Phật, chứ không phải ai khác! Trong lịch sử Trung Quốc, dường như có mấy vị bộc lộ thân phận. Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật hóa thân, chúng tôi cho rằng có lẽ Ngài chính là một vị Phật được biến hóa từ quang minh, hay là Bồ Tát hóa hiện từ quang minh. Ngài đến thị hiện trong thế gian này, xuất hiện dưới thân phận tổ sư. Nghe nói Thiệu Đạo đại sư cũng là hóa thân của A Di Đà Phật. Ngoài ra còn có hòa thượng Phong Can ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai cũng là hóa thân của A Di Đà Phật. Có mấy vị bộc lộ thân phận, còn những vị không bộc lộ thân phận chẳng biết là bao nhiêu.

Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta lễ kính chư Phật là hữu lý. Quý vị coi thường ai ư? Lỡ người ấy là Phật, Bồ Tát hóa hiện, nếu quý vị biết được thân phận của người ấy, không cảm thấy hết sức đáng than thở ư? Quý vị nghĩ xem: Minh thấy Phật ngay trước mắt mà bỏ lỡ, vẫn coi thường người ta. Vì thế, trong lòng chúng ta phải sanh tâm bình đẳng, tâm cung kính, lễ kính chư Phật. Huống chi trong hết thấy chúng sanh quả thật có rất nhiều Phật, Bồ Tát hóa thân.

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh.

四十八願度眾生。

(Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh).

Đây là nói về nguyện tâm. A Di Đà Phật có bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều vì độ chúng sanh. Trong số các vị cổ đại đức, có vị chuyên môn đề xướng Bốn Nguyện Niệm Phật. Cổ nhân đề xướng không sai, con người hiện tại hiểu sai, cho bốn nguyện chỉ là nguyện thứ mười tám. Họ không hiểu. Thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng, trong phần Khai Thị ở phía sau chúng ta sẽ đọc thấy: Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là một nguyện, là một bốn nguyện. Mỗi một nguyện nhất định bao gồm bốn mươi bảy nguyện kia. Hễ thiếu một nguyện nào thì nguyện ấy của Phật sẽ không viên mãn, sẽ bị thiếu sót. Nguyện nguyện dung nhiếp lẫn nhau, bất cứ một nguyện nào cũng viên mãn trọn đủ bốn mươi tám nguyện. Đây chính là bốn nguyện của A Di Đà Phật. Như vậy, “bốn nguyện niệm Phật” là hoàn toàn tuân thủ bốn mươi tám nguyện, chứ không phải chỉ chọn lấy một nguyện trong bốn mươi tám nguyện, không phải như vậy. Nếu chỉ chọn lấy một nguyện, bốn mươi bảy nguyện kia không còn nữa thì nguyện này cũng không thể thành lập. Nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, muôn vàn chớ được hiểu sai. Nếu hiểu sai thì cả đời này, quý vị tu uổng công, chớ thể vãng sanh.

Sau khi Tịnh Tông Học Hội được thành lập, chúng tôi quán sát kỹ càng căn cơ con người hiện thời, chúng tôi tu chỉnh kinh văn nghi thức để đọc tụng trong khóa tụng sáng tối, sửa đổi đôi chút. Vì sao? Nhằm thích hợp với con người hiện tại. Khóa tụng do cổ đức biên soạn thích hợp với người thời ấy. Trong xã hội hiện đại, con người hiện đại có tư tưởng, kiến giải, sinh hoạt, và hành vi khác với cổ nhân; do vậy, kinh văn để tụng trong hai khóa tụng sáng tối không thể không tu chỉnh. Do đó, kinh văn để tụng trong khóa sáng không phải là tụng chú Lăng Nghiêm, cả mười chú nhỏ cũng không niệm. Quý vị hỏi tại sao ư? Chúng tôi vừa mới nói đó, niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật!

Công đức lợi ích của một câu hồng danh A Di Đà Phật này thù thắng hơn chú Vãng Sanh, vượt trội hết thầy các thần chú, vượt trội hết thầy các pháp công đức Đại Thừa. Trong thời gian này, nghiệp chướng, phiền não, tai nạn nghiêm trọng như vậy, dùng các phương pháp khác không thể cứu được, chỉ có sáu chữ hồng danh mới có thể cứu. Lời này

không phải do tôi nói đâu nhé, mà do Liên Trì đại sư nói đấy, do Ngẫu Ích đại sư nói đấy. Trước kia, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh cũng nói (Ngài sống vào thời Càn Long). Trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh Trục Chi (bản chú giải Quán Kinh của ngài Từ Vân gọi là Trục Chi hoặc Quán Kinh Trục Chi), tôi đọc thấy Ngài nói đến chuyện tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng nghiêm trọng nhất trong thế giới này, nếu tất cả kinh chú và sám pháp đều không thể tiêu được thì vẫn còn một phương pháp cuối cùng là trì danh niệm Phật sẽ có thể tiêu nghiệp chướng. Điều này chứng tỏ công đức trì danh niệm Phật thù thắng khôn sánh, không có pháp môn nào có thể sánh bằng, đúng là “*vô đẳng luân*”.

“*Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh*” là tín nguyện trì danh. Nguyện là bốn mươi tám nguyện. Đây chính là cốt lõi của Tịnh tông, pháp môn Tịnh tông dựa trên bốn mươi tám nguyện. Quý vị hãy chú tâm quan sát, một bộ Vô Lượng Thọ kinh giảng những gì vậy? Từ đầu đến cuối là nói về bốn mươi tám nguyện. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh giảng những gì? Chính là giảng Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Do đây biết rằng: Vô Lượng Thọ kinh nhằm chú giải, giảng giải bốn mươi tám nguyện, còn Hoa Nghiêm là giảng giải tường tận bốn mươi tám nguyện, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải tin vào bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng chẳng nghi hoặc, tin nhận vâng làm. Biến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành bốn nguyện của bản thân, ta và A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, làm sao không vãng sanh cơ chứ? Chí đồng đạo hợp với A Di Đà Phật mà! Câu kệ tiếp theo đây nói về quả đức:

Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

九品咸令登彼岸。

(Chín phẩm đều đưa lên bên giác).

Vì sao có chín phẩm? Vì công phu học tập và thành tích có sai khác, người công phu cao phẩm vị bèn cao, người công phu kém hơn một bậc thì phẩm vị phải kém hơn một chút, đạo lý là như vậy. Trước kia, tôi nghĩ chắc không ít các vị đồng học còn nhớ, ở nước Mỹ có một vị Thượng Sư³¹ bảo mọi người “đời nghiệp chẳng thể vãng sanh, phải

³¹ Vị Thượng Sư này là một cư sĩ Phật giáo, tức ông Trần Kiến Dân, thường được biết đến dưới danh xưng Yogi Chen, thầy của ông Lâm Ngọc Đường (Lin Yutang). Ông Trần đề xướng tu Mật tông kiêm tu Tịnh Độ. Trong “giáo nghĩa” Tịnh Độ được

tiêu nghiệp mới được vãng sanh”. Bọn họ kêu gọi đồng học tìm trong Đại Tạng Kinh, tìm không ra chữ “đới nghiệp vãng sanh”, bèn khẳng định đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, phải tiêu nghiệp mới hòng vãng sanh! Sự việc ấy chấn động toàn thể những vị đồng tu niệm Phật trên toàn thế giới. Có rất nhiều người hoài nghi, làm thế nào đây? Đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, bọn mình hết hy vọng rồi, ngay cả những người tu hành đã lâu cũng bị dao động.

Nhằm ngay lúc ấy, tôi từ Đài Loan đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles). Vừa xuống máy bay, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức là một vị lão cư sĩ đức cao vọng trọng, là lão bằng hữu, lão đồng tham của lão cư sĩ Lý Bình Nam, cụ cũng là người niệm Phật, ra đón tôi ở phi trường. Chúng tôi từ phi trường về thành phố, ngồi xe ước chừng hơn một tiếng đồng hồ. Trên xe, cụ hỏi tôi:

- Thưa pháp sư! Hiện tại có người nói đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, làm như thế nào đây?

Tôi nghe mấy câu ấy bèn mỉm cười:

- Không thể vãng sanh thì thôi!

Cụ nghe tôi nói vậy rất kinh ngạc, ngay người ra đó, không nói được câu nào. Sau đó, tôi mới giải thích cùng cụ:

- Nếu đới nghiệp chẳng thể vãng sanh thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ trợ có mỗi một mình đức A Di Đà Phật, chứ còn gì nữa!

Cụ nghe vẫn không hiểu câu nói đó. Tôi thấy vậy, lại nói thêm chút nữa, tôi nói:

- Quán Âm, Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát, đúng không?

Cụ đáp:

- Đúng!

- Như cụ biết đó: Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, như vậy có tính là đới nghiệp hay không?

Tôi nói vậy cụ hiểu liền, cười xòa. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn đới nghiệp, chỉ có Như Lai mới không đới nghiệp, cụ hiểu rõ ngay. Nếu không đới nghiệp thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là trợ trợ một mình A Di Đà Phật hay sao? Ngoại trừ chư Phật Như Lai, ai không đới nghiệp? Chỉ là đới nghiệp nhiều hay ít khác nhau! Đới nghiệp ít thì phẩm vị cao, đới nghiệp nhiều thì phẩm vị thấp! Tôi nói: “Tra trong Đại Tạng không thấy nói đới nghiệp vãng sanh ư?” Tôi bèn hỏi:

ông Trần và ông Lâm tuyên giảng, có nhiều điều “phát kiến” rất lạ, không biết do đâu mà “phát minh” ra, cũng như cách tu rất tạp, không phải là chuyên tu Tịnh Độ.

- Tây Phương Cực Lạc thế giới có nói đến bốn cõi hay không? Có! Có nói chín phẩm hay không? Có! Nếu không đời nghiệp thì bốn cõi chín phẩm ở đâu ra? Chẳng phải bốn cõi chín phẩm đã cho thấy đều là đời nghiệp, đời nghiệp ít phẩm vị cao, đời nghiệp nhiều phẩm vị thấp, hoàn toàn minh bạch!

Tôi bảo:

- Cụ cứ chắc thật niệm Phật, chớ nghe lời đồn đãi. Huông chi Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta bốn pháp Tứ Y: “*Y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ*” (Nương theo pháp không nương theo người, nương vào nghĩa chứ không nương theo văn tự, lời nói). Văn tự là ký hiệu của ngôn ngữ, đức Phật không nói như thế, nhưng bao hàm những nghĩa như thế. Ngài giảng bốn cõi chín phẩm là có ý như vậy, ý nghĩa đời nghiệp vãng sanh là có. Chúng ta y nghĩa, không y ngữ, chẳng phải vấn đề đã được giải quyết rồi ư?

“*Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn*”: Bốn cõi đều có chín phẩm. Ngày nay nói thật ra, chúng ta đời nghiệp đồng nhất, [vãng sanh về] Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Thường nói là “nghiệp tập phiền não”, chúng ta đời nghiệp vãng sanh là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não đều mang theo hết. Tiêu Thừa A La Hán, Quyền Giáo Bồ Tát đã đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn đời nghiệp: Họ mang theo Vô Minh phiền não và Trần Sa phiền não. Đó là tứ thánh pháp giới. Sanh về Nhất Chân pháp giới, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, còn đời nghiệp hay không? Vẫn còn, mang theo gì? Mang theo Vô Minh phiền não, bốn mươi một phẩm Vô Minh. Vì thế, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm cứ đoạn một phẩm vô minh, phẩm vị bèn nâng cao lên một bậc. Đoạn sạch bốn mươi một phẩm Vô Minh, chứng địa vị Diệu Giác là Phật Quả trong Viên Giáo. Chứng Diệu Giác là không đời nghiệp. Như vậy, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, há có thể nói là không đời nghiệp ư?

“*Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn*”: Hàm (減) là phổ độ. Đúng là bình đẳng phổ độ từ chúng sanh trong địa ngục đến Đẳng Giác Bồ Tát, câu này có ý nghĩa như thế. Chín phẩm hàm linh lên bờ kia, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh địa ngục đều phổ độ hết. Pháp môn rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Tám câu kệ này tán thán A Di Đà Phật tu hành chứng quả, phổ độ chúng sanh đến cùng cực; chúng ta chẳng thể không bội phục tổ sư đại đức viết tám câu kệ này quá hay! Mãi cho đến tận giờ không ai dám thay đổi, cũng không ai dám làm bài kệ khác để so

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký - Quyển Hạ
sánh, viết quá hay rồi. Tiếp theo là niệm Phật hiệu:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

10. Kệ Tán và Phát Nguyện (Di Đà Đại Nguyện Tán)

Chúng tôi lướt qua câu này, tiếp theo là bài kệ tụng:

Đệ nhất đại nguyện.

Quán tưởng Di Đà.

Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà.

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

(Đại nguyện bậc nhất,

Quán tưởng Di Đà,

Bốn mươi tám nguyện độ Sa Bà).

Sau khi chúng ta niệm Phật phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ chính là đại nguyện bậc nhất, đại nguyện bậc nhất của ai? Là đại nguyện bậc nhất của hết thầy chư Phật Như Lai. Lạ lùng thay! Chư Phật Như Lai vẫn phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Đúng vậy, không sai! Chư Phật Như Lai là ai? Những ai là chư Phật Như Lai? Quý vị đọc cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông sẽ biết ngay. Trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông bảo chúng ta: Kinh Kim Cang thường nói đến chư Phật, “chư Phật” là nói về ai vậy? Là nói đến các Pháp Thân đại sĩ. Từ Sơ Trụ của Viên Giáo đến Đẳng Giác đều là Phật, tức là Phần Chứng Tứ Phật, nghĩa là Phần Chứng Tứ Phật trong sáu loại Tứ Phật do Thiên Thai đại sư đề xướng. Họ là Phật thực sự, không phải giả, nhưng có bốn mươi một tầng lớp, nên gọi là “chư Phật”. Chư Phật Như Lai, Văn Thù, Phổ Hiền mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chư Phật Như Lai cũng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Còn nếu nói đến Bồ Tát thì Bồ Tát là Tương Tự Tứ Phật, tức là những vị thuộc nơi đâu? Thuộc trong Tứ Thánh pháp giới! Bồ Tát,

Thanh Văn, Duyên Giác trong bốn thánh pháp giới và lục đạo chúng sanh.

Như vậy, đệ nhất đại nguyện là đại nguyện của Pháp Thân Như Lai. Pháp Thân Như Lai còn như thế, huống gì chúng ta mà chẳng nên phát đại nguyện này ư? Đương nhiên phải phát, nhất định phải phát. Chẳng những phải phát nguyện, mà còn sau khi phát nguyện rồi, còn phải “*quán tưởng Di Đà, bốn mươi tám nguyện độ Sa Bà*”. Cốt lõi của Tịnh tông là bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện mở rộng thành Vô Lượng Thọ Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh triển khai thành Đại Tạng Kinh như hiện thời. Trong tất cả hết thảy Phật pháp, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi. Nay các đồng học Tịnh tông chúng ta lấy bốn mươi tám nguyện làm kinh văn đọc tụng trong khóa sáng là do đạo lý này.

Khóa tối chúng tôi chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn kinh văn này là pháp sám hối, nội dung là Ngũ Giới, Thập Thiện. Chúng ta đem đoạn kinh văn này đối chiếu những khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình trong suốt một ngày hôm nay, đức Phật dạy chúng ta nên làm những gì, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật dạy chúng ta không được làm gì, chúng ta có tuân thủ hay không? Hãy nghiêm túc phản tỉnh. Đức Phật dạy chúng ta những gì phải làm, những gì không được làm thì chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành, thực sự tu tập. Đó là lý do chọn những đoạn kinh văn ấy làm khóa tụng sáng tối.

Cửu phẩm dũng kim ba.

九品湧金波。

(Chín phẩm trỗi sóng vàng).

“*Dũng kim ba*” (vọt lên trên mặt sóng vàng) nghĩa là gì? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh. Hoa sen trong ao bầy bấu, đáy ao bầy bấu trải cát bằng vàng, cát bằng vàng làm đáy. Vì thế, nước trong ao bầy bấu chói sắc vàng. Hoa sen mọc lên từ cát vàng, hoa nở trên mặt nước, “*cửu phẩm dũng kim ba*” (chín phẩm vọt lên trên mặt sóng vàng), câu này là tả cảnh. Chúng ta nghĩ xem: Trong ao bầy bấu có rất nhiều hoa sen như vậy, người niệm Phật liên hoa hóa thân, chín phẩm phổ độ, chỉ cần có duyên là không một ai chẳng được độ. Thế nào là có duyên? Đối với pháp môn tín nguyện trì danh này, quý vị có

thể tin, có thể phát nguyện, có thể niệm Phật, quý vị chắc chắn được vãng sanh. Phẩm vị cao hay thấp là như Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay: Đều là do công phu trì danh sâu hay cạn. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này, ta hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt phẩm vị cao thì đơn giản là một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối không gián đoạn. Tay cầm xâu chuỗi, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, trong mười hai thời không gián đoạn, phẩm vị bèn cao. Chúng ta phải nhớ câu nói ấy của Ngẫu Ích đại sư.

Rốt cuộc Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Ngài không bộc lộ thân phận, nhưng chúng tôi xét rằng Ngài không phải là hạng tầm thường. Vì sao? Ấn Quang đại sư bộc lộ thân phận, Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát. Tổ Ấn Quang tán thán A Di Đà Kinh Yếu Giải như sau: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai, chú giải kinh A Di Đà cũng không thể hay hơn được nữa!*” Vậy thì Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào? Chúng tôi cho rằng: Nếu không phải là A Di Đà Phật đích thân tự đến thì cũng chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, sẽ chẳng xứng với lời tán thán của Đại Thế Chí Bồ Tát, nhưng Ngài không bộc lộ thân phận. Quả thật A Di Đà Kinh Yếu Giải rất hay, người hiện tại năm vóc gieo sát đất, đọc xong không ai không động tâm. Động tâm gì? Cầu nguyện vãng sanh! Có sức nhiếp thọ lớn lao như thế, “*cửu phẩm đũng kim ba*”.

Bảo võng giao la.

寶網交羅。

(Lưới báu giăng xen).

Cũng nhằm tả cảnh, Tây Phương Cực Lạc thế giới có bảy tầng lưới báu, bảy tầng hàng cây. “*Bảy*” biểu thị viên mãn, chứ không phải là con số.

Độ vong linh xuất ái hà.

度亡靈出愛河。

(Độ vong linh vượt sông ái).

Không chỉ độ vong linh mà còn là độ chính chúng ta. Quý vị thực sự hiểu rõ, thực sự biết Ái là phiền não, tham ái là tham - sân - si - mạn. “*Xuất ái hà*” là vĩnh viễn thoát phiền não, vĩnh viễn lìa luân hồi. Luân hồi là nói về quả, phiền não là luận về nhân. Cái nhân phiền não biến

hiện thành quả báo luân hồi trong lục đạo. Đoạn được cái nhân phiền não thì quả báo tự nhiên không còn nữa. Chính là như đại sư Vĩnh Gia nói: “Giác hậu không không, vô đại thiên” (Giác rồi tam giới rỗng toang hoang). Bài tán tụng này chủ yếu là phát nguyện, niệm Phật xong phải phát nguyện, phải cầu chứng quả. Tiếp theo là:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát
南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát là nói đến ao sen bảy báu trong thế giới Cực Lạc. Ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc rất nhiều, chỗ nào cũng có. Ao sen có lớn, có nhỏ. Rốt cuộc quý vị sẽ sanh vào ao nào? Quý vị có cảm ứng với cái ao nào? Tôi nghĩ rằng cảm ứng ao sen lớn hay nhỏ nhất định do tâm lượng, có mối quan hệ với tâm lượng. Tâm lượng của chúng ta nhỏ sẽ sanh về ao sen nhỏ trong Tây Phương Cực Lạc. Tâm lượng lớn sẽ sanh về ao sen lớn trong Tây Phương Cực Lạc. Vì thế, chẳng thể không mở rộng tâm lượng. Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới thì quý vị sẽ sanh về ao sen lớn. “Hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh”, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng không ngoài lệ ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

11. Khai thị

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp bài kệ sau đây trong phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Trong bài kệ này, hai câu đầu là câu hỏi, hai câu sau là lời đáp:

Chư khổ tận tùng tham dục khởi,
Bất tri tham dục khởi ư hà?
Nhân vong tự tánh Di Đà Phật,
Dị niệm phân trì tổng thị ma!
諸苦盡從貪欲起。
不知貪欲起於何。
因忘自性彌陀佛。

異念紛馳總是魔。

(Các khổ đều từ tham dục khởi,
Từ đâu dục khởi biết chẳng là?
Do quên tự tánh Di Đà Phật,
Dị niệm lăng xăng trọn hóa ma).

Hai mươi tám chữ này phô bày trọn vẹn Thật Tướng của chúng sanh trong lục đạo. Chúng ta niệm đi niệm lại, nghĩ tới nghĩ lui, nhất định có chỗ ngộ. “*Chư khổ*” có thể hiểu là hết thấy các nỗi khổ trong thế gian, do đâu mà có? Do “*tham dục*”. Chữ “*dục*” chỉ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng tôi thường nói là danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, khởi tâm tham nơi những thứ đó, tham lam không chán. Do tham nên tạo nghiệp, do nghiệp bèn thọ báo, lục đạo luân hồi biến hiện ra như thế đó, vốn nó chẳng có.

Nếu bây giờ truy vấn: Tham dục do đâu mà có? “*Bất tri tham dục khởi u hà?*” (Chẳng biết tham dục do đâu mà dấy lên?) Con người vì sao có tâm tham? Vì sao có dục vọng? Chúng ta biết trong chân tâm bản tánh không có những thứ ấy. Bởi thế, người giác ngộ, người hiểu rõ bảo chúng ta: Những thứ ấy không thật, chúng là hư vọng. Kinh Kim Cang giảng rất hay: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Vốn không có, vì sao hiện thành có? Hiện tại những thứ ấy trói buộc thân quý vị, quý vị không có cách gì gỡ thoát, không có cách gì vượt khỏi lục đạo luân hồi, chẳng thể thoát khỏi khổ báo của ba chương. Tiếp đó, thiền sư Trung Phong vì chúng ta chỉ ra:

“*Nhân vong tự tánh Di Đà Phật*” (Do quên tự tánh Di Đà Phật). Di Đà Phật là tự tánh, tự tánh Di Đà Phật. Tự mình vốn đã là [Phật]. Danh hiệu A Di Đà Phật có thể dịch được, không phải chẳng thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật là Giác. Chúng ta nghĩ xem: Tự tánh chẳng phải là vô lượng giác hay sao? Vô Lượng Giác là A Di Đà Phật; tự tánh vô lượng giác, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo; hết thấy vô lượng một cách vô lượng. Tự tánh vốn sẵn đầy đủ, chẳng thiếu khuyết mảy may. Quên mất tự tánh, mê mất tự tánh nên mới sanh khởi vọng tưởng, sanh khởi phân biệt, sanh khởi chấp trước. Do vậy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là phiền não tập khí, từ đâu mà có? Từ mê mất tự tánh mà ra.

Đại sư nói “*nhân vong tự tánh*” (do quên tự tánh) đã hay rồi, sao

còn phải thêm “*Di Đà Phật*”? Dụng ý trong câu này rất sâu; câu này nói theo lối song quan³². Quý vị quên mất tự tánh vô lượng giác, nay khiến quý vị niệm A Di Đà Phật với ngụ ý gì? Niệm cho vô lượng giác nơi tự tánh bật ra, đó gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Vì thế, Ngài không dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát nào khác, mà dùng [danh hiệu] A Di Đà Phật. Dùng danh hiệu A Di Đà Phật vì tất cả danh hiệu Phật, Bồ Tát đều bao gồm trong ấy, đó là tổng danh hiệu. Chúng tôi thường nói: Danh hiệu ấy là tên gốc của tự tánh, hết thấy các danh hiệu khác là biệt danh, biệt hiệu của tự tánh, còn đây là bản danh (tên chính, tên gốc).

Mê mất tự tánh, “*dị niệm*” bèn sanh khởi, dị niệm là vọng tưởng, “*phân trì*” là phân biệt, chấp trước, đó là ma! Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Thế Tôn bảo có bốn loại ma: Thứ nhất là Ngũ Ấm Ma; Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Ngũ Ấm Ma. Vì sao Ngũ Ấm biến thành Ma? Vì quên mất tự tánh Di Đà Phật, nên Ngũ Ấm biến thành Ma. Nếu quý vị giác ngộ, tìm được A Di Đà nơi tự tánh, thì Ngũ Ấm biến thành Phật. Đây chẳng phải là y báo chuyển theo chánh báo đó ư? Chẳng phải là như trong kinh, đức Phật thường nói “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh) đó ư? Tùy theo ý niệm của quý vị như thế nào, cảnh giới bên ngoài sẽ chuyển theo ý niệm ấy. Phần sau lại còn khai thị tường tận hơn nữa.

Như vậy, phải biết Ma do đâu có, Ma là vọng niệm, ý niệm của quý vị không tương ứng với tự tánh; ấy là Ma. Yêu ma, quỷ quái từ đó mà sanh, tự tánh của chúng cũng là A Di Đà Phật. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú khởi u tâm*” (Cảnh duyên không xấu - tốt, xấu - tốt từ tâm khởi). Phật là tốt, ma là xấu, cổ đức thường nói: “*Vô Phật, diệt vô ma*” (Không Phật, cũng không ma), chính xác! Lại xem phần khai thị tiếp theo. Đoạn khai thị này khá dài, cũng nên chia thành vài đoạn.

Chúng tôi đọc từng đoạn một để học tập.

Giáo trung đạo: “Sanh nhi vô sanh, Pháp Tánh trạm nhiên, vô sanh nhi sanh, nghiệp quả nghiêm nhiên”.

教中道。生而無生。法性湛然。無生而生。業果儼然

(Trong giáo pháp có nói: “*Sanh nhưng vô sanh, Pháp Tánh lặng trong; vô sanh mà sanh, nghiệp quả rành rành*”).

³² Song quan: Lối nói bao gồm ý nghĩa kép.

Đây là một đoạn. Đoạn này là cương lĩnh của phần khai thị nhằm thuyết minh đạo lý cho chúng ta. “*Giáo trung đạo*”: Giáo là lời dạy dỗ của đức Thế Tôn, đức Thế Tôn răn dạy có nói như thế đó, “*đạo*” nghĩa là nói. Thông thường cũng có thể hiểu Giáo là kinh luận, “*giáo trung đạo*” là kinh luận Phật giáo có nói như thế này. Hai cách hiểu này tương đồng, nhưng chúng tôi dùng cách thứ nhất ngõ hầu con người hiện tại dễ hiểu hơn: [“*Giáo trung đạo*” nghĩa là] trong khi giảng dạy, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã có nói như thế đó. Giải thích như vậy chắc mọi người đều hiểu được.

“*Sanh nhi vô sanh, Pháp Tánh trạch nhiên*”, vì sao nói “*sanh nhi vô sanh*”? Sanh là hiện tượng, tướng sanh khởi lên, tức là hiện tượng sanh khởi. Có những kẻ chấp tướng, mê tướng, như thế là lầm lạc, không hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng là vô sanh. Chân tướng là sanh nhưng không sanh. Đạo lý này sâu xa lắm. Nếu quý vị biết sanh nhưng vô sanh, chẳng chấp tướng, chẳng sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị đã trụ trong cảnh giới của Phật.

Nói “*sanh nhưng vô sanh*”, biết “*Pháp Tánh trạch nhiên*”. “*Trạch nhiên*” là thanh tịnh đến tột bậc. Giống như nước, nước không có tí xíu sóng gợn nào thì gọi là “*trạch*”; không có chút nhiễm ô nào, nước giống như một tấm gương, nhìn thấu tận đáy, sạch sẽ, chẳng nhiễm mây trần. “*Trạch nhiên*” là như vậy đó. Pháp Tánh trạch nhiên: Pháp Tánh vĩnh viễn lặng trong, Pháp Tánh bất sanh, bất diệt, Pháp Tánh không đến, không đi, Pháp Tánh không nhớ, không sạch, Pháp Tánh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao là chẳng phải có? Vì Pháp Tánh lặng trong. Vì sao là chẳng phải không? Vì nó có thể hiện tướng. Giống như nước sạch, nước không sóng mòi, nó hiện tướng; sơn hà đại địa bên ngoài hiện bóng trong nước, nó có tướng. Tuy có tướng, nhưng chẳng thể nắm bắt được tướng ấy, nên tướng ấy chẳng liên quan gì đến cái Có. Nó vốn không có tướng, cảnh giới bên ngoài chiếu vào nó, cho nên nói là “*sanh nhưng vô sanh*”. Dùng nước để tỷ dụ, quý vị hãy quan sát kỹ. Hoặc dùng tấm gương [làm tỷ dụ], lại càng dễ thấy hơn. Gương chiếu hình ảnh bên ngoài, tướng trong gương là “*sanh nhưng vô sanh*”. Sanh vì trong ấy có tướng, vô sanh vì quả thật không có tướng.

Đây là nói về chân tâm của chúng ta, luận về bản tánh, Pháp Tánh. Trong bản tánh quả thật không có tướng, nhưng nó có thể hiện tướng. Chuyện này rất lạ lùng, [Pháp Tánh] không giống như tấm gương, chẳng có cách nào tỷ dụ được. Dùng gương hay nước để tỷ dụ Pháp Tánh đều

chẳng thể được! Gương hay nước là bên ngoài có tướng soi bóng vào chúng, còn Pháp Tánh có thể hiện được tướng, tuy nó vốn không có tướng! Không có tướng mà lại có thể hiện tướng, hiện tướng nhưng [tướng được hiện ra ấy] không phải là cái nó vốn có, đây mới là diệu. Không dễ hiểu đâu, quả thật rất khó hiểu! Hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện, đã nói: “Có là do đâu mà có?” Có từ Không mà sanh ra! Không là Pháp Tánh, Pháp Tánh vốn không có, nhưng nó có thể hiện tướng, có thể sanh ra Có. Có lại quy về Không, vẫn trở về nơi Không. Vô là Pháp Tánh, Hữu là pháp tướng.

Pháp tướng là gì thế? Pháp tướng là hiện tướng (tướng được biến hiện), hiện ra những tướng nào? Hư không, pháp giới! Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: Những tướng được hiện là thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, [những thế giới ấy] do Pháp Tánh hiện ra. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng do nó hiện, thật ra, [tất cả những tướng được hiện ấy] đều là Nhất Chân pháp giới nhưng đã bị biến dạng đi. Cái gì có khả năng làm biến dạng nó? Chính là Thức! Thức là phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khiến cho những tướng ấy bị biến dạng. Có vọng tưởng nhưng không có phân biệt và chấp trước thì mức độ biến dạng ít, Nhất Chân pháp giới bị biến dạng thành tứ pháp giới. Nếu trong ấy lại còn thêm phân biệt, chấp trước thì mức độ biến dạng rất lớn, [Nhất Chân pháp giới] biến thành lục đạo luân hồi. Bởi thế, lục đạo luân hồi và tứ thánh pháp giới vốn chỉ là Nhất Chân pháp giới. Điều đó cho thấy: Nếu quý vị lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì ngay lập tức những tướng bị biến dạng ấy sẽ khôi phục đúng đắn, thế giới được khôi phục đúng đắn sẽ chính là Cực Lạc, chính là Hoa Tạng!

Thế giới này chỉ do tâm hiện, biến hiện ra, thời gian hiện hữu là bao lâu? Không có thời gian. Thừa cùng quý vị, không có thời gian mà cũng chẳng có không gian. Thời gian lẫn không gian hoàn toàn là giả, không thật. Thời gian và không gian từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Pháp Tánh hiện tướng là Nhất Chân, quý vị phải chú tâm thấu hiểu điều này, nó rất khó hiểu. Vì sao? Đây chẳng phải là chuyện chúng ta thường nhận biết, kiến thức thông thường không thể lãnh hội nổi. Khoa học không thể giải thích được, triết học cũng không thể giải thích. Nhà Phật nói “*nhất thời đốn hiện*” (nh nhanh chóng xuất hiện trong cùng một lúc), nay khoa học hiện tại đã biết nói “*nhất thời đốn hiện*”. Hiện thời các nhà khoa học đã biết vũ trụ vốn là nhất thời đốn hiện. Gần đây, các nhà khoa học nói “*trong Không sanh ra Có, nhất thời đốn*

hiện”. Thời gian hiện diện hết sức ngắn, ngắn đến mức độ nào thì chúng ta không có cách gì tưởng tượng được. Chúng ta nói đến sát-na ư? Sát-na còn là quá dài!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt mất ngay nơi đó). Hai câu trên hình dung chân tướng của sự “*nhất thời đốn hiện*”. Thế nhưng nhất thời đốn hiện không ngừng; cái nhất thời đốn hiện này vừa diệt thì cái thứ hai lại nhất thời đốn hiện. Cái nhất thời đốn hiện thứ hai vừa diệt, cái thứ ba lại nhất thời đốn hiện. Thế giới được chúng ta cảm nhận trong hiện tại chỉ là tướng nhất thời đốn hiện liên tục, từng cái tiếp nối nhau, tướng tương tục (tiếp nối nhau), chuyện là như vậy, quyết định không có hai tướng hoàn toàn tương đồng. Đến khi nào mới tương đồng? Phật Phật đạo đồng. Đến khi chứng được Phật quả rốt ráo, cũng có nghĩa là vọng tướng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn sạch, lúc đó, những tướng được hiện sẽ tương đồng. Tướng ấy vẫn là tướng tương tục y như cũ, nhưng cái tướng tương tục ấy tương đồng, không biến đổi. Phải là ở nơi Quả Địa Như Lai mới thấy được điều ấy, Đẳng Giác không thấy được, vì sao? Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, vẫn còn sai khác cảnh giới Phật đôi chút, không hoàn toàn tương đồng. Câu nói này (tức câu “*sanh nhưng vô sanh, Pháp Tánh trạm nhiên*”) đã nói toạc Thật Tướng của các pháp và chân tướng nhân sinh vũ trụ.

“*Vô sanh nhi sanh, nghiệp quả nghiêm nhiên*”: Thuyết minh vì sao trong Không có thể sanh ra Có. Câu trước ngụ ý Sanh là có, Vô Sanh là không, trong Không sanh ra Có. Phần trên đã giảng trong Có vì sao là Không. Nói như thế rồi, bây giờ bèn nhìn ngược lại, tức là từ cảnh giới Như Lai nhìn ngược vào cảnh giới đã bị biến dạng: “*Vô sanh mà sanh*”. Khoa học gia hiện thời đã phát hiện vô sanh mà sanh, nhưng câu trên đây tôi vẫn chưa nghe nói tới. “*Nghiệp quả nghiêm nhiên*”: Mê hoặc tạo nghiệp, thọ báo. Trong những phần trên tôi đã nói đến tam chương; trong phần Vãng Sanh Chú có nói: Phiền Nã Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. “*Vô sanh mà sanh*” là nói đến cái bị biến dạng. Thật tướng của các pháp bị biến dạng như thế nào? Chính là nghiệp quả rành rành.

Câu “*nghiệp quả nghiêm nhiên*” nói cách khác là nhân quả chẳng không! “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Nghiệp báo nghiêm nhiên là nhân quả chẳng không. Vì sao lại nghiêm nhiên? Vì sao nhân quả chẳng không? Nhân biến thành quả, quả lại biến thành nhân. Nhân quả biến chuyển

chẳng không, nhân quả tuần hoàn chẳng không, nhân quả tiếp nối chẳng không. Đó là chân tướng sự thật. Đạo lý này chung cho cả pháp thể gian lẫn pháp xuất thể gian. Phật pháp chẳng lìa nhân quả. Thanh Lương đại sư phán định Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là “ngũ châu nhân quả” (năm tầng lớp nhân quả). Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là “nhất thừa nhân quả”. Bỏ đi nhân quả, đức Phật cũng không còn pháp gì để nói nữa. Do vậy, pháp thể gian và xuất thể gian chẳng lìa nhân quả.

Do đây biết rằng: Chớ nên tạo nhân ác, quyết định chớ nên tổn hại hết thảy chúng sanh. Chẳng những không được tổn hại, mà ý niệm tổn hại cũng chẳng được có. Khởi lên ý niệm ấy tức là tạo một chủng tử ác trong A Lại Da Thức. Như vậy, chúng ta tu hành chính là tu điều gì? Quan trọng nhất là ác niệm không sanh. Tiêu chuẩn thiện ác đối với người mới học Phật giáo là Thập Thiện Nghiệp đạo. Nói cách khác, giết, trộm, dâm, dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham-sân-si là mười ác nghiệp. Không có những ý niệm ấy, đương nhiên chẳng cần phải nói đến hành vi. Đó là thực sự tu hành, đó là thực sự dụng công. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài mà vẫn có ý niệm thì là trật rồi! Quý vị nói thân tôi không tạo, nhưng ý quý vị đã tạo! Công cụ để tạo nghiệp có ba thứ (ba loại lớn): thân - ngữ - ý. Thân không tạo, miệng không tạo, nhưng ý tạo. Quý vị động niệm thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi trong lục đạo.

Vì vậy, nếu ba nghiệp thanh tịnh, trong ba nghiệp quan trọng nhất là ý nghiệp, chỉ cần nơi ý nghiệp không tạo ác thì thân và miệng chắc chắn không tạo ác. [Những ác nghiệp nơi] Thân và Miệng gồm bảy chi, thân ba (giết, trộm, dâm), miệng bốn (nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu), chịu sự chỉ huy của Ý, tiếp nhận sự chỉ huy của Ý, vâng lệnh tạo tác. Ý không có thì làm sao Thân và Miệng tạo tác được? Nghiệp quả nghiêm nhiên, chúng ta phải thời thời khắc khắc cảnh tỉnh cao độ nơi chỗ này. Trong phần khai thị tiếp theo, thiền sư Trung Phong giải thích bốn câu cương lĩnh nói trên:

Sở vị sanh giả.

所謂生者。

(Như sanh vừa nói đó)

Thế nào là Sanh? Thế nào là Vô Sanh? Ở đây, đại sư giải thích cho chúng ta biết “cái Sanh vừa nói đến đó”:

Tức chúng sanh sanh diệt chi Tích dã.

即眾生滅之跡也。

(Chính là dấu vết sanh diệt của chúng sanh).

“Tích” (跡) là huyền tướng, là dấu vết, chúng ta thường gọi là hiện tượng. “*Chúng sanh sanh diệt chi Tích dã*”. Hai chữ “*chúng sanh*” là mấu chốt. Có rất nhiều người hề thấy chữ “*chúng sanh*” bèn nghĩ ngay đến con người, không sai, con người là do các duyên hòa hợp sanh ra; nhưng chúng ta thấy ngoài con người ra, còn có rất nhiều động vật, động vật cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Ngoài động vật còn có thực vật, vẫn là do các duyên hòa hợp mà sanh. Ngoài thực vật còn có khoáng vật, núi, sông, đại địa, bùn, cát, đất, đá. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bảy báu, vô lượng trân bảo, có thứ nào chẳng do các duyên hòa hợp mà sanh. Thậm chí hư không, vẫn là do các duyên hòa hợp mà sanh. Không có duyên, hư không chẳng xuất hiện!

Các nhà khoa học hiện thời phát hiện không gian mười phương lẫn thời gian ba đời đều là giả, không thật. Trong một tình huống nào đó, không gian lẫn thời gian không tồn tại, chúng có thể bằng zéro. Không gian có xa - gần, bằng với zéro là không còn xa - gần; thời gian có quá khứ, hiện tại, vị lai; bằng với zéro thì không còn quá khứ, hiện tại, vị lai. Các duyên hòa hợp mà sanh, cho nên ý nghĩa của chữ “*chúng sanh*” hết sức rộng lớn, bao gồm cả hư không, pháp giới, hữu tình, vô tình, không có một hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp sanh ra. Nói cách khác, sáu cảnh mà sáu căn tiếp xúc đều gọi là chúng sanh. Những hiện tượng ấy đều có sanh diệt, chúng tôi vừa mới nói đó thôi, “*sanh ra từ chỗ nào, sẽ diệt mất ngay nơi đó*”.

Chỉ có đức Phật biết “*sanh ra từ chỗ nào, sẽ diệt mất ngay nơi đó*”, chắc chắn phạm phu chúng ta không thể biết được; bởi lẽ, tốc độ ấy quá nhanh, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, không có cách nào diễn tả được! Thế giới theo cảm nhận của chúng ta chính là những hiện tượng có hình tướng tiếp nối; nhưng trong tướng tiếp nối ấy, chúng ta cũng thấy có chúng có sanh diệt, nhưng sự sanh diệt ấy không phải là sanh diệt của Pháp Tánh, mà là sự sanh diệt thuộc về phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của chúng ta. Hết thấy hoàn cảnh và vạn sự vạn vật trong hoàn cảnh, thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta mà sanh diệt. Chúng có sự đáp trả, có phản xạ, chúng ta chỉ có thể nhận biết được chuyện này; còn những chuyện sâu hơn, rộng hơn, kín nhiệm hơn, chúng ta hoàn toàn không biết. Nay chúng ta học Phật biết

được đôi chút là do từ kinh luận Đại Thừa mà thấy, nếu chư Phật, Bồ Tát không chỉ dạy chúng ta, làm sao chúng ta nghĩ ra được? Đó là “*chúng sanh sanh diệt chi Tích*”.

Vị vô sanh giả.

謂無生者。

(Còn vô sanh thì).

Thế nào là vô sanh?

Tức chư Phật tịch diệt chi bản dã.

即諸佛寂滅之本也。

(Chính là tâm tánh tịch diệt của chư Phật vậy)³³.

Sở chứng của chư Phật Như Lai là quả địa rất ráo. “*Tịch diệt chi bản*” nghĩa là gì? Bản là Phật tánh, là tâm tánh, tâm tánh thanh tịnh tịch diệt, nhưng cái thanh tịnh tịch diệt ấy lại có thể sanh khởi, hiện tướng. Dù sanh khởi, hiện tướng, nhưng nó không mất bản tánh. Cũng có thể nói: Tướng được biến hiện [bởi bản tánh] và bản tánh (Thể) là một, Tướng có, Thể không! Chánh nhân là Thể không có, Thể là không tịch, như vậy tướng ấy ngăn ngại hay không ngăn ngại? Không ngăn ngại! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Chướng ngại từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên không có chướng ngại. Pháp giới vô chướng ngại chính là điều được chứng đắc bởi chư Phật Như Lai. Trong pháp giới vô chướng ngại không có khổ, hết thấy các nỗi khổ trọn chẳng thể có được. Trong chướng ngại có khổ nên trong mười pháp giới có khổ, trong Nhất Chân pháp giới chẳng có khổ.

Pháp Tánh trạm nhiên giả, linh minh trạm tịch, huyền diệu chân thường, cá cá bất vô, nhân nhân bản cụ.

³³ Xin chú ý, ở đây Trung Phong đại sư dùng hai khái niệm đặc thù của tông Thiên Thai: Bản và Tích. Bản là cái gốc, chỉ cho bản thể, chân tâm bản tánh, Phật tánh, chân như... Tích là những gì biến hiện từ Bản. Sách vở tông Thiên Thai thường giảng Bản như mặt trăng, Tích như bóng trăng hiện trong nước; hoặc nói Tỳ Lô Giá Na là Bản, Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà là Tích. Ở đây, tướng chúng sanh sanh diệt là Tích, còn chư Phật tịch diệt là Bản. Lời giảng của Hòa Thượng Tịnh Không không ngoài những ý này.

法性湛然者。靈明湛寂。玄妙真常。箇箇不無人人本具。

(*Pháp Tánh trạm nhiên là linh minh trạm tịch, huyền diệu chân thường, không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ*)

Đoạn này giảng thật hay! Đoạn này vô cùng khó hiểu. “*Pháp Tánh*” là Phật Tánh, là chân tâm của chúng ta, là bản tánh của chúng ta. Chúng ta phải hiểu “*trạm nhiên*” là gì? Là thuần tịnh! Chỉ có thể nói như thế này để hình dung: Không nhiễm ô mảy may, không dao động mảy may, bất sanh, bất diệt. Trung Quán Luận nói đến “*bát bất*”: bất lai, bất khứ, bất thường, bất đoạn, bất cấu, bất tịnh (không đến, không đi, không thường còn, không đoạn diệt, không dơ, không sạch). Đại Thừa Phật pháp đem hết thảy những hình dung từ ấy gộp thành pháp môn Bát Nhị. Bát Nhị có nghĩa là không có gì đối đãi, phạm phu chúng ta nói là “*tương đối*”. Trong Pháp Tánh không có tương đối. Không những trong Pháp Tánh chẳng có tương đối mà trong Pháp Tánh từ trước đến nay không khởi tâm động niệm, từ trước đến nay không phân biệt, chấp trước. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật nói “*thanh tịnh bản nhiên*”, “*diệu minh chân tâm*”, nó vốn sẵn là như vậy.

“*Linh minh trạm tịch*” là tánh đức, nó vốn sẵn là như vậy; không những “*linh*” mà còn “*minh*” nữa! Do đó, trong phần khai thị của thời thứ hai, thiền sư Trung Phong nói đến Linh Tri Tâm. Linh Tri Tâm là Pháp Tánh, là Chân Tâm, là Chân Như, là Bản Tánh, là Bản Giác, còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa. Một sự việc mà đức Phật gọi bằng mười mấy danh từ, vì sao lại nói như vậy? Một mặt nhằm hiển thị đức năng của tâm tánh là vô lượng vô biên, mặt khác nhằm dạy chúng ta chớ nên chấp trước, biết những danh từ ấy đều nhằm chỉ một sự việc. Vì sao? Lia vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị mới tự chứng được. Nếu quý vị vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ vĩnh viễn chẳng thể chứng đắc. Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn mê hoặc, vĩnh viễn bất giác. Pháp Tánh linh minh là như kinh Đại Thừa thường nói: Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, thấy - nghe - hay - biết; “*linh minh*” là nói đến sự thấy - nghe - hay - biết ấy. Nó vốn sẵn có năng lực đó.

Như hiện thời, tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh trên nước, phát hiện nước có khả năng thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người. Con người có thiện ý đối với nước hoặc là có ác ý đối với nó, nó có thể cảm nhận, chứng tỏ nước có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Nước thuộc về khoáng vật, do khinh khí (hydrogene) và dưỡng khí

(oxygene) hợp thành. Nếu quý vị tách nước ra, tách thành khinh khí và dưỡng khí thì nước không còn nữa. Vậy mà thừa cùng quý vị, nguyên tử khinh khí và dưỡng khí vẫn đầy đủ [khả năng] thấy - nghe - hay - biết. Điện tử (electron) và hạch tử (nuclear) hợp thành nguyên tử. Mỗi một điện tử và nguyên tử cũng có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Nếu lại tách ra nữa, chia chẻ thành lạp tử (lepton và những hạt nhỏ hơn nữa) thì mỗi một lạp tử vẫn thấy - nghe - hay - biết. Vì sao? Pháp Tánh trạm nhiên mà!

Như vậy, toàn thể vũ trụ, kể cả hư không, hết thảy chúng sanh trong hư không thế giới, bản thể của nó là Pháp Tánh. Bản năng của Pháp Tánh nhất định không bị mất đi, bản năng của Pháp Tánh là linh minh giác tri, cũng tức là thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, chúng ta có thể biết là hết thảy vạn sự, vạn vật trong vũ trụ đều có thể thấy - nghe - hay - biết, chứ không riêng gì nước. Hiện thời, rất nhiều đồng học làm thí nghiệm, [nhận thấy] hoa quả, cây cối cũng thấy - nghe - hay - biết. Đối xử tốt với chúng thì lá đặc biệt xanh, hoa đặc biệt thắm, đặc biệt thơm. Nó đền đáp mình. Đối với nó bất thiện, nó gục đầu ủ héo úa, hết còn thơm tho, vẻ rực rỡ cũng mất tiêu. Chúng hiểu thiện ý của con người, có thấy - nghe - hay - biết, chúng có Pháp Tánh. Vì sao lại có hiện tượng ấy? Trong kinh đức Phật giải đáp rất hay: “*Pháp nhĩ như thị*”, nghĩa là chúng vốn sẵn như vậy. Nay chúng ta thâm nhập kinh tạng một chút bèn hiểu rõ. Bởi lẽ, Thể của chúng là Pháp Tánh, Pháp Tánh vốn sẵn có đầy đủ năng lực ấy, năng lực ấy nhất định chẳng bị mất đi; năng lực ấy trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, nói là nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, “*linh minh trạm tịch*”.

“*Huyền diệu chân thường*”: Thực sự không có cách chi để tưởng tượng được nổi thì đó là “*huyền diệu*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Chân. Thường là vĩnh hằng, không giả, bất sanh, bất diệt, vĩnh viễn tồn tại. Đó là chân tánh, chân tâm, hay bản lai diện mục của chúng ta. Tông Môn thường nói: “*Bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, bản lai diện mục (diện mạo sẵn có) là Pháp Tánh.

Hai câu kệ đó nói tuyệt hay, “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ). “*Nhân nhân bốn cụ*” ý trong loài người chúng ta, không một ai chẳng có đủ. “*Cá cá bất vô*” ý nói toàn thể vũ trụ, bất luận hư không, bất luận pháp giới, bất luận cõi nước – nay chúng ta gọi cõi nước là tinh cầu, là tinh hệ, đó là cái lớn; cái nhỏ là vi trần. Đúng như kinh Lăng Nghiêm bảo là “*chư pháp sở sanh*” (các pháp

được sanh), chữ “*chư pháp*” chỉ hết thấy các pháp trong vũ trụ: hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh, hết thấy các pháp, “*chỉ do tâm hiện*”, tâm ở đây là Pháp Tánh, [tất cả các pháp ấy đều] do tâm tánh biến hiện. Đức Phật lại nói tiếp: “*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Tâm ấy là Pháp Tánh, Thế của nó là gì? Thế là Pháp Tánh. Pháp Tánh vốn sẵn đầy đủ linh tri, há có thứ gì không linh? Há có thứ gì không tri (biết)? Tri chính là giác! Như vậy, hết thấy pháp đều có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết.

Người chết đi, mới chết chưa lâu, thần thức vẫn có thể thấy - nghe - hay - biết. Vì sao? Thần thức do Pháp Tánh biến hiện ra. Dù thần thức tách lìa [thân thể], thân thể không hít thở nữa, tất cả mọi bộ phận đều ngưng vận hành, nhưng mỗi tế bào trên thân thể ấy vẫn còn thấy - nghe - hay - biết, vì sao? Mỗi tế bào là một vật thể, vật thể ấy lấy tâm làm Thế. Ta dùng thiện ý đối đãi chúng, chúng sẽ đáp ứng tốt lành. Dùng ác ý đối với chúng, chúng sẽ đáp ứng xấu ác. Do vậy, chúng ta dùng thiện ý đối với người mất, chúc phước cho người ấy, người ấy sanh trong ba đường lành; dùng ác ý đối với người ấy, người ấy bèn phản ứng ác, sanh vào ba đường ác.

Bởi thế, người chết qua đời, chúng ta thường nói là “tắt thở”, trong tám tiếng đồng hồ chẳng được đụng chạm người ấy. Vì sao? Đụng vào người ấy, người ấy vẫn còn cảm giác, cảm giác đau khổ. Đau khổ bèn sanh tâm sân hận. Đó là một tin tức không tốt, người ấy sẽ có phản ứng không tốt, người ấy chịu quả báo trong tam đồ. Vì thế, trong tám tiếng, tốt nhất là mười hai tiếng, chớ có đụng chạm đến, ngay cả giường cũng đừng đụng vào. Chúng ta ở bên cạnh niệm Phật giúp cho người ấy, trợ niệm. Một câu A Di Đà Phật như mọi người đều biết là tin tức tốt lành nhất, là tin tức thù thắng nhất. Nếu người chết hoàn toàn tiếp nhận tin tức ấy, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy thành công rồi! Nếu người ấy phiền não tập khí quá nặng, dẫn mọi người trợ niệm, người ấy vẫn không có ý niệm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy vẫn không có ý niệm như vậy, nhưng không bị đọa trong ba ác đạo. Sự thật là như thế, đạo lý là đây, chúng ta chẳng thể không biết. “*Cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (Không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

A! Bữa nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 43

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong, tức phần khai thị trong thời thứ nhất.

Chỉ nhân tối sơ bất giác, hốt nhĩ động tâm, nhận vọng vi chân, mê kỷ trục vật. Do thị nghiệp vãng khiên triền, lưu chuyển ngũ đạo. Hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm, cẳng cố chí kim nhi mị gián.

只因最初不覺。忽爾動心。認妄為真。迷己逐物。由是業網牽纏。流轉五道。恆隨生死以升沉。亙古至今而靡間。

(Chỉ vì thoát đầu bất giác, đột nhiên động tâm, tưởng vọng là chân, mê mất bản thân, chạy theo vật dục. Do vậy, lưới nghiệp quán trôi, lưu chuyển trong năm đường. Luôn thăng trầm theo sanh tử, suốt từ xưa đến tận nay chưa hề gián đoạn).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong phần trước, thiền sư dạy chúng ta về chân tướng sự thật của Pháp Tánh và nghiệp quả; đồng thời lại giảng: Pháp Tánh linh minh trạm tịch, không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ. Chúng tôi nói: Nơi hoàn cảnh y báo, đặc biệt là tại thực vật và khoáng vật [Pháp Tánh ấy cũng thể hiện sự linh minh trạm tịch]; trên thực tế, điều rõ ràng nhất là thân thể chúng ta cũng là y báo, vì sao? Thân thể là cái được hiện, cái được biến, so với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ bên ngoài là vật chất, thì vật chất nơi thân thể và vật chất bên ngoài không khác gì nhau. Kinh Kim Cang nói tới “*nhất hiệp tướng*” chính là đã giảng rất rõ, rất minh bạch.

Nếu nói theo học thuật hiện tại thì “*nhất*” là lap tử cơ bản. Tất cả hết thảy vật chất đều do những hạt này hợp thành. Nhưng lap tử cơ bản rốt cuộc là gì vậy? Hiện thời, [khoa học] chưa phát hiện được, vẫn khó nói lắm. Nay khoa học đã phát hiện điện tử, nguyên tử, lap tử; lap tử có còn chia chẻ ra được nữa hay không? Trên mặt lý luận thì sự chia chẻ ấy vĩnh viễn bất tận, nhưng trên thực tế, khoa học kỹ thuật mới chỉ đạt đến mức độ này: Hiện thời, vật chất nhỏ nhất được phát hiện được gán cho cái tên là “*khoa-khắc*” (quark)³⁴. Còn có thể tách nó ra nhỏ hơn nữa

³⁴ Khoa-khắc (quark): Tuy khoa-khắc là lap tử cơ bản nhỏ nhất cấu thành vật chất, nhưng hầu như không bao giờ thấy chúng tồn tại độc lập. Quark thường kết hợp thành những cấu trúc lớn hơn gọi là hardron (cường tử). Quark do Murray Gell Mann và George Zweig phát hiện vào năm 1964.

được không? Các nhà khoa học chẳng dám quyết đoán. Vì sao? Khoa học kỹ thuật tiến bộ không ngừng. Trên mặt lý luận, đương nhiên là có thể chia nhỏ được. Những thứ này đều là các thứ được hiện, được biến, đúng là “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

Vật thể dù nhỏ đến đâu, cho dù nó là căn bản của hết thủy vạn vật trong toàn thể vũ trụ, tức là hết thủy vạn vật đều do nó hợp thành, thì nó vẫn có Pháp Tánh. Phải biết điều này: Nó có Pháp Tánh. Pháp Tánh trạm nhiên, chẳng biến đổi mảy may. Vậy thì rốt cuộc cái gì đã biến đổi chúng ta? Trong kinh Lăng Nghiêm có một đoạn Văn Thù Bồ Tát giảng rất khéo, tức là trong phần Tuyền Trạch Viên Thông (chọn lựa pháp Viên Thông), Ngài đã nói:

*Giác hải tánh trừng viên,
Viên trừng giác nguyên diệu,
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập chiếu tánh vong.*
(Tánh biến giác trong lặng, viên mãn,
Tánh giác tròn lặng vốn mâu nhiệm,
Tánh nguyên minh chiếu, sanh ra Sở,
Sở đã lập, tánh chiếu liền mất³⁵).

Đây là nói: Vô minh do đâu mà khởi? Cũng là do vọng tưởng. Vọng tưởng khởi lên như thế nào? Cũng chính trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch [như thế này]:

Tôn giả Phú Lô Na hỏi đức Thế Tôn: “Vi sao lại có vọng tưởng? Vọng tưởng khi nào sanh?” Vọng tưởng ấy là vô minh căn bản. Đức Thế Tôn đáp rất hay: “*Đó là do một niệm vọng giác*”. Chúng ta phải chú ý chữ “*vọng*”. Vọng (妄) là không thật, nhưng vọng là do mê chân mà sanh ra, quý vị chẳng thể nói là nó không có, cũng chẳng thể nói nó là có. Đức Thế Tôn nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ nơi tri kiến,

³⁵ Trong Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã giảng đoạn này như sau: “*Nguyên minh là chẳng sanh tác dụng soi chiếu sai lầm, đây gọi là bốn minh (vốn sẵn sáng suốt), trọn chẳng có một vật mảy may nào. Nay từ tánh nguyên minh ấy sanh tác dụng chiếu soi (nhận biết sự vật) một cách lầm lạc, nên Chiếu ấy là vọng chiếu! ‘Sanh Sở’: Do vọng chiếu nên mới có Vọng (mê lầm) được sanh ra. Do vọng cảnh là đối tượng của Chiếu đã được tạo lập nên tánh chân chiếu liền mất (tức là có đối đãi, thấy có Năng Chiếu và Sở Chiếu), nên mới nói: “Sở lập, chiếu tánh vong”.*

lại lập ra một cái biết nữa thì đó là cái gốc của vô minh)³⁶. Lời giảng của Văn Thù Bồ Tát có cùng ý nghĩa với lời Phật dạy: “*Nguyên minh chiếu sanh sở*” tức là đối với “*tri kiến*” (tức đức năng sẵn có của tâm tánh) lập ra [quan niệm hư vọng] ta có thấy biết (kinh gọi quan điểm hư vọng ấy là “*lập tri*”). “*Sở lập, chiếu tánh vong*” chính là gốc của vô minh. Lập thành cái biết! Không thể lập! Phật pháp Đại Thừa thường nói: “*Nhất pháp bất lập*” (một pháp chẳng lập), hề lập một pháp là mê, một pháp chẳng lập sẽ rất tự tại. Một pháp không lập thì quý vị hoàn toàn nhất trí với Pháp Tánh, cùng một Thể, một Tướng, một Lực Dụng với Pháp Tánh. Đây chính là chư Phật Như Lai, đặc đại tự tại, vô chương, vô ngại, nhập pháp giới vô chương ngại, cảnh giới vô chương ngại. Quyết định chẳng thể lập, hề lập là hỏng!

Vì thế, Bồ Tát nói “*sở lập, chiếu tánh vong*” (do có quan niệm hư vọng về “*tri kiến*” (ta biết, ta thấy) được thành lập, nên phải có cái được biết, cái được thấy hình thành. Những đối tượng [được biết, được thấy, được cảm nhận] ấy gọi là Sở. Sở đã có thì thành ra đối đãi, cho nên tánh Chiếu, hay còn gọi là linh tri bị mất đi). Tánh của Chiếu là linh tri, linh minh trạm tịch. [Do đã có Năng và Sở đối ứng với công năng Chiếu chân thật trong tánh] nên “linh minh trạm tịch” (tức đức năng sẵn có chân thường của tánh, không hề bị sai lệch bởi vọng tưởng) bèn bị mất đi, sanh ra những biến đổi³⁷. Giống như thí nghiệm nước kết tinh vậy, nó sanh ra những biến đổi không đúng đắn, bình thường. Nếu đúng đắn, bình thường thì phải đẹp đẽ tốt bậc, xinh đẹp chẳng thiếu khuyết mảy may. Một niệm của chúng ta vừa dấy động, nước bèn sanh ra những biến hóa. Dầu [những biến hóa ấy] vẫn rất đẹp đẽ, nhưng so với sự đẹp đẽ vốn có đã bị sai khác rất lớn. Càng mê sâu hơn, càng biến thành xấu xí

³⁶ Sở dĩ là vô minh vì chữ ‘tri kiến’ ở đầu câu này nói về năng lực sẵn có bản tánh (thường gọi là ‘bản năng’ hay tánh đức), tánh có thể nhận biết thông suốt mọi sự vật, hiện tượng, không cần phải thông qua suy lường, phân biệt. Nếu đối với những đức năng sẵn có của tâm tánh ấy lại khởi lên ý niệm suy lường, phân biệt, cho là ta có cái tâm nhận biết, có đối tượng được nhận biết bởi ta, tức là hư vọng lập ra quan niệm ‘ta thấy, ta biết’, thì đó gọi là ‘lập tri’. Do đã có hư vọng, vọng tưởng xen vào nên đức năng thanh tịnh sẵn có của tâm tánh bị khuất lấp, những thứ đó là gốc rễ tạo ra vô minh.

³⁷ Do có phân biệt đối đãi, vọng tưởng, ta người v.v... nên những ý niệm hư vọng, phân biệt, chấp trước ấy sẽ che lấp đức năng sẵn có của chân tánh khiến cho ta luôn nhìn nhận, cảm thụ sự vật qua lăng kính vọng tưởng, không thấy sự vật đúng với bản chất của nó. Do vậy, không còn thuộc trong Nhất Chân pháp giới nữa mà trở thành mười pháp giới, lục đạo luân hồi. Vì thế, nói là ‘sanh ra những biến đổi’.

hơn. Pháp Tánh tùy duyên mà!

Hễ mê là xong rồi, “*mê vọng hữu hư không*” (do mê vọng nên có hư không), Văn Thủ Bồ Tát giảng như vậy đây. Hư không từ đâu mà có? Do mê vọng mà có. “*Y không lập thế giới*” (nuơng vào hư không tạo thành thế giới), thế giới do đâu mà có? Thế giới từ trong Không mà sanh ra. Không là Vô, vô trung sanh hữu, sanh ra thế giới. “*Tưởng trù thành quốc độ*” (Tưởng lắng đọng thành cõi nước); Tưởng (想) ở đây là vọng tưởng, vọng tưởng ngưng tụ biến thành vật chất. Vật chất là gì? Nói theo cách bây giờ, vật chất là do tinh thần ngưng tụ, biến thành. Vật chất là tinh thần; vật chất chính là Pháp Tánh đang được nói đến ở đây. Pháp Tánh ở tại đâu? Vật chất là Pháp Tánh, [vọng tưởng] ngưng tụ bèn biến thành Pháp Tánh, vô tướng biến thành hữu tướng; do đó, Có là do Không mà có. Dù hiện tướng, biến thành vật chất, nhưng bản năng (những năng lực, đức năng sẵn có) của Pháp Tánh không bị mất đi, vĩnh viễn chẳng bị hư mất. Bản năng của Pháp Tánh là gì? Chính là linh tri! Kinh Đại Thừa gọi linh tri là thấy - nghe - hay - biết! Bởi vậy, thứ gì cũng đều có thấy - nghe - hay - biết!

Trên thân thể của chúng ta, nay ta gọi là tế bào (tế bào hãy còn lớn lắm), chẳng biết có bao nhiêu tế bào (theo thuật ngữ Phật pháp là “*vi trần*” và Cực Vi Vi), Cực Vi Vi³⁸ ngưng tụ thành tế bào. Mắt thịt của chúng ta không thể thấy được Cực Vi Vi, nói thật ra, chúng ta cũng không hiểu được, nhưng rất nhiều Cực Vi Vi nhóm lại một chỗ sẽ hình thành một tế bào. Chúng ta có thể thấy và hiểu tế bào. Tế bào có linh tánh hay không? Có chứ! Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, quý vị phải khéo đối đãi nó.

Thế nào là khéo đối đãi? Tâm thiện! Tế bào thuận theo ý niệm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh), “*tướng tùy tâm chuyển*” (tướng chuyển theo tâm), “*nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (nếu chuyển được vật thì giống với Như Lai). Những câu nói này hết sức quan trọng! Chỉ cần quý vị nắm được những câu này, sẽ thực sự hiểu rõ, thực sự biết dùng. Tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ và hành vi đều thiện thì tất cả tế bào trên toàn thân sẽ phản ứng đúng mực. Chúng ta thường nói là “*thực sự hiểu được đạo dưỡng sanh*”! Tuổi cao cũng không sao, vẫn có thể phản lão hoàn đồng. Có thực sự làm được

³⁸ Cực Vi Vi là sắc chất nhỏ nhất, thường gọi là Lân Hư Trần. Nếu chia chẻ Lân Hư Trần ra nữa thì không còn gì nữa, do vậy gọi là Lân Hư (gần với hư không).

như vậy hay chẳng? Thực sự được! Quý vị đã hiểu thì sẽ dùng tâm tưởng để khôi phục tất cả những khí quan và tế bào trên thân thể hòng trở lại tuổi trẻ, khôi phục sự bình ổn, khôi phục sức khỏe, về lý vốn là như vậy. Nếu không hiểu thì sao? Không hiểu thì chính mình tàn hại chính mình mà thôi! Tàn hại như thế nào? Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, tự mình tàn hại mình, tự mình hủy diệt thân thể của chính mình!

Tôi chỉ giảng tới đây thôi, không giảng thêm nữa, càng giảng mọi người càng không hiểu, sợ rằng càng nghe càng mê thêm. Tôi nói đến đây, nếu quý vị lãnh hội được sẽ rất có ích. Lời khai thị này hay lắm! Ngài Trung Phong là bậc tái lai, trọn chẳng phải là phạm nhân. Trong đoạn văn này, Ngài khai thị vì đâu chúng ta thành ra nông nổi này:

“*Chỉ nhân tới sơ bất giác*” (chỉ do thoát đầu bất giác): “*Tới sơ*” là thời gian nào? Đừng hỏi ai khác, nếu hỏi ai khác lại càng khởi vọng tưởng! Nếu quý vị đi tìm coi “*tới sơ*” là lúc nào thì trong vọng tưởng lại tăng thêm vọng tưởng; chẳng thể chuyển biến vọng tưởng, chẳng thể hóa giải. Nói thật ra, thưa cùng quý vị, thời gian là giả, không thật! Giáo pháp Đại Thừa nói thời gian không có khởi đầu, mà cũng không có kết thúc. Nếu nói có khởi đầu, có kết thúc thì là thật, không còn giả nữa. Do vậy, nói thời gian chẳng có khởi đầu chẳng có kết thúc thì nó là giả, không thật. Đầu cũng vậy, mà cuối cũng vậy, thấy đều là nhất niệm. Thế nhưng rất ít ai hiểu được chân tướng sự thật, những điều này đều là chân tướng sự thật.

“*Tới sơ bất giác*” là một niệm hiện tiền bất giác. Cổ nhân nói “*tới sơ nhất niệm bất giác*”, nói “*tới sơ*” cũng rất hợp lý. Chúng ta không hiểu lời này, cứ tưởng “*tới sơ*” là quá khứ, quá khứ xa xôi hơn nữa, hiểu lầm mất rồi! Chẳng hiểu ý của người ta! “*Tới sơ*” là lúc thoát đầu của một niệm, lúc thoát đầu của một niệm hiện tiền. Cái “*tới sơ*” ấy khoảng chừng một phần ức vạn giây, hoặc một phần ức ức vạn giây, không có cách gì nhận biết được. Đó là một niệm bất giác. Bất giác là gì? Chính là quý vị động, tức tâm quý vị động vậy.

Nếu quý vị nhìn vào tự tánh thì Pháp Tánh của tự tánh là trạm nhiên, trạm nhiên là bất động. Trong phần trên, [thiền sư Trung Phong] đã giảng: “*Vô sanh giả, tức chư Phật tịch diệt chi bản dã*” (Vô sanh là tâm tánh tịch diệt của chư Phật), tịch diệt là bất động, đó là Pháp Tánh. Vốn bất động, bất động là thật. Nếu quý vị động thì động là vọng. Động gọi là “*vọng động*”. Sự động ấy cực kỳ vi tế, đừng nói là bọn phạm phu chúng ta không nhận biết được, ngay cả bậc Đại Thừa Bồ Tát từ Thất

Địa trở xuống cũng chẳng thể biết được, Bát Địa mới cảm nhận được. Vừa động tí ti, Bát Địa Bồ Tát nhận biết liền. Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất Động Địa là vì “động” dù cực kỳ vi tế Ngài vẫn cảm nhận được; thoát động liền biết ngay. Đến Quả Địa Như Lai mới thực sự là tịch diệt, hoàn toàn bất động, khôi phục bất động. Toàn thể đại dụng (tác dụng to lớn) của Tánh Đức hiện tiền viên mãn, cảnh giới trong quả địa Như Lai mà! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh, cực kỳ vi tế, toàn thể đại dụng vẫn còn thiếu một phần. Do vậy, chúng ta bèn hiểu rõ: Chư Phật, Bồ Tát dạy con người tu hành tám vạn bốn ngàn pháp môn hay vô lượng pháp môn là tu gì vậy? Tu bất động!

Trong phần trên, khi giảng kinh Di Đà, chúng ta thấy danh hiệu của chư Phật nhằm biểu thị pháp. Vị Phật thứ nhất ở phương Đông trong chư Phật sáu phương là Bất Động Phật. Vừa mở đầu đã hiển thị: Bất Động là chân, còn Động là vọng. A Súc Bệ Phật là Bất Động Phật; vì sao quý vị phải khởi tâm động niệm trong hết thảy cảnh giới? Đây chính là nguyên nhân khiến quý vị đọa lạc, luân hồi, khiến cho cả đời này nơi nào quý vị cũng gặp chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Là vì quý vị động. Nếu quý vị bất động, sẽ không có chướng ngại. Chúng ta thấy vì sao Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai trong Hoa Tạng, trong thế giới Cực Lạc đều là pháp giới không chướng ngại; Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại? Pháp giới vốn không chướng ngại là vì lẽ nào? Là vì không động tâm, không động niệm. Cớ sao mình lại động niệm?

Như vậy, nói tới khởi tâm động niệm thì khởi tâm động niệm là vô minh, tức vô thi vô minh. Quý vị có hiểu “vô thi” nghĩa là gì hay không? Chư Phật, Bồ Tát dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật của vũ trụ, trọn chẳng gây khó dễ, hoàn toàn không đàm huyền thuyết diệu, không nói những gì chúng ta chẳng hiểu. Nếu không, làm sao gọi là “từ bi” cho được? Các Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch, lại còn giảng hết sức nông cạn, dễ hiểu. Nói “*vô thi vô minh*” tức là không có khởi đầu, cái khởi tâm động niệm hiện tiền của quý vị có khởi đầu hay chẳng? Nếu hiện tại quý vị chẳng khởi tâm động niệm thì quý vị đã thành Phật rồi, Sự Sự vô ngại mà!

“*Bất giác*” là khởi tâm động niệm, giác tâm bất động, vô minh vọng động, cho nên vừa động bèn bất giác. Giống như nước, dùng nước làm tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu. Nước đứng lặng thì mặt nước không có một tí sóng gợn nào, mặt nước giống như một tấm gương, bất động! Lúc ấy, nó sẽ in bóng cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Giác là giác chiếu, rõ

ràng ràng rẽ. Nếu động thì nước vừa động bèn gợn sóng, tuy gợn sóng nước vẫn có thể chiếu, nhưng chiếu không rõ ràng, mê rồi! Do vậy, chúng ta cúng dường Phật, Bồ Tát thì vật cúng dường quan trọng nhất là gì? Chính là một chén nước. Tôi thường dạy người khác: Chén đựng nước cúng Phật tốt nhất là chén pha lê; nay có người dùng chén bằng thủy tinh cũng rất tốt, nó trong suốt, quý vị thấy rất rõ ràng.

Hãy học bất động như nước, học thanh tịnh như nước, không ô nhiễm mảy may, không lay động mảy may, đó là Phật! Phạm phu và Phật khác biệt ở chỗ này. Tâm phạm phu động, tâm phạm phu nhiễm ô, nay chúng ta gọi sự nhiễm ô ấy là “tâm ghi ấn tượng”. Trong tâm họ có tham - sân - si - mạn; có những thứ ấy là nhiễm ô. Trong chân tâm không có những thứ ấy, không có tự tư, tự lợi, không có danh văn, lợi dưỡng, không có tham - sân - si - mạn, không có ghen ghét, đố kỵ. Những thứ ấy đều là hư vọng. Nói rõ ràng nhất, trong chân tâm không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm là vọng tâm. Tâm thủy vừa gợn sóng bèn dậy gió cảnh giới, cảnh giới là hoàn cảnh bên ngoài. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn bị động, vậy là xong rồi!

Phật, Bồ Tát cao minh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài giống như tấm gương chiếu mọi vật, chiếu rất rõ ràng ràng rẽ. Gương quyết định không phân biệt, quyết định không chấp trước, trong trẻo hơn mọi thứ, chẳng mê hoặc chút nào, Huệ đấy! Như Như bất động, đó là Định! Định và Huệ đều đạt đến viên mãn rõ ràng, Định và Huệ là một không hai. Định chính là Huệ, Huệ chính là Định. Đây chính là con người thật của chúng ta, trong Tông môn gọi là “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”; nó chính là con người thật của chúng ta. Học Phật không có chi khác, chỉ là tìm cho ra, khôi phục bản lai diện mục của chính mình mà thôi.

Bổn tánh trạm tịch là Căn Bản Trí, bổn tánh tịch chiếu là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Trạm tịch là không biết, Bát Nhã không biết, giác chiếu là không gì chẳng biết. Không gì chẳng biết nhưng tâm vẫn định, nhất định chẳng khởi tâm động niệm, nhất định không có phân biệt, chấp trước. Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là xong, đọa lạc mất rồi, thành phạm phu mất rồi. Bởi thế, “*tối sơ bất giác*” chỉ vì bất giác tâm bị động, không còn tịch nữa, “*nhận vọng vi chân*” (tưởng vọng là chân), phiền phức ngay! Vọng là gì? Vọng là cái được hiện, cái được biến. Coi cái được hiện, được biến là thật; không biết cái làm chủ thể biến hiện (năng biến, năng hiện) mới là thật, cái

được hiện, được biến là hư vọng, phiền toái rất lớn, “*tưởng vọng là chân*”.

“*Mê kỹ trọc vật*” (mê mất chính mình, chạy theo vật dục), Kỹ (己) là chính mình. Thế nào là chính mình? Cái tâm năng hiện, cái thức năng biến là chính mình, tánh thức là chính mình; còn cái được hiện, được biến không phải là chính mình. Chúng tôi dùng những tỷ dụ thô thiển để giảng giải: Thân thể của chúng ta là chính mình, y phục ta mặc không phải là chính mình. Y phục do chúng ta làm ra, tự ta mặc vào thân, Phật pháp gọi nó là Ngã Sở (cái của ta). Thân là Ngã, vật ngoại thân là Ngã Sở Hữu (cái mà ta có). Mọi người biết rành chuyện này. Nay tôi bảo cùng quý vị, thân ta cũng là Ngã Sở Hữu, cái có thể hiện, có thể biến ra thân ta mới là Ngã. Nó không có hình tướng, vô hình, vô tướng, nhưng thực sự có, chẳng phải là không có. Phật pháp gọi nó là Chân Tâm hay Bồn tánh; ngay cả hư không cũng do nó biến hiện ra, hư không cũng là cái được hiện, được biến.

“*Mê kỹ trọc vật*”: “*Trục vật*” (chạy theo vật) là vọng tâm, không phải là chân tâm. “*Trục vật*” thường được hiểu là bị cảnh giới chuyển, đó là phạm phu. Người giác ngộ chuyển được cảnh giới. Ví dụ rõ ràng nhất là thân thể của chúng ta, đối với người thực sự giác ngộ thì thân thể này sẽ chuyển theo Pháp Tánh của chính mình, chuyển được vật! Chuyển theo Pháp Tánh thì không những thân thể này không già, không bệnh, hoàn toàn chẳng có sanh - lão - bệnh - tử, mà còn chẳng có những chuyện ba khổ hay tám khổ! Đâu có những chuyện ấy! Người thế gian có những nỗi khổ là vì đâu? Vì bị cảnh giới xoay chuyển, không chuyển được cảnh giới, đó là “*mê kỹ trọc vật*” (mê mất chính mình, đuổi theo vật dục). Chuyển không được cảnh giới thì chắc chắn bị cảnh giới chuyển, không có con đường thứ ba. Chư Phật, Bồ Tát chuyển được cảnh giới, lực đạo phạm phu bị cảnh giới chuyển. Vì bị cảnh giới chuyển nên mới có sanh - lão - bệnh - tử, mới có nào là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Cầu Bất Đắc (cầu mong mà không được thỏa ý), Oán Tắng Hội (chán ghét mà cứ phải gặp gỡ), mới có những chuyện như thế. Hễ bị cảnh giới chuyển thì phiền phức lớn lắm!

Bị cảnh giới chuyển nhưng người ta cứ nghĩ mình bị mạng vận chuyển, tức là nói trên phương diện hoàn cảnh thì là “bị Phong Thủy chuyển”, quý vị không có cách gì vượt thoát vận mạng, không có cách gì vượt thoát Phong Thủy! Thế nhưng người thực sự giác ngộ bèn có phước. Phước ấy tuyệt đối chẳng phải là phước như trong quan niệm thông thường của mọi người. Chúng ta không nghĩ ra, không thể nghĩ

bàn được [loại phước ấy], vì đó là [phước của] người thực sự giác ngộ. Vì sao? Người ấy chuyên được cảnh giới; cho nên “*phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (người có phước sống nơi phước địa, phước địa [ắt có] người có phước sống). Người có phước ấy chuyên được cảnh giới, người ấy đến sống ở một nơi nào thì núi, sông, đại địa, phong thủy nơi ấy cũng chuyên theo tâm người đó. Người ấy tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện thì núi, sông, đại địa không gì chẳng thiện, thảy đều thành thiện. Quý vị chẳng tin ư? Thế giới Cực Lạc chuyên như vậy đó, thế giới Hoa Tạng chuyên như vậy đó!

Thật ra, Hoa Tạng và Cực Lạc có khác gì địa cầu của chúng ta đâu! Không khác gì hết! Chỗ nào Phật, Bồ Tát ở, nơi đó thuần tịnh, thuần thiện. Do vậy, núi, sông, đại địa, hết thảy vạn vật, không thứ gì chẳng thuần thiện, thuần tịnh. Cư dân trên quả địa cầu này tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, nên núi, sông, đại địa thảy đều bất thiện; hiện tượng của bất thiện là thiên tai, nhân họa. Trời cũng chẳng giáng tai ương, người cũng chớ hề gây họa, đều là do nghiệp bất thiện chiêu cảm nên [những tai họa ấy] biến hiện ra, càng mê càng sâu hơn.

“*Do thị nghiệp võng khiên triền*” (do vậy, lưới nghiệp quẩn trời): Nghiệp do chính quý vị tạo tác. Ngày nay quý vị tạo tác thiện nghiệp, nhưng nói thật ra, [những thiện nghiệp ấy] cũng chẳng phải là thiện nghiệp thực sự. Vì sao? Cái thiện đó là thiện đối với ác! Phật pháp nói đến “chân thiện, chí thiện” thì chính là [nói tới] cái thiện nơi Pháp Tánh. Nay quý vị đã mê mất Pháp Tánh, nói cách khác, là mê mất “chân thiện, chí thiện”. Đã mê rồi thì những cái thiện trong tư tưởng và tâm tư quý vị hiện thời chỉ là thiện tương đối, tức là cái thiện trong vòng Thiện - Ác. Thông thường, cái thiện của người giác ngộ là Bản Thiện: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người ban đầu tánh vốn lành). Hết thảy chúng sanh bình đẳng, đúng như đại sư đã giảng ở đây: “*Cá cá bất vô, nhân nhân bản cụ*” (Không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ), vốn là Thiện. Thiện - ác như Mạnh Phu Tử và Tuân Phu Tử đã giảng là tập tánh, chứ không phải là bản tánh. Chúng ta hoàn toàn mê mất bản tánh, chúng sanh trong lục đạo nào ai biết đến bản tánh? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy biết đến bản tánh, nhưng chưa chứng đắc. Nếu chứng đắc bản tánh sẽ vượt thoát mười pháp giới, chúng ta thường gọi người như vậy là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc bản tánh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cảnh giới như thế đó.

Như vậy, chúng sanh trong lục đạo phiền toái lớn lắm, “*ngiệp võng khiên triền*” (lưới nghiệp trời buộc), nghiệp đã tạo vô lượng vô

biên, dày đặc, xen kín như lưới giăng. Có sao tạo lắm nghiệp đến vậy? Khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, đó là ý nghiệp. Ngôn ngữ nơi miệng, chúng ta nói quá nhiều những điều tệ hại! Những lời tệ hại là gì? Nói dối, nói dối chiêu, nói ác, nói thêu dệt. Từ sáng đến tối quý vị nói không ngừng; nếu đem những lời mình nói phân loại cẩn thận thì chẳng ngoài bốn loại lớn vừa nói trên đây. Người giác ngộ, người có đạo hạnh nói năng rất ít, tâm người ấy định, ngày nay chúng tôi giảng kinh thuyết pháp nói năng quá nhiều.

Khi xưa, chúng tôi thân cận Chương Gia đại sư, tôi ngồi cùng Ngài hai tiếng đồng hồ. Trong hai giờ ấy, những câu Ngài nói chúng tôi nhớ từng chữ một, tôi cho rằng không thể nhiều hơn năm trăm chữ được. Còn tôi trong một buổi giảng hai tiếng đồng hồ, những đồng học tham gia giảng diễn đều biết cả, nếu quý vị chép lại thành bản thảo thì sao? Tối thiểu là hai vạn chữ. Tôi và Chương Gia đại sư mỗi lần gặp nhau, mỗi Chủ Nhật gặp gỡ một lần, nếu ghi lại toàn bộ những lời Ngài nói trong hai tiếng đồng hồ thì không quá năm trăm chữ, khiến cho chúng tôi cảm thấy Ngài như đang luôn ở trong Định.

Ngài tặng cho tôi một bức ảnh, quý vị thấy đó, Ngài ở trong Định, bất luận lúc nào, quý vị đều thấy Ngài ở trong Định. Ngài đi rất chậm, động tác từ tốn, nói rất ít. Tôi chỉ thấy Ngài như thế này: Môi luôn máy động không ngừng, đại khái là trì chú theo cách Kim Cang Trì, động môi nhưng không phát ra tiếng. Ngài nêu gương tốt cho chúng ta thấy, tu hành thực sự như vậy. Nay chúng tôi hiểu rõ: Thực sự tu thì trong mười hai thời sáu chữ hồng danh liên tục không gián đoạn, đó là công phu thực sự, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Rất đáng tiếc, chúng ta bỏ lỡ tác bóng, suốt ngày từ sáng đến tối không biết niệm Phật, không biết nhớ Phật, niệm Phật, suốt ngày khởi vọng tưởng. Nói cách khác, suốt ngày từ sáng đến tối tạo nghiệp.

“*Nghiệp võng khiên triền*” (lưới nghiệp quấn trói), tức là quý vị tạo tác nên “*lưu chuyển ngũ đạo*” (lưu chuyển trong năm đường); đây là quả báo. “*Ngũ đạo*” là sáu nẻo luân hồi, vì sao gọi là “*ngũ đạo*”? Không kể đường A Tu La thì thiên đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, và ngạ quỷ đạo là năm đường. Vì sao không tính A Tu La? A Tu La trên cõi trời thì tính gộp trong thiên đạo, trong cõi người thì tính gộp vào nhân đạo, trong súc sanh thì gộp trong súc sanh đạo, trong đường ngạ quỷ thì gộp trong đường ngạ quỷ đạo. Kinh Lăng Nghiêm nói: Trong bốn đường ấy đều có A Tu La, địa ngục không có. Thông thường tính A Tu La thành một đường riêng, tức là thiên A Tu La, nhưng trên thực tế, có

thể tính gộp A Tu La vào nhân đạo lẫn thiên đạo. Do vậy, kinh Phật thường nói “*ngũ đạo*” hay “*ngũ thú*”, ngũ thú luân hồi, đều do nghĩa này. “*Lưu chuyển ngũ đạo*” là luân hồi, quả báo hiện tiền, luân hồi từ đâu mà có? Luân hồi do lưới nghiệp giăng mắc, nên quý vị mới lưu chuyển trong năm đường.

“*Hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm*” (luôn thăng trầm theo sanh tử) tùy theo quý vị tạo nghiệp thiện hay ác, đó là gì? Tập khí, tập tánh. Quý vị làm lành thì là hai đường trời - người; tạo ác thì súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ ba đường ác, vĩnh viễn lưu chuyển trong ấy. Vì sao? Tạo nghiệp trong khi đang thọ báo, do tạo nghiệp nên lại phải thọ báo. Quý vị hãy chú tâm quan sát liền nhận thấy sự tình phiền phức rất lớn, vì sao? Trong lục đạo khó thể vươn lên, đọa lạc rất chóng! Càng đọa càng sâu!

Nếu chúng ta chú tâm quan sát điều này sẽ chẳng khó hiểu chi. Quý vị nghĩ xem: Nay quý vị đã mấy chục tuổi rồi, hãy chú tâm suy tưởng, quan sát. Ta năm nay bảy mươi tuổi, xã hội lúc mình sáu mươi tuổi ra sao? Mười năm trước đó, lúc năm mươi tuổi lại như thế nào? Lúc bốn mươi tuổi, ba mươi tuổi, hai mươi tuổi, lúc mười tuổi. Quý vị cứ lấy mười năm mà so sánh sẽ nhận thấy điều gì? Khoa học kỹ thuật tiến bộ, nhưng luân lý đạo đức thụt lùi, lòng người thiện hay ác? Thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh bị suy thoái với một mức độ lớn. Chúng tôi nói thiện lương, thiện ý, thiện hạnh trong lòng người hiện tại không bằng người lúc mười năm trước. Người thuở mười năm trước không bằng người hai mươi năm trước, người hai mươi năm trước không bằng người ba mươi năm trước. Quý vị cứ nghĩ như thế bèn thấy đáng sợ thật, đời sau kém hẳn đời trước! Tương lai chúng ta phải bị đọa lạc đáng sợ lắm, phải chịu khổ trong ngạ quỷ, địa ngục.

Cũng thế, trong đường ngạ quỷ, trong đường địa ngục, con người hiện tại đọa lạc vào đây chịu khổ nếu so với những kẻ đọa địa ngục, đọa ngạ quỷ trước kia không biết là khổ sở hơn gấp bao nhiêu lần! Khổ do đâu mà có? Do nghiệp của chính mình chiêu cảm, chẳng phải từ bên ngoài đưa đến; do nghiệp chiêu cảm nên trong Phật pháp thường nói “*nhân quả chẳng không*”. Trong cuộc sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không dè dặt. Chớ mặc tình buông lung, kéo sau phải chịu khổ! Chẳng ai gánh chịu thay cho ta đâu! Không gì chẳng phải là tự mình làm, tự mình chịu, chẳng may liên can đến người khác. Nếu quý vị trách móc người khác thì là tội chồng thêm tội, khổ chồng thêm khổ, “*hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm*” (luôn thăng trầm theo sanh tử).

“*Cảng cổ chí kim nhi mị gián*” (suốt từ xưa đến nay chưa hề gián đoạn). “*Mị gián*” nghĩa là từ trước đến nay chưa hề gián đoạn, suốt từ xưa đến nay. Câu này nói về tình hình cuộc sống của chúng ta sau khi mê cho đến hiện tại. Ở đây, thiền sư Trung Phong chỉ nêu nguyên tắc, nếu chúng ta chú tâm suy tưởng quan sát, mới biết những hiện tượng ấy đáng sợ. Phải giải quyết vấn đề như thế nào? Ngày nay chúng ta học Phật không có gì khác, chỉ là nhằm giải quyết vấn đề này, muốn hiểu rõ chân tướng sự thật này. Không hiểu rõ chân tướng sự thật thì ý niệm muốn giải quyết vấn đề sẽ chẳng thể sanh khởi. Phải hoàn toàn hiểu rõ, thông suốt chân tướng sự thật thì mới biết vấn đề này phải giải quyết, không giải quyết không được!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Đương tri sanh tự duyên sanh, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu sanh. Diệt tự duyên diệt, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu diệt. Sở dĩ vân: “Pháp Tánh trạm nhiên”. Thị vị: “Sanh nhi vô sanh” giả dã.

當知生自緣生。而法性不與緣俱生。滅自緣滅。而法性不與緣俱滅。所以云。法性湛然。是謂生而無生者也。

(Nên biết: *Sanh tự duyên sanh*, nhưng *Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên*. *Diệt thì duyên tự diệt*, chứ *Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên*. Do vậy, nói: “*Pháp Tánh trạm nhiên*”. Đó là nói về: “*Sanh nhưng không sanh*” vậy!)

Đến đây, đại sư bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật. “*Đương tri*” là hãy nên biết. Tuy nói là hãy nên biết, nhưng lục đạo chúng sanh đều không biết. Vì sao không biết? Vì mê! Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian nhằm giúp đỡ chúng ta, tới cứu độ chúng ta. Công đức lớn lao bậc nhất là gì? Là giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Nỗi khổ luân hồi trong lục đạo là do mê, ai có thể cứu được? Phật, Bồ Tát có thể cứu được!

Do vậy, chỉ có Phật, Bồ Tát mới có thể làm chuyện từ thiện cứu tế triệt để nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Chẳng phải là quý vị không có gì ăn, bèn cho quý vị một chút thức ăn, quý vị không có áo mặc bèn cho

một ít y phục, quý vị không có nhà ở bèn xây cho quý vị mấy gian nhà để ở; người thế gian chúng ta bảo [hành động] đó là rất từ bi, là từ bi cứu tế. Phật, Bồ Tát không như thế! Phật, Bồ Tát muốn cứu quý vị thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, muốn cứu quý vị ra khỏi mười pháp giới, muốn giúp cho quý vị thành Phật, giúp quý vị vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các nỗi khổ thế gian. Sự nghiệp từ bi cứu tế lớn lao như thế, hết sức đáng tiếc là rất ít người thế gian biết được. Bậc đại thiện nhân như thế không ai nhận biết, dẫu không ai nhận biết nhưng Ngài vẫn thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi chúng ta, đó mới là từ bi đến cùng cực. Ngài không rời khỏi chúng ta, thời thời khắc khắc, vĩnh viễn không gián đoạn chăm sóc chúng ta. Chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên hiểu rõ, phải nên thấu hiểu chân tướng sự thật này.

Sanh là duyên sanh, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu sanh*” (nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên); diệt là duyên diệt, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu diệt*” (nhưng Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên). Chúng tôi đổi một chữ sanh diệt [thành “sống chết”] chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh là thân thể của chúng ta được sanh, diệt là thân thể này chết. Chúng tôi dùng “sống, chết” để nói chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh, đúng là duyên sanh. Thân thể của chúng ta do Tứ Đại, Ngũ Âm, các duyên hòa hợp tạo thành. Nói theo cách bây giờ thì thân thể này do rất nhiều khí quan, kinh mạch và tế bào hợp thành; nhưng tâm tánh của chúng ta không phải là những khí quan, không phải là kinh mạch, cũng không phải là tế bào, cái nào cũng đều không phải. Tâm tánh không phải là vật chất, vật chất có sanh diệt; tâm tánh của chúng ta không sanh diệt, điều này cũng rất khó hiểu.

Hiện thời nói chung quý vị nhờ vào Internet để tiếp nhận những tin tức của chúng tôi, hoặc là qua CD, qua băng thâu hình do chúng tôi chế tác, quý vị nhìn vào màn huỳnh quang của TV sẽ trông thấy tôi. Tôi dùng tỷ dụ này để giảng cho quý vị dễ hiểu. Màn huỳnh quang của computer hay máy truyền hình giống như Pháp Tánh, những hình ảnh hiện nơi màn hình là “*duyên sanh sanh diệt*” (sự sanh diệt do các duyên tụ tập hay tán hoại). Quý vị hãy nghĩ coi: Những hình ảnh hiện trên màn hình có sanh, có diệt, nhưng cái màn hình ấy có sanh diệt hay không? Không có! Lại dùng điện ảnh để tỷ dụ: Tôi cho rằng người hiện thời ai nấy đều đã từng coi phim, cái phong màn để chiếu phim giống như Pháp Tánh mà chúng ta đang đề cập ở đây. Những hình ảnh chiếu trên phong màn có sanh diệt, đó là duyên sanh. Vì thế, cái hiện tượng (tượng được hiện) này có sanh có diệt, còn cái phong màn có thể hiện ra hình tượng

(không có phong màn, hình ảnh không hiện được) thì không sanh, không diệt.

Từ những tỷ dụ này, quý vị thấu hiểu: Pháp Tánh giống như cái màn để chiếu phim, cái gì cũng không có, nhưng nó lại có thể hiện tướng, dấu hiện tướng, nhưng lại không nhiễm trước. Dùng chuyện này để tỷ dụ chân tâm rất hay! Có đôi chỗ tương tự! Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, chúng ta sẽ dụng tâm giống như cái màn để chiếu phim, mặc sức quý vị hiện tướng này nọ. Quý vị hiện tướng Phật, Bồ Tát rất tốt, mà hiện tướng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng tốt, không gì chẳng tốt, chắc chắn không phân biệt, chắc chắn không chấp trước, chắc chắn không nhiễm ô mảy may.

Có thể nói là hiện tại, quý vị ngày nào cũng phải tiếp xúc với màn huỳnh quang của máy truyền hình hay màn hình của computer, cái gì chúng cũng không có, nhưng cái gì cũng hiện được. Thế nhưng những máy móc ấy có thể hiện được là nhờ vào ngoại duyên, [vẫn là] duyên sanh. Sanh là hiện ra tướng, tướng chính là duyên sanh. “*Pháp Tánh bất dữ duyên câu sanh*” (Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên). Cái màn hình có thể hiện được hình ảnh ấy chẳng sanh cùng một lúc với hình ảnh, không phải thế. Diệt thì những hình ảnh trên màn hình đã hiện xong; tắt nguồn điện đi, không còn nữa, những tướng ấy diệt mất, không còn nữa, nhưng cái màn hình tuyệt đối chẳng bị tiêu diệt theo tướng ấy.

Như vậy, màn hình là bất sanh bất diệt, hình ảnh là hữu sanh hữu diệt. Hình ảnh chính là cảnh giới sáu trần bên ngoài hiện thời mà sáu căn của chúng ta tiếp xúc. Các căn của chúng ta lẫn cảnh giới bên ngoài đều là hữu sanh hữu diệt. Pháp Tánh có thể hiện tướng, nó là bất sanh bất diệt, giống như cái màn hình không có sanh diệt, nó vĩnh hằng, đó mới thực sự là mình. Nhà Thiền nói “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, đó mới thực sự là chính mình, không đâu chẳng tồn tại. Lại thưa cùng quý vị: Từ trước đến nay, nó không hề lay động. Pháp Tánh trạm nhiên, từ trước đến nay chưa từng lay động, từ trước đến nay chưa từng bị nhiễm ô, có đủ thấy - nghe - hay - biết.

Như vậy, [khả năng] thấy - nghe - hay - biết của con người chúng ta là do đâu mà có? Do Pháp Tánh mà có. Khả năng thấy - nghe - hay - biết của hết thấy vạn vật do đâu mà có? Cũng là từ Pháp Tánh. Không lạ lùng chút nào cả! Nó vốn sẵn là như vậy, kể cả hư không, nếu hư không chẳng thấy - nghe - hay - biết, nó sẽ chẳng thể truyền đạt sự thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có rất nhiều tín hiệu phải nhờ vào hư không để chuyển đi là vì hư không có thấy - nghe - hay - biết. Do đây biết rằng:

Toàn thể vũ trụ sống động, không phải chết cứng, sống động, hoạt bát. Quý vị thấy núi, sông, đại địa, cây cỏ, bùn cát, đá tảng dường như ù lì, không linh hoạt, chứ thật ra chúng linh động.

Văn Thù Bồ Tát nói: “*Tương trùng thành quốc độ*” (tương ngưng đọng thành cõi nước), nói theo ngôn ngữ hiện thời thì câu này có nghĩa là: Vật chất do đâu mà có? Ngài giảng rất rõ ràng: “*Tri giác nãi chúng sanh*” (Do tri giác bèn thành chúng sanh), câu này giảng rất hay: Hết thấy chúng sanh đều có tri, đều có giác, vì sao? Pháp Tánh đấy! Tại động vật thì gọi là Phật Tánh, tại thực vật và khoáng vật thì gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, đều là thấy - nghe - hay - biết. Chúng tôi hết sức cảm tạ những nhà khoa học, hiện tại họ dùng phương pháp khoa học chứng minh thực vật cũng thấy - nghe - hay - biết, khoáng vật cũng thấy - nghe - hay - biết. Điều này giúp chúng tôi lý giải, hiểu sâu thêm một tầng, giúp ích cho việc dạy dỗ của chúng tôi, có tác dụng rất lớn; đặc biệt là đối với chính bản thân chúng tôi. Trong quá khứ, bản thân chúng tôi nghiên cứu kinh giáo, thực sự không có chứng cứ khoa học. Chúng tôi tin tưởng là nhờ vào Thánh Ngôn Lượng³⁹, tức là thánh nhân chẳng lừa dối chúng ta [cho nên, những gì kinh điển Phật giáo đã nói chẳng phải là bịa đặt]. Sau đây, nhờ vào công phu tu hành của chính mình mới đạt đến một trình độ nhất định. Đây là tu Định. Đạt đến một mức độ nhất định thì cảnh giới ấy hiện tiền, tự mình chứng ngộ, quý vị đã chứng đắc rồi.

Hiện nay, dùng phương pháp khoa học thì dù chúng ta chưa đạt đến mức độ tu hành như vậy, cũng vẫn có thể thấy được, dùng máy móc, dụng cụ giúp chúng ta chứng minh. Đương nhiên, máy móc chỉ giúp chúng ta chứng minh một cách hữu hạn, lại chỉ chứng minh được những gì rất thô thấp. Từ Thiên Định mà chứng đắc sẽ thấy chúng tốt bậc vi tế, lại còn rộng sâu. Chúng ta cảm tạ những nhà khoa học đã cung cấp những tin tức này, khiến cho tín tâm của chúng ta tăng gấp bội, chúng ta biết phải khéo đối xử với chính mình như thế nào, biết phải khéo đối đãi trong hoàn cảnh sống của chính mình như thế nào. Trong hoàn cảnh bao gồm cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ trong xã hội) lẫn hoàn cảnh vật chất. Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh, đó là hoàn cảnh nhân sự. Đối với hết thấy vô tình chúng sanh, đó

³⁹ Thánh Ngôn Lượng là một trong ba thứ so sánh (Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng) để nhận định, phán định chân lý. Thánh Ngôn Lượng còn gọi là Thánh Giáo Lượng chính là dựa trên những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, A La Hán để luận định sự việc.

là hoàn cảnh vật chất. Chúng ta giống như Phật, Bồ Tát, dầu chẳng thể nói là hoàn toàn giống hệt, nhưng dần dần rất gần giống. Đãi người, xử sự, tiếp vật giống hệt như Phật Như Lai, sẽ dần dần khế nhập cảnh giới của Phật.

Đoạn khai thị này nhằm giải thích cho chúng ta biết: “*Sở dĩ vân: Pháp Tánh trạm nhiên, thị vị sanh nhi vô sanh giả dã*” (Cho nên nói: “*Pháp Tánh trạm nhiên*”. Đây là nói về “*sanh nhưng không sanh*” vậy). Thế nào là “*sanh nhưng không sanh*”? Điều này được giải thích nhiều như thế đó. Sanh là dấu vết sanh diệt của chúng sanh. Nói cách khác, sanh là tướng được hiện ra. Pháp Tánh bất sanh bất diệt, Pháp Tánh không phải là tướng được hiện. Nói theo cách bây giờ, Pháp Tánh không phải là vật chất, vật chất sanh khởi từ Pháp Tánh. Do vậy, tướng được hiện của vật chất có sanh diệt; còn tướng được của Pháp Tánh không có sanh diệt. Từ Tướng quý vị thấy được Tánh, đó là “*sanh nhi vô sanh*” (sanh nhưng không sanh). Đúng là như chúng ta trông thấy những tướng được hiện ra trên màn huỳnh quang, đồng thời ta cũng thấy được chính cái màn huỳnh quang ấy. Quý vị biết tướng được hiện trên màn hình có sanh diệt, còn màn hình là bất sanh bất diệt. Trong sanh diệt, quý vị thấy không sanh không diệt, chuyện này dễ hiểu. Từ chỗ này, quý vị phải chú tâm lãnh hội. Chúng ta lại đọc tiếp đoạn kế:

Vô sanh nhi sanh giả...

無生而生者。

(*Vô sanh mà sanh là*).

Đây là luận về Tướng. Tướng vốn không có, không có tướng mà nay lại có. Có như thế nào? Ở đây, thiền sư Trung Phong bảo chúng ta:

Chúng sanh mê vọng nhập tâm.

眾生迷妄入心。

(*Chúng sanh do mê vọng đã nhập tâm*).

Thưa cùng quý vị, cái tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Do vì mê vọng nên không nhập được chân tâm. Chân tâm thuần chân, tuyệt đối không thể kèm theo vọng. Tâm ấy là gì? Tâm ấy là thức thứ tám, chúng ta thường gọi là A Lại Da Thức. Thực sự nhập A Lại Da Thức! A Lại Da Thức giống như cái kho, tất cả hết thảy mê vọng đều cất chứa trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là kho lẫm; vì thế, trong kinh

điền, đức Phật gọi thức này là Hàm Tàng Thức hoặc Tạng Thức. Tạng (藏) là kho lẫm. Chúng ta khởi tâm động niệm bèn ghi ấn tượng (người hiện thời nói là “ghi ấn tượng”) vào đâu? Chính là cất giữ trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là vọng tâm, nó cũng rộng lớn không ngăn mé, giống như hư không. Những ấn tượng ấy không phải là vật chất, cho nên không có thể tích. Trong kinh, đức Thế Tôn đã từng nhắc đến. Đức Phật nói: Nếu ấn tượng có thể tích thì tốt cùng cõi hư không chẳng thể chứa đựng hết. May là chúng không có thể tích, chúng được tàng trữ trong A Lại Da Thức.

Ngày hôm qua chúng ta làm những chuyện gì, quá khứ làm những việc gì, hoặc là mấy chục năm trước làm chuyện gì, có những ấn tượng rất sâu đậm, hễ nghĩ tới bèn tưởng tượng được ngay. Nếu những ấn tượng ấy không có một chỗ nào giống như một cái kho tài liệu để cất giữ, ngõ hầu lúc nào chúng ta cần rút tài liệu ra thì sự việc trong quá khứ bèn hiện bày ngay trước mặt; nếu không có một cái kho như vậy thì chẳng phải là cái gì cũng không có hay sao? Cái kho tài liệu ấy không bị hư nát, vĩnh viễn tồn tại bất hoại. Những thứ được tàng trữ trong kho ấy là đời đời kiếp kiếp, từ vô thủy đến nay, tất cả hết thảy điều thiện cũng vậy, mà tất cả hết thảy điều bất thiện cũng thế, điều vô ký (không thiện không ác) cũng thế, hết thảy đều được cất giữ trong kho ấy. Chúng ta muốn lấy ra một điều nào thì điều ấy bèn lập tức xuất hiện, hết sức nhanh chóng; ngay cả máy điện não (computer) hiện tại cũng chẳng thể sánh kịp. Máy điện não do con người phát minh, vĩnh viễn không thể nào sánh kịp bộ óc con người. Cái tâm ấy “*mê vọng nhập tâm*”, tâm ở đây là A Lại Da Thức.

Tích nghiệp thành quả.

積業成果。

(*Chứa nghiệp thành quả*).

“*Tích*” (積) là tích lũy (chất chứa), những tội nghiệp đã tạo tác từ vô thủy đến nay được chất chứa, đến bây giờ biến thành quả, báo bèn hiện tiền, tức là Báo Chương trong ba chương. “*Mê vọng nhập tâm*” là Phiền Não Chương, “*tích nghiệp*” là Nghiệp Chương, “*thành quả*” là Báo Chương. Thôi rồi! Quả báo hiện tiền!

Hư thọ luân chuyển, vọng kiến sanh diệt.

虛受輪轉。妄見生滅。

(Đối chịu luân chuyển, làm thấy sanh diệt).

Luân hồi không thật, lục đạo không thật, là huyền tướng. Kinh Kim Cang ví rất khéo: “*Mộng, huyền, bào, ảnh*” (Mộng, huyền, bọt, bóng). Phàm phu không biết, cho đó là thật, bởi thế, đối với những chuyện đó bèn nẩy sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là bị cảnh giới xoay chuyển. Không như người giác ngộ, người giác ngộ chuyển được cảnh giới, hoàn toàn làm chủ cảnh giới. Phàm phu đáng thương, coi cảnh giới hư vọng chẳng thật là thật, tâm bị cảnh giới chuyển. Tâm ấy là vọng tâm, còn chân tâm chẳng khởi tác dụng, vì mê rồi, bị mê mất rồi, không biết một tí nào cả! Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, những điều mình nghĩ, mình tưởng đều là vọng tâm. Nếu chúng ta hỏi chân tâm có tồn tại hay chẳng ư? Chân tâm tồn tại. Tôi vừa mới nói chân tâm giống như cái màn hình, nó không sanh, không diệt, không đến, không đi, như như bất động, nó tồn tại. Tồn tại như thế nào? Chẳng khởi tác dụng! Quý vị không nhận biết nó, sẽ không dùng được nó. Người giác ngộ biết dùng, biết dùng thì được đại tự tại. Vì sao? Chẳng bị cảnh giới chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được vật thì giống như Như Lai). Bản lãnh của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai là nhận chân chứ không nhận vọng, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển.

Pháp Tánh ở tại đâu? Pháp Tánh chẳng lìa Pháp Tướng. Có thể nói là giống như chúng ta xem truyền hình, màn hình ở đâu? Chỗ nào quý vị thấy được hình ảnh thì chỗ đó chính là màn hình, màn hình không tách rời hình ảnh, hình ảnh chính là màn hình. Như vậy, thánh nhân từ hình ảnh mà thấy được màn hình bất sanh bất diệt, thấy được màn hình như bất động, tâm Ngài không động, chẳng bị cảnh giới nơi màn hình xoay chuyển. Hình ảnh rõ ràng, sáng tỏ, chẳng mảy may dính dáng gì đến Pháp Tánh cả, nó giữ được cái tánh.

Do đó, từ đây ta cũng có thể hiểu được cảnh giới của các bậc thánh nhân, dẫu nay chúng ta chưa làm được, nhưng đã suy tưởng được. Ở trong ngũ dục lục trần, trong đại thiên thế giới, các Ngài đứng là giống như đang xem phim hay đang coi truyền hình vậy, nhất định chẳng sanh nhiễm trước, thấy rất rõ ràng, rất minh bạch. Đó là Huệ, chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết). Các Ngài thấy rất rõ ràng, không gì không biết. Vô tri là gì? Vô tri là Pháp Tánh, vô tri mới là chân tri (thực sự biết).

Lục đạo phàm phu hoàn toàn tương phản, họ có biết, nhưng cái họ biết chỉ là tất cả hết thấy những tướng hiện ra trên màn hình, quên mất cái màn hình, hoàn toàn quên bẵng, không biết những hình ảnh đó phải nhờ vào màn hình mà biến hiện, quên tuốt cái màn hình, hoàn toàn chấp tướng. Lục đạo phàm phu là như vậy đó! Cho những tướng ấy là chân thật, đối với tướng bèn khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, khởi chấp trước, niệm niệm so đo, chẳng biết chúng là hư huyền, hư vọng, về căn bản chẳng hề tồn tại. Vì sao? Vì những tướng ấy sanh diệt trong từng sát-na.

Quý vị hãy nghĩ xem có phải là những hình ảnh trên màn hình sanh diệt trong từng sát-na hay không? Chắc chắn chẳng có hai tướng nào giống nhau. Dễ thấy nhất là phim ảnh, [hình ảnh hiện ra hay biến mất] là do ống kính đóng hay mở, rõ rệt quá! Truyền hình tiến bộ hơn phim ảnh, người xem truyền hình rất nhiều, nhưng người hiểu được nguyên lý của truyền hình không nhiều. Người hiểu được nguyên lý của truyền hình sẽ hiểu tướng là hư vọng. Tướng của truyền hình là gì vậy? Là tổ hợp của những tia quét, mỗi tia quét do các vi điểm (pixel)⁴⁰ hợp thành, nhiều điểm hợp thành tia quét, nhiều tia quét hợp thành hình ảnh. Nguyên lý là vậy. Do các tia quét di động rất nhanh nên ta chẳng biết [hình ảnh được tổng hợp bởi các tia quét ấy] là giả tướng. Mỗi giây, nơi ống kính của máy chiếu phim, hình ảnh được sanh diệt hai mươi bốn lần (ống kính mở là sanh, ống kính đóng là diệt). Nhìn trên màn bạc, những hình ảnh trông rất thật, không biết chúng là giả tướng. Những tia quét trong máy truyền hình di động nhanh hơn tốc độ đóng mở ống kính của máy chiếu phim không biết gấp bao nhiêu lần, nên chúng ta bị lừa dối. Nếu tốc độ di động chậm lại, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Mỗi tia quét di động chậm lại, chuyên động từ từ thì quý vị sẽ hiểu rõ hình ảnh được xuất hiện ra sao; vì chúng xuất hiện quá nhanh nên quý vị không biết được.

Như vậy, nói “luân hồi” là giả, không thật! Thế nhưng quý vị

⁴⁰ Khi TV vận hành, để hiển thị hình ảnh, hình ảnh được chia thành tập hợp những dải nhỏ (gọi là scan line), máy truyền hình sẽ phóng ra những chùm điện tử dựa theo cấu trúc của hình ảnh trong các dải ấy để quét ngang màn hình theo từng đường (thường gọi là raster), khi quét hết chiều ngang, sẽ đi xuống dòng kế tiếp. Khi nào quét hết màn hình sẽ trở lại dòng đầu tiên. Mỗi một raster bao gồm nhiều pixel. Pixel là cách gọi tắt chữ ‘picture element’, là đơn vị nhỏ nhất của hình ảnh. Mỗi pixel chính là hình ảnh được mã hóa (digitalized) tại một vị trí nhất định, nó chứa đựng giá trị của những tham số (parameters) về màu sắc (RGB), cường độ sáng v.v...

không hiểu, giống như nằm mộng. Mộng là giả, nhưng lúc quý vị nằm mộng không biết mình đang nằm mộng; bởi thế mới có chuyện quý vị chịu khổ, hưởng vui trong mộng. Nếu biết là đang nằm mộng, cổ nhân nói: Nếu biết mình đang nằm mộng, trong mộng thấy cạp muốn ăn thịt mình, ta cũng hết sức phát tâm, phát khởi lòng từ bi, đem thân này thí cho cạp, mộng cảnh mà! Quý vị không biết là nằm mộng, cứ cho đó là thật, nên thấy cạp chạy đến, kinh hoảng toát mồ hôi lạnh khắp mình.

Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, đến hóa độ chúng sanh, chúng ta thường nghe nhà Phật có câu nói: “*Đại tác mộng trung Phật sự, khả kiến thủy nguyệt đạo tràng*” (Làm Phật sự lớn lao trong mộng, xây dựng đạo tràng bóng trăng trong nước). Đạo tràng là bóng trăng trong nước, Phật sự là chuyện trong mộng. Vì thế, bậc ứng hóa rất tự tại, ở trong những pháp giới ấy giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, đúng là chẳng lưu lại vết tích. Nếu quý vị hỏi các Ngài có tạo tác gì hay chẳng ư? Các Ngài không tạo tác, làm nhưng không làm, không làm mà làm. Nhìn từ quan điểm của chúng sanh, các Ngài làm rất nhiều, nhưng trên thực tế, chuyện gì các Ngài cũng không làm.

Bởi thế, quý vị phải hiểu: Nay chúng ta luân hồi trong lục đạo, nhưng Phật, Bồ Tát, người giác ngộ thấy chúng ta chỉ luân hồi một cách hư giả; vì thế, chúng ta được gọi là những “*kẻ rất đáng thương xót*”. Vì sao đáng thương xót? Thực sự đáng thương xót lắm! “*Vọng kiến sanh diệt*” (Lâm thấy sanh diệt): Đối với sanh diệt, đối với chết chóc sợ hãi như thế ấy, sợ phát khiếp như thế là vì vọng kiến (thấy sai lầm). Khi quý vị đã thực sự hiểu rõ thì không có sanh diệt, không có sống chết, chỉ là thay đổi cảnh giới mà thôi. Chỉ là đổi một cảnh mộng này sang một cảnh mộng khác, không có cách nào lay tỉnh quý vị được! Hễ tỉnh ra thì sáu nẻo không còn nữa. Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “*Trong mộng đành rành pho sáu nẻo, tỉnh rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Giác ngộ rồi thì không còn nữa! Tiếp theo đây, thiền sư Trung Phong dùng tỷ dụ để thuyết minh, hy vọng rằng: Nếu với những điều vừa nói ở trên, quý vị không có cách gì lãnh hội được thì sẽ nhờ vào tỷ dụ này mà giúp cho quý vị hiểu được!

***Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng, tự châu tùy sắc.
Đương tri kính quang bản tịnh, châu thể tuyệt ngán. Vật cảnh hỗ
chương, bất vi sắc tượng. Bỉ sắc tượng chi khứ lai, do nghiệp quả chi
nghiêm nhiên dã.***

於法性體上。如鏡現像。似珠隨色。當知鏡光本淨。

珠體絕痕。物境互彰。不違色像。彼色像之去來。猶業果之儼然也。

(Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương, giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]. Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, Thể của châu tròn không có tỳ vết. Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch. Hình sắc ấy đến đi giống như nghiệp quả đành rành vậy).

Đọc đến đoạn này, có thể nói là giống như những tỷ dụ về màn hình trong phim ảnh, của máy truyền hình, hay của máy điện não mà chúng tôi đã dùng. Từ những tỷ dụ ấy, nếu chúng ta chú tâm thể hội thì quả thật y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều giống như vậy, đều không thật, Nhất Chân pháp giới mới là thật! Hoa Tạng, Cực Lạc là thật, là Nhất Chân pháp giới. Mười pháp giới đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, chứ không riêng gì lục đạo.

“*Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương): Thời cổ chưa có khoa học, kỹ thuật, trong cuộc sống hằng ngày, mọi người thường dùng đến gương. Sáng sớm ngủ dậy, buổi tối trước khi ngủ, rửa mặt đều phải soi gương, “*Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương). Lại nữa, “*tự châu tùy sắc*” (giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]), bảo châu là thứ được mọi người yêu thích, thế nhưng người có châu báu không nhiều, nói chung phải là hạng phú quý; còn gương hầu như nhà nào cũng có, là một vật dụng rất thông dụng.

Châu có màu chẳng phải vì chính nó có màu, mà do phản chiếu màu sắc bên ngoài. Nay bảo châu được dùng rất nhiều vì có rất nhiều loại bảo châu nhân tạo, làm gần giống như thật, rất khó phân biệt. Chiếu ánh sáng vào châu theo những góc độ khác nhau, nó bèn hắt ra những tia sáng có màu sắc khác nhau. Điều này con người hiện thời hiểu rất rõ rệt: Châu vốn không có ánh sáng, được ánh mặt trời hoặc ánh đèn soi vào, sẽ thấy nó tỏa ra ánh sáng có màu sắc. Vì thế, “*đương tri kính quang bản tịnh*” (phải biết ánh sáng nơi gương vốn tịnh): Gương vốn thanh tịnh, nơi gương vốn chẳng có hình sắc; châu cũng rất thanh tịnh, cũng không có màu sắc sáng chói. Vì thế, đại sư bảo chúng ta: “*Đương tri kính quang bản tịnh, châu thể tuyệt ngán*” (Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, thể của châu tròn không có tỳ vết), không có vết sứt mẻ, hoàn toàn thanh tịnh.

“*Vật cảnh hồ chuong, bất vi sắc tượng*” (Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch): Những cảnh giới bên ngoài gương là “*vật cảnh*”. Vật là gương hay châu, cảnh giới bên ngoài soi vào [những vật] đó, chúng bèn phản chiếu lại, đó là “*hồ chuong*”. Chuong (彰) có nghĩa là sáng rõ. Gương chiếu soi cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trong gương; ánh sáng chiếu vào châu, châu tỏa ra màu sắc. “*Bất vi sắc tượng*” (hình sắc chẳng trái nghịch), hình tượng tự nhiên hiện ra những tướng như vậy, điều này rất dễ hiểu!

Những hình sắc ấy có sanh, có diệt, lúc chiếu là sanh, lúc không chiếu là diệt. Nếu chúng ta di động cái gương, dùng mặt này soi thì cảnh giới sẽ sanh nơi mặt này, soi bằng mặt kia thì cảnh giới bên mặt này không còn nữa, diệt mất; mặt kia lại sanh. Soi mặt mũi tôi, mặt mũi tôi bèn sanh trong gương; đem soi vào mặt anh, mặt tôi bèn biến mất, mặt anh bèn sanh. Cảnh giới dường như có sanh, có diệt, nhưng cái gương (có khả năng chiếu soi) không sanh, không diệt. Châu biến đổi màu sắc thuận theo ánh sáng, biến đổi là có sanh có diệt, chứ bản thể của châu không sanh không diệt.

Như vậy, “*sắc tượng khứ lai*” (hình sắc đến đi): Chữ “*sắc*” (色) chỉ cho châu vì châu hiện sắc, gương hiện hình. “*Do nghiệp quả chi nhiễm nhiên dã*” (giống như nghiệp quả rành rành), “*nhiễm nhiên*” là tự nhiên. Hết thấy bọn chúng sanh chúng ta vì mê hoặc chân tướng sự thật (Thật Tướng của các pháp), nên khởi Hoặc tạo nghiệp, biến hiện thành quả báo, giống như hình ảnh hiện trong gương, giống như màu sắc xuất hiện nơi châu, không phải là chân thật. Gì là chân thật? Tánh của chúng ta là chân thật, ở đây nói Pháp Tánh là chân vậy.

Nếu bây giờ chúng ta hỏi Pháp Tánh ở nơi đâu thì như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (Từ cửa ngõ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Chư Phật Như Lai thấy được điều này nên chấp tay gọi quý vị là Phật, vì sao? Vì quý vị có Phật Tánh, tánh của quý vị và tánh của Phật không hai, không khác. Các Ngài là Phật nhưng vì sao quý vị không là Phật? Hết thấy chúng sanh đều là Phật, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Trong pháp Đại Thừa thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Ta thấy được Tánh, từ nơi Tướng thấy được Tánh sẽ thành Phật. Tuyệt đối chẳng mê nơi tướng thì gọi là “đại triệt đại ngộ”, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, Niệm Phật gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”, thực sự nhất tâm bất loạn!

Thế nào là nhất tâm? Hóa giải hết thấy tất cả đối lập thì mới gọi là “nhất tâm”. Có người, có ta, ta và người đối lập thì chẳng phải là nhất

tâm; trong nhất tâm không có đối lập. Chúng ta thường hay nói đến Phật và chúng sanh, tức là vẫn còn có Phật và chúng sanh, như vậy là còn mê, chưa giác ngộ. Giác ngộ thì sao? Giác ngộ rồi thì không Phật, không chúng sanh, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, là một, không phải hai, đó là nhất tâm. Phàm những gì đối lập hay tương đối đều không có. Chân - vọng không có, tà - chánh không có, thiện - ác không có, đúng - sai không có, ta - người không có, xa - gần không có, trước - sau không có, đó mới là nhất tâm bất loạn, đó là “*nhập pháp môn Bất Nhị*”, đó là “*nhập Phật cảnh giới*”. Cảnh giới của Phật là giác ngộ triệt để, được đại tự tại, “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”.

Hết thấy mọi thứ không gì chẳng tùy thuận Phật Tánh, chẳng tạo nghiệp, không có phiền não. Phiền não không còn, nghiệp không còn; vì vậy, quả báo trong sáu nẻo và mười pháp giới không còn nữa. Đó là “*giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”, chỉ còn sót lại cảnh giới nào? Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Hoa Tạng, là Cực Lạc. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, nếu quý vị muốn thực sự hiểu được những tỷ dụ trên, quý vị phải chú tâm lãnh hội:

Cổ chư Phật ư nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh.

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。

(Bởi thế, chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh).

Câu này rất dễ hiểu. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát thấy hết thấy vạn vật, dầu là lục đạo hay là mười pháp giới đều là bất sanh bất diệt. Vì sao? Các Ngài từ Tướng thấy được Tánh, Tánh cũng như Tướng không trở ngại; cốt sao quý vị hiểu được chân tướng sự thật này. Vì sao? Như tấm gương soi chiếu vạn vật bên ngoài có trở ngại gì hay không? Vạn vật hiện trong gương, gương tròn chẳng nhiễm, mây may trở ngại cũng không có. Vì sao nay chúng ta có chướng ngại? Do chúng ta nhiễm trước. Chúng ta mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn khởi tâm, động niệm, sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vậy là hồng bút rồi! Phật, Bồ Tát hiểu rõ chân tướng sự thật rõ ràng minh bạch, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Những lời này tôi đã nói rất nhiều năm rồi, ai thực hiện được thì người ấy thành tựu.

Lời này chẳng phải để nói xuông, có nói cũng vô ích, [chỉ là] kể tên món ăn, đếm của báu nhưng chính mình chẳng được thọ dụng! Nếu

chính mình đối với cảnh giới hiện tiền, ta thấy sắc, nghe tiếng, quả thật biết chân tướng sự thật rõ rệt, minh bạch: Đây là Tướng Phần, kia là Tánh Phần, thực sự khế nhập cảnh giới, Tánh và Tướng như một. Nếu Tánh và Tướng vẫn là đối lập thì vẫn là đang mê, chưa ngộ! Thực sự giác ngộ thì Tánh và Tướng là một, Sự - Lý là một, nhân quả là một, quý vị nhập Nhất Chân, đặc nhất tâm. Do như vậy mà đặc nhất tâm.

Bởi thế, tách lìa hết thấy cảnh giới thì quý vị sẽ đạt được nhất tâm từ đâu đây? Huống hồ quý vị có lìa được cảnh giới hay chăng? Không lìa được! Quý vị chỉ có thể chuyển đổi, chứ chắc chắn không thể lìa khỏi được. Vì sao không tách lìa được? Pháp Tánh tự nhiên hiện, có thể tánh thì tự nhiên bèn hiện tướng, hễ có hiện tướng thì tự nhiên có tác dụng. Thể - Tướng - Dụng là một nhưng ba, tuy ba mà một, giống như hình tướng hiện trong gương, là một không hai. Đúng là mê - ngộ bất đồng, do vậy: “*Chư Phật ư nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh*” (chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh), trong Tướng thấy Tánh, Tánh và Tướng như một.

Chúng sanh ư trạm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.

眾生於湛然無生中。唯見生滅。

(Trong vô sanh trạm nhiên, chúng sanh chỉ thấy sanh diệt).

Chúng sanh đang mê, vô sanh là Pháp Tánh. Nơi Pháp Tánh, chúng sanh thấy hiện tướng sanh diệt, chỉ thấy được Pháp Tướng, coi Pháp Tướng là đối lập, quên mất Pháp Tánh vô sanh, hoàn toàn không biết mình đối lập nơi tướng hư vọng. Giống như chúng ta thấy cái phong màn đây; cái phong màn này là tướng, phía sau có núi, có mây vờn, có cây cối, phân biệt như thế. Sự phân biệt ấy là khởi tâm động niệm: Đây là núi, đây là mây, đây là cây, cây không phải là núi, núi không phải là mây. Dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hồng rồi, mê rồi, càng mê sâu hơn, càng chấp trước nghiêm trọng hơn. Chư Phật, Bồ Tát không vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, thấy rất rõ ràng, không khởi tâm động niệm. Các Ngài không nói đây là cây, đây là mây, đây là núi, không hề có, nhất thể! Bất đắc dĩ thì gọi bằng một danh từ, đó là Pháp Tướng.

Pháp Tánh có thể hiện (năng hiện), Pháp Tướng là cái được hiện (sở hiện), Pháp Tánh là một, Pháp Tướng bất nhị, đó là trí huệ chân thật. Có như vậy mới thấy chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch, không mê, không nhiễm. Chúng ta học Phật phải lấy việc khế nhập cảnh giới này

làm mục tiêu tu học, kinh thường gọi điều này là “nhập Phật tri kiến”.

A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 44

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong trong thời thứ nhất. Chúng tôi đã đọc đoạn sau đây:

**Có chư Phật u nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh;
chúng sanh u trạm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.**

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。眾生於湛然無生中。
唯見生滅。

(Vì thế, chư Phật đối với sự sanh diệt đành rành, chỉ thấy vô sanh;
chúng sanh đối với vô sanh trạm nhiên chỉ thấy sanh diệt).

Hai câu này tôi đã giảng rồi. Thiền sư Trung Phong quả thật đã dùng lời giải thích trực tiếp, thích đáng nhất để thuyết minh chúng sanh khác với Phật ở chỗ nào. Chúng ta hãy xem đoạn văn khai thị tiếp theo đó:

**Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại trí hiện lượng chi bất nhất;
thật nãi sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh, ngộ tắc sanh diệt
giai vô sanh, mê tắc vô sanh giai sanh diệt. Sở dĩ, ly thứ biệt vô, thị nãi
nhất thể nhi dị danh dã.**

只因迷悟之有差。遂致現量之不一。實乃生無自性。
無生亦無自性。悟則生滅皆無生。迷則無生皆生滅。所以
離此別無。是乃一體而異名也。

(Chỉ do mê - ngộ sai khác mà đến nỗi hiện lượng⁴¹ khác nhau, chứ thật ra, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh. Hễ ngộ thì sanh diệt đều là vô sanh, còn mê thì vô sanh đều thành sanh diệt. Do

⁴¹ Hiện Lượng (Pratyaksa pramàna): Đây là thuật ngữ của Nhân Minh Học, có nghĩa là sự nhận biết thông qua tác dụng phân biệt suy nghĩ. Có hai loại:

- Chân Hiện Lượng là sự nhận biết chính xác, chưa bị ảnh hưởng bởi những huyền tưởng, chưa thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm.

- Tự Hiện Lượng là sự nhận biết đã bị huyền tưởng chi phối hoặc thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm (theo Phật Quang Đại Tự Điển)

vậy, lià khỏi cái này thì không còn gì khác, đây chỉ là một Thể mà tên gọi khác nhau).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong đoạn trên, đại sư đã vì chúng ta thuyết minh tỉ mỉ: Chúng sanh và Phật sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ mê hay ngộ, mê thì gọi là chúng sanh, giác ngộ thì gọi là Phật. Vì vậy, ở đây, thiền sư nói: “*Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai*” (Chỉ do mê hay ngộ mà có sai khác). Mê hay ngộ là quý vị thấy cảnh giới bên ngoài, tức sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc, cho đến tất cả hết thấy cảm thọ đều khác nhau. Những đạo lý như vậy nếu giảng giải một cách nông cạn thì không đến nỗi khó hiểu lắm. Ví như chúng ta cùng sống trong thế gian này như nhau, nhưng do trình độ văn hóa khác biệt, sự tu dưỡng sai khác, thấy cảnh giới bên ngoài – tức là đối với hết thấy người, sự, vật – mỗi người cảm nhận khác nhau. Đây là một sự thật rất rõ ràng. Ngoài ra, cũng có thể nêu một thí dụ khác: Như khi mỗi một người chúng ta đang vui vẻ, thấy hết thấy người, sự, vật đều cảm thấy vui thích; nếu khi chúng ta đang lo buồn, phiền não, nhìn vào hết thấy người, sự, vật, ắt cảm thấy chán ghét, đều không đáng ưa.

Do vậy, biết rằng: Cảnh giới bên ngoài là một, tùy theo mức tu dưỡng, tùy theo tình cảm của chúng ta, sau khi ta tiếp xúc, trong sự cảm nhận của ta cảnh giới sẽ bị biến đổi rất lớn. Ngay từ bản thân mỗi người chúng ta, hoặc là từ giữa chôn bần bệ thân thiết, mọi người cùng tụ hội, dễ thấy chuyện này rõ rệt nhất. Từ đây chúng ta có thể suy đoán là bọn phàm phu chúng ta và Phật khác biệt rất lớn. Sự khác biệt trong việc nhận biết vũ trụ và nhân sinh là rất lớn. Chư Phật thấy được chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta chỉ thấy vọng tưởng của nhân sinh và vũ trụ. Vì sao chúng ta thấy hư vọng? Chỉ vì chúng ta mê mất chân tướng. Mê như thế nào? Trong phần trên đã nói rồi đó: Phật, Bồ Tát giác ngộ, triệt để giác ngộ, viên mãn giác ngộ; bởi vậy, các Ngài trông thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Ở đây, thiền sư dạy chúng ta: “*Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại chi hiện lượng nhi bất nhất*” (Chỉ vì mê ngộ sai biệt, đến nỗi hiện lượng khác nhau) – cách thấy của chúng ta và cách thấy của Phật khác nhau. Cách thấy của chúng ta là đối với cảnh giới bên ngoài vọng tưởng, bên ngoài tâm động niệm, bên phân biệt, chấp trước. Sáu căn của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm là vô minh; vọng tưởng và chấp trước là tạo nghiệp. Trong hết thấy cảnh

duyên, Phật, Bồ Tát không mê hoặc, không tạo nghiệp, đắc đại tự tại! Sai biệt ở chỗ này, ngoài điều này ra, sai biệt gì cũng chẳng có. Vì thế, tiếp theo đó, thiền sư lại nói:

“*Thật nãi*” nghĩa là nói thật ra, “*sanh vô tự tánh*” (sanh không có tự tánh). Sanh là hiện tượng của hết thảy vạn vật. Hết thảy vạn sự, vạn vật sanh khởi, kể cả hư không, hư không vốn cũng chẳng có, hư không sanh khởi như thế nào? Nếu nói hư không chẳng có, ắt mọi người cảm thấy rất lạ lùng; thế nhưng qua tỷ dụ sau đây, có lẽ quý vị sẽ lãnh hội được. Ví như nằm mộng, trong mộng có hư không hay chẳng? Có! Vậy tôi hỏi quý vị: “Hư không trong mộng do đâu mà có?” Lúc quý vị nằm mộng, hư không hiện hữu, lúc tỉnh dậy, cái hư không trong mộng không còn nữa. Như vậy, nếu quý vị chú tâm quan sát: Hiện tượng ấy thực sự tồn tại, hư không có sanh diệt, cái hư không trong giấc mộng của chúng ta có sanh diệt.

Đương nhiên, hết thảy hiện tượng, thế giới, vi trần, chúng sanh được hiện trong cái hư không đó, những cảnh giới vốn có trong mộng tự hồ hiện hữu đối với chúng ta, chúng có sanh, có diệt. Nay cái hư không, thế giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh lăng xăng đang hiện diện này do đâu mà có? Đúng là từ hư không sanh, hư không là Không, trong Không sanh ra Có. Hiện tại, khoa học đã phát hiện: Quả thật trong Không sanh ra Có, đã thế lại còn nhất thời đốn hiện, hoàn toàn giống với những gì kinh Đại Thừa đã nói, nhưng không diễn giải được tường tận như trong kinh điển.

“*Sanh vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh), tự tánh ấy chính là tự thể, sanh không có tự thể. Vì không có tự thể nên mới gọi là vọng, nó không phải là chân. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất khéo: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt). Tốc độ sanh diệt rất nhanh, không có cách gì hình dung được nên đức Phật bảo là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, tức là không có cách gì để hình dung tốc độ nhanh chóng ấy. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường dùng chuyện chiếu bóng làm tỷ dụ, tấm phim lọt vào ống kính của máy chiếu phim khi nó mở ra, chẳng phải là hình ảnh bèn được chiếu ngay lên màn bạc hay sao? Đó là Sanh. Ống kính đóng lại, hình ảnh ấy không còn nữa. Đó là Diệt. Ống kính lại mở ra, tấm ảnh thứ hai lại xuất hiện, đó lại là Sanh; rồi lại đóng vào, bức ảnh thứ hai lại diệt. Đó là sự sanh diệt quý vị trông thấy rất rõ ràng. Sự sanh diệt ấy là nhất thời đốn hiện, Sanh là nhất thời đốn sanh, không có trước sau; Diệt cũng là nhất thời đốn diệt, cũng không có trước sau. Đây chính là như kinh Lăng Nghiêm

đã giảng: “*Đương xú xuất sanh, tùy xú diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt).

Thế nhưng sự sanh diệt do ống kính của máy chiếu phim đóng hay mở trong một giây chỉ là hai mươi bốn lần. Những hiện tượng hiện đang ở trước mắt, kể cả thân thể chúng ta, kể cả những gì chúng ta cảm nhận, những gì chúng ta có thể thấy được, nghe được, suy nghĩ, tưởng tượng đều được tính gộp trong đó. Trong một giây, những hiện tượng ấy sanh diệt bao nhiêu lần? Kinh Nhân Vương bảo một cái khảy ngón tay là sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Chiếu theo đó, trong một giây tối thiểu chúng ta khảy ngón tay được bốn lần, bốn lần sáu mươi nhân chín trăm gần bằng hai mươi vạn tám ngàn, tức là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Không [chậm] như tốc độ của ống kính trong máy chiếu phim mà nhanh như thế nào? Một giây không phải là hai mươi bốn lần mà là hai mươi một vạn sáu ngàn lần, làm sao quý vị biết [những tướng được biến hiện] là giả cho được!

Tôi cho rằng trong kinh Nhân Vương, đức Thế Tôn giảng như vậy chỉ là nói một cách phương tiện, chứ chưa phải là đã nói sự thật. Vì sao? Sự thật, tốc độ còn nhanh hơn thế nữa, không có cách gì tưởng tượng được. Tợ hồ nhanh đến mức độ nào? Gần như sanh diệt đồng thời. Bởi vậy, kinh Phật thường bảo là “*bất sanh, bất diệt*”, bất sanh bất diệt là sanh diệt đồng thời, vừa nói sanh thì đã diệt, vừa nói diệt bèn lại sanh, nhất thời đốn hiện. Nhất thời đốn hiện là ngay trong cùng một thời, tính như thế nào là “*một thời*”? Trong một thời sanh, lại diệt trong cùng một thời ấy, sanh diệt đồng thời. Bởi thế, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng chẳng có ự tánh.

“*Ngộ tác sanh diệt giai vô sanh*” (Hễ ngộ thì sanh lẫn diệt đều là vô sanh): Chư Phật, Bồ Tát giác ngộ, biết sanh và diệt đều là bất sanh, hết thấy pháp không sanh, không sanh thì làm sao có diệt? Đây mới là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát đối với những hiện tượng này từ trước đến nay chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, hoàn toàn tương ứng với chân tướng. Do vậy, Thanh Lương đại sư khi chú giải kinh Hoa Nghiêm đã bảo: Chư Phật, Bồ Tát thuộc về vô ngại pháp giới, tức Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, pháp giới không chướng ngại.

Pháp giới không chướng ngại ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. Vì sao chúng ta không thấy? Vì chúng ta đã mê rồi! Hình dáng của mê là gì? Hình dáng của mê là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị khởi lên những thứ ấy là bị phiền phức rồi! Như thế gọi là “*khởi Hoặc, tạo*

nghiệp”. Tạo nghiệp chính là quý vị đã bóp méo những tướng được biến hiện của vũ trụ và nhân sinh, những tướng ấy cũng là được hiện bởi tâm. Những hiện tướng ấy vốn là thế giới Cực Lạc, là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Hoa Tạng rớt ráo viên mãn, không khiếm khuyết mảy may nào. Sau khi bị bóp méo, cảnh giới bên ngoài bèn nảy sanh biến hóa, biến thành mười pháp giới, biến thành sáu nẻo, biến thành tam đồ, biến hóa như vậy đó!

Thế nhưng nếu quý vị hiểu biết thì chủ thể gây ra sự biến hiện (năng biến) ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, cái cảnh giới được biến hiện do cái năng biến này (cái được biến là lục đạo, tam đồ) sanh ra cũng chẳng phải là thật. Tuy không thật, nhưng quý vị chẳng giác; do bất giác nên phải gánh chịu, phải chịu khổ, chịu nạn trong ấy, khác nào quý vị nằm mộng trong khi đang mộng. Quý vị gặp ác mộng, gặp ác mộng rất khó chịu! Có lúc sợ đến nổi mồ hôi lạnh khắp thân, tỉnh phất dậy, sợ điếng người. Kết quả chỉ là một cơn mộng. Nay chúng ta đang luân hồi trong lục đạo cũng là đang mơ một giấc mộng lớn trong mười pháp giới. Cơn mộng ấy từng giấc nối tiếp nhau, nằm mộng trong khi đang mộng, vĩnh viễn không tỉnh được, có phải là phiền phức quá hay chẳng? Phật, Bồ Tát không dạy chúng ta điều chi khác cả, chỉ là nhằm đánh thức chúng ta khỏi giấc mộng đó thôi.

Vì thế, câu này nói rất khéo, rất thật: “*Sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh). Đối với người giác ngộ, sanh lẫn diệt đều là vô sanh, họ thấy rất rõ ràng, rất minh bạch; người mê không vậy, “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Người mê chấp trước, phân biệt, trong sự cảm nhận của họ, tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có sanh, có diệt.

Mỗi khi đức Phật giảng kinh, chúng ta biết Ngài căn cứ trên Nhị Đế. Nhị Đế là gì? Thứ nhất là thuận theo cảnh giới do chính mình đã chứng đắc, đó gọi là Chân Đế. Giảng cho quý vị những điều chân thật: Những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là những bộ kinh lớn giảng về lẽ chân thật, giảng về cảnh giới của Phật, Bồ Tát, bọn lục đạo phàm phu chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó thấu hiểu. Vì sao? Đó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, hoàn toàn khác với cảnh giới của chúng ta. Vì vậy, ngoài ra đức Phật còn thuyết pháp thuận theo chúng sanh, tùy thuận chúng sanh chính là Tục Đế. Tùy thuận Tục Đế thì đức Phật giảng có sanh - lão - bệnh - tử, động vật có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật như tinh cầu thì có thành - trụ - hoại - không.

Những điều này chúng ta hiểu, chúng ta đồng ý, thừa nhận những cách giảng như thế, không sai chút nào. Đó là thế giới theo cảm nhận của phàm phu, đức Phật cũng thường giảng như thế. Vì sao? Quý vị chưa giác ngộ; nếu giảng sự thật, quý vị sẽ không hiểu được, giảng điều giả thì quý vị hoàn toàn đồng ý, đây chính là “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (hễ mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Kiến giải của Phàm và Thánh bất đồng, chứ thật ra Lý và Sự chẳng hai!

Tôi thường nói tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng phương pháp khoa học [để chứng minh] đạo lý này, tức là dùng nước làm thí nghiệm (nước là khoáng vật), phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ của con người. Dùng thiện ý đối với nó, nó kết tinh rất đẹp đẽ. Dùng ác ý đối với nó, nó kết tinh hết sức xấu xí. Những điều này chứng minh lời Phật đã giảng: Nước có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thấy - nghe - hay - biết là Pháp Tánh. Nó không phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, nhưng nó có thể bị ảnh hưởng bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của những thứ khác mà biến dạng, tướng trạng của nước bị biến dạng.

Từ thí nghiệm này, chúng ta có thể nhận hiểu một điều: Nước nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, nước trong thế giới Hoa Tạng nhất định không hề bị thiếu khuyết mảy may, hết sức viên mãn, thực sự đầy đủ “chân thiện mỹ huệ” như ta thường nói. Vì sao? Người trong những thế giới ấy toàn là bậc giác ngộ. Thế giới Hoa Tạng toàn là Pháp Thân đại sĩ, không có phàm phu. Mức thấp nhất đều là hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cho đến hàng Đẳng Giác, cho đến quả địa Như Lai. Vì vậy, nơi ấy không có người mê hoặc, mà toàn là người thực sự giác ngộ. Tất cả hết thảy vật chất đều biến thành hoàn mỹ nhất, nên gọi là Nhất Chân. Địa cầu của chúng ta đây vốn vẫn là Nhất Chân, vì sao lại biến ra nông nổi này? Cư dân trên địa cầu mê không giác, suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, những điều suy nghĩ, tâm niệm, lời lẽ, việc làm đều hoàn toàn trái nghịch Pháp Tánh. Do vậy, núi, sông, đại địa, tất cả hết thảy vật chất nơi đây đều bị biến đổi theo tâm tưởng của chúng ta, biến thành hết sức xấu xí.

Núi, sông, đại địa nơi cõi này và núi, sông, đại địa cõi Cực Lạc giống hệt nhau, vì sao bên họ đẹp đẽ dường ấy, ở chỗ chúng ta lại xấu tệ đến thế? Không có gì khác cả, tướng chuyển theo tâm! Tâm chúng ta bất thiện, nó bèn phản ứng bất thiện; tâm chúng ta thiện thì ngay lập tức nó phản ứng tốt lành! Do vậy, chúng ta bèn hiểu được rằng: Nếu như tất cả cư dân trên thế giới này buông hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước xuống được thì thế giới của chúng ta chính là thế giới Cực Lạc. Vì sao? Tất cả hết thấy vật chất lập tức biến đổi. Từ thí nghiệm nước kết tinh, chúng ta thấy rằng nếu dùng ác ý đối với nước, nó sẽ kết tinh hết sức xấu xí. Chúng ta thay đổi ý niệm, dùng ý niệm tốt lành nhất đối với nó, ngay lập tức sự kết tinh của nước bèn biến đổi, biến hiện những kết tinh rất đẹp cho ta thấy, biến đổi theo ý niệm của chúng ta.

Tiền sĩ Giang cho biết: Trong suốt tám chín năm, ông ta chưa hề thấy có hai mẫu kết tinh nước hoàn toàn giống nhau, chúng tôi có thể khẳng định điều này. Vì sao? Mỗi ý niệm của quý vị khác nhau, nước phát sanh những biến hóa theo từng ý niệm. Quý vị không có hai ý niệm hoàn toàn tương đồng nên chẳng thể xuất hiện hai kết tinh hoàn toàn giống nhau, đạo lý là vậy!

Hy hữu thay! Khoa học đã phát hiện được điều này, coi như là đã bước đầu chứng thực được chân tướng vũ trụ (nói theo thuật ngữ nhà Phật là “*Thật Tướng của các pháp*”) như trong kinh đã nói. Phật và các đại Bồ Tát chẳng cần đến những máy móc khoa học, các Ngài tận mắt thấy, dùng phương pháp gì vậy? Thiền Định rất sâu. Cũng có nghĩa là: Hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì chân tướng phơi bày lộ lộ. Tướng giác ngộ, tướng mê hoặc, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy rất rõ ràng, minh bạch, rốt cuộc là nguyên nhân gì, là duyên do nào cũng đều rất rõ ràng minh bạch.

“*Sở dĩ, ly thử biệt vô, thị nãi nhất Thể nhi dị danh dã*” (Do vậy, lia khỏi cái này thì không còn gì khác, chỉ là cùng một thể mà tên gọi khác nhau). Thể nào là “*dị danh*” (tên gọi khác nhau)? Tướng khác nhau, nhưng vốn cùng một Thể. Phải biết địa cầu của chúng ta, tức địa cầu của thế giới Sa Bà, tinh cầu của thế giới Cực Lạc, và tinh cầu của thế giới Hoa Tạng đều là một Thể, giống hệt nhau, đều là vật chất. Các nhà khoa học hiện thời bảo chúng đều do những nguyên tố [giống nhau], nhưng được tổ hợp khác nhau, nay ta thường nói là công thức cấu tạo khác nhau. Vì sao kết cấu khác nhau? Kết cấu do ai chủ trì? Ý niệm! Tâm quý vị thanh tịnh, những nguyên tố cảm nhận được, nó thấy - nghe - hay - biết mà! Đó là bản năng của Pháp Tánh chẳng bị tiêu mất, bất sanh, bất diệt, không có hình tướng, nhưng hiện hữu trong hình tướng. Vì thế, bất cứ hình tướng nào, bất cứ vật chất nào cũng đều có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thuận theo hữu tình chúng sanh mà biến hóa. Hữu tình chúng sanh thiện thì chúng biến hóa rất tốt, hữu tình chúng sanh bất thiện thì chúng cũng biến hóa rất tồi tệ. Bởi thế, “*chỉ cùng là một thể mà tên gọi khác nhau*”, bởi nó chỉ cùng một Thể mà hình tướng

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký - Quyển Hạ
khác nhau. Tiếp đó, đại sư giảng mấy câu về lẽ thực tế.

Thẩm như thị.

審如是。

(Xét như vậy).

“*Thẩm như thị*”: Thẩm (審) có nghĩa là xem xét kỹ càng, rất nghiêm túc, rất chú tâm xem xét vấn đề này thật minh bạch, rõ ràng. Chữ “*như thị*” chỉ những điều đã nói ở phần trên.

Tắc A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật.

則阿彌陀佛即是我心。我心即是阿彌陀佛。

(Thì A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật).

Quý vị bèn có thể khẳng định, A Di Đà Phật từ đâu mà có? Từ tâm hiện, thức biến. Tâm của ai? Chính cái tâm của chúng ta. Quý vị phải hiểu cái tâm này là cùng chung, thức cũng là của chung, chân tâm là của chung, còn vọng tâm bất đồng. Vọng tâm của tôi khác với vọng tâm của anh, cũng có thể nói là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi người mỗi khác, nhưng chân tâm giống nhau. Chân tâm: Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là chân tâm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nêu một tỷ dụ, từ tỷ dụ này chúng ta có thể hiểu được [chân tâm]. Đức Phật nói chân tâm giống như cái gì? Biển cả! Biển cả là chân tâm. Vọng tâm là gì? Vọng tâm là một bọt nước trong biển cả. Biển cả là một, nhưng các hoa sóng xuất hiện do sóng vỗ thì vô lượng vô biên, mỗi một bọt nước giống như vọng tâm của những chúng sanh chúng ta, ta chấp trước vọng tâm là chân tâm của chính mình, quên mất chân tâm thực sự. Chân tâm là biển cả kia mà! Khi nào cái bọt nước ấy bị vỡ tan, tan đi sẽ dung hợp với biển cả thành một Thể. Chân là một, vọng là hai, ba, là vô lượng vô biên.

Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (Mười phương tam thế, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Do vậy, chân tâm là một, không phải hai. A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Ngã ở đây là Chân Ngã, chứ không phải là Ngã nơi cái thân xác thịt, xác thịt không phải là Ngã. Kinh Phật thường nói Vô Ngã, Vô Ngã là nói về nhục thân, nơi

nhục thân không có Ngã (vô ngã), nhưng quý vị có Chân Ngã. Nhà Phật nói đến bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, đó là thật. Trong Pháp Tánh có Ngã, Pháp Tánh có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, Pháp Thân có Ngã, Pháp Thân có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân, Pháp Thân gì vậy? Pháp Thân chính là Pháp Tướng. Chân tâm, Chân Ngã là Pháp Tánh, tướng được hiện bởi Pháp Tánh gọi là Pháp Tướng. Pháp Tướng là gì? Hư không, thế giới, hết thảy chúng sanh là Ngã! Chuyện này rất khó hiểu, rất khó lãnh hội.

Tôi lại dùng chuyện mộng để tỷ dụ, chúng ta ai cũng có kinh nghiệm nằm mộng. Tôi hỏi quý vị nhé: Trong khi quý vị đang nằm mộng, nếu quý vị bất chợt giác ngộ: “Mình đang nằm mộng mà!” thì mộng ấy từ đâu mà có? Con người hiện thời nói mộng do tâm ý thức biến hiện, tâm ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng. Trong mộng có hư không, trong mộng có núi, sông, đại địa, trong một có rất nhiều nhân vật. Vậy thì quý vị phải hỏi: Có cái gì trong mộng không phải là quý vị hay chẳng? Mộng do tâm ý thức của ta biến hiện, thứ gì cũng đều là ta; quý vị bèn hiểu rõ: Không gì chẳng phải là ta. Lúc ấy, quý vị mới thực sự hiểu lời Phật đã nói: “*Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”.

Vì sao đức Phật phải yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, phải độ chúng sanh khổ nạn? Không có gì khác cả! Vì cùng chung một Pháp Thân. Ta có cái thân này, thân của hết thảy chúng sanh cũng là thân của ta, núi, sông, đại địa cũng là cái ta có, thậm chí hư không cũng là cái ta có. Chúng ta nói đến người một nhà, người một nhà vẫn chưa thân thiết, thân thiết nhất chính là “*cùng chung một Pháp Thân*”, lẽ đâu không yêu thương, che chở? Do vậy, trông thấy hết thảy chúng sanh chịu khổ chính là bản thân ta chịu khổ, thấy hết thảy chúng sanh hưởng vui chính là tự mình hưởng vui. Chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật là một, không phải hai. Chúng sanh và ta không hai, ta và chúng sanh là một Thể. Không chỉ cùng một thể với hữu tình chúng sanh, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (Tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí). Ta và cây cối hoa cỏ, núi, sông, đại địa, hư không rộng lớn có cùng một thể. Đạo lý này sâu xa lắm, chỉ có kinh Đại Thừa mới giảng thật rõ ràng, thật thấu triệt. Đó là Thật Tướng, là chân tướng sự thật, vốn sẵn là như thế.

Mười pháp giới là một Thể nhưng khác tên, thực sự là một Thể. Chúng ta nói đến Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh Văn pháp giới, Duyên Giác pháp giới, thiên pháp giới, nhân pháp giới, nga quỷ pháp giới, súc sanh pháp giới, địa ngục pháp giới, một Thể nhưng khác

tên. Vì sao khác tên? Do khác tướng, tướng không giống nhau, nhưng quả thật là một Thể. Vốn chỉ là một tướng, tướng bị sai khác là vì chúng sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bóp méo tướng ấy. Tướng bị bóp méo khác nhau, nên mang tên khác nhau, chứ thật ra chỉ là một Thể. Có thể khôi phục tướng ấy thành giống hệt nhau hay chẳng? Được chứ! Chỉ cần lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hết thấy tướng sẽ biến thành một tướng. Một tướng có nghĩa là núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, cây vẫn là cây, hoa vẫn là hoa, nhưng biến thành tướng đẹp đẽ nhất!

Giống như trong kinh Phật đã giảng: Trong các cõi Phật, cây cối, hoa, cỏ vĩnh viễn không điêu tàn, vĩnh viễn xanh tươi, thật lạ lùng! Nói cách khác, thực vật không có sanh - trụ - dị - diệt, động vật không có sanh - lão - bệnh - tử, khoáng vật không có thành - trụ - hoại - không, chẳng thể nghĩ bàn! Con người thọ vô lượng, cây cối, hoa, cỏ cũng thọ vô lượng, núi, sông, đại địa cũng thọ vô lượng, chúng ta thấy đó: Cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới của chư Phật là thật, bị biến thành nông nổi này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nơi bản thân chúng ta biến hiện ra, lầm lẫn chịu khổ chịu nạn trong ấy. Vạn pháp có cùng một Thể nhưng tên khác biệt, một Thể là Pháp Tánh. Chúng ta lại thấy: Ở đây, đại sư lại nói A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do Thức biến, lại xét đến y báo:

Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ.

淨土即此方。此方即淨土。

(Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Quả địa cầu của chúng ta đây và Tây Phương Cực Lạc thế giới là một không hai, không khác gì nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm như thế đó, tốt đẹp như thế đó. Đức Thế Tôn dạy chúng ta: Mặt đất của Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là đất cát, không phải là sinh lầy mà là gì? Là bảy báu. Đại địa là lưu ly, người thế gian chúng ta gọi lưu ly là Phỉ Thúy, tức một loại ngọc có màu xanh lá cây trong suốt. Như vậy đại địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ trên mặt thấy thấu tận đáy, thuần sắc xanh tuyền. Bảy báu trong thế giới của chúng ta rất cứng rắn như đá tảng vậy, rất cứng nên chỉ có thể làm những món châu báu, làm đồ công nghệ, làm thành sản phẩm nghệ thuật để thưởng thức. Bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới mềm mại, đại địa rất mềm, ta bước lên giống như đi trên một cái mền bằng đất rất

đây, đi lên đó rất dễ chịu, không cứng chắc.

Ở chỗ chúng ta đây, làm đường bằng nhựa đường, phủ nhựa đường hoặc tráng xi-măng. Đường sá ở Tây Phương Cực Lạc thế giới bằng vàng ròng, quý vị hiểu vàng ròng biết là bao nhiêu, vàng ròng đem lót đường. Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, phần lớn những thứ quý báu ấy được dùng làm vật liệu xây dựng. Vì sao trong thế giới chúng ta, những thứ này bị biến thành đất sét, cát, đá, đều bị biến thành những thứ như vậy? Không có gì khác cả, hoàn toàn giống như phản ứng kết tinh của nước! Người sống nơi này tâm bất thiện, bởi thế, phản ứng kết tinh bèn biến thành những thứ ấy. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới hiền lành, vật chất bèn phản ứng, biến thành vô lượng trân bảo, chứ thật ra, chúng chỉ là một thứ, không khác gì nhau! Bởi thế, “*Tịnh Độ tức thứ phương, thứ phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Khởi phi mê ngộ chi tự thù, hà hữu thánh phàm nhi bỉ thử.

豈非迷悟之自殊。何有聖凡而彼此。

(Há chẳng phải do mê ngộ nên tự khác nhau, nào có thánh phàm sai biệt!)

Phàm hay Thánh bất quá chỉ là danh từ mà thôi, tên gọi khác nhau, nguyên nhân thực sự gây nên những hiện tượng bất đồng chính là mê hay ngộ. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới giác ngộ, tất cả hết thấy vạn vật, cảnh giới biến hiện theo cái ngộ đó đều là tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Con người trong thế gian chúng ta hiện thời tâm hạnh bất thiện, cho nên tất cả hết thấy vạn vật ở nơi đây biến thành xấu tệ, đạo lý là như vậy. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chính là những hình ảnh biến hiện từ chính cái tâm của chúng ta. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), chúng là những hình tướng do cái tâm của chúng ta biến hiện. Chúng ta phải biết rõ ràng, phải thấu suốt, phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này. Như vậy, phải sửa đổi từ nơi đâu? Từ ngay nơi cái tâm chúng ta, đó là thực sự tu đây.

Chân tu không phải là hình thức, mà cốt ở thực chất. Thực chất là gì? Khởi tâm động niệm. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi câu này: “*Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Tâm anh biến thành thiện thì không gì chẳng thiện*”. Đầu tiên là tướng mạo chuyên

biển, tướng chuyên theo tâm, tướng mạo trang nghiêm; tiếp đến là thể chất, thân thể mạnh khỏe, không có bệnh tật. Đó là vật chất gần mình nhất. Chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả hết thảy vật chất đều có phản ứng, giống như nước kết tinh vậy. Vì thế, tâm quý vị lạnh, tư tưởng lạnh, ngôn ngữ, hành vi lạnh thì mỗi tế bào khắp toàn thân, mỗi một khí quan đều tốt lạnh, mọi thứ đều tốt lạnh cả, lẽ nào quý vị không khỏe mạnh cho được, làm sao sanh bệnh cho được!

Nói cách khác, nếu quý vị sanh bệnh, có bệnh tật gì thì bệnh do đâu sanh ra? Chủ yếu là do ý niệm bất thiện tạo thành. Đương nhiên vẫn còn có những nhân tố khác, những nhân tố khác là ăn uống, khí hậu, bị hoàn cảnh bên ngoài công kích, nhưng quan trọng nhất vẫn là tâm tư của chính mình. Nay y giới cũng đang nghiên cứu sức khỏe tâm lý, người tâm lý khỏe mạnh đâu bị bệnh vì nhiễm lạnh, trúng gió cũng rất dễ chữa trị, rất mau lành, khôi phục bình thường. Nếu tâm lý không khỏe mạnh, ắt phiền toái vô cùng, rất dễ bị virus bên ngoài công kích, lại còn khó lành bệnh, tâm lý không khỏe mạnh mà! Hiện tại, các bác sĩ thường nói như thế, nhưng chưa biết được tiêu chuẩn của tâm lý khỏe mạnh là gì, còn trong Phật đã nói về điều này rất rõ rệt.

Lần thứ nhất chúng tôi được nghe câu: *“Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức”* là từ Chương Gia đại sư dạy. Lần thứ hai được nghe câu này ở Tân Gia Ba, Tổng Thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan) bảo tôi như vậy. Ông ta theo Ấn Độ Giáo (Hinduism), cho biết bản thân hết sức tôn trọng Phật giáo, ông ta bảo: *“Phật giáo trọng thực chất chứ không trọng hình thức”*. Tôi nghe xong cảm thấy hết sức kinh ngạc, bởi lẽ, sau khi tôi được nghe câu nói này từ Chương Gia đại sư, trong mấy mươi năm chưa có ai nói câu này trước mặt tôi. Chẳng phải là người nội hạnh (có công tu dưỡng thực sự bên trong, người thông hiểu sâu sắc một lãnh vực nào đó) chẳng thể nói nổi câu này.

Cái *“thực chất”* đó chính là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và hành vi nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không gì là bất thiện. Chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, nhất là đối với những người hiểu lầm, hủy báng, tổn hại chúng ta, chúng ta phải dùng lòng chân thành đối với họ, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng đối với họ, dùng tâm chánh giác từ bi đối với họ, chân tâm! Quyết định chẳng được nói gã đó chơi xấu mình, cần gì phải xử tốt với hắn? Nếu vậy là quý vị trật rồi! Kẻ ấy đọa địa ngục, vì sao ta không đọa địa ngục? Nói vậy chẳng phải là nói lời ngốc nghếch hay sao? Kẻ ấy gây tạo lục đạo, vì sao ta không gây tạo lục đạo? Nay ta cùng kẻ ấy chẳng đi

cùng một đường; kẻ ấy theo con đường lục đạo, chúng ta theo con đường thành Phật. Con đường họ đi là mê không giác, con đường nay chúng ta đang đi là giác chứ không mê, khác nhau! Như vậy nếu cảm thấy bị thua thiệt, vẫn còn lòng giận hờn, vẫn có tâm báo thù, há chẳng phải là lầm lạc quá đời ư? Chẳng những người ta sai lầm, mình cũng lầm luôn! Đoạn khai thị này là đại đạo lý, cũng chứa đựng chân tướng sự thật. Nói xong, trong tiểu đoạn cuối cùng, thiền sư dạy chúng ta:

Nãi tri hiện tiền chúng đẳng.

乃知現前眾等。

(Vậy thì hiện tiền đại chúng).

Chúng ta hiện đang ở cùng một chỗ làm pháp sự này, làm pháp sự này để cùng học tập, cùng tu hành.

Dĩ tự tánh A Di Đà Phật.

以自性阿彌陀。

(Hãy đem A Di Đà Phật nơi tự tánh).

Hiểu rồi thì A Di Đà Phật chính là tự tánh.

Dữ đại chúng thiệt căn.

與大眾舌根。

(Cùng với cái lưỡi của đại chúng).

“Cái lưỡi của đại chúng” ý nói chúng ta hãy xưng niệm A Di Đà Phật.

Phổ đồng vận chuyển căn bản pháp luân.

普同運轉根本法輪。

(Cùng xoay chuyển rộng khắp căn bản pháp luân).

“Căn bản pháp luân” chính là Nhất Chân pháp giới; y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là những hình ảnh do tự tánh hiện, do thức biến. Đó là “căn bản pháp luân”. Việc này chỉ có chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ thấu hiểu, thông suốt. Ngày nay chúng ta có tín tâm, tin rằng chư Phật không nói dối, Phật chẳng lừa dối

chúng sanh, Phật nói ra câu nào cũng chân thật, chúng ta nghe lời Phật chắc chắn không bị lầm lạc. Chúng ta chẳng phải chỉ nghe xong lời Phật dạy rồi thôi, không phải vậy, nghe xong phải chiếu theo những lời dạy ấy để tu học, sau đây tự mình đích thân chứng đắc cảnh giới. Đây chính là chỗ phi thường của đức Phật, Ngài yêu cầu chúng ta phải tự mình chứng minh được những điều đức Phật đã giảng, chứng thực vũ trụ nhân sinh có đúng như vậy hay không, nhất định chúng ta phải đích thân chứng đắc. Cái “*phổ đồng căn bản pháp luân*” ở đây theo chúng tôi hiểu trên mặt Sự chính là mọi người hãy cùng xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật.

Chư nhân hoàn ủy tất ma?

諸仁還委悉麼。

(Các nhân giả còn gì vương mắc nữa chăng? Hiểu thấu chăng?)

“*Chư nhân*” nghĩa là gọi mọi người bằng danh xưng “*nhân giả*” (bậc nhân từ), “*nhân giả*” là từ ngữ xưng hô cung kính đối với Bồ Tát, nghĩa là người nhân từ, “*chư nhân*” nghĩa là các vị nhân từ. “*Hoàn ủy tất ma*”: Ủy (委) là ủy khuất (vương mắc, ép uổng). Có điều gì xử ép quý vị chăng, quý vị đã hiểu thấu hay chưa? “*Tất ma*” là thấu hiểu hay chưa! A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ một lát.

*

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp bài kệ tiếp theo của thiền sư Trung Phong:

12. Thiên Kệ

***Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh,
Lạc bang na khểng cấm nhân hành,
Thùy tri vạn tượng hồng trần lý
Hạ đạ hoa khai nguyệt chánh minh.***

生滅無生生不生。

樂邦那肯禁人行。

誰知萬丈紅塵裡。

菡萏華開月正明。

(Tạm dịch:
*Sanh diệt vô sanh, sanh chẳng sanh,
Cực Lạc sanh về há cấm ngăn?
Hồng trần muôn trượng nào ai biết:
Búp sen xòe nở rạng trắng thanh).*

Câu nào trong bài tụng này cũng mang Thiền cơ thâm diệu. Phân khai thị ở trên cũng khiến cho chúng ta hiểu được đôi chút bài kệ này. “*Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh*”, đối với Sự - Lý trong câu này chúng tôi chẳng thể nói là mình đã thấu hiểu thật rõ ràng, tối thiểu chỉ có khái niệm lơ mờ, như vậy đã rất hy hữu; vì sao? Trước kia, về căn bản, chúng ta chẳng có khái niệm gì, nay có chút khái niệm như thế, nhà Thiền gọi khái niệm ấy là “*nghi tình*”. Có nghi tình thì mới có chỗ ngộ; bởi lẽ, tiêu nghi thì tiêu ngộ, đại nghi bèn đại ngộ. Ở đây, không phải là hoài nghi, mà là nghi tình.

Nghe Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng cho chúng ta nghe chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta phải thường đọc, thường nghe, thường suy nghĩ cho đến khi nào tâm định, định có thể khai huệ. Tâm lao chao, vọng niệm quá nhiều sẽ không có cách nào, cũng không có cách gì ngộ nhập được; chúng tôi thường nói là “khai ngộ”, quý vị không có cách gì khai ngộ. Khai ngộ thì nhất định tâm phải định. Vì thế, cổ nhân Trung Quốc nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Độc sách ngàn lần tự thấy được nghĩa). Người học Phật hiểu đạo lý này rất dễ dàng, sau khi đọc một ngàn lần, tâm bèn định. Tâm đã định ắt có chỗ ngộ. Không cần nghĩ đến nghĩa, chẳng cần phải hỏi mà có thể thấu suốt, hoát nhiên khai ngộ mà! Đạo lý là đây. Bởi thế, nghe nhiều, đọc nhiều, vì nhiều người tuyên giảng, trí huệ càng được mở mang nhanh chóng!

Đây là kinh nghiệm của suốt một đời tôi, như quý vị đều thấy đó. Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi hai năm, đã giảng kinh được bốn mươi lăm năm, trong suốt bốn mươi lăm năm không gián đoạn, ngoại trừ những lúc phải đi đây đi đó, hầu như ngày nào cũng giảng, mà đọc kinh cũng chưa hề gián đoạn, khi du hành cũng không gián đoạn. Nếu tâm quý vị định, không có vọng niệm, không bị tạp loạn thế gian gây rối thì mới khế nhập được mấy phần.

Câu thứ hai nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Lạc bang na hằng cấm nhân hành*” (Cực Lạc sanh về há cấm ai?): Quyết định chẳng cấm ai vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nơi thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật dang rộng hai tay hoan nghênh mọi người di dân sang đó, không hề cự

tuyệt. Nói thật ra, cũng giống như Úc châu hiện thời, bộ trưởng Cái Thụy (Gerry Hand) bộ Di Dân của Úc Châu có lần chủ trì lễ tuyên thệ nhập tịch, khi ấy tôi vẫn chưa là công dân Úc, nhưng tình cờ lần ấy, ông ta mời tôi tham dự lễ nhập tịch. Ông ta tuyên bố trong buổi lễ: “Úc châu hoan nghênh di dân từ mọi nơi, chẳng giống như những quốc gia khác đặt ra rất nhiều hạn chế theo từng khu vực địa lý”. Úc châu hạn chế rất ít, hoan nghênh di dân, trở thành công dân Úc rất dễ!

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thế, hoan nghênh chúng sanh từ các cõi Phật trong mười phương, chỉ cần quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều kiện rất đơn giản: Quý vị thực sự tin tưởng, có nguyện vọng, muốn sanh về đó rồi nhất tâm nhất ý niệm một câu A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật ấy giống như tín hiệu, chúng ta ở đây phát đi tín hiệu, A Di Đà Phật ở bên đó liền nhận được. Chúng ta dùng phương pháp này để tâm tâm tương ứng cùng A Di Đà Phật, giữ mối quan hệ. Đến khi duyên chín muồi, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta.

Thông thường khi duyên chín muồi là lúc chúng ta mạng chung trong thế gian này. Quý vị phải hiểu: Lục đạo phàm phu đều có thọ mạng, vì sao có mạng vận? Là vì họ có vọng tưởng, có chấp trước. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc giảng: “*Hễ ai có chấp trước, có vọng tưởng thì phải có số mạng, không thể tránh khỏi số mạng. Ai vọng tưởng, chấp trước, phân biệt đều buông xuống được hết sẽ không còn số mạng nữa!*” Người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chúng ta có buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được hay chưa? Chưa! Nếu chưa thì vẫn còn có số mạng, đó gọi là “đói nghiệp vãng sanh”. Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông xuống thì sự vãng sanh ấy gọi là “*tự tại vãng sanh*”, muốn đi lúc nào bèn đi ngay lúc ấy, không bị mạng vận trói buộc, không còn mạng vận nữa; vì thế, sanh tử tự tại. Mức độ tự tại cũng khác biệt, [tùy theo] công phu của quý vị cao hay thấp mà [tự tại] sâu hay cạn khác nhau. Bởi vậy, thế giới Cực Lạc luôn hoan nghênh, tuyệt đối không ngăn cấm.

“*Thùy tri vạn trượng hồng trần lý; hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh*” (Ai biết trong hồng trần vạn trượng: búp sen nở dưới trăng thanh). Từ ngữ “*vạn trượng hồng trần*” hình dung lục đạo luân hồi. “*Thùy tri*” là ai có thể nghĩ được? Trong lục đạo luân hồi nghiêm nhiên có búp sen của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Hạm đạm*” là búp sen chưa nở, lúc nở rồi thì gọi là “*liên hoa*”, lúc chưa nở gọi là “*hạm đạm*”. Hạm đạm là búp sen. Nói về điều gì vậy? Chính là người niệm

Phật, mỗi một người niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao bảu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh ra một đóa sen. Trên hoa đề tên người ấy, trong tương lai, khi người ấy vãng sanh sẽ sanh trong hoa sen ấy.

Nay chúng ta chưa sanh vào thế giới Cực Lạc, nay đang phát tâm, trong ao bảu bên thế giới Cực Lạc bèn có hoa sen. Tín hiệu của chúng ta là niệm A Di Đà Phật, niệm Phật chính là tín hiệu, tín hiệu ấy sẽ vun quén đóa sen đó. Quý vị niệm Phật công phu càng siêng, tâm niệm càng thuần, càng chân thật thì hoa sen dần dần tăng trưởng, càng ngày càng to, ánh sáng và màu sắc càng đẹp. “*Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh*”: Vàng trắng biểu thị Chân Như Tự Tánh, vẫn chỉ là do tâm hiện, chỉ do thức biến, trọn chẳng rời khỏi tâm tánh. Tâm tánh có thể hiện, có thể biến; tất cả hết thấy hiện tượng là cái được hiện, được biến, nhất định phải hiểu đạo lý này. Khai thị đến chỗ này là hết một đoạn, tiếp theo là phần quan trọng nhất: Niệm Phật, vì Hệ Niệm Pháp Sự lấy việc niệm Phật làm chánh, niệm Phật, phát nguyện. Ở đây, chúng ta thấy có tám mục, phần này là thuyết pháp. Sau khi khai thị, thuyết pháp xong lại niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Tiếp đó, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, niệm Đại Thế Chí Bồ Tát ba lần, niệm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát ba lần, những nghi thức này ắt chur vị rất quen thuộc, mọi người thường làm thế. Sau phần Niệm Phật là phát nguyện, trong thời thứ nhất nêu lên mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Khi Tịnh Tông Học Hội của chúng ta thành lập, trong phần duyên khởi chúng tôi đặt ra năm khoa mục tu hành, cũng có nghĩa là những giáo huấn chân thật mà trong cuộc sống thường nhật, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta nhất định phải tuân thủ, quyết định không được trái nghịch. Năm khoa mục ấy đều trích từ kinh luận ra.

1) Thứ nhất là “*Tịnh nghiệp tam phước*” trích từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Điều thứ nhất là “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp*”, chúng ta phải thực hiện, phải làm được. Điều thứ hai là “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Điều thứ ba là “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân*

quả, đợc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tân hành giả”. Đó là khoa mục tu hành thứ nhất của chúng ta. Chúng ta có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không là do chúng ta làm đợc bao nhiêu phần của mười một câu trong ba điều này. Nếu quý vị hoàn toàn không làm đợc thì trong một đời này chẳng thể vãng sanh, rất quan trọng đây nhé!

2) Khoa mục thứ hai là Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là cách đối xử giữa đại chúng ở cùng một chỗ với nhau. Con người là động vật có tính xã hội, quyết định chẳng thể sống một mình. Dẫu là tại gia thì vợ chồng cũng là hai con người cùng sống một chỗ, bởi thế, phải đối xử thuận hòa với nhau, tôn kính lẫn nhau là điều quan trọng hơn hết. Để dạy đại chúng đối xử với nhau như thế nào, đức Phật nêu ra sáu điều.

“*Kiến hòa đồng giải*” nói theo ngôn ngữ bây giờ là tạo dựng sự hiểu biết chung. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy người sự vật phải rất gần giống nhau. Gần giống nhau theo cách nào? Phật pháp giảng hết sức cao minh: Phải buông hết thành kiến, cũng như cách nghĩ, cách nhìn của mình xuống, ai nấy đều buông xuống, đây chẳng phải là hoàn toàn nhất trí hay sao? Kiến giải, cách nghĩ, cách nhìn tương đồng, phương pháp ấy hay khéo đến cùng cực. Tuy vậy, buông xuống chẳng phải là chuyện dễ dàng, Bồ Tát mới có thể buông xuống đợc, A La Hán vẫn chưa buông xuống hoàn toàn, nhưng đã buông xuống không ít. Phạm phu không làm đợc, vậy thì làm thế nào đây? Phạm phu phải nương theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy, vậy là tốt, chớ có nương theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu nương theo những giáo huấn trong kinh điển thì bọn phạm phu chúng ta có thể làm đợc điều này, hết sức cụ thể! Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta cứ làm như thế đó; đức Phật dạy chúng ta đừng làm những gì, chúng ta quyết định không làm. Đó là biện pháp tốt.

Thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”. Giới (戒) nghĩa là đại chúng sống cùng một chỗ phải có quy củ, phải có luật lệ, mỗi một cá nhân trong chúng ta đều phải tuân thủ. Đức Phật vì chúng ta chế định những giới luật, pháp tắc, là khuôn mẫu sinh hoạt đợc chế định dựa trên hoàn cảnh sinh hoạt hiện thời của chúng ta. Nay chúng ta gọi đó là công ước sinh hoạt. Tiếp đến là “*thân hòa đồng trụ*”, “*khẩu hòa vô tranh*”, “*ý hòa đồng duyệt*”, cuối cùng là “*lợi hòa đồng quân*”. Lợi hòa đồng quân là cuộc sống vật chất lẫn cuộc sống tinh thần đều bình đẳng, không đặc biệt (tức là không ai đợc ưu đãi đặc biệt hơn người khác), không cao thấp, chúng ta sống giống hệt như nhau, nay gọi “*cộng hữu tài sản*”. Do vậy, trước kia chúng tôi giảng kinh thường nói Phật giáo chính là sở hữu tài

sản chung một cách tối cao. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nhà Phật hoàn toàn nói đến quyền sở hữu tài sản chung, không có tư hữu tài sản, chỉ có đoàn thể. [Mỗi cá nhân trong] đoàn thể sống bình đẳng nhất loạt như nhau, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật làm mẫu mực. Cả một đời đức Phật, cơm, áo, ăn ở đều giống hết đại chúng, không khác biệt chút nào. Do vậy, mọi người khâm phục Ngài đã làm được hết sức triệt để. Đó là Lục Hòa, tức khoa mục thứ hai.

3) Khoa mục thứ ba là Tam Học. Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của chúng ta. Tam Học là Giới - Định - Huệ, quyết định chẳng được trái nghịch, quyết định chẳng được lìa khỏi,

4) Khoa mục thứ tư là Lục Độ của Bồ Tát: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã.

5) Khoa mục thứ năm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát được nói đến ở đây. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hành thường phải dựa vào đâu? Dựa vào mười nguyện này!

Năm khoa mục này được gọi là “*hành kinh*” (khuôn phép để tu hành), phải đưa chúng vào hành động, chẳng được nói xuông. Kinh này không phải để quý vị tụng, cũng chẳng phải để cho quý vị giảng giải, mà là yêu cầu quý vị thực hiện, áp dụng vào cuộc sống của chính quý vị, thực hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị phải làm cho được. Vì thế, chúng ta tu hành, dùng năm khoa mục này làm tiêu chuẩn hòng sửa đổi những hành vi sai lầm. Ở đây, chúng ta hãy xem mười nguyện Phổ Hiền ấy, nguyện thứ nhất trong mười nguyện Phổ Hiền là:

13. Phát Nguyện (Phổ Hiền Thập Đại Nguyện)

Nhất giả lễ kính chư Phật.

一者禮敬諸佛。

(Một là lễ kính chư Phật).

Chư Phật là gì? Luận theo Lý, chư Phật là Pháp Tánh. Pháp Tánh phủ trùm cả vô tình lẫn hữu tình, bao gộp toàn bộ, chúng ta phải chân thành, bình đẳng cung kính hết thấy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ. Vì sao? Hết thấy hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, kinh Phật dạy như thế. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta không ít, còn vị lai Phật? Tất cả hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, trong tương lai đều sẽ làm Phật, bởi thế, hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật. Trong “*lễ kính chư Phật*”, quan trọng nhất là dạy chúng ta phải lễ

kính vị lai Phật. Đó là ý nghĩa thực sự. Do vậy, trong nhiều nghi thức nhà Phật, mở đầu bằng “*nhất thiết cung kính*” (hết thầy cung kính), “*nhất tâm đảnh lễ*” đều là vì ý nghĩa này.

Không riêng gì Phật pháp giảng như thế, Nho gia Trung Quốc cũng nói như vậy. Quý vị đọc thiên sách Khúc Lễ trong Lễ Ký, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: ‘Đừng bất kính’). Đúng là câu đầu tiên ấy và nguyên Phổ Hiền thứ nhất khéo sao chỉ khác cách nói nhưng có cùng một tác dụng. Người Hoa thường nói: “*Anh hùng sở kiến đại lược tương đồng*” (cái thấy của những bậc anh hùng nói chung giống nhau). Đức Phật nói tu hành thực sự thì phải bắt đầu từ chỗ này, Nho gia cũng khởi đầu từ đây, cung kính! Chúng ta đối với đức Phật cung kính như thế nào thì nói cách khác, đối với hết thầy mọi người cũng phải cung kính như cung kính đức Phật. Sau đó lại mở rộng ra, đối với hết thầy vạn vật, đối với cây cối, hoa cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với thần linh trong chín pháp giới, đối với các loài quỷ trong ba ác đạo đều cung kính như cung kính Phật. Đối với họ phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chân thành, chẳng được có ý nghĩ cao thấp, vì sao? Là vì cùng một Thể khác tên, một Thể nhưng khác tướng, đạo lý này đã giảng trong phần trên rồi đấy!

Trong mấy năm qua, tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo khác, chúng tôi xây dựng một nhận thức chung: “*Trong vũ trụ chỉ có một chân thân duy nhất. Vị chân thân duy nhất ấy trong Phật giáo chúng ta gọi là Pháp Tánh*”. Chân thân sáng tạo trời, đất, vạn vật, trong kinh Phật nói trời đất vạn vật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chính Tánh Thức sáng tạo trời, đất, vạn vật. Các tôn giáo gọi cái được pháp tánh hiện, pháp tánh biến ấy là “chân thân”. A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đều do Pháp Tánh hiện, Pháp Tánh biến. Các thần linh trong những tôn giáo khác cũng là đối tượng được hiện, được biến bởi Pháp Tánh; do vậy, [các tôn giáo] là một chứ không phải hai.

Chúng ta hiểu nguyên lý này, biết chân tướng của sự thật này. Luận trên mặt Sự, chúng ta có thể nói hết thầy các vị thần trong tất cả các tôn giáo đều là hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lấy ta làm bản vị thì ta là chủ, họ là khách. Nếu luận trên căn bản của Cơ Đốc giáo (Christianity) thì Cơ Đốc Giáo là chủ, ta là khách, tất cả hết thầy các thần trong những tôn giáo khác đều là hóa thân của Gia Tô (Jesus). Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vậy, Khổng Tử, Lão Tử của Trung Quốc cũng thế. Do vậy, chủ không nhất định là chủ, mỗi người đều có thể làm chủ, khách cũng có thể làm chủ, đứng ra làm chủ, ai nấy đều có thể làm

bạn. Kinh Hoa Nghiêm gọi điều này là “*chủ bạn viên dung*”.

Do đó, tất cả hết thấy tín đồ tôn giáo là người một nhà, đều là hóa thân của một chân thân. Tôi vào giáo đường của tôn giáo khác, tôi lễ bái, người khác thấy vậy ngạc nhiên lắm, cứ sao ông lại lễ bái? Tôi lễ là lễ hóa thân của một vị chân thân, thần của họ không khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật cả, là một, không phải hai. Phổ Hiền Bồ Tát còn mở rộng ý nghĩa này hơn nữa: Không những hết thấy thân là một, mà hết thấy chúng sanh đều là một. Chúng ta đối với tất cả hết thấy chúng sanh đều lễ kính, coi họ như chư Phật Như Lai, coi như chân thân duy nhất không hai, không khác. Ai làm được như thế? Phổ Hiền Bồ Tát làm được. Nếu quý vị làm được như thế, quý vị chính là Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát có năm mươi một tầng cấp: Sơ Phát Tâm Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Tín Vị Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Trụ Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Địa Phổ Hiền Bồ Tát, Đăng Giác Phổ Hiền Bồ Tát. Cứ hễ là người tu hạnh Phổ Hiền thì đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hạnh Phổ Hiền, quý vị hãy mở kinh Vô Lượng Thọ ra xem đi, không phải là trong phần Chánh Tông, mà là trong Tự Phần, mở đầu bằng phân liệt kê đại chúng tham dự pháp hội, sau phân nêu danh hiệu đại chúng có một câu: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân thủ, tu tập đức của Phổ Hiền). Đức của Phổ Hiền chính là mười nguyện này đây. Vì thế, phải biết Tịnh tông đồng học nếu là người thực sự tu Tịnh tông thì người ấy tu như vị Bồ Tát nào? Tu theo Phổ Hiền Bồ Tát.

Cận đại, Hoàng Nhất đại sư như ai này đều biết, khóa niệm sáng tối của Hoàng Nhất đại sư là gì? Niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ngài tu Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài không niệm kinh Vô Lượng Thọ, không niệm kinh A Di Đà, mà niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do đây biết rằng: Hoàng Nhất đại sư cả một đời tu mười đại nguyện vương. Quý vị hãy chú tâm quan sát Ngài, sau khi Ngài học Phật, quy tín Tịnh Độ rồi, Ngài biểu hiện, Ngài sống, xử sự, đãi người, tiếp vật có giống với mười nguyện hay chăng? Có phải là thực sự thực hiện hay không? Tôi chú tâm quán sát thấy Ngài thực sự làm được. Bất luận đối với ai Ngài đều cung kính, Ngài xử sự, đối vật đều cung kính. “*Lễ kính chư Phật*” được thể hiện trong cuộc sống thường nhật. Hoàng Nhất đại sư đã nêu gương cho chúng ta thấy.

Chúng ta học Phật phải khởi đầu từ đâu? Từ lễ kính! Đối với

người khác ngạo mạn, đối với người khác không biết tôn trọng, không biết quan tâm, không biết giúp đỡ tức là không biết học Phật, vẫn là mê hoặc, điên đảo, không làm được một câu nào! Bởi thế, ngàn muôn phần mọi người chớ hiểu lầm “*chư Phật*” chỉ là những vị đã thành Phật! Không phải thế! “*Chư Phật*” ở đây là tam thế chư Phật, quan trọng nhất là vị lai chư Phật. Vị lai chư Phật là tất cả hết thảy chúng sanh trong hiện tại, bao gồm cả động vật, muỗi, kiến đều là Phật. Quý vị có lễ kính được hay không? Cây cối hoa cỏ cũng đều là Phật, phạm vi rất rộng lớn, nghĩa lý rất sâu xa, vi diệu đến cùng cực! Vì thế, đó là tiêu chuẩn tu học của Tịnh tông.

Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là không biết cung kính, hiện thời đúng là vô lễ vô kính, làm sao vãng sanh cho được? Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà đã bảo cùng quý vị rồi: Thế giới Cực Lạc chỉ là Phổ Hiền pháp giới. Hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều là Phổ Hiền Bồ Tát, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi đều tu hạnh Phổ Hiền. Trong kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn nói rõ ràng: Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ Tịnh tông của thế giới Sa Bà, Ngài dạy dỗ chúng ta chính là thay mặt đức A Di Đà Phật giáo hóa. Chúng ta phải tin, phải hiểu, phải tiếp nhận, phải nghiêm túc phụng hành, phải dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để học tập.

Khắp pháp giới, trọn hư không giới, Phổ Hiền Bồ Tát cùng hết thảy chúng sanh (chúng sanh ở đây bao gồm hữu tình lẫn vô tình) quyết định không đối lập, như thế là lễ kính thực sự. Nếu có đối lập sẽ chẳng thực hiện được câu “*lễ kính chư Phật*” này. Vì vậy, hạnh Phổ Hiền khó tu nhất. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Nếu quý vị muốn chứng đắc Phật quả viên mãn thì quý vị phải tu hạnh Phổ Hiền. Do đây, ta có thể hiểu được sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới: Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là người tu hạnh Phổ Hiền, đều đã tu Phật đạo rất ráo viên mãn.

Nhị giả xưng tán Như Lai.

二者稱讚如來。

(Hai là khen ngợi Như Lai).

Ở đây, chúng ta phải chú ý, ở trên nói “*chư Phật*”, còn ở đây lại đổi thành Như Lai. Nghĩa là sao? Chư Phật và Như Lai chẳng phải là

một, không phải là hai hay sao? Thừa cùng quý vị, chư Phật và Như Lai không một, không khác, chẳng thể nói là một, mà cũng không thể nói là hai; thế nhưng quả thật có hai cách giảng. Chư Phật là nói trên mặt Tướng, còn nói Như Lai là luận trên mặt Tánh. Chúng ta đã biết Tự Tánh có bản năng, bản năng là gì? Là giác tri, như trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn bảo là “*thấy - nghe - hay - biết*”. Thấy - nghe - hay - biết là Tự Tánh, hoặc như kinh thường gọi là Pháp Tánh, nó có bản năng (năng lực sẵn có) vĩnh viễn bất sanh bất diệt trọn khắp pháp giới, hư không giới. Ngoại trừ bản năng ra, còn có bản đức (phẩm đức chánh yếu, phẩm đức sẵn có), đức ấy cũng trọn khắp hư không, pháp giới. Bản đức là gì vậy? Chính là từ bi, là yêu thương.

Do vậy, tôn giáo nào cũng đều nói đến từ bi, đều nói đến yêu thương. Phật pháp nói đến từ bi, kinh Cổ Lan (Koran) nói đến nhân từ, kinh Tân Cựu Ước nói đến yêu thương, Chúa yêu thương con người, Thượng Đế yêu thương người đời, mọi tôn giáo đều nói đến yêu thương. Vì vậy, yêu thương là chân lý của vũ trụ, chân lý của vũ trụ chính là bản đức của pháp tánh, vốn sẵn đủ tánh đức. Từ thí nghiệm kết tinh nước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã phát hiện được chuyện này, gọi những thông điệp đến nước, nước có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp nhận những thông điệp từ con người. Thông điệp nào tốt lành nhất? Chính là yêu thương và cảm tạ. Hai thông điệp ấy gây nên những phản ứng kết tinh đẹp đẽ nhất. Thí nghiệm suốt tám, chín năm, ông ta khẳng định yêu thương và cảm tạ chính là chân lý trong vũ trụ, chúng ta đã biết rồi! Chúng ta biết đây chính là tánh năng, tánh đức; tánh năng là thấy - nghe - hay - biết, tánh đức là nhân từ, bác ái.

Ở Tân Gia Ba, chúng tôi qua lại cùng chín tôn giáo⁴², tôi cũng viết mấy câu: “*Căn bản của mọi tôn giáo là nhân từ, bác ái*”. Tông chỉ cứu độ chúng sanh của mọi tôn giáo là giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui. Nhân từ, bác ái, lìa khổ được vui là quan niệm chung của tất cả hết thảy tôn giáo, là mục tiêu giảng dạy chung. Vì sao tôn giáo không thể đoàn kết? Vì sao không thể đối xử hòa thuận với nhau? Vì sao không thể hợp tác với nhau? Có thể được chứ! Chúng tôi cân nhắc kỹ chuyện này, quả nhiên là có thể thực hiện được! Năm ngoái, tôi hai lần qua thăm Nhật Bản, gặp gỡ hàng lãnh đạo Cơ Đốc Giáo đều hết sức vui vẻ, hết sức hòa hài. Quan niệm cơ bản của chúng tôi là nhân từ bác ái, lìa khổ được vui.

⁴² Chín tôn giáo chính ở Tân Gia Ba là Phật Giáo, Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo, Đạo Giáo, Ấn Độ Giáo, đạo Sikh, Do Thái Giáo, Bái Hỏa Giáo, và Bahá'í.

Lìa khổ được vui là luận theo mặt Quả. Có quả ắt phải có nhân, chúng ta phải thực hiện công phu từ nơi nhân. Nhân là gì? Phá mê khai ngộ! Hết thấy khổ do mê mà có, hết thấy vui do ngộ mà sanh. Hễ ngộ bèn vui, hễ mê bèn khổ. Vì vậy, quả báo của phá mê khai ngộ là lìa khổ được vui. Phá mê khai ngộ nhất định phải là người đã khai ngộ rồi đi dạy dỗ người chưa khai ngộ. Trong kinh, đức Phật thường nói: Người đã khai ngộ phải vì người chưa khai ngộ, vì bọn họ diễn nói. “*Diễn*” là biểu diễn, làm cho người ta thấy; “*nói*” là vì họ thuyết minh. Cuộc sống rất vui sướng ấy của chúng ta phải làm cho họ biết, khiến cho họ trông thấy sanh lòng vui vẻ, hướng về mình thỉnh giáo, ta sẽ giải nói tường tận cho họ khiến họ cũng giác ngộ. Giác ngộ rất vui sướng, đã lìa được khổ rồi!

Vì thế, trong phần trên tôi đã nói hai câu, trong câu đầu tiên, chư Phật là nói trên mặt sự tướng, cung kính hết thấy, quyết định chẳng được phân biệt, đừng chấp trước. “*Xưng tán*” khác với lễ kính, phải tương ứng với tánh đức mới xưng tán, không tương ứng tánh đức thì chẳng xưng tán. Không như lễ kính, lễ kính là hoàn toàn bình đẳng, không điều kiện; xưng tán có điều kiện. Nói cách khác, chỉ khen ngợi điều thiện, không khen điều bất thiện. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu khen ngợi điều bất thiện, làm sao giáo hóa chúng sanh cho được? Sao có thể biến đổi phong tục xã hội cho tốt lành hơn được? Vì vậy, xưng tán điều lành, không xưng tán điều bất thiện.

Người bất thiện, chuyện bất thiện, chúng ta lễ kính, nhưng không xưng tán. Người lành, việc lành, ta vừa lễ kính lại vừa xưng tán, khác biệt ở chỗ này. Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị thấy rồi đó: Ngài đến tham phỏng bà-la-môn Thắng Nhiệt, có lễ kính nhưng không xưng tán; tham phỏng Cam Lộ Hỏa Vương, có lễ kính nhưng không xưng tán; vì sao? Bà-la-môn Thắng Nhiệt tượng trưng cho ngu si, bất thiện; Cam Lộ Hỏa Vương tượng trưng nóng giận, bất thiện! Vì thế đối với tham - sân - si, hết thấy tâm hạnh bất thiện không xưng tán, chỉ có lễ kính, như thường hay nói (chính Không lão phu tử nói như vậy) “*kính nhi viễn chi*” (tôn trọng, nhưng không gần gũi). “*Viễn*” không có nghĩa là không qua lại với họ, không có nghĩa như vậy, mà là không học theo họ, ta chỉ nên học theo cái lành, chẳng được học theo điều bất thiện. Bởi lẽ, không được xưng tán bất thiện, đối với chuyện này phải cân nhắc; lễ kính không giống như vậy, lễ kính không cần cân nhắc chút xíu nào, lễ kính là bình đẳng.

Do hết thấy chúng sanh tánh vốn lành nên chúng ta tôn kính điều ấy. Xưng tán là gì? Người ta có tập tánh, trong tập tánh có thiện, có bất

thiện. Lễ kính hoàn toàn dựa trên bốn tánh, chứ không nhìn vào tập tánh; vì thế, đối với kẻ ác cũng phải lễ kính. Còn xung tán thì phải chú trọng tập tánh, trong tập tánh có thiện, có ác, chúng ta phải đề cao điều ác, ẩn giấu điều thiện. Thiện phải được biểu dương, phải tán thán. Ác chớ nói, đừng ghim vào lòng, cũng đừng để nơi miệng, khiến cho kẻ làm ác tự phản tỉnh. Những điều ấy đều thuộc về giáo dục, khiến cho người làm ác tự cảm thấy: “Mình làm một điều lành nhỏ nhặt liền được mọi người khen ngợi, mình làm điều ác nhiều ngàn ấy, chẳng ai nói một câu nào. Chẳng phải người ta không biết, người ta biết chứ, biết nhưng không phê bình một câu nào, khiến cho lương tâm của chính mình bị cắn rứt, khiến tự mình quay đầu là bờ”, như vậy là hay lắm!

Nói thô thiện là mình phải tha thứ cho lỗi lầm của người khác, không cần phải trách móc lỗi lầm của người ta, mong mỗi người ta sửa lỗi đổi mới, đấy gọi là “*phổ độ chúng sanh*”. Lại gìn giữ thân tâm của chính mình cho thanh tịnh, thuần thiện, thuần tịnh, quyết chẳng để điều bất thiện vào tâm, quyết chẳng thể nói đến điều bất thiện. Thân - ngữ - ý của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, lại còn có thể cảm hóa những kẻ bất thiện, cảm hóa những sự bất thiện. Có phải là tốt đẹp hơn không? Thánh nhân giáo hóa chúng ta như thế đó.

Tam giả quảng tu cúng dường.

三者廣修供養。

(Ba là rộng tu cúng dường).

Ở phần trên đã nói không chỉ là hình thức, nói xuông, mà phải có hành động cụ thể. Nghĩa là sao? Thấy người khác có khổ nạn, quý vị phải thực sự giúp đỡ. Không cần người ta thỉnh cầu, chúng ta trông thấy, nghe thấy, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, giúp đỡ không kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Cúng dường là bố thí, trong bố thí có lòng cung kính thì gọi là “*cúng dường*”. Trong bố thí không có tâm cung kính thì chỉ gọi là “*bố thí*”, thêm vào lòng cung kính chân thành thì sự bố thí ấy được gọi là “*cúng dường*”. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát không tu bố thí mà tu cúng dường.

“*Quảng tu cúng dường*”: Chúng ta nghe nói người khác gặp tai nạn, tự mình phải chú tâm xem xét, quan sát có đúng như vậy hay không. Nếu quả thật là đúng thì khi chúng ta nghe nói đến chuyện đó, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, đó là nghĩa vụ, không có bất kỳ điều kiện gì. Mấy vị cán bộ chủ yếu của hội Hòa Thống của Úc Châu, ở ngay tại

thành phố Brisbane này, bọn họ đến tìm tôi, bảo tôi họ muốn lập một đoàn y tế qua Tây Tạng khám bệnh miễn phí.

Tôi hỏi: “Chữa bệnh miễn phí gì vậy?” Họ nói: “Người Tây Tạng sống trên cao nguyên, tia tử ngoại tuyến (ultraviolet ray) rất mạnh, nên bị bệnh cườm mắt rất nhiều. Mỗi năm có thêm khoảng gần sáu bảy ngàn bệnh nhân, mỗi năm càng tăng thêm, nghiêm trọng hơn, bị mù lòa”. Những người phát tâm gồm năm bác sĩ mắt, năm bác sĩ đa khoa tổng quát, lại còn một số y tá, ước chừng gần hai mươi người, lập thành một đội y tế qua đó giúp đỡ những người bị cườm. Nghe nói hiện thời dụng cụ mổ cườm hết sức tiên bộ, chỉ mổ trong thời gian rất ngắn, không đau đớn gì, ngay lập tức mổ bỏ được cườm, khiến cho người bệnh khôi phục thị lực. Đây là chuyện tốt lành! Chuyện này khác gì nhà Phật chúng ta thường nói “*thấp đèn sáng*” khiến cho những chúng sanh khổ nạn được khôi phục ánh sáng.

Tôi nghe vậy, tôi vẫn còn có chút khả năng, tôi bảo: “Hay lắm! Tôi cũng đừng chút tiền thuốc men”. Họ cũng không yêu cầu tôi, cũng không đến xin xỏ tôi, tôi nghe được chuyện tốt lành, đây là sự thật. Đại khái là đồng bào ở Tây Tạng, hầu như mắc bệnh cườm rất nhiều, gần như chiếm một phần ba dân số, rất nghiêm trọng! Cứ trong ba người có một người mắc bệnh cườm, hết sức nghiêm trọng! Đây là chuyện tốt [chúng ta cần phải giúp đỡ].

Sau khi tôi hiểu rõ chuyện này, tôi cũng tỏ thái độ. Ít lâu sau, từ Tây Tạng có một đoàn khách đến viếng thăm Úc châu, đại sứ Trung Quốc tại Úc châu thông báo cho tôi biết, mong tôi sẽ tiếp đoàn khách viếng thăm này. Chúng tôi cùng ăn một bữa cơm tại bờ biển Hoàng Kim⁴³, người lãnh đạo bọn họ là tiên sinh Nhiệt Địa, là người Tạng, ngỏ lời mời mong mỗi tôi sang thăm Tây Tạng, đúng lúc đang có phái đoàn này, tôi đi cùng mọi người luôn. Tôi cũng rất hưởng ứng, từ trước đến nay chưa hề đi. Vì thế, lần này có cơ duyên như vậy bèn đi theo đoàn luôn.

Như vậy, hễ biết ai có khổ có nạn thì phải tận tâm tận lực tu cúng dường! Không đợi người ta khuyên nhủ, đợi đến khi người ta khuyên thì không còn ý nghĩa gì, quý vị không thật tâm, bị ép buộc; giống như bị người ta khuyên, mình không vui lòng, vẫn là bị ép buộc một chút. Nếu chúng ta dưỡng thành cái tâm bố thí cúng dường, có hành vi bố thí cúng

⁴³ Tức là thành phố Gold Coast ở phía Đông Nam tiểu bang Queensland, nằm ngay phía Nam thành phố Brisbane, rất gần ranh giới giữa tiểu bang Queensland và New South Wales.

dường, chẳng đợi người khác mở miệng, nhưng tự mình phải xem xét chuyện ấy là thật hay giả. Trong xã hội chuyện giả rất nhiều, người lừa tiền cũng không ít, chúng ta cũng đừng bị mắc lừa, đừng bị lừa dối. Do vậy, nhất định phải chú tâm quan sát, thẩm tra là thật hay giả. Nếu quả thật họ cần thì chúng ta phải bỏ tiền, ra sức, tận tâm tận lực giúp.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 45

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần sám hối trong phần Khai Thị của thời thứ nhất. Xem từ nguyện thứ tư của mười nguyện Phổ Hiền.

Tứ giả sám hối nghiệp chương.

四者懺悔業障。

(Bốn là sám hối nghiệp chương)

Cổ nhân thường nói: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá, quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (Con người chưa phải thánh hiền, ai mà không lầm lỗi. Có lỗi biết sửa, còn gì tốt lành hơn được nữa). Như vậy, có thể nói cách tu Sám Hối này phổ biến trong mọi thánh giáo dù là thế gian hay xuất thế gian. Chúng ta xem khắp những tôn giáo trên thế giới, những vị giáo chủ, tiên tri, thầy truyền giáo của họ không ai chẳng dạy con người phải thường hối cải. Hối (悔) là sám hối, Cải (改) là sửa lỗi. Trong nhà Phật, hai chữ Sám Hối là hợp dịch cả tiếng Phạn lẫn tiếng Hoa. Sám là Sám-ma (ksama), là tiếng Phạn, Hối là hối cải (hối lỗi, sửa mình), đây là ý nghĩa tiếng Hán [của chữ sám-ma]. Do ý nghĩa chữ Sám-ma của tiếng Phạn và chữ Hối Cải của tiếng Hán ý nghĩa gần giống nhau, nên ghép chung lại gọi là Sám Hối.

Cách sám hối chú trọng phát lộ. Phát lộ là gì? Lộ (露) là bày rõ ra. Ta có lầm lỗi, làm bậy, chẳng được giấu diếm, phải báo cùng đại chúng, nay gọi là “*thần bạch*” (坦白: nói thẳng thắn). Ở trước đại chúng nói ra lầm lỗi của chính mình, chịu đựng đại chúng quở trách, giáo huấn, sau đây, đổi mới, sửa lỗi, về sau không còn tái phạm. Sám hối như vậy thực sự có công đức, sau này không còn tái phạm nữa! Trước kia, tôi thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư dạy dỗ tôi. Khi ấy, tôi vừa mới được tiếp xúc Phật pháp, trong Phật pháp có những quy củ, nghi thức tôi không biết một điều nào hết. Đại sư hết sức từ bi, bảo tôi Phật pháp

trọng thực chất, chứ không trọng hình thức, trong Phật pháp, sám hối hết sức quan trọng. Thế nào là sám hối? Biết lỗi, sửa được lỗi, sau này không tái phạm nữa, đó là sám hối chân chánh. Ngài nói nghi thức không quan trọng, đối với tôi là kẻ sơ học mà nói như vậy, tôi được rất nhiều lợi lạc.

Sám hối quan trọng nhất là tự mình phải biết lỗi của chính mình. Từ khi tôi học Phật mãi đến khá nhiều năm sau này, tôi mới thực sự hiểu thế nào là khai ngộ như nhà Phật thường nói. Khai ngộ là gì? Chúng ta nghe nói “khai ngộ” thấy rất huyền diệu; sau này, khi được tiếp xúc kinh giáo đã nhiều, tôi mới thực sự thấu hiểu thế nào là khai ngộ? Biết lỗi lầm của chính mình, ấy là khai ngộ! Sửa đổi lỗi lầm là sám hối. Sám hối là công phu tu hành chân chánh. Trong phương pháp tu học này, khó nhất là biết lỗi của chính mình. Ai biết được lỗi của chính mình, người ấy chẳng mê, người ấy giác ngộ.

Lỗi lầm vô lượng vô biên, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, hành vi. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh khởi tâm động niệm vô phi thị tội*” (chúng sanh Diêm Phù Đề (nói đơn giản là chúng sanh trên quả địa cầu này) khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Kẻ mới học Phật chúng ta nghe được lời ấy, tưởng như kinh Phật nói quá đáng. “*Khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), chưa chắc! Có những người khởi tâm động niệm là thiện, chẳng lẽ cũng là tội hay sao? Vì thế sanh tâm kính ngưỡng đối với Phật pháp, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp quả thật khó khăn lắm!

Đức Phật thuyết pháp, tiêu chuẩn bất đồng, bất luận cá nhân nào thiện niệm hay ác niệm; thiện hạnh vẫn là ác hạnh nếu không thể vượt khỏi lục đạo luân hồi; trong mắt của chư Phật, Bồ Tát, và bậc đại triết đại ngộ, [những thiện hạnh như thế] đều không phải là chân thiện. Cái thiện thực sự sẽ như thế nào? Cái thiện chân chánh nhất định phải vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới; không thể vượt thoát luân hồi nếu chẳng phải là tội thì sẽ là gì đây? Nhìn từ mức độ này, quý vị mới hiểu kinh Phật nói không sai.

Chúng sanh trong lục đạo luân hồi, tâm địa thiện lương, chẳng vì chính mình, mà vì quốc gia, vì dân tộc, vì hết thấy chúng sanh là tốt lắm! Khó có, [người như vậy] là bậc thánh nhân trong thế gian! Nhưng như thế nào? Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, danh văn, lợi dưỡng có thể nhạt một chút, nhưng không nhờ được tận rễ, chuyện bỏ mình vì người vẫn còn có giới hạn. Dầu là “*sát thân thành nhân, thành nhân thủ nghĩa*”

(hy sinh thân mình để hoàn thành điều nhân, thành tựu điều nhân, giữ được điều nghĩa), nhưng vẫn còn phân biệt chấp trước, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này là nhân, kia là nghĩa: “Ta phải làm người có nhân, ta phải là người có nghĩa”, không ra khỏi tam giới được! Lý này rất sâu, nếu không thâm nhập kinh tạng, khế nhập Đại Thừa và rất nhiều ngôn luận của Phật, Bồ Tát, thật chẳng dễ gì thấu hiểu được! Không dễ hiểu vẫn còn chưa sao, có rất nhiều chỗ ta hiểu lầm ý nghĩa, đúng là “*sai chỉ hào ly, làm cả ngàn dặm*”. Điều này khiến chúng tôi mỗi khi đọc câu kệ Khai Kinh “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” cảm thấy câu này không dễ gì đọc lên.

“*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” là chuyện khó khăn hết sức. Xưa kia, thầy Lý từng bàn luận với tôi về câu này trong bài kệ Khai Kinh. Cụ nói: “Chúng ta ý nghĩa này nọ đều không biết, làm sao có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai?” Chúng tôi suy nghĩ: Không sai! Ai có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai? Chúng ta hạ mức độ xuống thấp nhất thì cũng phải là đoạn được Kiến Tư phiền não, đoạn được Trần Sa phiền não, cũng như phá được một hai phẩm vô minh thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Phiền não tập khí chưa đoạn, quý vị làm sao có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nghĩa chân thật của Như Lai là từ tâm tự tánh thanh tịnh viên mãn hiển lộ, chúng ta hoàn toàn mê mất cái tâm thanh tịnh nơi tự tánh, đạo lý là như thế đó. Chúng tôi hiểu được đạo lý này, chúng tôi gặt đầu, đúng là không thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai.

Nếu như nay chúng ta nỗ lực thực hiện, trước hết phải đoạn Kiến Tư phiền não. Bắt đầu đoạn từ đâu? Điều này chúng tôi thường nói, thường khuyến khích các đồng học, tôi cũng nghiêm túc nỗ lực học tập: “Chúng ta phải buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống!” Đây là cái ải đầu tiên. Nếu vẫn còn những thứ này thì ngay cả ngoài rìa pháp Đại Thừa chúng ta cũng chẳng sờ đụng được! Làm tới, làm lui cũng vẫn là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Làm thế nào để không mắc lầm lỗi? Phải thực sự buông xuống được, buông xuống rồi quý vị mới có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt thì trí huệ hiện tiền, hoằng nhiên đại ngộ. Đại ngộ có nhiều mức độ; “hoằng nhiên đại ngộ” nói thật ra chỉ là ngộ một chút. Qua mấy ngày, hoặc mấy tháng, lại có một lần hoằng nhiên đại ngộ khác, lại ngộ nhiều hơn một tí. Cổ đức thường nói: “*Chúng ta tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành đại triệt đại ngộ*”.

Nếu quý vị muốn khai ngộ mà không buông phiền não tập khí xuống được thì quý vị không thể ngộ nổi. Những gì Phật, Bồ Tát nói trong kinh điển, chúng ta nghe xong, nói thật ra dường như hiểu mà không phải hiểu, chứ không thực sự hiểu. Thực sự hiểu thì tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chúng ta sẽ biến đổi, khác với lúc chưa hiểu, hoàn toàn khác hẳn. Khi chưa hiểu, quý vị là phàm phu; thực sự hiểu thì quý vị là thánh nhân, siêu phàm nhập thánh, phá mê khai ngộ. Tâm tư, hành vi và biểu hiện của thánh nhân là bỏ mình vì người. Quý vị hãy chú tâm quán sát [sẽ thấy] khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của các Ngài hoàn toàn tương ứng với những gì kinh điển đã nói. Quý vị hãy chú tâm quán sát những lời các Ngài nói, những điều các Ngài làm được kinh điển gọi là sở hạnh của Phật, Bồ Tát. Thế thì chúng ta hãy chú tâm quán sát Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy hạnh nghiệp cả một đời Phật có giống với những gì đã giảng trong kinh hay không?

Phàm là bậc giác ngộ, biểu hiện cả một đời, bất luận là trong sinh hoạt, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, cứ lấy kinh luận làm tiêu chuẩn để đo lường, chắc chắn tương ứng, ấy là “thực sự học Phật”. Thực sự sám trừ sạch nghiệp chướng của chính mình, sám hối là đặc biệt nói về nghiệp chướng. Ở phần trên chúng tôi đã giảng về nghiệp chướng, trong bài kệ Hội Hương thường niệm câu: “*Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não*”, câu ấy chính là sám hối nghiệp chướng. Phía trước của Nghiệp Chướng là Hoặc Chướng, tức mê hoặc, phía sau của Nghiệp Chướng là Báo Chướng, báo là quả báo. “Hoặc” (惑) là vô minh. Nghiệp là phân biệt, chấp trước. Chúng tôi nói theo cách kinh Hoa Nghiêm đã giảng. Còn nếu theo các kinh Đại Thừa, theo thuật ngữ đức Phật đã dùng, thì Hoặc Chướng là vô minh phiền não, Nghiệp Chướng là Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não, đều thuộc về nghiệp. Báo Chướng là lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là quả báo. Đó là Tam Chướng. Trong Tam Chướng có nhân, có quả, nếu nói tỉ mỉ, có nhân, có duyên, có quả. Nghiệp là nhân, Hoặc là duyên, y báo và chánh báo trang nghiêm trong lục đạo chính là quả, là nổi khổ trong lục đạo.

Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Tam giới thống khổ*” (tam giới đều khổ). Trong Dục Giới thì ba loại khổ lớn là Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ ta đều phải hứng chịu hết, không cách gì tránh khỏi được. Bất luận quý vị làm thiện hay tạo ác, cũng đều phải hứng chịu. Trời Sắc Giới có công phu Thiên Định, đè nén được một phần tập khí phiền não nên không có Khổ Khổ, chỉ có Hoại Khổ và Hành Khổ. Đến Vô Sắc Giới là cao rồi, ngay cả thân thể cũng không có. Chúng ta

thường gọi Vô Sắc Giới là “linh giới”, họ không có sắc tướng, nên không có Hoại Khổ, nhưng có Hành Khổ. Vì thế, đức Phật bảo tam giới đều khổ, tam giới là nhà lửa. Chúng ta chỉ có cách sám hối nghiệp chướng, thực sự trừ sạch nghiệp chướng mới vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, đó mới là chân thiện.

Vì thế, nhìn từ góc độ này, những lời kinh Địa Tạng đã giảng là đúng, không giả: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), ý nghĩa rất sâu xa. Ngài lấy Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn, dùng cái thiện của Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn để nhìn chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Cho đến thiên đạo vẫn chưa phải là thiện, chưa ra khỏi luân hồi! Hưởng hết phước trời, trong A Lại Da Thức vẫn còn có chủng tử của tập khí ác, vẫn phải đọa xuống, không thể tính là thiện được! Nếu là thiện thực sự, sẽ vĩnh viễn không đọa lạc nữa. Vậy thì chỉ có vượt thoát, ngoại trừ vượt thoát ra, không còn cách nào khác nữa! Vượt thoát lục đạo, đạt đến bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới được tính là thiện, nhưng là tiểu thiện chứ chưa phải đại thiện, chưa phải là cái thiện viên mãn rốt ráo. Thiện viên mãn rốt ráo là trong Nhất Chân pháp giới; do vậy, quý vị vẫn còn phải vượt thoát Tứ Thánh.

Nói cách khác, trong nhà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến Đăng Giác Bồ Tát không ai lìa khỏi pháp sám hối được. Đăng Giác Bồ Tát vẫn phải tu sám hối nghiệp chướng, Ngài có những nghiệp chướng nào? Ấy là một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đó là nghiệp chướng của Ngài. Như vậy, quý vị phải hiểu: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đăng Giác Bồ Tát vẫn là đời nghiệp vãng sanh, nhưng Ngài mang theo nghiệp ít nhất, chỉ mang theo một phẩm sanh tướng vô minh. Pháp môn Tịnh tông chẳng thể nghĩ bàn, trong các tịnh độ của chư Phật Như Lai thì đời nghiệp chỉ là đời vô minh nghiệp, chắc chắn không mang theo Kiến Tư, quyết định không mang theo Trần Sa. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là tịnh độ của Phật Di Đà, là có thể mang theo Trần Sa phiền não, có thể mang theo Kiến Tư phiền não, trong tất cả các cõi Phật khác, không tìm đâu được một cõi giống như vậy.

Tu các pháp môn khác, quý vị sám hối nghiệp chướng giống như điểm số học tập của quý vị trong trường học, nói chung phải đạt đến năm mươi điểm thì mới coi là trúng cách; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, tiêu chuẩn của Tây Phương Tịnh Độ thấp nhất, sám hối nghiệp chướng chỉ chừng năm phần bèn được vãng sanh. Các pháp môn khác, các cõi Phật khác đòi hỏi năm mươi điểm mới hòng vãng sanh, ở những

nơi đó đặt ra tiêu chuẩn: Phải đạt năm mươi điểm mới được; còn ở đây lấy tiêu chuẩn đạt năm điểm là được rồi. Đối với bọn phàm phu nghiệp chướng sâu nặng chúng ta mà nói, chúng ta phải nỗ lực mãi, sao cho nghiệp chướng tiêu trừ được một chút mới hồng vãng sanh. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải hiểu điều này cho rõ ràng, hiểu rõ rồi mới chịu thực sự khẳng định, ngoài pháp môn này ra, chúng ta tu học bất luận pháp môn nào khác đều chẳng thể thành tựu. Ấy là vì chính mình không có năng lực sám hối nghiệp chướng với một mức độ lớn lao, nên chẳng làm được!

Phương pháp thực hiện là mỗi ngày phải phản tỉnh, mỗi ngày phải nghĩ đến lầm lỗi của chính mình. Chúng ta tụng niệm công khóa sáng tối, vì sao phải thực hiện công khóa sáng tối? Thực hiện công khóa sáng tối có gì tốt? Công khóa sáng tối chẳng phải là làm cho Phật, Bồ Tát, mà làm vì chính mình, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch ý nghĩa này, khóa tụng sáng tối nhằm tu pháp môn sám hối! Khóa sáng lay tỉnh chính mình, vì thế, chúng tôi chọn kinh văn để đọc là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nhằm cảnh tỉnh chính mình, hy vọng cách suy nghĩ, tư tưởng và hành vi của chúng ta ngày hôm nay sẽ tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Mỗi ngày tụng khóa sáng để cảnh tỉnh chính mình. Khóa tối là phản tỉnh, ta tương ứng lời Phật răn dạy là tốt, ngày mai cứ làm như thế, ngày mai phải giữ gìn, chớ nên để mất đi. Điều gì không làm được, phải sanh tâm hổ thẹn, nhất định phát tâm sửa lỗi, ngày mai ta nhất định phải làm cho được. Công khóa sáng tối như thế ắt có công đức, giúp quý vị sám hối, giúp quý vị phát hiện lầm lỗi, giúp quý vị sửa đổi lầm lỗi, đó là tu hành.

Tu hành là sửa cho đúng những tư tưởng sai quấy, những hành vi lầm lạc, những ngôn ngữ sai trái. Ngôn ngữ và hành vi đều sanh từ ý niệm. Bởi thế, tư tưởng lầm lạc hơn bất cứ điều gì khác. Do vì cách nghĩ sai lầm mới dẫn đến hành vi và ngôn ngữ sai lầm. Do vậy, tu hành ý nghiệp quan trọng hơn bất cứ gì khác! Sửa đổi cho đúng những tư tưởng lầm lạc của chúng ta, mong có được chánh tri chánh kiến, trong giai đoạn này, ngoài trừ đọc kinh, nghe kinh ra, không còn có phương pháp thứ hai nào! Đọc kinh, nghe kinh, lấy kinh làm chủ. Quý vị hãy nhớ kỹ, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài chỉ dạy chúng ta pháp Tứ Y: “*Y Pháp, bất y nhân*” (Nương vào Pháp, không nương theo người). Đối với những điều người ta nói, ta phải tìm cho ra căn cứ lý luận từ kinh điển. Bởi lẽ, hết thấy những gì người ta nói, chúng ta chỉ có thể dùng để tham khảo mà thôi, rốt cuộc người ấy nói đúng hay không chúng ta phải có trí

huệ phân biệt, chẳng thể mù quáng hòa theo. Mù quáng hòa theo là ngu si, là đi vào con đường lầm lạc. Bởi thế, phải có trí tuệ quyết định, chọn lựa. Chuyện này đâu phải là chuyện dễ!

Chúng sanh căn tánh bất nhất, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà đức Phật có từng cách thuyết pháp. Ví dụ rõ ràng nhất là đối với kẻ chấp trước Có, đức Phật giảng Không. Giảng Không nhằm ý nghĩa gì? Phá cái chấp Có của kẻ đó. Thế nhưng đối với hạng người chấp Không, đức Phật bèn giảng Có, để phá cái chấp Không. Đức Phật thuyết pháp nhằm phá chấp trước, phân biệt, vọng tưởng của chúng sanh. Chúng sanh vọng tưởng, chấp trước khác nhau, đức Phật dùng phương pháp thiện xảo phương tiện khác nhau. Chúng sanh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đức Phật không có pháp nào để nói cả. Không có pháp nào để nói mới là thực sự thuyết pháp. Ai hiểu? Chỉ có Pháp Thân Bồ Tát, những vị Pháp Thân Bồ Tát thuộc địa vị sâu mới hiểu được, đừng nói là lục đạo phàm phu không hiểu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong chín pháp giới cũng không hiểu. Vì thế chuyện này thật khó khăn lắm!

Thế nhưng có một nguyên tắc chung, nếu chúng ta nắm được nguyên tắc chung ấy, đối với các cách thuyết pháp bất đồng của chư Phật, Bồ Tát, trong tâm sẽ lãnh hội được một ít. Thế nào là tổng nguyên tắc? Đó là khế cơ, khế lý khế cơ. Khế cơ là thích hợp với nhu cầu hiện tại của người đó, đối với người đó có lợi lạc, có lợi ích, đó là khế cơ. Về Lý thì quyết định chẳng được trái lý. Khế cơ, khế lý là đúng. Đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh để hết thảy chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Danh hiệu của tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh trong Đại Thừa Phật pháp gọi là một câu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tên gốc của tánh đức, là tên gọi của năng lực sẵn có trong tự tánh của mỗi chúng sanh. Trì danh niệm Phật, hết thảy chư Phật đều dạy chúng ta như thế, dùng danh hiệu này để đánh thức tánh đức của chính mình, gọi nó trở về, ý nghĩa là như vậy đó!

Cần phải nhận thức rõ ràng Phật và Phật giáo. Phật là gì? Pháp Đại Thừa giảng về Phật rất nhiều, Phật là chân tâm, không phải là bên ngoài, tự tánh chân tâm gọi là Phật. Tiếng Ấn Độ gọi là Phật, là tánh, là “bản lai diện mục” (diện mạo sẵn có). Hiểu rõ ý nghĩa những danh từ ấy, có hiểu thấu suốt thì mới lãnh hội chút ít những danh từ thuật ngữ ấy. Tin Phật là tin mình có chân tâm, tin mình có bản tánh. Quý vị xem kinh, như trong phần trước chúng ta đã đọc thấy: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta). Tin A Di Đà Phật là tin vào cái

tâm của chính mình, niệm A Di Đà Phật là niệm cái tên gốc của chính tâm mình. Ta không tin Phật là không tin vào chân tâm của chính mình, không tin vào cái tên gốc của chính mình, vậy là sao? Là mê hoặc, điên đảo! Thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Hết thầy chư Phật đều nói pháp này là pháp khó tin, vì sao? Con người mê rồi. Họ tin tưởng điều gì? Tin vào phiền não tập khí của chính mình, cho tham - sân - si - mạn, danh văn, lợi dưỡng là Ngã. Bởi thế, họ bèn luân hồi trong lục đạo, khởi tâm động niệm tạo vô lượng vô biên nghiệp, nghiệp cảm luân hồi, trong luân hồi thọ khổ thọ nạn rất oan uổng! Họ vốn là Phật, vốn rất tự tại, có vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên đức năng, vô lượng vô biên tướng hảo, nay đều mê mất hết.

Chư Phật, Bồ Tát cũng như những bậc tái lai là những vị giác ngộ, các Ngài đem kinh nghiệm và phương pháp giác ngộ, khôi phục của chính mình ban cho chúng ta, để chúng ta thuận tiện đối chiếu học theo; chiếu theo những phương pháp ấy mà tu học sẽ đỡ mất công nhiều lắm. Nếu chúng ta thực sự hiểu được, thực sự thấu suốt, trong một đời này khéo tu học, thì trong một đời này quý vị nhất định chứng đắc. Nếu quý vị hỏi chúng đắc điều gì ư? Xin thưa cùng quý vị một chuyện hiện thực nhất: Chứng đắc rõ ràng nhất là tướng mạo quý vị càng ngày càng tốt đẹp, càng ngày càng trẻ ra, càng ngày càng mạnh khỏe. Trong một đời này, có thể đạt được thân Kim Cang bất hoại, vĩnh viễn không đổ bệnh, vĩnh viễn không suy lão, vĩnh viễn vui sướng. Bất luận làm chuyện gì, việc gì cũng thuận lòng, việc gì cũng như ý, trong nhà Phật có cầu ắt ứng. Những chuyện tốt ấy quý vị đều có thể đạt được, đây là nói về chuyện hiện thực nhất, không có chút xíu gì huyền diệu cả! Nếu quý vị không làm được là vì quý vị chưa hiểu đạo lý này, không hiểu phương pháp này, quý vị học sai mất rồi!

Nếu thực sự hiểu được lý luận này, hiểu được phương pháp này, tu học không sai lầm chút nào, chắc chắn quý vị đạt được những quả báo nói trên. Phải mất bao lâu quý vị mới cảm thấy có hiệu quả? Ba tháng, từ ba tháng đến nửa năm, quý vị sẽ nhận biết hiệu quả, quý vị sanh lòng tin. Tư tưởng và hành vi bèn biến đổi. Sự biến đổi ấy quý vị thực sự làm được. Từ tướng mạo, thể chất, tâm tình thái độ xử sự đối người tiếp vật, quý vị có thể thấy được sự biến đổi ấy rất rõ rệt: Quý vị thực sự làm

được, quý vị thực sự dụng công. Nếu giả thì không được rồi, người ta nhìn qua một cái là thấy ngay, vì sao? Quý vị chẳng có biến hóa gì cả!

Đạo lý này khoa học hiện thời đã chứng minh. Bởi thế, lần này chúng tôi mời tiên sĩ Giang Bồn Thắng đến thăm nơi đây. Rất tiếc là ông ta đến thăm nhằm lúc tôi đi thăm Tây Tạng, lịch trình bị kẹt không thể tiếp đãi ông ta được. Chậm nhất là tháng Giêng năm sau tôi sẽ đến Đông Kinh dự hội nghị, đi họp ở Nhật Bản, tôi có thể đến thăm ông ta. Ông ta dùng phương pháp khoa học chứng thực: Chúng ta dùng thiện ý, lấy nước để thí nghiệm, dùng thiện ý đối đãi nước thì nước bèn kết tinh rất đẹp! Chúng ta dùng ác ý đối với nó, nước bèn phản ứng hết sức xấu xí. Đây chính là chứng minh rõ ràng nhất!

Vì sao nói quý vị thực sự tu hành, tướng mạo của quý vị sẽ thực sự biến đổi rất đẹp? Vì quý vị tu hành là đem tất cả hết thảy ý niệm bất thiện đổi thành những ý niệm tốt lành nhất. Tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện, thì phản ứng đầu tiên là gì? Những bộ phận và tế bào trên thân sẽ có phản ứng ban đầu giống như phản ứng của nước. Mỗi một bộ phận đều biến đổi hết sức đẹp đẽ, mạnh khỏe nhất. Mỗi một tế bào cũng biến đổi hết sức tốt đẹp, nên quý vị bèn trẻ ra, đạo lý là như vậy.

Trong quá khứ, chúng tôi chỉ nghe theo những gì kinh Phật đã giảng, thật thà chất phác y giáo tu hành, cũng không nghĩ gì đến tướng hảo gì hết, thân thể khỏe mạnh, không nghĩ đến những chuyện đó, đó là quả báo. Chúng tôi chỉ nghe lời thầy giáo huấn, đúng là tâm lý biến đổi một trăm tám mươi độ. Quả nhiên, sự biến đổi ấy bèn khởi tác dụng, chúng tôi chưa tự mình nhận biết tác dụng nhưng người khác đã nhận ra. Người khác nhận thấy tướng mạo khác đi, tướng mạo hiện thời so với tướng mạo xưa kia tốt hơn nhiều lắm, khí sắc khác hẳn, sức khỏe khác hẳn, trước kia hay bệnh, nói chung là eo nhúc, lưng mỏi, nay không còn nữa. Xưa kia, thỉnh thoảng còn bị cảm mạo đôi chút, mấy năm nay không còn nữa. Chú tâm quan sát, chúng tôi tự mình chú tâm quan sát phản tỉnh, đó là gì vậy? Chính là hiệu ứng của nghiệp chướng tiêu trừ.

Xưa kia, Chương Gia đại sư dạy tôi: Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Ngày dạy tôi cầu Phật, dạy tôi chớ cầu nơi người. Ngài nói cầu nơi người, người ta không đáp ứng, mình chẳng sanh phiền não sao? Tôi nói không sai, quả nhiên sanh phiền não! Vì thất vọng, bị ngăn trở, trong tâm khó chịu. Ngài nói cầu Phật, Bồ Tát; cầu Phật, Bồ Tát không có cảm ứng là vì nguyên nhân nào? Do chính mình có nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng rồi thì cảm ứng bèn hiện tiền. Đúng là có cầu ắt ứng. Cái

cầu ấy đúng pháp, đúng lý, quyết định chẳng vì mình hưởng thụ, quyết định chẳng vì chính mình, vì cá nhân. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, quyết định chẳng được cầu những thứ ấy. Cầu những thứ ấy là tăng trưởng tham - sân - si. Phật, Bồ Tát đại từ đại bi tuyệt đối chẳng thể tăng trưởng tham - sân - si - mạn của quý vị; Phật, Bồ Tát từ bi giúp cho chúng ta tiêu trừ tham - sân - si - mạn.

Nếu sám trừ được tham - sân - si - mạn, niệm niệm mong chánh pháp tồn tại lâu dài, tiếp nối huệ mạng của Phật, vì giúp cho hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ, thì hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều hộ niệm quý vị, đều giúp đỡ quý vị. Vì sao? Quý vị và các Ngài đồng tâm, đồng chí, đồng hạnh. Chư Phật, Bồ Tát là như thế đó, quý vị giống như các Ngài thì sức mạnh của các Ngài mới gia trì cho quý vị được! Ở đây, thiền sư Trung Phong khuyên chúng ta nên phát nguyện, hy vọng chúng ta nguyện nào cũng tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, có như vậy quý vị mới được gia trì viên mãn. A Di Đà Phật gia trì quý vị, mười phương hết thầy chư Phật đều gia trì quý vị, làm sao quý vị không tự tại? Làm sao quý vị không vui sướng? Mười phương hết thầy chư Phật gia trì, thì xin thưa với quý vị, mười phương hết thầy thiện thần đều gia trì quý vị, tâm - nguyện - giải - hạnh của họ đều tương đồng. Vì thế, chúng ta phải hết sức coi trọng cái nguyện này.

Đối với người khác, chúng ta thiếu lễ độ, kiêu căng, tự đại, không để ai vào mắt, đầy đủ là nghiệp chướng. Bởi thế, lễ kính chư Phật là sám hối nghiệp chướng, xưng tán Như Lai cũng là sám hối nghiệp chướng. Nghiệp chướng lớn nhất là ganh ghét, ganh ghét gây chướng ngại. Chúng ta thấy người khác có chuyện tốt, miệng trọn chẳng đề cao, người khác có lúc bất thiện, mình bèn suốt ngày từ sáng đến tối rêu rao, khen mình, chê người. Xưng tán Như Lai cũng nhằm sám hối nghiệp chướng ấy. Rộng tu cúng dường cũng là sám hối nghiệp chướng, tâm lượng của bản thân chúng ta nhỏ nhen, tự tư tự lợi, chẳng thể bỏ mình vì người, làm sao rộng tu cúng dường cho được? Quý vị hãy nghĩ xem đây có phải là sám hối nghiệp chướng hay không? Sau đây, quý vị thấy mười nguyện Phổ Hiền, không nguyện nào chẳng phải là sám hối nghiệp chướng.

Như vậy, trong mười nguyện, sám hối nghiệp chướng là nguyện tổng quát. Chúng ta cũng có thể nói là Bồ Tát đạo từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai tu điều gì? Chính là tu sám hối nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng nào cũng đều sám được sạch sành sanh, không còn mây may nào thì quý vị đã viên thành Phật đạo. Ở phần trên, chẳng phải tôi

đã từng nói đó ư? Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, đó chính là nghiệp chướng của họ. Họ vẫn phải sám hối cho hết một phẩm sanh tướng vô minh mới chứng đắc Phật quả viên mãn. Vì thế, chúng ta nhất định phải chịu sám hối nghiệp chướng sâu nặng của chính mình, hằng ngày phải phát hiện nghiệp chướng của chính mình. Hằng ngày phải sám trừ nghiệp chướng của chính mình thì mới hòng tiến bộ trên đường Bồ Đề.

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

(Năm là tùy hỷ công đức).

Điều này hết sức quan trọng, nhằm đối phó điều gì? Đối trị ganh ghét, chướng ngại. Chúng ta thấy những người khác làm việc tốt, trong tâm không vui thú. Nghiêm trọng nhất là nghĩ cách gây chướng ngại, không mong chuyện tốt đẹp của người ấy thành công. Trong một đời này, không biết chúng tôi gặp phải bao nhiêu lần. Năm 1999, kỷ niệm năm mươi năm lập quốc của Trung Quốc⁴⁴, tôi được mời tham dự lễ ngũ thập chu niên đại khánh. Tôi ở Bắc Kinh viếng thăm kinh khắc đá ở Phòng Sơn⁴⁵, hết sức hoan hỷ, nhằm đúng ngay lúc đó, có một vị cư sĩ

⁴⁴ Đây chính là ngày quốc khánh lần thứ 50 (mùng Một tháng Mười) của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Hoa Lục), không phải là quốc khánh của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Chánh quyền Mao Trạch Đôn tuyên bố thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc vào ngày mùng Một tháng Mười năm 1949.

⁴⁵ Đây là một di sản văn hóa Phật giáo hết sức quý báu. Phòng Sơn Thạch Kinh là các bản kinh Phật giáo được khắc vào đá tảng trứ trong Thạch Kinh Sơn chùa Vân Cư huyện Phòng Sơn (phụ cận Bắc Kinh). Núi Thạch Kinh nằm ở phía Đông chùa Vân Cư nên còn có tên là Đông Phong, trong núi gồm chín hang động, chia thành hai tầng: Trên bảy, dưới hai. Mỗi động đều có tên riêng, động chính được gọi là Lô Âm Động. Công trình khắc kinh trên đá này do ngài Tịnh Uyển (Trí Uyển) khởi xướng từ đời Tùy, theo di nguyện của thầy Ngài là pháp sư Huệ Tư. Công cuộc khắc kinh trên đá được bắt đầu vào khoảng giữa niên hiệu Đại Nghiệp (605-617). Đến khi ngài Tịnh Uyển mất, đã khắc được 146 khối đá gồm các kinh Niết Bàn, Hoa Nghiêm, Duy Ma, Thắng Man v.v... Các đệ tử như Đạo Công, Nghi Công, Tiêm Công... tiếp tục sự nghiệp của thầy. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, hoàng đế nhà Đường tiếp tục sự nghiệp này. Việc khắc kinh bị đình đốn vào thời Ngũ Đại, rồi lại tiếp tục mãi cho đến đời Kim Chương Tông (1149-1190), dưới sự chủ trì của chú nhà vua là Hán Vương và phu nhân của Lưu Thừa Tướng, Trương Nhân Tông v.v... công cuộc khắc kinh mới hoàn tất. Hiện thời tại Thạch Kinh Sơn có chứa hơn 1,4 vạn tấm đá khắc

tặng tôi một món tiền, số tiền cũng không ít, để in số kinh khắc đá ở Phòng Sơn.

Tôi đến Bắc Kinh, được cục trưởng cục Tôn Giáo nhà nước họ Diệp tiếp đãi, tôi nêu lên chuyện ấy. Tôi nói tôi hy vọng in lại một ngàn bộ kinh khắc đá để gửi tặng nước nhà, chứ bản thân tôi không cần. Hy vọng nhà nước sẽ gửi tặng các thư viện quốc gia trên toàn thế giới hòng bảo tồn vĩnh viễn, đó là nghệ thuật phẩm cao cấp. Tất nhiên bọn họ in, nhưng in chữ quá nhỏ, đọc không được, chỉ có thể dùng làm tài liệu. Bởi thế, chúng tôi hy vọng in chữ to hơn, in chữ to thì đương nhiên là số tập sẽ nhiều hơn, phân lượng lớn hơn, giá thành phải cao. Không sợ giá thành cao, cốt in cho đẹp đẽ, tinh xảo, khiến ai trông thấy cũng đều sanh tâm hoan hỷ. Khi ấy, nhà nước cũng đồng ý, cấp cho tôi một tờ giấy phép. Về sau, chướng ngại rất nhiều, việc ấy không thành, đáng tiếc quá! Họ chẳng thể tu tùy hỷ công đức, không thể cho phép được.

Năm ngoái, tại Đài Loan bàn đến chuyện in Tứ Khố Hội Yếu, nhân vì số tiền kia vẫn còn, tôi nghe như vậy rất hoan hỷ. Nếu như tôi có được bản quyền Tứ Khố Hội Yếu, tôi cũng mong in một ngàn bộ, gửi tặng thư viện các Đại Học nổi tiếng và các thư viện quốc gia trên toàn thế giới. Dường như cũng có mấy người tranh giành, chèo kéo không buông, việc ấy cũng hỏng luôn. Không biết học tùy hỷ công đức, ai nấy đều tranh giành, công đức này tôi làm, kẻ kia muốn tranh làm, mấy người đều muốn tranh, thế là xong luôn, hết chuyện, không làm được gì hết! Bao nhiêu chuyện tốt đẹp muốn phát tâm làm đều bị phá hoại như thế cả. Mỗi cá nhân đều muốn tranh công, rất đáng tiếc. Đây là chúng sanh thiếu phước, chúng tôi muốn làm, mà làm không thành công.

A! Nay hiện tại đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp nguyện thứ năm của mười nguyện Phổ Hiền trong phần khai thị phát nguyện:

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

kinh. Sau khi khắc xong, Kim Chương Tông ra lệnh phong bế các hang động này, và sai nhà thư pháp Đồng Kỳ Xương viết hai chữ Bảo Tạng trên vách núi.

(*Năm là tùy hỷ công đức*).

Điều này hết sức quan trọng, hết thảy chúng sanh đều có nghiệp chướng, đều có căn bệnh sau đây: Không vui lòng tùy hỷ [công đức của] người khác. Trọn chẳng biết “*tùy hỷ công đức*” và công đức của chính mình đã tu không hai, không khác. Vì thế, người thực sự có trí huệ, ngạn ngữ thường nói: “*Thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*” (thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho người khác). Chuyện bất thiện chúng ta không tùy hỷ. Thiện sự, hảo sự, chuyện có lợi ích cho xã hội và đại chúng, hãy nên tùy hỷ. Chẳng nên có tâm lượng hẹp hòi như thế, phải mở rộng tâm lượng.

Trước kia, tôi ở tại Tân Gia Ba, một nữ tu Thiên Chúa Giáo gọi điện thoại cho tôi, cho biết họ có một đoàn y tế (Thiên Chúa Giáo lập trường học, lập bệnh viện, các bác sĩ trong bệnh viện của bà ta lập một đoàn y tế) qua Phi Châu chữa bệnh miễn phí. Đây là một việc tốt, tôi nghe xong hết sức hoan hỷ, tôi lập tức bảo bà ta: “Tôi gửi bà năm vạn đồng tiền thuốc men, hãy mua nhiều thuốc men một chút để mang qua bên đó”. Bà ta làm chuyện tôi muốn làm, tôi vẫn chưa có được cái duyên ấy, người ta làm được, tôi bèn đầu tư, khác gì chính tôi làm! Hết sức tốt đẹp, vì sao không làm? Vì sao cứ nhất định phải do chính mình làm? Ngốc quá, tự mình làm sẽ bận bịu đến chết! Người khác làm, chúng ta tán trợ, tốt đẹp hơn nhiều! Vì sao phải ngăn trở người khác?

Một thời gian không lâu sau, bà ta lại gọi điện cho tôi mong tôi lại giúp đỡ lần này. Bà nói bên Phi châu hết sức nghèo khổ, con người rất đáng thương. Bà ta cho biết hết thảy những thiết bị đều không có, thiếu thốn nhất là xe cứu thương, giao thông rất bất tiện. Bà ta đề xuất: “Pháp sư! Ông có thể tặng cho tôi một cái xe cứu thương được hay không?” Tôi nói: “Được chứ!” Tôi gửi một xe cứu thương cho bà. Không cần biết là tôn giáo hay đoàn thể nào, chuyện người ta làm là chuyện tốt, xã hội, thực sự hữu ích đối với xã hội và chúng sanh khổ nạn thì chỉ cần tôi trông thấy, nghe thấy, không cần ai phải bảo tôi, tôi đều tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Tôi biết người ta làm chuyện ấy chính là tôi làm, tôi làm chính là người khác làm, việc gì phải phân biệt đây kia? Có gì cứ nhất định phải nhọc sức thì mới là của mình?

Hết thảy công lao chuyện tốt cứ cho là của mình, quý vị sẽ không thoát khỏi tam giới. Vì sao? Ngã Chấp quá nặng! Luân hồi trong lục đạo do Ngã Chấp tạo thành. Trong kinh đức Phật giảng rất hay, Ngã Chấp bị phá thì lục đạo luân hồi không còn nữa, quý vị bèn vượt thoát luân hồi;

đoạn được Pháp Chấp thì vượt khỏi mười pháp giới. Do đây biết rằng: Lục đạo luân hồi do Ngã Chấp và Pháp Chấp tạo thành. Trong mười pháp giới thì bốn thánh pháp giới do Pháp Chấp tạo thành, không có Ngã Chấp nhưng còn Pháp Chấp. Pháp Chấp không có thì mười pháp giới không còn nữa, thế giới ấy gọi là Nhất Chân. Chấp trước chẳng thể không phá, tùy hỷ giúp chúng ta phá chấp trước. Hết thấy việc tốt không nhất định phải là của mình, phải hiểu đạo lý này. Phải nhiệt tâm, tích cực, nỗ lực thực hiện tùy hỷ công đức.

Vì vậy, chuyện in lại những kinh khắc đá ở Phòng Sơn đến nay tôi vẫn không lúc nào quên. In Tứ Khố Hội Yếu bất kể là ai in, tôi đều tùy hỷ, chỉ cần có ai làm là được rồi. Tôi tuyệt đối chẳng cho công đức tốt lành ấy là của chính mình, không có ý niệm ấy, không có ý tưởng ấy. Ai làm tôi đều giúp đỡ cả, tôi toàn tâm toàn lực giúp đỡ, tiếng tốt hoàn toàn thuộc về người ấy, tôi chỉ mong chuyện ấy thực hiện thành công. Hễ có lợi ích đối với xã hội và hết thấy chúng sanh, chúng tôi thấy như vậy bèn rất hoan hỷ. Những thứ ấy thực sự là kho báu của Trung Quốc. Tứ Khố Hội Yếu và Thạch Kinh đúng là kho báu, hy vọng kho báu ấy có thể lưu truyền tới mọi nơi trên toàn thế giới, khiến cho chúng sanh trên toàn thế giới đều được tiếp xúc. Chúng tôi chỉ có nguyện vọng như vậy, không hề may mắn cầu danh văn, lợi dưỡng cho bản thân mình. Vì vậy, phải tích cực tùy hỷ. Tùy hỷ có công đức vô lượng vô biên, phải hoan hỷ thực hiện, thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho họ. Nguyện thứ sáu là:

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân.

六者請轉法輪。

(Sáu là khuyên mời chuyển pháp luân).

Chuyển pháp luân: Chúng tôi thường nói pháp luân về căn bản vốn là một biểu tượng thường được dùng trong Phật giáo, đức Phật dùng biểu tượng này. Vì sao dùng luân? Luân (輪: bánh xe) tượng trưng cho sự viên mãn. Đức Phật giảng cho chúng ta hết thấy pháp, chân tướng của hết thấy pháp hay Thật Tướng của các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, Luân có thể biểu thị điều này. Luân hình tròn, hình tròn ấy không có tâm, phía ngoài là vành tròn bao quanh, như vậy luân chẳng phải là không. Luân chẳng phải có, chẳng phải không, luân có thể biểu thị được những điều ấy. Vì thế, đức Phật dùng Luân làm biểu tượng, ngụ ý: Về Sự là có, vành tròn bao quanh phía ngoài, như vậy Luân là Sự, về mặt Sự

thì có; về Lý là không, vì tâm của hình tròn không có. Chẳng thể nói tâm là không có, tâm thực sự có, nhưng tâm không có hình tướng.

Như vậy, Tâm là Không, Luân là Sắc, một đằng Sắc, một đằng Không. Tâm kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc). Luân thể hiện được điều này. Suốt một đời đức Thế Tôn, Phật vì hết thấy chúng sanh thuyết minh chân tướng của nhân sinh và vũ trụ suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, đức Phật nói Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không. Có và Không là một, không phải hai, chẳng hề rời khỏi Luân. Quý vị thực sự thông đạt: Không vốn là Sắc, Sắc chính là Không, Có chính là Không, Không chính là Có. Đạo lý này rất huyền diệu, rất sâu xa, nhưng nó là chân tướng sự thật. Do thông đạt điều này sẽ không chấp trước vào hai bên Có và Không nữa, tâm của quý vị bèn định.

Quý vị chấp Không là sai lầm, chấp Không vô ích, chẳng có tác dụng gì. Nếu quý vị chấp Có là vì chẳng hiểu rõ Có từ đâu mà có, căn bản của Có là gì quý vị không biết! Như vậy, Không lẫn Có đều hiểu rõ, không chấp trước cả Không lẫn Có, sống “*hết thấy tùy duyên*” như vậy thì mới là đại tự tại! Một tí tí chấp trước cũng không có. Chẳng những phân biệt, chấp trước đều không có, mà vọng tưởng cũng không có, con người như vậy sao không tự tại cho được? Đạt đại tự tại! Quý vị thực sự đạt được pháp hỷ, thường sanh lòng hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị hoàn toàn tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận tự nhiên, không có vọng niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đức Phật giảng cho ta đạo lý này và chân tướng sự thật này, khiến cho chúng ta trong một đời này đạt được cuộc sống hạnh phúc viên mãn.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” có nghĩa là thỉnh Phật thường dạy dỗ chúng ta. Đức Phật là bậc ứng hóa, Ngài đã khôi phục tự tánh, đã đạt trí huệ viên mãn rốt ráo, đức năng rốt ráo viên mãn, tướng hảo rốt ráo viên mãn, những gì hết thấy chúng sanh mong cầu đức Phật đều đạt được, đều biểu hiện cho quý vị thấy. Quý vị đều thấy: Vì sao Ngài có trí huệ viên mãn như thế, đức năng như thế, tướng hảo như thế? Đức Phật dạy: Hết thấy chúng sanh mỗi người đều có [trí huệ, đức năng, tướng hảo] như thế, nhưng mê hay ngộ khác nhau. Do mê nên vận dụng sai cái tâm, biến thành nông nổi ấy; nếu giác ngộ thì sẽ khôi phục, khôi phục giống như chư Phật Như Lai không hai, không khác. Bởi thế, mới nói hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” là thỉnh chư Phật, Bồ Tát, thỉnh những

bậc giác ngộ thường đến dạy dỗ chúng ta. Nói một cách thông tục thì là thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp. Do trước kia, danh từ “*giảng kinh, thuyết pháp*” chưa có vấn đề gì, nay con người nghe đến thì từ ngữ ấy bèn biến thành tôn giáo, nghĩ ngay đến tôn giáo, nên chúng ta phải thay bằng danh từ khác, gọi là “*khế cơ*”. Nói cách khác, thuyết pháp như thế nào? Mời đến dạy bảo chúng ta, giảng kinh thuyết pháp nhằm chỉ dạy chúng ta. Dạy dỗ chúng ta không phải là dạy một lần đã hiểu ngay, vừa dạy bèn hiểu rõ là quá tốt. Chúng ta phiền não tập khí rất nặng, dạy một lần không hiểu; vì thế cổ nhân dạy chúng ta: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa), “*thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”, chúng ta mới hòng giác ngộ. Làm cách nào đây? Lại tiến thêm một bước nữa:

Thất giả thỉnh Phật trụ thế.

七者請佛住世。

(Bảy là mời đức Phật ở lại nơi đời).

Thầy ở lại nơi đây dạy dỗ chúng ta, chúng ta cảm thấy rất lợi lạc, rất vui sướng, chúng ta thỉnh thầy thường trụ ở nơi đây. Nói cách khác, dạy dỗ chúng ta lâu dài, dạy trong thời gian ngắn không được. Phải thỉnh thầy bằng cách nào? Tuyệt đối chẳng phải là mình đối xử lễ phép với thầy, đãi đằng trọng hậu, khiến cho cái ăn, cái mặc, chỗ ở của thầy sung túc, không hề có ý nghĩa như vậy đâu nhé! Người thực sự có đạo đức tuyệt đối chẳng tham cầu ngũ dục, lục trần cúng dường, quyết định chẳng tham cầu danh lợi, họ không có ý niệm ấy. Dùng danh lợi, dùng ngũ dục lục trần lưu giữ họ, sẽ giữ không được. Họ đã hoàn toàn vứt bỏ những thứ đó, làm sao giữ chân họ được? Phải làm sao mới giữ được? Phải y giáo phụng hành, thực sự học, thực sự thực hành! Có bảo họ đi, họ cũng không đi. Vì sao? Họ nhất định phải thành tựu cho quý vị, giúp quý vị phá mê khai ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh, giúp quý vị tu hành chứng quả, chẳng thể bỏ quý vị được.

Như vậy, chư Phật, Bồ Tát, những vị thiện tri thức thường ở lại một chỗ nào thì ta thường nói là [các Ngài] có duyên phận [với chúng sanh ở chỗ ấy], cơ duyên chín muồi, Ngài bèn đến; duyên phận không còn, các Ngài bèn đi. Thế nào là không có duyên phận? Mọi người chẳng chịu nghiêm túc học, chỉ học bề ngoài, không tích cực học, Phật, Bồ Tát bèn bỏ đi. Điều kiện để “*thỉnh Phật trụ thế*” không có gì khác cả, cuối mỗi bộ kinh đều có một câu: “*Tín thọ phụng hành*”! Nếu quý vị làm

được bốn chữ này thì không thỉnh Ngài cũng trụ thế, Ngài cũng ở lại nơi đó. Quý vị tin tưởng lời Ngài dạy, không hoài nghi tí nào, hiểu được, tiếp nhận được, áp dụng được những điều Ngài dạy vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, vào xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị là người thực sự học Phật, không phải là giả. Vì vậy, chúng ta phải dùng cái tâm chân thành, tin sâu chắc, huệ giải, y giáo phụng hành.

Chúng ta phải thỉnh Phật, Bồ Tát, thỉnh thiện hữu ở lâu dài trong thế gian này. Chúng ta biết phiền não tập khí quyết chẳng thể đoạn hết trong một thời gian ngắn được; bởi lẽ, thời gian bị phiền não tập khí tiêm nhiễm của chúng ta rất dài. Giống như khúc gỗ ngâm nước cả mười mấy năm, ngấm đẫm nước, nay lôi lên, châm chút lửa toan đốt cháy nó thì không phải là chuyện dễ. Phải tốn một thời gian dài, dần dần mới đốt cháy được. Nay chúng ta giống như khúc gỗ ngấm nước nhiều năm, ướt đẫm rồi, nay phải dùng lửa mạnh để đốt; nếu lửa ấy không mãnh liệt, chẳng ăn thua gì! Khúc gỗ ấy phải thiêu ở đâu mới có thể cháy được? Trong lò luyện thép, phải bỏ vào lò luyện thép. Lò luyện thép cháy không ngừng, hai mươi bốn tiếng đồng hồ đốt không ngừng. Một ngày không thiêu được thì hai ngày, tôi tin rằng, hai ba tuần chắc chắn phải cháy. Điều này nói rõ sự việc trường thời huân tập, ngày ngày nghe giảng.

Nói thật ra, bản thân chúng tôi là hạng người căn tánh bậc trung, không phải hạng thượng căn lợi trí. Nay chúng tôi có một chút thành tựu là nhờ đâu? Nhờ thầy dạy dỗ. Tôi theo thầy, đầu tiên là học ba năm với Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư viên tịch rồi, tôi học với thầy Lý mười năm; [tất cả là] mười ba năm! Mười ba năm bèn rể rồi sau đây tôi mới có thể tự tu. Mỗi ngày tự mình đọc tụng kinh luận, đồng thời tiếp nhận lời khuyên thỉnh của các đồng tu giảng giải cho họ. Đến nay là năm mươi hai năm, suốt năm mươi hai năm tôi đọc kinh luận không gián đoạn, giảng kinh bốn mươi lăm năm không gián đoạn. Do vậy, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần dục hoặc trong thế gian này tôi mới có thể không động tâm. Nếu không có thời gian huân tập lâu dài như thế, nếu bảo là danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần không động tâm thì phải là bậc thánh nhân, đâu phải là phàm nhân, nói dễ dàng sao! Phải như vậy mới chuyển được cảnh giới.

Tôi chuyển được cảnh giới, nếu quý vị cứ lấy từng mười năm một mà quan sát sẽ thấy rõ ràng; vì thế, tôi nói Khổng lão phu tử quả thật là hạng căn tánh bậc trung, không phải là bậc thượng căn lợi trí. Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc thượng căn lợi trí, quý vị thấy: Ngài thị hiện thành

Phật năm ba mươi tuổi, giảng bộ kinh đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là bậc thượng thượng căn! Nhưng chúng ta thấy Khổng lão phu tử lão nhân gia thành tựu như thế này: Ngài nói mười lăm tuổi chí dốc nơi việc học, ba mươi tuổi căn bản vững vàng, bốn mươi tuổi không làm lẫn, năm mươi tuổi biết vận trời, sáu mươi tuổi tai nghe đã thuận, bảy mươi tuổi tùy lòng mong muốn không vượt quy củ. Mức tiến triển của tôi không khác Khổng phu tử cho lắm: Nâng cao dần dần, không phải là đốn ngộ, không phải là viên chứng, mà là từng bước tu dần, chứng dần. Hơn năm mươi năm dùi mài không ngơi, càng học càng hoan hỷ, mãi đến mấy năm gần đây mới khẽ nhập cảnh giới một chút, đúng là pháp hỷ sung mãn. Câu mở đầu sách Luận Ngữ minh định: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Đối với câu nói này, tôi lãnh hội rất sâu.

Sự vui lớn nhất trong đời người là học! Bởi thế, trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử nói mấy câu: “*Ngô thường*”: Ngài nói chính bản thân mình thường xuyên. “*Ngô thường chung nhật bất thực*”: Ta suốt ngày không ăn. “*Chung dạ bất tầm*”: Suốt đêm không ngủ. “*Dĩ tư*”: Suy nghĩ. “*Vô ích, bất như học dã*”: Bất cứ sự việc gì trong thế gian này, việc gì tốt đẹp nhất? Học! Học theo thánh nhân, học theo hiền nhân, học làm người tốt. Không gì bằng học, có việc gì sánh bằng học! “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ; hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Học rồi thường thực tập, cũng chẳng sướng ư? Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) “*Bằng*” ở đây là gì? Là người hiếu học! Mọi người chúng ta chí đồng đạo hợp, đều là người ham học. Hy vọng mọi người đến học viện chúng ta đều là người hiếu học, mọi người chúng ta cùng ở trong hoàn cảnh nhỏ này cùng nhau học tập. Thực sự hiếu học mới có điều kiện tỉnh Phật trụ thế. Không hiếu học, chỉ mang hình thức, chỉ làm ra vẻ thì Phật không trụ thế, Bồ Tát cũng chẳng trụ thế. Cũng vậy, thiện tri thức cũng chẳng trụ thế! Chỉ có thực sự hiếu học [mới giữ các Ngài trụ thế được mà thôi!]

Mười đại nguyện Phổ Hiền theo giảng giải của cổ đức, chúng tôi cũng xem các chú giải, trên thực tế chỉ là bảy nguyện từ “*lễ kính chư Phật*” đến “*thỉnh Phật trụ thế*”, bảy điều ấy là nguyện. Ba điều sau đều là hồi hướng. Chúng tôi suy gẫm kỹ những lời tổ sư đại đức giảng, thấy rất hợp lý. Giáo pháp Đại Thừa nói đến ba thứ hồi hướng: Hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thực Tế. Vì sao phải hồi hướng? Hồi hướng để mở rộng tâm lượng, chúng ta làm việc này chẳng vì tự

mình, mà vì chúng sanh khắp pháp giới hư không giới, tâm lượng bèn lớn lao, đấy mới là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền khác với hạnh của các Bồ Tát ở chỗ nào? Chính ở chỗ này đây! Mọi Bồ Tát cũng có lễ kính, cũng có xưng tán, cúng dường, sám hối nghiệp chướng, nguyện nào cũng có, nhưng vì sao không gọi là hạnh Phổ Hiền? Vì tâm lượng không rộng lớn như thế này.

Quý vị giống như chúng tôi là phạm phu, phạm phu thế gian bảo tâm lượng của hạng người sau đây rất lớn: “*Tể tướng đỗ tử năng xanh thuyền*” (Bụng tể tướng chứa được cả chiếc thuyền), ông ta nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến đất nước, dân tộc của mình, đúng là không vì cá nhân, không vì gia đình mình, mà vì đất nước, vì dân tộc mình, thật bất phạm! Tâm lượng ấy vẫn còn nhỏ, ông ta vì đất nước dân tộc mình, nhưng đất nước dân tộc khác thì sao? Nước mình mạnh nhất trên thế giới, những nước khác đều yếu kém nhất, mình phải làm sao đây? Đối xử như thế nào? Tâm lượng vẫn chưa đủ lớn! Tâm lượng ấy có thể làm người lãnh đạo quốc gia, tâm lượng ấy dung nạp một đất nước. Nếu tâm lượng lớn hơn nữa, bao dung được cả thế giới, bao dung cả địa cầu, khởi tâm động niệm không chỉ nghĩ đến nhân dân, đất nước mình, mà ta còn nghĩ đến nhân dân toàn thế giới, làm sao cho nhân dân toàn thế giới đều hưởng cuộc sống tốt đẹp; người như thế là lãnh tụ của toàn thế giới, tâm lượng của người ấy lớn lao!

Người ấy vẫn không bằng Bồ Tát. Bồ Tát khởi tâm động niệm nghĩ tới gì? Nghĩ đến tam thiên đại thiên thế giới, người thế gian chúng ta không thể sánh bằng được. Tâm lượng của Bồ Tát là phổ độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh trong chín pháp giới khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhưng vẫn không bằng Phổ Hiền Bồ Tát! Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát trọn khắp hư không giới, pháp giới. Trọn khắp pháp giới, hư không giới, quả thật có không ít những vị Pháp Thân Bồ Tát cũng có tâm lượng như thế, nhưng Phổ Hiền Bồ Tát vẫn thù thắng hơn, thù thắng ở chỗ nào? Nhờ kinh Hoa Nghiêm chúng ta mới thấy, tâm Phổ Hiền Bồ Tát bao gồm cả những thế giới trong vi trần. Trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta như thế, các kinh khác không nói đến điều đó. Trong mỗi một vi trần đều có thế giới, vi trần không phóng to, thế giới không rút nhỏ, thế giới trong vi trần giống hệt thế giới bên ngoài, không khác nhau! Ai có thể vào được trong ấy? Phổ Hiền Bồ Tát vào được.

Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát có thể nhập, có thể độ trùng trùng vô tận thế giới. Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong những vi trần ấy lại có thế giới, do đó, thế giới trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện

tượng ấy? Đức Phật dạy chúng ta: Tụ Tánh vốn là như thế. Chân tâm, bản tánh vốn sẵn là như vậy, trong ấy không có lý do gì cả, nó chỉ như vậy mà thôi. Như tánh đức, chúng ta thường gọi là tánh năng. Năng lực của tánh vĩnh viễn không mất, nó như vậy đó, đức của tánh cũng giống như thế đó.

Năng lực của tánh là gì? Trong Pháp Sư này, thiền sư Trung Phong gọi là “linh tri tâm”. Bản năng của tánh là linh tri, tức là nó thấy - nghe - hay - biết. Vì sao lại có thể thấy - nghe - hay - biết? Vốn sẵn là như vậy. Đó là bản năng. Nơi thân thể chúng ta, mỗi một tế bào đều thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có thể dùng phương pháp khoa học để thăm dò điều này. Đức của tánh là gì? Chính là cái mà kinh Đại Thừa thường gọi là trí huệ, năng lực, đức năng, tướng hảo, đó là tánh đức. Vô lượng trí huệ, vô lượng năng lực (không gì chẳng thể), vô lượng tướng hảo. Kinh Đại Thừa thường nói: Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Một cách diễn giải khác là “*thường - lạc - ngã - tịnh*”, đó cũng là những đức mà bản tánh sẵn có. Đó là tánh đức (những phẩm chất tốt đẹp của bản tánh). Đây chính là những điều “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

Phật, Bồ Tát không dạy điều gì khác, chỉ nhằm dạy chúng ta khôi phục bản năng, bản đức, đức năng sẵn có của chính mình, chỉ như vậy mà thôi! Đến khi nào chính quý vị hoàn toàn khôi phục, Phật sẽ giảng cho quý vị về viên mãn Bồ Đề, quy về Vô Sở Đắc, đây là điều bản tánh vốn sẵn có. Phật, Bồ Tát không trao tặng cho mình điều gì cả, chỉ là do chính mình tự chứng đắc. Phật, Bồ Tát chỉ làm người giới thiệu, là Tăng Thượng Duyên mà thôi, pháp bình đẳng mà! Phật, Bồ Tát chẳng cậy công: “Ta dạy người, ta có ân đức đối với người”. Không hề có! Phật, Bồ Tát dạy ta cảm ân, cảm cái ơn của hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới, dạy chúng ta cảm ơn cha mẹ, cảm ơn sư trưởng, cảm ơn hết thầy chúng sanh, tâm lượng ấy lớn lắm. Vì vậy, hồi hướng là mở rộng tâm lượng, tâm lượng có mở rộng thì mới có thể khôi phục tụ tánh. Tâm lượng nhỏ là không được, chẳng thể thấy được Tánh. Do vậy, nguyện thứ tám là:

Bát giả thường tùy Phật học.

八者常隨佛學。

(Tám là thường học theo Phật).

Đây là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề là điều chúng ta mong cầu, là

mục tiêu của chúng ta. Ta học, ta tu, ta hành là vì lẽ gì? Vì Bồ Đề. Nói thật ra, trên mặt sự tướng, mọi người hãy khéo hiểu, vì Bồ Đề chính là vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Nền giáo dục của đức Phật là nền giáo dục trí huệ, Bồ Đề là giác ngộ, là giáo dục đại trí đại giác, ta mong mỗi nền giáo dục ấy còn mãi trong thế gian, vĩnh viễn không dứt, phần trên gọi là “*Phật trụ thế*”. Tỉnh Phật trụ thế nhất định phải “*thường tùy Phật học*” thì Phật mới trụ thế, hai câu này liên quan với nhau. Nếu chúng ta chẳng tùy thuận Phật, không học theo Phật, Phật chẳng thể trụ thế. Chúng ta muốn tỉnh chuyên pháp luân, tỉnh Phật trụ thế thì điều kiện quan trọng nhất là “*thường tùy học Phật*”. Ta ưa thích nền giáo dục này, ta yêu mến nền giáo dục này, ta học tập nền giáo dục này, Phật bèn trụ thế, Ngài chẳng thể lìa khỏi chúng ta. Loại hồi hướng thứ hai là:

Cửu giả hằng thuận chúng sanh.

九者恆順眾生。

(Chín là hằng thuận chúng sanh).

Quý vị hãy nhìn kỹ chữ “*thuận*” này, không những phải “*thuận*” mà còn “*hằng thuận*”, vĩnh viễn tùy thuận chúng sanh thì quý vị mới có thể giúp đỡ chúng sanh được. Quý vị có hảo ý giúp đỡ người ta, nhưng không thuận theo ý họ, họ sẽ phản kháng, không thể tiếp nhận mình, vậy là không còn có cách gì hết. Vì thế, quý vị hãy xem chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, các Ngài thuận theo chúng sanh. Quý vị thấy trong phẩm Phổ Môn có nói đến ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hằng thuận đấy! Người ta thích Phật, Quán Âm Bồ Tát bèn hiện thân Phật, chúng sanh bèn vui thích. Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hoàn toàn thuận theo chúng sanh, chứ không chiều theo ý của riêng mình. Nếu thuận theo ý mình thì chẳng phải là độ chúng sanh, dầu hảo tâm, dầu có ý nghĩ tốt, chúng sanh chẳng tiếp nhận mình. Bởi thế, quý vị phải biết tùy thuận chúng sanh, nhất là “*hằng thuận chúng sanh*”, khó đấy!

Nay chúng ta giúp đỡ chúng sanh ở bên ngoài, mọi người không tiếp nhận là vì nguyên nhân nào? Chúng ta không tùy thuận họ, mà hoàn toàn thuận theo ý của chính mình. Thuận theo ý của chính mình thì người ta bài xích, làm không xong! Ai thích Cơ Đốc (Christ), thích Gia Tô (Jesus), Quán Thế Âm Bồ Tát bèn hiện thành Cơ Đốc, biến thành Gia Tô, họ cũng vui vẻ! Năm ngoái, hình như vào tháng Mười Một, tôi qua thăm Nhật Bản, giảng kinh ở Nhật Bản, gặp mặt lão hòa thượng Trung

Thôn Khang Long. Vị lão hòa thượng này tuổi ngoài chín mươi, là quốc bảo của Nhật Bản. Trong giới Phật Giáo Nhật Bản, hòa thượng rất có tiếng tăm, có địa vị. Lúc gặp gỡ, tôi không ngờ Ngài bảo tôi một câu khiến những pháp sư Nhật Bản hiện diện lúc ấy đều hết sức kinh ngạc. Ngài nói gì vậy?

Ngài nói: “Người sáng lập mỗi một tôn giáo trên thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát!” Điều này hoàn toàn tương đồng với những điều tôi thường nghĩ, thường nói. Vị lão hòa thượng ấy thật phi phàm! Những vị pháp sư Nhật Bản ở quanh Ngài bảo tôi: “Trước nay lão hòa thượng chưa hề nói như thế!” Họ nói: “Pháp sư! Hôm nay ông đến đây, Ngài bảo ông như vậy, chứ trước nay Ngài chưa hề nói như thế”, khiến tôi cảm thấy được khích lệ lớn lao! Ngày nay chúng ta tiếp xúc các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, thực hiện công tác đoàn kết đa nguyên văn hóa, lão hòa thượng nói câu ấy ủng hộ tôi. Nói thực ra, hòa thượng tuổi tác quá cao, ngoài chín mươi tuổi, đầu óc hết sức minh mẫn, nhưng nay cũng phải ngồi xe lăn, thân thể cử động không thuận tiện lắm, nhưng đầu óc sáng suốt, nói năng cũng rất minh mẫn, gặp mặt Ngài vô cùng hoan hỷ. Thật là người có trí huệ, thật sáng suốt, “*hằng thuận chúng sanh*”.

Thuyết pháp thì không có pháp nhất định để nói. Chúng sanh thích pháp gì bèn nói cho họ nghe pháp ấy, không có pháp nào nhất định để nói cả. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có hình tướng, thân tướng nhất định, hoàn toàn hằng thuận chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Hai câu ấy chính là như Đại Thừa Phật pháp thường nói: Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy, nên nói pháp nào bèn nói pháp ấy. Sự ứng hiện ấy đều là ứng theo [căn cơ của] chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Hiện thân tướng là “thân ứng”, vì họ thuyết pháp là “thuyết ứng”, đều phải ứng theo chúng sanh. Chúng sanh là cơ, ứng cơ thuyết pháp, ứng cơ hiện thân, tất cả hết thảy không gì không phải ứng cơ (thích ứng với căn cơ của đối tượng được hóa độ), đó gọi là “*hằng thuận chúng sanh*”.

Quý vị hiểu thấu đại đạo lý, đại nguyên tắc, đại phương châm này thì quý vị sẽ thấy thế giới ngày nay hướng theo khoa học kỹ thuật, trong khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông phổ biến nhất và quen thuộc nhất là truyền thanh, truyền hình, hiện thời là Internet. Chúng tôi thấy vậy, phải hằng thuận chúng sanh, chúng tôi cũng phải đi theo con đường ấy. Chúng tôi giảng kinh, không thể giảng trên giảng tòa, giảng tại giảng đường không được, nay chúng tôi giảng trong phòng thâm hình.

Đồng thời, hình ảnh và âm thanh của chúng tôi theo đường Internet phổ biến toàn thế giới, cứ vào trang web của chúng tôi sẽ thu nhận được. Đó là hằng thuận chúng sanh, là ứng cơ thuyết pháp. Hiện tại người ta cảm như vậy thì chúng tôi phải ứng như thế, hễ có cảm bèn có ứng, cảm ứng đạo giao.

Hiện nay có cần xây dựng một đạo tràng rất lớn hay không? Không cần thiết! Đạo tràng hoàng pháp ngày nay (tổ sư đại đức vẫn là tổ sư đại đức, đối với họ chúng tôi không lạm bàn), vị tổ sư gần nhất của Tịnh Độ tông chúng ta là Ân Quang đại sư. Lão nhân gia dạy chúng ta đạo tràng không cần to, Ngài không chủ trương dựng đạo tràng lớn, mà là đạo tràng nhỏ. Mọi người cùng tu một chỗ với nhau không cần đông, chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn định, không được vượt quá hai mươi người. Càng suy gẫm lời dạy ấy, chúng tôi thấy càng hợp lý. Vì sao? Phù hợp tình huống xã hội hiện thời, không hóa duyên, cuộc sống của hai mươi người dễ dàng duy trì. Đạo tràng quá lớn, chúng thường trụ quá đông, nguồn sống cho đại chúng từ đâu mà có? Nhất định phải làm pháp hội, nhất định phải làm rất nhiều, phải chèo kéo. Hiện thời giống như du lịch văn cảnh, đạo nghiệp hoàn toàn bị hủy mất, tâm thanh tịnh không đạt được.

Vì thế, Tổ dạy không hóa duyên, không làm pháp hội (không làm hết thầy pháp hội), không thu đồ đệ, không truyền giới, không giảng kinh, chuyên môn niệm Phật. Công khóa bình thường giống như khóa niệm Phật thất phổ thông. Hai mươi người cùng tu, ai nấy đều có thể thành công. Lời khai thị ấy thật phi thường, là lời giáo huấn chân thật! Đương nhiên người đến đạo tràng tu hành đều hiểu Phật pháp, nên không cần giảng kinh, giảng kinh tại đâu? Giảng kinh trên truyền hình, trên Internet. Đối với kinh giáo mọi người đều hiểu được, chúng ta chọn nơi đây để tu hành, rất đơn giản, hai mươi người tụ tập, tìm một căn nhà nhỏ là đủ rồi, quý vị bèn có thể thành công. Nhất định phải đoạn tuyệt ngoại duyên. Nếu đạo tràng nào trở thành đạo tràng du lịch văn cảnh thì không phải là đạo tràng để tu hành, chẳng thể tu thành tựu ở nơi ấy. Phải hiểu đạo lý này!

Như vậy, giảng kinh thuyết pháp trên truyền hình là đưa việc giảng kinh thuyết pháp đến tận gia đình của mỗi người. Chúng ta thấy khoa học kỹ thuật hiện nay phát triển, chúng tôi tin rằng năm năm sau, Internet thay thế truyền hình. Vì sao? Năm ngoái chúng tôi thấy ở Nhật Bản, điện thoại cầm tay (cell phone) có thể nối vào Internet, từ màn hình nhỏ trên máy có thể thu nghe được Internet. Tôi tin rằng năm năm sau,

các băng thông Internet càng mở rộng hơn, bất cứ nơi nào trên thế giới, dùng cell phone đều có thể thu bắt được. Chúng tôi tưởng tượng màn hình của điện thoại nếu được làm lớn hơn một chút, quý vị bên thấy rõ ràng, âm thanh, hình ảnh đều thấy nghe rất rõ. Nói cách khác, khác nào một cái máy truyền hình nhỏ có thể mang bên người, đưa Phật pháp đến tận tay quý vị.

Hiện tại, những cái máy truyền hình to được bày trong nhà, đưa Phật pháp đến tận nhà, độ mấy năm nữa, tiến hơn bước nữa, đưa Phật pháp, hình ảnh, âm thanh giảng kinh thuyết pháp đến tận lòng bàn tay quý vị. Bất luận quý vị ở đâu, tùy tiện bất cứ lúc nào muốn nghe, đều có thể nghe được. Thực sự nghe hiểu, nghe thấu suốt, giác ngộ, muốn tu hành, tìm một đạo tràng nhỏ, đạo tràng nhỏ có hai mươi người, quý vị thực sự thành tựu. Tổ sư đại đức chỉ dạy chúng ta như thế. Ấy đều là hăng thuận chúng sanh, đều là ứng cơ thuyết pháp.

Vì thế, những đạo tràng lớn ngày nay nói thật ra là chỗ để du lịch ngoạn cảnh, là nguồn thu nhập cho quốc gia, thuộc về dịch vụ. Đồng thời, những nơi ấy có thể phát huy một hiệu quả là cơ hội giáo dục, từ cơ hội du lịch ngắm cảnh, đem Phật pháp giới thiệu cho du khách, khiến du khách hiểu, khiến họ có thể từ máy truyền hình, từ trong lòng bàn tay, được nghe Phật pháp. Đây là thích ứng với căn cơ của chúng sanh hiện đại, hăng thuận chúng sanh hiện đại, chúng ta phải hiểu như vậy. Nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Điều cuối cùng:

Thập giả phổ giai hồi hướng.

十者普皆回向。

(Mười là hồi hướng khắp tất cả).

Đây là hồi hướng Thật Tế. Thực Tế là gì? Chính là hồi hướng bản tánh. Hết thấy sanh từ bản tánh, tối hậu quy về bản tánh. Bản tánh còn gọi là Tự Tánh, Chân Như, Thật Tế, vẫn là hồi quy về đó, từ đâu sanh ra thì quay về đó. Chúng ta thường nói trở về với thiên nhiên, người thế gian thường hay nói như thế. Trong Phật pháp nói quay về với Thật Tế, trở về với Chân Như. Quay về như thế nào? Chính là niệm niệm, hạnh hạnh đều tương ứng với Chân Như, phải hiểu điều này, đó gọi là Khế Lý. Chín điều nguyện trước là Khế Cơ, điều này là Khế Lý, quyết định chẳng được trái nghịch Thật Tế Lý Thể.

Pháp Thân Bồ Tát có thể làm được điều này, ngoài Pháp Thân Bồ

Tát ra, như Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát chỉ có thể làm được tương tự. Đối với điều này, bọn phàm phu chúng ta ngỡ ngác, chẳng biết thế nào là “*phổ giai hồi hướng*”, không hiểu nó có nghĩa là gì! Hôm nay tôi xin thưa cùng quý vị: Quý vị chỉ có khái niệm lờ mờ, muốn hiểu thật rõ ràng, thì nó có nghĩa là “công phu tu hành của quý vị phải khế cơ, khế lý”. Phần trên là giảng về khế cơ, nguyện này là khế lý. Lý ấy phải dựa vào đâu? Đơn giản là chúng ta chưa chứng đắc lý Chân Như thì phải nương vào kinh giáo. Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều tương ứng với kinh giáo, chẳng trái nghịch những gì kinh giáo răn dạy, đây chính là “*phổ giai hồi hướng*”. Trái nghịch sự giáo huấn của kinh điển thì một điều cũng chẳng có, thuyết pháp khế cơ nhưng không khế lý.

Đoạn này chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 46

Chư vị đồng học!

Trong phần trên, chúng ta đã học về mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, cũng có thể nói mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chính là nguyện chung của các Bồ Tát. Thế nhưng, ngoại trừ những nguyện chung này ra, lại còn có một tổng nguyện, tức là lời nguyện chung của hết thấy chư Phật, ngay cả mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng thể tách rời Tứ Hoảng Thệ Nguyện này. Ngay cả bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nếu quy nạp lại thì Tứ Hoảng Thệ Nguyện bao trùm trọn vẹn. Như vậy, Tứ Hoảng Thệ Nguyện là cương lĩnh, triển khai thành vô lượng vô biên đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta đọc bài kệ đầu tiên:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.***

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, Tứ Hoảng Thệ Nguyện được

đọc ba lần, mỗi một thời đọc một lần, bốn câu kệ này chúng tôi dành lại, sẽ nói sau. Tiếp đến là bài Tam Bảo Tán, phần tán thán ở đây chính là xưng tán Như Lai. Tam Bảo Tán là tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, gọi là Tam Bảo Tán. Bảo (寶) là tỷ dụ, người thế gian có của báu thì cuộc sống rất giàu có, sung sướng, cuộc sống rất hạnh phúc, có thể giải quyết những vấn đề thuộc đời sống vật chất.

Phật - Pháp - Tăng gọi là Tam Bảo, là ba món báu thực sự, vì của cải thế gian chỉ có thể giải quyết những vấn đề trong một đời này, chẳng thể giải quyết những vấn đề thuộc đời đời kiếp kiếp, càng chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi trong lục đạo. Ngoài chuyện luân hồi ra, còn có vấn đề chẳng thể thoát khỏi mười pháp giới, còn có vấn đề chẳng thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nhiều vấn đề quá! Thế nhưng Tam Bảo là của báu thực sự, chắc chắn của báu thế gian không thể sánh bằng! Vì sao? Vì Tam Bảo có thể giải quyết được vấn đề sanh tử trong lục đạo, giải quyết vấn đề mười pháp giới, có thể giúp chúng ta trong vấn đề chứng đắc Phật quả rốt ráo, đây mới là đồ báu thực sự!

Nếu chúng ta hỏi Tam Bảo có thể giải quyết vấn đề sinh hoạt trong thực tế hay không thì câu trả lời là khẳng định: “Đương nhiên!” Vì sao? Chuyện trong lục đạo là vấn đề nhỏ nhất, Vô Thượng Bồ Đề là vấn đề lớn. Vấn đề lớn còn giải quyết được thì vấn đề nhỏ nhoi sẽ thấm vào đâu! Rất đáng tiếc, trong thế gian rất nhiều người mê không giác, coi thường Tam Bảo. Tam Bảo chẳng phải ở bên ngoài mà ở ngay nơi Tự Tánh. Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Pháp Bảo là Tự Tánh Chánh, Tăng Bảo là Tự Tánh Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh Tam Bảo. Giác - Chánh - Tịnh là Tánh Đức; bởi vậy, Tam Bảo chẳng ở bên ngoài, không ai cầu chẳng được, đúng là có cầu ắt ứng. Cầu nơi đâu? Hướng về Tự Tánh mà cầu.

Đức Thế Tôn dạy cho chúng ta lý luận và phương pháp đề cầu. Tam Bảo đã hiện tiền thì cũng được cảnh giới rất tường tận, rất minh bạch. Cảnh giới ấy chính là thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc, Nhất Chân pháp giới. Như vậy, chỉ có Tam Bảo mới có thể giúp chúng ta chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển uế độ thành tịnh độ, chuyển mười pháp giới thành Nhất Chân pháp giới. Đây mới thực sự là đồ báu!

Nay chúng ta hãy xem đoạn thứ nhất, đoạn thứ nhất là tán Phật:

14. Tán Thán Phật Bảo

Phật bảo tán vô cùng.

佛寶讚無窮。

(Phật Bảo khen ngợi khôn cùng).

Câu này mang ý nghĩa kép: Phật Bảo nơi Tự Tánh và Phật Bảo trên mặt sự tướng. Phật Bảo về mặt sự tướng thì nêu lên vị gần nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Nếu Ngài không thị hiện thành Phật, dạy cho chúng ta pháp chân thật Giác - Chánh - Tịnh chân chánh thì chúng ta vĩnh viễn chẳng biết, không ai có thể nói ra cả. Do vậy, tán Phật ở đây bao gồm cả tán thán Tự Tánh Phật lẫn Sự Tướng Phật. “*Thán vô cùng*”: Tự Tánh vô cùng, sự tướng cũng vô cùng.

Công thành vô lượng kiếp trung.

功成無量劫中。

(Thành tựu công phu trong vô lượng kiếp).

Luận trên mặt sự tướng, “*công*” (功) là công phu tu hành. Phật là do con người tu thành, phải tu bao lâu? Tu trong vô lượng kiếp, không phải là thời gian ngắn. Thoạt nhìn, vô lượng kiếp rất ư là dài, thường khiến cho cái tâm tu học của chúng ta khiếp hãi: “Vô lượng kiếp ư? Đến bao giờ mới thành tựu được nổi?” Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy: “Không những thời gian là giả, mà không gian cũng chẳng thật!” Thời gian và không gian do đâu mà có? Do từ vọng niệm của chúng ta mà sanh ra, không phải là chân thật. Nếu quý vị chuyển mê thành ngộ thì vô lượng kiếp bèn biến thành một sát-na; nếu mê không giác thì một sát-na liền biến thành vô lượng kiếp. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn giảng về chuyện này rất nhiều, nhất là trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy: “*Mê không giác thì quả thật là vô lượng kiếp, giác không mê thì nhất niệm đốn siêu*” (siêu thoát nhanh chóng trong một niệm). Chuyện này khó lắm! Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ chúng ta chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được, khó ở chỗ này đây! Lúc nào buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được thì “*công thành vô lượng kiếp trung*”, quý vị bèn thành tựu, vô lượng kiếp không còn nữa. Ai làm được như thế? Thích Ca Mâu Ni Phật làm được, Ngài nêu gương cho chúng ta thấy.

Nguy nguy trượng lục tử kim dung.

巍巍丈六紫金容。

(*Thân trượng sáu vàng ròng vôi vôi*).

Chữ “nguy nguy” hình dung sự cao lớn. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thân Ngài cao một trượng sáu thước. Chúng tôi nghĩ một trượng sáu quá cao, hầu như trong hiện tại không có người thứ hai nào cao được như thế. Há chẳng biến thành người khổng lồ ư? Thật ra, phép đo lường của Ấn Độ thời cổ không giống cách đo lường hiện thời của chúng ta. Nếu quý vị xem cuốn Luật Học Tam Thập Tam Chung Hiệp San (ba mươi loại sách về Giới Luật được in chung lại) của Hoằng Nhất đại sư, sẽ thấy có một chương sách mang tựa đề Châu Xích Khảo (khảo luận về thước đời Châu). Tính theo thước của người đời Châu sử dụng thì một trượng sáu đại khái chỉ gần bằng sáu tấc (Trung Hoa) của chúng ta hiện thời. Chúng tôi nghĩ nhận định ấy rất hợp lý. Thích Ca Mâu Ni Phật như vậy rất cao, đại khái Phật phải cao từ một mét tám đến một mét chín (thước Tây). So với mọi người thì Phật rất cao nhưng cũng rất bình thường, chứ không như [tính theo] thước tấc hiện tại, một trượng sáu là quá cao!

Màu da nơi thân đức Phật là màu vàng tía⁴⁶. Vì thế, câu này nhằm mục đích tán thán, khen ngợi thân sắc Phật, “nguy nguy trượng lục tử kim thân”. Tướng hảo ấy do đâu mà có? Một con người tâm tốt, tư tưởng tốt, ngôn hạnh tốt, thân sắc của chính người ấy cũng có thể chuyển biến theo ý niệm. Người thế gian coi thân thể và màu da như thế là tôn quý nhất, người thế gian trông thấy tướng ấy bảo là quý tướng. Mỗi một tướng của đức Phật đều là quý tướng, đều được người thế gian vô cùng hâm mộ, hết sức yêu thích, mong cầu nhưng không đạt được tướng ấy. Mỗi một tướng ấy đức Phật đều có đủ. Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: Tướng hảo là quả báo, quả ắt phải có nhân. Tu nhân thế nào sẽ được quả báo như thế ấy. Quý vị thấy đức Phật hiện thân thuyết pháp, dạy chúng ta muốn được tướng hảo thì phải khéo tu hành.

Tướng chuyển theo tâm; thân thể và thể chất cũng chuyển theo tâm. Sự chuyển biến này hết sức nhanh chóng. Ngay cả núi, sông, đại

⁴⁶ Theo từ điển Bách Độ, “tử kim” là một loại hợp kim của vàng, đồng, sắt và kền, có màu sắc vàng hơi ánh màu tía, trông rất chói lọi, nên gọi là Tử Kim. Đây là một loại hợp kim tự nhiên, và là sản phẩm chủ yếu của Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các thành phần của Tử Kim, lượng vàng chiếm từ 58.5% hoặc cao hơn nên Tử Kim rất quý.

địa, hoàn cảnh cũng chuyển theo tâm, công phu ấy càng phải cao hơn nữa. Nếu chúng ta chia công phu thành ba bậc thì:

1) Thượng thượng đẳng thì hoàn cảnh cư trụ, phong thủy đều chuyển theo.

2) Trung đẳng thì thể chất chuyển biến.

3) Hạ đẳng là tướng mạo biến chuyển. Vì thế, chuyển tướng mạo là dễ dàng nhất. Hễ tướng mạo chuyển thì quý vị sẽ có tín tâm. Từ đây trở đi, quyết định chẳng khởi một ác niệm, quyết định chẳng khởi một tâm bất thiện, dần dần chuyển được thân thể, lại còn có thể chuyển được cảnh giới.

Đến lúc chuyển được cảnh giới thì ngay cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người với nhau) cũng phải chuyển theo. Hoàn cảnh nhân sự là lúc kẻ ác trông thấy quý vị chẳng khởi ác niệm. Khoa học hiện đại đã giảng thông suốt điều này, người Hoa gọi điều này là “*khí phận*”, người ngoại quốc gọi là “*từ trường*”. Phật pháp gọi “*từ trường*” của quý vị là “*quang*”. Chúng ta thường thấy kinh nói “*Phật quang phổ chiếu*” (ánh sáng của Phật chiếu khắp); cái được Phật pháp gọi là “*quang*” thì người Hoa gọi là “*khí phận*”. Khí phận của quý vị hết sức từ bi, hiền lành, kẻ ác bước vào khí phận của quý vị sẽ bị cảm động, ác niệm tạm thời không sanh, bị quang minh (tức khí phận) của quý vị nhiếp trì, chẳng thể khởi ác niệm. Lúc rời khỏi nơi ấy, rất có thể ác niệm sẽ lại khởi lên; hễ còn thuộc vòng kiểm soát của khí phận thì ác niệm chẳng thể sanh khởi. Đây là thường thức, là thật, chứ không phải giả.

Do vậy, chúng ta thực sự hiểu rõ, mong mỗi cảnh giới của chính mình được nâng cao không ngừng thì phải dốc sức nơi tâm hạnh, đó mới là công phu thực sự. Quý vị đồ công nơi kinh giáo, văn tự, nếu chẳng thực hiện được [những điều ấy] thì cũng vô ích, chẳng chuyển được cảnh giới. Xưa kia, thầy Lý thường bảo: “Sanh tử như thế nào thì vẫn là sanh tử đúng như thế ấy! Quý vị học kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp, thì nhiều nhất là vun vén thêm một chút phước đức, thuộc về phước đức chứ không phải là công đức”. Công đức giải quyết sanh tử, giải quyết được vấn đề. Công là gì? Thực hiện được thì mới gọi là công phu; không thực hiện được thì chẳng thể gọi là công phu; không có công phu thực sự thì chỉ là tu một chút phước. Phước báo ấy được gọi là “*phước báo hữu lậu*” trong tam giới. Vì sao là hữu lậu? Vì phiền não tập khí chẳng đoạn, nên là hữu lậu. Quý vị tu phước, chưa đoạn tập khí phiền não thì gọi là “*phước báo hữu lậu*”. Câu kế tiếp là:

Giác đạo Tuyết Sơn phong.

覺道雪山峰。

(Giác đạo trên đỉnh núi Tuyết).

Đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành. Câu thứ nhất nói về quả, tức quả báo, có quả ắt phải có nhân. Nhân là gì? Nhân là tu hành. Tuyết Sơn là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya), đây là tỷ dụ. “*Giác đạo*” giống như chót đỉnh Tuyết Sơn. Câu này nói lên sự tu hành chứng quả của lão nhân gia, chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo, dùng Tuyết Sơn làm tỷ dụ; Tuyết Sơn là rặng núi cao nhất, Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành thành tựu [đạt quả vị cao nhất, giống như đỉnh Tuyết Sơn cao nhất trên địa cầu]. Câu kế tiếp là:

Mi tế ngọc hào quang xán lạn,

Chiếu khai lục đạo hôn mê.

眉際玉毫光燦爛。

照開六道昏蒙。

(Ngọc hào quang rạng rỡ giữa mày,

Chiếu sáng rức sáu đường tăm tối).

Tự mình đã thành tựu thì phải giúp đỡ chúng sanh. Phần trên là tự mình tu hành chứng quả, tự mình chứng quả rồi thì phải giáo hóa chúng sanh. “*Mi tế ngọc hào*” (tướng Bạch Hào đẹp như ngọc giữa hai mày) là một trong ba mươi hai tướng. Chúng ta thường thấy trong kinh nói đức Phật phóng bạch hào quang (quang minh phát xuất từ tướng lông trắng giữa hai mày), trong hào quang có hóa Phật, có hóa Bồ Tát. “*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*”, hai câu kệ trong bài Tán Phật như chúng ta thường đọc chính là [nói đến chuyện] bạch hào phóng quang. “*Mi tế ngọc hào*” thường được gọi là Bạch Hào, bạch hào phóng quang.

Câu “*chiếu khai lục đạo hôn mê*” cho thấy vì chúng sanh trong lục đạo có cảm, chư Phật Như Lai bèn có ứng, tức là ứng hóa trong sáu đường, giáo hóa hết thầy chúng sanh. Ứng hóa về mặt Lý hết sức sâu, chúng ta không có cách nào hiểu được; ứng hóa về mặt Sự hết sức huyền diệu, chẳng thể nghĩ bàn! Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, bản thân đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm “nay ta phải nên hiện thân hình nào”, không hề [nghĩ như thế]! Nếu đức Phật khởi tâm

động niệm, chẳng phải là đã biến thành phàm phu ư? Phàm phu mới khởi tâm động niệm. Nay chúng ta tham dự bất cứ tiệc tùng nào, trước hết phải khởi tâm động niệm: “Bữa nay mình phải ăn diện như thế nào? Mặc quần áo gì?” Phàm phu khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát thì không; ngay cả A La Hán ứng hóa trong thế gian đều chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Không khởi tâm, không động niệm có được chăng? Được chứ! Nay chúng ta thấy rất rõ ràng! Quý vị thấy nước kết tinh đó, nước có khởi tâm động niệm hay chẳng? Không có, cứ tự nhiên mà ứng. Chúng ta là chúng sanh, chúng ta tạo sự Cảm cho nó bằng cách viết chữ dán trên bình pha lê, tức là dùng văn tự để cảm, hoặc là dùng âm nhạc, âm thanh để cảm, quý vị liền thấy nó đáp ứng. Chúng ta hữu ý, khởi tâm động niệm là hữu ý; nước lại không, nước phản ứng rất tự nhiên, đạo lý cảm ứng đạo giao đây! Bởi thế, chúng sanh trong sáu nẻo có cầu, đó là Cảm, Phật, Bồ Tát bèn có Ứng. Nguyên lý này chính là “*nhất thiết duy tâm tạo*” (hết thảy chỉ do tâm tạo). Nay chúng ta “*duy tâm tạo*”, chúng ta yêu cầu, cầu Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát bèn có cảm ứng.

“*Nhất thiết duy tâm tạo*” nói theo ngôn ngữ thế gian là chân lý tối cao. Rốt cuộc, chúng ta lãnh hội câu này được chừng nào? Đọc hiểu như thế nào? Rất khó! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm thì quý vị sẽ phạm sai lầm rất lớn. Trọn pháp giới, hư không giới, các nhà khoa học hiện tại nói tới vô hạn “những chiều không gian khác nhau”, chẳng lia duy tâm, toàn là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Nếu quý vị hỏi vì sao mình lại thành ra nông nổi này ư? Bây giờ phải làm thế nào ư? Nay chúng ta đang mê, chưa ngộ, mê vẫn là duy tâm, mà ngộ cũng là duy tâm; nhưng nay chúng ta còn mê chứ chưa ngộ. Mê chứ không ngộ thì phải chịu hết những nỗi khổ trong sáu nẻo. Nằm mộng là duy tâm. Có người ngày nào cũng mơ những giấc mộng đẹp, rất sung sướng; có người ngày ngày gặp ác mộng, đều là duy tâm. Quý vị phải biết: Chúng ta hiện đang ngày ngày gặp ác mộng, Phật, Bồ Tát ngày ngày gặp mộng đẹp. Làm thế nào để biến ác mộng thành mộng đẹp? Quý vị không cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ thì sẽ làm không được, quý vị không biết cách chuyển biến như thế nào. Vì thế, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta rất lớn, ân đức là đây!

Chúng ta có cầu, tức là cảm; Phật, Bồ Tát bèn ứng. Thành tâm, thành ý cầu, cảm ứng rất linh, hễ thành kính bèn linh nghiệm. Do vậy, từng câu, từng chữ trong kinh Đại Thừa quyết chẳng được hiểu lầm. Hiểu sai, hiểu lầm, quý vị sẽ phải tiếp tục ở trong lục đạo tam đồ, không biết đến kiếp nào mới có thể quay đầu, mới có thể giác ngộ. Vì thế, phải

dùng cái tâm chân thành và tâm cung kính để cầu pháp! Chúng ta phải thực sự hiểu được ý tứ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, và thiện tri thức; nếu có ngờ vực thì phải hỏi. Trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, ngài Triệu Châu đến tám mươi tuổi vẫn còn hành cước. Một cụ già tám mươi vẫn phải đi tham học bên ngoài là vì lẽ gì? Vì chưa đoạn nghi hoặc, phải thân cận thiện tri thức, đến các nơi thỉnh giáo, đoạn nghi sanh tín thì sau đây công phu mới đắc lực.

Người hiện tại vương mắc ở chỗ nào? Có nghi hoặc nhưng không chịu hỏi, dường như hỏi thì rất mất mặt, rất áy náy. Đọc kinh, nghe kinh thường hiểu cong queo ý nghĩa. Đó không phải là hiểu học, không trống lòng (hư tâm). Có người dẫu vẫn thỉnh giáo, nhưng thỉnh giáo rất tùy tiện, thiện hữu khai thị cho mình, mình cũng chẳng thể hiểu được. Do đạo lý nào vậy? Ấn Quang đại sư nói rất rõ: Quý vị không hiểu “*một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*”. Học sinh hướng về thầy thỉnh giáo, thầy trả lời có rất nhiều người nghe. Học sinh nêu lên nghi vấn, có thể nói là nghi vấn chung của mọi người, thầy trả lời có rất nhiều học trò nghe. Thầy trả lời rồi, có người khai ngộ, có người vẫn chẳng hiểu. Mỗi cá nhân nghe thầy thuyết pháp, mỗi người ngộ khác nhau, quyết định chẳng có hai người giác ngộ giống nhau. Vì nguyên nhân gì vậy? Tâm thái của mỗi người đối với thầy khác nhau. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã giảng: Ai mười phần cung kính thì người ấy được lợi ích mười phần; ai một phần cung kính thì chỉ được một phần lợi ích, không giống nhau!

Trong lịch sử Trung Quốc có một tấm gương rất nổi danh là Liên Trì đại sư. Lúc còn trẻ, Liên Trì đại sư hiểu học. Lúc ấy, có một vị thiện tri thức là pháp sư Biện Dung, trong Cao Tăng Truyện cũng chép truyện vị này. Liên Trì đại sư hết sức ngưỡng mộ, đến thân cận pháp sư Biện Dung. Đi đến dưới ngọn núi của ngài Biện Dung bèn bắt đầu tam bộ nhất bái (cứ đi ba bước là một lạy), Ngài không đi thẳng lên núi gặp pháp sư Biện Dung mà là vừa đi vừa lạy. Cứ ba bước một lạy, lạy mãi cho đến đại điện gặp pháp sư Biện Dung. Lúc đó, chúng tại gia và xuất gia rất đông đều ở cạnh pháp sư Biện Dung. Trông thấy ngài Liên Trì cung kính dường ấy, lạy dưới tòa lão hòa thượng, cầu lão hòa thượng khai thị. Lão hòa thượng nói sao?

Pháp sư Biện Dung chỉ nói một câu: “*Ngươi chớ để danh văn lợi dưỡng làm hại!*” Người xung quanh nghe vậy đều cười, cười chuyện gì? Cười con người kiên thành lạy từng bước đến đây, lão hòa thượng chẳng có diệu pháp gì để ban cho; đây là câu nói tầm thường nghe đã nhàm tai!

Câu nói thông thường quá, mọi người nghe như gió thoảng qua tai. Thành tựu cả đời của Liên Trì đại sư, trở thành một vị tổ sư nổi tiếng của Tịnh tông, theo chính Ngài nói ra là nhờ một câu cảnh tỉnh ấy của pháp sư Biên Dung. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã nói: “Mười phần thành kính” cho nên đối với tổ Liên Trì mà nói thì Ngài được mười phần lợi ích nơi câu nói ấy. Những kẻ ở quanh lão hòa thượng thường nghe, nghe riết như gió thoảng qua tai, họ chẳng có tâm cung kính, nên chẳng đạt được lợi ích.

Lão hòa thượng không có gì bí mật để truyền cho Ngài, chỉ nói giữa đám đông hiện diện, vì sao Ngài được lợi ích, người khác không được lợi ích? Ở đây quý vị có thể hiểu: Đúng là một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Ngày ngày ở cạnh lão hòa thượng, chẳng có tâm cung kính đối với lão hòa thượng, lợi ích gì cũng chẳng đạt được; một người từ phương xa tới, do mười phần thành kính nên được mười phần lợi ích. Phải khéo suy gẫm chuyện này, rồi hãy hồi quang phản chiếu: Bản thân ta học Phật vì sao không được lợi ích? Tôi lại thưa cùng quý vị: Học trò của Chương Gia đại sư rất đông, học trò của tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng đông, học trò của lão cư sĩ Lý Bình Nam càng khỏi cần phải nói nữa; trong cả đồng học trò như thế, có mấy người được thành tựu? Vì nguyên nhân nào? Vì tâm thái đối với thầy không giống nhau.

Cổ nhân nói “tôn sư trọng đạo”. Tôn sư trọng đạo chẳng phải là trên hình thức mà là tâm hạnh. Quý vị nghe lời thầy dạy dỗ, thực sự thực hiện thì sẽ được lợi ích; nghe lời thầy giáo huấn nhưng không thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình thì vô ích, lợi ích gì cũng không đạt được! Quý vị thực hiện một phần sẽ được một phần lợi ích, thực hiện hai phần sẽ được hai phần lợi ích, thực hiện mười phần sẽ được lợi ích viên mãn, không có gì khác cả! Do vậy, thành Phật rồi phải ứng theo lòng cảm của chúng sanh, giáo hóa hết thầy chúng sanh khổ nạn. “Lục đạo hôn mê” (sáu nẻo tối tăm) không có trí huệ, mê hoặc, điên đảo; đúng là lục đạo chúng sanh mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh.

Long Hoa tam hội nguyện tương phùng.

龍華三會願相逢。

(Nguyện gặp gỡ trọn ba hội Long Hoa).

Những câu trên nói về Phật Thích Ca, từ ngữ “Long Hoa tam hội”

ở đây nói đến Phật Di Lặc. Quý vị thường niệm Vô Lượng Thọ kinh, nhất định quý vị phải hiểu rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ rồi, sứ mạng hồng pháp lợi sanh trong tương lai được phó thác cho Di Lặc Bồ Tát. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát phải từ trời Đâu Suất giáng hạ nhân gian, thị hiện thành Phật. “*Long Hoa tam hội*” chính là đại hội hồng pháp của Di Lặc Phật. Phàm những ai tu tập, tích lũy thiện căn trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, tức pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chưa thành tựu trong pháp vận của đức Thế Tôn, thì trong tương lai, lúc Di Lặc Bồ Tát thành Phật, những người ấy sẽ đều thành tựu. Nói cách khác, nhân được trồng trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, quả hiện tiền trong Long Hoa tam hội. Do vậy, rất nhiều người nghe kinh dạy như thế, ai nấy đều cầu sanh vào Tịnh Độ của Phật Di Lặc, hy vọng tương lai được chứng quả nơi pháp hội của Di Lặc Bồ Tát, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả Bồ Tát. Điều này tuyệt lắm, nhưng rất khó đạt được!

Diễn thuyết pháp chân tông.

演說法真宗。

(Diễn nói pháp chân tông).

“*Pháp chân tông*” ở đây là gì? “*Chân tông*” là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, trong tương lai, Di Lặc Phật xuất thế sẽ thành tựu những người tu nhân gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật như thế nào, dùng phương pháp gì để thành tựu họ? Vẫn cứ là giảng pháp môn Tịnh Độ y như cũ, vẫn cứ giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Phật Thuyết A Di Đà y như cũ, dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu họ như vậy đó. Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã nói về “*pháp chân tông*” rất nhiều. Di Lặc Bồ Tát tương lai thành Phật sẽ giảng kinh gì? Sẽ giảng pháp môn nào? Vẫn chủ yếu là giảng ba kinh Tịnh Độ.

Do đây biết rằng: Niệm Phật cầu vãng sanh như thế, tức là đến thời Di Lặc Phật mới vãng sanh thì gần như là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Chúng ta đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm rồi mới niệm Phật vãng sanh, chẳng bằng hiện tại vãng sanh ư? Trong hội Di Lặc sẽ thành tựu như thế nào? Vẫn là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới y như cũ. [Hãy so sánh giữa] hiện tại niệm Phật vãng sanh và đến hội Di Lặc mới niệm Phật vãng sanh, quý vị vãng

sanh trong hiện tại trở thành đàn anh, vượt lên trước quá nhiều, những người kia rớt lại đằng sau. Rớt lại đằng sau cũng khá rồi! Chỉ cần vắng sanh là khá rồi. Những ý nghĩa được bao hàm trong bài tán tụng này rất sâu, rất rộng, tùy thuộc quý vị lãnh ngộ như thế nào! Quý vị phải thực sự ngộ, trong hiện tại hãy nỗ lực, gấp rút vắng sanh thế giới Cực Lạc.

Pháp sự này dành cho những vong nhân (người đã khuất) nghiệp chướng sâu nặng, trong một đời này còn chưa thể quay đầu, vẫn chưa giác ngộ, phó chúc họ rớt cuộc được thành tựu nơi đức Phật kế tiếp. Vì thế, câu nào, chữ nào cũng đều mang ý nghĩa kép. Chúng ta phải đại triệt đại ngộ! Đại triệt đại ngộ ở đây không phải là minh tâm kiến tánh mà là trong một đời nhất định phải vắng sanh, chớ nên bỏ lỡ cơ hội này! Nếu bỏ lỡ thì phải đợi đến khi gặp Di Lạc Bồ Tát trong tương lai, cũng có nghĩa là phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, thời gian ấy thật là dài quá! Trong thời gian dài như thế, thầy Lý thường nói: Quý vị khó tránh khỏi lưu chuyển trong lục đạo, trong lục đạo (đặc biệt là tam đồ) phải chịu khổ nạn. Sau phần tán tụng lại có một phen khai thị, chúng ta hãy xem một đoạn khai thị:

15. Khai thị

Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà, cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ. Liễu tắc đầu đầu kiến Phật, ngộ lai bộ bộ Tây Phương.

人人分上。本有彌陀。箇箇心中。總為淨土。了則頭頭見佛。悟來步步西方。

(Bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà, trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ. Hiểu thì thời thời thấy Phật, ngộ thì bước bước Tây Phương).

Trong đoạn này, “*liễu*” (了) là hiểu rõ. Thiên sư Trung Phong dạy chúng ta: “*Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà*” (bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà), tức là nơi bản thân mỗi người pháp đã vốn sẵn là như thế. Đây là điều hết sức tự nhiên, xét trên căn bản của mỗi người, Di Đà chính là tự tâm, ở phần trên đã giảng rồi: Di Đà là tâm ta, tâm ta chính là Di Đà. Tự tâm và tự tánh được chúng tôi nói đến ở đây rất dễ bị hiểu lầm, do cứ tưởng tự tâm là cái tâm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung của chúng ta. Không sai! Cái tâm suy nghĩ lung tung ấy chính là Di Đà, nhưng là Di Đà đã bị điên đảo, đã bị mê rồi, đã không còn biết chính mình, đã bị luân hồi trong lục đạo. Giác là Di Đà, mê là phàm phu.

“*Cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ*” (Trong tâm mỗi người đều là

Tịnh Độ): Hễ giác thì Tịnh Độ hiện tiền, hễ mê thì uế độ hiện tiền. Cõi nước không có uế hay tịnh, trong tánh chẳng có phàm hay thánh, chẳng có chúng sanh, chẳng có Phật. Chúng sanh hay Phật, tịnh hay uế chỉ do Thức biến, chỉ là hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh. Tâm thanh tịnh, Tịnh Độ hiện tiền; tâm chẳng thanh tịnh, uế độ hiện tiền. Tâm giác ngộ, phàm phu thành Phật; tâm mê hoặc, vĩnh viễn làm phàm phu. Đây chính là ý nghĩa của hai câu trên đây!

“*Liễu tắc đầu đầu kiến Phật*” (hiểu thì thời thời thấy Phật); “*liễu*” là giác ngộ, là hiểu rõ. Giác ngộ rồi, “*bộ bộ Tây Phương*” (mỗi bước là Tây Phương) Câu đầu (tức câu “*liễu tắc đầu đầu kiến Phật*”) là chuyển phàm thành thánh, quý vị thấy Phật tức là thành Phật. Quý vị không thành Phật làm sao thấy được Phật? Quý vị thấy Bồ Tát thì chính là thành Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là một thí dụ hay nhất. Ngài tự chứng được Sơ Trụ, bèn thấy Sơ Trụ Bồ Tát – tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát. Ngài chứng được Nhị Trụ bèn gặp tỳ-kheo Hải Vân, ngài Hải Vân là bậc Nhị Trụ. Bản thân quý vị tự chứng được Đẳng Giác mới thấy được Đẳng Giác Bồ Tát. Thế nhưng Tây Phương thế giới khác biệt ở chỗ nào? Quý vị chưa chứng đắc, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có thể thấy được những vị Bồ Tát ấy thật chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin, thực sự là pháp môn đặc biệt!

Người tin có phước, người không tin chẳng có phước báo; nếu họ cật lực tu, tu cần mẫn trong vô lượng kiếp, tu đến khi minh tâm kiến tánh, sanh vào thế giới Hoa Tạng, lại gặp Văn Thù, Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Người chịu tin sẽ thành tựu rất nhanh, không chịu tin phải tiến chậm chậm. Tiến đến bao giờ mới tin được? Đẳng Địa (từ Sơ Địa trở lên) mới tin được. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật*” (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Câu này là khẳng định: Đến khi nào mới không hoài nghi, hoàn toàn tin tưởng? Đến bậc Thập Địa. Địa vị đầu tiên trong Thập Địa là Sơ Địa, bắt đầu, mở đầu là Sơ Địa, cuối cùng là Đẳng Giác. Mười một địa vị này từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, đối với lời khuyên bảo của Văn Thù, Phổ Hiền không hoài nghi mảy may.

Điều này cho thấy trong thế giới Hoa Tạng, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền vẫn chưa nhất định thực sự tin tưởng, phải là “đẳng địa” (từ Sơ Địa trở lên) mới tin tưởng. Vì sao? Trí huệ đã khai, là bậc đại trí huệ, không phải là tiểu trí huệ. Đẳng Địa là Ma Ha Tát, không phải là Bồ Tát

tâm thường. Ma Ha Tát không có vấn đề, vừa nghe nói các Ngài bèn hoàn toàn tin tưởng, bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu nay chúng ta ở trong thế giới này, ai nghe nói đến pháp môn này mà không hoài nghi chút nào, hoàn toàn chịu tu tập, thì nói cách khác, người ấy không khác gì bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên, người ấy thành tựu chẳng thể nghĩ bàn!

Nói thật ra, người thế gian bị thua thiệt chỗ nào? Tự cậy mình thông minh, không chất phác. Tự cho mình thông minh, không biết bao nhiêu lần bỏ lỡ cơ duyên tốt đẹp, không chịu trống lòng, không chịu buông cái thân mình xuống, đều là tôn sùng tham - sân - si - mạn, những thứ ấy hại mình thâm trọng. Đâm ra chẳng bằng những ông già bà cả trong làng quê, một chữ không biết, gặp được thiện tri thức dạy niệm A Di Đà Phật, họ bèn chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, không do dự, không hoài nghi, rốt cuộc họ thành công. Chúng ta thấy bao nhiêu người đứng mát, ngồi mát, biết trước lúc mát, không sanh bệnh, tướng lành hy hữu. Kẻ tự cậy mình thông minh, chẳng thể sánh bằng những người ấy được, kém xa! Vì thế, “*đầu đầu kiến Phật*” (luôn luôn thấy Phật) là chuyển phàm thành thánh, “*bộ bộ Tây Phương*” (bước bước Tây Phương) là chuyển ứ thành tịnh.

A! Nay đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

Thượng lai khai kiến tam thời hệ niệm tịnh nghiệp đạo tràng, kim đương đệ nhất thời Phật sự dĩ viên.

上來啟建三時繫念淨業道場。今當第一時佛事已圓。

(Từ trước tới đây đã tạo lập đạo tràng tịnh nghiệp Tam Thời Hệ Niệm, nay nhằm lúc Phật sự thời thứ nhất đã viên mãn).

Tiếp theo phần Khai Thị, thiền sư Trung Phong bèn nói: Trên đây là thời thứ nhất trong việc thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, thời thứ nhất đến chỗ này đã viên mãn.

Như thượng thù huân.

如上殊勳。

(Công huân thù thắng như trên).

Chữ “*nhu thượng*” chỉ những điều chúng ta đã thấy trong những phần trên: Lễ tán đúng là lễ kính, tán thán, tụng kinh, niệm chú, khai thị, sám hối, phát nguyện, xưng dương Phật Bảo. Những pháp sự này đều là vì siêu độ vong linh, đến đây là thời thứ nhất. “*Nhu thượng thù huân*”: Huân (勳) là công huân (meritorious deed, achievement), Thù (殊) là thù thắng, người đồng đường ấy cùng nhau thực hiện. Nhất là trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, trừ vị pháp sư xuất gia lãnh chúng ra, đại chúng tham dự rất đông, tứ chúng đồng tu đều tham gia, đúng là Vô Già pháp hội⁴⁷. Bao nhiêu người như thế vì vong linh chúc phước, vì người đã khuất trợ niệm, đây là công đức thù thắng.

Đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung.

投入彌陀大願海中。

(Gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Di Đà đại nguyện là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm độ chúng sanh khổ nạn thuộc chín pháp giới khắp cùng pháp giới, hư không giới. [Đại nguyện của Phật] Di Đà được xưng là “*nguyện hải*”. Công đức của chúng ta đã tu tương ứng với Di Đà nguyện hải, đây chính là “*đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung*” (gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ.

專為亡靈求生淨土。

(Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ).

Hệ Niệm Pháp Sự này chẳng vì chuyện gì khác, mà “*chuyên vì*” giúp cho “*vong linh cầu sanh Tịnh Độ*”. “*Chuyên vì*” là một lễ, những người được siêu độ kẻ rất nhiều, tức là những ai có duyên. Có duyên thì ngay khi ấy sẽ cùng nhau được siêu độ. Bởi thế, thông thường chúng ta hồi hướng, quán tưởng hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới. Nếu là

⁴⁷ Vô Già pháp hội (Pancavarsika Maha): Pháp hội thực hành tài thí và pháp thí bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới. “Vô Già” (còn đọc là Vô Giá) nghĩa là khoan dung, không ngăn ngại, thường được cử hành năm năm một lần. Phong tục này được bắt đầu từ thời vua A Dục (Asoka) ở Ấn Độ. Trong quá khứ, vào thời Lương, nhằm tháng 10 năm 529 cũng cử hành Tứ Bộ Vô Già Đại Hội tại chùa Đồng Thái (theo Phật Quang tự điển).

người tâm lượng lớn hơn nữa thì hồi hướng, quán tưởng hết thảy thân linh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta có thể quán tưởng như thế thì họ đều được lợi ích. Đây chính là điều đức Phật đã thường dạy trong giáo pháp Đại Thừa: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thảy pháp sanh từ tâm tướng), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp đó, thiền sư lại vì chúng ta khai thị, lời khai thị này rất quan trọng, đều nhằm mục đích khơi gợi cho chúng ta:

Đản niệm tự tùng vô thủy, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Chỉ nghĩ kể từ vô thủy cho đến đời này).

Đúng là từ vô thủy kiếp mãi cho đến ngày nay.

Nhất niệm vi chân, lục căn trục vọng, tùy tình tạo nghiệp, túng ngã vi phi.

一念違真。六根逐妄。隨情造業。縱我為非。

(Một niệm trái nghịch chân, sáu căn đuổi theo vọng, theo tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy).

Tiểu đoạn này hết sức cảm khái, thông thiết sám hối. Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, mãi cho đến đời này, đến tận ngày hôm nay “*nhất niệm vi Chân*” (một niệm trái nghịch lẽ Chân), tức là khởi Hoặc. “*Nhất niệm*” là gì? Là khởi tâm động niệm. Nếu hiểu Chân Tâm, bản tánh sẽ chẳng khởi tâm động niệm, vĩnh viễn là tướng tịch diệt, tướng thanh tịnh tịch diệt, sở chứng nơi quả địa Như Lai vốn tịch. Một niệm vọng động bèn thành vô minh, động một cái là phiền phức xảy ra liền!

“*Lục căn trục vọng*” (sáu căn đuổi theo vọng), sáu căn lập tức bị mê. Khi mê bèn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Căn, Trần, Thức đều hư vọng không thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, chúng đều được gọi là “*pháp hữu vi*”. Tám thức, năm mươi một Tâm Sở [là pháp hữu vi]. Sáu căn và sáu trần thuộc về Sắc Pháp, tám thức, năm mươi một Tâm Sở thuộc về Tâm Pháp, lại còn có Bất Tương Ứng Hành Pháp⁴⁸, toàn bộ đều là hư vọng. Chúng ta mê mất chân tánh, “*vi Chân*”

⁴⁸ Bất Tương Ứng Hành Pháp gọi đủ là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chữ Tâm chỉ tám thức (tâm vương), Hành có nghĩa là dời chuyển hay tạo tác. Như vậy, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp là các pháp dời chuyển, tạo tác nhưng chẳng tương ứng

(trái nghịch Chân): “Chân” là chân tánh, tức là Tự Tánh. Sau khi mê thì niệm niệm đều chuyển trong hư vọng.

“Tùy tình tạo nghiệp, túng Ngã vi phi” (Mặc tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy): “Tình” là gì? Tình chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức tình thức! “Túng Ngã vi phi” (buông lung cái Ngã làm quấy): Ngã chính là cái thân này, thân miệng tạo nghiệp. Tình là mê tình, điều gì cũng cho mình là đúng. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường nói là “tùy thuận phiền não, tập khí”; ở đây gọi là “tùy tình tạo nghiệp”, nghiệp được tạo ở đây là ý nghiệp, “túng Ngã vi phi” là khẩu nghiệp và thân nghiệp. Câu này là nói tổng quát, câu tiếp theo lại nói riêng [từng nghiệp].

Thân nghiệp tắc sát, đạo, tà dâm.

身業則殺盜邪婬。

(Thân nghiệp thì giết, trộm, tà dâm).

Đây là ba nghiệp nơi thân. Mê mất Tự Tánh, tự nhiên sẽ tạo ác nghiệp. Phạm vi bao hàm của Sát rất rộng. Hễ tổn người lợi mình đều thuộc về Giết và Trộm. Hại người là thuộc về Sát, đoạt lấy danh lợi của người khác là Trộm. Thân tạo nghiệp giết, trộm, dâm.

Khẩu quá tắc vọng ngôn.

口過則妄言。

(Lỗi nơi miệng là nói dối).

Vọng ngữ là cố ý lừa dối người khác.

Ý ngữ.

綺語。

(Nói thêu dệt).

Hoa ngôn xảo ngữ dụ dỗ mê hoặc người khác. Hiện thời Ý Ngữ là

với Tâm. Nói cách khác, những pháp này là khái niệm trừu tượng, không thể xếp vào Sắc Pháp mà cũng chẳng thể xếp vào Tâm Pháp. Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp gồm 24 món: Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Dị Sanh Tánh, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Dị Thục, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Lưu Chuyển, Định Dị, Tương Ứng, Thế Tộc, Thứ Đệ, Thời, Lực, Số, Hòa Hợp Tánh và Bất Hòa Hợp Tánh.

chuyện rõ ràng nhất, người thế gian gọi Ý Ngữ là gì? Là Văn Nghệ. Hiện tại biểu diễn văn nghệ, ca múa, hí kịch, âm nhạc, mỹ thuật, nay lại còn có điện ảnh, truyền hình, quý vị thấy nội dung của chúng là gì? Là Ý Ngữ! Dù đồ mê hoặc con người, dù đồ mê hoặc quý vị làm gì? Dù đồ mê hoặc con người làm chuyện “giết, trộm, dâm, dối”. Sức dụ hoặc bên ngoài hết sức mạnh mẽ, dùng truyền hình, dùng Internet đưa đến tận nhà, quý vị bị những thứ này nhiễm ô.

Lưỡng thiệt, ác khẩu.

兩舌。惡口。

(Nói đôi chiều, nói thô ác).

“*Lưỡng thiệt*” là khuấy động thị phi, dù hữu ý hay vô ý cũng đều là thích phê bình người khác, hủy báng người khác, tán dương bản thân, trong giới luật Đại Thừa gọi là [tội] “*tự tán, hủy tha*” (khen mình, chê người). Câu này nói về lưỡng thiệt, ác khẩu, tức miệng tạo nghiệp. Ý là ý niệm.

Ý ác tắc thường khởi tham - sân, thâm sanh si ái.

意惡則常起貪瞋。深生痴愛。

(Ý ác thì thường nổi tham - sân, sanh lòng yêu mến si mê sâu xa).

Tham - sân - si: Mười ác nghiệp này (tức ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng và ba nghiệp nơi ý) ai có thể tránh được? Trong một ngày, ai có thể không tạo mười ác nghiệp? Đừng nói chi nhiều, một ngày thôi, ngày hôm nay từ sáng dậy đến tối đi ngủ, trong một ngày, vẫn chưa đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trừ lúc quý vị ngủ ra không tính. Tính từ buổi sáng sáu giờ thức dậy cho đến buổi tối quý vị đi ngủ, đến mười hai giờ đêm bèn đi ngủ, trong mười mấy tiếng đồng hồ ấy, quý vị có thể không tạo mười ác nghiệp hay không? Một ngày không tạo mười ác nghiệp, công đức rất lớn. Nếu quý vị có thể trong cả một đời không tạo mười ác nghiệp thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, phàm nhân không thể làm được như thế.

Ngày nay chúng ta học Phật, học Phật là học điều gì? Học chuyên phàm thành thánh, phải bắt đầu chuyên từ đâu? Không tạo mười ác nghiệp. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng tôi đã giảng mười ác nghiệp rất tường tận. Kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng rất tường tận. Với mười giới của Sa Di Luật Nghi, quý vị hãy chú tâm xem xét, nghiêm túc

nỗ lực học tập, phải khắc phục những ý niệm bất thiện và hành vi bất thiện của chính mình thì trong một đời này quý vị mới có lối ra; cầu sanh Tịnh Độ mới thực sự có thể làm được. Nếu như mười ác không đoạn thì những thứ ấy sẽ là phiền lụy của quý vị, những phiền lụy ấy khiến cho quý vị chẳng thể vãng sanh. Quý vị niệm Phật cũng không vãng sanh được, vì sao? Những thứ phiền lụy ấy giống như dây trói, buộc chặt quý vị trong lục đạo, không ra được, quý vị phải cắt đứt những thứ ấy. Quá khư vô tri, ngày ngày tạo nghiệp; nay đã giác ngộ, quyết định chẳng bại, thà bỏ thân mạng cũng chớ nên làm mười điều ác.

Nói thật ra, không đếm xỉa tới thân mạng nữa. Ta bỏ thân mạng, không tạo mười ác nghiệp, đời sau mình sanh lên cao; dầu không niệm Phật, không cầu sanh Tịnh Độ thì quý vị cũng được sanh vào Thiên Đạo. Nếu quý vị tham sống sợ chết, vẫn cứ tạo mười ác nghiệp y như cũ, đời sau sanh vào ba ác đạo: Tâm tham biến thành nạ quỷ, sân khuể đọa địa ngục, ngu si biến thành súc sanh. Quý vị phải thọ sanh nơi đâu? Thọ sanh trong ba đường ác. Vì thế, đối với chuyện này, mỗi tôi trước khi đi ngủ phải tự hỏi lòng mình sẽ biết ngay tương lai mình sanh trong đường nào, không cần hỏi ai khác. Người khác nói gì đi nữa cũng không thể tin tưởng được, tự mình hỏi chính mình là đáng tin cậy nhất! Mỗi ý niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, không có tham - sân - si, không có thị - phi, nhân - ngã. Tôi nói là “không tự tư, tự lợi, không tham - sân - si - mạn”, người như vậy là người thuộc thế giới Cực Lạc, không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa, niệm niệm chỉ có A Di Đà Phật. Bởi thế, những thứ đó (tức mười ác nghiệp) phiền toái rất lớn.

Do tư tam nghiệp.

由茲三業。

(Do ba nghiệp này).

Ba nghiệp này hễ một nghiệp khởi thì cả ba nghiệp đều khởi, không phải chỉ một nghiệp đơn độc khởi.

Câu tỏa vọng duyên.

鉤鎖妄緣。

(Vọng duyên lôi trói).

“Vọng duyên” là cảnh giới bên ngoài. Trong tâm khởi phiền não cùng ác duyên bên ngoài tập hợp, đây là tạo nghiệp. Tạo nghiệp phải thọ

báo.

Thường cốt cốt u trần lao.

常汨汨於塵勞。

(thường chìm lìm trong trần lao)

“Trần lao” là lục đạo, nếu nói khó nghe hơn thì là tam đồ”. “Cốt cốt” là trầm luân, thường chìm đắm trong tam đồ. “Trần” là nhiễm ô, nhiễm ô nghiêm trọng. “Lao” là nhọc nhằn, phiền lụy, khổ sở.

Đản mang mang u tuế nguyệt.

但茫茫於歲月。

(Chỉ mờ mịt cùng năm tháng).

“Mang mang” là không bờ bến, chúng ta thường nói là đời này đời sau chịu khổ bao kiếp. Quả thật, tam ác đạo, đức Phật đã nói rất nhiều lần, quý vị bước vào thì dễ, thoát ra rất khó! Nếu đọa địa ngục thì [thời gian] từ địa ngục thoát ra phải được tính bằng kiếp, ngạ quỷ đạo cũng rất nghiêm trọng. Súc sanh đạo ngu si, quý vị đừng vì thọ mạng của súc sanh tợ hồ không dài [mà cho là không nghiêm trọng], chúng cố chấp, rất ngu si, đọa vào súc sanh đạo bèn chấp thân ấy là thân của chính mình; từ đây trở đi, chúng không ý niệm đổi lấy thân khác.

Từ kinh điển chúng tôi đọc thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tại Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên trông thấy một tổ kiến, đức Phật nhìn rồi mỉm cười, những đại đệ tử chung quanh Phật thấy Ngài nhìn tổ kiến mỉm cười bèn hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vì sao lại cười lũ kiến? Phật dạy:

- Các ông có biết chăng? Lũ kiến trong tổ này, bảy đức Phật đã nhập diệt rồi mà chúng vẫn còn làm kiến.

Nào phải là lũ kiến có thọ mạng dài lâu như thế đâu! Chúng ta giả thiết cứ mỗi một đức Phật là ba đại A Tăng Kỳ kiếp thì bảy vị Phật là hai mươi một đại A Tăng Kỳ kiếp, lũ kiến ấy vẫn làm kiến. Nguyên do vì đâu? Chết đi, vẫn cứ đầu thai làm kiến như cũ. Đời đời kiếp kiếp không đổi thân kiến. Bảy đức Phật đã nhập diệt rồi, đức Phật cười lũ kiến ngu si! Đó là nói về súc sanh đạo, đọa súc sanh đạo cũng dễ lắm, thế nhưng muốn giác ngộ trong đường súc sanh nào phải là chuyện dễ! “Mang mang u tuế nguyệt” (mờ mịt cùng năm tháng).

Dục tư xuất ly, duy bằng sám hối huân tu chi lực.

欲思出離。唯憑懺悔熏修之力。

(Nghĩ muốn thoát lià, chỉ có cách nhờ vào sức huân tu sám hối)

Muốn thoát ly ba ác đạo thì phải “sám hối huân tu”. Thế nhưng không dễ gì sám hối là vì chấp trước, vô cùng chấp trước, lúc đọa ba ác đạo là lúc tham - sân - si - mạn nghiêm trọng nhất. Người khác bảo cho nghe chuyện gì tốt, vẫn cứ hoài nghi, không tin tưởng: Ông nói vậy là có ý gì? Có phải ông tính lừa tôi hay chẳng? Đa nghi, hay nghi, khiến cho thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình đều bị chướng ngại. Nay nhiều thiện tri thức như vậy cùng ở một chỗ tu pháp sự Tam Thời Hệ Niệm, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Mỗi một thời đều sám hối, hy vọng những vong linh đều có thể tùy hỷ; họ trông thấy, nghe thấy đều giác ngộ, cùng mọi người tu pháp sám hối. Huân tu: Chúng tôi thường nói là “trường thời huân tu”. Cách thức như thế này:

Tỷ nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý chi quá khiên, ứng niệm đốn tiêu.

俾眼耳鼻舌身意之過愆。應念頓消。

(Mong những tội lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngay lập tức nhanh chóng tiêu tan).

Tiêu nghiệp chướng chỉ có phương pháp này: Khiến cho quý vị đối với những lỗi lầm nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thực sự sám hối những tội lỗi ấy (phần trên gọi là “tùy tình tạo nghiệp”), thực sự được Phật pháp huân tu. Đại chúng cùng hợp sức lại, thiện tâm, thiện nguyện gia trì, hy vọng những lầm lỗi nơi sáu căn của các vị, tức những lầm lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý “*ứng niệm đốn tiêu*” (ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng). Ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng là thật, chỉ sợ điều gì? Chỉ sợ người ấy không ứng, chẳng hoàn toàn tương ứng với pháp sự này. Nếu tương ứng thì sẽ tiêu trừ rất nhanh chóng, tội chướng liền tiêu.

Sử sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chi phù trần, tức thời thanh tịnh.

使色聲香味觸法之浮塵。即時清淨。

(Khiến cho phù trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ngay lập tức thanh tịnh).

Đây là nói về quả báo. “Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” là sáu trần, chín pháp giới khác nhau. “Phù trần” sắc, thanh, hương, vị, xúc,

pháp của nhân gian khác với ngã quý đạo. Sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của ngã quý đạo lại khác với địa ngục đạo, do cảm quả báo mà! Giống như trong thế giới hiện hữu của chúng ta đây, sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khác với sáu trần trong thế giới Cực Lạc. Vì sao khác nhau? Do nghiệp khác nhau. Do vậy nói: Sáu căn tạo nghiệp có nặng hay nhẹ sai khác. Tạo nghiệp nhẹ thì cảnh giới sáu trần tốt hơn một chút; tạo nghiệp nặng thì cảnh giới tệ hơn. Chúng ta thường gọi [cảnh giới] là hoàn cảnh sống, tạo thiện nghiệp nhiều, ác nghiệp ít thì hoàn cảnh sống tốt đẹp; tạo ác nghiệp nhiều thiện nghiệp ít thì hoàn cảnh sống không tốt, tai nạn lại nhiều.

Hiện tại trong thế gian này, vì sao tai nạn lại nhiều đến thế? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch: Do cộng nghiệp chiêu cảm. Người sống trên quả địa cầu này, người tạo nghiệp bất thiện rất nhiều, người tạo thiện nghiệp quá ít. Bởi thế, tần số thiên tai nhân họa không ngừng tăng thêm, tai nạn ngày càng nghiêm trọng hơn. Quý vị hiểu rõ sự lý nhân quả này thì tự nhiên sẽ thấu hiểu: Chúng ta phải tự cứu, phải giúp đỡ người khác. Làm cách nào đây? Phải bắt đầu từ chính bản thân mình, đoạn ác, tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng tội chướng của chính mình tiêu trừ, hy vọng hoàn cảnh của chúng ta sẽ chuyển biến thành tịnh hơn. Tiếp đó, kinh văn dạy chúng ta phát nguyện:

Hựu Cực Lạc cầu sanh.

又極樂求生。

(Lại cầu sanh Cực Lạc).

Nay chúng ta phải nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Toàn bằng phát nguyện.

全憑發願。

(Hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Câu nói này không khác gì lời Ngẫu Ích đại sư nói cả. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới được hay chăng, quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không?*” Chúng ta tin chân thành, nguyện thiết tha thì được vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Cầu sanh “*toàn bằng phát nguyện*” (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện), nguyện chân thật, tin thiết tha. Chúng ta phải thật lòng, tin thực sự, nguyện thiết tha niệm bài kệ phát nguyện này thì

mới có thể cảm động quỷ thần. Cảm động được quỷ thần bèn có lợi ích. Bản thân chúng ta tín nguyện không thật, không thiết tha, quý vị dùng ý niệm ấy niệm bài kệ này sẽ chẳng cảm nhận được lợi ích rất lớn. Đối với chuyện này, hiện nay không ít đồng học đã đọc cuốn sách nói về nước kết tinh, cuốn sách ấy đã chứng minh điều sau đây:

Tâm chân thành, thành tâm, thành ý dùng ý nghĩ tốt lành đối với một chén nước; thực sự dùng thiện tâm, thiện ý, tâm chân thành, chuyển những ý niệm tốt lành của chúng ta đến nước, xa đến đâu cũng không ngại. Bọn họ đã từng làm thí nghiệm: Đặt một chén nước trên bàn làm việc trong sở, gọi điện thoại thông báo cho năm trăm người sống ở những chỗ khác nhau trên toàn quốc cùng một lúc - thời gian rất quan trọng - cùng một thời gian, đại khái chỉ cần chừng ba phút thôi, tự mình dùng thành ý, tâm chân thành, dùng thiện ý nói với chén nước ấy: “Người rất trong sạch, chúng ta rất vui thích, rất cảm tạ người”. Lặp lại câu ấy mấy lượt trong vòng ba phút, sau đấy đem nước đó đi xét nghiệm, nước kết tinh hết sức đẹp đẽ.

Như vậy, ý niệm không có khoảng cách thời gian hay không gian, thí nghiệm trên đã chứng minh điều này! Chúng ta giúp cho chúng sanh trong chín pháp giới, giúp đỡ hết thảy quỷ thần chẳng thể không thành tâm thành ý. Tâm quý vị không chân thành, nguyện không thiết tha, quỷ thần cười cợt: “Người bày trò đùa, người không thực sự làm!” Quý vị đùa bỡn họ, họ cũng chọc ghẹo lại quý vị. Vì thế, chân thành, bình đẳng, chánh giác, từ bi phải được bồi dưỡng trong cuộc sống thường nhật. Chúng ta sống chân thành, dùng chân tâm xử sự, dùng chân tâm thành ý để đãi người tiếp vật, một điều chân thật thì hết thảy điều chân thật, một sự thành thực thì hết thảy mọi sự thành thực, có như vậy mới có thể chuyển được cảnh giới của chính mình: Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, đến rốt cục là chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc. Chúng ta cầu sanh Tịnh Độ như thế thì mới hòng nắm chắc [chuyện vãng sanh], một đời này học Phật mới không luống uổng, chắc chắn có thành tựu.

Quý vị có thành tựu thì đối với thầy, đối với bạn lành, đối với hộ pháp, quý vị mới là thực sự cảm kích. Do vậy, điều kiện tiên quyết của báo ân là tri ân, thế nào là tri ân? Thực sự nhận cái ân ấy. Nay báo quý vị báo ân, nhưng sao chẳng sanh khởi ý niệm gì cả? Do nguyên nhân nào? Do không cảm nhận ân đức, về căn bản là quý vị chẳng tri ân. Tri ân là quý vị phải hoàn toàn thực hiện được lời Phật dạy dỗ, đấy mới là tri ân. Tâm biến đổi, tư tưởng biến đổi, hành vi biến đổi, có vậy mới là tri ân.

Ai giúp quý vị biến đổi? Thiện tri thức giúp mình biến đổi, hộ pháp giúp mình chuyển biến, hết thầy chúng sanh giúp mình biến chuyển. Trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường, cái tâm ấy phải thực sự sanh khởi. Vì vậy, cầu sanh Tịnh Độ “*toàn bằng phát nguyện*” (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Ngưỡng lao pháp chúng.

仰勞法眾。

(Xin nhọc sức pháp chúng).

Quý vị thầy đó: Giọng điệu trong câu này rất khẩn thiết, rất khiêm tốn, rất tôn trọng người khác! Ngài là bậc đại đức minh tâm kiến tánh, chẳng phải là hạng người tầm thường. Đại chúng là phàm phu, “*thỉnh*” đại chúng hãy vui lòng, “*ngưỡng lao*” (xin nhọc sức) tôn kính đến cùng cực! Từ điều này, quý vị đã thấy nguyện lễ kính chư Phật trong mười nguyện Phổ Hiền ở phần trên! “*Pháp chúng*” là đại chúng tham gia pháp hội.

Dị khẩu đồng âm.

異口同音。

(Khác miệng cùng âm).

Mọi người chúng ta hãy cùng vì vong linh chúc phước.

Kính vi vong linh chí tâm sám hối phát nguyện.

敬為亡靈至心懺悔發願。

(Kính vi vong linh chí tâm sám hối phát nguyện).

Điều chúng ta sắp làm đây trong kinh Phật thường gọi là “*vị nhân diễn thuyết*” (vì người diễn nói). Chúng ta vì vong linh biểu diễn, vì họ thuyết pháp, vì hết thầy quý thân, vì chúng sanh trong chín pháp giới “*sám hối phát nguyện*”. Sám hối là vì họ biểu diễn, vì họ thuyết pháp. Dưới đây là bài kệ sám hối, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát.

16. Sám Hối Phát Nguyện

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

往昔所造諸惡業。

(Xưa kia trót tạo bao nghiệp ác).

Hai chữ “*vãng tích*” có thể tính ngược lên đến vô thủy kiếp trước, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay đã làm vô lượng vô biên ác nghiệp. Phải thực sự hiểu được chân tướng sự thật thì mới có thể lãnh hội câu nói trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Trước hết là thừa nhận, tỏ bày sám hối, ta từ quá khứ cho đến hiện tại đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham sân si.

皆由無始貪瞋痴。

(Đều do vô thủy tham sân si).

Vì đâu chúng ta tạo nghiệp? Vì sao Phật, Bồ Tát không tạo nghiệp? Phật, Bồ Tát không có tham - sân - si, chúng ta chẳng đoạn tham - sân - si. Từ vô thủy kiếp đến nay, tham - sân - si không đoạn. Tham - sân - si là căn bản tạo nghiệp.

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.

從身語意之所生。

(Từ thân miệng ý phát sanh ra).

Đây chính là nghiệp nhân. Tham - sân - si là mê, mê rồi sẽ khiến cho thân - khẩu - ý của chúng ta tạo tác mọi thứ bất thiện, tổn người, lợi mình. Thế gian thường nói “*tổn người lợi mình*”, thật ra nói như vậy là sai, phải nói như thế nào? Tổn người hại mình mới là đúng! Nếu tổn người lợi mình thì tốt quá rồi! Nếu tổn người lợi mình thì Phật, Bồ Tát đều làm hết rồi, tổn người có thể lợi mình thì ai lại chẳng muốn làm cơ chứ? Tổn người chắc chắn hại mình, bởi thế, Phật, Bồ Tát không làm. Quý vị tưởng tổn người thì mình được lợi đôi chút, nhưng đây chỉ là cái lợi nhỏ nhoi trước mắt. Lợi ấy quý vị hưởng được mấy ngày? Hưởng xong, quả báo về sau là tam đồ. Bởi thế, tổn người nhất định hại mình, tự mình hại mình thâm, khiến cho chính mình đọa lạc trong tam đồ, đọa lạc địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi!

Ở trong địa ngục lúc nào mới thoát ra được? Thăm thăm không kỳ hạn. Lúc còn sống không biết, tưởng mình chiếm được tiện nghi, đâu biết mình bị thiệt thòi lớn lắm. Những người bị quý vị hại, nếu họ không có tội lỗi, họ bị quý vị hại, người ta sanh lên trời, hoặc là đời sau lại sanh làm người. Hãy nghĩ xem: Quý vị có hại được họ hay không? Không hại được họ, mà hại chính mình. Tương lai sau khi thoát khỏi địa ngục rồi, thoát khỏi ngạ quỷ rồi, vẫn phải biến thành súc sanh trả nợ. Quý vị hại người, tương lai người ta đòi nợ mình, báo này đền báo kia, đúng là “*thiếu mạng phải đền mạng, thiếu tiền phải trả tiền*”.

Nếu quý vị thực sự thông đạt nhân quả ba đời thì tâm sẽ bình. Như vậy rồi mới thực sự biết bất cứ ai sống trên thế gian này muốn chiếm tiện nghi thì chẳng hề có chuyện đó đâu! Nếu bảo là bị thua thiệt thì cũng chẳng có chuyện ấy đâu! Vì sao? Quả báo đền trả thông suốt ba đời. Hiện tại dường như chúng ta bị thua thiệt; tương lai người ta phải đền nợ, đã trả nợ còn đền thêm tiền lời. Phật, Bồ Tát, A La Hán có Thiên Nhân Thông, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “*Thiên Nhân, Túc Mạng của bậc A La Hán biết được năm trăm đời*”. Các Ngài thấy được nhân quả năm trăm đời của lục đạo chúng sanh trong thế giới Sa Bà, nghiệp nhân quả báo! Địa vị chứng ngộ càng cao hơn, năng lực càng lớn hơn, đến quả địa Như Lai hoàn toàn không có chướng ngại. Vô lượng kiếp của vô lượng kiếp, Phật thấy rõ ràng, minh bạch.

Do tham - sân - si là gốc của hết thảy ác nghiệp nên chúng được gọi là Tam Độc. Chúng ta trong có Tam Độc, lại bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, bị những cảnh giới bất thiện ấy dụ dỗ, mê hoặc, khiến cho thân - ngữ - ý làm ác. Làm ác chắc chắn không thể tránh khỏi ác báo. Bởi thế, nếu quý vị thành tâm thành ý niệm bài kệ này, ắt sẽ ư lệ, ắt phải cảm động.

Kim đối Phật tiền cầu sám hối.

今對佛前求懺悔。

(Nay đối trước Phật xin sám hối).

Nay chúng ta đối trước tượng Phật, Phật là bậc đại trí, đại giác, đại từ, đại bi, cầu Phật chứng minh, con nay thực sự sám hối. Chẳng phải là cầu Phật tha tội, Phật chẳng thể tha tội cho quý vị được. Nếu quý vị cầu Phật tha tội thì quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm! Cầu Phật chứng minh, từ nay trở đi con hối cải. Sám hối chính có nghĩa là sửa đổi lỗi lầm, sau này không gây tạo nữa, Phật chứng minh cho con, ý nghĩa là như thế.

Chỗ này chẳng được hiểu lầm kéo rồi cứ cầu Phật, cầu Bồ Tát tha tội, tha thứ cho mình. Phật, Bồ Tát đâu có trách móc quý vị. Phật, Bồ Tát chẳng bận tâm quý vị đã làm chuyện gì đâu! Quý vị tự làm tự chịu, ai quản quý vị được? Nay chính bản thân chúng ta phải thông thiết phát nguyện, sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện, cầu Phật, Bồ Tát chứng minh, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Sợ chính mình không có năng lực, vẫn cứ không thể chống lại dụ dỗ, mê hoặc y như cũ, nên cầu Phật, Bồ Tát oai thần gia trì. Khi dụ dỗ, mê hoặc hiện diện, Phật, Bồ Tát sẽ khiến cho mình cảnh giác cao độ, không còn làm ác nữa. Đây chính là ý nghĩa của câu “*kim đối Phật tiền cầu sám hối*” (nay đối trước Phật cầu sám hối). Sám hối xong lại phát nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

眾生無邊誓願度。

Muốn được như Phật thì ta phải học theo Phật, phải làm giống như Phật. Nguyện của Phật là phổ độ chúng sanh, phát tâm, phát nguyện, thực sự nghĩ đến chuyện tạo lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Chúng sanh vô lượng vô biên, ở đây bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới, gồm trọn khắp pháp giới, hư không giới. Nếu nói như kinh Hoa Nghiêm thì là chúng sanh trong trùng trùng vô tận pháp giới. Ta khởi tâm động niệm nghĩ đến họ, giúp cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ viên thành Phật đạo. Đây là bốn nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ Tát. Nay chúng ta cũng phải phát đại nguyện giống như thế. Phát được đại nguyện ấy, phi thường thay! Mười phương ba đời tất cả hết thảy chư Phật Như Lai đều bảo hộ quý vị, vì sao? Quý vị đồng tâm, đồng nguyện, chí đồng đạo hợp với các Ngài. Quý vị là đồng chí của các Ngài, Phật, Bồ Tát lẽ đâu không hộ niệm! Hết thảy thiện thân vị nào không ủng hộ? Quý vị không cầu Phật hộ niệm, Phật vẫn hộ niệm; không cầu thiện thân ủng hộ, thiện thân vẫn bảo hộ. Vì sao? Nguyện ấy phi thường lắm!

Thế nhưng khi chúng ta niệm câu này có phát được nguyện ấy hay không? Không phát! Sao biết là mình không phát? Kẻ kia mình ghét lắm, không lẽ quý vị nói “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*” ngoại trừ kẻ đó; dưới đó bèn mở ngoặc: “Trừ kẻ đó ra”; lẽ nào có đạo lý như vậy được! Do vậy, chúng ta ngày ngày niệm nhưng không phát nguyện. Hễ phát thì phải làm sao nữa? Nguyện để dẫn hạnh, phát nguyện rồi thì phải có hành vi tiếp theo sau đó. Miệng phát nguyện, chẳng có hành vi tiếp theo thì nguyện ấy là giả, là trống rỗng. Nói khó nghe hơn là “*đối mình,*

lừa người”: Dối gạt bản thân mình, dối gạt Phật, Bồ Tát, dối gạt chúng sanh, quý vị phải gánh cái tội gì? Mở mắt thao láo mà nói dối! Chúng ta phải hiểu điều này.

Với nguyện này, Phật, Bồ Tát không có vấn đề gì, các Ngài có trí huệ, có năng lực, có phước báo, quả thật có thể độ hết thảy chúng sanh; nay chúng ta phát nguyện này, không có trí huệ, cũng không có đức hạnh, cũng không có phước báo, lấy gì giúp đỡ người khác đây? Hoàn toàn không có năng lực, làm sao giúp đỡ người khác cho được? Tùy hỷ! Thấy người khác làm việc tốt, chúng ta hoan hỷ, tán thán, chúng ta làm được chuyện này. Chỉ cần tận tâm, dốc tận sức của chính mình thì công đức viên mãn. Do vậy, thực sự phát nguyện này xong, thiện tâm sẽ sanh khởi, thiện niệm sanh khởi, thiện hạnh cũng sanh khởi, tự nhiên có thể sửa lỗi đời mới. Câu tiếp theo:

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

煩惱無盡誓願斷。

Thực sự phát đại nguyện này thì trước hết chính mình phải đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh của chính mình. Giáo học của Khổng lão phu tử gồm bốn khoa, thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là “biện sự” (nay chúng ta gọi là năng lực về mặt kỹ thuật), thứ tư mới là văn học. Theo thứ tự ấy, đầu tiên là đức hạnh. Đức hạnh nghĩa là trước hết phải là thiện nhân. Căn bản của thiện nhân là ba thiện căn: không tham, không sân, không si. Nếu trừ sạch tham - sân - si thì quý vị mới là thiện nhân thực sự, con người như vậy mới không làm ác.

Tất cả hết thảy thiện pháp thế gian đều sanh từ những căn cội không tham, không sân, không si này. Tất cả hết thảy tội ác trong thế gian, tất cả hết thảy ác nghiệp đều sanh từ Tam Độc tham - sân - si. Tham - sân - si sanh ra ác nghiệp, nên được gọi là Tam Độc. Vô tham, vô sân, vô si gọi là ba thiện căn, sanh ra tất cả hết thảy thiện nghiệp thế gian. Trước hết quý vị phải đoạn phiền não, trong phần trên đã gọi phiền não là “vô thí tham - sân - si”, trước hết phải đoạn những thứ ấy. Phải đoạn sạch tham - sân - si - nghi - mạn từ vô thí kiếp đến nay.

Đoạn trừ phiền não rồi phải học pháp môn. Nếu quý vị không có học vấn sẽ không có bản lãnh, không cứu người khác được, không thể giúp đỡ người khác thật hữu hiệu được. Như vậy, đoạn phiền não chính là thành tựu đức hạnh của chính mình rồi mới học pháp môn, theo thứ tự thuận. Từ xưa đến nay tổ sư đại đức yêu cầu chúng ta phải thâm nhập

một môn, trường thời huân tu là vì lẽ gì? Để đoạn phiền não chứ không có chi khác cả! Phiền não đoạn sạch, trí huệ mở mang. Rồi lại:

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

法門無量誓願學。

Trí huệ chưa khai phát, học pháp môn sao được? Phiền não đoạn sạch rồi, pháp môn phải khéo tu. Cuối cùng là:

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

佛道無上誓願成。

Ý nghĩa bài kệ này vẫn giảng chưa xong, buổi học sau chúng tôi sẽ giảng tiếp.

Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 47

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục phân Tứ Hoảng Thệ Nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Trong tiết trước đã giảng hai câu đầu của bài kệ này, chúng ta hãy xem tiếp hai câu kế đó. Do bài kệ này là tổng nguyện (nguyện tổng quát, nguyện chung) của hết thầy chư Phật Như Lai, là thứ tự tu hành của hết thầy Bồ Tát, là cương lĩnh tổng chỉ đạo; chúng ta sơ học thì phải khởi sự học từ đâu? Thứ nhất là phải phát nguyện, nguyện nếu thực sự phát thì hành sẽ không khó. Nói thật ra, Tứ Hoảng Thệ Nguyện thực sự chỉ gồm

có mỗi một câu “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”; ba nguyện sau hoàn toàn nhằm để viên mãn cái nguyện thứ nhất này nên mới có.

Làm thế nào để có thể phổ độ chúng sanh? Hết thầy chúng sanh khổ nạn trọn khắp pháp giới, hư không giới, ta có năng lực giúp đỡ hay chẳng? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều có năng lực, có tâm nguyện ấy, vẫn phải cần một điều kiện khách quan. Điều kiện khách quan gì vậy? Chúng sanh phải bằng lòng tiếp nhận, tức là có Cảm. Chúng sanh chịu tiếp nhận là có Cảm, không chịu tiếp nhận là không có Cảm. Không có Cảm thì không có Ứng, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Có Cảm bèn có Ứng! Cảm là chúng ta bằng lòng tiếp nhận oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Cũng có nhiều đồng học muốn hỏi: Chúng tôi đều rất vui lòng, đều mong mỗi Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng tôi; có sao Phật, Bồ Tát không đến? Chương Gia đại sư lão nhân gia đã nói rồi đó: “Bản thân chúng ta có chướng ngại”. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà vì chính mình có chướng ngại, các Ngài không gia trì được. Phải hiểu đạo lý này, không phải là Phật, Bồ Tát chẳng linh; Phật, Bồ Tát linh đến cùng cực! Nghiệp chướng tập khí của chính mình quá nặng, chúng ta cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ mình, hoàn toàn là tự tâm, hoàn toàn là tự lợi. Tự tư, tự lợi là đại chướng ngại, không có cách nào hết, không cách gì cảm thông cả. Nếu chúng ta không vì chính mình, không vì tự tư, tự lợi, mà vì chúng sanh thì chúng ta cầu Phật, Bồ Tát gia trì không có chướng ngại chi hết. Ý niệm vừa chuyển, đại công vô tư, cũng có thể nói là ý niệm của quý vị tương ứng với ý niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với tánh đức.

Ở đây, thiền sư Trung Phong khai thị, do Ngài là bậc đại đức trong Thiên tông, là bậc đại thiện tri thức đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nên dù nói rất rõ ràng, nông cạn, vẫn có ý vị sâu xa. Dầu cho chúng ta vừa nghe dường như hiểu liền, chứ thực sự ra chưa hiểu. Cũng giống như bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát, Tứ Hoàng Thế Nguyện của chư Phật Như Lai chúng ta đọc quá quen thuộc, tự hồ hiểu rồi, thật ra chưa hiểu. Vì sao chưa hiểu? Vì chưa thể thực hiện, chưa làm được. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” mà mình vẫn còn oán hận rất nhiều chúng sanh, chán ghét chúng sanh, tuyệt đối chẳng thể độ họ được. Do vậy, không có được nguyện này. Nguyện này không có thì ba nguyện sau đó chắc chắn chẳng có. Đó là đạo lý nhất định.

Nếu quý vị thực sự phát cái nguyện này thì “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Thứ nhất là mở rộng tâm lượng, thực sự giống như chư

Phật, Bồ Tát: Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Thứ hai phải khẳng định oán thân bình đẳng, mới có thể dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; có như vậy thì cái nguyện của quý vị vừa phát mới thực sự được phát. Thực sự phát nguyện xong, niệm niệm mong thực hiện, ta thực sự làm được, để có thể thực sự làm được thì trước hết phải tu sửa chính mình. Trong kinh giáo, đức Phật thường nói: “*Bồ Tát tự kỷ vị độ, nhi năng độ nhân, vô hữu thị xứ*” (Bồ Tát chưa thể độ mình mà có thể độ người, không có lẽ đó!) Vì thế, quý vị muốn độ người thì trước hết phải độ mình, tức là thành tựu đức hạnh của chính mình. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh; học pháp môn là thành tựu học vấn. Thành tựu trí huệ, thành tựu năng lực thì quý vị mới có bản lãnh giúp đỡ người khác. Có đức hạnh nhưng không có bản lãnh thì cũng không được.

Vì vậy, tu hành phải có thứ tự, trước hết tu đức hạnh, rồi thành trí huệ, cuối cùng còn phải thành tựu vô thượng Phật đạo. Vì sao? Có như vậy thì mới có thể phổ độ! Nếu quý vị không thành vô thượng Phật đạo, sẽ không độ được Ma Ha Tát. Những bậc Địa Thượng, Đẳng Giác Bồ Tát cao hơn quý vị thì làm sao quý vị độ họ? Quý vị phải cao hơn họ mới có thể độ họ. Vì thế, nhất định phải phát nguyện “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*” thì cái nguyện chúng sanh vô biên thế nguyện độ mới thực sự làm được viên mãn, mới làm được rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát cũng là chúng sanh, trong nhà Phật thường nói là chúng sanh trong chín pháp giới. Đẳng Giác Bồ Tát hay Bồ Tát [thuộc những địa vị thấp hơn] thì vẫn là chúng sanh trong chín pháp giới, chỉ có mình đức Phật siêu việt chín pháp giới. Vì thế, phải ở quả vị Phật thì mới có thể phổ độ chúng sanh.

Nói đến chuyện học pháp môn thì trước khi đoạn sạch phiền não, học pháp môn vẫn là để giúp đoạn phiền não; phải hiểu đạo lý này. Do vậy, tổ tổ truyền nhau, dạy răn hàng sơ học phải “thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Vì sao? Nhằm đoạn phiền não, thành tựu Giới - Định cho quý vị, chính vì lẽ này vậy. Đến khi Giới - Định thành tựu, trong Định sanh Huệ, trí huệ sanh rồi thì lúc ấy mới thực sự là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chính trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã vì chúng ta thị hiện tham học. Tham học là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Do đây biết rằng: Phát nguyện (tức là Bồ Đề đại nguyện) là phát nguyện phổ độ chúng sanh, tu Giới - Định thành tựu Căn Bản Trí nơi pháp hội của thầy (thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát). Giới - Định viên mãn, trí huệ mở mang, Định phát Huệ rồi; lúc

ấy bèn ra đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu “không gì chẳng biết”. Đây chính là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”.

Vì sao phải thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí? Chúng sanh căn tánh bất đồng, tuyệt đối chẳng thể dùng một phương pháp để phổ độ được. Vì thế, phải có đủ mọi phương pháp thích ứng mọi căn tánh bất đồng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, học vô lượng pháp môn không phải để học cho mình, mà là vì chúng sanh mà học. Thế nhưng quý vị phải hiểu: Vô lượng pháp môn đều là phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh, lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Phương tiện tiếp dẫn chúng sanh; nói chung là nghĩ cách giúp cho chúng sanh thành thực thiện căn, phước đức, nhân duyên, khi nào thành tựu rồi lại trao cho họ pháp môn chân chánh.

Pháp môn chân chánh là gì vậy? Chính là Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ có một pháp này là thật, các pháp khác đều là phương tiện. Quý vị nghe tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm tôi đã nói rất nhiều lần: “*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là phương tiện, đều không phải là chân thật, nhằm tiếp dẫn những vị Bồ Tát vào thế giới Hoa Tạng!*” Tu hành trong thế giới Hoa Tạng, thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày, địa vị Tam Hiền phát tâm niệm Phật vãng sanh. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên còn kém một chút, ắt phải ở trong thế giới Hoa Tạng tu thành Địa Thượng Bồ Tát, đặng địa⁴⁹ rồi, lúc ấy trí huệ mở mang, không còn ngờ vực, có thể tin tưởng lời của các vị Phổ Hiền, Văn Thù, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Vì thế, chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm nói: “*Thập Địa Bồ Tát thì chung bất ly niệm Phật*” (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời Niệm Phật). Quá rõ ràng! Thập Địa Bồ Tát thì “*đầu*” tức bắt đầu bằng Sơ Địa Bồ Tát, “*cuối*” là địa vị thứ mười một, tức là Đẳng Giác. Trong mười một tầng cấp ấy, khẳng định họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thấy đó: Rốt cuộc chỉ nhằm tỏ rõ một pháp khiến cho chúng ta mau chóng thành tựu, thành cái gì? “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”. Rốt ráo nhất, viên mãn nhất là Tây Phương Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng quy về Cực Lạc. Nếu quý vị xem xét kỹ, chú tâm lãnh hội thì chúng ta mới thực sự hiểu rõ tường tận.

Tôi đã kể các đồng học nhiều lần rồi, lúc chúng tôi còn trẻ học

⁴⁹ “Đặng địa” là chúng nhập từ Sơ Địa trở lên.

Phật, không có ai giảng cho tôi rõ ràng, thấu triệt như thế. Vì sao? Nếu họ giảng rõ ràng, thấu triệt như thế, tôi đã sớm tin tưởng rồi. Vì sao thầy không giảng? Cũng là có nguyên nhân. Thầy của tôi là người thuộc tầng lớp xưa, có tư tưởng cổ nhân, phương pháp dạy dỗ cũng theo cổ nhân, cổ nhân không nói. Vì sao không nói? Nói ra sẽ đóng bít cửa ngõ của học trò, vì thế không nói, để cho học trò tự ngộ. Quý vị tự ngộ rồi thầy sẽ ấn chứng cho. Đó là phương pháp của cổ nhân.

Nay tôi không theo đường lối của cổ nhân, vì sao? Đi theo đường lối của cổ nhân chỉ sợ rất nhiều đồng tu học suốt một đời này chẳng thể ngộ nhập được, vì sao? Phiền não tập khí của quý vị quá nặng, không thể ngộ nhập được, tôi đem chuyện này nói trắng ra, nói toạc ra. Nói trắng, nói toạc ra có ích gì cho quý vị? Tốt hay không rất khó nói, đúng là Phật pháp không có pháp nhất định. Nếu nghe cách giảng như vậy mà quý vị hiểu rõ thì sẽ sanh tín tâm đối với Phật pháp, chuyên tu Tịnh Độ, không ngộ cũng chẳng quan trọng. Tổ sư đại đức nói rất hay: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?*” (Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?) Trong thế gian này quý vị không khai ngộ thì khi gặp A Di Đà Phật bèn khai ngộ. Nếu cái tâm nguyện vãng sanh không sanh khởi thì cũng là đã gieo thiện căn này vào A Lại Da Thức; sức của thiện căn này rất mạnh, trong tương lai khi gặp duyên nhất định chín muồi!

Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Chư Phật, Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh diễn nói, quan trọng nhất là khế cơ, khế lý. Vì thế, chúng tôi quan sát căn cơ chúng sanh trong thế gian hiện thời, phương pháp của cổ đức không còn hợp nữa, không khế hợp căn cơ con người hiện thời. Thế nhưng chúng ta nhất định phải tuân thủ nguyên lý, nguyên tắc, quyết định chẳng thể trái nghịch nguyên lý, nguyên tắc. Trái nghịch nguyên tắc và nguyên lý thì là không khế lý. Khế cơ mà không khế lý sẽ chẳng thể thành tựu, đây là ma thuyết. Cả hai mặt Lý và Cơ đều phải quan tâm.

Do vậy, đối với chuyện học pháp môn này, chúng tôi đặc biệt nói rất rõ ràng cùng quý vị: “*Đức hạnh chưa thành tựu mà lạm dự nhiều pháp môn sẽ bị trở ngại, không đạt lợi ích. Nhất định phải đạt đến tam-muội hiện tiền [mới được học nhiều pháp môn]*”. Chúng tôi lại hạ thấp tiêu chuẩn này thành “không có ý niệm tự tu tự lợi, không có ý niệm danh văn, lợi dưỡng, không bị ngũ dục, lục trần bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc” thì mới được, không sai chạy cho lắm. Quý vị có được công phu ấy, nhưng không có đại trí huệ, chẳng thể đại triệt đại ngộ, nhưng vẫn có chút tiểu trí huệ. Nếu trí huệ của quý vị thực sự hiện tiền thì có thể lạm học nhiều pháp môn khác, có thể tham học, có thể mở rộng không gian

học tập, học rộng, nghe nhiều, thành tựu Hậu Đắc Trí.

Một mặt thành tựu Hậu Đắc Trí, một mặt tăng trưởng Định - Huệ của mình. Trong quá trình tu học, nếu quý vị thấy mình dần dần xa lìa Giới - Định thì phải đặc biệt chú tâm cẩn thận, gấp gáp quay đầu. Vì sao? Quý vị đã sai rồi! Trí huệ đã mở mang, đã đạt được Hậu Đắc Trí rồi thì Giới - Định nhất định phải tăng trưởng, chẳng thể lui sụt. Huệ giúp cho Giới tăng tấn, giúp cho Định tăng tấn, đó là điều khẳng định. Tuyệt đối chẳng thể nói: Huệ hiện tiền, Giới và Định không còn nữa! Đây là ma, đâu phải là Phật! Chúng tôi giới thiệu Tứ Hoàng Thệ Nguyễn đến đây thôi. Câu tiếp theo là xưng tán Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

“*Nam-mô*” nghĩa là quy y, lễ kính. Phổ Hiền Bồ Tát được xưng là Vương, tức là đặc biệt tôn kính Ngài. Phổ Hiền Bồ Tát là một vị trong Hoa Nghiêm Tam Thánh, điều này chúng ta đã biết quá rõ rồi. Phổ Hiền (Samantabhadra) còn được dịch là Biến Cát: Biến (遍) là phổ biến, Biến có nghĩa là rộng khắp; Cát Tường cũng có nghĩa là Hiền. Tại Trung Quốc, danh hiệu Ngài được dịch là Biến Cát cũng không ít, nên tôi đặc biệt nêu ra cho mọi người biết. Hình tượng và danh hiệu của Phật, Bồ Tát đều nhằm biểu thị pháp, kinh Hoa Nghiêm đã nói đến rất nhiều. Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho lý đức, định đức, hạnh đức của chư Phật. Nói thật ra, những điều ấy đều là tánh đức của Tự Tánh.

Trong phần trước, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Hai câu này chúng ta chẳng thể coi thường lướt qua, chúng có ý nghĩa rất sâu, đối với sự tu học của chúng ta mà nói thì chúng có ích rất lớn. Biết được điều gì? Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm. Nói đến Phật đức chính là nói đến tánh đức. Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý đức, tức lý Chân Như Tự Tánh của chúng ta. Lý Chân Như là Biến Cát, là Phổ Hiền: Phổ (普) là bình đẳng, không cao thấp. Quý vị phải hiểu được ý nghĩa này: Tánh đức, bản đức, đại đức của chúng ta bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chẳng vì chúng ta sanh tử luân hồi mà chuyển biến. Sanh tử luân hồi là duyên, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc cái duyên ấy. Dầu cho duyên có tụ - tán, có sanh - diệt, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc vào những duyên ấy. Pháp Tánh không tụ - tán, không sanh - diệt. Vì thế,

tánh đức là chân thường. Bọn phàm phu chúng ta đáng thương, mê mất Tự Tánh ấy; vì mê mất Tự Tánh nên đương nhiên tánh đức chẳng thể hiện tiền.

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, đối với hết thầy người, sự, vật, nói chung đều thấy mình giỏi, người khác không bằng mình, [do vậy, ta] không có đức hạnh Phổ Hiền. Chẳng biết hết thầy người, sự, vật trọn khắp pháp giới, hư không giới bình đẳng với ta, quyết định không có cao hay thấp. Chúng ta tôn trọng người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Lễ kính người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Chân tướng sự thật này không ai biết cả. Vì sao chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ? Hiếu thảo với cha mẹ chính là tôn trọng tánh đức của chính mình. Vì sao phải tôn sư? Tôn sư chính là tôn trọng tánh đức của chính mình, chắc chắn thầy chẳng mong được người khác tôn kính. Thầy mong được người khác tôn kính thì là tiểu nhân, chẳng phải là quân tử. Vì sao? Không lìa được danh văn, lợi dưỡng. Bậc quân tử chân chánh khởi tâm động niệm, hết thầy hành vi đều tùy thuận lời thánh nhân dạy dỗ, thánh nhân không dạy họ những điều ấy (tức là không dạy con người tùy thuận danh văn lợi dưỡng).

Quân tử là kẻ chưa chứng đắc, hiền nhân đã chứng được mấy phần, thánh nhân chứng đắc viên mãn. “Thánh, hiền, quân tử” trong Nho gia được Phật giáo gọi là Phật, Bồ Tát, A La Hán, là những bậc thiện tri thức của người học Phật. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc viên mãn, là thánh nhân; Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng được một ít, chưa viên mãn, là hiền nhân. Chúng ta là phàm nhân, là phàm phu trong lục đạo, thực sự trừ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng tôi thường nói là “vứt bỏ thành kiến của chính mình”, hết thầy tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành, Nho gia gọi người như vậy là “quân tử”.

Kinh luận không dạy chúng ta như thế, mà chúng ta vẫn còn có tập khí như thế, dù chứng tỏ chúng ta đáng gọi là “hạng nghiệp chướng sâu nặng”. Vẫn tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác, ghen ghét người khác, chướng ngại người khác, trọn vẫn thấy mình hơn người khác một chút. Ấy là phàm phu, chưa phải là quân tử. Vì thế, quy mạng, xưng tán, không gì chẳng tùy thuận tánh đức, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta khôi phục tánh đức. Tánh đức là cái vốn sẵn có, nhưng bị mê mất, nay Phật, Bồ Tát dùng những phương pháp ấy giúp chúng ta khôi phục. Đạo lý là đây!

Do vậy, chúng ta phải hiểu Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho chân

lý, chân định, tánh định, đại hạnh trong tánh đức, là Phổ Hiền đại hạnh. Đại hạnh là gì? Ở phần trên đã nói đến mười nguyện. Trong mười nguyện, lễ kính là đại hạnh, đại hạnh Phổ Hiền tự nhiên lưu lộ từ tánh đức. Cung kính đối với hết thấy chúng sanh và cung kính đối với chư Phật Như Lai không khác gì nhau, nhưng trên mặt hình thức lại khác nhau. Chúng ta thấy hình tượng Phật, Bồ Tát bèn đánh lễ ba lạy, nhưng không thể thấy bất cứ muỗi, trùng, kiến gì cũng đánh lễ chúng nó ba lạy, làm như thế là trật! Trên mặt hình thức thì không giống nhau, nhưng ý niệm cung kính bên trong hoàn toàn tương đồng. Chúng ta cung kính muỗi, trùng, kiến giống hết như cung kính chư Phật Như Lai, bình đẳng mà! Nhưng trên mặt nghi thức thì phải tùy thuận thế gian. Phải tham thấu lý rồi mới biểu hiện qua hành động.

Lại nói thêm về Văn Thù Bồ Tát; hai vị Bồ Tát này (tức Phổ Hiền và Văn Thù) thường ở cùng một chỗ:

1) Văn Thù Bồ Tát là Trí Đức của tánh đức. Quý vị thấy Phổ Hiền tượng trưng cho Lý, Văn Thù tượng trưng cho Trí, Lý và Trí thành một cặp.

2) Phổ Hiền biểu thị Định, Văn Thù biểu thị chứng đắc, chỉ Trí mới có thể chứng; nhưng chỉ có Định mới có thể khai Trí, chỉ Trí mới có thể chứng. Trí và Hạnh thành một cặp chẳng thể tách rời.

3) Thứ ba, Văn Thù biểu thị Tam Muội, Phổ Hiền biểu thị Bát Nhã. Tam Muội và Bát Nhã thành một cặp.

Như vậy, quan hệ giữa hai vị Bồ Tát này rất rõ ràng như sau: Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã.

Bên cạnh hết thấy chư Phật Như Lai luôn có Văn Thù, Phổ Hiền, biểu thị pháp đấng! Do vậy, quý vị thấy trên Đại Hùng bảo điện thờ Phật, Bồ Tát, có rất nhiều nơi thờ như thế này: Chính giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền. Pháp Đại Thừa đại khái đều thờ như vậy. Còn cách thờ phượng của pháp Tiểu Thừa thì chính giữa thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Ca Diếp và A Nan. Đây là hai vị đại đệ tử của Phật. Ca Diếp truyền Thiên tông, A Nan truyền Giáo Hạ, hai Ngài là hai vị đại tổ sư của Thiên Môn và Giáo Hạ, đều nhằm biểu thị pháp.

Chúng ta thường thấy ngài Văn Thù cưỡi sư tử ở bên trái đức Phật, vị trí của Ngài là bên tay trái đức Phật. Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà, vị trí của Ngài là bên tay phải đức Phật. Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã viên mãn, thấy đều viên mãn được tượng trưng bằng Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ, biểu thị đại

viên mãn. Vì thế một bộ kinh đồ sộ Hoa Nghiêm chính là để giảng về pháp môn viên tu viên chứng của một đức Phật, hai vị Bồ Tát. Vì thế, các Ngài được gọi là “Hoa Nghiêm Tam Thánh”. Ba vị tượng trưng cho bản thể của hết thấy hạnh đức, vì thế kinh Hoa Nghiêm nói đến mười đại nguyện. Chúng tôi giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát một cách đơn giản. Nếu giảng tường tận thì khi giảng kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đã nói nhiều lắm rồi.

Ở đây, pháp sự đến chỗ này thì hết thấy đều phải kết quy nơi tánh đức. Ở đây, niệm Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát nhằm kết quy nơi tánh đức, phải hiểu đạo lý này. Tiếp theo lại có một đoạn khai thị, chúng ta hãy xem kinh văn:

17. Khai Thị Vong Linh

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Trên đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Ở trên nói “vãng tích sở tạo chư ác nghiệp” là sám hối; “chúng sanh vô biên thế nguyện độ” là phát nguyện. Đến đây là đã xong phần sám hối phát nguyện.

Vong linh mỗ đương tri.

亡靈某當知。

(Vong linh... hãy nên biết)

“Mỗ” là vì người nào làm [pháp sự này] thì ở đây đem tên họ người ấy viết vào đây. Quý vị nên biết như thế.

Phù Tịnh Độ chi vi giáo dã.

夫淨土之為教也。

(Phàm là giáo pháp Tịnh Độ)

“Phù” (夫) là trợ từ, không có ý nghĩa gì hết. “Tịnh Độ chi vi giáo dã” tức là giáo học Tịnh Độ.

Ngưỡng thừa A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ đại bi thâm

trọng nguyện lực, nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh. Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh.

仰承阿彌陀佛四十有八大慈大悲。深重願力。攝取十方一切眾生。凡具信心者。皆得往生。

(Ngừa nhờ A Di Đà Phật có sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện, thu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh. Hễ ai đầy đủ tín tâm đều được vãng sanh).

Đây là đặc biệt giảng rõ giáo học Tịnh Độ cho vong linh. Sự việc này há chẳng phải là đã dính vào mê tín hay sao? Quý vị chớ bảo là mê tín, thực sự có việc này đấy. Không phải chỉ một người, tôi đã gặp rất nhiều. Có người buổi tối, đại khái là năm giờ chiều trở đi, muốn niệm Tam Thời Hệ Niệm bèn có rất nhiều quỷ thần. Thật đấy, quý vị niệm pháp sự này thì quỷ thần đều chiêu tập đến. Có lúc quý vị chẳng mười phần thành kính, quỷ thần bèn gây phiền phức cho quý vị. Còn có kẻ buổi tối tụng kinh Địa Tạng cũng gặp quỷ thần đến nhiều loạn không thể ngủ được. Chẳng phải là một hai người mà là rất nhiều người [bị như thế]. Chuyện này không phải là một hai người ngẫu nhiên phát sanh, tôi đã thấy rất nhiều, nghe nói đến rất nhiều.

Hiện thời chúng tôi đọc được những báo cáo khoa học, nay ở Mỹ, ở Gia Nã Đại đang nghiên cứu về đời trước và đời này, người nghiên cứu luân hồi rất đông, báo cáo rất nhiều. Những đồng học bên ấy thu thập cho chúng tôi đến hơn ba mươi loại nổi tiếng nhất. Hình như là lúc phong trào nghiên cứu này được khởi xướng tại Mỹ và Gia Nã Đại, mọi người đều biết, họ thu thập những bằng chứng rõ ràng nhất nhiều đến hơn ba mươi loại gửi về học viện chúng ta. Chuyện này ở Trung Quốc còn nhiều hơn nữa, nhiều hơn ngoại quốc nhiều lắm. Trong những bút ký đọc sách của cổ nhân, chắc mọi người rất quen thuộc là bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiểu Lam có nhắc đến rất nhiều. Trong bút ký tiểu thuyết thì như Liêu Trai Chí Dị, Tử Bất Ngữ, Di Kiên Chí⁵⁰, trong những loại thư tịch như vậy đã chép rất nhiều.

⁵⁰ Tử Bất Ngữ còn có tên là Tân Tề Hải do Tùy Viên Lão Nhân Viên Mai (1716-1797) soạn vào đời Thanh, gồm 24 quyển, về sau lại còn có Tục Tập gồm 10 quyển, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiểu Lam. Sách tập trung chép những chuyện quỷ thần quái lạ do chính Viên Mai hay bạn bè ông ta đã chứng kiến. Tên gọi Tử Bất Ngữ lấy theo ý một câu trong Luận Ngữ: “Tử bất ngữ, quái, lực, loạn, thần” (Khổng Tử chẳng nói tới những chuyện kỳ dị, bạo lực, động loạn, quỷ thần).

Bản thân chúng tôi cũng đã từng gặp qua, tôi cũng đã từng kể cho đại chúng nghe rồi. Khi tôi còn trẻ, chính bản thân tôi đã gặp. Bản thân lão cư sĩ Châu Kính Trụ cũng từng gặp nên cụ mới tin. Trước khi cụ gặp chuyện, nhạc phụ của cụ Châu là cụ Chương Thái Viêm làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế; cụ Chương kể cho cụ Châu nghe rất nhiều chuyện quỷ thần. Cụ Châu đều cho đó là chuyện truyền kỳ, không thềm tin. Đến khi chính cụ thực sự thấy, cụ mới tin tưởng [những chuyện cụ Chương đã kể] hoàn toàn là thật, không giả. Tôi quen biết ông cụ này (cụ Châu), khi ấy cụ đã sáu mươi chín tuổi, tôi mới hai mươi mấy. Cụ xem chúng tôi như cháu nội, rất yêu mến, thường kể cho chúng tôi những câu chuyện xưa. Những chuyện cũ ấy đều là những chuyện chính cụ đã từng trải trong cả một đời, chứ không phải là nghe ai kể lại.

Nay chúng tôi thực sự hiểu rõ, vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt, chỉ là tụ hay tán mà thôi; nhưng vật chất có khi tụ, có khi tán, chứ linh hồn – như chúng ta thường gọi – không bao giờ tụ hay tán. Khác với vật chất, nó không tụ - tán, chỉ tùy theo nghiệp lực mà chuyển thế đầu thai, linh tánh bất diệt. Tuy thế, linh hồn vẫn không phải là thật, gì mới là thật? Pháp Tánh là thật. Pháp Tánh như như bất động. Linh hồn là gì vậy? Nhà Phật gọi nó là “thần thức”, tức là Pháp Tánh đã bị mê. Pháp Tánh không mê toàn bộ, chỉ mê cục bộ, nên mới có hiện tượng như thế. Nó không phải là chân thật nhất, nhưng phải chân thật hơn vật chất. Vật chất tụ - tán, sanh - diệt, vô thường; thần thức cũng là ngưng tụ, do mê vọng ngưng tụ thành, phải đến khi nào đại triệt đại ngộ, nó mới trở về với Tự Tánh. Chưa đại triệt đại ngộ thì thần thức vẫn tồn tại. Giống như trong hư không, một chút mê hoặc giống như một phiến mây bèn bồng khắp nơi, không tan. Đến khi đại triệt đại ngộ thì cũng như gặp trận gió lớn thổi tan mây, không còn nữa, trở về với Tự Tánh, đó gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”.

Giáo pháp Tịnh Độ từ đâu mà có? Căn cứ trên bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật mà có. Vì thế, bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ chính là cốt lõi của Tịnh Độ, là lý luận căn bản của Tịnh Độ. “*Ngưỡng thừa*” là tâm tình thái độ tôn kính, “*A Di Đà Phật từ thập hữu bát đại từ đại bi thâm trọng nguyện lực*” (sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật) chính là những gì kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã giới

Di Kiên Chí là một tập bút ký do Hồng Mai soạn vào đời Tống từ năm cuối Thiệu Hưng (1162) đến năm Thuần Hy thứ nhất (1174). Nội dung chép tình hình sinh hoạt đời Tống, những chuyện kỳ lạ, thú vị trong thời ấy.

thiệu căn kẽ cùng quý vị rồi: Một bộ Vô Lượng Thọ kinh nhằm thuyết minh bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta tu hành đương nhiên phải nắm được cốt lõi, nắm chắc nguyên lý, nguyên tắc. Những điều đó Phật pháp gọi là “*pháp môn Tổng Trì*”, bốn mươi tám nguyện là pháp môn Tổng Trì. Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu biết cho tinh thuần, tu hành phải nắm được cương lĩnh, càng đơn giản càng hay. Nếu muốn giải thích thì càng giải thích tường tận càng tốt. Giải thích nên tường tận, còn tu hành phải nắm được cương lĩnh.

Bốn mươi tám nguyện nhằm vào chuyện gì vậy? “*Nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh*” (thâu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh). Nhiếp (攝) là nhiếp thọ (攝受: thâu nhận, dung nạp), Thủ (取) nay nói là “*ghi vào sổ bộ*”. Hiện nay trên thế giới, quá nửa các quốc gia mở cửa cho di dân, nếu quý vị xin vào, họ có nhận quý vị hay không? Thâu nhận, tiếp nhận mười phương hết thảy chúng sanh; mười phương hết thảy chúng sanh muốn di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật đều hoan nghênh, thế nhưng vẫn có điều kiện, điều kiện gì vậy? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng là phải có tín - nguyện. Quý vị phải có lòng tin, phải có nguyện mới được. Vì thế, ở đây, thiền sư Trung Phong nói: “*Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh*” (phàm ai đầy đủ tín tâm đều được vãng sanh). Quý vị không tin, không nguyện là không được, dầu Phật nhiếp thọ nhưng không có cách nào giữ lấy quý vị được.

Tín giả.

信者。

(Tin là).

Thế nào là Tín? Tín gồm ba điều, thứ nhất là:

Tín hữu Tây Phương Tịnh Độ.

信有西方淨土。

(Tin có Tây Phương Tịnh Độ).

Điều này hết sức quan trọng. Quý vị phải hoàn toàn khẳng định phương Tây của thế giới Sa Bà có thế giới Cực Lạc, có một thế giới tên là Cực Lạc. Đây là điều đầu tiên phải tin tưởng. Điều thứ hai là:

Tín hữu A Di Đà Phật...

信有阿彌陀佛。

(Tin có A Di Đà Phật).

Hoàn toàn giảng trên mặt sự tướng. Thực sự có một đức A Di Đà Phật, có một vị Phật mang đức hiệu là A Di Đà Phật.

Nhiếp thủ chúng sanh chi sự.

攝取眾生之事。

([Tin có] chuyện A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh).

Ta thường gọi “nhiếp thủ chúng sanh” là “tiếp dẫn chúng sanh”. Quý vị có tín, có nguyện thì quả thật Phật đến tiếp dẫn quý vị. Đây là điều thứ hai. Điều thứ ba là:

Ngã đẳng chúng sanh tín hữu vãng sanh chi phận.

我等眾生。信有往生之分。

(Tin bọn chúng sanh chúng ta có phần được vãng sanh).

Quý vị nhất định phải tự tin điều này, tin tưởng chính mình có bốn phận vãng sanh. Nói theo cách hiện thời, chữ Phận (分) ở đây chính là “điều kiện, tư cách”. Chúng ta tin tưởng chính mình có điều kiện vãng sanh, có tư cách vãng sanh, điều này rất quan trọng. Nếu quý vị không hội đủ ba tín tâm ấy sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu thực sự hội đủ ba tín tâm ấy thì trong thế gian hiện thực này, tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của quý vị không giống mọi người. Khác ở chỗ nào? Mọi người tham luyện thế giới này, đâu đâu cũng muốn làm chủ thế giới. Nếu quý vị thực sự tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn làm người của Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thế gian này là chỗ ta lữ du, chúng ta dạo chơi xem phong cảnh, tuyệt đối chẳng nầy sanh mảy may ý niệm lưu luyện gì. Nói cách khác, bất cứ khi nào cũng buông xuống được, mảy may lưu luyện cũng chẳng có. Nhà của mình ở thế giới Cực Lạc, chứ đâu phải ở đây, chỗ này là chỗ dạo chơi thôi! Tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của người ấy biến đổi. Nếu đối với thế gian này vẫn còn lưu luyện, còn mong đạt được điều gì thì là quý vị chưa tin. Quý vị cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vừa nghĩ đến thế giới Cực Lạc vừa muốn được ở nơi đây, mong được cả hai, chớ hề có chuyện ấy đâu nhé!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn văn kế tiếp:

Nhiên tuy vị Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, cứu cánh phi tùng ngoại đắc. Như thị tín giả, thị vi chân tín.

然雖謂彌陀攝取眾生往生。要信唯是隨心自現。感應道交。究竟非從外得。如是信者。是為真信。

(Dù nói là Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, phải tin đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, rốt ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tin như thế mới là chân tín).

Đến đây là hết một đoạn. Đoạn này dạy chúng ta: Không những tin vào Sự mà còn phải tin nơi Lý. Vì sao? Đây mới là chân tín. Tin tưởng Sự nhưng không biết đến Lý thì có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh! Sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này thì phẩm vị càng cao hơn. Quả thật có chuyện ấy, Lý cũng là chân, Lý lẫn Sự đều là chân. Chớ nên tin Lý phé Sự, nếu vậy là hỏng rồi, chẳng bằng tin Sự không hiểu Lý mà thực sự được vãng sanh. Nếu tin vào Lý mà coi thường Sự, sẽ chẳng thể vãng sanh. Đây mới gọi là Chân Tín!

Dẫu nói đến chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh (chúng ta gọi “nhiếp thủ chúng sanh” là tiếp dẫn, hay tiếp dẫn vãng sanh) “yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao” (phải tin đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao). “Tùy tâm tự hiện” là Lý, Kinh Hoa Nghiêm giảng hết thấy pháp một cách rốt ráo viên mãn, ngay cả hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh chỉ do Tâm hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng chẳng lia tự tâm. Vì vậy, các đồng học tu Tịnh Độ cũng thường nghe nói “*duy tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà*”. Tách rời tâm tánh thì Di Đà lẫn Tịnh Độ đều không có, đều chỉ do Tâm hiện, chỉ do Thức biến. Đó là chân lý. Do vậy, hễ chúng ta cầu, tức là có Cảm.

Chúng ta hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật để làm gì vậy? Hết thấy chư Phật dạy chúng ta: Chỉ có sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoàn cảnh tu học tốt đẹp nhất;

thân cận A Di Đà Phật là thân cận vị thầy tốt nhất. Đã có thầy giỏi lại có hoàn cảnh tu học tốt nhất, ở nơi đó chúng ta có thể đoạn phiền não, có thể thành tựu pháp môn, có thể viên thành Phật đạo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm những chuyện này. Thực hiện tốt những chuyện này rồi lại thế nguyện độ vô biên chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; chúng ta muốn làm chuyện này chứ không nhằm chuyện gì khác. Muốn viên thành Phật đạo, muốn tùy theo từng loài mà hóa thân, rộng độ chúng sanh thì không về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng được. Không sanh về thế giới Cực Lạc sẽ không có khả năng [làm được những việc ấy].

Không sanh về thế giới Cực Lạc, bất luận tu một pháp môn nào, tu đến thực sự thành công quả thật thời gian rất dài, vô lượng kiếp, A-tăng-kỳ kiếp, rốt cuộc tu đến thế giới Hoa Tạng. Đến thế giới Hoa Tạng gặp Văn Thù và Phổ Hiền, các Ngài vẫn bảo quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị hãy nghĩ đi, như vậy nghĩa là sao? Cuối cùng vẫn phải trở về Tịnh Độ, sao bây giờ không về đó đi? Nếu đi ngay từ bây giờ, giảm bớt được bao nhiêu chuyện, giảm bao nhiêu là thời gian! Thành tựu mau chóng! Nếu chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, quả thật là “*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*”, đây chính là tin mình có phần được vãng sanh. Quý vị có biết Tây Phương Tịnh Độ của A Di Đà Phật có liên quan với chúng ta đến ngần nào hay không? Đều do chính tâm tánh của chúng ta biến hiện. Thế nhưng chúng ta mê mất tâm tánh của chính mình, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể thực sự minh tâm kiến tánh; đây mới là thực sự thấy thật rõ chân tướng.

“*Cứu cánh phi tòng ngoại đắc*” (rất ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà được), bên ngoài không có gì hết, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. “*Như thị tín giả*” (tin như thế) là chân tín. Tin Phật, mọi người chúng ta tin Phật, nhưng nói thật ra là mê tín! Vì sao gọi là mê tín? Không biết Phật là gì, chuyện gì cũng không biết cũng cứ tin tưởng, cũng đến quy y, vì thế thực sự là mê tín. Tốt hơn một chút trong ấy là trong mê tín lại có điều kiện, có điều kiện gì vậy? Thực sự tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc trí huệ, là người có đại đức hạnh, đức Phật chẳng lừa dối chúng ta. Chúng tôi thường nói là tin tưởng vào nhân cách của Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng đức Phật là người tốt, Ngài chẳng lừa dối chúng ta, lời Ngài nói nhất định là đúng. Như thế gọi là Chánh Tín, tức là lòng tin có lý luận làm cơ sở, chứ không theo Phật mù quáng.

Càng sâu hơn một tầng nữa là thân cận Phật đã lâu, đối với những

lý luận sự lý trong giáo nghĩa kinh Phật đã đạt được trình độ thông hiểu kha khá, đó là Chánh Tín, Chánh Tín ở mức độ cao, đến mực này mới gọi là “*chân tín*”; nhưng lòng chân tín ấy vẫn chưa phải thực sự là chân, mà là Tương Tự Chân. Chúng ta tin “*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*”, hay còn có thể nói là “*chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*”. Chúng ta còn chưa chứng đắc, nếu thực sự chứng đắc sẽ được tự tại. Muốn chứng đắc trong thế gian này khó lắm, rất ư là khó! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là chân tín thực sự. Hiện tại chúng ta chỉ là tương tự chân tín, đã hiểu rõ về Lý, cũng giống như các nhà khoa học hiện thời vậy.

Khi trước, Chung cư sĩ đã đến báo cáo cùng chúng ta: Gần đây nhất, các nhà khoa học phát hiện ba điều. Phát hiện thứ nhất là không gian và thời gian dưới một điều kiện nào đó sẽ không tồn tại. Điều này kinh Phật đã nói đến rồi, nay họ mới tin. Tin là tin trên mặt Lý, chứ về mặt Sự chưa từng thấy. Phát hiện thứ hai là gì? Có từ trong Không mà ra, trong Không sanh ra Có, Không có thể sanh ra Có, Có lại trở về Không. Đây cũng là phát hiện trên mặt Lý, họ tin tưởng; chứ trên mặt Sự, chưa có cách gì chứng minh được. Thứ ba là khởi nguyên của vũ trụ, hiện tại khởi nguyên ấy là nhất thời đôn hiện, đây cũng là tin tưởng trên mặt Lý. Những điều này kinh Phật đều đã từng nói đến, nhưng không phải là cảnh giới của chúng ta vì mình chưa chứng đắc. Vì thế, niềm tin ấy cũng có thể nói là chân tín, nhưng chưa phải là chân tín chân chánh, quả thật có lý luận cao sâu làm căn cứ. Chúng ta tin tưởng lời giáo huấn của thiền sư Trung Phong; tin tưởng sâu xa không nghi sẽ quyết định vãng sanh. Tiếp theo, Ngài nói:

Tín nhi vô Hạnh, tức bất thành kỳ tín.

信而無行。即不成其信。

(Tín nhưng thiếu Hạnh thì tín ấy chẳng thành).

Vì Tín - Nguyện - Hạnh tuy một mà ba, tuy ba nhưng một, có được một thì nhất định phải có cả ba. Nếu thiếu một điều, lòng tin của quý vị không phải là chân tín, mà Hạnh cũng chẳng phải là chân hạnh. Hễ quý vị có Tín thì nhất định phải có Nguyện, có Hạnh. Có Hạnh nhất định có Nguyện, nhất định có Tín. Một mà ba, ba nhưng một, như ba chân của cái đảnh, chẳng thể thiếu được một. Chúng ta muốn biết một cá nhân tin hay không tin thì hãy dựa vào đây để xét. Do vậy, không có Hạnh thì “*bất thành kỳ tín*” (tín ấy chẳng thành).

Hạnh giả, Lăng Nghiêm kinh vân: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”.

行者楞嚴經云。都攝六根。淨念相繼。不假方便。自得心開。

(Hạnh thì như kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai”).

Những điều được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy chính là tiêu chuẩn thấp nhất của niễm và tịnh, “*tịnh niệm tiếp nối*”! Chuyển niễm thành tịnh như thế nào? “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta như thế. Bí quyết tu hành của Tịnh Tông chính là mười sáu chữ này, “*bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai), [nghĩa là] chẳng cần phải nhờ vào phương pháp nào khác hỗ trợ, thực sự đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, chẳng cần phải thêm vào loại Thiền nào hay thêm vào chú nào, không cần thêm gì vào hết, chỉ là “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Hiệu quả là “*tự đắc tâm khai*” (tâm tự khai ngộ). “*Tự đắc tâm khai*” là tâm khai ý giải, Thiền tông gọi chuyện này là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới, tức là một câu danh hiệu niệm đến mức nhất tâm bất loạn.

Công phu tiến triển, tất nhiên là công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, máu chột ở chỗ quý vị có thể nhiếp trọn sáu căn hay không? Hiện tại, ngay cả công phu thành phiền mà chúng ta cũng không đạt được, gốc bệnh nằm đâu? Chẳng thể nhiếp trọn sáu căn. Mắt luôn chạy theo sắc bên ngoài, tai thường chạy theo tiếng bên ngoài, sáu căn thường chạy theo cảnh giới sáu trần bên ngoài, không thấu hồi lại. Nhiếp trọn sáu căn chính là như Mạnh phu tử đã nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn không có gì khác cả, cốt sao thấu hồi cái tâm đã buông lung mà thôi). Quý vị buông thả cái tâm ra ngoài thì làm sao có thể thấu hồi được? Nhiếp trọn sáu căn chính là thấu hồi. Thấu hồi mắt từ nơi sắc, thấu hồi tai từ nơi tiếng, hễ thấu hồi được thì quý vị sẽ an tịnh, sẽ định. Quý vị không thấu hồi được thì sẽ chịu ảnh hưởng của cảnh giới bên ngoài. Nói dễ hiểu nhất theo cách bây giờ là sáu căn không còn chịu ảnh hưởng của cảnh giới sáu trần bên ngoài nữa thì quý vị mới có thể giữ được tịnh niệm tiếp nối!

Nhĩ căn lạnh lợi nhất, nghe người ta khen ngợi, vui sướng hết sức;

nghe người ta hủy báng, chửi rửa mình mấy câu, nóng giận mấy ngày. Làm thế nào đây? Ấy chính là quý vị không có cách gì nhiếp trợn sáu căn, tâm chưa được thanh tịnh. Thực sự thâm hồi [cái tâm buông lung] thì thấy sắc tuyệt đối chẳng chịu ảnh hưởng của Sắc pháp, nghe tiếng cũng quyết định chẳng bị ảnh hưởng bởi Thanh trần, tâm vĩnh viễn trong Định. Mũi ngửi mùi thơm, thơm hay thối hệt như nhau; lưỡi nếm vị, nếm vị như một, tức là như nay ta thường nói: “*Không có ngon - dở, không có xấu - tốt!*” Tâm được bình đẳng, tâm được thanh tịnh.

Mọi người chúng ta niệm Phật, nói đơn giản là “*tịnh niệm*”, niệm là niệm A Di Đà Phật, “*tịnh*” là không có hoài nghi, không xen tạp, đây là Tịnh. Không hoài nghi, không xen tạp, tiếp nối không gián đoạn, không xen tạp là công phu thực sự. Phạm phu chẳng thể thành tựu công phu ấy vì không có chân tín, có nghi, có xen tạp, xen tạp với mức độ lớn, khiến cho công phu niệm Phật hoàn toàn bị phá hoại. Kinh Lăng Nghiêm nói như vậy đó, còn như kinh A Di Đà giảng thì chúng tôi đã trình bày rồi, chúng ta hãy đọc một lần là được:

A Di Đà kinh vân: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nãi chí thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”.

阿彌陀經云。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。乃至七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(*Kinh A Di Đà nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy lúc mạng chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ở đằng trước. Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”*)

Đoạn này trong phần trên chúng tôi đã giảng rồi, khi giảng kinh đã nói rồi.

Như thị hành giả thị danh Chánh Hạnh.

如是行者。是名正行。

(Hành như thế thì gọi là Chánh Hạnh).

Quý vị bình thường niệm Phật là tương ứng với kinh này, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất sâu, kinh Di Đà giảng trên mặt Sự. Giảng trên mặt Sự, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm ở chỗ nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” là Nhân, tu nhân; còn Quả là nhất tâm bất loạn. Như vậy, có nhất tâm bất loạn thì đương nhiên có nhiếp trọn sáu căn và tịnh niệm tiếp nối; có nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đương nhiên có cái quả nhất tâm bất loạn, nhân quả tương ứng. Hai bộ kinh này nói khác nhau nhưng cùng một công dụng. Tu hành như thế mới gọi là Chánh Hạnh.

Đường chủ Niệm Phật Đường thường ra rả câu Khẩu Đầu Thiên, chúng ta nói câu ấy là Khẩu Đầu Thiên vì thời thời khắc khắc thường kêu gào: “*Phóng hạ thân tâm thế giới, đề khởi chánh niệm*” (Buông thân tâm, thế giới xuống, dấy lên chánh niệm), nói như vậy đó. Nhiếp trọn sáu căn là buông thân tâm, thế giới xuống, chớ có phan duyên. Mắt chẳng phan duyên theo sắc, tai chẳng phan duyên theo tiếng, mũi không phan duyên theo hương, lưỡi không phan duyên theo vị, thân không phan duyên theo xúc, ý không phan duyên theo pháp. Thân hồi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại, chẳng hướng ra ngoài phan duyên, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhiễm mảy trần. Lúc ấy, niệm một câu A Di Đà Phật bèn tương ứng, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Tương ứng là tương ứng cùng nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là Phật. Tiếp đó, lại nói:

Hạnh nhi vô nguyện, tức bất thành kỳ Hạnh.

行而無願。即不成其行。

(Hạnh nhưng không có nguyện thì Hạnh chẳng thành).

Điều này rất trọng yếu, quý vị thấy đó: Không có Nguyện là không được! Nguyện là gì?

Nguyện giả, yếu dữ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nguyện nguyện tương ứng, thị vi đại nguyện dã.

願者要與阿彌陀佛。四十八願。願願相應。是為大願也。

(Nguyên thì phải tương ứng với bốn mươi tám nguyên của A Di Đà Phật, phải tương ứng với từng nguyên một. Đây là đại nguyên vậy).

Ở đây quan trọng nhất là “tứ thập bát nguyên, nguyên nguyên tương ứng”. Có vậy, quý vị mới hiểu khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, vì sao chúng tôi lấy kinh văn phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ làm khóa tụng buổi sáng là vì ý nghĩa này. Tịnh tông học nhân khởi tâm động niệm đều phải ứng với bốn mươi tám nguyên, nguyên nào cũng tương ứng thì chắc chắn quý vị được vãng sanh, quyết định không có vấn đề gì cả! Vì thế, tôi thường thường khuyến khích mọi người đối với những người hiểu lầm ý nghĩa Bốn Nguyên, ta phải cảnh tỉnh cho họ không hiểu lầm. Hiểu lầm sẽ phí uổng một đời này, đến cuối cùng không thể vãng sanh được. Nếu quý vị chỉ trì mỗi một mình nguyên thứ mười tám, các nguyên khác không cần đến thì không được rồi!

Tổ sư nói bốn mươi tám nguyên, nguyên nào cũng tương ứng, nhưng quý vị chỉ tương ứng với một nguyên là không được rồi! Bất cứ một nguyên nào cũng bao quát bốn mươi bảy nguyên kia. Thiếu một điều thì nguyên ấy không viên mãn. Bốn mươi tám nguyên, các nguyên dung nhiếp lẫn nhau, bất cứ một nguyên nào cũng trọn đủ viên mãn bốn mươi tám nguyên. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải hiểu chân tướng sự thật này, ngàn muôn phần chẳng được hiểu lầm. Xưa nay tổ sư đại đức đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật không sai vì mỗi một nguyên đều nhiếp hết bảy nguyên. Đề xướng lấy nguyên thứ mười tám làm trung tâm thì không sai, nguyên thứ mười tám bao hàm bốn mươi bảy nguyên kia. Nguyên nguyên tương ứng, nguyên nguyên viên mãn, đó gọi là “đại nguyên”. Tổ sư nói không sai, con người chúng ta hiện thời hiểu sai ý nghĩa; nhưng không hiểu ý nghĩa lời dạy của Như Lai, không hiểu ý tứ của tổ sư đại đức; nói thật ra, người thực sự hiểu được cũng không nhiều lắm!

Tín - Hạnh - Nguyên tam, như đánh tam túc, khuyết nhất bất khả.

信行願三。如鼎三足。缺一不可。

(Tín - Hạnh - Nguyên ba điều, như ba chân của cái đánh, chẳng thể thiếu một).

Câu này hết sức là quan trọng! Đây chính là điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị phải trọn đủ Tín - Nguyện - Hạnh, trong Tín có Nguyện, Hạnh. Trong Nguyện có Hạnh, Tín. Trong Hạnh có Tín, Nguyện, dung nhiếp lẫn nhau, quyết định chẳng thể đứng riêng lẻ được. “*Như đánh tam túc*” (như ba chân của cái đánh), khuyết một chân thì đánh không đứng vững được, phải đổ nhào. Điều này chúng tỏ, thiếu một trong ba điều kiện sẽ không thể vãng sanh được, nhất định phải hiểu chân tướng sự thật này! Tiếp theo, Ngài lại khuyên thính chúng, thính chúng ở đây là các quý thân, bảo chúng quý thân mà cũng là bảo đại chúng hiện tiền chúng ta:

Kim nhĩ vong linh đương tri: Hiện tiền nhất niệm, bốn tự viên thường.

今爾亡靈當知現前一念。本自圓常。

(*Nay vong linh nên biết: Một niệm hiện tiền vốn tự viên mãn, thường hằng.*)

Quý vị hãy nên biết, quý thân cần nên biết thì chúng ta càng phải nên biết. Một niệm hiện tiền của chúng ta là viên mãn, vì sao [hiện thời niệm ấy] không viên mãn? Là vì chính mình có vọng tưởng, có phiền não, khiến cho tánh đức vốn sẵn viên mãn nơi Tự Tánh bị phá hoại, chướng ngại. Chúng sanh trong lục đạo không ai là chẳng như thế.

Tín - Hạnh - Nguyện: Nguyên thị tự kỷ bốn lai cụ hữu. Như thị tánh đức.

信行願。原是自己本來具有。如是性德。

(*Tín - Hạnh - Nguyện: Nguyên chính mình vốn sẵn đủ. Tánh đức như thế.*)

Nói cách khác, Tín - Nguyện - Hạnh là đức năng sẵn có của tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài. Hiện tại nhờ chư Phật Như Lai giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy:

Kim giả dẫn thị bốn tánh quang minh hiển phát nhĩ.

今者但是本性光明顯發耳。

(*Nay chỉ là quang minh của bốn tánh tỏ lộ mà thôi.*)

Tín - Hạnh - Nguyện là quang minh của bốn tánh, vốn sẵn đầy đủ

nơi bồn tánh. Vấn đề hiện thời là gì? Phật, Bồ Tát giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy, chúng ta nghe thấy, có giác ngộ hay chẳng? Thực sự giác ngộ chính là quang minh nơi tánh hiển phát. Tín phóng quang, Nguyên phóng quang, Hạnh phóng quang, con người hiện tại gọi quang ấy là “*từ trường*”, phát xuất rõ ràng, tức là phá mê khai ngộ! Quý ở chỗ “*đương tri nhất niệm hiện tiền*” (hãy nên biết một niệm hiện tiền), quý ở chỗ “*đương tri*” (nên biết), “*biết*” chính là thực sự giác ngộ. Nếu quý vị không biết thì vẫn là mê hoặc, vẫn y như cũ “*mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh*”. Chúng đều liên quan với nhau, hề có một cái thì toàn bộ đều có, một mê thì hết thấy mê, một nhiễm thì hết thấy nhiễm, một tịnh thì hết thấy tịnh. Vì thế, quý vị nghe xong, phải thực sự quay đầu, phải giác ngộ. Tiếp đó là phần cuối cùng lúc kết thúc một thời Phật sự này, ta tán Phật:

18. Tán Phật Tổng Kết (Di Đà Tán)

*A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,
Khổ hải tác từ hàng,
Cửu phẩm liên bang,
Đồng nguyện vãng Tây Phương.*

阿彌陀佛。
無上醫王。
巍巍金相放毫光。
苦海作慈航。
九品蓮邦。
同願往西方。

*(A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Thân vàng vôi vọi phóng hào quang,
Biển khổ thả thuyền từ,
Cõi sen chín phẩm,
Cùng nguyện về Tây Phương).*

Tán tụng: Phối hợp với âm nhạc, dùng tiết tấu ưu nhã xướng tụng lên, biểu thị chính mình đối với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, đối với hết

thấy chúng sanh lễ kính tán thán, cũng là cúng dường. Vì thế, nội dung của những kệ tán này hết sức phong phú. Từ xưa, các tổ sư đại đức nói: Trong hành pháp thì lễ kính, tán thán, sám hối, phát nguyện, không gì chẳng đầy đủ.

“*A Di Đà Phật, vô thượng y vương*”, trị được hết thấy bệnh khổ của chúng sanh. Hết thấy chúng sanh có bệnh khổ gì? Luận theo lục đạo chúng sanh thì bệnh khổ là tham - sân - si - mạn. Tham - sân - si gọi là Tam Độc phiền não, không có gì độc địa hơn chúng. Trong thế gian này (tức là trong lục đạo), gốc rễ của tất cả hết thấy độc hại là tham - sân - si. Vì thế, nếu chuyển biến tham - sân - si thì cội rễ độc hại trong lục đạo sẽ bị diệt sạch. Bồ Tát cũng có bệnh, Bồ Tát bệnh gì vậy? Giải đãi! Vì thế, thiện căn duy nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn. Nếu không biết tinh tấn thì là giải đãi. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, phải nhờ đến A Di Đà Phật là một vị y vương vô thượng chẩn đoán, trị liệu, giúp cho mọi người khôi phục sức khỏe.

“*Nguy nguy kim tướng phóng hào quang*”: Câu này tán thán công đức tự hành của A Di Đà Phật. Trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường dạy chúng ta: Vì người khác diễn nói. Câu kệ này chính là diễn, A Di Đà Phật đang biểu diễn. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, A Di Đà Phật biểu diễn sự khỏe mạnh. “*Phóng hào quang*” là tướng bạch hào phóng quang. Chúng ta thường niệm bài kệ Tán Phật: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệt vô biên*”. “*Nguy nguy kim tướng phóng hào quang*” có nghĩa là như vậy đó.

“*Khổ hải tác từ hàng*”; từ đây trở xuống là A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh, thực hiện nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Vì thế, ba câu kệ cuối nói về công của Phật, tức công đức và quả đức. “*Khổ hải tác từ hàng*” (làm chiếc thuyền Từ trong biển khổ) là công đức, “*cửu phẩm liên bang, đồng nguyện vãng Tây Phương*” là quả đức: Cửu phẩm liên bang là quả đức, “*đồng nguyện vãng Tây Phương*” là trong ấy có nguyện vọng của chính mình. Nay chúng ta cũng phát ra bốn mươi tám nguyện, nay chúng ta thực sự tin tưởng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, có chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin rằng mình y chiếu kinh giáo, nghiêm túc nỗ lực phụng hành, ta sẽ nhất định được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có cùng một thế nguyện vãng sanh Tây Phương. Lời lẽ không nhiều, chỉ có mấy câu, nhưng nội dung hết sức phong phú.

Sau đây lại quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát để tổng kết:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Nam Mô nghĩa là quy y, quy mạng. Chính mình bằng lòng quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát, ta cũng thành một người trong số các vị Bồ Tát Ma Ha Tát thuộc Liên Trì Hội. Thời thứ nhất đến đây là viên mãn.

ĐỆ NHỊ THỜI

Trong thời thứ hai, kinh A Di Đà, Vãng Sanh Chú đều là lập lại, nên chúng tôi khỏi cần giảng lại, nói một lần được rồi. Mở đầu thời thứ hai, nghi thức mở đầu nhất định cần phải có lễ kính xưng tán.

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Ý nghĩa câu này trong phần trên đã nói rồi, đây chính là lễ kính, xưng tán. Tiếp đó là niệm Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Chú. Đoạn này chính là tụng kinh, niệm chú. Sau mỗi một đoạn, đều lễ kính xưng tán Liên Trì Hội Bồ Tát. Liên Trì Hội và Liên Trì Hải Hội có khác biệt, nói Liên Trì Hội là nói về thế giới Cực Lạc, Liên Trì Hải Hội bao gồm cả mười phương thế giới, tất cả đều tính gộp. Giống như nay chúng ta phát tâm, thậm chí chưa phát tâm, nghe nói đến danh hiệu A Di Đà Phật, trông thấy tượng A Di Đà Phật, in dấu vào A Lại Da Thức, đều được tính là Liên Trì Hải Hội. Bởi thế, Liên Trì Hải Hội rất lớn, trọn pháp giới, hư không giới. Niệm kinh chú xong, lại lễ kính xưng tán:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

19. Khai Thị

Tiếp theo là phần khai thị, theo thông lệ, trước phần khai thị có một bài kệ.

Chúng ta hãy xem bài kệ ấy trước:

**Tiền tựu kim triêu thành Phật khứ,
Lạc bang hóa chủ dĩ hiềm trì,
Na kham cánh dục chi hồ giả,
Quản thủ luân hồi một liễu thời.**

便就今朝成佛去。

樂邦化主已嫌遲。

那堪更欲之乎者。

管取輪迴沒了時。

(Dẫu về thành Phật bữa nay,
Lạc bang hóa chủ chê bai trễ rồi!
Muốn còn bàn luận khơi khơi,
Luân hồi giữ mãi biết đời nào ra!)

Đây là thiền sư Trung Phong giảng cho chúng ta một gậy, hy vọng cú đập ấy đánh thức chúng ta. Nếu còn không tỉnh sẽ thường xuyên bị Ngài đánh. Nếu quý vị thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quý vị sẽ trở thành như thế nào? Sẽ đúng như đường chủ Niệm Phật Đường đã nói: “*Buông thân tâm thế giới xuống*”, tức là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống hết.

Hình như có ai đó từng hỏi tôi, viết thư hỏi tôi mấy vấn đề. Ông ta hỏi: “*Nếu chúng ta buông hết thả xuống thì có phải là công việc cũng không cần làm hay không? Cũng chẳng cần chiếu cố người khác, đem tiền đi bố thí hết, chúng ta sống trong ngày mai bằng cách nào đây?*” ông ta nêu ra câu hỏi đó. Nói thật ra, nêu ra những câu hỏi ấy tức là ông ta thực sự không hiểu ý nghĩa kinh Phật, đã hiểu lầm rồi. Tôi giảng ở đây mà quý vị còn hiểu lầm ý nghĩa. Nói khó lắm! Tôi giảng quý vị nghe còn hiểu sai, vậy thì lời Phật giảng lẽ nào chẳng hiểu sai?

Quý vị thấy trong “*Tịnh nghiệp tam phước*”, câu đầu tiên, đức Phật dạy chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu. Chúng ta buông bỏ hết thả, đối với cha mẹ là bất hiếu. Trong hiếu dưỡng phụ mẫu bao gồm cả chuyện chăm sóc gia đình, làm thế nào để có thể (giống như kinh Phật đã giảng) chiếu cố cả hai mặt? Phải học tập như thế nào mới đúng pháp? Tôi tin rằng có không ít người nghi hoặc như thế. Trên thực tế, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Buông xuống không phải là buông xuống trên mặt Sự, phải buông xuống nơi tâm*”. Quý vị cần phải hiểu: Buông xuống nơi tâm không phải là chuyện gì cũng không quan tâm. Quý vị nghĩ chur Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài minh tâm

kiến tánh, các Ngài buông xuống như thế nào? Quý vị chỉ nghĩ đến đức Phật thường dạy chúng ta thọ trì, đọc tụng vì người khác diễn nói. Thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, nhưng buông xuống rồi thì sao? Vì người khác biểu diễn chính là quý vị thực sự buông xuống. Hiện tại là như thế nào? Hiện tại quý vị đang diễn kịch trên sân khấu, quý vị phải diễn cho thật giống, vậy mới là đúng. Có như vậy thì Lý và Sự mới viên dung.

Trong tâm không dính mắc mảy may do bản nào, các đại đức nhà Thiên thường nói: “*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (Qua rừng trăm hoa nở, mẩu lá chẳng dính thân). Đi qua rừng trăm hoa là tùy duyên, Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian. Phật pháp tại thế gian, chẳng hoại thế gian pháp, mọi pháp thế gian thứ gì cũng đều làm đúng như pháp. Hiếu dưỡng phụ mẫu, tôn kính sư trưởng, yêu mến anh em, luân lý đạo đức điều gì cũng thực hiện cho thật tốt, cho thật viên mãn, trong tâm thực sự không vướng mắc mảy may. Đây chính là Phật, Bồ Tát. Trong tâm có điều gì thì quý vị là phạm phu. Như vậy, Sự thì có, nhưng Lý thì không, Tướng có, Tánh không, Tánh - Tướng vô ngại, Lý - Sự như một, như vậy mới là thực sự hiểu. Do vậy, càng thực sự hiểu sẽ càng thực sự buông xuống được, càng thực hiện tốt hơn.

Đối với phụ mẫu, tôn trưởng phải chăm sóc hết sức viên mãn chu đáo, vì sao? Nêu tấm gương tốt cho đại chúng xã hội. Đó gọi là “*Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian*”, nêu gương tốt nhất cho thế gian. Ngũ luân, bát đức⁵¹ thấy đều phải làm, dầu một chút cũng chẳng được lơ mơ, lạng quạng; nhưng tâm địa thanh tịnh, quyết định không tiêm nhiễm mảy may, đó là Phật pháp. Phật pháp và thế gian pháp là một pháp, không phải là hai pháp. Quý vị giác ngộ thì Phật pháp là thế gian pháp, thế gian pháp là Phật pháp. Không giác ngộ thì Phật pháp cũng trở thành thế gian pháp. Vì sao? Tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị nhiễm ô, quý vị sanh phiền não, không sanh trí huệ. Phật pháp tại thế gian, sanh trí huệ, không sanh phiền não, khác nhau!

Mặt nào cũng làm hết sức chu đáo, diễn tuồng, đức Phật gọi là “diễn nói”, quý vị phải nêu gương giác ngộ, nêu gương làm Phật, nêu gương làm Bồ Tát. Nếu quý vị vẫn chưa hiểu lời nói này, hãy xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: Năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là chư Phật Như Lai, họ thị hiện các nghề nghiệp, trai, gái,

⁵¹ Ngũ luân: Năm mối quan hệ trong xã hội: Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu. Bát đức: Hiếu, đễ (hòa thuận, yêu thương anh em), trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si (biết hổ thẹn).

già, trẻ. Quý vị tìm vị nào có thân phận, có hạnh nghiệp liên quan đến mình, thấy vị ấy làm như thế nào, nghĩa là thấy vị ấy biểu diễn như thế nào bèn học theo, sẽ giải quyết được vấn đề của chính mình. Ở đây, đại sư vì lũ người mê hoặc điên đảo, lưu luyện thế gian chúng ta vẫn không chịu nghiêm túc nỗ lực học Phật mà giảng ngay cho một gậy vào đầu!

“*Tiện tựu kim triêu thành Phật khứ*” (dầu trở về thành Phật ngay trong ngày hôm nay) “*thành Phật khứ*” (đi thành Phật) chính là vãng sanh. Vãng sanh chính là thành Phật, thật đấy, không giả đâu! Chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, không chết, đang sống mà đi, chứ không phải chết rồi mới đi! Ta còn sống, chưa tắt hơi, sáng suốt, minh mẫn, Phật đến tiếp dẫn, ta theo Phật ra đi! Đó là “đi”, đang còn sống mà theo Phật ra đi, thân thể không cần đến nữa, bỏ đi!

Vì thế, vãng sanh là ra đi trong khi còn sống, chứ không phải chết rồi mới đi. Vì vậy, chúng tôi bảo pháp môn này “không già, không bệnh, không chết”, đó gọi là gì vậy? Là đại sự! Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian, đại sự gì vậy? Chính là đại sự này. Quý vị hãy nghĩ xem: Há còn có sự nào lớn lao hơn chuyện này hay chẳng? Ngài thực sự dạy cho chúng ta cách không già, không bệnh, không chết. Nếu quý vị không chiếu theo phương pháp này mà thực hành thì không còn có cách nào nữa. Đức Phật là thầy, thầy chẳng thể ép buộc học trò, học trò học được thì thành công, nhất định phải nhờ vào ý chí tự phát khởi và tự lực, thầy có giúp cũng không được. Nếu chính quý vị chẳng thể tự động, tự phát, nỗ lực tự cường, quý vị làm sao có thể thành tựu cho được?

Do vậy, ở đây, đại sư giảng: Dầu cho chúng ta vãng sanh ngay trong hiện tại, thì “*Lạc Bang hóa chủ*” – Lạc Bang là thế giới Cực Lạc, “*hóa chủ*” là A Di Đà Phật – A Di Đà Phật vẫn chê quý vị trở về quá chậm, vì sao giờ này quý vị mới đến? A Di Đà Phật ở trong thế giới Cực Lạc đã mười kiếp, sao bây giờ quý vị mới đến? Vãng sanh ngay trong hiện tại, mà A Di Đà Phật còn chê là chậm trễ. “*Na kham cánh dục chi hồ giả*” (há có nên muốn bàn luận xuống nữa ư): Câu này cũng là giảng cho chúng ta một gậy, chẳng được làm những chuyện “*chi hồ giả dã*” nữa! “*Chi hồ giả dã*”⁵² là gì vậy? Chính là đọc kinh, nghiên cứu giáo

⁵² Chi hồ giả dã: Chi, hồ, giả, dã (之乎者也) là bốn hư từ thông dụng trong Hán văn cổ để làm trợ ngữ từ. Do vậy, chúng thường được dùng để ví với những gì hư huyền, không thực tế. Làm chuyện “*chi hồ giả dã*” tức là làm chuyện phù phiếm, không thiết thực. Ở đây, đại sư có ý nói chê trách những kẻ chỉ lo đàm huyền thuyết diệu, không lo tu tập cầu được giải thoát.

pháp, vẫn lưu luyện chôn này, vẫn chưa buông xuống được, vẫn không muốn ra đi ngay lập tức.

Nếu vẫn còn lưu luyện kinh giáo, “*quản thủ luân hồi một liễu thời*” (vẫn giữ lấy luân hồi không lúc nào xong), quý vị vẫn tiếp tục muốn luân hồi trong lục đạo, chẳng thể xong được. Đúng là phải hiểu rõ, phải thông suốt, phải giống như Liên Trì đại sư: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ). Muốn học Tam Tạng mười hai bộ kinh chính là làm chuyện “*chi hồ giả dã*”. Nếu thực sự thấu hiểu sẽ không làm chuyện đó nữa, nhường cho người khác ngộ. “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ tha nhân hành*” (tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho người khác hành). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị thích pháp nào thì hành pháp đó, tôi không hành, tôi đã quay đầu lại rồi.

Vì thế, các đại đức tổ sư đến cuối cùng, một bộ A Di Đà Kinh, một câu Nam-mô A Di Đà Phật bèn thành công, bèn viên mãn. Chúng ta vẫn phải nghiên cứu kinh giáo là vì sao? Vì chưa chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tin tưởng, vẫn chưa chịu chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất buông xuống. Mục đích của kinh giáo là khiến cho quý vị triệt để giác ngộ, hễ giác ngộ rồi thì phải buông hết mọi thứ xuống. Ngộ là thấy thấu suốt, sau khi thấy thấu suốt rồi bèn buông xuống, thâm nhập một môn, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực bèn thành công, không còn luân hồi trong lục đạo nữa. Bài kệ này rất quan trọng, hiện thời có được mấy người giác ngộ quay lại? Mấy người thực sự buông xuống?

A! Bây giờ hết giờ rồi.

Tập 48

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần khai thị trong thời thứ hai:

Nguyên phù biến thập phương thị Cực Lạc thế giới. Sơn quang thủy sắc, tự không hợp không. Tận đại địa thị Thanh Thái cổ hương, hoa tiêu, diểu đề, như kính chiếu kính.

原夫遍十方是極樂世界。山光水色。似空合空。盡大地是清泰故鄉。華笑鳥啼。如鏡照鏡。

(Vốn trọn khắp mười phương là thế giới Cực Lạc. Ánh núi, sắc nước, dường hư không hòa hợp hư không. Khắp cõi đất là quê cũ Thanh

Thái. Hoa cười, chim hót, như gương soi gương).

Trước hết chúng ta xem tiểu đoạn này. “Nguyên phù”, “phù” (夫) là trợ ngữ từ, nói theo cách bây giờ thì “nguyên phù” nghĩa là vốn là, nguyên lai. Vốn là thật, là sự thật, “*biến thập phương*” (trọn khắp mười phương) vô lượng vô biên thế giới đều là thế giới Cực Lạc. Vì sao chỗ chúng ta đây lại trở thành khác hẳn thế giới Cực Lạc? Đạo lý này, chân tướng sự thật này phải hiểu rõ. Thế giới vốn là Nhất Chân, thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới. Vì sao thế giới này biến đổi? Nguyên nhân là do chúng sanh cư trụ trong thế giới này đúng như kinh Đại Thừa đã nói: “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*” (một niệm bất giác bèn có vô minh), bèn dấy lên vô minh. Vô minh là Hoặc, mê hoặc, mê rồi bèn vọng động, tạo nghiệp, khiến cho thế giới vốn là Nhất Chân pháp giới bị bóp méo.

Chúng tôi lại dùng nước làm tỷ dụ để diễn tả: Cả thế giới này giống như nước. Nước vốn là bình tịnh, nó vốn không nhiễm trước. Trong phần sau, đại sư cũng nêu tỷ dụ: “*Như kính chiếu kính*” (như gương rọi gương). Gương vốn không nhiễm trước, tâm địa của hết thảy chúng sanh đều tịch tịnh, trạm tịch linh minh, tướng được hiện chính là thế giới Cực Lạc. Vốn là như thế đó, tiếc thay quý vị mê hoặc, bèn vọng động. Do vọng động nên khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Vì vậy, Nhất Chân, Cực Lạc bèn bị bóp méo.

Mỗi một cá nhân tạo nghiệp mê hoặc khác nhau. Vì vậy, thế giới của mỗi cá nhân khác nhau. Nói thật ra, chẳng thể tìm được hai cá nhân có thế giới giống nhau. Đến lúc nào mới hoàn toàn tương đồng? Khi thành Phật, như thường nói: “*Phật Phật đạo đồng!*” [Thế giới của mỗi vị] Đẳng Giác Bồ Tát đều khác nhau, vẫn còn có sai biệt cực nhỏ nhiệm; đạt đến quả địa Như Lai mới hoàn toàn tương đồng. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều đoạn hết, khôi phục diện mục vốn có, giống như nước trong ao, một mảy nhiễm ô cũng không có, một mảy sóng gợn cũng không có, giống như một tấm gương. Tác dụng của nó là soi rõ ràng, minh bạch những thứ ở bên ngoài. Chỉ cần có chút nhiễm ô, một mảy sóng gợn bèn có sai biệt, huông chi gió to, sóng lớn.

Tâm của bọn phàm phu lục đạo chúng ta là gió to, sóng lớn, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muôn, thất tình, ngũ dục là gió to sóng lớn. Diện mục vốn có (tức Cực Lạc) không thấy được mảy may nào. Bảo quý vị rằng có Cực Lạc, quý vị vẫn chẳng tin. Đối với sự không tin ấy, chúng ta có thể suy tưởng được: Từ trước đến nay, [người ấy] chưa từng

nghe nói đến, từ trước đến nay chưa từng thấy qua, thậm chí nghe người khác nói, [liền tự nhủ]: “Có lẽ là chuyện lý tưởng, sợ rằng không phải là sự thật, lẽ nào có sự thật ấy!” Nói chung không tránh khỏi ngờ vực! Bởi thế, phải hiểu thế giới Cực Lạc vốn tròn khắp mười phương, vô lượng vô biên hết thủy cỗi nước đều là thế giới Cực Lạc. Đạo lý này đến bây giờ chúng ta mới hiểu, mới tin tưởng được chân tướng sự thật này, chúng ta không hoài nghi. Tiếp theo đó là cách nói hình dung.

“*Sơn quang, thủy sắc, tự không hợp không*” (Ánh núi, sắc nước, dường như hư không hòa hợp với hư không): Giống như nước trong hồ đầm, ao chuôm vậy, dáng núi in bóng xuống mặt nước, nước thanh tịnh, nước bình tịnh, không nhiễm ô, không có sóng gợn, giống như một tấm gương, “*tự không hợp không*” (dường như hư không hòa hợp hư không). Nếu như tâm chúng ta thanh tịnh thì như thế nào? Hoàn cảnh bên ngoài sẽ chuyển theo tâm: Tâm thanh tịnh, hoàn cảnh bên ngoài thanh tịnh. Tâm bình đẳng, hoàn cảnh bên ngoài bèn bình đẳng. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của A Di Đà Phật, mà cũng là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Tự tánh của chúng ta vốn là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nay vì sao không thanh tịnh, không bình đẳng, không giác? Chuyện này phải tự trách mình, không thể trách ai khác! Đây là cảnh giới thanh tịnh bình đẳng giác.

“*Tận đại địa thị Thanh Thái cố hương*” (trọn cõi đất là quê cũ Thanh Thái). Thanh Thái chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc còn có tên là Thanh Thái: Thanh tịnh, Thái (泰) là hòa bình an lạc, hoàn toàn tương phản với thế giới này của chúng ta. Thế giới của chúng ta là thế giới ngũ trược ác thế, Tây Phương Cực Lạc là “*ngũ thanh an thái*” (năm điều thanh tịnh, an vui, hòa bình) không trược, chẳng ác. Đủ thấy rằng sự thật này đúng như đức Thế Tôn thường giảng trong kinh Đại Thừa: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thủy các pháp sanh từ tâm tướng). Vì thế, ngày nay chúng ta tu hành là tu cái gì? Trong kinh A Di Đà, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Nhất tâm bất loạn*”, “*tâm không điên đảo*”, hai câu như vậy đó.

Nếu tu đến mức niệm niệm đều là nhất tâm bất loạn thì cảnh giới thủy đều chuyển. Tôi thường nói: Trước nhất là tướng mạo chuyển biến, tiếp đến là thể chất chuyển biến, rồi đến hoàn cảnh cư trụ cũng chuyển biến. Giống như một ngọn đèn, lúc đốt sáng lên, trước hết soi sáng chính mình, mà cũng chiếu tròn khắp mười phương xung quanh quý vị. Độ sáng càng mạnh thì chiếu càng xa. Độ sáng yếu thì chiếu rất gần. Độ sáng yếu hay mạnh là công phu của quý vị cạn hay sâu. Chiếu tan tối

tâm, chiếu tan trước ác, Cực Lạc hiện tiền, Thanh Thái hiện tiền. “*Thanh Thái cố hương*”, chữ “*cố hương*” ý vị rất nồng nàn! Vốn sẵn là như thế, nay mê hoặc đã quá lâu, giống như lữ hành bên ngoài, rời quê cũ quá lâu, quê cũ như thế nào gần như quên mất. Mê luyến trong hoàn cảnh khổ nạn bên ngoài, chẳng biết vốn sẵn là an lạc.

“*Hoa cười, chim hót, như kính chiếu kính*” (Hoa cười, chim hót, như gương soi gương): Hai câu sau cùng này đều là tỷ dụ nhằm hình dung, nghĩa lý rất sâu, chúng ta phải chú tâm thể hội. “*Như gương chiếu gương*”, gương rọi sáng lẫn nhau, cảnh giới được hiện trùng trùng vô tận. Quả thật tỷ dụ này có thể dùng để sánh ví thế giới trùng trùng vô tận được một chút, mây trần chẳng nhiễm, trạm tịch linh minh. “*Hoa cười, chim hót*” nhằm hình dung sự sung sướng. Tiếp theo, thiền sư Trung Phong lại vì chúng ta nói:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Ngũ hồ yên cảnh hữu thù tranh?

自是不歸歸便得。五湖煙景有誰爭。

(*Tự mình không về, chứ về liền được. Cảnh mây khói nơi năm hồ nào ai tranh?*)

Chúng ta mê mất tự tánh, không biết quay đầu. “*Tự thị bất quy*” (chính mình không về) nghĩa là không biết quay đầu! Nếu quý vị quay đầu thì [tự tánh] sẽ hiện tiền. Sao gọi là “*quay đầu*”? Dứt sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là “*quay đầu*”; do vì trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh điển nhà Phật gọi cảnh giới được hiện bởi tự tánh trạm nhiên tịch diệt bằng danh từ Cực Lạc, Hoa Tạng, hoặc là Nhất Chân, đầy đều là tự tánh duy tâm sở hiện, không phải do duy thức sở biến. Thức là gì? Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vừa khởi lên những thứ này thì thế giới liền bị biến đổi ngay lập tức, tùy theo thức tâm của quý vị mà sanh ra những biến hóa, biến thành mười pháp giới. Trong mười pháp giới, quý vị chú tâm quan sát sẽ thấy trong mười pháp giới lại có mười pháp giới, Thiên Thai đại sư gọi là “*bách giới thiên như*”. Nếu lại chú tâm quan sát, sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, đây chính là những chiều không gian khác nhau được phát hiện bởi các nhà khoa học hiện đại.

Những chiều không gian khác nhau là do đâu mà có? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hiện ra. Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thiên Định, hoặc là tam-muội. Để đột phá những chiều không gian khác nhau, quý vị buông xuống nhiều sẽ

đột phá nhiều chiều không gian; buông xuống ít thì đột phá các chiều không gian cũng ít. Người thế gian thường gọi chuyện này là [người tu hành] có thần thông nhiều hay ít khác nhau; thần thông nhiều hay ít là như thế đó: Quý vị buông xuống được nhiều hay ít. Càng buông được nhiều, thần thông càng lớn. A La Hán buông chấp trước (tức Kiến Tư phiền não) xuống, siêu thoát sáu nẻo. Bồ Tát lại tiến xa hơn nữa, buông Trần Sa phiền não xuống, không còn phân biệt; vì thế, các Ngài có thể vượt thoát mười pháp giới. Pháp Thân Bồ Tát lại còn tiến cao hơn nữa, vọng tưởng cũng buông xuống luôn nên trở về Nhất Chân pháp giới, đạt đến địa vị ấy thì gọi là trở về quê cũ Thanh Thái nơi thế giới Cực Lạc.

Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ nhập cảnh giới này. Đây không phải là chuyện dễ, nay chúng ta không có cách gì cả. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước (tức là phiền não tập khí) buông xuống không được, chỉ có cách nhờ vào A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta, tiếp dẫn chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy sẽ dần dần buông xuống được. Qua kinh điển Tịnh Tông, đức Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Phàm phu nghiệp chướng, tập khí sâu nặng, trừ một môn này ra, các pháp môn khác đều hay, tuy pháp môn bình đẳng không cao - thấp, nhưng hết thấy chúng sanh căn tánh không bình đẳng, mê - ngộ không bình đẳng, nghiệp chướng không bình đẳng, cho nên phải chọn lấy một pháp môn khế cơ thì mới có thể thọ dụng được. Pháp môn Niệm Phật Trì Danh của Tịnh Tông thích hợp nhất đối với căn cơ của mọi chúng sanh. Chỉ cần quý vị có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) thì quý vị sẽ thành công. Do vậy, quý vị phải nghĩ đến chuyện quay đầu, quay đầu là được, “*quy tiện đắc*” (về được liền).

“*Ngũ hồ yên cảnh*” (cảnh sắc năm hồ phủ trong mây khói) chính là tỷ dụ. Trước kia giao thông bất tiện, địa cầu bị núi sông cách trở. Mỗi một khu vực khá cô lập, đây kia chẳng qua lại với nhau. Mọi người thường gọi chung những khu vực của Trung Quốc là “*ngũ hồ tứ hải*”. Nói “*ngũ hồ tứ hải*” cũng như nói đến toàn bộ Trung Quốc. Tứ hải chính là bốn biển Bột Hải, Hoàng Hải, Đông Hải, Nam Hải⁵³ ở phía Đông Trung Quốc. Trong nội địa có Động Đình Hồ, Bà Dương Hồ, Sào

⁵³ Bột Hải là một phần của Thái Bình Dương, nằm giữa bán đảo Liêu Đông và bán đảo Sơn Đông. Đôi khi Bột Hải còn được gọi là vịnh Trục Lệ hay Thương Hải (biển xanh, không phải Thương Hải. Thương Hải là một thành phố).

Hồ, Thái Hồ, Hồng Trạch Hồ⁵⁴ đều ở hai bên bờ Trường Giang, phong cảnh hết sức đẹp. Hiện tại rất nhiều khách du lịch đến Trung Quốc ngoạn cảnh, đại khái những nơi ấy đều thuộc khu vực du lịch trọng điểm. Phong cảnh những nơi đó mặc tình nhìn ngắm, thưởng thức, chẳng có ai tranh, nên thiên sư dùng những cảnh ấy để tỷ dụ người Tây Phương Cực Lạc thế giới tiêu dao tự tại. Giữa người với người không có tranh chấp, không có chiếm hữu; do vậy không có được mất, chẳng giống như thế gian chúng ta lo được, lo mất!

Nói thật ra, toàn bộ thiên nhiên vốn không có giới tuyến; nơi hoàn cảnh cư trụ của chúng hiện nay đã biến thành [tình trạng] như thế này: Đất đai nhà của quý vị có giới tuyến phân định nhà mình với nhà hàng xóm. Chúng tôi đọc cuốn Âm Thanh Hoang Dã, thấy những thổ dân châu Úc nghĩ bọn người chúng ta (họ gọi chúng ta là “hạng người biến giống”) không phải là người nguyên gốc. Người nguyên gốc không có những quan niệm giới hạn như vậy. Nếu nay vạch ra một khoảnh đất rồi cho là của mình, không cho người khác xâm phạm, quả thật đúng là biến giống, bởi nguyên khởi vốn không hề có chuyện như vậy. Nguyên lai, bất luận cuộc sống tinh thần hay cuộc sống vật chất đều hợp thành một với thiên nhiên. Tối thiểu là chúng ta sống trên quả địa cầu này, toàn bộ địa cầu chính là không gian hoạt động của ta, không câu thúc, không có mảy may chướng ngại nào. Con người hiện tại bày ra chướng ngại khắp nơi, tự mình hạn chế mình, đây là do con người làm ra, chứ tự nhiên không như thế.

Như vậy, chúng ta thấy thiên sư bảo “*hoa cười, chim hát*” nhằm

Hoàng Hải là vùng biển phía Bắc của Trung Hoa tức một phần của Thái Bình Dương nằm giữa Trung Hoa và Đại Hàn, bao gồm cả Bột Hải và vịnh Đại Hàn. Người Đại Hàn thường gọi Hoàng Hải là Tây Hải. Sở dĩ có tên là Hoàng Hải vì bão cát từ sa mạc Gobi tuôn xuống cũng như do phù sa từ Hoàng Hà khiến nước biển có sắc vàng. Đông Hải là vùng biển Thái Bình Dương kể từ cửa sông Trường Giang cho đến eo biển Đài Loan.

Nam Hải là vùng biển kể từ phía Nam Đài Loan cho đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, ta thường gọi vùng biển này là biển Đông.

⁵⁴ Thông thường, các tự điển kê tên Ngũ Hồ là Động Đình, Bà Dương, Thái Hồ, Thanh Hải, và Hồng Trạch (liệt kê như vậy chỉ là tính theo kích thước, ở đây, Hòa Thượng chỉ kể những hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Hoa. Thanh Hải thường được coi là biển nội địa hơn là Hồ). Sào Hồ thuộc tỉnh An Huy, thuộc địa bàn của hai địa khu Bao Hà và Cư Sào và ba huyện (Phi Đông, Phi Tây, Hồ Giang). Theo truyền thuyết, Sào Hồ là nơi quê hương của Hữu Sào Thị (một thị tộc cổ của Trung Hoa đã phát kiến ra cách kết các cành cây làm tổ để ở, rồi dần dần phát triển thành nhà sàn).

hình dung cuộc sống tự nhiên, cuộc sống không trói buộc, tuyệt đối không nói đến chuyện chiếm hữu, đối lập, những ý niệm ấy đều không có, không có những quan niệm ấy. Niệm niệm tương ứng cùng Pháp Tánh, niệm niệm tương ứng cùng thiên nhiên. Câu này hình dung chúng ta trở về với đại tự nhiên, trở về thế giới Cực Lạc chính là về với đại tự nhiên, ở đây thiền sư Trung Phong khuyên dạy chúng ta như thế. Tiếp theo là:

Hoàng kim tý trú dạ thường thùy.

黃金臂晝夜常垂。

(Tay vàng ròng đêm ngày thường rủ).

Đây chính là A Di Đà Phật xòe tay tiếp dẫn, từ trước đến nay, ngày đêm không gián đoạn, hy vọng chúng ta quay đầu.

Duy hứa hành nhân độc ủy.

惟許行人獨委。

(Chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ).

Ủy (委) là gởi thân, quy mạng. Trong câu “*duy hứa hành nhân*” thì “*hành nhân*” cũng mang ý nghĩa kép:

1) Hành nhân là người tu hành nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy.

2) Ngoài ra, “*hành nhân*” còn có nghĩa là người đang lữ hành bên ngoài, xa rời quê nhà. Ở bên ngoài đã lâu lắm rồi, quên mất cả quê nhà.

Câu nói mang hai nghĩa như vậy. Nếu chúng ta giác ngộ, thực sự quay đầu, nói thông tục là hết thấy đều gởi gắm A Di Đà Phật chiếu cố. A Di Đà Phật thực sự chiếu cố quý vị, không giả chút nào hết! Vấn đề là quý vị có thực sự chịu ủy thác cho Ngài hay không? Nếu thực sự ủy thác, Phật sẽ thực sự chiếu cố quý vị.

Bạch ngọc hào cổ kim bất muội.

白玉毫古今不昧。

(Bạch ngọc hào quang xưa nay chẳng tối).

“*Bạch ngọc hào*” chính là A Di Đà Phật phóng quang từ tướng Bạch Hào, Phật quang chiếu đến quý vị. Trong nhà Phật chúng ta gọi là

Phật quang, nay người Tây Phương gọi là “tử trường”. Tử trường của A Di Đà Phật đặc biệt mạnh mẽ, đúng là vượt trội các đức Phật khác. Tử trường của Ngài trọn khắp pháp giới, hư không giới, trọn khắp hết thảy những chiều không gian bất đồng. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy là trọn khắp trùng trùng vô tận thế giới, vì sao? Vì A Di Đà Phật biểu thị tánh đức rốt ráo viên mãn, trọn khắp pháp giới hư không giới, trọn khắp trùng trùng vô tận thế giới, pháp vốn là như thế, vốn sẵn là như vậy. Hiện tại:

Toàn bạ̉ng nguyện giả thừa đượng.

全憑願者承當。

(Hoàn toàn nhờ vào tín - hạnh - nguyện gánh vác).

“Thừa đượng” là trực tiếp gánh vác. Chúng ta đượ̣c Phật quang soi chiếu lợi ích, thường gọi là công đức. Thế nào là “nguyện giả”? Có Tín, có Hạnh, có Nguyện. So với câu “*duy hứa hành nhân đợ̣c ủy*” (chỉ đợ̣i mình hành nhân nương nhờ) ở trên thì câu này lại sâu hơn một tầng nữa. “*Chỉ đợ̣i mình hành nhân nương nhờ*” là có Tín, có Nguyện, nhưng không thấy có Hạnh. Ở đây, “*nguyện giả thừa đượng*” là đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh.

Sở dĩ đạ̣o: Vạn pháp thị tâm quang, chư duyên duy tánh hiểu, bản vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu.

所以道。萬法是心光。諸緣惟性曉。本無迷悟人。只要今日了。

(Vì thế mới nói: Muôn pháp là tâm quang, các duyên chỉ do tánh chiếu rạng, vốn không có kẻ mê, người ngộ, chỉ cần ngày hôm nay liễu giải).

Bốn câu này nói rất hay. “*Vạn pháp*” bao gồm hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh, chúng là gì vậy? Đúng là chân tâm, là những ánh sáng, cảnh sắc do tự tánh rung động (ba động, dao động, fluctuations). Các nhà khoa học hiện tại cũng nói như thế. Các nhà khoa học công nhận trong vũ trụ vật chất không tồn tại, vật chất là gì? Là những tướng hiện ra bởi những rung động, cách nói như vậy dần dần tương ứng với Đại Thừa giáo. Vì vậy, khoa học tiến bộ giúp cho Phật giáo rất nhiều. Chúng ta đọc kinh Phật, lại nghe những điều khoa học

nói, tín tâm kiên định, nghi hoặc đều đoạn sạch. Hết thấy vạn pháp trong vũ trụ quả thật là những tướng được hiện do những rung động từ tâm quang.

“*Chư duyên duy tánh liễu*” (Các duyên chỉ do tánh tỏ rạng): Tánh là chân tánh, các duyên là hết thấy vạn pháp, vạn sự, vạn pháp. Vạn pháp và “*các duyên*” ở đây có cùng ý nghĩa. Pháp do đâu mà có? Pháp là duyên sanh. Duyên là gì? Là huyền giác do tập khí nhiễm ô nơi chân tánh, là Thức. Nếu dùng “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” để giải thích bốn câu của thiền sư Trung Phong sẽ dễ dàng hiểu rõ. “*Vạn pháp thị tâm quang*” (Vạn pháp là tâm quang) nghĩa là duy tâm sở hiện; “*chư duyên duy tánh liễu*” (các duyên chỉ do tánh tỏ rạng) là duy thức sở biến.

“*Bốn vô mê ngộ nhân*” (vốn không có người mê hay kẻ ngộ). Con người quả thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là gì? Là nhận biết sai lầm. Con người là vật chất, quả thật không mê hay ngộ. Phật tánh không có mê hay ngộ, Pháp Tánh không có mê hay ngộ. Mê - ngộ là duyên, đến phần khai thị trong đoạn sau, thiền sư Trung Phong sẽ giảng thật rõ. Ngài giảng tâm có nhiều thứ, mê - ngộ là gì? Mê - ngộ là Duyên Lự tâm, là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, ở trong những thứ ấy có thể nói đến mê, nhắc đến ngộ, chứ trong tự tánh không có mê hay ngộ, trong Pháp Tánh không có mê hay ngộ, trong pháp giới không có mê hay ngộ.

Vì thế, “*chỉ yếu kim nhật liễu*” (chỉ cần ngày nay liễu giải), ngày hôm nay đột nhiên giác ngộ, vấn đề bèn được giải quyết. Nói trên mặt lý luận, phạm phu thành Phật chỉ trong một niệm, lẽ đâu phải mất cả một ngày để giác ngộ? Nào phải mất cả ngày để quay đầu? Hy vọng quý vị hiện tại giác ngộ, hiện tại quay đầu, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống chính là quay đầu. Chúng tôi thường khuyên khích các đồng học, phải chú trọng buông tự tư, tự lợi xuống, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, phải buông sự hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống. Từ vô thi kiếp đến nay, những thứ này đã hại chúng ta phải đời đời kiếp luân hồi trong lục đạo, đau khổ đã nếm đủ quá rồi, hãy nên giác ngộ, hãy nên quay đầu lại, hãy nên buông xuống. Buông xuống chính là quay đầu về với bản lai diện mục của chúng ta, thế giới Cực Lạc, quê cũ Thanh Thái. Hãy xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Tức kim hiện tiền chúng đẳng, hệ niệm đệ nhị thời Phật sự.
即今現前眾等。繫念第二時佛事。

(Vây nay đại chúng hiện tiền, Phật sự Hệ Niệm thời thứ hai).

Vốn là có ba thời hệ niệm, đây là thời thứ hai. Đại chúng hiện đang ở trong thời thứ hai.

Thả liễu chi nhất cú, như hà cử dương?

且了之一句。如何舉揚。

(Vây thì liễu giải rồi, một câu phải diễn nói như thế nào đây?)

“Liễu chi” (liễu giải rồi) do đâu mà có? Từ phần khai thị trên đã nói: “Bổn vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu” (Vốn không có người mê hay kẻ ngộ, chỉ cần ngày nay liễu giải). Hiện tiền đại chúng chúng ta, mau đã liễu giải một câu rồi thì phải diễn nói như thế nào đây? Ở đây, đại sư lại y như cũ, trao cho chúng ta thiền ý. Chúng ta có tham thấu mới hồng thụ dụng. Tham không thấu cũng không sao, cứ chất phác niệm Phật cũng được. Ngài nói hai câu:

Lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt,

Hạm đạm hoa gian hý thủy cầm.

琉璃池上懸明月。

菡萏華間戲水禽。

(Ao lưu ly trắng sáng vắt ngang,

Quanh sen búp, thủy cầm đùa bỡn).

Đây là nói hiện tiền đại chúng chúng ta nên liễu giải như thế nào. Câu thứ nhất giảng về minh tâm kiến tánh, tâm tánh vốn sẵn sáng suốt, nay như thế nào? Nay không trong sáng, vì sao không sáng? Vì có những thứ đã nói trên đây chướng ngại, những thứ gì vậy? Phiền não tập khí, Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, hai thứ chướng ấy ngăn lấp tánh. Tâm tánh vốn là “lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt” (vàng trắng sáng treo ngang ao lưu ly); nay ao lưu ly biến thành nước đục, không thấy được vàng trắng sáng nữa.

Làm thế nào để khôi phục tự tánh của chính mình? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Tổ sư đại đức dạy cho hàng sơ học phương pháp rất tốt, nhưng tự chúng ta quá lơ đãng, không nghe hiểu, không biết y giáo phụng hành. Các Ngài dạy chúng ta phương pháp: Trong cuộc sống thường ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chớ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, phải tùy thuận giáo

huân của Phật, Bồ Tát, phải tùy thuận tánh đức. Nếu thực sự làm được như thế, nghiêm túc làm, đêm ngày đều không rời thì nói chung là từ ba đến năm năm bèn có hiệu quả hết sức tốt đẹp. Hiệu quả thù thắng nhất có thể là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; kém hơn thì tuy chưa thể triệt ngộ, nhưng khẳng định là có đại ngộ. Trong vòng ba đến năm năm, thời thời khắc khắc có tiểu ngộ, tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành triệt ngộ; vấn đề là phải nghiêm túc tu tập, phải khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Câu tiếp theo nói đến du hý thần thông.

“*Hạ đạm hoa gian hý thủy cầm*” (loài thủy cầm đùa giỡn giữa các búp sen). “*Hạ đạm*” là [búp] hoa sen, hoa sen trong ao, loài thủy cầm⁵⁵ cũng ở trong ao hoa sen, rất tự tại, rất tiêu dao. Câu này là hình dung nhằm làm cho quý vị đối với cảnh giới ấy phải chú tâm lãnh hội. Lãnh hội không được thì cứ niệm Phật, chuyên tu pháp môn Trì Danh này. Tiếp đó là bài kệ tán Phật, chúng ta đọc qua một lượt là được rồi, trước kia đã giảng rồi:

20. Kệ Tán Phật

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đấng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà*

Phật.

阿彌陀佛身金色。
相好光明無等倫。
白毫宛轉五須彌。
紺目澄清四大海。
光中化佛無數億。
化菩薩眾亦無邊。

⁵⁵ Thủy cầm: Những loài chim sống dưới nước như le le, ngỗng, vịt, uyên ương...

四十八願度眾生。
九品咸令登彼岸。
南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Đoạn văn này hết sức quan trọng, là trung tâm của pháp sự Hệ Niệm. Tất cả những chuyện niệm kinh, niệm chú, khai thị đều là trợ duyên, trung tâm của pháp sự này là niệm Phật. Vì thế, ở đây thiền sư dặn dò chúng ta: Phật hiệu niệm càng nhiều càng tốt. Thông thường, đơn giản nhất là niệm một trăm tiếng, nếu thực sự niệm thì nên niệm một ngàn tiếng, trong tâm quý vị mới định lại được, mới hòng thọ dụng. Một trăm tiếng là mới hơi định thôi, sau đấy không còn định nữa, rất khó có hiệu quả. Tiếp đến là tán Phật:

21. Di Đà Đại Nguyện Tán

*Đệ nhất đại nguyện,
Quán tưởng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,
Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.
Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.*

第一大願。
觀想彌陀。
四十八願度娑婆。
九品湧金波。
寶網交羅。
度亡靈出愛河。
南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Đoạn này bảo chúng ta tu hành, chúng ta là hạng căn tánh như vậy thì phải tu hành như thế mới thực sự đạt được lợi ích.

22. Khai Thị

Dưới đây lại là phần khai thị lần thứ hai, mở đầu cũng là bốn câu kệ:

***Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong,
Tán thủ quy lai trùng kiểm điểm,
Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.***

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

撒手歸來重檢點。

華開赤白與青黃。

*(Tâm này là Phật đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không,
Thông tay quay về kiểm điểm lại,
Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).*

“Thị tâm thị Phật” (tâm này là Phật), trong phần trên đã nói qua, “tương tâm niệm” (hãy đem tâm niệm) là đúng quá rồi! “Đem tâm niệm” chính là “tâm này làm Phật”, hoàn toàn tương đồng, hoàn toàn ứng với lời đức Thế Tôn đã giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Quán kinh dạy: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Làm Phật như thế nào? Niệm Phật chính là làm Phật, cái tâm của quý vị vốn là Phật, nay lại niệm Phật, sao không thành Phật cho được!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài kệ trong phần khai thị lần thứ hai:

***Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong.***

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

*(Tâm này là Phật, đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không).*

Đây là nói đến lúc công phu thành thực, tam-muội hiện tiền, bầu trời tâm tánh hoàn toàn hiện bày. Trong pháp môn Niệm Phật, cảnh giới này được gọi là nhất tâm bất loạn, cùng một cảnh giới “đại triệt, đại ngộ, minh tâm, kiến tánh” của Thiền tông. Cũng có thể nói là: Đã đoạn phân biệt, chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian không phân biệt, không chấp trước, vọng tưởng cũng phá được một phần, tối thiểu là phá được một phẩm [vô minh], vượt thoát mười pháp giới. Lúc ấy sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới, pháp Đại Thừa gọi [người như vậy] là Pháp Thân Bồ Tát hay Pháp Thân đại sĩ. Hai câu kệ tiếp theo nói đến cảnh giới của bậc Pháp Thân đại sĩ. Nếu chúng ta dùng nhân quả để luận thì hai câu kệ ấy nói lên quả báo của bậc Pháp Thân Bồ Tát. Chúng ta hãy xét quả báo của các Ngài:

Tán thủ quy lai, trùng kiểm điểm.

撒手歸來重檢點。

(Thông tay quay về kiểm điểm lại).

“*Tán thủ*” (thông tay) là buông xuống, thân tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống. “*Quy lai*” (quay về) là hồi quy Tự Tánh, như Lục Tổ đại sư đã nói trong Đàn Kinh: “*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (vốn không có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần). Chỗ nào nhuốm bụi trần là câu trả lời của Ngài dành cho thiền sư Thần Tú, quan trọng nhất là “*vốn không có một vật*”. Tất cả hết thảy hiện tượng là “duy tâm sở hiện”, trong ấy không có Thức biến. Nói theo cách của chúng ta [thường nói] thì là hoàn toàn tự nhiên, trong ấy không có mảy may nào do sức người tạo tác, hoàn toàn thuộc về đại tự nhiên.

Hoa khai xích bạch dĩ thanh hoàng.

華開赤白與青黃。

(Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).

Pháp vốn là như vậy, là cảnh sắc sẵn có trong tự nhiên. Ngài Trung Phong dùng hoa sen bốn màu trong ao bảy báu để mượn chuyện này diễn tả chuyện kia, vẽ mây để gọi trăng⁵⁶, khiến cho chúng ta từ đây

⁵⁶ Nguyên văn “*hồng vân thác nguyệt*”. Đây là một cách dùng những sự kiện liên hệ để gợi ý đến sự vật ta muốn diễn tả. Từ này có ý nghĩa gốc là cách vẽ trăng trong hội họa truyền thống Trung Hoa. Để vẽ mặt trăng họ vẽ mây vờn quanh một vòng tròn

hiều được cuộc sống của bậc Pháp Thân Bồ Tát: Tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận tự nhiên, trong ấy chẳng thêm vào mảy may ý tưởng nào, đây mới là trọn vẹn. Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy sống ở đâu? Ở đâu cũng được, trọn chẳng chướng ngại gì. Trong thế gian của chúng ta đây có Pháp Thân Bồ Tát hay chẳng? Có! Khẳng định là có. Chư Phật Như Lai và các Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này của chúng ta, mang thân phận bất định, chúng ta thực sự không thể biết được.

Trong kinh, đức Phật dạy: Những người ứng hóa trong thế gian, trai, gái, già, trẻ, đủ mọi ngành nghề, nên dùng thân phận nào để độ bèn hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc [năm mươi ba vị thiện tri thức trong] năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, không hiện thân nhất định nào, chúng ta nhìn không ra. Họ đúng là niệm niệm hạnh hạnh đều tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với pháp giới. Câu thứ nhất nói về Lý, câu thứ hai nói về công phu, câu ba và câu bốn luận về cảnh giới. Chư Phật, Bồ Tát, và thiền sư Trung Phong đều hy vọng chúng ta có thể niệm Phật có được một chút thành tựu, mà cũng có thể nhập vào cảnh giới này. Hãy xem phần khai thị tiếp theo:

Giáo trung đạo:

教中道。

(Trong giáo pháp đã dạy).

Đức Thế Tôn trong khi dạy dỗ đã có nói mấy câu như sau:

Duy tâm Phật diệt nhĩ, duy Phật chúng sanh nhiên. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt.

惟心佛亦爾。惟佛眾生然。心佛及眾生。是三無差別

(Luận về tâm, Phật cũng thế; luận về Phật, chúng sanh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt).

Bài kệ đầu tiên rất quan trọng, giảng: Tâm, Phật và chúng sanh là một nhưng mà ba, tuy ba nhưng là một. Chúng ta thường thấy cô đại đức

hay một nửa vòng tròn. Cách vẽ ấy gọi là “*hồng vân thác nguyệt*” (đòn mây để gợi ý liên tưởng đến trăng). Tương tự, Trung Phong đại sư dùng hoa sen bốn màu để người nghe liên tưởng đến cõi Cực Lạc là liên hoa hóa thân rồi nghĩ tới hoàn cảnh sống ưu nhã trong thế giới Cực Lạc.

dẫn dụng “*tâm, Phật, chúng sanh, ba điều này không sai biệt*”, nguyên văn giống như ở đây. Tâm là Thể. “*Duy tâm Phật diệt nhĩ*”: Tâm là Thể, Phật là giác tướng. Quý vị đối với tâm bèn giác chứ không mê thì gọi là Phật. “*Duy Phật chúng sanh nhiên*”: Chúng sanh mê nơi tướng, Phật là giác, quý vị mê chứ không giác, nên gọi là chúng sanh. Chứ trên thực tế, “*tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt). Vì sao? Cái Thể của giác hay mê trọn chẳng thể được, giác hay mê là từ duyên sanh. Phàm những pháp nào là duyên sanh thì đều không có Tự Thể, duyên sanh vô tánh. Tánh ấy chính là Tự Thể.

Vì thế, mê thì gọi là vọng, chẳng gọi là chân. Chân là như thế nào? Chân phải có Thể, có Tự Thể. Không có Tự Thể thì là vọng, hư vọng, không phải là chân thật. Vì thế, trong kinh Kim Cang giảng về thể giới như sau: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Kinh lại còn giảng minh bạch: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vì sao? Duyên sanh mà! Kinh Đại Thừa thường nói: “*Duyên khởi tánh Không*”, tánh Không là chẳng có tự tánh, cho nên không sai biệt, là một. Chỉ là mê hay ngộ sai khác, ngoại trừ mê hay ngộ ra, về căn bản không có sai biệt. Ở đây quan trọng nhất là tâm, “*nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ*” (nếu ai biết được tâm, đại địa không tác đất). Tâm là gì? Tâm rất quan trọng. Dưới đây, thiền sư Trung Phong khai thị cho chúng ta:

Sở vị tâm giả, tâm hữu đa chủng, viết: Nhục đoàn tâm, nãi hiện tại thân trung, phụ mẫu huyết khí sở sanh giả thị.

所謂心者。心有多種。曰肉團心。乃現在身中。父母血氣所生者是。

(Nói đến tâm thì tâm có nhiều thứ, như: Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) [tức quả tim] hiện đang ở trong cái thân do huyết khí cha mẹ sanh ra chính là cái tâm ấy).

Đây là cái tâm như mọi người chúng ta thường nói. Cái tâm mà chúng ta thường nhắc đến là gì vậy? Chính là một khí quan (cơ quan) trong thân thể chúng ta tức tâm tạng (tim). Quý vị thấy người thế gian nói đến tâm thường vỗ ngực: Tâm ta đây! Cái tâm ấy không có công dụng chi cả! Phật pháp nói đến tâm thì cái tâm ấy phải linh minh giác tri. Loại thứ hai là:

Viết Duyên Lự Tâm, tức hiện kim thiện ác thuận nghịch cảnh giới thượng chủng chủng phân biệt giả thị.

曰緣慮心。即現今善惡順逆境界上種種分別者是。

(Hoặc Duyên Lự Tâm, tức cái tâm nay đang phân biệt mọi thứ cảnh giới thiện - ác, thuận - nghịch vậy).

Chúng ta chú tâm quan sát phàm phu trong thế gian, ai chẳng nghĩ thân mình chính là Ngã? Ấy là mê rất nặng, đúng là phàm phu. Hạng người thông minh bậc nhất biết thân không phải là Ngã. Triết học gia Tây phương bảo: “Tôi tư duy nên tôi tồn tại”⁵⁷. Ngã là gì? Ngã là cái có thể suy nghĩ, có thể tưởng tượng, có thể phân biệt đúng - sai, thiện - ác, cho đó là Ngã, cho đó là tâm ta. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan cũng cho đó là tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức cao minh, hỏi vặn: “Ông nói ông có cái tâm, không cần biết là chân tâm hay vọng tâm, cái tâm ấy ở chỗ nào?” Ngài A Nan cũng thật thông minh, nói ra bảy chỗ. Chúng ta không thể tìm ra bảy chỗ, Ngài tìm được bảy chỗ, Ngài cao minh hơn chúng ta nhiều lắm! Bảy chỗ ấy đều bị đức Thế Tôn bác hết!

Nói thật ra, những cái tâm mà ngài A Nan đã nói đều là Duyên Lự Tâm. Duyên Lự Tâm là vọng tâm, tức là tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Duyên Lự Tâm, nói thật ra, cũng tìm không được. Nó ở chỗ nào? Giống hết chân tâm, chân tâm bị mê thì gọi là Duyên Lự Tâm. Giác ngộ thì gọi là Linh Tri Tâm. Linh Tri Tâm là Phật, Duyên Lự Tâm là phàm phu, là chúng sanh. Chúng sanh và Phật sai khác ở chỗ này: Một đẳng giác, một đẳng mê. Tác dụng của mê cũng rất lớn, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thấy mê rồi sẽ biến thành gì? Biến thành mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do mê biến hiện. Hoàn toàn mê rồi, không giác ngộ, sẽ biến thành lục đạo. Trong mê bắt đầu giác ngộ bèn thành bốn thánh pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. [Nói tới] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật thì Phật ấy chính là Phật trong mười pháp giới. Thiên Thai đại sư gọi [địa vị trong mười pháp giới ấy] là Tương Tự Tức Phật, vẫn chưa phải thực sự là Phật, chỉ gần giống Phật. Chúng ta chẳng thể không biết điều này.

⁵⁷ Đây là một câu nói nổi tiếng của René Descartes: “*Je pense donc je suis*”. Đây là cách nói rút gọn của nguyên văn câu nói bằng tiếng Latin của Descartes: “*Dubito ergo cogito ergo sum*” (Tôi nghi ngờ, như vậy là tôi suy nghĩ, do đó, tôi tồn tại). René Descartes (1596-1650) là một nhà triết học Pháp, nhưng sống phần lớn tại Hà Lan và mất tại Stockholm, Thụy Điển. Quan điểm triết học của ông ta thường gọi là Rationalism (Duy Lý).

Tâm không có xứ sở, quý vị nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, nói ở chỗ nào cũng chẳng thể thành lập. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất nhiều, nói thật ra cũng chẳng dễ hiểu gì. Chúng tôi dùng tỷ dụ để diễn tả: Hiện thời mọi người đối với cái màn huỳnh quang, bất luận là màn hình của máy computer hay là màn hình TV [rất quen thuộc], tâm là gì? Tâm chính là màn hình. Nó có thể hiện, có thể biến (năng hiện năng biến), còn những cái được biến, (sở hiện sở biến) được hiện là những sắc tướng. Quý vị hãy nghĩ thử xem: Những sắc tướng ấy có sắc tướng nào rời khỏi cái màn huỳnh quang hay không? Màn huỳnh quang chính là cái tâm có thể hiện, có thể biến, không thể tách rời được! Vì thế, quý vị chẳng thể nói là nó ở bên trong, cũng chẳng thể nói là ở bên ngoài, vì sao? Không chỗ nào chẳng tồn tại. Vì thế, nếu quý vị hiểu được, triệt để thấu hiểu thì quý vị nói là bên trong, hay nói là bên ngoài, nói sao cũng đúng, đều không sai. Còn nếu quý vị không biết thì suy lường ở đâu cũng trật, suy xét như thế nào cũng đều sai.

Bởi vậy, đối với người giác ngộ, chỗ nào cũng đúng, còn người chưa giác ngộ, chỗ nào cũng trật, đều là hiện tượng được sanh ra. Phật khác với Bồ Tát ở chỗ này. Đối với hết thảy chân tướng sự thật này: Cái có thể hiện có thể biến và những cái được hiện được biến, Phật đều hiểu rõ ràng thấu suốt, không mê hoặc chút xíu nào. Phàm phu chúng ta đối với cái có thể hiện có thể biến và cái được hiện được biến hoàn toàn không biết. Đây chính là chỗ sai khác giữa mê và ngộ. Nơi tướng được hiện không có sai biệt! Giống như chúng ta nhìn vào những sắc tướng hiện ra nơi màn huỳnh quang, ảnh tượng được hiện không có sai biệt, nhưng lúc mỗi một cá nhân chúng ta nhìn vào mỗi người sẽ cảm nhận sai khác.

Trưa hôm qua, dùng cơm xong, cư sĩ Chung Mậu Sâm lại yêu cầu tôi giảng mấy câu. Nói thật ra, tôi đã từng giảng quá nhiều rồi, mỗi ngày giảng bốn giờ. Ông ta yêu cầu ba lượt, tôi chẳng thể không giảng mấy câu, quý vị thấy tôi nói mấy câu, ông ta cảm động ứa nước mắt, mọi người đều trông thấy. Bao nhiêu người cùng nghe tôi nói những lời ấy, có người nghe xong không cảm thấy gì hết, có người nghe xong cảm động ứa nước mắt. Mỗi một người nghe thấy cảm xúc khác nhau, là vì nguyên nhân gì vậy? Mê hay ngộ khác nhau. Có người mê quá sâu, có người mê rất cạn, có người ngộ rất sâu, có người ngộ rất cạn. Vì thế, sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, mỗi người cảm nhận hoàn toàn khác nhau.

Trong phần trên, thiền sư Trung Phong đã nói một bài kệ, chính là

niệm Phật đến nơi đến chốn, niệm Phật đạt đến cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta đọc bài kệ ấy, chẳng biết Ngài nói gì! Vì sao? Chẳng phải là cảnh giới của chúng ta! Nếu chúng ta niệm Phật có công phu khá khá, gần với cảnh giới của Ngài, sẽ có cảm thọ khác hẳn. Như vậy, đây là Duyên Lự Tâm, đây là vọng tâm, chỉ do Thức biến. Tiếp theo đó, Ngài lại giảng:

Viết Linh Tri Tâm.

曰靈知心。

(Là Linh Tri Tâm).

Linh Tri Tâm là chân tâm. Chân tâm có thể hiện, cái được chân tâm hiện chính là Nhất Chân pháp giới, thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng. Ấy chính là “*phong cảnh sẵn có chẳng bị biến dạng mây may*”, chẳng bị biến đổi tí ti nào, cảnh sắc sẵn có tốt đẹp đến cùng cực. Vì sao biến thành mười pháp giới? Vì sao biến thành Sa Bà, ngũ trược ác thế? Đó là do Duyên Lự Tâm biến. Trong Duyên Lự Tâm có thiện - ác, có thuận - nghịch.

Nếu Duyên Lự Tâm (vọng tâm) của chúng ta chỉ có thiện, không có ác, chỉ tùy thuận Pháp Tánh, tuyệt đối chẳng trái nghịch Pháp Tánh thì cảnh giới được hiện sẽ là cảnh giới nào? Là cảnh giới nhân thiên, chẳng phải là Dục Giới thiên, mà là Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, tứ thánh pháp giới, hiện ra những cảnh giới ấy. Nếu thiện ác xen tạp, trong thuận có nghịch, trong nghịch có thuận, chẳng thuận tụy thuận mà cũng chẳng hoàn toàn nghịch thì là cảnh giới phàm phu. Nếu như ác nhiều thiện ít, nghịch nhiều thiện ít (thuận là tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát), quý vị không chịu tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, mà tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, ác nhiều, thiện ít, sẽ hiện ra cảnh giới nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cảnh giới tam đồ!

Như vậy, quý vị phải hiểu: Tam đồ lục đạo đều do Duyên Lự Tâm biến hiện, thế nhưng tướng được hiện là do Linh Tri Tâm biến hiện. Duyên Lự Tâm bóp méo những tướng được hiện ấy, biến hoại những tướng ấy. Vì thế, quý vị đừng nên dùng Duyên Lự Tâm nữa! Ai có thể không dùng tâm này? Chư Phật Như Lai không dùng tâm này, Pháp Thân Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm này. Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám Thức thành bốn Trí, không dùng tâm này nữa. Do đó, họ trở về với bản lai diện mục, cái thiện vốn sẵn có sẽ hiện tiền. Nho gia nói “*nhân chi sơ,*

tánh bốn thiện” (con người thoát đầu tánh vốn lành), bốn thiện sẽ hiện tiền. Bốn thiện là gì vậy? Bốn thiện là Nhất Chân pháp giới, bốn thiện là thể giới Cực Lạc, bốn thiện là thể giới Hoa Tạng.

Linh Tri Tâm là công năng của chân tâm, là năng lực sẵn có của nó, nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không phải có, chẳng phải không. Nó ở đâu? Trọn khắp pháp giới, hư không giới, ngay cả hư không cũng do nó sanh ra, đều là duy tâm sở hiện, do tâm Linh Tri hiện. Bởi vậy, Thể của hết thảy vạn sự vạn vật (có thể hiện, có thể sanh) là Linh Tri Tâm. Những vật được hiện bởi nó quyết định chẳng mất tánh năng, chẳng bị mất đi. Cổ nhân nêu tỷ dụ: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng). Chúng ta lấy vàng ròng làm đồ vật, nếu nay quý vị đến viếng những tiệm bán châu báu, coi những đồ châu báu được sản xuất bởi những công ty lớn, họ có phòng Triển Lãm, chúng tôi từng đến xem một lần, quy mô kể ra không nhỏ. Hai ba vạn loại, mỗi một loại đều khác nhau, đúng là lánh lánh chói mắt, đẹp không thể diễn tả được. Xem khắp hết cả xong, nói thật ra, chỉ có một chữ mà thôi: “Vàng”! Toàn là đồ do vàng ròng chế thành, không một món nào mất đi bản chất của vàng ròng.

Chúng ta hiểu hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do Linh Tri Tâm biến hiện ra, Linh Tri Tâm giống như vàng ròng. Vạn sự vạn pháp trong thế gian giống như những thành phẩm chế từ vàng ròng, chẳng mất đi tánh năng của vàng. Tánh năng của nó là gì? Linh tri! Cư sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm nước kết tinh, đã nhận thấy nước biết nghe, biết thấy, lạ lùng quá! Lạ lùng ở chỗ nào? Chẳng lạ lùng tí xíu nào! Thể tánh của nước là linh tri. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường gọi Linh Tri là “thấy - nghe - hay - biết”, thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như bốn tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, không phải từ bên ngoài mà có, thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như bốn tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, chẳng do từ bên ngoài mà có, cho nên tất cả hết thảy vạn sự vạn vật được biến hiện đều có thể thấy - nghe - hay - biết. Nhờ nước, tức là qua thí nghiệm kết tinh nước, ta đã thấy được điều ấy, rồi lại mở rộng ra, dùng cơm, cũng đem cơm làm thí nghiệm. Quả thật nó có thể thấy - nghe - hay - biết. Tại Đài Loan, các học sinh Tiểu Học lấy bánh mận đầu làm thí nghiệm, cũng nhận thấy mận đầu cũng có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Chúng nó dùng táo, dùng chuối, dùng trái cây hay ăn thường ngày, rồi lại dùng những loại cây Bồn Tài (Bonsai), những thực vật nhỏ, gởi đến chúng những thông điệp, chúng đều thấy - nghe - hay - biết, [những người làm thí nghiệm]

cảm thấy thật chẳng thể nghĩ bàn. Thật ra trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã nói rõ ràng những chuyện ấy rồi.

Vì thế, chúng tôi mong mỗi những thí nghiệm ấy được mở rộng hơn nữa, thí nghiệm trên khoáng vật. Nước vốn là khoáng vật, ta sẽ lại thí nghiệm trên cát, bùn. Do vì kinh Phật đã nói, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, “nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể” (hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Tâm ấy là tâm Linh Tri, Thể đã là linh tri thì hết thấy hiện tượng được hiện, ngay cả vi trần cũng đều có đủ công năng thấy - nghe - hay - biết. Rất hy hữu, những điều ấy đã được các nhà khoa học dùng máy móc phát hiện, thực sự dò tìm được. Đối với những người học Đại Thừa chúng ta mà nói, những thí nghiệm ấy khiến cho tín tâm [của chúng ta] tăng thêm gấp bội!

Những lời đức Phật dạy rất tuyệt vời, thời ấy chưa có những thiết bị khoa học, đây là cảnh giới do chính đức Phật tự chứng, Ngài dùng phương pháp nào? Dùng Thiền Định rất sâu! Thấy thấu suốt chân tướng vũ trụ, trong kinh Phật thường gọi [chân tướng ấy] là “*Thật Tướng của các pháp*”. đức Phật giảng rất thấu triệt, những điều đã được khoa học phát hiện trong hiện thời đúng là “một giọt nước của biển cả”. Thế nhưng một giọt ấy đáng quý lắm, vì đủ để chứng minh câu nào do đức Phật nói ra cũng đều chân thật, đáng để chúng ta đích thân chứng nghiệm! Không phải là nghiên cứu đâu nhé! Nghiên cứu không ra đâu! Phải là tự chứng. Dùng phương pháp gì để chứng? Nhất định phải chiếu theo những phương pháp do đức Phật đã dạy chúng ta: Giới - Định - Huệ chính là tổng cương lĩnh của phương pháp tự chứng. Chúng ta không nghiêm túc học sẽ không có cách gì chứng được Thật Tướng của các pháp, Thật Tướng ấy chính là bản lai diện mục của chúng ta, chính là trí huệ đức tướng mà chúng ta sẵn có.

Vừa khê nhập được đôi chút, quý vị bèn có thể đạt được một vài lợi ích, những lợi ích ấy là gì vậy? Những điều người đời mong cầu như thông minh, trí huệ, mạnh khỏe, trường thọ, ngay cả giàu có, những điều người đời mong cầu ấy thấy đều đạt được. Trong cửa Phật có cầu ắt ứng. Đây chính là những lợi ích nhỏ nhoi nhất, chúng ta học Phật mà ngay cả lợi ích nhỏ bé nhất này cũng không đạt được thì nói đến đại lợi ích làm chi nữa? Lợi ích to lớn nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đi làm Phật. Không có bất cứ lợi ích nào khác có thể sánh bằng lợi ích ấy. Nhà Phật coi toàn bộ phước báo, giàu có, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, trường thọ trong thế gian như lông gà, vỏ củ tỏi, chẳng đáng nhắc đến, thế nhưng người đời coi chúng rất quan trọng, tâm lượng hẹp hòi

quá! Người học Phật chúng ta chẳng nên lưu ý những thứ này, người học Phật chúng ta nên lưu ý điều gì? Đoạn phiền não, mở mang trí huệ, cầu vãng sanh, thành Phật đạo. Trong tầm mắt của chúng ta, hãy nên đặt mục tiêu nơi những điều này Chân tâm này có thể hiện, quyết định là có. Không có nó thì vạn vật do đâu mà có? Ở đây, đại sư hình dung Linh Tri Tâm như thế này:

Thị hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế dĩ dĩ mị thiên.

是混千差而不亂。歷三際以靡遷。

(Chứa đựng ngàn thứ sai khác nhưng chẳng loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời).

“Hỗn” (混) nghĩa là gì? Là dung hợp, chứa đựng lẫn nhau. Quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và hết thấy chúng sanh (đặc biệt là lục đạo chúng sanh, chúng sanh trong tam đồ) dồn lại một chỗ, nhưng không loạn. Chẳng bị nhiễu loạn tí xíu nào, vẫn là linh minh giác tri, vẫn là có thấy - nghe - hay - biết, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, chẳng cảm thấy bị trở ngại mảy may gì!

Vì thế, nói đến cảnh chuyển theo tâm thì cách chuyển ra sao? Không cần nghĩ đến chuyển, chỉ cứ tu thiện tâm: Tâm thiện, hạnh thiện, chúng tôi gọi là “tư tưởng thiện, hành vi thiện”, tất cả hết thấy cảnh giới tự nhiên sẽ chuyển. Chúng ta ngày ngày mong tướng mạo của mình tốt đẹp hơn một chút, sẽ không đẹp hơn được, quý vị đang dấy vọng tưởng, hễ vọng tưởng thì làm sao chuyển biến tướng mạo thành tốt hơn cho được! Tướng chuyển theo tâm, tâm thiện, tướng mạo sẽ tốt lành. Tâm ác tướng mạo ác. Tâm từ bi tướng mạo bèn từ bi. Tâm có trí huệ, bèn có tướng thông minh, trí huệ, đạo lý là như thế đó! Vì thế, không cần quan tâm đến tướng mạo, không cần quan tâm đến thân thể của chúng ta, cần quan tâm nhất là gì? Khởi tâm động niệm. Tâm phải thiện, tư tưởng phải thiện, hành vi phải thiện, niệm niệm nghĩ lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, quyết định chẳng được tự tư tự lợi.

Nghĩ đến tự tư, tự lợi là bất thiện; tướng mạo, thể chất, hoàn cảnh sống của quý vị sẽ biến đổi càng tệ hơn, do quý vị nghĩ sai mất rồi. Vì sao? Nghĩ đến tự tư, tự lợi chính là bất thiện; hoàn toàn đừng nghĩ đến mình, nhất tâm nhất ý, chúng ta là người học Phật, phải mong cầu chánh pháp tồn tại lâu dài, giác ngộ chúng sanh, lợi lạc hữu tình, mong cho hết thấy chúng sanh đều có thể quay đầu, đều có thể tiếp nhận giáo huấn của

thánh hiền, quyết định chẳng tiêm nhiễm danh văn, lợi dưỡng, quyết định chẳng mong cầu hưởng thụ vật chất, hết thảy tùy duyên, tùy duyên tự tại, quyết định chẳng phan duyên. Đây là nói “Linh Tri tâm chính là Pháp Tánh”. Vạn pháp do duyên sanh, Pháp Tánh chẳng sanh cùng các duyên, cũng chẳng cùng các duyên diệt. Đây chính là “*hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế nhi mị thiên*” (dung chứa ngàn thứ sai khác nhưng không loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời). “*Mị thiên*” là không biến đổi.

Bình nhiên độc chiếu.

炳然獨照。

(*Riêng chiếu rạng ngời*).

“*Bình*” (炳) có nghĩa là quang minh rạng rỡ, công năng của Linh Tri Tâm “*độc chiếu*”.

Trác nhĩ bất quần.

卓爾不群。

(*Đứng riêng không hòa lẫn*).

“*Trác*” (卓) là đứng riêng biệt, khác với Duyên. Duyên có sanh, có diệt, Linh Tri Tâm không sanh, không diệt. Duyên có mê, có ngộ, Linh Tri Tâm không mê, không ngộ.

Tại thánh bất tăng, tại phàm bất giảm.

在聖不增。在凡不減。

(*Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm*).

Hai câu này quan trọng lắm. “*Thánh*” là chư Phật Như Lai; Linh Tri Tâm của chư Phật Như Lai chẳng nhiều hơn chúng ta, chẳng lớn hơn tâm chúng ta. Chúng ta là phàm phu, cái tâm Linh Tri tức chân tâm của phàm phu chúng ta quyết chẳng ít hơn Phật chút nào, cũng chẳng khác với Phật chút nào, hoàn toàn tương đồng, là một tâm, chẳng phải là hai tâm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực vô úy diệt nhiên*” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân; một tâm một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). “*Lực*” ở đây là mười lực thuộc quả địa Như Lai, Tứ Vô Úy hoàn toàn tương đồng. Hết thảy chúng sanh chúng

ta, hiện đang là phàm phu, phàm phu là vị lai Phật, mười phương ba đời Phật, tất cả hết thảy phàm phu đều gộp vào đây. Chúng ta và Phật có cùng một tâm, tâm gì vậy? Tâm Linh Tri tương đồng.

Trong kinh điển, Linh Tri Tâm còn gọi là chân tâm, hoặc còn gọi là Chân Như, hoặc lại gọi là bản tánh, hoặc là Phật Tánh, lại gọi là Pháp Tánh, lại còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa, tên gọi rất nhiều. Đức Phật nói nhiều danh từ như thế đó là có dụng ý, khiến cho chúng ta không chấp vào tướng của danh từ, liễu giải ý nghĩa này: Đừng chấp trước vào tướng của danh từ, phá chấp trước, phá phân biệt! Cốt sao nói đến một việc [ý nghĩa giống nhau là được rồi], còn cách nói thì như thế nào cũng được, có gì cứ phải nhất định nắm giữ chặt [phải nói đúng theo một cách thức nhất định]? Nhất định phải nắm giữ chặt sẽ rớt vào phân biệt, chấp trước. Do đức Phật lập ra đủ mọi cách dạy dỗ nên gọi là “*thiện xảo phương tiện*”, đều nhằm giúp cho chúng ta giác ngộ.

Xử sanh tử lưu, ly châu độc chiếu vu thương hải.

處生死流。驪珠獨耀于滄海。

(Ở trong dòng sanh tử, ly châu riêng chiếu trong biển xanh).

Đây là tỷ dụ. Hiện tại, Linh Tri Tâm của chúng ta tùy thuận lục đạo luân hồi, tùy thuận lục đạo phàm phu luân hồi trong lục đạo, nó như thế nào? “*Ly châu độc chiếu vu thương hải*” (Ly châu chiếu sáng một mình trong biển xanh), chúng ta đắm chìm trong lục đạo, từ trước đến nay chưa hề rời khỏi, thế nhưng tâm ấy chẳng bị nhiễm mây may. Giống như viên Ly Châu, Ly (驪) là con rồng đen, cổ nhân đã nói “*thám long đắc châu*” (tìm rồng được châu), Ly Châu là viên châu quý do con rồng đen nhả ra. “*Độc chiếu vu thương hải*”, thương hải (biển xanh) tỷ dụ biển khổ lục đạo. Nói cách khác, Duyên Lự Tâm trong lục đạo bị mê hoặc, bỏ thân thọ sanh, Linh Tri Tâm như như bất động, không bị khuấy nhiễu mây may. Đây chính là “*tại phàm chẳng giảm*”. Tiếp đó là câu:

Cư Niết Bàn ngạn, quế luân cô lãng vu trung thiên.

居涅槃岸。桂輪孤朗于中天。

(Ở bờ Niết Bàn, vàng quế rạng ngời một mình giữa trời).

Đây chính là “*tại thánh chẳng tăng*”. “*Cư Niết Bàn ngạn*” (ở bờ Niết Bàn) là ai vậy? Chính là Pháp Thân Bồ Tát, Niết Bàn của các Ngài chứng đắc gọi là Vô Trụ Niết Bàn, đây chính là loại Niết Bàn thù thắng

nhất, không trụ vào sanh tử, không trụ vào Niết Bàn, nên gọi là Vô Trụ Niết Bàn. Sanh tử lẫn Niết Bàn cả hai bên đều không trụ, cao minh! “*Quế luân*” (vàng quế), vàng quế chính là trăng tròn Trung Thu tháng Tám, trời Thu cao thăm, khí trong lành, trăng rạng, sao thưa, trong tháng ấy trăng sáng đặc biệt, dùng hình ảnh này để tỷ dụ tâm Linh Tri. “*Quế luân cô lãng vu trung thiên*” (Vàng quế một mình rạng ngời giữa trời) vì ánh trăng sáng ngời, khuất lấp ánh sáng các ngôi sao, trăng rạng, sao thưa, cũng chẳng bị khuấy nhiễu, “*tại thánh không tãng, tại phàm chẳng giảm*”.

Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm.

諸佛悟之。假名惟心。

(Chư Phật ngộ rồi, giả gọi là duy tâm)

Ngộ gì? Ngộ bốn tánh, ngộ Chân Tâm, ngộ cái có thể hiện ra vạn pháp, ngộ những điều ấy. Có một thứ vĩnh viễn bất biến, ở đâu vậy? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (từ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, mũi, lưỡi, thân có thể cảm nhận, ý có thể biết, thấy - nghe - hay - biết chính là Linh Tri Tâm. Cái tâm này bất sanh bất diệt, chúng ta luân hồi trong lục đạo thế nào đi nữa, Linh Tri Tâm vĩnh viễn bất biến, không bị ảnh hưởng mảy may. Cái nào chịu ảnh hưởng? Duyên Lự Tâm, vì trong Duyên Lự Tâm có đúng - sai, có thiện - ác, có khổ - sướng. Thưa cùng quý vị: Linh Tri Tâm không có đúng - sai, không có thiện - ác, không có sướng - khổ. Đức Phật dạy chúng ta: Linh Tri Tâm ở ngay trong sáu căn.

Trong sáu căn là điều thường được nói, cổ đức thường bảo: “*Niệm thứ nhất là Chân Tâm*”. Ta mở mắt ra nhìn cảnh giới bên ngoài, đó chính là tánh Thấy thấy được Sắc tánh, vì sao? Quý vị còn chưa khởi tâm động niệm. Thế nhưng cái niệm thứ hai là phiền toái rồi. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là mê hoặc, là vọng tưởng. Thuận theo vọng tưởng bèn có phân biệt, bèn có chấp trước, bèn tạo nghiệp. Tạo nghiệp đương nhiên có quả báo. Công phu của chư Phật Bồ Tát ở chỗ nào? Các Ngài vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất.

Vì thế, chúng ta thường nói, tôi cũng thường nói, nhưng chính mình chưa thể làm được! Tôi biết, tôi tận sức nỗ lực học tập: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là tánh Thấy nhìn, tánh Thấy nghe, tánh Thấy

cảm nhận, tánh Thấy biết, sử dụng Linh Tri Tâm, chuyển Duyên Lự Tâm thành Linh Tri Tâm, chuyển tám thức thành bốn trí. Vọng tưởng là thức thứ tám, phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Không khởi tâm, không động niệm là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí; không phân biệt là chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, không chấp trước là chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này, ở ngay chính chỗ này vậy!

“*Chư Phật ngộ chi*” (chư Phật đã ngộ): Ngộ là ngộ được chuyện này, ngộ là thấy - nghe - hay - biết, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Ngộ. Lúc Ngộ bèn gọi là “*duy tâm*”, “*giả danh duy tâm*” (giả gọi là duy tâm). Đặt cho nó cái tên như thế, chứ trên thực tế, quý vị phải hiểu: “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo phi thường đạo*” (cái tên mà có thể gọi ra được thì không phải là cái tên thường hằng, cái đạo mà có thể diễn tả được thì chẳng phải là đạo thường hằng). Cảnh giới thực sự chẳng thể nghĩ bàn, bất đắc dĩ phải đặt tên cho dễ nói, ngộ hầu thuận tiện trao đổi ý kiến. Dùng nó làm phương pháp, dùng thủ đoạn này, chứ không phải là mục đích, không phải là chân thật, chỉ là giả vờ đặt ra:

Chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức.

眾生迷之。便成妄識。

(Chúng sanh mê nên thành vọng thức).

Chúng sanh đối với việc này không biết gì cả, mê như thế nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt chấp trước, mê rồi! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Giác. Trong cảnh giới giác, sự sự vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Lúc mê thì quý vị bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đâu đâu cũng bị chướng ngại, chỗ nào cũng thành chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Chướng do mê mà có, từ khởi tâm động niệm, do phân biệt, chấp trước, nên mới có những chướng ngại đó, nó gọi là “*vọng thức*”. Thế nhưng quý vị phải hiểu: Tâm và Thức là một, không hai, Thức là gì vậy? Tâm bị mê gọi là Thức, nếu Thức mà ngộ thì gọi là Tâm, là một, không phải hai!

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật, thả tâm ngoại

vô Phật, diệt vô chúng sanh.

是以佛即眾生。眾生即佛。且心外無佛。亦無眾生。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, nhưng ngoài tâm không Phật, cũng không có chúng sanh).

Đây chính là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, lia khỏi tâm, lia khỏi thức thì cái gì cũng không có! Đúng là không Phật, không chúng sanh, cũng chẳng có hư không, cũng chẳng có thế giới.

A! Hôm nay hết giờ rồi, giảng đến đây thôi!

Tập 49

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Ngày hôm qua giảng đến “*tâm, Phật, chúng sanh*”. Về Tâm, giảng đến Duyên Lự Tâm và Linh Tri Tâm. Những danh từ này rất quan trọng, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của những danh từ ấy. Vũ trụ vạn hữu, những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hư không do đâu mà có? Pháp giới do đâu mà có? Sát-độ (ksetra), nay chúng ta gọi là rất nhiều “*tinh cầu*” trong không gian (trong kinh Phật gọi vô lượng vô biên tinh cầu và tinh hệ ấy là “*sát-độ*”) do đâu mà có? Chúng sanh do đâu mà có? Hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh do đâu mà có? Chúng ta gọi cái có thể sanh ra vạn vật, hư không, sát-độ và hết thảy chúng sanh là Tâm.

Vì thế, Tâm ấy chẳng phải là tâm tạng (quả tim) trong thân thể chúng ta, tâm tạng chẳng thể sanh ra trời đất vạn vật được. Kinh Phật gọi “*có thể sanh*” (năng sanh) là “*có thể hiện*” (năng hiện), không gọi là Sanh mà gọi là Hiện. Nói Hiện có ý nghĩa hay hơn Sanh, bởi lẽ, chúng ta đều làm tướng Hữu Sanh Hữu Diệt là thật; Năng Hiện là hư huyễn. Giống như chúng ta xem phim, cái màn bạc có thể hiện ra tướng, gọi là “*hiện tượng*”, chứ không gọi là “*sanh*”. Vì thế, “*hiện*” có ý nghĩa hay hơn. Năng Hiện, hoặc như ta gọi là Năng Sanh, những danh từ ấy đều có thể gọi là Tánh. Lại còn có Năng Biến, hiện tượng thiên biến vạn hóa, Năng Biến là gì vậy? Chúng ta gọi Năng Biến là Thức.

Thức và Tâm là một chuyện. Tâm không đeo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Tâm; nếu kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thức. Trong Phật pháp cũng thường nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm không kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; còn thức tâm xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước,

nên gọi là vọng thức. Phải hiểu rành rẽ, rõ ràng sự việc này thì mới biết được chân tướng sự thật của vũ trụ và các pháp, kinh gọi sự thật ấy là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp), tức chân tướng của vũ trụ vạn hữu, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Vì thế, ở đây thiền sư nêu lên một tổng kết:

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật.

是以佛即眾生。眾生即佛。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật).

Nói như vậy nghĩa là sao? Tâm chính là Thức, Thức chính là Tâm. Thức và Tâm là một, không phải hai, lúc mê gọi là Thức, lúc ngộ gọi là Tâm. Ở đây chỉ có mê và ngộ, ngoại trừ mê và ngộ ra, cái gì cũng không có. Vì thế, ở đây mới nói: “*Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm, chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức. Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật*” (Chư Phật ngộ nên giả gọi là duy tâm; chúng sanh mê bèn thành vọng thức. Do vậy, Phật chính là chúng sanh; chúng sanh chính là Phật). Chữ “*chúng sanh*” ở đây chỉ hữu tình chúng sanh, nhưng sau đó lại nói:

Thả tâm ngoại vô Phật, diệt vô chúng sanh.

且心外無佛。亦無眾生。

(Nhưng ngoài tâm không có Phật, cũng không có chúng sanh).

Phạm vi của “*chúng sanh*” rất rộng. Chữ “*chúng sanh*” này bao quát tất cả hết thấy những hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, những hiện tượng ấy đều được gọi là “*chúng sanh*”. Ngay cả hư không cũng là chúng sanh. Phạm vi của các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi rất lớn. Vì thế, chúng ta phải hiểu cách sử dụng danh từ này: Tên gọi tương đồng, danh từ tương đồng, nhưng tùy mỗi chỗ lại giải thích khác nhau, phạm vi bao quát của danh từ ở mỗi chỗ khác nhau.

Duy mê ngộ chi hữu gián.

唯迷悟之有間。

(Chỉ do mê hay ngộ mà có sai biệt).

“*Gián*” (間) là sai biệt, gián cách (間隔) là sai biệt. Nói thật ra, do

mê hay ngộ mà có sai biệt.

Cố phàm thánh nhi huýnh dị.

故凡聖而迥異。

(Vì thế, phàm - thánh sai khác vời vợi).

Do vậy mới nói đến phàm và thánh. Mê là phàm, ngộ là thánh. Phàm và thánh là một, không hai, vẫn chỉ là một người mà thôi. Nay chúng ta vẫn chưa ngộ thì gọi là phàm; ngày nào đó mình giác ngộ thì gọi là thánh. Ngộ là người nào thì mê cũng là người ấy. Vì vậy, trong hết thủy cảnh duyên không có mê hay ngộ. Mê hay ngộ là do con người, con người có mê - ngộ, cảnh giới bên ngoài chẳng có mê lẫn ngộ. Nếu nói thân thiết hơn một chút (ý nghĩa này lại càng sâu hơn, nói thật ra không dễ hiểu gì), mê hay ngộ tại mình, chẳng do người khác, chỉ do mỗi một mình ta mà thôi. Cảnh giới bên ngoài chẳng những vô tình chúng sanh không có mê hay ngộ, mà ngay cả hữu tình chúng sanh đối với ta mà nói thì cũng chẳng mê hay ngộ. Mê hay ngộ là chuyện của người ta, đối với chúng ta mà nói thì cũng chẳng có mê hay ngộ. Đạo lý này rất sâu. Đó là chân tướng sự thật, hãy chú tâm quan sát, mong rằng quý vị sẽ hiểu thấu suốt chân tướng sự thật này.

Khởi tri tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

豈知心佛眾生。三無差別。

(Há biết tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt).

Câu này nêu rõ quan hệ giữa tâm, Phật và chúng sanh. Quan hệ gì vậy? Một mà ba, ba nhưng một. Tâm có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến), chúng sanh và Phật là cái được hiện, cái được biến (sở hiện, sở biến). Năng và Sở là một, không hai. Trong Năng Hiện không có mê hay ngộ, phải biết điều này. Trong Năng Hiện đã không có mê hay ngộ thì trong Sở Hiện cũng không có mê hay ngộ; nhưng Năng Biến, Sở Biến lại có mê và ngộ. Năng Biến, Sở Biến là vọng tâm, vọng cảnh. Năng Hiện, Sở Hiện là Nhất Chân pháp giới. Phải hiểu rõ điều này thì sau đây chúng ta tu hành mới biết phải nên tu những gì? Xa lìa Năng Biến và Sở Biến như thế nào? Làm thế nào để gìn giữ Năng Hiện và Sở Hiện? Công phu là ở chỗ này.

Thực sự khế nhập cảnh giới rồi thì Năng - Sở không hai, Năng Hiện - Sở Hiện không hai, Năng Biến - Sở Biến không hai, Năng Hiện -

Năng Biến bất nhị, Sở Hiện - Sở Biến bất nhị. Chúc mừng quý vị đã nhập pháp môn Bất Nhị, đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới vô chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vì sao Sự vô ngại? Sự là hư huyền, không thật, hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyền, bọt, bóng; bởi thế, không có chướng ngại. Kết luận cuối cùng cho chúng ta là: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Đây là tánh bình đẳng hiện tiền, cảnh giới không chướng ngại hiện tiền.

Vĩnh Gia vân:

永嘉云。

(Ngài Vĩnh Gia nói).

Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Vĩnh Gia có hai câu:

**Mộng lý minh minh hữu lục thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.**

夢裡明明有六趣。

覺後空空無大千。

(Trong mộng rành rành bày sáu nẻo,
Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang).

Lúc mê thì Duy Thức Sở Biến, giống như cảnh mộng; giác rồi bèn hiểu rõ, hoang nhiên đại ngộ, giống như tỉnh giấc mộng. Tỉnh giấc rồi, những cảnh giới trong mộng không còn nữa. Nếu đã tỉnh rồi thì chẳng những sáu nẻo không còn nữa, mà mười pháp giới cũng không còn! Lục đạo và mười pháp giới đều là cảnh mộng, không thật, do vọng thức biến ra, Thể của nó là Nhất Chân pháp giới, Thể của nó là nhất tâm bất loạn. Vì thế, Tịnh Độ tông (tức Tịnh Độ Giáo) nói: “*Nhất tâm bất loạn là giác ngộ, tam tâm nhị ý là mê hoặc*”. Thật Tướng của các pháp rốt cục là như thế đó, nói đại lược như vậy. Dầu nói không nhiều, nhưng giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta không dễ gì thấu hiểu, ý nghĩa sâu xa quá!

Chẳng thể thấu hiểu cũng không sao, ngày ngày đọc, ngày ngày có cơ hội nghe đến, một thời gian lâu sau, tâm quý vị định lại. Quan trọng nhất là tâm định thì trí huệ sẽ khai phát, sẽ nghe hiểu. Tâm chao động thì nghe chẳng hiểu. Tâm phải thanh tịnh thì mới có thể nghe hiểu, mới có

thể thấu hiểu: Tịnh có thể sanh ra Huệ. Cổ nhân nêu tỷ dụ ngọn đèn: Nếu ngọn đèn bị lay động thì chiếu vật gì cũng không rõ ràng; nước nếu không có sóng gợn sẽ soi bóng cảnh giới bên ngoài chi li, tường tận. Vì thế, chữ Tịnh hết sức quan trọng!

Làm thế nào để giữ cho lục căn của chính mình như như bất động đối với cảnh giới lục trần? Như như bất động là sử dụng chân tâm. Điều này phải rèn luyện, rèn luyện chính là tu hành, phải thực sự thực hiện! Cách thực hiện như thế nào? Luyện sáu căn nơi cảnh giới sáu trần, luyện chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Pháp Tướng Tông gọi phương pháp này là “*chuyển tám Thức thành bốn Trí*”. Chuyển bằng cách ấy, học sao cho không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm là không dùng thức thứ tám; không phân biệt là không dùng thức thứ sáu; không chấp trước là không dùng thức thứ bảy. Chỉ cần quý vị không dùng đến chúng thì rõ ràng là ngay lập tức chân tâm được sử dụng.

A Lại Da Thức biến thành Đại Viên Kính Trí, trí huệ chân thật, rõ ràng, rành rẽ, hiểu thấu suốt. Thức thứ bảy biến thành Bình Đẳng Tánh Trí, không chấp trước, vạn pháp bình đẳng. Thức thứ sáu biến thành Diệu Quan Sát Trí, [các thức] bị chuyển đổi đi, cách chuyển như thế đó! Hễ khởi tâm động niệm là xong, lại rớt vào hai ba (tam tâm, nhị ý), lại biến thành chúng sanh. Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ này. Phật và Pháp Thân Bồ Tát có năng lực ấy, chắc chắn chẳng rớt vào hai hay ba. Không rớt vào hai hay ba thì chắc chắn sẽ chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm thuộc về vọng tưởng.

Ký nhiên như thị, tác kinh vân: “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”.

既然如是。則經云。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛號阿彌陀。今現在說法。

(*Đã là như vậy thì như kinh nói: “Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi nước, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay đang thuyết pháp”*).

Đây chính là những điều kinh Phật đã nói. Đoạn kinh này giảng về Sự. Sự và Lý nhất định phải tương ứng, Sự chẳng trái nghịch Lý, Lý nhất định không trở ngại Sự. Lý - Sự bất nhị. Có Lý đương nhiên có Sự,

có Tánh đương nhiên có Tướng. Quý vị hiểu rõ ràng điều này rồi thì mới hiểu được những tướng được hiện ấy.

Tổng bất xuất duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà dã.

總不出唯心淨土。本性彌陀也。

(Nói chung, chẳng ngoài duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà).

“*Bản tánh*” chính là tự tánh. Như vậy, Tây Phương Cực Lạc là Tịnh Độ, là do chân tâm của chúng ta hiện ra. A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc là do tự tánh của chúng ta hiện ra. Cõi nước được hiện bởi tự tánh, đức Như Lai được hiện bởi tự tánh, lẽ nào chúng ta không thể thân cận được, chúng có quan hệ quá mật thiết đối với chúng ta. Vì thế, quý vị nhất định phải tin tưởng ta có phần vãng sanh. Ở phần trên, đại sư đã bảo chúng ta hãy tin tưởng: Tin thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thứ hai, phải tin trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có A Di Đà Phật phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên trong mười phương. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, đó là hữu duyên. Nay chúng ta tin, ta có thể tin, ta phát nguyện, ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật tức là ta hữu duyên, khẳng định ta phải có phần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do thị nhi tri, tức kim hiện tiền.

由是而知。即今現前。

(Do vậy biết rằng: Ngay trong hiện tiền đây).

Dựa trên những đạo lý ấy, chúng ta nên hiểu rõ:

Vong linh, kỳ sanh dã liên hoa đóa đóa, kỳ một dã hàng thụ trùng trùng.

亡靈，其生也蓮華朵朵。其歿也行樹重重。

(Vong linh sống thì hoa sen đóa đóa, thác thì hàng cây tầng tầng).

Hai câu này nghĩa là sao? Sống lẫn chết đều chẳng lìa thế giới Cực Lạc, thực sự không tách lìa. Vấn đề là ở chỗ nào? Vấn đề là giác hay mê. Nếu quý vị giác là được, ngay nơi này chính là Cực Lạc. Nếu mê thì Tây Phương Cực Lạc thế giới tìm không ra. Ngộ thì ngay nơi này chính là

Cực Lạc.

Vô nhất thời bất đạt liên bang, vô nhất niệm bất y từ phụ.

無一時不達蓮邦。無一念不依慈父。

(Không lúc nào chẳng đến cõi sen, không niệm nào chẳng nương từ phụ).

“*Liên bang*” là thế giới Cực Lạc, “*từ phụ*” là A Di Đà Phật. Chúng ta ngày nay khẩn thiết cầu mong, tức là cầu mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Xưa kia, thiền sư Tử Tâm tức ngài Triệt Ngộ, những đồng học tu Tịnh Độ chắc không ít vị đã đọc cuốn Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục, tôi đang nói đến vị này. Ngài đại triệt đại ngộ nơi Thiên tông xong, khuyên những ai học Thiên phải niệm A Di Đà Phật. Ngài nói người tham Thiên tốt nhất nên niệm Phật, vì nguyên nhân nào? Sợ rằng cả một đời này không có cách gì đại triệt đại ngộ được. Nếu Thiên không đại triệt đại ngộ, sẽ không ra khỏi lục đạo, vẫn phải sanh tử luân hồi, là hỏng rồi! Vì thế phải nương vào nguyện lực của A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh.

Ngài nói nếu chịu niệm Phật, có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm Phật mà nếu chẳng sanh về Tịnh Độ thì “*lão tăng đương đọa Bat Thiệt địa ngục*” (lão tăng sẽ đọa vào địa ngục bị quỷ sứ kéo lưỡi tội nhân ra cho trâu cày). Ngài bảo đảm như vậy, pháp môn này đúng là “*vạn người tu, vạn người về*”. Hiện tại, vì sao người niệm Phật rất đông, người vãng sanh lại ít? Vì họ niệm không đúng như pháp! Căn bản là họ không hiểu được đạo lý và phương pháp niệm Phật. Họ không hiểu, cho nên miệng có, tâm không, chẳng tương ứng. Nếu đối với những đạo lý, cảnh giới ấy quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, đúng lý, đúng pháp, chẳng để sót một điều gì thì đúng là vạn người tu, vạn người vãng sanh. Đến đây cũng là hết một đoạn khai thị, chúng ta xem tiếp phần sau, ngài Trung Phong lại tổng kết:

Thẩm như thị, thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xứ dã vô.

審如是。且道。離此心佛眾生外。別有商量處也無。

(Xét như thế, nên nói: Liạ tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?)

“*Thẩm*” (審) là thẩm sát (xem xét, suy xét) kỹ càng, cũng có nghĩa

là quan sát. Những Sự - Lý vừa nói trên đây, nếu quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, thì nay phải hỏi: “*Thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xứ dã vô*” (Nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?): Lìa ngoài tâm, Phật, chúng sanh ra, còn có gì hay không? Một câu này đã nói hết sạch. Tâm, Phật, chúng sanh bao quát hết thầy vạn sự vạn pháp trong toàn bộ vũ trụ. Ở đây thiền sư dùng phương cách trong Thiền tông để hỏi: “Ngươi hiểu chưa?” Một phen giảng cho các người đại đạo lý này, các người nghe rồi đã hiểu hay chưa? Các người có hiểu thấu hay chăng? Các người thực sự rõ thấu hay chưa? Tiếp đó, thiền sư lại nói một bài kệ:

Đại viên kính lý tuyệt tiêm ai.

大圓鏡裡絕纖埃。

(Nơi gương tròn lớn sạch tinh khôi).

“*Đại viên kính*” là tâm tánh. Trong tâm tánh không có vật gì. Trong Đản Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Bổn lai vô nhất vật*” (vốn không có một vật). Đại viên kính là chân tâm, trong chân tánh vốn chẳng có một vật nào. “*Ai*” (埃) là trần ai (塵埃: bụi bặm), “*tiêm*” (纖) là rất nhỏ. Một mảy trần ai cũng không có, chân tâm mà! Câu này giảng về Thể, về Lý, chân tâm, bổn tánh. Câu tiếp theo luận về Sự, tức những tướng được hiện. Hễ có Lý nhất định phải có Sự. Có Tánh nhất định có hiện tướng. Hiện những tướng nào?

Bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai.

碧藕華中有聖胎。

(Xanh biếc giò sen nảy thánh thai).

Câu này nói về ao sen bảy báu nơi thế giới Tây Phương. Bốn câu kệ này nhằm dạy chúng ta; trong hai năm gần đây, chúng tôi đặc biệt đề cao “thuần tịnh, thuần thiện”. Tâm chúng ta phải thuần tịnh, hạnh của chúng ta phải thuần thiện. “Thuần tịnh, thuần thiện” tương ứng với tánh đức, tương ứng với Di Đà, tương ứng Tịnh Độ. Câu kệ này nói đến ao sen bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai*” (trong đóa sen biếc có thánh thai). Ở đây, chúng ta vừa phát tâm, trong ao bảy báu mọc lên một búp sen, trên hoa ghi tên họ của chúng ta. Chúng ta niệm Phật công phu càng siêng năng, hoa sen ngày càng to. Khi nào tâm quý vị lui sụt, hoặc đổi sang tu pháp môn khác, hoa

ây bèn khô héo, không còn nữa!

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy các pháp đều bất sanh bất diệt, chỉ riêng hoa sen trong ao bảy báu có hiện tượng sanh diệt. Quý vị thấy hoa sen liền biết có một người phát tâm chân chánh, muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Mấy bữa sau, thấy hoa sen không còn nữa, biết người ấy đã ngã lòng, thay đổi ý niệm. Lúc nào phát tâm, lúc ấy đóa sen bèn trở. Câu kệ này đúng như kinh đã nói: “*Tịnh cực quang thông*” (Tịnh đến cùng cực thì sẽ chiếu sáng thông suốt), tướng báu thanh tịnh được hiện ra. Thật đấy! Chính chúng ta có thể làm được điều này, chớ bỏ mất. Chuyện gì trong thế gian này cũng đều là giả, chỉ có mình chuyện này là thật. Vì thế, quý vị phải biết buông cái giả xuống, phải biết buông bỏ. Riêng chuyện này là thật.

Dao vọng kim sa trì chiếu ngoại.

遙望金沙池沼外。

(Cát vàng ao báu ngoài xa ngắm).

Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nay chúng ta là phàm phu chưa đạt đến cảnh giới ấy; vì thế, không gian vẫn còn xa - gần, đạt đến cảnh giới nào thì sẽ không còn xa - gần nữa? Khi kiến tánh thì sẽ không còn nữa, khi minh tâm kiến tánh thì xa - gần không còn nữa. Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới ấy, “*dao vọng kim sa trì chiếu ngoại*” là phía ngoài ao sen bảy báu. Trong ao bảy báu ấy, có nước tám công đức, có hoa sen.

Bảo quang thường chiếu ngọc lâu đài.

寶光常照玉樓臺。

(Bảo quang chiếu mãi ngọc lâu đài).

Phía ngoài ao bảy báu là nơi hoạt động của những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa nở thấy Phật, họ tự hành, hóa tha, thân cận Như Lai, rộng độ chúng sanh. Thiền sư dùng từ ngữ “*ngọc lâu đài*” để hình dung. Phần sau là nói đến chuyện Chánh Tu. Đoạn khai thị này nhằm lay tỉnh mọi người đang mê chấp hãy thực sự tỉnh ngộ, hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tự nhiên buông xuống. Buông xuống rồi thì công phu của chúng ta mới đắc lực. Một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng, một niệm tương ứng một niệm Phật, phải niệm Phật liên tục. Nay chúng ta quen thói lúc nhiều Phật bèn vừa đi nhiều vừa niệm Phật

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký - Quyển Hạ
một ngàn câu, đây là Chân Tu.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Niệm một ngàn tiếng là chính xác, tiêu chuẩn đây! Tiếp đó, niệm ba lần “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, nam-mô Đại Thế Chí Bồ Tát, nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát*”, mỗi danh hiệu ba lần. Phật sự ấy hoàn tất, tức niệm Phật xong xuôi, tiếp đó lại khai thị lần thứ hai, đúng là rất miệng xót lòng. Pháp Sự này có Sự, có Lý, hỗ trợ nhau, hoàn thành cho nhau, niệm Phật thành tựu tam-muội, khai thị nhằm khai phát trí huệ. Vì thế, pháp sự này là học Định lần Huệ một cách quân bình, phước huệ song tu, hết sức thù thắng, nhất định phải thành tâm thành ý tu tập. Xin xem phần Khai Thị tiếp theo, cũng là phần phát nguyện, khai thị bằng cách phát nguyện.

23. Phát Nguyện

***Thập phương tam thế Phật,
A Di Đà đệ nhất.***

十方三世佛。

阿彌陀第一。

*(Mười phương tam thế Phật,
A Di Đà bậc nhất).*

Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta có thể thấy được điều này. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn khen ngợi A Di Đà Phật, khen A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (ánh sáng tôn quý nhất, vua trong chư Phật). Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật như vậy, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai cũng giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thay mặt cho hết thấy chư Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán như thế chính là mười phương ba đời hết thấy chư Phật tán thán. Chúng ta nhất định khẳng định được điều này.

“*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà Phật đệ nhất*” (mười phương tam thế Phật, A Di Đà bậc nhất): Lời này nào phải tùy tiện nói! Không phải là chúng ta tu Tịnh Độ rồi cố ý tán thán Tịnh Độ. Không

phải vậy, mà là sự thật đấy nhé! Vì sao phải tán thán như thế? Trong những bộ kinh to luận lớn cũng tán thán rất nhiều. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư cũng nói hết sức rõ ràng: Cõi thù thắng nhất của A Di Đà Phật không phải là cõi Thật Báo, cũng không phải cõi Phương Tiện, mà là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Ngài thiết lập cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ quá khéo, khiến cho hết thảy những chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng đều có thể đời nghiệp vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn mươi tám nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, khiến những người ấy được thọ dụng hoàn cảnh tu học bằng với hàng Thất Địa Bồ Tát. Vì thế, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Mười phương hết thảy các cõi Phật đều chẳng có được điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, nên hết thảy chư Phật đều xưng tán Ngài.

Trong hết thảy các cõi Phật đều có lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh chẳng dễ gì được thành tựu. Vì thế, hết thảy chư Phật Như Lai đều giảng Tịnh Độ tam kinh, đều khuyên lục đạo chúng sanh trong những cõi ấy hãy niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Vì vậy, thế giới Cực Lạc giống như một Đại Học Phật giáo do hết thảy chư Phật cùng lập ra, chư Phật gọi các đệ tử của chính mình đến trường đó học, A Di Đà Phật là hiệu trưởng của trường ấy. Vị hiệu trưởng ấy giỏi giang, khéo dạy, nên tất cả hết thảy chư Phật đều tôn kính Ngài, đều bội phục Ngài. Quý vị hãy từ tỷ dụ này mà thấu hiểu, mới biết lời xưng tán này không phải là hư giả.

***Cửu phẩm độ chúng sanh,
Oai đức vô cùng tận.***

九品度眾生。

威德無窮盡。

*(Chín phẩm độ chúng sanh,
Oai đức không cùng tận).*

Trước kia, có kẻ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới không thể đời nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng sanh, chứ không thể đời nghiệp vãng sanh. Những lời lẽ ấy gần như khiến cho toàn bộ những người niệm Phật trên thế giới bị chần động, gây ra một phen hoang mang, không biết phải làm sao: “Không đời nghiệp thì biết làm sao đây? Chúng ta tu pháp môn này cũng như không!” Nói thật ra, trong thời Mạt Pháp hiện tại, nếu không đời nghiệp vãng sanh, bất luận tu học pháp môn nào cũng không ai có thể thành tựu được. Vì sao? Vì không tiêu được nghiệp chướng tập

khí, trong ức vạn người khó có được một ai. Vì vậy, không đời nghiệp vãng sanh sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Quý vị thấy “*cửu phẩm độ chúng sanh*” (chín phẩm độ chúng sanh) thì là đời nghiệp hay là không? Nếu không đời nghiệp thì chín phẩm do đâu mà có? Chín phẩm há chẳng phải là do đời nghiệp nhiều hay ít khác nhau hay sao? Cho dù chưa đoạn được một phẩm phiền não nào mà niệm Phật vẫn được vãng sanh, sanh vào Phẩm Thánh Đồng Cư Độ.

Vì thế, đem so thế giới Tây Phương với hết thảy các cõi Phật thì Phẩm Thánh Đồng Cư Độ của Cực Lạc thù thắng khôn sánh, qua kinh luận chúng ta đã đọc thấy rất nhiều. Tây Phương Tịnh Độ sanh về một là sanh về hết thảy, ở trong Phẩm Thánh Đồng Cư Độ, quý vị có thể thân cận Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, những bậc Pháp Thân đại sĩ như thế. Trong những Tịnh Độ các phương khác, những vị đại sĩ đó trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, quý vị không tiến vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ sẽ không thể gặp những vị ấy. Thế nhưng tại Phẩm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn có thể suốt ngày từ sáng đến tối ở cùng một chỗ với các Ngài, thù thắng khôn sánh! “*Cửu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận*” (chín phẩm độ chúng sanh, oai đức không cùng tận). Sự thù thắng ấy do oai đức từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì.

***Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.***

我今大歸依。

懺悔三業罪。

*(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).*

Nay chúng ta gặp được duyên này, kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Chúng ta ngày nay gặp được duyên này, thiện căn là gì? Có thể tin, có thể phát nguyện, mong cầu vãng sanh, đây là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là niệm Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Đây là phước đức. Vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Đối với chúng sanh trong chín pháp giới, chẳng những pháp môn này độ được người, mà còn độ được cả súc sanh đạo. Quý vị thấy trong Tịnh

tông có cuốn sách Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế)⁵⁸ chuyên ghi chép những chuyện súc sanh niệm Phật vãng sanh, ngạ quỷ niệm Phật vãng sanh, thậm chí còn có chuyện địa ngục niệm Phật vãng sanh. Đúng là phổ độ chúng sanh. Nay chúng ta gặp được [pháp môn Tịnh Độ], đã gặp thì phải nên phát tâm, “đại quy y”.

“*Sám hối tam nghiệp tội*” giống như trong bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát đã nói trong phần trên. Sám hối phải phát xuất từ nội tâm, thực sự sám hối. Trong tam nghiệp tội thì tội gì nặng nhất? Thưa cùng quý vị: Không phải là sát sanh, trộm cắp, hay dâm dục, không phải những tội đó, tội lớn nhất là không tin vào Tịnh Độ. Vì sao? Vì chẳng thể vãng sanh, bỏ lỡ mất cơ hội này. Quý vị nên biết: Qua kinh luận, đức Phật dạy chúng ta, Ngũ Nghịch Thập Ác tội nặng đến đâu? Giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, những tội nặng nề! Nếu như sám hối, quay đầu niệm Phật thì đều được vãng sanh. Như vậy, tội lỗi nặng nhất khiến cho quý vị chắc chắn chẳng thể vãng sanh chính là vì quý vị hoài nghi, không tin tưởng, tội lỗi ấy quá nặng. Ngày nay chúng ta “*sám hối tam nghiệp tội*” phải chú trọng điều này, không chịu niệm Phật, không tin vào niệm Phật. Hiện tại chúng ta có cái tội này hay không? Mỗi người hãy tự phản tỉnh!

Chúng tôi thường nghĩ đến lời giáo huấn của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, những lời dạy ấy được ghi trong tập sách nhỏ [mang tựa đề] Tây Phương Xác Chỉ. Ngài dạy chúng ta niệm Phật “không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn”. Chúng ta không làm được những điều ấy là có tội! Những tội nghiệp ấy khiến cho chúng ta trong một đời này chẳng thể thành tựu. Khi sám hối tam nghiệp tội, chúng ta phải đặt chuyện này lên đầu. Thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta niệm Phật, câu niệm Phật nơi miệng có thể gián đoạn, nhưng niệm Phật nơi tâm không được gián đoạn. Miệng niệm thì phải coi mình đang ở nơi đâu, có những chỗ không thuận tiện niệm [ra tiếng], nhưng Phật hiệu trong tâm chưa hề bị gián đoạn.

Trong đời này, tôi đã thấy một người từ trước đến nay chưa hề thấy có lúc gián đoạn, gây ấn tượng rất sâu cho tôi, người ấy chính là Chương Gia đại sư. Lão nhân gia không niệm Phật mà trì chú, Ngài trì chú theo cách Kim Cang Trì. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chẳng trở ngại

⁵⁸ Vật Do Như Thử có nghĩa là loài vật mà còn biết hiếu hạnh, nhân nghĩa, tu hành như thế, há con người lại thua kém ư? Tác phẩm này do Từ Hạc Tử biên soạn vào đời Thanh, chép những gương hiếu hạnh, trung tín cũng như niệm Phật vãng sanh của các loài vật.

người khác, miệng Ngài động, tay lần râu chuối; tay động, miệng động nhưng không phát ra âm thanh. Chúng tôi đến gặp lão nhân gia, Ngài cùng tôi trò chuyện, lúc đang trò chuyện, chúng tôi thấy rõ tay lần râu chuối không động, tay cầm râu chuối không động. Ngài nói chuyện với quý vị, nói xong, ngay lập tức lại lần râu chuối tiếp. Từ trước đến nay chưa hề thấy Ngài thay đổi cách ấy, đúng là đã thành thói quen, tâm Ngài định, tâm thanh tịnh.

Thầy Lý từng thân cận đại sư, lúc tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, nhắc đến chuyện ấy, [tôi thưa với thầy Lý là] trong quá khứ tôi chỉ có một vị thầy là Chương Gia đại sư dạy tôi ba năm. Thầy Lý đối với Chương Gia đại sư rất khâm phục, thầy nói chúng ta là phàm phu không thể suy lường nổi cảnh giới của Chương Gia đại sư. Thầy nói nhìn vào cách hành trì của đại sư, bất luận quan sát bất cứ khi nào, đại sư luôn đang ở trong Định. Thầy nói không biết đại sư đã khai ngộ hay chưa, nhưng đại sư đã đắc tam-muội, thật đấy, không giả đâu! Quả thật đại sư đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Công phu của đại sư (chúng tôi không biết Ngài ngủ như thế nào), bất luận trong trường hợp nào mỗi khi quý vị quan sát đại sư, quý vị quan sát kỹ thấy đại sư công phu không gián đoạn, chẳng bị khuấy nhiễu. Bất luận trong hoàn cảnh nào, dù là thiện duyên hay ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, chẳng mảy may liên can đến Ngài. Ngài lần râu chuối, niệm chú không ra tiếng. Đây là sám hối chân thật.

Sám hối phải thể hiện bằng hành động. Không phải là đối trước Phật, Bồ Tát cầu xin, van vái, nói: “Con sám hối, cầu Phật Bồ Tát tha tội!” Không hề mang ý nghĩa ấy, làm như vậy sẽ chẳng sám hối được, nhất định phải hiểu lý! Chương Gia đại sư chỉ cho chúng ta cách tu sám hối, cách tu như thế nào? Sau này không làm nữa, đó mới thực sự là sám hối. Niệm Phật là sám hối rất ráo. Trong mười hai thời, từ nay trở đi Phật hiệu trong tâm không gián đoạn. Quý vị chẳng có vọng tưởng thì khuất phục được phiền não. Phật hiệu vừa đoạn thì vọng niệm bèn khởi. Vọng niệm là tội nghiệp, quý vị tạo nghiệp nơi ý. Ý tạo nghiệp, thân khẩu tự nhiên sẽ tạo nghiệp theo. Do vậy, pháp sám hối rất ráo chính là “*đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp). Đây mới là cách sám hối rất ráo.

A! Nay đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị của thiền sư Trung Phong. Trong buổi trước, chúng ta đã đọc đến:

**Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.**

我今大歸依。

懺悔三業罪。

(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).

Đối với người niệm Phật mà nói thì câu này là xưng niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô là Quy Y, A Di Đà Phật là chân chánh sám hối diệt tội. Trong quá khứ, Phật môn đặc biệt là Tịnh Độ tông yêu cầu học nhân trong từng niệm tâm phải luôn có A Di Đà Phật, phải dưỡng thành thói quen. Bình thường tiếp xúc người khác, thậm chí người ta gọi tên mình, phải trả lời như thế nào? Đều trả lời: “A Di Đà Phật”. Dưỡng thành thói quen đó, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có, gần như biến thành một loại quy củ trong nhà Phật.

Người có tâm cầu vãng sanh niệm một câu A Di Đà Phật, phước huệ tăng trưởng. Không có ý nghĩ mong vãng sanh, thậm chí không muốn học Phật pháp thì niệm một câu A Di Đà Phật sanh phước báo, diệt tội sanh phước, vô lượng vô biên công đức. Vô cùng đáng tiếc, người ấy không hiểu, mà cũng không biết, cho nên trong cuộc sống thường ngày không biết tu. Vì nguyên nhân nào vậy? Vì mê hoặc, vì mê mất. A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh, là tên gốc của Chân Như Bồn tánh, trong những phần trên chúng tôi đã giảng rồi, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thầy chư Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

Ngay trong số những người tu Tịnh Độ chúng ta, số người biết [điều này] cũng không nhiều. Nếu thực sự biết, sẽ quý trọng một câu [danh hiệu] này, sẽ coi một câu danh hiệu này là vô thượng trân bảo, không có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Quý vị chỉ cần một mực niệm, đúng như Chương Gia đại sư đã nói trước đây: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Quý vị muốn cầu vãng sanh, muốn cầu thành Phật, đều dễ dàng đạt được, huống chi tất cả hết thầy những pháp thế gian? Thực sự là “*hữu cầu tất ứng*”. Vấn đề là phải niệm đến mức độ nào? Phải niệm đến khi không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Trong một đời này

(thế giới hiện tại đúng là quá nhiều tai nạn), gặp hung hóa cát, gặp nạn thành lành, chuyện gì cũng xứng tâm như ý. Mỗi câu tôi vừa nói đều là lời chân thật, hiện tại quý vị được hết thấy chư Phật hộ niệm, hết thấy các thiện thần ủng hộ. Hai câu trên đây lợi ích vô biên, sâu rộng không ngần mé, nhưng những người học Phật thường coi thường, thuận tiện như thế mà bỏ qua, đúng là vì nghiệp chướng sâu nặng mà thành ra như vậy. Tiếp đó nói:

Phàm hữu chư phước thiện,

Chỉ tâm dụng hồi hướng.

凡有諸福善。

至心用回向。

(Bao phước thiện đã có,

Chỉ tâm đem hồi hướng).

Trong cuộc sống thường nhật, làm được những “*phước thiện*”, khởi thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh, vì xã hội, vì đại chúng tu phước. Tuy vậy, phải nhớ rõ: Chớ tự mình hưởng thụ phước báo, tự mình sống khổ sở một chút. Tốt ở chỗ nào? Đối với thế gian này không có tâm lưu luyến, thường có tâm xuất ly, chẳng khởi tham ái đối với thế gian này. Vì thế, có phước báo phải chia cho chúng sanh hưởng, phải giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Trong khi giúp đỡ thì quan trọng nhất là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Bởi lẽ, phá mê khai ngộ thì người ta mới có thể đoạn ác tu thiện, mới có thể thoát sanh tử, xuất tam giới, triệt để vượt thoát hết thấy khổ nạn, các phương pháp khác làm không được. Đó gọi là Phật sự. Phật sự là việc của bậc đại trí đại giác, không phải là chuyện nhỏ!

Nếu có phước báo mà tự mình hưởng thụ, rất dễ bị mê hoặc. Một người hưởng phước bèn mê, bèn điên đảo, bèn tạo ác nghiệp, bèn đọa lạc; phước báo nên dành cho mọi người hưởng. Tự mình mỗi ngày ăn không cầu no, chớ ăn quá no. Ăn quá no sẽ hôn trầm, trọn chẳng tham cầu ăn uống. Ăn uống nhằm bù đắp thể lực, bù đắp năng lượng cho thân thể của chính mình, vừa đủ là tốt rồi, cũng đừng quá phạm, hết thấy tùy duyên. Nghĩ đến đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn tại thế ôm bát đi khát thực, người ta cho thứ gì ăn thứ nấy; có thứ gì vui thích hay không vui thích chẳng? Không có! Trong tâm vẫn là một câu A Di Đà Phật. Ăn ngon, A Di Đà Phật; khó nuốt cũng là A Di Đà Phật. Như vậy mới tốt! Tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ.

“*Chí tâm dụng hồi hướng*”: “*Chí tâm*” là tâm chân thành, thành tâm thành ý hồi hướng. Trong phần giảng về mười nguyện Phổ Hiền trước đây, chúng tôi đã nhắc đến hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thật Tế. Nay chúng ta hồi hướng chúng sanh, hồi hướng thế giới Cực Lạc, nguyện đem công đức này trang nghiêm Tịnh Độ Phật, niệm niệm chẳng quên cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, niệm niệm chẳng quên thân cận A Di Đà Phật.

***Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm ứng tùy thời hiện.***

願同念佛人。

感應隨時現。

(*Nguyện người cùng niệm Phật,
Cảm ứng tùy thời hiện*).

Chỉ cần chân thành, thầy Lý truyền cho tôi bốn chữ “*chí thành cảm thông*”. Chân thành đến cùng cực, đó là Năng Cảm, chư Phật, Bồ Tát bèn Ứng. “*Cảm ứng tùy thời hiện*”, thế tục thường gọi chuyện này là “Phật, Bồ Tát gia trì, Phật, Bồ Tát bảo hộ⁵⁹”. “*Tùy thời hiện*”: Trong hết thấy thời, hết thấy nơi chẳng lìa Phật, Bồ Tát, trong tâm chúng ta chỉ có A Di Đà Phật, trong hết thấy thời, hết thấy xứ, chẳng tách lìa, trong hết thấy thời, hết thấy xứ, Phật, Bồ Tát thường chiếu cố.

***Lâm chung Tây Phương cảnh,
Phân minh tại mục tiền.***

臨終西方境。

分明在目前。

(*Lâm chung cảnh Tây Phương,
Hiện rõ ràng trước mắt*).

Ở Trung Quốc, người đầu tiên đề xướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là Huệ Viễn đại sư thuộc thời đại Đông Tấn. Ngài dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tập hợp một trăm hai mươi ba người chí đồng đạo hợp, không xuống núi, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chí đồng đạo hợp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong suốt một đời Ngài, ba lần thấy thế giới

⁵⁹ Bảo hộ (保佑): Che chở và ban phước, gia trì.

Cực Lạc, thấy trong Định, nhưng từ trước đến nay chưa hề kể với người khác, giấu kín không nói. Ngài thấy tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống hệt như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Trước khi vãng sanh bảy ngày, A Di Đà Phật hiện ra trước mặt, bảo Ngài: “*Tịnh nghiệp của ông đã chín muồi, bảy ngày nữa ông sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc*”. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài. Đến ngày thứ bảy, quả nhiên A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Ngoài Quán Âm, Thế Chí, lại còn có mấy người thuộc liên xã đã vãng sanh trước Sư cũng đứng gần bên A Di Đà Phật. Ngài Huệ Viễn bảo với mọi người như thế; nói xong, Ngài ngồi ngay nơi đó, viên tịch, không sanh bệnh.

Một trăm hai mươi ba người thuộc Liên Xã khi ấy gần như đều vãng sanh hết, chẳng thể nghĩ bàn! Là vì mọi người lúc sơ phát tâm không giống nhau, Viễn Công từ nhỏ đã thông minh tuyệt đỉnh. Truyện ký chép lúc Ngài còn bé, sáu kinh⁶⁰ của Nho Gia đọc rất nhuần, không những đọc nhuần nhuyễn còn hiểu được ý nghĩa. Năm mười mấy tuổi, dường như là năm mười ba tuổi, nghe biết Phật pháp, thân cận vị thầy đương thời là pháp sư Đạo An⁶¹, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát

⁶⁰ Sáu kinh của Nho Gia (Nho gia lục kinh): Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân Thu.

⁶¹ Đạo An (312-385) là một vị cao tăng lỗi lạc, có đóng góp rất lớn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Ngài có họ ngoài đời là Vệ, người xứ Phù Liễu, Thường Sơn (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là người đi tiên phong trong nghiên cứu học thuyết Bát Nhã tại Trung Quốc, được pháp sư Cưu Ma La Thập tôn xưng là Đông Phương Thánh Nhân. Ngài mồ côi từ bé, được người anh họ nuôi dưỡng. Tuy diện mạo xấu xí, nhưng Ngài thông minh tột đỉnh, mới lên bảy đã biết đọc, sách nào cũng chỉ cần đọc hai lượt là thuộc nằm lòng. Ngài xuất gia năm 12 tuổi. Do bản sư của Ngài thấy Ngài quá xấu xí, không coi trọng, sai trông coi việc cày bừa. Ngài chăm chỉ cày cấy suốt ba năm rồi mới xin học kinh Phật. Thầy thuận tay trao cho cuốn Biện Ý Kinh năm ngàn chữ, Sư chỉ học trong một buổi nghỉ trưa mà thuộc lòng, thông hiểu nghĩa kinh. Đến tối trả lại kinh cho thầy, xin học bộ khác, thầy tức giận quở trách, Sư bèn đọc thuộc lòng và còn giảng được ý nghĩa. Thầy thử sức, trao cho bộ Thành Cụ Quang Minh Kinh một vạn chữ. Sư lại học thuộc lòng trong lúc nghỉ trưa ngày hôm sau. Thầy kinh ngạc, bèn chú tâm bồi dưỡng Sư thành nhân tài hoằng pháp. Khi ngài Phật Đò Trưng từ Thiên Trúc đến Nghiệp Quận, Sư theo học với ngài Phật Đò Trưng, rất được ngài Phật Đò Trưng ưa thích. Do diện mạo xấu xí, đại chúng vẫn có ý coi thường Sư. Do vậy, ngài Phật Đò Trưng mỗi lần giảng kinh xong, đều yêu cầu pháp sư Đạo An giảng lại, Sư giảng không sai một chữ, khiến đại chúng bội phục. Sư được vua chúa thời ấy rất trọng. Vua nhà Tiền Tần là Phù Kiên đã nói: “*Ta đem 10 vạn quân đánh Tương Dương chỉ để lấy được một người rươi, một người là ngài Đạo An, còn Tập Tạc Xi là nửa người*” (Tập Tạc Xi là một văn nhân kiêm sử gia trú danh thời ấy). Ngài là người đề xướng phương pháp “cách nghĩa” để giải thích kinh Phật, tức là dùng ngay những tư tưởng và điển cố sẵn có của Trung Hoa để giải thích những

Nhã bèn khai ngộ. Khai ngộ rồi bèn phát tâm xuất gia. Về sau, Ngài lập đạo tràng tại Lô Sơn, trở thành tổ đời thứ nhất của Tịnh tông, thành khai sơn tổ sư. Bốn câu kệ trên nêu áp dụng vào Niệm Phật Đường ở Lô Sơn quả thật hoàn toàn tương ứng. “*Nguyện đồng niệm Phật nhân, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung Tây Phương cảnh, phân minh tại mục tiền*” (Nguyện người cùng niệm Phật, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung cảnh Tây Phương, hiện phân minh trước mắt).

Từ xưa những vị đại đức, đặc biệt là các tổ sư đại đức của Tịnh Độ tông cho đến những bậc đại đức trong hàng cư sĩ tại gia, đã nêu những tấm gương vô cùng tốt đẹp. Chúng ta thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện, chỉ cần là người thực sự niệm Phật, thực sự thực hiện được hai câu kệ ở phần trên: “*Ngã kim đại quy y, sám hối tam nghiệp tội*” (con nay đại quy y, sám hối tội tam nghiệp), một câu A Di Đà Phật chết lòng⁶² niệm, quyết định chẳng còn xen tạp những pháp môn nào khác, nhất tâm niệm thì không ai chẳng được vãng sanh.

Nay Ấn Quang đại sư dạy chúng ta, Ngài nói rất hay: Dựng đạo tràng trong thời hiện tại, đạo tràng dù nhỏ vẫn là đạo tràng thập phương. Nếu ai không có tâm riêng tư, nêu không tự tư, tự lợi, bất luận từ địa phương nào đến, cốt sao chí đồng đạo hợp, thực sự tu Tịnh Độ thì chúng ta đều hoan nghênh dự vào đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp. Chúng thường trụ trong đạo tràng không được vượt quá hai mươi người, đạo tràng ấy không hóa duyên⁶³, không làm pháp hội, không truyền pháp, không thu đồ chúng, không truyền giới, không làm những Phật sự kinh sám thù tạc, mà chuyên nhất niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất phổ biến vậy.

Nay chúng tôi đề xướng, Ấn Quang đại sư dạy không giảng kinh, nay chúng tôi lại đề xướng phải nghe kinh, vì sao? Là vì con người hiện

nghĩa lý phức tạp trong kinh Phật. Ngài còn đề xướng khi giảng giải một bản kinh, nếu có nhiều bản dịch thì sẽ đối chiếu, so sánh để hiểu trọn vẹn bản kinh ấy. Ngài đề xướng chia một bản kinh ra thành ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông, cũng như chế định nghi thức, phẩm phục của tăng sĩ cho thích hợp với văn hóa Trung Hoa, đề xướng Tăng sĩ dùng chữ Thích trước pháp danh v.v...

⁶² Chết lòng (từ tâm), không phải là ‘hết lòng’. Nói “từ tâm” với ý nghĩa những ý niệm so đo, chạp giựt, đứng núi này trông núi nọ đều đã hết sạch, cõi lòng lặng lẽ, không lay động trước những lời giảng thuyết của các pháp sư, đại đức, thiện tri thức dè bieu Tịnh Độ, khuyên dụ hành nhân hãy tu tập pháp môn khác, không còn dấy lên hồ nghi, xao động nên gọi là “chết lòng”.

⁶³ Hóa duyên: Khuyến hóa, kêu gọi người khác đóng góp tiền bạc để xây dựng điện đường, tô chuông, đúc tượng v.v...

thời không hiểu Lý. Giảng kinh hạn cuộc trong năm kinh một luận Tịnh Độ, trừ những thứ ấy ra thì không giảng. Có thể giảng năm kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc ngữ lục của những tổ sư Tịnh Độ tông, đặc biệt là ngữ lục của Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư, Ấn Quang đại sư, chúng ta rút gọn lại trong phạm vi nhỏ như vậy. Mọi người hiểu lý minh bạch, rành rẽ phương pháp, chất phác niệm, chắc chắn thành tựu. Vì thế, đạo tràng tốt nhất phải có giảng đường, có Niệm Phật Đường. Giảng đường để nghe kinh, không hạn chế. Quý vị thích nghe thì nghe, quý vị không thích nghe thì đi niệm Phật. Lấy Niệm Phật Đường làm chủ, dùng giảng đường để phụ trợ, giải hạnh tương ứng, Định lần Huệ được học cân bằng, đó là đạo tràng đúng pháp. Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo:

***Kiến văn giai tinh tấn,
Đồng sanh Cực Lạc quốc.***

見聞皆精進。

同生極樂國。

*(Thấy, nghe đều tinh tấn,
Cùng sanh cõi Cực Lạc).*

Đây là đoạn văn mở đầu phần hồi hướng, phát nguyện.

***Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhất thiết.***

見佛了生死。

如佛度一切。

*(Thấy Phật hết sanh tử,
Độ hết thấy như Phật).*

Đây là nguyện vọng duy nhất của chúng ta: Chúng ta nhất định phải thấy A Di Đà Phật, tu hành trong thế giới Cực Lạc, đoạn xong hai thứ Biến Dịch và Phần Đoạn sanh tử. Quyết định phải chứng được Phật quả rốt ráo thì mới có thể phổ độ chúng sanh trong mười phương pháp giới. Tiếp theo:

Vô biên phiền não đoạn.

無邊煩惱斷。

Đây chính là “*phiền não vô biên thệ nguyện đoạn*”.

Vô lượng pháp môn tu.

無量法門修。

Đoạn phiền não, thành tựu đức năng cho chính mình, bèn học pháp môn để thành tựu học vấn của chính mình, sau đấy mới có thể thực hiện ý nguyện độ chúng sanh.

Thệ nguyện độ chúng sanh.

誓願度眾生。

Câu tiếp theo sau câu này có phạm vi rất lớn, nguyện cho hết thầy chúng sanh đều thành Phật đạo.

Tổng nguyện thành Phật đạo.

總願成佛道。

(Nguyện cùng thành Phật đạo).

So với Tứ Hoàng Thệ Nguyện, cảnh giới của nguyện này càng rộng hơn nữa. “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*” của Tứ Hoàng Thệ Nguyện chỉ nói về chính mình, còn ở đây nói đến tất cả hết thầy chúng sanh, “*tổng nguyện thành Phật đạo*” (nguyện đều thành Phật đạo).

Hư không hữu tận,

Ngã nguyện vô cùng.

虛空有盡。

我願無窮。

(Hư không có thể tận,

Nguyện của tôi khôn cùng).

Phải phát đại nguyện lớn lao như thế mới tương ứng với nguyện của Như Lai, không có mảy may tự tư, tự lợi nào. Ta đoạn phiền não là vì chúng sanh, ta học pháp môn cũng là vì chúng sanh. Ta thành Phật đạo vẫn là vì chúng sanh. Vì chúng sanh mới chính là thực sự vì mình, vì riêng mình chính là tự hại mình. Phải hiểu đạo lý này! Chúng ta có

phước trao cho hết thấy chúng sanh hưởng thì quý vị thực sự có phước, phước vĩnh viễn chẳng hưởng hết. Nếu phước báo để chính mình hưởng, dầu là phước báo tích tập nhiều đời nhiều kiếp, thường chỉ hưởng trong một đời, hai ba mươi năm là hết. Sự tình này nếu quý vị chú tâm quan sát những đế vương trong lịch sử [sẽ thấy]: Kẻ làm vua chúa, phước báo không phải do tu được trong một đời, hai đời, mà là do tu tập tích tụ phước đức từ nhiều đời, sanh vào nhân gian hưởng phước, nên mới được làm đế vương. Họ hưởng được bao nhiêu năm?

Trong số đế vương các đời, người có thể sống đến tuổi sáu mươi rất hiếm. Chúng ta chú tâm quan sát lịch sử, có rất nhiều vua chúa mới ba, bốn mươi tuổi đã mạng chung. Dầu cho họ sanh trưởng trong nhà đế vương, từ nhỏ đã hưởng thụ phú quý, về sau kế thừa ngôi vua; ba bốn mươi tuổi đã chết rồi. Quý vị nghĩ xem nhiều đời nhiều kiếp tu tập, tích tụ phước đức cũng không quá ba, bốn mươi năm là hết, kể cả thời gian làm vương tử. Thực sự làm đế vương thì có rất nhiều kẻ làm vua chưa đầy mười năm! Có vậy quý vị mới hiểu phước đức mình tích tụ để cho chính mình hưởng sẽ bị hết đi rất nhanh. Nếu cấp cho mọi người hưởng, phước báo ấy sẽ cuộn cuộn đưa tới, vĩnh viễn không gián đoạn, đấy mới là tốt, đúng là đại phước báo. Vì thế, nguyện của chúng ta phải lớn, phải giống với chư Phật, Bồ Tát, “*hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng*” (hư không dầu có tận, nguyện của tôi vô cùng). Tiếp theo đây là bài kệ Hội Hưởng, cũng là bài kệ Hội Hưởng của những người chuyên tu Tịnh Độ chúng ta:

24. Hội Hưởng

Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung,

Thượng phẩm liên hoa vi phụ mẫu.

願生西方淨土中。

上品蓮華為父母。

(Nguyện sanh trong Tây Phương Tịnh Độ,

Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ).

Thế giới Cực Lạc không có cha mẹ, chẳng có thai sanh mà là liên hoa hóa sanh, nên ví hoa sen như cha mẹ, chứ không phải là cha mẹ thật. “*Thượng phẩm liên hoa*” là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Con người phải có chí khí, chúng ta đã tu Tịnh tông, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao không cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh? Vì sao Hạ Hạ

Phẩm là đã mãn nguyện rồi? Những thứ khác đều buông xuống, chỉ yêu cầu mỗi một điều sau đây. Cầu điều gì? Cầu sớm thành Phật đạo, thành sớm một ngày sẽ giúp chúng sanh khổ nạn, vẫn là vì chúng sanh, chứ không vì chính mình. Nếu vì chính mình chứ không vì chúng sanh thì nói thật ra, quý vị không thể vãng sanh được đâu! Vì sao? Nguyện ấy khác với nguyện của A Di Đà Phật, không giống với nguyện của tất cả các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trái nghịch với họ, nên không vãng sanh được. Hết thấy vì chúng sanh, đoạn phiền não vì chúng sanh, thành Phật đạo vì chúng sanh, cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh vẫn là vì chúng sanh.

***Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh,
Bất thoái Bồ Tát vì bạn lũ.***

華開見佛悟無生。

不退菩薩為伴侶。

*(Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh,
Bất thoái Bồ Tát là bè bạn).*

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liên hoa hóa sanh, thượng phẩm thượng sanh, đến nơi ấy hoa nở rất nhanh. “*Hoa nở*” tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho chính mình, không phải do A Di Đà Phật gia trì, mà do công phu tu hành của chính mình đã đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta vãng sanh đại đa số là công phu thành niệm, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ở trong hoa sen, hoa sen chưa nở. Đến lúc nào hoa mới nở? Đến khi nào chúng được Lý nhất tâm bất loạn, cũng tức là đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do vì quý vị ở trong hoa sen, Phật đến dạy quý vị, chư Phật, Như Lai đến giảng kinh thuyết pháp cho quý vị, quý vị thích tu pháp môn nào đều có thể học pháp môn ấy.

“*Bất Thoái Bồ Tát*”: Các vị Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái từ Thất Địa trở lên là đồng tham đạo hữu của quý vị, là đồng học của quý vị, là bằng hữu ở cùng một chỗ với quý vị. Nhiều đồng tham đạo hữu tốt lành đến như thế, lại có chư Phật Như Lai tới dạy dỗ, quý vị nghĩ thử xem: Khai ngộ rất nhanh chóng! Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoa sen bèn nở. Vì thế, hoa sen vừa nở thì đó là cảnh giới nào? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Trong hoa sen là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Hoa nở rồi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đây là cảnh giới quý vị đích thân chứng được.

Tất cả hết thấy khai thị, tán tụng, phát nguyện, không gì chẳng

nhằm hiển thị y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh. Chúng ta nghe xong, thấy xong, hãy nên phát nguyện vãng sanh cõi Phật. Duyên ấy đúng là “*bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” ([ngày được gặp gỡ, nghe nói pháp môn Tịnh Độ] là một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Ngày hôm nay chúng ta đã gặp. Tiếp đến là phần tán thán Pháp Bảo trong phần tán thán Tam Bảo. Ở trên, chúng ta đã đọc qua về phần tán thán Phật Bảo. Ở đây là tán thán Pháp Bảo trong thời thứ hai:

25. Tán Thán Pháp Bảo

Pháp Bảo thực nan lượng.

法寶實難量。

(Pháp Bảo thật khó lường).

“*Lượng*” (量) là đo lường, suy lường. Nói cách khác, “*Pháp Bảo thực nan lượng*” nghĩa là Pháp Bảo quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Không cần phải xem kinh luận nào khác, nay chúng ta chỉ đọc mình Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự này thôi, quý vị thấy kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, lại còn tán Phật, phát nguyện, khai thị, nhìn vào một chút nhỏ nhặt dường này mà đã [thấy Pháp Bảo] chẳng thể nghĩ bàn, huống chi cả một Đại Tạng Giáo, quả thật khó nghĩ khó bàn, chẳng thể nghĩ bàn!

Như Lai kim khẩu tuyên dương.

如來金口宣揚。

Chữ “*kim khẩu*” (miệng vàng) hàm ý xưng tán. Nhìn từ mặt Sự, Phật là kim sắc thân, [nghĩa là] thân Phật màu vàng ròng, bởi thế chúng ta nói mặt Phật là “kim diện” (mặt vàng), gọi miệng Phật là “kim khẩu”. Nếu luận theo Lý thì trong bảy báu, vì sao vàng được mọi người coi trọng đến thế? Vì vàng chẳng biến đổi, những thứ khác như bạc chẳng hạn có thể bị “*duỡng hóa*” (oxidize: óc-xít hóa), biến thành màu đen. Riêng màu vàng của vàng trong bất cứ tình huống nào cũng vẫn giữ được bản sắc, nên trong những thứ kim loại, mọi người đều quý vàng. Chữ “*kim khẩu*” ý nói những lời Như Lai nói đều là vĩnh hằng bất biến, chữ Kim có ý nghĩa như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Hết thầy pháp do từ

miếng vàng của đức Như Lai tuyên dương.

Long cung hải tạng tán thiên hương.

龍宮海藏散天香。

(Cát tại cung rồng trong biển cả, rải hương trời)

Lúc đức Thế Tôn thuyết pháp, nói xong, Đại Long Bồ Tát thâu thập lại, cất giữ trong thư viện của mình, cất giữ trong cung rồng. Câu này chỉ kinh gì vậy? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Lúc đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện mới thành Phật, ở dưới cội Bồ Đề, đức Phật nói kinh này trong Định, thời gian không dài, trong hai tuần, có chỗ nói là ba tuần. Nói cách khác, tính là ba tuần thì mới là hai mươi một ngày, đức Phật giảng kinh trong Định. Phạm phu chẳng có phần, chẳng thể tham dự pháp hội trong Định của Như Lai, bởi lẽ, đại chúng tham dự pháp hội là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Chúng tôi thường nói: *“Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Chân Tánh”*. Người như vậy mới đủ tư cách tham dự pháp hội Hoa Nghiêm, nghe đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, đi vào trong Định của Như Lai. Cũng có nghĩa là người trong mười pháp giới chẳng có phần.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có rất nhiều thiên chúng, thần chúng, vì sao họ cũng tham dự được? Phải biết: Những loại chúng quý thần ấy đều là chư Phật hay Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, không thực sự là phạm phu. Nếu thực sự là phạm phu, họ làm sao có thể tham dự pháp hội ấy được? Vì thế, trong số các quý thần cũng có chư Phật, Bồ Tát ứng hóa, họ là ứng hóa nên có thể tham gia. Họ tham gia cũng như đại diện cho một loài chúng sanh, chứ không phải là phạm nhân, mà toàn là Pháp Thân Bồ Tát.

Trong thời gian ngắn ngủi như thế, đức Phật giảng bao nhiêu? Giảng quá u là nhiều! Đức Phật diệt độ sáu trăm năm, Long Thọ Bồ Tát sanh ra. Ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, đi vào long cung, thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh lớn đến chừng nào? Ngài nói: *“Mười đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm”*. Trong thế gian này không có ai có thể đọc hết nổi! Lại xem có bản nào đơn giản hơn hay không? À! Lại coi đến Trung Bản, người thế gian chúng ta vẫn không thể lãnh thọ được nổi, vì phân lượng quá lớn. Cuối cùng, còn có thứ nào đơn giản hơn hay chẳng? Đại Long Bồ Tát liền đưa phần mục lục đề yếu của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho ngài Long Thọ xem. Giống như Tứ Khố Toàn Thư của chúng ta vậy. Quý vị

thấy bộ Tứ Khố Toàn Thư ở giảng đường chúng ta, nay là bản in chữ rút nhỏ lại, tổng cộng một ngàn năm trăm tập. Bộ sách này có bản Mục Lục Đề Yếu đơn giản nhất, in thành năm tập; phần này do Ký Hiểu Lam biên soạn: Mỗi một cuốn sách, tựa đề, tác giả, sáng tác trong niên đại nào, nội dung nói những gì, đều được giới thiệu đơn giản. Những thứ này trước đây được soạn cho vua Càn Long xem. Hoàng đế Càn Long không có thời gian xem nhiều sách đến thế, do vua muốn hiểu nội dung mỗi cuốn sách như thế nào, nên [Ký Hiểu Lam] đặc biệt soạn tóm tắt cho vua xem.

Ngày nay chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, chính là mục lục đề yếu của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Quý vị mới hiểu đức Thế Tôn nhập Định, quý vị phải biết là thời gian trong Định đem so với thời gian hiện tại của chúng ta phải có sai biệt. Kinh Đại Thừa thường nói: “*Một niệm có thể mở rộng thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm*”. Niệm và kiếp viên dung. Vì thế, đức Phật có thể trong khoảng một niệm giảng vô lượng vô biên Phật pháp, biến thành vô lượng kiếp. Đây chính là ý nghĩa của câu “*long cung hải tạng tán thiên hương*”. Đại Long Bồ Tát thâu cất trong cung rồng. Bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Long Thọ Bồ Tát truyền ra gồm mười vạn kệ⁶⁴, bốn mươi phẩm, đều là phần mục lục đề yếu.

Giác giả tụng lang hàm.

覺者誦琅函。

(Bậc giác ngộ đọc kinh văn).

Chỉ có người thực sự giác ngộ mới hiểu học, mới thích thú, thích thọ trì, đọc tụng. Từ ngữ “*lang hàm*” (琅函) ngày nay cũng ít người hiểu. Lang Hàm là gì vậy? Lang Hàm là cái hộp chứa đựng sách thời cổ. Như nay quý vị thấy những cuốn sách in theo lối cổ, bên ngoài có một cái hộp đựng để bảo vệ. Câu này có ý nghĩa là đọc quyển kinh, nói theo cách bây giờ là đọc bản kinh.

⁶⁴ Theo hòa thượng Tịnh Không đã giảng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Đích Khải Thị, “kệ” là cách người cổ Ấn Độ tính kích thước một tác phẩm. Cứ bốn câu gọi là một Kệ (không phân biệt mỗi câu dài ngắn khác nhau); chữ Kệ này có ý nghĩa khác với chữ Kệ Tụng (cũng thường gọi tắt là Kệ). Kệ Tụng cũng gồm bốn câu, nhưng số chữ có hạn định, có vần điệu, thường được dùng để trùng tuyên những ý nghĩa đã giảng hay thưa thỉnh hoặc giải đáp.

Ngọc trục, hà điều, kim tử tự.

玉軸霞條金寫字。

(Trục ngọc, lụa màu rắng trời, viết chữ vàng).

Những bản kinh xưa kia, những bản kinh cổ nhất được viết trên lụa, giống như thư họa hiện tại. Vì thế gọi là một Quyển (卷: cuộn lại). Quyển ấy viết xong, cuộn lại, gắn trục, trục được làm bằng ngọc. Dùng lụa loại tốt nhất nhằm tôn trọng kinh điển, coi kinh điển như cửa báu vô thượng. Kinh quyển thời cổ như thế – nói theo cách bây giờ là “trang hoàng” – dùng cách trang hoàng kinh điển đẹp đẽ, quý trọng nhất, chữ viết bằng vàng. Hiện tại quý vị có thể thấy những quyển kinh như thế trong những viện bảo tàng, có loại viết chữ vàng, có loại viết chữ bạc; dùng [bột] vàng hay bạc [hòa vào mực hay chất sơn] để viết.

Tự bài thu nhận thành hàng.

似排秋雁成行。

(Như chim nhận bay thành hàng trong mùa Thu).

Câu này có ý chỉ Phạn văn, cũng có thể hiểu là thư pháp viết hết sức đẹp đẽ, thư pháp tinh xảo, tề chỉnh. Phạn văn được viết theo hàng ngang, còn Hán văn viết theo hàng dọc. Văn tự Tây Tạng là biến thể trực tiếp của văn tự tiếng Phạn, giống như văn tự Nhật Bản do học từ Trung Quốc rồi biến đổi đi, có quan hệ hết sức mật thiết. Nay chúng tôi đến Nhật Bản, nói thật ra, không khác gì ở Trung Quốc cả, dấu ngôn ngữ không thông, nhưng văn tự xem đến liền hiểu được. Chúng tôi đọc tên mỗi đường phố đều hiểu, dù âm đọc khác nhau, nhưng nhận biết được mặt chữ, hiểu được ý nghĩa. Câu này chúng ta có thể giải thích là văn tự chỉnh tề, lối chữ khéo léo, ngay ngắn, chỉnh tề, đều hàm ý tôn trọng Pháp Bảo.

Tích nhân tam tạng thủ lai Đường.

昔因三藏取來唐。

(Xưa nhờ Tam Tạng đem qua Trung Hoa).

Mọi người vừa đọc đến câu này, thấy từ ngữ “Tam Tạng” bèn nghĩ ngay đến pháp sư Huyền Trang, tức Đường Tam Tạng. Trên thực tế, câu này mang ý nghĩa rất rộng. Thời cổ, rất nhiều pháp sư từ Trung

Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, học tập. Cao tăng đại đức Ấn Độ mang theo tượng Phật, kinh sách đến Trung Quốc cũng không ít. Vào thời đó, những pháp sư phiên dịch kinh điển đều gọi là “*Tam Tạng pháp sư*”. Kinh Phật [dịch sang tiếng Hán] bắt đầu từ thời Hán, vào đời Hậu Hán⁶⁵ kinh Phật được chánh thức truyền sang Trung Quốc, truyền sang rồi mới bắt đầu phiên dịch, nhưng kinh được phiên dịch nhiều nhất là vào đời Đường. Vì thế, vào đời Đường, mười tông phái Đại Thừa và Tiểu Thừa⁶⁶ của Phật giáo Trung Quốc được thành lập, có thể nói là Phật pháp Ấn Độ đã di thực⁶⁷ hoàn toàn đến Trung Quốc. Vào đời Đường có thể nói là [Phật giáo] đã di thực hết sức viên mãn, biến thành một bộ phận của văn hóa Trung Quốc, ảnh hưởng hết sức rộng lớn. Có rất nhiều thuật ngữ trong cuộc sống thường ngày của chúng ta phát xuất từ Phật giáo. Vì vậy, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng nói rất hay; cụ nói: “*Nếu chúng ta vứt bỏ Phật giáo sẽ không thể nói năng gì được nữa!*” Cụ nói như vậy là đúng đây, nhưng người hiểu được câu nói ấy không nhiều. Trong những thuật ngữ thường dùng hằng ngày của chúng ta có rất nhiều từ ngữ lấy từ kinh Phật.

Vạn cổ vị phu dương.

萬古為敷揚。

(Phô diễn đến muôn đời).

Tức là đời đời truyền tụng, lưu thông muôn đời, lợi ích rộng rãi

⁶⁵ Hậu Hán tức là nhà Đông Hán (25-234). Đông Hán là nhà Hán được phục hưng sau khi Hán Quang Vũ Đế (Lư Tú), là người đã diệt trừ Vương Mãng (người soán đoạt ngôi vua của nhà Tây Hán) và đánh tan các tướng lãnh quân phiệt, tái lập nhà Hán. Do đóng đô tại Lạc Dương (nằm về phía Đông của cố đô Trường An của nhà Tây Hán) nên gọi là Đông Hán. Kinh Phật được hai vị Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng truyền vào Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế. Hai vị này trụ tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương để phiên dịch kinh điển, bộ kinh đầu tiên được dịch sang tiếng Hán là Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

⁶⁶ Mười tông phái của Phật giáo Trung Hoa là Câu Xá Tông (Tiểu Thừa Hữu Tông), Thành Thật Tông (Tiểu Thừa Không Tông), Tam Luận Tông (Pháp Tánh Tông), Luật Tông (Nam Sơn Tông), Từ Ân Tông (Đu Già Tông, Duy Thức, Pháp Tướng Tông), Mật tông (Chân Ngôn Tông), Tịnh Độ Tông (Liên Tông), Thiên Thai Tông (Pháp Hoa Tông), Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông, Pháp Giới Tông) và Thiên tông (Tâm Tông, Tông Môn).

⁶⁷ “*Thực*” (植) ở đây là gieo trồng. Đem loại cây nào trồng sang một nơi khác không phải là quê hương của cây ấy gọi là “*di thực*” (移植, transplant).

chúng sanh. Đây là đại ý của bài tán Pháp Bảo.

Trong Phật sự có xướng niệm, do vậy thời gian làm Phật sự phải dài. Nếu rất nghiêm túc, rất chân thành làm Phật sự thì một buổi Phật sự phải mất ba tiếng. Ba tiếng đồng hồ, sức lực ai nấy đều kém đi một chút, cảm thấy mỏi mệt. Bởi thế, trong Phật sự phải có âm nhạc, phải có xướng tụng, có nhiều Phật, có hoạt động. Phối hợp rất nhiều phương tiện thiện xảo lại, khiến chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng, rất nhanh chóng, không biết là thời gian kéo dài, cũng không cảm thấy nhọc nhằn. Tâm chân thành thực hiện được một buổi Phật sự viên mãn, cõi âm lẫn cõi dương cùng được lợi. Nói thật ra, người làm Phật sự chúng ta được lợi ích lớn nhất. Kinh Địa Tạng dạy không sai, bảy phần công đức thì bản thân chúng ta được hưởng sáu phần, vong linh, quỷ thần được hưởng một phần bảy.

Thế nhưng Phật sự ấy có lợi ích rất thù thắng đối với vong linh. Do nguyên nhân nào? Người làm pháp sự rất đông, chẳng phải chỉ là mấy vị pháp sư làm, không phải thế, mà là đại chúng đều có thể tham dự. Vì vậy, nay chúng ta thường làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm; tại Đài Loan, tại Trung Quốc, có đến hơn cả trăm người tham dự, thậm chí có khi đến hơn ba trăm người, quý vị nói xem công đức ấy lớn đến đâu! Lợi ích ấy rất lớn. Từ báo cáo nước kết tinh, chúng ta có thể hiểu được đạo lý này: Tập hợp sức mạnh của đại chúng, công đức thù thắng! Nhất là tập hợp những người thực sự có tu hành, những người tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, những người ấy tâm ít nhiều tương ứng cùng kinh giáo. Trong khi làm Phật sự, họ có thể buông xuống vạn duyên, tối thiểu là trong lúc làm pháp hội, trong thời gian ngắn ngủi, buông xuống hết tạp niệm, chuyên tâm thực hiện buổi công khóa ấy. Người [tham dự] lại đông ngần ấy, có pháp sư dẫn đầu; do vậy, Phật sự như vậy thù thắng hơn những Phật sự khác quá nhiều! Ví như nói Lương Hoàng Sám, người tham dự không đông được như thế; thực sự làm pháp sự chỉ có vài vị pháp sư, chứ đại chúng không thực sự tham dự; nhưng Tam Thời Hệ Niệm là thực sự tham dự, khác hẳn.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 50

26. Khai Thị

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phân khai thị lần thứ ba trong thời thứ hai, tiếp ngay sau phần tán thán Pháp Bảo. Chúng tôi đọc lời khai thị một lượt:

Cái văn: *Hư nhi hữu minh đáp chi thanh, tịch nhi vô hình ảnh chi tướng. Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp. Phật thân vô tác, phi khẩu chi nhi bất chương.*

蓋聞虛而有鳴答之聲。寂而無形影之相。然谷響自然。非呼之而不答。佛身無作。非扣之而不彰。

(Từng nghe: Trống rỗng mà có tiếng đáp ứng, tịch nhưng không có tướng hình ảnh. Thế nhưng, hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp. Phật thân vô tác, không bao giờ gõ mà chẳng hiển bày).

Chúng ta xem tiêu đoạn này trước. Đoạn này giảng về đạo lý cảm ứng đạo giao. “Cái văn” (từng nghe) – “văn” (聞) là nghe – từng nghe đức Thế Tôn khi giảng kinh, thuyết pháp thường nói đến. “*Hư nhi hữu*”: Hư (虛) là hư vô, con người hiện nay gọi “*hư nhi hữu*” là “từ trong Không sanh ra Có”. Trước kia thường tưởng chuyện trong Không sanh ra Có không thể nào xảy ra được. Các nhà khoa học cận đại đã chứng thực: Quả thật, Hữu từ Vô sanh ra, đúng là trong Không sanh ra Có. “*Hư nhi hữu minh đáp chi thanh*” (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng), “*minh đáp chi thanh*” (tiếng đáp vọng lại) là cách nói hình tượng, ở phần sau thiền sư sẽ nói cụ thể cho chúng ta hiểu, dẫn sự tương làm chứng. “*Tịch nhi vô hình ảnh chi tướng*” (tịch nhưng không có tướng hình ảnh), trong thanh tịch tịch diệt không có tướng hình ảnh, pháp vốn là như thế. Hình tượng do đâu mà có? Nói chung không ngoài cảm ứng. Tiếp đó, dùng sự thật để nói. Hai câu đầu giảng về Lý Thể, Thể của Pháp Tánh vốn là như vậy, thanh tịch tịch diệt!

“*Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp*” (nhưng hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Đây là nêu thí dụ minh họa ý đầu tiên “*hư nhi hữu minh đáp chi thanh*” (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng). Hang núi quả thật không có âm thanh, nhưng nếu quý vị hú dài một tiếng sẽ có tiếng vọng; bởi thế, “*phi hô chi nhi bất đáp*” (không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Nếu quý vị không hú dài một tiếng, hang núi cũng không vọng lại tiếng. Đây chính là “*trống rỗng mà có tiếng đáp vọng*”. Tiếng đáp vọng ấy phải do chính quý vị dẫn khởi; hang núi có khả năng ứng tiếng, nhưng quý vị phải cảm, cảm ứng mà, tương được hiện bèn hiện tiền.

Trong câu kệ đó, “*Phật thân vô tác*” chính là “*tịch nhi vô hình ảnh chi tướng*” (tịch nhưng không có tướng hình ảnh). Quả thật chư Phật Như Lai không có hình tướng, nhưng nêu quý vị đánh động, chư Phật liền hiện ra. Khâu (扣: gõ, đánh động) là Cẩm, Chương (彰) là hiển hiện rất rõ rệt, tức là Ứng. Chúng sanh có Cẩm, Phật bèn có Ứng. Cẩm khác nhau, thiên sai vạn biệt (muôn vàn sai khác) nên Ứng cũng khác nhau, cũng là thiên sai vạn biệt. Người cảm có lúc hữu ý, có lúc vô ý, hoặc có thể nói là chúng ta hữu tâm hay vô tâm, nhưng Ứng luôn luôn là vô tâm. Vô tâm, vô ý, tùy quý vị cảm như thế nào sẽ ứng như thế đó, cảm ứng đạo giao, hiển hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Sự cảm ứng ấy đều là duy thức sở biến, nó có thể hiện thì là duy tâm sở hiện, tâm hiện, thức biến. Thức do tâm hiện, biến thành vô lượng vô biên sắc tướng, trong Phật pháp gọi là “vô lượng vô biên pháp giới”. Vốn là Nhất Chân, kết quả Nhất Chân biến thành vô lượng vô biên pháp giới, trong ấy có khổ hay vui khác nhau. Tiểu đoạn này nói không nhiều, nhưng nghĩa lý sâu rộng vô tận, người học Phật chẳng thể không biết.

Tin Phật thì dựa vào đâu để tin? Dựa vào đạo lý mà tin, nhờ vào những sự thật mà tin tưởng. Phá mê khai ngộ, phản vọng quy chân (bỏ vọng trở về chân) là nhờ vào đâu? Cũng nhờ vào đạo lý này. Nếu quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ có thể thay đổi được vận mạng hiện tiền. Ta muốn được vận mạng tốt, ta hy vọng suốt đời gặp may, không khó đâu, chỉ cần quý vị có Cẩm tốt, tự nhiên sẽ có Ứng tốt. Cổ đức đã nói: “*Chủng thiện nhân đắc thiện quả*” (Trồng thiện nhân được thiện quả). Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (Thường nghĩ đến thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp), quý vị sẽ được hạnh phúc vĩnh hằng, rốt ráo, viên mãn, “*năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (liã được hết thảy nỗi khổ trong thế gian). Đó là cảm ứng! Lý cảm ứng pháp vốn là như thế, là đức năng của tánh đức. Tự tánh vốn sẵn có, vốn có năng lực, vốn có đức tướng. Nay chúng ta thành ra nông nổi này thì không có chi khác cả, chỉ do mê mất mà thôi! Đã mê mất nên khởi tâm động niệm đều là bất thiện, nếu cảm là bất thiện thì sự hồi đáp làm sao thiện cho được? Không có đạo lý ấy đâu!

Người thế gian cầu tài, hiện tượng này phổ biến nhất, tài ở nơi đâu? Tài ở ngay trong mạng của quý vị. Trong mạng quý vị không có của thì quý vị cầu nơi đâu? Dầu của cải ngập đất quý vị cũng không dùng được! Nếu quý vị cố làm cho được thì họa hại xảy ra liền. Vì sao?

Không có số để hưởng. Trong mạng không có tiền của, phải tu! Chẳng phải là cầu không được, có thể cầu, hãy tu đi! Tu gì? Đức Phật dạy chúng ta tu Tài Bồ Thí. Càng không có tiền của, càng keo kiệt, đúng là sai lầm, phải cùng quần suốt đời. Nếu quý vị thấy ai cùng khổ, đúng là người ấy không có chút phước báo nào. Nếu quý vị thấy họ là người rất rộng rãi, dầu không có, vẫn bỏ ra một chút, cũng chịu bồ thí, chúng ta biết người ấy sau này nhất định sẽ khá giả. Vì sao? Hiện tại người ấy gieo nhân, trong mạng dầu không có tiền của, nhưng người ấy có thể dần dần chất đầy cái kho tiền tài trong số mạng.

Tài Bồ Thí được giàu có, Pháp Bồ Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bồ Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Đức Thế Tôn thường nói như vậy trong các kinh luận Đại, Tiểu Thừa. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng không ngừng lặp lại, quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có nghe lọt tai hay không? Quý vị có y giáo phụng hành hay chẳng? Chỉ cần quý vị chịu làm, đừng lo lắng, năm năm, mười năm, hai mươi năm sau, quả báo sẽ hiện tiền. Không phải ta bồ thí hôm nay, ngày mai sẽ được phát tài liền, không có đạo lý như vậy đâu! Chỉ thành tâm thành ý mà làm, ngàn ngữ thường nói: “*Chỉ vấn canh vân, mạc vấn thâm hoạch*” (chỉ hỏi cây cây, chớ hỏi thâm hoạch). Chỉ cần [quan tâm] ta phải trồng nhân lành, ta phải tu Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí, Vô Úy Bồ Thí, đừng hỏi đến quả báo. Nhân duyên chín muồi, quả báo sẽ tự nhiên hiện tiền. Như vậy rồi quý vị mới thực sự hiểu rõ lời Phật nói là thật, không giả! Cảm và Ứng thực sự hiện tiền. Hiện tiền rồi, quý vị phải có trí huệ, quả báo hiện tiền nhưng chính mình không hưởng thụ, lại phải bồ thí cho hết thầy chúng sanh hưởng thụ, như vậy mới là tốt!

Những vị lão đồng học, quý vị theo tôi đã lâu, bao nhiêu năm rồi, quý vị đã thấy, đều thấy cả rồi. Lúc tôi mới học, tôi là người có phước hay không, nhìn tướng mạo là biết liền. Quý vị thấy tướng mạo tôi lúc mới xuất gia, quý vị biết ngay: Một tí phước báo cũng không có! Nếu quý vị chú tâm quan sát thêm, lại còn là tướng đoán mạng. Lúc tôi xuất gia là đã học Phật bảy năm rồi. Nói cách khác, lúc ấy đã có chút chuyển biến nhỏ nhoi. Lúc vừa mới học Phật, tướng mạo lúc ấy đúng là bất hảo. Vì thế, chính tôi cũng chẳng biết nói làm sao! Vì lẽ nào thầy lại chiếu cố đến tôi? Đây không phải là chuyện dễ dàng! Người ta thường chiếu cố ai đó đều là vì thấy kẻ ấy có tương lai, người ấy có thể dạy được. Thấy kẻ nào vừa không có phước lại vừa đoán mạng, trong cái nhìn và ý nghĩ của mọi người, ắt họ kính nhi viễn chi kẻ đó, buông bỏ kẻ đó. Những vị thầy của tôi quả thật chẳng phải là phạm nhân!

Đại khái trong đời quá khứ, tôi không tu Tài Bồ Thí, coi thường, mà cũng chẳng tu Vô Úy Bồ Thí. Đời này khi trẻ tôi còn đi săn, đi săn cả ba năm, hằng ngày sát sanh, không ngày nào chẳng sát sanh. Sát nghiệp rất nặng. May là trong đời quá khứ tu được chút Pháp Bồ Thí, có được một chút trí huệ. Lúc nhỏ (thời gian không dài, đại khái chỉ chừng hai ba năm, lúc còn rất nhỏ), đại khái khoảng năm sáu hay bảy tuổi, trong khoảng thời gian ấy được cha mẹ dạy dỗ. Lúc ấy tuy chưa lớn, nhưng đã bén rễ khiến cho tôi hiểu học, biết hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, nền tảng rất sâu dày. Trông thấy miếu Thành Hoàng bị quân đội phá hủy, Thành Hoàng phải dọn nhà; ba ngày trước khi miếu bị phá hủy, tôi giúp Thành Hoàng dọn nhà, bởi thế tôi kết duyên rất tốt với Thành Hoàng. Vị Thành Hoàng ấy thường thân cận bên tôi.

Được thầy quan tâm chiếu cố, cuối cùng tôi hiểu rõ, giác ngộ, quay đầu, đoạn ác, tu thiện, tự mình nhận thấy trước đây mình sát nghiệp rất nặng, khi hiểu ra, tôi bèn ăn chay trường, phóng sanh! Dầu thân nhập hết sức ít ỏi, tôi bằng lòng bỏ hết tiền để phóng sanh. Học xong, xuất gia, xuất gia năm ba mươi ba tuổi, bắt đầu nhận lời người khác mời giảng kinh, giảng kinh được cúng dường. Tôi có tiền bèn phóng sanh, có tiền để bố thí thuốc men, có tiền bèn in kinh. Có lúc in kinh, chúng tôi không có tiền để in kinh một mình, xưởng in kinh in kèm thêm⁶⁸, gởi trước một ít tiền thôi. Kinh sách in xong, họ gởi cho tôi mấy bản. Tôi làm chuyện như vậy, làm như vậy suốt đời. Đến khi ngoài bốn mươi tuổi, cúng dường dần dần nhiều hơn, tôi có khả năng đứng ra in kinh một mình, chính mình muốn in bao nhiêu cũng được, suốt đời làm chuyện này, cuộc sống hết sức đơn giản.

Gần đây nhất, khoảng chừng hơn ba mươi năm, tôi không dùng đến tiền. Ở Mỹ, ngân hàng Mỹ Quốc cấp cho tôi thẻ tín dụng, tôi có khá nhiều thẻ tín dụng loại vàng (gold credit card), từ đó đến nay chưa dùng tới lần nào. Hình như họ cấp cho đôi ba lượt, về sau không cấp nữa, chưa hề dùng đến. Như vậy phước báo như quý vị hiện đang thấy đó hình như là càng ngày càng nhiều, đúng là tâm tưởng sự thành. Chúng tôi không có ý niệm ác, không có ý niệm hưởng thụ, toàn là tất yếu “có cảm ắt có ứng”. Vì thế, chính mình chẳng nên thụ hưởng phước báo, nhường cho hết thầy chúng sanh hưởng, đặc biệt là chúng sanh khổ nạn.

Sau khi hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới thực sự làm, thực sự có cảm ứng. Quý vị càng làm càng hoan hỷ, vì sao? Có thể giúp cho rất

⁶⁸ Tức là đã có người khác đặt in với số lượng lớn, nên nhà in nhân tiện in thêm vài bản nữa cho mình.

nhieu chúng sanh khổ nạn. Giúp đỡ quan trọng nhất vẫn là Pháp Bồ Thí. Hiện tại, chúng ta thực hiện Pháp Bồ Thí, ngoại trừ công khai giảng diễn ra, có không ít bản giảng ký được lưu thông. Rốt cuộc số lượng là bao nhiêu? Chúng tôi không biết, không phải do tôi in. Thậm chí rất nhiều bản giảng ký không do tôi viết. Tôi giảng xong, có người chép lại từ băng thâu hình hay băng thâu âm, soạn thành sách để lưu thông. Rất nhiều thứ ghi chép tôi chưa từng xem đến, tôi cũng không muốn xem. Vì sao? Nói xong thì thôi. Có gì phải lưu lại vết tích? Ai thích làm thì tùy duyên, quý vị thích làm thì cứ làm!

Hiện thời còn lợi dụng kỹ thuật cao, chúng ta có Internet, có vệ tinh. Internet hay vệ tinh cũng không do tôi làm, ai làm tôi đều hoan hỷ, tôi cũng chẳng chướng ngại người ấy, mà cũng chẳng tán trợ người ấy. Nếu tôi tán trợ quý vị, tôi phải đi hóa duyên, tôi phải đi kêu gọi quyên góp, suốt đời tôi không làm chuyện ấy. Có không ít người hảo tâm làm chuyện đó, làm khá thành công, đều là chuyện tốt. Bản thân chúng tôi suốt đời không nhọc lòng, không phan duyên. Không nhọc lòng thì chuyện gì cũng tốt, như vậy mới tự tại, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ mở mang rồi mới có thể hiểu kinh giáo, mới có thể lãnh hội. Vì thế, tâm phải thuần thiện thuần tịnh, chẳng những tiếp xúc với kinh luận của Phật, Bồ Tát, trí huệ của quý vị mở mang mà ngay cả những pháp thế gian, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài thấy đều mở mang trí huệ. Đây chính là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài.

Từ kinh giáo mở mang Căn Bản Trí, từ cuộc sống thường ngày khai phát Hậu Đắc Trí. Suốt một đời chúng ta có thể sống trong trí huệ, không sống trong phiền não, không sống trong ưu lự, quý vị nói xem: Hạnh phúc nào sánh bằng? Hạnh phúc ấy do Phật, Bồ Tát, thầy, thiện tri thức ban cho chúng ta, ân đức ấy niệm niệm chẳng quên, tri ân báo ân, báo ân bằng cách nào? Vì người khác điển nói. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Thọ trì, đọc tụng, vì người khác điển nói thì mới là báo ân Phật, mới hồng báo ân thầy, mới hồng báo ân thiện tri thức, mới hồng báo ân hết thầy chúng sanh. Xin xem tiếp đoạn văn kể đó:

Thượng lai khả kiến đệ nhị thời Hệ Niệm Phật Sự dĩ viên.

上來啟建第二時繫念佛事已圓。

(Từ trên tới đây tạo tác Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai đã viên mãn).

Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai tới đây đã viên mãn.

Như thượng thù huân, đầu nhập Như Lai đại nguyện hải trung, xuất sanh công đức.

如上殊勳。投入如來大願海中。出生功德。

(Công huân thù thắng như thế, gieo vào trong biển đại nguyện của Như Lai, sanh ra công đức).

[Ý nghĩa] hoàn toàn giống như trong thời thứ nhất.

Chuyên vì vong linh tẩy trừ nghiệp cấu.

耑為亡靈洗除業垢。

(Chuyên vì vong linh rửa trừ nghiệp cấu).

Phần trên là thời thứ nhất, đây là thời thứ hai. Có nhiều người như thế cùng hợp lại tu pháp sự này, nhằm để làm gì? “Chuyên vì vong linh”, cũng vì hết thầy quỷ thần, “rửa trừ nghiệp cấu”.

Tăng trưởng thiện căn, xả thử báo duyên, vãng sanh Tịnh Độ.

增長善根。捨此報緣。往生淨土。

(Tăng trưởng thiện căn, bỏ báo duyên này, sanh về Tịnh Độ).

Chúng ta tu pháp sự này nhằm vào mục đích này đây. Lợi người, đương nhiên cũng là tự lợi. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ “tự - tha không hai”. Vì sao? Trên kia đã nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt”. Tâm, Phật, chúng sanh nguyên là một thể. Vì thế, lợi tha mới là thực sự tự lợi, tự lợi nhất định phải lợi tha. Nếu tự lợi, chẳng lợi tha thì chẳng phải là tự lợi mà là “tự mình hại mình”! Phần khai thị tiếp theo đây đối với chúng ta có tánh chất khai phát rất mạnh.

Đản niệm tự tùng vô thủy, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Nhưng nghĩ từ vô thủy cho đến đời này).

“Đản niệm” là chúng ta hồi tưởng, phản tỉnh, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay.

Âu sanh cự hải, trực thức lãng dĩ cao đê.

漚生巨海。逐識浪以高低。

(Bọt nước sanh trong biển cả, theo sóng thức lên cao xuống thấp).

Đây là nói tỷ dụ. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn từng nhắc đến tỷ dụ này. Trong kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ như sau: Đức Phật ví Chân Tâm, Tâm Tánh, Pháp Tánh như biển cả, ở phần trên gọi là Linh Tri Tâm, tâm Linh Tri như biển cả. Tâm phân biệt, tức là Duyên Lự Tâm, là gì? Duyên Lự Tâm là một cái bọt nước sanh từ nước biển. “Âu” (漚) chính là bọt nước. Đây chính là ý nghĩa của câu “*âu sanh cự hải*”. Thức sanh từ Pháp Tánh, mê mất tự tánh, do mê mất tự tánh bèn sanh ra vọng tâm, vọng tâm là A Lại Da Thức. Từ A Lại Da Thức biến ra [các thức khác] (nó có thể biến), biến thành thức thứ bảy, thức thứ sáu, và năm thức đầu, lại biến thành Tâm Sở, lại biến thành Sắc pháp, thủy đều biến hiện ra, [những thức, tâm sở, sắc pháp này so với chân tâm chỉ là] “*âu sanh cự hải*”.

“*Trực Thức lãng dĩ cao đê*” (theo sóng Thức mà lên cao xuống thấp). “*Sóng Thức*” là gì? Sóng là động, không tịnh. Tâm tánh chúng ta tịnh, trạm tịch linh minh, trong Phật pháp thường dùng bốn chữ [“trạm tịch linh minh”] này để hình dung. Thức (vọng tâm) không như vậy; vọng tâm là động, vọng tâm là sóng mồi. Sóng mồi có cao hay thấp, gió lớn sóng to, gió nhỏ sóng bé. Gió to sóng lớn là lục đạo tam đồ. Gió nhẹ sóng bé là Tứ Thánh Pháp Giới. Trong lục đạo, gió to sóng lớn là ba ác đạo; gió nhẹ sóng bé là ba thiện đạo, lục đạo luân hồi. Câu này giảng vì sao có lục đạo luân hồi. Tiếp theo lại là một tỷ dụ:

Vân điểm thái thanh, nhậm tình phong nhi nhân ngã.

雲點太清。任情風而我。

(Mây điểm hư không, mặc tình nổi gió ta - người).

“*Thái thanh*” là hư không, dùng hư không sánh ví tâm tánh. Một áng mây trong hư không ví cho mê hoặc. Áng mây trong hư không bị gió đưa, gió Đông thổi bạt sang phía Tây, gió Tây đánh dạt về phía Đông, tự mình hoàn toàn chẳng tự chủ được. Câu này hình dung điều gì? Hình dung sự lưu chuyển theo nghiệp lực, tự mình chẳng thể làm chủ. “*Nhậm tình phong nhi nhân ngã*” (mặc tình nổi gió nhân ngã). Đây là giảng về Lý, câu kệ giảng về Sự.

U' thị tuần hoàn chư thú, lưu chuyển tứ sanh, nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập.

於是循環諸趣。流轉四生。業海茫茫。罪山岌岌。

(Do vầy xoay vần các nẻo, trôi lăn tứ sanh, biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót).

A! Quả báo hiện tiền, luận trên mặt Sự. “*Tuần hoàn chư thú*”: “*Chư thú*” chính là lục đạo, quý vị xoay vần trong lục đạo. Gió nhẹ sóng bé, vượt lên ba thiện đạo; gió to sóng lớn bèn chìm xuống, vào trong ba ác đạo. “*Lưu chuyển tứ sanh*”: Chữ “*tứ sanh*” chỉ những cách để sanh thành trong lục đạo, tức Noãn, Thai, Thấp, Hóa. Loài người chúng ta là Thai Sanh, trong súc sanh đạo có cả bốn loại sanh. Có thai sanh, có noãn sanh. Loài chim là noãn sanh (sanh bằng trứng), loài cá trong biển quá nửa là loài noãn sanh. Có loài thấp sanh (sanh nơi ẩm ướt), có loài hóa sanh. Loài côn trùng hóa sanh, thấp sanh khá nhiều. Kinh Phật nói trong loài ngạ quỷ cả bốn loại sanh đều có. Trong địa ngục đạo chỉ có một loại là hóa sanh. Thiên đạo phước báo rất lớn, quá nửa là hóa sanh. Đây là luận về cách thức sanh ra.

“*Nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập*” (Biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót): “*Ngập ngập*” là cao lớn, giống như một hòn núi lớn, tội lớn đến như thế, nặng đến như thế. Đoạn này thuyết minh đạo lý luân hồi, mà cũng chỉ ra chân tướng sự thật của luân hồi. Nói xong, phải làm sao? Làm thế nào để tiêu tội nghiệp, thoát luân hồi?

Phỉ báng phát lộ.

匪憑發露。

(Không nhờ bày tỏ).

Nếu không nhờ vào phát lộ sám hối, thế nào là “*phát lộ*”? Làm chuyện sai trái, tự mình đã tạo tội nghiệp, chớ có giấu diếm, phải nên tuyên bố cùng đại chúng: “Tôi đã làm chuyện chi chi đó!” Mạnh bạo nhận sai, thừa nhận lỗi lầm của chính mình. Mọi người đều biết, người ta trừng mắt nhìn mình, phê bình mấy câu. Thôi! Báo hết rồi. Đó nghĩa là gì? Tội nặng báo nhẹ, báo trả hết rồi. Chớ nên giấu diếm tội nghiệp của chính mình, giấu diếm không xong đâu. Vì sao? Tội ấy càng tích lại càng nặng thêm, tương lai quả báo to lớn đáng sợ lắm.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta làm chuyện sai trái thì phải phát lộ, làm chuyện tốt phải giấu diếm. Làm chuyện tốt chẳng cần phải cho

người khác biết, vì sao? Đức càng ân càng dày, quả báo tốt đẹp. Sự tình tốt chẳng cần phải phô trương, tích âm đức mà! Ngạn ngữ Trung Quốc thường nói: “*Quả báo của âm đức lớn nhất, báo rất dày*”. Nếu quý vị làm chuyện tốt, ai nấy đều biết, người ta đến biểu dương, khen ngợi, vỗ tay, tặng bằng tưởng thưởng cho mình, thế là báo xong rồi, chuyện tốt của mình đã xong, báo hết sạch rồi! Chuyện tốt chớ để cho người khác biết; làm chuyện bất thiện, làm chuyện tội lỗi thì mong mỗi mọi người đều biết, dù người ta chửi mình, chán ghét mình đi nữa thì báo cũng xong rồi. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này thì mới thực sự biết: Người hủy báng, lăng nhục, hãm hại chúng ta, đều là tiêu nghiệp chướng cho mình, ta phải cảm ơn họ. Nếu không như thế, nghiệp chướng làm sao tiêu được!

Người hủy báng càng nhiều, nghiệp chướng càng tiêu nhiều. Trong hai năm qua, tại Đài Loan, tại Trung Quốc và ngay cả những nơi khác, không những người ta chửi tôi rất nhiều, mà ngay trên báo chí, trên tạp chí còn đăng nhiều bài viết gọi đích danh tôi ra chửi, nói tôi đề cao bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư là lỗi làm không gì lớn hơn nữa. Thoạt đầu, pháp sư Ngô Đạo không nén được giận, thầy ấy muốn hợp mấy người lại, mọi người cùng nghiên cứu, viết bài công kích họ. Thầy còn đem những tài liệu ấy gửi cho tôi, cũng như gửi cả những báo chí, tạp chí ấy cho tôi, tôi đều đem chúng quăng vô sọt rác hết. Tôi gọi điện thoại cho Ngô Đạo: “Đừng quan tâm đến, quyết định chẳng được làm như thế. Làm như vậy giống như chửi lộn, người ta chửi mình, mình không nhận được, chửi lại là xong rồi. Coi như đã giải quyết xong chuyện đó”. Chẳng nên chửi qua chửi lại, không lúc nào xong, làm lạc quá đổi!

Người ta đến chửi mình, hủy báng mình, chính mình phải phản tỉnh, có lỗi thì sửa, không có lỗi thì càng thêm gắng sức, như vậy mới là tốt! Nếu đúng là mình có làm lỗi thì ngay lập tức phải sửa lỗi, tự đổi mới, sao lại có thể biện bác, tranh cãi cho được? Mình biết mình không có lỗi làm ấy thì mình được tiêu tức nghiệp, trong đời quá khứ mình tạo tội quá nhiều, họ đến thay mình tiêu nghiệp chướng, mình càng phải cảm kích người ta.

Còn chuyện phản đối bản hội tập dù hữu ý hay vô ý, thôi đừng bàn luận! Có rất nhiều bản hội tập, cứ sao lại phản đối bản hội tập này mà không phản đối những bản khác? Đây có phải là có dụng ý riêng hay chẳng, chúng tôi không biết được! Họ đem tựa đề kinh ra công kích. Tôi đã từng có nói: “Người trên cả thế giới đều phản đối bản hội tập này, tôi vẫn cứ chiếu theo bản hội tập này mà học tập”. Vì sao? Do quan hệ thầy

trò! Pháp môn này do thầy truyền cho tôi. Nếu tôi nghe theo những lời đó, chẳng dám đọc bản này, vậy thì tội của tôi nặng quá. Mắc cái tội gì? Nghịch thầy phản đạo; quý vị nghĩ xem tôi có gánh nổi tội danh ấy hay không? Bọn họ phản đối cách nào, tôi vẫn cứ tu như vậy, tôi tôn sư trọng đạo, báo Phật ân, báo tổ ân, báo ân thầy!

Tôi tin tưởng thầy tôi có tu trì, có đức hạnh, có trí huệ. Quý vị phản đối thầy vì quý vị không phải là học trò của thầy, không có quan hệ gì với thầy hết. Tôi với thầy có quan hệ, tôi chẳng thể phản đối, đó là đại nghĩa. Con người nếu không có đạo nghĩa thì làm người sao được? Vì thế, mặc kệ người ta hủy báng, lăng nhục thế nào, một câu tôi cũng không đáp, tối thiểu tôi tuân thủ đại nghĩa, tối thiểu là trong tương lai có ai đó phê bình: “Người như vậy vẫn còn tôn sư trọng đạo, biết ân, báo ân!” Bởi thế, tôi chẳng thể tin nghe theo mấy câu của người ta rồi chẳng dám đọc kinh này nữa, như thế mới là được! Học trò của thầy rất đông, vì sao thầy không đem chuyện này phớt lờ cho họ, mà lại phớt lờ cho tôi? Thầy nhìn tôi chẳng lầm, thầy biết tôi chẳng thể nghịch thầy phản đạo, tôi chẳng thể vong ân phụ nghĩa.

Vì thế, có lầm lỗi phải phát lộ sám hối. Người khác hủy báng, nhục mạ, thì chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, có thì sửa, không thì càng cố gắng. Vĩnh viễn dùng cái tâm báo ân để đối đãi hết thầy chúng sanh. Đây là nói về phát lộ sám hối. “*Phỉ bằng phát lộ*” (nếu không nhờ vào phát lộ) là như vậy!

Hạt toại tiêu trừ, sám-ma dĩ vãng, phát nguyện đương lai.

曷遂消除。懺摩已往。發願當來。

(Sao tiêu trừ được! Sám hối cho quá khứ, phát nguyện cho tương lai).

Hai câu này nói lên cách thực hiện như thế nào. Thực hiện phát lộ sám hối bằng cách nào? Phải “*sám-ma*”, tức là sám hối, quá khứ đã làm bậy phải biết sám hối, phải biết sửa lỗi. “*Phát nguyện đương lai*” (phát nguyện cho tương lai), nguyện sẽ phát ấy phải nương theo bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, phải nương theo Tứ Hoảng Thệ Nguyện của chư Phật, nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy mới là không sai.

Tái lao pháp chúng, chí tâm sám hối phát nguyện.

再勞法眾。至心懺悔發願。

(Lại phiên pháp chúng chí tâm sám hối phát nguyện).

27. Sám Hối Phát Nguyện

Thời thứ nhất có sám hối phát nguyện, thời thứ hai cũng có sám hối phát nguyện. Hình thức sám hối phát nguyện không khác gì với lần trước, sám hối dùng mười đại nguyện vương, Sám Hối Kệ, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát. Phát nguyện thì vẫn là Tứ Hoằng Thệ Nguyện y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ này một lượt, hơi khác với phần trên một chút.

**Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thí tham - sân - si,
Tùng thân - ngữ - ý chi sở sanh.**
往昔所造諸惡業。
皆由無始貪瞋痴。
從身語意之所生。

(Xưa kia trót tạo các ác nghiệp,
Đều do vô thí tham - sân - si,
Từ thân - miệng - ý phát sanh ra).

Phần này giống hết phần trước, khác biệt ở chỗ nào ư? Ở chỗ này đây:

Nhất thiết tội chướng giai sám hối.
一切罪障皆懺悔。
(Hết thấy tội chướng đều sám hối).

Đây là chỗ khác biệt. Không phải là cầu mà là “đều sám hối”. Cầu sám hối cũng được. Ở phần trước trong thời thứ nhất câu này là “kim đối Phật tiên cầu sám hối” (nay đối trước Phật cầu sám hối). Trong thời thứ hai là “nhất thiết tội chướng giai sám hối” (hết thấy tội chướng đều sám hối), khác biệt ở chỗ này. Cứ mỗi lần sám hối càng triệt để hơn, vì sao? So với thời thứ nhất, thời thứ hai có chỗ ngộ rồi, có tiến bộ rồi, từ bài kệ sám hối này cũng có thể thấy được quý vị có tiến bộ. Phát nguyện vẫn giống hết như trước:

**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.**

眾生無邊誓願度。
煩惱無盡誓願斷。
法門無量誓願學。
佛道無上誓願成。

Sám hồi phát nguyện phải nương theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi, Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý luận và phương pháp tu nhân chứng quả của hết thầy Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho những điều ấy. Nếu nói gộp cả hai vị lại, tức là gộp cả Văn Thù vào thì Phổ Hiền tượng trưng cho tam-muội, Văn Thù tượng trưng cho Bát Nhã. Nếu nói một mình Ngài thì Ngài hoàn toàn tượng trưng cho cả hai điều đó. Lại xem đoạn khai thị cuối cùng.

Đoạn khai thị cuối cùng là:

28. Khai Thị

**Thượng lai sám hồi phát nguyện dĩ cánh, cụ hành do nhân cụ
nhãn mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh.**

上來懺悔發願已竟。具行猶人具眼目。願如日月燈光
明。

(Từ trên tới đây sám hồi phát nguyện đã xong, Hành đầy đủ thì giống như người đầy đủ mắt, Nguyện như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm).

“Cụ hành”, hành ở đây là hành động. Câu này có nghĩa là quý vị đều có thể đem những đạo lý, phương pháp mình đã học tập áp dụng vào cuộc sống thường nhật. Ở đây quan trọng nhất là trì danh niệm Phật, hạnh quan trọng nhất là hạnh này. Đây chính là như phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” (phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm). Chữ “*hạnh*” này chỉ việc niệm Phật, chứ không nhằm vào những

hạnh khác.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng trong thời thứ hai:

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Từ trên tới đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Câu này là lời tổng kết, tổng kết những phần trên.

Cụ hành do nhân cụ nhãn mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh. Y quang chiếu chúc kiến phân minh, hành giả phương năng đạt tiền cảnh.

具行猶人具眼目。願如日月燈光明。依光照燭見分明。
。行者方能達前境。

(Hạnh đầy đủ như người đủ đôi mắt, nguyện như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn đóm. Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh, hành giả mới hòng thấu hiểu tiền cảnh⁶⁹).

Câu này là nói chung, chứ không nhất định chỉ là pháp môn Niệm Phật. Có thể nói là trong Phật pháp, bất luận kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, những điều nói ở đây là nguyên tắc, là nguyên lý, nguyên tắc chung, chẳng những chung cho hết thầy Phật pháp, mà còn đúng cho mọi pháp thế gian. Hết thầy pháp thế gian chẳng thể vượt ra ngoài những điều này được.

Chúng ta phải thấu hiểu những câu nói này. “*Cụ hành*”: Hành (行) là tu hành. Tu hành là sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc thì gọi là tu hành. Những hành vi sai quấy rất nhiều, đúng là “*nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá*” (con người không phải là thánh hiền, ai có thể không có lỗi?) Thánh hiền là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát. Dưới Pháp Thân Bồ Tát, như là Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát,

⁶⁹ Tiền cảnh: Cảnh đối trước các căn, tức là các trần do đối ứng với các căn mà gọi là “tiền cảnh”.

Phật trong mười pháp giới, không ai có thể nói mình không có lầm lỗi được! Thánh hiền thế gian càng chẳng thể nói như vậy được! Theo những gì ghi chép trong những thư tịch cổ Trung Quốc, bậc thánh hiền thế gian như Nghiêu - Thuấn vẫn chẳng thể đảm bảo chính mình không có lỗi lầm, huống gì những người khác?

Vì vậy, tu hành là một khoa mục quan trọng nhất, việc này phải được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, khởi tâm động niệm, nói năng, hành vi, phải hiểu chi ly từng chút một, thời thời khắc khắc phải cảnh giác cao độ, nhận biết ý niệm của chính mình vừa khởi lên, biết ngay ý niệm ấy là thiện niệm hay ác niệm, biết ý niệm ấy có nên khởi lên hay không. Nếu không cần thiết, dầu là thiện niệm, thì tốt nhất ý niệm thứ hai là “Nam-mô A Di Đà Phật”, vậy là tốt! Sao cho trong mười hai thời trong tâm có Phật, trong mỗi niệm có Phật, hình ảnh đều là Phật; tâm mình là tâm Phật, hành động là Phật hạnh, thân là thân Phật. Như vậy mới là tốt, mới thật nên làm.

Đây đủ hạnh, ở đây được ví như người có đủ cả hai mắt, có được cặp mắt sáng. Dù có được cặp mắt sáng nhưng trong chỗ tối tăm không thấy được, giữa ban ngày có mặt trời, dương quang (ánh sáng của mặt trời); ban đêm có ánh trăng, có ánh đèn, quý vị mới không lạc mất phương hướng. “*Quang*” rất giống như Nguyệt, vì thế Hạnh chẳng thể tách rời Nguyệt. Nếu Hạnh lìa Nguyệt thì chính là mất đi. Nói cách khác: Không biết phương hướng, chẳng biết mục tiêu. Dầu quý vị rất tinh tấn, rất nỗ lực tiến lên, nhưng rốt cuộc đi về đâu? Không biết được!

Vì thế nói: “*Nguyệt như nhật nguyệt đặng quang minh*” (Nguyệt như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm). Câu này chỉ rõ Hạnh và Nguyệt chẳng thể tách rời nhau. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: Có được vãng sanh Tịnh Độ hay không hoàn toàn nhờ vào tín nguyện có hay không. Có Hạnh mà không có Nguyệt, hoặc có Nguyệt mà không có Hạnh đều chẳng thể vãng sanh! Trong các pháp môn khác, có Hạnh không có Nguyệt hoặc là có Nguyệt không có Hạnh cũng đều chẳng thể thành tựu, uổng phí một đời này! Nhiều lắm là gieo được một chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức, trong đời này, [chủng tử ấy] chắc chắn không khởi tác dụng. Đây chính là như thầy Lý thường nói khi xưa: “*Nên sanh tử như thế nào thì vẫn cứ sanh tử như thế đó*”. Quý vị vẫn cứ bị nghiệp lực xoay chuyển như cũ, không làm chủ được. Vì thế mới nói: “*Y quang chiếu chúc kiến phân minh*” (Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh); quý vị phải có Nguyệt, Nguyệt là quang minh, Nguyệt để dẫn Hạnh thì quý vị mới có thành tựu, mới có thể đạt đến

mục tiêu và quả đức mà chính mình hy vọng. Phải hiểu đạo lý này, người niệm Phật cũng không ngoại lệ.

Thị dĩ niệm Phật chi nhân, nhược bất phát nguyện vãng sanh, túng hữu công hạnh, diệc thành hư thiết, dĩ bất thuận Phật cố.

**是以念佛之人。若不發願往生。縱有功行。亦成虛設。
。以不順佛故。**

(Do vậy, người niệm Phật nếu không phát nguyện vãng sanh, dầu có công hạnh cũng trở thành đặt bày hư huyễn, vì không thuận theo Phật vậy).

Quý vị phát tâm niệm Phật, tốt lắm! Niệm Phật nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Nếu không phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, dầu quý vị công phu niệm Phật rất sâu vẫn như không. Vì sao vẫn như không? Vẫn bị lưu chuyển theo nghiệp, vẫn không ra khỏi lục đạo luân hồi được! Niệm Phật là thiện nghiệp, thiện nghiệp thì có sanh vào ba thiện đạo được hay không? Không nhất định! Nếu quý vị chỉ là khẩu thiện (chỉ tốt lành nơi cửa miệng), tâm hạnh bất thiện, sẽ chẳng sanh vào ba đường lành. Thế nhưng không cần biết quý vị sanh vào đường nào, quý vị vẫn có một chút phước báo. Nếu tội nghiệp rất nặng, đọa trong địa ngục đạo, phước báo ấy vẫn tồn tại. Lúc nào quý vị thoát khỏi địa ngục, lúc sanh vào các đường khác, phước báo ấy lại hiện tiền, biến thành phước báo hữu lậu thế gian.

Tuy thiền sư Trung Phong là bậc đại triết đại ngộ của Thiền tông, Ngài lại niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, Ngài khuyên lơn chúng ta, tự Ngài thực sự làm được. Vì sao? Vì quý vị “*bất thuận Phật cố*” (chẳng thuận theo Phật). Quý vị trái với nguyện của Phật, ý nguyện của Phật là mong chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị cũng trái nghịch lời Phật dạy. Đúng là nghịch thầy phản đạo! Tu pháp môn này, đúng như Phật nguyện, đúng như lời Phật dạy thì mới là tôn sư trọng đạo. Trên thực tế, thiền sư nói những câu này là nói với chúng ta đây!

Kim nhĩ vong linh đương tri thử ý.

今爾亡靈。當知此意。

(Nay các vong linh hãy biết ý này).

Trên hình thức là nói với vong linh, nói với quỷ thần, chứ trên thực tế là bảo cùng chúng ta. Vong linh còn phát nguyện vãng sanh, mà chúng ta không thể phát nguyện vãng sanh; nói thật ra, còn thua cả quỷ! Ngay cả quỷ mà còn thua thì còn xứng đáng là người nữa ư? Lời ẩn trong lời, quý vị phải nghe hiểu những ý nghĩa ẩn trong ý nghĩa, ý tại ngôn ngoại (ý nằm ngoài lời). Quý vị phải hiểu được âm thanh ngoài dây đàn thì mới có chỗ ngộ, mới hòng có thụ dụng, nhất định phải thực sự thực hiện. Tiếp đó là bài kệ tán Phật để tổng kết một thời:

29. Tán Phật Tổng Kết (Di Đà Tán)

*A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,
Khổ hải tác từ hàng,
Cửu phẩm liên bang,
Đồng nguyện vãng Tây Phương.*

阿彌陀佛。

無上醫王。

巍巍金相放毫光。

苦海作慈航。

九品蓮邦。

同願往西方。

(A Di Đà Phật,

Vô thượng y vương,

Tướng vàng vọi vọi phóng hào quang,

Biển khổ thả thuyền từ,

Chín phẩm liên bang,

Đồng nguyện về Tây Phương).

Nội dung bài tán này hết sức khẩn thiết.

Nam mô Liên Trì hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

ĐỆ TAM THỜI

Tiếp theo, chúng ta xem đến thời thứ ba. Thời thứ ba, tụng kinh, niệm chú hoàn toàn giống với thời thứ nhất, đều là hồi hướng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Nay chúng ta xem từ phần Khai Thị, xem đoạn khai thị lần thứ nhất trong thời thứ ba.

30. Khai Thị

*Thập vạn dư trình bất cách trần,
Hưu tương mê ngộ tự sơ thân,
Sát-na niệm tận Hằng sa Phật,
Tiện thị liên hoa quốc lý nhân.*

十萬餘程不隔塵。

休將迷悟自疏親。

剎那念盡恆沙佛。

便是蓮華國裡人。

(Đường hơn mười vạn cõi,

Chẳng xa cách mấy trần,

Thôi đừng đem mê ngộ,

Để tính kể sơ thân,

Sát-na niệm chư Phật,

Số nhiều đến Hằng sa.

Liên thành người đã ở

Trong cõi nước hoa sen).

Trong bài kệ này, thiền sư Trung Phong chân thành khôn sánh, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, cũng như phó chúc chúng ta: Cơ duyên này rất khó được, là cơ hội khó gặp gỡ hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay, hôm nay chúng ta được gặp, chớ có bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì đúng là chẳng xứng với lời khuyên dạy khẩn thiết dường ấy của thiền sư Trung Phong.

“Thập vạn dư trình” (đường xa hơn mười vạn) chính là như kinh A Di Đà đã nói, từ thế giới Sa Bà qua khỏi mười vạn ức cõi Phật có một thế giới gọi là thế giới Cực Lạc. Nay thiền sư nói “thập vạn dư trình” (đường xa hơn mười vạn cõi), khoảng cách lớn như thế, “bất cách trần” (không cách biệt mấy trần). Trần là nhỏ nhất, tức vi trần, xa bao nhiêu? Giữa các vi trần không có kẽ hở, nói lên điều gì? Nói lên xa và gần

không hai, không gian bị phá mất, không còn xa hay gần. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu vậy? Ở chính ngay nơi đây, không hề cách biệt mảy trần. Chúng ta nói đến khoảng cách thì vẫn còn có đường xa một dặm, đường xa nửa dặm, thậm chí vẫn còn có khoảng cách một mét, hoặc một centimetre, còn “*bất cách trần*” (không cách biệt một mảy trần) nghĩa là một centimetre cũng không có! Câu kệ tiếp theo nói rất hay.

“*Hưu tương mê ngộ tự sơ thân*” (thôi đừng để mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình trở thành sơ hay thân). Mâu chốt ở chỗ nào? Giác ngộ! Chuyển mê thành ngộ. Ở trên, thiền sư đã nói rất hay: “*A Di Đà Phật thị ngã tâm, ngã tâm thị A Di Đà Phật*” (A Di Đà Phật là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật). Thế giới Cực Lạc là phương này, “*Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ). Đường xa mười vạn không cách biệt mảy trần, quý vị thấy trước và sau tương ứng, mâu chốt là mê hay ngộ. Mê thì [cách xa] mười vạn ức cõi Phật, ngộ thì ở ngay trước mặt. Phật có vọng ngữ hay không? Không! Mê thì quả thật có không gian, không gian có xa và gần. Lúc ngộ thì không gian chẳng còn. Chuyện này rất hiếm có, chúng tôi cảm tạ các khoa học gia hiện đại đã chứng tỏ trong một điều kiện nào đó, không gian sẽ bằng zéro.

Khoảng cách ư? Trong một điều kiện nào đó, mọi khoảng cách đều bằng zéro. Điều kiện gì vậy? Ngộ! Các khoa học gia không biết điều kiện, chỉ nói “*trong một điều kiện nào đó*”, đức Phật bảo chúng ta “*ngộ!*” Điều kiện chính là Ngộ. Mê thì có khoảng cách, có xa hay gần; ngộ bèn không có. Ngộ thì không gian bằng với zéro. Tin tức ấy của các nhà khoa học tốt lắm, chúng tôi dùng ngay điều này, bởi nếu không có tin tức này, cảnh giới ấy rất khó thể diễn tả rõ ràng. Trong khoa học còn có công thức, công thức ấy lần sau tôi sẽ ghi lại. Nói thật ra, chỉ là mê hay ngộ, “*hưu tương mê ngộ tự sơ thân*” (thôi đừng vì mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình thành ra sơ hay thân), ngàn muôn phần chớ bỏ lỡ cơ duyên hy hữu khó gặp này! Thân hay sơ chỉ trong một niệm, sơ là mê, thân là giác ngộ, ngộ thì chính nơi đây là Cực Lạc, mê thì cách xa mười vạn ức cõi.

“*Sát-na niệm tận Hằng sa Phật, tiện thị liên hoa quốc lý nhân*” (Trong sát-na niệm hết Hằng sa Phật, bèn là người trong cõi hoa sen). Hai câu kệ đầu giảng về Lý, hai câu sau luận về Sự. Đối với Lý, chúng ta không thể ngộ nhập cảnh giới vẫn không sao cả, quý vị chỉ cần biết tín nguyện trì danh, cầu sanh về Tịnh Độ là được rồi. Ấn Quang đại sư suốt

đời dạy người, tôi còn cho khắc một con ấn: Ấn Quang Đại Sư Truyền Pháp Ấn. Pháp Ấn của Ngài là gì vậy? Suốt đời Ngài nói nhiều nhất, viết nhiều nhất – thật đấy, tự hành, hóa tha – là bốn câu, mười sáu chữ sau đây: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tôn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật). Lão pháp sư cả một đời thực sự thực hiện cũng như dạy người khác điều này. Mười sáu chữ ấy theo cái nhìn của tôi, chính là “*truyền tâm pháp ấn*” tự hành, hóa tha của Ấn Quang đại sư. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tôi khẳng định trong chín ngàn năm thuộc đời Mạt Pháp của đức Thế Tôn chẳng thể biến đổi [nguyên tắc này]. Nếu nhất định tuân thủ nguyên tắc chỉ đạo này thì trong một đời này chúng ta nhất định sanh về Tịnh Độ.

Hai câu đầu (tức “*đôn luân tận phận, nhàn tà tôn thành*”) nói về pháp thế gian. Phật pháp kiến lập trên cơ sở thế gian pháp, không làm người tốt trong thế gian thì làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được? Quý vị muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì quý vị nhất định phải làm một người tốt trong thế gian. Tiêu chuẩn của một người tốt là như hai câu nói của Ấn Quang đại sư: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tôn thành*”. Đây là tiêu chuẩn của một người tốt trong thế gian như trong Phật pháp gọi là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Trước hết, quý vị phải đạt tiêu chuẩn thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau đó niệm Phật, tín nguyện niệm Phật thì mới được vãng sanh.

Chữ “*sát-na*” (ksana) chỉ một thời gian rất ngắn, chỉ điều gì? Chỉ một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Quý vị thấy nhiều nhất là trong khoảng một giây, người tâm thường chúng ta niệm được một câu A Di Đà Phật, một giây thôi, trong một giây ấy niệm hết Hằng sa Phật. Đến bây giờ chúng tôi mới lãnh hội được đôi chút ý nghĩa này. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư nói: “*Niệm một đức Phật (một đức Phật ở đây là A Di Đà Phật) không khác gì niệm hết thủy chư Phật*”. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm hết mười phương ba đời chư Phật, chẳng sót một vị Phật nào. Niệm một đức Phật chính là niệm hết thủy chư Phật. Ý nghĩa này hay lắm, là thật đấy, không giả đâu. Vì sao biết là thật? Qua kinh A Di Đà, chúng ta thấy sáu phương Hằng hà sa số chư Phật tán thán A Di Đà Phật. Những lời tán thán ấy chính là niệm A Di Đà Phật, hết thủy chư Phật đều niệm A Di Đà Phật. Vậy thì chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là niệm hết thủy chư Phật hay sao? Bởi vậy, niệm một câu A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thủy chư Phật đều sanh tâm hoan hỷ, hết thủy chư Phật đều hộ niệm, có thể lấy kinh A Di Đà làm chứng. Sáu

phương chư Phật là chứng minh, chứ còn gì nữa! Pháp môn nào có thể sánh bằng được? Thực sự là tìm chẳng ra!

Vì thế, chỉ cần quý vị làm được mười sáu chữ của pháp sư Ấn Quang thì quý vị đã thực hiện được bài kệ này của thiền sư Trung Phong, quý vị “*tiện thị liên hoa quốc lý nhân*” (liền thành người thuộc cõi nước hoa sen). Dầu hiện thời quý vị chưa sang [Tây Phương Cực Lạc], nhưng chắc chắn được sang, không hoài nghi chút nào hết; giống như nói quý vị đã ghi tên vào sổ bộ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi. Giống như nay chúng ta muốn di trú, quý vị đã cầm được sổ thông hành, cầm được giấy phép cư trú vĩnh viễn, chắc chắn sẽ đi được, muốn đi lúc nào cũng được. Cầm được giấy thông hành thì quý vị là người của thế giới Cực Lạc. Bài kệ này hay lắm, phải thực hiện cho thật tốt. Lại xem tiếp phần Khai Thị.

Hiệp trần bối giác, tài kinh cửc ư thất bảo viên lâm. Xả vọng quy chân, liệt châu võng ư tứ sanh môn hộ.

合塵背覺。栽荆棘於七寶園林。捨妄歸真。列珠網於
四生門戶。

(Xuôi trần nghịch giác, trồng gai góc nơi vườn rừng bảy báu. Bỏ vọng về chân, giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh).

Chúng ta hãy xem câu này trước. “*Hiệp trần bối giác*” là bọn phàm phu lục đạo chúng ta. Tâm chúng ta là vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, hiệp với gì? Hiệp với ngũ dục lục trần, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Giống như thế nào? Giống như “*tài kinh cửc ư thất bảo viên lâm*” (trồng gai góc trong vườn rừng bảy báu). “*Thất bảo viên lâm*” chính là Chân Như Bản tánh của chúng ta. Nơi Chân Như Bản tánh của chúng ta nay đang trồng kín gai góc. “*Gai góc*” là khởi Hoặc, tạo nghiệp, khổ báo. Gai góc là tỷ dụ Hoặc nghiệp khổ, tam chương. Tam chương sanh khởi trong Chân Như Bản tánh của chúng ta vì chúng ta trái nghịch Tự Tánh Giác, không giác ngộ, mê hoặc, điên đảo, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Câu này có ý nghĩa như vậy. Lục đạo phàm phu ai nấy đều như thế cả!

Lại thưa rõ cùng mọi người, nói rõ ràng hơn chút nữa, rừng vườn bảy báu chính là căn tánh nơi sáu căn của chúng ta, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, nơi mũi, nơi lưỡi, nơi thân gọi là tánh Cảm Nhận, nơi ý gọi là tánh Biết. Thấy - nghe - hay - biết là vườn rừng bảy báu, là tánh đức, tánh năng, nhưng mê rồi. Mê rồi bèn biến thành sáu

thức, nơi mắt là Nhãn Thức, nơi tai là Nhĩ Thức, nơi ý gọi là Ý Thức. Quý vị thấy đó, tánh đức vừa mê bèn chuyển thành tám thức, đó gọi là “*hiệp trần bối giác*”, chính là hiện tượng hiện tiền của chúng ta.

Quay đầu lại là tốt, vừa quay đầu lại chính là “*xả vọng, quy chân*”. Xả vọng, quy chân là chuyển Thức thành Trí, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bỏ đi, khôi phục thấy - nghe - hay - biết, vĩnh viễn giữ được thấy - nghe - hay - biết, trọn chẳng rớt vào ý thức, cũng quyết định chẳng để sáu căn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước nơi sáu cảnh. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là hồng rồi, là mê rồi. Thấy sắc, nghe tiếng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây chính là “*xả vọng, quy chân*”. Mọi người nhất định phải hiểu: Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là vọng, quý vị phải bỏ chúng đi.

Trong Tánh (tánh đức) quyết định chẳng có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng phân biệt, chấp trước, giống như là “*liệt châu vông ư tứ sanh môn hộ*” (giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh). “*Tứ sanh môn hộ*” chính là lục đạo luân hồi. Trong lục đạo luân hồi, trong đời ác năm trước, có lưới màn bảo châu, tức y báo trang nghiêm nơi Cực Lạc thế giới, do tánh đức hiển hiện. Tánh đức ở chỗ nào? Tánh đức ở ngay trong đời ác năm trước!

Tung hoành vạn pháp, viên khỏa nhất tâm.

縱橫萬法。圓裹一心。

(Đọc ngang vạn pháp, nhất tâm bao trọn).

Đến đây là một đoạn. Hai câu này để tổng kết. “*Tung*” (縱: chiều dọc) chỉ thời gian, “*hoành*” (橫: chiều ngang) chỉ không gian. Trong nhà Phật thường nói: “*Hoành biến thập phương, thụ cùng tam thế*” (Theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc khắp cùng ba đời), Tung chính là Thụ (豎). Ở đây, “*tung hoành*” chỉ cho thời gian và không gian. Trong không gian và thời gian có tất cả hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp chẳng tách lìa không gian và thời gian, đều thuộc trong không gian và thời gian. Vạn pháp trong không gian và thời gian, “*viên khỏa nhất tâm*”, Khỏa (裹) là bao trùm, “*viên khỏa*” (圓裹) là bao bọc trọn vẹn, ai bao trùm? Nhất tâm, không thoát khỏi nhất tâm, chẳng lìa nhất tâm. Vậy thì chúng ta niệm Phật, chúng ta niệm Phật chuyên môn cầu nhất tâm, quý vị thấy đó: Cao minh đến cùng cực! Mục tiêu công phu của chúng ta là nhất tâm bất loạn, nhất tâm tung hoành vạn pháp, bao

trọn hết thầy. Đoạn này giảng về Lý, hề có Lý thì nhất định có Sự. Đoạn tiếp theo giảng về Sự Tướng. Chúng ta xem đoạn kế tiếp:

Phi tư lượng xứ, A Di Đà Phật. Tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời. Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực, phá quần hôn như cỏ nhật lệ thiên, liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thần dược.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉。橫吞八極。破群昏如杲日麗天。療眾病如善見神藥。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương, phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời, trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến).

Đây là một đoạn, thuộc về sự tướng. Trong đoạn này quan trọng nhất là “*phi tư lượng xứ*” (không chỗ nghĩ lường), “*vô tạo tác thời*” (lúc không tạo tác). Giác và mê khác biệt ở chỗ này! Lúc mê, vọng niệm toi bời, chúng tôi thường bảo là suy nghĩ loạn xạ (hồ tư loạn tướng). Tư tướng của kẻ ấy chưa từng ngưng nghỉ, đêm ngủ vẫn suy tướng nên mới có mộng cảnh. Nếu không suy tướng, sẽ không nằm mộng. Mộng do nguyên nhân nào? Chính là do A Lại Da Thức của quý vị hoạt động không ngừng, chẳng ngưng lặng trong mỗi sát-na. Phạm phu chúng ta biết được những ý niệm thô, biết được nó sanh diệt, nhưng không biết những ý niệm vi tế. Những ý niệm cực kỳ vi tế, những chủng tử trong A Lại Da Thức thì kinh Phật nói phải là Bát Địa Bồ Tát trở lên mới biết được sự sanh diệt của chúng. Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa, kinh Nhân Vương gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Thất Địa là Hạ Phẩm. Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn còn chưa thấy được [sự sanh diệt của ý niệm vi tế], Trung Phẩm Vô Sanh thấy được. Phải thấy mới đoạn được, quý vị không thấy thì đoạn chỗ nào? Vì thế, kiến đạo rồi mới có thể tu đạo, đạo không thấy, quý vị tu ở chỗ nào? Chúng ta phải học điểm này. “*Phi tư lượng xứ*”, quý vị thấy A Di Đà Phật đã đạt được cảnh giới ấy.

Như vậy, “*tọa đoạn lục căn*” (khuất phục sáu căn) tức là nói sáu căn không còn khởi tác dụng nữa⁷⁰. Nói “*lục căn*” hàm ý những Thức

⁷⁰ Ở đây nói sáu căn không còn khởi tác dụng không có nghĩa là sáu căn mất hết khả năng nhận biết (linh minh giác tri) mà là sáu thức không còn khởi phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà nhìn thấy sự vật đúng như bản chất của nó, thấy được chân

nơi sáu căn, những Thức ấy vĩnh viễn không khởi tác dụng. Người ấy khởi tác dụng nào? Khởi những đức năng sẵn có (bản năng) trong Pháp Tánh; bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết. Thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới. Các nhà khoa học ngày nay dùng phương pháp khoa học để thí nghiệm, chứng minh thực vật và khoáng vật có khả năng thấy - nghe - hay - biết, đây chính là bản năng của Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật mê hay không mê? Cũng là mê. Vì thế, sự thấy - nghe - hay - biết của chúng chẳng thể trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quý vị xem nhé: Viết chữ Ái (yêu) cho nước thấy, để xa quá không được, phải dán lên bình đựng nước cho gần, đại khái phải mắt một tiếng đồng hồ nước mới phản ứng. Nó cũng mê, so với con người nó còn mê tệ hại hơn. Con người chúng ta vừa trông thấy chữ ấy từ xa đã có phản ứng; còn nước phải dán cho gần, vẫn phải tốn một thời gian dài, điều này chứng tỏ thực vật và khoáng vật mê nặng hơn chúng ta, khoáng vật so ra mê còn nặng hơn thực vật.

Kinh Lăng Nghiêm nói thuần tình thành thực vật hay khoáng vật. Kinh Lăng Nghiêm nói đến tình và tướng; thuần tướng thì bay lên, thuần tình thì đọa xuống. “*Thuần tình*” là gì? Chấp trước! Chấp trước quá mức, nhưng tánh năng chẳng bị vùi mất. Chấp trước nghiêm trọng hơn, chẳng hạn như khoáng vật sẽ rất khó chuyển biến. Trong khoáng vật thì nước có thể nhận được những tin tức từ chúng ta, sau một tiếng đồng hồ nó sẽ có phản ứng. Đại khái, quý vị gởi đến bùn, cát, đá những thông điệp, rất có thể cần đến cả mười tiếng, hai mươi tiếng, thậm chí ba mươi tiếng, chúng mới phản ứng. Quý vị thấy đó: Chúng phản ứng. Đương nhiên phản ứng cực kỳ vi tế, chúng ta không thấy được. Vì thế, bọn họ dùng trái cây, dùng cơm, dùng mạn đầu làm thí nghiệm, trong hai tuần phản ứng hết sức rõ ràng. Đó là nói về khoáng vật, không phải là thực vật. Thực vật là hoa, cỏ, cây cối, chúng cảm ứng cũng khá linh mãnh, quả thật có thấy - nghe - hay - biết. Bản năng nơi Pháp Tánh, những đức sẵn có nơi Pháp Tánh không hề bị mất đi, mà bị mê tình che lấp. Dầu che lấp vẫn có tác dụng, vẫn khá rõ ràng.

Ở đây, chúng ta phải thực sự hiểu rõ: Tận sức bớt suy lường, cũng có thể hiểu là tận sức ít khởi vọng tưởng. Vọng tưởng càng ít càng tốt, nhưng như thế nào? Vọng tưởng không ngừng được, vấn đề ở chỗ này! Chúng ta muốn ngừng dứt, bởi không vọng tưởng sẽ thành Phật; nhưng có những chuyện ta muốn buông xuống, lại không buông xuống được, ta

tánh của vạn vật, vạn pháp. Nói cách khác, sáu căn dùng sáu tánh để liễu tri vạn pháp, chứ không dùng Thức. Thức đã chuyển thành Trí.

muốn bỏ đi, chẳng những bỏ không được, càng muốn bỏ đi lại càng nhiều. Làm thế nào đây? Đức Phật dạy cho chúng ta một phương pháp hay: Niệm A Di Đà Phật. Ý niệm vừa dấy lên, cấp tốc A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, giữ gìn một niệm này. Quý vị muốn đoạn một niệm này, đoạn không được, vậy thì nay dùng một niệm thay thế hết thảy niệm, cách này hay lắm! Một niệm ấy không đoạn nên gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành một khoảng thời gian, niệm ấy không còn nữa, bèn thành công, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Niệm ấy không còn nữa thì minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Thành Phật rồi còn niệm A Di Đà Phật nữa hay không? Vẫn niệm. Niệm lúc đó và niệm lúc này hoàn toàn khác nhau. Niệm ấy là gì? Vì người khác diễn nói, làm gương cho hết thảy chúng sanh khổ nạn: Các người muốn thành tựu thì phải làm giống như ta đây! Trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, Ngài niệm Phật chứng vô thượng Bồ Đề; bởi thế, đây chính là làm gương cho người khác xem, là lợi tha đây! Hiện tại, chúng ta chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì tự lợi, tự lợi cũng là lợi tha, lợi tha cũng là tự lợi, tự - tha bất nhị. Vì thế, để đạt đến chỗ không suy lường, chúng ta dùng một câu Phật hiệu, trong mười hai thời, suốt ngày từ sáng đến tối, trong mỗi niệm, tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có.

Nếu quý vị hỏi: Việc này phiền quá, trong cuộc sống thường ngày nhiều chuyện mình không biết, niệm xong một câu Phật hiệu thì lo liệu mọi việc ra sao đây? Giải quyết như thế nào? Đúng là ý niệm quy về một câu Phật hiệu thì trí huệ bèn mở mang, bất luận chuyện gì cũng không cần phải biết, quý vị vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, tự nhiên sẽ có phương pháp ôn hòa tốt lành để giải quyết, chẳng cần phải suy nghĩ, tìm tòi, chẳng cần phải biết trước. Biết trước, suy nghĩ cặn kẽ như thế nào đi nữa, nhưng đến lúc đụng chuyện vẫn làm sai. Đó là phạm phu. Chư Phật, Bồ Tát giải quyết hết thảy mọi chuyện vật vãn, tạp nhạp của đại chúng, Phật, Bồ Tát có làm sai chuyện nào hay không? Không! Từ trước đến nay chưa từng làm chuyện gì sai quấy, do nguyên nhân nào? Trí huệ! Tâm các Ngài thanh tịnh, không nhiễm ô, không có tạp niệm, “*tọa đoạn sáu căn*”. “*Tọa đoạn*” là chữ dùng để hình dung, không thực sự đoạn, ở đây có nghĩa sáu thức nơi sáu căn không khởi tác dụng.

Lúc không tạo tác, “*Thanh Thái cố hương, hoành thốn bát cực*” (quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Thanh Thái là thế giới Cực Lạc, “*bát cực*” là tám phương. Người Hoa thường nói “tứ phương, tứ

duy” (bốn phương chánh, bốn phương bàng⁷¹), thêm vào thượng, hạ thành mười phương. “*Hoành thôn*” (nuốt ngang) là bao quát toàn bộ, hoàn toàn bao trùm. Thế giới Cực Lạc được hình thành như thế nào? Thế giới Cực Lạc không do con người tạo tác, cũng có thể nói là không phân biệt, không chấp trước, “*phi tư lượng xứ*”, không có vọng tưởng. Nói gộp lại là “*không có phân biệt, không chấp trước*”. Người trong thế giới Cực Lạc không chỉ học với A Di Đà Phật, dù là những người thuộc Hạ Hạ Phẩm – chúng ta đọc thấy trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu – bọn họ mỗi ngày nghe kinh, nghe pháp, mỗi ngày đi tham phòng mười vạn ức Phật. Thật ra, “*mười vạn ức*” không phải là con số mà là mười phương thế giới hết thầy đạo tràng của chư Phật, Bồ Tát, họ đều đến tham phòng, đến cúng Phật, nghe Phật thuyết pháp, cúng Tăng, giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Bận bịu như thế cũng chẳng vui ư?

Vì sao gọi là “*vô tạo tác thời*” (lúc không tạo tác)? Quả thật, họ bận rộn cũng chẳng vui ư? Họ không có ý niệm ấy, cũng không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Chúng sanh có Cảm, họ bèn Ứng. Cảm ứng hoàn toàn tự nhiên, quả thật chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng chấp trước, nên mới có Ứng. Chúng ta nay không có cách nào làm như vậy được. Do nguyên nhân nào? Bản năng ấy của chúng ta bị chướng ngại, bị nghiệp chướng chướng ngại. Nghiệp chướng là gì? Nghiệp chướng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta không buông những thứ ấy xuống được. Những thứ ấy chướng ngại tánh đức, tánh năng của chúng ta. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu chưa phá được một phẩm vô minh, nhưng họ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đức năng nơi tự tánh của họ không bị chướng ngại nên khởi tác dụng; vì thế, họ có thể tự do tự tại thị hiện trong mười phương thế giới, thật chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chúng ta học theo họ sẽ học không được, làm cách nào đây? Thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Cực Lạc, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền. Vì thế, nay chúng ta đọc đoạn kinh này, phải áp dụng vào hiện tại như thế nào? Tùy duyên, đừng phan duyên! Trọn đừng nghĩ mình phải làm điều này, điều nọ, hết thầy mọi việc cứ để “nước chảy thành suối!” Có cơ hội, biết là chuyện tốt, mình có khả năng có thể làm được thì hãy toàn tâm toàn lực mà làm; không đủ sức thì chẳng cần phải khởi vọng tưởng, chẳng cần khởi ý niệm nào. Có khả năng nhưng việc ấy đã có người làm, mình không bắt buộc phải làm, cũng chẳng cần phải

⁷¹ Bốn phương bàng là Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc.

bận tâm nữa. Việc tốt, đúng là việc tốt, lại không có ai làm, mình có sức làm thì mình tùy hỷ. Tốt! Tự tại lắm!

Như vậy, trong cuộc sống hiện thời, học tùy duyên đừng phan duyên, quý vị được đại tự tại. Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây chính là những gì thầy truyền cho tôi, trong bao nhiêu năm qua, tôi tùy tâm sử dụng, rất tự tại! Càng làm, lòng tin càng trọn đủ, càng làm, càng cảm tạ thầy dạy dỗ.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 51

Chư vị đồng học!

Xin xem phần khai thị thứ nhất trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sư. Buổi học trước chúng tôi đã giảng đến đây:

Phi tư lượng xứ A Di Đà Phật, tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời, Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉。橫吞八極。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương).

Trong hai câu này, quan trọng nhất là “phi tư lượng xứ” (chỗ không suy lường) và “vô tạo tác thời” (lúc không tạo tác), thánh - phàm sai biệt cũng ở chỗ này. Thánh nhân (chúng ta gọi là “bậc giác ngộ”), bậc giác ngộ tâm địa thanh tịnh không có vọng niệm. Phàm phu không giác ngộ, mê hoặc, vọng niệm chằng đoan. Phàm - thánh sai biệt, nói thật ra, chính là ở chỗ này. Vì thế, thời cổ thánh nhân dạy người “*khắc niệm tác thánh*” (chế ngự được ý niệm thì thành thánh), quý vị thấy bốn chữ này rất thú vị! Phàm ai có thể chế ngự được ý niệm sẽ thành thánh, ai không khắc phục được ý niệm của chính mình thì là phàm phu. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có gì khác, đoạn được vọng niệm mà thôi, đoạn sạch sẽ, mảy may cũng không còn, nên gọi là Phật Đà, là chư Phật Như Lai! Đoạn nhưng còn một chút, hãy còn một chút cực kỳ vi tế chưa đoạn thì là Đẳng Giác Bồ Tát. Do đây biết rằng: Tu hành nói đến tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh thì không có gì khác cả, khắc phục vọng niệm mà thôi! Như vậy, A Di Đà Phật làm được điều này. “Phi tư lượng xứ” A Di Đà Phật làm được, vì thế, lục căn của Ngài tịch tĩnh. Lục căn tịch

tĩnh, phản bản hoàn nguyên (trở về với nguồn cội), thành công! Câu này giảng về chuyện khắc phục vọng niệm.

Câu thứ hai giảng về tạo tác. Phật, Bồ Tát hiện vô lượng vô biên thân trong mười phương pháp giới, độ vô lượng vô biên người, quý vị nói thử xem: Các Ngài có tạo tác hay chẳng? Không tạo tác! Vì sao bảo là không tạo tác? Rành rành là tạo tác, vì sao nói là không tạo tác? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, hằng ngày giảng, không nghỉ một ngày nào, thế nhưng trong kinh Bát Nhã lại bảo “*Phật không nói một câu nào, ai nói Phật thuyết pháp chính là báng Phật!*” Trong giáo pháp Đại Thừa chúng ta cũng đã từng nghe nói, có khi là: “*Thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*” (nói mà không nói, không nói mà nói). Phật, Bồ Tát đến hiện thân trong chín pháp giới thuyết pháp chính là “*hiện nhi vô hiện, vô hiện nhi hiện, thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*” (hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện, nói mà không nói, không nói nhưng nói). Những câu ấy khiến chúng ta như đang ở trong đám sương phủ mù mịt⁷², nghe xong mê muội luôn: Sao lại nói hiện nhưng không hiện, nói nhưng không nói? Trong những phần trên đã nói rất nhiều lần về hiện thân thuyết pháp rồi: Ứng theo lòng Cảm của chúng sanh mà tự nhiên hiện, tự nhiên nói, không hề có ý nghĩ nào trong ấy cả. Không có một ý nghĩ nào là “*không nói*”, ứng theo lòng Cảm của chúng sanh là “*có nói*”. Vì thế, nói mà không nói, không nói mà nói; nghĩa là như vậy đấy. Đúng là nói rất nhiều, nhưng đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối chẳng phân biệt, chấp trước.

Chúng ta nghe những lời này chẳng hiểu! Rốt cuộc, chúng có nghĩa là gì? Chúng tôi vẫn dùng cái màn huỳnh quang như trong phần trên để tỷ dụ. Màn huỳnh quang của TV, hoặc màn huỳnh quang của computer sạch sẽ chẳng nhiễm mảy trần! Đúng hay không? Quý vị gạt đầu, đúng rồi! Nay quý vị thâm nhận tín hiệu, màn hình bèn hiện tướng. Nếu chúng ta hỏi: Màn huỳnh quang hiện tướng rốt cuộc là chuyện gì vậy? Chẳng phải là hiện mà không hiện hay sao? Tướng thì hiện, nhưng màn huỳnh quang quả thật chẳng nhiễm mảy may, quý vị nghĩ xem có phải là “*hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện*” đó ư? Những hình ảnh được hiện ấy cũng là giảng kinh, cũng là thuyết pháp, chẳng phải là “*nói nhưng không nói, không nói mà nói*” hay sao? Chư Phật hiện thân thuyết pháp trong chín pháp giới cũng giống như những tướng

⁷² Nguyên văn “*ngũ lý vụ trung*” (ở trong đám sương phủ đến năm dặm).

được hiện trên màn huỳnh quang. Đạo lý thuyết pháp giống như vậy đó.

Như vậy, trong nhà quý vị ai cũng có TV, mỗi ngày người biết tu hành xem TV đều là tu hành, nhờ vào đó mà đại triệt đại ngộ, nguyên lai là như thế đó! Màn huỳnh quang tượng trưng cho Pháp Tánh, tướng hiện nơi đó. Màn huỳnh quang có thể hiện (năng hiện), tướng ấy là cái được hiện (sở hiện), Năng Hiện - Sở Hiện, Năng - Sở là một, tuyệt đối không phải hai. Năng Hiện quyết định bất biến, Sở Hiện bị biến, biến ra sao? Khởi tâm động niệm bèn biến; không khởi tâm, không động niệm thì chẳng biến. Không khởi tâm, không động niệm gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới sống động, không chết cứng; “bất biến” hàm nghĩa không động, giống như màn hình vậy. Vì thế, năng hiện - sở hiện, năng biến - sở biến là một, không hai. Có như vậy quý vị mới thực sự hiểu rõ, thực sự thấu hiểu Thật Tướng của các pháp.

Vì thế, “*vô tạo tác thời, Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực*” (lúc không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Chúng tôi dùng cái màn huỳnh quang để tỷ dụ. A Di Đà Phật và quê cũ Thanh Thái đều dùng cái màn huỳnh quang để làm tỷ dụ, “*tọa đoạn lục căn*” (khuất phục sáu căn), “*hoành thôn bát cực*” (nuốt trọn tám phương), chúng tôi dùng những hình ảnh hiện ra nơi màn hình để tỷ dụ. Tôi giảng như vậy chắc mọi người hiểu được, nhưng quý vị vẫn phải chú tâm quán sát, không chú tâm sẽ chẳng hiểu những thứ ấy đều ở ngay trước mặt. Lúc quý vị hiểu được thì trí huệ sẽ sanh khởi, đối với hết thấy những tướng được hiện quý vị mới thực sự bội phục. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Đức Phật nói ra được những lời ấy quả thật là phi phàm, một lời vạch trần Thật Tướng của các pháp. Hôm nay chúng ta lại xem tiếp, xem tiếp đoạn văn sau đây:

Phá quần hôn như cảo nhật lệ thiên.

破群昏如杲日麗天。

(Phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời).

Trí huệ hiện tiền! Trí huệ hiện tiền có thể phá mê hoặc, có thể phá chướng. Trong Tam Chướng, khó phá nhất là Hoặc Chướng, tức là Phiền Não Chướng, mê hoặc đây! Phá được mê hoặc thì vấn đề nào cũng giải quyết được; chỉ cần phá được mê hoặc thì vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước tự nhiên bị không chế, không thể sanh khởi được nữa, đây chính là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. “*Phá quần hôn*”: Hết thấy mê hoặc đều dùng hai chữ “*quần hôn*” (các thứ tối tăm) để tượng trưng. “*Như cảo nhật lệ thiên*” (như mặt trời chói rực giữa trời): “*Cảo nhật*” là mặt trời. Chữ “*cảo*” (杲) viết theo cách Hội Ý, nhằm làm cho quý vị nhìn vào tướng (tức mặt chữ) sẽ thấu hiểu được ý nghĩa. Mặt trời mọc lên, cao lắm, đã vượt lên đầu ngọn cây. Vì thế, chữ Cảo dưới là chữ Mộc (木), trên là chữ Nhật (日), ngụ ý Thái Dương nay đã vượt khỏi ngọn cây, rất cao rồi, hết sức sáng chói. Thái Dương quá xa, vì thế nó mang ý nghĩa cao xa, mang ý nghĩa sáng sủa. “*Cảo nhật lệ thiên*” biểu thị ý nghĩa gì? Biểu thị đại triệt đại ngộ, biểu thị thông đạt, hiểu rõ, khai ngộ rồi. Câu kế tiếp:

Liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thần dược.

療眾病如善見神藥。

(Trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến).

“*Chúng bệnh*” (các bệnh) chỉ chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, vẫn còn tạo nghiệp, vẫn còn chịu báo, nhất là chúng sanh luân hồi trong lục đạo rất đáng thương, rất khổ! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian để làm gì? Cứu khổ, cứu nạn, giúp cho những kẻ khổ nạn ấy, đến trị bệnh cho họ! Giống như “*Thiện Kiến thần dược*” (thuốc thần Thiện Kiến) là nói tỷ dụ. Trong kinh Phật có tỷ dụ một loại thuốc, loại thuốc này có thể trị hết thấy các bệnh, loại thuốc ấy có tên là Thiện Kiến. Chữ Kiến (見) này nên đọc là Hiện (現), thời cổ chữ Kiến và Hiện có cùng một âm, cũng mang cùng một ý nghĩa, nay thêm bộ Ngọc (玉) vào bên cạnh [chữ Kiến thành chữ Hiện]. Thần dược Thiện Kiến (Hiện): Chúng sanh trông thấy thuốc ấy, (theo cách nói bây giờ của chúng ta) tất cả hết thấy virus đều bị hóa giải, chúng ta nghĩ xem thuốc ấy là thuốc gì vậy? Thuốc ấy chẳng phải là Tam Bảo như Phật pháp thường nói đó chăng? Tam Bảo là gì? Tự Tánh Giác, Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Tịnh. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh là đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh, đức Phật nói tới thần dược Thiện Kiến chính là nói điều này. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh hiện tiền, virus nào cũng không còn nữa, đều bị hóa giải hết. Thiên địa, vạn vật, hết thấy chúng sanh đều chuyển biến thành Giác - Chánh - Tịnh, trong tự tánh há có virus!

Như vậy, nay chúng ta chuyển tham - sân - si thành Giác - Chánh - Tịnh, chuyển keo tham thành thanh tịnh như thế nào? Keo tham (keo

kiệt, tham lam) là nhiệm ô nghiêm trọng nhất. Chuyển sân khuê thành thuần chánh. Chuyển ngu si thành thuần giác. Chuyển được thì là Phật, Bồ Tát; chuyển không được thì là phàm phu. Chúng tôi muốn chuyển thì xin hãy dạy cho tôi phương pháp nào để chuyển? Phương pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn loại phương pháp, vô lượng pháp môn, vô lượng vô biên phương pháp đều có thể chuyển. Nhiều phương pháp như vậy, chúng ta phải học theo phương pháp nào mới là tốt nhất? Đức Phật dạy chúng ta: “*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp). Vì sao? Mỗi phương pháp đều có thể giúp cho chúng ta chuyển Mê - Tà - Niễm thành Giác - Chánh - Tịnh. Mê - Tà - Niễm là Tham - Sân - Si, chuyển thành Giác - Chánh - Tịnh. Bởi vậy, “*pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp*”.

Thế nhưng chúng ta là chúng sanh nghiệp chướng, tập khí, phiền não rối bời, mỗi người khác nhau, sâu - cạn, dày - mỏng khác nhau. Người lợi căn phiền não tập khí mỏng một chút, cạn một chút, học pháp môn gì cũng đều dễ dàng. Người phiền não tập khí rất nghiêm trọng, có rất nhiều pháp môn người ấy không có cách gì học đợc. Vì thế gian này hiện thời quá khổ, tai nạn quá nhiều, chúng ta nhất định phải tìm lấy một pháp môn nào dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất để nương cậy. Chư Phật Như Lai dạy chúng ta: “Có! Có một pháp môn: Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ”. Pháp môn này là pháp môn lý tưởng. Chúng ta hãy xem đoạn văn tiếp theo:

Sở dĩ vân: Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ.

所以云。一稱阿彌陀佛名號。能滅八萬億劫生死眾苦

(Bởi thế nói: Vừa xưng danh hiệu A Di Đà Phật, diệt đợc các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử).

Đây chính là lời chư Phật Như Lai đã nói! Chúng ta có tin tưởng hay không? Nếu quý vị tin, chúng tỏ quý vị có thiện căn to lớn. Trong đời quá khứ đã có thiện căn rất sâu dày, trong đời này mê hoặc, khi nào có người cảnh tỉnh quý vị, vừa tỉnh thì thiện căn trong đời quá khứ liền phát khởi, quý vị bèn tin tưởng. Lúc nào thiện căn chín muồi, đứng đấy, nhất định phải có lúc đó, trong nhà Phật thường gọi là “*thời tiết nhân duyên*”. Thời chưa đến là chưa đợc.

Tôi thừa nhận, trong đời quá khứ, tôi có thiện căn sâu dày, nhưng

trước khi tôi tròn hai mươi tuổi, chắc chắn tôi không thể tiếp nhận Phật pháp. Ai đến giảng giải cho tôi cũng uổng công, tôi chẳng thể tiếp nhận. Hết sức chấp trước, hết sức ngoan cố, tự cho mình đúng, tự cậy mình thông minh. Năm hai mươi sáu tuổi thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, Phương tiên sinh là bậc thiện tri thức được ngưỡng mộ trong tâm tôi, là vị thầy tôi kính ngưỡng nhất. Gặp được cụ, cụ giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi không nói gì cả, tin tưởng ngay. Thầy chẳng lừa dối tôi, đối với tôi cụ hết sức tốt, hết sức yêu thương. Năm hai mươi sáu tuổi chính là lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, gặp được bậc thiện tri thức như vậy. Thật đấy! Cụ là đại triết gia, chẳng những là vị giáo sư nổi tiếng tại Đài Loan mà còn là bậc thầy nổi danh trên thế giới. Tôi bị đạo đức, học vấn của cụ chiết phục, cụ nói: “*Kinh Phật là triết học cao sâu nhất trong triết học toàn thế giới (tôi học Triết Học với cụ), học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi bị hai câu nói ấy của cụ dẫn vào cửa Phật. Nếu không phải là Phương tiên sinh mà là người khác nói hai câu ấy, tôi chẳng tin tưởng; nhất định phải từ miệng cụ nói ra tôi mới tin tưởng được. Ai độ người nào đều là có duyên phận. Duyên phận ấy chỉ có thể gặp chứ không thể cầu. Tôi được cụ tiếp dẫn vào cửa nhà Phật như thế đấy!

Tiếp dẫn vào cửa Phật rất hy hữu! Chưa đầy một tháng sau tôi quen biết Chương Gia đại sư, tôi có người để thỉnh giáo về những chuyện liên quan đến Phật giáo. Tôi tự mình tìm kinh điển đọc, có ngờ vực gì, bèn hướng về Chương Gia đại sư thỉnh giáo. Chương Gia đại sư giúp tôi suốt ba năm, căn cơ Phật giáo của tôi được xây đắp vững vàng từ nơi lão nhân gia. Nói cách khác, năm hai mươi sáu tuổi, trước khi gặp Phương tiên sinh, bất cứ ai muốn giới thiệu Phật giáo cho tôi cũng đều không thể được. Tôi tranh cãi với người ấy, tôi có cả một đồng lý luận vắn vẹo, quý vị không có cách gì đã phá lý luận vắn vẹo của tôi, nên tôi chẳng thể tin tưởng.

Lúc còn trẻ, độ những người như tôi rất khó khăn. Lúc ấy tôi còn đang đi học, còn chưa đến hai mươi sáu tuổi, lúc mười mấy tuổi, thường hay thân cận Cơ Đốc giáo. Vì tôi có rất nhiều bạn học là tín đồ Cơ Đốc Giáo, thường đi nhà thờ, tôi theo họ đi nhà thờ, cũng đọc Kinh Thánh của họ, tôi đọc hết sức nghiêm túc, bọn họ đều kém tôi. Mục sư mấy lần rủ rê, hy vọng tôi chịu rửa tội. Tôi nói tôi có nghi vấn, đợi khi nào thấu hiểu những nghi vấn ấy tôi sẽ rửa tội, chứ hiện nay những nghi vấn ấy không có cách gì giải quyết được. Ông ta hỏi những nghi vấn nào? Tôi nhớ hình như mình nêu lên hơn bảy mươi điều, ông ta không trả lời được

một điều nào. Ông ta nghe xong, lắc đầu: “Khó quá, không cách gì độ cậu được!” Thế trí biện thông mà! Nay học Phật mới biết, đời quá khứ tu Huệ không tu Phước; vì thế, có Thế Trí Biện Thông, không có phước báo, cũng không có thọ mạng. Học Phật rồi mới biết, mới biết mình nên tu bổ cứu như thế nào, không có phước báo thì phải bổ cứu. Không có thọ mạng cũng phải bổ cứu. Nhất là Chương Gia đại sư dạy tôi: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Thật ra, tôi trọn chẳng cầu phước, cũng trọn chẳng cầu trường thọ, nhưng tôi cầu trí huệ là thật. Đại khái là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chú trọng nơi tu Huệ, nay còn mang theo tập khí nhiều đời nhiều kiếp trước, chú trọng tu Huệ; nhưng tu Huệ bao gồm cả Tài Bồ Thí và Vô Úy Bồ Thí trong ấy. Thầy Lý khuyên tôi học giảng kinh: “*Học giảng kinh thì ba thứ bồ thí đồng thời đầy đủ!*” Quý vị lên giảng đài vì đại chúng, đem Phật pháp giới thiệu cho đại chúng, giảng giải cho đại chúng nghe, phải có thân thể, phải có sức khỏe. Thân thể và sức khỏe chính là Nội Tài Bồ Thí, so ra còn thù thắng hơn Ngoại Tài. Ngoại Tài là những tài vật ngoài thân. Quý vị giúp cho người khác có phước báo, dùng thân thể và sức lực để giúp đỡ người khác, phước báo càng lớn. Phước báo của Nội Tài so với Ngoại Tài còn lớn hơn. Đây là Tài Bồ Thí! Những gì chúng ta giới thiệu chính là Phật pháp, thuộc về Pháp Bồ Thí. Mọi người thực sự hiểu rõ, thông suốt Phật pháp, phá trừ nghi chướng, đây là Vô Úy Bồ Thí. Vì thế, làm một chuyện đạt được cả ba, thầy Lý dạy tôi như vậy.

Trước khi gặp được thầy Lý, tôi chỉ biết chăm chú học Phật; Phương tiên sinh giảng cho tôi. Cho đến lúc ấy tôi chẳng hề khởi ý niệm lên đài giảng kinh, chẳng dám khởi ý niệm ấy. Chính là thầy Lý dạy dỗ, dẫn dụ tôi lên giảng đài. Lên giảng đài rồi vui sướng không mệt mỏi, nói thật ra là do thiện căn trong đời quá khứ dẫn khởi phát hiện. Vì thế, thầy Lý thường nói chúng ta lên đài giảng kinh không phải là một đời, một kiếp, mà là trong quá khứ đời đời kiếp kiếp đều lên giảng đài. Bởi vậy, quý vị lên giảng đài mới được tùy lòng ứng đối, pháp nào cũng giảng được, không bị khó khăn. Thật đấy! Quả thật là thiện căn trong quá khứ, là hạnh nghiệp trong quá khứ. Trong quá khứ từng làm hạnh này, làm sự nghiệp này, nên trong một đời này có thể tiếp tục làm nữa, nguyên do là như vậy.

Vậy thì “*nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Chư Phật nói như vậy,

chúng ta phải tin. Chư Phật nói mà không tin thì còn tin cái gì được nữa? Chuyện ấy nếu đợi chúng ta chứng minh được thì đâu phải là chuyện dễ dàng. Nếu quý vị muốn chứng minh chuyện này thì phải là bậc Bát Địa trở lên mới có thể chứng minh chân tướng sự thật này rõ ràng: “*Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (Niệm danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Rất đáng tiếc! Người thế gian không chịu niệm, không biết niệm. Người chịu niệm, hiện tại người niệm Phật chúng ta rất nhiều, mà có diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử hay không? E rằng không được! Không được thì lời Phật hóa ra không đúng hay sao? Đức Phật chắc chắn chẳng nói dối, nhưng chữ “*diệt*” ở đây có hai loại: Trong kinh Phật thường dạy có Đoạn Diệt và Phục Diệt. Hai thứ khác nhau!

Nay chúng ta niệm Phật diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử, nói thật ra, không phải là đoạn diệt, không đoạn được! Chúng ta niệm Phật một tiếng sẽ khuất phục, đè nén [được các nỗi khổ]. Thế nhưng khi không niệm, chúng lại trỗi dậy, như thế là lấy đá đè cỏ, chứ chưa trừ được rễ. Người biết niệm trừ được cả rễ. Nay chúng ta không biết niệm, thế nào mới là “biết niệm”? Trong những phần trên tôi đã giảng rồi! Nói thật đơn giản, thật minh bạch, thật rõ ràng thì không gì hơn lời Đại Thế Chí đã dạy: “*Đó nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đó là biết niệm. Biết niệm thì trước hết vẫn là chế phục, rồi sau mới đoạn. Đây là đạo lý nhất định, trước chế phục, sau đoạn trừ. Quý vị niệm Phật, phải tịnh niệm, tịnh là thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp. Hoài nghi: không thanh tịnh; xen tạp cũng chẳng phải là thanh tịnh, khó lắm! Trong khi quý vị niệm Phật mà vẫn còn khởi vọng tưởng, vẫn có tạp niệm thì công phu chưa thuần, đó gọi là không thanh tịnh!

Niệm Phật, có lúc niệm, có lúc gián đoạn, chẳng thể liên tục, lúc niệm thì khuất phục được phiền não, lúc gián đoạn thì phiền não lại hiện hành. Do vậy, niệm đã lâu như thế nào đi nữa, vẫn không chế phục được. Quý vị không khuất phục được phiền não là vì có gián đoạn. Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, thời gian niệm Phật ngắn ngủi, thời gian không niệm Phật lại dài. Nói cách khác, mỗi ngày quý vị dùng đá đè cỏ, thời gian đè nén ngăn; lúc không chèn ép, cỏ lại tăng trưởng. Vì thế, quý vị hao sức niệm bao nhiêu năm dài lâu như thế, niệm mấy mươi năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có gì hết, nghĩ lại vẫn không khác gì lúc chưa học Phật cho mấy, đây chính là công phu không đắc lực! Công phu

không đắc lực là vì quý vị không biết niệm, quý vị niệm Phật khi có, khi không, cổ nhân bảo là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm như nước trong giọt sương đọng). Vì thế, dù quý vị niệm Phật chỉ là gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, không địch lại nổi tập khí phiền não, không chế phục được. Vậy thì phải niệm ra sao?

Chính là “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), phải làm theo cách ấy. Làm theo cách như vậy, từ những ghi chép về sự tu hành chứng quả của cổ đức, chúng ta thấy: Nếu là bậc lợi căn thì ba tháng liền thấy hiệu quả, người căn tánh bậc trung phải mất sáu tháng, tức là trong nửa năm bèn thấy hiệu quả. Hiệu quả hiện hữu rồi, tin tâm lớn bội phần. Thật đấy! Đúng là có lợi ích, vì sao? Phiền não ít đi, vọng niệm ít đi, vọng niệm ít đi rồi thì trí huệ tăng trưởng. Chuyện gì cũng vậy, bắt đầu đều khó, quý vị muốn đề nén tập khí từ vô thủy kiếp đến nay mà! Lúc tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư nói và làm khác nào nêu gương cho tôi, tôi hiểu rõ: “*Phật hiệu quyết định chẳng được gián đoạn!*” Đại sư trì chú, trì chú giống như niệm Phật, không gián đoạn!

Mỗi Chủ Nhật tôi đến gặp Ngài, thời gian là hai tiếng đồng hồ. Trong hai tiếng đồng hồ ấy, Ngài trì chú không ngừng. Tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài trả lời câu hỏi, đáp xong lại niệm chú. Ngài trì theo lối Kim Cang Trì, không phát ra tiếng, chỉ động môi, toàn thân ở trong Định. Ngài gởi cho tôi một bức ảnh, mọi người đã thấy rồi đó, bình thường Ngài luôn như vậy, chứ không phải lúc chụp hình cố ý làm ra vẻ. Bình thường Ngài là như vậy, ở trong Định, đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Vì vậy, thầy Lý rất bội phục, cả đời chúng tôi chưa thấy được một người thứ hai như thế. Động tác, hành động của Ngài hết sức từ tốn, nói năng cũng chậm rãi, không gấp gáp, lụp chụp tí xiu nào, ôn hòa. Những đức tánh “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*” (ôn hòa, hiền lành, cung kính, tiết kiệm, khiêm nhượng) như Khổng phu tử đã nói trong Luận Ngữ đều thấy thể hiện nơi đại sư, thánh đức đấy! Đó là Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, mãi cho đến nay chúng tôi vẫn chưa học được. Ngài tịnh như thế, định như thế, ổn trọng như thế khiến ai thoát nhìn đều tự nhiên sanh lòng cung kính, sức nhiếp thọ rất lớn. Vì thế, niệm Phật phải biết niệm, chúng ta phải tin vào lời Phật, đúng là trong một câu Phật hiệu không xen tạp, không hoài nghi, không gián đoạn.

Trước kia, lần thứ nhất tôi đến hội Phật giáo Cát Long Ba (Kuala Lumpur) không phải để giảng kinh mà là giảng diễn, hình như liên tục suốt năm ngày. Cuối cùng, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm. Pháp

Thập Niệm ấy như sau: Một ngày chín lần, mỗi lần chỉ niệm mười câu A Di Đà Phật, niệm bốn chữ thôi: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười câu liên tục như thế. Trong mười câu ấy quả thật không hoài nghi, không xen tạp. Niệm quá lâu sẽ xen tạp vọng niệm, niệm mười câu ấy chỉ cần một phút, một phút thì chúng ta có thể làm được: Trong một phút quyết định không xen tạp, mười câu Phật hiệu, vả lại, mười câu ấy câu này tiếp theo câu kia là liên tục, cũng có thể phù hợp với nguyên tắc như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Quý vị nghiêm túc làm, một ngày chín lần, ngày ngày không gián đoạn. Có không ít đồng học nghe như vậy bèn làm theo, làm một hai tháng rất có hiệu quả, gọi điện thoại cho tôi, viết thư cho tôi, nói phương pháp này tốt lắm. Vì thế, phương pháp ấy được truyền bá.

Sau này ở Mỹ, Gia Nã Đại có nhiều đồng tu áp dụng phương pháp này. Dùng phương pháp này kể ra rất thích hợp đối với người hiện tại, công việc bề bộn, chẳng tốn thời gian. Sáng dậy rửa mặt xong, trong nhà có tượng Phật thì đối trước tượng Phật mà làm. Không có tượng Phật thì hướng về phương Tây, một phút là thực hiện xong công khóa. Đêm trước khi đi ngủ làm một lần, sáng tối hai lần. Trước ba bữa ăn, do làm vậy nên ba bữa ăn chúng ta không cần phải niệm chú Cúng Dường, chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm mười câu rồi mới ăn cơm, đó là ba lần. Vậy là năm lần, cộng hai lần sáng tối thành năm lần. Vô làm việc, về nghỉ, buổi sáng bắt đầu vào làm việc, nghỉ trưa; buổi chiều trở vào làm việc tiếp, ra về, trước lúc bắt đầu làm việc chấp tay niệm Phật hiệu mười tiếng rồi hãy làm việc. Lúc hết buổi, làm xong việc, xếp gọn sổ sách, rồi lại chấp tay niệm Phật mười tiếng. Một ngày chín lần, phù hợp “*tịnh niệm tiếp nối*”. Rất có hiệu quả đối với người công việc bận rộn trong hiện tại.

Nếu về hưu thì quý vị nên học theo Chương Gia đại sư, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn, không cần phát ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng trong một thời gian dài sẽ rất mệt, thân thể không kham nổi. Kim Cang Trì, hoặc là mặc niệm, mặc niệm là niệm không ra tiếng, miệng cũng không động, Phật hiệu trong tâm câu này tiếp theo câu kia, vọng niệm không có, quý vị thực sự làm được! Vọng niệm không có, hoàn toàn bị không chế, gọi là “*công phu thành phiền*”, đây chính là Niệm Phật tam-muội [ở mức độ] nông cạn nhất, quý vị đã đắc Niệm Phật tam-muội. Cũng có thể nói là quý vị đã hoàn toàn không chế vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng trở ngại công việc. Cứ làm lụng, thủ tiếp như cũ. Không phải là dứt tuyệt mọi ngoại duyên; ngoại duyên tất

yêu phải có, chẳng thể đoạn tuyệt được, nhưng không trở ngại chút nào. Chuyện không cần thiết thì hãy đoạn đi, nghĩa là: Những chuyện không quá cần thiết, cấp bách trong cuộc sống thường ngày thì đừng quan tâm đến nữa.

Cổ nhân nói hai câu rất hay: “*Thức nhân đa xít thị phi đa; tri sự đa thời phiền não đa*” (Càng biết nhiều người càng lắm chuyện, càng biết nhiều chuyện càng phiền não). Nếu không biết rất nhiều chuyện, không cần phải đi khắp nơi tìm nghe. Người ta đưa tin đến, bảo cho mình chuyện gì, chuyện nào không liên can đến mình ta không thèm nghe. Biết càng ít chuyện càng tốt, quen càng ít người càng hay, không cần thiết! Vĩnh viễn giữ được cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi của chính mình, bản thân chúng ta tu học như thế thì mới có thể ảnh hưởng người khác. Người khác thấy quý vị tu học như thế, tu tốt lắm, người ta học theo quý vị. Người ta học bao nhiêu năm công phu không đắc lực, vì sao công phu không đắc lực? Nếu quý vị thực sự muốn công phu đắc lực thì cách tu là như thế, duyên nào nên buông xuống thì nhất định phải buông xuống. Quý vị phải nhớ kỹ, chuyện gì không nên buông xuống chớ nên buông xuống, không có trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Người trong nhà mình thì mình phải yêu thương, phải chiếu cố, chuyện này không thể buông xuống, không được nói là chẳng quan tâm đến gia đình nữa. Học Phật như vậy sẽ chẳng thể thành tựu! Hết thầy chư Phật đều dạy chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, ngay cả cha mẹ mà quý vị cũng không màng thì làm sao có thể thành Phật đạo? Bởi vậy, chẳng được buông bỏ đạo đức luân thường thế gian, người học Phật sống trong thế gian phải thể hiện sự giáo hóa người đời như vậy. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “*Đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành*” (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành). Đôn luân tận phạt là về mặt Sự, nhàn tà tồn thành là không ngăn ngại. Pháp thế gian chính là Phật pháp, giác rồi thì pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Không giác thì có pháp nào là Phật pháp đâu nhỉ? Không giác thì thứ gì cũng chẳng phải, niệm Phật cũng chẳng phải!

Trước kia, tôi từng nghe những vị lão hòa thượng bảo tôi: Tại nhiều nơi trong nội địa có những bà cụ niệm Phật, hỏi họ vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Họ nói niệm A Di Đà Phật để trừ tiền⁷³. Tôi chết đi

⁷³ Niệm Phật để được tiền: Có một tà thuyết khá phổ biến ở Trung Hoa là cứ niệm Phật một câu sẽ để dành được một ít tiền nơi cõi âm, khi chết đi mình sẽ được hưởng dụng số tiền đó nơi cõi U Minh. Trong Ấn Quang Văn Sao, Tổ có nhắc đến chuyện

rồi, có rất nhiều tiền trữ sẵn để dùng. Niệm Phật như vậy không phải là Phật pháp, họ hoàn toàn sai lầm. Họ muốn tương lai chết đi làm quý, làm một con quý giàu có, không làm một con quý nghèo nàn. Ngày ngày niệm A Di Đà Phật để kiếm tiền, quý vị nói xem có phải là hoàn toàn sai lầm hay không? Như vậy, hễ mê rồi thì Phật pháp cũng trở thành pháp thế gian; ngộ thì hết thấy pháp thế gian đều là Phật pháp. Thật vậy! Ở đây thiền sư Trung Phong giảng rất nhiều, giảng rất hay, quan hệ giữa chúng sanh và Phật, phàm và thánh là ở chỗ này. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Vì thế, đối với lời chư Phật đã nói: “*Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử), chúng ta tin tưởng sâu xa không nghi.

Lợi ích như thị, khởi thí dụ ngôn thuyết chi khả cập hồ!

利益如是。豈譬喻言說之可及乎。

(Lợi ích như thế, há có thí dụ, lời lẽ nào diễn tả trọn vẹn cho được!)

Lợi ích ấy quá lớn. Tất cả lợi ích thế gian hay xuất thế gian đều không thể sánh bằng lợi ích do niệm Phật. Của cải vạn ức trong thế gian không bằng chí tâm niệm một câu A Di Đà Phật. Chí tâm là thành tâm thành ý, thành tâm thành ý chính là niệm niệm tiếp nối. “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), tương ứng với tiêu chuẩn ấy, niệm một tiếng A Di Đà Phật như thế thì của cải ức vạn chẳng thể sánh bằng. Ưc ức vạn của cải cũng không thể sánh bằng. Vì sao? Dầu nhiều của cải ngàn ấy, quý vị vẫn không thể thoát khỏi luân hồi, chỉ có thể giải quyết cuộc sống vật chất giàu có, dư dả một chút, chứ ngoài điều này ra, chẳng thể giải quyết vấn đề nào khác cả! Một câu A Di Đà Phật phi thường, vấn đề nào cũng đều có thể giải quyết được hết, cuộc sống vật chất trước mắt quyết định chớ nên bận lòng, vì sao? Quý vị có phước mà! Người có phước há có thể bị lạnh, bị đói hay chãng? Không thể! Chịu khổ nạn một chút thì có, vì sao phải bị khổ nạn? Do nghiệp chướng trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chịu khổ nạn bèn tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi sẽ thành Phật đạo.

Vì thế, chúng ta thấy rất nhiều người chân chánh tu hành, cả một

này, như vậy, tà thuyết này đã có từ trước thời Dân Quốc, ít nhất nó đã có từ thời Minh - Thanh.

đời tu khổ hạnh, như trong cận đại ai nấy đều biết lão hòa thượng Hư Vân suốt đời tu khổ hạnh, Ngài có phước báo rất lớn. Ở Nam Dương (Indonesia) có rất nhiều quốc vương, đại thần đều tôn Ngài làm thầy, tín đồ đại phú quý, đồ đệ tại gia không biết là bao nhiêu, cúng dường hết sức phong phú, lão hòa thượng đúng là muốn gì có nấy, nhưng Ngài dùng trà thô, cơm nhạt, mặc áo vá chằng, vá đụp, suốt một đời không thay đổi, tiêu nghiệp chướng! Đối với phước báo, tất cả hết thầy cúng dường, lão nhân gia chuyên dùng để tu sửa chùa, tu bổ chùa, cất chùa, làm những chuyện như thế. Chùa sửa chữa hay xây dựng xong, Ngài trọn chẳng làm trụ trì, mời người khác làm trụ trì, cúng dường cho chúng xuất gia tu hành, suốt đời làm như vậy. Ấn Quang đại sư suốt đời in kinh để bố thí, lão hòa thượng Hư Vân suốt đời dựng chùa, đều là nêu gương mẫu cho chúng ta, khiến chúng ta tự trông thấy phải khéo suy nghĩ mình nên làm như thế nào! Phước đức ấy vô lượng vô biên, không có cách gì tỷ dụ được, không có cách chi diễn tả được.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị trong thời thứ ba, đoạn văn trong phần Khai Thị lần thứ nhất là như sau:

Chỉ như tức kim Hệ Niệm, đệ tam thời Phật sự. Thả đạo: Hiện tiền chúng đẳng, đồng thanh tương ứng nhất cú, như hà chỉ trần?

只如即今繫念。第三時佛事。且道。現前眾等。同聲相應一句。如何指陳。

(Còn như nay Hệ Niệm Phật Sự, nhằm thời thứ ba. Vậy thì hiện tiền đại chúng, đồng thanh tương ứng một câu, chỉ bày như thế nào đây?)

Mấy câu này gần như là một loại nghi thức thuyết pháp trong nhà Phật chúng ta; trong nhà Phật, có thể nói là chẳng phân biệt Tông Môn, Giáo Hạ, [mấy câu này] gần như là thông dụng, chúng ta phải nên biết. “Chỉ như tức kim”: Nay chúng ta đang làm “Hệ Niệm Tam Thời Phật Sự, vậy thì hiện tiền đại chúng” đại chúng đang cùng tham dự pháp hội này, chúng ta cùng nhau thành tâm thành ý đến điện đường này làm Phật sự, “đồng thanh tương ứng một câu” là gì? “Chỉ trần” (chỉ bày) như thế

nào đây? “*Chỉ*” là “*chỉ thị*” (chỉ ra, nêu ra), “*trần*” là “*trần thuyết*” (diễn tả, nói phô bày). Như nhà Thiền thường nói, tức là như tổ sư trong Tông Môn bảo: “*Đạo nhất cú lai!*” (Hãy nói một câu xem!), tức là hãy nói một câu nghe thử coi. “*Như hà chỉ trần*” mang ý nghĩa như vậy đó, hãy nói một câu xem, ý nói: Mọi người hiện đang cùng ở đây làm pháp sư, đồng thanh tương ứng. Rồi thiền sư bảo chúng ta:

***Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm,
Bất giác hoa tùy túc để sanh.***

一從佛向舌根念。

不覺華隨足底生。

(*Nhất tâm theo Phật nguyện xưng niệm,
Nào biết hoa sen dưới gót sanh*).

Ở đây thiền sư không nói “*nhất thanh Phật hiệu thiết căn niệm*” (một tiếng Phật hiệu dùng lưỡi niệm), nói như vậy dễ hiểu rồi, Ngài không nói như thế, Ngài nói “*Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm*”. “*Nhất tùng Phật hướng*” nghĩa là gì? “*Nhất*” là “*nhất tâm*”, mấu chốt là có khế nhập cảnh giới Phật hay không, nhất tâm sẽ có thể nhập được. Nhập được cảnh giới Phật, cảnh giới Phật là cái bị nhập (sở nhập), Nhất Chân pháp giới là sở nhập, Nhất Chân là năng nhập. Như vậy, pháp môn này chẳng tu hành điều gì khác, chỉ là tu “*nhất tâm bất loạn*”. Pháp môn Niệm Phật không niệm gì khác, mà là niệm đến nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Hai tâm, ba tâm là vọng tâm, đưa vọng trở về chân tâm, pháp môn này là như vậy đó!

Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, bởi thế, chúng ta phải “*nhất tâm tùng Phật*”, “*tùng*” (從) là thuận tùng, thuận tùng điều gì của Phật? Thuận tùng “*Phật hướng*”. Phật hướng (phương hướng của Phật) chính là Phật nguyện. Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? Chính là Phật nguyện. Phương hướng của đức Phật là gì? Phương hướng của đức Phật là phổ độ hết thảy chúng sanh, mong hết thảy chúng sanh sớm thành Phật giống như Ngài. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp nào để thành Phật? Niệm Phật thành Phật. Niệm Phật thành Phật là phương hướng của Phật. Nay chúng ta dùng “*thiết căn niệm*”, công đức của thiết căn chẳng thể nghĩ bàn; đặc biệt là trong thế giới Sa Bà, trong sáu căn thì công đức của thiết căn rất lớn. Giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiết căn, Thích Ca Mâu Ni Phật rộng độ chúng sanh, vì hết thảy chúng sanh giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiết căn.

Chúng ta muốn thành tựu thì vẫn phải dùng thiết căn để niệm Phật. Đây là “*nhất tùng hương Phật thiết căn niệm*”. Vì thế, ngài Trung Phong không nói “*nhất thanh Phật hiệu thiết căn niệm*” (dùng thiết căn niệm một tiếng Phật hiệu), một tiếng Phật hiệu ý nghĩa còn cạn, nói theo ý nghĩa trên đây sẽ sâu xa hơn. Niệm Phật như thế chính là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, thực sự tương ứng! Chính là những điều thiền sư Trung Phong đã nói trong những lời khai thị ở những phần trước đã được thực hiện ở đây: Thực hiện tương ứng niệm Phật, đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó là “*chất phác niệm*”.

Niệm Phật như vậy hiệu quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Câu tiếp theo nói đến sự việc sau đây: “*Bát giác hoa tùy túc để sanh*” (nào biết hoa sen dưới gót sanh). Nơi ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đóa hoa sen của quý vị đã mọc, mọc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giống như chư Phật, Bồ Tát; chúng ta nhìn vào Biến Tướng Đồ⁷⁴: Chư Phật, Bồ Tát đều ngồi hay đứng trên hoa sen, dưới chân chúng ta cũng trở hoa sen, hễ niệm bèn sanh. Nhớ kỹ: Không niệm bèn chẳng có, bị diệt mất. Vì thế, mỗi ngày quý vị niệm Phật không gián đoạn thì hoa sen trong ao bảy báu ngày càng lớn, ánh sáng và màu sắc càng xinh đẹp thù thắng khôn sánh. Tương lai vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa ấy, hoa do chính quý vị niệm, chính quý vị trồng, vẫn là chính quý vị thân lấy quả báo. Hoa sen trong ao sen không phải do A Di Đà Phật trồng, mầu nhiệm chẳng thể nói.

Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ có mình pháp này là thật; những pháp khác “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Danh văn, lợi dưỡng thế gian, công danh, phú quý, ngũ dục, lục trần, sanh ra chẳng mang theo đến, chết không mang đi, chớ nên tham luyến! Nói thật ra, không có may mắn ý nghĩa nào! Vì thế, người giác ngộ tùy duyên, nhất định không phan duyên. Giúp đỡ chúng sanh thì chúng sanh phải có phước báo, chúng sanh không có phước báo thì Phật cũng không có cách gì giúp đỡ được, huống chi là chúng ta! Thế nào là chúng sanh có phước? Chúng sanh có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, chúng sanh nghe nói đến Phật pháp, trông thấy những sự thị hiện bèn có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể

⁷⁴ Biến Tướng Đồ: Những hình vẽ thuyết minh cảnh giới trong kinh điển, phổ biến nhất là Cực Lạc biến tướng đồ (hình vẽ mô tả cảnh tượng Cực Lạc), hoặc Địa Ngục Biến Tướng Đồ (hình vẽ mô tả cảnh địa ngục)...

đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, những chúng sanh ấy có phước. Tai nạn dù lớn đến mấy đều có thể hóa giải, dầu chẳng thể hoàn toàn hóa giải thì tai nạn cũng giảm nhẹ, đó là điều khẳng định! Đại chúng cùng nhau tu tập “*đồng thanh tương ứng một câu*”. Hai câu này của Ngài không sâu xa lắm, nếu chúng ta lãnh hội được thì quả thật sẽ rạng rỡ ngay trong hiện tiền, Tiếp đến, phải nghiêm cẩn niệm Phật, bởi lẽ, Hệ Niệm Phật Sự lấy niệm Phật làm chủ. Ngàn tiếng niệm Phật này chẳng thể ơ hờ. Tiếp theo đây là bài kệ Tán Phật, tức kệ Tán Phật trong thời thứ ba, bắt đầu niệm Phật.

31. Kệ Tán Phật

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trùng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà*

Phật.

阿彌陀佛身金色。
相好光明無等倫。
白毫宛轉五須彌。
紺目澄清四大海。
光中化佛無數億。
化菩薩眾亦無邊。
四十八願度眾生。
九品咸令登彼岸。
南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Lúc xưng kệ Tán Phật, quan trọng nhất là phải “*tùy văn nhập quán*” thì tự mình mới đạt được lợi ích. Nếu chỉ là miệng xưng, chẳng thể khế nhập nghĩa lý tám câu kệ này sẽ chẳng thể khế nhập cảnh giới

của tám câu kệ, được lợi ích rất nhỏ. Nếu có thể khế nhập thì được lợi ích rất lớn. Không chỉ khi xướng kệ Tán Phật hoặc nghe kệ Tán Phật mà lúc bình thường đọc kinh hay nghe kinh cũng như vậy. Vì thế, cổ nhân thường nói và hết sức coi trọng chuyện “*tùy văn nhập quán*”. Cũng vì những đạo lý ấy, nhân lần này có cơ hội, chúng tôi bèn giảng Hệ Niệm Pháp Sự tỉ mỉ một phen, mong mọi người trong tương lai khi làm Hệ Niệm Pháp Sự có thể tùy văn nhập quán, đều có thể hiểu rõ. Tốt nhất là trước khi làm Hệ Niệm Phật Sự, hãy nghe phần giảng diễn lần này một lượt, nghe từ đầu đến cuối rồi mới làm, sẽ khác hẳn, công đức lợi ích khác hẳn. Tiếp theo là niệm Phật, ở đây niệm Phật một trăm tiếng, rồi lại có kệ Tán Phật. Trong ba thời, phần Tán Phật này hoàn toàn tương đồng.

32. Tổng Tán Di Đà

*Đệ nhất đại nguyện,
Quán tưởng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,
Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.*

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

九品湧金波。

寶網交羅。

度亡靈出愛河。

Tiếp đó niệm:

*Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.
南無蓮池會菩薩摩訶薩。*

33. Khai Thị

Tiếp theo là phần Khai Thị, thuyết pháp lần thứ hai. Trước phần Khai Thị thuyết pháp cũng có một bài kệ dẫn khởi.

**Đả phá hư không tiêu mãn tai,
Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai,
Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự,
Lục tự hồng danh tất cánh cai.**

打破虛空笑滿腮。

玲瓏寶藏豁然開。

直饒空劫生前事。

六字洪名畢竟該。

(Đả phá hư không cười toét miệng,
Kho tàng lỏng lánh mở toang ra,
Thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước,
Hồng danh sáu chữ trọn thâu gồm).

Ý nghĩa của bốn câu kệ này rất sâu! Hai câu đầu hình dung người tu hành đại triệt đại ngộ. “Đả phá hư không”: Các nhà khoa học hiện thời biết thời gian và không gian chẳng thật, họ nói dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian bằng zéro. Không gian không có xa - gần, thời gian không có trước - sau. Các nhà khoa học nay đã phát hiện lý luận này, nhưng chưa làm được. Nếu họ thực hiện được, nhất định sẽ “tiêu mãn tai” (cười ngoác tận mang tai). Nay chúng ta thường nói “tiêu mãn tai” là “pháp hỷ sung mãn”, vui mừng vô lượng! Thật đấy, từ vô thủy kiếp đến nay, luôn bị hạn cuộc trong thời gian và không gian, không thể chuyển động được tí ti nào! Người chưa giác ngộ, chưa đại triệt đại ngộ thì không gian có xa - gần, thời gian có trước - sau, ngày hôm trước, ngày hôm sau, đó là thời gian. Chúng ta nói ngày hôm qua, ngày mai tức là thời gian đấy! Chúng ta chẳng thể quay lại ngày hôm qua, nay chúng ta cũng không có cách gì tiến trước vào ngày mai được; nhưng đến khi quý vị công phu thành tựu, tức là quý vị đã đạt được “điều kiện nào đó” như các nhà khoa học đã nói, quý vị bèn có thể trở về quá khứ, cũng có thể thấy được vị lai, xa - gần không có, đột phá những chiều không gian khác nhau, lúc ấy có phải là rất khoái lạc hay chẳng?

Phật pháp dùng gì để đột phá? “Đả phá hư không”. Câu “đả phá hư không” chẳng phải là giả thiết, mà là sự thật, các nhà khoa học hiện tại đã chứng minh cho chúng ta: Họ nói dưới một điều kiện nào đó, Phật pháp gọi điều kiện ấy là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Trong tâm tánh không có xa - gần, trong tâm tánh không có trước - sau, trong tâm tánh chẳng tìm được điều gì đối lập. Vì thế, trong tâm tánh không có

chúng sanh và Phật (chúng sanh và Phật là đối lập), không Phật, không chúng sanh, nhất thể! Trong ấy lại không có chân - vọng, không có tà - chánh, không có đúng - sai, không có thiện - ác, vì thế, gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân là nói theo mặt Lý, tức là tâm tánh thực sự đạt đến thanh tịnh tịch diệt; một niệm chẳng sanh, chúng tôi thường nói là “không khởi tâm, không động niệm”, thật vậy đó! Đã không khởi tâm, không động niệm, còn đâu phân biệt, chấp trước? Phân biệt, chấp trước là thô tướng của khởi tâm động niệm, tế tướng còn không có, hưởng chi thô tướng? Khấp pháp giới hư không giới là một thân thanh tịnh, quý vị chứng đắc rồi.

Vì thế, câu thứ hai nói “*linh lung bảo tạng khoát nhiên khai*” (kho tàng lóng lánh mở toang hoang). “*Linh lung*” là tỷ dụ những gì chói ngời sáng lóa, kho báu mà! “*Lung linh bảo tạng*” là nói về chân tâm, bản tánh. “*Khoát nhiên khai*” (mở toang ra) là kiến tánh. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo trong tâm tánh thấy đều hiện tiền, chúng không do tu được, mà là sẵn có nơi tự tánh, hết thấy chúng sanh bình đẳng. Giống như núi, sông, đại địa tươi đẹp rực rỡ, phạm những ai sống trên mặt đất đều được bình đẳng hưởng thụ, quyết định không có may mắn nào phân biệt, chấp trước. Hết thấy chúng sanh là người một nhà, là nhất thể, ai nấy đều biết [điều này], vì thế, tôn kính lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, quan tâm đến nhau, hợp tác với nhau, quý vị nói xem có phải là thế giới tốt đẹp lắm hay chẳng? Đây chính là Nhất Chân pháp giới. Trong ấy không có phiền não, không có tai chướng, không có khổ nạn, chỉ có ngày ngày tăng trưởng trí huệ. Ngày ngày tiêu, vẫn còn một chút tập khí sót lại, tập khí gì vậy? Vô minh phiền não, bốn mươi một phẩm vô minh chưa đoạn hết. Đoạn vô minh, khai trí huệ, tăng phước đức, ngày ngày làm như vậy mãi cho đến khi viên mãn rốt ráo, chứng đắc quả địa Như Lai. “*Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai*”! Như vậy, câu này nói về khai ngộ; tự mình đạt được trong nhà Phật thường nói là “*hồi đầu thị ngộ*” (quay đầu là bờ), quý vị đã tìm được bờ, mới biết bờ ấy vốn phong phú như thế đó, viên mãn như thế ấy, không may mắn khiếm khuyết gì.

Câu thứ ba nói về quả đức: “*Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự*” (thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước), chuyện trong vô lượng kiếp trước quý vị đều thấy được toàn bộ, chuyện vô lượng kiếp sau quý vị cũng thấy được, vì sao? Thời gian không còn nữa! Trong vô lượng kiếp mê hoặc, điên đảo, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ mê hoặc, điên đảo, tạo

nghiệp, thọ báo, đường nào trong lục đạo luân hồi đã đi vào, lúc ấy đều thấy được hết, mới biết trước kia [chính mình] ngu muội vô tri, sao lại gây tạo những điều đó! Hiện tại đều hiểu rõ hết. Hiểu rõ rồi lại chú tâm quan sát: Còn có rất nhiều chúng sanh chưa giác ngộ, vẫn chưa quay đầu, vẫn tiếp tục gây tạo những chuyện ấy, tâm đại từ đại bi tự nhiên sanh khởi. Do đây bèn cảm ứng các căn cơ, những chúng sanh trong ấy có cảm, quý vị đương nhiên có ứng. Lúc ứng, chẳng khởi tâm động niệm; nếu khởi tâm động niệm thì quý vị là phạm phu, đã mê hoặc mất rồi; không khởi tâm động niệm mà tự nhiên cảm ứng.

Cảm ứng hết sức kỳ diệu, chúng sanh hữu duyên với ta vừa cảm, ta bèn ứng. Chúng sanh vô duyên với mình mà cảm thì ta không thể ứng. Người nào khác có duyên với người ấy thì người đó ứng, chứ ta không ứng. Giống như gì? Giống như băng tần (channels) trong TV hiện thời vậy, mỗi một người trong chúng ta đều có một băng tần, không ai giống ai. Người kia cảm thì cũng như một băng tần, ai tương ứng với băng tần ấy sẽ tự nhiên hiển hiện. Đây chính là như trong Phật pháp thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Thoạt nghe như vậy dường như bọn chúng sanh ta chẳng còn hy vọng gì, không phải vậy! Mỗi cá nhân đều có một vị Phật hay Bồ Tát có duyên với mình; vị Phật, Bồ Tát có duyên với quý vị chưa chắc có duyên với người khác. Người kia có vị Phật, Bồ Tát khác có duyên với họ; vì thế, hết thấy chúng sanh không ai chẳng đắc độ.

Phải hiểu đạo lý sau đây: Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối không có “tôi yêu mến anh, tôi ưa thích anh, tôi đến độ anh; kẻ kia tôi chán ghét, tôi chẳng thích độ hẳn”, không phải như vậy! Nơi đây không có chán ghét, mà là trong đời quá khứ từng kết duyên với quý vị thì gọi là người hữu duyên. Duyên ấy bất luận thiện duyên hay ác duyên đều là duyên. Thiện hay ác không quan trọng, đến lúc ấy thiện và ác không còn nữa, chỉ sợ quý vị không kết duyên, không có duyên là không được rồi. Nếu quý vị biết chân tướng sự thật ấy, quý vị sẽ tự nhiên kết duyên rộng rãi với hết thấy chúng sanh. Vì sao? Thiện duyên dễ độ nhất, kết ác duyên cũng là duyên, nhưng chúng ta đừng kết ác duyên với chúng sanh nữa! Từ nay trở đi, ta kết thiện duyên cùng hết thấy chúng sanh. Vun bồi tâm cảnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình, không sanh phiền não, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước nữa. Phải hiểu được đạo lý này, phải hiểu được ý nghĩa này.

Câu cuối cùng là phương pháp: “*Lục tự hồng danh tất cánh cai*”

(Sáu chữ hồng danh rốt ráo bao gồm trọn vẹn). Đây là nói hết thầy pháp môn cùng quy về Niệm Phật. Vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều quy về pháp môn này, do chỗ nào mà thầy như vậy? Từ kinh Hoa Nghiêm quý vị sẽ thấy được. Vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đến khi thành tựu viên mãn rốt ráo đều quy về Hoa Tạng. Tương lai quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, lìa khỏi lục đạo đương nhiên vào tứ thánh pháp giới, lìa khỏi tứ thánh pháp giới nhất định vào Hoa Tạng, Nhất Chân pháp giới. Quý vị gặp Tỳ Lô Giá Na Như Lai, gặp gỡ Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát. Lúc ấy, Văn Thù, Phổ Hiền đem mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Như vậy, cuối cùng vẫn là “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn thấu gồm). Lúc này chúng ta nhận được thông điệp này, thông điệp ấy rất quý báu. Nếu thiện căn sâu dày, phước đức viên mãn, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa nghe liền tiếp nhận, vừa nghe thì mọi pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống hết, chết sạch ý niệm so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật sẽ thành công.

Pháp thế gian hay xuất thế gian dù hay đến cách mấy, đến thế giới Cực Lạc sẽ học. Ở nơi đây, chúng ta không có thọ mạng dài đến như thế, không có tinh lực nhiều như thế, học không nổi. Học quá nhiều sẽ nảy sanh nghi ngờ đối với pháp môn Niệm Phật. Do vậy phải triệt để buông xuống, một câu Di Đà niệm đến rốt ráo sẽ thành công. Ân Quang đại sư dạy chúng ta phương pháp sau đây, chính là phương pháp “*nhất tông tâm hướng*” (nhất tâm đi theo phương hướng) của chư Phật, Bồ Tát. Lão nhân gia dạy chúng ta phương pháp: Tiểu đạo tràng, không cần lập đạo tràng lớn. Đạo tràng lớn thì quý vị phải nhọc lòng, phải phân tâm. Đạo tràng nhỏ dễ duy trì, cắt một cái chòi tranh là được, là thành một đạo tràng không gì thù thắng hơn. Hai mươi người cùng tu với nhau, không hóa duyên là điều thứ nhất. Vì sao? Hóa duyên thì quý vị sẽ không có cách nào lìa được tham - sân - si, đây là điều đầu tiên. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không truyền pháp (không thấu đồ đệ), không truyền giới, không làm kinh sám Phật sự thù tạc, cũng không giảng kinh. Vì sao? Mọi thứ đều buông xuống. Pháp xuất thế gian hay thế gian đều buông xuống, chuyên nhất niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường. Đây chính là thực sự hiểu “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn thấu gồm). Sáu chữ hồng danh ấy thấu trọn hết thầy các pháp, là tinh túy của hết thầy Phật pháp! Quý vị còn làm chuyện khác nữa ư?

Thế nhưng vấn đề là đâu? Cần phải thực sự hiểu rõ, thấu suốt, quý

vị mới chịu tu. Muốn dạy cho người khác thông đạt hiểu rõ mà chẳng giảng kinh thì sẽ không được! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta suốt bốn mươi chín năm, mục đích của bốn mươi chín năm giảng kinh là nhằm giúp cho chúng ta niệm Phật. Do khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nên trong những kinh điển của đức Thế Tôn, trong những bản dịch bằng tiếng Hán, đại khái có gần hai trăm loại kinh luận, đều dạy cầu sanh Tịnh Độ. Chuyên giảng về cầu sanh Tịnh Độ là ba kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là chuyên giảng. Giảng kèm về Tịnh Độ, cổ nhân bảo là “ngàn kinh, vạn luận”. Chúng ta không đọc hết ngàn kinh vạn luận, nhưng những kinh điển được lưu hành bằng tiếng Hán ta thấy có gần hai trăm loại, đủ thấy đức Phật dạy người ta vãng sanh Tịnh Độ, thường xuyên giảng, thường xuyên nói.

Kinh điển do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài, phần lớn chưa truyền đến Trung Quốc, vì khi ấy giao thông hết sức bất tiện, đường xá xa xôi ngàn ấy. Bất luận là cao tăng đại đức Ấn Độ, hay pháp sư từ Trung Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, đều chọn lọc kỹ càng, tinh vi những kinh điển thích hợp khẩu vị người Hoa, chọn lấy những kinh điển nào người Hoa rất yêu thích, rất vui thích để truyền sang trước. Vì thế, kinh Phật truyền đến Trung Quốc rất hữu hạn, chưa phải là hoàn toàn truyền đến Trung Quốc. Trải qua gần ba ngàn năm, có rất nhiều sách vở bị thất truyền; rất may mắn là những kinh điển truyền đến Trung Quốc được bảo tồn. Sau này có một bộ phận kinh điển được truyền sang Tây Tạng, truyền sang Tây Tạng khá trễ. Đời Đường, công chúa Văn Thành⁷⁵

⁷⁵ Công chúa Văn Thành (623-680), có tên tiếng Tạng là Giáp Tát Hán Công Chúa (Gyasa, hoặc Mung-chang Kungco, hay Mung-chang Konchu), cháu của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), là hoàng hậu thứ hai của Tsonpo Songtsan Gampo, là vua đời thứ 33 của vương triều Yarlung của Cổ Tây Tạng nhằm mục đích cầu thân và tái lập hòa bình giữa Tây Tạng và Trung Hoa. Lúc ấy, người Tây Tạng (thường được sử Trung Hoa gọi là Thổ Phiên) rất hùng mạnh, thường xuyên quấy nhiễu biên giới phía Tây của Đại Đường. Sau khi Songtsan Gampo (Tùng Tán Cam Bố) đánh bại Thổ Cốc Hồn (vương quốc của dân tộc Azha), cắt đứt con đường giao thương của nhà Đường sang Tây Vực, vua Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo và ký hòa ước, phong cho Songtsan Gampo làm Phò Mã Đô Úy Tây Hải Quận Vương. Theo truyền thuyết, công chúa Văn Thành đem theo một tượng Thích Ca Mâu Ni Phật bằng vàng ròng và 360 quyển kinh như của hồi môn. Songtsan Gampo đã xây chùa Đại Chiêu (Jokhang) để thờ tượng này. Cùng với hoàng hậu Bhirukti Devi (Xích Tôn Công Chúa hoặc Ba Lợi Khố Công Chúa) của Nepal, Songtsan Gampo và Văn Thành Công Chúa được người Tây Tạng coi là ba vị thánh có công truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng. Songtsan Gampo được coi là hóa thân

được gả về Tây Tạng, Phật pháp ở Tây Tạng do công chúa Văn Thành mang đến. Vì thế, Phật giáo ở Tây Tạng trẻ hơn ở Trung Quốc gần một ngàn năm.

Tây Tạng gần với Ấn Độ hơn, vì thế, những kinh điển tiếng Phạn được truyền sang Tây Tạng. Tây Tạng là vùng núi cao, chuyên chở cũng hết sức khó khăn, nên chúng ta có thể suy ra kinh điển nhà Phật cũng chưa được truyền toàn bộ sang đó, cũng chỉ là một bộ phận. Kinh điển được truyền thừa ở Tây Tạng và kinh điển Hán truyền so ra rất giống nhau. Có những cuốn bản tiếng Tây Tạng có, bản tiếng Hán cũng có. Chỉ có một số rất ít là Hán văn có, Tạng văn không có; hoặc Tạng văn có, Hán văn không có. Thế nhưng trong quá khứ, kinh điển được phiên dịch qua lại. Những bản Tạng văn không có bèn dịch từ Hán văn, dịch sang tiếng Tạng. Bản nào Hán văn không có bèn dịch từ Tạng văn sang Hán văn, hiện thời sự sai biệt không lớn lắm.

Đến cuối cùng, quý vị thấy là quy về Hoa Tạng, Hoa Tạng quy về Tịnh Độ, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn thâu gồm!) Có rất nhiều người coi thường một câu A Di Đà Phật, nghĩ câu Phật hiệu tâm thường quá, không có gì là hiếm lạ! Đúng là không có gì hiếm có, kỳ lạ cả! Do nguyên nhân nào? Tâm khinh mạn. Chúng ta phải nhớ: Đức Thế Tôn giảng cho chúng ta một câu chân lý, một câu thành thật: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp từ tâm tướng mà sanh). Tâm quý vị tôn trọng thì câu danh hiệu này sẽ sanh ra những hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn. Tâm địa quý vị rất khinh mạn, về căn bản là không coi trọng, tùy tiện niệm một câu A Di Đà Phật sẽ chẳng khởi tác dụng. Dầu không khởi tác dụng, nhưng vừa xưng một câu Nam-mô A Di Đà Phật là đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Chủng tử ấy trên quý khôn sánh, chủng tử ấy vĩnh viễn chẳng hoại. Chẳng biết là đời nào, kiếp nào, quý vị gặp được thiện duyên, gần như nghiệp chướng tiêu trừ, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, quý vị vẫn là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Danh hiệu công đức bất khả tư nghị*” (Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn): Một câu này rất nhiều người nghe đã nhầm tai, nhưng hoàn toàn không hiểu. Danh hiệu rốt ráo có lợi ích gì, không hiểu!

của Quán Thế Âm, công chúa Văn Thành là hóa thân của Bạch Độ Mẫu (White Tara, một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát), còn Xích Tôn Công Chúa là Lục Độ Mẫu (Green Tara). Tara Bồ Tát lại có hai mươi một hóa thân (21 vị Độ Mẫu), được tôn sùng nhất là Lục Độ Mẫu, Bạch Độ Mẫu và Xích Độ Mẫu (Red Tara).

Lúc chúng tôi giảng kinh đã giảng về điều này không ít lần, hy vọng mọi người phải ghi nhớ, hy vọng mọi người chú tâm lãnh hội. Trong một đời này chúng ta may mắn khôn sánh, hiểu rõ công đức của danh hiệu. Nếu có thể tín nguyện thọ trì, trong một đời này quý vị sẽ siêu phàm nhập thánh, một đời này vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo mười pháp giới, còn chi hơn! Nay quý vị không thành tựu, vì sao? Đối với lục đạo mười pháp giới, quý vị chưa buông xuống được, nên không vãng sanh, làm lạc một đời này mất rồi! Vì vậy, tôi thường bảo các đồng học: Phát tâm giảng kinh là tốt, hiếm có, chư Phật tán thán; phát tâm đến Niệm Phật Đường là đi thành Phật. Do vậy, công đức lãnh chúng niệm Phật trong Niệm Phật Đường trời vượt công đức của pháp sư giảng kinh.

Pháp sư giảng kinh hằng ngày khuyên, mọi người chưa chắc tin tưởng. [Những người niệm Phật trong] Niệm Phật Đường là đã tin tưởng, không tin tưởng làm sao đến Niệm Phật Đường được? Chỉ là mức độ tin tưởng sai khác, nói chung có một hai kẻ mức độ tin tưởng cao, Niệm Phật Đường thực sự vãng sanh. Ai vãng sanh người ấy thành Phật. Quý vị đọc bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát: Quý vị khuyên được hai người niệm Phật là hai người vãng sanh, trong số những người được quý vị khuyên dạy, có hai người thực sự niệm Phật vãng sanh, công đức ấy thù thắng hơn chính mình niệm Phật. Nếu những người được quý vị khuyên có mười mấy người vãng sanh, phước đức của quý vị vô lượng vô biên. Nếu có được mấy trăm người cho đến cả ngàn người, những người được quý vị khuyên vãng sanh, quý vị thực sự là Bồ Tát. Khuyên được vạn người vãng sanh, quý vị là A Di Đà Phật tái lai! Bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát là như vậy đó! Tôi thỉnh lão pháp sư Minh Sơn (茗山) viết bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát, viết xong, chúng tôi đem in, hiện tại ở trai đường có treo một bức.

Giảng kinh là khuyên dạy, là tiếp dẫn, rất trọng yếu. Vì sao? Không có ai giảng kinh sẽ không có ai biết cái hay của việc Niệm Phật, không biết chân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà. Pháp sư giảng kinh giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho mọi người tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ rồi thì quan trọng nhất là phải về thế giới Cực Lạc. Về thế giới Cực Lạc không phải ở nơi giảng đường mà là ở Niệm Phật Đường. Vì thế, ngàn vạn phần mọi người chẳng được khinh thị, pháp sư giảng kinh là tốt, mọi người đều tôn trọng vị ấy; nhưng coi thường pháp sư niệm Phật là điên đảo! Tín, Giải, Hành, Chứng! Pháp sư giảng kinh giúp người khác “*Tín Giải*” (tin hiểu), những vị pháp sư trong

Niệm Phật Đường giúp cho mọi người “*Hành Chứng*”. Do đây có thể biết: Tín - Giải - Hành - Chứng phải hỗ trợ nhau, hoàn thành lẫn nhau. Giảng đường và Niệm Phật Đường chẳng được đối lập, hễ đối lập thì cả hai đều bị phá hoại, phải biết cả hai là một thể; vì thế, phải khen ngợi lẫn nhau. Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh, trừ phi Tăng khen ngợi Tăng [nếu không, Phật pháp sẽ chẳng thể nào hưng thịnh được!]. Nếu muốn Tịnh Độ hưng thịnh, pháp sư giảng kinh phải biết tán thán pháp sư thuộc Niệm Phật Đường, pháp sư thuộc Niệm Phật Đường phải biết tán thán pháp sư giảng kinh, Tịnh Độ mới hưng khởi được. Tín - Giải - Hành - Chứng, khuyết một điều chẳng được!

Như vậy, hai mươi tám chữ trong bài kệ này, nghĩa lý và cảnh giới vô cùng vô tận, đây là cảnh giới Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Chư Phật, Bồ Tát, chân thiện tri thức hy vọng chúng ta trong một đời này đều có thể khế nhập cảnh giới ấy. Bài kệ này chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó, phần Khai Thị này chú trọng phương pháp niệm Phật, trong ấy có Sự, có Lý. Xin hãy xem phần Khai Thị lần thứ hai của thiền sư Trung Phong trong thời thứ ba:

Cổ nhân đạo: Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật.

古人道。清珠投於濁水。濁水不得不清。念佛投於亂心。亂心不得不佛。

(Cổ nhân nói: Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật).

Chúng ta thấy câu này dùng tỷ dụ để nói. Thanh Thủy Châu (Viên châu có tác dụng lắng trong nước đục) đem bỏ vào nước đục, nước đục là nước nhiễm ô. Viên châu ấy có công năng khiến cho nước đục lắng cặn hoặc là – nói theo phương thức hóa học hiện thời – hóa giải nhiễm ô biến thành nước trong. Vì thế, “*trước thủy bất đắc bất thanh*” (nước đục chẳng thể không trong). Đây là tỷ dụ, dùng chuyện này làm tỷ dụ.

Nói “*niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật*” (niệm Phật gieo vào loạn tâm, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật). Đây chính là đạo lý niệm Phật làm Phật. Tâm chúng ta vọng niệm rất nhiều! Tâm loạn! Lục đạo phàm phu có ai tâm không loạn? Chỉ là mức độ loạn khác nhau. Có người vọng niệm ít một chút, có người vọng niệm nhiều một chút, có người vọng niệm nhẹ một chút, có người vọng niệm

niệm nặng một tí, chỉ là nặng nhẹ nhiều ít khác nhau, lục đạo phàm phu ai nấy đều có vọng niệm. Có vọng niệm là phàm phu, phải luân hồi lục đạo. Đoạn vọng niệm rồi thì mới có thể vượt thoát sự luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do vọng niệm tạo thành. Quý vị nhất định phải hiểu: Có vọng niệm bèn có lục đạo, có vọng niệm bèn có mạng vận (số mạng), bèn có nghiệp lực, bèn có luân hồi. Không có vọng niệm thì nghiệp lực không còn, luân hồi không còn. Chúng ta làm thế nào để đoạn được những vọng niệm ấy; ở đây, dùng phương pháp Niệm Phật. Dem niệm Phật gieo vào vọng niệm, vọng niệm sẽ không còn nữa.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 52

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp lần khai thị thứ hai trong thời thứ ba, chúng ta xem phần Trường Hàng:

Cổ nhân đạo: Thanh châu đầu u trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh; niệm Phật đầu u loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật.

古人道。清珠投於濁水。濁水不得不清。念佛投於亂心。亂心不得不佛。

(Cổ nhân nói: “Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật”).

Hai câu đầu là tỷ dụ, là lời nói tô điểm⁷⁶; câu sau mới chính là câu chủ yếu. Trong phần trên, tôi đã nói đại lược về Thanh Thủy Châu rồi, chuyện này không quan trọng, điều quan trọng là “*niệm Phật đầu u loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật*” (niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật). Chúng ta niệm Phật công phu không đắc lực! Trong tất cả hết thảy pháp môn Đại Thừa hay Tiểu Thừa thì pháp môn Niệm Phật là thuận tiện nhất, đơn giản nhất, ôn hòa, thích đáng nhất. Vậy mà chúng ta niệm Phật đã bao nhiêu năm rồi, vì sao chẳng được thọ dụng gì hết? “*Loạn tâm*” vẫn y như cũ, nguyên nhân vì đâu? Có phải là niệm Phật không linh hay chẳng? Nếu phương pháp

⁷⁶ Nguyên văn “*thị bồi sán đích thoại*” tức là lời nói dẫn khởi với mục đích làm nổi bật ý sẽ được nói trong câu kế tiếp.

Niệm Phật này không linh thì mọi phương pháp khác nói chung đều không có hiệu quả!

Nói thật ra, chẳng phải phương pháp Niệm Phật không linh, mà là do sự lý giải của chúng ta đối với phương pháp này có vấn đề, cách niệm cũng có vấn đề. Nếu chúng ta không hiểu thấu triệt phương pháp này, chúng ta sẽ hoài nghi; hoài nghi sẽ chướng ngại công phu thành tựu. Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích đoạn nghi, sanh tín. Lòng tin thanh tịnh đã hiện tiền thì không cần phải nghe kinh, không cần phải nghiên cứu giáo pháp nữa, những việc ấy sẽ biến thành dư thừa! Quan trọng nhất là tín tâm kiên định và tín tâm thanh tịnh. Vì thế, khi còn tại thế, đức Thế Tôn vì mọi người giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giúp cho mọi người “*đoạn nghi, sanh tín, phá mê, khai ngộ*”, giúp đỡ như vậy đó. Khai ngộ rồi tín tâm bèn sanh khởi, quan trọng nhất là tu hành, thực sự tu hành! Trì danh niệm Phật là hành môn, nguyên lý và nguyên tắc của trì danh niệm Phật là “*chân tín, thiết nguyện, chấp trì danh hiệu*” (lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu). Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Tịnh niệm tương kế*” (tịnh niệm tiếp nối). “*Tịnh*”: Niệm phải thanh tịnh, thanh tịnh là không hoài nghi, không xen tạp, đó là tịnh niệm, “*tương kế*” là không gián đoạn. Chúng ta niệm Phật có làm được như vậy hay chưa?

Chúng ta không đoạn lòng nghi; trong cuộc sống hằng ngày, đối với chính mình, đối với người nhà, thân hữu, bè bạn, đối với hết thầy người, sự, vật biến hóa trong thế gian, đặc biệt là những việc liên quan đến mai sau, chúng ta không đoạn nghi hoặc thì làm sao niệm Phật mà không vướng nghi ngờ cho được? Nếu như niệm Phật không nghi ngờ thì tất cả hết thầy những mối nghi bên ngoài đều bị đoạn trừ. Thật đấy, không giả chút nào! Quý vị thấy cổ đức buông thân tâm thế giới xuống, đề khởi chánh niệm, do buông thân tâm thế giới xuống nên các Ngài không nghi nữa. Nếu còn nghi thì các Ngài có buông xuống được hay không? Các Ngài đều hiểu rõ, đều thấu hiểu. Tuy thế có những người không thấu hiểu, không hiểu rõ mà vẫn có thể buông xuống được, chúng tôi nói những người ấy thiện căn, phước đức sâu dày. Vì sao?

Niệm Phật là chuyện quan trọng. Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, lần này ta gặp được, nhất định phải nắm lấy, những chuyện khác không cần nữa. Bỏ hết đi, không nghi nữa! Niệm Phật quyết định chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là niệm Phật đúng pháp. Vì thế, Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm

tự nhiên mất tiêu. Cách này hay lắm! Rất hữu hiệu. Nếu quý vị nghiêm cẩn niệm, đúng lý, đúng pháp, tôi thường nói là từ ba tháng đến sáu tháng, [sẽ thấy] hiệu quả rất rõ rệt. Đến khi hiệu quả hiển hiện, quý vị sẽ tự nhận thấy pháp hỷ sung mãn phát sanh, quý vị hoan hỷ niệm. Bắt đầu thì khó, bắt đầu như thế nào? Phải chế phục phiền não tập khí của chính mình, phiền não tập khí từ vô thi kiếp đến nay rất nghiêm trọng! Quý vị [tu tập] đúng lý đúng pháp sẽ tự nhiên chế phục được. Quan trọng nhất là như chúng tôi thường nói: “*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”. Công phu nhất định chẳng được gián đoạn, nhất định chẳng được xen tạp, quý vị càng niệm tâm càng thanh tịnh, cảm thấy vọng niệm bớt đi. Vọng niệm ít đi chính là phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng. Trước kia thấy những gì, nghe người ta nói không hiểu, nghe rồi cũng không thấu hiểu, nay càng niệm càng rõ ràng, càng niệm càng sáng suốt, trí huệ tăng trưởng, niệm Phật công phu đắc lực rồi đấy!

Chỉ cần niệm được công phu thành phiền là nắm chắc vãng sanh. Nếu như đạt đến Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm thì quả thật không phải ai cũng có thể làm được. Công phu thành phiền, chỉ cần chúng ta nỗ lực một chút ai nấy đều có thể làm được; vì thế, cổ đức nói pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người về*”. Niệm Phật mà không thể vãng sanh, chắc chắn là vì niệm Phật có hoài nghi, có xen tạp, thường xuyên gián đoạn. Gián đoạn rất đáng sợ, vừa gián đoạn, phiền não bèn khởi hiện hành, chỉ có công phu không gián đoạn mới có thể không chế phiền não. Phiền não ấy không phải là diệt đoạn, mà là phục đoạn (chế ngự, đè nén xuống). Quý vị có năng lực không chế phiền não, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, phiền não sẽ không hiện tiền. Đây gọi là “*tâm vô nhị dụng*”, quý vị chớ nên nhất tâm nhị dụng, [tức là] vừa niệm Phật vừa khởi vọng tưởng, chẳng thể dùng tâm vào hai chuyện được. Lúc niệm Phật, quyết định không có vọng tưởng. Lúc vọng tưởng dấy lên thì niệm Phật nhất định bị phá hoại, chắc chắn là như thế! Trước hết, ngài Trung Phong nêu lên ý nghĩa trọng yếu này giống như nêu lên đề mục, rồi tiếp đó, Ngài giải thích:

Tây thiên hữu bảo, danh viết Thanh Châu.

西天有寶。名曰清珠。

(Tây vực có vật báu tên là Thanh Châu).

“*Tây thiên*” chính là Ấn Độ, Ấn Độ có một loại bảo thạch gọi là Thanh Thủy Châu. Ngài nói:

Vị thử châu đầu nhập trước thủy trung, nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trước thủy tức tiện thanh khiết.

謂此珠。投入濁水中。入水一寸。則一寸之濁水。即便清潔。

(Nghĩa là: Loại châu này gieo vào trong nước đục, chìm xuống nước một tấc thì một tấc nước đục liền trở thành thanh khiết).

Dùng con mắt khoa học hiện thời để nhìn sự việc này thì viên châu ấy bỏ vào nước sẽ phát sanh tác dụng hóa học có thể hóa giải những dơ bẩn trong nước, vì thế, nước khôi phục sự thanh tịnh. Ở Trung Quốc, lúc nhỏ tôi sống ở nông thôn, Trung Quốc thời đó rất lạc hậu, chẳng những ở nông thôn không có nguồn nước sạch, mà ngay ở những đô thị, thành phố nhỏ cũng không có nước máy; chỉ có một số rất ít những đô thị lớn có nước máy. Lúc nhỏ, tôi sống ở quê nhà, huyện Lô Giang không có nước máy. Trong thời gian kháng chiến [chống Nhật], tôi ở tỉnh Phước Kiến, tôi sống ở huyện Diên Bình không có nước máy; Kiến Âu cũng không có nước máy. Nước phải đi mua, có người chuyên gánh nước đến bán; trong nhà có chum nước, mỗi ngày phải mua nước. Nhà giàu có thì tự đào giếng trong nhà, có nước giếng; chúng tôi sống ở nông thôn thì dùng nước sông, nước suối, nước khe. Loại nước này không sạch. Vì thế, chúng tôi ra sông gánh nước, gánh về nhà xong, nhất định phải để cho nước lắng cạn. Dùng phương pháp gì để lóng trong? Không có Thủy Thanh Châu, người Hoa dùng phèn chua (minh phàn, potassium alum), phèn chua có thể lóng trong nước, cạn chìm xuống đáy chum, nước trên mặt rất sạch. Lúc nhỏ, chúng tôi thường dùng phương pháp ấy. Chúng tôi tin rằng Thủy Thanh Châu đại khái giống như một loại phèn chua, cùng một loại. Vì thế, “nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trước thủy tức tiện thanh khiết” (chìm vào nước một tấc thì một tấc nước đục bèn trở thành thanh khiết).

Thử châu nhập thủy tự thốn chí xích, nãi chí u đế, tắc trước thủy diệt tùy chi nhi trừng trạm.

此珠入水。自寸至尺。乃至於底。則濁水亦隨之而澄湛。

(Châu ấy gieo vào nước từ tấc tới thước, cho đến tận đáy thì nước đục cũng lắng trong theo).

Chữ “trừng trạm” diễn tả nước rất thanh tịnh, không có mây may

như bản. Thiền sư dùng điều này làm tỷ dụ, làm tiền đề để thuyết pháp. Phần sau là chánh thuyết (nói thẳng vào vấn đề chánh):

Đương tri thanh châu giả, dụ niệm Phật chi tịnh niệm dã.

當知清珠者。喻念佛之淨念也。

(Nên biết thanh châu ví như tịnh niệm niệm Phật vậy).

Tịnh niệm tiếp nối! Dùng Thanh Châu để ví cho tịnh niệm niệm Phật. Tịnh niệm giống như Thủy Thanh Châu.

Trược thủy giả, dụ tạp loạn chi vọng tâm dã.

濁水者。喻雜亂之妄心也。

(Nước đục ví như vọng tâm tạp loạn).

Trong tâm chúng ta vọng niệm dấy lên, chìm xuống bất định, thật vậy! Vọng niệm trước vừa diệt, vọng niệm sau bèn sanh, đêm ngày không ngớt. Tâm chúng ta không thanh tịnh, giống như nước trong biển cả, sóng vỗ dâng trào, trước nay chưa hề ngưng nghỉ. Kinh Phật nói: Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm nổi sóng sanh phiền não; mức độ dấy sóng càng lớn thì phiền não càng nghiêm trọng, quả báo là tam đồ. Lục đạo luân hồi biến hiện ra như thế đó. Học vấn thế gian hay xuất thế gian không có gì khác, chỉ là thanh tịnh tâm mà thôi!

Vì thế, mấu chốt tu trì trong Phật pháp là chữ Định, Tam Học Giới - Định - Huệ. Giới là phương cách giúp quý vị đắc Định, Định trọn chẳng phải là mục đích, Định có thể mở mang trí huệ, Huệ mới là mục đích. Vì thế, Phật pháp là trí huệ pháp, Phật học là trí huệ học. Thiền tông không tu Định. Nếu quý vị tưởng Thiền tông tu Định thì quý vị hoàn toàn sai lầm, quý vị coi Đản Kinh thấy câu đầu tiên của Lục Tổ đại sư là gì? Câu nói ấy đã phơi bày toàn bộ tông chỉ của nhà Thiền, Ngài dạy đại chúng “*tổng niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*” (toàn là niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa). Thiền tông là Bát Nhã. Bát Nhã hiện tiền bằng cách nào? Phải Định! Vì thế, Thiền tông tu Định là phương tiện nhằm mục đích mở mang trí huệ, mục tiêu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây chính là trí huệ Bát Nhã.

Thiền câu trí huệ Bát Nhã, Giáo cũng chẳng ngoại lệ, đại khai viên giải! Quý vị xem [đại khai viên giải] có phải là trí huệ Bát Nhã hay không? Tịnh Độ tông chúng ta đặc nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn bèn sanh trí huệ. Pháp môn bất đồng là bất đồng về phương pháp, về

cách thức dụng công, chứ phương hướng và mục tiêu hoàn toàn tương đồng. Vì vậy, đức Phật mới nói pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp. Bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành vô thượng đạo, đều có thể minh tâm kiến tánh, đều có thể kiến tánh thành Phật. Chúng ta phải biết nguyên tắc này thì tu hành mới chẳng làm phương hướng, chẳng làm mục tiêu. Giới - Định - Huệ là phương hướng chung, là mục tiêu chung; nhân Giới đặc Định, nhân Định đặc Huệ. Chúng ta phải hiểu rõ tỷ dụ này, nay chúng ta dùng phương cách nào để thực hiện công phu? Ở đây, ngài Trung Phong bảo niệm Phật là phương pháp quan trọng nhất.

Đương vọng tâm tạp loạn chi khoảnh, năng cử khởi nhất niệm.

當妄心雜亂之頃。能舉起一念。

(Ngay trong lúc vọng tâm tạp loạn, có thể khởi lên một niệm).

“*Nhất niệm*” chính là sáu chữ hồng danh, lúc trong tâm chúng ta rất phiền, rất loạn mà vẫn có thể khởi lên một niệm này, thế nhưng hiệu quả của một niệm này không hiển nhiên, do nguyên nhân nào? Do tâm thái của chúng ta có vấn đề.

Như đối Từ Tôn.

如對慈尊。

(Như đối trước đức Từ Tôn).

Chúng ta có tâm thái như thế ấy hay chẳng? Chí thành cung kính như đang đối trước A Di Đà Như Lai, như đang đối trước Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Chúng ta niệm Phật thiếu tấm lòng cung kính ấy, nên hiệu quả bị suy giảm rất lớn, bị chiết khấu rất lớn, tợ hồ không thấy hiệu quả gì hết. Dụng công, tâm thái tối thiểu chiếm đến chín mươi phần trăm, phương pháp tối đa chỉ chiếm mười phần trăm. Trước kia, tôi khuyên các đồng học đang học giảng kinh, tôi từng khuyên như thế này: “*Quý vị học giảng kinh, muốn học phương pháp giảng kinh, tôi thường nói: Tánh chất quan trọng của phương pháp giảng kinh nhiều nhất là mười phần trăm, còn chín mươi phần trăm là tâm tư thái độ của quý vị*”.

Trong bài Nội Điển Nghiên Học Cương Lĩnh (cương lĩnh nghiên cứu học tập kinh điển nhà Phật), tôi đã từng nói: Chân thành, cung kính quan trọng lắm! Ân Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích; hai phần thành kính được hai phần lợi ích. Mười*

phân thành kính được mười phần lợi ích”. Chúng ta xưng một tiếng Phật hiệu nhưng miệng có, tâm không, chẳng có tâm cung kính thì làm sao có thể thành tựu cho được! Tâm cung kính được nuôi dưỡng không chỉ trong lúc niệm Phật. Trong lúc niệm Phật, ta có tâm cung kính; lúc không niệm Phật, không có tâm cung kính thì cái tâm cung kính ấy là giả, không thật! Vì sao? Một tức là hết thầy, hết thầy chính là một. Nếu quý vị cung kính Phật thì cũng phải cung kính hết thầy chúng sanh. Thậm chí đối với hết thầy trùng, kiến, muỗi đều cung kính, thấy chúng nó ta nhất định chấp tay: “Bồ Tát kiến, Bồ Tát ruồi”, tâm thành kính sanh khởi. Quý vị chưa làm được như vậy thì tâm cung kính chưa sanh khởi. Khởi tâm động niệm phiền não làm chủ, chí thành, cung kính không phát ra được.

Chẳng những đối với hết thầy động vật mà đối với hết thầy thực vật cũng phải như thế. Ở bất cứ nơi đâu, thấy hoa cỏ, thậm chí với bất cứ vật dụng nào, quý vị đều cung kính. Bàn phải lau chùi cho sạch sẽ, sắp đặt cho ngay ngắn, tề chỉnh, cung kính nó đấy! Từ chỗ này có thể thấy quý vị có thực sự cung kính đối với Phật hay không! Chỉ cung kính Phật, đối với những gì khác không cung kính, thì là cung kính giả tạo, không thật! Vì sao? “*Nhất thiết chúng sanh giai thị quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật*” (Hết thầy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là vị lai chư Phật). Kinh Hoa Nghiêm còn nói hay hơn nữa: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Tri*” (tình và vô tình đều thành Phật đạo). Vô tình là thực vật, là khoáng vật; quý vị đối với thực vật, đối với khoáng vật đều có tâm cung kính. Vì thế, trước hết phải học “kính”, câu thứ nhất trong mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, chúng ta thiếu sót điều này. Chúng ta thiếu lễ kính, thiếu tán thán, thiếu cúng dường, thiếu sám hối. Do vậy, một câu Phật hiệu không linh. Quý vị đã hiểu rõ hay chưa? Quý vị muốn niệm một câu Phật hiệu được linh, niệm có cảm ứng, niệm khởi tác dụng, thực sự có thể chế ngự vọng tưởng thì phải từ chí thành cung kính mà niệm mới hữu hiệu! Vì thế, phải “*như đối Từ Tôn*” (như đối trước đức Từ Tôn).

Án định lục tự hồng danh.

按定六字洪名。

(Giữ vững sáu chữ hồng danh).

Tức là Nam-mô A Di Đà Phật từng chữ rõ ràng, dấu một chữ cũng không hàm hồ.

Nhất nhất xuất khẩu nhập nhĩ.

一一出口入耳。

(Mỗi câu, mỗi chữ từ miệng phát ra lọt vào tai).

Đây là cổ đức dạy chúng ta phương pháp nhiếp tâm niệm Phật: Phật hiệu phát sanh từ tâm chí thành, cung kính; từ miệng phát ra âm thanh, từ tai nghe lọt những âm thanh ấy. Người hiện thời gọi điều này là “sức chú ý tập trung chẳng tán loạn”, như vậy thì mới có thể chế ngự vọng niệm. Cổ nhân dùng phương pháp này có hiệu quả, các Ngài đem phương pháp hữu hiệu này truyền lại cho chúng ta. Chúng ta phải học tập theo phương pháp này, hãy thử làm xem, thực sự có hiệu quả đấy!

Tắc thử tạp loạn tự nhiên tùy niệm tịch tĩnh.

則此雜亂。自然隨念寂靜。

(Do đây tạp loạn tự nhiên theo niệm mà ngưng lặng).

Đây chính là công phu, không miễn cưỡng chút nào, tự nhiên vọng niệm chẳng khởi. “Tạp loạn” là vọng niệm. Lúc đầu quý vị thấy vọng niệm ít đi, nếu như nói chúng ta mới học, vọng niệm có sanh khởi hay chẳng? Vẫn khởi, nhưng ít hơn thôi. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, chúng tôi thấy có không ít người thường viết thư hỏi lão pháp sư: Niệm Phật đã lâu lắm rồi, trong [thời gian niệm hết] một cây hương vẫn có rất nhiều vọng niệm. Một cây nhang: Nhang dài thì thường cháy được một tiếng rưỡi, “một cây hương” là như vậy. Do xưa kia khoa học kỹ thuật chưa phát triển, người giàu sang mới có đồng hồ, trong dân gian không có đồng hồ. Tính thời gian bằng cách nào? Đại khái là lúc trời quang bèn nhìn xem mặt trời ở nơi đâu để phán đoán thời gian. Đêm thì nhìn mặt trăng, nhìn tinh tú. Những người niệm Phật bình thường như chúng ta đều dùng nhang; vì vậy gọi thời gian là “một cây hương, hai cây hương”. Một cây nhang dài cháy khoảng một giờ rưỡi. Hai cây nhang là ba tiếng đồng hồ, không thuận tiện như hiện thời: Trên tay ai nấy đều đeo đồng hồ, xưa kia không có.

Trong vòng một cây hương vẫn khởi lên rất nhiều niệm, qua Văn Sao của tổ Ấn Quang ta thấy được điều này. Tổ Ấn Quang phúc đáp: Phàm những người dụng công đặc lực cũng chính là những người thực sự thực hiện được “tịnh niệm tiếp nối”, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm như vậy ba năm, đại khái là trong một cây hương vẫn còn có dăm ba ý niệm, rất ít, ngẫu nhiên khởi lên dăm ba

niệm; vì thế, phải huân tu trong một thời gian dài. Vọng niệm khởi lên không cần phải bận tâm, không sợ hãi, đó là chuyện bình thường. Lúc quý vị không niệm Phật, tự mình không nhận biết vọng niệm hết sức nhiều, quá u là nhiều! Muốn dùng một niệm niệm Phật để chế ngự bèn nhận thấy vọng niệm hết sức nhiều. Vì thế, có người sợ hãi: “Lúc ta không niệm Phật không có vọng niệm, có sao niệm Phật thì vọng niệm lại nhiều đến thế?” Lúc ấy chính mình không nhận biết, chứ chẳng phải là không niệm Phật thì không có vọng niệm! Không niệm Phật vẫn có nhiều vọng niệm ngàn ấy, nhưng không nhận biết! Nay do niệm Phật nên đột nhiên nhận ra; do vậy, quý vị phải biết đó là hiện tượng bình thường.

Quý vị Niệm Phật công phu chớ nên gián đoạn, phải nghiêm túc nỗ lực niệm, dần dần vọng niệm càng ngày càng ít, công phu có tiến bộ! Nếu niệm một thời gian dài mà vọng niệm vẫn nhiều như thế, không cảm thấy giảm thiểu thì tự mình phải khéo kiểm điểm, phản tỉnh, công phu niệm Phật của mình nhất định có vấn đề; nói chung, vấn đề ở chỗ không có tâm thành kính. Vì thế, hàng sơ học lúc niệm Phật cũng có thể kèm thêm quán tưởng: Lúc chúng ta niệm Phật giống như đức Phật đang ở trước mặt mình, như vậy thì chính mình mới khởi lòng chân thành, cung kính, mới có lợi ích. Hoặc là lúc niệm Phật đối trước tượng Phật mà niệm, ở trong Phật Đường giống như ở cùng một chỗ với đức Phật. Chúng ta đối trước Phật, chẳng thể không cung kính, chẳng thể tùy tiện, [nghĩ tưởng như vậy sẽ] có sức câu thúc mình. Vì thế, công phu đặc lực, có tâm chân thành, cung kính, tự nhiên vọng niệm dần dần giảm thiểu, “*tùy niệm tịch tĩnh*”.

Tự thị nhất niệm nhi chí thập niệm, nãi chí niệm niệm bất di.

自是一念。而至十念。乃至念念不移。

(Từ một niệm như vậy cho đến mười niệm, cho đến niệm niệm chẳng dời đổi).

“*Bất di*” là không biến đổi, một câu Phật hiệu cứ một mực mà niệm, suốt đời không biến đổi. Nhất tâm nhất ý thành khẩn mong sao niệm cảm được A Di Đà Phật hiện đến, làm được như vậy! Từ cổ đến nay người làm được như vậy chẳng ít, đấy gọi là “*chí thành cảm thông*”, chân thành đến cùng cực sẽ khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. Phật đến an ủi quý vị, Phật đến chứng minh cho quý vị. Có lúc Phật bảo quý vị: “Quý vị còn thọ được bao nhiêu năm nữa, đến khi mạng chung Phật sẽ

đến tiếp dẫn!” Đem tin tức ấy báo cho chúng ta, tin tức ấy hết sức đáng tin. Khi ấy, có không ít người thông minh thực sự cảm ứng được Phật hiện tiền, bảo cho biết còn sống bao nhiêu năm nữa, họ không cần: “Bạch A Di Đà Phật! Chẳng dễ gì niệm được Ngài đến, nay con theo Ngài ra đi!” Những người như thế rất nhiều, chứ không phải chỉ mình pháp sư Oánh Kha, rất nhiều! Chuyện pháp sư Oánh Kha mọi người đều biết, có rất nhiều người giống như vậy, nhưng họ không kể với người khác nên người ta chẳng biết.

Đương nhiên cũng có những người hoàn toàn chẳng nóng lòng vãng sanh, nghe nói còn sống bao nhiêu năm nữa thì: “Được! Từ từ giao phó hậu sự rõ ràng, giao phó xong xuôi, đến lúc sẽ theo Phật ra đi”. Chuyện này chúng ta chỉ cần đọc kỹ Vãng Sanh Truyện hay đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ thấy. Như vậy, ở đây quan trọng nhất là “*niệm niệm bất di*” (niệm niệm không thay đổi).

Tức giáo trung sở vị: “Tịnh niệm tương kế” giả dã!

即教中所謂淨念相繼者也。

(Tức là như trong giáo pháp đã nói: “Tịnh niệm tiếp nối”)

“Giáo” ở đây là kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đoạn này nêu rõ ràng, rành rẽ ý “*tịnh niệm tiếp nối*”. Trong đây, quan trọng nhất là “*cử khởi nhất niệm, như đối Từ Tôn*” (khởi lên một niệm như đối trước đức Từ Tôn), đó là thành kính. Tiếp theo là “*niệm niệm bất di*” (niệm niệm không thay đổi). Đây chính là tịnh niệm tiếp nối, quan trọng lắm! Đây chính là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Tiếp theo đó, thiền sư hết sức khẩn thiết, từ bi dạy chúng ta:

Niệm Phật chi nhân, tu yếu tín tâm khẩn thiết, chánh nhân lâm nhiên, trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi, thâm yếm trần lao phân nhiều vi khả thống.

念佛之人。須要信心懇切。正因凜然。重念死生輪轉之可悲。深厭塵勞紛擾為可痛。

(Người niệm Phật cần phải có lòng tin khẩn thiết, chánh nhân lâm rạo rỡ, suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn thương, chán ngán sâu xa trần lao rối bời đáng đau xót).

Đoạn này giảng niệm Phật thì phải dụng tâm giống như lời khai thị ở đây thì mới hòng tương ứng. Vì thế, chúng ta đọc đến đoạn khai thị này, hoặc là nghe đến, hãy nghĩ bình thường chúng ta niệm Phật có tương ứng với những lời Ngài nói ở đây hay chẳng? Nếu tương ứng rất tốt, phải khéo gìn giữ! Nếu không tương ứng phải đau đầu sửa đổi lỗi cũ! Như vậy, điều đầu tiên là “*tín tâm khẩn thiết*” (lòng tin khẩn thiết), chân thành khẩn thiết. “*Chánh nhân lâm nhiên*” (chánh nhân rạng rỡ): Tu pháp môn thì “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*” chính là chánh nhân vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, giảng về vãng sanh thì hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) và Vãng Sanh Chánh Nhân chuyên giảng về phương pháp niệm Phật. Chánh nhân rõ ràng, minh bạch, không hàm hồ một tí nào!

“*Trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi*” (Suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn): Nhất định phải có cái tâm này! Từ vô lượng kiếp đến nay tử sanh luân hồi, có thể nói là “thoạt chìm, thoạt nổi”. Luân hồi trong lục đạo, ngoi đầu lên chính là làm được một chút thiện nhân; gặp được duyên, sanh trong ba đường lành. Quả báo trong ba đường lành hết rồi, ác nhân hiện tiền, ngay lập tức chìm đắm trong ba đường ác. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Hễ quý vị ở trong sáu nẻo thì chắc chắn thời gian trong ba đường ác dài lâu, hết sức là dài, thời gian trong ba đường lành ngắn ngủi. Vì thế, chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, ba đường ác là quê nhà, ba đường lành như đi du lịch, thời gian rất ngắn tạm. Quý vị thấy điều này rất đáng buồn, cái tâm [chán sợ] sanh tử mới khởi.

“*Thâm yếm*” (Chán ngán sâu xa): Yếm (厭) là “yếm ô, yếm phiền” (厭惡、厭煩: chán ghét, chán ngán). Chán ngán chuyện gì? “*Trần lao phân nhiều*” (trần lao rối bời) chính là những trạng huống sinh hoạt hiện tiền của chúng ta. Những người trẻ tuổi chẳng dễ cảm nhận; chứ người bảy mươi, tám mươi tuổi, nói thật ra là gần như họ đã thấy trọn thế gian này, thấy lâu quá rồi, chán chường lắm! Người hiện thời bảo những người như vậy là “yếm thế” (chán đời). Yếm thế chẳng thể giải quyết vấn đề, hết sức đáng buồn! Mỗi một ngày, nào là người, nào là sự, nào là vật quá nhiều, thân tâm chẳng được thanh tịnh, nhất là đối với những người tuổi tác đã cao, cuộc sống là đau khổ, nào có sung sướng chi? Luân hồi khổ, cuộc sống hiện tại đau khổ, nhất là sống trong xã hội hiện thời, con người hiện thời chẳng biết thế nào là nhân nghĩa, đạo đức, không biết đến! Mê man ngật ngựa trong vòng dụ hoặc của ngũ dục, lục trần, chẳng biết quay đầu. Những thứ dụ dỗ, mê hoặc ấy toàn là tráo trở,

nói khó nghe hơn thì toàn là tội nghiệp.

Hiện thời nhất là Internet, nội dung của Internet là gì vậy? Tôi chưa xem qua, tôi nghe những đồng học kể lại: Trong ấy toàn là giết, trộm, dâm, dối, đều dạy quý vị làm ác, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không? Những người trẻ tuổi, thậm chí những đứa bé từ nhỏ đã mê đắm Internet, mỗi ngày lên mạng xem thứ này thứ nọ, khiến cho một điểm lương tri lương năng bị phá hoại toàn bộ, phá hoại sạch sành sanh! Không gì đáng buồn, đáng đau lòng hơn. Thế giới này chẳng thể không có tai nạn được! Tai nạn do đâu mà có? Tai nạn do ác nghiệp chiêu cảm, chính những kẻ tạo ác nghiệp không hay biết. Vì sao? Chính họ không có năng lực phân biệt đúng - sai, thiện - ác, chìm đắm mê man trong ấy. Nếu quý vị bảo với họ những chuyện tốt lành nào, họ sẽ cảm thấy rất kỳ quái, từ trước đến giờ chưa từng nghe nói đến. Nghe như quý vị đang kể chuyện thần thoại, họ không thể tiếp nhận được, nghe không lọt tai, tâm họ khởi gió to sóng lớn, còn làm gì được nữa! Chúng ta hãy nhìn những cái nhân và những duyên đã tạo trong xã hội hiện thời rồi hãy nghĩ đến những kết quả sau này như thế nào.

Các nhà khoa học nghiên cứu lịch sử biến thiên và tiến hóa của địa cầu có đưa ra thuyết như sau: Trong quá khứ địa cầu có một nền văn minh cao tột, nhưng văn minh phát triển đến một thời kỳ nào đó bèn bị hủy diệt. Các nhà khoa học cho rằng tối thiểu địa cầu đã từng bốn lần đạt đến văn minh tột đỉnh rồi đột nhiên bị hủy diệt. Khoa học kỹ thuật hiện thời của chúng ta đã đạt đến đỉnh điểm hay chưa? Tôi cho rằng không xa mấy đâu! Đỉnh điểm là gì? Là phá hoại sinh thái thiên nhiên (natural biological environment), phá hoại sự cân bằng sinh thái trên địa cầu. Khoa học kỹ thuật phát triển đến mức độ này thì hiện thời chúng ta hiểu: Thiên nhiên phải báo thù. Hễ thiên nhiên báo thù thì chẳng những tai nạn xảy ra mà ngày tàn của thế giới cũng xảy ra, cuối cùng sẽ thấy ai thắng, ai bại!

Vì thế, cổ nhân nói một câu ngôn ngữ rất ý vị: “*Nhân định thắng thiên*”. Năng lực trí huệ thông minh của con người chế tạo được rất nhiều máy móc thắng được tự nhiên khiến trời giận, quỷ thần ghen ghét. Quỷ thần ganh ghét, làm cho trời giận, trời nổi nóng là phiền toái rồi! Có phải là đại hủy diệt sẽ xảy tới hay không? Trong rất nhiều ngôn ngữ của cổ nhân có ẩn giấu huyền cơ, phải chú tâm quan sát thì mới có thể lãnh hội được. Ý nghĩa của những câu ấy rất sâu xa, khiến cho chúng ta phải cảnh giác cao độ. Trong lúc này, chúng ta chỉ còn có cách nghiêm túc sám hối, sửa lỗi, đổi mới, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp tục xem đoạn khai thị kể từ “*niệm Phật chi nhân, tu yếu tín tâm khẩn thiết, chánh nhân lâm nhiên, trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi, thâm yếm trần lao phân nhiều vi khả thống*” (Người niệm Phật cần phải có lòng tin khẩn thiết, chánh nhân rạng rỡ, suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn thương, chán ngán sâu xa trần lao rồi bời đáng đau xót). Bắt đầu từ chỗ này, ý nghĩa của đoạn này trong phần trên chúng tôi đã nói rồi, hãy xem tiếp câu kể đó:

Cử khởi nhất thanh Phật danh.

舉起一聲佛名。

(Khởi lên một tiếng danh hiệu Phật).

Cũng là nói trong lúc tâm tình đau xót như vậy, khởi lên một câu Phật hiệu.

Trục hạ cánh vô dị kiến, như Thái A kiếm hoành án đương hiên; như đại hỏa luân tinh đằng diệm xí. Vạn vật anh chi tắc liệt, xúc chi tắc thương.

直下更無異見。如太阿劍。橫按當軒。如大火輪，星騰燄熾。萬物撓之則燎。觸之則傷。

(Từ đây không còn dị kiến, như gươm Thái A cầm ngang trước xe, như vòng lửa lớn cháy rực như sao sa, vạn vật chạm phải bèn cháy, đụng vào bèn bị tổn thương).

Chúng ta xem đoạn này, quả thật thiền sư Trung Phong đang nói đến tình trạng xã hội hiện thời của chúng ta. Tình trạng xã hội cũng đang dần dần diễn biến thành ngày càng đọa lạc. Đại khái là kể từ lúc nào? Phải kể từ thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, thối đời ngày càng tệ đi, làm sao chúng ta biết? Qua lời Không phu tử, chúng ta sẽ hiểu rõ ngay.

Lúc Không phu tử tại thế, Ngài nồng nhiệt khen ngợi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang. Nghiêu, Thuấn có lẽ ra đời trước Không Tử hai ngàn năm. Không lão phu tử cách chúng ta khoảng hơn hai ngàn năm trăm

năm, vậy thời Nghiêu, Thuần phải là bốn ngàn năm trăm năm trước. Khổng Tử khen ngợi thời thượng cổ ai nấy đều biết hiếu, đễ, trung, tín, đều tuân thủ luân thường, đạo đức. Vào thời Khổng phu tử, Ngài đã rất cảm khái trước sự động loạn của xã hội, Ngài sống nhằm thời Xuân Thu Chiến Quốc, cảm thấy đạo đức bị chìm đắm rất sâu, thối đời mỗi ngày mỗi tệ. Từ thời Khổng Tử đến hiện thời là hơn hai ngàn năm trăm năm, trong vòng một trăm năm trở lại đây, có thể nói là luân lý và đạo đức đọa lạc, tốc độ băng hoại càng tăng nhanh, không còn là đọa lạc nữa mà là băng hoại! Đọa lạc từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 20, đến bây giờ là băng hoại, hoàn toàn không còn nữa. Luân lý, đạo đức biến thành những danh từ lịch sử, chẳng những không thấy có trong thực tế xã hội, mà thậm chí những danh từ ấy cũng không còn nghe nói đến nữa. Trong thời buổi này, rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc nói đến chuyện ngày tàn của thế giới.

Trong vòng ba bốn chục năm qua, chúng tôi cũng nhận được những báo cáo, ghi chép; hiện nay dường như chúng ta thấy các ghi chép đều đoán định [ngày tận cùng thế giới xảy ra] vào năm 2000. Năm nay là năm 2003, năm sau là 2004. Nếu chúng ta có tánh cảnh giác cao độ thì quý vị tự nhiên thực sự buông xuống vạn duyên, có thể nắm chặt thời gian hết sức quý báu, nghiêm túc nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những chuyện khác đều là phụ thuộc, không phải là chuyện chánh yếu đáng phải lo toan của mình. Chuyện chánh yếu phải lo toan của chúng ta là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta vẫn phải nghe kinh, nghe kinh để làm gì? Để giúp chúng ta phá mê, khai ngộ, giúp chúng ta tỉnh ngộ, giúp chúng ta tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng nguyện tâm, giúp chúng ta hiểu rõ hết thảy trạng huống trên con đường về Tây Phương. Nghe kinh để phụ trợ, lên đường [về gặp Cực Lạc] quan trọng hơn, vừa đi đường vừa nghe kinh giới thiệu, không phải là phương pháp tốt đẹp hay sao? Thực sự hiểu rõ và thấu suốt thì những giới thiệu ấy không cần nghe tới nữa, cứ đi theo con đường là được rồi. Đi đến nơi thì chẳng phải là điều gì cũng đều biết hay sao? Đây là người thực sự thông minh.

“Cử khởi nhất thanh Phật danh, trực hạ cánh vô dị kiến” (Khởi lên một tiếng Phật hiệu, từ nay không còn dị kiến). *“Vô dị kiến”* là không còn hoài nghi, cũng không phân biệt, không còn chấp trước, điều gì cũng buông xuống hết, cứ thẳng một đường mà đi. Tiếp đó, thiền sư nêu tỷ dụ *“như Thái A kiếm, hoành án đương hiên”* (như gương Thái A cầm ngang trước xe). *“Thái A kiếm”* là một thanh gương báu, giống như

những thanh Can Tương, Mạc Gia⁷⁷ thời Xuân Thu Chiến Quốc (hai người này đều là chuyên gia chế tạo bảo kiếm). Thanh Thái A cũng do họ đúc ra, bén nhọn khôn sánh. Ở đây giống như trong lúc đánh nhau, vị tướng quân tay cầm gươm báu ngồi trên chiến xa. “Hiên” (軒) là cái bệ nằm ngang ở trước xe. Chông tay trên xe cầm bảo kiếm, đó là thái độ trên chiến trường.

Lại “*như đại hỏa luân, tinh đằng diễm xỉ*” (như vòng lửa lớn, cháy rực như sao sa). Hai tỷ dụ này không biết nên hiểu như thế nào? Nói về Thái A Kiếm thì nói được. Bởi thời cổ, xung phong hãm trận nơi chiến trường “*hoành án đương hiên*” (cầm ngang trước xe), điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Còn thí dụ tiếp đó “*đại hỏa luân, tinh đằng diễm xỉ*” (vòng lửa lớn, cháy rực như sao sa). Cái vòng lửa lớn này chắc giống như bom nguyên tử hiện thời. Thiền sư Trung Phong là người sống vào đầu triều Nguyên, lúc ấy khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nay chúng ta thấy “*đại hỏa luân tinh đằng diễm xỉ*” ở đây nếu dùng bom nguyên tử để tỷ dụ thì không còn gì thích hợp hơn nữa. Hai thứ này đều là chiến tranh, nhân họa, thiên tai nhân họa. Thiền sư Trung Phong là

⁷⁷ Can Tương và Mạc Gia (thời cổ thường dùng lẫn lộn chữ 鄒 và 邪, nên tên của bà này thường viết thành 莫邪, do vậy, đôi khi bị đọc sai thành Mạc Tà) là hai vợ chồng người nước Ngô, là thợ giỏi đúc kiếm thời ấy. Mạc Gia là vợ của Can Tương. Vua nước Ngô là Hạp Lư sai Can Tương đúc kiếm, nhưng sắt đun mãi không chảy. Vợ hỏi phải làm như thế nào? Can Tương nói: “*Thuở xưa, đại sư Âu Dã Tử đúc kiếm, sắt nấu không chảy, do vậy, cấy một nữ nhân làm thân lò, bèn đúc thành công rất nhanh*”. Mạc Gia nghe nói như vậy bèn lập tức nhảy vào lò đúc, sắt liền chảy tan ra. Can Tương đúc thành hai thanh kiếm báu, thanh hùng kiếm đặt tên là Can Tương, thanh thư kiếm đặt tên là Mạc Gia. Có truyền thuyết khác nói Can Tương đúc hai thanh kiếm Can Tương và Mạc Gia, nhưng chỉ dâng thanh Mạc Gia cho vua Sở, biết chắc vua phát giác sẽ bị kết tội chết, nên dặn vợ là Mạc Gia: “Sau này con sanh ra, khôn lớn, hãy bảo nó tìm kiếm bên Nam Sơn trong hang đá”. Về sau, Mạc Gia sanh con trai tên là Xích. Khi Xích khôn lớn, toan đi báo thù cho cha, nhưng Sở Vương nằm mộng thấy một thanh niên sẽ đến giết mình bèn ra lệnh truy nã con trai của Can Tương. Xích phải bỏ trốn, trên đường bôn tẩu, ca lên một khúc bi thương. Khi bị kẻ truy sát bắt được, Xích kể lễ đầu đuôi rồi tự trao kiếm và cắt đầu mình cho kẻ truy sát. Kẻ truy sát đem đầu và kiếm về dâng cho vua Sở, khuyên vua hãy đem đầu Xích nấu lên. Vua Sở nghe lời, nhưng nấu mãi không chín. Kẻ truy sát ấy mời vua nhìn vào vạc, bảo hãy vua nhìn vào, đầu Xích sẽ chín ngay. Vua vừa cúi nhìn, kẻ truy sát thừa cơ vung gươm chặt đứt đầu vua lọt vào vạc, rồi cũng tự chặt đầu mình cho lọt vào vạc. Đầu vua, đầu kẻ truy sát lẫn đầu của Xích cùng bị nấu nát bét, không phân biệt được đầu ai với ai, phải cùng chôn chung tại ranh giới huyện Nghi Xuân, gọi là mộ Tam Vương.

bậc minh tâm kiến tánh; chúng ta biết đối với bậc Kiến Tánh, không gian chẳng còn nữa, thời gian cũng không còn. Chuyện vị lai Ngài chẳng thể không biết, Ngài biết chứ. Do vậy, câu này rất có thể là nói về chúng ta trong hiện tại.

“*Vạn vật*”, bất luận vật nào, chỉ cần tiếp xúc với nó; câu “*anh chi tắc liệt*” (chạm vào liền cháy) chỉ vòng lửa lớn, tiếp xúc với nó bèn bị cháy. Câu “*xúc chi tắc thương*” (đụng vào bèn bị thương tổn) chỉ Thái A Kiêm. Thái A Kiêm chớ nên đụng vào, đụng vào nhất định bị thương. Thiền sư dùng hình ảnh này để sánh ví một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu giống như Thái A kiêm, giống như vòng lửa lớn. Vật nào “*anh chi tắc liệt, xúc chi tắc thương*” (chạm vào bèn cháy, đụng vào bèn bị thương tổn)? Vòng lửa lớn ví cho điều gì? Sánh ví huệ Bát Nhã, Thái A Kiêm ví như tam-muội. Ở phần trên đã nói: “*Tử sanh luân chuyển, trần lao phân nhiễu*” (tử sanh luân chuyển, trần lao rối bời), chỉ cần chạm phải Định - Huệ chúng sẽ không còn nữa, tiêu khói, tan mây, dùng những hình ảnh này để tỷ dụ.

Trực chí nhất tâm bất loạn.

直至一心不亂。

(*Mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn*).

“*Nhất tâm bất loạn*” là mục tiêu niệm Phật của chúng ta. Chúng ta niệm Phật để làm gì? Để cầu nhất tâm bất loạn. Lúc đạt đến nhất tâm bất loạn thì:

Năng Sở lưỡng vong.

能所兩忘。

(*Năng lẫn Sở cùng mất*).

Đây chính là Lý Nhất Tâm, chứ không phải Sự Nhất Tâm. Vì sao? “*Năng Sở lưỡng vong*” (Năng lẫn Sở cùng mất) chính là nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị chính là cảnh giới Như Lai. Niệm đến nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn là Pháp Thân Bồ Tát.

Đáo gia chi thuyết, bất dung tái cử.

到家之說。不容再舉。

(*Câu nói “về đến nhà” chẳng được nêu lên nữa*)

Vì sao? Những lời ấy thành thừa, “đến” và “không đến” không còn nữa, nhập cảnh giới Bất Nhị mà!

Tiếp kính chi từ, hà lao quả tử.

捷徑之詞。何勞挂齒。

(Từ ngữ “đường tắt” cần gì phải nhắc đến).

Pháp môn này là đường tắt, trong phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị, đây là đường tắt nhất trong các con đường tắt, tức là tu hành chứng quả rất mau, là con đường gần nhất. Nay quý vị đã đến nơi rồi, chẳng những lời này không còn nữa, mà ý niệm cũng không có. Mấy câu này hoàn toàn luận về cảnh giới công phu: Quý vị đã khế nhập Niệm Phật tam-muội, đã nhập pháp môn Bất Nhị, đã nhập cảnh giới thuộc quả địa Như Lai.

Khả vị chứng tu hành chi thần thuật.

可謂證修行之神術。

(Có thể nói là cách thần diệu để tu hành chứng quả)

Đây chính là “thần chứng” (tự mình chứng đắc). “Thuật” (術) là phương pháp. Quý vị dùng phương pháp trì danh niệm Phật, đạt đến cảnh giới nơi quả địa Như Lai, quý vị đã tự chứng nghiệm rồi, Tín nguyện trì danh là “thần thuật” (phương thức thần diệu), Thuật là “phương thuật” (cách thức).

Siêu phương tiện chi chánh đồ.

超方便之正途。

(Là đường chánh phương tiện siêu thắng).

Trong hết thấy pháp phương tiện, đây là phương tiện bậc nhất. Con đường này là con đường chánh thông thẳng vào Phật đạo, không ngoắt ngoéo, là một con đường thẳng tắp, phàm phu thành Phật nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, thành tựu thù thắng khôn sánh, đạt được điều khó khăn! Dầu chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát cực lực tuyên dương trong hư không pháp giới, đúng là vi trần nói, cõi nước nói, không lúc nào, không chỗ nào chẳng nói, nhưng rất đáng tiếc, kẻ biết giá trị không nhiều. Chúng tỏ kẻ không biết giá trị là đa số, cứ

tưởng phương pháp này quá đơn giản, quá dễ dàng, lẽ đâu đạt thành tựu như thế ấy được! Chẳng khởi lên lòng tin, chê bai là pháp để dạy những bà già tu! Rất nhiều người cho đến tận bây giờ vẫn có quan niệm sai lầm ấy, cứ tưởng những kinh to luận lớn đức Phật dành để nói với hàng thượng căn lợi trí, còn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ dành cho bọn hạ hạ căn, chỉ để giảng cho những kẻ không hiểu biết, ngu si, thiếu trình độ! Thậm chí còn có kẻ lầm tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật kể chuyện cổ tích để an ủi những kẻ ngu si. Những kẻ ngu si như thế rất đáng thương, không đúng như thế đâu! Quý vị hãy xem: Những hiểu lầm như vậy rất nghiêm trọng. Quý vị đã mắc sai lầm, lại còn làm ảnh hưởng đến người khác. Đúng là “*dĩ manh dẫn manh, tương khiên nhập hỏa khanh*” (kẻ đui dẫn người mù, kéo nhau vào hầm lửa). Đây là chuyện đau xót nhất trong thế gian!

Như Lai đem vật quý báu vô thượng dâng cho quý vị, quý vị không nhận biết, không biết giá trị, coi nó chưa đáng một đồng, vứt đi chẳng đoái hoài. Kẻ biết giá trị – kinh Phật nói – là người đã tu tập, tích tụ thiện căn, phước đức đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Họ vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, không có gì khác cả! Đây là do thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi, họ có thể tiếp nhận. Thế nhưng phạm phu trong phạm trần bị nhiễm ô nghiêm trọng, dẫu thiện căn trong đời quá khứ sâu dày, nhưng khi được tiếp xúc bèn có thể thực sự tin sâu phát nguyện lại không phải là chuyện dễ. Vì thế, trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Phải đúng thời tiết nhân duyên, phải gặp được chân thiện tri thức!

Thế nào là chân thiện tri thức? Người mà chính mình suốt đời kính ngưỡng nhất, bội phục nhất, tin tưởng nhất. Ba điều kiện này tìm ở đâu? Quý vị phải hỏi trong thế gian lằng xằng này, quý vị bội phục người nào nhất? Quý vị tin tưởng ai nhất? Tôn kính ai nhất? Nếu quý vị gặp được người như vậy, học với người ấy sẽ nhất định thành tựu. Đây không phải là vọng ngữ, vì sao nói khẳng định là thành tựu? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều, “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh). Đối với người ấy, quý vị có thể sanh tín tâm, người ấy dạy điều gì quý vị sẽ thực hiện một trăm phần trăm, làm sao không thành tựu cho được? Cũng cùng một phương pháp ấy, cùng một câu nói ấy, người khác giảng cho quý vị, nhưng quý vị không tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, đương nhiên chẳng thể phụng hành. Do vậy, quý vị chẳng thể thành tựu!

Từ cổ đến nay, ai được gọi là thiện tri thức? Từ ngữ lục, truyện ký của cổ đức, chúng ta thấy chép rất nhiều; lúc tôi còn trẻ mới học Phật

thấy vậy rất lạ: Có người cầu học đến tham học (những bậc thiện tri thức trong lịch sử đều là người hữu danh, đều được người khác xưng tụng là bậc thiện tri thức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, học trò đến tham phỏng các Ngài), Ngài bảo kẻ ấy: “Duyên của ông chẳng ở nơi tôi, duyên của ông là ở chỗ kia, chỗ nọ, ông phải đến nơi đó, tham phỏng vị đó”. Người đến tham học nghe xong, quả nhiên nghe theo lời vị ấy dạy, đến nơi kia tìm vị thiện tri thức ấy. Quả nhiên không lâu sau đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành tựu nơi ấy. Lúc ấy, chúng tôi cứ nghĩ: “Làm sao mà biết được? Nếu đã biết, sao không dạy, giới thiệu người ta qua nơi khác để làm gì?” Nghĩ không ra! Những vị ấy quả thật phi thường, biết người khác ở chỗ nào, thân cận ai sẽ được khai ngộ, sẽ chứng quả, có bản lãnh như thế đó.

Đến sau này, học Phật lâu rồi, dần dần hiểu được đạo lý ấy. Văn tự, lời lẽ của cổ nhân đều hết sức đơn giản, mỗi chuyện chỉ được ghi lại bằng mấy chữ hay một hai hàng mà thôi. Tưởng tượng trong cuộc sống hiện thời của chúng ta, nếu có ai đến bái phỏng quý vị, hướng về quý vị thỉnh giáo, nhất định phải nói rất nhiều, những lời ấy nếu ghi xuống tổng cộng phải là mấy vạn chữ. Các Ngài chỉ ghi có mấy chục chữ, tinh giản như thế đó; do vậy, có rất nhiều thứ chúng ta nhìn không ra, người hiện thời chúng ta xem đến bèn sanh nghi hoặc. Phổ biến nhất là nếu có ai đến bái phỏng quý vị, quý vị nhất định hỏi người ấy: “Tên họ là gì, nhà cửa ở đâu? Từ chỗ nào đến? Trong quá khứ đã thân cận những vị thiện tri thức nào? Trong nhiều pháp môn như thế, có hứng thú với pháp môn nào nhất?” Chắc chắn phải hỏi những chuyện ấy. Lúc tôi còn trẻ gặp thiện tri thức, thầy cũng hỏi như thế!

Hỏi xong, đến cuối cùng bảo quý vị: “Ông không có duyên với tôi!” Vậy thì sao? Thấy được chí hướng và sự ưa thích của người ấy, thấy người ấy tôn trọng pháp môn nào, trong tâm người ấy kính ngưỡng nhân vật nào nhất? Những chuyện ấy đều phải hỏi rõ ràng, cho rành rẽ, lại bảo: “Những điều trong tâm ông mong muốn tôi không có, sự tu học ở nơi đây không hợp với chí hướng của ông”. Nên nhớ: Phật pháp “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, quyết định chẳng được thay đổi nguyện vọng của người khác, chẳng biến đổi hứng thú của người khác, chứ không phải là “vứt bỏ những thứ đó đi, học theo tôi mới tốt”. Trong thiên hạ không có loại thiện tri thức như thế, đây không phải là thiện tri thức thực sự. Thiện tri thức chân chánh phải nghĩ: Trong xã hội hiện thời còn có những vị đại đức, ở chỗ kia chỗ nọ có một đại đức mà sở tu và sở học của vị ấy phù hợp với hứng thú của ông, ông hãy đến chỗ vị ấy nhất

định sẽ được thành tựu, giới thiệu như vậy đó! Giống như đi học, học Đại Học, quý vị có hứng thú về phương diện nào thì có thể theo học khoa ấy. Trong những Đại Học lớn, trường học nào dạy tốt nhất về môn đó bèn giới thiệu cho quý vị đến đó học.

Nếu ghi chép lại tỉ mỉ, chúng ta vừa đọc đến sẽ hiểu rõ ngay, sách cô ghi chép quá giản lược! Trọn chẳng phải là những vị ấy có thần thông, không phải vậy, nay chúng ta đã hiểu rõ rồi! Ví như nói có người tuổi trẻ đến chỗ tôi, người ấy rất có hứng thú đối với Thiền, niệm niệm chẳng quên, đối với niệm Phật chẳng thích thú gì, nhất định tôi phải bảo người ấy: “Ông chẳng có duyên nơi tôi”. Tôi cũng bắt chước lời cổ nhân, “duyên của ông ở tại nơi nào đó”. Như nay chính tôi biết: Vị đại đức trong Tông Môn chúng tôi kính ngưỡng nhất là pháp sư Thánh Nhất ở Đại Dự sơn, Hương Cảng. Ở Trung Quốc đại lục cũng có [bậc tri thức trong Thiền tông], nhưng tôi rất ít tiếp xúc, không biết rõ. Pháp sư Thánh Nhất ở Đại Dự Sơn tôi quen thân, tôi từng đến thăm đạo tràng của Ngài: Quả thật vẫn giữ được phong thái, khuôn phép của Tông Môn, mỗi ngày có thời gian tọa hương nhất định. Lúc tôi đến thăm, trong Thiền Đường có hơn bốn mươi người, có cả người ngoại quốc đều đang học tọa Thiền. Tôi bèn đề cao! Nếu thích Pháp Tướng Duy Thức ư? Tôi không biết hiện nay ai sở trường môn này; trước kia pháp sư Diễn Bồi nghiên cứu môn này. Nếu quý vị hứng thú đối với pháp này, tôi sẽ giới thiệu cho quý vị đến thân cận pháp sư Diễn Bồi, đó gọi là khế cơ!

Chẳng thể nói pháp môn Niệm Phật của tôi tốt hơn nhiều, anh phải bỏ pháp mình hứng thú đi, theo tôi học pháp môn Niệm Phật, không thể được! Nếu thuyết pháp như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật lúc tại thế việc gì phải nói nhiều pháp môn đến thế? Chỉ giảng một pháp môn Niệm Phật là được rồi! Quý vị hiểu: Chư Phật Như Lai, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều biết hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, không miễn cưỡng mảy may. Nếu có chút nào miễn cưỡng, là vì mình đã tự ý thêm vào chút ý kiến của mình. Làm thế nào để không thêm vào chút ý kiến nào của mình? Tự nhiên thôi! Tự nhiên mà thành, đấy mới là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng ta phải nhận thức, phải học tập điều này.

Căn bệnh của người thế gian là thường nghĩ mình đúng, thường thích sửa đổi người khác, buộc người khác phải theo mình, người thế gian như vậy đó. Chẳng thể thuận theo căn tánh và lòng ưa thích của người ta, chẳng thể tùy thuận. Trong mười đại nguyện vương có nói “*tùy hỷ công đức*”, phải học tùy hỷ, phải hằng thuận. Con người có thể tùy hỷ

và hằng thuận, tâm chính mình nhất định phải thanh tịnh. Vì thế nói phải vĩnh viễn giữ sao cho không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước nơi cảnh giới, hết thầy tùy duyên, quyết định không phan duyên. Đó là “*chứng tu hành chi thần thuật*” (phương thức thần diệu để tu hành chứng quả) chữ “*thần thuật*” (phương thức thần diệu) chuyên chỉ pháp môn Tín Nguyện Trì Danh, là “*siêu phương tiện chi chánh đồ*” (con đường chánh phương tiện siêu thắng).

Phá tử sanh trập hộ chi lôi đình.

破死生蟄戶之雷霆。

(Sấm sét phá tan [giác ngủ] tử sanh của loài sâu bọ).

“*Trập*” (蟄) là những loài trùng nhỏ, có rất nhiều loài động vật nhỏ ngủ Đông, mùa Đông về bèn ngủ, thời gian rất dài. Đến lúc nào chúng mới tỉnh? Vào ngày Kinh Trập, trời Xuân sấm rền, tiếng sấm kinh động chúng, chúng bèn tỉnh dậy. Do vậy, tiết khí ấy được gọi là tiết Kinh Trập (kinh động sâu bọ)⁷⁸. Ở đây nói “*phá tử sanh trập hộ chi lôi đình*” nghĩa là giống như sấm mùa Xuân kinh động, lay tỉnh những động vật ngủ Đông thức dậy.

Chúc mê vọng u cù chi nhật nguyệt.

燭迷妄幽衢之日月。

(Như mặt trời, mặt trăng chiếu tỏ nẻo mê vọng).

“*Chúc*” (燭) là chiếu sáng, chiếu tỏ. “*Chúc mê vọng u cù chi nhật nguyệt*”: Cù là con đường, “*u cù*” (幽衢) là con đường nhỏ. Câu này có nghĩa là Phật hiệu giống như mặt trời, mặt trăng, chiếu rõ ràng đường lối khiến quý vị không bị lầm đường, chướng bị lạc lối. Đây đều là những tỷ dụ, nhằm sánh ví công đức thành tựu thù thắng của pháp môn Niệm

⁷⁸ Kinh Trập (còn gọi là Khái Trập, hoặc Khái Triết) là một trong 24 tiết khí trong một năm (sau tiết Lập Xuân và Vũ Thủy, trước các tiết Xuân Phân, Thanh Minh và Cốc Vũ của mùa Xuân). Tiết khí này được bắt đầu từ khoảng mùng Năm hay mùng Sáu tháng Ba Dương Lịch, kéo dài 2 tuần lễ. Lúc này trời ấm lên, đã có sấm mùa Xuân, vạn vật hồi sinh, bắt đầu bước vào mùa Hạ. Chữ Tiết Khí là nói gọn của thời tiết và khí hậu. Theo cách ấn định của lịch pháp, chữ Tiết Khí nhằm mô tả một giai đoạn trong năm mà thời tiết khí hậu mang một tính chất đặc trưng, chẳng hạn Vũ Thủy là lúc có mưa Xuân lất phất, còn Kinh Trập là lúc sâu bọ thức giấc, hồi sinh, sinh sản.

Phật, trôi vượt hết thấy các pháp môn khác. Tu học mọi pháp môn nhất định đòi hỏi đầy đủ rất nhiều điều kiện, khuyết một điều kiện nào sẽ chẳng thể thành tựu. Chỉ riêng pháp môn này đơn giản, điều kiện ít nhất, chỉ cần Tín, chỉ cần Nguyện, cốt sao chịu niệm Phật, cốt sao quý vị có thể buông xuống vạn duyên là thành tựu. Vì thế, trong hết thấy pháp môn, pháp môn Niệm Phật ít điều kiện nhất, đơn giản nhất, ngay cả kinh điển cũng chỉ có ba kinh một luận. Nói thật ra, chỉ có ba kinh, còn một luận của Thiên Thân Bồ Tát (tức Vãng Sanh Luận) giống như một bản báo cáo tâm đắc từ việc tu tập pháp môn Niệm Phật của chính Ngài đưa cho mọi người tham khảo! Ngài tu hành như thế nào mà được thành tựu, đó là một phần tài liệu tham khảo. Kinh điển thực sự chỉ có ba bộ kinh, quý vị đều đọc cả rồi, phân lượng không nhiều. Kinh có phân lượng lớn nhất là kinh Vô Lượng Thọ, hiện tại có nhiều người mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ bao nhiêu lượt. Đơn giản nhất là kinh A Di Đà, từ đầu đến cuối niệm một biến mất năm phút; đơn giản, dễ dàng đến như thế đó.

Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ dịch không lại phiền não, tập khí, khó ở chỗ này! Không biết dùng phương pháp tốt đẹp đến ngần này, tức là phương pháp “*tịnh niệm tiếp nối*”, bốn chữ này không làm được! Nói thật ra, bốn chữ này ai cũng đều phải làm được, vì sao làm không được? Vì phiền não tập khí quá nặng, chẳng thể khắc phục phiền não, chẳng thể biến niệm Phật thành một thói quen. Vấn đề thực sự ở đây vẫn như Thiên Đạo đại sư đã dạy chẳng sai: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (toàn là do gặp duyên bất đồng). Duyên là gì? Thầy giỏi, đồng học tốt, hoàn cảnh học tập tốt, đây chính là “*gặp duyên bất đồng*”. Nghiệp chướng dẫu nặng, nhưng nếu gặp được duyên tốt, có thầy giỏi dạy mình, có đồng học tốt có thể thường xuyên cảnh tỉnh mình, có hoàn cảnh tu học tốt đẹp, không ai chẳng thành công. Tổ sư đại đức nói: “*Vạn người tu, vạn người về*” là nói thật đấy, không giả chút nào! Chúng tôi tin ai cũng có thể tu pháp môn Niệm Phật, ai trong một đời này cũng có thể thành tựu viên mãn. Chúng ta nói đến duyên thì pháp sự Tam Thời Hệ Niệm là duyên thù thắng nhất, hòa thượng chủ pháp là thiện tri thức, chúng xuất gia và tại gia cùng tu là thiện hữu, đạo tràng là hoàn cảnh niệm Phật tốt nhất, duyên đầy đủ!

Khải thỉnh giảng giải Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự lần này là Hồ cư sĩ. Lúc mẹ bà ta lâm trọng bệnh, trong lúc còn đang nằm bệnh, bà ta đến thỉnh cầu tôi đem công đức này hồi hướng cho mẹ bà. Nếu tuổi thọ vẫn còn, hy vọng bệnh bà cụ sớm ngày bình phục; nếu thọ mạng đã hết,

sẽ giúp cho cụ niệm Phật vãng sanh. Lòng hiếu thảo ấy khiến cho chúng tôi cảm động, vì thế, đem pháp sự này giảng từ đầu đến cuối một lượt. Tôi ước tính phải mất một trăm giờ, quả nhiên không sai. Bữa nay chúng tôi giảng đến tập thứ năm mươi hai, mỗi tập là hai tiếng đồng hồ, tức là một trăm lẻ bốn giờ. Chúng tôi nghĩ phần sau không nhiều, có lẽ chừng hai ba lần nữa là giảng xong, tôi nghĩ nhiều nhất không quá sáu tiếng đồng hồ, tức giảng ba lần nữa là viên mãn. Mẹ bà Hồ đã vãng sanh rồi, đem công đức này hồi hướng cho bà cụ, giúp cho bà cụ tăng cao phẩm vị. Phần khai thị của thiền sư Trung Phong đến đây là hết một đoạn. Chúng ta xem phần tiếp theo, tức là phần phó chúc và khuyến khích:

Kim tiêu Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự tương viên.

今宵三時繫念佛事將圓。

(Phật sự Tam Thời Hệ Niệm đêm nay sắp viên mãn).

Đây là thời hệ niệm thứ ba, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật, mọi người chúng ta cùng tu, Phật sự này sắp viên mãn rồi.

Vong linh thừa tư thượng thiện, quyết định vãng sanh.

亡靈承茲上善。決定往生。

(Vong linh nhờ vào thiện sự bậc thượng này, nhất định vãng sanh).

Tám chữ này quan trọng lắm! “*Tư*” (茲) nghĩa là “*này*”, nói theo văn Bạch Thoại là “*giá cá*” (這個: cái này). Quý vị nhờ vào “*thượng thiện này*”, thượng thiện chỉ cho Phật sự này. Phật sự Tam Thời Hệ Niệm chính là hành pháp thượng thiện, là phương pháp tu hành “*quyết định vãng sanh*”, lời lẽ kiên quyết khẳng định, không có mảy may nghi hoặc nào.

Thả đạo nhất niệm vị manh dĩ tiền, hoàn hữu giả cá tiêu tức dã vô.

且道一念未萌以前。還有者箇消息也無。

(Lại nói: Trước khi một niệm vừa chớm, còn có tin tức nào hay không?)

Lời lẽ này đều là ngữ khí Thiên tông. Ngài Trung Phong là thiền

sư, chúng ta thường thấy ý vị nhà Thiền trong văn bản Hệ Niệm. “*Thả đạo nhất niệm vị manh*” ý nói: Lúc một niệm chưa sanh, trước khi một niệm chưa sanh, “*hoàn hữu giả cá tiêu tức dã vô*”: Có tin tức gì hay không? Nhà Thiền nói đến Nghi, tiểu nghi được tiểu ngộ, đại nghi được đại ngộ. Không nghi sẽ không ngộ. Vì thế, đường chủ Thiền Đường thường dùng những phương cách khơi gợi nghi tình của mọi người. Nghi tình ấy không được giải đáp. Nếu giải đáp, quý vị sẽ không thể ngộ. Nếu không giải đáp thì nghe xong, có người hoát nhiên khai ngộ, có người ngơ ngác không biết, những lời ấy gọi là “*cơ phong ngữ*”, không đạt đến cảnh giới ấy nghe không hiểu được. Tiếp theo đó, đại sư lại có một bài kệ:

Thị tâm không tịch niệm hà y?

是心空寂念何依。

(Tâm này trống lặng, niệm theo đâu?)

“*Nhất niệm vị manh*” (một niệm chưa chớm), một niệm chẳng sanh tâm ấy không tịch. Hỏi quý vị còn có tin tức gì hay không? Niệm nương vào đâu? Nói thật ra, ý nghĩa của câu này rất phong phú. “*Thị tâm*”, ở đây chúng ta đọc thẳng xuống, “*tâm này*”. “*Không tịch*” là Bản Giác, tâm là trạm tịch linh minh, niệm là Thi Giác, Thi Giác hợp với Bản Giác, đại giác rạng ngời. Chân Như Lý địa, pháp vốn là như thế, chẳng thể nói nó hữu y hay vô y. Hữu y hay vô y, quý vị khởi lên ý niệm, ý niệm ấy chưa khởi là nhất niệm chưa chớm. Vì thế, câu này nhằm giải đáp câu hỏi ở phần trên. Tiếp đó là hoàn toàn áp dụng vào sự tướng:

Cố quốc vân quy thực vị quy?

故國云歸孰未歸。

(Nước cũ bảo về, ai chưa về?)

“*Cố quốc*” chính là nhà cũ của quý vị, nhà cũ nơi đâu? Tại thế giới Cực Lạc. Chúng ta niệm Phật chẳng phải là mong sanh về thế giới Cực Lạc ư? Hiện tại vẫn chưa về. Thế nhưng nay chúng ta coi như đã hiểu rõ rồi, có thực sự thấu hiểu hay không vẫn là ẩn số! Thực sự hiểu thấu thì hãy tích cực mau trở về nhà, chúng ta lữ du đến nơi đây, nơi đây sanh ra lắm chuyện phiền toái lắm, nơi đây có động loạn. Ngay cả Không phu tử còn nói: “*Nguy bang bất cư, loạn bang bất nhập*” (Nước nguy không ở, nước loạn không vào!) Nay địa cầu này vừa nguy vừa

loạn, về đi thôi! Lời này có ý nghĩa là như thế!

Hoa ngoại ngọc kê đề hiểu nhật.

華外玉雞啼曉日。

(Ngoài hoa gà ngọc gáy bình minh).

“*Hoa*” (華) là hoa sen, tức hoa sen trong ao bảy báu. Câu này hàm nghĩa phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. “*Ngọc kê đề hiểu nhật*” (gà ngọc gáy rạng đông) là tỷ dụ: Phá mê khai ngộ ví như trời rạng đông, trời sáng. Lúc nào trời sáng? Nay chúng ta mê không giác, giống như ở trong tối tăm, một niệm hồi quang giống như trời rạng sáng. Trời vừa rạng đông gà bèn gáy, ví như khai ngộ, ví như từ mê vọng mà quay đầu lại.

Viễn nghênh tân Phật phụng từ oai.

遠迎新佛奉慈威。

(Xa đón tân Phật phụng từ oai).

Sanh về thế giới Cực Lạc bèn thành Phật, “*tân Phật*” đây! Ngoài Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, còn có mọi Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đến đón quý vị. Họ là những người đã vãng sanh trong quá khứ, vãng sanh trước, đều là người quý vị quen biết, đều là người nhà thân quyến của quý vị, là đồng tham đạo hữu của chính mình, trong đời quá khứ cùng tu hành một chỗ, họ thành tựu, ta chưa thành tựu. Ta vẫn chìm nổi trong luân hồi; kể ra còn khá lắm, hôm nay ta giác ngộ, ta thành tựu, họ bèn theo Phật đến tiếp dẫn.

Vì thế, phải biết hảo bằng hữu chân chánh, bằng hữu hiểu mình đều ở thế giới Cực Lạc. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc không cô đơn, người nhà quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp, thân bằng hảo hữu, đồng tham đạo hữu, đến thế giới Cực Lạc đều gặp mặt hết. Hội quý vị là thời đại này, thời đại nọ mới có ý vị. Rồi sao nữa? Ai nấy đều có thành tựu, không có phạm phu, đúng như kinh đã dạy: “*Toàn bộ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”, cảnh giới ấy phi thường lắm! Nếu chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật ấy sẽ không còn do dự nữa, thật đây, ý niệm gì cũng đều đoạn, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Thừa tư thượng thiện, quyết định vãng sanh*” (nương theo thiện sự bậc thượng này, quyết định vãng sanh).

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 53

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần niệm Phật lần thứ hai trong thời thứ ba, nhiều niệm:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Lần này cũng nhiều niệm một ngàn tiếng, chúng ta xem chung [phần này] với những phần trước: Trong Hệ Niệm Pháp Sự này, gộp chung cả ba thời lại, mỗi người niệm khoảng chừng bốn ngàn tiếng Phật hiệu, mười người là bốn vạn tiếng, một trăm người là bốn mươi vạn tiếng. Thông thường trong Hệ Niệm Pháp Sự này, lúc chúng tôi tổ chức số người tham dự khoảng từ một trăm đến ba trăm người. Nếu tính là ba trăm người thì là ba lần bốn ngàn là một trăm hai mươi vạn tiếng Phật hiệu, có phải là sức mạnh rất lớn hay không? Huống chi lại còn có tán Phật, tụng kinh, niệm chú, khai thị, thuyết pháp, phát nguyện, hồi hướng, sám hối! Quán sát như vậy quý vị mới biết pháp sự này thù thắng.

Trong những năm qua, tại các nơi trên toàn thế giới, chúng tôi đề xướng, mỗi Tịnh Tông Học Hội đều thực hiện kèm thêm pháp hội này. Đối với thời đại tai nạn lớn lao này, chắc chắn pháp sự này mang lại lợi ích tiêu tai miễn nạn (tiêu trừ tai chướng, thoát khỏi hoạn nạn). Lợi ích ấy chúng ta có thể nhìn thấy từ thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn Thắng tại hồ Tỳ Bà⁷⁹ ở Nhật Bản. Số người [tham dự thí nghiệm ấy] không đông, hơn ba chục người, với sức mạnh của ngàn ấy người, trong vòng một giờ, thỉnh một vị pháp sư hướng dẫn đại chúng niệm kinh, đem ý nguyện và thiện ý của chính mình hồi hướng cho nước trong hồ. Trong tâm mọi người có ý niệm như vậy, ý niệm hết sức thành khẩn, dị khẩu đồng âm nói: “Nước hồ thanh khiết, nước hồ trong sạch, chúng tôi hết sức hoan hỷ, vô cùng cảm tạ”. Cầu đảo trong một tiếng đồng hồ, hai ba

⁷⁹ Hồ Tỳ Bà (Biwa) còn có tên là Ōmi (Đạm Hải), là hồ nước ngọt lớn nhất của Nhật Bản thuộc huyện Tư Hạ (Shiga-ken) thuộc vùng Quan Tây (Kansai) trên đảo Honshū (Bản Châu, đảo chính của Nhật Bản) của Nhật Bản. Hồ rộng đến 670 km², là nguồn cung cấp nước chính cho hai thành phố Kyoto (Kinh Đô) và Ōtsu (Đại Tân). Vào mùa Xuân, khi tuyết tan, nước hồ dâng lên cao đến 3m, nhưng không gây ngập lụt vì có sông Yodo (Đính Xuyên) đã tháo nước từ hồ Tỳ Bà vào vịnh Osaka (Đại Bản).

ngày sau, nước hồ quả nhiên trong vắt, không dậy sóng mòi, không ô nhiễm nữa. Quý vị biết là nước hồ được thiện ý gia trì.

Thực vật và khoáng vật đều có bản năng thấy được, nghe được, hiểu được, biết được; bản năng ấy chính là bản năng của Pháp Tánh. Chúng ta thường gọi những đức tánh sẵn có nơi Pháp Tánh là “nhân từ, bác ái”. Mười mấy năm gần đây, chúng tôi quy kết giáo nghĩa Đại Thừa, nêu ra cương lĩnh tu hành “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Đây chính là các đức hạnh sẵn có nơi Pháp Tánh. Có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết là bản năng sẵn có nơi Pháp Tánh. Kinh dạy như thế, lời khai thị của thiền sư Trung Phong ở đây cũng nhằm nói như thế. Hiện thời, khoa học đã dần dần chứng minh được [những điều này].

Ngày hôm qua tôi nhận được một bản fax, hình như là bản chụp của một cuốn sách được xuất bản ở Đài Loan, vốn là một báo cáo mang tựa đề Đồi Sông Bí Mật Của Thực Vật. Có người đã tốn một thời gian rất dài, dùng phương pháp khoa học để thí nghiệm, phát hiện thực vật có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, lại không bị ngăn trở bởi khoảng cách. Thực vật hoàn toàn hiểu rõ tâm ý của con người đối với chúng. Từ trước đến nay, chúng ta cứ tưởng thực vật hoàn toàn không có sanh mạng, nay các nhà khoa học nghiên cứu, phát hiện thực vật có sanh mạng, người ta dùng thiện ý chăm sóc chúng, chúng sẽ cảm ơn. Nếu người chăm sóc chúng có chuyện đi xa, chúng cảm thấy rất buồn bã, rất đau xót, gục đầu ủ rũ. Nếu người chăm sóc chúng trở về, chúng rất vui vẻ, thấy rất rõ điều này. Toàn thể vũ trụ là sống động!

Chúng ta có cả mấy trăm người ở cùng một chỗ, niệm Phật là thông điệp thù thắng nhất, chân thật nhất, là lời chúc phước tốt lành nhất, thiên địa quỷ thần đều cảm động! Vì thế, trong Hệ Niệm Pháp Sự, chánh yếu nhất là niệm Phật. Nghe khai thị xong, buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý chấp trì Phật hiệu, thực sự không xen tạp, câu này tiếp nối câu kia không gián đoạn. Niệm một ngàn tiếng, thông thường chúng ta niệm một ngàn tám mươi tiếng. Mỗi một chuỗi là một trăm lẻ tám tiếng, mười chuỗi là một ngàn lẻ tám mươi tiếng. Đương nhiên lúc niệm Phật thời gian càng dài càng tốt, nhân vì trong Pháp Sự, khai thị rất nhiều, khai thị hết sức quý báu, đúng là dương gian và âm cảnh cùng được lợi.

34. Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn

Trong đoạn tiếp theo, thiền sư Trung Phong sử dụng bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ, giống như trong thời thứ hai, thiền sư trích dẫn bài văn phát nguyện của Đại Từ Bồ Tát. Ở đây, chúng ta dường như thấy được tâm lượng của cổ đức, các Ngài bao dung, không phân biệt đây - kia, không cứ nhất định cái gì cũng phải là của mình. Trong thời thứ hai chúng ta thấy bài “*thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất, cứu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận*”. Đây chính là bài văn phát nguyện của Đại Từ Bồ Tát. Ở đây, chúng ta đọc bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ⁸⁰. Từ chỗ này chúng ta có thể thấy được tâm lượng của thiền sư: bao dung, tự - tha bất nhị. Lời người khác nói hay dạy tương ứng với những gì chính mình đang tu thì không còn là của người khác nữa mà là của chính mình!

Quý vị thấy trong những phần trước, thiền sư dạy: “*Ngã tâm tức A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). A Di Đà Phật và ta đã là không hai thì Đại Từ Bồ Tát cũng không hai, Đại Từ Bồ Tát chính là tâm ta, tâm ta chính là Đại Từ Bồ Tát. Ở đây cũng giống như vậy, tâm ta chính là Từ Vân Sám Chủ, Từ Vân Sám Chủ chính là tâm ta, tự - tha bất nhị, tánh - tướng như một. Con người khế nhập được cảnh giới này thì thiên hạ thái

⁸⁰ Từ Vân Sám Chủ chính là ngài Tuân Thúc (964-1032), tự Tri Bạch. Ngài còn được tôn xưng là Từ Vân Tôn Giả, Linh Ứng Tôn Giả, Thiên Trúc Sám Chủ. Do Ngài soạn rất nhiều bản sám pháp nên còn có mỹ hiệu là Bách Bản Sám Chủ. Ngài là một vị cao tăng của tông Thiên Thai. Đại sư quê ở Lâm Hải, Thái Châu (nay là huyện Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang). Ngài sống vào đời Tống, xuất gia năm 18 tuổi, thọ Cụ Túc Giới vào năm 20 tuổi tại chùa Thiên Lâm, từng đốt ngón tay phát nguyện trước tượng Phổ Hiền Bồ Tát, thệ nguyện nghiên cứu và xiển dương quang đại giáo nghĩa Thiên Thai. Ngài theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Nghĩa Thông chùa Bảo Vân vào năm Ung Hy nguyên niên (984), về sau, cùng với ngài Tứ Minh Tri Lễ, ngài Tuân Thúc được coi là lãnh đạo của pháp Sơn Gia trong tông Thiên Thai. Năm 28 tuổi, sau khi tuyên giảng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Niết Bàn, Kim Quang Minh, ngài suất lãnh tăng tục chuyên tu Tịnh Độ, đồng thời biên soạn các bản sám pháp cho các bản kinh trên đây. Điểm đặc sắc là sám pháp nào cũng quy hướng Tịnh Độ. Năm Càn Hưng nguyên niên (1022) đời Tống Chân Tông, vua ban cho ngài hiệu là Từ Vân. Năm Thiên Thánh thứ hai (1024), Ngài dâng sớ xin triều đình chấp thuận đưa các tác phẩm của tông Thiên Thai vào Đại Tạng Kinh, được hứa khả. Cũng trong năm này, Ngài bèn soạn tác phẩm Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục nhằm lược thuật ý nghĩa chánh yếu của các bộ phái. Các tác phẩm chủ yếu của Ngài là Đại Di Đà Sám Nghi, Tiểu Di Đà Sám Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nguyện Nghi, Kim Quang Minh Tam Muội Nghi, Đại Thừa Chỉ Quán Thích Yếu, Triệu Luận Khoa Sớ, Kim Viên Tập, Thiên Trúc Biệt Tập v.v...

binh, há còn có tranh chấp nữa ư? Không còn! Tự mình không tranh chấp với chính mình! Bài văn này chúng ta đọc rất nhiều, có rất nhiều đồng tu thường xuyên niệm. Nay chúng ta cũng đọc đoạn văn này.

Nhất tâm quy mạng.

一心歸命。

(Một lòng quy mạng).

Vừa mở đầu đã chỉ điểm chúng ta. Quy Mạng cũng là Quy Y. Từ mặt chữ, có thể thấy là quy mạng so với quy y càng phải chân thành hơn, chân thành đến cùng cực. Quy (歸) là quay về, toàn bộ quay trở lại. “Nhất tâm quy mạng”, quy về đâu?

Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

極樂世界。阿彌陀佛。

Đây là người thực sự giác ngộ triệt để. Nếu không phải là người thực sự giác ngộ triệt để, sẽ không thể quy y hoàn toàn “Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật”. Thực sự làm được như vậy, cổ đức thường nói có hai loại người:

1) Một là người thượng căn lợi trí, họ hoàn toàn hiểu rõ Thật Tướng của các pháp, không ngờ vực mảy may. Vì thế họ có thể triệt để buông xuống vạn sự vạn pháp dù là thế gian hay xuất thế gian, “nhất tâm quy mạng”. Thượng căn lợi trí mà! Những ai vậy? Nay chúng ta thấy họ chính là Pháp Thân Bồ Tát trong pháp Đại Thừa. Nhất là Thập Địa Bồ Tát, từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, đúng là nhất tâm quy mạng.

2) Ngoài ra là hạng người hạ căn, ngu độn, ngạn ngữ thường nói là “ngu bất khả cập” (ngu không ai bằng). Hạng người hạ căn ngu độn ấy chúng ta không thể sánh bằng. Vì sao? Họ cũng nhất tâm quy mạng, hỏi đến đạo lý họ hoàn toàn không hiểu, thầy họ dạy bảo, họ bèn thật thà niệm Phật. Họ ngoan ngoãn niệm Phật, rõ ràng là một vọng niệm cũng chẳng có, hoàn toàn phó thác, nhất tâm quy mạng, họ thực sự làm được. Hỏi họ đạo lý gì họ cũng chẳng biết, thầy dạy tôi làm sao, tôi cứ làm như thế đó.

Cận đại, chúng ta đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục, thấy pháp sư Tu Vô, hoặc vị “pháp sư phơi nền” (tên họ vị này là gì trong nhất thời tôi

không nhớ, trước kia nhớ kỹ lắm)⁸¹. Ngoài ra, lão pháp sư Đàm Hu thường kể lão hòa thượng Đế Nhân có một đồ đệ làm nghề vá nồi, chưa hề đi học, không biết chữ, chất phác. Sư phụ bảo làm sao, bèn làm đúng y như thế, làm triệt để, suốt đời không hoài nghi. Họ thực sự tu tập không xen tạp, không gián đoạn, bèn thành công. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Khó nhất là những kẻ thượng chẳng phải thượng, hạ chẳng phải hạ, những kẻ được gọi là “lơ lơ lửng lửng” ở giữa là phiền toái nhất! Quý vị bảo họ không có trí huệ ư? Hình như cũng thông minh. Quý vị bảo họ thực sự có trí huệ ư? Họ nghi lự trùng trùng, người như vậy khó độ lắm! Chúng ta biết lúc đức Phật tại thế giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm là vì ai mà giảng vậy? Chính vì những kẻ này. Thượng trí, hạ ngu đơn giản lắm, đức Phật độ bọn họ chẳng tốn sức, độ rất dễ dàng. Ân đức của Phật đối với chúng ta lớn lao quá! Đọc đến đoạn văn của Từ Vân đại sư ở đây, chúng tôi có cảm xúc rất sâu! Phải thường nghĩ bản thân chưa thực hiện được chuyện nhất tâm quy mạng “*Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật*”! Bài Tịnh Độ Văn vẫn là văn cầu nguyện, cầu đảo, phát nguyện:

Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.

願以淨光照我。慈誓攝我。

(Nguyện dùng quang minh thanh tịnh chiếu đến con, dùng thệ nguyện từ bi nhiếp độ con).

⁸¹ Vị pháp sư này giữ nhiệm vụ Hương Đăng trong chùa Kim Sơn ở Dương Châu, quá thật thà đến nỗi ngờ nghệch. Ở Hoa Nam, vào mùa Xuân thường có mưa phùn khiến cho mọi vật ẩm mốc, tới đầu mùa Hè, mọi người bèn đem chần nệm ra phơi cho khỏi mốc. Ngay cả kinh điển trong Tàng Kinh Các cũng phải đem ra phơi, có người nói giỡn: “Nền (đèn cầy) cũng phải mang ra phơi, kéo mốc”. Sư tưởng thật mang toàn bộ nền ra phơi, khiến sập bị chảy tan hết. Đến tối khi tắt đèn thì toàn bộ nền dự trữ chỉ còn tim, vị Duy Na Sư hỏi ra, biết chuyện, mới biết Sư bị người khác lừa, không biết nói sao, tức quá mà ráng nhịn, mới bảo thầy ấy: “Thầy là người thông minh tốt đĩnh, tu Thiền ở đây sẽ phí lắm, hãy qua chùa Đầu Đà ở Ôn Châu nghe pháp sư Đế Nhân giảng kinh để hoằng dương Giáo Hạ”. Ngài Đế Nhân hỏi chuyện, biết là chùa Kim Sơn muốn tống khứ vị này đi, nhưng rất từ bi, bèn thiện xảo phương tiện dạy vị ấy: “Nay ngươi chưa đủ tư lương học Giáo, hãy hành khổ hạnh quét dọn nhà xí”. Vị ấy chăm chỉ quét dọn nghiêm túc suốt mười mấy năm. Về sau, có người hỏi: “Đã đến nơi đây học Giáo, sao không nghe pháp?” Sư nói: “Lão pháp sư bảo tôi không đủ tư lương, hãy hành khổ hạnh trước”. Một thời gian sau, biết Sư là người có tín tâm kiên định, lão pháp sư Đế Nhân bảo: “Nay ngươi có thể nghe Giáo từng chút được rồi đó”. Sư vâng lời, nghiêm túc học tập, về sau, trở thành một vị đại pháp sư lỗi lạc của chùa Đầu Đà.

Lời nguyện này rất linh, cảm ứng hết sức linh mãnh. Vì sao? Nhất tâm quy mạng mà! Nhất tâm là tâm chí thành, chân thành đến cùng cực. Trong tâm không xen tạp mảy may vọng tưởng nào, đương nhiên phân biệt, chấp trước không có. Đúng là thực sự không hoài nghi, không xen tạp, đây mới là nhất tâm. Nhất tâm cầu nguyện thì cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. “*Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã*”: A Di Đà Phật dùng ánh sáng Bát Nhã viên mãn rót ráo nơi tự tánh, quang minh ấy không nhiễm ô, vốn sẵn thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng bị nhiễm ô. Tâm tánh của Phật phóng quang, thế giới cũng phóng quang minh, thế giới là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh. Quang minh của thế giới là gì? Người Hoa gọi quang minh của thế giới là Khí. Người Hoa gọi là Khí hoặc Phong Thủy. Ở chỗ này, Phong Thủy tụ khí cực tốt, trong nhà Phật gọi là “*thế giới phóng quang*”, người ngoại quốc gọi là Từ Trường.

Địa cầu có từ trường của địa cầu, thái dương hệ có từ trường của thái dương hệ. Khoa học gia thường nói như vậy, chúng ta nghe đã quen tai. Thế giới phóng quang! Sát-độ (cõi Phật) phóng quang! Quang minh ấy chính là đức năng sẵn có của hết thảy các pháp, không từ bên ngoài đến, mỗi một chúng sanh đều có, không khác biệt, hoàn toàn tương đồng. Vậy thì tại sao lại có sự khác biệt rất lớn nơi sự tướng? Đức Phật dạy: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng, đản dĩ vọng tưởng chấp trước nhi bất năng chứng đắc*” (Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Đức Phật dạy rõ ràng, minh bạch như thế đó, vì sao quý vị bị mất quang minh? Vì có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khiến cho đức năng nơi tự tánh bị che lấp. Quý vị phải biết: Bị che lấp, chứ hoàn toàn chẳng bị mất đi. Giống như ngày mưa trời u ám, mây đen dày kịt che khuất thái dương, thái dương không mất đi, vẫn tồn tại, chỉ bị chướng ngại, che khuất, tỏa ánh sáng yếu ớt, chẳng thấy được đức dụng chói lợi viên mãn. Nguyên do là như vậy đó!

Nếu chúng ta trừ khử mây đen vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đức năng nơi tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Ánh thái dương lại chiếu khắp nơi. Nay chúng ta đang mê, tịnh quang của tánh đức bị khuất đi, nay cầu Phật gia trì, Phật quang chiếu gội, khiến chướng ngại của chúng ta bị hóa giải, đây là chuyện thật, không giả đâu! Nay chúng ta phải thực hiện cụ thể bằng cách nào? Phật quang chiếu đến ta, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều bị hóa giải; phiền não tập khí dần dần tiêu trừ, chuyện tốt! Phật quang nhiều quanh thân chúng ta, vấn đề là quý vị phải

tiếp nhận. Quý vị nói: “Tôi không thấy Phật quang, làm sao tiếp nhận?” Kinh sách ở đâu là Phật phóng quang tại chỗ đó. Do vậy, vì sao chúng tôi thường nghĩ phải ấn tống Đại Tạng Kinh hồng giới thiệu kho báu chân thật nhất (Pháp Bảo) trong thế gian và xuất thế gian cho hết thấy chúng sanh? “*Tịnh quang chiếu ngã*” đây!

Trong thời gần đây, lại có thêm một tầng chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Người hiện tại không học văn chương Văn Ngôn. Phải biết văn chương Văn Ngôn là một sáng tạo trí huệ khôn sánh của tổ tiên xa xưa Trung Quốc. Bởi lẽ, họ biết ngôn ngữ sẽ bị biến chuyển theo thời đại; nếu văn tự giống hệt như ngôn ngữ [thường nhật] thì người hiện thời nghe những lời cổ nhân nói sẽ chẳng hiểu gì. Văn tự cổ nhân viết nay ta không có cách gì đọc được, phải tìm chuyên gia, học giả khảo cổ, mà vẫn chưa chắc thực sự hiểu được ý nghĩa, đa số chỉ là suy đoán. Vì thế, lão tổ tông của người Hoa thông minh, tách rời ngôn ngữ và văn tự. Không cần biết ngôn ngữ biến hóa ra sao, văn tự quyết định không thay đổi. Chiêu này lợi hại lắm, văn tự là công cụ, dùng văn tự ghi chép lại những trí huệ và kinh nghiệm của tổ tiên xa xưa, truyền lại cho con cháu đời sau, khiến cho con cháu đời sau đọc đến văn tự cũng giống như trò chuyện trao đổi ở ngay trước mặt nhau. Đây là một phát minh hết sức vĩ đại, cả thế giới có dân tộc nước nào có được như thế đâu?

Hiện tại người ta không muốn học nữa, cho là văn chương Văn Ngôn khó khăn quá. Thật ra, văn chương Văn Ngôn không khó khăn chút nào hết, vô cùng dễ dàng! Không học thì khó, nếu quý vị học rồi sẽ không khó nữa. Xưa kia tôi đến Đài Loan, tôi còn thâm nhập được mười mấy bản, không nhiều, hình như mười hai, mười ba bản thôi, những bản văn ấy là sách giáo khoa của học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc. Trong những sách ấy, có sách dạy học trò Tiểu Học làm văn thời đầu Dân Quốc, tức là sách làm văn mẫu. Khi ấy, tôi thường dọn nhà trôi nổi khắp nơi, những cuốn sách ấy bị thất lạc, nay ước chừng chỉ còn năm, sáu quyển. Những loại văn chương dành cho trẻ nhỏ khoảng mười tuổi ấy nay sinh viên học khoa Văn của Đại Học chẳng những viết không được, mà đọc cũng thấy khó khăn, vẫn phải tra tự điển tìm tài liệu; chúng tôi sinh viên khoa Văn trong Đại Học hiện thời trình độ không bằng học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc!

Trẻ nhỏ độ mười tuổi còn có thể viết được văn chương, đương nhiên kinh Phật đối với bọn chúng chẳng khó khăn gì. Kinh Phật là loại văn Văn Ngôn đơn giản, rõ ràng nhất. Vào thời đầu Dân Quốc, với trình độ văn học như vậy, học trò Tiểu Học có thể đọc kinh là vì khi tổ sư đại

đức dịch kinh, các Ngài đặc biệt dùng loại văn tự đơn giản, rõ ràng nhất. Trong văn học sử Trung Quốc, văn tự được dùng trong kinh Phật được gọi là Biên Thể Văn. Nếu quý vị đem so với cổ văn, chẳng hạn như lấy bộ Cổ Văn Quán Chi ra so, bất cứ thiên văn chương nào trong Cổ Văn Quán Chi cũng phức tạp hơn kinh Phật. Kinh Phật có thể nói là văn Bạch Thoại của thời ấy, ý các tổ sư phiên dịch kinh đều mong mỗi kinh Phật được lưu thông phổ biến, chẳng bị văn tự gây chướng ngại. Nay không đọc được văn chương Văn Ngôn là tăng thêm một tầng chướng ngại. Hiện nay, trong những điều khó khăn, lại có thêm một chuyện khó khăn nữa! Hiện thời mọi người dùng lối viết Giản Thể, không biết Phồn Thể⁸², khó khăn lại nhiều thêm lên; có phải là rắc rối lắm hay không? Khiến cho Pháp Bảo thực sự vô thượng, là sách vở có thể giúp cho chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề thế gian và xuất thế gian càng ngày càng cách xa chúng ta! Nghĩ đến điều này đúng là khiến cho người ta đau lòng buốt dạ!

Bọn con cháu đời sau chúng ta quên mất ân đức tổ tiên, không biết tổ tiên dụng tâm khổ sở, yêu thương con cháu sâu đậm. Do vậy, nay chúng ta đọc đến câu “*tịnh quang chiếu ngã, từ thế nhiếp ngã*” ở đây, thì “*thế*” là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều nhằm giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, vắng sanh Tịnh Độ, một đời thành Phật. Phật có nguyện ấy, nay chúng ta có tâm, dùng chân tâm câu khấn, tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. Phải thực sự tương ứng, chúng ta phải giống với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Chúng ta đọc tụng kinh điển mỗi ngày, mỗi lần quý vị đọc tụng là một lần Phật quang chiếu soi, Phật quang chiếu rọi quý vị. Quý vị niệm Phật, mỗi câu Phật hiệu là một lần Phật quang chiếu đến.

Trong Mật Giáo có Đại Quán Đảnh, Quán Đảnh nghĩa là gì?

⁸² Giản Thể và Phồn Thể là hai cách viết chữ Hán. Giản Thể là những chữ Hán được bớt nét, cho dễ nhớ, dễ viết (chẳng hạn chữ Quảng (廣), chỉ giữ lại bộ Nghiễm, bỏ chữ Hoàng bên trong đi, viết thành 广), hoặc sử dụng những chữ đồng âm dị nghĩa (chẳng hạn chữ Vân (雲: mây) bên dùng chữ Vân (云: nói), hoặc chế ra những chữ mới đơn giản hơn chữ cũ (chẳng hạn Đăng (燈) viết thành 灯); còn Phồn Thể là viết đủ nét theo truyền thống. Lối viết Giản Thể được áp dụng chính thức tại Hoa Lục; còn Phồn Thể vẫn được sử dụng tại Đài Loan, Tân Gia Ba... Nói chung chữ Giản Thể tiện dụng, nhưng đánh mất vẻ đẹp cân đối hài hòa của chữ Hán, trông khá lệch lạc, què quặt, cũng như dễ gây hiểu lầm nếu đọc các văn bản cổ. Chúng tôi đã gặp một số đồng nghiệp đến từ Hoa Lục rất lúng túng khi phải đọc các văn bản viết bằng lối Phồn Thể.

Trong bản chú giải Vô Lượng Thọ Kinh, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giảng rất rõ ràng. Cụ vốn là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật tông, cụ giảng rất dễ hiểu. Trong từ ngữ Quán Đảnh, chữ Đảnh (頂) chỉ cho Phật pháp tối cao, đại pháp vô thượng chí cao. Quán (灌) là gì? Quán là truyền thụ. Nói cách khác, ý nghĩa thực sự của Quán Đảnh là đem vô thượng đại pháp truyền cho quý vị thì gọi là Quán Đảnh. Nay chúng ta biết vô thượng đại pháp là gì? Là Vô Lượng Thọ Kinh, là A Di Đà Kinh, vô thượng đại pháp đây!

Vào thời đại Tùy - Đường, những cao tăng đại đức là tổ sư các tông phái, hầu như đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, gọi Hoa Nghiêm là “*kinh trung chi vương*” (vua của các kinh). Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy về Tịnh Độ. Vì thế, tổ sư đại đức nói Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, những bộ kinh lớn ấy đều là những kinh chỉ dẫn [hành nhân học Phật] hướng về kinh Vô Lượng Thọ, những kinh to lớn chỉ dẫn quý vị hướng về kinh Vô Lượng Thọ, dẫn dắt quý vị quay về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng tôi thấy những lời ấy không sai chút nào, xác thực là như thế, dẫn dắt về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây phương Cực Lạc thế giới mới là bậc nhất trong những thứ bậc nhất, thù thắng khôn sánh.

Khi giới thiệu những bộ kinh lớn ấy, chúng tôi đã nói rất rõ ràng, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt chính là A Di Đà Phật và mười phương chư Phật Như Lai đã quán đảnh cho mình một lượt. Quý vị đọc hai lần là được quán đảnh hai lần. Trong một đời này, quý vị được chư Phật Như Lai quán đảnh không biết bao nhiêu lần! Thế mà vẫn không khai ngộ, vẫn cứ hồ đồ! Hãy nghĩ xem! Quý vị nghĩ xem: Nghiệp chướng sâu nặng quá, hằng ngày quán đảnh mà quý vị vẫn không khai ngộ. Do đây phải biết nghiệp chướng, tập khí, phiền não đáng sợ! Làm thế nào để tiếp nhận Phật quang chiếu gọi, tiếp nhận đại pháp quán đảnh? Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nói: “Phải trừ khử chướng ngại của chính mình!” Chúng ta có chướng ngại nghiêm trọng, chướng ngại mình, kim hãm mình, Phật quang không chiếu gọi được, không có cách gì tiếp nhận quán đảnh! Tôi thường khuyên các đồng học, không biết đã khuyên bao nhiêu lần, phải dẹp trừ ý niệm tự tư, tự lợi, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống. Nếu thực sự buông xuống được, chướng ngại sẽ không còn nữa, “*tịnh quang chiếu ngã*”, thực sự chiếu đến, “*từ thế nhiếp ngã*”,

thực sự có sức nhiếp thọ mà quý vị sẽ cảm nhận được. Dem đánh pháp (pháp vô thượng) rưới vào mình, mình cũng cảm nhận được.

Có thể nói là phiền não của quý vị mỗi tháng nhẹ đi, phiền não nhẹ đi theo từng tháng, trí huệ tăng trưởng theo từng tháng, pháp hỷ sung mãn, quý vị bèn hết sức vui vẻ, yêu thích học tập những pháp môn ấy. Vì sao? Quý vị thực sự được lợi ích, công phu quả nhiên đặc lực. Mỗi một tuần quý vị cảm thấy khác hẳn, tức là tuần nào cũng tiến bộ, rõ rệt, hiển nhiên. Lúc công phu đạt đến một mức độ cao, quý vị cảm thấy như thế nào? Mỗi ngày khác nhau. Ngày hôm nay khác với ngày hôm qua, ngày hôm qua khác hẳn ngày trước đó, tiến bộ nhanh chóng! Chỉ cần thực sự thực hiện, chuyện này mọi người đều bình đẳng, vốn sẵn bình đẳng, vấn đề là quý vị có chịu thực hiện hay không? Chịu buông xuống hay không? Mấu chốt là ở chỗ này. Thấy thấu suốt bèn buông xuống, buông xuống bèn thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt hỗ trợ buông xuống, buông xuống hỗ trợ thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt là trí huệ, buông xuống là công phu. Hễ buông xuống tâm bèn thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ.

Vì sao không chịu buông xuống? Vì sao đối với tập khí, phiền não vẫn tham đắm như thế? Phải thường ghi nhớ những gì đức Phật giảng trong hội Bát Nhã là sự thật: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”* (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), *“nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), phải thường suy tưởng! Vì sao? Để đối phó mê hoặc, tham luyến từ vô thủy kiếp đến nay. Quý vị không buông xuống được là vì mê hoặc, tham luyến, bất cứ gì vẫn muốn giành lấy. Thực sự thấu hiểu thì người ta có đưa cho mình, mình cũng không cần. Vì sao? Hư vọng! Không thật! Vạn pháp đều không, kể cả thân thể của chính mình cũng đều hư huyễn, chẳng thể được! Kinh Bát Nhã giảng rất hay: *“Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”* (hết thảy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Thực sự thực hiện những lời giáo huấn ấy của đức Thế Tôn trong cuộc sống thường ngày thì mỗi ngày quý vị có tiến bộ, ngày ngày tăng trưởng trí huệ, giống như trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã nói, Ngài thừa cùng Ngũ Tổ: *“Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ”*. Cảnh giới ấy không phải là ngày ngày sanh trí huệ, mà là niệm niệm sanh trí huệ! Đó là hạng người nào vậy? Pháp Thân Bồ Tát! Minh tâm kiến tánh, niệm niệm sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, phiền não không có, đoạn sạch sẽ rồi!

Vì thế, ở đây, chúng ta nhất định phải biết nhất tâm quy mạng,

nhất tâm cầu nguyện, cầu Phật gia trì, chúng ta sẽ tiến bộ rất nhanh. Cầu nguyện thì tự mình phải có hành động; không có hành động chỉ nói xuông thì là hư vọng, chẳng thể có cảm ứng, phải có hành động. Hành động như thế nào? Câu tiếp theo sẽ cho biết:

Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vị Bồ Đề đạo, cầu sanh Tịnh Độ.

我今正念。稱如來名。為菩提道。求生淨土。

(Con nay chánh niệm, xưng danh Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ).

Đây là thể hiện ra hành động, thực sự mong cầu. Niệm Phật nhằm loại bỏ, xa lìa tà niệm. Tà niệm là gì? Là tham luyến đối với hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường nói: Đối với hết thầy người, sự, vật, có ý niệm không chế, có ý niệm chiếm hữu, những ý niệm ấy là tà niệm, đâu phải là chánh niệm! Ý niệm tôn người lợi mình, ý niệm kiêu mạn, ghen ghét là tà niệm nghiêm trọng, thầy đều phải buông xuống. Chánh niệm là gì? Nhất tâm quy mạng, phát tâm Bồ Đề, chuyên cầu Tịnh Độ, đây là chánh niệm. Tiếp theo đó lại nói rất rõ ràng: “*Xưng Như Lai danh*”, chánh niệm đây! Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, đó là chánh niệm. Ý niệm thuận chánh, trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có một tà niệm nào xen tạp.

Ta xưng danh, ta cầu vãng sanh, ta hy vọng thành Phật đạo, nhằm để làm gì? “*Vị Bồ Đề đạo, cầu sanh Tịnh Độ*”. Bồ Đề đạo chính là thấu hiểu triệt để rốt ráo viên mãn chân tướng của nhân sinh vũ trụ, đó gọi là Bồ Đề đạo. Hiểu rõ rồi mới biết: Khấp pháp giới hư không giới chỉ là chính mình. Ai biết sự thật ấy? Không ai biết, chỉ có Pháp Thân Bồ Tát biết. Từ ngữ lục của Tông Môn, chúng ta nghe những người giác ngộ nói ra cảnh giới giác ngộ, họ nói: “*Hư không pháp giới thị sa-môn nhất chích nhĩn*” (Hư không pháp giới là một con mắt của sa-môn). Nghĩa là sao? Hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh và chính mình là một Thể, gọi là Pháp Thân, thanh tịnh Pháp Thân. Pháp là gì? Pháp là hết thầy các pháp; vì thế, đối với người thực sự giác ngộ hiểu thấu thì hết thầy các pháp là tự thân, là chính mình, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

Tâm hiện là Nhất Chân pháp giới, thức biến là mười pháp giới. Hoàn toàn là chính mình, giống như nằm mộng. Mộng cảnh hoàn toàn do chính mình tâm hiện thức biến, không có gì là pháp ngoài tâm cả! Vì vậy, nói: “*Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm*” (Ngoài tâm không

pháp, ngoài pháp không tâm). Tâm ở đâu? Tâm ở nơi các pháp. Pháp ở đâu? Pháp do Tâm hiện, Tâm và Pháp là một, không hai. Ngài A Nan tìm Tâm ở chỗ nào? Nói thật ra, về căn bản, Ngài cũng không hiểu, chẳng những không hiểu Chân Tâm, mà cũng không biết vọng tâm. Hiểu được một thứ thì hiểu hết thấy. Quý vị hiểu chân tâm bèn biết vọng tâm. Triệt để hiểu rõ vọng tâm sẽ thấu hiểu chân tâm. Vũ trụ là một, sống động, là chính mình. Chính mình đối với chính mình, lẽ đâu không yêu thương! Vì thế, Phật pháp nói: “*Đồng thể đại từ, vô duyên đại bi*”. Từ bi không có điều kiện, cũng không có đẳng cấp, bình đẳng.

Khắp pháp giới, hư không giới do chính mình tâm hiện thức biến; vì thế, trong hết thấy vạn pháp, vạn vật là chính mình, là tự phần! Có sao không thương tiếc? Ta tiếc quý tròng mắt của chính mình, chẳng để cho một hạt bụi tro nhiễm ô [tròng mắt]. Ta yêu mến thân thể mình, nay hiểu rõ rồi, yêu mến hết thấy cõi nước và chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Đây là Bồ Đề đạo! Vì vậy, cầu sanh Tịnh Độ chính là viên mãn rốt ráo Phật quả vô thượng Bồ Đề, ta vì điều đó mà cầu sanh Tịnh Độ. Đây chính là bổn nguyện của Như Lai, hy vọng hết thấy chúng sanh nhanh chóng thành Phật, hoàn toàn tương ứng với bổn nguyện của Như Lai.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ trong thời thứ ba:

Phật tích bốn thế: Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác.

佛昔本誓。若有眾生。欲生我國。志心信樂。乃至十念。若不生者。不取正覺。

(*Phật xưa đã thề: Nếu có chúng sanh muốn sanh cõi ta, chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh, chẳng lấy Chánh Giác*).

Chúng ta xem đoạn này. Đoạn này nhắc tới lúc A Di Đà Phật tu hành Bồ Tát đạo. Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đọc thấy, sau khi

Ngài xuất gia, trở thành tỳ-kheo Pháp Tạng, đối trước Tự Tại Vương Phật phát bốn mươi tám nguyện. Chữ “*bốn thế*” chỉ bốn mươi tám nguyện. Mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều nhằm dẫn dắt mười phương thế giới hết thảy chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ. Nguyện được nêu ở đây chính là nguyện thứ mười tám, bốn mươi tám nguyện quả thật lấy nguyện thứ mười tám làm trung tâm. Nguyện thứ mười tám nói gì? “*Thập niệm tất sanh*” (Mười niệm ắt được vãng sanh). Mười niệm này là mười niệm lúc lâm chung, giả sử một người cả đời chưa từng tiếp xúc Phật pháp, lúc lâm chung có ai dạy kẻ ấy niệm Phật; kẻ ấy chịu tiếp nhận, thực sự chịu niệm, cầu nguyện vãng sanh đều được vãng sanh, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn!

Vì thế, ở Nhật Bản nay có một tông phái mang tên Bốn Nguyện Niệm Phật. Nói thật ra, cổ nhân, cổ đại đức đề xướng bốn nguyện niệm Phật không sai, quyết định chính xác; nhưng con người hiện tại đề cao bốn nguyện niệm Phật lại là đầu cơ, mách khéo, không thể vãng sanh vì không có thành ý! Bốn mươi tám nguyện họ không cần biết đến, chỉ chuyên biết đến nguyện thứ mười tám, sai lầm rồi! Chúng ta xem lời khai thị của thiền sư Trung Phong ở phần trên: Phát nguyện! Pháp môn này là Tín - Nguyện - Hạnh, hội đủ ba điều kiện. Nguyện phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện, thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Lời ấy không phải chỉ mình Ngài nói mà tổ sư đại đức xưa nay đều nói như thế. Từ giáo pháp Đại Thừa chúng ta hiểu được ý nghĩa này, kinh Hoa Nghiêm thường nói: “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một). Đây là một nguyên tắc cơ bản bất biến trong Phật pháp. Do vậy, quý vị phải hiểu: “***Mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện nhất định phải bao hàm bốn mươi bảy nguyện kia, thiếu một nguyện thì Nguyện sẽ không viên mãn, bị khiếm khuyết!***”

Do con người hiện tại không hiểu đạo lý này, cho là trong bốn mươi tám nguyện chỉ cần nguyện thứ mười tám là được rồi, lâm chung mười niệm ắt vãng sanh, những thứ khác không cần đến. Trơ trọi một mình nguyện ấy, không có bốn mươi bảy nguyện kia thì nguyện ấy chẳng thể thành lập. Vì sao nói cổ đức không sai lầm? Bốn mươi tám nguyện cổ đức biết cả, nguyện mười tám này bao hàm trọn vẹn bốn mươi bảy nguyện kia, dầu một nguyện cũng không thiếu, đây là đúng! Do vậy, không sai. Người hiện thời không hiểu, nói khó nghe hơn là dạy chúng sanh sai lầm, [khiến cho] những chúng sanh hảo tâm ấy cuối cùng chẳng được vãng sanh. Chuyện này xưa nay tổ sư đại đức không ngừng

cảnh tỉnh chúng ta, chỉ sợ chúng ta hiểu lầm ý nghĩa: [Nhiều người cứ tưởng] bình thời không học Phật, ăn uống, vui chơi, đến khi lâm chung niệm Phật là được, có gì lúc bình thường cứ phải nhọc nhằn? Tợ hồ niệm Phật tiện nghi như thế đó! Xưa nay đại đức khuyến dạy chúng ta: Lâm chung mười niệm phải hội đủ ba điều kiện, lúc lâm chung quý vị có đủ ba điều kiện ấy hay không?

1) Thứ nhất, lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc, không điên đảo, điều này quý vị có làm được hay không? Quý vị hãy chú tâm quan sát những người mắc bệnh rất nặng, cái chết gần kề. Quý vị thấy đại đa số ngay cả người nhà mà họ còn không nhận biết được, mê hoặc, điên đảo. Trong tình huống ấy, thậm chí một niệm trong mười niệm ấy còn không khởi tác dụng, chẳng thể niệm được! Con cái, cháu chắt mà họ còn không nhận biết, đều không biết, làm sao biết đến A Di Đà Phật cho được? Không thể nào! Vì thế điều kiện đầu tiên này hết sức khó khăn. Lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo là đại phước báo, quý vị có đạt được phước báo này hay chăng? Quý vị có đảm bảo lúc ấy ra đi rất sáng suốt, tỉnh táo hay không?

Nhất là trong hiện tại, trong xã hội hiện thời chúng ta thường nghe nói tới chứng bệnh si ngốc ở tuổi già (Alzheimer's disease), mắc bệnh si ngốc lúc tuổi già ấy là xong, không còn hy vọng gì nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có người si ngốc, kinh Di Đà giảng rất rõ ràng: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về nước ấy). Nói cách khác, phàm ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người đại thiện căn, đại phước đức. Đại thiện căn, đại phước đức thì làm sao si ngốc được? Không có đạo lý ấy! Si ngốc là nghiệp chướng hiện tiền! Vì thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta: Lúc còn sống tu phước, tu huệ. Quý vị có phước, có huệ thì lúc lâm chung mới được sáng suốt, minh mẫn, mới không bị si ngốc. Quý vị hãy nghĩ xem mình có nắm chắc được điều kiện đầu tiên này hay không?

2) Điều kiện thứ hai: Trong lúc khẩn yếu, lúc sắp mất, lúc sắp thở hắt ra hơi cuối cùng, lúc ấy phải gặp được thiện tri thức khuyến quý vị niệm Phật. Lúc đó quý vị có chắc chắn gặp được người như vậy cảnh tỉnh quý vị hay không? Nếu lúc ấy không có ai cảnh tỉnh, dầu tỉnh táo vẫn không thể vãng sanh. Lúc ấy phải có người cảnh tỉnh, nay chúng ta gọi là “trợ niệm”. Tự mình có công phu thực sự thì có thể không cần đến người khác trợ niệm; nếu tự mình không có công phu thì trợ niệm rất

quan trọng, bên cạnh có người cảnh tỉnh. Đây là điều kiện thứ hai.

3) Điều kiện thứ ba, người ta cảnh tỉnh, quý vị bèn lập tức tin tưởng, có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, nói dễ dàng sao? Phiền não rành rành, người khác cảnh tỉnh, khuyên quý vị niệm Phật, vẫn cứ nửa tin, nửa ngờ, lúc ấy làm sao có thể tin tưởng được? Làm sao có thể phát nguyện được? Vì thế, trên mặt lý luận thì “mười niệm ắt vãng sanh” chẳng có vấn đề gì, chứ xét theo sự thật thì khó khăn lắm!

Nhưng trên thực tế, có ai như vậy hay không? Có chứ! Đúng là trong vạn ức người khó tìm được một kẻ! Đối với người như vậy, tổ sư đại đức nói rất hay: Chẳng phải là ngẫu nhiên, người ấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tu pháp môn Niệm Phật, thiện căn rất sâu dày, chỉ vì trong một đời này không gặp được thiện duyên, mê hoặc, đúng là “*cận châu giả xích, cận mặc giả hắc*” (gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen), trong một đời này không gặp được Phật pháp, bị hoàn cảnh nhiễm ô, nhưng đến lúc lâm chung, có người cảnh tỉnh như thế, thiện căn và phước đức sâu dày trong đời quá khứ lập tức hiện tiền, bèn tiếp nhận, ra đi như thế không phải là chuyện ngẫu nhiên! Cách giải thích này phù hợp lời Thiện Đạo đại sư đã giảng trong Quán Kinh Tứ Thiếp Số, Thượng Phẩm Thượng Sanh Chương. Ngài nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bốn cõi, ba bậc, chín phẩm “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (toàn là do gặp duyên khác nhau). Câu nói này rất hay, toàn là do gặp duyên khác nhau. Suốt một đời này, quý vị chẳng gặp được thiện tri thức, không gặp được nhân duyên tốt, dầu trong quá khứ có thiện căn và phước đức sâu dày vẫn chẳng thể hiện tiền.

Vì thế, chúng ta phải thực sự nắm vững chuyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, lúc lâm chung muốn có thể đảm bảo chính mình tinh táo, sáng suốt thì phải hạ công phu ngay trong hiện tại, phải thực hiện công tác chuẩn bị. Công phu ấy chính là đoạn ác tu thiện, đoạn ác tu thiện là phước báo. Lâm chung không bị bệnh khổ rõ ràng là phước báo, quý vị phải có phước. Hiện thời có phước đừng nên hưởng, hưởng hết phước báo ấy thì lâm chung không có phước. Hiện tại có phước báo thì phải nhường phước ấy cho người khác hưởng, cúng dường đại chúng, phước báo càng lớn. Chúng ta mong cầu phước báo đến lúc nào mới hưởng? Lúc lâm chung sẽ hưởng. Lúc lâm chung tâm không điên đảo, ý không tán loạn, rõ ràng, minh bạch, đây là đại phước báo thù thắng khôn sánh. Bởi lẽ, thời khắc quan yếu ấy dính líu đến đời sau, đời sau phải đi theo Phật đạo chứ không đi vào lục đạo.

Vì thế, ngàn vạn, ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm ý nghĩa mười

niệm, chẳng nên có tâm lý cầu may. Hiện tại có không ít kẻ tu Bồ Đề Niệm Phật, tự quý vị phải suy nghĩ cho kỹ: Tốt nhất là xem kinh, nghe kinh cho nhiều, thấu hiểu đạo lý này. Pháp thế gian cầu may còn chẳng thể thành tựu, huống chi đại pháp thành Phật! Tâm cầu may, tâm đầu cơ, mách mung, lẽ đâu có chuyện tiện nghi dường ấy! Chính mình phải suy nghĩ, dẫn dụng thế nguyện của Phật, nay nguyện vọng của chúng ta tương ứng với thế nguyện của Phật.

“*Nhược hữu chúng sanh*” (nếu có chúng sanh): Phạm vi rất lớn, lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật trọn pháp giới, hư không giới, chủ yếu là đối với lục đạo chúng sanh mà nói. “*Dục sanh ngã quốc*” (muốn sanh về cõi ta), “*dục*” là bằng lòng, là hướng theo, mong mỗi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp đó, kinh vẫn nói đến điều kiện quý vị phải hội đủ: “*Chí tâm tín nhạo*” (Chí tâm tin ưa). Chí tâm tin ưa là giống như một câu văn ngay trong thiên phát nguyện này: “*Nhất tâm quy mạng*”. Nhất tâm quy mạng mới là thực sự chí tâm tin ưa. Chí tâm có thể hiểu là tâm chân thành, cũng có thể hiểu là chí nguyện, nguyện tâm; chí tâm là nguyện tâm. Ta tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật có Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật có chuyện A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh, tin chính mình thực sự hội đủ điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đầy đủ ba thứ tin tưởng như vậy mới gọi là tín tâm thành tựu. “*Nhạo*” (樂) là ưa thích, hoan hỷ, tức là có Tín, có Nguyện. Trong Di Đà Yêu Giải, đại sư Ngẫu Ích bảo chúng ta: Điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tín - nguyện: “*Chân tín, thiết nguyện, tất định đắc sanh*” (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nhất định được vãng sanh). Tiếp đó, Ngài nói công phu niệm Phật sâu hay cạn liên quan đến phẩm vị sẽ sâu hay cạn. Người có công phu niệm Phật sâu thì phẩm vị cao, người có công phu niệm Phật cạn thì phẩm vị thấp. Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn: “*Đắc sanh dữ phủ, tại tín nguyện chi hữu vô*” (Được vãng sanh hay chẳng là do tín - nguyện có hay không?). Đối với ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh ấy, lâm chung mười niệm thì mười niệm chính là Hạnh, cũng đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh; dầu cho lâm chung một niệm thì niệm ấy cũng là Hạnh, ba điều kiện được tương ứng.

Hai câu sau chúng ta nghe đã quá quen, rất quen thuộc: “*Nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu [hành nhân Tịnh Độ đã đầy đủ những điều kiện như đã nói trên đây] mà chẳng được sanh [về Cực Lạc], chẳng lấy Chánh Giác). [A Di Đà] Phật đã từng phát nguyện như thế, nếu ai hội đủ những điều kiện ấy mà không thể vãng sanh thì Pháp Tạng

Bồ Tát chẳng thành Phật, “*thành Chánh Giác*” chính là thành Phật. Pháp Tạng Bồ Tát nay đã thành Phật nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành A Di Đà Phật, thành Phật đến nay đã mười kiếp. Nói cách khác, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện của Ngài cũng đều được thực hiện hoàn tất; nếu còn một nguyện nào chưa hoàn tất, Ngài không thể thành Phật. Câu nói này có ý nghĩa rất sâu, nhất định phải hiểu: Một nguyện chưa hoàn tất thì chẳng thể thành Phật, chứ không phải chỉ có một nguyện thứ mười tám. Ở đây, thiền sư Trung Phong khai thị rất hay: Nếu nhất định tương ứng với mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện thì quý vị sẽ tương ứng với nguyện thứ mười tám. Sao lại có thể chuyên giữ lấy một nguyện, vứt bỏ bốn mươi bảy nguyện kia, A Di Đà Phật làm sao thành Chánh Giác cho được? Nghĩa lý kinh Phật luôn giảng hết sức viên mãn, chính chúng ta phải chú tâm đọc tụng, quan sát, chẳng thể nhìn lệch lạc. Nếu quý vị nhìn lệch lạc, hiểu sai, nguyện vọng muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này sẽ chẳng đạt được, uổng công mất rồi! Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo:

Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai đại thế hải trung.

以此念佛因緣。得入如來大誓海中。

(Do nhân duyên niệm Phật này được vào trong biển đại thế của Như Lai).

Do đức Phật đã từng phát nguyện ấy, nay chúng ta phát tâm tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật, nay chúng ta nghiêm túc niệm Phật. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm nhằm mục đích giúp cho chúng ta trong một đời viên mãn thành Phật. Đây là tấm lòng của đức Phật, là ý của đức Phật. Thế nhưng đức Phật giáo hóa chúng sanh hy hữu nhất là tùy duyên, đức Phật không phan duyên. Từ mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh giáo, quý vị thấy “*tùy hỷ công đức, hằng thuận chúng sanh*”. Tùy hỷ, hằng thuận, Phật chẳng mảy may miễn cưỡng hết thầy chúng sanh. Vì thế, quý vị thích pháp môn nào, Ngài giảng cho quý vị pháp môn ấy. Quý vị thích tu pháp nào, Ngài dạy quý vị tu pháp môn ấy. Ngài không nói pháp môn này hay hơn pháp môn nọ, trong hết thầy kinh điển quý vị chưa hề thấy đức Phật nói như vậy. Tùy thuận căn tánh của mỗi người, tùy thuận duyên phận của mỗi người từ vô thủy kiếp đến nay.

Mỗi cá nhân trong một đời, như nay chúng ta ưa thích pháp môn

này, chẳng phải là chuyện trong một đời này đâu nhé! Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ đã từng tu học pháp môn này, vừa được tiếp xúc bèn sanh lòng hoan hỷ, các pháp môn khác quý vị tiếp xúc rất nhiều, nhưng tâm hoan hỷ không sanh khởi, vì nguyên nhân nào? Vì cảm thấy không thân thuộc. Từ trước đến nay chưa từng qua lại, còn pháp môn này rất quen thuộc. Bởi vậy, hết thầy chúng sanh căn tánh không giống nhau, chí thú khác nhau, yêu thích khác nhau, đức Phật có thể tùy thuận bởi tâm Phật thanh tịnh. Đức Phật làm như thế, đúng là độ chúng ta. Vì sao chúng ta chẳng thể tự độ mình? Ta đối với pháp môn này hoan hỷ, khuyên người khác cũng tin theo pháp môn này, người ấy cũng tin theo pháp môn này. Nếu lúc người ấy không tin, chính mình sanh phiền não là xong rồi! Phiền não tập khí vừa hiện khởi bèn bị đọa lạc. Quý vị phải giống như đức Phật, tâm lòng mở rộng, tùy thuận lòng người ta ưa thích, mới tốt! Bất luận học pháp môn nào cũng tốt cả, không có gì chẳng tốt. Quý vị thấy bụng dạ của mình rộng rãi hơn nhiều, thanh tịnh bình đẳng lắm; như vậy là tự độ.

Sự thị hiện của đức Phật mang ý nghĩa rất sâu, khiến cho chúng ta trông thấy bèn giác ngộ, chúng ta phải học theo đức Phật, chớ có chấp trước. Nếu người ta muốn học theo những pháp môn khác, ta có năng lực giúp đỡ kẻ đó, như Thích Ca Mâu Ni Phật có năng lực: Quý vị muốn học Thiền bèn dạy Thiền, mong học Mật bèn dạy Mật, muốn học Luật bèn dạy Luật, bất luận muốn học pháp môn nào, đức Phật đều có năng lực dạy, toàn tri toàn năng! Do vậy, đức Phật có thể phổ độ chúng sanh, chúng ta không có được trí huệ và năng lực như thế, chỉ có thể học pháp môn này.

Người khác muốn học những pháp môn khác, chúng ta bèn giới thiệu người khác cho họ. Trong phần trên, tôi đã nêu thí dụ rồi đó: Có ai muốn học Thiền, tôi đều giới thiệu đến học với pháp sư Thánh Nhất, tôi biết Ngài là bậc đại đức trong Tông Môn. Ngài là một vị pháp sư giỏi, chuyên tu, chuyên môn tham Thiền. Tôi hết sức kính ngưỡng Ngài. Quý vị muốn học Thiền tôi đều giới thiệu đến chỗ Ngài học. Muốn học Duy Thức, trong quá khứ tôi giới thiệu đến học với pháp sư Diễn Bồi, Ngài chuyên tu học Pháp Tướng Duy Thức tông. Tôi giới thiệu người khác, không nhất định cứ phải lôi kéo: “Pháp môn ấy tu không tốt đâu, chẳng bằng pháp môn này đâu!” Chẳng thể nói như vậy được, nói như thế không phải là ý Phật. Nói như vậy thì trong tâm mình phải mang gánh, mang gánh những gì? Gánh lấy nhân quả, tâm của chính mình không thanh tịnh, bình đẳng.

“*Pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp*”, bất bình đẳng là vì chúng sanh căn tánh không bình đẳng, phước đức của chúng sanh bất bình đẳng, nhân duyên của chúng sanh bất bình đẳng, chứ pháp môn quyết định là bình đẳng. Mình là hạng người căn tánh như thế nào, pháp môn nào thích hợp cho mình, tự mình phải hiểu rõ ràng, thâm nhập một môn, trường thời huân tu, không ai chẳng thành công. Nếu quý vị muốn thành tựu, viên mãn thành Phật trong một đời này, quyết định phải buông bỏ hết thảy ô nhiễm thế gian và xuất thế gian, phải buông tập khí phiền não xuống. Những thứ ấy chướng ngại tâm tánh và sự tu học của chúng ta. Người thực sự học đạo công phu đặc lực, tâm cảnh của người ấy vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn khoái lạc, quyết định chẳng nảy sanh phiền não.

Không những học đạo, mà những Nho sĩ đọc sách ở Trung Quốc trong quá khứ, họ đọc sách cũng hiểu rõ đạo lý! Quý vị thấy Luận Ngữ là sách ghi chép ngôn hạnh cả một đời của Khổng phu tử, câu thứ nhất là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui ư?) Từ kinh nghiệm một đời của Khổng lão phu tử, tất cả hết thảy pháp trong thế gian này, nay chúng ta gọi là tất cả hết thảy nghề nghiệp thế gian, tất cả hết thảy sự nghiệp, nghề gì tốt nhất? Quý vị hãy xem điều tâm đắc của Khổng lão phu tử lão nhân gia, Ngài nói: “*Ngô thường chung nhật bất thực*” (Ta thường suốt ngày không ăn), ta cả ngày không ăn cơm, “*chung dạ bất tâm*” (suốt đêm không ngủ), “*dĩ tư*” (để suy nghĩ), suy nghĩ rất kỹ, nghĩ đến rốt ráo, “*bất như học dã*” (không gì bằng học cả). Đây chính là sự sung sướng nhất trong thế gian, bất cứ sự nghiệp nào, bất cứ nghề nghiệp nào chẳng bằng học! Học xong là dạy! Nói như bây giờ là theo đuổi nghề dạy học, nghề này thanh cao, nghề ấy vui sướng, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*”. Trong nền giáo dục thời cổ, học những gì? Học theo hiền thánh, đọc sách chỉ muốn làm hiền thánh. Cổ nhân Trung Quốc đọc sách cầu học nhằm mục đích gì? Mục đích là muốn chính mình trở thành thánh nhân, thành hiền nhân; mục đích ấy chính xác, nhà Phật chúng ta gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”.

Cả một đời đức Phật dạy dỗ, theo đuổi công tác dạy dỗ, mục đích dạy dỗ của Phật chúng ta có thể quy nạp thành ba câu. Câu thứ nhất là giúp cho hết thảy chúng sanh “*chuyển ác thành thiện*”, đây là mức thấp nhất, nhằm nói với mọi người bình thường. Những ai thiên phận cao hơn một chút, thông minh linh lợi thì giúp cho họ “*chuyển mê thành ngộ*”. Kẻ lợi căn bậc nhất thì thành tích cao nhất, nâng cao hơn một bậc nữa,

giúp cho họ “*chuyển phàm thành thánh*”, đây là mục đích giáo dục. Ngày nay phiền phức rất lớn, hiện thời giáo dục không còn nữa, trường học rất nhiều, nhưng dạy điều gì? Dạy danh văn lợi dưỡng. Trường học ngày nay nhắm tới mục đích cầu danh, cầu lợi, chứ không phải là làm hiền làm thánh, giáo dục hiền thánh không còn nữa. Do vậy thế giới động loạn, tai nạn dồn dập, rất nhiều tôn giáo ngoại quốc nói đến chuyện tận thế. Chúng ta thấy hiện tượng xã hội hiện thời đúng là giống như những điềm báo trước ngày tận thế, rất đáng sợ!

Giáo dục của Trung Quốc lẫn ngoại quốc trong mấy ngàn năm đều lấy thánh học làm chủ đạo, tức là học làm thánh, làm hiền là chuyện sung sướng nhất. Bởi thế, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi thường tu tập, cũng chẳng sướng sao), pháp hỷ sung mãn. “*Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn từ xa đến, cũng chẳng vui sao?) “*Bằng*” (朋) ở đây là ai? Là người truyền pháp. Học thuật, đạo đức của quý vị có người kế thừa, vui sướng lắm! Sự nghiệp nơi pháp thế gian phải có người kế thừa, sự nghiệp của quý vị thực sự có thành tích. Dầu một đời quý vị làm tốt đến cách mấy, về sau không có ai kế thừa, mình mất đi là xong, sự nghiệp thành tích cũng như không. Đạo học cũng thế, đạo học phải có người kế thừa, có truyền nhân. Truyền thừa quan trọng nhất, đời đời truyền nhau. Ở Trung Quốc, trong nhà Phật có rất nhiều tông phái là tổ tổ tương truyền, cái được truyền là đạo, là đức. Cận đại, trong thế kỷ này, dường như đã đoạn tuyệt, đều là hiện tượng của ngày tàn.

Ân Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới tái lai, đại từ, đại bi, hy vọng cứu vãn kiếp nạn này, Ngài dùng phương pháp gì để cứu vãn? Ngài dạy chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp học tập tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc gồm mười sáu chữ “*đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ). Tổ sư Tịnh Độ tông dạy như vậy đó! Đối với quảng đại quần chúng, dù không tu Tịnh Độ đi nữa, tu theo những tông phái khác, hai câu đầu nhất định phải tuân thủ. “*Đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành*” chính là đạo đức. Đôn luân tận phạt là đạo, đại đạo; nhàn tà tồn thành là đức. Bất luận tu học một tông phái nào, chẳng thể không có đạo đức. Không có đạo đức thì chẳng phải là Phật pháp, mà là ma pháp!

Đối với sự truyền thừa Phật pháp, Ngài nói hết sức hay: Lập đạo tràng nhỏ, đồng tu không được quá hai mươi người, không hóa duyên,

nhất định phải nhớ điều này, quyết định chẳng được hóa duyên, chẳng được quyền mộ. Vì sao? Tâm định. Thường phải động cân não để hóa duyên, để quyền mộ, tâm sẽ vĩnh viễn không định, tâm không định là xong luôn! Tâm muốn định thì đừng hóa duyên, không làm pháp hội, không truyền pháp, không thu đồ đệ, không truyền giới, không làm kinh sám Phật sự, chuyên môn niệm Phật tu Tịnh Độ. Phương pháp này hay lắm, tâm quý vị định được. Chúng tôi là truyền thừa trực tiếp của Ấn Quang đại sư, lão cư sĩ Lý Bình Nam thầy tôi là học trò của pháp sư Ấn Quang, chúng tôi được truyền thừa từ cùng một mạch, quyết định tuân thủ sự giáo huấn của thầy. Vì thế cái đạo tràng nhỏ này của chúng ta xây cất sắp hoàn tất, đạo tràng nhỏ bé như vậy, chúng thường trụ tuân theo nguyên tắc của thầy “không quá hai mươi người”, đây là nói về chúng xuất gia chúng tôi không đông hơn hai mươi người. Mọi người khéo ở cùng một chỗ niệm Phật, dạy học.

Niệm Phật là vì chính mình, để chính mình được vãng sanh. Dạy học là truyền pháp, chúng tôi hy vọng thánh giáo của Như Lai được truyền từ đời này sang đời kia, có người kế tục. Học Giáo là ngày ngày giảng kinh, hằng ngày giảng kinh có khó khăn, vì sao? Viết bài giảng không kịp. Vì thế, trong đạo tràng nhỏ này của chúng ta, học Giáo thì mỗi tuần tối thiểu giảng kinh hai lượt, quý vị lên giảng đài giảng hai lần. Mỗi lần giảng hai tiếng, hai lần là bốn tiếng. Mỗi tuần là bốn giờ, đại khái quý vị có thể soạn bài giảng được. Một giờ phải viết một vạn chữ, một tuần viết bản thảo dài bốn vạn chữ được. Thường trụ có chuyện gì quý vị cũng không quan tâm tới, chuyên môn học kinh giáo, lên tòa giảng cho mọi người chúng ta nghe. Mọi người chúng ta nghe không vừa ý, quý vị bèn bị gạch tên, bỏ tên quý vị ra, lại có người khác muốn học bèn bổ sung vào đó. Danh sách ghi tên đủ rồi, người ngoài muốn tham dự cũng không ghi tên được, khác nào chúng ta khai trừ. Do vậy, nếu quý vị không dụng công thì không phải là chân chánh học Giáo, không dụng công nơi học vấn, nơi đạo đức, rất dễ bị khai trừ!

Xưa kia, Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn có Tuyển Phật Điện để tuyển lựa. Ở đây, chúng ta cũng tuyển Phật, không hội đủ trình độ bèn bị đào thải. Vì thế, quý vị nhất định phải dụng công, chẳng thể có tạp niệm, cũng chẳng thể có tạp sự. Người đến hầu hạ, phục vụ cho quý vị đồng đường ấy, nếu quý vị không thành tựu đạo đức, học vấn, tức là mình coi thường những người ấy, quý vị chỉ đành nhanh chóng ra đi, nhường chỗ cho người khác. Ở đây không nói chuyện tình cảm, nếu nói tình cảm thì Phật pháp bị hủy diệt do chính quý vị, chúng ta cần phải nghiêm ngặt

tuyên thủ giáo huấn của tổ Ấn Quang, hy vọng trong vòng mười năm ở nơi đây sẽ có được mấy nhân tài xuất hiện. Không cần nhiều! Có được dăm ba vị là chúng ta thành công rồi. Phải khổ luyện, khổ học!

Chúng ta do nhân duyên niệm Phật này “*đắc nhập Như Lai đại thế hải trung*” (được vào trong biển đại thế của Như Lai), tức là bốn mươi tám nguyện. Tâm nguyện, tư tưởng, hành trì của chúng ta tương ứng với Phật tức là tương ứng với kinh giáo. Kinh điển dạy chúng ta như thế nào, chúng ta đều phải thực hiện, phải làm cho được. Có như vậy thì mới có thể tương ứng với từng nguyện trong bốn mươi tám nguyện, tương ứng chính là “*nhập Như Lai đại thế hải trung*” (vào trong biển đại thế của Như Lai). Nếu tương ứng với bốn mươi tám nguyện mà chỉ tương ứng được một nửa, còn một nửa vẫn chưa tương ứng thì không được rồi! Nguyện nào cũng tương ứng, chẳng thể có nguyện nào không tương ứng, đấy mới là “*nhập Di Đà nguyện hải*”. Lúc ấy đương nhiên sẽ...

Thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.

承佛慈力。眾罪消滅。善根增長。

(Nương từ lực Phật, các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng).

Đây là điều khẳng định. Được từ lực của Phật gia trì. Từ lực nào của Phật gia trì? Chính là kinh giáo của Phật gia trì. Chúng ta biến những tư tưởng trong kinh giáo thành tư tưởng của chính mình, bình thường chính mình suy nghĩ lung tung nay đều buông bỏ hết. Buông xuống những thành kiến của chính mình, buông xuống cách nghĩ và cách nhìn của chính mình; cách nói và cách làm tùy thuận lời giáo huấn của Phật, tùy thuận kinh giáo, biến những đạo lý trong kinh giáo thành tư tưởng của chính mình. Những giáo huấn trong kinh giáo biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đó là “*học Phật*”, học giống lắm. Phật là tấm gương, là khuôn mẫu cho chúng ta, ta phải học giống hệt như Ngài. Dù chẳng thể học hoàn toàn giống hệt như Ngài, nhưng cũng phải tương tự. Học như vậy thì mới chẳng luống uổng! Chúng ta tiếp nhận mười phương tín chúng cúng dường. Tôi vừa mới nói rồi đó, nếu chẳng đạt đến cảnh giới ấy thì như cỏ nhân đã nói rất hay:

Thí chủ nhất lập mễ,

Đại như Tu Di sơn,

Kim sanh bất liễu đạo,

Phi mao đới giác hoàn!
(Một hạt gạo thí chủ,
To như núi Tu Di,
Đời này không liễu đạo,
Mang lông, đội sừng đèn!)

Quý vị mắc quả báo, lúc chịu xong quả báo, vẫn phải đền nợ. Những năm qua, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Một bát cơm xuất gia khó nuốt lắm, khó hơn kẻ ăn mày xin cơm nhiều!*” Kẻ ăn mày xin cơm được người ta thí cho, không phải đáp đền. Còn ở đây là người ta đến trồng phước. Tam Bảo là ruộng phước, họ đến gieo phước! Quý vị có phải là phước điền hay không? Người ta có thực sự gieo phước được hay không? Nếu người ta không gieo phước được, người ta sẽ tính sổ với mình. Do vậy, ở đây “*thừa Phật từ lực*” (nhờ vào từ lực của Phật). Phải biết: Từ lực của Phật chính là kinh giáo, quang minh của Phật cũng chính là kinh giáo. Ngày ngày chẳng tách rời kinh giáo, ngày ngày đọc kinh, ngày ngày nghiên cứu kinh giáo, ngày ngày ở đây nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, phóng quang đây! Phật phóng quang phổ chiếu nơi đây!

“*Chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng*” (các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng): Hai câu này suy nghĩ sẽ biết ngay. Quý vị buông bỏ những tập khí phiền não nơi bản thân, hết thấy tùy thuận lời giáo huấn của Phật, đương nhiên tội tiêu diệt, tự nhiên thiện căn tăng trưởng! Thiện căn là gì? Tội là gì? Gốc của tội là tham - sân - si; bởi thế, tam độc phiền não là tội căn (gốc tội). Thiện căn là gì? Tương phản với tội căn là thiện căn. Vô tham, vô sân, vô si là ba thiện căn. Tham - sân - si trừ rồi, vô tham, vô sân, vô si hiện tiền, tất cả hết thấy thiện pháp thế gian đều sanh khởi từ ba thiện căn này. Tham - sân - si không còn, phiền não bèn đoạn, tội bèn diệt. Điều này các đồng học chúng ta phải hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày phải kiểm điểm.

Thực hiện công khóa sáng tối, khóa sáng tụng kinh nhằm lay tỉnh chính mình. Quý vị nhìn vào nghi thức tụng niệm của chúng ta sẽ hiểu ngay, Tịnh Tông Học Hội thành lập, tôi cho soạn một cuốn nhật tụng, bản khóa tụng này do thầy Ngô Hạnh phụ trách, tôi bảo thầy ấy soạn. Kinh đọc trong khóa sáng là bốn mươi tám nguyện [trích từ] kinh Vô Lượng Thọ. Nói đến đây, trong tâm quý vị ta vỡ lẽ, bèn hiểu rõ vì sao lại dùng bốn mươi tám nguyện làm kinh văn khóa sáng? Khóa tối chúng tôi dùng phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ,

tôi chỉ chọn hai đoạn kinh văn ấy. Khóa sáng để cảnh tỉnh chính mình, suốt ngày hôm nay tư tưởng và hành trì của chính mình phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện. Kinh văn khóa tối là Ngũ Giới, Thập Thiện khiến cho chúng ta phản tỉnh, đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật bảo chúng ta đừng làm, chúng ta có trái phạm hay không? Đây là tu sám hối!

Đức Phật dạy chúng ta làm gì mà nếu chúng ta chưa làm, ngày mai nhất định phải làm. Phật dạy chúng ta không được trái phạm điều gì, chúng ta phạm phải thì ngày mai nhất định phải răn dè. Đây chính là công đức của khóa tụng sáng tối, khóa tụng sáng tối nhằm diệt tội sanh thiện. Khóa tụng sáng tối không phải là để niệm cho Phật, Bồ Tát nghe. Đối trước Phật, Bồ Tát tụng khóa niệm sáng tối với ý nghĩa nhờ Phật, Bồ Tát trông chừng, đốc thúc, chứng minh cho chúng ta: Ta có y giáo phụng hành hay không? Đó chính là “*thừa Phật từ lực*” (nương vào từ lực của Phật) gia trì, thực sự gia trì, không giả chút nào, trong đây không có mảy may mê tín. Phật, Bồ Tát dùng sự giáo huấn để gia trì chúng ta, bản thân chúng ta vui vẻ tiếp nhận giáo huấn, sửa lỗi, đổi mới, đổi mê thành ngộ, chẳng phải là được gia trì đó ư? Huân tập trong một thời gian dài, hằng ngày thực hiện, chẳng bỏ sót ngày nào.

Chúng ta phiền não tập khí nặng nề, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá lớn. Một ngày không tu tập, tâm bèn biến đổi; ba ngày không tu tập, chắc chắn toàn bộ tập khí ác đều hiện hành, quý vị tạo tội nghiệp, ắt đọa tam đồ. Trong xã hội thời xưa vẫn duy trì mỗi nửa tháng tụng giới, đây chính là quy củ Phật môn. Vào thời ấy thì được, chứ hiện tại không được, bây giờ mỗi nửa tháng tụng giới một lần không có tác dụng chút nào hết! Phải như thế nào? Ngày ngày tụng, chúng tôi đem phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ đặt làm khóa tối, vì đoạn này là giới luật, hằng ngày phải tụng giới, ngày ngày phải phản tỉnh, ta đã làm được hay chưa? Quý vị hiểu rõ ý nghĩa này, mới hiểu lời giáo huấn và văn tự của cổ nhân, quý vị thực sự học, làm sao không được thọ dụng? Kẻ thông minh lanh lợi, trong một đời nhất định chuyên phạm thành thánh chẳng phải là chuyện giả.

Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 54

Chư vị đồng học!

Xin xem từ nửa đoạn sau bài Tịnh Độ Văn của pháp sư Từ Vân

trong thời thứ ba:

Nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập Thiên Định.

若臨命終。自知時至。身無病苦。心不貪戀。意不顛倒。如入禪定。

(Nếu sắp mạng chung, tự biết lúc mất, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo, như nhập Thiên Định).

Đến đây là một tiểu đoạn. Mỗi một người thọ mạng trong thế gian dài hay ngắn đều là nhất định, phàm phu hoàn toàn bị nghiệp lực làm chủ, cũng có thể nói là nghiệp báo. Nếu thực sự hiểu rõ nghiệp báo, tự nhiên sẽ coi nhẹ sanh tử, chẳng tham sống sợ chết; bởi lẽ, quả báo của nghiệp nhân này đã hết, nghiệp nhân tiếp đó lại sanh khởi, giống như thực vật đơm hoa, kết trái, quả chín nẫu thì phải rụng. Trong quả lại có nhân: Trong quả có hạt, hạt chính là nhân, nhân rơi xuống đất, đại địa là duyên, lại đâm rễ, lại nảy mầm, tương lai lại đơm hoa kết quả, đó chính là quả báo lần thứ hai. Nhân quả tuần hoàn vĩnh viễn không ngưng dứt, trong nhân có quả, trong quả có nhân.

Chúng ta hiểu được đạo lý như vậy, tâm không hề có mảy may kinh sợ sanh tử, quý vị sẽ như thế nào? Nhất định phải gieo thiện nhân trong lần quả báo này. Quả báo lần này như quả đào chẳng hạn, nay quý vị đã có quả ấy. Quả ấy đã tăng trưởng thành quả đào, nhưng vẫn chưa chín rục. Chín rục thì phải rụng xuống, giống như chính cái cây ấy tự gạt bỏ đi, không cần ai hái. Trong quả đào có hạt, tức là lại có nhân, đây là nhân đã tạo trong một đời này, nhân ấy phải tốt! Nhân tốt thì quả báo lần sau chẳng thể không thù thắng hơn, càng tốt đẹp hơn! Nếu Nhân không tốt, Quả cũng không tốt. Do vậy, hãy hiểu rõ đạo lý này, chắc chắn sẽ không làm càn, làm xằng, quyết định ghi nhớ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, kinh nghiệm, trí huệ của họ chúng ta đều hấp thụ, biến thành trí huệ, thành kinh nghiệm của chính mình, sáng tạo tiền đồ tốt đẹp cho mình trong đời sau; như vậy là chính xác! Đó là lục đạo phàm phu.

Nếu là Phật, Bồ Tát, A La Hán, là những bậc chánh giác ứng hóa trong thế gian này thì các Ngài sẽ chẳng do nghiệp lực mà do nguyện lực. Các Ngài đến trong nơi này chẳng vì chuyện gì khác, không thọ quả, mà đến để giáo hóa chúng sanh, đến để diễn tuồng: Nêu gương cho hết thảy chúng sanh, đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, siêu phàm nhập thánh, nêu gương như thế cho đại chúng xem. Như vậy,

trong thế gian các Ngài có thọ mạng hay không? Vẫn có! Thọ mạng dựa vào đâu? Dựa vào duyên! Duyên nói theo như bây giờ nghĩa là Ngài ở nơi nào diễn nói, biểu diễn, thuyết pháp, có người tiếp nhận hay không, có người vui thích nghe, thích học tập hay không? Nếu có thì là hữu duyên; nếu không có, duyên ấy bèn hết. Duyên tận, Ngài ra đi. Có duyên bèn trụ thế; không duyên bèn tách lìa, ẩn mất, đi qua thế giới khác.

Chúng ta biết vũ trụ to lớn, thế giới vô lượng vô biên, Ngài đắc đại tự tại, thế giới nào có duyên bèn vào thế giới ấy; Ngài không có nghiệp. Vì sao không có nghiệp? Vì đâu mà không có? Không có ý niệm tự tư tự lợi thì nghiệp không còn nữa. Đây là nói tổng quát. Ai không có ý niệm tự lợi, không có ý niệm tự tư, bèn không có Nghiệp. Tự tư, tự lợi đều không có, quý vị nghĩ xem còn có danh văn, lợi dưỡng nữa hay không? Còn có ngũ dục, lục trần hay không? Còn có tham-sân-si-mạn nữa hay không? Đương nhiên cái gì cũng không có. Tự tư, tự lợi giống như rễ cây, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham-sân-si-mạn là cành, lá, hoa, quả. Rễ đã không có thì hết thảy đều không có.

Do vậy, Phật pháp coi trọng Vô Ngã; kinh Kim Cang nói Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ Bồ Tát không có Ngã Tướng. Nói thật ra, bốn tướng (nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng) đều có cội rễ là Ngã Tướng. Đã không có ta, nào còn có người? Há còn có chúng sanh, thọ mạng nữa ư? Ba tướng sau chẳng phải đều từ Ngã Tướng sanh khởi hay sao? Ngã Tướng là rễ; bởi thế, không có Ngã thì thứ gì cũng không có. Nay chúng ta nói đến phiền não, ý niệm tự tư, tự lợi không có thì tất cả hết thảy phiền não, nghiệp chướng tập khí đều không có, chúng đều do từ Ngã tướng mà có! Đây chính là lần ranh phân định giữa phàm và thánh, tự chúng ta phải hiểu.

Con người đạt đến vô ngã, há phải đâu không biết ứng xử! Giữa người và người vì sao không thể cư xử tốt với nhau? Vì quyền lợi bị xung đột. Đây chính là tự tư, tự lợi, có lợi cho mình thì người này tốt, tôi rất thích anh ta. Đối với mình vô ích hoặc quyền lợi bị đụng chạm thì gã đó là địch nhân, là kẻ đối đầu, chẳng phải là như vậy hay sao? Do vậy, đạt đến vô ngã, vô tư thì sẽ thực sự chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Do nguyện lực vào trong thế gian này thì không gì chẳng tự tại! Các Ngài quả thật không có sanh tử, chẳng phải là nhân duyên quả báo, mà là “*thừa nguyện tái lai*” (nuơng theo bốn nguyện mà ứng hiện trở lại)! Duyên tụ, duyên tán, có duyên bèn ứng hiện, duyên là Năng Cảm, tự nhiên vị ấy bèn ứng. Duyên hết, không còn Ứng nữa, ẩn mất đi. Duyên do là như vậy.

Bởi thế, “*nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí*” (nếu sắp mạng chung, tự biết thời giờ đã đến), đây là tu hành có công phu, tự mình biết nghiệp báo đã tận. Đây là phàm phu, phàm phu biết nghiệp báo của đời này đã tận. Nghiệp báo một đời này đã tận, nghiệp báo đời sau đã chín muồi, tự mình biết, đa số sanh lên trời. Sanh lên trời tự mình biết: Đây là trong một đời này gieo nhân lành, làm chuyện tốt, đời sau sanh lên trời. Nếu là bậc thừa nguyện tái lai, đương nhiên càng không có vấn đề, cảnh giới càng cao hơn. Nơi này hóa duyên đã hết, Ngài đến ứng hóa trong thế giới khác. Nói thật ra, phạm vi ứng hóa là trọn pháp giới, hư không giới, thân ứng hóa vô lượng vô biên, không ở nơi đây thì hiện nơi kia. Thật ra, chẳng phải là nơi đây thực sự không có, hiện ở nơi kia, không phải vậy! “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra ở chỗ nào, diệt tận ngay chỗ đó)⁸³. Đây mới là chánh lý, đây mới là chân tướng sự thật. Không như lục đạo phàm phu, phàm phu quả thật lìa khỏi đường này bèn đầu thai vào đường khác. Quý vị không được đại tự tại như thế này: “*Sanh ra ở chỗ nào, diệt tận ngay chỗ đó*”. Quý vị không được tự tại như thế. Bậc đại triệt đại ngộ tự tại như thế ấy!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hầu như ai cũng có năng lực này; dù ai nấy đều có năng lực này, nhưng lúc lâm chung không thể hiện tướng lành là vì đâu? Họ vẫn còn nghiệp chướng khá nặng gây chướng ngại, lúc trợ niệm chúng ta thường thấy chuyện này. Lúc người ấy ra đi, có rất nhiều người trợ niệm, thấy người ấy môi mép cũng động, trợ hồ cũng niệm Phật theo chúng ta. Không sai! Có lúc người ấy niệm Phật cùng đại chúng, nhưng có lúc người ấy trông thấy Phật đến tiếp dẫn, miệng họ mấp máy là muốn bảo đại chúng: “Phật đến tiếp dẫn, tôi muốn theo Phật ra đi”. Kẻ ấy không nói ra tiếng, không có hơi sức, nói không nổi. Quý vị chú tâm quan sát nơi sự biểu lộ tình cảm thì rõ ràng là người ấy rất an tường, người ấy rất hoan hỷ; ta thấy người ấy biểu lộ thái độ ra đi rất an tường, rất hoan hỷ, Phật đến tiếp dẫn mà!

Nhưng cũng có lúc, họ đi rồi, biểu lộ thân thái không tốt, mọi người trợ niệm, niệm hai, ba tiếng sau, biến thành rất đẹp đẽ, có hai khả năng:

- a) Một là người ấy đã vãng sanh.
- b) Hai là người ấy đã tiêu nghiệp chướng, tuy không thể vãng

⁸³ Theo pháp sư Tịnh Giới, chữ “*đương xứ*” ở đây phải hiểu là chân tánh, chân tâm. Hết thấy các hiện tượng do nhân duyên hội đủ bèn hiện ra, nhưng chân tâm bất động, khi các nhân duyên đã hết, các tướng đã hiện bèn mất, nhưng chân tâm chẳng tổn giảm mảy may.

sanh, nhưng sanh trong đường lành là chuyện chắc chắn.

Bởi thế, công đức trợ niệm chẳng thể nghĩ bàn. Ngày nay, khoa học đã chứng minh hiệu quả của việc trợ niệm: Đây không phải là chuyện giả, là chuyện công đức lợi ích chân thật. Gặp được cơ duyên như thế này đừng bỏ lỡ. Chúng ta thường trợ niệm giúp người khác, lúc mình lâm chung ắt có người trợ niệm. Đây đều thuộc về quả báo: Quý vị gieo nhân tốt, sau này nhất định có quả báo tốt. Trong một đời này, chúng ta hiểu rõ điều này, dùng thiện tâm đối xử hết thảy mọi người, sẽ được báo đáp là tất cả hết thảy mọi người đều dùng thiện ý đối với mình. Ta dùng thiện ý đối với người ta mà người ta vẫn dùng ác ý đối với mình, nghĩa là thiện ý của ta chưa đủ, đừng trách móc người khác, phải trách chính mình: Ta thành tâm, thiện ý chưa đủ, ta phải gắng hơn, vĩnh viễn chẳng có lầm lỗi nơi cảnh giới bên ngoài.

Hãy nhớ kỹ Ngẫu Ích đại sư giáo huấn: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (Cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu tại nơi tâm), do chính tâm mình. Tâm mình tốt thì cảnh giới nơi hết thảy người, sự vật đều tốt. Tâm mình không đủ tốt thì cảnh giới bên ngoài chẳng tốt. Nếu quý vị oán trời trách người là lầm lẫn quá đỗi, hoàn toàn mê chẳng giác. Người học Phật chúng ta, đừng nói chi ta là phạm phu, hãy xem tổ sư đại đức, Thanh Văn, Bồ Tát: Mỗi ngày các Ngài đều nghiêm túc phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới. Đẳng Giác Bồ Tát còn phải ngày ngày sửa lỗi, hướng gì những kẻ thấp hơn Đẳng Giác! Phải trống lòng, phải khiêm hư, phải cung kính, phải biết tôn trọng người khác, chúng ta mới có thể viên mãn đức hạnh của chính mình. Trong xã hội, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chuyện tốt nhường cho người khác, chuyện khổ sở chính mình phải vui lòng gánh vác, làm như vậy thì tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ không còn gì nhanh hơn được nữa!

Thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập Thiên Định.

身無病苦。心不貪戀。意不顛倒。如入禪定。

(Thân không bệnh khổ, tâm chẳng tham luyến, ý chẳng điên đảo, như nhập Thiên Định).

Cảnh giới này tôi nghĩ không ít đồng học đã tự thấy được, cũng có thể là thấy không ít lần. Quý vị từ nơi ấy có giác ngộ hay không? Người ta làm được thì mình cũng làm được! Hy vọng mình còn làm hay hơn người ta nữa kia! Nhưng lúc mạng sắp hết, thực sự không có bệnh khổ

thì hạng người ấy ít lắm! Đại đa số người niệm Phật vãng sanh lúc lâm chung vẫn đổ bệnh, dầu mắc bệnh, nhưng bệnh khổ của họ rất nhẹ nhàng, không nghiêm trọng. Nghiệp chướng hoàn toàn tiêu sạch lúc lâm chung. Như vậy thì có sao không tiêu nghiệp chướng lúc bình thời? Lúc bình thời, nhân nhục chính là tiêu nghiệp chướng, có sao không thể nhân? Hết thấy những chuyện do người, sự, vật dồn đến cho mình như: Hiểu lầm, hủy báng, tinh thần lẫn vật chất mọi mặt đều vát vã; đó đều là tiêu nghiệp chướng! Ta vui vẻ, hoan hỷ hứng chịu, không mang tâm nóng giận, không có ý niệm áo não, càng chẳng báo thù. Trong cuộc sống thường nhật phải huấn luyện như thế, lúc lâm chung sẽ không có bệnh khổ, tự nhiên biết trước lúc mất, lúc nào ra đi bèn biết rõ ràng, minh bạch.

Trong thế gian này, khởi tâm động niệm, làm việc gì đều nhằm lợi ích chúng sanh, ta niệm một câu Phật hiệu, đem công đức lợi ích của Phật hiệu ấy hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, ta vì hết thấy chúng sanh mà niệm. Đặc biệt là nghĩ đến chính mình hiện tại, oán thân trái chủ bao kiếp chất chồng, mình niệm niệm vì họ. Chúng tôi mỗi ngày ở nơi đây đem Phật pháp giới thiệu cho đại chúng; trước lúc vào giảng, chúng tôi cung kính quán tưởng hết thấy thân linh khắp pháp giới, hư không giới, hết thấy thành hoàng, thổ địa, tôn thần nơi này phương khác. Trong bài kệ hồi hướng có câu: “*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu vớt tam đồ). Tất cả hết thấy chúng sanh thấy đều bao gồm trong ấy. Vì họ mà chúng ta làm chuyện này, chẳng nhằm lợi ích chính mình, vì sao? Tự mình và pháp giới chúng sanh là một Thể, niệm niệm đều vì pháp giới chúng sanh, không nghĩ đến chính mình, điều này rất khẩn yếu, vì sao? Nghĩ đến chính mình thì tự tư tự lợi không đoan, Ngã Chấp không phá. Nếu khởi tâm động niệm chỉ có hết thấy chúng sanh thì Ngã Chấp chẳng phá mà tự nhiên không còn, đây chính là pháp phương tiện của Đại Thừa.

Ngã Chấp phá rồi, mọi người biết luân hồi không còn nữa, đời sau chúng ta sanh về đâu? Tuyệt đối chẳng đoạ trong lục đạo luân hồi nữa. Quý vị thấy Tiểu Thừa phải đoan tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tám mươi một phẩm Tư Hoặc mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Đại Thừa cao minh hơn Tiểu Thừa, thuận tiện hơn Tiểu Thừa, Tiểu Thừa dùng phương pháp cực nhọc vát vã như vậy, phải trải qua một thời gian rất dài lâu. Bảy lần sanh vào cõi trời và nhân gian mới thoát khỏi lục

đạo. Đại Thừa biết chỉ cần phá được Ngã Chấp là đủ, phá Ngã Chấp bằng cách nào? Từ tư tưởng, từ khởi tâm động niệm, cho đến hết thấy hành vi trong cuộc sống thường nhật, chẳng vì mình mà vì chúng sanh, khẳng định chúng sanh chính là mình, tự mình là chúng sanh. Mình và người là một chứ không hai, so với Tiểu Thừa phải nhanh hơn! Thủ thắng hơn nhiều, ai vì chính mình là ngu si!

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói quá nhiều, chúng ta phải hiểu, phải giác ngộ, quyết định chẳng còn vì chính mình nữa. Trong cuộc sống thường nhật, chính mình phải thường nhớ đến Thích Ca Mâu Ni Phật; lúc tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật sống như thế nào? Ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa. Không có gì cả! Ngài trí huệ siêu phàm, lời Ngài nói ra chính là Đại Tạng kinh. Đại Tạng Kinh không do Ngài trước tác, mà do Ngài tùy cơ giảng giải cho mọi người, ghi chép lại thành Đại Tạng Kinh. Nay chúng tôi đem ra dạy dỗ vẫn phải chuẩn bị một đồng tài liệu, Thích Ca Mâu Ni Phật không có gì cả, quý vị nói có phải là tự tại lắm không, đại tự tại! Đây chính là điều chúng ta phải học.

Trí huệ của Phật do đâu mà có? Ngài dạy chúng ta “*tự tánh bốn cụ*” (tự tánh vốn sẵn đủ), đức Thế Tôn nói “ta có, người cũng có”. Quý vị có, có sao chẳng hiện tiền? Vì quý vị có nghiệp chướng. Cội rễ của nghiệp chướng là Ngã Chấp, là tự tư, tự lợi, quý vị chẳng thể vứt bỏ những thứ ấy, nếu bỏ được thì phàm phu bèn thành Phật. Trên lý luận, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, một niệm quả nhiên giác ngộ, triệt để giác ngộ, phàm phu bèn thành Phật. Thể hiện của sự triệt ngộ là như thế nào? Triệt ngộ là Vô Ngã, chẳng những Vô Ngã, mà còn Vô Pháp.

Vô Ngã bèn giải thoát phiền não, cũng có thể nói là đức hạnh sẵn có nơi tự tánh bèn hiện tiền; không có Pháp thì trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh bèn hiện tiền. Vô Pháp thì phá được Pháp Chấp, Vô Ngã là phá Ngã Chấp, trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng rất nhiều về điều này. Sở dĩ chúng sanh trở thành chúng sanh, chẳng thể thành Phật là vì hai thứ chấp: Ngã Chấp và Pháp Chấp. Chúng còn được gọi là Nhị Chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng là Ngã Chấp, Sở Tri Chướng là Pháp Chấp. Do vậy, Ngã Chấp phá rồi, đức hạnh tròn đủ; Pháp Chấp phá rồi, trí huệ viên mãn. Người thực sự biết dụng công phải dụng công nơi đây. Công phu thành tựu sẽ giống như Từ Vân đại sư đã nói ở đây: Đây chính là hiện thân thuyết pháp, chứng tỏ công phu thành tựu. Mạng chung tự mình biết, người công phu giỏi biết trước một hai năm.

Từ Đản Kinh chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư biết trước lúc mất, bao lâu? Hơn cả năm trước. Hơn một năm trước đó Ngài đã biết rõ, phải người chuẩn bị hậu sự cho mình, bảo người ấy đến gặp Ngài chuẩn bị hậu sự. Trước kia, lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung biết trước lúc mất hai năm. Có một lần giảng kinh, cụ bảo đại chúng: “*Tôi chỉ giảng kinh hai năm nữa!*” Trong số thính chúng có người nghe không hiểu cụ nói vậy nghĩa là sao, đến Đài Bắc hỏi tôi. Tôi nói:

- Thầy quả thật nói chỉ giảng kinh hai năm nữa thôi ư?

Người ấy nói:

- Đúng vậy!

Tôi nói:

- Vậy thì hai năm nữa thầy sẽ vãng sanh.

Người ấy hỏi:

- Sao pháp sư biết thầy sẽ vãng sanh?

- Lão nhân gia đến thế gian này chẳng làm chuyện gì khác, chỉ là để giảng kinh. Nếu Ngài không giảng kinh, Ngài không có chuyện gì khác để làm; đương nhiên phải ra đi.

Quả nhiên hai năm sau [cụ Lý vãng sanh], tâm địa thanh tịnh, nghiệp chướng tiêu trừ, sớm biết rõ như thế đó. Thông thường tôi thấy người niệm Phật đại khái biết từ ba tháng trước, hai tháng trước, một tháng trước, là chuyện thường thấy. Họ bảo quý vị lúc nào đó họ sẽ ra đi, đại khái thời gian chừng một, hai tháng, hay ba tháng đã rất khá rồi. Lão lâm trưởng Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba là cụ Trần Quang Biệt biết trước ba tháng, xác định rõ ngày giờ nào, không sai tí nào. Tuy nhiên cụ có bệnh, nhưng không bị bệnh khổ, đầu óc sáng suốt dù thể lực suy, đó là gì? Đó là tàn dư nghiệp chướng tiêu hết rồi. Nếu bình thường chịu dụng công, nghiệp chướng bình thời đều tiêu sạch, lúc lâm chung không có nghiệp chướng, lúc lâm chung chẳng sanh bệnh, nói đi là đi, đều là do trong cuộc sống hằng ngày, người ấy dùng tâm hạnh xử sự đãi người tiếp vật như thế nào, từ chỗ này chúng ta phải thực sự phản tỉnh, ý thức, bởi lẽ, xử sự đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày đều gọi là “*chân tu hành*”.

Do vậy, chúng tôi thường nghe nói, lão pháp sư Đàm Hu lão nhân gia kể lại, lão hòa thượng Đế Nhân có một người đồ đệ là thợ vá nôi. Vị ấy lúc mất là đứng mà mất, đợi thầy mình đến thay mình lo liệu hậu sự. Suốt ba ngày ba đêm, ông ta đứng sững nơi đó, không giả đâu, thật đấy! Chuyện thật đấy! Một bà cụ ở làng Tướng Quân thuộc Đài Nam niệm Phật ba năm, cũng đứng mà mất, không sanh bệnh. Khoảng hai mươi

năm trước, tôi đã là hai mươi một hay hai mươi hai năm, vào đầu thập niên tám mươi, vào năm 1983 tôi giảng kinh tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), bà cụ Cam kể cho tôi biết thân thích của bà (cũng là một bà cụ) vãng sanh một hai năm trước đó, ngồi mà vãng sanh, bệnh tật gì cũng không có. Viết sẵn di chúc, đồ tang của con, dâu, cháu đều may sẵn, đặt bên cạnh giường. Quý vị thấy một bà cụ không nói một câu nào, hằng ngày làm việc nhà, săn sóc người nhà, con trai, con dâu đi làm, cháu đi học, bà ở nhà một mình trông nhà, đại khái là niệm Phật công phu không gián đoạn, thực sự thành công!

Những người như vậy vì người khác mà thị hiện, đúng là đã thực sự làm được chuyện thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói. Dù không nói, nhưng bà cụ biểu diễn chính là nói, làm cho quý vị thấy. Quý vị thấy niệm Phật vãng sanh và chăm nom việc nhà chẳng trở ngại nhau chút nào. Nếu bà cụ không biết trước lúc mất, làm sao may đầy đủ đồ tang cho con trai, con dâu và cháu? Có thể nói là cụ đã lo một nửa chuyện hậu sự. Do vì ở ngoại quốc không tiện tay làm sẵn như thế, lúc lâm chung tìm đâu ra? Cụ biết trước bèn chuẩn bị sẵn, cũng chẳng hé môi câu nào, đột nhiên người trong nhà nhận ra bà cụ đã mất, ngồi tịnh tọa trên giường, không mắc bệnh khổ! Biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ!

“Tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo” (Tâm không tham luyến, ý không điên đảo): Hai câu này hết sức trọng yếu, nghĩa là gì vậy? Thực sự buông xuống. Thực sự buông xuống trong lúc bình thời, ngay bây giờ phải buông xuống, quý vị còn đợi lúc nào nữa! Vì sao lâm chung bị sanh bệnh? Do quý vị chưa hoàn toàn buông xuống. Nếu hoàn toàn buông xuống, làm sao sanh bệnh cho được? Không tham luyến, trong tâm chẳng tham luyến hết thầy pháp thế gian hay xuất thế gian, không nóng giận, rõ ràng, minh bạch, không ngu si. *“Ý bất điên đảo”* chính là không ngu si, hai câu này (tức câu *“tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo”*) là “tham - sân - si” quả thật không có. Đối với hết thầy pháp, hết thầy người, hết thầy sự không có chút ý niệm tham - sân - si nào, trong Phật pháp thường nói là thấy thấu suốt, buông xuống. *“Ý bất điên đảo”* là thấy thấu suốt, *“tâm bất tham luyến”* là buông xuống, triệt để buông xuống, phải buông xuống ngay trong hiện tại.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài (tức là hết thầy người, sự, vật), ý niệm vừa động đã sai. Ý niệm vừa động là gì? Quý vị không buông xuống, không thấy thấu suốt. Lúc đó phải làm sao? Ngay lập tức khởi lên một câu Nam-mô A Di Đà Phật để khuất phục ý niệm ấy, khuất phục được thì tự nhiên không khởi, vậy là tốt. Cùng mọi

người tiếp xúc, đúng là “*bách hoa từng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (qua rừng trăm hoa nở, mẫu lá chẳng dính thân). Thực sự thấy thấu suốt, thực sự buông xuống. Đối xử mọi người hết thủy tùy duyên, nhưng trong ấy vẫn có nguyên nhân: Toàn là vì lợi ích chúng sanh, toàn là vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Nếu không vì lợi ích chúng sanh, không vì chánh pháp tồn tại lâu dài, quyết chẳng tham dự bất cứ hoạt động nào. Vậy nghĩa là sao? Chẳng gây tạo danh vọng lợi dưỡng, cũng chẳng tham cầu ngũ dục, lục trần; trong xã hội có rất nhiều hoạt động như thế nếu quý vị tham dự thì có nghĩa lý gì chẳng? Không nghĩa lý gì hết. Dầu là luyện tâm bằng cách trải qua mọi việc, nhưng phải thực sự nhờ những việc ấy để tu hành, rèn luyện bản thân. Rèn luyện điều gì? Luyện tâm không tham luyện, ý chẳng điên đảo, luyện những điều này, ra công rèn luyện. Ra công rèn luyện cũng là vì lợi ích chúng sanh.

“*Như nhập Thiên Định*”: Đây là thành tích. Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn dạy tôn giả Tu Bồ Đề trong cuộc sống thường ngày “*bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó chính là Thiên Định. Một người lúc sắp mạng chung cũng là “*như nhập Thiên Định*”, biểu diễn cho mọi người thấy, giống như lúc bình thường tịnh tọa nhập định, nhưng lúc bình thường tịnh tọa xong bèn xuất định, đến lúc nào đó sẽ ra định. Còn người này nhập định rồi không xuất định, đi luôn. Người học Phật có thể đạt được công phu như thế thì mới tính là thực sự thành công. Thành tựu ấy có lớn, có nhỏ, nghĩa là sao? Ra đi được thành tựu như vậy thì chỉ cần sanh lên trời Đao Lợi của Dục Giới là đã có năng lực như thế, đã đều hiện tướng như thế, những ai sanh lên trời Đao Lợi hay những cõi trời cao hơn đều hiện tướng lành như thế. Người niệm Phật càng hy hữu hơn, lúc người niệm Phật ra đi, nếu có tướng lành hiện tiền, khẳng định sẽ giống như trong những câu sau đây:

Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghênh tiếp ngã, v nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc.

佛及聖眾。手執金臺。來迎接我。於一念頃。生極樂國。

(Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng, đến tiếp đón con, trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc)

A Di Đà Phật, Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, nếu quý vị đồng thời thấy vô lượng chư Phật thì là Thượng Thượng Phẩm vãng

sanh. Nếu chỉ thấy A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí theo Phật hiện đến, có rất nhiều Bồ Tát, A La Hán, cảnh giới ấy là vãng sanh bậc Thượng, tức Thượng Bồi Trung Phẩm hay Thượng Bồi Hạ Phẩm. Quý vị chú tâm quan sát những ai theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn mình, trong ấy nhất định có người mình quen biết. Đương nhiên quý vị không ngỡ, họ là những vị thiện tri thức quý vị đã từng thân cận trong một đời này, họ vãng sanh trước, thực sự vãng sanh. Lúc quý vị vãng sanh, họ nhất định đến, cùng theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, quen biết mà!

Như lúc Viễn công đại sư (tô Huệ Viễn) vãng sanh thấy A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn, Ngài thấy ông Lưu Di Dân, trông thấy mấy vị thuộc liên xã đã vãng sanh trước, cùng theo Phật đến tiếp dẫn Ngài. Ông Lưu Di Dân cười bảo Ngài: “Đại sư! Chúng tôi đều theo Ngài học Phật, chúng tôi về thế giới Cực Lạc trước, bây giờ Ngài mới về, sao chậm thế!” Do vậy, tôi thường nói về đến thế giới Cực Lạc mới có bè bạn thực sự, mới có tri giao thực sự, về thế giới Cực Lạc không tịch mịch. Trong thế gian này, cổ nhân thường cảm thán: “*Trương tri mẫn thiên hạ, tri tâm hữu kỷ nhân?*” (Quen biết khắp thiên hạ, mấy người hiểu được ta?) Một người tìm cũng không ra! Thế nhưng khắp thế giới Cực Lạc đều là tri giao, vì sao? Ai cũng tâm địa thuần tịnh thuần thiện, đều không có tư tâm, đều không chấp Ngã, đều không chấp Pháp, thế giới ấy có phải là tốt đẹp lắm hay không? Quý vị thực sự hiểu rõ, minh bạch thì hãy gấp lên, đừng lưu luyến thế gian này nữa, chẳng lưu luyến may mắn nào, vì sao không gấp ra đi?

“*Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài*” (Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng): Ở đây, chúng ta chẳng cần phải phân biệt đài vàng hay đài bạc chi hết, không cần thiết. Thời cổ thiên sư Hoài Ngọc thấy đức Phật cầm đài bạc đến, Ngài nhíu mày: “Tôi suốt đời cầu được đài vàng vãng sanh!” Đức Phật cầm đài bạc đến, Ngài không muốn đi, đức Phật biến mất. Ngài lại thực sự nỗ lực niệm suốt bảy ngày bảy đêm, đức Phật hiện đến, lần này quả nhiên thấy là đài vàng, Ngài rất hoan hỷ, theo Phật vãng sanh. Chúng tôi nghĩ những người như vậy đều là vì chúng ta thị hiện, nhưng chúng ta bắt tất phải chấp nhận như thế, đài bạc cũng không sao! Có gì cứ nhất định phải đài vàng? Cần gì phải chấp trước như thế?

“*Lai nghêh tiếp ngã, ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc*” (đến nghêh đón con, trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc): Câu này bao hàm ý nghĩa rất sâu. “*Nhất niệm khoảnh*” (trong khoảng một niệm) là thời gian rất ngắn, đúng là một cái khảy ngón tay, thế giới Cực

Lạc cách chỗ chúng ta bao xa? Mười vạn ức cõi Phật. Điều này cho thấy không có xa hay gần. Nói cách khác, quý vị thấy Phật, lúc Phật đến tiếp dẫn thì trước hết Phật phóng quang chiếu quý vị. Phật quang chiếu đến là Phật lực gia trì, công phu của quý vị nhất định được nâng cao hơn một bậc: Công phu niệm Phật của chúng ta là công phu thành phiền, nâng cao hơn một bậc thành Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta niệm đến Sự nhất tâm bất loạn thì nâng cao hơn một bậc là Lý nhất tâm bất loạn. Vì thế, La Thập đại sư dịch là “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*” không sai chút nào! Nhưng nguyên bản Phạn Văn ghi là “*nhất tâm hệ niệm*”, nhất tâm hệ niệm là chưa được Phật lực gia trì. Lúc lâm chung, Phật quang chiếu gọi là nhất định gia trì, do sự gia trì ấy, công phu của quý vị nâng cao hơn một bậc. Nâng cao hơn một bậc là nhất tâm bất loạn. La Thập đại sư đối với cảnh giới này hiểu rất rõ ràng, thấu suốt, Ngài cũng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp câu cuối cùng của bài Tịnh Độ Văn:

Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.

華開見佛。即聞佛乘。頓開佛慧。廣度眾生。滿菩提願。

(Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mau khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ Đề).

Chúng ta hãy xem mấy câu tổng kết này. Nếu công phu thực sự khá thì Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, không phải ai cũng làm được điều này. Chắc chắn đại đa số vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Ở đây là Lý nhất tâm bất loạn, vì sao? “*Sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật*” (sanh cõi Cực Lạc, hoa nở thấy Phật) chính là Lý nhất tâm bất loạn, cảnh giới này hoàn toàn giống như cảnh giới minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ của Tông Môn. Đương nhiên cũng là thiểu số, bởi Kiến Tư phiền não đã đoạn sạch, Trần Sa phiền não cũng đã đoạn hết, Vô Minh cũng phá được mấy phẩm, đây là “*ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật*” (trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc, hoa nở thấy Phật).

“*Tức văn Phật thừa*” (liên nghe Phật thừa): Chúng ta thường gọi “*Phật thừa*” là pháp Nhất Thừa. Trong Đại Thừa, Nhất Phật Thừa là pháp chân thật nhất. Trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (chỉ có pháp Nhất Thừa; không hai cũng không ba, trừ khi đức Phật nói phương tiện). Do đây biết rằng chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, thực sự dạy người quả thật chỉ có pháp Nhất Thừa. Chỉ có pháp Nhất Thừa mới là thực sự bình đẳng, mới thực sự là từ bi. Tam Thừa là gì? Tam Thừa là Đại Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, [hợp với] Duyên Giác Thừa, Thanh Văn Thừa thành Tam Thừa. Bồ Tát Thừa là Đại Thừa, Duyên Giác Thừa là Trung Thừa, Thanh Văn Thừa là Tiểu Thừa; đó là Tam Thừa. Nếu nói Nhị Thừa thì là Đại Thừa và Tiểu Thừa; Đại Thừa là Bồ Tát, Tiểu Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác gộp chung lại gọi là Tiểu Thừa. Trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn “*khai quyền hiển thật*” (mở ra quyền giáo, chỉ bày thật giáo), chỉ rõ pháp nào là pháp quyền xảo phương tiện. Nói hai thừa hay nói ba thừa chính là đức Phật nói một cách phương tiện, chứ không nói chân thật. Nói chân thật thì chỉ có pháp Nhất Thừa. Kinh Pháp Hoa là Nhất Thừa, kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, kinh Phạm Võng là Nhất Thừa.

Do vậy, ở đây chúng ta thấy: “*Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa*” (hoa nở thấy Phật, liên nghe Phật thừa), Phật thừa chỉ cho điều gì? Theo ý chúng tôi, nhất định là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh! Pháp Nhất Thừa rất ráo viên mãn; do vậy, đương cơ kinh Hoa Nghiêm là ai? Bốn mươi một vị Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ trụ ở nơi đâu? Trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, Phạm Thánh Đồng Cư Độ [của Cực Lạc] tương đương với Phạm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới này của chúng ta. Địa cầu của chúng ta chính là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, chúng ta biết A La Hán tu hành tại nơi đây. Thế nhưng do khác chiều không gian, chúng ta không thấy được A La Hán. A La Hán cũng chẳng khinh dị để cho chúng ta thấy.

Quý vị đã từng đọc Tam Muội Thủy Sâm thấy quốc sư Ngô Đạt nghiệp chường hiện tiền, đau đớn vì mụn ghẻ mặt người, gần như muốn chết. Lúc ấy chợt nhớ khi trước có một vị hòa thượng, vị hòa thượng ấy sanh bệnh khắp mình lở loét, hôi thối không thể diễn tả nổi. Sư không ngại, Sư phát tâm từ bi săn sóc vị hòa thượng ấy. Sau này, vị hòa thượng đó bảo Sư: “Trong tương lai khi ông có đại nạn, hãy đến tìm tôi”. Ngài cho biết mình ở tại ngọn núi đó thuộc Tứ Xuyên, trên núi ấy có hai cây

tùng, “Cứ đến đó tìm tôi, tôi sẽ giúp đỡ ông!” Sau này, khi Sư bị bệnh ghê mặt người, nhớ lại lời ấy, bèn đi tìm, kết quả mới biết vị hòa thượng ấy chính là A La Hán thị hiện. Sư đến chỗ ấy tìm Ngài, quả nhiên thấy đạo tràng A La Hán, bảy báu trang nghiêm! Vị hòa thượng ấy vốn là tôn giả Ca Nặc Ca, hòa giải, hóa trừ oan kết cho Sư. Oán gia trái chủ bỏ đi, dùng nước tam-muội rửa vết thương mới khôi phục. Sau đấy, Sư rời đi, ngoảnh đầu nhìn lại không còn gì nữa, chỉ còn một giải núi hoang, cái gì cũng không có, mới biết trong nhân gian có đạo tràng của A La Hán, không có duyên phận thù thắng đặc biệt sẽ chẳng thấy được!

Vị tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ tông chúng ta là ngài Pháp Chiêu, Ngài cũng là thiền sư, có duyên với Tịnh Độ rất sâu. Có một ngày vào lúc quá đường (tức là ăn cơm), trong tự viện quá đường dùng bát, hôm ấy ăn bữa sáng. Bữa sáng ăn cháo, Ngài cúi đầu nhìn vào bát, chợt thấy cảnh Ngũ Đài Sơn hiện ra trong bát. Chùa Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát hiện ra trong bát, thấy thật rõ ràng, Ngài không biết đây là đâu, hỏi người khác. Người khác nhìn vào, có người đã từng đến Ngũ Đài Sơn, vừa nhìn là biết cảnh Ngũ Đài Sơn. Do vậy, Tổ phát tâm triều bái Ngũ Đài. Lúc triều bái Ngũ Đài, đến được Ngũ Đài Sơn, quả nhiên thấy con đường này giống hệt như cảnh đã hiện trong bát, bèn lần theo con đường ấy đi tìm, quả nhiên tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Văn Thù, Phổ Hiền hai vị Bồ Tát đều ngự trong đó, Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Ngài ngồi nơi đó nghe hết buổi giảng. Sau đấy hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: *“Thế gian này đã bước vào thời Mạt Pháp, căn tánh con người ngày càng kém cỏi, phiền não tập khí ngày càng sâu hơn người đời trước, phải tu pháp gì mới hòng thành tựu?”* Văn Thù Bồ Tát bảo Tổ: *“Phải tu pháp môn Niệm Phật”*.

Cách niệm như thế nào? Văn Thù Bồ Tát niệm mấy câu cho Tổ nghe, Tổ bèn học lấy. Sau này ra khỏi Trúc Lâm Tự, ven theo đường đi vẫn đánh dấu, sợ lạc đường, để lần sau trở lại! Vừa đánh dấu, quay đầu nhìn lại đã thành một giải núi hoang, chùa miếu không còn nữa, thật đúng như một giấc mộng. Do vậy mới hiểu đây là cảnh giới của thánh nhân. Trở về, Tổ bèn đề xướng pháp môn Niệm Phật, Ngũ Hội Niệm Phật do chính thiền sư Pháp Chiêu đề xướng. Thanh điệu Ngũ Hội Niệm Phật do chính Văn Thù Bồ Tát truyền cho Tổ. Hiện tại cũng có Ngũ Hội Niệm Phật nhưng tôi nghe qua, không giống! Vì sao? Ngũ Hội Niệm Phật hiện thời, chúng ta nghe xong tâm không định; còn phương pháp Niệm Phật do Văn Thù Bồ Tát truyền không thể nào khiến cho quý vị nghe xong tâm chẳng thanh tịnh, không thể nào! Nhất định phải rất

niếp tâm. Như vậy, phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật ấy đúng là đã thất truyền. Khúc nhạc Ngũ Hội Niệm Phật hiện thời là do vào thời đầu Dân Quốc có một vị pháp sư soạn ra nhạc phổ, giống như xướng ca, nghe rất êm ái. Tôi nghe xong, tôi nói tốt lắm, đây là một phương pháp tốt để tiếp dẫn những người trẻ tuổi hiện thời, nhưng thực sự niệm Phật nhiếp tâm, muốn niệm đến mức công phu thành phiến, nhất tâm bất loạn thì phương pháp ấy có vấn đề.

Như vậy, Bồ Tát, A La Hán ở cùng một chỗ với chúng ta là thật, không giả. Sử sách, bút ký, tiểu thuyết của cổ nhân đã ghi chép rất nhiều, còn như chuyện chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này càng nhiều hơn nữa! Chúng ta là phàm phu nhục nhãn không thấy được, đây là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Phương Tiện Hữu Dư Độ giống như tứ thánh pháp giới, Phàm Thánh Đồng Cư Độ giống như lục đạo của chúng ta. Trong lục đạo, kinh điển nói Phàm Thánh Đồng Cư Độ có ba chỗ: Chỗ nhân gian của chúng ta là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong Dục Giới thiên có trời Đâu Suất, nội viện của Bồ Tát Di Lặc ở trên trời Đâu Suất, Đâu Suất thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong Dục Giới. Đệ Tứ Thiên trong Sắc Giới có Ngũ Bất Hoàn Thiên là nơi tu hành của chư thiên thuộc cõi trời Tịnh Cư. Chư thiên cõi trời Tịnh Cư đều chứng từ Tam Quả trở lên; do vậy nơi ấy cũng là một cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Những cõi này tương đương với cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng không thù thắng. Ở chỗ chúng ta, tuy là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cảnh giới phàm và thánh khác nhau, phàm phu không thấy được thánh nhân, thánh nhân cũng chẳng thấy phàm phu. Trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm và thánh hằng ngày gặp nhau, sống cùng một chỗ, chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ hằng ngày gặp mặt Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, cũng như hằng ngày gặp mặt các vị đại Thanh Văn. Ngày ngày cùng học một chỗ, rất hy hữu, thù thắng khôn sánh. Phương Tiện Hữu Dư Độ tương đương với bốn thánh pháp giới của chúng ta, Thật Báo Trang Nghiêm Độ [của hai cõi Sa Bà và Cực Lạc] giống nhau, không phân biệt gì. Cõi Thật Báo của Thích Ca Mâu Ni Phật và cõi Thật Báo của thế giới Cực Lạc không khác gì nhau. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng nhất là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, có thể làm cho phàm phu chúng ta chẳng đoạn một phẩm phiến nào mà vẫn có thể một đời viên thành Phật đạo. Do vậy, thập phương chư Phật tán thán thế giới Cực Lạc, tán thán A

Di Đà Phật, đạo lý là đây! Đã thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, như chúng ta xem trong Quán Kinh, đến khi hoa nở thấy Phật chỉ là mười hai kiếp, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh đây nhé!

Mọi người chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể không phải là Hạ Hạ Phẩm, tối thiểu là Hạ Trung Phẩm, Hạ Thượng Phẩm, Trung Hạ Phẩm, Trung Trung Phẩm, rất có khả năng. Hạ Hạ Phẩm tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhưng chúng ta không tạo tội nghiệp, không tạo tội nặng như thế. Trong hiện tại, tạo tác ác nghiệp rất có khả năng, chứ thời cổ rất khó, quý vị thấy: Giết cha mẹ, tội đại nghịch bất đạo hiện thời là có, chúng ta thường nghe tin tức nói đến. Trước kia, đúng là hết sức khó nghe nói có những chuyện như vậy, con người dẫu tệ hại cũng không đến nỗi giết cha mẹ, giết hại anh em.

Nghe kinh Hoa Nghiêm hết sức khó khăn vì kinh này giảng cho Pháp Thân đại sĩ. Ngày nay chúng ta gặp được duyên phận này, mọi người cùng học kinh Hoa Nghiêm, tuy chúng ta không phải là Pháp Thân Bồ Tát, nhưng chúng ta học chương trình học của Pháp Thân Bồ Tát, nhân duyên hy hữu khó được! Chúng ta được huân tập, dù học Hoa Nghiêm, nhất định phải nhớ chuyên tâm tu Tịnh Độ. Chúng ta nghe kinh Hoa Nghiêm, đọc kinh Hoa Nghiêm, công phu của chúng ta vẫn là niệm A Di Đà Phật y như cũ, cầu sanh về thế giới Cực Lạc, kinh này giúp cho chúng ta rất lớn. Vì sao? Quý vị thấy Vô Lượng Thọ Kinh vừa mở đầu đã nói: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ). Đức của Phổ Hiền đại sĩ chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do vậy, học Hoa Nghiêm, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là nâng cao phẩm vị vãng sanh của chúng ta rất lớn, nâng cao thứ bậc lên. Cơ duyên khó được, chẳng dễ gặp được, nhất định phải quý tiếc.

“*Đốn khai Phật huệ*” (mau khai Phật huệ) chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, chúng ta chẳng dám mong mỗi cảnh giới ấy. Nếu thực sự hiểu rõ, thực sự giác ngộ, buông tự tự lợi xuống, đối với chính mình không chấp trước, đối với hết thầy người, sự, vật, hết thầy vạn pháp chẳng còn chấp trước nữa. Hai thứ chấp Ngã Chấp và Pháp Chấp dẫu chưa thể nói là đã đoạn sạch, nhưng đã nhạt đi rất nhiều thì phẩm vị của quý vị tự nhiên nâng cao. Do vậy, đối với những bộ kinh giúp cho chúng ta rất lớn, phải nghiêm túc nỗ lực học tập.

“*Quảng độ chúng sanh*”: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới “*quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện*” (rộng độ chúng sanh, mãn

nguyện Bồ Đề) là điều khẳng định. Dù chính mình chưa khai ngộ, vãng sanh bậc Hạ trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ nhưng vẫn có thể rộng độ chúng sanh, dựa vào đâu? Dựa vào bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Do người ấy chưa kiến tánh, những thứ trí huệ, năng lực, tướng hảo trong tự tánh chưa hiện tiền, nhưng do Phật lực gia trì, được bốn mươi tám nguyện đại từ đại bi của A Di Đà Phật gia trì nên trí huệ, đức năng, tướng hảo liền chẳng kém Thất Địa Bồ Tát cho mấy, A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Phạm ai vãng sanh đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong tất cả hết thảy các cõi nước khác, tìm chẳng ra chuyện này, mười phương thế giới chư Phật đều chẳng có! Vì vậy, hết thảy chư Phật tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, tán dương A Di Đà Phật, đạo lý là đây! Đây chính là chân chánh thỏa mãn đại nguyện Bồ Đề của chư Phật, mà cũng là thỏa mãn nguyện Bồ Đề của chính mình.

Một thiên Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ được rất nhiều người thọ trì. Không chỉ những vị đồng học Tịnh Độ tông khi tụng kinh, niệm Phật, sám hối, hồi hướng thường tụng bài này, mà ngay cả những người không chuyên tu Tịnh Độ; thậm chí trong Tông Môn, Giáo Hạ, những người nương theo bài văn này để phát nguyện rất nhiều. Thiên văn tự này có vô lượng vô biên công đức, giúp không ít người vãng sanh Tịnh Độ. Chúng ta lại xem bài kệ tiếp theo:

***Niệm Phật lâm chung kiến bảo đài,
Bảo phan, bảo cái mãn không bài,
Di Đà, Thế Chí, Quán Âm đấng,
Hiệp chúng tương tùy quy khứ lai.***

念佛臨終見寶臺。

寶幡寶蓋滿空排。

彌陀勢至觀音等。

合掌相隨歸去來。

*(Niệm Phật lâm chung thấy bảo đài,
Lọng phan quý báu ngập trời bài,
Chấp tay theo gót Di Đà Phật,
Quán Âm, Thế Chí trở về Tây).*

Bài kệ này tán thán người niệm Phật lâm chung vãng sanh, quý vị thấy thù thắng như thế đó! Người thế gian chúng ta gọi là “phô trương, chưng bày”, phô bày sự thù thắng khôn sánh, dù là pháp thế gian hay

xuất thế gian đều tìm không được, chỉ có người chân chánh niệm Phật, công phu niệm đến nơi đến chốn không còn phân biệt, chấp trước Ngã và các pháp, như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Niệm đến cảnh giới ấy, lúc lâm chung sẽ giống như bài kệ này đã nói: “*Kiến bảo đài*” (thấy đài báu), tức là thấy hoa sen, “*Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghêh tiếp ngã*” (Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng đến tiếp đón con). Quý vị thực sự thấy như vậy, chứ không phải là giả vờ thấy. “*Bảo phan, bảo cái mãn không bài*” (Lọng, phan quý báu bày đầy hư không), quý vị thấy những thứ cúng dường theo chân Phật, Bồ Tát: Lọng báu, tràng phan báu tràn ngập hư không. Nay chúng ta ít thấy nhà Phật chung bày như thế, chứ trước kia thì có, trước kia trong đại pháp hội quả thật phô trương như thế đó, nay rất ít thấy, thời đại đã khác rồi! Người ta coi sự chung bày choáng lộn ấy là mê tín.

Thế nhưng nay ở Trung Quốc, Tây Tạng, Thanh Hải, các dân tộc Tây Tạng trên cao nguyên hoặc dân Mông Cổ theo Mật tông vẫn còn duy trì như vậy. Chúng tôi thấy ở những nơi đó khắp núi non, đồng trống là tràng phan, lọng báu. Bất cứ nơi nào chúng tôi báo tin đến thăm, người ta vẫn đem những thứ ấy đến cúng dường. Tràng phan, bảo cái đều mang ý nghĩa biểu thị pháp. Nay chúng ta coi trọng việc biểu thị pháp. Những thứ ấy đều thuộc loại cờ xí, thứ đẹp và dài gọi là Phan (幡); thứ tròn, giống như một cái ống thông gió thì gọi là Tràng (幢). Cái (蓋) là tàn lọng để ngăn che bụi bặm. Tràng biểu thị thuyết pháp, Phan biểu thị pháp hội. Ở nơi nào thực hiện những hoạt động với quy mô lớn thì dùng tràng phan, bảo cái. Mỗi một người vãng sanh là đại sự, chư Phật, Bồ Tát đều đến. Số người đông đảo chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, xếp bày đầy ắp hư không.

“*Di Đà, Thế Chí, Quán Âm*” là Tây Phương Tam Thánh, là những nhân vật chính đến tiếp dẫn! Người lâm chung trông thấy những tướng lành như thế quyết định vãng sanh. Tướng lành như vậy mà không thể hiện được, quả thật là lâm chung Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn, an tâm theo các Ngài đi, ổn thỏa, thích đáng không sai lầm chút nào! Vì thế “*hiệp chưởng tương tùy quy khứ lai*” (Chấp tay theo chân Phật, Bồ Tát trở về). “*Quy khứ*” là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*lai*” là hy vọng quý vị sẽ nương theo bốn nguyện trở lại (thừa nguyện tái lai). Trong bài này có đủ những ý tán thán, phó chúc, cầu nguyện.

35. Tán Thán Tăng Bảo

Tiếp theo là phần tán thán Tăng Bảo thuộc phần tán Tam Bảo của thời thứ ba. Trong những phần trên chúng ta đã tán thán Phật Bảo, tán thán Pháp Bảo, nay là tán thán Tăng Bảo.

Trước hết, chúng ta chỉ nói về Tăng, tiếng Phạn là Tăng Già Da (Sanghaya), người Hoa thích đơn giản nên những âm cuối đều lược bớt, chỉ gọi là Tăng. Kỳ thật chữ Da ở cuối chữ mang ý nghĩa tôn kính. Quý vị thấy Phật Đà Da (Buddhaya), Đạt Ma Da (Dharmaya), Tăng Già Da, Da mang ý nghĩa tôn kính. Tăng: Từ bốn người trở lên cùng nhau tu hành, tuân thủ giáo giới của Phật Đà (giáo giới ấy chính là Lục Hòa Kính), bốn người cùng tuân thủ Lục Hòa Kính thì mới gọi là Tăng. Do vậy, Tăng là một đoàn thể, không phải chỉ một người. Đoàn thể từ bốn người trở lên như thế được gọi là Tăng Đoàn. Người đầu đông nhưng không tu Lục Hòa Kính, không thể gọi là Tăng Đoàn, chẳng thể gọi là Tăng. Vì vậy, Tăng nhất định phải hòa kính.

Tăng nghĩa là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần. Nếu quý vị nghĩ bất hòa, bất kính, tâm quý vị thanh tịnh sao được? Đã bị nhiễm ô mất rồi! Thực sự thực hiện được “*hòa kính*” sẽ tự nhiên chẳng nhiễm mây trần, thân tâm thanh tịnh. Do đây biết rằng: Lục Hòa là nhân, sáu căn thanh tịnh là quả. Tu nhân nhất định phải đạt được quả báo. Quả báo là sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần. Tu nhân quan trọng lắm! Trong Lục Hòa, điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, nay chúng ta gọi là “*thiết lập nhận thức chung*”, rất khó khăn. Giữa người với người, đây kia đều có ý kiến, mỗi người nghĩ một cách, mỗi người nhìn một cách, phiền toái lắm. Làm sao mới có thể tương đồng? Quý vị nói: “*Tốt! Chúng ta đều nương theo lời Phật dạy, đức Phật dạy như thế nào, chúng ta nương theo đức Phật, còn gì bất đồng nữa!*”

Vì sao? Ý kiến của Phật khác với ý kiến của chúng ta. Có người nói: “*Y theo ý kiến của Phật ư? Vì sao không thể theo ý kiến của chúng ta?*” Là vì chư Phật Như Lai cao minh, cao minh đến cùng cực, lời Ngài nói ra đúng là khế lý, khế cơ, hết sức công bằng, hết sức công chánh. Vậy thì mọi người chúng ta buông hết thấy cách nghĩ, cách nhìn của mình xuống, há chẳng bình đẳng ư? Chúng ta buông xuống, Phật cũng buông xuống, đây gọi là “*trở về với Nhất Chân*”, quý vị thấy phương pháp này cao minh lắm! Đức Phật nói: Quý vị không cần phải theo tôi, mọi người chúng ta đều buông xuống, bình đẳng. Thực sự bình đẳng, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Kiến Hòa Đồng Giải mà!

Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cách nghĩ và cách nhìn đều khác nhau. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn sanh phiền não; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn sanh trí huệ. Vì thế, kinh luận thường nói: “*Phiền não tức Bồ Đề*” (phiền não chính là Bồ Đề). Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, Bồ Đề bèn hiện tiền; cứ hễ kèm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vào thì phiền não bèn hiện tiền. Phiền não và Bồ Đề là một, từ quan điểm này đức Phật lập ra “*kiến hòa đồng giải*”.

Chúng tôi thường nói: Thật ra, chúng ta chưa buông xuống được, chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được; buông xuống không được thì làm sao đây? Đó là chuyện bất đắc dĩ, mọi người chúng ta phải nghĩ: Nên y theo lời giáo huấn của đức Phật, y giáo phụng hành; nói chung là căn cứ vào đó. Đây là phương pháp bất đắc dĩ, rớt vào Đệ Nhị Nghĩa; chứ trong Đệ Nhất Nghĩa, ngay cả Phật cũng buông xuống, đó là thật, thực sự sanh, chân thật sanh. Nay chúng ta dựa vào những giáo huấn của Phật, Bồ Tát trong kinh luận để tu hành, nói thật ra là Tương Tự Vị, không phải là Chân Thật Vị, mà là Tương Tự Vị, rất giống nhưng chưa phải là thật, nhưng cũng kê là khá lắm: Từ Tương Tự có thể dần dần chứng được chân thật. Nếu chẳng trải qua Tương Tự, chắc chắn chẳng thể đạt được Chân Thật. Do vậy, chúng ta phải thừa nhận bản thân nghiệp chướng sâu nặng, là phạm phu không có năng lực buông phiền não, tập khí xuống. Nếu nay chúng ta không nhờ vào kinh giáo để giúp đỡ, ngoài cách này ra, không còn có cách thứ hai nào để theo! Ta là hạng căn tánh trung hạ thì nhất định phải tuân theo giáo huấn của thánh hiền. Giáo huấn của thánh hiền là sự chứng đắc từ trong tự tánh của chính họ, là trí huệ chân thật! Tánh đức vốn có đức năng. Đức năng vốn có nơi tánh đức chính là Giới Luật. Trí huệ vốn sẵn đủ chính là kinh giáo.

Như vậy, tuân theo những giáo huấn trong kinh điển chính là tuân theo tánh đức của chính mình. Khi bản thân quý vị đã minh tâm kiến tánh rồi, tư tưởng, kiến giải và hành vi của quý vị nhất định hoàn toàn giống với chư Phật, Bồ Tát. Phật Phật đạo đồng, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hiểu rồi mới chết lòng trọn ý nơi kinh giáo, ta niệm kinh là niệm gì vậy? Chính là niệm trí huệ, công đức của tự tánh. Chúng ta y giáo phụng hành là y theo gì? Y theo trí huệ, đức năng sẵn có nơi tự tánh để hành động, để sống, chẳng trái nghịch tánh đức. Ngàn vạn phần phải nhớ kỹ, không phải là ta bị Phật, Bồ Tát xô mũi lôi đi đâu nhé! Hiểu như vậy là lầm lẫn quá đỗi! Ngay cả Ấn Quang đại sư trong thời hiện tại, thực sự

là Phật, Bồ Tát, quý vị thầy Ngài dạy, Ngài chỉ đạo chúng ta: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (Giữ vẹn luân thường, trọn trách nhiệm, dứt lòng tà, giữ lòng thành; tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ), hoàn toàn là tánh đức, tuyệt đối chẳng phải là chúng sanh trong chín pháp giới có thể nói ra [những lời như vậy] được. Lời này lưu xuất từ tánh đức, nhất định phải hiểu rõ ràng những chữ này.

Tu hành bắt đầu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ trì giới. Theo truyện ký về Phó Đại Sĩ trong nhà Phật, Ngài là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát; quả thật, Bồ Tát đều có năng lực như thế này: Nên dùng thân cư sĩ để độ, bèn hiện thân cư sĩ thuyết pháp. Di Lặc Bồ Tát hiện thân cư sĩ là Phó Đại Sĩ; Di Lặc Bồ Tát hiện tướng xuất gia là hòa thượng Bồ Đại. Hòa thượng Bồ Đại cũng là Di Lặc Bồ Tát hóa thân; hiện tướng tại gia cư sĩ là Phó Đại Sĩ. Ngài dạy chúng ta không phải là Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta hay sao? Ngài dạy chúng ta như thế nào? Ngài dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị Phật thị tâm, niệm niệm Phật tâm, Phật tâm niệm Phật, dục đắc tảo thành, giới tâm tự luật, tịnh luật tịnh tâm, tâm tức thị Phật*” (Tạm dịch: Tâm này là Phật, Phật này là tâm, trong mỗi niệm [tâm là] tâm Phật, [dùng] tâm Phật để niệm Phật, muốn được sớm thành thì phải dùng cái tâm giới luật để tự ước thúc mình, giữ giới thanh tịnh thì tâm thanh tịnh, tâm chính là Phật). Không một vị Phật hay Bồ Tát nào chẳng dạy người phải khởi đầu bằng Giới Luật!

Cận đại, lão hòa thượng Hư Vân thường dạy hàng sơ học, câu đầu tiên là “*nghiêm trì giới luật*”. Bởi thế, điều thứ hai trong Lục Hòa Kính là “giới hòa đồng tu”. Giữ giới luật, giữ quy củ thì Tăng đoàn của quý vị mới được mọi người tôn kính, có trật tự, có quy củ, là tấm gương tốt cho tất cả hết thảy những đoàn thể trong xã hội. Vì người khác diễn nói đầy! Toàn bộ đoàn thể biểu diễn nơi đây, biểu diễn cho đại chúng xã hội xem, mong tất cả hết thảy đoàn thể đều hòa thuận giống như thế. Mọi người đều biết tôn kính lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, quan tâm đến nhau, hợp tác với nhau. Làm như thế nào mới đạt được như thế? Trì giới mới có thể đạt. Quý vị không trì giới, không tuân thủ quy củ sẽ không thể làm được. Một đoàn thể như vậy thực sự chẳng những được người thế gian tôn trọng, mà chư thiên cũng đều ủng hộ, đều khen ngợi. Trong cuộc sống hằng ngày thì thực hiện “*thân đồng trụ, khẩu vô tranh, ý đồng duyệt, lợi đồng quân*” (thân cùng ở, miệng không cãi, cùng chia sẻ ý kiến, lợi chia đều), thực sự thực hiện Lục Hòa Kính. Đối với chính mình thì chính mình tu dưỡng bằng Ngũ Giới, Thập Thiện; sau đấy nâng cao lên thành

Thập Giới, hai mươi bốn oai nghi, đây chính là Sa Di. Nay chúng tôi chỉ mong mỗi làm được tiêu chuẩn này.

Vì thế, sau khi học viện mở cửa, hết thầy mọi việc đi vào khuôn khổ, môn học đầu tiên tức môn học chung cho mọi lớp chính là Sa Di Luật Nghi, tại gia hay xuất gia đều phải học Thập Giới hai mươi bốn oai nghi. Tương lai, học viện chúng ta mỗi một quý (Xuân, Hạ, Thu, Đông mỗi một quý) mở một lần Phật học giảng tòa. Trong Phật học giảng tòa, có ba môn học cơ bản cần phải có, tức là mỗi lần chúng ta đều phải giảng ba môn ấy. Môn thứ nhất là Nhận Thức Phật Giáo. Học Phật mà quý vị không biết rõ ràng Phật giáo là gì thì học cái gì đây? Đây chính là khoa mục chung của chúng ta. Môn thứ hai chính là tác phẩm mà Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời cực lực đề xướng, tức Liễu Phàm Tứ Huấn. Môn thứ ba là Sa Di Luật Nghi. Ba môn ấy là công khóa chủ tu (tu học chánh yếu) của chúng ta, nhất định phải giảng. Một năm giảng bốn lần, nếu không thường xuyên cảnh tỉnh chúng ta như thế, ấn tượng sẽ không sâu, không thể giác ngộ. Vì thế, quý vị tu rất khổ sở, rất khó khăn, không muốn thực hiện. Nếu thực sự hiểu rõ, quý vị sẽ rất hoan hỷ thực hiện, quyết định chẳng trái nghịch.

Vì sao? Vì quý vị đạt được pháp hỷ từ đó, quý vị biết làm như vậy sẽ thực sự vui sướng, nếu trái nghịch sẽ thực sự đau khổ. Khoan nói đến nghiệp báo, lương tâm bị cắn rứt; nhưng nay quý vị hoàn toàn ngược lại, tợ hồ chẳng bị lương tâm cắn rứt là vì sao? Quý vị không có lương tâm! Tâm ôm áp những điều xấu xa, chẳng lành, bởi thế lương tâm không cắn rứt, quý vị không có lương tâm! Nếu có lương tâm sẽ bị lương tâm cắn rứt. Người không có lương tâm chính là người thuộc ba ác đạo, không còn thuộc nhân đạo nữa, đương nhiên càng chẳng thể là người thuộc về thiên đạo. Lý và Sự này chúng ta đều phải hiểu, phải thấy rõ. Do vậy, ba môn trên đây chúng tôi ấn định là ba môn phải tu học đối với hàng sơ học. Ngoài ra, trong những điều phải tu còn có những môn tuyển tu, tức là những môn học phụ trợ cũng rất quan trọng: Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Đức Dục Khóa Bản, về kinh điển thì có Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, những môn học ấy chúng tôi đều phải mở. Nếu những môn học ấy không thiết lập được cơ sở sâu dày thì chúng ta học Phật sẽ không có gốc rễ!

Chúng ta niệm Phật muốn thực sự niệm đến “*lâm mạng chung thời, dự tri thời chí, một hữu bệnh khổ, như nhập Thiên Định*” (lúc mạng sắp hết, biết trước lúc đi, không bị bệnh khổ, như nhập Thiên Định), rất khó đạt được. Quý vị chú tâm quan sát phàm ai lâm chung có những

tướng lãnh như thế, quý vị chú tâm quan sát: Những người ấy dầu không học vẫn có thể làm được; họ thực sự có lương tâm, đúng là thiện nhân, đãi người, tiếp vật, không có tí xíu ác ý nào. Vì thế, lâm chung mới có được tướng lãnh như thế. Do vậy, nay ở học viện này của chúng ta, tốn mất thời gian hai năm để đặt vững cơ sở, các kinh luận khác dù chúng ta chưa học, thậm chí chúng ta không cần phải học, cứ một câu niệm Phật niệm đến triệt để, lúc lâm chung quý vị sẽ có tướng lãnh như thế. Thượng phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, tướng lãnh hết sức hy hữu, đều có thể biết trước lúc mất, thân không bệnh khổ, [vãng sanh trong] ba bậc Thượng của Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Tất cả hết thầy pháp trong thế gian đều là giả, còn điều này là thật, chúng ta phải tranh thủ cái thật, buông cái giả xuống. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là giả, triệt để buông xuống.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 55

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Tăng Bảo Tán trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sư, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

***Tăng Bảo bất tư nghị,
Thân phi tam sự vân y,
Phù bôi quá hải sát-na thời,
Phó cảm ứng quần cơ,
Kham tác nhân thiên công đức chủ,
Kiên trì giới hạnh vô vi,
Ngã kim khê thủ nguyện dao tri,
Chấn tích trượng đề huê.***

僧寶不思議。
身披三事雲衣。
浮盃過海剎那時。
赴感應群機。
堪作人天功德主。
堅持戒行無違。
我今稽首願遙知。

振錫杖提攜。

(Tăng Bảo chẳng nghĩ bàn,
Thân khoác áo mây tam sự,
Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc,
Cảm ứng mọi căn cơ,
Đáng làm trời người công đức chủ,
Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch,
Con nay đánh lễ nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huê).

Đoạn tán tụng gây ấn tượng sâu đậm nhất cho chúng ta. Bởi lẽ, hiện nay về mặt hình tướng mà nói thì chúng ta ở vào địa vị Tăng Bảo, nhưng chúng ta có đáng gọi là Tăng Bảo hay chẳng? Chúng ta có thường phản tỉnh như thế hay không? Cổ nhân nói rất hay:

Thí chủ nhất lạp mễ,
Đại như Tu Di Sơn,
Kim sanh bất liễu đạo,
Phi mao, đới giác hoàn.
(Một hạt gạo thí chủ,
To như núi Tu Di,
Đời này không liễu đạo,
Đeo lông, đội sừng đèn).

Chúng ta có thực sự nghĩ đến điều này hay không? Đã phát tâm xuất gia, phải khéo lo liệu sự nghiệp xuất gia. Sự nghiệp của người xuất gia là gì? Bài tán tụng này đã nói rõ ràng. Chúng ta phải tự vấn, chúng ta đã làm được hay chưa?

Trong buổi giảng trước, tôi đã thưa cùng quý vị đại ý của chữ Tăng rồi, Tăng là một đoàn thể hòa hợp. Từ bốn người trở lên gọi là Tăng, tức Tăng đoàn. Lúc chúng ta quy y Tam Bảo, đọc lời thệ nguyện “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”. “*Chúng*” (眾) là đoàn thể, Tăng cũng là đoàn thể, trong thế gian, đoàn thể ấy đáng được mọi người tôn kính nhất trong tất cả các đoàn thể trên thế gian. Tôn (尊) nghĩa là tôn kính. Vì sao đáng được người khác tôn kính? Vì là một đoàn thể hòa hợp, tuân thủ giáo huấn Lục Hòa Kính của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Kiến hòa đồng giải*” trong Lục Hòa Kính tôi đã trình bày rồi. “*Giới hòa đồng tu*”: Giới Luật quan trọng lắm! Mức độ thấp nhất phải thực hiện là Sa Di Luật

Nghi: Mười giới, hai mươi bốn oai nghi. Chúng ta cùng ở với nhau một chỗ phải nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng, khích lệ lẫn nhau, cảnh tỉnh và sách tấn lẫn nhau. Thấy đồng học không đúng pháp, tiêu chuẩn đúng pháp hay không đúng pháp chính là mười giới, hai mươi bốn oai nghi.

Trong thực tại, cũng có chỗ không làm được vì hoàn cảnh và hình thức thực tiễn bức bách nên không có cách gì làm được. Chẳng hạn như giới điều “*bất trì kim tiền*” (không được giữ vàng, tiền), trong hoàn cảnh hiện thời không thể giữ được. Quý vị ra khỏi cửa, người hiện thời ra khỏi cửa chẳng mang tiền theo là không xong; nếu ở trong quốc gia Phật giáo thì được. Như ở Thái Lan, Miến Điện, Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka, Tích Lan) là những quốc gia Phật giáo, người xuất gia không cần mang theo một đồng tiền nào, vì sao? Quý vị gặp khó khăn gì, người chung quanh đều giúp đỡ, đều cúng dường, không cần phải bận tâm. Trừ những quốc gia đó ra, đại chúng trong xã hội không bằng lòng cúng dường quý vị. Quý vị đi xe phải mua vé, không có tiền, chẳng ai đem một tấm vé nào cúng dường quý vị cả, bắt buộc quý vị không mang theo tiền cũng chẳng được. Nếu muốn thực sự thực hiện rất thanh tịnh, rất viên mãn thì bất đắc dĩ cũng có biện pháp này: Khi quý vị ra khỏi cửa có tại gia cư sĩ tháp tùng. Trên thân quý vị quả thật không mang tiền, lúc cần phải dùng tiền, người ấy sẽ giúp đỡ quý vị, như vậy là được. Vào thời cổ, Giới kinh cũng cho phép [làm như vậy]. Làm được rất thanh tịnh như vậy thì cũng là chuyện nên làm. Người xuất gia tốt nhất không nên hành động một mình, hành động nhất định phải là từ hai hay ba người trở lên. Như vậy mới là đúng pháp, tránh được điều tiếng, đức Phật nghĩ rất chu đáo!

Do vậy, chúng ta trông thấy hai chữ Tăng Bảo bèn sanh tâm hổ thẹn. Hổ thẹn có ích gì đâu? Khẩn yếu nhất là sửa lỗi, đổi mới, phải nỗ lực thực hiện tiêu chuẩn ấy. Ta hy vọng sớm có ngày làm được, tu hành trong thế gian hiện nay chẳng phải là chuyện dễ dàng. Vì nguyên nhân nào? Ngoại duyên bất hảo! Phật pháp nhân duyên sanh, đạo tràng thời cổ đều là thập phương đạo tràng, không có vấn đề gì! Chỉ cần quý vị là người xuất gia, bất cứ đạo tràng ở nơi đâu cũng có thể quai đơn⁸⁴ được, đều có thể ở cùng tu hành, sinh hoạt với đại chúng. Hiện nay rất nhiều

⁸⁴ Quai đơn: Đơn là một miếng gỗ dài và hẹp vừa đủ một người nằm, dùng thay cho giường trong các thiền viện hay tùng lâm. Do đó, giường của Tăng được gọi là Đơn. Khi một vị Tăng xin nhập chúng ở lại một tự viện tu tập thì gọi là Quai Đơn (treo đơn, tức kê giường), khi xin ra khỏi chúng đi qua chùa khác thì gọi là Trừ Đơn (rút đơn).

đạo tràng là tử tôn miếu⁸⁵, quý vị không dính dáng gì với họ, họ sẽ không tiếp đãi quý vị, còn không đãi được quý vị một bữa cơm nữa kia! Quý vị phải rất thân thuộc với chúng thường trụ, là bè bạn mới được, nhân tình Phật sự⁸⁶ mà! Đạo tràng thực sự tu hành đúng lý đúng pháp rất hiếm! Tại Trung Quốc hay ở ngoại quốc đều như thế cả! Do vậy, đúng pháp không thấy thì tự nhiên “không đúng pháp” biến thành “đúng pháp”, chuyện này hết sức rất đáng buồn!

Do vậy, trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thường nói: Thời cổ, trong Phật môn tu hành thành tựu theo thứ tự thuận, tỳ-kheo là số một, tu hành, khai ngộ, chứng quả, vãng sanh đồng nhất. Kế đến là tỳ-kheo-ni, rồi đến tại gia Ưu-bà-tắc, cuối cùng là Ưu-bà-di. Hiện nay là thời Mạt Pháp, điên đảo hết! Đúng là điên đảo, nay tu hành khai ngộ, chứng quả không có. Người thực sự niệm Phật vãng sanh, Ngũ Giới, Thập Thiện tu hành vẫn còn khá, người niệm Phật vãng sanh đồng nhất là tại gia Ưu-bà-di, kế đó là tại gia Ưu-bà-tắc, rồi đến nữ chúng xuất gia, cuối cùng mới là nam chúng xuất gia. Nay chúng ta thấy chúng xuất gia nam nữ gần như không dễ gì thành tựu.

Trong mấy chục năm nay, chúng tôi không bị những tập tục ấy ô nhiễm, vẫn có thể tu hành nơi đạo y như cũ là do nguyên nhân nào? Tôi đã thừa cùng các đồng học rồi đó, do có quan hệ sư thừa, được đặc lực nhờ thầy dạy dỗ. Sau khi rời khỏi thầy, được đặc lực nơi kinh giáo, không có ngày nào tách lia kinh giáo, kinh giáo là nơi quy y chân chánh. Tôi học Phật năm mươi hai năm, giảng kinh bốn mươi lăm năm. Trong mấy chục năm ấy trải qua rất nhiều sóng gió, tai nạn mà không bị ảnh hưởng là vì nguyên nhân nào? Quý vị phải biết: Thực sự muốn thành tựu thì phải học tập. Những gì tôi đã trải qua ai biết tôi đã lâu thì đều biết: Mỗi lần khốn đốn, mỗi lần bị đả kích là tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, nâng cao cảnh giới, quyết định chẳng thuận theo phiền não, quyết định chẳng oán hận người khác. Nếu có những ý niệm ấy dấy lên thì sẽ bị phiền phức rất lớn, oan oan tương báo chẳng xong! Thánh hiền thế gian hay xuất thế gian đều dạy chúng ta “oan gia nghi giải, bất nghi kết” (oan gia nên cởi, chớ nên buộc).

⁸⁵ Tử tôn miếu: Chùa do thầy lập ra, truyền lại như gia tài cho đồ tử, đồ tôn, người ngoài không thể nhập chúng được.

⁸⁶ Nhân tình Phật sự: Ý nói trong nhà chùa vẫn xử sự theo cảm tình riêng tư của thế gian, thân thích, quen thuộc thì đối xử nồng hậu, đối với người không quen biết bèn lơ lạt, hờ hững.

Cởi gỡ oán kết chẳng ở nơi đối phương mà ở nơi tâm mình. Trong tâm mình có oán kết thì phải hóa giải; dùng chân thành, cung kính, thanh tịnh, bình đẳng đãi người thì tự mình mới có tiến bộ, mới có thể thành tựu đạo nghiệp, quyết định chớ nên oán trời hận người, vĩnh viễn ghi nhớ lời Ngẫu Ích đại sư răn dạy: “*Cảnh duyên phi hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (cảnh duyên không tốt xấu; tốt xấu tại nơi tâm). “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Trong hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự không có thiện hay ác, không có đúng hay sai, mà là bình đẳng, thanh tịnh. Đúng - sai, thiện - ác từ đâu có? Từ trong tâm của chính mình. Do vậy, phải hóa giải đúng - sai, thiện - ác ở ngay trong tâm mình, đây mới thực sự là người tu đạo, thực sự thành tựu Tăng Bảo. Người khác không trì giới, nhưng chính mình phải trì. Trì giới cũng không phải là chuyện dễ dàng, thấp nhất là Thập Thiện, Ngũ Giới. Hàng tại gia lẫn chúng xuất gia đều có thể học tập Sa Di Luật Nghi.

Trì giới tu định, thọ trì kinh giáo Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: “*Thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. “*Diễn*” là làm, thực hiện được mọi thứ chúng ta đã học. Làm cho đại chúng trong xã hội trông thấy thì gọi là Diễn, tức diễn tuồng, biểu diễn. Ngoài việc thực hiện ra, có ai đến hỏi thì phải giải thích cho người ta nghe, đó là “*nói*”. Đây chính là bốn phận sự nghiệp của người xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy. Suốt một đời, sau khi thị hiện đại triết đại ngộ, lão nhân gia bắt đầu giáo hóa chúng sanh, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hơn ba trăm hội ấy, trước kia gọi là Hội, nay gọi là “hoạt động”; nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện những hoạt động quy mô lớn, quy mô nhỏ (hoạt động dạy học), thực hiện hơn ba trăm lần.

Nay học viện của chúng ta ở nơi đây, một năm tổ chức bốn lần hoạt động, mỗi lần là mười thất, tức bảy mươi ngày, Xuân, Hạ, Thu, Đông, mỗi một quý làm một lần. Thuật ngữ trước kia gọi là Hội, nay chúng ta gọi là “hoạt động”. Những hoạt động của chúng ta ở đây là mở Phật học giảng tòa, giải - hạnh cùng tiến. Về mặt tu hành, chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu. Về giải môn (học hiểu giáo lý, giáo nghĩa), chúng ta mở những lớp chuyên tu, chuyên hoằng, thâm nhập một môn, thành tựu Giới - Định - Huệ của chính mình. Không tạp tu, nhất định chẳng ham cao chuộng xa! Thật thà, chất phác, công đức ấy thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Ảnh hưởng càng rộng, thời gian càng dài, càng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nói chung phải phát tâm, nêu gương tốt cho

những người tu học Phật pháp.

Hiện tại, trong xã hội có rất nhiều người hiểu lầm Phật pháp nghiêm trọng, do nguyên nhân nào? Do [Phật giáo đồ] không nêu gương tốt, chứ không phải là Phật pháp chẳng tốt. Họ không tu mà giương chiêu bài Phật pháp, tư tưởng và ngôn hạnh hoàn toàn trái nghịch Phật pháp. Người không thâm nhập nghiên cứu Phật pháp, trông thấy những hình tướng ấy sẽ hủy báng toàn bộ Phật pháp, tội quý vị nặng lắm! Nếu tu tập tốt đẹp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn hoan hỷ tán thán. Họ khen ngợi quý vị bèn khen ngợi toàn thể Phật pháp thì công đức của quý vị lớn lắm! Vì thế, “*Tăng Bảo bất tư nghị*” (Tăng Bảo chẳng thể nghĩ bàn). Nay ta có thể hiểu sự chẳng thể nghĩ bàn ấy theo nghĩa kép: Làm đúng pháp, công đức chẳng thể nghĩ bàn; làm không đúng pháp, tội báo chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thân phi tam sự vân y*” (Thân khoác áo mây tam sự): Câu này nói đến áo Ca Sa, tượng trưng cho người xuất gia. “*Tam y*” là y năm điều⁸⁷, y bảy điều và y từ chín điều cho đến hai mươi lăm điều thì gọi là Đại Y (y Tăng Già Lê), tức là đại lễ phục của nhà Phật. Y bảy điều là lễ phục thường, phổ thông. Y năm điều là y mặc để làm việc. Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, toàn bộ tài sản ngoài ba y một bát còn có một cái ngoạ cụ⁸⁸. Ngoạ cụ dùng để làm gì? Đem ngủ trái phía dưới. Còn cái để đắp là ba y. Do đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ thuộc vùng nhiệt đới, ba y là đủ rồi. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc là ôn đới, càng đi về phương Bắc càng gần với hàn đới, nên có Xuân, Hạ, Thu, Đông, ba y ở Trung Quốc không có cách gì giữ ấm được. Phật pháp quả thật trọng thực chất chứ không trọng hình thức, vĩnh viễn là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Do vậy, Phật pháp truyền đến Trung

⁸⁷ Điều (條): Khi xưa Phật và chư Tăng mặc ca sa bằng vải vút bỏ đi. Để may y thì đem những mảnh vải ấy rọc thành từng miếng, nhuộm cho tiệp màu, rồi khâu chằm thánh tám lón, mỗi miếng cắt dọc ấy được gọi là Điều. Sau này, chư Tăng ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ, Mãn Châu, Tây Tạng, dùng vải rọc thành từng miếng dài, khâu chằm lại thành ca-sa. Do vậy gọi là Cát Tiệt Y hoặc Phước Điền Y. Điều được tính theo chiều dọc của tám ca-sa. Chẳng hạn y năm điều (ngũ điều y) là do đếm theo chiều dọc có năm miếng dài may ghép lại.

⁸⁸ Ngoạ cụ còn gọi là Phu Cụ (sayanasana, vật dụng để trái hay lót) là những thứ thường trái để nằm. Theo luật Tứ Phần, Tăng ni không được dùng ngoạ cụ làm bằng tơ tằm, lông dê hoặc những vật quý báu. Thoạt đầu, ngoạ cụ chỉ làm tám tọa cụ (tám Ni Sư Đàn) may bằng y cũ rách kết lại, nhưng về sau ngoạ cụ có thể bao gồm cả chiếu, mền, nệm. Theo luật, ngoạ cụ tối thiểu phải sử dụng hơn sáu năm rồi mới được thay bằng cái mới.

Quốc, người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình, còn ba y khoác ra ngoài y phục.

Quý vị thấy cái áo chúng ta đang mặc gọi là Hải Thanh⁸⁹, Hải Thanh là y phục của Trung Quốc. Y phục người xuất gia hiện đang mặc là trang phục của bá tánh thường mặc thời Minh. Chúng ta ăn mặc giống đời Minh. Hải Thanh là lễ phục, áo thụng, tay rộng, đây chính là lễ phục thời Hán. Phật giáo truyền vào Trung Quốc vào thời Hán, người xuất gia khác với tại gia ở chỗ nào? Cổ áo và cổ tay áo của lễ phục người tại gia thêu hoa. Quý vị thấy trên sân khấu biểu diễn như khi hát Bình Kịch⁹⁰ hoặc Côn Khúc⁹¹ của Trung Quốc, họ ăn mặc lòe loẹt, diêm dúa, những

⁸⁹ Hải Thanh: Một loại áo tràng tay rộng, sáu vạt, hai chún tại gia và xuất gia Trung Quốc thường mặc khi lễ Phật; áo hậu của chư Tăng Việt Nam cũng chính là Hải Thanh. Theo từ điển Phật Quang, áo này sửa đổi từ hoàng bào của vua từ đời Tùy trở về sau. Gọi là “hải thanh” nhằm ngụ ý mênh mông sâu rộng, chứa đựng muôn vật của lòng biển, sự phóng khoáng ung dung tự tại của sóng biển. Ở Trung Quốc, hải thanh thường có hai màu chính yếu: Màu đen dành cho hai chún tại gia và xuất gia mặc khi lễ Phật, người xuất gia đã thọ giới từ Sa Di trở lên thì đắp thêm ca-sa màu vàng hay đỏ (ta hay gọi là Y), riêng màu vàng dành cho vị pháp chủ hoặc phương trượng (tuy vậy, có dòng Thiên lại mặc ngược lại, hải thanh màu vàng, y nâu). Ngoài ra, còn có hải thanh màu xanh dương đậm gần như đen và Hải Thanh hoặc nâu, tùy theo truyền thống của từng tông phái, nhưng màu đen vẫn phổ biến nhất. Chư Tăng Triều Tiên thường mặc hải thanh màu lam hay trắng. Chư Tăng Nhật Bản cũng mặc hải thanh màu đen, nhưng thường tay áo hẹp và vạt ngắn hơn, vạt sau thường xếp nếp, và may đai sau lưng.

⁹⁰ Bình Kịch là cách người Đài Loan gọi Kinh Kịch (tuồng Bắc Kinh). Bình Kịch còn gọi là Quốc Kịch, là một loại hát tuồng nghệ thuật truyền thống của Trung Hoa, dung hợp và phát triển từ nhiều truyền thống sân khấu đã có trước đó như Huy Kịch và Hán Kịch, thậm chí vay mượn các xoang điệu nổi tiếng của lối hát Côn Khúc và Tần Xoang. Kinh Kịch hình thành dưới thời Càn Long nhà Thanh. Có thể nói dễ dãi là Kinh Kịch hoặc các loại gọi là Kịch trong sân khấu Trung Hoa giống như hát bội của Việt Nam, nhưng phức tạp hơn.

⁹¹ Côn Khúc cũng là một loại hát tuồng đã có trước Kinh Kịch, nó xuất hiện từ thế kỷ 13 hay 14 (tức là vào cuối đời Nguyên) tại Côn Sơn (thuộc Tô Châu) nên gọi là Côn Khúc. Côn Khúc được hình thành dựa theo hình thức hát tuồng cổ nhất Trung Hoa là Nam Hý (đã có từ thời Tống) và biến cải cho phù hợp với giọng phát âm Quan Thoại của vùng Tô Châu cũng như các thể điệu dân ca, hát xướng đã có tại vùng này, cũng như được sáng tác thêm các làn điệu mới. Hiện thời trong Kinh Kịch cũng sử dụng Côn Khúc. Đặc biệt của Côn Khúc là dùng địch, tiêu, sáo, kèn Tỏa Na (người Việt thường gọi là kèn bầu), đàn tỳ bà và đàn tam huyền làm nhạc khí chủ yếu, không dùng quá nhiều thanh la và trống cái, tam la, trống đơn như trong Kinh Kịch. Làn điệu Côn Khúc du dương, âm vực của các vai nữ khi hát và nói không quá cao đến nỗi nghe như mèo kêu trong Kinh Kịch.

thứ lễ phục ấy chính là hải thanh, nhưng có thêu hoa văn. Nếu làm quan, áo của họ có thêu hoa văn để làm gì? Thể hiện thứ bậc: Màu sắc của hoa văn thể hiện thân phận của họ. Người xuất gia để trốn hoàn toàn không có hoa văn, sai biệt ở chỗ này. Dân chúng bá tánh cổ áo cũng thêu một chút hoa văn, nhưng hoa văn rất đơn giản, người xuất gia thứ gì cũng đều không thêu.

Vì thế, ba y của chúng ta đắp trên thân có màu cà phê. Chỉ khi nào làm lễ hoặc lúc tham gia các hoạt động (pháp hội), hoạt động là giảng kinh thì phải mặc, phải đắp y. Nghe kinh cũng phải đắp y nhằm biểu thị sự cung kính. Tại gia cư sĩ nếu thọ Bồ Tát giới cũng phải đắp y. [Người thọ] Bồ Tát giới đắp mạn y. Mạn y (y trơn) không có điều nào, tại gia cư sĩ Bồ Tát chúng [đắp y như vậy]. “*Vân*” (mây) là tỷ dụ, y ấy quả thật là một miếng vải, không giống như y phục của Trung Quốc có cổ, có tay, y không có gì hết, chỉ là một miếng vải, mở ra quả thật giống một áng mây. “*Thân phi tam sự*⁹² *vân y*” (thân khoác áo mây tam sự) chính là tướng xuất gia.

“*Phù bôi quá hải sát-na thời*” (Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc): Đây là một câu chuyện xưa. Vào thời đại Nam Bắc Triều, có một vị xuất gia sống nhằm thời Đông Tấn, tức hòa thượng Bôi Độ, trong Cao Tăng Truyện có chép, mà Thần Tăng Truyện cũng chép [tiểu truyện của vị này]. Ngài quả thật hiển hiện thần thông, vượt biển không ngồi thuyền mà dùng một cái chén, đập lên chén vượt biển. Giống như Đạt Ma Tổ Sư dùng một cành lau để vượt sông, đều là thị hiện Thần Túc Thông. Chúng ta biết người có Thần Túc Thông, trong Tiểu Thừa tối thiểu phải từ Tam Quả trở lên. A Na Hàm, A La Hán mới có năng lực ấy. Quý vị muốn tra khảo tư liệu thì trong Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện đều có, có những loại Sơn Chí cũng có chép. Ngài viên tịch vào thời Đông Tấn, cũng tức là thời đại Nam Bắc Triều, nhằm năm 426 sau Tây lịch, tôi không nhớ niên hiệu vua nào⁹³. Tôi chỉ nhớ năm Tây lịch, theo Tây lịch [Sur viên tịch] nhằm tháng Chín năm 426, Sư qua đời. Nay ở Nam Kinh, có một chỗ gọi là Phúc Châu Sơn (núi lật thuyền) thuộc Nam Kinh, Ngài

⁹² Chữ Tam Sự ở đây chỉ cho ba loại y vừa nói trên đây, y năm điều (đắp khi làm tụng, chẳng hạn Tri Khách Sư đắp y này để tiếp đón khách đến viếng thăm chùa), y bảy điều (đắp khi tụng kinh trong công khóa hằng ngày), y hai mươi lăm điều (đắp khi làm pháp hội, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc đại cúng dường).

⁹³ Năm 426 nhằm các niên hiệu Thi Quang thứ 3 (nhà Bắc Ngụy), Huyền Thi 15 nhà Bắc Lương, niên hiệu Thái Bình 18 nhà Bắc Yên, Thừa Quang thứ 2 nhà Hạ, Kiến Hoàng thứ 7 nhà Tây Tần, Nguyên Gia thứ 3 nhà Lưu Tống.

được chôn ở nơi đó. Ngài từng qua lại rất nhiều tỉnh của Trung Quốc, du hóa khắp nơi hơn bốn mươi năm, người theo học rất đông, là một vị cao tăng bất phàm thời ấy.

Chúng ta thấy hành trì của Ngài như thế, biết Ngài giới hạnh thanh cao; do vậy, trong phần tán Tăng Bảo lấy Ngài làm thí dụ. Tại Thanh Sơn thuộc Cửu Long, Hương Cảng có ngôi chùa Thanh Sơn, hòa thượng Bôi Độ đã từng sống ở đó. Câu “*phù bôi quá hải sát-na thời*” phải chăng là nói Ngài hiện thân thông nơi ấy? Bởi lẽ Cửu Long đối diện núi Đại Dự, đến Hương Cảng phải vượt biển⁹⁴, Ngài hiển lộ thân thông nơi đây hay không, chúng ta không biết; nhưng quả thật có chuyện ấy. Lúc chúng tôi đến thăm Thanh Sơn Tự, cổ tích vẫn còn, đó là lần thứ nhất tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đến viếng đạo tràng cũ của hòa thượng Bôi Độ. Hiện tại, trong mấy năm qua, Hương Cảng phát triển hết sức nhanh; năm 1977 chỗ ấy còn hoang sơ, làng quê, không ai đến. Chúng tôi nhớ phải đi rất xa mới đến được. Nay đã xây xa lộ cao tốc, trước kia đến đó phải mất chừng hai tiếng rưỡi, nay hình như nửa giờ đã tới nơi, xa lộ cao tốc mà! Nêu tên Ngài ở đây để làm gương về Tăng Bảo cho chúng ta.

“*Phó cảm ứng quần cơ*”: “*Cảm*” (感) là tín đồ lễ thỉnh, tín đồ thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp, Ngài không cự tuyệt. Bản phận của người xuất gia là ở chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời giảng kinh, thuyết pháp, “*phó cảm ứng quần cơ*”. Đức Thế Tôn làm như thế, dấu chân in khắp Ấn Độ, nơi nào thỉnh Ngài bèn đến nơi đó, du hóa nhân gian; nhưng tại Trung Quốc có rất nhiều tổ sư đại đức không ra khỏi cửa, trụ trong núi, hễ trụ rồi bèn mấy chục năm không xuống núi, không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, có trái nghịch lời đức Thế Tôn giáo huấn hay không? Thừa cùng quý vị, không trái nghịch! Đây chính là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Người Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đối với sư đạo (đạo tôn kính thầy) hết sức tôn trọng: “*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (Chỉ nghe có chuyện học trò tới chỗ thầy xin học, chưa nghe có chuyện thầy phải đến chỗ học

⁹⁴ Vùng lãnh thổ Hong Kong gồm có ba khu vực chính: Cửu Long (nằm trên đất liền, ráp gianh vùng Tân Giới), Tân Giới (bao gồm một phần đất liền ráp gianh Cửu Long và Đại Dự) và đảo Hương Cảng. Đại Dự Sơn (Lantau Island, tức là đảo Lạn Đầu, khu này có tên hành chánh là Ly Đảo Khu) đối diện với đảo Hương Cảng. Bán đảo Cửu Long nằm trên đất liền, còn Đại Dự và Hương Cảng Đảo cùng nằm trong vịnh Victoria. Từ Cửu Long sang Hương Cảng hay từ Hương Cảng sang Đại Dự đều phải vượt biển.

trò để dạy). Không giống như Đại Thừa Bồ Tát trong Phật pháp làm bạn không thỉnh (bất thỉnh chi hữu), quý vị không thỉnh tôi vẫn đến. Người Hoa đối với sư đạo hết sức tôn trọng, vì thế người xuất gia nếu muốn thành tựu [người khác] thì trước hết [chính mình] phải ở yên.

Ở Trung Quốc có hai hạng người du hóa: Một là đạo nghiệp của chính mình chưa thành tựu, bèn đi tham học nhằm thành tựu Định - Huệ cho chính mình. Sau đây mới có thể giáo hóa chúng sanh, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử vậy. Tham học xong, trở về, sẽ chọn lấy một nơi hữu duyên để ở lại, ở nơi ấy rồi có thể cả đời không ra khỏi cửa. Giống như Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư của Tịnh Độ tông, lúc xuất gia theo học với pháp sư Đạo An. Ngài Đạo An là thầy thế độ cho Tổ, cũng là thầy truyền pháp. Pháp sư Đạo An viên tịch rồi, Tổ bèn chọn Lô Sơn ở Giang Tây, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, chiêu tập những người chí đồng đạo hợp đều là những người thích niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đều buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật chuyên cầu vãng sanh, gồm một trăm hai mươi ba người, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chẳng ra khỏi giới hạn ấy. Suốt đời không xuống núi, tâm định, chẳng tiếp xúc với bên ngoài. Có tin đồ đến nơi ấy triều bái thì được, thỉnh giáo cũng được, nhưng không thỉnh được pháp sư ra khỏi cửa, không hề có!

Sau này, tổ sư đại đức các tông phái ở Trung Quốc hầu như đều giống như vậy. Các Ngài trụ trong một đạo tràng, tâm định, dạy học tại nơi đó. Quý vị muốn học theo ai thì đến đạo tràng của vị ấy mà học, hình thành tổ đình của các tông phái. Như các Ngài Đỗ Thuận, Vân Hoa, Hiền Thủ, Thanh Lương thuộc tông Hoa Nghiêm. Ngài Thanh Lương trụ tại núi Ngũ Đài, chuyên môn học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, chú giải Hoa Nghiêm, y theo kinh Hoa Nghiêm mà tu hành. Trong thiên hạ, ai thích học Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài để học. Ngũ Đài Sơn giống như Đại Học Hoa Nghiêm, biến thành một tông phái chuyên biệt. Muốn học Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang; Trí Giả đại sư giáo hóa nơi đó. Muốn học Pháp Tướng Duy Thức thì đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An gặp pháp sư Khuy Cơ. Muốn học Giới Luật, hãy đến chỗ Đạo Tuyên Luật Sư ở Chung Nam Sơn. Những vị ấy trụ tại những đạo tràng đó, ở trong núi sâu, không ra ngoài.

Dường như hòa thượng Bôi Độ không có đạo tràng nhất định, chỗ nào lễ thỉnh, Ngài bèn đến nơi đó, trụ ở đó mấy năm, suốt đời du hóa. Vì thế, Ngài không thể trở thành một vị tổ sư; nhưng hành trì rất giống với Thích Ca Mâu Ni Phật, kết pháp duyên rộng rãi cùng chúng sanh. Tuy

vậy, tổ đình là một nét đặc sắc của Trung Quốc, là một nét đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc, có cái hay là người thực sự có thể tự thành tựu thì cũng có thể thành tựu người khác. Vì sao? Tâm người ấy định. Tam Học Giới - Định - Huệ đồng thời thành tựu, đúng là “*Tam Học đẳng vận*” (sử dụng Tam Học bình đẳng), dễ thành tựu. Nếu du hóa bên ngoài mà chính mình không có Định - Huệ rất sâu sẽ không dễ dàng, vì sao? Du hóa tiếp xúc rất nhiều, mà những chuyện tiếp xúc ấy là gì? Là dụ hoặc (dụ dỗ, mê hoặc). Quý vị có vượt qua được dụ hoặc hay không? Sáu căn tiếp xúc ngũ dục lục trần có thể chẳng động tâm hay không? Nếu vẫn còn động tâm thì rất nguy hiểm!

Phật pháp truyền đến Trung Quốc sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, một ngàn năm Chánh Pháp đã hết, bước vào thời Tượng Pháp! Do vậy, những tổ sư đại đức biết sức dụ hoặc của thời Mạt Pháp càng lớn hơn nữa. Sức dụ hoặc hiện thời so với thời Tấn (hòa thượng Bôi Độ là người đời nhà Tấn) lớn gấp cả mấy trăm lần, thậm chí hơn cả ngàn lần, sức dụ hoặc quá lớn. Vì thế, người tu hành trước kia, đừng nói chi là người tu hành, người chỉ đọc sách không thôi tâm họ đều định, người nào nghề nấy; không như hiện tại, tâm người hiện tại bồng bột, bộp chộp, có thể nói là một tí định lực cũng không có. Một trận sóng gió bé tẹo cũng không chống đỡ nổi, mừng, giận, buồn, vui nổi lên ùng ùng. Quý vị muốn thường đến mọi nơi giảng kinh, tiếp xúc người, sự, vật khác nhau thì phải có công phu kha khá. Nếu ứng phó không được, sẽ chẳng thể không đọa lạc. Giảng kinh có công đức hay không? Không có! Trước kia thầy Lý dạy chúng tôi như thế này: “*Kết quả giảng kinh là gì? Là phước đức, là phước báo hữu lậu trong tam giới*”; thế nhưng quý vị phải giảng rất đúng pháp. Nếu như quý vị giảng không đúng pháp, miệng nói thao thao, giảng theo tri kiến của chính mình thì lại là tạo nghiệp! Đúng như câu nói: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thế dã hồ thân*” (Chuyển ngữ trót giảng làm một chữ, đọa làm thân cáo năm trăm năm). Làm cho đại chúng lầm lạc, tội lỗi chẳng nhẹ!

Đúng quy củ thì nay chúng ta giảng kinh, chính mình không có bản lãnh. Vì sao? Quý vị chưa ngộ (ngộ nhập), chưa khai ngộ, đại triệt đại ngộ rồi mới có thể giảng được. Đại triệt là gì? Minh tâm kiến tánh! Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác giảng kinh, thuyết pháp đều là tự tánh lưu lộ. Chúng ta chưa kiến tánh bèn lưu lộ những gì? Tuôn ra những phiền não, tuôn ra những tập khí. Giảng bằng cách nào đây? Xưa kia, các vị đại đức không khai ngộ chẳng thể giảng kinh, không kiến tánh chẳng thể soạn chú giải. Vì thế, những bản chú giải cổ

đều là chánh tri chánh kiến, không sai lầm. Họ không minh tâm kiến tánh sẽ không thể soạn chú giải; không giống như hiện thời, hiện tại dân chủ mở rộng, ngôn luận tự do, xuất bản tự do, nhiều loạn sự thấy nghe [của người học Phật].

Vì thế, lúc thầy còn sống đã dạy chúng tôi: “Chúng ta đọc kinh, xem chú giải của cổ nhân, nhất định lấy chú giải cổ làm chủ. Chú giải cổ không hiểu thì xem chú giải của người hiện tại để bổ trợ. Nhất định phải lấy chú giải của cổ nhân làm căn bản, từ bản chú giải cổ mà ngộ nhập”. Chúng ta chưa thể đại triệt đại ngộ thì có tiểu ngộ, tích tụ tiểu ngộ thành đại ngộ. Có được mấy lần đại ngộ, tuy chưa triệt ngộ, nhưng chúng ta có thể dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt chú giải của cổ nhân. Làm như vậy sẽ không sai, đây là điều hiện nay chúng ta có thể làm được. Khi còn tại thế, thầy dạy chúng tôi phát tâm giảng kinh phải tuân theo phương châm và nguyên tắc này, mấy chục năm qua chúng tôi luôn tuân thủ.

Nói cách khác, giảng chú giải của cổ nhân, đem tâm đắc tu hành của chính mình dâng cho mọi người tham khảo. Chính mình thực sự kiến tánh, khế nhập cảnh giới thì được, lúc ấy quý vị có thể giảng; chưa khế nhập cảnh giới thì không được. Do vậy, “*phó cảm ứng quân cơ*” không phải là chuyện người bình thường có thể làm được, mà phải là Pháp Thân Bồ Tát. Mức độ thấp nhất cũng phải như thầy Lý đã nói trước kia là Tam Quả La Hán, tức A Na Hàm, phải có bản lãnh ấy! Tám mươi tám phẩm Kiến Hoạch đoạn hết, tám mươi một phẩm Tư Hoạch gần như đoạn được một nửa, thực sự có thể giữ cho chính mình không bị lui sụt, như vậy thì mới có thể làm được. Nếu không, nhất định phải theo thiện tri thức ở trong núi, nhất định phải theo một vị thầy giỏi.

Phật giáo Nhật Bản do Trung Quốc truyền qua, Nhật Bản cũng có một tổ đình Phật giáo rất nổi tiếng là núi Tỳ Duê⁹⁵, người Nhật gọi núi

⁹⁵ Núi Tỳ Duê (Hiei) gọi là Duê Sơn, Bắc Sầm hoặc Thiên Đài Sơn (Tendai-yama), là một rặng núi ở Đông Bắc thành phố Kinh Đô (Kyoto), thuộc khu vực Sakamoto (Bản Bản) của thành phố Đại Tân (Otsu), gồm hai dãy núi Đại Tỳ Duê và Tứ Minh Nhạc hợp thành. Đây là một ngọn núi thiêng của Nhật Bản, là tổng bản sơn (tổ đình) của Thiên Đài Tông (Tendai shu, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản). Ngôi chùa đầu tiên của tông Thiên Đài là Enryaku-ji (Diên Lịch Tự) do tổ sư Tối Trừng Truyền Giáo Đại Sư (Saichō Dengyō Daishi). Phần lớn các tổ sư các tông của Nhật Bản đều xuất thân từ tông Thiên Thai như Nhật Liên (Nichiren, sáng tổ Nhật Liên Tông), Pháp Nhiên (Honen, sáng tổ Tịnh Độ Tông), Thân Loan (Shinran, sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông), Minh Am Vinh Tây (Myōan Eisai, sáng tổ tông Lâm Tế Nhật Bản), Đạo Nguyên Hy Huyền (Dōgen Kigen, sáng tổ tông Tào Động Nhật Bản), Nhất Biến (Ippen, sáng tổ Tịnh Độ Thời Tông), v.v...

này là “mẹ của Phật giáo”. Gần như tất cả những vị sáng lập các tông phái của Nhật Bản, những vị cao tăng đại đức đều xuất thân từ núi này. Chúng tôi đến đó thăm, hỏi chuyện mấy vị trụ trì nơi đó, trong quá khứ những tổ sư đại đức tu hành ở trên núi này bao lâu? Họ bảo tôi: “Tôi thiếu là mười sáu năm, không có ai ít hơn mười sáu năm!” Người tu hành ở đó lâu hơn mười sáu năm rất nhiều. Mười sáu năm không xuống núi, chẳng thể không có thành tựu. Thường chạy rong bên ngoài, chẳng thể thành tựu được. Trước kia, thầy Lý cũng khuyên chúng tôi ở lại một chỗ, tôi bị hoàn cảnh bức bách, chính mình không có đạo tràng, bèn phải “*phó cảm ứng quần cơ*”. Nơi nào thỉnh bèn đến nơi đó, cho nên cũng phải sống cuộc đời “chu du liệt quốc”. Đúng là đến tuổi già mới có được chút phước báo, kiến lập đạo tràng ở nơi này. Dụng đạo tràng ở đây, tôi không muốn xuống núi, lấy Đồ Văn Ba (Toowoomba) làm giới hạn, hoàn toàn định lại.

Thế nhưng thời cuộc hiện thời không cho phép, thế giới này tai nạn quá nhiều, chúng sanh quá khổ. Nếu là những chuyện đa nguyên văn hóa, đoàn kết các sắc dân, đoàn kết tôn giáo, hòa bình thế giới, vì những chuyện ấy tôi vẫn phải bỏ chút sức yếu mỏng. Nếu không phải vì những chuyện ấy, tôi không xuống núi. Những chuyện ấy nay vẫn không có người thay thế; nếu có ai thay thế, tôi hoan hỷ vô lượng, tôi sẽ chẳng xuống núi, tối thiểu là phải nêu gương [ở yên tu học trên núi] mấy năm cho người khác thấy. Vì thế, chúng tôi đọc đến câu “*phó cảm ứng quần cơ*” này, thấy quả thật chẳng phải là chuyện rất dễ dàng.

Thế nhưng hiện thời là thời đại động loạn, muốn giúp đỡ thế giới khôi phục lại trật tự bình thường khó khăn quá! Nay chúng tôi biết là chuyện không thể làm mà vẫn cứ làm, dâng hiến một chút tâm lực của mình, bất luận đến nơi đâu cũng là vì chuyện này. Nay chúng ta có viễn trình giáo học (telecourse), có Internet, có truyền hình vệ tinh; tuy thế, ngẫu nhiên có những lúc chính mình phải đến nơi mới tạo ra hiệu quả ảnh hưởng, giúp cho bọn họ kiến lập tín tâm, giúp bọn họ tỉnh ngộ.

A! Bây giờ đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài Tăng Bảo Tán:

Kham tác nhân thiên công đức chủ,

Kiên trì giới hạnh vô vi.

堪作人天功德主。

堅持戒行無違。

(Đáng làm trời người công đức chủ,
Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch).

Hai câu này tiêu chuẩn rất cao! “Kham” (堪) là thực sự xứng đáng, chúng ta hãy suy nghĩ chính mình đã có thể là “*nhân thiên công đức chủ*” hay chưa? Câu này tiếp ý câu trên “*phó cảm ứng quần cơ, kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Thiên sư Bôi Độ không có vấn đề gì, tối thiểu Ngài đã chứng A La Hán, tuyệt đối chẳng phải là người phạm. Hãy nghĩ xem chúng ta có được như vậy hay không? Tôi thường nói, nhất là trong mấy năm qua, giảng kinh ở mọi nơi, tôi dùng một câu để nói tổng quát: “*Học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*” (Học làm thầy người, hạnh là khuôn mẫu cho đời), hy vọng chúng ta trở thành một tấm gương tốt trong nhân gian. Tiêu chuẩn ở đây so với hai câu của tôi cao hơn nhiều lắm.

Nhân gian, cõi trời bao gồm Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên; Vô Sắc Giới Thiên chúng ta không bàn đến. Bởi lẽ, họ không có hình tướng, là Trường Thọ Thiên; quý vị có giảng kinh, thuyết pháp, họ cũng không đến nghe. Sắc Giới Thiên thích nghe kinh, nghe pháp, chúng ta có tư cách hay chẳng? Có đảm nhiệm nổi chăng? Đối với trời, người, ta không phải là phước đức chủ mà là công đức chủ! Công đức khác với phước đức rất nhiều. Người thế gian đến cửa Phật thắp hương, lễ bái, bố thí cúng dường, cầu điều gì? Cầu phước. Phước điền! Người xuất gia là “*phước điền tăng*”. Quý vị trông thấy nơi tâm y này có từng miếng vải một, mọi người gọi nó là “*phước điền y*”; đến nơi đó gieo phước điền. Thực sự có phước để trao cho người ta hay không? Chúng ta tu hành đúng pháp thì họ được phước báo, chúng ta thực sự tu hành chứng quả. Nếu chúng ta tu hành không đúng pháp, tương lai đọa tam đồ, họ còn có phước hay chẳng? Phước báo mà đã khó khăn như thế ấy thì công đức càng chẳng cần phải nói nữa!

Công đức là gì? Không những chúng ta tự mình thành tựu, mà còn phải giúp cho người khác thành tựu. Gì là công đức? Giới - Định - Huệ là công đức. Trì giới có công; được thanh tịnh, bình đẳng là đức. Thanh tịnh, bình đẳng là Định. Tu Định hữu công, trí huệ mở mang là Đức. Câu này có nghĩa là quý vị có thể thực sự làm một vị thầy giỏi trong nhân

gian lẫn cõi trời, giúp cho đại chúng nhân thiên thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ thì mới gọi là Công Đức Chủ. Tam Học Giới - Định - Huệ của chính mình không có thành tựu, làm sao có thể thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ cho đại chúng trong cõi trời, cõi người cho được? “*Nhân thiên công đức chủ*”, chúng ta hãy suy nghĩ, mức độ, tiêu chuẩn thấp nhất cũng phải như kinh Kim Cang đã giảng: “Phá bốn tướng!” Quả thật vô ngã, không [mang tâm niệm sở hữu] riêng tư, thực sự buông danh vãn lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, triệt để đoạn trừ tham - sân - si - mạn - nghi thì mới là “*kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Đức hạnh, trí huệ, phương tiện thiện xảo chẳng đạt đến mức độ ấy, làm sao là nhân thiên công đức chủ cho được?

Câu tiếp đó nói đức hạnh của chính mình là quan trọng nhất, đây chính là một điều kiện căn bản nhất của nhân thiên công đức chủ: “*Kiên trì giới hạnh vô vi*”. Quý vị hiểu vì sao hiện nay chúng tôi phải nhấn mạnh, phải yêu cầu thực hiện Sa Di Luật Nghi đến mức như thế? Mười điều đầu là giới, hai mươi bốn điều sau đây (tức hai mươi bốn oai nghi) là hạnh. Những điều khác chúng tôi không dám nói, vì sao? Tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới quá cao! Chúng ta làm người chưa được thì còn bàn [những giới cao xa] làm gì? Học Phật thì trước hết phải học làm người. Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, hiểu rõ xã hội hiện đại, hiểu rõ những diễn biến trong xã hội: Luân thường đạo đức, giáo huấn của thánh hiền hoàn toàn bị băng hoại, con người phải chịu đại khổ nạn. Ấn Quang đại sư không nhấn mạnh giới hạnh mà nhấn mạnh điều gì? Liễu Phàm Tứ Huấn! Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều gì? Tin sâu nhân quả. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đó thôi! Nội dung của Liễu Phàm Tứ Huấn là giảng về điều này. Quý vị thực sự hiểu và tin tưởng nhân quả báo ứng thì mới phát tâm đoạn ác tu thiện, hy vọng chính mình trong tương lai sẽ được quả báo tốt đẹp.

Do vậy, Tổ Sư dạy chúng ta tu Cảm Ứng Thiên, học Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn; dùng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn thay cho Giới Luật. Cách này hay lắm, những sách ấy không phải là kinh điển, không từ ngoại quốc truyền vào, mà do chính người Hoa soạn ra, tự mình viết ra. Do vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư. Trong An Sĩ Toàn Thư có bốn thứ, thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chiếm hết nửa bộ toàn thư. Ba thiên sau là Vạn Thiện Tiên Tư giới sát, Dục Hải Hồi Cuồng giới dâm, cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ khuyên niệm Phật. Quý vị thấy Ấn

Quang đại sư lão nhân gia khổ tâm. Nếu nhìn từ thực tế thì là “trì giới niệm Phật, tin sâu nhân quả”. Trì giới niệm Phật chính là điều Ngài suốt đời đề xướng đến tột bậc, là pháp môn Bất Nhị thực sự cứu vãn kiếp vận trước mắt, tô Ân Quang dùng phương pháp này để thực hiện, “*kiên trì giới hạnh vô vi*”, phải chú trọng, quyết định chẳng được trái nghịch.

Nếu trái nghịch, từ đây về sau quý vị sống khó khăn, vị lai chẳng thể nghĩ tưởng nổi, tương lai là ác báo tam đồ. Tam đồ rất dễ vào, chẳng dễ gì thoát ra. Quý vị phải có tâm cảnh giác cao độ, nếu không, đến lúc đọa lạc, khi ấy có hối cũng không kịp nữa. Vì thế, tu hành thực sự ngay trong lúc nào? Tôi thường khuyên lơn các đồng học phải thực hiện ngay trong hiện tại, phải bắt đầu từ hiện tại, hạ quyết tâm thực sự làm, đã chậm lắm rồi, không thể chần chừ được nữa! Tất cả hết thầy pháp trong thế gian đều không thật, kinh Kim Cang nói hay lắm: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Không có gì là thật, chỉ có tin sâu nhân quả, trì giới niệm Phật là thật. Vì sao? Cái quý vị mang theo được chắc chắn là thiện nhân, thiện quả, nhân tốt, quả tốt, vì sao không chịu làm? Cả một đời người thực sự hạnh phúc, thực sự sung sướng, chẳng lìa hiền thánh. Không lìa hiền thánh bằng cách nào? Không tách lìa giáo huấn của hiền thánh.

Về sách thế gian, trước kia, tôi đến Đài Trung tiếp nhận sự giáo huấn của thầy Lý, thầy Lý dạy cho tôi ba loại: Thứ nhất là Tứ Thư, thứ hai là Ngũ Chung Di Quy⁹⁶, ngoài ra là Cổ Văn Quán Chi. Học Cổ Văn Quán Chi để học văn tự, học văn chương. Hai thứ đầu là đức hạnh, là học vấn. Đủ rồi! Cả đời dùng không hết! Kinh Phật cũng không cần nhiều, có mấy thứ thôi mà cả đời dùng không hết. Ân Quang đại sư bảo [chúng ta phải học] ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên

⁹⁶ Ngũ Chung Di Quy là tác phẩm do Trần Hoằng Mưu biên soạn vào đời Thanh, là sách để dạy trẻ nhỏ và giáo dục xã hội. Nội dung bao gồm những giáo huấn hay đẹp của tiên nhân về dưỡng tánh, tu thân, trị gia, cách làm quan, xử thế, giáo dục v.v... phân chia thành năm loại chính nên mới có tên là Ngũ Chung Di Quy. Năm loại chính là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tùng Chánh Di Quy và Tại Quan Pháp Giới Lục. Trần Hoằng Mưu (1696-1771), tự là Nhữ Tư, người huyện Qué Lâm, tỉnh Quảng Tây, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh nhà Thanh, từng làm đến chức Đông Các Đại Học Sĩ kiêm Công Bộ Thượng Thư, rất được vua Càn Long coi trọng và tín nhiệm. Ông làm quan cần mẫn, chú trọng mở mang giáo dục cho các sắc dân thiểu số, chăm nom công tác thủy lợi tại Thiên Tân, Hà Nam, Giang Tây, tu bổ đền đài v.v...

Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư. Chúng tôi thường học tập pháp môn Tịnh Độ, năm kinh một luận của Tịnh Độ. Trước kia, thầy Lý còn dạy thêm cho chúng tôi kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm. Đủ rồi, không cần học thêm nữa! Chúng tôi cả đời chuyên tu, chuyên hoằng, tâm định lại, một môn thông rồi mới học sang môn khác.

Suốt đời lấy một môn làm chủ, chủ tu một môn, có thể học những môn khác để phụ trợ cho môn mà quý vị chủ tu, hòng làm rạng rỡ một môn ấy, chúng ta quyết định không cần nhiều hơn nữa. Nhiều sẽ không thể tiêu hóa nổi, tiếp nhận không nổi. Vãng giữ được như thế thì gọi là “*giới hạnh*”. Giới là quy củ, Giới là tịnh giới, ta chỉ tuân thủ trong phạm vi ấy, khéo học tập, ngàn kinh muôn luận khác đến thế giới Cực Lạc sẽ học sau, không trễ đâu! Đến thế giới Cực Lạc, chúng ta chứng được vô lượng thọ, có thọ mạng như thế, có thời gian như thế, hưởng chi nơi đó có thầy giỏi, có đồng học tốt, hoàn cảnh tu học tốt, lẽ đâu chẳng thành tựu? Chẳng thể tham nhiều mà phải chuyên tinh.

Dùng kinh luận sửa đổi cho đúng tư tưởng, kiến giải của chính mình. Cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta không trái nghịch kinh luận. Ngôn ngữ, hành động không trái nghịch Giới Luật, lấy giới luật làm tiêu chuẩn, sửa đổi hành vi. Dùng kinh luận làm tiêu chuẩn để sửa đổi tư tưởng, kiến giải của chính mình cho đúng. Chúng ta tu hành có tiêu chuẩn; nếu trái nghịch những tiêu chuẩn ấy thì là sai lầm. “*Kiên trì*” là quyết định không trái nghịch. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta làm gì thì phải thực sự làm, dạy chúng ta không được làm những gì thì quyết định chẳng trái nghịch, đó là “*kiên trì*” (giữ vững). Người khác kiên trì hay không chẳng dính dáng gì đến mình, chúng ta quyết chớ nên nhìn vào người khác. Người khác có làm thì mình cũng làm, người khác không làm, mình làm để làm chi? Nghĩ như vậy là sai! Người khác đi theo con đường tam đồ, quý vị cũng theo họ đi luôn! Người ta đọa A Tỳ địa ngục, quý vị cũng theo họ đi vào. Vậy là lầm lạc quá rồi! Người ta tốt đẹp thì có thể học theo, tự mình phải có trí huệ, có năng lực phân biệt đúng - sai, thiện - ác, phân biệt nhân - quả, tà - chánh, quý vị phải có năng lực ấy. Không có năng lực đó, nhất định phải theo thầy; khi không có thiện tri thức, nhất định phải nương theo kinh giáo: Học lấy một bộ kinh giáo, nhất định phải tuân thủ những điều được giáo huấn trong bộ kinh luận ấy.

Hiện tại, các đồng học đều lấy kinh Vô Lượng Thọ làm tiêu chuẩn

tu hành cho mình, rất tốt! Kinh Vô Lượng Thọ nội dung hết sức phong phú, toàn kinh từ đầu đến cuối, mỗi một phẩm đều nói đến Giới Luật. Nói nhiều nhất là từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, nếu quý vị chú tâm quán sát đoạn kinh văn lớn ấy, sẽ thấy kinh thuyết minh tỉ mỉ về Ngũ Giới, Thập Thiện, có những điểm chánh yếu để học tập và mặt phụ là nhân quả. Vì thế, chúng tôi lấy ra, soạn thành kinh văn để đọc tụng trong khóa tối, với mục đích hy vọng mỗi ngày y theo kinh giáo để tu hành pháp sám hối. Đọc đến đoạn này bèn theo văn nhập quán, vừa niệm vừa nghĩ đến bản thân, Phật dạy mình làm gì, mình làm được hay chưa? Phật dạy mình không được làm gì, mình có trái nghịch hay không? Phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới thì gọi là chân chánh tu hành. Thực hiện khóa tối như thế sẽ có công đức. “Miệng có, tâm không” là chẳng được. Lại xem tiếp hai câu cuối của bài tán tụng:

*Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,
Chân tích trượng đề huê.*

我今稽首願遙知。

振錫杖提攜。

*(Con nay cúi lạy nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huê).*

“*Khể thủ*” là đánh lễ tam bái. Ở đây, chúng ta đánh lễ ba lạy, hy vọng dù Ngài ở phương xa, cũng trông thấy, cũng nghe biết. Ngài biết được ý tứ trong lòng con, chân thật không giả dối tí nào. Nhất là bậc Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, trong cảnh giới ấy, không gian không còn, xa - gần không có, thời gian không có, trước - sau không có, Pháp Thân Bồ Tát ở trong cảnh giới ấy, làm sao không biết cho được? Dầu ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, vẫn thấy chúng ta rõ ràng, rành rẽ. Nay chúng ta ở đây khể tiếng nói thì thầm, Ngài cũng nghe rõ ràng, thông suốt; chúng ta khởi tâm động niệm gì Ngài đều biết cả. Kinh Vô Lượng Thọ nói rất hay: Người vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân nhìn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt cùng tột, Tha Tâm biết khắp cả). Chúng ta khởi tâm động niệm họ đều biết ngay, chẳng thể che mắt ai được!

Muôn vàn phần chớ nên lừa dối người khác. Lừa dối phạm phụ dễ, chứ dối với hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, không có cách gì dối gạt

được. Họ hiểu quý vị quá rành, quá rõ rệt, những hành vi quý vị đã làm trong đời đời kiếp kiếp họ biết hết. Thanh Văn, Duyên Giác, thiên thần, quỷ thần cũng có tiểu thần thông, họ chưa chắc biết được chuyện trong đời đời kiếp kiếp của quý vị, nhưng mọi hành vi trong hiện đời sẽ không thể che mắt họ được. Vì thế, cổ nhân thường nói: “*Cử đầu tam xích hữu thần minh*” (Trên đầu tính lên ba thước có thần minh), làm sao người ta không biết được? Do vậy, quý vị chánh tâm, chánh hạnh, chư Phật bèn hộ niệm, thiện thần bảo vệ, ban phước, ác thần cũng tôn kính! Có sao không làm? Quý vị học Phật tâm địa ngày càng thanh tịnh, công phu càng tốt, cảm ứng cảnh giới càng rõ rệt. Cảnh giới ấy chắc chắn tăng trưởng tín tâm, kiên định nguyện hạnh cho quý vị, vì sao? Hoàn toàn hiểu rõ rồi, là thật, chứ không giả, trên con đường Bồ Đề không cô đơn, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

“*Chấn tích trượng đề huê*”: Chúng ta là phàm phu, cần phải có người đề bạt. Tăng Bảo gần gũi chúng ta nhất. Người xuất gia “*tích trượng*” chẳng rời tay, dùng để làm gì? Dùng khi ra khỏi cửa khát thực. Đi khát thực, cổng nhà người ta đều đóng, mình gõ cửa nhà người ta là thiếu lịch sự, chẳng thể gõ cửa nhà người ta, làm như thế nào đây? Chúng ta ôm bát đứng bên ngoài họ không biết. Rung tích trượng, tích trượng vừa rung, trên tích trượng thường gắn những cái vòng đồng, hoặc vòng sắt, rung lên sẽ phát ra tiếng. Người trong nhà nghe bên ngoài có người rung tích trượng, biết có người xuất gia đến khát thực, họ tự nhiên mở cửa cúng dường. Nếu hôm nay người ta không có gì để cúng dường mình, họ không mở cửa. Rung tích trượng ba lần, cửa không mở, phải đi ngay, chẳng được lần chân tại đó, qua khát thực nhà thứ hai.

Đức Phật quy định không được khát thực quá bảy nhà. Bảy nhà đều không xin được thì phải quay về niệm Phật; nhưng vẫn còn có cái để ăn, vì không phải là khát thực vừa xin được bèn ăn liền, không phải như vậy! Nếu không, sẽ là phạm oai nghi. Xin xong phải trở về đạo tràng, ăn cùng đại chúng. Người xin được nhiều chia cho người xin được ít. Không xin được gì thì cũng được người khác chia sót. “*Chấn tích trượng đề huê*”: Nay ta khát thực, không xin được thì những người xin được nhiều sẽ sót cho mình một chút. Đây là Sự, từ chuyện này mở rộng ra: Chúng ta tu hành gặp khó khăn, gặp phải thử thách, gặp phải mê hoặc, gặp phải chướng nạn, phải nhờ vào thiện tri thức nâng đỡ, phải nhờ thiện hữu giúp đỡ, đó là bạn lành, Tăng Bảo đấy! Giảng đến đây có thể coi là xong một đoạn, nhưng trong đây lại còn một tầng ý nghĩa sâu hơn, người tại gia cũng là Tăng Bảo.

Nên giải thích như thế nào? Do ý nghĩa của chữ Tăng không phân biệt là tại gia hay xuất gia, chỉ cần tu Lục Hòa Kính, nghiêm trì Giới Luật, bốn người ở cùng một chỗ, người tại gia bốn người ở cùng một chỗ cũng là Tăng Bảo, cũng là Tăng Đoàn. Quý vị nhất định phải thực sự tu hành. Trong nhà Phật có bốn hạng xuất gia, điều này nhất định phải biết.

1) Loại thứ nhất là thân xuất gia, tâm không xuất gia. Về hình tướng là người xuất gia, nhưng tư tưởng, kiến giải, hành vi là người tại gia, không phải là Tăng Bảo. Cổ đại đức bảo hạng người xuất gia này là: “*Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới giác hoàn*” (Một hạt cơm thí chủ, to bằng núi Tu Di, đời này không liễu đạo, đeo lông, đội sừng đèn). Trong tương lai, bọn họ phải trả nợ, họ không tu hành đúng pháp.

2) Loại thứ hai là tâm xuất gia nhưng thân không xuất. Đây là người tại gia chân chánh tu hành, họ là Tăng Bảo. Dù hình tướng là người tại gia, nhưng chân tu nên giống như người xuất gia, không khác gì. Họ thuộc về Tăng Bảo.

3) Loại thứ ba là thân tâm đều xuất. Đương nhiên là đạt tiêu chuẩn xuất gia cao nhất. Thân xuất gia tâm cũng xuất gia, thực sự ở trong trần thế (“*trần*” (塵) là bụi đất) không nhiễm mấy trần, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần. Phải hiểu Tăng Bảo được tán dương ở đây là hạng tâm xuất gia và “thân xuất gia, tâm cũng xuất gia”. Đây mới là Tăng Bảo chân chánh.

4) Loại thứ tư là thân tâm đều chẳng xuất: Thân lẫn tâm không xuất chẳng phải là mọi người bình thường trong thế gian, không phải vậy! Ở đây nói đến kẻ tại gia học Phật, tại gia học Phật thì thân không xuất, nhưng tâm như thế nào? Tâm cũng không xuất! Thân lẫn tâm đều không xuất, mang danh là cư sĩ tại gia, nhưng tâm không hướng về đạo. Trong cuộc sống thường ngày vẫn tùy thuận phiền não tập khí, chẳng tùy thuận những giáo huấn trong kinh luận, thân lẫn tâm đều không xuất!

Như vậy, bốn loại này đều nói về tứ chúng đệ tử trong nhà Phật, không dựa vào cửa Phật thì chẳng tính đến. Chúng ta phải hiểu điều này. Do vậy, tại gia hay xuất gia đều phải thực sự tu tập thì mới được kể là Tăng Bảo. Nếu không thực sự tu tập sẽ chẳng có phần trong Tăng Bảo. Không có phần thì có tạo tội nghiệp hay không? Đương nhiên tạo nghiệp! Tạo nghiệp như thế nào? Tôi nói ra mọi người hiểu ngay: “Phá hoại hình ảnh Phật giáo, tội ấy không nhẹ!” Quý vị đều biết: Trong Ngũ Nghịch, Thập Ác có tội phá hòa hợp Tăng, có điều này. Tội phá hòa hợp Tăng đọa A Tỳ địa ngục, rất nặng! Quý vị phá hoại hình ảnh của Phật

giáo, nghĩ xem: Tội ấy khác nào tội phá hòa hợp Tăng? Ta là người xuất gia, làm chuyện rất không đúng pháp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn chửi rủa Phật giáo, chửi cá nhân mình không sao, toàn thể Phật giáo bị kẻ ấy chửi lây. Quý vị nghĩ coi: Cái tội ấy nặng lắm! Cư sĩ tại gia học Phật, học không đúng pháp, khiến cho xã hội đại chúng nghĩ: “Gã đó là người học Phật mà lại như thế đó!” Quý vị có phạm tội lỗi hay không? Liên lụy toàn thể những người học Phật, liên lụy toàn bộ Phật pháp, chuyện này thật nghiêm trọng!

Vì sao trong lịch sử chúng ta thấy thời cổ những người xuất gia được quốc vương, đại thần, sĩ đại phu (nay ta gọi [sĩ đại phu] là “những người có chức vị”) tôn kính đến như vậy? Vì đạo lý nào? Những vị xuất gia ấy thực sự là tịnh quang của Phật, có đạo đức, có học vấn, nghiêm trì Giới Luật, thuyết pháp lợi sanh, biện tài vô ngại, đối với pháp thế gian hay xuất thế gian đều không cầu điều gì, không lấy điều gì, ai mà chẳng tôn kính? Bởi thế, họ đúng là “*kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Đê vương, quan lại cam tâm quy y, tôn quý vị làm thầy! Vì sao trong xã hội những kẻ xuất gia chúng ta ngày nay bị người ta coi thường? Tự mình phải quay đầu nghiêm túc suy nghĩ, là công hay là tội, là họa hay là phúc, quý vị phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch!

Nếu quý vị không thực sự tu, làm sao xứng với Phật, Bồ Tát cho được? Làm sao xứng với tổ sư đại đức đời đời truyền thừa cho được? Làm sao xứng với mười phương thiện tín xuất tiền bỏ sức cúng dường quý vị? Người ta nhọc nhằn, vất vả kiếm tiền đến cúng dường quý vị, vì lẽ nào? Quý vị dựa vào đâu để hưởng cho tiêu [của cúng dường ấy] được? Do vậy, trong phần Tam Bảo Tán, đọc đến phần Tăng Bảo Tán, cảm khái muôn vàn! Phải tự phản tỉnh, kiểm điểm sâu xa, chẳng thể không biết, chẳng thể không quay đầu, chẳng thể không sửa lỗi! Chúng ta xem tiếp đoạn khai thị kế đó, là lời của thiền sư Trung Phong:

36. Khai Thị

Niệm Phật ký từng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai. Tu du bồi niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài? Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Trong phần khai thị, quan trọng nhất là bốn câu này. Bốn câu ấy này đối với người học Phật chúng ta, bất luận xuất gia hay tại gia cũng đều là “đương đầu bồng hát”⁹⁷: “*Niệm Phật ký từng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoài lai*” (Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài?) Câu này thuyết minh làm lành hay tạo ác đều do một cái tâm. Cái tâm ấy không làm lành sẽ tạo ác, chắc chắn là như thế! Niệm Phật là điều lành nhất trong mọi điều lành, không có gì lành hơn được. Trong tâm quý vị bất luận nghĩ đến thiện pháp nào, tương lai nhất định có thiện quả, thiện quả không ngoài cõi trời người. Trong tâm quý vị nghĩ đến hết thấy ác pháp, quả báo chẳng ngoài tam đồ. Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp, nghiệp nếu không phải là thiện nghiệp thì sẽ là ác nghiệp. Trong xã hội hiện thời phiền phức lắm, vì sao? Giáo huấn của thánh hiền không còn nữa, không ai nói nữa. Những sách vở ghi chép giáo huấn của hiền thánh được lưu truyền rất ít, không ai đọc.

Trước kia, tôi ở Đài Loan, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ Tứ Khố Toàn Thư; lúc ấy tôi muốn mua, tâm có thừa mà sức không đủ, không có tiền. Về sau, Thế Giới Thư Cục lại xuất bản bộ Tứ Khố Hội Yếu, lúc ấy tôi rất hoan hỷ. Tôi nghĩ Tứ Khố nay vẫn còn có mấy bộ được lưu truyền. Trước kia, những người già cả bảo tôi: Vào thời hoàng đế Càn Long, nguyên bản Tứ Khố Toàn Thư được chép tay, chép thành bảy bộ. Đã nhiều năm trôi qua, qua bao chiến tranh loạn lạc, thay đổi triều đại, tổn thất hết, bị hủy hoại hết, thất lạc hết, đáng tiếc thay! Đại khái ở Trung Quốc Đại Lục còn được hai bộ, Đài Loan có một bộ là ba bộ. Những bản dở dang, không hoàn toàn cũng còn được vài bộ, nhưng Tứ Khố Hội Yếu không có. Đương thời chỉ có hai bản Tứ Khố Hội Yếu, một bản để ở Si Tảo Đường⁹⁸, tức là thư phòng của vua Càn Long trong hoàng cung. Bộ kia để tại vườn Viên Minh, trong vườn Viên Minh có

⁹⁷ Đương đầu bồng hát: Bồng (棒) là cái gậy, Hát (喝) là tiếng hét. Tông Lâm Tế thường dùng gậy hay tiếng hét để khai ngộ cho hành giả. Ở đây, Hòa Thượng mượn thuật ngữ này của Thiên tông để nhấn mạnh ý cảnh tỉnh khai ngộ rất mạnh của bốn câu này.

⁹⁸ Si Tảo Đường (撝藻堂) nằm ở Đông Bắc của Ngự Hoa Viên trong Cố Cung Bắc Kinh, được xây dựng vào thời Càn Long, chủ yếu để tàng trữ sách. Chữ Si ở đây có nghĩa là truyền bá, hoằng dương, bày vẽ, triển khai, lấy ý từ câu “*si tảo như xuân hoa*” (vẽ vờn văn chương như hoa mùa Xuân), do vậy, “si tảo” có nghĩa là hoằng dương văn hóa. Vườn Viên Minh cũng là hoa viên của nhà Thanh, có quy mô rất to lớn. Đến thời Từ Hy Thái Hậu lại mở rộng thêm, xây cất hết sức tráng lệ.

một bộ Toàn Thư và một bộ Hội Yếu. Lúc bát quốc liên quân⁹⁹ thiêu hủy vườn Viên Minh, hai bộ ấy bị hủy cả. Do vậy, [Tứ Khố] Hội Yếu chỉ còn lại một bộ.

Một bản độc nhất trên đời này! Thế Giới Thư Cục in ra, tôi hết sức hoan hỷ. Do vậy, lúc ấy có những đồng tu giúp đỡ tôi, tôi mua được một bộ. Mua được một bộ, tôi không đủ sức đọc, tôi nghĩ phải gởi về Trung Quốc Đại Lục, vì Trung Quốc Đại Lục không có, rất nhiều người còn chưa được nghe đến. Tôi bèn phát tâm, sau này tận hết sức mua được năm bộ. Năm bộ ấy, lần thứ nhất gởi về Trung Quốc Đại Lục, gởi về Đại Học Bắc Kinh một bộ; gởi một bộ về Đại Học sư phạm Nam Kinh, gởi về Đại Học Phúc Đán ở Thượng Hải một bộ; An Huy là quê cũ, cũng là nơi phát nguyên của Đồng Thành phái¹⁰⁰, gởi tặng một bộ về

⁹⁹ Bát quốc liên quân là lực lượng quân đội liên kết tám đại đế quốc thời đó là Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Nga, Ý và Áo lên đến 3 vạn người (sử ngoại quốc ghi là 45.000 người). Nguyên do là do vua Quang Tự nghe theo kế hoạch duy tân của Khang Hữu Vi toan lật đổ Từ Hy thái hậu. Âm mưu thất bại, các nước ngoại quốc giúp đỡ thầy trò Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi trốn sang Nhật. Từ Hy bèn giam lỏng vua Quang Tự tại Doanh Đài, toan phế vua, nhưng do các nước phản đối nên chưa dám hành động. Lại thêm thất bại trong cuộc chiến tranh Trung Nhật năm Giáp Ngọ (1894), đây là cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa nhà Thanh và triều đình Nhật trên bán đảo Triều Tiên. Nghe lời xúi giục của Viên Thế Khải, Từ Hy quyết định tận dụng sức mạnh của giáo phái Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ) để chống lại ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn là một giáo phái mê tín xuất phát từ Sơn Đông, chủ trương đánh quyền, vẽ bùa niệm chú, luyện kim đan, khoe thân kim cang bất hoại, đạn bắn không lúng, thề tiêu diệt giáo dân Thiên Chúa Giáo và người ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn tiến vào Bắc Kinh tháng Sáu năm 1900, tấn công khu vực ngoại quốc, khiến họ phải ẩn nấp trong khu Đông Giao Dân Hạng (Legation Quarter) là khu vực của tòa lãnh sự các nước Âu Tây. Liên quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn vây hãm khu này suốt 55 ngày, nên tòa lãnh sự các nước đánh điện cầu cứu chính phủ của họ. Bát quốc liên quân đánh tan quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn, chiếm lãnh toàn bộ Bắc Kinh vào ngày 14 tháng Tám năm Canh Tý (1900) khiến Từ Hy và Quang Tự phải chạy trốn về Tây An (Thiểm Tây), phái Lý Hồng Chương điều đình. Cuối cùng, nhà Thanh buộc phải ký hòa ước bất bình đẳng Tân Sửu (tháng 7, năm 1901). Nhà Thanh phải bồi thường chiến phí, mất rất nhiều chủ quyền, phải cắt đất cho các nước Âu Tây và Nhật lập tô giới. Bát Quốc Liên Quân (nhất là quân Đức, Nga và Pháp) đã cướp bóc Tử Cấm Thành, giết người, hoặc hãm hiếp rồi dùng lưới lê đâm chết nạn nhân, đốt phá rất nhiều nhà thường dân, hủy hoại rất nhiều phẩm vật văn hóa quý báu như tranh vẽ, bút thiếp, sách vở, đồ cổ ngoạn.

¹⁰⁰ Đồng Thành phái: Chỉ trưởng phái của văn gia Phương Bao (11668-1749), tự Phong Cửu, hiệu Vọng Khê, là một nhà tán văn nổi tiếng đời Thanh, người huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tác phẩm của ông được in thành Phương Vọng Khê Toàn Tập.

Đại Học An Huy. Còn một bộ gửi về quê hương Càn Long thuộc miền Đông Bắc, tức là gửi về Đại Học Trường Xuân thuộc quê hương của Càn Long.

Sau này từ từ có tiền bèn mua, tổng cộng mua đến ba mươi bốn bộ, cả Trung Quốc mỗi một tỉnh, thành phố đặc biệt, khu tự trị mỗi nơi đều tặng một bộ; mỗi nơi chọn lấy một Đại Học tốt nhất, hy vọng những sách này sẽ được lưu truyền dài lâu. Sau rốt, có một vị cư sĩ đến bảo tôi ông ta phát tâm tặng tôi một bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi hết sức vui vẻ. Tôi hỏi mua một bộ nơi Thương Vụ Ấn Thư Quán, bản cuối cùng của Thương Vụ Ấn Thư Quán được bán cho tôi. Tổng kinh lý (General Manager) [của Thương Vụ Ấn Quán] bảo tôi: “Bộ sách này nếu một người mới đẻ ra đã biết đọc, mỗi ngày đọc tám tiếng, đọc đến một trăm hai mươi tuổi vẫn đọc chưa xong”. Tôi mua một bộ hiện được đặt tại nhà giảng mới của chúng ta. Tôi hỏi ông ta sách này in với số lượng bao nhiêu, tôi ước tính chừng ba trăm bản. Ông ta bảo không sai, chỉ in ba trăm bản. Lúc ấy tôi ước tính Hội Yếu chỉ in năm trăm bản.

Năm ngoái, tôi qua Đài Loan giảng kinh, gặp được tổng kinh lý của Thế Giới Thư Cục tôi mới biết họ chỉ in hai trăm bản, vì sao? Sách ấy không có ai đọc. In nhiều không bán được. In hai trăm bản mà hiện nay họ vẫn còn tám bộ. Như vậy thì quý vị mới biết khó khăn như thế nào, những thứ của cổ thánh tiên hiền hiện nay không có người đọc. Người hiện tại đọc những thứ gì? Không đọc sách mà chơi computer, coi Internet. Nội dung Internet tôi không biết, tôi chỉ nghe nói đủ màu đủ vẻ, đại khái là bảy mươi, tám mươi phần trăm là tài liệu dạy dỗ, cũng được đi! Dạy toàn giết - trộm - dâm - dối; nói cách khác, mỗi ngày quý vị tiếp xúc những thứ đó, tâm chắc chắn bị các ác pháp ô nhiễm, khởi tâm động niệm bất thiện, quả báo chẳng thể tưởng tượng được nổi.

Hiện thời người học Phật đông đảo, nhưng người chân chánh học Phật được mấy ai? Nếu quý vị đào thải từng tầng một, đào thải đến tối hậu thì toàn thế giới, e rằng chưa tìm được một trăm người. Tôi ước lượng như vậy là còn lớn lắm. Người chân chánh học Phật trên toàn thế giới tìm không được một trăm người thì còn nói gì được nữa? Điều là do ý niệm. Làm lành cũng do nó, làm ác cũng do nó. Chúng ta phải hiểu, phải cảnh giác. Tự mình phải khéo suy nghĩ: Mình đang theo con đường Phật, hay đi trên đường địa ngục, phải nghiêm túc suy tưởng, nghĩ ngợi đi!

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 56

Chư vị đồng học!

Xin xem đoạn Khai Thị sau phần Tán Tăng Bảo, chúng ta đọc đoạn này một lượt:

Niệm Phật ký tùng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai, tu du bởi niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã do tâm mà có, kết nghiệp há thuộc ngoài tâm. Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Đây là một đoạn. Trong phần trên tôi đã nói rồi, trong đoạn này thiên sư bảo chúng ta: Làm lành hay làm ác đều trong một tâm niệm, hoàn toàn giống như lời đức Phật dạy trong các bộ kinh Đại Thừa. Trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh, hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Đó là nói đến cùng tận. Đức Phật lại còn thường dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thảy pháp từ tâm tướng mà sanh). Câu thứ nhất [trong phần Khai Thị trên đây] nói về niệm Phật: Quý vị nghĩ tưởng Phật, nghĩ tưởng Phật bèn thành Phật. Câu tiếp đó là “*kết nghiệp*”: Trong tâm nghĩ đến những nghiệp thiện hay ác, quý vị nghĩ đến điều thiện bèn hưởng phước báo trong nhân thiên tức ba đường lành; nghĩ đến điều ác bèn có ác báo trong tam đồ địa ngục. Toàn là do một tâm, tùy thuộc cách nghĩ của quý vị ra sao; mối quan hệ này rất lớn lao.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật cũng bảo rõ ràng cùng chúng ta: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả*” (các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện, hết thảy nhân quả); từ ngữ “*nhất thiết nhân quả*” ở đây bao gồm nhân quả của y báo và chánh báo trong mười pháp giới, gồm cả nhân quả xuất thế Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Khởi tâm động niệm là tạo nhân, nhân gặp được duyên, quả báo nhất định hiện tiền, đúng như ngôn ngữ có câu: “*Bất thị bất báo, thời thân vị đáo*” (Chẳng phải không báo, thời giờ chưa đến). “*Thời thân*” là gì vậy? Duyên! Duyên chưa đủ. Hễ duyên đầy đủ thì quả báo hiện tiền ngay lập tức. Chúng ta chẳng thể không hiểu đạo lý này!

Đức Phật lại thường nói: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*” (Y báo chuyển theo chánh báo). Chánh báo là khởi tâm động niệm; còn về y báo thì y báo thân thiết nhất là thân thể của chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm chẳng thể không có thân thể này. Y báo và chánh báo là một, không hai. Đã có thân thể này thì không thể chẳng có hoàn cảnh sinh sống. Quý vị chú tâm tư duy, quán sát toàn thể vũ trụ, nay chúng ta gọi [chánh báo] là tinh thần, vật chất và tinh thần quyết định chẳng thể chia lìa, chúng là một thể: Tinh thần là tinh thần của vật chất. Vật chất là vật chất nơi tinh thần, là một, không hai, đều là “*tâm hiện, thức biến*”. Trong Phật pháp gọi [tinh thần và vật chất] là Tâm Pháp và Sắc Pháp. Sắc và Tâm cùng một nguồn, trong Phật pháp gọi cái nguồn ấy là Pháp Tánh hoặc là Chân Tánh.

Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm chẳng thể không cẩn thận, chớ tưởng động một ác niệm không sao, không ăn nhằm gì, nghĩ như vậy là hoàn toàn nghĩ sai rồi! Bất luận ý niệm nào, người hiện tại gọi là “*ba động*” (dao động, fluctuation), trong Phật pháp cũng gọi là “*ba động*”. Vô minh là ba động, phạm vi của ba động trọn khắp hư không giới, khắp pháp giới, tốc độ nhanh chóng! Làn sóng tư tưởng không phải là làn sóng vật chất. Tốc độ của sóng vật chất không nhanh; trong những hiện tượng vật lý, con người hiện tại đều biết: Tốc độ lan truyền nhanh nhất là sóng điện từ (electromagnetic wave) và sóng ánh sáng. Các khoa học gia cũng phát hiện: Trong vũ trụ còn có những tốc độ nhanh hơn thế nữa, nhưng tốc độ nhanh nhất chính là sóng tư tưởng, khởi tâm động niệm trong khoảnh khắc bèn trọn khắp hư không pháp giới.

Do vậy, chẳng những trong mỗi niệm làn sóng điện từ ấy tương ứng với chư Phật Như Lai mà thậm chí còn tương ứng với hết thảy chúng sanh trong tam đồ, với vô tình chúng sanh, “*tình và vô tình, cùng viên mãn Chung Trí*”. Những sóng ấy giống như một cái lưới, kín mít dày đặc hợp thành một Thể. Dầu là một Thể, nhưng có trật tự, không hỗn loạn tí ti nào. Giống như trong lớp học của chúng ta, chúng tôi dùng cái phòng học này để tỷ dụ vũ trụ, để sánh ví hư không pháp giới. Chúng ta lấy những ánh đèn trong giảng đường để tỷ dụ mười pháp giới, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới. Dùng sóng ánh sáng để tỷ dụ làn sóng tư tưởng khi quý vị khởi tâm động niệm. Đèn vừa bật lên, ánh sáng lập tức tỏa khắp giảng đường. Ánh sáng của mấy chục ngọn đèn ở nơi đây dung hợp thành một thể, thoát nhìn không thể tách rời nhau, nhưng không hỗn loạn chút nào. Vì sao? Quý vị tắt ngọn đèn nào đi, ánh sáng của ngọn ấy không còn nữa, trọn chẳng khuấy nhiễu ánh sáng của những

ngọn khác.

Sóng tư tưởng vĩnh viễn chẳng gián đoạn, không giống như những ngọn đèn của chúng ta, ngọn đèn tắt đi quả thật không còn nữa. Tư tưởng của hết thấy chúng sanh vĩnh viễn không đoạn, vì sao? Đây là bản năng của tự tánh, chỉ có chuyển biến, chứ không thể đoạn. Thiện biến thành ác, ác biến thành thiện, tịnh biến thành nhiễm, nhiễm biến thành tịnh; trong ấy có biến hóa, chứ không bị đoạn, vĩnh viễn chẳng bị gián đoạn giữa chừng. Tịnh thiện thì quả báo thù thắng, nhiễm ác thì quả báo rất khổ, lục đạo tam đồ! Hai câu này nêu rõ ý nghĩa sau đây: Niệm Phật đã từ tâm mà ra thì kết nghiệp cũng do tâm mà có. Nghiệp ấy bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, bao gồm cả Nhất Chân pháp giới, trọn chẳng tách lìa quả báo ứng.

Tiếp đó, thiền sư bảo chúng ta: “*Tu du bối niệm Phật chi tâm, sát na tức kết nghiệp chi sở*” (Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na), hai câu này nếu dùng văn Bạch Thoại hiện thời để nói thì là: “Quý vị không niệm Phật bèn tạo nghiệp, Phật hiệu vừa ngưng bèn lập tức tạo nghiệp mà quý vị chẳng hay chẳng biết!” Nếu biết, nếu giác ngộ thì quý vị chính là người thấu hiểu, khai ngộ. Phàm phu khởi tâm động niệm nhưng chẳng hay chẳng biết, chưa hề giác ngộ. Người tu hành thông qua huân luyện, dẫn chúng ta ở nhà đọc kinh một mình thì đọc kinh cũng là thông qua huân luyện, học tập từ kinh điển. Quý vị học được điều gì? Thực sự học được thì sẽ giác ngộ! Điều giác ngộ đầu tiên: Ta không niệm Phật sẽ tạo nghiệp! Vì sao? Không niệm Phật thì những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức sẽ hiện hành, chúng ta thường gọi là “khởi vọng tưởng”. Quý vị không niệm Phật ắt khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng là kết nghiệp, tạo nghiệp.

Đây là lý do tại sao các vị Bồ Tát, tổ sư, đại đức đau lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta: “*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”, vì sao không gián đoạn? Vừa gián đoạn bèn tạo nghiệp, vừa gián đoạn bèn suy nghĩ lung tung. Những gì quý vị tưởng nghĩ đến chắc chắn là luân hồi, cái “tưởng” ấy là tâm luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, luân hồi kiên cố, quyết định không ra khỏi luân hồi, phiền phức là đây! Nếu chúng ta muốn thoát khỏi luân hồi ngay trong một đời này, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì quý vị chẳng thể không tôn trọng những giáo huấn ấy của cổ đức, chẳng thể không phụng hành! Đây chính là tịnh niệm tiếp nối!

Chỉ có tịnh niệm tiếp nối, trong một đời này quý vị mới góc đầu lên được. Ai nấy đều luân hồi lục đạo, quý vị vượt thoát ra, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Còn gì thù thắng bằng? Quý vị phải biết điều thù thắng bậc nhất khôn sánh này! Hai câu này hết sức trọng yếu, hãy nên chép thành một tấm giấy nhỏ, dán trước chỗ mình ngồi. Ở đây, thiền sư Trung Phong không những lay tỉnh chúng ta, mà còn lay tỉnh cả pháp giới chúng sanh, do pháp tu này cả âm giới lẫn dương gian đều được lợi. Ai có thể giác ngộ, người ấy thành công. Lại xem đoạn khai thị tiếp theo:

Kim tắc chúng đặng, y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, sở tập thắng nhân, chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ.

今則眾等。依憑教法。作三時繫念佛事。所集勝因。專為亡靈決生淨土。

(Nay đại chúng nương nhờ giáo pháp, làm Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, tích tập cái nhân thù thắng, chuyên vì vong linh quyết định sanh về Tịnh Độ).

Đây là câu nói trở lại, trở về pháp sự đạo tràng hiện tiền. Pháp sự này không giống những pháp sự khác, pháp sự này là tứ chúng đồng tu cùng tham gia. Vì thế, thường có hơn cả trăm người, thậm chí có cả mấy trăm người tham gia, quy mô rất lớn, hết sức trang nghiêm, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Nhóm họp đại chúng chân thành, cung kính cầu đảo, phát nguyện, sức mạnh ấy rất lớn. “*Y bằng giáo pháp*” (nương nhờ giáo pháp): Giáo pháp là những gì đức Phật đã nói, là giáo huấn của tổ sư đại đức, thiền sư Trung Phong biên tập lại, rồi còn thêm vào những khai thị rất tinh vi, đẹp đẽ, chúng ta đều đã đọc qua. Nay chúng ta cùng nhau làm Phật Sự Tam Thời Hệ Niệm, “*sở tập thắng nhân*” (cái nhân thù thắng được tụ tập), “*thắng*” (勝) là thù thắng (殊勝), nói thật ra là nhân duyên thù thắng khôn sánh. “*Chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ*”: Giọng điệu hết sức khẳng định, không có tí hoài nghi nào. Đây là cầu nguyện, chúng ta làm Phật sự này vì lý do sau đây: Người đã khuất sanh về Tịnh Độ, chúng ta gọi họ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đưa một phàm phu đi thành Phật.

Quý vị nghĩ xem: Trong thế gian này công đức nào có thể sánh bằng! Đại Từ Bồ Tát nói: Trong một đời, nếu quý vị có thể giúp cho hai người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì công đức ấy còn trội hơn công đức do chính mình suốt đời tu hành. Lời Bồ Tát dạy là thật,

không giả đâu, toàn là sự thật. Nay qua pháp sư Hệ Niệm, chúng ta đưa một người vãng sanh thành Phật, nhiều người cùng làm thì ta cũng được một phần! Đây chính là nguyện “*tùy hỷ công đức*” trong mười nguyện Phổ Hiền. Tùy hỷ công đức chẳng thể nghĩ bàn, bình đẳng với công đức của người chủ tu pháp sư, không hai, không khác.

Giống như buổi tối chúng ta đốt đèn, thắp nến, những cây nến to như nhau. Người chủ tu pháp sư thắp sáng nến rồi, chúng ta là người tùy hỷ chưa đốt nến, nhưng nến của người ta đã đốt sáng rồi, đem cây nến của mình châm vào đó, cũng được hưởng ánh sáng, đó là tùy hỷ. Giống hệt như chính mình tự đốt nến, ánh sáng của mình và ánh sáng của người giống như nhau, quyết chẳng khác biệt. Ánh sáng của người ta rất sáng, ánh sáng của mình kém hơn một chút ư? Không có chuyện đó! Bình đẳng! Nêu lên tỷ dụ này, ắt quý vị sẽ hiểu công đức tùy hỷ và công đức của người chủ tu bình đẳng, nhưng công đức của người chủ tu ấy chẳng bị giảm thiểu mảy may nào. Người tùy hỷ càng nhiều, công đức của người chủ tu càng lớn. “*Lớn*” là gì? Quang minh càng chiếu sáng rực rỡ. Mấy trăm ngọn nến, mấy ngàn ngọn nến cùng thắp lên, giảng đường này sáng choang! Ánh sáng chiếu lẫn nhau, đan dệt vào nhau như lưới ánh sáng!

Quý vị hiểu ý nghĩa này bèn hiểu những làn sóng tư tưởng do tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh phát ra trong khắp pháp giới, hư không giới sẽ đan xen lẫn nhau thành mạng lưới. Những tư tưởng nào thanh tịnh, thuần thiện sẽ tương ứng với chư Phật, Bồ Tát, những tư tưởng nào bất tịnh bất thiện sẽ ứng với tam đồ lục đạo, nhưng đều cùng đan xen với nhau. Chúng ta phải tự hiểu, phải tự cứu lấy mình, nhất định phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Chúng ta muốn giúp người khác cũng phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Phải cố hình thành một mạng lưới quang minh thuần thiện thuần tịnh thì mới có thể giúp đỡ những chúng sanh đang ở trong mạng lưới ánh sáng mà “*mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh*”, dần dần giúp cho họ giác ngộ, giúp họ quay đầu lại.

Dẫu cho hiện tại đang mê rất sâu, mê rất nặng cũng không sao, chúng ta phải tự mình nghiêm túc nỗ lực thực hiện, tu thuần tịnh, thuần thiện, nhất định phải có thành tích tốt, làm gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ tạo tác chuyện bất thiện, phải gánh chịu quả báo bất thiện, hứng chịu mọi nỗi khổ xong, sẽ dần dần giác ngộ. Vì sao người nọ suốt đời khổ như thế, vì sao người kia cả đời sung sướng như thế, đối với những điều ấy họ sẽ dần dần giác ngộ. Trong quá khứ, tôi sống ở Cự

Kim Sơn (San Francisco), Hoa Kỳ, chúng tôi cũng sống tại một thành phố nhỏ, sống ở đó chừng hơn nửa năm, dần dần quen biết những người sống quanh đó. Trong ngôi nhà tôi ở có mấy người xuất gia trẻ tuổi, những người ấy gặp rồi bèn hỏi han: “Quý vị từ đâu tới? Quý vị làm nghề gì? Vì sao quý vị sung sướng như vậy?” Họ đều thấy rõ: Bất luận gặp chúng tôi ở đâu, mặt mũi chúng tôi đều vui cười, đều hoan hỷ, đều sung sướng, họ hết sức ngưỡng mộ, hỏi chúng ta làm nghề gì?

Do vậy, người học Phật bất luận xuất gia hay tại gia, chỉ cần chiếu theo kinh giáo mà tu hành, sửa đổi những tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm sẽ được pháp hỷ sung mãn. Bất kể làm việc gì, không ai chẳng tự tại, tâm địa thuần tịnh, thuần thiện, tịnh sanh trí huệ, thiện sanh phước đức, quả báo là đại trí, đại phước, đều là trong một ý niệm của chính mình, chẳng từ bên ngoài, chẳng cầu từ bên ngoài được! Nhà Phật dạy mong cầu thì phải hướng vào bên trong mà cầu. Hướng vào bên trong mà cầu chính là sửa tâm, sửa đổi ý niệm, sửa đổi hành vi, quả báo thù thắng chẳng thể không hiện tiền! Chỉ có bậc đại đức trong Phật môn thì giọng điệu mới kiên định như thế: “*Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ!*”

***Tự kim giới hương phức úc, huệ cự huỳnh hoàng, mê vân khai
nhi tánh thiên độc lãng, vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông.***

自今戒香馥郁。慧炬熒煌。迷雲開而性天獨朗。妄塵
盡而心地廓通。

(Từ nay giới hương ngào ngạt, đuốc huệ chói lòa, tan mây mê, bầu trời tánh đức riêng rạng ngời, sạch hết bụi vọng tưởng, cõi lòng thông suốt).

Đến đây là một đoạn nữa. Từ ngữ “*phức úc*” diễn tả khói hương xông khắp, hình dung mây hương cuộn cuộn, mùi hương bủa khắp. Hương gì vậy? Giới hương! Phật pháp nói “*ngũ phận Pháp Thân hương*”; ở đây gọi là “mùi hương”, người hiện tại gọi là Từ Trường, người Hoa gọi là Khí Phận, hoàn toàn không phải là đốt hương thực sự. Khí chất, khí phận tự nhiên có thể cảm động con người, trì giới tu định có trí huệ.

Ngũ phận Pháp Thân: “*Ngũ phận*” (năm phần) là Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. Nói như cách bây giờ thì “giải thoát” là “tự tại”, Giải Thoát Tri Kiến là kiến giải tự tại, tư duy tự tại. Kiến giải và tư duy của người ấy hết sức tự tại. Quý vị nghĩ xem: Trong

ấy còn có phiền não, ưu lự hay chẳng? Chẳng những không có mà cội rễ của phiền não ưu lự, cái cội rễ chung của chúng chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cũng không có! Không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước; dùng phương pháp nào để đạt đến cảnh giới ấy? Niệm Phật. “*Tịnh niệm tiếp nối*”, dùng phương pháp ấy để làm. Chúng ta phải nhớ kỹ, chúng ta phải học. Hợp ý nghĩa này với ý nghĩa trong phần trước thì có nghĩa là trì giới niệm Phật.

“*Huệ cự huỳnh hoàng*” (đuốc huệ chói lòa), chữ “*huỳnh hoàng*” (熒煌) có nghĩa là tỏa sáng. Đây là nói về trí huệ, ánh sáng trí huệ hiển hiện nơi sáu căn phóng quang động cõi đất, dầu kẻ ngu cũng cảm nhận được, họ cảm nhận được từ nơi thân quý vị. Họ cảm nhận điều gì? Lòng từ bi và nhân từ của quý vị. Tuy họ không nói ra, nhưng họ cảm nhận sự nhân từ, cảm thấy rất an toàn, rất hoan hỷ, họ cảm nhận được những điều đó. Có một năm, tôi giảng kinh tại Miami, tiểu bang Florida, có không ít người địa phương đến giảng đường ngồi tịnh tọa, mỗi lần ngồi hai tiếng đồng hồ. Họ nghe, không hiểu tôi đang nói gì vì trong đạo tràng không có người phiên dịch, nhưng mỗi buổi họ đều đến.

Có những đồng tu hỏi họ:

- Ông nghe không hiểu, vì sao mỗi buổi đều đến?

Họ nói:

- Từ trường nơi đây rất tốt, tôi thích từ trường nơi này.

Họ nói trong hai tiếng đồng hồ ấy, từ trường đặc biệt thư thả, thoải mái nên họ đến hưởng thụ! Lúc không giảng kinh, từ trường nơi giảng đường ấy khác hẳn, khác nhiều lắm. Những người ấy thường tu tịnh tọa, tâm địa thanh tịnh, cảm ứng phải linh mãnh hơn những người thường. Những người bình thường, do tâm ý thô tháp, hời hợt nên chẳng dễ gì cảm nhận được, chứ họ cảm nhận được.

Trí huệ quang minh! Hai câu tám chữ này giảng về công phu tu hành đặc lực. Công phu đặc lực không có gì khác cả, trường thời huân tu! Phải huân tu bao lâu? Tôi thường bảo các đồng học: “Nếu thực sự làm, ba tháng bèn thấy hiệu quả!” Quý vị tu đã lâu như thế mà vẫn phí uổng thời gian, [là vì] từ trước đến nay chưa từng vận dụng công phu tu ba tháng này! Nếu quả thật có thể trong ba tháng, thực hiện được chuyện “*tịnh niệm tiếp nối*”, ngoại trừ những lúc ngủ ngê ra, còn những lúc tỉnh thức trong tâm luôn có Phật hiệu, nhớ Phật, niệm Phật, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, đương nhiên cũng không thể hoài nghi. Quý vị miên miên mật mật như thế nhưng không trở ngại công việc, pháp môn này thù thắng ở chỗ này! Hết sức thích hợp cho con người hiện thời, hiện

tại công việc bề bộn, pháp môn này chẳng trở ngại công việc. Nếu công việc của quý vị đòi hỏi phải suy nghĩ thì có trở ngại. Công việc không phải dùng đến trí óc thì không có chút trở ngại nào cả.

Quý vị hãy nghĩ đến pháp sư Tu Vô vãng sanh ở chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin) trong quá khứ. Pháp sư Tu Vô không biết chữ, chưa từng đi học. Trước khi xuất gia làm thợ nề, sau khi xuất gia chuyên làm công việc nặng trong chùa, những chuyện nặng nhọc thầy đều làm, vì đại chúng phục vụ. Tuy ngày ngày làm lụng, nhưng Sư thực sự tu được tịnh niệm tiếp nối. Biết trước lúc vãng sanh, ra đi tự tại như thế ấy. Thành thực rồi, công phu thành thực rồi. Sư sống cuộc đời thô nặng như thế, không dùng đến tư tưởng, giữ được tịnh niệm tiếp nối. Cần phải dùng đến trí óc thì khi làm việc để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc cho tốt. Làm việc xong, Phật hiệu lập tức đề khởi.

Vì sao? *“Tu du bối niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở”* (Tâm trái nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc, trong khoảng sát-na nghiệp bèn kết). Phật hiệu chẳng được gián đoạn. Vừa mới gián đoạn thì vọng tưởng, tạp niệm khởi lên ngay, tạo nghiệp rồi! Do vậy, công việc vừa buông xuống, Phật hiệu phải khởi lên ngay. Một ngày từ sáng đến tối miên miên mật mật công phu như thế thì công phu mới đắc lực. Hiệu quả sẽ hiện tiền trong ba tháng, sáu tháng bèn sanh tâm hoan hỷ; chỉ cần giữ được mãi như thế, sẽ quyết định sanh về Tịnh Độ. Điều này hoàn toàn giống với những gì Từ Vân đại sư đã nói: *“Lâm mạng chung thời, dự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, như nhập Thiên Định”* (lúc mạng sắp hết, biết trước lúc mất, thân không bệnh khổ, như nhập Thiên Định). Công phu như vậy không cần người khác trợ niệm, tự mình hoàn toàn làm chủ. Trong đoạn khai thị cuối cùng này, Ngài đặc biệt cảnh tỉnh chúng ta phải trì giới niệm Phật. Người thực sự giác ngộ, thực sự có trí huệ, có phước báo sẽ tu năm phần Pháp Thân hương cho chính mình, phải thực sự tu tập ngay trong lúc này!

“Mê vân khai nhi tánh thiên độc lãng” (Tan mây mê, bầu trời tánh đức riêng rạng ngời): Thành tựu rồi, phá mê khai ngộ; câu này nghĩa là phá mê khai ngộ. *“Vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông”* (hết sạch bụi trần, tâm địa thông suốt): Ý nghĩa của hai câu này là phá mê khai ngộ. *“Mê vân”* là vô minh phiền não, *“mê vân khai”* là phá vô minh, chỉ phá một phẩm cũng được. Phá một phẩm vô minh thấy được một phần Chân Tánh, vì thế, *“tánh thiên độc lãng”* (bầu trời tánh đức riêng rạng ngời). Lúc ấy, quý vị và hết thấy chư Phật Như Lai là Đồng Sanh Tánh, quý vị thực sự thành Phật. Trong Lục Tức Phật như Thiên

Thại đại sư đã giảng, quý vị thuộc địa vị Phân Chứng Tứ Phật. Quý vị sanh về đâu? Quý vị có ước nguyện vãng sanh Tịnh Độ bèn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tịnh Độ, không phải Đồng Cư Độ, không phải Phương Tiện Độ, mà sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nếu quý vị không niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc bèn sanh vào thế giới Hoa Tạng, vì sao? Phá một phẩm vô minh chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quý vị đã là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt khỏi mười pháp giới.

“*Vọng trần tận*”: Vọng trần là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô minh phiền não, đoạn sạch hết cả thì “*tâm địa khuếch thông*” (tâm địa mở rộng, thông suốt), “*khuếch*” (廓) có nghĩa là mở lớn, thông suốt. Trong Phật môn gọi là đại triệt đại ngộ. Câu trước là minh tâm kiến tánh, câu sau là đại triệt đại ngộ. Dù kiến tánh, triệt ngộ, nhưng vẫn là tánh đức của quý vị sẵn có, vẫn là đức năng vốn sẵn đủ trong trí huệ, chẳng do bên ngoài mà có. Nói cách khác, khôi phục trí huệ và đức năng nơi tự tánh mà thôi! Phải biết chân tướng sự thật này. Trong những bộ kinh lớn, đức Phật gọi là quy vô sở đắc: “*Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*” (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Toàn là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh, trước kia bị mây mê hoặc che phủ, bị vọng trần chướng ngại, nay xé toạc mây mê, vọng trần hết sạch (vọng trần là phiền não, tập khí), thấy đều đoạn hết, phá mê khai ngộ.

Cảnh giới ấy là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói thật ra, chúng ta suốt đời này nỗ lực tu, chưa chắc đã đạt được; nhưng chúng ta chẳng cần bận tâm trong đời này mình có thể đạt đến mức độ ấy hay không, tu là phải thực sự thực hiện, dẫu không đạt cũng phải thực sự thực hiện. Cách thực hiện như thế nào? Trì giới niệm Phật! Đạt chưa được tiêu chuẩn trên đây (tức “*minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*”) thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ là chuyện khẳng định, không hoài nghi chút nào. Thật Báo Trang Nghiêm Độ là bậc thượng: Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Chúng ta phải nỗ lực, phải biến việc này thành đại sự bậc nhất mà suốt cuộc đời này ta phải lo liệu, những chuyện khác đều là chuyện nhỏ nhặt! Nay chúng ta tự mình giác ngộ, hiểu rõ rồi, chúng ta khuyên bảo người khác, trước hết là chính mình. Khuyên người khác, người ta làm được, tự mình không làm được, mắt mặt lảm! Tự mình phải hết sức nghiêm cần nỗ lực hành trì, trọn chẳng thể rút lại sau người khác!

Trì giới niệm Phật khởi đầu từ đâu? Tôi thường nhắc nhở các đồng học, vì sao cứ phải thường nhắc nhở? Vì quý vị chưa làm được,

chưa giác ngộ. Dù có làm được, giác ngộ rồi thì cũng phải thường xuyên nhắc nhở, vì sao? Quý vị có thể bị thoái chuyển. Quý vị gặp phải nghịch duyên, đụng phải nghịch cảnh bèn thoái chuyển, trí huệ không mở mang được, định lực không thành tựu. Hằng ngày phải nhắc nhở! Do vậy, mọi người cùng ở một chỗ tu hành cũng có cái lợi, đó gọi là “*nuông theo chúng, dựa vào chúng*”, hằng ngày nhắc nhở lẫn nhau. Quý vị tách rời đoàn thể ấy, một tuần sau quý vị sẽ khôi phục [những phiền não, tập khí] giống hết như trước [khi quý vị tu tập], bảo đảm là lui sụt, có người bị lui sụt với một mức độ khá lớn. Vì sao những kẻ sơ học chúng ta chẳng dám lìa thầy, đạo lý là này! Chỗ đặt chân chưa ổn!

Khi xưa, tôi cầu học với thầy Lý mười năm. Không có thời gian cầu học lâu dài ấy, bản thân tôi phiền não tập khí rất nặng, sức dự hoặc bên ngoài mạnh mẽ, lớn lao, chẳng dễ gì chống cự nổi. Chỉ có một phương pháp là thân cận thầy, chẳng rời khỏi thầy, ngày ngày được thầy răn dạy. Nay chúng ta được thừa hưởng khoa học kỹ thuật cao, rất nhiều đồng học xa xôi dù không thể tụ tập cùng một chỗ, nhưng mỗi ngày qua làn sóng truyền thông, mọi người có thể gặp gỡ nhau qua máy truyền hình, qua mạng Internet, mỗi ngày chúng ta đều có bốn tiếng đồng hồ cùng nhau học tập. Bốn tiếng đồng hồ không nhiều nhận gì, nhưng nếu thực sự tận dụng, hằng ngày chẳng khuyết, chúng tôi tin là có lợi rất lớn cho người tu hành. Điều này cũng cho thấy vì sao học sinh không thể vắng mặt một buổi học nào, đạo lý là ở chỗ này. Vắng một buổi học sẽ bị đào thải, không theo kịp; cũng phải có trí huệ và phước đức thì mới nhận thức rõ ràng cơ hội. Cơ hội đúng là “*thiên tài nan phùng*” (ngàn năm khó gặp).

Nói thật ra, “*thiên tài*” thời gian đâu có lâu, một ngàn năm thôi! Nhà Phật thường nói là “*bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Ông Bành Tế Thanh nói là “*Một ngày khó được gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, mấy ai hiểu được câu nói này? Nếu thực sự hiểu được, há có buông bỏ cơ hội này hay chẳng? Chắc chắn không chịu buông bỏ. Có được một cơ hội tốt như thế để un đúc, mọi người ở cùng một chỗ tu hành, khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở, cảnh tỉnh lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, đúng là phạm phu nghiệp chướng sâu nặng trong thời Mạt Pháp thành tựu được pháp môn Bất Nhị trong một đời!

Những gì Ấn Quang đại sư dạy, chúng ta phải nghiêm túc học tập, lời giáo huấn của Ngài quả thật nhắm vào thời đại Mạt Pháp, có thể giữ cho chúng ta không bị ô nhiễm, không bị ảnh hưởng, thành tựu tịnh nghiệp ổn thỏa thích đáng, vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị không tuân thủ

giáo huấn của Ngài, cho là vẫn có đường lối khác, thì là lầm mất rồi. Vẫn phải từ tổng nguyên tắc và tổng cương lĩnh do Ngài đã dạy mà thực hiện. Lão nhân gia dạy cho chúng ta tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, tổng phương hướng, tổng mục tiêu: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tôn thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ*” (Giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ). Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. “*Đôn luân, tận phận*” là trì giới, “*nhàn tà, tôn thành*” là Định, Huệ. Lấy Giới - Định - Huệ làm cơ sở, tín nguyện trì danh, đây chính là tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ vậy.

A! Nay đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị tiếp theo của ngài Trung Phong:

Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không. Nhất cử niệm, nhất hoa khai, áp lộ nghênh phong, hương phù ngọc chiếu. Nhất trì tình, nhất quả thực, hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên.

**諸根圓淨。群業頓空。一舉念。一華開。挹露迎風。
香浮玉沼。一馳情。一果熟。含煙對日。影落金園。**

(Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang. Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở, nhấp sương, đón gió, hương vẫy ao ngọc. Một lòng trì danh, một quả chín muồi, ngậm khói đối trời, bóng rọi vườn vàng).

Chúng ta xem đến đoạn này. Đoạn này luận trên mặt Sự, nói về tình hình cuộc sống hằng ngày của các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thường nói thế giới ấy tên là Cực Lạc, vì sao gọi là Cực Lạc? Kinh Phật đã giảng cặn kẽ cho chúng ta: Chúng sanh trong thế giới ấy “*vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui, nên gọi là Cực Lạc). Chúng ta nghe xong không dễ gì hiểu nổi. Hy hữu thay! Ở đây thiền sư Trung Phong vì chúng ta miêu tả cặn kẽ. Trước hết, Ngài bảo chúng ta: “*Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không*” (Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang). Hai câu này rất quan trọng, nghiệp là nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi, sáu căn

không những thanh tịnh mà còn thanh tịnh viên mãn. Chữ “*chư căn*” chỉ sáu căn, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần.

Như trong những phần trên đã nói: Hoặc Chướng, Nghiệp Chướng, Báo Chướng; Nghiệp Chướng nhanh chóng rộng không, đương nhiên Hoặc Chướng và Báo Chướng đều rộng không. Nói cách khác, không những nghiệp báo trong lục đạo tam đồ trông không, mà nghiệp báo trong bốn thánh pháp giới cũng trông không. Nghiệp trong lục đạo mười pháp giới đều không có, đều tiêu. Tiêu bằng cách nào chúng ta phải biết! Trì giới niệm Phật, “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Dùng phương pháp ấy để tiêu, dùng phương pháp ấy để thành tựu năm phần Pháp Thân, thành tựu phá mê khai ngộ. “*Chư căn viên tịnh, quân nghiệp đốn không*” (các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rộng rang), câu này đã hiển thị một cách viên mãn quả báo do sự tu học của quý vị.

Tiếp đó, chúng ta hãy xem đến tình trạng tu học và sinh hoạt trong thế giới Cực Lạc: “*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*” (Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở). Hoa và quả tượng trưng cho hoàn cảnh y báo tốt đẹp nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, người thế gian chúng ta luôn hướng về chân thiện mỹ huệ. Nói thật ra, trong thế gian này, bốn chữ ấy chỉ hữu danh vô thực, Tây Phương Cực Lạc thế giới là “chân thiện mỹ huệ” danh phù hợp với thực. “*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*” là sao? Hoa sen trong ao bảy báu là do người trong mười phương thế giới phát nguyện vãng sanh, từ tín nguyện phát sanh, biến hiện ra. Quý vị thấy chúng không phải là duy thức sở biến, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” đó sao? Quý vị có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hoa nở rất tươi đẹp! Nay trong mỗi tiếng Phật hiệu của chúng ta đều có đủ “lòng tin chân thành, nguyện thiết tha” thì chúng ta biết trong ao bảy báu nơi Tây Phương thế giới có một đóa sen, hoa ấy do Thức của chính mình biến ra. Vì thế, “*nhất cử niệm, nhất hoa khai*”.

“*Áp lộ nghênh phong*” (nhấp sương, đón gió): Nghĩa là hoa nở chứa đầy sương đọng, lay động theo cơn gió nhẹ. Quý vị nghĩ đến ý cảnh ấy, hồn thơ lai láng. Hoa ấy chính là chỗ sanh về, là trụ xứ, là chỗ để tu hành trong tương lai của người niệm Phật. Hoa nở thấy Phật thì không phải là cõi Đồng Cư nữa, cũng không phải là cõi Phương Tiện, mà là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Nói đến Đồng Cư Độ hay Phương Tiện Độ đều là ở trong hoa sen. Trong hoa có thế giới, chẳng thể nghĩ bàn! Nay tôi thuật cùng các đồng học, tin rằng mọi người hiểu được rất dễ dàng, vì sao? Hoa sen to đường ấy, trong hoa sen có đại thế giới, còn

có vấn đề gì hay chẳng? Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thế giới, vi trần quá nhỏ, chúng ta mắt thịt không thể nhìn thấy. Thế giới trong vi trần to bằng thế giới bên ngoài, thế giới bên ngoài không rút nhỏ, thế giới trong vi trần trọn chẳng phóng đại, hoàn toàn giống nhau. Đạo lý gì vậy? Đức năng của Pháp Tánh vốn dĩ là như vậy. Trong Pháp Tánh không có lớn hay nhỏ. Nói gọn một câu: Vĩnh viễn không có đối lập. Pháp Tánh là như vậy đó!

Nay chúng ta mê, mê rồi thì sao? Chỗ nào cũng là đối lập. Hễ đối lập bèn trở thành chướng ngại, quý vị nhìn không ra. Vì thế chúng ta muốn hồi phục tự tánh – tự tánh là pháp giới không chướng ngại – thì trước hết phải bắt đầu từ trong tâm: Phải đoạn trừ mọi quan niệm đối lập mà ta đang có đối với tất cả hết thấy người, sự, vật. Không đoạn những ý niệm ấy, sẽ vĩnh viễn sanh ra chướng ngại, chướng ngại hết sức nghiêm trọng. Thế giới trong hoa sen và thế giới trọn khắp pháp giới, hư không giới to như nhau; bản thân quý vị thực sự sanh trong hoa sen, nhưng không biết mình đang ở trong hoa sen! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là “*bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn)!

Ngày nào đó hoa nở, đến lúc nào hoa sẽ nở? Khi quý vị phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, hoa bèn nở. Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, thành Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự là A Duy Việt Trí – A Duy Việt Trí do chính quý vị tự tu thành, chứ không phải do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Được bốn nguyện và oai thần gia trì thì quý vị rất giống với A Duy Việt Trí, nhưng hoa sen chưa nở. Dù hoa chưa nở, quý vị vẫn có thể đến hết thấy các cõi Phật trong mười phương thế giới để cúng Phật, nghe pháp, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, quyết định chẳng bị chướng ngại. Thật ra, vẫn có chướng ngại, chướng ngại ở chỗ nào? Không vào được thế giới trong vi trần!

Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy đến lúc nào mới có thể khế nhập thế giới trong vi trần? (Đây là nói đối với pháp giới trùng trùng vô tận biến huyễn từ tự tánh, một mảy chướng ngại quý vị cũng không có). Phổ Hiền Bồ Tát nhập được! Vị Phổ Hiền ấy là “*đương vị Phổ Hiền*”¹⁰¹,

¹⁰¹ Phổ Hiền (đây là danh xưng của những vị Bồ Tát tu theo hạnh Phổ Hiền) có ba địa vị: Vị tiền (chưa chứng Đăng Giác), đương vị (đã chứng Đăng Giác) và vị hậu (tức đã chứng Diệu Giác). Vị Phổ Hiền Bồ Tát dạy thánh chúng trong hội Hoa Nghiêm chính là cổ Phật tái lai, thị hiện thân Đăng Giác Bồ Tát để phụ trợ Tỳ Lô Giá Na giáo hóa bốn mươi một phẩm Pháp Thân Bồ Tát.

tức là bậc Đẳng Giác. Đạt đến địa vị Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát, đúng là hết thảy chướng ngại không còn nữa! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đây chính là phương hướng và mục tiêu nỗ lực của chúng ta, những gì khác đều là giả, chẳng thật. Đừng nói chi nhân gian, cõi trời cũng chẳng thật. Đừng nói gì lục đạo, ngay cả bốn pháp giới cũng không thật. Phật gọi những nơi ấy là “*hóa thành*” (cái thành được biến hóa ra)¹⁰², là trạm nghỉ dọc đường cho người tu hành. Mục tiêu của chúng ta phải là Nhất Chân pháp giới, phải đặt mục tiêu nơi Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy, “*nhất cử niệm, nhất hoa khai*” (một niệm vừa khởi, một đóa hoa bèn nở). Cảnh giới ấy hết sức rộng lớn.

“*Áp lộ nghênh phong*” (ném sương, đón gió), Áp (挹) có nghĩa là chuốc chén. Văn nhân, thi nhân bên hoa dưới trăng mấy kẻ chí đồng đạo hợp thưởng trăng, tiểu chước (小酌: nhâm nhi). Người thế gian chúng ta “*tiểu chước*” thường không phải bằng rượu mà là trà. Quý vị thấy người ta không nhấp trà mà ném sương móc, nhấp cam lộ hóng gió. “*Hương phù ngọc chiếu*” (Ao ngọc tỏa hương): Ao ngọc chỉ ao sen bảy báu. Dùng ngọc [để tả cái ao] vì ngọc là chất báu, ao báu nước tám công đức mà! Đây chính là cuộc sống thường nhật của cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nghĩ xem tốt đẹp đến như vậy, bọn họ thanh nhàn như thế đấy, rất tự tại, phước báo lớn lắm! Không cần làm lụng, không cần phải ngày ngày kiếm sống, ăn mặc hết thảy đều thọ dụng tự nhiên. Nghĩ đến thứ gì, thứ ấy đều hiện hữu; như trong kinh điển đã nói: Nghĩ đến ăn, [người ấy tự nhiên] dường như đã lâu ta chưa ăn gì, vừa động niệm thì đầy bàn những món ăn ngon lành bày ra trước mặt, tự nhiên hiện ra. Biến hóa cả đấy! Chẳng cần phải tốn sức nấu nướng. Chén bát đều bằng bảy báu, bày ra trước mặt. Vừa nghĩ ta nay đã là người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là lục đạo phàm phu, còn ăn uống gì nữa! Ý niệm ấy vừa động, tất cả hết thảy cỗ bàn không còn nữa, không cần

¹⁰² Đây là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong phẩm 7, tức phẩm Hóa Thành Dụ, đức Phật có nêu một thí dụ: Ví như một vị đạo sư (người dẫn đường) biết nơi kia có một chỗ có nhiều món báu (bảo sở) hướng dẫn mọi người đi đến chỗ đó. Đại chúng đi đường xa mỏi mệt, ngã lòng, muốn quay về. Vị đạo sư có phương tiện thiện xảo, bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn, đông đảo, sản vật phong phú, cho đại chúng vào đó ăn uống, nghỉ ngơi. Khi họ đã hết mệt, vị đạo sư bèn bảo họ: Đây chỉ là hóa thành, bảo sở đã rất gần, hãy dừng mãnh tiến lên. Cũng như vậy, đức Phật phương tiện nói ra ba thừa giống như hóa thành để đại chúng có thể tu tập dần dần. Khi họ đã chứng được ba thừa, Ngài bèn tuyên nói Nhất Phật Thừa, để họ có thể dừng mãnh tiến hướng Phật quả. Đó gọi là “*khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất*”.

phải thu dọn, cũng không phải rửa chén đĩa, không có điều gì chẳng thuận lòng mong muốn, biến hóa thọ dụng. Quý vị nói có phải là rất tự tại hay chăng?

Nhà cửa của họ sạch sẽ chẳng nhiễm mảy trần, chẳng cần đến nhà kho. Ý niệm vừa nghĩ đến y phục, y phục đã mặc trên thân, chẳng cần phải may cắt, chẳng cần phải khâu thập. Bất luận du hành đến nơi nào trong mười phương, cúng Phật, nghe pháp, chẳng cần phải mang theo thứ gì cả. Nay chúng ta du hành vẫn phải mang theo hành lý, rất công kên, rất mệt người, người ta không cần. Đến chỗ nào, nghĩ muốn cúng Phật, những vật cúng đều thuận theo ý niệm mà hiện tiền. Nếu không hiểu rõ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn này, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Vì thế, nếu nói chuyện này với hàng sơ học hoặc những kẻ không học Phật, họ bèn nói: “Bọn người đang nằm mộng, thế gian lẽ nào có chuyện ấy, các người đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật lường gạt rồi!” Họ bảo chúng ta ngu si, chê chúng ta mê tín, còn họ thông minh. Chúng ta tin tưởng những chuyện ấy là thật, chẳng giả một chút nào. Luận trên mặt lý luận rất thông suốt, quả thật hết thảy mọi pháp đều do tâm hiện thức biến.

Các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh: Hết thảy vạn vật đều có linh tánh như kinh Phật đã dạy “*nhân tâm mà thành Thế*”, tâm là Pháp Tánh. Đức năng của Pháp Tánh, bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết; nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Động vật như thế, thực vật cũng vậy, khoáng vật cũng chẳng ngoại lệ. “*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*” (Ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá cũng gạt đầu). Câu này cho thấy đá có linh tánh, “*nhân tâm mà thành Thế*”, những điều nói trong kinh Phật đã được chứng minh.

Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nay chúng ta đánh mất năng lực này, đánh mất đã quá lâu. Vì vậy, nghe nói những chuyện ấy cảm thấy rất quái lạ, chẳng thể nghĩ bàn! Qua một thời gian được huân tu bằng kinh giáo, chúng ta sẽ dần dần lãnh ngộ, biết những chuyện này không giả, có thể thí nghiệm trong cuộc sống thường nhật của chính mình. Dùng những đạo lý và phương pháp đã được giảng và nói trong kinh luận để làm thí nghiệm. Thí nghiệm hiển nhiên nhất là đau bệnh có thể không cần dùng đến thuốc men mà tự nhiên tật bệnh tiêu trừ, khiến cho những khí quan, tế bào trên thân thể khôi phục hoạt động bình thường, đây mới là mạnh khỏe nhất! Dùng phương pháp nào? Ý niệm! Hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh, đây chính là tổng nguyên lý,

nguyên tắc, chớ quên! Hết thầy pháp từ tâm tướng mà sanh! Vậy thì hằng ngày chúng ta có nên nghĩ đến những khí quan, nghĩ đến những tế bào hay không? Không cần! Nghĩ như vậy phiền quá, nhọc nhằn, thừa thãi quá! Nghĩ đến gì? Nghĩ đến thuần thiện, thuần tịnh, nói cụ thể hơn là “*nghĩ đến A Di Đà Phật*”. A Di Đà Phật là thuần thiện thuần tịnh, đừng nghĩ đến gì khác. Có như vậy thì mới có thể thành tựu!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn dạy chúng ta: “*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (Thường nghĩ tới thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp). Chúng tôi thêm vào “*thanh tịnh*”. “*Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường niệm tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, bất dung hào phân bất tịnh, bất thiện hiệp tạp*” (Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường nghĩ tới tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, chẳng để mảy may bất tịnh bất thiện xen tạp), như vậy là đúng. Từ nơi thân thể và dung mạo, quý vị sẽ được vẻ mặt tươi sáng, mạnh khỏe, sống lâu! Chẳng cầu trường thọ mà tự nhiên được! Cuộc sống đơn giản, ăn uống đều ít, đây mới là thực sự giữ gìn thanh tịnh, thiện lương, bảo vệ sức khỏe.

Câu tiếp theo: “*Nhất trì tình, nhất quả thực* (Vừa dốc lòng trì danh, quả đã chín). Nên hiểu “*trì tình*” như thế nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là “*trì tình*”. Chúng ta không có tâm nguyện nào khác, chỉ là hy vọng vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Nếu tâm nguyện ấy chín muồi, quả sẽ là vãng sanh bất thoái thành Phật, một đời thành tựu! Trong Phật pháp, pháp môn này được gọi là “*pháp môn thành tựu ngay trong một đời*”, chẳng cần đợi đến đời sau, chẳng cần phải mất nhiều đời nhiều kiếp, là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này.

“*Hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên*” (Ngậm khói đối trời, ảnh rọi vườn vàng): Vườn vàng chính là thế giới Cực Lạc, vì sao gọi là vườn vàng? Do vàng ròng làm đất. Hoàn cảnh cư trụ nơi thế giới Cực Lạc là hoa viên, như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tạp hoa trang nghiêm*” (nhiều loại hoa trang nghiêm). “*Tạp hoa*” nghĩa là chủng loại nào cũng có, đẹp đẽ khôn ngần. Trong hoa viên ấy, chỗ nào cũng là ao báu đựng nước tám công đức. Đây chính là hoàn cảnh sống và hoàn cảnh tu hành của người ta, là hoàn cảnh thân cận Phật, Bồ Tát.

Qua kinh điển, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta biết: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức tự tại, ai thích nghe kinh bèn

nghe kinh, ai thích niệm Phật bèn niệm Phật, thích tham Thiền bèn tham Thiền, thích học Giáo bèn học Giáo, khoa mục gì cũng có, mặc sức quý vị chọn lựa. Quý vị thích pháp nào, ngồi nơi đó nghe, ngồi nghe cũng được, đứng nghe cũng xong, kinh hành, vừa đi vừa nghe cũng không sao. Nay trong thế gian này, gần như chúng ta cũng có thể làm được như thế: Ngồi, đứng, đi mà nghe. Dùng một cái máy thu âm hoặc cassette nhỏ, chúng ta vẫn phải nhờ vào máy móc. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần! Những gì quý vị nghe được, ví dụ như ta muốn nghe kinh Hoa Nghiêm, bèn nghe thấy đức Phật đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Ngồi cách vách, hoặc chúng ta nắm tay nhau đi kinh hành, tôi thích nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi bèn nghe thấy kinh Hoa Nghiêm; quý vị thích nghe kinh Pháp Hoa bèn nghe thấy kinh Pháp Hoa, không ai phiền nhiễu ai, chẳng cần phải nhờ đến máy móc nào, tự nhiên!

Vì thế, nếu đem khoa học kỹ thuật hiện tại so với Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thấy cách biệt rất lớn. Trong thế gian này, đâu đâu cũng phải do sức người; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự nhiên, Pháp Tánh biến hiện, duy tâm sở hiện mà! Trong thế gian này của chúng ta, dù khoa học kỹ thuật phát triển đến đâu đi nữa, vẫn không phải là tự nhiên, mà là từ đâu? Từ trong ý thức biến hiện, chẳng phải là Pháp Tánh. Ý thức biến hiện dẫu xảo diệu, vẫn thua Pháp Tánh, thua quá xa. Do vậy, khôi phục tánh đức là chính là mục tiêu duy nhất của người tu hành.

Kinh hành, tọa, ngọa tại kỳ trung, du hý, tiêu dao phi phận ngoại. Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên để.

經行坐臥在其中。遊戲逍遙非分外。得佛受用。徹法源底。

(Kinh hành, ngồi, nằm đều ở trong ấy, du hý, tiêu dao, chẳng vượt ra ngoài. Thọ dụng như Phật, thấu triệt cội nguồn pháp).

Đây chính là sự tu học của họ, tu hành đều được thực hiện trong cuộc sống, trong vui chơi, tự hồ chẳng thấy họ có vẻ gì tu hành, không giống như chúng ta chấp vào tướng. Thật đấy, đây chính là điều các vị đại đức đã nói: *“Phật pháp trọng thực chất, chứ không trọng hình thức!”* Đường như Tây Phương Cực Lạc thế giới không quan tâm đến hình thức, dùng công phu bên trong! Thấy sắc, nghe tiếng đều là tu hành! Thấy sắc không chấp vào sắc tướng; nghe tiếng không chấp vào thanh tướng, tu hành nơi đâu? *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”* (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), thành tựu trí huệ Bát Nhã

chân thật. “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Dầu là “*du hí tiêu dao*”, nhưng buông xuống vạn duyên, chẳng nhiễm mây trần! Bởi thế, bọn họ thực sự tu hành, thực sự dụng công! Đây là người công phu Đại Thừa đắc lực, phải nên học theo. Như trong kinh Hoa Nghiêm, nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát là nhìn từ hình thức, chứ hầu như trên thực tế họ đều là chư Phật Như Lai thị hiện dạy dỗ chúng ta: Bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào cũng đều đại tự tại!

Trong thế gian này, chúng ta thường nói kẻ làm nghề đồ tể, như trong hiện tại mở tiệm ăn hải sản tươi sống, sát nghiệp rất nặng, kết oán cừu với chúng sanh, oán cừu chẳng thể hóa giải được! Oan oan tương báo chẳng xong. Nếu chúng ta hỏi: Phật, Bồ Tát có mở quán bán hải sản tươi sống hay chẳng? Có chứ! Ngày ngày giết heo, mổ dê, Phật, Bồ Tát có tạo tội nghiệp hay chẳng? Không! Những con súc sanh bị giết xong, các Ngài đều dạy chúng sanh lên trời, dạy chúng nó vãng sanh làm Phật, khác hẳn! Các Ngài dùng cách thức này để độ chúng sanh. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy ai làm những chuyện như vậy? Cam Lộ Hòa Vương! Sát sanh không chớp mắt, nhưng giết một kẻ là độ một kẻ! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, phàm phu chúng ta chẳng thể học theo. Vì sao? Chúng ta không có công phu ấy, không có năng lực ấy. Súc sanh biến vào súc sanh đạo đều do ác nghiệp chiêu cảm, các Ngài giết chúng để tiêu nghiệp chướng cho chúng, đúng là dạy chúng vãng sanh thành Phật. Các Ngài thực sự có bản lãnh ấy, phàm phu chúng ta làm không được.

Thời cổ cũng có những vị xuất gia như pháp sư Bảo Hương ở Tứ Xuyên. Ngài sống vào thời Nam Bắc Triều, cùng một thời với ngài Bảo Chí Công. Qua truyện ký, chúng ta thấy Ngài cùng những kẻ tại gia cá to, thịt lớn gì cũng ăn tuốt, chẳng kiêng kỵ tí nào! Ăn xong, Sư đứng bên ao phóng sanh, há to miệng mưa ra cá sống, thú sống! Người ta có bản lãnh như vậy, không phải là phàm nhân. Đây đều là vì người khác diễn nói, khuyên con người phải có đức hiếu sanh. Ăn nó thì phải cứu nó, chẳng cứu được thì chớ có hại nó. Phật pháp xác thực, quyết định chẳng được trái nghịch “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, không gì chẳng nhằm thành tựu chúng sanh, quyết định chẳng tổn hại chúng sanh, quyết định chẳng có chuyện ấy.

Người học Phật chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, càng phải nên hiểu cách chuyển họa thành phước, chuyển tai nạn thành cát tường.

Chuyển bằng cách nào? Chuyển nơi ý niệm! Chuyển thành thiện niệm! Vĩnh viễn không có ác niệm. Gặp phải kẻ ác hoặc là người ác ý hủy báng mình, hoặc là hãm hại mình, nhục mạ mình, gặp phải những trường hợp như thế phải dùng trí huệ quán sát, đây là gì? Đây chính là nghiệp báo của mình. Trong đời quá khứ mình coi thường người ta, tổn hại người ta, nay duyên xảy đến, họ trở lại báo thù mình, oan oan tương báo! Ta gặp phải [những chuyện ấy] thì phải tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, tâm không có chút nóng giận nào, tâm không có chút oán hận nào, tâm không có chút báo thù nào thì oán kết ấy sẽ hóa giải, tính số xong, đời sau gặp lại nhau sẽ thành hảo bằng hữu!

Tâm chẳng được có mảy may oán hận. Nếu tâm có mảy may oán hận, có chút tâm báo thù, đời sau phải gặp lại, vĩnh viễn không thanh toán xong, đôi bên đều đau khổ! Có gì cứ phải như thế? Do vậy, chuyển oán thành thân, hóa địch thành bạn, đều là trong một ý niệm của chính mình. Ta lẫn người đều được phước, ta lẫn người đều mở mang trí huệ, tốt hơn nhiều lắm! Quý vị nghĩ xem: Nếu thánh hiền không chỉ dạy chúng ta, làm sao chúng ta hiểu được đạo lý này? Há có được trí huệ này? Làm sao có thể giải quyết vấn đề? Cách này thực sự giải quyết vấn đề. Do vậy, đối với người học Phật, quan trọng nhất là hóa giải những mâu thuẫn trong nội tâm, nhất định hóa giải những đối lập đối với hết thầy người, sự vật, vĩnh viễn không có oán đối, tâm chúng ta sẽ rất hòa bình, rất tự tại như thế đó! Không phiền não, không âu lo, không vương mắc, không có oan gia đối đầu!

Chúng ta không thể khống chế cảnh giới bên ngoài, nhưng nội tâm của mình thì khống chế được. Không chế nội tâm cho tốt thì bên ngoài hoàn toàn bị hóa giải. Giải quyết vấn đề cũng từ nội tâm, chứ không ở bên ngoài. Bên ngoài là “*cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu bởi nơi tâm). Chúng ta phải chuyển xấu thành tốt, chuyển ác thành thiện, đều từ trong nội tâm của chính mình, dốc công phu nơi khởi tâm động niệm. Sau đây mới có thể chân chánh thực hiện được, hiện tại là có thể đạt đến “*kinh hành, ngồi, nằm*” tu tập trong “*du hí, tiêu dao*”. Hiện tại đã có thể đạt được, hướng chi là quả báo tương lai? Đương nhiên quả báo ấy chân thật.

“*Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên đễ*” (Được thọ dụng như Phật, thấu triệt nguồn đáy pháp): Nhập cảnh giới Phật, nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ được thọ dụng cảnh giới của chư Phật Như Lai, cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói cách khác, sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, không sống đời phàm phu. Cuộc sống tốt đẹp! Quan trọng

hơn nữa, chúng ta làm thế nào để cầu đắc vô thượng Bồ Đề? Mục tiêu cuối cùng của chúng ta là phải chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, “*triệt pháp nguyên đở*” (thâu triệt nguồn đáy pháp) há chẳng phải là chứng đắc hay sao? “*Pháp*” là hết thấy các pháp; cội nguồn của hết thấy các pháp, rốt ráo của hết thấy các pháp. “*Triệt*” (徹) là chứng đắc, “*triệt chứng*” chính là rốt ráo viên mãn Bồ Đề. Địa vị này thấp nhất là Đăng Giác Bồ Tát, chứ không phải là người tầm thường, phải là Đăng Giác Phổ Hiền.

Thường Tịch Quang xứ xứ hiện tiền.

常寂光處處現前。

(*Thường Tịch Quang hiện hữu nơi nơi*).

Đây chính là tánh đức nơi tự tánh hiển lộ viên mãn. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Thường Tịch Quang bao gồm cả Tự Tánh Quả Đức! Tự tánh hiện tiền viên mãn, hiện tiền nơi đâu? “*Xứ xứ hiện tiền*” (hiện tiền nơi nơi). Trọn pháp giới, hư không giới, khắp vi trần cõi nước, chúng ta thường gọi là “*nhập cảnh giới Hoa Nghiêm*”.

Đại nguyện vương trần trần khế hội.

大願王塵塵契會。

(*Đại nguyện vương từng mây trần khế hội*).

“*Đại nguyện vương*” là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, điều này hết sức quan trọng. Chúng ta phải nhớ kỹ: Bốn mươi tám nguyện, đây là chuyện hàng đầu, phải nhớ kỹ bốn mươi tám nguyện. Nhớ rồi phải lý giải; lý luận, sự tương, cảnh giới của mỗi nguyện đều phải hiểu rõ, phân minh, rành mạch. Sau đây làm thế nào để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn: “*Trần trần khế hội*” (khế hội trong từng mây trần). Trong hết thấy thời, hết thấy nơi, sinh hoạt cũng thế, làm việc cũng thế, giao tiếp cũng thế, đều có thể thực hiện được. Lúc ấy, quý vị khế nhập cảnh giới. Sau đây quý vị mới hiểu rõ như trong phần trên thiền sư Trung Phong đã khai thị: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật), “*thử phương tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức thử phương*” (phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này). Thế giới Cực Lạc ở

đâu? Trọn pháp giới, hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là thể giới Cực Lạc! Trọn pháp giới, hư không giới, không đâu chẳng là thể giới Hoa Tạng, quý vị khế nhập “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn bèn hiện tiền.

Lúc ấy, quý vị lại khởi nghi vấn: Vậy thì rốt cuộc chúng ta có cần vắng sanh về thể giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật hay không? Cần chứ! Tây Phương Cực Lạc thể giới ở ngoài mười vạn ức cõi Phật và thể giới này của chúng ta chẳng hề xa cách! Hiện tại vì sao nói đến khoảng cách? Vì hiện thời quý vị chưa đoạn phiền não, vô minh chưa phá! Nói cách khác, chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được; do vậy, không gian bèn có khoảng cách, thời gian bèn có trước - sau. Lúc nào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quý vị đều buông xuống được hết thì lúc ấy sẽ nhận thấy không gian chẳng có khoảng cách, không có xa - gần, thời gian không có trước - sau, đó là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới không có thời gian, không có không gian.

Hiện thời các khoa học gia phát hiện thời gian và không gian không xác định: Dưới một tình huống nào đó, thời gian lẫn không gian đều bằng zéro, cũng có nghĩa là thời gian không có trước - sau, không gian chẳng có xa - gần, dưới một điều kiện nào đó! Phật pháp nói rất rõ ràng, dưới điều kiện nào? Phá vô minh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, khi hội đủ điều kiện này [thời gian và không gian sẽ bằng không]. Khoa học gia vẫn chưa biết dưới điều kiện nào? Họ vẫn chưa hiểu rõ; Phật pháp đã sớm ứng dụng. Do vậy, quý vị trì giới niệm Phật, khéo niệm, niệm đến công phu thành phiền, quý vị bèn rất hoan hỷ, vì sao? Chắc chắn vắng sanh. Chắc chắn vắng sanh thì tốt nhất là đừng nôn nóng, vì sao? Càng thêm gia công dụng hạnh, hy vọng từ công phu thành phiền, [cảnh giới] nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Đạt Sự nhất tâm bất loạn, lại hy vọng nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn thì hoa nở thấy Phật, Lý nhất tâm bèn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân.

Nói cách khác, bản thân quý vị tự biết là thời gian lẫn không gian chẳng có, người khác không biết! Quý vị ngồi ở chỗ này, muốn thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật bèn hiện tiền. Muốn thấy quá khứ, vị lai; quá khứ, vị lai cũng hiện ra trước mặt. Quý vị nhập cảnh giới ấy, tự mình hiểu rõ ràng, thông suốt, nói chung, quý vị chẳng bảo cho người khác biết. Vì sao? Không phải là cảnh giới của người khác! Quý vị cũng chẳng thể tiết lộ thiên cơ, đâu có thấy tai nạn trong tương lai hay

chuyện gì trong tương lai cũng chẳng thể báo cho người khác biết. Vì sao? Hết thầy chư Phật, Bồ Tát như thế, quý vị cũng như thế, cũng chẳng thể là ngoại lệ. Đó là chuyện sau này, nay chúng ta trì giới niệm Phật, dụng công yếu khẩn hơn!

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 57

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp câu cuối cùng trong phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

Cánh vị vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện.

更為亡靈。至心懺悔發願。

(Lại vì vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện).

Trong Pháp Sự này, “sám hối phát nguyện” nhiều lần, thời gian không dài. Mỗi một thời Pháp Sự đại khái là hai tiếng, ba thời (thời thứ nhất, thời thứ hai, thời thứ ba) là sáu tiếng đồng hồ. Trong sáu tiếng đồng hồ ấy có tán thán (chúng tôi gọi là lễ kính), cúng dường, tụng kinh, niệm chú, phát nguyện, sám hối, khai thị, niệm Phật, hồi hướng đều là trùng lập không ngừng. Điều này phù hợp với điều tổ tổ đã truyền: “Thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Đoạn sám hối cuối cùng này vẫn dùng bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ tụng này, câu cuối cùng không giống:

37. Sám Hối Phát Nguyện

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham - sân - si,

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,

Nhất thiết tội căn giai sám hối.

往昔所造諸惡業。

皆由無始貪瞋痴。

從身語意之所生。

一切罪根皆懺悔。

(Xưa kia trót tạo bao ác nghiệp,

*Đều do vô thí tham - sân - si,
Từ thân - miệng - ý phát sanh ra,
Hết thấy tội căn đều sám hối).*

Quý vị thấy trong lần thứ nhất thuộc thời thứ nhất, câu này là “*kim đối Phật tiền cầu sám hối*”. Còn trong thời thứ ba là “*nhất thiết tội căn giai sám hối*”. Từ câu cuối này trong thời thứ ba, ta thấy rất rõ lần sám hối này càng sâu đậm, càng chân thành hơn những lần trước. Chúng ta phải nên học tập điều này. Công phu, đạo nghiệp phải cầu tinh tấn, chẳng những tiến bộ mà còn phải tinh thuần không tạp, tiến về phía trước. Trong những phần trên, tôi đã thừa cùng quý vị: Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là tinh tấn dũng mãnh. Trong bài kệ này, văn tự của câu này có chút biến hóa, ngụ ý rất sâu, chúng ta chẳng được hàm hồ niệm lướt qua, như vậy là không được rồi.

Phát nguyện cũng khác, trong những phần trên là “*chúng sanh vô biện thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”.

Đến đây – tức đến thời thứ ba là “*tự tánh*” – hết thấy đều quy về tự tánh.

***Tự tánh chúng sanh thế nguyện độ,
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn.
Tự tánh pháp môn thế nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.***

自性眾生誓願度。

自性煩惱誓願斷。

自性法門誓願學。

自性佛道誓願成。

Mối liên quan giữa hết thấy chúng sanh và chính mình đến chỗ này mới hoàn toàn tỏ lộ. Trọn pháp giới, hư không giới, chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi nước đều do tự tánh hiện, tự tánh biến, chứ không phải do người ngoài. Ý nghĩa này quá sâu xa! Hiểu được đạo lý này, Bồ Tát mới dũng mãnh tinh tấn, cũng chẳng bị thoái chuyển nữa. Vì sao? Thấy chúng sanh trong sáu nẻo, chín pháp giới đang hứng khổ, chịu nạn chính là chúng sanh nơi tự tánh, chẳng phải là ngoài tâm, có quan hệ hết sức mật thiết đối với chính mình, giống như một vài nơi trên thân thể của chính mình đang bị tê cứng, đau đớn, hoàn toàn nghĩ tưởng phương

cách để gấp gấp trị liệu hồng khôi phục bình thường, chẳng cần đợi người khác khuyên thỉnh mới tìm cách chữa trị! Nếu biết pháp giới chúng sanh và chính mình là một Thể thì “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” sẽ tự nhiên xuất hiện. Trong kinh Phật thường nói “*pháp vốn là như thế*” (pháp nhĩ như thị), không có lý do, điều kiện gì để bàn bạc cả!

Chúng ta mê, mê mất tự tánh, không biết là một thể, phân biệt ta - người, niệm niệm đều đối lập. Gặp phải khổ nạn lớn, thân có bệnh tật, tâm trí đờ đẫn, nay chúng ta trở thành trạng thái ấy. Chư Phật, Bồ Tát tâm trí sáng suốt, minh bạch, các Ngài biết chúng ta tâm trí đờ đẫn, Phật, Bồ Tát giúp chúng ta khôi phục tâm trí. Chúng ta có thể hiểu rõ được trí huệ đức năng nơi tự tánh của chính mình, đây gọi là đại triệt đại ngộ. Triệt ngộ rồi, lẽ nào còn chờ Phật, Bồ Tát dạy, mà sẽ tự nhiên thị hiện “*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”, vĩnh viễn giống như Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng mệt mỏi, nhọc nhằn. Phiền não là “*tự tánh phiền não*” phải đoạn! Pháp môn là “*tự tánh pháp môn*”, Phật đạo là “*tự tánh Phật đạo*”, không có gì lìa khỏi tự tánh. Tự tánh là chân tâm, tâm hiện, thức biến, ở đây hoàn toàn giải bày ra hết. Tiếp theo niệm ba lần:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho hết thầy Bồ Tát, tượng trưng cho việc tu hạnh Bồ Tát một cách viên mãn. Trong thời thứ nhất, chúng ta đọc mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát: Một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, cho đến nguyện thứ mười là hồi hướng khắp tất cả. Niệm danh hiệu Bồ Tát phải nghĩ đến mười đại nguyện vương, tức tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát. Tịnh tông thực sự thù thắng khôn sánh, thù thắng ở chỗ nào? Vừa mở đầu chúng ta bèn “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ). Quý vị nói xem, chẳng thù thắng lắm ư? Như vậy, Tịnh tông tu điều gì? Tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền Hạnh chẳng thể lìa khỏi mười cương lĩnh này. Do không làm được mười cương lĩnh nên chúng ta chẳng thể thành tựu tịnh nghiệp. Quý vị phải chiếu theo mười cương lĩnh ấy mà tu hành, lẽ nào tịnh nghiệp chẳng thành tựu? Phiền não, tập khí từ vô thủy kiếp sẽ tự nhiên hóa giải hết, hóa giải từ chỗ nào? Dùng bốn nguyện đầu để hóa giải: Lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối là hóa giải. Mấy nguyện

sau đó là vì người khác diễn nói, nhằm rộng độ chúng sanh. Những điều Phổ Hiền Bồ Tát tu hoàn toàn là tánh đức, mười nguyện ấy đều quy về tự tánh nên những nguyện ấy viên mãn. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó. Đây là đoạn khai thị sau cùng:

38. Khai Thị

Thượng lai tam thời hệ niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh, khuyến đạo vong linh sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh, hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khí.

上來三時繫念。阿彌陀佛。萬德洪名。勸導亡靈懺除結業。發願往生。行願既深。功無虛棄。

(Từ trên tới đây, ba thời hệ niệm vạn đức hồng danh A Di Đà Phật, khuyên dạy vong linh sám trừ nghiệp chướng đã kết tụ, phát nguyện vãng sanh. Hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng).

Đến đây là một đoạn, Pháp Sư thực hiện đến đây, thời thứ ba sắp kết thúc, viên mãn. Pháp sư này chủ yếu nhất là hệ niệm A Di Đà Phật. Do đây biết rằng: Thiền sư Trung Phong soạn ra nghi quỹ tu hành này hoàn toàn nhằm thực hiện những giáo huấn của kinh Di Đà. Khai thị trọng yếu nhất trong kinh Di Đà là “*nhất tâm hệ niệm*”. Đây là chữ dùng trong bản dịch của Huyền Trang đại sư, bản dịch của ngài La Thập ghi là “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Huyền Trang đại sư dịch là “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm hệ niệm*”. “*Bất loạn*” không dễ, “*hệ niệm*” thì có thể làm được. Hệ niệm là trong tâm quý vị thực sự có A Di Đà Phật, chứ không nhất định là miệng phải niệm, trong tâm thực sự có thì gọi là “*hệ niệm*”. Miệng niệm nhưng tâm không có, chẳng tương ứng! Trong tâm thực sự có, nhưng miệng không có thì vẫn là tương ứng. Điều quan trọng là trong tâm quý vị có A Di Đà Phật hay không!

Nếu quý vị hỏi: Thầy nói trong tâm có A Di Đà Phật, có A Di Đà Phật là gì? Quan trọng nhất không gì hơn đại nguyện của A Di Đà Phật. Nói cách khác, trong tâm, niệm niệm đều có bốn mươi tám nguyện thì đúng là tâm quý vị “*hệ niệm A Di Đà Phật*”. A Di Đà Phật là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật. Ai phát được bốn mươi tám nguyện, ai có thể thực hiện viên mãn bốn mươi tám nguyện ấy trong công việc, trong cuộc sống, trong xử sự đối người tiếp vật, người ấy chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị

không phải là A Di Đà Phật thì còn ai là A Di Đà Phật nữa đây? Tâm, nguyện đã tương ứng thì đương nhiên giải, hạnh chẳng khác gì A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Người như vậy sao chẳng thể không sanh Tịnh Độ? Đây gọi là thực sự niệm Phật.

Nay chúng ta tu hành đã nhiều năm ngàn ấy, không tương ứng, nguyện nhân không tương ứng là ở chỗ nào? Chẳng thực hiện bốn mươi tám nguyện! Chẳng những không thực hiện, mà suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm luôn nghĩ đến danh văn, lợi dưỡng, luôn nghĩ đến tự tư, tự lợi, có lúc nào nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật hay chẳng? Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi soạn cuốn *Triều Mộ Khóa Tụng* (khóa tụng sáng tối), vì sao lấy bốn mươi tám nguyện để vào khóa sáng? Quý vị phải hiểu: Khóa sáng chúng ta không niệm chú Lăng Nghiêm, không niệm Thập Chú, không niệm chú Đại Bi, mà niệm bốn mươi tám nguyện. Vì lý do nào? Hệ niệm A Di Đà Phật, thực hiện giáo huấn của kinh A Di Đà! Nếu quý vị quả thật tu theo cách ấy thì sẽ thực sự thành tựu như kinh đã nói: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày. Trong thời gian bảy ngày, ngày đêm không gián đoạn, không xen tạp, đúng là *“không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn”*. Đây chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: *“Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), sao không thành tựu? Chúng tôi mong rằng những đồng tu thực sự tu Tịnh Độ, thực sự cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không biết những ý nghĩa này.

Hành môn chính là chấp trì danh hiệu, A Di Đà Phật *“vạn đức hồng danh”*, danh hiệu ấy bao quát hết thấy vô lượng đại pháp giáo hóa chúng sanh của chư Phật, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đã nói rất nhiều lần: Trong một câu danh hiệu này, viên mãn bốn mươi tám nguyện, trong danh hiệu này chẳng khuyết nguyện nào. Nhưng nay trong danh hiệu chúng ta đang niệm có những nguyện ấy hay không? Không có! Vì sao ngày nay chúng ta niệm Phật không tương ứng? Vì sao công phu niệm Phật không thành phước? Do không có những nguyện ấy! Pháp môn này được gọi là Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện - Hạnh đồng thời, như trong phần trên đã bảo là *“như đánh chi tam túc, khuyết nhất đô bất khả”* (như ba chân của cái đánh, không thể khuyết một). Trong Tín có Nguyện, có Hạnh, trong Hạnh có Tín, có Nguyện; vì thế, quý vị niệm một câu A Di Đà Phật có Tín và Nguyện và trong ấy. Tín viên mãn, Nguyện viên mãn thì một câu Phật hiệu tương ứng! Một niệm

tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chẳng phải là chỉ có một câu danh hiệu xuyên không hề có Tín - Nguyện trong ấy. Nếu như vậy, câu Phật hiệu ấy không tương ứng.

Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới gọi là Hệ Niệm! Hai chữ Hệ Niệm hay lắm! Chúng ta tự mình niệm tự thành tựu, đồng thời “*khuyến đạo vong linh*” (khuyên dạy vong linh) chính là lợi tha, tự lợi, lợi tha. Bởi lẽ, kinh Địa Tạng dạy: Trong bảy phần công đức, chính mình được sáu phần, vong linh được một phần. Thế còn Hệ Niệm Pháp Sự này thì sao? Người tham gia đồng đạo. Nếu có một trăm người, hai trăm người, ba trăm người, mỗi một cá nhân đem một phần công đức ban cho vong linh, vong linh cũng sẽ có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức của người tham dự pháp hội cũng chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Tự mình được sáu phần công đức, ngoài ra một phần công đức gia trì trao cho mọi người đồng tu. Mỗi một đồng tu gia trì lẫn nhau, có phải là đạo tràng thù thắng lắm hay không? Mỗi một cá nhân giống như một ngọn đèn, một ngọn đèn chiếu sáng hữu hạn; mấy trăm ngọn đèn cùng thắp, trang nghiêm lắm! Quang minh lớn trội, ánh sáng dung nhiếp lẫn nhau! Quý vị đồng tu hãy từ từ dụ này mà lãnh hội!

Trong Pháp Sự này, công đức của mỗi cá nhân dệt thành một tấm lưới nguyện, thành lưới ánh sáng ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh. Vì thế, đối với vong linh, Pháp Sự này lợi ích thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Người tu Pháp Sự tâm càng thanh tịnh, càng thiện lương, càng chân thành, công đức ấy càng hết sức thù thắng. Tự lợi, lợi tha đây! Mỗi một phen Khai Thị, mỗi một phen phát nguyện, mỗi một phen sám hối, khuyến chính mình, khuyến đồng tu, khuyến vong linh “*sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh*” (sám trừ nghiệp chướng đã kết, phát nguyện vãng sanh). Tuy pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh, nhưng vẫn phải coi trọng sám hối. Vì sao? Sám trừ nghiệp chướng một phần, khi quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao hơn một phần, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, sớm có ngày chứng quả, thành Phật. Do vậy, phải sám hối, phải phát nguyện, phát nguyện quan trọng nhất là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà.

“*Hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khi*” (hạnh nguyện đã sâu, công không lường uống): Nguyện sâu, Tín sâu, Hạnh sâu, Tín - Nguyện - Hạnh đều sâu, công tu hành ấy đúng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật, cảm ứng đạo giao cùng chư thượng thiện nhân trong hải hội đại chúng tại Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta niệm niệm chẳng quên mong được gia nhập pháp hội này, trở

thành một thành viên trong pháp hội. Cố nhiên quan trọng nhất là A Di Đà Phật, nhưng chẳng thể không quan tâm đến hải hội đại chúng. Từ hội Hoa Nghiêm, qua phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm¹⁰³, chúng ta đọc thấy đại biểu của từng nhóm người, mỗi khi tán Phật, đều phải ngoái nhìn những đồng nhân¹⁰⁴ trong nhóm của họ, không sót một ai, họ nêu khuôn mẫu, gương tốt cho chúng ta. Nay chúng ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc số lượng nhiều đến nỗi không có cách gì tính được, chỉ có thể dùng chữ A-tăng-kỳ để diễn tả.

Bình thường, lúc chúng ta niệm Phật không nghĩ đến, niệm niệm cũng phải kết pháp duyên với các thượng thiện nhân, tương lai khi chúng ta vãng sanh, quang cảnh sẽ lớn lao. Sau lung Tây Phương Tam Thánh là các thượng thiện nhân thuộc Liên Trì Hải Hội, số đến vô lượng vô biên, rậm rộ như thế, nghênh tiếp quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị kết duyên cùng họ, những chuyện này đều là sự thật! Tâm lượng không lớn sẽ chẳng thể thường quán tưởng như thế. Lúc quý vị vãng sanh, A Di Đà Phật hiện đến, quý vị thấy những người theo chân Phật không nhiều, vì sao? Quý vị không kết duyên với mọi người. Rộng kết pháp duyên, niệm niệm chẳng xả hết thấy chúng sanh, hết thấy Bồ Tát, hết thấy Thanh Văn, hết thấy thần thánh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Có như vậy thì công phu Tín - Nguyện - Hạnh của quý vị mới sâu, sâu rộng không bờ bến, công đức thành tựu, quyết định chẳng dối, công đức chân thật, thành tựu chính mình, mà cũng thành tựu người khác, vong nhân thực sự được hưởng lợi ích.

Như xưa kia, trong hội [giảng kinh] Lăng Nghiêm, chúng tôi đã nhắc đến một câu chuyện của lão pháp sư Đàm Hư. Lúc lão pháp sư chưa xuất gia học Phật, là cư sĩ tại gia, cùng mấy người bạn mở một tiệm thuốc Bắc. Trong số bạn bè ấy, có một vị cư sĩ họ Lưu, đọc kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Tám năm đóng cửa đọc kinh Lăng Nghiêm, chắc phải có chút công phu, tâm định rồi. Đọc lâu ngày, mỗi lần đọc bèn theo văn nhập quán, bèn có lợi ích, chứ không phải là đọc xuôi. Lúc quý vị đọc mà chú tâm theo kinh thì tâm quý vị tương ứng, nhập vào cảnh giới ấy. Do vậy, oán thân trái chủ của ông ta đến cầu xin ông ta siêu độ.

Cách siêu độ rất đơn giản! Những ai trong quá khứ ông ta có lỗi

¹⁰³ Thế Chủ Diệu Nghiêm là phẩm thứ nhất trong kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn. Gọi là Thế Chủ Diệu Nghiêm vì ngoài những vị đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, còn giới thiệu rất nhiều vị thượng thủ thuộc chư thiên, bát bộ quỷ thần, cũng như các vị thần chủ quản mọi sự trong thế giới như Hải Thần, Chủ Dạ Thần v.v..

¹⁰⁴ Đồng nhân là những người có cùng hạnh nguyện, cùng chí hướng với ta.

với họ, vốn là oan gia đối đầu của ông ta, thấy ông ta nay tu hành có được công phu tốt đẹp như thế muốn hưởng ké một chút. Họ đến trước mặt, quỳ gối xuống đất, Lưu cư sĩ hỏi những kẻ ấy:

- Các vị có chuyện gì tìm đến tôi?
- Cầu siêu độ.

Lưu cư sĩ yên tâm, không phải là đến báo cừ, không phải là đến trả thù mà là cầu siêu độ, bảo:

- Được! Các vị muốn tôi siêu độ cho các vị như thế nào?

Họ nói:

- Chỉ cần ông đáp ứng là được!
- Được, tôi bằng lòng!

Ông ta trông thấy hồn ma bám vào đầu gối ông, trèo lên đến vai bèn sanh lên trời. Độ hai lượt như vậy, qua một lúc lại có hai kẻ đến nữa, chính là bà vợ và đứa con nhỏ đã mất của ông ta, đều đến trước mặt, quỳ dưới đất cầu siêu độ. Tự mình thực sự có công hạnh sẽ có khả năng giúp đỡ người khác. Chúng ta thực sự học Pháp Sự này, sức của một người không đủ, tập hợp sức lực của toàn thể tứ chúng đồng tu thì sức mạnh ấy lớn lắm.

Duy nguyện vong linh, văn tư pháp yếu, tín thọ phụng hành.

惟願亡靈。聞斯法要信受奉行。

(Xin nguyện vong linh nghe pháp yếu này hãy tin nhận, phụng hành).

Đây là chúc nguyện, mong mọi người đã khuất: Lành tu pháp sự này chủ yếu chuyên vì vong linh. Quý vị nghe những pháp yếu đã tu trong ba thời này, Phật pháp mệnh mang như khói tỏa trên mặt biển, những điều được tu trong ba thời này là tinh yếu, trọng yếu nhất, hy vọng quý vị nghe xong sẽ “*tín thọ phụng hành*” (tin nhận vâng làm).

Tùng thị thác chất liên thai.

從是托質蓮胎。

(Từ đây gá thân nơi thai sen).

Từ nay trở đi, quý vị giống như chúng tôi, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. “*Thác chất liên thai*”: Chất (質) chính là thân. Thân này của chúng ta là thân vật chất, hóa sanh trong hoa sen chính là “*thác chất liên*

thai” (gá thân trong thai sen). Trong hết thấy các cõi Phật, hết thấy những chúng sanh chỉ cần có một niệm phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ý niệm ấy vừa động sẽ khiến cho ao sen bầy bấu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới nảy sanh một đóa hoa sen, thấy có búp sen nhưng hoa chưa nở. Trên búp sen ghi tên tuổi ở trong ao bầy bấu. Do vậy, tất cả hết thấy vật chất của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thường trụ bất diệt, hữu tình chúng sanh không có sanh - già - bệnh - chết, vô tình chúng sanh không có sanh - trụ - dị - diệt, không có thành - trụ - hoại - không, Nhất Chân pháp giới mà! Chỉ có một hiện tượng, tức là hoa sen trong ao bầy bấu có tươi tốt hay héo khô. Tinh tấn niệm Phật chẳng lui sụt, hoa ấy càng lớn càng đẹp, càng lớn càng to, có hiện tượng ấy. Nếu ngã lòng hay đổi sang tu pháp môn khác, hoa sen ấy dần dần héo khô, tiêu mất. Do vậy, hoa sen trong ao bầy bấu có tươi tốt, có khô héo. Do hoa ấy không do A Di Đà Phật biến hiện mà do ý niệm của hữu tình chúng sanh trong mười phương thế giới biến hiện ra, duy thức sở biến.

Do vậy, có tướng trạng sanh - diệt, tươi - khô. Trừ hoa ấy ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng tìm đâu ra hiện tượng ấy. Đây là nói về “thác chất liên thai”.

Vĩnh ly nghiệp hải.

永離業海。

(Vĩnh viễn rời khỏi biển nghiệp).

“Nghiệp hải” chỉ cho lục đạo, mười pháp giới. Chẳng những vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới, cảnh giới thù thắng khôn sánh, chẳng thể nghĩ bàn. Trong lục đạo thực sự có không ít những chúng sanh giác ngộ khá cao mong cầu thoát khỏi luân hồi lục đạo, nhưng không có duyên phận, chẳng gặp được pháp môn này. Hoặc là gặp được nhưng chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng, vẫn phải tu pháp môn của chính mình, tu cũng khá lắm, tu lên đến Vô Sắc Giới thiên. Vô Sắc Giới thiên không có sắc tướng, chúng trời cõi ấy tưởng Vô Sắc Giới là Đại Niết Bàn, ai nấy đều tự cho mình đã chứng đắc Vô Thượng Niết Bàn, Niết Bàn rốt ráo. Thọ mạng cũng thật là dài! Đức Thế Tôn dạy chúng ta: “Thọ mạng của cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng là tám vạn đại kiếp!” Tám vạn đại kiếp chúng ta không có khái niệm, chúng ta nghe xong vẫn cứ mơ mơ màng màng, tám vạn đại kiếp ư? Thế nào là một đại kiếp? Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, quý vị mới cảm

thấy chẳng thể nghĩ bàn!

Phật dạy chúng ta: Thế giới có thành - trụ - hoại - không. Thành - trụ - hoại - không là bốn trung kiếp. Bốn trung kiếp ấy hợp thành một đại kiếp. Đây là nói về tinh hệ trong vũ trụ, chứ không nói về địa cầu của chúng ta. Một Thái Dương Hệ hãy còn nhỏ lắm, một đại tinh hệ kia! Ta thường bảo Ngân Hà là một tinh hệ, nhưng nói thật ra, thì như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: “Mỗi một Ngân Hà Hệ là một đơn vị thế giới”. Thành Trụ Hoại Không mà đức Phật nói đó chính là Thành Trụ Hoại Không của một cõi Phật, tức là Thành Trụ Hoại Không của một tam thiên đại thiên thế giới. Thời gian năm tháng chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi, đó là con số thiên văn. Mỗi lần Thành Trụ Hoại Không là một đại kiếp. Tám vạn đại kiếp chính là đại tinh hệ thành - trụ - hoại - không tám vạn lần. May là bọn họ không có sắc thân, không có thân thể, thế giới thành - trụ - hoại - không chẳng gây trở ngại gì cho họ, họ không bị ảnh hưởng. Quý vị nghĩ xem thọ mạng họ quá dài đi!

Thế nhưng đến lúc hết tám vạn đại kiếp, công phu định lực của họ bị lui sụt, lại bèn đọa lạc trong luân hồi. Luân đọa lạc này, đọa thật thảm, có thể nói là “càng trèo cao, càng té đau!” Họ từ Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên đọa xuống địa ngục. Quý vị có thể đọc những điều này từ kinh điển. Nếu muốn thuận tiện, hãy xem bộ Pháp Uyển Châu Lâm hoặc Kinh Luật Dị Tướng¹⁰⁵ sẽ thấy. Hai bộ sách này là do cổ nhân phân loại hết thấy kinh luận trong Đại Tạng Kinh mà soạn thành. Lấy Sự làm cương mục, chia thành một trăm cương mục, những cương mục trong kinh luận đều chép vô đó. Quý vị muốn xem về Kiếp, Thời Kiếp thì những gì được hết thấy kinh luận giảng [về Kiếp] đều được chép vào một chỗ, tìm thấy là coi được hết.

¹⁰⁵ Pháp Uyển Châu Lâm (còn gọi là Pháp Uyển Châu Lâm Tập) có thể coi như một bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật, gồm 100 quyển, do ngài Đạo Thế (?-683) biên soạn vào đời Đường, trích dẫn những hơn 400 bản kinh luận, kể cả kinh sách Nho Giáo, Đạo Giáo và Sám Vĩ. Trong ấy có cả những trích dẫn từ những bản kinh hiện nay đã thất truyền như Bồ Tát Bản Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh hoặc các sách cổ như Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v... Nội dung trình bày tu tướng, thuật ngữ, pháp số, luật, luận, truyện...

Kinh Luật Dị Tướng gồm 50 quyển, do ngài Bảo Xương đời Lương làm chủ biên, nội dung thu thập những chuyện lạ lùng được nói trong kinh luận Phật giáo. Hòa Thượng Tịnh Không nói “lấy Sự làm cương mục”, nghĩa là phân chia nội dung thành những loại chính, mỗi loại ấy gọi là cương mục, chẳng hạn như Thiên Bộ, Địa Bộ, Phật Bộ, Bồ Tát Bộ... Trong mỗi bộ lại chia thành nhiều tiểu loại, chẳng hạn như Phật Bộ gồm có Phật Đà xuất gia, thành đạo, Niết Bàn, phân chia xá-lợi v.v...

Một đại kiếp là [thời gian] thành - trụ - hoại - không của một đại thế giới. Thành - trụ - hoại - không tám vạn lần, phi thường quá! Chúng ta không nhận biết vì thọ mạng quá ngắn, nhưng đối với thời gian và không gian vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài, rất ngắn! Không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đây là người hết sức thông minh trong thế gian, không có duyên gặp được Phật pháp, không có duyên gặp gỡ Tịnh Độ. Nói thật ra, gặp được Tịnh Độ đảm bảo sẽ siêu xuất. Gặp những pháp môn khác thì không dám chắc, phải tùy thuộc vào duyên phận, tức là cũng như chúng ta thường nói: Quý vị phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh mới siêu thoát. Không kiến tánh chẳng siêu thoát!

Người tu hành muốn đạt đến công phu minh tâm kiến tánh như vậy chẳng phải là chuyện đơn giản. Quý vị thấy đó: Đoạn hết Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng phải đoạn hết. Vô minh phiền não cũng phải phá được mấy phẩm, như vậy mới có thể vượt thoát. Chỉ đoạn Kiến Tư, Trần Sa, nhưng Vô Minh chưa đoạn thì cũng có thể coi là khá lắm, vượt thoát lục đạo, nhưng chẳng thể vượt thoát mười pháp giới, chứng được quả vị Tương Tự, chứ không phải là chân thật. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ thù thắng, được hết thầy chú Phật Như Lai tán thán chẳng phải là không có lý do. “*Vĩnh ly nghiệp hải*” (vĩnh viễn lìa khỏi biển nghiệp) phải nhờ vào Tín - Nguyện - Hạnh.

Trực chứng A Bộ Bất Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Thành tựu ấy quá lớn! Quý vị thấy ở đây tổ sư giảng rất khẩn thiết, khẳng định dường ấy, không do dự mảy may gì! “*Trực chứng*” là thẳng thừng, thỏa đáng, quý vị chứng ngay vào A Duy Việt Trí! A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, phiên dịch sang tiếng Hán là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát. Kinh luận thường nói viên chứng ba thứ Bất Thoái. Trong phần giảng về kinh A Di Đà trong những phần trước, tôi đã trình bày về ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, đó là Tam Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo bắt đầu chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chứng đắc chưa viên mãn. Từ Sơ Trụ Bồ Tát lên đến Thất Địa Bồ Tát, Thất Địa Bồ Tát còn bị thoái chuyển, nhưng thoái chuyển có hạn mức, hạn mức là Sơ Trụ Bồ Tát, chứ tuyệt đối không thể lui sụt kém hơn Sơ Trụ. Nói chung là tiến tiến lùi lùi, hoàn toàn phụ thuộc bản thân quý vị dụng công

siêng năng hay lười nhác. Quý vị mạnh mẽ, dũng mãnh, tinh tấn thì nâng cao không ngừng. Nếu quý vị giải đãi, không chịu tu tập, bèn bị thoái chuyển.

Quý vị phải hiểu trong thế giới Hoa Tạng hay trong thế giới Cực Lạc, nếu bàn trên mặt lý luận thì đều có hiện tượng ấy, đều có kẻ tiến tiền lùi lùi; nhưng [thực ra] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đặc biệt, chỉ có tiến, chứ không lùi, chỉ là tiến mau hay chậm khác nhau: Có kẻ dũng mãnh tinh tấn thì tiến rất nhanh; có kẻ không dụng công như thế, kẻ ấy tiến chậm, nhưng chắc chắn không bị thoái chuyển. Đây là một điều hay của Tây Phương Cực Lạc thế giới; trong các cõi Phật khác không có [chuyện này]! “*Giai thị A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát), đây chính là do bồn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói cách khác, A Duy Việt Trí là từ Thất Địa trở lên. Trong mười phương hết thấy các cõi Phật không có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có! Chúng ta phải hiểu rõ, phải quý tiếc!

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay: Phàm phu một phẩm phiền não chưa đoạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghiêm nhiên là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, lão nhân gia bảo: Nếu bảo quý vị là Bồ Tát thì quý vị không giống với Bồ Tát, vì sao? Vẫn còn mang theo phiền não, chưa đoạn một phẩm vô minh! Nếu bảo quý vị là phàm phu, lại chẳng giống với phàm phu, vì sao? Trí huệ, đức năng giống hết Thất Địa Bồ Tát, chẳng thể nghĩ bàn! Không có cách nào gọi tên quý vị được, do được bồn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì mà! Quý vị đạt đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy, “*viên mãn vô thượng Bồ Đề*”.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng của thiền sư Trung Phong.
Hai câu cuối cùng là:

Trực chứng A Bệ Bạt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Hai câu này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, bởi chúng quá hy hữu! Hết thấy chư Phật xưng tán, tôn kính A Di Đà Phật, nói thật ra, chính là

vì hai câu trên. Hai câu trên đây chính là điểm đặc sắc của Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười phương các cõi Phật không có, riêng mình thế giới Cực Lạc có. Chính vì sự thật này khiến cho chúng tôi nghĩ rằng đây chính là lý do Văn Thù và Phổ Hiền trong thế giới Hoa Tạng muốn cầu sanh Tịnh Độ.

Xưa kia, tôi đọc Hoa Nghiêm, nghĩ về vấn đề này rất lâu! Văn Thù, Phổ Hiền là tay mặt, tay trái của Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Hoa Tạng, là những vị đại sĩ phụ tá của Pháp Thân Như Lai, không phải là hạng Bồ Tát tầm thường, vì sao lại muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Về sau, tôi nghĩ trong kinh Phật thường nói: Tu hành chúng quả phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đức Phật nói như vậy rất nhiều lần, chúng tôi đây không phải là nói tỷ dụ, mà là sự thật. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính từ lúc nào? Nguyên lai tính từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo; nói cách khác, thời gian tu hành trước khi chúng được địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng tính đến. Nếu kể từ khi chúng ta phát tâm, tu cho đến Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới trong mười pháp giới, nếu tính chung lại, đức Phật nói phải mất vô lượng kiếp, chứ nào phải chỉ ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chúng tôi tin tưởng điều này, vì sao?

Nay mỗi đồng học học Phật chúng ta, nghe đến danh hiệu Phật bèn chấp tay, trông thấy tượng Phật bèn lễ bái, thiện căn như vậy không phải là ngẫu nhiên. Phải là tu tập nhiều đời nhiều kiếp, do chúng tử hàm tàng trong A Lại Da Thức hiện hành nên quý vị mới có thái độ kiên thành như thế; nhưng mà sao? Không có thành tựu. Khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn có nhắc đến vương tử A Xà Thế và đoàn thể nhỏ của ông ta. Khi ấy, đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ, bọn họ hiện diện, nghe xong hết sức hoan hỷ, cúng Phật, trong tâm phát nguyện hy vọng tương lai tự mình thành Phật cũng giống như A Di Đà Phật, chứ không phát tâm cầu được vãng sanh, tức là chẳng sanh khởi ý niệm “*vãng sanh Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật*”. Đức Phật dạy: Mấy vị thuộc nhóm vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Đừng nói chi nhiều, một đức Phật thôi đã là ba A-tăng-kỳ kiếp, bốn trăm ức còn lâu đến đâu nữa! Tu hành trong thời gian lâu xa ngàn ấy, nghe đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh tâm ngưỡng mộ, nhưng không phát tâm cầu nguyện vãng sanh!

Nay chúng ta nghe nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị nghĩ xem: Công đức ấy chắc chắn vượt hơn vương tử A Xà Thế. Vương tử A Xà Thế từng cúng dường bốn trăm ức Phật, có lẽ quý vị từng cúng dường từ bốn trăm ức trở lên, năm

trăm, sáu trăm, bảy trăm, tám trăm ức Phật nên thiện căn, thiện niệm ấy mới sanh khởi: “Tôi muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!” Bởi vậy, lời đức Phật giảng là chân thật, thành tựu pháp môn này là vô lượng kiếp. Chúng ta đừng tưởng ngày nay mình mới học Phật, không phải vậy, đời đời kiếp kiếp kiếp trong quá khứ vô lượng kiếp [đã học Phật], nhưng vì sao không được thành? Do nhân duyên không đủ, phiền não tập khí chưa hết, tham luyện hồng trần.

Tôi nói như vậy quý vị hãy nên nghĩ hiểu. Vì sao? Đây chính là sự thật hiện tiền, đối với hết thảy người - sự - vật trong thế gian này, quý vị có tham luyện hay không, có buông xuống được hay không? Chính vì cái duyên này mà đời đời kiếp kiếp kiếp trong quá khứ tu Tịnh Độ không đạt thành tựu. Nếu trong một đời này vẫn còn mang niềm tham luyện ấy, vẫn không chịu buông xuống thì vẫn chẳng thể thành. Lại phải đợi nhân duyên lần nữa; nhân duyên lần nữa ấy chẳng biết nhằm đời nào, kiếp nào! Vì sao? Tương lai có thể được làm thân người hay không, quý vị có đảm bảo hay chẳng? Nếu được làm thân người, có đảm bảo sanh vào chỗ có Phật pháp, có cơ hội được nghe pháp, tiếp tục tu hành hay không? Khó lắm! Rất khó, rất ư là khó!

Vì thế, nghĩ đến chỗ này khiến chúng tôi liên tưởng: Bắt đầu từ Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Đức Phật dạy chúng ta: A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, vị Bồ Tát ấy tu xong địa vị Tam Hiền; Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. Trong A-tăng-kỳ thứ nhất phải tu viên mãn ba mươi địa vị ấy. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa. A-tăng-kỳ thứ ba tu ba địa vị: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Càng lên cao càng khó, tiến triển càng chậm! Từ chỗ này, chúng tôi suy nghĩ: Tuy đức Phật không nói nhưng chúng ta có thể tưởng tượng được, Đẳng Giác Bồ Tát muốn chứng đắc viên mãn Bồ Đề, Phật quả rốt ráo, cần phải mất bao nhiêu thời gian? Cứ tính theo phần trên, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu ba mươi địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị. Tối thiểu phải mất một A-tăng-kỳ kiếp thì Đẳng Giác Bồ Tát mới có thể chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, ở đây gọi là “*viên mãn vô thượng Bồ Đề*”.

Do vậy, Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vì chẳng phải mất một thời gian dài như thế, về đến Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, lẽ nào không thích làm? Chẳng những tự mình đi nhận lấy chỗ tốt ấy, nhận lấy lợi ích ấy, mà còn hướng về tất cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ tuyên

bồ: “Các ông có muốn đi hay không? Muốn đi thì ta cùng nhau đi!” Khuyên dạy bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều cùng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cảnh tượng như thế nào? Nói thật ra là rất vĩ đại, thật chẳng thể nghĩ bàn! Từ chỗ này, chúng ta hãy chú tâm quan sát, Văn Thù, Phổ Hiền đương nhiên cầu sanh để làm gì? Hồng rút ngắn thời gian; trong thế giới Hoa Tạng cần phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, qua nơi kia chỉ mấy ngày là chứng đắc.

Chúng ta là hạng phàm phu sát đất, nếu tu theo những pháp môn thông thường thì quả thật phải tu vô lượng kiếp mới có thể thực sự đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vượt thoát lục đạo, mười pháp giới, sanh về thế giới Hoa Tạng, thành Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Từ lúc đó bắt đầu tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Thập Địa, tức Pháp Vân Địa. Tu trọn ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc Đẳng Giác. Chúng ta hãy nghĩ xem: Đẳng Giác phải tu tối thiểu một A-tăng-kỳ kiếp, quý vị nghĩ xem thời gian ấy dài đến đâu? Dài quá! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Nay gặp được pháp môn Niệm Phật này là vô thượng Pháp Bảo. Trong hết thảy Pháp Bảo, không có gì sánh bằng được pháp này. Một kẻ phàm phu, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, hễ vãng sanh bèn siêu việt với một mức độ lớn, vượt qua Thanh Văn, vượt qua Duyên Giác, vượt qua Tam Hiền, vượt trời Thất Địa, còn gì hơn! Bởi thế, pháp môn này gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn bằng với Thất Địa Bồ Tát, “*trực chứng A Bệ Bạt Trí*” (chứng ngay vào A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí là Thất Địa. Sự siêu việt ấy quá sức là nhanh, bởi thế, không ai có thể tin tưởng được, Thanh Văn chẳng tin tưởng, Duyên Giác chẳng tin, các vị Bồ Tát chẳng thể tin pháp môn này. Do vậy, trong kinh, đức Phật nói: “*Duy hữu Phật dữ chư Phật, phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Các Ngài thực sự hiểu rõ đến cội nguồn chuyện này là như thế nào, chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thông hiểu rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát nếu không được Phật lực gia trì thì cũng chẳng thể hiểu rõ!

Trong một đời này, đương nhiên trong quá khứ chúng ta không chỉ gặp [pháp môn này] một lần, mà là gặp gỡ rất nhiều lần, trong một đời này lại gặp gỡ, thiện căn, phước đức hiện tiền, phải nắm chắc lấy cơ hội trong một đời này, quyết định chẳng để lỡ qua. Nắm chắc như thế nào? Thân, tâm, thế giới hết thảy buông xuống hết thì chúng ta mới có thể vãng sanh. Trong đời quá khứ đã coi thường đôi chút, nói chung là có một hai lần không buông xuống được nên không thể thành tựu. Nay

đã thấu hiểu triệt để, ngoài việc này ra, những chuyện khác đều coi là vụn vặt như lông gà, vỏ củ tỏi, tùy duyên làm, không cần phải để tâm; còn chuyện này nhất định cần phải để tâm, trong mười hai thời niệm niệm tương ứng, chẳng được làm lạc nữa, quyết tâm trong một đời này phải thành tựu, đây mới là thực sự giác ngộ!

Do vậy, trong thế gian này, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, hết thấy người, sự, vật, thậm chí hết thấy pháp thế gian hay xuất thế gian thấy đều buông xuống. Thực sự học theo như Liên Trì đại sư buông bỏ triệt để, sạch sành sanh như thế đó: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh, nhường cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), ta đều không cần đến. Một câu A Di Đà Phật, chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề, ta làm chuyện ấy. Quyết định chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không có một vọng niệm!

39. Di Đà Đại Tán

Tiếp theo dùng Di Đà Đại Tán để tổng kết pháp hội, Đại Tán rồi hồi hướng, tam quy. Di Đà Đại Tán là bài tán chúng ta thường niệm, ý nghĩa không khó hiểu lắm, nhưng phải nêu ra ở đây, vì sợ mọi người vô ý coi thường, trong bài tán này có những ý nghĩa áo diệu.

***Di Đà Phật đại nguyện vương,
Tì bi hỷ xả nan lượng.***

彌陀佛大願王。

慈悲喜捨難量。

*(Di Đà Phật đại nguyện vương,
Tì bi hỷ xả khó lường).*

Tôi tin rằng câu thứ nhất không khó hiểu, nhưng cảnh giới rất lớn. A Di Đà Phật bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh trong hết thủy cỗi nước trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quả địa cầu của chúng ta quá nhỏ, chỉ là một điểm tí ti trong hết thủy các cỗi nước. “*Tì bi hỷ xả nan lượng*”: Không có cách nào đo lường được, cũng không cách gì tưởng tượng, thuyết minh được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

**Mi gian thường phóng bạch hào quang,
Độ chúng sanh Cực Lạc bang.**

眉間常放白毫光。

度眾生極樂邦。

(Giữa mày thường phóng bạch hào quang,
Độ chúng sanh về Cực Lạc).

Phật phóng quang từ trước đến nay chưa hề gián đoạn. Từ Đại Kinh, chúng ta thấy đức Thế Tôn giới thiệu: “*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*” (Trong quang minh hóa vô số ức Phật, hóa các Bồ Tát cũng vô biên). Đấy chính là bạch hào giữa hai mày phóng quang. Hóa ra vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, rộng độ hết thảy chúng sanh trong pháp giới, hư không giới. Đây là nhằm thực hiện những gì đã tán thán ở phần trên: “*Từ bi hỷ xả nan lượng*”, hiển thị hồng nguyện của A Di Đà Phật được thực hiện qua những sự tướng này. Trong vũ trụ này, A Di Đà Phật phân thân, hóa thân vô lượng vô biên, chỉ nhằm một chuyện: “*Độ chúng sanh Cực Lạc bang*” (Độ chúng sanh về Cực Lạc). Sáu chữ này nghĩa là tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn những loại chúng sanh nào? Chúng sanh căn cơ chín muồi. Thế nào là căn cơ chín muồi? Thực sự đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh; tâm là Di Đà tâm, nguyện là Di Đà nguyện, ngôn (lời lẽ) là Di Đà ngôn, hạnh là Di Đà hạnh, những người ấy đời nghiệp vãng sanh. Phiền não tập khí đoạn hay không chẳng quan trọng, cốt sao tâm - nguyện - ngôn - hạnh tương ứng, Phật bèn đến độ quý vị, đến tiếp dẫn quý vị về cõi Cực Lạc.

Bát đức trì trung liên cứu phẩm.

八德池中蓮九品。

(Ao bát đức sen khoe chín phẩm).

Đây là chỗ sanh của người niệm Phật vãng sanh, trong những phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị rồi. Quý vị sanh trong hoa sen, đấy chính là chỗ quý vị ở, là chỗ quý vị học tập, hoa sen to chẳng thể nghĩ bàn. Hoa sen cũng là Pháp Bảo, là hoàn cảnh tu học tốt nhất của quý vị. Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị chẳng cần phải ở trong ấy ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp, không cần phải mất thời gian dài lâu như thế, phiền não tập khí từ vô thủy kiếp

đến nay ở trong ấy đều đoạn sạch sành sanh. Nhanh chóng lắm! Nhanh chóng đến mức độ nào? Xem những gì kinh Quán Vô Lượng Thọ đã nói, quý vị sẽ hiểu rõ, chậm nhất tức thời gian dài nhất là mười hai kiếp.

Quý vị phải nhớ rõ, mười hai kiếp so với vô lượng kiếp, so với A-tăng-kỳ kiếp thì rất ngắn; mà đây là gì? Là thời gian dài nhất đối với người thuộc Hạ Hạ Phẩm, tức vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Trước kia tôi đã tính rồi, đại khái như chúng ta không có tội nghiệp rất nặng như thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái phải mất bao lâu mới có thể viên mãn vô thượng Bồ Đề, hoa nở thấy Phật? Khoảng chừng bốn kiếp hay ba kiếp, đại khái là chừng đó, đúng là rất nhanh! Quý vị suy nghĩ xem: Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị ấy nói thật ra không cần đến một kiếp (nói thông thường thì tính bằng kiếp), không cần lâu vậy đâu, quả thật phải tính bằng ngày, chỉ cần mất mấy ngày bèn viên chứng vô thượng Bồ Đề. Điều này cho thấy vì sao chúng ta phải vãng sanh!

Thất bảo diệu thụ thành hàng.

七寶妙樹成行。

(Cây quý bảy báu thành hàng).

“*Diệu thụ*” chính là chỗ chúng ta vui chơi, cũng là chỗ để tu hành tiêu nghiệp thành tựu Định - Huệ, nay chúng ta lên lớp tại giảng đường, còn chỗ người ta đi học là “*thất bảo diệu thụ thành hàng*”. Đi học ở đó, hết sức nhẹ nhàng, thông dong, hết sức tự tại. Đây chính là cái nay ta gọi là “*nghe thuật dạy học*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới phát triển nghệ thuật dạy học cao độ, gần như là vui chơi, do vui chơi mà đoạn phiền não, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá, tự tánh trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu nơi cây báu thành hàng. Tiếp theo đó là hai câu tán thán:

Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương,

Tiếp dẫn vãng Tây Phương.

如來聖號若宣揚。

接引往西方。

(Như Lai thánh hiệu vừa xưng tụng,

Tây phương tiếp dẫn vãng sanh ngay).

Như Lai ở đây là hết thầy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, “*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*”, bèn tiếp dẫn! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng ba kinh Tịnh Độ, vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây chính là “*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*”, tiếp dẫn! “*Tiếp dẫn vãng Tây Phương*”.

Di Đà thánh hiệu nhược tuyên dương.

彌陀聖號若稱揚。

(Di Đà thánh hiệu như xưng tụng).

Tức là niệm A Di Đà Phật, là chánh tu, chuyên tu Tịnh Độ! Quả báo là:

Đồng nguyện vãng Tây Phương.

同願往西方。

(Đồng nguyện cùng về cõi Lạc Bang).

Tất cả hết thầy người niệm Phật “*đồng nguyện vãng Tây Phương*” (cùng một nguyện sanh về Tây Phương). Ở chỗ này, chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Chúng ta ở đây niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; người ở nơi khác cũng ở nơi đó niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ấy và ta là oan gia đối đầu, ta nghe nói tới người ấy bèn chán ghét, trông thấy người ấy cũng chẳng thoải mái, làm cách nào đây? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt nhau như thế nào đây? Chẳng lẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn còn căng thẳng hay sao? Vẫn còn cự lộn hay sao? Nếu như vậy thì sẽ chẳng thể vãng sanh được. Bao nhiêu người niệm Phật vì nguyên nhân này mà bỏ lỡ cơ hội vãng sanh trong một đời này! Do vậy, ở đây tôi phải đặc biệt nêu lên, quý vị chẳng thể không lưu ý! Người ta đối với mình như thế nào cũng không quan trọng, vấn đề là ta đối với người khác [như thế nào]. Do vậy, phải dốc sức sao cho tất cả hết thầy oán kết trong tâm mình được hóa giải, một câu A Di Đà Phật hóa giải được tất cả! Không có oan gia đối đầu thì mới có thể vãng sanh Tây Phương.

Ai có đối lập, ai vẫn còn cảm thấy không thoải mái, thấy người

khác không vừa mắt, thì phải tự hiểu kẻ ấy không thể vãng sanh. Nhất định phải học sao cho thấy ai cũng hoan hỷ, bất cứ ai hủy báng mình, mình đều hoan hỷ, mình quyết định chẳng hủy báng họ. Ai lăng nhục mình, người ta hãm hại mình, mình cũng hoan hỷ, họ tiêu nghiệp chướng cho mình, quyết định chẳng oán hận mảy may, quyết định chẳng có ý niệm báo thù thì ta mới có thể thừa nguyện vãng sanh Tây Phương! Nếu ta vẫn còn chán ghét kẻ ấy thì một niệm chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật! Tâm, nguyện, ngôn, hạnh khác với A Di Đà Phật, không tương ứng, không vãng sanh được! “*Một niệm tương ứng một niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Nguyện vãng sanh của A Di Đà Phật là “từ, bi, hỷ, xả”, chúng ta có [những điều đó] hay không? Mấu chốt để vãng sanh được hay không là ở chỗ này. Bài Di Đà đại tán này mang ý nghĩa: Phải hóa giải tất cả hết thảy những oán kết trong tâm quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đường lớn Bồ Đề thông suốt không ngăn ngại! Lại xem tiếp bài kệ Hồi Hướng:

40. Hồi Hướng

Hệ Niệm công đức thù thắng hạnh.

繫念功德殊勝行。

(Công đức Hệ Niệm hạnh thù thắng).

Chữ “*Hệ Niệm*” chỉ pháp sư Tam Thời Hệ Niệm được thực hiện trong ngày hôm nay, tứ chúng đồng tu cùng nhau tu tập, công đức thù thắng khôn sánh.

Vô biên thắng phước giai hồi hướng.

無邊勝福皆回向。

(Bao nhiêu phước thù thắng đều hồi hướng)

Tất cả công đức, phước đức chúng ta đã tu hôm nay đều đem hồi hướng, hồi hướng cho ai? Hồi hướng cho hết thảy chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới, hư không giới, đặc biệt là những chúng sanh khổ nạn trong tam đồ lục đạo.

Phổ nguyện trầm溺 chư chúng sanh.

普願沈溺諸眾生。

(*Nguyện trọn khắp các chúng sanh đang chìm đắm*).

Nói đến “*trầm溺*” (chết chìm, chết đuối) quá nửa là chỉ tam đồ, cảnh ngộ của họ hết sức khổ sở, hy vọng bọn họ nhờ vào công đức, phước đức này, đều có thể tỉnh ngộ, sẽ theo chúng ta cùng lễ bái, nhất tâm phát nguyện, cùng sám hối, cùng cầu sanh Tịnh Độ.

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

速往無量光佛刹。

(*Mau sanh cõi Phật A Di Đà*).

Hãy nhanh chóng, đừng do dự, chớ có chần chừ, chúng ta nhất tâm nhất ý hướng về thế giới Cực Lạc. Trọn cả đời, còn sống được bao nhiêu năm, ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, tức là [vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Tiếp đó, Phật vì chúng ta ấn chứng, cầu Phật gia trì.

Thập phương tam thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

十方三世一切佛。一切菩薩摩訶薩。摩訶般若波羅蜜

(*Mười phương ba đời hết thấy Phật, hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật*)

“*Thập phương tam thế nhất thiết Phật*” là Phật Bảo, “*nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát*” là Tăng Bảo, “*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật*” là Pháp Bảo. Tam Bảo! Đây là cầu nguyện Tam Bảo chứng minh cho chúng ta: Chúng con phát nguyện, chúng con hồi hướng chân thành, không mảy may hư ngụy, Tam Bảo chứng giám cho con. Cuối cùng là Tam Quy Y, Tam Thời Hệ Niệm pháp sự đến đây hoàn toàn viên mãn.

41. Tam Quy Y

Tam Quy Y, chư vị hãy coi kinh văn Tam Quy Y, chúng ta quy y mỗi ngày, đây là quy y Tự Tánh.

Tự quy y Phật.

自歸依佛。

Quy y Tụ Tánh Phật.

Đương nguyện chúng sanh.

當願眾生。

(xin nguyện chúng sanh).

Bản văn Hệ Niệm Pháp Sự này của thiền sư Trung Phong nhằm “thiệu long Phật chủng” (nối tiếp hưng thịnh dòng giống Phật), còn nay chúng ta dùng Tam Quy Y là đề:

Thể giải đại đạo.

體解大道。

(Thấu hiểu đạo cả).

Trong thời đại hiện thời, “thiệu long Phật chủng” quan trọng, từ ngữ này có ý nghĩa là tiếp nối huệ mạng của Phật. Phật pháp quả thật đúng là đang ở vào tình cảnh mất còn rất nguy cấp. Nếu sau này không có ai kế tục, Phật pháp sẽ bị gián đoạn. Ai có thể “thể giải đại đạo”? Thiệu long Phật chủng, đúng là khích lệ những bậc chí sĩ nhân nhân (người có chí, có lòng nhân) ân cần thiết tha mong mỗi họ sẽ phát đại tâm, kế tục huệ mạng của Phật, hy sinh bản thân mình, như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân*” (Đem tâm lòng sâu xa này phục vụ trong các cõi nước nhiều như vi trần, đây mới là báo ân Phật). Thực sự muốn báo ân Phật, muốn thiệu long Phật chủng, muốn tiếp nối huệ mạng của Phật, nhất định phải tuân theo di giáo của Ấn Quang đại sư: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành; tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*”, thì quý vị mới có thể thực hiện được. Đây chính là:

Phát vô thượng tâm.

發無上心。

Do đây, chúng ta biết được ý nghĩa sâu xa nơi nguyên văn của thiền sư Trung Phong. Từ câu này, chúng ta mới cảm nhận được dụng tâm của tổ sư đại đức: Hy vọng hậu nhân có thể phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, thiệu long Phật chủng. Hôm nay chúng ta làm pháp sự này, chiếu theo nguyên văn là tốt, không cần phải thay đổi. Tôi xem mấy

câu này bèn xúc động. “*Thế giải đại đạo*” không sai, mấy ai làm được? Thế giải đại đạo là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây là kỳ vọng chứ không nhất định phải làm cho được. “*Thiệu long Phật chủng*”, quý vị thực sự phát tâm nghiêm túc thực hiện thì hết thầy chư Phật hộ niệm, hết thầy Bồ Tát gia trì. Chỉ cần quý vị thực sự chịu phát tâm thì quý vị có thể chấn hưng Phật pháp.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Lộc Dã Uyển, bắt đầu từ năm tỳ-kheo. Trong bao nhiêu năm giảng kinh, thuyết pháp, chúng tôi thường nói: “Thực sự có năm người phát tâm thiệu long Phật chủng thì sẽ có thể hưng khởi Phật giáo!” Nhưng điều kiện thấp nhất như chúng tôi thường nói là quý vị phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, quyết định chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, phải buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống thì quý vị mới có tư cách đảm đương sứ mạng thiệu long Phật chủng, mới được Tam Bảo gia trì, thiên long bát bộ thiện thần ủng hộ. Điều thứ hai:

Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

自歸依法。當願眾生。深入經藏。智慧如海。

(Tự quy y pháp, xin nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển).

Đây là quy y Tự Tánh Pháp Bảo. Tự Tánh Pháp Bảo ở nơi đâu? Kinh Tạng là Tự Tánh Pháp Bảo do chư Phật Như Lai chứng đắc! Do vì tự tánh của chư Phật Như Lai và tự tánh của chúng ta và tự tánh của hết thầy chúng sanh đều là một tự tánh, há chẳng nghe kinh Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương ba đời Phật, trong ba đời có vị lai Phật, tất cả hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật, tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai. Mọi người chúng ta đều là vị lai Phật, cùng chung một Pháp Thân. “*Nhất tâm*” là một tự tánh, “*nhất trí huệ*” là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh. “*Lực vô úy cũng thế*”: Thập Lực, Tứ Vô Úy thầy đều giống hệt như nhau.

Do vậy, kinh tạng triển khai thành gì? Chính là Pháp Bảo sẵn có trong tự tánh của chúng ta, là Giới Định, trí huệ sẵn có nơi tự tánh nằm trong kinh tạng. Không phải học theo người khác, không bị người khác

xỏ mũi lồi theo, mà là quay về với tự tánh, nhất định phải hiểu đạo lý này. Ngày nào chúng ta minh tâm kiến tánh, mở quyền kinh ra, quý vị sẽ hiểu toàn bộ. Vì sao hiểu được? Vì nó là tự tánh của quý vị. Mở quyền kinh ra chính là lồi trí huệ Bát Nhã, Tam Học Giới - Định - Huệ trong tự tánh ra. Chưa kiến tánh thì hãy khéo nhìn vào người đã kiến tánh, hãy khéo học tập theo họ. Học tập mang tánh chất giai đoạn, chứ không vĩnh cửu, hy vọng chúng ta sau khi học xong giai đoạn này sẽ có thể lấy Tam Học và Tam Bảo trong tự tánh của chính mình ra. Câu này có ý nghĩa như vậy, tức là bảo chúng ta phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhập cảnh giới Phật. Câu cuối cùng:

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

自歸依僧。當願眾生。統理大眾。一切無礙。

(Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, dắt dìu đại chúng, hết thảy không ngại).

Đây là quy y Tự Tánh Tăng Bảo. Tự Tánh Tăng Bảo là gì? Lục Hòa Kính. Thanh tịnh Pháp Thân, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần là Tự Tánh Tăng Bảo. Dùng Lục Hòa Kính để đối xử hết thảy đại chúng là Tự Tánh Tăng Bảo. Trong thực tại, điều này cho thấy con người là một động vật mang tính cách xã hội, chẳng thể tồn tại độc lập ngoài quần thể, không thể được! Nhất định phải cư xử với rất nhiều người, hòa mình vào cuộc sống của cộng đồng. Cư xử với rất nhiều người, làm thế nào để hòa thuận? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: Hòa bình! Đối xử hòa thuận với nhau là Quả, làm thế nào để đối xử hòa thuận? Đối đãi bình đẳng. Nếu chẳng bình đẳng thì lý tưởng hòa thuận quyết định chẳng thể thực hiện được!

Trong thế gian này từ khi có lịch sử đến nay, chưa bao giờ động loạn, ô nhiễm như lúc này, vì nguyên nhân nào? Bất bình đẳng! Gia đình bất hòa, người trong một nhà không bình đẳng, vợ chồng bất hòa, vợ chồng không bình đẳng. Công ty, hãng, tiệm bất hòa, chủ và nhân viên bất bình đẳng. Do vậy, nước này bất hòa với nước kia, tôn giáo này bất hòa với tôn giáo kia, dân tộc này bất hòa với dân tộc kia, nguyên nhân do đâu? Không biết đối đãi bình đẳng, không biết Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là bình đẳng. Bình đẳng đối đãi được thực hiện bằng Lục Hòa Kính, người người đều tu Lục Hòa Kính thì thế gian và xã hội này chắc chắn an định, hòa thuận, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu nhau, hợp

tác với nhau, đây chính là “cùng hưởng cõi đại đồng”.

Trong những năm qua, chúng tôi tổng kết những giáo huấn của kinh giáo Đại Thừa nêu ra mười câu gồm hai mươi chữ. “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Mười chữ này nói lên cách chúng ta dụng tâm. Tâm Phật là như vậy đó, tâm Phật là chân thành, tâm Phật là thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Chúng ta dùng những điều này để sửa đổi tâm hạnh của chính mình, tâm mình giống hết với tâm Phật! Dùng tâm như vậy để tu bốn mươi tám nguyện, tâm chúng ta đồng Phật, nguyện chúng ta đồng Phật. Trong hết thầy kinh, đức Phật dạy chúng ta “*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Năm hạng mục gồm mười chữ này chính là Bồ Tát hạnh! Thấy thấu suốt là thông đạt hiểu rõ chân tướng sự thật. Buông xuống là buông hết thầy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sống trong thế gian này tùy duyên thì tự tại lắm, quyết định không phan duyên, tự tại, tùy duyên. Cuối cùng, niệm Phật rất quan trọng, chúng ta hiểu do niệm Phật trong một đời có thể đạt được “*trực chứng A Duy Việt Trí, khoái tốc viên mãn vô thượng Bồ Đề*” (chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, mau chóng viên mãn vô thượng Bồ Đề). Dùng những điều này để “*thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại*” (dắt dìu đại chúng, hết thầy vô ngại). “*Thống lý*” là hợp tác, đối xử hòa thuận với đại chúng, hợp tác lẫn nhau, bất cứ chương ngại nào cũng không có, hiểu lầm gì cũng không có. Cuối cùng:

Hòa nam thánh chúng.

和南聖眾。

(Kính lễ thánh chúng).

“*Hòa nam*” (vadanam) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “kính lễ”, hướng về hết thầy thánh chúng kính lễ. Thời xưa, mọi người đều biết ý nghĩa này, nhưng hiện tại dần dần xem thường. Nếu quý vị viết “hòa nam” chi chi đó, mọi người xem đến cảm thấy rất kỳ quái. Đại khái họ tưởng quý vị viết lộn, nhất định phải là Hòa Thượng, quý vị viết sai Hòa Thượng thành Hòa Nam, kỳ thực Hòa Nam và Hòa Thượng có ý nghĩa khác nhau. Hòa Nam là kính lễ, là một kính từ (từ ngữ thể hiện lòng tôn kính).

A! Chúng tôi giảng Hệ Niệm Pháp Sự đến đây là viên mãn, cảm tạ mọi người. Tôi khẩn thiết hy vọng trong tương lai nếu quý vị làm Pháp Sự Tam Thời Hệ Niệm tốt nhất là hãy nghe băng giảng diễn này một lượt, nghe xong rồi làm pháp sự này hãy theo văn nhập quán, công đức

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký - Quyển Hạ
càng thù thắng. Cảm tạ mọi người!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký
Trọn Bộ**

(khởi dịch ngày 26-09-2004, hoàn tất cảo bản ngày 25 tháng 06 năm 2005. Tăng đính ngày mùng Ba tháng Hai năm 2011. Tái giáo duyệt ngày mùng Chín tháng Ba năm 2011)

MỤC LỤC

Dẫn Nhập.....	003
TẬP 31	006
TẬP 32	028
TẬP 33	048
TẬP 34	070
6.4.2 Cái Lợi Của Tín, Nguyện, Trì Danh.....	073
TẬP 35	095
6.4.3 Chư Phật Khuyến Nguyện Lưu Thông.....	106
TẬP 36	118
6.4.4 Chư Phật Khuyến Hành Lưu Thông.....	121
TẬP 37	139
TẬP 38	159
TẬP 39	181
TẬP 40	201
7. Chú Vãng Sanh.....	201
TẬP 41	224
8. Khai Thị.....	228
TẬP 42	248
9. Kệ Tán Phật.....	248
10. Kệ Tán Và Phát Nguyện.....	257
11. Khai Thị.....	261
TẬP 43	272
TẬP 44	296
12. Thiên Kệ.....	310
13. Phát Nguyện (Phổ Hiền Thập Đại Nguyện).....	315
TẬP 45	322
TẬP 46	346
14. Tán Thán Phật Bảo.....	348
15. Khai Thị.....	357
16. Sám Hối, Phát Nguyện.....	369
TẬP 47	373
17. Khai Thị Vong Linh.....	381
18. Tán Phật Tổng Kết.....	394
ĐỆ NHỊ THỜI	396
19. Khai Thị.....	397
TẬP 48	401

20. Kệ Tán Phật	411
21. Di Đà Đại Nguyên Tán.....	411
22. Khai Thị.....	412
TẬP 49	426
23. Phát Nguyên.....	435
24. Hồi Hướng.....	448
25. Tam Bảo Tán - Tán Pháp Bảo.....	449
TẬP 50	455
26. Khai Thị.....	455
27. Sám Hồi Phát Nguyên.....	465
28. Khai Thị.....	467
29. Tán Phật Tổng Kết.....	470
ĐỆ TAM THỜI	471
30. Khai Thị.....	471
TẬP 51	480
31. Kệ Tán Phật.....	495
32. Tổng Tán Di Đà.....	496
33. Khai Thị.....	497
TẬP 52	505
TẬP 53	530
34. Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn.....	532
TẬP 54	554
35. Tam Bảo Tán - Tán Tăng Bảo.....	571
TẬP 55	575
36. Khai Thị.....	596
TẬP 56	599
TẬP 57	620
37. Sám Hồi Phát Nguyên.....	621
38. Khai Thị.....	623
39. Di Đà Đại Tán.....	635
40. Hồi Hướng.....	639
41. Tam Quy Y.....	641
Mục Lục.....	646